



**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI**

VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ TOÀN TẬP

16
(1996 - 2000)



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

**VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP**

16
(1996 - 2000)

Mã số: $\frac{3K1(V115)}{CTQG-2016}$

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI**

VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ TOÀN TẬP

16
(1996 - 2000)

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2016**

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

NGUYỄN VĂN VINH	Chủ tịch Hội đồng
HÀ THỊ NGÀ	Phó chủ tịch Hội đồng
ĐẶNG XUÂN PHONG	Ủy viên Hội đồng
VŨ XUÂN CƯỜNG	Ủy viên Hội đồng
ĐỖ TRƯỜNG SƠN	Ủy viên Hội đồng
TẶNG NGỌC PHÒNG	Ủy viên Hội đồng
HOÀNG THẾ HÙNG	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN THANH DƯƠNG	Ủy viên Hội đồng
ĐẶNG PHI VÂN	Ủy viên Hội đồng
MAI ĐÌNH ĐỊNH	Ủy viên Hội đồng
LÝ SEO DÌN	Ủy viên Hội đồng
ĐINH TIẾN QUÂN	Ủy viên Hội đồng
THÁI MINH ĐƯỜNG	Ủy viên Hội đồng
NGUYỄN HỮU THỂ	Ủy viên Hội đồng
GIÀNG SEO VÂN	Ủy viên Hội đồng

CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

NGUYỄN VĂN VINH	Bí thư Tỉnh ủy
HÀ THỊ NGÀ	Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
ĐẶNG XUÂN PHONG	Phó Bí thư Tỉnh ủy

BAN XÂY DỰNG BẢN THẢO

ĐỖ TRƯỜNG SƠN	Trưởng ban
NGUYỄN VĂN PHÚC	Phó Trưởng ban Thường trực
ĐỖ VĂN LƯỢC	Phó Trưởng ban
NGUYỄN THỊ NGUYỄN	Thư ký
ĐẶNG PHI VÂN	Thành viên
LÝ SEO DÌN	Thành viên
CAO ĐỨC HẢI	Thành viên
LÝ THỊ VINH	Thành viên
TRẦN VĂN TỔ	Thành viên
NGUYỄN THỊ HẢI ANH	Thành viên
NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	Thành viên
ĐÀO DUY THẮNG	Thành viên
ĐỖ VIẾT LỢI	Thành viên
ĐOÀN NGỌC TUYẾN	Thành viên
NGUYỄN THỊ LOAN	Thành viên
HOÀNG THỊ THANH THU	Thành viên
NGUYỄN THỊ MINH	Thành viên
NGUYỄN THÀNH NAM	Thành viên
PHẠM THÀNH LONG	Thành viên
NGUYỄN CAO SỸ	Thành viên
ĐÀO ANH TUẤN	Thành viên

CHÚ DẪN CỦA NHÀ XUẤT BẢN

Bộ sách ***Văn kiện Đảng bộ toàn tập*** của Đảng bộ tỉnh Lào Cai được thực hiện theo Kế hoạch số 71- KH/TU, ngày 22-12-2013 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc xây dựng Văn kiện Đảng bộ tỉnh Lào Cai toàn tập từ khóa I đến khóa XIV. Ban Xây dựng bản thảo Văn kiện Đảng bộ tỉnh Lào Cai toàn tập từ khóa I đến khóa XIV phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật tiến hành sưu tầm, xây dựng và xuất bản bộ sách ***Văn kiện Đảng bộ toàn tập*** của Đảng bộ tỉnh Lào Cai. Đây là một bộ tài liệu có ý nghĩa chính trị và giá trị khoa học, thực tiễn đánh dấu sự phát triển của Đảng bộ tỉnh Lào Cai. Bộ sách giúp các nhà nghiên cứu, cán bộ, đảng viên và nhân dân, đặc biệt là các nhà lãnh đạo tiếp cận nguồn thông tin, tư liệu mang tính hệ thống, toàn diện về văn kiện của Đảng bộ tỉnh Lào Cai, phục vụ việc nghiên cứu, tổng kết lý luận và thực tiễn, biên soạn lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai, đảng bộ cơ sở, lịch sử địa phương, ban, ngành và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn tỉnh; góp phần giáo dục lịch sử địa phương trong các trường phổ thông, các trung tâm bồi dưỡng chính trị, các chi bộ, đảng bộ; thấy rõ sự sáng tạo, nhạy bén, kịp thời và toàn diện trong lãnh đạo của Đảng bộ tỉnh Lào Cai qua các giai đoạn cách mạng, qua đó củng cố niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng.

Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 16 (1996 - 2000) tập hợp các văn kiện do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai ban hành từ năm 1996 đến năm 2000 và được sắp xếp theo thời gian ban hành.

Mặc dù đã hết sức cố gắng trong quá trình biên tập nhưng cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót và khiếm khuyết. Chúng tôi mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để hoàn thiện nội dung cuốn sách trong lần xuất bản sau.

Xin giới thiệu cuốn sách với các đồng chí và các bạn.

Tháng 4 năm 2016

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

LỜI GIỚI THIỆU

Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 16 phản ánh sự lãnh đạo của Đảng bộ từ năm 1996 đến năm 2000 trong điều kiện công cuộc đổi mới của đất nước thu được nhiều thành tựu quan trọng, Đảng và Nhà nước, các ngành Trung ương đã có những chính sách và chủ trương toàn diện trong lãnh chỉ đạo và đầu tư phát triển cho các tỉnh miền núi nói chung và tỉnh Lào Cai nói riêng.

Sau 5 năm tái lập, Đảng bộ Lào Cai đã phát huy những thuận lợi, khắc phục những khó khăn do lịch sử để lại, tập trung lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh phát huy truyền thống đoàn kết, sáng tạo, từng bước thực hiện thắng lợi những mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu do Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ XI đề ra.

Trên cơ sở vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào điều kiện thực tế của địa phương, Đại hội Đảng bộ Lào Cai lần thứ XI đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 2000: Phát huy những truyền thống tốt đẹp và những thành quả đã đạt được, vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng, kịp thời nắm bắt thời cơ thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua khó khăn, thử thách, khai thác triệt để mọi tiềm năng, tiếp tục tạo ra những nguồn lực mới về kinh tế - xã hội. Giữ vững ổn định chính trị và chủ quyền quốc gia, phát triển mạnh nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao vai trò quản lý và điều hành của chính quyền các cấp, xóa bỏ tình trạng sản xuất độc canh: phân tán, tự nhiên, tự cung tự cấp. Gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội,

bảo vệ môi trường sinh thái, củng cố an ninh quốc phòng, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Để đạt được mục tiêu nêu trên, Đảng bộ đã đề ra chủ trương, quyết sách đúng đắn, kịp thời trên tất cả các lĩnh vực.

Văn kiện Đảng bộ toàn tập, tập 16 gồm các báo cáo, nghị quyết, các văn bản liên quan đến Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XI; các quyết định, quyết nghị, chỉ thị, thông tri, thông báo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh phản ánh sự lãnh đạo kịp thời, sáng tạo của Đảng bộ đưa đến những thành công lớn trong công cuộc đổi mới.

Mặc dù Ban Xây dựng bản thảo và Hội đồng Xuất bản đã cố gắng nhưng khó tránh khỏi tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được sự góp ý của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc.

Tháng 1 năm 2016
HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

DIỄN VĂN KHAI MẠC
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI
LẦN THỨ II

**Do đồng chí Tráng A Pao,
Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,
Bí thư Tỉnh ủy trình bày**

- *Thưa đoàn Chủ tịch Đại hội,*
- *Thưa các vị khách quý,*
- *Thưa các đồng chí đại biểu,*

Thực hiện Chỉ thị 51-CT/TW, ngày 9-3-1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đại hội đảng bộ các cấp, sau một thời gian chuẩn bị công phu và được toàn Đảng bộ, toàn dân tích cực tham gia, hôm nay, Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II long trọng khai mạc. Về dự Đại hội có 202 đại biểu là những đảng viên ưu tú nhất đại diện cho hơn 12.000 đảng viên trong toàn Đảng bộ. Thay mặt Đoàn Chủ tịch Đại hội, tôi nhiệt liệt chào mừng và gửi tới các đồng chí lời chúc sức khỏe - đoàn kết và phát triển. Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng các đồng chí... đến dự và chỉ đạo Đại hội của chúng ta.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đại diện cho Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương đã đến dự, theo dõi và giúp đỡ chúng ta trong quá trình Đại hội.

Đại hội chúng ta nhiệt liệt chào mừng và chân thành cảm ơn đoàn đại biểu Quân khu II do đồng chí.....dẫn đầu, đã mang lại cho Đại hội chúng ta nguồn động viên cổ vũ lớn lao, thể hiện tình đồng chí thủy chung, sâu sắc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

Đại hội chúng ta vui mừng đón tiếp các đồng chí Lê Ngọc Ban, Hoàng Ngọc Lâm, Trần Ngọc Tín là các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ khóa I đã chuyển công tác về Hà Nội, các đồng chí đã về dự với Đại hội.

Thưa toàn thể các đồng chí,

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II là kế tục sự nghiệp và truyền thống vẻ vang của Đảng trong 66 năm qua, là tiếp tục cùng toàn Đảng viết nên những trang sử vàng của lịch sử mới của Đảng và dân tộc ta nói chung, của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai nói riêng. Trong buổi lễ khai mạc trọng thể này, Đại hội chúng ta chân thành bày tỏ lòng thương nhớ và biết ơn sâu sắc đối với các đồng chí đảng viên cộng sản và những thế hệ cha anh đã anh dũng hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc. Chúng ta chân thành bày tỏ tình cảm và lòng biết ơn đối với các đồng chí lão thành cách mạng, những người đã đóng góp to lớn mồ hôi và cả xương máu của mình cho sự nghiệp giải phóng và xây dựng Lào Cai ngày càng giàu đẹp, các đồng chí mãi mãi là những tấm gương sáng cho thế hệ trẻ tỉnh Lào Cai noi theo.

Đại hội chúng ta cũng chân thành cảm ơn và tiếp thu những ý kiến đóng góp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong quá trình chuẩn bị Đại hội. Những ý kiến quý báu đó chắc chắn sẽ góp phần làm cho Đại hội thành công tốt đẹp.

Thưa các đồng chí,

Đại hội lần này của chúng ta có nhiệm vụ kiểm điểm quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I để xác định những kết quả đã đạt được, những mặt còn tồn tại, tìm ra

nguyên nhân, rút ra bài học, từ đó gắn với chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; tình hình trong nước và quốc tế mà xây dựng mục tiêu cho giai đoạn 1996-2000, đồng thời tìm ra những hình thức và bước đi thích hợp, giải pháp hữu hiệu để thực hiện các mục tiêu đó, trọng tâm là đẩy tới một bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó tập trung vào công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn; đổi mới căn bản đời sống cả vật chất và tinh thần cho nhân dân, nhất là các xã vùng cao, vùng xa, vùng biên giới, xây dựng Đảng vững mạnh từ cơ sở, xây dựng chính quyền của dân, do dân và vì dân, củng cố quan hệ sản xuất; tạo nên thế trận an ninh nhân dân, gắn với nền quốc phòng toàn dân, bảo vệ vững chắc những thành quả đã đạt được và chủ quyền của đất nước.

Đại hội lần này chúng ta có nhiệm vụ tham gia ý kiến vào văn kiện trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII; sửa đổi Điều lệ Đảng và bầu cử đoàn đại biểu tiêu biểu cho trí tuệ của Đảng bộ tỉnh Lào Cai đi dự Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, mang tiếng nói của Đại hội chúng ta góp phần vào sự thành công của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII.

Đại hội đại biểu tỉnh Lào Cai lần này cũng sẽ tiến hành lựa chọn bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II, là những đồng chí tiêu biểu về phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, có đủ trí tuệ và năng lực thực tiễn để đưa nghị quyết của Đại hội lần này vào cuộc sống thắng lợi.

Thưa các đồng chí,

Nhiệm vụ đặt ra cho Đại hội chúng ta là rất lớn, để Đại hội hoàn thành tốt nội dung, chương trình đã đề ra, các đồng chí đại biểu cần triệt để tuân thủ quy chế làm việc của Đại hội, nhằm bảo đảm cho Đại hội tiến hành đúng kế hoạch, chất lượng, các đồng chí phải thực hiện tốt và phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ, phát huy trí tuệ của tập thể, ý thức trách nhiệm của cá nhân trong thảo luận và quyết định mọi vấn đề của Đại hội, bảo đảm cho Đại hội thành công tốt đẹp.

Với niềm tin tưởng đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II.

Chúc sức khỏe các đồng chí lãnh đạo Trung ương, các ban, ngành Trung ương và các đại biểu Đại hội.

Chúc Đại hội thành công rực rỡ.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CHÍNH TRỊ
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH KHÓA I
TẠI ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH
LẦN THỨ II

Ngày 2-5-1996

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU
ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI LẦN THỨ I

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I đã xác định mục tiêu tổng quát, phương hướng và nhiệm vụ chủ yếu, các giải pháp lớn để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội giữ vững ổn định chính trị, củng cố an ninh quốc phòng, mở rộng quan hệ đối ngoại, xây dựng Đảng bộ vững mạnh, xây dựng chính quyền và các đoàn thể nhân dân cho giai đoạn 1992 - 1995. Trên cơ sở vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào điều kiện thực tế của địa phương, chúng ta đã phát huy những thuận lợi, khắc phục những khó khăn do lịch sử để lại, tập trung lãnh đạo cán bộ, đảng viên và quân, dân các dân tộc trong tỉnh phát huy truyền thống đoàn kết, sáng tạo, từng bước đi lên thực hiện thắng lợi những mục tiêu và những nhiệm vụ chủ yếu do Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I đề ra.

I. NHỮNG KẾT QUẢ CỤ THỂ

1. Về kinh tế - xã hội

Từ một tỉnh mới được thành lập, nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, tự cung, tự cấp là chủ yếu, cơ sở hạ tầng thấp kém, song chúng ta đã phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng về kinh tế khá cao và liên tục trong 4 năm. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng bình quân hàng năm 11,8%, GDP bình quân theo đầu người từ 107,14 USD (năm 1993) lên 180 USD (năm 1995). Sản lượng lương thực quy thóc tăng 114.454 tấn năm 1991 lên 141.050 tấn năm 1995 và vượt trên 1.000 tấn so với mục tiêu Đại hội I đề ra: bình quân lương thực theo đầu người đạt 250,9 kg năm 1995. Giá trị thu nhập bình quân đầu người một tháng tăng từ 80,7 ngàn đồng (năm 1992) lên 118,4 ngàn đồng (năm 1994). Kim ngạch xuất khẩu tăng từ 495 ngàn USD năm 1991 lên 2 triệu 214 ngàn USD năm 1995, thu ngân sách trên địa bàn tăng từ 38,8 tỷ đồng năm 1992 lên 82,6 tỷ đồng năm 1995. Cơ cấu ngành kinh tế bước đầu có sự chuyển dịch đúng hướng, nền kinh tế nhiều thành phần dần và đang hình thành. Cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa đã và đang có tác động thúc đẩy mọi tầng lớp dân cư đầu tư vốn để phát triển sản xuất. Đi đôi với công tác quy hoạch xây dựng thị xã tỉnh lỵ, khẩn trương tập kết các cơ quan của tỉnh lên thị xã Lào Cai để ổn định công tác và chỉ đạo, đã coi trọng công tác quy hoạch tổng thể xây dựng chiến lược phát triển toàn diện cho từng giai đoạn, xây dựng các chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội. Đã tiến hành đánh giá tổng thể toàn diện các nguồn lực, tiềm năng của tỉnh, trên cơ sở đó xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2010, quy hoạch tổng thể và chi tiết xong thị xã tỉnh lỵ và các thị trấn, xây dựng một số dự án, thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư, thực sự góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở nhiều vùng nhất là các khu kinh tế trọng điểm.

Trong sản xuất nông nghiệp tỉnh đã quan tâm đầu tư hàng chục tỷ đồng, xây dựng 150 công trình thủy lợi như mở rộng diện tích canh

tác, áp dụng nhiều biện pháp khoa học - kỹ thuật để thâm canh tăng vụ, áp dụng giống mới, phòng trừ sâu bệnh, thiên tai nên đã đạt tốc độ tăng trưởng 3,93% năm (vượt mục tiêu Đại hội I đề ra 3,6%). Ngoài sản xuất cây lương thực, các dự án cây công nghiệp được mở rộng và phát huy hiệu quả, diện tích cây công nghiệp hằng năm tăng bình quân 368,5 ha (8,5%). Cây lâu năm (chè kinh doanh và cây ăn quả) tăng bình quân hằng năm 301 ha (10,5%). Nhiều vùng nguyên liệu đã được hình thành, tạo tiền đề cho phát triển công nghiệp chế biến như mận ở Bắc Hà, mía ở Bảo Thắng, chè ở Than Uyên, Bảo Thắng, Mường Khương,...

Từ 1991 - 1995 trồng và chăm sóc rừng đạt 20.147 ha, khoanh nuôi 70.000 ha, giao đất, giao rừng 32.000 ha, khai thác 116.568 m³ gỗ tròn theo kế hoạch, nâng độ tán che phủ lên 23% (đều đạt và vượt chỉ tiêu do Đại hội I đề ra).

Cùng với trồng trọt, chăn nuôi cũng có bước phát triển khá, giá trị tổng sản lượng bình quân hằng năm tăng 5,25%. Nhiều vật nuôi mới được phát triển như dê sữa, bò lai, giống lợn ngoại, gà công nghiệp. Việc chăm sóc và phòng, chống dịch bệnh cho gia súc, gia cầm được quan tâm, cơ bản không để dịch lớn xảy ra trên địa bàn tỉnh.

Ngành công nghiệp có bước phát triển rõ nét. Đã tích cực điều tra cơ bản, xây dựng dự án, gọi vốn liên doanh, tổ chức lại và đầu tư thêm vốn cho sản xuất. Từ 1991-1995 đã đầu tư 45 tỷ đồng cho xây dựng và phát triển công nghiệp địa phương, công nghiệp Trung ương đầu tư 77,5 tỷ đồng. Các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đầu tư hàng trăm tỷ đồng, các hộ sản xuất nhỏ đầu tư trên 80 tỷ đồng vào sản xuất. Đến nay đã có 51 doanh nghiệp quốc doanh, 235 doanh nghiệp ngoài quốc doanh và trên 6.000 hộ sản xuất nhỏ, tạo ra nhiều sản phẩm mới trong công nghiệp như tinh quặng đồng, fenspat, cao lanh, gạch tuynen, bia hơi, đồ mộc cao cấp, gỗ xuất khẩu... với giá trị tổng sản lượng bình quân hằng năm tăng 25,2% và đạt 112,4 tỷ đồng trong 5 năm (gấp 5 lần chỉ tiêu Đại hội I đề ra). Về cơ cấu, công nghiệp quốc doanh trên địa bàn chiếm tỷ trọng 79% về giá trị sản xuất trong năm

1995 và từng bước khẳng định được vai trò chủ đạo trong quá trình phát triển.

Thương mại, du lịch và xuất nhập khẩu có tiến bộ trên nhiều mặt, thị trường trong và ngoài nước được quan tâm nghiên cứu và ngày càng mở rộng, lưu thông vật tư hàng hóa phát triển nhanh, tổng mức hàng hóa bán lẻ toàn tỉnh tăng bình quân hằng năm 14,5%. Các khu du lịch như Sa Pa, Bắc Hà, cửa khẩu Lào Cai bước đầu được đầu tư, trình độ kinh doanh du lịch được nâng lên một bước, các chợ nông thôn vùng cao, vùng sâu phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân đang phát triển. Kim ngạch xuất khẩu bình quân theo đầu người năm 1995 đạt 3,8 USD.

Nhờ có chính sách ưu đãi, thu hút vốn đầu tư phù hợp từ năm 1991 - 1995 tỉnh đã huy động được 1.107 tỷ đồng từ nhiều nguồn vốn khác nhau để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó vùng cao đã có sự tập trung và chú trọng hơn. Nhiều công trình đã sớm phát huy hiệu quả, tạo nền tảng cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội, như mở mới trên 100 km đường giao thông các loại, làm mới 55 cầu, xây dựng 150 công trình thủy lợi, xây dựng 2 trạm thủy điện và kéo điện quốc gia về 8/10 huyện, thị xã. Hiện đại hóa thông tin, xây dựng 2 trạm thu phát hình, xây dựng một số xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, khai thác khoáng sản, chế biến nông, lâm sản và hàng vạn mét vuông trụ sở, công trình phúc lợi xã hội, công trình bảo vệ an ninh quốc phòng.

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I đã xác định trong giai đoạn 1991-1995 cơ cấu kinh tế của tỉnh là nông, lâm nghiệp; công nghiệp - thương mại, dịch vụ và du lịch. Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ đã khẳng định, nhiệm vụ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong quá trình phát triển. Kết quả thực tiễn đã chứng minh sự đúng đắn của nghị quyết, thông qua tỷ trọng của các ngành trên tổng GDP như: sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 70,5% năm 1991 xuống còn 57% năm 1995; sản xuất công nghiệp tăng từ 12,1% năm 1991 lên 14%

năm 1995; xây dựng cơ bản tăng từ 4,7% năm 1991 lên 10,3% năm 1995, khu vực dịch vụ tăng từ 12,2% năm 1991 lên 18,1% năm 1995.

Do nền kinh tế phát triển khá, đi đôi với công tác hoàn chỉnh, bổ sung chính sách khuyến khích đầu tư sản xuất tăng thêm và nuôi dưỡng nguồn thu, cải tiến phương pháp và chống tiêu cực trong thu nộp ngân sách, nên thu ngân sách trên địa bàn tăng nhanh. Mức tăng thu bình quân ba năm (1991- 1995) là 37,3%, tỷ lệ huy động từ GDP vào ngân sách đạt 10,58% trong năm 1995.

Việc chi ngân sách đã được tiến hành đúng mục đích, đúng kế hoạch. Công tác quản lý các nguồn vốn, tiết kiệm chi và chống lãng phí trên nhiều lĩnh vực đã phát huy được hiệu quả của đồng vốn; công tác thanh tra, kiểm tra được tiến hành thường xuyên, đã bước đầu phát hiện và ngăn chặn những hành vi xâm phạm tài sản, tiền vốn của Nhà nước và của nhân dân.

Việc chủ động thu, chi ngân sách, tích cực khai thác các nguồn tiền mặt cùng với sự điều tiết có hiệu quả của các cấp, các ngành đã góp phần hạn chế mức tăng chỉ số giá cả, không tạo nên “cơn sốt” lớn về hàng hóa và tiền mặt trên địa bàn, không gây trở ngại cho quá trình đầu tư sản xuất, kinh doanh và đời sống của nhân dân.

Cùng với phát triển kinh tế, việc giải quyết các vấn đề xã hội và thực hiện chính sách được quan tâm hơn. Hàng năm đã tạo hàng ngàn việc làm cho người lao động trong các thành phần kinh tế. Đời sống nhân dân nhiều vùng thị xã, thị trấn và nông thôn vùng thấp được cải thiện. Số hộ giàu tăng lên, số hộ nghèo giảm từ 30,2% năm 1992 xuống còn 19,7% năm 1994, số hộ đói giảm từ 25% năm 1991 xuống còn 12,7% năm 1995. Nhu cầu về giấy viết, muối iốt, dầu thắp, thuốc chữa bệnh cơ bản được đáp ứng. Các chính sách giải quyết việc làm, hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo, chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng chính sách giúp đỡ người tàn tật, cô đơn, không nơi nương tựa, chính sách cai nghiện và phòng, chống ma túy, thay thế cây thuốc phiện ở vùng cao, giúp đỡ học sinh nghèo cơ bản được thực hiện trong toàn tỉnh.

Sự nghiệp giáo dục đạt được một số tiến bộ rõ nét trong việc chống xuống cấp, xóa mù, đa dạng hóa loại hình giáo dục. Đã đầu tư xây dựng và sắp xếp lại mạng lưới trường học, củng cố hệ thống lớp chuyên, lớp chọn, các trường phổ thông dân tộc nội trú, mở rộng mạng lưới trường bán trú lớp chuyên ngữ, tăng cường chất lượng dạy và học, thực hiện nhiều môn học mới để giáo dục toàn diện cho học sinh. Trong 5 năm qua nhiều cô giáo, thầy giáo và học sinh đã đạt thành tích cao trong các kỳ thi của tỉnh và quốc gia. Việc học nghề, học ngoại ngữ và tin học đã mở rộng ở thị xã, công tác đào tạo lại đội ngũ cán bộ từ cơ sở đến tỉnh được tiến hành thường xuyên cho 6.000 lượt người. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường tăng 35,76% năm 1991 lên 64,2% năm 1995.

Công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, nâng cao thể lực của nhân dân có nhiều tiến bộ. Đặc biệt là việc củng cố mạng lưới y tế, xóa tình trạng xã trắng về y tế có những bước tiến rất lớn. Trong 4 năm qua đã đầu tư xây dựng thêm 26 trạm y tế xã, phường; tăng thêm 156 giường bệnh và 772 y, bác sĩ. Các chương trình quốc gia về y tế được chỉ đạo tích cực và có hiệu quả thiết thực như tiêm chủng mở rộng, chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu, phòng, chống dịch bệnh và các bệnh xã hội nhiều người mắc như bướu cổ, sốt rét,... Bảo hiểm y tế bước đầu phát huy hiệu quả, các nhu cầu thuốc thiết yếu ở vùng cao, vùng sâu cơ bản được đáp ứng. Nhân dân các dân tộc đặc biệt là ở vùng cao, vùng sâu đã tin tưởng vào việc phòng bệnh, chữa bệnh, hiểu biết hơn về việc chăm sóc sức khỏe và phòng, chống bệnh tật từ ban đầu.

Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình đạt được một số kết quả ở đô thị, vùng thấp và một số nơi ở vùng cao tuy còn nhiều khó khăn trong việc vận động, tổ chức phong trào kế hoạch hóa gia đình, song qua công tác truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình đã bước đầu tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức trong số nhân dân các dân tộc; nhất là đối với đồng bào dân tộc ít người.

Tuy nhiên trong phát triển kinh tế - xã hội vẫn còn một số mặt yếu kém. Nền kinh tế có phát triển nhưng chưa vững chắc và đang ở điểm xuất phát thấp, nông nghiệp còn lạc hậu, phân tán và phụ thuộc

vào thiên nhiên, định hướng phát triển kinh tế ở vùng cao còn lúng túng và thiếu vốn, chưa có cơ sở khoa học vững chắc để xác định cho từng vùng trồng cây gì, nuôi con gì, đặc biệt là việc thay thế cây thuốc phiện ở vùng cao. Công tác giao đất, giao rừng tiến hành chậm, chưa tạo được cơ sở cho nhân dân phát triển sản xuất nghề rừng. Một số dự án đầu tư cho vùng cao, nông thôn kém hiệu quả. Trong chế biến nông, lâm sản, chủ yếu tập trung chế biến gỗ phục vụ nhu cầu trước mắt. Vai trò điều tiết trong lĩnh vực này của các cơ quan quản lý nhà nước còn yếu. Chăn nuôi chưa được quan tâm đúng mức, chưa có kế hoạch, định hướng cả về giống, kỹ thuật và thị trường mà chủ yếu do dân tự phát triển, một số đàn gia súc có xu hướng giảm hoặc tăng chậm. Nhìn chung, về nông nghiệp tuy năng suất và sản lượng có tăng, song chưa thoát khỏi tình trạng tự cấp, tự túc. Nhiều địa bàn, nhiều ngành nghề trong tỉnh chưa xác định được hướng phát triển lâu dài, bền vững.

Trong công nghiệp, công tác điều tra cơ bản tiến hành chậm, thị trường giá cả thiếu ổn định, năng suất chất lượng, hiệu quả còn thấp và chưa đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Khả năng đầu tư phát triển năng lực sản xuất để huy động vào sử dụng trong thời gian tới không nhiều, sẽ ảnh hưởng đến nhịp độ tăng trưởng trong những năm sau, việc gọi vốn liên doanh với các công ty ở trong và ngoài nước chưa có kết quả.

Kinh tế quốc doanh chậm đổi mới và rất manh mún, nhiều doanh nghiệp gặp khó khăn về vốn, thị trường và kỹ thuật. Kinh tế ngoài quốc doanh hầu hết vẫn trong tình trạng sản xuất nhỏ, thiếu sự quản lý và hướng dẫn của cơ quan nhà nước, tình trạng làm ăn trái pháp luật xảy ra ở nhiều nơi. Kinh tế hợp tác xã nhìn chung còn bị lúng túng về quy mô, hình thức và nội dung hoạt động.

Thương nghiệp quốc doanh còn bỏ trống nhiều địa bàn và một số lĩnh vực, nhất là địa bàn vùng cao, vùng xa. Quản lý và kinh doanh du lịch còn lúng túng, chưa xây dựng được chiến lược phát triển và chưa có đủ vốn để xây dựng những cơ sở dịch vụ đi kèm để tăng nguồn thu

lớn và ổn định. Xuất nhập khẩu chưa gắn bó với người sản xuất, nên thiếu mặt hàng và thị trường ổn định, tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu còn quá thấp so với nhập khẩu, quản lý xuất nhập khẩu tiểu ngạch qua biên giới chưa chặt chẽ và còn dễ thất thoát nguồn thu, tình trạng buôn lậu qua biên giới chưa được ngăn chặn triệt để.

Tình trạng không có hoặc thiếu việc làm, nhất là đối với thanh niên đến tuổi lao động vẫn là vấn đề nóng bỏng và là một trong những nguyên nhân cơ bản làm nảy sinh các tiêu cực xã hội. Số người nghèo đói còn chiếm tỷ lệ đáng kể, đời sống nhân dân ở vùng cao, vùng sâu, đồng bào dân tộc ít người còn rất nghèo.

Tình hình thiếu giáo viên, chất lượng giáo viên chưa cao, thiếu trường, thiếu lớp, trường lớp xuống cấp còn diễn ra ở nhiều nơi. Tỷ lệ tăng dân số quá cao, đến nay vẫn còn trên 3,5% là một nhân tố cản trở lớn cho sự phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống, ảnh hưởng đến sự phát triển của giống nòi. Đội ngũ làm công tác dân số còn thiếu và yếu, vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền, của các ngành và các đoàn thể chưa thể hiện rõ trong công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình. Các tệ nạn xã hội vẫn không giảm, nhất là nghiện hút, mại dâm và trộm cướp.

Trong lĩnh vực khoa học và công nghệ còn thiếu các chuyên gia giỏi, việc nghiên cứu ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất còn yếu và thiếu những yếu tố ổn định, bền vững.

2. Về quốc phòng, an ninh và đối ngoại

Là một tỉnh vùng cao, biên giới có nhiều diễn biến phức tạp về tranh chấp lãnh thổ, về lợi dụng tôn giáo, vấn đề dân tộc và các tệ nạn xã hội, do vậy cùng với sự phát triển về kinh tế - xã hội, công tác an ninh quốc phòng và đối ngoại được đặc biệt coi trọng.

Tỉnh ủy đã lãnh đạo trực tiếp, chỉ đạo thường xuyên từ đầu tư cơ sở vật chất, đào tạo con người, đến việc xây dựng phương án và tổ chức thực hiện các đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, theo quan điểm quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân. Quan hệ đối ngoại mở

rộng theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa trên nguyên tắc cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng độc lập, chủ quyền, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, hữu nghị, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi.

Bốn năm qua chúng ta đã giữ vững được an ninh chính trị, chủ quyền quốc gia, xây dựng đường biên giới hữu nghị, hợp tác cùng phát triển với Trung Quốc, từng bước ổn định đời sống nhân dân vùng biên giới. Luôn luôn nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng, phát hiện kịp thời và xử lý dứt điểm các hoạt động gián điệp, móc nối chống phá ta, ngăn chặn các hoạt động lợi dụng tôn giáo tuyên truyền phản động, tích cực giáo dục nhân dân đề cao cảnh giác trước âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch. Mở rộng quan hệ với các nước, các tổ chức quốc tế nhằm thu hút vốn tài trợ để phát triển kinh tế - xã hội cũng như mở rộng quan hệ giao lưu quốc tế. Công tác điều tra, xét xử, thi hành án, tuyên truyền pháp luật và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân được tiến hành thường xuyên, tích cực và đi dần vào nền nếp.

Thành tích nổi bật của công tác này là chúng ta đã xây dựng được các phương án phòng thủ, thường xuyên tổ chức luyện tập, diễn tập ở nhiều quy mô đạt kết quả tốt, gắn liền tập với thực hiện các nhiệm vụ chính trị và bảo vệ Tổ quốc. Tăng cường công tác vận động quần chúng ở cơ sở để củng cố nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, tuyên truyền vận động nhân dân đề cao cảnh giác, tăng cường ý thức bảo vệ Tổ quốc và phát huy truyền thống dân tộc. Thường xuyên chỉ đạo và coi trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đi đôi với củng cố tổ chức trong các lực lượng vũ trang, đề cán bộ và chiến sĩ nâng cao quyết tâm sẵn sàng chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ nhân dân và rèn luyện nâng cao năng lực chiến đấu, phẩm chất cách mạng theo lời dạy của Bác Hồ.

Về công tác bảo vệ nội bộ, đã thực hiện tốt việc bảo vệ Đảng, chính quyền và cán bộ. Phát hiện và xử lý kịp thời các hoạt động cài cắm, móc nối của các thế lực thù địch. Tăng cường quản lý xuất nhập cảnh, quản lý biên giới, chống buôn lậu và tham nhũng. Xét xử kịp thời các

vụ vi phạm có tính chất điển hình, đã góp phần giữ gìn kỷ cương, phép nước và giáo dục nhân dân nâng cao ý thức chấp hành pháp luật.

Các lực lượng trong Khối Nội chính đã tăng cường phối hợp hoạt động, duy trì giao ban định kỳ, vừa thống nhất trong hành động vừa cung cấp kịp thời thông tin cho Tỉnh ủy trong quá trình chỉ đạo.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại còn bộc lộ một số yếu kém đó là:

Nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân được củng cố nhưng chưa vững chắc và toàn diện, công tác giáo dục quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân chưa được triển khai sâu rộng đến mỗi người dân, hình thức tuyên truyền chưa phong phú, làm cho một bộ phận nhân dân, cán bộ, đảng viên nhận thức còn phiến diện, một số ít còn mơ hồ mất cảnh giác.

Tình trạng buôn lậu qua biên giới còn xảy ra ở nhiều nơi. Việc không chấp hành quy chế quản lý, bảo vệ biên giới; hiện trạng trộm cắp trâu, bò, ngựa và tài sản của nhân dân ở tuyến biên giới còn xảy ra gây tâm lý lo lắng và thiếu yên tâm trong nhân dân.

Lực lượng dự bị động viên tuy đông nhưng chưa được quản lý giáo dục và huấn luyện thường xuyên, để có khả năng sẵn sàng chiến đấu. Dân quân tự vệ ở một số cơ sở chưa được tổ chức và huấn luyện, ở nhiều nơi chưa phát huy được vai trò chủ động trong bảo vệ an ninh và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

Công tác điều tra một số vụ án tiến hành chậm, thi hành án chưa nghiêm, một số biểu hiện tiêu cực còn xảy ra trong lực lượng làm công tác nội chính, bảo vệ pháp luật... đã ảnh hưởng đến việc duy trì kỷ cương phép nước. Công tác nắm dân, nắm tình hình cơ sở ở một số nơi chưa tốt, tình hình lợi dụng tự do tín ngưỡng tôn giáo để tuyên truyền phản động chưa được giải quyết triệt để, việc tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân ở một số ngành và cấp chính quyền chưa kịp thời, công tác thanh tra còn nhiều vụ việc chưa kết luận và giải quyết dứt điểm.

3. Công tác xây dựng và củng cố hệ thống chính trị

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị, Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, trong nhiệm kỳ vừa qua, công tác xây dựng và củng cố hệ thống chính trị của Đảng bộ được chú trọng và có những đổi mới rõ nét.

a) Xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức:

+ Về chính trị, tư tưởng:

Bốn năm qua, tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, tác động trực tiếp đến tư tưởng, tâm tư nguyện vọng của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc. Đảng bộ đã tập trung chỉ đạo và tổ chức nhiều đợt sinh hoạt chính trị, quán triệt các nghị quyết của Trung ương Đảng, nghị quyết của Đảng bộ từ tỉnh xuống cơ sở, cả ở trong Đảng và ngoài quần chúng (trong Đảng đạt 90-95%). Thông qua quán triệt các nghị quyết của Đảng và gắn với chương trình hành động thực hiện ở cơ sở, nhận thức của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân các dân tộc được nâng lên một bước về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước, nhất là các chủ trương về đổi mới quản lý kinh tế, về kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, về âm mưu “diễn biến hòa bình” và chống “diễn biến hòa bình”.

Công tác chính trị tư tưởng đã góp phần xứng đáng vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và giữ vững biên giới hòa bình, hữu nghị; giảm bớt những tư tưởng băn khoăn, trông chờ và những biểu hiện tiêu cực...

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng gắn với nâng cao trình độ cho cán bộ, đảng viên được chú trọng đã mở nhiều lớp lý luận và nghiệp vụ cho hàng nghìn lượt cán bộ, đảng viên (trong đó 70% cấp ủy viên cơ sở được bồi dưỡng), việc thông tin tình hình cho đội ngũ báo cáo viên được duy trì. Hệ thống thông tin đại chúng hoạt động có hiệu quả. Bản tin nội bộ cung cấp tới chi bộ hàng tháng đã có tác dụng tốt trong sinh hoạt tư tưởng. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy duy trì thường xuyên giao

ban an ninh tư tưởng, giúp cấp ủy nắm bắt và xử lý kịp thời những vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng. Hệ thống Đài Phát thanh - Truyền hình, báo Lào Cai, đặc biệt là tờ báo ảnh dành cho đồng bào vùng cao, đã góp phần tích cực trong việc đưa thông tin đến mọi vùng, mọi dân tộc, kịp thời tuyên truyền những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với đông đảo quần chúng nhân dân.

Tuy nhiên, công tác chính trị tư tưởng còn bộc lộ những yếu kém sau:

- Một số chủ trương, nghị quyết mới dừng lại ở cấp huyện, ở cán bộ chủ chốt, chưa đến được đông đảo quần chúng. Nội dung, phương thức công tác chính trị tư tưởng chưa sát yêu cầu và chưa phù hợp với từng loại đối tượng.

- Công tác kiểm tra, tổng kết đúc rút kinh nghiệm những điển hình tiên tiến, nhân diện những gương đảng viên tốt và làm kinh tế giỏi, nhân dân làm giàu từ đồi rừng và phát triển ngành nghề... chưa được chú trọng đúng mức.

- Việc phê phán các quan điểm sai trái, các luận điệu tuyên truyền mang tính xuyên tạc, thù địch, lợi dụng tôn giáo, chưa thường xuyên, thiếu sắc bén, chưa có phương pháp đấu tranh, phê phán phù hợp để đạt hiệu quả cao. Một số tổ chức đảng và cấp ủy chưa quán triệt phương châm “Toàn Đảng làm công tác tư tưởng”. Còn nhiều cán bộ, đảng viên ngại học tập, nghiên cứu lý luận, xem nhẹ việc rèn luyện và giáo dục đạo đức, lý tưởng cách mạng nhất là giáo dục trong lớp trẻ.

- + Xây dựng Đảng về tổ chức:

Khi bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội I của Đảng bộ tỉnh, hệ thống tổ chức chưa ổn định, nhiều cơ sở đảng còn mỏng và yếu, nhất là vùng cao, vùng sâu.

Đội ngũ đảng viên phần lớn tuổi cao, năng lực còn hạn chế nhiều mặt.

Đảng bộ đã tập trung triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 về “Đổi mới và chỉnh đốn Đảng”. Quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 đã gắn với việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết khác

của Trung ương Đảng và nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, đã quán triệt phương châm “Lấy nhiệm vụ xây dựng kinh tế làm trung tâm, công tác xây dựng Đảng là then chốt”.

- Việc củng cố tổ chức cơ sở đảng theo tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh đã được chú trọng. Nội dung chỉ đạo toàn diện trên cả ba mặt: Chính trị, tư tưởng và tổ chức, đã tập trung vào công tác: nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, chất lượng đội ngũ đảng viên, củng cố các cơ sở đảng yếu kém; giải quyết đảng viên loại 2 và 3; quan tâm chỉ đạo các chi bộ vùng cao, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc ít người... Kết quả việc củng cố tổ chức cơ sở đảng đã có chuyển biến tích cực. Nhiều tổ chức cơ sở đảng và đảng viên đã xác định rõ vị trí, vai trò của tổ chức cơ sở đảng trong nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, mở rộng giao lưu quốc tế. Đã có nhiều tổ chức cơ sở đảng chủ động được công tác; lãnh đạo việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa. Nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt đảng được bảo đảm. Các đảng bộ trong sạch, vững mạnh và khá tăng dần, loại yếu kém giảm dần, số tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh tăng từ 177 cơ sở (năm 1992) lên 220 cơ sở (năm 1995). Số cơ sở yếu kém giảm 35 cơ sở (năm 1992) xuống còn 26 cơ sở (năm 1995). Hai năm 1993 - 1994 có 2 đảng bộ huyện đạt trong sạch, vững mạnh: Bảo Thắng, Bảo Yên.

- Công tác đảng viên được coi trọng cả ba mặt: Nâng cao chất lượng, sàng lọc và kết nạp đảng viên mới. Thông qua công tác triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, chất lượng đảng viên đã được nâng lên một bước. Đến năm 1995, trong tổng số 12.070 đảng viên đã đạt 78,24% loại I, tăng 10,97% so với năm 1992. Đã phân tích chất lượng đảng viên, xét cấp giấy chứng nhận miễn hoãn, lập kế hoạch đưa đi đào tạo, bồi dưỡng, phân công nhiệm vụ cho đảng viên phù hợp hơn.

Công tác phát triển đảng viên mới: Có nhiều tiến bộ, trong 4 năm đã kết nạp được 1.578 đảng viên mới (13,3% trong tổng số đảng viên

hiện nay). Số đảng viên mới kết nạp nhìn chung bảo đảm chất lượng, trẻ hóa một bước, trình độ mọi mặt có nhiều tiến bộ rõ nét. Công tác quản lý đảng viên nhìn chung chặt chẽ.

- Về công tác cán bộ, đã cố gắng đáp ứng nhu cầu hoàn thiện bộ máy, đặc biệt là bộ máy các ban, ngành và thị xã tỉnh lỵ mới thành lập. Đến nay đội ngũ cán bộ đã ổn định và phát huy tác dụng, có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ được tôn trọng, cấp ủy đã kịp thời ban hành quyết định về phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ, đến nay được sửa đổi và hoàn chỉnh hơn.

Việc đề bạt, bố trí, sử dụng cán bộ trong điều kiện tỉnh mới thành lập tuy còn nhiều khó khăn, nhưng cơ bản đã phù hợp với các quan điểm đổi mới của Đảng. Cấp ủy các cấp và các cơ quan dân cử đều có 3 độ tuổi để bảo đảm tính kế thừa. Mạnh dạn đề bạt những cán bộ trẻ có đủ năng lực và phẩm chất. Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ đã bổ sung thêm cho đội ngũ cán bộ chủ chốt ở các cấp, các ngành, góp phần ổn định tổ chức bộ máy và nâng cao chất lượng hoạt động:

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được đặc biệt chú trọng cả trước mắt và lâu dài, vừa gửi đi đào tạo chính quy ở Trung ương, vừa mở rộng hệ thống tại chức ở địa phương, xen kẽ với các lớp tập trung dài hạn và tập huấn, bồi dưỡng theo chuyên đề. Việc thực hiện các chính sách đối với cán bộ được quan tâm đúng mức và có nhiều cố gắng. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ được chú trọng:

+ Công tác kiểm tra của Đảng được tăng cường. Các đảng bộ và các cấp ủy đều quán triệt quan điểm “lãnh đạo phải đi đôi với kiểm tra”, nhiều cấp ủy có chương trình kiểm tra toàn khóa. Ủy ban Kiểm tra các cấp được kiện toàn, làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy. Công tác kiểm tra đã chú trọng đến các tổ chức cơ sở đảng, kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, đã tiến hành kiểm tra 591 lượt đối với tổ các cơ sở đảng, trong đó đã kiểm tra 17,4% các đồng chí là cấp ủy viên các cấp.

Thông qua kiểm tra, nhiều cấp ủy và đảng viên được nâng cao về nhận thức và tinh thần trách nhiệm trong công tác lãnh đạo.

Việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo có nhiều cố gắng, việc xử lý kỷ luật được tiến hành kịp thời, có tác dụng giáo dục và tăng thêm niềm tin của quần chúng đối với Đảng. Thực hiện Chỉ thị 15 của Bộ Chính trị, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng phát hiện, ngăn ngừa và tiến hành kiểm tra, xử lý 2.425 vụ việc, trong đó đã xử lý 122 vụ theo pháp luật.

Một số yếu kém trong lĩnh vực này là:

- Vai trò của một số tổ chức cơ sở đảng chưa thật sự chuyển biến trong cơ chế mới, chưa chủ động được công tác, nhất là ở vùng cao, vùng sâu. Chức năng, nhiệm vụ, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng ở một số nơi chưa được thể hiện rõ.

- Nguyên tắc tập trung dân chủ có nơi, có lúc bị vi phạm, ảnh hưởng đến đoàn kết nội bộ.

- Công tác cán bộ, do yêu cầu cấp thiết của bộ máy nên một số trường hợp đánh giá, bố trí chưa chính xác. Việc quy hoạch cán bộ thực hiện chưa tốt, do đó việc bố trí, sử dụng cán bộ còn chắp vá, bị động ở một số cấp, ngành.

Đội ngũ cán bộ nói chung trình độ còn thấp so với yêu cầu nhiệm vụ.

b) Xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân:

Trong những năm qua, quán triệt đường lối đổi mới của Đảng, pháp luật và chính sách của Nhà nước, Đảng bộ đã xác định nhiệm vụ xây dựng và ổn định hệ thống chính trị, xây dựng củng cố chính quyền các cấp ở địa phương là một nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết, bảo đảm cho sự ổn định và phát triển đi lên của tỉnh.

Thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, các cấp đã quan tâm xây dựng củng cố chính quyền địa phương theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân.

Sau cuộc bầu cử ngày 20-11-1994, Hội đồng nhân dân các cấp đã được kiện toàn nhanh chóng, ổn định tổ chức và đi vào hoạt động theo luật định. Chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các

cấp được chú trọng kiện toàn thêm một bước, theo hướng tăng tỷ lệ tuổi trẻ, nữ, dân tộc ít người và có trình độ, bản lĩnh chính trị vững vàng hơn.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được thực hiện theo luật định, bảo đảm tăng cường năng lực và hiệu quả trong việc giám sát hoạt động của các cơ quan nhà nước ở địa phương.

Ủy ban nhân dân các cấp được kiện toàn sau kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân nhiệm kỳ 1994 - 1999 bảo đảm đúng luật định. Chất lượng Ủy ban nhân dân được nâng cao thêm một bước và bảo đảm thành phần cơ cấu và số lượng thành viên theo quy định của Chính phủ. Hiệu lực điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp được tăng cường trên cơ sở hoạt động theo quy chế và pháp luật.

Đã có kế hoạch và biện pháp tích cực chăm lo xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh, xây dựng mô hình thôn, bản và bước đầu thực hiện chế độ, chính sách cho trưởng thôn, bản.

Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các cấp đã bước đầu triển khai kế hoạch của tỉnh về cải cách thủ tục hành chính theo tinh thần Nghị quyết Trung ương lần thứ tám (khóa VII).

Quá trình dân chủ hóa sinh hoạt xã hội ở địa phương được gắn với việc thực hiện các luật của Nhà nước ban hành, bước đầu có hiệu quả thiết thực ở nhiều lĩnh vực, đã triển khai thực hiện từng bước việc tiêu chuẩn hóa chức danh cán bộ, thông qua công tác xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ công chức, viên chức, từng bước đáp ứng yêu cầu xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước của tỉnh.

Tuy nhiên, công tác xây dựng củng cố chính quyền nhân dân cũng còn một số mặt yếu kém là:

Nội dung hoạt động, vai trò quản lý, điều hành của bộ máy chính quyền các cấp, các ngành nhìn chung chậm đổi mới về phương pháp quản lý. Sự phối hợp và lề lối làm việc của các cơ quan nhà nước ở địa phương từ tỉnh đến cơ sở còn nhiều mặt chưa hợp lý, kết quả hoạt động còn nhiều hạn chế.

- Trình độ, kiến thức về quản lý và năng lực lãnh đạo của cán bộ chính quyền các cấp, các ngành của tỉnh nói chung còn thấp so với yêu cầu.

- Còn những hiện tượng vi phạm pháp luật, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ một số nơi trong tỉnh, dẫn đến những khuyết điểm trong quản lý kinh tế và ảnh hưởng đến niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chính quyền.

c) Công tác quần chúng:

Các cấp ủy đã quán triệt các quan điểm chỉ đạo của Trung ương về công tác dân vận, chú trọng đề ra các chủ trương, biện pháp phù hợp với tình hình đặc điểm của địa phương, củng cố mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, chính quyền, quân đội với nhân dân. Các quan điểm đổi mới về công tác dân vận của Đảng đã từng bước được quán triệt hơn trong nhiều cán bộ, đảng viên, nhiều cấp, ngành đoàn thể. Phương thức lãnh đạo của Đảng về công tác dân vận đã có những đổi mới bước đầu. Tổ chức bộ máy và cán bộ của Ban Dân vận và Mặt trận Tổ quốc ở các cấp đã được kiện toàn một bước. Ban Dân vận- Dân tộc tỉnh và một số huyện, thị, ban, ngành, lực lượng vũ trang có liên quan hàng tháng tổ chức giao ban khối, giúp cấp ủy nắm vững hơn tình hình nhân dân và xử lý kịp thời những vấn đề mới phát sinh.

Kết quả về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, cải thiện đời sống nhân dân, việc thực hiện đổi mới và chỉnh đốn Đảng, xây dựng và củng cố chính quyền, đổi mới bước đầu sự hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân, đã nâng cao một bước niềm tin của nhân dân các dân tộc với Đảng bộ.

Chính quyền các cấp đã tổ chức triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách cơ chế mới của Đảng và Nhà nước. Do đó đã tăng thêm động lực cho phong trào quần chúng trong lao động sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội và củng cố an ninh quốc phòng, trong việc chăm lo đời sống nhân dân nhất là đồng bào vùng sâu, vùng cao, đã thực hiện mở rộng dân chủ thông qua việc lấy ý kiến nhân dân tham gia xây dựng pháp luật. Vai trò của Hội đồng nhân dân các cấp được

đề cao hơn, việc tiếp xúc với cử tri có nhiều tiến bộ. Lực lượng vũ trang đã tích cực tham gia công tác dân vận, xây dựng cơ sở chính trị ở vùng cao, vùng sâu.

Mặt trận và các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở bước đầu đã có những đổi mới theo tinh thần Nghị quyết 8B của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VI). Về tổ chức, đã được kiện toàn một bước qua các kỳ Đại hội. Việc đa dạng hóa các hình thức tập hợp nhân dân được nghiên cứu và thực hiện ở một số đoàn thể. Một số hình thức tổ chức có sức thu hút và hoạt động có hiệu quả như: Hội Bảo thọ, tổ phụ nữ tiết kiệm, câu lạc bộ gia đình trẻ... được đông đảo các tầng lớp nhân dân đồng tình và hưởng ứng.

Mặt trận và các đoàn thể đang hướng vào chăm lo lợi ích chính đáng cho đoàn viên, hội viên, gắn với các chương trình kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng. Nhiều cuộc phát động đã trở thành phong trào của quần chúng như 5 chương trình của phụ nữ, 2 phong trào của đoàn thanh niên.

Hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể đã có sự phối hợp với các địa phương và ngành chức năng liên quan để tạo sự đồng bộ và hiệu quả. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong hội viên, đoàn viên có nhiều cố gắng tích cực gắn với việc tuyên truyền, vận động, thu hút hội viên, đoàn viên tham gia các phong trào về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, xóa đói, giảm nghèo, dân số - kế hoạch hóa gia đình, phòng, chống các tệ nạn xã hội, đền ơn đáp nghĩa, nhân đạo...

Mặt yếu của công tác quần chúng là:

- Quan điểm của Đảng và tư tưởng dân vận của Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa được thực sự quán triệt sâu sắc trong hệ thống chính trị. Tổ chức cơ sở đảng chưa thường xuyên kiểm điểm sâu về trách nhiệm làm công tác dân vận của tổ chức đảng và đảng viên, của chính quyền và đoàn thể.

- Việc nắm tình hình nhân dân ở một số vùng chưa kịp thời và chưa sát. Còn một bộ phận cán bộ, đảng viên quan liêu, xa rời quần chúng, một số cán bộ, đảng viên tham nhũng... làm giảm niềm tin của

nhân dân. Một số nơi thuộc vùng đồng bào dân tộc ít người đã để cho tình hình lợi dụng tôn giáo lan rộng, hoạt động trái pháp luật, gây nhiều khó khăn cho sản xuất và đời sống của nhân dân.

- Việc đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các đoàn thể còn nhiều hạn chế. Nhiều tổ chức cơ sở của các đoàn thể còn lúng túng trong hoạt động; ở một số nơi thuộc vùng sâu, vùng cao, chỉ có bộ máy đoàn thể hình thức. Đội ngũ cán bộ Mặt trận và các đoàn thể, nhất là ở cơ sở nhìn chung còn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

II. NHỮNG KINH NGHIỆM THỰC TẾ VÀ NGUYÊN NHÂN CƠ BẢN CỦA YẾU KÉM

1. Những kinh nghiệm thực tế

Một là: Giữ vững và thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, Đảng lãnh đạo toàn diện, phát huy được trí tuệ của tập thể, nâng cao trách nhiệm của từng cá nhân. Giữ gìn đoàn kết nhất trí trong Đảng, xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh. Vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước vào điều kiện cụ thể của tỉnh, xác định mục tiêu trọng tâm cho từng thời gian, có giải pháp đúng và bước đi thích hợp. củng cố lòng tin và tập hợp đông đảo quần chúng nhân dân tạo nên sức mạnh tổng hợp để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đã đề ra.

Hai là: Đổi mới phương thức lãnh đạo, thực hiện đúng quy chế, chương trình làm việc, phân công trách nhiệm rõ ràng. Bám sát cơ sở nắm vững tình hình, định kỳ sơ kết, tổng kết, tìm các nguyên nhân, rút kinh nghiệm, khắc phục bệnh quan liêu, phô trương hình thức.

Ba là: Giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội, tranh thủ sự giúp đỡ của Trung ương của các tỉnh và các tổ chức quốc tế. Gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, sinh thái. Khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước yên tâm đầu tư vào phát triển sản xuất kinh doanh trên địa bàn.

Bốn là: Quán triệt phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, Nhà nước đầu tư và hỗ trợ vốn, nhân dân tự lực, tự cường, vừa có ý nghĩa về chính trị vừa thúc đẩy sản xuất phát triển.

2. Nguyên nhân cơ bản của yếu kém

- Nguyên nhân khách quan:

Là tỉnh mới được thành lập lại từ tháng 10-1991, với rất nhiều khó khăn có tính đặc thù, do lịch sử để lại, nhiều ngành và lĩnh vực phải xây dựng lại từ đầu, trong khi đó nguồn vốn Trung ương trợ cấp còn hạn hẹp và không kịp thời nhất là vốn cho dự án và xây dựng cơ bản.

Thực hiện quá trình đổi mới trong điều kiện vừa làm vừa tìm tòi hình thức, bước đi, giải pháp và thị trường. Luật pháp và chính sách vừa thiếu vừa chưa đồng bộ, làm cho quá trình tổ chức thực hiện chậm, gặp không ít khó khăn. Một số chính sách của Trung ương chưa thật phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, do đó hiệu quả thấp và chưa thực sự đi vào cuộc sống của nhân dân các dân tộc.

Thời tiết, khi hậu đối với một số vụ sản xuất diễn biến không thuận hòa, đã gây thiệt hại lớn cho sản xuất và đời sống của nhân dân.

- Nguyên nhân chủ quan:

Trước hết là vấn đề cán bộ, nhìn chung vừa thiếu lại vừa yếu. Ở nhiều nơi vẫn có tình trạng hẫng hụt, lúng túng trong việc bố trí hạt nhân lãnh đạo, thiếu những cán bộ giỏi và chuyên gia đầu ngành về công tác lãnh đạo và quản lý, về sản xuất kinh doanh, kinh tế đối ngoại, khoa học - kỹ thuật về công tác tôn giáo và dân tộc...việc quy hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ chưa làm kịp.

Phương thức và phong cách lãnh đạo ở một số nơi chưa thực sự đổi mới, cải cách bộ máy nhìn chung còn chậm và kém hiệu quả, tệ quan liêu, cửa quyền, xa rời quần chúng, coi thường pháp luật, kỷ cương vẫn còn ở một số cán bộ, đảng viên...

Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi còn có biểu hiện lúng túng trong nội dung và phương thức hoạt động, đội ngũ cán bộ

thiếu, một số chưa phấn khởi công tác, chưa được chăm lo đào tạo, bồi dưỡng và đãi ngộ thỏa đáng.

Việc đánh giá tình hình ở một vùng, một số lĩnh vực chưa sát, do vậy quá trình vận dụng chính sách của Đảng và Nhà nước, việc đầu tư phát triển sản xuất, văn hóa xã hội có nơi, có việc chưa phù hợp, dẫn tới hiệu quả đầu tư thấp. Công tác quản lý vốn đầu tư ở nhiều dự án chưa tốt, công tác thanh tra, kiểm tra chưa được thường xuyên,... Đã ảnh hưởng tới tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh, kìm hãm nhịp độ xóa đói, giảm nghèo trong nhân dân.

Phần thứ hai

NHỮNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRONG GIAI ĐOẠN 1996-2000

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT GIAI ĐOẠN 1996-2000

Phát huy những truyền thống tốt đẹp và những thành quả đã đạt được, vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng, kịp thời nắm bắt thời cơ thuận lợi, đẩy lùi nguy cơ, vượt qua khó khăn, thử thách, khai thác triệt để mọi tiềm năng, tiếp tục tạo ra những nguồn lực mới về kinh tế - xã hội. Giữ vững ổn định chính trị và chủ quyền quốc gia, phát triển mạnh nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao vai trò quản lý và điều hành của chính quyền các cấp, xóa bỏ tình trạng sản xuất độc canh: phân tán, tự nhiên, tự cung tự cấp. Gắn phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, củng cố an ninh quốc phòng, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Một số mục tiêu chủ yếu đến năm 2000:

- Giá trị tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP): 1.663 tỷ đồng
- Tốc độ tăng GDP bình quân hàng năm 11% - 12%
- Cơ cấu GDP:
 - + Nông lâm nghiệp 39%
 - + Công nghiệp 32%
 - + Dịch vụ 29%

- Sản lượng lương thực quy thóc 160.000 tấn
- Giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu 12.000.000 USD
- Thu ngân sách trên địa bàn 250 tỷ đồng
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 3,12%
- Độ tán che phủ của rừng 35%
- Xóa đói bình quân hằng năm 2%
- Giảm nghèo bình quân hằng năm 2%.
- Cơ bản xóa bỏ tình trạng du canh du cư
- Tỷ lệ số trẻ em trung độ tuổi đến trường 70%.

II. TƯ TƯỞNG CHỈ ĐẠO

1. Giữ vững và nâng cao tốc độ tăng trưởng kinh tế, chú trọng phát triển nông, lâm nghiệp, tăng mạnh tỷ trọng công nghiệp đặc biệt là khai thác và chế biến khoáng sản công nghiệp, chế biến nông, lâm sản và sản xuất hàng tiêu dùng. Đẩy mạnh xuất, nhập khẩu; trong đó đặc biệt chú trọng thị trường là các nước trong khu vực và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Tăng nhanh tỷ trọng dịch vụ và du lịch trong cơ cấu GDP. Xây dựng các cụm kinh tế và dân cư trên địa bàn tỉnh.

2. Tập trung đầu tư cho cơ sở hạ tầng đi đôi với việc xây dựng và bổ sung các chính sách đồng bộ, thuận lợi nhằm thu hút các nguồn vốn ngoài nước, trong nước và trong dân để phát triển kinh tế - xã hội.

3. Đầu tư phát triển nguồn nhân lực, gồm đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế, khoa học - kỹ thuật và đội ngũ công nhân kỹ thuật có tay nghề và trình độ cao, đáp ứng được yêu cầu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

4. Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội là tiêu chuẩn cơ bản để xác định phương án đầu tư theo quy hoạch, có trọng tâm, trọng điểm, chú trọng đầu tư cho công tác xóa đói, giảm nghèo, từng bước thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

5. Gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ chủ quyền quốc gia. Giữ vững ổn định chính trị, củng cố an ninh quốc phòng và bảo vệ môi

trường sinh thái. Đề cao cảnh giác và chủ động đối phó với mọi tình huống xảy ra.

6. Phát huy vai trò Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, động viên nhân dân đoàn kết và sáng tạo, thực hiện thắng lợi những mục tiêu đề ra.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 1996-2000

1. Về phát triển kinh tế - xã hội

Tiếp tục ổn định và phát triển sản xuất, giữ vững và nâng dần nhịp độ tăng trưởng và hiệu quả kinh tế - xã hội, ưu tiên phát triển những ngành, những địa bàn, những cơ sở, và những dự án sớm đưa lại hiệu quả, tạo ra nhiều việc làm góp phần xóa đói, giảm nghèo cho nhân dân. Đẩy mạnh xuất khẩu và hợp tác kinh tế với nước ngoài, tỉnh ngoài để thu hút mọi nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, ổn định và cải thiện từng bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, phấn đấu giảm mạnh tỷ lệ sinh đẻ, giảm tình trạng suy dinh dưỡng, thu hẹp diện thiếu đói, diện nghèo trong nông thôn, cải thiện đáng kể điều kiện phòng và chữa bệnh, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo, mở rộng dạy nghề và đào tạo lại đội ngũ cán bộ hiện có.

Về phát triển nông - lâm nghiệp: Đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, tăng cường cải tiến cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ và áp dụng tiến bộ kỹ thuật, chủ động về phân bón, xác định cây trồng, vật nuôi phù hợp với từng vùng, từng thời gian, tăng dần tỷ trọng cây công nghiệp, cây thực phẩm và chăn nuôi, gắn với đẩy mạnh công tác chế biến nông, lâm sản, thực phẩm, đặc biệt là những sản phẩm cho xuất khẩu. Đầu tư quy hoạch và xây dựng các vùng sản xuất tập trung, đầu tư giống mới, thủy lợi, công cụ lao động và phân bón, giúp nhân dân xây dựng dự án, hướng dẫn và hỗ trợ về kỹ thuật cho nhân dân sản xuất lâm nghiệp nhằm tăng nhanh diện tích trồng, tái sinh, khoanh nuôi bảo vệ rừng. Đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng, khai thác có hiệu

quả đất trồng, đồi trọc, mặt nước theo hướng kết hợp nông - lâm - ngư nghiệp, trồng trọt và chăn nuôi, theo phương châm chỗ dễ, chỗ gần làm trước kết hợp cây ngắn ngày với cây dài ngày, huy động mọi nguồn vốn trong nhân dân, vốn trong nước và nước ngoài vào đầu tư phát triển với những chính sách ưu đãi, nhất quán và đồng bộ.

Về phát triển công nghiệp và xây dựng kết cấu hạ tầng: Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư cho sản xuất, đồng thời thu hút đầu tư trực tiếp của tỉnh ngoài và nước ngoài để cải tạo và đổi mới công nghệ của các cơ sở hiện có. Phát triển mạnh công nghiệp chế biến nông, lâm sản với quy mô vừa và nhỏ, công nghệ tiên tiến và tận dụng nguyên liệu ngày càng cao. Đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu. Từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, góp phần thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo. Tỉnh kết hợp với các bộ, ngành Trung ương tập trung đầu tư và thu hút vốn nước ngoài để tiến hành điều tra cơ bản tài nguyên khoáng sản, quy hoạch vùng và xây dựng các cơ sở khai thác và chế biến khoáng sản lớn, theo hướng xuất khẩu là chính như đồng, sắt, fenspat... Chú trọng công tác bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình khai thác và chế biến khoáng sản phát triển tiểu thủ công nghiệp, trên cơ sở củng cố và phát triển các hợp tác xã và hộ gia đình, thông qua các dự án giải quyết việc làm, dự án xóa đói, giảm nghèo, để khai thác triệt để nguồn nguyên liệu sẵn có và tạo việc làm cho người lao động.

Phấn đấu giá trị tổng sản lượng công nghiệp năm 2000 là 75 tỷ đồng (theo giá năm 1989), tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm 17%. Công nghiệp quốc doanh thực sự giữ vai trò chủ đạo và chiếm tỷ trọng 70% trong tổng giá trị sản lượng công nghiệp trên địa bàn.

Đẩy mạnh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng về kinh tế - xã hội. Tập trung ưu tiên về vốn cho một số công trình có triển vọng phát huy hiệu quả sớm.

Phát triển lực lượng vận tải của nhiều thành phần kinh tế, tăng năng lực vận tải lên vùng cao, biên giới, nâng cấp các tuyến đường hiện có, áp dụng hình thức Nhà nước và nhân dân cùng làm để mở

đường liên thôn, liên xã, liên bản. Tiến hành nghiên cứu và triển khai xây dựng dự án sân bay trên địa bàn tỉnh. Tăng cường liên doanh, liên kết, hoàn chỉnh chiến lược tăng tốc trong thông tin liên lạc, mở rộng mạng lưới về cơ sở, tổ chức các loại dịch vụ thông tin thuận lợi và chất lượng cao.

Hoàn thành việc kéo điện quốc gia về các huyện, thị, phấn đấu kéo điện lưới quốc gia tới 30% số xã trong toàn tỉnh, mở rộng hình thức sử dụng các nguồn năng lượng khác nhau ở những vùng chưa có điện lưới quốc gia.

Hoàn chỉnh hệ thống cấp nước ở thị xã và các thị trấn, đẩy mạnh việc giải quyết nước sinh hoạt cho vùng nông thôn, nhất là vùng cao, vùng biên giới.

Về phát triển thương mại - du lịch và kinh tế đối ngoại: củng cố lại mạng lưới thương nghiệp quốc doanh và các loại hình dịch vụ nhằm vừa hình thành những trung tâm thương mại lớn làm đầu mối giao lưu hàng hóa, vừa xây dựng các chợ nhỏ phục vụ các thị trường nông thôn, nhất là vùng sâu, vùng cao, bảo đảm cung ứng đủ các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân. Tiếp tục thực hiện chính sách ưu tiên và trợ giá cho vùng cao, vùng dân tộc ít người. Tăng nguồn dự trữ vật tư hàng hóa cần thiết để điều tiết thị trường, có chính sách ưu đãi khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động thương mại và dịch vụ. Coi trọng công tác điều tra nghiên cứu thị trường trong nước và nước ngoài, để hướng dẫn các nhà đầu tư sản xuất đúng hướng. Chú trọng sản xuất và xuất khẩu và đầu tư xây dựng khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai, khu du lịch Sa Pa và các di tích khác, cải tiến quản lý du lịch để thu hút khách và tăng thu vào ngân sách.

Về phát triển khoa học, công nghệ: Tăng cường đào tạo và củng cố đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, có chính sách để thu hút các nhà khoa học, các chuyên gia giỏi tham gia vào nghiên cứu khoa học ở tỉnh, chú trọng công tác ứng dụng khoa học chuyển giao công nghệ, làm tốt công tác giám định khoa học - kỹ thuật các công trình, máy móc thiết bị, vật nuôi và giống cây trồng nhập từ nước ngoài.

Đẩy mạnh nghiên cứu và có biện pháp bảo vệ môi trường sinh thái.

Chú trọng đúng mức các công trình nghiên cứu khoa học cơ bản về xã hội, nhân văn và tự nhiên. Tăng cường học tập, quán triệt nghiên cứu và vận dụng sáng tạo các nghị quyết của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương.

Về tài chính ngân hàng: Để tạo vốn đầu tư phát triển giải pháp cơ bản là phát triển mạnh kinh tế, thực hành tiết kiệm cả trong chi tiêu của Nhà nước, trong sản xuất và trong tiêu dùng của dân cư, có chính sách khuyến khích đầu tư, đồng thời đa dạng hóa các hình thức huy động vốn trong mọi thành phần kinh tế ở trong và ngoài nước. Thực hiện thu đúng, thu đủ, chú trọng nuôi dưỡng nguồn thu, cải tiến phương thức và rà soát lại các định mức thu, chi theo hướng nhanh gọn, chính xác, nâng cao năng lực, phẩm chất đội ngũ cán bộ làm công tác tài chính - ngân hàng. Tăng cường công tác quản lý tiền mặt và đầu tư tín dụng cho mọi thành phần kinh tế để phát triển sản xuất, góp phần tích cực điều tiết thị trường ổn định giá cả và kiềm chế lạm phát.

Phấn đấu tốc độ tăng thu vào ngân sách bình quân hằng năm đạt trên 30%, tỷ lệ huy động từ GDP vào ngân sách đến năm 2000 đạt 15%.

Tập trung giải quyết tốt các vấn đề về xã hội, văn hóa, giáo dục và y tế: Toàn bộ các lĩnh vực của đời sống xã hội từ giải quyết việc làm, giáo dục đào tạo, xây dựng nếp sống văn hóa mới, chăm sóc sức khỏe, dân số - kế hoạch hóa gia đình, bảo vệ trẻ em, thể dục thể thao... đều được tiến hành theo hướng xã hội hóa trong đó Nhà nước giữ vai trò nòng cốt. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mọi người, tăng cường đầu tư mở mang ngành nghề, tạo nhiều việc làm cho người lao động. Tiếp tục thực hiện phân bố lại dân cư và lao động, đẩy mạnh công tác định canh định cư, tạo cơ sở vật chất để hạn chế, tiến tới xóa bỏ tình trạng du canh, du cư trên địa bàn. Hỗ trợ mọi mặt để nhân dân định cư, ổn định cuộc sống và phát triển kinh tế.

Thực hiện tốt các chính sách xã hội, đồng thời vận động nhân dân tích cực xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa đối với các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng và chăm sóc giúp đỡ người già không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi, gia đình đặc biệt khó khăn.

Công tác giáo dục cần được ưu tiên phát triển trước một bước. Tiếp tục đầu tư mới và củng cố hệ thống trường lớp, đáp ứng nhu cầu học của nhân dân và yêu cầu đào tạo cán bộ của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2000 có đủ giáo viên dạy học và phổ cập tiểu học ở vùng thấp, huy động từ 65% đến 70% trẻ em ở vùng cao trong độ tuổi đến trường, xóa mù chữ cho cán bộ xã và trưởng thôn, bản trong toàn tỉnh, mở rộng việc học ngoại ngữ, tin học và dạy nghề. Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học ở các xã vùng thấp và các xã vùng cao có điều kiện.

Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình quốc gia về y tế, củng cố mạng lưới y tế cơ sở phát triển y tế cộng đồng. Xây dựng hoàn chỉnh Bệnh viện tỉnh Lào Cai. Mở rộng bảo hiểm y tế đến các đối tượng dân cư, nâng cao trình độ chuyên môn và trách nhiệm phục vụ của đội ngũ thầy thuốc. Đẩy mạnh cuộc vận động kế hoạch hóa gia đình, tiếp tục phát triển thể dục, thể thao nhất là các hoạt động thể dục, thể thao quần chúng và truyền thống. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, kết hợp văn hóa dân tộc với hiện đại một cách chọn lọc. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, lối sống đồi trụy, lạc hậu. Xây dựng nếp sống văn hóa mới trong từng gia đình và toàn xã hội.

2. Quốc phòng - an ninh và đối ngoại

Trong khi tập trung sức để phát triển kinh tế - xã hội, chúng ta phải coi trọng tăng cường quốc phòng và an ninh, thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia. Thực hiện quan hệ đối ngoại rộng mở, hữu nghị, bình đẳng, cùng có lợi. Giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

Trong giai đoạn 1996 - 2000 chúng ta cần tập trung làm tốt một số công tác lớn sau đây:

- Nâng cao cảnh giác cách mạng, tăng cường củng cố các cơ sở chính trị và phong trào an ninh bảo vệ Tổ quốc xây dựng thế trận an ninh nhân dân và quốc phòng toàn dân.

- Xây dựng các khu vực phòng thủ vững mạnh, các phòng tuyến an ninh nhân dân, nhất là ở các khu vực trọng điểm, bảo vệ vững chắc chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ an ninh quốc gia, xây dựng đường biên giới hòa bình, hữu nghị, hợp tác, bình đẳng và cùng có lợi. Bảo vệ an ninh nội bộ, bảo vệ Đảng và chính quyền các cấp, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch.

- Tăng cường quản lý nhà nước về trật tự xã hội, chống tội phạm, xây dựng phong trào quần chúng bảo vệ trật tự, an toàn xã hội.

- Xây dựng lực lượng quân đội nhân dân và công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, củng cố các lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ và công an cơ sở.

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp đối với nhiệm vụ an ninh quốc phòng và đối ngoại, phát huy vai trò của các đoàn thể trong việc chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang và vận động quần chúng.

Mở rộng quan hệ hữu nghị với các nước, đặc biệt là với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) theo đúng nguyên tắc của Đảng, giải quyết mọi tranh chấp bằng thương lượng bảo đảm ổn định, an ninh và phát triển.

3. Nhiệm vụ xây dựng và củng cố hệ thống chính trị

a) *Xây dựng Đảng về chính trị tư tưởng và tổ chức*: Định hướng lớn về công tác chính trị tư tưởng của Đảng bộ là: “Tiếp tục tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Giữ vững trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa; tăng cường sự đoàn kết thống nhất trong Đảng bộ và trong nhân dân các dân tộc; nâng cao quyết tâm

thực hiện thắng lợi mục tiêu kinh tế - xã hội 1996 - 2000. Giữ vững chủ quyền lãnh thổ và an ninh biên giới; chuẩn bị mọi điều kiện cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lào Cai vững bước vào thế kỷ XXI”.

Trước mắt cần tập trung vào các nhiệm vụ cụ thể:

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện Nghị quyết 09 (khóa VII) của Bộ Chính trị về những định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II.

Tiến hành thường xuyên công tác giáo dục chính trị cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, nắm vững diễn biến tư tưởng, đấu tranh kịp thời với những quan điểm trái với nghị quyết, với âm mưu diễn biến hòa bình, giáo dục tinh thần đoàn kết dân tộc, bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước.

- Thường xuyên giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, bồi dưỡng truyền thống cách mạng trong các dân tộc cho cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên cộng sản và quần chúng nhân dân.

- Chỉ đạo các hoạt động văn hóa, văn nghệ, phát triển đúng hướng và phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị góp phần nâng cao dân trí.

- củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức làm công tác tư tưởng - văn hóa.

Về công tác tổ chức và cán bộ: Tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức đảng, trước hết là đối với các cấp ủy, nâng cao phẩm chất chính trị của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, đẩy mạnh công tác xây dựng các chi, đảng bộ theo tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, từng bước thu hẹp, tiến tới xóa dần tình trạng những cơ sở đảng yếu kém, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo của Đảng trong tình hình nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ cơ bản, trọng yếu của công tác này là:

- Tập trung xác định rõ hơn vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong cơ chế mới.

- Tiếp tục chỉ đạo việc xây dựng, bổ sung hoàn chỉnh quy chế làm việc của cấp ủy các cấp; xây dựng và tổ chức thực hiện tốt chương

trình hành động toàn khóa và trong từng năm của các cấp ủy ngay từ tháng đầu, quý đầu.

- Tiến hành thường xuyên công tác phân tích, đánh giá chất lượng cán bộ, đảng viên, đi đôi với công tác bổ sung, kiện toàn về đội ngũ, trước hết là các chức danh chủ chốt của Đảng, chính quyền, Mặt trận và đoàn thể.

- Mỗi cơ sở đảng phải có kế hoạch xây dựng chi, đảng bộ theo tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh:

- Tiếp tục kiện toàn các ban Đảng, Đảng đoàn, Ban cán sự ở cấp tỉnh và huyện. Xây dựng quy chế hoạt động đi đôi với hoàn chỉnh và phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các ban Đảng, Đảng đoàn và Ban cán sự ở các cấp, nhằm đưa các tổ chức này đi vào hoạt động có nền nếp và hiệu quả.

- Đẩy mạnh công tác phát triển Đảng. Chú trọng phát triển đảng viên ở những đơn vị trọng điểm, nơi chưa có hoặc còn ít đảng viên, thành phần xuất thân là công nhân, tầng lớp trí thức, là nữ, dân tộc ít người, tuổi trẻ. Phấn đấu xóa tình trạng các thôn, bản, cơ sở không có đảng viên.

- Tiếp tục đổi mới phương pháp đánh giá cán bộ, thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong các khâu: Đề bạt, bổ nhiệm, bố trí, sử dụng, tiếp nhận, tuyển dụng và thực hiện các chính sách cán bộ. Thực hiện quy hoạch cán bộ, đưa công tác quy hoạch cán bộ vào nền nếp. Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng cán bộ bằng nhiều hình thức. Chú trọng đội ngũ cán bộ dân tộc, cán bộ nữ ở tất cả các ngành, các cấp.

Công tác kiểm tra của Đảng phải được quán triệt trong các cấp ủy theo phương châm “Lãnh đạo phải đi đôi với kiểm tra”. Công tác kiểm tra là trách nhiệm của tất cả các tổ chức đảng và đảng viên. Nội dung trọng yếu của công tác này là kiểm tra việc chấp hành Điều lệ Đảng, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng; kiểm tra quy chế làm việc của các cấp ủy, việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, giải quyết tốt hơn các đơn thư tố cáo, khiếu nại của cán bộ, đảng viên

và nhân dân đối với đảng viên, góp phần thực hiện chống tham nhũng có hiệu quả.

- Thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

b) Xây dựng và củng cố chính quyền nhân dân:

- Trước hết triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương lần thứ tám (khóa VII).

- Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện một bước bộ máy hành chính nhà nước, sắp xếp các cơ quan đơn vị phù hợp với việc điều chỉnh cơ cấu tổ chức của Chính phủ. Tiếp tục xây dựng bộ máy, biên chế phù hợp, đủ mạnh, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cấp, các ngành xây dựng quy chế làm việc, bảo đảm mỗi cấp, ngành nhà nước hoạt động đúng pháp luật.

- Tăng cường sự chỉ đạo, điều hành quản lý tập trung của Ủy ban nhân dân các cấp. Kiện toàn và nâng cao hiệu lực hoạt động của chính quyền các xã, phường. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của trưởng thôn, bản, nhất là thôn, bản vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp. Phổ biến sâu rộng nghị quyết các kỳ họp của Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp để nhân dân biết, thực hiện và giám sát.

- Tổ chức tốt công tác tiếp dân, thực hiện nghiêm các quy định về thời gian giải quyết và trả lời cho công dân theo đúng Pháp lệnh nhà nước. Công khai những việc cần thiết trên thông tin đại chúng để dân biết, thực hiện và góp ý kiến.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn. Tăng cường giáo dục pháp luật cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Kiên quyết chống quan liêu, tham nhũng, giữ gìn kỷ cương, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và chính quyền các cấp.

- Đào tạo, bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ công chức, viên chức theo chức danh tiêu chuẩn Nhà nước. Đặc biệt chú trọng bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội cho cán bộ chủ chốt

cấp cơ sở. Từng bước tiến lên tiêu chuẩn hóa về ngoại ngữ, tin học cho từng đối tượng công chức, viên chức.

Nhiệm vụ công tác quần chúng của Đảng bộ:

- Tiếp tục đổi mới công tác quần chúng của Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể, theo hướng tăng cường vai trò làm chủ của nhân dân lao động trên các mặt của đời sống xã hội.

- Tăng cường khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết các dân tộc anh em, giáo dục ý thức cộng đồng, ý thức tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau trong các vùng, các dân tộc.

- Tổ chức vận động nhân dân thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; phát huy sức mạnh tổng hợp của nhân dân để thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh quốc phòng, bảo vệ Đảng và chính quyền các cấp. Nghiên cứu đề xuất với tổ chức thực hiện tốt các chính sách về dân tộc và miền núi, nhằm cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, mở rộng dân chủ, đi đôi với tăng cường kỷ cương xã hội.

- Tăng cường giáo dục cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị về ý thức dân vận về phẩm chất đạo đức cách mạng nhằm tăng cường hơn nữa mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền Mặt trận và đoàn thể với nhân dân. Nắm vững tình hình và giải quyết kịp thời những tâm tư nguyện vọng chính đáng của quần chúng.

- Tiếp tục xây dựng và củng cố cơ sở chính trị vững mạnh, nhất là đối với vùng sâu, vùng cao, vùng biên giới. Xây dựng lực lượng nòng cốt trong quần chúng ở các vùng, các dân tộc, đặc biệt là ở các thôn, bản, tạo điều kiện đưa chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước tới nhân dân.

IV. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Phát triển nguồn nhân lực

Để thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần phải có một đội ngũ cán bộ có năng lực,

giỏi chuyên môn và có phẩm chất đạo đức tốt trên tất cả các lĩnh vực: quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, trong công tác xây dựng Đảng và đoàn thể, hoạt động khoa học - kỹ thuật và đội ngũ công nhân có tay nghề cao. Do vậy trong giai đoạn 1996 - 2000 cần phải có một kế hoạch cụ thể đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đồng bộ và chất lượng cao:

Có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ đương chức, chú trọng đào tạo những cán bộ có năng lực còn trẻ, cán bộ khoa học - kỹ thuật và cán bộ thuộc các dân tộc ít người. Việc đào tạo này được tiến hành dưới nhiều hình thức tập trung và tại chức, dài hạn, ngắn hạn, gửi đi Trung ương và mở tại tỉnh. Trong thời gian tới ta phải đánh giá nhu cầu nhân lực trong toàn tỉnh, từ đó có kế hoạch tuyển sinh đào tạo dài hạn đội ngũ cán bộ cho tương lai, nhằm tạo điều kiện cho người lao động, nhất là những người được đào tạo cơ bản có cơ hội thuận lợi để tìm việc làm và có thu nhập xứng đáng với sức lao động bỏ ra.

Để có nguồn đào tạo nhân lực cần đầu tư thích đáng cho sự nghiệp giáo dục phổ thông các cấp, nghiên cứu và mở rộng hình thức trường phổ thông bán trú, thực hiện xã hội hóa sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nhằm động viên mọi nhà, mọi tầng lớp dân cư, các thành phần kinh tế tham gia vào sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo với cơ quan quản lý nhân lực và việc làm, giữa cơ sở đào tạo với cơ sở sử dụng lao động.

Kết hợp giữa đào tạo kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp với đào tạo bồi dưỡng phẩm chất đạo đức, nhằm hình thành đội ngũ lao động giỏi chuyên môn nghiệp vụ, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, cần cù, sáng tạo, có ý thức phấn đấu vì phồn vinh của Tổ quốc và hạnh phúc của nhân dân.

2. Về vốn: Huy động kịp thời và triệt để các nguồn thu trên địa bàn vào ngân sách tỉnh, phấn đấu thu ngân sách hằng năm tăng trên 30% và tự cân đối được 40% vào năm 2000, đồng thời có chính sách

nuôi dưỡng nguồn thu ở những nơi có nguồn thu lớn, tăng cường đầu tư cho sản xuất để tạo nguồn thu.

Xây dựng chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư, tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo điều kiện thuận lợi thu hút vốn đầu tư cho nhân dân, trong nước và ngoài nước. Đẩy mạnh liên doanh, liên kết với các tỉnh trong nước và với nước ngoài, tranh thủ sự tài trợ của các tổ chức quốc tế, xây dựng các dự án phù hợp và có tính khả thi, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn vay để phát huy sản xuất. Tiết kiệm chi, để đầu tư cho sản xuất, quản lý chặt chẽ các nguồn vốn, xử lý nghiêm những người làm thất thoát vốn hoặc chiếm đoạt vốn của Nhà nước, của nhân dân.

3. Về thị trường: Hiện nay sản xuất của tỉnh ta quy mô nhỏ và chất lượng sản phẩm chưa ổn định, do vậy chưa có thị trường vững chắc trong nước và ngoài nước. Với chiến lược phát triển nền kinh tế hàng hóa, sản phẩm làm ra chủ yếu để bán ra tỉnh ngoài và nước ngoài, do đó phải đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu thăm dò, dự báo thị trường, tăng cường hoạt động của cơ quan ngoại vụ và các hoạt động kinh tế đối ngoại khác. Kết hợp chặt chẽ giữa cơ quan xuất nhập khẩu với các đơn vị sản xuất, không ngừng tạo ra những sản phẩm xuất khẩu, theo hướng tăng dần hàm lượng công nghệ trong sản phẩm, giảm tối đa việc xuất sản phẩm thô, nâng cao chất lượng, hạ giá thành, cải tiến mẫu mã bao bì hàng xuất khẩu.

Đào tạo kịp thời đội ngũ cán bộ làm công tác xuất nhập khẩu, nắm chắc thông lệ quốc tế, giỏi chuyên môn nghiệp vụ và vững vàng về phẩm chất chính trị:

Cùng với xuất khẩu phải quan tâm đến thị trường trong nước và trong tỉnh, từng bước vươn lên sản xuất được những sản phẩm thay thế hàng nhập đáp ứng nhu cầu của sản xuất và đời sống cả ở thị xã và nông thôn, vùng cao, vùng sâu, vùng biên giới. Chấn chỉnh lưu thông hàng hóa, tăng cường vai trò của thương nghiệp quốc doanh trong việc phục vụ sản xuất và đời sống của nhân dân, đặc biệt là ở

những vùng có nhiều khó khăn, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia lưu thông hàng hóa: lập lại trật tự, lành mạnh hóa thị trường, xử lý nghiêm những hành vi làm ăn phi pháp, buôn bán hàng cấm, hàng giả, chấn chỉnh mậu dịch biên giới và cửa khẩu, chống buôn lậu có hiệu quả.

4. Đẩy nhanh tiến độ khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên trên địa bàn

Chấn chỉnh lại công nghiệp khai khoáng, có kế hoạch, chương trình tiếp tục đầu tư cho khai khoáng và chế biến khoáng sản nhằm bảo đảm các sản phẩm đạt tiêu chuẩn xuất khẩu. Tăng cường quản lý các hoạt động tìm kiếm, thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản, thực hiện đúng quy trình, quy phạm bảo đảm an toàn, hiệu quả, chống lãng phí tài nguyên và hủy hoại môi trường. Ngăn chặn mọi hoạt động khai thác tài nguyên trái phép, xử lý nghiêm minh những trường hợp vi phạm.

Thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ, mục tiêu do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đề ra, sẽ có ý nghĩa rất quan trọng, tạo thêm tiền đề vững chắc hơn để chúng ta vững bước đi lên giành nhiều thắng lợi mới khi bước vào thế kỷ XXI. Đảng bộ và quân, dân các dân tộc tỉnh Lào Cai nêu cao truyền thống đoàn kết, tranh thủ thời cơ thuận lợi, vượt qua khó khăn thử thách xây dựng tỉnh Lào Cai ổn định về chính trị, vững mạnh về an ninh quốc phòng, kinh tế phát triển, quan hệ xã hội lành mạnh và có nền văn hóa tiên tiến, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc.

Toàn Đảng, toàn quân và toàn dân hãy tập trung cố gắng, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Đại hội đề ra, phấn đấu cho nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai có cuộc sống ấm no, hạnh phúc và văn minh như các dân tộc trong cả nước.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI
LẦN THỨ II

Ngày 4-5-1996

Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II họp từ ngày 2-5-1996 đến ngày 4-5-1996,

QUYẾT NGHỊ:

1. Thông qua báo cáo tổng hợp ý kiến của Đại hội Đảng bộ cơ sở và huyện, thị tham gia vào các dự thảo văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) trình Đại hội lần thứ VIII của Đảng; Giao cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa II) căn cứ vào ý kiến của Đại hội để chỉnh lý văn bản báo cáo Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

2. Thông qua Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa I) về đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ I và phương hướng nhiệm vụ chủ yếu 5 năm 1996 - 2000; giao cho Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa II) căn cứ vào ý kiến của Đại hội để hoàn chỉnh báo cáo và tiến hành tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội.

ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI
LẦN THỨ II

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 01-TT/TU, ngày 8-5-1996

**Về việc đánh giá 3 năm tổ chức thực hiện Chỉ thị 23-CT/TW,
ngày 12-6-1993 của Bộ Chính trị về “Tăng cường công
tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới”**

Kính gửi: - Các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc
- Các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng trực thuộc Tỉnh ủy.

Thực hiện chủ trương của Thường trực Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc đánh giá 3 năm tổ chức thực hiện Chỉ thị 23-CT/TW về “Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới”, Lào Cai là tỉnh biên giới mới được tái lập, có rất nhiều khó khăn, lại phải chống “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Được Trung ương chỉ đạo, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định thành lập Ban Bảo vệ chính trị nội bộ của Tỉnh ủy từ tháng 8-1995, qua gần 3 năm vừa hoạt động, vừa từng bước hoàn thiện bộ máy tổ chức và cán bộ từ tỉnh đến huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, quá trình thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương và chỉ đạo trực tiếp của Thường trực Tỉnh ủy. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ đã đóng góp tích cực vào giữ vững an ninh chính trị, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, góp phần đắc lực vào công tác xây dựng Đảng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Để đánh giá một cách tương đối có hệ thống và đúng mức những việc đã làm được, chưa làm được rút ra những kinh nghiệm công tác, nhằm từng bước đưa công tác bảo vệ chính trị nội bộ đi vào nền nếp.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng cơ quan tỉnh giành thời gian thích đáng để đánh giá 3 năm thực hiện Chỉ thị 23-CT/TW của Bộ Chính trị, viết thành báo cáo gửi về Tỉnh ủy vào ngày 25-5-1996 (gửi qua Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Tỉnh ủy).

Ban Bảo vệ chính trị nội bộ có trách nhiệm hướng dẫn nội dung 3 năm tổ chức thực hiện Chỉ thị 23-CT/TW, phân công chuyên viên theo dõi và tập hợp để báo cáo Trung ương và Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 03-QN/TU, ngày 9-5-1996

**Chuẩn y Ban Chấp hành đảng bộ
huyện, thị, đảng ủy trực thuộc**

Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 9-3-1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đại hội đảng bộ các cấp;

Căn cứ vào Biên bản bầu cử Ban Chấp hành tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Sa Pa khóa XVIII họp ngày 24-4-1996;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lào Cai,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y 27 đồng chí (có danh sách kèm theo) là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa khóa XVIII nhiệm kỳ 1996-2000 từ ngày 24-4-1996.

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành Đảng bộ Sa Pa khóa XVIII phân công.

Điều III: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
TRÁNG A PAO**

DANH SÁCH
Chuẩn y Ủy viên Ban Chấp Đảng bộ Huyện ủy Sa Pa
khóa XVIII nhiệm kỳ 1996-2000

- 1- Đồng chí Nguyễn An Toàn
- 2- Đồng chí Nguyễn Văn Vụ
- 3- Đồng chí Má A Châu
- 4- Đồng chí Nguyễn Tân
- 5- Đồng chí Phan Anh Đăng
- 6- Đồng chí Đỗ Đình Bình
- 7- Đồng chí Đinh Ngọc Cẩm
- 8- Đồng chí Giàng A Pho
- 9- Đồng chí Lương Tiến Dũng
- 10 - Đồng chí Vù A Cỏ
- 11- Đồng chí Lý Phù Chìu
- 12- Đồng chí Dương Châu
- 13- Đồng chí Lý Thị Sé
- 14- Đồng chí Chảo Văn Chòi
- 15- Đồng chí Nguyễn Thị Dung
- 16- Đồng chí Vàng A Đế
- 17- Đồng chí Phí Văn Hòa
- 18- Đồng chí Nông Thanh Hải
- 19- Đồng chí Nguyễn Văn Ninh
- 20- Đồng chí Đỗ Thị Nhung
- 21- Đồng chí Phan Đình Thống
- 22- Đồng chí Đỗ Xuân Tiến
- 23- Đồng chí Lê Quang Thành
- 24- Đồng chí Trần Doãn Thắng
- 25- Đồng chí Nguyễn Thị Thủy
- 26- Đồng chí Lý A Pho
- 27- Đồng chí Hoàng Đức Sòng

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 04- QN/TU, ngày 9-5-1996

**Về việc chuẩn y Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư
các đảng bộ huyện, thị, đảng ủy trực thuộc**

Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và
Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 9-3-1995 của Ban Bí thư Trung ương
Đảng về đại hội đảng bộ các cấp;

Căn cứ vào Biên bản bầu cử Ban Thường vụ, bầu Bí thư, các Phó
Bí thư tại phiên họp thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa
khóa XVIII họp ngày 24-4-1996;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lào Cai,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y Ban Thường vụ Đảng bộ huyện Sa Pa khóa
XVIII gồm 9 đồng chí sau đây:

- 1- Đồng chí Nguyễn An Toàn
- 2- Đồng chí Nguyễn Văn Vụ
- 3- Đồng chí Má A Châu
- 4- Đồng chí Nguyễn Tân
- 5- Đồng chí Phan Anh Đăng
- 6- Đồng chí Đỗ Đình Bình
- 7- Đồng chí Đinh Ngọc Cẩm

8 - Đồng chí Giàng A Pho

9 - Đồng chí Lương Tiến Dũng

- Chuẩn y đồng chí Nguyễn An Toàn, giữ chức Bí thư Huyện ủy Sa Pa khóa XVIII.

- Chuẩn y các đồng chí: + Nguyễn Văn Vự

+ Má A Châu

Giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy Sa Pa khóa XVIII từ ngày 24-4-1996

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của từng đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, các Phó Bí thư do Ban Thường vụ Huyện ủy Sa Pa khóa XVIII phân công.

Điều 3: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Sa Pa khóa XVIII và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 05- QN/TU, ngày 9-5-1996

**Chuẩn y Ban Chấp hành đảng bộ
huyện, thị, đảng ủy trực thuộc**

Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 9-3-1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đại hội đảng bộ các cấp;

Căn cứ vào Biên bản bầu cử Ban Chấp hành tại Đại hội đại biểu Đảng bộ các cơ quan tỉnh khóa II họp ngày 27-4-1996;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lào Cai,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y 21 đồng chí (có danh sách kèm theo) là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan tỉnh khóa II nhiệm kỳ 1996-2000 từ ngày 27-4-1996.

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan tỉnh khóa II phân công.

Điều 3: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan tỉnh và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

DANH SÁCH
Chuẩn y Ủy viên Ban Chấp Đảng bộ
các cơ quan tỉnh

- 1- Đồng chí Đỗ Thành Am
- 2- Đồng chí Đàm Văn Cao
- 3- Đồng chí Lương Ngọc Cáp
- 4- Đồng chí Phạm Đình Chương
- 5- Đồng chí Trịnh Quang Chinh
- 6- Đồng chí Sần Cháng
- 7- Đồng chí Nguyễn Tiến Doanh
- 8 - Đồng chí Lâm Văn Đính
- 9 - Đồng chí Hồ Xuân Đoan
- 10- Đồng chí Nguyễn Tiến Hiếu
- 11- Đồng chí Trần Tiến Hòa
- 12- Đồng chí Phạm Kỳ
- 13- Đồng chí Nguyễn Văn Lưu
- 14- Đồng chí Nguyễn Ngọc Kim
- 15- Đồng chí Dương Thị Xuân
- 16- Đồng chí Đào Sinh Quân
- 17- Đồng chí Tấn Láo San
- 18- Đồng chí Hà Tuy
- 19- Đồng chí Cao Văn Tư
- 20- Đồng chí Ma Quang Trung
- 21- Đồng chí Nguyễn Hữu Vạn

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 06-QN/TU, ngày 9-5-1996

**Chuẩn y Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư
các đảng bộ huyện, thị, đảng ủy trực thuộc**

Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và
Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 9-3-1995 của Ban Bí thư Trung ương
Đảng về đại hội đảng bộ các cấp;

Căn cứ vào Biên bản bầu cử Ban Thường vụ, bầu Bí thư, các Phó
Bí thư tại phiên họp thứ nhất Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan
tỉnh khóa II họp ngày 27-4-1996;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lào Cai,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y Ban Thường vụ Đảng bộ các cơ quan tỉnh khóa
II gồm 7 đồng chí sau đây:

- 1- Đồng chí Lâm Văn Đính
- 2- Đồng chí Đàm Văn Cao
- 3- Đồng chí Đào Sinh Quân
- 4- Đồng chí Dương Thị Xuân
- 5- Đồng chí Hà Tuy
- 6- Đồng chí Phạm Kỳ
- 7- Đồng chí Lương Ngọc Cấp

- Chuẩn y đồng chí Lâm Văn Đính giữ chức Bí thư Đảng ủy các cơ quan tỉnh khóa II.

- Chuẩn y các đồng chí Đàm Văn Cao giữ chức Phó Bí thư Đảng ủy các cơ quan tỉnh khóa II từ ngày 27-4-1996.

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của từng đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, các Phó Bí thư do Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan tỉnh khóa II phân công.

Điều 3: Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy các cơ quan tỉnh khóa II và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 09-QĐ/TU, ngày 17-5-1996

Chuẩn y Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Sa Pa

Căn cứ Điều 32 Chương VII Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra ngày 24-4-1996 của Hội nghị Ban Chấp hành Huyện ủy Sa Pa khóa XVIII;
Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn đề nghị của Ban Chấp hành Huyện ủy Sa Pa giao cho đồng chí Phan Anh Đăng Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Sa Pa.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ Huyện ủy Sa Pa, Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và đồng chí Đăng thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 10-QĐ/TU, ngày 17-5-1996

**Chuẩn y Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy
các cơ quan tỉnh**

Căn cứ Điều 32 Chương VII Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra ngày 27-4-1996 của Hội
nghị Ban Chấp hành Đảng ủy các cơ quan tỉnh khóa II;
Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn đề nghị của Ban Chấp hành Đảng ủy các cơ quan
tỉnh giao cho đồng chí Dương Thị Xuân, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng
ủy giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy các cơ quan tỉnh.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan tỉnh, Văn phòng
Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và đồng chí
Xuân thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 01-CT/TU, ngày 19-5-1996

Về việc tổ chức Đại hội Hội Nông dân các cấp

Năm 1996 Hội Nông dân tiến hành Đại hội hai cấp cơ sở và huyện, thị để tiến tới chuẩn bị Đại hội Nông dân tỉnh vào năm 1997. Đây là một cuộc sinh hoạt chính trị sâu rộng trong toàn tỉnh, nhất là đối với cán bộ hội viên, nông dân các dân tộc trên địa bàn nông thôn, nhằm đánh dấu bước trưởng thành của tổ chức Hội trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ tỉnh Lào Cai trong những năm qua.

Hội Nông dân Việt Nam là một tổ chức đoàn thể quần chúng, là tổ chức chính trị - xã hội ở nông thôn, Hội là người đại diện quyền làm chủ của giai cấp nông dân và bảo vệ quyền lợi chính đáng của nông dân. Hội Nông dân Việt Nam là thành viên của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Hội cần được quan tâm chăm lo xây dựng vững mạnh về mọi mặt để từng bước vươn lên ngang tầm với vị trí của Hội, tạo điều kiện cho tổ chức Hội phát huy vai trò tham mưu của Đảng, động viên, giáo dục toàn thể cán bộ, hội viên thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II đề ra.

Để tiến hành Đại hội nông dân ba cấp từ tỉnh đến cơ sở đạt kết quả. Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các huyện, thị ủy, chi, đảng bộ cơ sở, các ban, ngành, đoàn thể, chính quyền các cấp và Đảng đoàn Hội Nông dân tỉnh thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục quán triệt cho cán bộ, đảng viên và hội viên nông dân các dân tộc trong tỉnh nâng cao nhận thức quan điểm của Đảng về tổ chức Hội Nông dân Việt Nam. Chăm lo xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, tạo điều kiện cho tổ chức Hội Nông dân làm tốt vai trò tham mưu cho Đảng về việc tổ chức xây dựng các phong trào hành động cách mạng ở nông thôn, thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Hướng dẫn tổ chức Hội chuẩn bị Đại hội cấp cơ sở và huyện, thị chuẩn bị tốt nội dung, phân công cấp ủy viên, cán bộ, đảng viên có đủ phẩm chất năng lực, có uy tín với quần chúng, nhiệt tình với phong trào nông dân sang làm cán bộ chủ chốt của Hội. Chú ý bố trí cán bộ nữ tham gia Ban Chấp hành ở các cấp, bảo đảm tỷ lệ theo hướng dẫn của Trung ương Hội.

Chi đạo Đại hội nông dân các cấp dịp này cần gắn với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở các địa phương, hướng cho tổ chức Hội kiểm điểm sâu sắc sự chỉ đạo của Ban Chấp hành. Xây dựng chương trình hành động, thiết thực lập thành tích chào mừng thắng lợi Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II, tiến tới tổ chức hội nghị tổng kết phong trào nông dân sản xuất nông - lâm nghiệp giỏi lần thứ ba vào cuối năm 1996.

2. Đảng đoàn Hội Nông dân tỉnh có kế hoạch chuẩn bị Đại hội cấp tỉnh và hướng dẫn các cấp hội phối hợp với các huyện, thị ủy thống nhất việc tổ chức thực hiện chỉ thị này trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc và Điều lệ quy định của Hội Nông dân Việt Nam.

3. Ủy ban nhân dân các cấp, các ban, ngành, đoàn thể tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp đỡ Hội Nông dân mở Đại hội các cấp đạt kết quả tốt, đúng thời gian quy định.

Chỉ thị này được quán triệt đến các huyện, thị ủy và chi, đảng bộ cơ sở, các ban, ngành, đoàn thể và Hội Nông dân các cấp trong toàn tỉnh.

Nhận được Chỉ thị này, các huyện, thị ủy, các chi, đảng bộ cơ sở, Đảng đoàn Hội Nông dân, các ban, ngành, đoàn thể tổ chức triển khai và báo cáo kết quả thực hiện về Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI PHIÊN HỌP LẦN THỨ NHẤT

Số 27-TB/TU, ngày 17-6-1996

Ngày 15-6-1996, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai họp phiên thứ nhất dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy (vắng đồng chí Nguyễn Đức Thăng).

Nội dung:

I. Đồng chí Tráng A Pao thông báo Quyết nghị số 1062 ngày... tháng 5-1996 của Bộ Chính trị về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai gồm 47 đồng chí và Ban Thường vụ Tỉnh ủy gồm 13 đồng chí (có danh sách cụ thể). Chuẩn y đồng chí Tráng A Pao giữ chức Bí thư Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Quý Đăng và đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ giữ chức Phó Bí thư Tỉnh ủy.

II. Sau khi nghe đồng chí Phạm Ngọc Sửu trình bày tờ trình dự kiến phân công Ban Thường vụ, các đồng chí trong Thường vụ phát biểu ý kiến. Ban Thường vụ nhất trí phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ như sau:

1. Đồng chí Tráng A Pao, phụ trách chung, trực tiếp Khối An ninh - quân sự.

2. Đồng chí Nguyễn Quý Đăng, phụ trách Khối Chính quyền và huyện Bắc Hà.

3. Đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Thường trực Tỉnh ủy và phụ trách Đảng ủy các cơ quan.

4. Đồng chí Nguyễn Đức Thắng, phụ trách huyện Than Uyên
5. Đồng chí Thào A Tráng, Trưởng ban Dân vận, phụ trách huyện Bảo Yên và Khối Đoàn thể.
6. Đồng chí Lương Xuân Mậu, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, phụ trách huyện Bảo Thắng
7. Đồng chí Bùi Quang Vinh, phụ trách thị xã Cam Đường và Công ty Apatit.
8. Đồng chí Phạm Ngọc Sửu, Trưởng ban Tổ chức, phụ trách huyện Văn Bàn.
9. Đồng chí Vũ Đình Đồi, phụ trách Bộ chỉ huy Quân sự và Biên phòng.
10. Đồng chí Giàng Seo Phử, phụ trách huyện Sa Pa.
11. Đồng chí Hoàng Minh Ngọc, phụ trách Công an tỉnh và huyện Bát Xát.
12. Đồng chí Nguyễn Văn Lăng, phụ trách thị xã Lào Cai, trực tiếp làm Bí thư Thị ủy Lào Cai
13. Đồng chí Nguyễn Đình Vững, phụ trách huyện Mường Khương, trực tiếp làm Bí thư huyện Mường Khương.

Yêu cầu các đồng chí trong Ban Thường vụ xây dựng chương trình công tác toàn khóa của cá nhân gửi về Thường trực Tỉnh ủy để tiện theo dõi, chỉ đạo và giúp đỡ các đồng chí.

III. Đồng chí Tráng A Pao phổ biến Công điện số 328, ngày 13-6-1996 triệu tập Đại hội của Ban Chấp hành Trung ương Đảng và trình bày dự kiến phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ, Thường trực tỉnh trong thời gian Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII từ ngày 20-6-1996. Ban Thường vụ nhất trí như sau:

1. Đồng chí Bùi Quang Vinh, Thường trực bên Tỉnh ủy.
2. Đồng chí Nguyễn Đức Thắng, Thường trực bên Ủy ban nhân dân tỉnh.

Các đồng chí làm nhiệm vụ Thường trực có trách nhiệm giải quyết các công việc hàng ngày mà Ban Thường vụ đã có chủ trương.

Khi có vấn đề đột xuất xảy ra phải giải quyết ngay thì đồng chí Bùi Quang Vinh chủ trì triệu tập các đồng chí trong Ban Thường vụ có mặt ở tỉnh để họp bàn cách giải quyết và báo cáo các đồng chí lãnh đạo đang dự Đại hội qua điện thoại. Nếu sự việc nghiêm trọng thì phải điện xin ý kiến ngay các đồng chí lãnh đạo.

IV. Sau khi nghe đồng chí Phạm Ngọc Sửu đọc tờ trình về việc cho thôi giữ chức đại biểu Hội đồng nhân dân và bầu bổ sung một số đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, thị xã và phường, Ban Thường vụ thảo luận nhất trí như sau:

1. Thị xã Lào Cai

- Nhất trí cho đồng chí Vũ Ngọc Cừ thôi giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã, đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã Lào Cai vì đã chuyển công tác khác trên tỉnh.

- Nhất trí cho đồng chí Tấn Láo San thôi giữ chức đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã vì đã chuyển công tác khác trên tỉnh.

- Nhất trí bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Văn Lăng, Bí thư Thị ủy Lào Cai vào Hội đồng nhân dân thị xã để bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân thị xã.

- Nhất trí giao cho Thị ủy Lào Cai kết hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền lựa chọn 1 đồng chí để bầu giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy, đại biểu Hội đồng nhân dân thị xã và giữ chức Trưởng Ban pháp chế của Hội đồng nhân dân thị xã.

- Nhất trí cho thị xã Lào Cai tổ chức bầu bổ sung 6 đại biểu Hội đồng nhân dân phường Cốc Lếu thay thế cho các đại biểu bị bãi miễn.

2. Huyện Than Uyên

- Nhất trí cho đồng chí Lò Hải Luân thôi giữ chức đại biểu Hội đồng nhân dân huyện vì đã nhận công tác khác trên tỉnh.

- Nhất trí bầu đồng chí Hoàng Văn Bòng, Phó Bí thư Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện vào Hội đồng nhân dân huyện để bầu giữ chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

3. Huyện Sa Pa

- Nhất trí bầu đồng chí Đinh Ngọc Cân, Ủy viên Thường vụ Huyện ủy, Trưởng phòng Nông nghiệp và phát triển nông thôn giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

4. Huyện Mường Khương

- Nhất trí cho đồng chí Nguyễn Văn Đạt, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện nghỉ hưu.

- Nhất trí cho đồng chí Hồ Hữu Cơ, Ủy viên Thường vụ Huyện ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy, Trưởng phòng Pháp chế Hội đồng nhân dân huyện thôi giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, Trưởng ban Pháp chế để bầu giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Mường Khương.

- Nhất trí bầu đồng chí Nguyễn Văn Trường, Ủy viên Thường vụ Huyện ủy giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy.

* Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai quyết định thời gian bầu cử cho phù hợp và tổ chức việc bầu cử các chức danh Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, phường theo đúng luật định.

* Các ban đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Ban cán sự các ngành chức năng có liên quan chỉ đạo ban, ngành mình giúp cho Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai tổ chức thực hiện việc bầu cử.

Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai, huyện Than Uyên, Sa Pa, Mường Khương có trách nhiệm chỉ đạo bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân và kiện toàn cơ quan Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thị, phường đúng quy định của Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
TRẮNG A PAO**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 38-TB/TU, ngày 5-8-1996

**Về kết luận của đồng chí Tráng A Pao,
Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai tại phiên họp giao ban
Khối Nội chính ngày 1-8-1996**

Ngày 1-8-1996, đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì phiên họp giao ban Khối Nội chính, dự họp có 10 ngành trong Khối Nội chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, đại diện Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Tỉnh ủy, Bí thư Thị ủy Lào Cai.

Sau khi nghe các ngành trong khối báo cáo tình hình công tác tháng 7 và kế hoạch hoạt động tháng 8, các đại biểu dự họp phát biểu ý kiến, đồng chí Tráng A Pao kết luận như sau:

1- Tình hình quản lý biên giới và chống buôn lậu, chống đưa người qua lại biên giới trái phép có tiến bộ so với tháng trước. Tuy nhiên vẫn giữ được tình hình biên giới cơ bản ổn định, những vấn đề nảy sinh đã sớm được giải quyết thông qua đối ngoại, theo tinh thần hợp tác.

2- Tai tệ nạn xã hội có chiều hướng gia tăng, xảy ra nhiều vụ án nghiêm trọng như giết người, chống người thi hành công vụ, nhiều vụ trọng án chưa tìm và bắt được thủ phạm, đã ảnh hưởng tới trật tự, an toàn xã hội ở nhiều địa phương trong tỉnh.

3- Tình hình tuyên truyền phản động và mê tín dị đoan có chiều hướng phát triển ở Bảo Yên, Bắc Hà, Than Uyên, Sa Pa, Bát Xát, có

hiện tượng mở rộng tới các đối tượng là người Tày, Dao, Thái mà chưa có biện pháp giải quyết dứt điểm.

4 - Quản lý người nước ngoài vào sâu nội địa chưa được tốt.

Trong tháng 8 yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện tốt một số vấn đề sau:

1- Tăng cường quản lý biên giới, nhất là ở các cửa khẩu, các lối mòn bằng các biện pháp chấn chỉnh lại các lực lượng làm nhiệm vụ trên biên giới, xử lý thích đáng những cán bộ vi phạm, thay ngay những người không đủ năng lực phẩm chất, có hành vi tiêu cực khi làm nhiệm vụ, tăng cường sự phối hợp giữa các lực lượng hoạt động trên biên giới, đẩy mạnh hợp tác với các lực lượng của nước bạn để chống vi phạm hiệp định quản lý biên giới. Bố trí lại dân cư sống sát biên giới, nhất là dân cư của phường Lào Cai và phường Duyên Hải - thị xã Lào Cai. Kiên quyết thu hết các thuyền nan hoạt động trái phép trên sông Hồng và sông Nậm Thi, Công an tỉnh quản lý chặt chẽ các loại mô tô Minxk mà bọn buôn lậu thường sử dụng để chở lậu gỗ pơ mu, chấm dứt việc trồng chuối thuê cho người Trung Quốc ở Bát Xát.

2- Những vụ trọng án đã bắt được đối tượng, các ngành phải phối hợp hoàn chỉnh hồ sơ và xét xử ngay để lập lại trật tự trị an trong xã hội.

3- Trước tình hình đơn khiếu nại, tố cáo ngày càng gia tăng, yêu cầu các ngành, các cấp tập trung giải quyết kịp thời, công minh để giữ gìn kỷ cương và bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của công dân, giao cho Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và Ban Bảo vệ chính trị nội bộ tiến hành kiểm tra các vụ vi phạm xảy ra ở Sở Xây dựng và công tác thanh tra của Thanh tra tỉnh tại đây, để Tỉnh ủy có kết luận và giải quyết dứt điểm vào tháng 9-1996.

4- Về điểm dừng tàu liên vận quốc tế thực hiện theo nguyên tắc tàu của nước nào dừng tại địa phận của nước đó, tàu nước ta không được phép dừng sang đất bạn và chúng ta không cho phép tàu bạn dừng sang nước ta, trừ khi Bộ Giao thông vận tải có thỏa thuận khác với nước bạn.

5- Yêu cầu các ngành, các cấp xây dựng chương trình hành động để thực hiện Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị về chống tham nhũng.

Các ngành, các cấp thực hiện Thông báo này và hằng tuần báo cáo về Thường trực Tỉnh ủy.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠ ĐÌNH CHƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 42-TB/TU, ngày 8-8-1996

Về vấn đề cán bộ và tổ chức tại phiên họp ngày 7-8-1996

Ngày 7-8-1996 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy. Tham dự phiên họp có mặt 12 đồng chí (vắng đồng chí Thào A Tráng). Sau khi nghe đồng chí Phạm Ngọc Sửu lần lượt trình một số vấn đề về công tác cán bộ và tổ chức, các đồng chí trong Ban Thường vụ thảo luận và đi đến thống nhất như sau:

I. VỀ ĐẠI HỘI ĐẠI BIỂU ĐẢNG BỘ THỊ XÃ LÀO CAI LẦN THỨ II NHẤT TRÍ DUYỆT BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ XÃ LÀ 33 ĐỒNG CHÍ THEO DANH SÁCH TRONG TỜ TRÌNH. BAN THƯỜNG VỤ THỊ ỦY GỒM 11 ĐỒNG CHÍ ĐỂ GIỮ CÁC CHỨC VỤ

1. Đồng chí Nguyễn Văn Lãng, Bí thư Thị ủy
2. Đồng chí Phạm Khắc Khang, Phó Bí thư Thị ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã
3. Đồng chí Nguyễn Kim Đề, Phó Bí thư Thị ủy
4. Đồng chí Nguyễn Công Tính, Trưởng ban Tổ chức
5. Đồng chí Đào Xuân Hanh, Trưởng công an thị xã
6. Đồng chí Phan Minh Chanh, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự

7. Đồng chí Đào Đăng Khoa, Trưởng ban Tuyên giáo
 8. Đồng chí Cao Đức Hải, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã
 9. Đồng chí Vũ Năng Đại, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy
 10. Đồng chí Nguyễn Văn Thuyết, Bí thư Đảng ủy phường Cốc Lếu
 11. Đồng chí Nguyễn Danh Pho, Bí thư Đảng ủy phường Kim Tân.
- Thời gian Đại hội từ ngày 12 đến 15-8-1996.

II. CƯỜNG CỐ TỔ CHỨC CÁC BAN CÁN SỰ

1. Ban cán sự Đảng Đài Phát thanh - Truyền hình: Bổ sung đồng chí Phan Quang Hưng, Phó Giám đốc Đài vào Ban cán sự thay đồng chí Mã A Lềnh chuyển công tác khác, giữ chức Ủy viên.

2. Đổi tên Ban cán sự Đảng Ủy ban Kế hoạch tỉnh thành Ban cán sự Sở Kế hoạch và đầu tư. Bổ sung đồng chí Cao Trí Thức, Giám đốc Sở vào Ban cán sự giữ chức Bí thư Ban cán sự thay đồng chí Nguyễn Đức Thăng đã chuyển công tác khác.

Bổ sung đồng chí Lâm Thị Giáo, Bí thư chi bộ vào Ban cán sự giữ chức Ủy viên Ban cán sự.

3. Đổi tên Ban cán sự Đảng Sở Nông - Lâm nghiệp thành Ban cán sự Đảng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Ban cán sự gồm các đồng chí sau:

1. Đồng chí Hoàng Mịch, Giám đốc Sở, Bí thư Ban cán sự
2. Đồng chí Ma Quang Trung, Phó Giám đốc Sở, Ủy viên
3. Đồng chí Nguyễn Văn Hà, Phó Giám đốc Sở, Ủy viên
4. Đồng chí Đặng Văn Nghiết, Phó Giám đốc Sở, Ủy viên
5. Đồng chí Nguyễn Duy Hưng, Phó Giám đốc Sở, Ủy viên

4. Thành lập Ban cán sự Đảng Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường gồm các đồng chí sau:

1. Đồng chí Ngô Trọng Mỹ, Giám đốc Sở, Bí thư Ban cán sự
2. Đồng chí Trần Đình Sự, Phó Giám đốc Sở, Ủy viên
3. Đồng chí Dương Bá Trực, Trưởng phòng Tổng hợp - tổ chức, Ủy viên
4. Đồng chí Phạm Thị Lan, phụ trách Phòng Môi trường, Chủ tịch Công đoàn, Ủy viên

5. Thành lập Ban cán sự Đảng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội gồm các đồng chí sau:

1. Đồng chí Hoàng Phú Khên, Giám đốc Sở, Bí thư Ban cán sự
2. Đồng chí Trịnh Văn Thanh, Phó Giám đốc Sở, Ủy viên
3. Đồng chí Đặng Kim Trọng, Chủ tịch Công đoàn, Ủy viên

6. Thành lập Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh Lào Cai gồm các đồng chí sau:

1. Đồng chí Trần Tiến Hòa, Chủ tịch Liên đoàn Lao động, Bí thư Đảng đoàn
2. Đồng chí Nguyễn Quang Tụ, Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động, Ủy viên
3. Đồng chí Nguyễn Thị Lương, Ủy viên Thường vụ Liên đoàn Lao động, Ủy viên

7. Thành lập Đảng đoàn Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh gồm các đồng chí sau:

1. Đồng chí Mã A Lềnh, Chủ tịch Hội, Bí thư Đảng đoàn
2. Đồng chí Phùng Chiến, Phó Chủ tịch Hội, Ủy viên
3. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Thông, Trưởng ban Biên tập, Ủy viên

8. Thành lập Ban cán sự Đảng Chi cục Kiểm lâm nhân dân tỉnh gồm các đồng chí sau:

1. Đồng chí Nguyễn Quang Hưng, Chi cục trưởng, Bí thư Ban cán sự
 2. Đồng chí Nguyễn Tiến Khoát, Phó Chi cục trưởng, Ủy viên
 3. Đồng chí Trần Văn Lưu, Trưởng phòng Tổ chức tổng hợp, Ủy viên
- Nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng theo quy định của Ban Tổ chức Trung ương Đảng.

III. CÔNG TÁC CÁN BỘ

1. Nghỉ chế độ hưu trí theo Nghị định 29-CP

1. Đồng chí Hà Lát, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai.

2. Đồng chí Bùi Bằng Thịnh, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy Lào Cai.
3. Đồng chí Vũ Đình Khúc, nguyên Phó Bí thư Đảng ủy các cơ quan tỉnh.
4. Đồng chí Nguyễn Trọng Khang, Nguyên Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Sa Pa.

Thời gian bắt đầu nghỉ: Từ ngày 1-9-1996.

2. Đề bạt cán bộ

1. Đồng chí Trần Nguyên, Phó Văn phòng Tỉnh ủy giữ chức Chánh Văn phòng Tỉnh ủy.
2. Đồng chí Đặng Đình Đào, Chủ tịch Công đoàn Bưu điện tỉnh giữ chức Phó Giám đốc Bưu điện tỉnh.

IV. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO CÁN BỘ

1. Đi học lớp Đại học chính trị (khóa V) tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh từ ngày 9-9-1996 đến ngày 30-6-1998:

1. Đồng chí Nguyễn Chí Sủ, Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện Mường Khương.
2. Đồng chí Bùi Thị Kim Dung, Huyện ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Văn Bàn.
3. Đồng chí Trần Quốc Toàn, chuyên viên chính Ban Tổ chức Tỉnh ủy.
4. Đồng chí Đinh Văn Toàn, Giám đốc Lâm trường Bắc Hà - Lào Cai.

2. Đi học lớp đào tạo lý luận chính trị cao cấp ngắn ngày (khóa I) từ ngày 7-10-1996 đến ngày 21-6-1997:

1. Đồng chí Lê Hồng Phong, Trưởng phòng Giáo dục - Đào tạo huyện Bắc Hà
2. Đồng chí Tráng A Chơ, Thường vụ Huyện ủy, Trưởng Công an huyện Mường Khương.
3. Đồng chí Phạm Đình Quê, Huyện ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng.
4. Đồng chí Bùi Quang Bính, Phó ban Ngoại vụ - biên giới tỉnh

5. Đồng chí Trần Văn Thu, Bí thư Đảng ủy Xí nghiệp vận tải ô tô - Công ty Apatít Việt Nam.

3. Đi học lớp bồi dưỡng lý luận chính trị cao cấp (A7) từ ngày 5-9-1996 đến ngày 31-01-1997:

1. Đồng chí Mai Quốc Tờ, Phó Bí thư Huyện ủy Bảo Thắng

2. Đồng chí Ngô Khoái, Thường vụ Huyện ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà.

V. KỶ LUẬT CÁN BỘ

1. Đồng chí Khúc Văn Chính, Phó Chủ tịch Thường trực Hội Chữ thập đỏ Lào Cai.

Khuyết điểm: Xâm tiêu và chi sai nguyên tắc một số tiền trong dự án “chăm sóc sức khỏe ban đầu” do Đan Mạch tài trợ cho tỉnh làm ảnh hưởng tới quá trình thực hiện dự án, quan hệ giữa tổ chức tài trợ và tỉnh, làm giảm lòng tin của nhân dân vùng dự án vào Đảng bộ và chính quyền các cấp.

Hình thức kỷ luật: Khiển trách

Giao cho Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy xem xét hóa đơn, chứng từ chi tiêu và yêu cầu ông Khúc Văn Chính bồi thường những chi phí sai, thất thoát, không được trừ vào kinh phí của cơ quan.

Các ban Đảng của Tỉnh ủy, các Đảng ủy trực thuộc, Ủy ban nhân dân tỉnh, các Ban cán sự, Đảng đoàn và các cá nhân có liên quan thực hiện ngay Thông báo này. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc báo cáo với Thường trực Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 29-QĐ/TU, ngày 16-8-1996
Về việc thành lập Ban cán sự Đảng
Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường tỉnh Lào Cai

Căn cứ vào Quyết định số 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư Trung ương và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương Đảng về thành lập Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng;

Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 7-8-1996 về công tác tổ chức, cán bộ;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Ban cán sự Đảng Sở Khoa học - Công nghệ và Môi Trường tỉnh Lào Cai gồm các đồng chí sau:

- 1- Đồng chí Ngô Trọng Mỹ, Giám đốc Sở, Bí thư Ban cán sự Đảng.
- 2- Đồng chí Trần Đình Sự, Phó Giám đốc Sở, Ủy viên Ban cán sự Đảng.
- 3- Đồng chí Dương Bá Trục, Trưởng phòng Tổng hợp - tổ chức, Ủy viên Ban cán sự Đảng.

Điều 2: Nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức hoạt động của Ban cán sự Đảng Sở Khoa học- Công nghệ và Môi trường được quy định tại hướng dẫn ngày 5-4-1993 của Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường, các đồng chí có tên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 30-QĐ/TU, ngày 16-8-1996

Về việc thành lập Đảng đoàn Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Lào Cai

Căn cứ vào Quyết định số 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư Trung ương và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương Đảng về thành lập Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng;

Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 7-8-1996 về công tác tổ chức, cán bộ;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Đảng đoàn Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Lào Cai gồm các đồng chí sau:

- 1- Đồng chí Mã A Lềnh, Chủ tịch, Bí thư Đảng đoàn.
- 2- Đồng chí Phùng Chiến, Phó Chủ tịch, Ủy viên Đảng đoàn.
- 3- Đồng chí Nguyễn Thị Minh Thông, Trưởng ban Biên tập Hội Văn học - Nghệ thuật, Ủy viên Ban cán sự Đảng đoàn.

Điều 2: Nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức hoạt động của Đảng đoàn Hội Văn học - Nghệ thuật được quy định tại hướng dẫn ngày 5-4-1993 của Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng đoàn Hội Văn học - Nghệ thuật, các đồng chí có tên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 31-QĐ/TU, ngày 16-8-1996

Về việc thành lập Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh Lào Cai

Căn cứ vào Quyết định số 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư Trung ương và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương Đảng về thành lập Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng;

Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 7-8-1996 về công tác tổ chức, cán bộ;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh Lào Cai gồm các đồng chí sau:

1- Đồng chí Trần Tiến Hòa, Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh, Bí thư Đảng đoàn.

2- Đồng chí Nguyễn Quang Tụ, Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh, Ủy viên Đảng đoàn.

3- Đồng chí Nguyễn Thị Lương, Ủy viên Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh, Trưởng ban Nữ công, Ủy viên Đảng đoàn.

Điều 2: Nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức hoạt động của Đảng đoàn Liên đoàn Lao động được quy định tại hướng dẫn ngày 5-4-1993 của Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng đoàn Liên đoàn Lao động, các đồng chí có tên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 32-QĐ/TU, ngày 16-8-1996

Về việc thành lập Ban cán sự Đảng Chi cục Kiểm lâm nhân dân tỉnh Lào Cai

Căn cứ vào Quyết định số 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư Trung ương và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương Đảng về thành lập Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng;

Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 7-8-1996 về công tác tổ chức, cán bộ;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Ban cán sự Đảng Chi cục Kiểm lâm nhân dân tỉnh Lào Cai gồm các đồng chí sau:

1- Đồng chí Nguyễn Quang Hưng, Chi cục trưởng, Bí thư Ban cán sự Đảng.

2- Đồng chí Nguyễn Tiến Khoát, Phó Chi cục trưởng, Ủy viên Ban cán sự Đảng.

3- Đồng chí Trần Văn Lưu, Trưởng phòng Tổ chức - tổng hợp kiêm Chủ tịch Công đoàn, Ủy viên Ban cán sự Đảng.

Điều 2: Nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức hoạt động của Ban cán sự Đảng Chi cục Kiểm lâm nhân dân được quy định tại hướng dẫn ngày 5-4-1993 của Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Chi cục Kiểm lâm nhân dân, các đồng chí có tên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 33-QĐ/TU, ngày 16-8-1996

**Về việc đổi tên và bổ sung Ủy viên Ban cán sự Đảng
Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Lào Cai**

Căn cứ vào Quyết định số 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư Trung ương và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương Đảng về thành lập Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng;

Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 7-8-1996 về công tác tổ chức, cán bộ;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Đổi tên “Ban cán sự Đảng Ủy ban Kế hoạch tỉnh Lào Cai” thành “Ban cán sự Đảng Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Lào Cai”.

Bổ sung những đồng chí sau vào Ban cán sự Đảng:

1- Đồng chí Cao Trí Thức, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở làm Bí thư Ban cán sự Đảng thay đồng chí Nguyễn Đức Thăng đã chuyển công tác.

2- Đồng chí Lâm Thị Giáo, Bí thư chi bộ làm Ủy viên Ban cán sự Đảng.

Điều 2: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Sở Kế hoạch - Đầu tư, các đồng chí có tên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 34-QĐ/TU, ngày 16-8-1996

**Về việc bổ sung Ủy viên Ban cán sự Đảng
Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Lào Cai**

Căn cứ vào Quyết định số 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư Trung ương và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương Đảng về thành lập Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng;

Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 7-8 - 1996 về công tác tổ chức, cán bộ;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Bổ sung đồng chí Phan Quang Hưng, Phó Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh làm Ủy viên Ban cán sự Đảng Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Lào Cai thay đồng chí Mã A Lềnh đã chuyển công tác khác.

Điều 2: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và đồng chí Phan Quang Hưng có tên căn cứ Quyết định thi hành.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 35-QĐ/TU, ngày 16-8-1996

**Về việc đổi tên và kiện toàn Ban cán sự Đảng
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai**

Căn cứ vào Quyết định số 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư Trung ương và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương Đảng về thành lập Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng;

Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 7-8-1996 về công tác tổ chức, cán bộ;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Đổi tên “Ban cán sự Đảng Sở Nông lâm nghiệp” thành “Ban cán sự Đảng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai”.

Kiện toàn Ban cán sự Đảng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gồm các đồng chí sau đây:

1- Đồng chí Hoàng Mịch, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở làm Bí thư Ban cán sự Đảng

2- Đồng chí Ma Quang Trung, Phó Giám đốc Sở, Ủy viên Ban cán sự Đảng.

3- Đồng chí Nguyễn Văn Hà, Phó Giám đốc Sở, Ủy viên Ban cán sự Đảng.

4- Đồng chí Đặng Văn Nghiết, Phó Giám đốc Sở, Ủy viên Ban cán sự Đảng.

5- Đồng chí Nguyễn Duy Hưng, Phó Giám đốc Sở, Ủy viên Ban cán sự Đảng.

Điều 2: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, các đồng chí có tên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 36-QĐ/TU, ngày 16-8-1996
Về việc thành lập Ban cán sự Đảng
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai

Căn cứ vào Quyết định số 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư Trung ương và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương Đảng về thành lập Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng;

Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 7-8-1996 về công tác tổ chức, cán bộ;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Ban cán sự Đảng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai gồm các đồng chí sau:

1- Đồng chí Hoàng Phú Khên, Tỉnh ủy viên, Giám đốc Sở, Bí thư Ban cán sự Đảng.

2- Đồng chí Trịnh Văn Thanh, Phó Giám đốc Sở, Ủy viên Ban cán sự Đảng.

3- Đồng chí Đặng Kim Trọng, Chủ tịch Công đoàn, Ủy viên Ban cán sự Đảng.

Điều 2: Nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức hoạt động của Ban cán sự Đảng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội được quy định tại hướng dẫn ngày 5-4-1993 của Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, các đồng chí có tên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT NGHỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 37-QN/TU, ngày 23-8-1996

**Chuẩn y Ban Chấp hành đảng bộ huyện, thị,
đảng ủy trực thuộc**

Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Chỉ thị số 51-CT/TW ngày 9-3-1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Đại hội Đảng bộ các cấp;

Căn cứ vào biên bản bầu cử Ban Chấp hành tại Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa 2 ngày 14-8-1996;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lào Cai,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y 33 đồng chí (có danh sách kèm theo) là Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa II nhiệm kỳ 1996 - 2000 từ ngày 14-8-1996.

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa II phân công.

Điều 3: Văn phòng Đảng ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH
Chuẩn y Ủy viên Ban Chấp Đảng bộ
thị xã Lào Cai khóa II

- 1- Đồng chí Nguyễn Văn Lăng
- 2- Đồng chí Phạm Khắc Khang
- 3- Đồng chí Nguyễn Kim Đê
- 4- Đồng chí Nguyễn Trung Tính
- 5- Đồng chí Đào Xuân Hanh
- 6- Đồng chí Phan Minh Chanh
- 7- Đồng chí Nguyễn Văn Thuyết
- 8- Đồng chí Đào Đăng Khoa
- 9- Đồng chí Cao Đức Hải
- 10- Đồng chí Nguyễn Danh Pho
- 11- Đồng chí Vũ Năng Đại
- 12- Đồng chí Phạm Văn Ty
- 13- Đồng chí Nguyễn Hữu Đức
- 14- Đồng chí Lưu Văn Chuối
- 15- Đồng chí Mai Thị Yến
- 16- Đồng chí Vũ Kim Quy
- 17- Đồng chí Nguyễn Quang Đỉnh
- 18- Đồng chí Nguyễn Thanh Dương
- 19- Đồng chí Vũ Ngọc Hồng
- 20- Đồng chí Nguyễn Văn Đông
- 21- Đồng chí Trần Văn Năm
- 22- Đồng chí Nguyễn Thị Hằng
- 23- Đồng chí Đào Quang Nhân
- 24- Đồng chí Phạm Quang Trung
- 25- Đồng chí Nguyễn Văn Chính
- 26- Đồng chí Lê Ngọc Hưng
- 27- Đồng chí Nguyễn Văn Thuận
- 28- Đồng chí Đặng Song Nam

- 29- Đồng chí Lưu Văn Phẩm
- 30- Đồng chí Bùi Hữu Nhiên
- 31- Đồng chí Nguyễn Thanh Bình
- 32- Đồng chí Tráng A Phù
- 32- Đồng chí Nguyễn Như Bình

QUYẾT NGHỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 38-QN/TU, ngày 23-8-1996

**Chuẩn y Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư các đảng bộ
huyện, thị, đảng ủy trực thuộc**

Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và
Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 9-3-1995 của Ban Bí thư Trung ương
Đảng về Đại hội Đảng bộ các cấp;

Căn cứ vào Biên bản bầu cử Ban Thường vụ, bầu Bí thư, các phó
Bí thư tại phiên họp Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa II
ngày 14-8-1996;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lào Cai,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Chuẩn y Ban Thường vụ Thị ủy thị xã Lào Cai khóa II
gồm 11 đồng chí sau đây:

- 1- Đồng chí Nguyễn Văn Lãng
- 2- Đồng chí Phạm Khắc Khang
- 3- Đồng chí Nguyễn Kim Đê
- 4- Đồng chí Đào Xuân Hanh
- 5 - Đồng chí Vũ Năng Đại
- 6 - Đồng chí Nguyễn Danh Pho
- 7- Đồng chí Đào Đăng Khoa

8 - Đồng chí Nguyễn Văn Thuyết

9- Đồng chí Phan Minh Chanh

10 - Đồng chí Nguyễn Trung Tính

11 - Đồng chí Cao Đức Hải

- Chuẩn y đồng chí Nguyễn Văn Lăng giữ chức vụ Bí thư Thị ủy
Lào Cai khóa II.

- Chuẩn y đồng chí:

+ Nguyễn Kim Đê

+ Phạm Khắc Khang

Giữ chức vụ Phó Bí thư Thị ủy Lào Cai khóa II từ ngày 14-8-1996.

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ,
Bí thư, các Phó Bí thư do Ban Thường vụ thị xã Lào Cai khóa II phân
công.

Điều 3: Văn phòng Đảng ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp
hành Đảng bộ thị xã Lào Cai và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết
nghị thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 02-CT/TU, ngày 23-8-1996

Về việc tổ chức Đại hội cựu chiến binh các cấp

Hội Cựu Chiến binh Việt Nam là một đoàn thể nhân dân, đại diện ý chí và quyền lợi của cựu chiến binh là thành viên của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, hoạt động chính trị - xã hội theo đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước. Mục đích của Hội là phát huy truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” tham gia bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ Đảng Cộng sản Việt Nam, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, bảo vệ quyền lợi chính đáng của hội viên, giúp đỡ lẫn nhau về tinh thần và vật chất gắn bó tình bạn chiến đấu.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và sự quan tâm giúp đỡ của chính quyền, cùng với sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các đoàn thể, Hội Cựu chiến binh tỉnh trong những năm qua nhất là sau Đại hội nhiệm kỳ thứ I (1992- 1996) đến nay đã có nhiều nỗ lực trong công tác “xây dựng Hội vững mạnh”, “Hội viên gương mẫu”. Hội đã tham gia vào nhiều mặt công tác chính trị, an ninh - quốc phòng, kinh tế, văn hóa, xã hội, v.v. có hiệu quả tốt.

- Để tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với Hội Cựu chiến binh, trước hết cần tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác Đại hội Cựu chiến binh các cấp sắp tới.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các huyện, thị ủy và Đảng ủy trực thuộc thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục quán triệt cho cán bộ đảng viên, hội viên cựu chiến binh và nhân dân hiểu rõ

- Hội Cựu chiến binh Việt Nam được thành lập là một chủ trương đúng đắn, kịp thời của Đảng, vừa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới, vừa đáp ứng nguyện vọng thiết tha, chính đáng của cựu chiến binh Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Hội Cựu chiến binh Việt Nam ra đời đã tăng thêm sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, động viên và phát huy nhiệt tình cách mạng, ý chí kiên cường của cựu chiến binh Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới của đất nước.

- Hội Cựu chiến binh Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật của Nhà nước; giữ mối quan hệ chặt chẽ với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân.

- Đối với các tổ chức Hội Cựu chiến binh cần quán triệt sâu sắc thêm những nhiệm vụ cơ bản của mình là:

- Tham gia xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, góp phần ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

- Tham gia góp ý kiến với Đảng và Nhà nước trong việc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội; tham gia xây dựng Đảng bộ và chính quyền địa phương trong sạch, vững mạnh.

- Tham gia giáo dục, bồi dưỡng truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào giúp đỡ nhau phát triển kinh tế gia đình và kinh tế hợp tác, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống trong cựu chiến binh và cựu quân nhân.

2. Về công tác Đại hội cựu chiến binh các cấp, cần tập trung lãnh đạo để các Đại hội thực hiện tốt phương châm: Đoàn kết, đổi mới, dân chủ, thiết thực và có hiệu quả

Nội dung Đại hội phải đánh giá đúng tình hình của phong trào cựu chiến binh, hoạt động của các cấp hội trong nhiệm kỳ vừa qua,

vạch rõ được những ưu, khuyết điểm, nguyên nhân và biện pháp sửa chữa. Đề ra được phương hướng nhiệm vụ trong nhiệm kỳ tới, phù hợp với tinh thần đổi mới về công tác dân vận của Đảng.

Về nhân sự: Cần lãnh đạo để các Đại hội bầu ra được. Ban Chấp hành có đủ năng lực, phẩm chất, đủ sức lãnh đạo Hội trong nhiệm kỳ tới. Đảng cần giới thiệu những đảng viên là cựu chiến binh có năng lực, phẩm chất tốt uy tín cao, ứng cử làm cán bộ chủ chốt của các cấp hội.

3. Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh tỉnh cùng Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh sớm có kế hoạch chương trình cụ thể, để chỉ đạo và hướng dẫn các cấp hội tổ chức tốt công tác Đại hội cựu chiến binh. Thực hiện chỉ đạo Đại hội điểm trước ở một số nơi để rút kinh nghiệm chung, sau đó sẽ tiến hành triển khai trong phạm vi toàn tỉnh.

Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh phối hợp với các huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc thực hiện tốt chỉ thị này trên cơ sở bảo đảm nguyên tắc và Điều lệ quy định của Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

4. Ủy ban nhân dân các cấp, các ban, ngành, đoàn thể tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp đỡ Hội Cựu chiến binh mở Đại hội theo đúng kế hoạch và đạt kết quả tốt

Chỉ thị này được quán triệt đến các chi, đảng bộ cơ sở, các ban, ngành, đoàn thể và Hội Cựu chiến binh các cấp trong tỉnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 44-QĐ/TU, ngày 24-8-1996

Chuẩn y Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai

Căn cứ vào Điều 32 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra ngày 14-8-1996 của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa II;

Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y đề nghị của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai, giao cho đồng chí Vũ Năng Đại, Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai, Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và đồng chí Vũ Năng Đại căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 45-QĐ/TU, ngày 24-8-1996

Chuẩn y Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
Huyện ủy Mường Khương

Căn cứ vào Điều 32 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra ngày 29-7-1996 của Hội
nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Huyện ủy Mường Khương khóa XIX;
Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y đề nghị của Ban Chấp hành Đảng bộ Huyện ủy
Mường Khương, giao cho đồng chí Nguyễn Văn Trường, Ủy viên Ban
Thường vụ Huyện ủy, giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện
ủy Mường Khương.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ Huyện ủy Mường Khương, Văn
phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
và đồng chí Nguyễn Văn Trường căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**Số 47-QĐ/TU, ngày 28-8-1996
Chuẩn y Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai**

Căn cứ vào Điều 31 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra ngày 14-8-1996 của Hội
nghị Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa II;
- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai, gồm có các
thành viên sau đây:

1. Đồng chí Vũ Năng Đại
2. Đồng chí Nguyễn Quốc Huân
3. Đồng chí Trần Văn Quỳnh
4. Đồng chí Nguyễn Trung Tính
5. Đồng chí Đỗ Văn Phụ

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai, Văn phòng Tỉnh
ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng
chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ**

Lưu trữ tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 48-TB/TU, ngày 30-8-1996

Về Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa II)

Ngày 19, 20 tháng 8-1996, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa II); đồng chí Tráng A Pao, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì Hội nghị.

Sau khi nghe dự thảo quy chế làm việc, dự thảo chương trình công tác của Ban Chấp hành Đảng bộ (khóa II) nhiệm kỳ 1996 - 2000 và dự thảo kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết 14-NQ/TW, ngày 15-5-1996 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy kết luận hội nghị như sau:

1- Về dự thảo quy chế làm việc của Ban Chấp hành: Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp ý kiến góp ý của Ban Chấp hành, bổ sung sửa lại dự thảo quy chế làm việc, sau đó Văn phòng Tỉnh ủy chỉnh lý lại lần cuối, xin ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy và ban hành chính thức quy chế làm việc của Ban Chấp hành.

2- Về dự thảo chương trình công tác của Ban Chấp hành: Giao cho Văn phòng Tỉnh ủy sắp xếp lại nội dung, chương trình các hội nghị của Ban Chấp hành. Chú ý việc chuẩn bị bố trí thời gian ra nghị quyết, sơ kết, tổng kết đánh giá quá trình thực hiện những chuyên đề lớn sau đây:

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với ổn định dân cư, chương trình xóa đói, giảm nghèo ở Lào Cai đến năm 2000.

- Vấn đề du lịch, dịch vụ.

- Vấn đề kinh tế đối ngoại và xuất nhập khẩu.

- Nghị quyết về công tác giáo dục - đào tạo (tập trung đi sâu vào nhiệm vụ phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ).

- Công tác củng cố hệ thống chính trị cơ sở.

Ban Thường vụ theo dõi chương trình công tác của Ban Chấp hành; khi cần có thể điều chỉnh về thời gian, nội dung các kỳ họp để phù hợp với diễn biến của tình hình thực tế, bảo đảm thực hiện chương trình công tác của Ban Chấp hành đạt chất lượng và hiệu quả.

3- Về thực hiện Nghị quyết 14-NQ/TW, ngày 15-5-1996 của Bộ Chính trị: Sau phần đánh giá tình hình thực hiện chống tham nhũng của Đảng bộ tỉnh Lào Cai trong thời gian qua; nhiệm vụ chống tham nhũng, buôn lậu trong thời gian tới.

Trên cơ sở nắm vững quan điểm của Đảng trong lãnh đạo đấu tranh chống tham nhũng, các cấp ủy Đảng trực tiếp lãnh đạo các cấp, các ngành tiếp tục thực hiện công tác chống tham nhũng, buôn lậu. Bằng việc đề ra kế hoạch, chương trình hành động cụ thể sát với tình hình địa phương, cơ quan, đơn vị, tiến hành giải quyết khẩn trương, chính xác các vụ thanh tra, kiểm tra, kiểm sát, xử lý nghiêm minh kịp thời các vụ để ngăn chặn, răn đe, giáo dục. Cần tập trung ở một số lĩnh vực trọng điểm như xây dựng cơ bản, các chương trình, dự án, thu nộp ngân sách, quản lý đất đai, hoạt động tư pháp,... buôn lậu ma túy, vũ khí, gỗ pơ mu... chú ý các địa bàn trọng điểm như thị xã Lào Cai, Bảo Thắng, Sa Pa,... những vụ đã xử lý cần đưa công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm góp phần răn đe, giáo dục.

4- Về tình hình ngân sách và một số nhiệm vụ chủ yếu trước mắt:

Sau khi nghe đồng chí Nguyễn Văn Thập, Trưởng ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy báo cáo thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và tình hình ngân sách 6 tháng cuối năm. Đồng chí Bí thư lưu ý các Đảng bộ

quản lý tốt ngân sách đảng, thực hành tiết kiệm, hạn chế mua sắm ô tô (nhất là loại ô tô đắt tiền); từ 1997 Đảng không làm kinh tế.

5- Về một số nhiệm vụ chủ yếu trước mắt: Tập trung khắc phục hậu quả mưa lũ; quan tâm giúp đỡ những gia đình bị thiệt hại, do thiên tai gây ra, khắc phục những thiệt hại về nhà cửa, tài sản, hoa màu,... sớm ổn định đời sống sinh hoạt và sản xuất cho nhân dân.

- Tăng cường các biện pháp chống thất thu, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu ngân sách trên địa bàn năm 1996.

- Chuẩn bị tốt nội dung, ra nghị quyết chuyên đề về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với chương trình ổn định dân cư, xóa đói, giảm nghèo đến năm 2000. Ra nghị quyết chuyên đề về phát triển kinh tế du lịch, dịch vụ, công tác xuất nhập khẩu và kinh tế đối ngoại.

- Chuẩn bị các điều kiện để tiến hành khai giảng năm học 1996 - 1997; chuẩn bị tốt nội dung ra nghị quyết chuyên đề về phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ ở Lào Cai đến năm 2000.

- Tăng cường nắm tình hình và giải quyết tốt các vấn đề nảy sinh từ cơ sở như tình hình truyền đạo trái phép, tình hình di dịch cư tự do, những mâu thuẫn tranh chấp trong nội bộ nhân dân, những tiêu cực như trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

- Xây dựng chương trình công tác chính trị, tư tưởng, chương trình công tác kiểm tra toàn khóa. Chỉ đạo tốt việc triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II đạt kết quả tốt.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

KẾ HOẠCH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 02-KH/TU, ngày 4-9-1996

**Về tổ chức thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TW,
ngày 15-5-1996 của Bộ Chính trị về
lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng**

Tình trạng tham nhũng đã và đang là tệ nạn xã hội gây hậu quả hết sức nghiêm trọng, làm xói mòn bản chất của Đảng và Nhà nước, làm tha hóa đội ngũ cán bộ, đảng viên, cản trở đến công cuộc đổi mới xây dựng đất nước, tiếp tay cho các thế lực thù địch lợi dụng chống phá ta, uy hiếp sự tồn vong của chế độ xã hội chủ nghĩa.

Chính vì vậy, Đảng, Nhà nước đã có các nghị quyết, chỉ thị về chống tham nhũng. Nghị quyết số 14-NQ/TW, ngày 15-5-1996 về lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng một lần nữa nhấn mạnh: “Đấu tranh chống tham nhũng là một bộ phận cấu thành quan trọng của toàn bộ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Đảng và nhân dân ta hiện nay. Nó góp phần nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, xây dựng Đảng và kiện toàn tổ chức bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh thực hiện quyền làm chủ của nhân dân”.

Thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết 14-NQ/TW của Bộ Chính trị đạt hiệu quả, Ban Chấp hành Tỉnh ủy Lào Cai đề ra kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về “Lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng” cụ thể như sau:

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỐNG THAM NHŨNG CỦA ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI TRONG THỜI GIAN QUA

I. CÔNG TÁC CHỐNG THAM NHŨNG

Trong thời gian qua thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của Bộ Chính trị, Quyết định 114/TTg và Quyết định 35/TTg của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Quốc hội khóa IX kỳ họp thứ tư về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng, chống buôn lậu, dưới sự lãnh đạo của Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và Nhà nước về chống tham nhũng, buôn lậu, với tinh thần kiên quyết đấu tranh đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực, các hành vi tham nhũng buôn lậu, cùng với việc thành lập Ban công tác chống tham nhũng, chống buôn lậu ở cấp mình, ngành mình. Do đó trong quá trình thực hiện đã thu được một số kết quả góp phần giữ vững kỷ cương, pháp luật ổn định tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trong tỉnh.

Ba năm qua, các cấp ủy Đảng và lãnh đạo các ngành, các cấp trong tỉnh đã kiểm tra phát hiện nhiều vụ việc tham nhũng, chiếm đoạt gây lãng phí thất thoát tài sản của Nhà nước và của nhân dân. Qua 299 cuộc kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo của các cấp, các ngành đã phát hiện số tiền vi phạm tới 5,6 tỷ đồng, hơn 300 tấn thóc và nhiều tài sản khác.

Lực lượng công an của tỉnh là một trong những nòng cốt trong tác chống tham nhũng, chống buôn lậu, trong 3 năm qua đã phát hiện, xử lý 22 vụ tham nhũng, khởi tố 18 vụ, 42 bị can. Các cơ quan chức năng đã truy tố và xét xử nghiêm minh nhiều vụ án, được nhân dân đồng tình ủng hộ.

Có thể nói tình trạng tham nhũng xảy ra ở mọi lĩnh vực kinh tế - xã hội và ở cả phường, xã, thị trấn... một số ví dụ cụ thể:

- Cán bộ một số xã thuộc huyện Than Uyên đã xâm tiêu 12 tấn thóc và 46 triệu đồng tiền thuế; cán bộ xã Lùng Vai và Tung Chung Phố huyện Mường Khương cùng cán bộ điều động dân cư bớt xén tiền chính sách cấp cho dân, khai tăng số nhân khẩu điều động để rút tiền Nhà nước, xã Bản Phiệt huyện Bảo Thắng đã trích lại 22,95 triệu đồng tiền định canh định cư để chi tiêu không đúng mục đích.

- Năm 1995 kiểm tra 9 đơn vị xã, phường, thị trấn phát hiện số tiền để ngoài sổ sách báo cáo tài chính với số tiền tới 840.759.988 đồng.

Trong lĩnh vực quản lý kinh tế, quản lý nhà nước cũng có số vụ việc nghiêm trọng như:

- Cán bộ lãnh đạo và nhân viên Ngân hàng Nông nghiệp huyện Than Uyên cố ý làm trái gây thất thoát tài sản Nhà nước 480 triệu đồng, vụ án đã được xử lý, Giám đốc Phạm Xuân Hanh chịu hình phạt 5 năm tù, số bị án khác từ 3 - 4 năm tù. Cũng tại chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp huyện Than Uyên tiếp tục phát hiện một số cán bộ lợi dụng tham ô tài sản Nhà nước đã khởi tố 6 đối tượng. Tại Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh, một số cán bộ, nhân viên đã tham ô chiếm đoạt tài sản Nhà nước tới trên 2 tỷ đồng. Vụ án đã được khởi tố với 13 đối tượng là cán bộ, nhân viên nhà nước, 3 đối tượng ngoài xã hội, Tòa án tỉnh có kế hoạch đưa ra xét xử vụ án này. Vụ Lưu Thanh Hà tham ô tài sản Nhà nước tới 277 triệu đồng, đã xử phạt Hà mức án 18 năm tù. Vụ Nguyễn Văn Đán, thủ quỹ Đội bốc xếp Công ty vận tải Lào Cai tham ô 60 triệu đồng, cơ quan điều tra đã khởi tố để xử lý trước pháp luật.

- Bưu điện tỉnh Lào Cai để ngoài báo cáo tài chính tiền lắp đặt máy 504 triệu đồng. Ban Quản lý công trình giao thông thuộc Sở Giao thông - Vận tải quản lý thiếu kiểm tra, giám sát chặt chẽ đã cấp vượt cho đơn vị trực thuộc tới 45 triệu đồng và có biểu hiện quyết toán tăng 166 triệu đồng. Ban Định canh định cư Than Uyên đã chi tiêu sai mục đích, quyết toán khổng, chi tiêu bữa bãi gây thất thoát hơn 100 triệu

đồng. Lâm trường Bát Xát, Lâm trường Than Uyên đã chi tiêu sai nguyên tắc, quyết toán khổng khối lượng, thậm chí còn nộp thuế lâm sản “hộ” cho các cá nhân tới 10 triệu đồng. Sở Xây dựng đã xâm tiêu tiền phí, lệ phí cấp đất, gây thất thoát tới hàng trăm triệu đồng, v.v. cùng với việc cố ý làm trái khác, các cơ quan thẩm tra, kiểm tra đang tiến hành làm rõ để xử lý.

- Trong lĩnh vực giải quyết các chế độ chính sách xã hội cũng nảy sinh những hiện tượng tham nhũng, gây thất thoát tài sản Nhà nước và nhân dân. Như việc một số đơn vị, huyện, thị giải quyết 204 trường hợp nghỉ hưu, mất sức sai chế độ quy định, mới xử lý 53 trường hợp và thu hồi 38 triệu đồng, hiện tỉnh đang tiếp tục chỉ đạo các cấp, các đơn vị tiếp tục kiểm tra thu hồi cho ngân sách số tiền các đối tượng hưởng sai chính sách. Cán bộ Phòng Tổ chức huyện Bắc Hà cùng cán bộ xã đã giữ lại phần trăm (%) tiền dự án 120 trái với quy định tới 10 triệu đồng để tiêu. Cũng tương tự như vậy, cán bộ Huyện Đoàn Bảo Yên cũng đã giữ lại hơn 6 triệu đồng; Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà, huyện Bảo Yên đã quyết định thu hồi trả cho cho người vay và xử lý hành chính cán bộ sai phạm.

Một số cơ quan bảo vệ pháp luật, cũng còn có cán bộ, đảng viên có những biểu hiện tham nhũng như “gợi ý” cho đơn vị “trích thưởng” trái chính sách tới 10 triệu đồng, như vụ cán bộ Viện Kiểm sát và Công an tỉnh trong khi tiến hành điều tra vụ việc ở định canh định cư Than Uyên. Ủy ban nhân dân tỉnh đã quyết định thu hồi cho ngân sách, cơ quan chủ quản xử lý hành chính số cán bộ vi phạm. Cán bộ tham gia Hội đồng giám sát xổ số kiến thiết tỉnh đã móc ngoặc với đại lý để chiếm đoạt tới 62 triệu đồng để chia nhau, Công ty xổ số tỉnh đã thu hồi số tiền. Vụ cán bộ Viện Kiểm sát có hành vi nhận hối lộ trong khi tiến hành giải quyết vụ án cơ quan chủ quản đã xử lý hành chính... Việc lợi dụng, giả danh cán bộ các ngành chức năng để kiểm tra, kiểm soát gây sách nhiễu làm ảnh hưởng đến tín nhiệm của các cơ quan quyền lực nhà nước còn xảy ra ở một số nơi, cơ quan đã xử lý cán bộ vi phạm. Một số cán bộ ở Đảng ủy các cơ quan đã để ngoài sổ

sách báo cáo quyết toán để chi tiêu tới 54 triệu đồng. Thường vụ Tỉnh ủy đã kỷ luật những cán bộ vi phạm.

Ngoài ra còn một số vụ việc có biểu hiện tiêu cực xảy ra trong các lĩnh vực trong đó có xây dựng cơ bản, quản lý nhà đất... các ngành chức năng đang tiếp tục kiểm tra làm rõ.

Các thủ đoạn tham nhũng thường là cố tình không chấp hành các quy định của Nhà nước về pháp lệnh kế toán, thống kê. Để ngoài sổ sách các khoản thu, lập quỹ trái phép để chi tiêu. Lợi dụng những khó khăn của địa phương, đơn vị, những sơ hở về cơ chế, chính sách trong quản lý kinh tế, quản lý nhà nước để cố ý làm trái, vun vén thu lợi cá nhân, Không ít trường hợp lợi dụng chức quyền, nghề nghiệp được giao để tiến hành tham ô, tham nhũng hoặc tiếp tay cho tham nhũng, buôn lậu.

Tóm lại, tình hình tham nhũng diễn ra ở tỉnh Lào Cai tuy không lớn về tiền và tài sản. Nhưng những hành vi tham nhũng của cán bộ, nhân viên nhà nước đã làm xói mòn bản chất tốt đẹp của Đảng và Nhà nước, làm cho phần tử xấu, các thế lực thù địch lợi dụng kích động gây mất ổn định tình hình chính trị, xã hội để chống phá sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC CHỐNG BUÔN LẬU

Tham nhũng và buôn lậu là hai lĩnh vực khác nhau nhưng sự tồn tại của nó luôn gắn và quan hệ mật thiết với nhau vì vậy đấu tranh chống tham nhũng phải luôn đi cùng với đấu tranh chống buôn lậu.

Có thể đánh giá tình hình buôn lậu ở tỉnh Lào Cai diễn ra khá phức tạp. Tính chất và mức độ xảy ra tăng giảm theo từng thời điểm, từng nơi. Khi các cấp, các ngành tăng cường hoạt động kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ thì tình hình có phần giảm đi.

Để ngăn chặn tình trạng buôn lậu, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo chính quyền các cấp và các ngành chức năng tăng cường hoạt động thường xuyên. Nòng cốt là các lực lượng công an, hải quan, bộ

đội biên phòng, quản lý thị trường, kiểm lâm và thuế; có sự phối hợp chặt chẽ của chính quyền các cấp, nhất là các “điểm nóng” về buôn lậu thường xảy ra.

Cùng với Ban Công tác chống tham nhũng, chống buôn lậu. Do đặc điểm tình hình địa phương về tình hình buôn lậu gỗ pơ mu có lúc có nơi xảy ra trầm trọng, tỉnh còn thành lập Ban Chống phá rừng và buôn lậu gỗ pơ mu, ban hành Chỉ thị 33 và nhiều văn bản khác chỉ đạo về công tác này, các ngành chức năng cũng thành lập các đội đặc nhiệm chống buôn lậu trong phạm vi công tác của mình dưới sự chỉ đạo tập trung của Ban Chống buôn lậu tỉnh. Ngoài ra các trạm kiểm soát cửa khẩu, Bảo Yên, km 22 Lào Cai - Sa Pa được củng cố, cải tiến và tăng cường hoạt động. Đó là những giải pháp tích cực về tổ chức trong nhiệm vụ này.

Kết quả công tác chống buôn lậu, năm 1994 đã phát hiện 1.300 vụ; năm 1995 là 2.300 vụ; 6 tháng đầu năm 1996 là 211 vụ (nếu tính các vụ việc có tính chất vi phạm pháp luật kinh tế khác do lực lượng quản lý thị trường phát hiện thì tổng số là 400 vụ).

Các loại hàng hóa buôn lậu chủ yếu tập trung ở khu vực biên giới (xuất nhập khẩu). Hàng nhập lậu chủ yếu là hàng điện tử, phụ kiện máy cũ, quần áo, vải, pin, bia và một số hàng tiêu dùng khác. Hàng xuất lậu thường là gỗ pơ mu, thuốc phiện (ma túy), hàng nông sản.

Với kết quả đấu tranh cho thấy đến năm 1996 tình hình buôn lậu có giảm đi rõ rệt hơn là buôn lậu gỗ pơ mu: năm 1994 và 1995 phát hiện thu giữ 700 m³; năm 1996 phát hiện thu trên 70 m³. Số lượng ma túy cũng giảm đi nhiều: năm 1994 thu được 62,5 kg; năm 1995 thu được 33,72 kg; sang năm 1996 thu được 9,6 kg.

Các ngành có nhiều thành tích trong công tác này là lực lượng hải quan, lực lượng cảnh sát kinh tế, Công an tỉnh và lực lượng quản lý thị trường, lực lượng kiểm lâm nhân dân.

Trong 3 năm các cơ quan chức năng trong tỉnh đã khởi tố điều tra 64 vụ với 84 bị can (theo báo cáo của cơ quan cảnh sát điều tra), các cơ quan truy tố, xét xử đã đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật,

đặc biệt là những vụ buôn lậu ma túy: Phạm Văn Hải án chung thân Nguyễn Bá Phong 17 năm tù, Giàng Thị Mây 13 năm tù, phạt tiền hàng trăm triệu đồng, v.v..

Tuy nhiên việc xử lý trước pháp luật chủ yếu là các hành vi buôn bán ma túy, vũ khí, còn các hành vi buôn lậu khác phần nhiều là xử lý hành chính.

Từ thực tế công tác chống buôn lậu cho thấy, phương pháp thủ đoạn của bọn buôn lậu luôn thay đổi, lúc công khai trắng trợn, lúc hoạt động lén lút, bí mật, gần đây bọn buôn lậu ma túy, khoáng chất được thực hiện ngày càng tinh vi hơn và có sự móc nối với người nước ngoài.

III. NHỮNG NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU CỦA TÌNH TRẠNG THAM NHŨNG, BUÔN LẬU HIỆN NAY

Nghị quyết 14-NQ/TW của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng đã nêu rõ có những nguyên nhân chủ yếu sau đây:

1- Sự suy thoái về phẩm chất đạo đức của một bộ phận cán bộ, đảng viên và sự yếu kém trong quản lý, giáo dục đảng viên, cán bộ, công chức của các tổ chức đảng và cơ quan nhà nước.

Trong điều kiện kinh tế thị trường, do không chịu thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng, nhiều cán bộ, đảng viên, công chức sa ngã, thoái hóa, bị đồng tiền cám dỗ, đã trượt vào vũng bùn tham nhũng tội lỗi.

Một số cán bộ lãnh đạo thiếu gương mẫu hoặc không giáo dục được vợ con chấp hành đúng pháp luật, gây ảnh hưởng xấu trong nhân dân.

Trong khi đó công tác quản lý, giáo dục, kiểm tra đảng viên, cán bộ, công chức bị buông lỏng, yếu kém, không chuyển kịp trước tình hình mới. Chưa đề cao được trách nhiệm của cán bộ chủ chốt Đảng, Nhà nước và đoàn thể, nhiều tổ chức đảng sức chiến đấu rất kém, đấu tranh phê bình, tự phê bình yếu, quản lý nội bộ lỏng lẻo.

2- Cơ chế, chính sách, pháp luật chưa đầy đủ, thiếu đồng bộ, thiếu nhất quán và có những điểm chưa phù hợp.

Cơ chế, chính sách, pháp luật trong thời kỳ đổi mới chưa được hoàn thiện, thiếu cụ thể, còn có sơ hở và thiếu nhất quán. Việc phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương, việc phân biệt quản lý nhà nước với quản lý sản xuất - kinh doanh còn chưa rõ, chưa hợp lý, tập trung và dân chủ đều còn thiếu sót. Cơ chế quản lý tài sản công, quản lý vốn trong doanh nghiệp nhà nước chưa chặt chẽ dẫn đến tình trạng “vô chủ”, thiếu trách nhiệm. Bộ máy nhà nước còn chồng chéo, thủ tục hành chính chưa được cải tiến. Những nhược điểm đó dễ ra tệ quan liêu và thiếu kỷ cương tạo điều kiện cho tệ hối lộ và lạm dụng công quỹ, quấy nhiễu, hạch sách cấp dưới và nhân dân.

3- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước thiếu sâu sát, chặt chẽ, thường xuyên, cơ chế tổ chức và giải pháp phòng và chống tham nhũng chưa hiệu quả.

Lãnh đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư đối với cuộc đấu tranh chống tham nhũng chưa chặt chẽ, thiếu thường xuyên và chưa nghiêm.

Nhiều cấp ủy Đảng, thủ trưởng cơ quan nhà nước chưa đề cao trách nhiệm, chưa có kế hoạch và giải pháp chủ động phòng ngừa và đẩy lùi tệ tham nhũng trong địa phương mình, ngành mình, cơ quan mình. Có việc, có nơi, đã có biểu hiện bao che, ngăn cản cơ quan bảo vệ pháp luật thực thi nhiệm vụ.

Các cơ quan bảo vệ pháp luật chưa được kiện toàn thực sự trong sạch, vững mạnh để làm lực lượng nòng cốt trong đấu tranh tham nhũng. Cụ thể ở tỉnh ta lưu ý một số nguyên nhân sau:

- Công tác tổ chức quản lý, giáo dục chính trị tư tưởng của các cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp chưa sát với thực tế, chưa khoa học và chưa chặt chẽ, chưa phát động được phong trào sâu rộng trong quần chúng.

Các ban chống tham nhũng, buôn lậu từ tỉnh đến các cấp, các ngành hoạt động không đều, chưa đi sâu đi sát cơ sở, không thường xuyên kiểm tra đôn đốc việc thực hiện.

Các cấp ủy Đảng, nhất là cấp ủy cơ sở, thủ trưởng các ngành, các cấp thiếu kiểm tra thường xuyên chặt chẽ, sâu sát, cụ thể nên chưa phát hiện những biểu hiện vi phạm của cán bộ, đảng viên, nhân viên để uốn nắn, sửa chữa những sai phạm kịp thời, bên cạnh đó công tác quản lý cán bộ, đảng viên cũng còn lỏng lẻo.

Trình độ quản lý chuyên môn, nghiệp vụ của cán bộ, kể cả cán bộ làm công tác thanh tra, kiểm tra còn yếu kém, chưa đáp ứng yêu cầu của cơ chế quản lý trong điều kiện cải cách hành chính hiện nay.

Đối với công tác chống buôn lậu, chính quyền địa phương chưa làm hết chức năng nhiệm vụ của mình, còn coi công tác chống buôn lậu là của các ngành chức năng. Mặt khác các ngành chức năng phối hợp còn chưa chặt chẽ. Do đó không tạo thành sức mạnh tổng hợp trong chống buôn lậu mà thiếu sự phối hợp đồng bộ, còn “mạnh ai nấy làm” nên thực tế là lực lượng đông nhưng không mạnh. Ngoài ra, các hiện tượng tiêu cực còn tồn tại ngay trong các lực lượng làm nhiệm vụ chống buôn lậu.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ CHỐNG THAM NHŨNG, BUÔN LẬU TRONG THỜI GIAN TỚI

I. NGHỊ QUYẾT SỐ 14-NQ/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ ĐÃ NÊU RÕ MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA CUỘC ĐẤU TRANH CHỐNG THAM NHŨNG

Đó là: “*Đấu tranh chống tham nhũng là một bộ phận cấu thành quan trọng của toàn bộ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Đảng, tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước, xây dựng Đảng và kiện toàn bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Vì vậy, trong thời gian sắp tới, nhất thiết phải đẩy mạnh cuộc đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng*”.

Đấu tranh chống tham nhũng được tiến hành đồng bộ với đấu tranh chống buôn lậu, lãng phí và tập trung vào hai loại hành vi:

tham ô, chiếm đoạt, làm thất thoát tài sản Nhà nước và nhận hối lộ, đòi hối lộ.

Trong đấu tranh chống tham nhũng, cần nắm vững quan điểm sau:

- Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn liền và phục vụ cho đổi mới kinh tế - xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tăng cường đại đoàn kết toàn dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

- Đấu tranh chống tham nhũng phải gắn liền với phục vụ cho đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng Đảng và kiện toàn bộ máy nhà nước, tăng cường đoàn kết nội bộ.

- Trong đấu tranh chống tham nhũng phải kết hợp giữa “xây” và “chống” tích cực chủ động phòng ngừa. Vừa phải hoàn thiện cơ chế, chính sách, tăng cường giáo dục, quản lý chặt chẽ đảng viên, cán bộ, vừa xử lý nghiêm mọi vi phạm. Kết hợp các biện pháp tư tưởng với tổ chức, giáo dục với kỷ luật hành chính và xử lý theo pháp luật.

- Huy động và phối hợp chặt chẽ với mọi lực lượng đấu tranh chống tham nhũng. Xác định rõ trách nhiệm của các tổ chức đảng và thủ trưởng chính quyền; xây dựng kiện toàn các cơ quan bảo vệ pháp luật làm nòng cốt; nêu cao trách nhiệm của các tổ chức chính trị - xã hội, động viên tích cực của nhân dân, phát huy vai trò của các phương tiện thông tin đại chúng trong đấu tranh chống tham nhũng.

- Đấu tranh chống tham nhũng là nhiệm vụ lâu dài, phải tiến hành kiên quyết, kiên trì và thận trọng; không được đơn giản, nóng vội, đồng thời phải khẩn trương, tích cực, chú trọng hiệu quả, có kế hoạch cụ thể, bước đi thích hợp.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ VỀ CHỐNG THAM NHƯNG, CHỐNG BUÔN LẬU Ở TỈNH TA TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Nắm vững những quan điểm của Đảng trong lãnh đạo đấu tranh chống tham nhũng.

Các cấp ủy Đảng trực tiếp lãnh đạo các cấp, các ngành tiếp tục tổ chức thực hiện công tác chống tham nhũng, chống buôn lậu. Trước hết

phải tổ chức triển khai quán triệt và thực hiện Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị. Đi đôi với việc củng cố, kiện toàn các ban chỉ đạo công tác chống tham nhũng, chống buôn lậu của cấp, ngành mình đi vào hoạt động thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc và tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở mỗi cấp, mỗi ngành, ở ngay trong mỗi cơ quan đơn vị nhằm thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về chống tham nhũng, chống buôn lậu, thực hành tiết kiệm... bằng việc đề ra kế hoạch thực hiện chương trình hành động cụ thể sát hợp với địa phương, cơ quan, đơn vị với phương châm “xây” là chính “chống” là quan trọng.

Chấn chỉnh, kiện toàn công tác tổ chức, cán bộ, rà soát đánh giá đội ngũ cán bộ, đảng viên trong mỗi cơ quan đơn vị nhất là cán bộ làm công tác quản lý, cán bộ nghiệp vụ bảo đảm đủ năng lực, trình độ, đạo đức, phẩm chất tốt. Kiên quyết đưa ra khỏi Đảng, đưa ra khỏi cơ quan, đơn vị những cán bộ, đảng viên tha hóa biến chất, bao che, tiếp tay cho bọn tham nhũng, buôn lậu và có hành vi tham nhũng, buôn lậu làm cho các cơ sở đảng và bộ máy nhà nước thực sự trong sạch, vững mạnh.

Tăng cường giáo dục chính trị tư tưởng và phẩm chất đạo đức cho cán bộ, đảng viên. Quản lý và kiểm tra chặt chẽ cán bộ, đảng viên, nhân viên nhà nước cả ở nơi công tác và nơi cư trú trong việc thực thi chức trách, nhiệm vụ với việc chấp hành chính sách, pháp luật.

Thường xuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật sâu rộng trong mọi tầng lớp nhân dân làm cho mọi người dân nhận thức đầy đủ về quyền và trách nhiệm của công dân tích cực tham gia vào việc chống tham nhũng, chống buôn lậu ngay tại địa phương, đơn vị mình. Đặc biệt chú trọng tăng cường hiệu quả của tổ chức thanh tra công nhân, nhân dân.

Các cơ quan chuyên môn phải có kế hoạch tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát theo chức năng, nhiệm vụ của mình để kịp thời phát hiện, ngăn chặn các vi phạm, đề ra các biện pháp khắc phục đưa ra công tác quản lý kinh tế - tài chính, quản lý nhà nước trong từng lĩnh vực đi vào nền nếp, đúng đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

- Tiến hành khẩn trương, chính xác các vụ việc thanh tra, kiểm sát, kiểm tra và xử lý kịp thời, đúng đắn để ngăn chặn, răn đe, uốn nắn, giáo dục. Thực hiện không ngừng phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước của chính quyền các cấp trong việc triển khai, tổ chức thực hiện công tác chống tham nhũng, chống buôn lậu. Các ngành chức năng tăng cường phối hợp công tác thường xuyên, chặt chẽ hơn trong thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời phối hợp chặt chẽ giữa ngành với chính quyền cơ sở thực hiện sự phối hợp công tác trong quản lý ngành và quản lý lãnh thổ làm cho công tác chống tham nhũng, chống buôn lậu ngày càng có hiệu quả hơn.

Đối với các sở, ban, ngành có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm kê, kiểm sát khi tổ chức kiểm sát, điều tra, thanh tra đối với các cơ quan đơn vị về vấn đề quản lý kinh tế tài chính ngân sách nhất thiết phải có báo cáo kết luận. Phải nêu rõ những vi phạm, nguyên nhân điều kiện của vi phạm, quy trách nhiệm cụ thể đến từng cá nhân, xử lý nghiêm minh và kiến nghị xử lý theo quy định của pháp luật. Các quyết định và báo cáo kết luận các cuộc thanh tra, kiểm sát, đều phải gửi về Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chức năng liên quan để bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối của Đảng, bảo đảm việc quản lý nhà nước theo lãnh thổ; đồng thời tránh việc gây khó khăn cho các cơ quan, đơn vị là đối tượng thanh tra, kiểm tra. Không tổ chức nhiều lượt, nhiều ngành đến thanh tra, kiểm tra, kiểm sát cùng một đơn vị tránh gây phiền hà nhiễu sách.

2. Đấu tranh chống tham nhũng, chống buôn lậu trên mọi lĩnh vực trong đời sống kinh tế - xã hội. Tuy vậy ở tỉnh ta cần chú ý một số lĩnh vực trọng điểm:

a) *Về chống tham nhũng* chú ý một số lĩnh vực như về xây dựng cơ bản, các chương trình dự án, công tác thu nộp ngân sách, quản lý đất đai, các khâu cấp phép, hoạt động tư pháp.

b) *Về chống buôn lậu* chú ý tới lĩnh vực: Buôn lậu hàng cấm ma túy, vũ khí, buôn lậu qua biên giới, đặc biệt là buôn lậu gỗ pơ mu.

III. LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất lãnh đạo, chỉ đạo các cấp ủy Đảng, các Ban cán sự, các cấp, các ngành trong toàn tỉnh về đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh tăng cường giám sát việc đấu tranh chống tham nhũng, chống buôn lậu của các cấp, các ngành trong tỉnh.

3. Các ban của Tỉnh ủy chủ động tham mưu cho Tỉnh ủy và kiểm tra đôn đốc các cấp bộ Đảng thực hiện chống tham nhũng, chống buôn lậu. Đẩy mạnh việc xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo, điều hành đấu tranh chống tham nhũng, chống buôn lậu trong chức năng quản lý nhà nước và quản lý lãnh thổ.

5. Ban Công tác chỉ đạo chống tham nhũng, chống buôn lậu tỉnh tham mưu cho Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ động kiểm tra đôn đốc các ban chỉ đạo chống tham nhũng, chống buôn lậu của các cấp, các ngành trên địa bàn tỉnh thực hiện phương hướng nhiệm vụ chống tham nhũng, chống buôn lậu của tỉnh.

6. Các tổ chức đoàn thể quần chúng phải thường xuyên tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng, động viên mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia đấu tranh chống tham nhũng, chống buôn lậu.

Các cấp ủy Đảng, các Ban cán sự Đảng, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thủ trưởng các ngành, các cấp, các cơ quan, xí nghiệp căn cứ vào Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị có chương trình kế hoạch chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt cuộc đấu tranh chống tham nhũng, chống buôn lậu.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI
KHÓA II
(NHIỆM KỲ 1996-2000)**

Số 03-KH/TU, ngày 4-9-1996

Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ hai (tháng 8 - 1996)

- + Thông qua chương trình công tác của Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 1996 - 2000 (Văn phòng Tỉnh ủy)
- + Thông qua quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ nhiệm kỳ 1996 - 2000 (Ban Tổ chức Tỉnh ủy)
- + Nghe báo cáo kết quả Chỉ thị 15 của Bộ Chính trị (khóa VII) và thông qua kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị (khóa VII) về lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ ba (tháng 10-1996)

- + Bàn và nghị quyết về vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, gắn với chương trình xóa đói, giảm nghèo, ổn định dân cư ở Lào Cai đến năm 2000 (Ủy ban nhân dân tỉnh)
- + Bàn và nghị quyết về công tác xuất nhập khẩu và kinh tế đối ngoại (Ban Kinh tế Tỉnh ủy)
- + Thông qua chương trình công tác chính trị tư tưởng toàn khóa

và kế hoạch triển khai Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy)

+ Nghe báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phương hướng, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1997 (đi sâu vào kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và thu, chi ngân sách).

Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ tư (tháng 1-1997)

+ Bàn và nghị quyết về công tác phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ ở Lào Cai đến năm 2000 (Sở Giáo dục và Đào tạo)

+ Bàn và nghị quyết về xây dựng và phát triển kinh tế du lịch - dịch vụ đến năm 2000 (Sở Thương mại - Du lịch).

+ Tổng kết công tác năm 1996.

Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ năm (tháng 4-1997)

+ Bàn và nghị quyết về công tác xây dựng cơ sở chính trị xã, phường (Ban Tổ chức Tỉnh ủy)

+ Nghe báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII); đánh giá hiệu quả đầu tư các nguồn vốn cho các chương trình dự án từ 1992 đến nay. Những định hướng và giải pháp cơ bản (Ban Kinh tế Tỉnh ủy).

Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ sáu (tháng 7-1997)

+ Sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 1997.

+ Đổi mới công tác dân vận, dân tộc; thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết dân tộc, nâng cao chất lượng hoạt động của các đoàn thể nhân dân (Ban Dân vận Tỉnh ủy).

+ Kiểm điểm thực hiện Nghị quyết 4 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII; những định hướng lớn về việc xây dựng mạng lưới y tế cơ sở, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân và vấn đề dân số và kế hoạch hóa gia đình ở Lào Cai (Sở Y tế).

Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ bảy (tháng 10-1997)

+ Nghe báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phương hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1998 (đi sâu vào kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và thu, chi ngân sách).

+ Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị Khóa VII (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy).

Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ tám (tháng 1-1998)

+ Tổng kết công tác năm 1997.

+ Công tác an ninh - quốc phòng và đối ngoại (Công an tỉnh kết hợp với các ngành Khối Nội chính).

Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ chín (tháng 4-1998)

+ Sơ kết tình hình thực hiện nghị quyết về công tác xuất nhập khẩu và kinh tế đối ngoại (Ban Kinh tế Tỉnh ủy).

Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 10 (tháng 7-1998)

+ Sơ kết 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 1998.

+ Sơ kết tình hình thực hiện nghị quyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với chương trình xóa đói, giảm nghèo, ổn định dân cư (Ủy ban nhân dân tỉnh).

Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 11 (tháng 10-1999)

+ Sơ kết 2 năm thực hiện nghị quyết về phát triển kinh tế du lịch - dịch vụ (Sở Thương mại - Du lịch).

+ Nghe báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển kinh tế - xã hội năm 1999 (đi sâu vào kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và thu chi ngân sách).

Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 12 (tháng 1-1999)

+ Tổng kết công tác năm 1999.

+ Sơ kết 2 năm thực hiện nghị quyết về phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ ở tỉnh Lào Cai (Sở Giáo dục - Đào tạo).

Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 13 (tháng 4-1999)

+ Sơ kết 2 năm thực hiện nghị quyết về công tác xây dựng cơ sở chính trị xã, phường (Ban Tổ chức Tỉnh ủy)

+ Đánh giá tình hình xây dựng mạng lưới y tế cơ sở và vấn đề dân số kế hoạch hóa gia đình (Sở Y tế)

Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 14 (tháng 7-1999)

+ Sơ kết 6 tháng đầu năm, nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm 1999.

Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 15 (tháng 10-1999)

+ Đánh giá 4 năm thực hiện công tác giáo dục chính trị, nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ, đảng viên (Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy).

+ Nghe báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phương hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2000 (đi sâu vào kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và thu, chi ngân sách).

Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 16 (tháng 1-2000)

+ Tổng kết công tác năm 1999

+ Thông qua kế hoạch chuẩn bị nội dung và nhân sự Đại hội lần thứ III của Đảng bộ tỉnh (Ban Tổ chức Tỉnh ủy).

+ Công tác an ninh - quốc phòng và đối ngoại (Công an tỉnh kết hợp với các ngành Khối Nội chính).

Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 17 (tháng 4-2000)

+ Đánh giá tình hình phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ ở tỉnh Lào Cai (Sở Giáo dục - Đào tạo).

+ Đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết về công tác xuất nhập khẩu và kinh tế đối ngoại (Ban Kinh tế Tỉnh ủy).

Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 18 (tháng 7-2000)

+ Đánh giá tình hình thực hiện nghị quyết về phát triển kinh tế du lịch - dịch vụ (Sở Thương mại-Du lịch).

+ Thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy (Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy).

+ Đánh giá kết quả thực hiện nghị quyết về công tác xây dựng cơ sở chính trị xã, phường; tình hình xây dựng bộ máy và đào tạo bồi dưỡng cán bộ (Ban Tổ chức Tỉnh ủy).

Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 19 (tháng 10-2000)

+ Đánh giá kết quả chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, ổn định dân cư theo tinh thần nghị quyết của Tỉnh ủy (Ủy ban nhân dân tỉnh).

+ Nghe báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về phương hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm từ 2001-2005 và năm 2001 (đi sâu vào kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và thu, chi ngân sách).

Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 20 (tháng 1-2001)

+ Tổng kết công tác năm 2000.

+ Thông qua dự thảo các văn kiện, công tác nhân sự, chuẩn bị Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ III (Tiểu ban Nhân sự Đại hội).

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 70-TB/TU, ngày 18-9-1996

**Về việc thành lập lại tổ chức bộ máy công đoàn
cấp huyện, thị xã**

Ngày 31-7-1996, Thường trực Tỉnh ủy đã cho ý kiến về việc Liên đoàn Lao động tỉnh xin đề nghị thành lập lại tổ chức bộ máy công đoàn cấp huyện, thị xã nội dung cụ thể sau:

1. Cho thành lập lại tổ chức bộ máy công đoàn các huyện, thị xã, tổ chức bộ máy, biên chế gọn nhẹ, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của các huyện, thị ủy và sự chỉ đạo chuyên môn, nghiệp vụ, biên chế, lương, kinh phí hoạt động... của Liên đoàn Lao động tỉnh.

2. Biên chế mỗi huyện, thị xã bố trí một cán bộ chuyên trách.

3. Ban Chấp hành Công đoàn huyện, thị chỉ định từ 7- 9 đồng chí, trước khi chỉ định Liên đoàn Lao động tỉnh trao đổi thống nhất với Ban Thường vụ huyện, thị xã nhanh gọn, sớm đi vào hoạt động có hiệu quả.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu trữ tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI PHIÊN HỌP GIAO BAN NGÀY 21-9-1996

Số 73-TB/TU ngày 24-9-1996

Ngày 21-9-1996, đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì phiên họp giao ban giữa Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh. Sau khi nghe Văn phòng Tỉnh ủy và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo về tình hình kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, công tác xây dựng Đảng, các đồng chí trong Thường trực thảo luận nhất trí như sau:

1. Về kinh tế - xã hội

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp tiến hành khắc phục hậu quả bão lũ và có biện pháp phòng, chống bão lũ trong thời gian tới để từng bước ổn định cuộc sống cho nhân dân và phát triển sản xuất.

- Có biện pháp đẩy mạnh thu ngân sách, phấn đấu thực hiện vượt mức kế hoạch thu ngân sách năm 1996, tăng cường tiết kiệm chi để đầu tư phát triển sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng.

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Công nghiệp và các ngành hữu quan lập phương án mở thêm mặt hàng sản xuất tại xí nghiệp liên doanh sản xuất vật liệu xây dựng Lào Cai, đẩy nhanh việc chấm dứt liên doanh đồng để chuyển thành xí nghiệp quốc doanh của tỉnh và có biện pháp tháo gỡ từng bước những khó khăn về tài chính.

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành kiểm tra lại kết quả thực hiện công trình đèn chiếu sáng thị xã Lào Cai, nếu không có vướng mắc gì, công trình đã hoàn thành và đã bàn giao cho Công ty Môi trường đô thị thị xã Lào Cai quản lý thì mới cấp kinh phí sửa chữa.

- Đồng ý về chủ trương cho phép Sở Giao thông - Vận tải thực hiện việc mở xưởng lắp ráp xe ca và trạm bảo dưỡng xe ô tô Nhật Bản tại thị xã Lào Cai. Sở Giao thông - Vận tải phải có luận chứng kinh tế - kỹ thuật để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và thực hiện đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

- Nhất trí cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện dự án tài trợ của Cộng hòa Liên bang Đức về xóa đói, giảm nghèo, Ủy ban nhân dân tỉnh nên giao cho mỗi ngành, đoàn thể của tỉnh đỡ đầu một xã thực hiện dự án.

- Đồng ý cho Huyện đội Bảo Thắng, Ủy ban nhân dân thị trấn Phố Lu chuyển chỗ làm việc. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng kiểm kê tài sản của Công ty Xuất nhập khẩu tại Phố Lu để tổ chức giải quyết cho phù hợp.

- Về việc xin mua xe của huyện Bảo Thắng, Huyện ủy Bảo Thắng cần kiểm điểm về việc mua và sử dụng xe con của Huyện ủy báo cáo với Tỉnh ủy, làm rõ trách nhiệm cá nhân trước khi tỉnh cho phép mua xe mới.

- Giao cho đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Đặng Quốc Lộng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh nghe lại quá trình xây dựng khu Tỉnh ủy và báo cáo với Thường trực Tỉnh ủy để có biện pháp giải quyết vốn và chất lượng xây dựng công trình.

- Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo các ngành thực hiện cho các công ty, doanh nghiệp, văn phòng đại diện thuê đất theo Nghị định 18-CP của Chính phủ.

- Giao cho Sở Giáo dục - Đào tạo đánh giá 3 năm tổ chức lớp học tại Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội, báo cáo Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh vào đầu tháng 10 - 1996.

- Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh trích từ nguồn các tỉnh ủng hộ tỉnh ta khắc phục thiên tai gửi ủng hộ tỉnh Lai Châu 20.000.000 đồng để khắc phục thiên tai bão lũ.

2. Về an ninh - quốc phòng

- Các ngành, các cấp, các đoàn thể cần tăng cường công tác vận động nhân dân không nghe theo bọn lợi dụng tôn giáo tuyên truyền nhằm nhĩ, cần tăng cường các biện pháp ổn định đời sống cho nhân dân vùng cao, vùng sâu.

- Đẩy nhanh việc điều tra, hoàn chỉnh hồ sơ trọng án tại huyện Văn Bàn để đưa ra xét xử đúng pháp luật với hình phạt cao nhất.

3. Về công tác xây dựng Đảng

- Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy kết hợp với Đảng ủy các cơ quan tỉnh xây dựng chức năng, nhiệm vụ và quy chế làm việc của Đảng ủy các cơ quan tỉnh trình Thường vụ phê duyệt vào tháng 10 - 1996.

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cần có kế hoạch tuyên truyền về nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II.

- Đồng ý cho Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy mở hội nghị gặp mặt các đại biểu dân tộc ít người, phải có nội dung thiết thực và thực hành tiết kiệm.

- Đồng ý cho thành lập Hội văn nghệ dân gian nằm trong Hội Văn học nghệ thuật tỉnh, hoạt động theo quy định của các cơ quan nhà nước.

4. Công tác khen thưởng

- Đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Nhà nước tặng thưởng Huân chương hạng Ba cho đồng chí Từ Viết Bồng, Phó Chủ tịch xã Quang Kim, huyện Bát Xát.

- Đồng ý tặng Bức trưởng cho ngành Kiểm tra của Đảng toàn tỉnh Lào Cai (mẫu trưởng theo mẫu số 2 do Ủy ban Kiểm tra Tỉnh

ủy trình) nhân dịp kỷ niệm 48 năm thành lập ngành Kiểm tra Đảng.

Yêu cầu các ngành, các cấp, các ban Đảng Tỉnh ủy căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu trữ tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 02-BC/TU, ngày 25-9-1996

Đánh giá công tác giáo dục Lào Cai 5 năm đổi mới

I. PHẦN ĐÁNH GIÁ

1. Những thành tựu

Tỉnh Lào Cai được tái lập từ năm 1991 sau 5 năm đổi mới, sự nghiệp giáo dục đạt được một số tiến bộ rõ nét trong việc củng cố, xây dựng và phát triển phong trào các ngành học, đa dạng hóa các loại hình giáo dục... đã đầu tư xây dựng và sắp xếp lại mạng lưới trường học, củng cố hệ thống lớp chuyên, lớp chọn, các trường phổ thông dân tộc nội trú, mở rộng mạng lưới trường bán trú, lớp chuyên ngữ, tăng cường chất lượng dạy và học, thực hiện nhiều môn học mới để giáo dục toàn diện cho học sinh. Trong 5 năm qua, nhiều cô giáo, thầy giáo và học sinh đã đạt thành tích cao trong các kỳ thi của tỉnh và quốc gia. Kết quả cụ thể trên các mặt sau đây:

a) Về xóa mù chữ và giáo dục thường xuyên:

Năm 1991 Lào Cai có 15 vạn người mù chữ, trong đó có 7.600 người ở tuổi 15-25. Để đổi mới công tác xóa mù chữ có hiệu quả, tỉnh chủ trương xóa mù chữ có trọng tâm trọng điểm, tập trung xóa mù chữ cho cán bộ chủ chốt và một bộ phận đoàn viên thanh niên, tổ chức lớp học phù hợp điều kiện sản xuất và công tác của người học, sử dụng lực lượng tổng hợp các cấp, các ngành nên từ 1991 đến 1996 đã

xóa mù cho 19.986 người, trong đó có 856 cán bộ chủ chốt cơ sở. Kết quả trên đã góp phần nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ cơ sở lên một bước.

b) Về giáo dục mầm non:

Đã có gần 2 vạn trẻ em được đến nhà trẻ mẫu giáo, so với năm 1991 số trẻ em được đến nhà trẻ mẫu giáo năm 1996 tăng lên 6 lần, ở các xã vùng thấp và nhiều xã vùng cao. Phong trào giáo dục mầm non phát triển cả về số và chất lượng.

c) Về giáo dục tiểu học:

Quy mô giáo dục tiểu học phát triển nhanh, năm 1991-1992 có 47.720 học sinh, năm học 1995-1996 có 72.575 học sinh tăng 52%; tỷ lệ trẻ em từ 6-14 tuổi tăng từ 35,76% (năm 1991) lên 64,5% (năm 1996). Học sinh các dân tộc thiểu số có từ 15.105 (năm 1991) lên 37.272 học sinh năm 1996 (tăng 46,7%). Tỷ lệ học sinh lớp 1 duy trì đến lớp 5 ở vùng cao là 50%, vùng thấp là 90%. Đến nay nhiều xã vùng cao đã có đến lớp 5, các xã còn lại có đến lớp 3 và 4. Chất lượng giáo dục tiểu học được nâng lên, tỷ lệ học sinh khá giỏi tăng từ 12% lên 23%.

d) Giáo dục trung học:

Năm 1995-1996 so với năm học 1991-1992 học sinh trung học cơ sở tăng 17%, trung học phổ thông tăng 71%; học sinh là dân tộc thiểu số tăng gấp 3 lần (riêng trung học phổ thông học sinh là dân tộc tăng 10 lần). Đã chú trọng chất lượng giáo dục toàn diện, đạo đức, văn hóa và thể chất; riêng chất lượng văn hóa học sinh khá giỏi tăng từ 15% (năm học 1991-1992) lên 22,7% (năm học 1995-1996), học sinh giỏi quốc gia năm học 1991-1992 có 1 giải, năm học 1995-1996 có 6 giải.

e) Về giáo dục chuyên nghiệp:

Để đào tạo giáo viên và cán bộ cho nhu cầu cấp bách của một tỉnh mới được tái lập, ngoài việc gửi học sinh đi học tại các trường Trung ương và tỉnh bạn, Lào Cai đã sớm thành lập Trường Trung học Sư phạm đào tạo giáo viên tiểu học; thành lập Trường Chính trị của tỉnh đào tạo, bồi dưỡng cán bộ các cấp về chính trị và quản lý, liên kết với các trường đại học mở các lớp Đại học Sư phạm, báo chí, tài chính kế

toán, giao thông, xây dựng, pháp lý. Nhằm đáp ứng nhu cầu cán bộ của tỉnh trước mắt cũng như lâu dài. Đã thành lập Trung tâm dạy nghề và giới thiệu việc làm đào tạo lao động có kỹ thuật cho các thành phần kinh tế trong tỉnh.

g) Tăng cường đầu tư các điều kiện cho giáo dục phát triển:

- Ngân sách đầu tư cho giáo dục từ 7% năm 1991 lên 11% năm 1996. Nhân dân và các lực lượng xã hội tham gia đóng góp cho phát triển giáo dục ngày càng tốt hơn. Do đó, cơ sở vật chất của ngành giáo dục đến nay đã được cải thiện một bước, gần 40% số phòng học xây cấp 3,4, nhiều trường được trang bị bàn ghế đủ quy cách, sách giáo khoa cơ bản đủ cho học sinh, thiết bị dạy học ở một số trường đã được đổi mới, có trường được trang bị máy vi tính phục vụ cho học tập, giảng dạy.

- Xây dựng đội ngũ giáo viên: Để đáp ứng nhu cầu về số lượng, ngành giáo dục đã thực hiện các biện pháp hợp đồng, tái tuyển giáo viên cũ nghỉ chế độ còn sức khỏe, đào tạo đa dạng các hệ sư phạm (hệ chuẩn 12+2; 9+3; trung học mẫu giáo 12+2); (hệ cấp tốc 12+ 6 tháng; 9+1); (5+3 cho vùng cao); do đó lực lượng giáo viên đã tăng từ 3.674 năm 1991 lên 5.934 năm 1995. Tất cả các xã đều có trường học, xã ít nhất có 3 thầy, cô giáo.

- Phong trào xã hội hóa giáo dục đã được mở rộng, cấp ủy, chính quyền đoàn thể các cấp đã có đổi mới nhận thức về công tác giáo dục. Tiến bộ trong xã hội hóa giáo dục góp phần tháo gỡ được một số khó khăn, trước hết là việc phát triển duy trì số lượng học sinh và xây dựng lớp, mua sắm bàn ghế trang thiết bị trong điều kiện ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, để đáp ứng nhu cầu dạy và học, bảo đảm chất lượng tốt.

2. Những tồn tại, khó khăn

- Tuy đã có bước phát triển mới, song thực trạng giáo dục Lào Cai vẫn còn nhiều tồn tại, khó khăn, tính đến 1-4-1996 số người còn mù chữ ở độ tuổi 15-25 còn lại 43.448 người (chiếm tỷ lệ 50%), số trẻ em

chưa đi học ở độ tuổi 6-14 còn lại 49.870 em (chiếm tỷ lệ 35,5%). Cả hai đối tượng trên tập trung chủ yếu ở vùng cao, vùng sâu, điều kiện kinh tế chậm phát triển, đại bộ phận nhân dân còn khó khăn đang phải lo giải quyết đời sống nên chưa có nhu cầu ham học tập văn hóa, mặt khác sự đổi mới về kinh tế - xã hội chậm nên chưa tạo ra động lực thúc đẩy nhu cầu học tập của cán bộ và nhân dân. Đây là tồn tại khó khăn lớn nhất hiện nay hạn chế phát triển của công tác giáo dục.

- Chất lượng và hiệu quả giáo dục còn thấp, chưa vững chắc, tỷ lệ học sinh tiểu học bỏ học giữa cấp còn nhiều (ở vùng cao 50%) nên số học sinh lên đến lớp 5 đạt tỷ lệ thấp.

- Nguồn lực cho giáo dục còn nhiều khó khăn, đội ngũ giáo viên thiếu nghiêm trọng, nhiều thôn, bản xa trung tâm xã chưa có giáo viên, nên học sinh chưa được đi học. Đại bộ phận giáo viên không yên tâm công tác ở vùng cao. Việc đào tạo giáo viên là người vùng cao, vùng xa còn rất ít, thiếu nguồn để đào tạo. Đầu tư cho giáo dục từ ngân sách còn thấp, ngân sách địa phương dành cho công tác giáo dục còn ở mức rất hạn chế, sự đóng góp của nhân dân còn hạn hẹp, vì đời sống kinh tế còn khó khăn. Do vậy, đến nay Lào Cai còn gần 70% số lớp học còn là nhà tạm (nhất là vùng cao) nhiều nơi trường chưa ra trường, lớp chưa ra lớp, thiết bị dạy học ở 60% số trường còn đơn giản, tình trạng “dạy chay” vẫn là chủ yếu.

Với những tồn tại việc thực hiện mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2000 ở Lào Cai còn cực kỳ khó khăn, đòi hỏi sự phấn đấu hết sức quyết liệt của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lào Cai trong những năm tới.

II. MỤC TIÊU PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP

1. Mục tiêu phương hướng đến năm 2000

- Tiếp tục đầu tư mới và củng cố hệ thống trường lớp, đáp ứng nhu cầu học của nhân dân và yêu cầu đào tạo cán bộ của tỉnh. Phấn đấu đến năm 2000 có đủ giáo viên dạy học; phổ cập giáo dục ở vùng thấp,

huy động từ 65 đến 70% trẻ em vùng cao trong độ tuổi đến trường, mở rộng việc học ngoại ngữ, tin học và dạy nghề ở các trường xã vùng thấp, thị trấn, thị xã. Hoàn thành phổ cập tiểu học ở các xã vùng thấp và các xã vùng cao có điều kiện, xóa mù chữ cho cán bộ xã, các trưởng thôn, bản trong toàn tỉnh.

2. Các giải pháp cơ bản

a) Tăng cường đầu tư cho giáo dục theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ II Đảng bộ Lào Cai đề ra “Giáo dục cần được ưu tiên phát triển một bước” hằng năm phấn đấu tăng ngân sách 2% trở lên, để đến năm 2000 đạt tỷ lệ chi phí cho giáo dục từ 5 - 20% tổng ngân sách, khuyến khích sự đóng góp của các tổ chức xã hội của các doanh nghiệp, của các tổ chức quốc tế và của nhân dân cho công tác giáo dục.

b) Tích cực đào tạo giáo viên, quán triệt phương châm đào tạo người tại chỗ là chính (ưu tiên đào tạo giáo viên người dân tộc vùng cao, vùng xa). Kết hợp các loại hình đào tạo thích hợp, vừa đào tạo giáo viên theo hệ chuẩn vừa phải đào tạo hệ cấp tốc, sau đó dần dần bồi dưỡng hoàn chỉnh. Động viên giáo viên đã nghỉ chế độ, còn sức khỏe trở lại công tác, đề nghị Trung ương có chủ trương chỉ đạo các tỉnh miền xuôi tăng cường giáo viên cho các tỉnh miền núi để thực hiện mục tiêu chương trình xóa mù chữ và phổ cập tiểu học.

c) Ưu tiên đầu tư cơ sở vật chất cho các trường để có đủ lớp, đủ bàn ghế cho người học, không để phải học ba ca, một số trường có điều kiện thực hiện bán trú cho học sinh tiểu học, Phấn đấu đến năm 2000 toàn tỉnh có từ 65-70% số trường học lợp ngói, 50% trở lên xây cấp 3,4. Tăng cường đầu tư đổi mới trang thiết bị phục vụ cho dạy học cả thầy và học tập của trò, nhất là trang thiết bị tiên tiến, phấn đấu đến năm 2000 có 80% số trường được học đủ các môn theo quy định chung. Cấp ủy chính quyền các cấp cần sớm quan hệ đủ mặt bằng, ổn định lâu dài việc củng cố và phát triển hình thức trường học.

d) Tiếp tục phát triển sâu rộng phong trào xã hội hóa giáo dục, làm cho công tác giáo dục không chỉ là trách nhiệm của các cấp bộ

Đảng và chính quyền mà còn là công việc của toàn xã hội, của nhân dân. Các đoàn thể xã hội và gia đình phải tạo môi trường xã hội lành mạnh cho giáo dục phải trực tiếp tham gia vào quá trình dạy và học, tích cực đóng góp công sức, tiền của cho công tác giáo dục. Để thực hiện được vấn đề trên cần quan tâm đến công tác giáo dục nhân dân về trách nhiệm và nghĩa vụ học tập, đồng thời có cơ chế gắn hoạt động giáo dục với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội.

3. Đề nghị

- Đề nghị pháp luật hóa trách nhiệm của Nhà nước của các tổ chức kinh tế - xã hội, của cộng đồng, của mọi công dân đối với công tác giáo dục nói chung và việc hỗ trợ người nghèo, hỗ trợ vùng khó khăn, bảo đảm điều kiện để mọi người đều được học.

- Đề nghị Nhà nước có chính sách khuyến khích thu hút và đãi ngộ giáo viên dạy học ở vùng cao, vùng sâu. Đầu tư mở rộng loại trường, lớp bán trú, nội trú ở các xã vùng cao, vùng sâu.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 03-BC/TU, ngày 25-9-1996

Đánh giá hoạt động khoa học - công nghệ 5 năm (1991-1995)

Khi mới tái lập tỉnh Lào Cai, hoạt động khoa học - công nghệ đã có một số tiền đề ban đầu, thể hiện nổi bật là việc đưa tiến bộ kỹ thuật vào ứng dụng trồng nông, lâm nghiệp, cuộc cách mạng về giống, cây trồng, vật nuôi đã được triển khai có kết quả ở nông thôn vùng thấp, đưa năng suất lúa 2 vụ ở nhiều nơi lên 5- 6 tấn/ha,... cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho nông nghiệp được đầu tư đáng kể, nhất là khâu thủy lợi, bảo vệ thực vật tạo điều kiện mở rộng thâm canh ở vùng thấp, khai hoang mở rộng diện tích cây lúa nước vùng cao.

Việc điều tra đánh giá tài nguyên, tiềm năng về đất đai, khoáng sản, rừng, khí hậu... đã được triển khai có kết quả nhất định, tạo cơ sở ban đầu cho việc hoạch định chương trình phát triển kinh tế của tỉnh.

Lực lượng khoa học - kỹ thuật có trên một ngàn người, đại bộ phận có phẩm chất tốt, yên tâm công tác, một số đáng kể cán bộ khoa học - kỹ thuật đã có thời gian dài hoạt động công tác ở Lào Cai nên tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong quản lý, thực hành khoa học - công nghệ ở một tỉnh miền núi, vùng cao

Tuy vậy, thực trạng khoa học - công nghệ ở Lào Cai khi mới tái lập tỉnh còn rất nhiều khó khăn, non yếu. Từ nhiều năm trước do tình hình biên giới phức tạp việc chăm lo đầu tư cho các lĩnh vực kinh tế -

xã hội, cho khoa học - công nghệ còn ở mức thấp nên thực trạng cơ sở vật chất kỹ thuật nói chung và cơ sở vật chất phục vụ cho việc nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ nói riêng còn rất yếu kém. Đại bộ phận các huyện, thị chưa có điện lưới quốc gia, đường ô tô chủ yếu đến các huyện, thị và một số xã vùng thấp, các cơ sở vật chất thiết bị máy móc phục vụ cho nghiên cứu khoa học hầu như chưa có gì đáng kể, các cơ quan quản lý khoa học - công nghệ mới thành lập thiếu cán bộ, điều kiện làm việc thiếu thốn.

Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật tuy có đông nhưng không đồng bộ, thiếu cán bộ giỏi, việc bố trí sử dụng còn nhiều trường hợp chưa hợp lý. Chưa có chính sách khuyến khích đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật hăng hái với hoạt động khoa học.

Việc đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào nông nghiệp mới phát triển ở vùng thấp, ở vùng cao còn nhiều hạn chế. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chậm phát triển, trình độ máy móc thiết bị sản xuất còn lạc hậu.

I. PHÂN ĐÁNH GIÁ

Trong những năm qua hoạt động khoa học - công nghệ của tỉnh Lào Cai đã giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ở địa phương. Kết quả hoạt động khoa học - công nghệ đã được áp dụng trong các lĩnh vực quản lý, trong các ngành sản xuất góp phần quan trọng hoàn thành các chương trình kinh tế - xã hội của tỉnh.

1. Những thành tựu đã đạt được

+ Tỉnh đã hình thành cơ cấu tổ chức khoa học - công nghệ:

Thành lập Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường, hình thành các cơ quan khoa học - công nghệ chuyên ngành và một số cơ sở đào tạo như:

- Viện Thiết kế công trình dân dụng công nghiệp.
- Viện Khảo sát thiết kế giao thông.

- Viện Khảo sát thiết kế thủy lợi.
- Trung tâm giống và chuyển giao kỹ thuật lâm nghiệp.
- Trung tâm Khuyến nông.
- Chi cục Bảo vệ thực vật.
- Chi cục Thú y.
- Chi cục Đo lường chất lượng.
- Trường Chính trị tỉnh, Trường Sư phạm, Trung tâm dạy nghề và giới thiệu việc làm.

- Các cơ quan khoa học - công nghệ và các trường đào tạo được đầu tư một số trang thiết bị hiện đại phục vụ cho việc triển khai áp dụng tiến bộ kỹ thuật và quản lý, đặc biệt là công cụ máy vi tính.

- Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật đã có sự trưởng thành một bước, đến nay số cán bộ đại học, trên đại học có trên 2 ngàn người, phân đông đang ở độ tuổi 25-45. Đại bộ phận có phẩm chất chính trị tốt, có nguyện vọng được cống hiến cho ngành khoa học được đào tạo, kiên trì khắc phục khó khăn yên tâm công tác. Một bộ phận không nhỏ đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật đã nhiệt tình say sưa tìm tòi sáng tạo trong thực hành khoa học đưa tiến bộ khoa học - công nghệ vào cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực nông, lâm nghiệp, công nghiệp, giao thông, xây dựng giáo dục, y học... góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển. Một số cán bộ khoa học - kỹ thuật đã có khả năng tham gia vào việc nghiên cứu các đề tài khoa học cấp tỉnh cả tự nhiên và xã hội, tham gia vào việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng các dự án, đề án phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - kỹ thuật của tỉnh, huyện và cơ sở. Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật làm công tác quản lý phân đông đã có trình độ cao cấp chính trị, trình độ trung cao cấp quản lý nhà nước, hàng chục cán bộ có trình độ trên đại học trong đó có 3 người có trình độ phó tiến sĩ. Đó là lực lượng nòng cốt trong cuộc cách mạng khoa học - công nghệ ở Lào Cai.

+ Coi trọng nghiên cứu khoa học cơ bản.

Trong những năm qua đã tổ chức thực hiện các chương trình đề tài sau:

- Chương trình điều tra cơ bản tài nguyên thiên nhiên, khoa học - kỹ thuật, chuẩn bị xây dựng quan hệ tổng thể Lào Cai đến năm 2000.

- Chương trình đánh giá hiện trạng và giải pháp khôi phục bảo vệ môi trường ở Lào Cai.

- Chương trình điều tra tài nguyên khoáng sản quý hiếm.

- Chương trình nghiên cứu khoa học xã hội như: Đánh giá đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật có trình độ đại học trở lên, xây dựng giải pháp đào tạo, sử dụng. Đánh giá đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số và quy hoạch đào tạo, nghiên cứu thực trạng vấn đề đạo Thiên Chúa ở vùng đồng bào Mông. Đánh giá tiềm năng du lịch của Lào Cai. Hoàn thành 2 tập lịch sử Đảng bộ Lào Cai.

Kết quả các chương trình nghiên cứu trên bước đầu đã giúp tỉnh có cơ sở hoạch định phương hướng phát triển và giải pháp tổ chức thực hiện phù hợp với thực tiễn.

+ Đẩy mạnh triển khai ứng dụng công nghệ trong các ngành sản xuất.

- Về công nghiệp: Áp dụng 2 dây chuyền công nghệ bia hơi 2000 và 1000 lít/ngày, công nghệ sản xuất gạch tuynen, công nghệ chế biến nông, lâm sản, gỗ, chè, thực phẩm rau quả, công nghệ xi măng lò đứng, công nghệ tuyển đồng, áp dụng cơ khí nhỏ vào vùng cao.

- Về nông nghiệp: Mở rộng áp dụng các giống cây con mới (lúa, ngô, đậu tương, khoai tây, chè, cây ăn quả, dê sữa, bò sữa, giống lợn ngoại, gà công nghiệp) những tiến bộ công nghệ áp dụng vào nông nghiệp đã góp phần tăng năng suất cây trồng, tăng sản lượng lương thực bình quân 5 năm qua là 3,93%/năm; tạo cơ sở để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp theo hướng công nghiệp hóa.

+ Quan tâm đầu tư ngân sách cho khoa học - công nghệ. Đầu tư các đề tài dự án khoa học - công nghệ cấp tỉnh hằng năm như sau: 1992: 200 triệu; 1993: 800 triệu; 1994: 2.100 triệu; 1995: 2000 triệu; 1996: 1.285 triệu. Ngoài ra còn đầu tư qua các ngành nhất là cho nông, lâm nghiệp, đầu tư qua trợ giá các giống cây con cho nông dân hàng trăm triệu đồng.

2. Tồn tại yếu kém

Nhìn chung khoa học - kỹ thuật ở Lào Cai phát triển chậm, chưa đáp ứng được những yêu cầu bức xúc của công cuộc đổi mới đề ra, thể hiện trên một số mặt cơ bản sau đây:

a) Việc tuyên truyền phổ biến và áp dụng các thành tựu khoa học và tiến bộ công nghệ chưa được thực hiện rộng rãi và đồng bộ nhất là đối với nông thôn vùng cao, nên chưa tạo được sự chuyển biến rõ nét về năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất và dịch vụ, chưa tạo được những ngành nghề mới.

Trong các ngành công nghiệp, hệ thống máy móc thiết bị nhìn chung còn lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường, mẫu mã hàng hóa còn đơn điệu, chất lượng sản phẩm còn thấp. Đại bộ phận nông dân vùng cao còn canh tác ở trình độ rất lạc hậu, cơ cấu cây trồng vật nuôi chưa được đổi mới nhiều, năng suất rất thấp, việc canh tác của một bộ phận nông dân còn phụ thuộc phần lớn vào yếu tố tự nhiên. Đời sống còn rất khó khăn, tỷ lệ nghèo đói tuy có giảm nhiều nhưng vẫn còn cao; mức sống của nhân dân nhìn chung còn thấp.

b) Việc tổng kết nghiên cứu khoa học cơ bản để giúp cấp ủy và chính quyền các cấp có căn cứ đề ra phương hướng nhiệm vụ và các giải pháp chỉ đạo nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng... còn yếu, chưa toàn diện. Nhiều vấn đề đang đặt ra cần được tổng kết khoa học nhưng khả năng khó khăn thực hiện của tỉnh còn rất hạn chế và thiếu ngân sách đầu tư cho nghiên cứu khoa học cơ bản.

c) Đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ có được bổ sung tăng cường nhưng nhìn chung vừa thiếu vừa yếu, chưa có nhiều cán bộ thạo công nghệ giỏi quản lý. Thiếu những chuyên gia có trình độ quản lý điều hành các đề tài, dự án khoa học - công nghệ quan trọng. Việc đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ khoa học - công nghệ còn bộ lộ những nhược điểm: lực lượng cán bộ được đào tạo về các ngành khoa học - kỹ thuật còn chiếm tỷ lệ thấp, lực lượng lao động kỹ thuật còn mỏng, một bộ phận cán bộ khoa học, kỹ thuật rơi vào hành chính hóa ít gắn với thực tiễn sản xuất chỉ nắm lý thuyết mà thiếu thực hành.

Một bộ phận thiếu năng động, chưa nhiệt tình say sưa với khoa học, hiệu quả công việc thấp, chính sách chế độ chưa đủ khuyến khích đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ phát huy hết khả năng của mình nhất là đối với những cán bộ làm việc có hiệu quả.

d) Đầu tư cho khoa học - công nghệ còn ở mức thấp (khoảng 1%), ngân sách lại sử dụng kém hiệu quả, việc huy động các nguồn lực từ các thành phần kinh tế và sự hợp tác, hỗ trợ của bên ngoài còn rất hạn chế, chưa được mở rộng, chưa tạo được môi trường có sức thu hút đầu tư của bên ngoài vào tỉnh.

e) Công tác quản lý khoa học - công nghệ còn non yếu, hình thức thẩm định công nghệ chưa được hình thành đủ năng lực, các cơ quan khoa học của tỉnh chưa đủ lực lượng và các điều kiện cơ sở vật chất cần thiết đáp ứng các vấn đề thực tiễn đặt ra, hợp tác khoa học với các lực lượng ngoài tỉnh còn nhiều khó khăn trở ngại.

g) Các ngành các cấp tuy đã có nhận thức mới về khoa học - công nghệ nhưng nói chung chưa quan tâm đúng mức vai trò, vị trí của khoa học - công nghệ trong công cuộc đổi mới, chưa coi khoa học - công nghệ là cơ sở cho việc giải quyết các nhiệm vụ kinh tế - xã hội và là nội dung quan trọng của lãnh đạo và quản lý.

II. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN PHÁT TRIỂN KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ Ở LÀO CAI ĐẾN NĂM 2000- 2010

1. Những khó khăn, thuận lợi

- Kinh tế - xã hội chậm phát triển, lực lượng sản xuất còn rất lạc hậu, chủ yếu là lao động thủ công. Trình độ dân trí thấp, nhất là đồng bào vùng cao, nên việc tiếp thu khoa học - công nghệ còn khó khăn.

- Đời sống của nhân dân nhìn chung còn thấp kém, thiếu vốn để đầu tư phát triển sản xuất.

- Chưa tạo ra được nhiều tiến bộ kỹ thuật, công nghệ mới phù hợp với điều kiện tự nhiên và xã hội ở miền núi nói chung và vùng cao nói riêng, nhất là các loại giống cây trồng, vật nuôi.

- Đầu tư ngân sách cho khoa học - công nghệ còn rất hạn chế, khả năng các nguồn lực tại chỗ còn rất hạn hẹp, các doanh nghiệp nhỏ bé, đại bộ phận nhân dân còn thu nhập ở mức thấp.

- Đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ thiếu và yếu phải có thời gian, có kế hoạch đầu tư đào tạo tổ chức lại thành hình thức đồng bộ mới đáp ứng được sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

+ Những thuận lợi:

- Đường lối đổi mới của Đảng đã xác định “Khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu” Đảng và Nhà nước đã và đang quan tâm đầu tư nhiều hơn cho khoa học - công nghệ. Đặc biệt đối với miền núi vùng cao, Đảng và Nhà nước đã có chủ trương ưu tiên đầu tư phát triển với tốc độ nhanh hơn.

- Lào Cai là một tỉnh giàu tiềm năng tài nguyên thiên nhiên, những thành quả và kinh nghiệm thu được những năm qua, tạo tiền đề ban đầu cho việc thực hiện chương trình mục tiêu phát triển khoa học - công nghệ trong thời gian tới.

- Đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ tuy còn có những hạn chế so với yêu cầu mới, song đại bộ phận yên tâm, nhiệt tình công tác có chí hướng vươn lên cống hiến cho sự nghiệp phát triển khoa học - công nghệ của Lào Cai.

- Điều kiện:

- Liên doanh, liên kết để thu hút vốn, học tập và ứng dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật từ nước ngoài thông thoáng hơn.

2. Những định hướng cơ bản

a) Lấy việc nghiên cứu ứng dụng tiếp thu công nghệ là chính, áp dụng rộng rãi các thành tựu khoa học và tiến bộ công nghệ đẩy nhanh quá trình đổi mới công nghệ trong các ngành sản xuất và dịch vụ, tạo thêm ngành nghề mới sản phẩm mới, tạo nhiều việc làm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

+ Chú trọng đưa công nghệ mới thích hợp về nông thôn, vùng cao, phát triển tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến nông, lâm

sản, dịch vụ kỹ thuật vào trong nông nghiệp nhằm đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cải tiến cơ cấu kinh tế nông thôn nhằm đạt các mục tiêu, nâng cao năng suất cây trồng từ 60-80% vào năm 2000, nâng cao năng suất lao động nông nghiệp lên 2 lần vào năm 2000 và 4 lần vào năm 2010, tạo điều kiện chuyển lao động nông nghiệp sang các ngành công nghiệp và dịch vụ, đến năm 2010 lao động nông nghiệp chiếm 50-55% so với lao động xã hội của toàn tỉnh.

- + Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, phát triển mô hình lâm nghiệp xã hội, đẩy nhanh tốc độ phủ xanh đất trống, đồi núi trọc để đến năm 2000 độ che phủ 45% đến năm 2010 đạt 55% trở lên.

- + Phát triển năng lực của tỉnh tạo ra những công nghệ có quy mô nhỏ, đơn giản. Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào tỉnh thông qua nhiều hình thức linh hoạt, ưu tiên chọn công nghệ tiên tiến, công nghệ cao nhằm khai thác cao nhất các nguồn lực của tỉnh, nâng cao năng suất lao động, phát triển ngành nghề trong khu vực công nghiệp, dịch vụ để đến năm 2000 đạt cơ cấu GDP như sau nông - lâm nghiệp 39%; công nghiệp 32%; dịch vụ 29%.

- + Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ trong nước phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, bưu điện... đến năm 2000 có đường ô tô về hầu hết các xã, 30% số xã có điện lưới quốc gia.

- + Ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ trong công tác y tế, dân số - kế hoạch hóa gia đình trong giáo dục văn hóa nhằm đạt các mục tiêu về sức khỏe, dân số và nâng cao dân trí cho nhân dân, đáp ứng sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

b) Chú trọng đúng mức các công trình nghiên cứu khoa học cơ bản về xã hội, nhân văn và tự nhiên, đưa kết quả các công trình nghiên cứu vào ứng dụng. Mở rộng điều tra cơ bản một cách hình thức và điều kiện kinh tế - xã hội, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và môi trường sinh thái, đồng thời thường xuyên bám sát và tổng kết thực tiễn để kịp thời phát hiện những vấn đề khoa học - kỹ thuật mới nảy sinh, giúp cấp ủy chính quyền các cấp có cơ sở hoạch định phương hướng đúng đắn và có các giải pháp chỉ đạo sát và kịp thời.

c) Tăng cường đào tạo và củng cố đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật có chính sách để thu hút các nhà khoa học, các chuyên gia giỏi tham gia vào nghiên cứu khoa học.

d) Tăng cường học tập, quán triệt nghiên cứu và vận dụng sáng tạo các nghị quyết của Đảng vào điều kiện cụ thể của địa phương.

III. ĐỀ NGHỊ

- Tập trung vào việc nghiên cứu vấn đề khoa học - công nghệ phù hợp với điều kiện của miền núi, nhằm khai thác được thế mạnh của miền núi, tạo ra cơ sở để chuyển dịch cơ cấu kinh tế miền núi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Tăng cường đầu tư ngân sách hỗ trợ cho đồng bào vùng cao áp dụng các tiến bộ công nghệ về giống cây, con, về chế biến nông, lâm sản, về giao thông thủy lợi, thủy điện, nước sinh hoạt.

- Có chính sách đãi ngộ thích đáng hơn đối với cán bộ khoa học - kỹ thuật yên tâm hăng hái cống hiến tốt cho sự nghiệp phát triển khoa học - công nghệ ở miền núi, vùng cao.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
NGÀY 8-10 ĐẾN 9-10-1996

Số 77-TB/TU, ngày 11-10-1996

Trong hai ngày 8 và 9-10-1996, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp Hội nghị lần thứ ba dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy (vắng mặt đồng chí Phạm Ngọc Sửu và đồng chí Nguyễn Đình Vững).

1. Ban Thường vụ lần lượt xem xét và cho ý kiến vào các bản dự thảo chuẩn bị trình ra Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ III.

- Dự thảo nghị quyết của Ban Chấp hành về những giải pháp chủ yếu để chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 1996 -2000.

- Dự thảo nghị quyết của Ban Chấp hành về phát triển kinh tế đối ngoại và công tác xuất nhập khẩu tỉnh Lào Cai giai đoạn 1996 - 2000.

- Dự thảo chương trình công tác chính trị - tư tưởng của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh giai đoạn 1996 - 2000.

- Dự thảo quy chế hoạt động của Ủy ban Kiểm tra tỉnh khóa II.

- Dự thảo báo cáo tình hình công tác 9 tháng - nhiệm vụ công tác quý IV năm 1996 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy cơ bản nhất trí với các dự thảo trên, yêu cầu các cơ quan soạn thảo tiếp thu ý kiến của các đồng chí trong Ban Thường vụ để chỉnh sửa các bản dự thảo cho chính xác về tên gọi, số

liệu, cách đánh giá tình hình, sau đó gửi ngay cho các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành nghiên cứu trước, bảo đảm cho Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ ba đạt kết quả tốt.

2. Ban Thường vụ nhất trí với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh giai đoạn 1996 - 2010. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh bản kế hoạch trình Chính phủ phê duyệt và tổ chức thực hiện tốt theo kế hoạch đó.

3. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý tặng cho Quân khu II Bức trưởng nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành lập truyền thống lực lượng vũ trang Quân khu II.

Tặng cho Hội Chữ thập đỏ tỉnh Bức trưởng nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Hội.

Mẫu các bức trưởng do Ban Thi đua trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định.

Yêu cầu các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 02-TT/TU, ngày 26-10-1996

Về việc tổ chức thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”

Những năm gần đây Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân đã phối hợp với chính quyền và các ngành liên quan tổ chức phát động quần chúng hưởng ứng và đẩy mạnh nhiều phong trào: Đoàn kết các dân tộc giúp nhau phát triển sản xuất, tham gia thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo; xây dựng quỹ bảo trợ xã hội, đền ơn đáp nghĩa, phòng trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc; bài trừ các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn hóa... đem lại nhiều kết quả, tạo được lòng tin trong quần chúng với Đảng và Nhà nước.

Ngày 3-5-1995 Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra Thông tri số 04-TT/MTTW hướng dẫn cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”. Đây là cuộc vận động có quy mô rộng lớn mang tính toàn dân, nhiều nội dung phong phú về chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, được tiến hành ở ngay các khu dân cư, gắn liền với từng gia đình, từng cơ quan, đơn vị. Ở tỉnh ta, cuộc vận động này đã và đang tổ chức triển khai thực hiện ở một số cơ sở, thực tế bước đầu đã mang lại kết quả thiết thực đối với cuộc sống của nhân dân.

Để đưa cuộc vận động này trở thành phong trào rộng lớn của các tầng lớp nhân dân, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy Đảng,

Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng tập trung lãnh đạo thực hiện tốt cuộc vận động và coi đây là một nội dung quan trọng về công tác dân vận của Đảng theo tinh thần Chỉ thị số 69-CT/TW, ngày 20-6-1996 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII). Trước mắt cần tập trung chỉ đạo để làm tốt một số việc sau đây:

1. Các cấp ủy, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng cần tổ chức quán triệt trong nội bộ Đảng, các cấp chính quyền, các tổ chức đoàn thể, các hội quần chúng và nhân dân thấy rõ ý nghĩa, mục đích yêu cầu của cuộc vận động: “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”. Nhận thức đầy đủ 5 nội dung của cuộc vận động trong Thông tri số 04-TT/MTTW, ngày 3-5-1995 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhằm động viên mọi người, mọi nhà hưởng ứng tham gia thực hiện một cách tự nguyện, bình đẳng, hợp tác cùng nhau xây dựng cuộc sống mới với phương châm “Lấy sức dân mà xây dựng cuộc sống cho dân”.

2. Xác định khu dân cư ở tỉnh Lào Cai là: Đơn vị nhỏ dưới cấp xã, phường, thị trấn. Ở nông thôn lấy thôn, bản, làng, xóm; ở thị trấn lấy tiểu khu phố; ở các phường là các đường phố, khu phố; ở các khu công nghiệp là các khu nhà tập thể, các phân xưởng sản xuất... Những nơi đó thường ứng với một hệ thống chính trị - xã hội tương đối hoàn chỉnh như: Chi bộ, tổ Đảng, các chi hội hoặc phân hội của các đoàn thể, hội quần chúng, tổ trưởng dân phố, trưởng thôn, bản... ở mỗi khu dân cư như vậy, những con người, những gia đình thực hiện cuộc sống đời thường của mình, họ thực sự gần gũi nhau, hiểu biết hoàn cảnh, điều kiện cuộc sống của nhau và thể hiện mối quan hệ lợi ích, trách nhiệm trong cộng đồng dân cư. Do đó thông qua cuộc vận động mà tạo ra sự đoàn kết, gắn bó giúp nhau xây dựng cuộc sống tốt hơn ở khu dân cư và từng gia đình.

3. Quần chúng nhân dân ở từng khu dân cư là nơi tổ chức thực hiện mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nơi trực tiếp bảo đảm ổn định an ninh chính trị, trật tự trị an xã hội và phát triển kinh tế, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần

của mỗi người và cả cộng đồng dân cư. Việc tổ chức triển khai thực hiện cuộc vận động này thể hiện quan điểm của Đảng ta về công tác dân vận trong tình hình mới, hướng mọi hoạt động về cơ sở, sát với thực tế cuộc sống của nhân dân ở từng khu dân cư.

Để thực hiện tốt cuộc vận động này, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, Mặt trận cần phối hợp với chính quyền, các ngành có liên quan, các tổ chức thành viên, thống nhất chỉ đạo một số việc sau đây:

- Tiến hành khảo sát tình hình thực tế xã hội và đời sống của các tầng lớp nhân dân, kiểm điểm lại việc tổ chức và hoạt động của Mặt trận, các đoàn thể ở các khu dân cư.

Trên cơ sở khảo sát tình hình, có kế hoạch xây dựng các nội dung, chương trình công tác phù hợp và tổ chức đưa ra các nội dung, chương trình đó thực sự đi vào cuộc sống của nhân dân ở từng địa bàn dân cư.

- Quán triệt phương châm “Lấy dân làm gốc” tổ chức cho nhân dân tự bàn bạc, quyết định những vấn đề bức xúc, thiết thực cần phải giải quyết ngay từ cơ sở, khuyến khích vận động nhân dân tự quản, xây dựng quy ước cụ thể ở từng khu dân cư.

- Tổ chức tốt việc chỉ đạo điểm, rút kinh nghiệm và triển khai nhanh trên diện rộng. Hằng năm tiến hành sơ kết, gắn với công tác thi đua khen thưởng đối với những cá nhân, đơn vị có nhiều thành tích trong cuộc vận động này.

- Thành lập ở mỗi cấp một ban chỉ đạo cuộc vận động, giao cho Đảng đoàn Mặt trận tỉnh có kế hoạch hướng dẫn việc thành lập có quy chế phối hợp hoạt động của Ban chỉ đạo ở mỗi cấp.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho Mặt trận các cấp tiến hành cuộc vận động và coi đây là một nội dung công tác quan trọng của chính quyền các cấp hiện nay.

- Các cơ quan báo chí, Đài Phát thanh - Truyền hình cần thường xuyên tuyên truyền để mọi cấp, mọi ngành và mọi người dân hiểu và tham gia cuộc vận động; phổ biến kinh nghiệm và kịp thời động viên những nơi làm tốt, những điển hình tiên tiến.

5. Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy, Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh có trách nhiệm giúp Tỉnh ủy tổ chức triển khai, thường xuyên theo dõi, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện cuộc vận động và báo cáo kết quả về Thường trực Tỉnh ủy.

Thông tri này được phổ biến đến chi bộ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 69-QĐ/TU, ngày 25-11-1996

**Về việc nghiên cứu đề tài khoa học củng cố và nâng cao
vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng cấp xã
vùng cao tỉnh Lào Cai**

Để nghiên cứu công tác xây dựng Đảng chuẩn bị cho việc tổng kết 90 năm thành lập tỉnh Lào Cai; đồng thời chuẩn bị cho Trung ương ra Nghị quyết về “Chiến lược công tác cán bộ đến năm 2020”;

Sau khi trao đổi thống nhất với Viện Xây dựng Đảng thuộc Viện Nghiên cứu của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nội dung và sự phối hợp nghiên cứu đề tài,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cho tiến hành nghiên cứu đề tài khoa học “Củng cố và nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng cấp xã vùng cao tỉnh Lào Cai”.

Điều 2: Đề tài khoa học này do Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với Viện Xây dựng Đảng thuộc Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh thực hiện.

Điều 3: Thời gian nghiên cứu đề tài được tiến hành từ tháng 11-1996 đến tháng 12-1997 để kịp thời phục vụ cho việc tổng kết của tỉnh và yêu cầu của Trung ương.

Điều 4: Ban chủ nhiệm đề tài tiến hành xây dựng đề cương kế hoạch nghiên cứu báo cáo với Hội đồng khoa học tỉnh để kịp thời triển khai đề tài vào tháng 12-1996.

Điều 5: Hội đồng khoa học tỉnh ghi nhận vào chương trình đăng ký đề tài khoa học “Củng cố và nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng cấp xã vùng cao tỉnh Lào Cai” vào năm 1997 và tạo điều kiện thuận tiện cho Ban chủ nhiệm đề tài hoạt động đạt được nội dung, yêu cầu và kịp thời gian quy định.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ NGÀY 2 VÀ 3-1-1997
Số 03-TB/TU, ngày 6-1-1997
Về công tác tổ chức và kiểm tra

Từ ngày 2 đến 3-1-1997 Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy (vắng đồng chí Giàng Seo Phử). Ban Thường vụ kết luận một số vấn đề về công tác tổ chức và kiểm tra như sau:

A. CÔNG TÁC TỔ CHỨC

I. Đề bạt cán bộ ở các cơ quan sau

1. Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lào Cai

Nhất trí đề nghị Ngân hàng Nhà nước đề bạt đồng chí Đinh Ngọc Hiền, Trưởng phòng Kế toán giữ chức vụ Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lào Cai.

2. Sở Tài chính - Vật giá

Nhất trí đề bạt đồng chí Nguyễn Thị Bẩy, Trưởng phòng Hành chính - văn xã giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá.

3. Văn phòng Tỉnh ủy

Đề bạt đồng chí Phạm Ngọc Thăng, chuyên viên văn phòng giữ chức vụ Phó Văn phòng Tỉnh ủy Lào Cai.

II. Phân công, điều động cán bộ

Đồng chí Lê Thị Thúy Hào, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ tỉnh Lào Cai, nay thôi giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ tỉnh đến nhận công tác tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, giữ chức Ủy viên Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc tỉnh Lào Cai.

III. Xếp lại ngạch, bậc lương

1. Đồng chí Trần Hữu Sơn, Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin thể thao đang hưởng ngạch chuyên viên mã số 01003 bậc 7, hệ số 3,31 nay hưởng lương chuyên viên chính bậc 2, hệ số 3,63.

2. Đồng chí Nguyễn Hữu Vạn, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá đang hưởng lương ngạch chuyên viên chính mã số 01002 bậc 4, hệ số 4,19 nay hưởng lương chuyên viên chính bậc 5, hệ số 4,47.

3. Đồng chí Nguyễn Quang Hưng, Chi cục trưởng Kiểm lâm nhân dân tỉnh đang hưởng ngạch kiểm lâm viên chính bậc 7, hệ số 3,64 nay hưởng lương ngạch chuyên viên chính mã số 01002 bậc 4, hệ số 4,19.

4. Đồng chí Nguyễn Tiến Khoát, Phó Chi cục trưởng Kiểm lâm nhân dân tỉnh đang hưởng lương ngạch kiểm lâm viên chính bậc 7, hệ số 3,64 nay hưởng lương ngạch chuyên viên chính mã số 01002 bậc 3, hệ số 3,91.

Thời gian hưởng lương của 4 đồng chí trên từ 1-1-1997.

B. TRỢ CẤP

Cho đồng chí Trần Văn Sầu, nguyên phó Ban Dân vận - Dân tộc tỉnh Hoàng Liên Sơn đã nghỉ hưu tháng 6-1982 số tiền là 5.000.000 đồng từ nguồn ngân sách của Đảng bộ tỉnh.

IV. Thành lập Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Lào Cai

- Số lượng Ủy ban lâm thời Hội liên hiệp Thanh niên Việt Nam tỉnh Lào Cai gồm 15 đồng chí, đồng chí Nguyễn Tiến Doanh, Tỉnh ủy

viên, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Lào Cai giữ chức vụ Chủ tịch, đồng chí Bùi Quang Thắng, Ủy viên Ban Thường vụ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Lào Cai giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội.

- Cấp huyện, thị xã, số lượng ủy viên từ 9 đến 13 đồng chí, chỉ định Bí thư hoặc Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện, thị xã làm chủ tịch.

- Cấp xã, phường, thị trấn thành lập chi hội hoặc liên chi hội lâm thời, chỉ định đồng chí Bí thư hoặc Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xã, phường, thị trấn làm chủ tịch.

- Cán bộ của Hội Thanh niên Việt Nam các cấp làm việc kiêm nhiệm, cơ sở vật chất sử dụng của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp.

V. Bổ sung kiện toàn Hội đồng nghệ thuật tỉnh Lào Cai

1. Đồng chí Lương Xuân Mậu, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tuyên giáo, Chủ tịch hội đồng.

2. Đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng.

3. Đồng chí Mã A Lềnh, Chủ tịch Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh, Phó Chủ tịch Thường trực, Trưởng ban sơ khảo.

4. Đồng chí Phùng Chiến, Phó Chủ tịch Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Lào Cai, Ủy viên Hội đồng.

5. Đồng chí Nguyễn Thị Minh Thông, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh, Trưởng ban Biên tập tạp chí Văn nghệ Lào Cai, Ủy viên Hội đồng, thành viên ban sơ khảo.

6. Đồng chí Cao Văn Tư, Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh, Ủy viên Hội đồng, thành viên ban sơ khảo.

7. Đồng chí Sần Cháng, Giám đốc Sở Văn hóa Thông tin thể thao, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh, Ủy viên Hội đồng.

8. Đồng chí Nguyễn Thanh Xuân, họa sĩ, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn học Nghệ thuật, Ủy viên Hội đồng, thành viên ban sơ khảo.

VI. Bổ sung ủy viên Ban cán sự Sở Thương mại - Du lịch

1. Đồng chí Nguyễn Văn Cường, Phó Giám đốc Sở Thương mại - Du lịch giữ chức vụ Ủy viên Ban cán sự Đảng Sở Thương mại - Du lịch tỉnh.

VII. Nhân sự Ban Chấp hành và Thường trực Hội Cựu chiến binh tỉnh Lào Cai khóa II

1. Ban Chấp hành tổng số 15 đồng chí (trong đó 10 đồng chí ở huyện, thị xã, 1 đồng chí ở Công ty Apatít Việt Nam, 1 đồng chí ở văn phòng và 3 đồng chí thường trực).

2. Thường trực gồm 3 đồng chí (trong đó có 1 đồng chí kiêm chức):

1- Đồng chí Nguyễn Văn Lý - 1938, dân tộc Tày (nguyên Thượng tá), Ủy viên Ban Chấp hành Hội, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh khóa II.

2- Đồng chí Quản Trung Cầm - 1935, dân tộc Kinh (nguyên Phó Bí thư Thị ủy), Ủy viên Ban Chấp hành Hội; phụ trách Tuyên giáo, Ủy viên Thường trực khóa II.

3- Đồng chí Thào A Tráng - 1940, dân tộc Mông, Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội (kiêm chức) khóa II.

VIII. Nhân sự Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh Lào Cai khóa II

1. Ban Chấp hành: 31 đồng chí

2. Ban Thường vụ: 9 đồng chí:

1- Giàng Thị Mỹ, Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội, giữ chức Chủ tịch Hội khóa II.

2- Hứa Thị Sở, Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh Hội, giữ chức Phó Chủ tịch Hội khóa II.

3- Đồng chí Đào Minh Châu, Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh hội, giữ chức Phó Chủ tịch Hội.

4- Đồng chí Hoàng Thị Tráng, Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bất Xát, giữ chức Phó Chủ tịch Hội.

5- Đồng chí Hà Thị Liên, Thường vụ, Chánh Văn phòng Hội, giữ chức Ủy viên Thường vụ, Chánh Văn phòng Hội.

6- Đồng chí Lê Thu Hà, Phó ban Tuyên giáo Tỉnh Hội, giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo.

7- Đồng chí Nông Thị Mẫn, Chủ tịch Hội Phụ nữ huyện bảo Thắng, giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ.

8- Đồng chí Trần Thị Hồng, Giám đốc Trung tâm sinh đẻ kế hoạch - Sở Y tế, giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ Hội.

9- Đồng chí Nguyễn Thị Lương, Thường vụ, Trưởng ban Nữ công Liên đoàn Lao động tỉnh, giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Nữ công.

IX. Cho chuyển vùng công tác

1. Đồng ý cho đồng chí Nguyễn Văn Vụ, Phó Bí thư Thường trực kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Sa Pa chuyển công tác về tỉnh Vĩnh Phú theo giấy tiếp nhận của Tỉnh ủy Vĩnh Phú.

2. Đồng ý cho đồng chí Vũ Đức Lợi, Phó Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chuyển công tác về Hà Nội. Nếu có giấy tiếp nhận thì giao cho Thường trực Tỉnh ủy giải quyết.

Công tác kiểm tra Sở Xây dựng:

+ Sau khi nghe các đồng chí trong Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Lào Cai báo cáo, các đồng chí trong Ban Thường vụ thảo luận và nhất trí như sau:

- Yêu cầu Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy làm rõ và hoàn chỉnh hồ sơ trình Ban Thường vụ trong tháng 1-1997 trong đó cần phân loại rõ, cụ thể các loại chứng từ chỉ sai nguyên tắc, sai pháp lý để Ban Thường vụ kết luận trong từng trường hợp cụ thể.

- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chuẩn bị kết luận cho Ban Thường vụ thể hiện các nội dung sau:

+ Vi phạm Pháp lệnh Thống kê - Kế toán, cố ý làm sai nguyên tắc về tài chính.

+ Không chấp hành các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh, thái độ tiếp thu, kiểm sửa thiếu nghiêm túc.

+ Nội bộ mất đoàn kết.

+ Quản lý cơ quan lỏng lẻo, lộn xộn.

+ Quy trách nhiệm rõ ràng cho từng người trong đó đồng chí Am là người chịu trách nhiệm chính, có lập biên bản cụ thể.

+ Có hình thức kỷ luật đồng chí Bắc, Giám đốc Công ty Xây dựng số 1, cố ý xác nhận sai cho đồng chí Đỗ Thành Trung về thời gian công tác.

+ Thu vào ngân sách toàn bộ quỹ đen của sở lập từ nguồn thu trái pháp luật từ các doanh nghiệp, các khoản thu phí và lệ phí để ngoài sổ sách kế toán, các khoản chi sai.

- Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy xem xét về mặt tổ chức để sắp xếp lại cho phù hợp.

- Giao cho cục thuế xử lý ngay số biên lai thu, chi bị mất ở xây dựng.

X. Một số nhiệm vụ khác

1. Nhất trí với tờ trình của Ban Dân vận - Dân tộc về tổng kết Nghị quyết số 24-NQ.TW, ngày 16-10-1990 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới.

2. Nhất trí với tờ trình của Ban Tuyên giáo về kỷ niệm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và thành lập Đảng bộ Lào Cai, yêu cầu Ban Tuyên giáo chuẩn bị nội dung tuyên truyền và có tài liệu cho chi bộ sinh hoạt. Hình thức tổ chức long trọng, trang nghiêm, tiết kiệm ở từng cơ sở.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các ban Đảng của Tỉnh ủy, các cơ quan, đoàn thể có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
TRÁNG A PAO**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

Số 13-QĐ/TU, ngày 11-1-1997

**Về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra
Tỉnh ủy Lào Cai khóa II (1996-2000)**

BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH LÀO CAI

Căn cứ vào Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII thông qua;

Căn cứ vào Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa II và văn bản hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về xây dựng Quy chế làm việc cho Ủy ban Kiểm tra cấp tỉnh, thành và tương đương,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay ban hành kèm theo quyết định này bản Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Lào Cai khóa II nhiệm kỳ 1996 - 2000.

Điều 2: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc và các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
TRÁNG A PAO**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY LÀO CAI
KHÓA II (1996-2000)

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 13-QĐ/TU,
ngày 11- 1-1997)*

Phần thứ nhất

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY

Điều 1: Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy và sự chỉ đạo về chuyên môn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy có nhiệm vụ và quyền hạn như sau:

1- Nhiệm vụ quy định tại Điều 32 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam:

a) Kiểm tra đảng viên, kể cả cấp ủy viên cùng cấp có dấu hiệu vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, cấp ủy viên và trong việc thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

b) Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới có dấu hiệu vi phạm trong việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng.

c) Xem xét kết luận những trường hợp vi phạm kỷ luật, quyết định hoặc đề nghị cấp ủy thi hành kỷ luật.

d) Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên, giải quyết khiếu nại về kỷ luật Đảng.

e) Kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp.

2- Thực hiện nhiệm vụ do Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao mà những nhiệm vụ đó có liên quan trực tiếp đến chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo Điều lệ Đảng quy định.

3- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy có trách nhiệm cùng các ban của Đảng làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy về công tác kiểm tra nói riêng và công tác xây dựng Đảng nói chung.

4- Quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy

a) Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy có thẩm quyền thi hành kỷ luật theo Điều lệ Đảng quy định.

b) Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy có quyền yêu cầu tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo, cung cấp tài liệu về những vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

c) Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy có trách nhiệm giúp đỡ về chuyên môn nghiệp vụ và kiểm tra hoạt động của Ủy ban Kiểm tra cấp dưới.

Điều 2: Nhiệm vụ và quyền hạn của các thành viên trong Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy:

1- Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy phụ trách chung công việc của Ủy ban Kiểm tra, làm nhiệm vụ của cấp ủy phân công chỉ đạo chuẩn bị và chủ trì các cuộc hội nghị của Ủy ban, trực tiếp chỉ đạo các công tác kiểm tra trọng tâm trong từng thời gian và xây dựng chỉ đạo công tác của Ủy ban, đồng thời cùng với đồng chí Phó Chủ nhiệm Thường trực thay mặt Ủy ban giải quyết các công việc hằng ngày và báo cáo lại trước tập thể Ủy ban trong cuộc họp gần nhất.

2- Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban là người giúp Chủ nhiệm chỉ đạo công việc chung của Ủy ban và thay Chủ nhiệm chỉ đạo công việc của Ủy ban khi Chủ nhiệm đi vắng.

Quản lý điều hành bộ máy giúp việc của Ủy ban đôn đốc thực hiện chương trình công tác, lịch làm việc và các quyết định của tập thể Ủy ban. Giải quyết các công việc thuộc về nội bộ cơ quan.

Cùng với Chủ nhiệm chuẩn bị nội dung các kỳ họp của Ủy ban.

3- Các ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy cần chủ động góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra do Điều lệ quy định. Đồng thời thực hiện những nhiệm vụ cụ thể do Ủy ban phân công. Qua thực hiện nhiệm vụ kịp thời báo cáo hoặc đề xuất với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, với Ban Thường vụ, Ban Chấp hành những vấn đề xét thấy cần thiết.

4- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy được dự các kỳ họp của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành cùng cấp khi bàn các nội dung công tác có liên quan.

Các ủy viên của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy không phải là ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh được mời dự Hội nghị Ban Chấp hành Tỉnh ủy mở rộng.

Phần thứ hai

VỀ NGUYÊN TẮC CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY

Điều 3: Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy làm việc theo chế độ tập thể, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Tỉnh ủy về sự chỉ đạo, kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Mỗi quý sinh hoạt một lần. Khi cần có thể họp bất thường. Mọi việc thuộc phạm vi nhiệm vụ quyền hạn do Điều lệ Đảng quy định và theo quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra phải được dân chủ bàn bạc tập thể, có kết luận của chủ trì hội nghị và quyết định theo đa số.

Điều 4: Căn cứ vào các nghị quyết của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II. Các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, của Tỉnh ủy và yêu cầu nhiệm vụ của công tác xây dựng Đảng từng thời gian để đề ra chương trình công tác của Ủy ban Kiểm tra cho phù hợp. Duy trì giao ban hằng quý, 6 tháng sơ kết và tổng kết công tác năm kịp thời với Ủy ban Kiểm tra các huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ đối với cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Thường xuyên phản ánh những hoạt động của công tác kiểm tra với Thường trực và Ban Thường vụ Tỉnh ủy để nắm bắt và chỉ đạo kịp thời.

Điều 5: Mỗi thành viên trong Ủy ban Kiểm tra, mỗi cá nhân trong cơ quan Ủy ban Kiểm tra phải nêu cao tinh thần đoàn kết nghiêm túc tự phê bình và phê bình, chấp hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra chấp hành nội quy làm việc của cơ quan Ủy ban Kiểm tra, giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng của đảng viên, phấn đấu hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao.

Phần thứ ba

SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH ĐỐI VỚI ỦY BAN KIỂM TRA VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TỈNH ỦY

Điều 6: Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy làm việc dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, trực tiếp và thường xuyên là Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Mỗi năm 2 lần Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra và xin ý kiến chỉ đạo. Khi có những vấn đề cần phải giải quyết hoặc trình duyệt các vụ kỷ luật thuộc thẩm quyền của cấp ủy thì Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy phải chuẩn bị xin ý kiến của Ban Thường vụ vào phiên họp gần nhất. Những trường hợp kỷ luật phải đưa ra Ban Chấp hành thì Ủy ban Kiểm tra phải chuẩn bị hồ sơ, nội dung báo cáo và xin ý kiến của Ban Thường vụ trước khi trình ra Ban Chấp hành. Sau khi các vụ kỷ luật đã được quyết định, Ủy ban Kiểm tra có trách nhiệm công bố quyết định cho người và tổ chức bị thi hành kỷ luật để thực hiện đồng thời theo dõi đôn đốc việc thi hành quyết định đó.

Thực hiện sự chỉ đạo của Ủy ban Kiểm tra Trung ương trong việc xem xét, kết luận giải quyết đơn thư tố cáo đối với những đảng viên

thuộc diện Trung ương quản lý và chủ động báo cáo với Ủy ban Kiểm tra Trung ương về nhân sự Ủy ban Kiểm tra của cấp mình trước kỳ Đại hội.

Điều 7: Quan hệ công tác giữa Ủy ban Kiểm tra với các Ban Đảng của Tỉnh ủy:

- Luôn luôn phối hợp chặt chẽ với các ban của Đảng và Trường Chính trị tỉnh để làm tốt công tác xây dựng Đảng, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác kiểm tra, giải quyết các mối liên hệ trong công tác kiểm tra xem xét, xử lý các vụ kỷ luật, tố giác đối với đảng viên thuộc diện cấp ủy quản lý.

- Tham gia chuẩn bị nhân sự cấp ủy, nhân sự Ủy ban Kiểm tra cấp dưới trực tiếp và công tác đề bạt cán bộ theo quy chế của Tỉnh ủy.

- Cung cấp tình hình và tài liệu cho văn phòng để phục vụ sự lãnh đạo của cấp ủy, ngược lại văn phòng cung cấp cho Ủy ban Kiểm tra những thông tin, tài liệu yêu cầu cần thiết về công tác kiểm tra. Cứ 6 tháng 1 lần Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy cung cấp tình hình hoạt động tài chính đảng cho Ủy ban Kiểm tra trước khi báo cáo Tỉnh ủy.

Điều 8: Quan hệ công tác giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với các tổ chức đảng và các Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn và đảng viên là thủ trưởng các cơ quan nhà nước và đoàn thể nhân dân.

Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đảng, Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, đảng viên là thủ trưởng các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể nhân dân để giải quyết những trường hợp đảng viên vi phạm kỷ luật hoặc bị tố cáo thuộc diện Tỉnh ủy quản lý làm việc tại các cơ quan và đoàn thể đó đúng thẩm quyền quy định của Điều lệ Đảng và quy chế quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Nếu vi phạm thuộc trách nhiệm của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy giải quyết thì Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy trao đổi với lãnh đạo cơ quan đoàn thể nơi có cán bộ, đảng viên vi phạm sau đó mới ra quyết định kỷ luật hoặc đề nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định kỷ luật.

Điều 9: Quan hệ công tác giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy:

1- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chịu trách nhiệm trực tiếp trước Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh chỉ đạo về hoạt động công tác kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các cấp ủy trực thuộc thực hiện công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng cùng các vấn đề có liên quan đến công tác kiểm tra, giải quyết những vấn đề về công tác kiểm tra mà cấp ủy trực thuộc kiến nghị. Kiểm tra việc thực hiện quy chế của cấp ủy khi cần thiết, khi Ủy ban Kiểm tra yêu cầu thì cấp ủy cấp dưới và đảng viên phải báo cáo và cung cấp đầy đủ tài liệu có liên quan đến nội dung kiểm tra.

2- Các cấp ủy trực thuộc Tỉnh ủy thường xuyên trao đổi với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy về nhân sự Ủy ban Kiểm tra của cấp ủy mình. Khi thay đổi chủ nhiệm sang công tác khác thì phải báo cáo với Ủy ban Kiểm tra và được Ban Thường vụ Tỉnh ủy đồng ý mới thực hiện.

3- Các báo cáo của cấp ủy có liên quan đến công tác kiểm tra phải đồng gửi Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy. Thực hiện báo cáo công tác tài chính đảng 6 tháng và 1 năm với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy.

Điều 10: Quan hệ công tác giữa Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy với Ủy ban Kiểm tra của cấp ủy cấp dưới. Nội dung cần kiểm tra đối với Ủy ban Kiểm tra cấp dưới trực tiếp, yêu cầu Ủy ban Kiểm tra cấp dưới có trách nhiệm báo cáo với Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy về các nội dung được kiểm tra và các vấn đề có liên quan theo yêu cầu.

Hướng dẫn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho Ủy ban Kiểm tra cấp dưới. Chỉ đạo thực hiện phương hướng nhiệm vụ từng thời gian cho Ủy ban Kiểm tra cấp dưới, Ủy ban Kiểm tra các cấp ủy trực thuộc phải thường xuyên báo cáo hoạt động định kỳ cho Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy 3 tháng 1 lần và các vấn đề có liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, phối hợp giải quyết những trường hợp đảng viên vi phạm thuộc diện Tỉnh ủy quản lý ở ngành và địa phương mình.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11: Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy căn cứ vào nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định. Căn cứ vào quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và quy chế này để thực hiện công tác. Xây dựng các quy định cụ thể về lề lối làm việc của cơ quan kiểm tra nhằm bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ của Điều lệ Đảng quy định và cấp ủy giao cho.

Điều 12: Các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc căn cứ vào nội dung quyết định này để xây dựng và ban hành quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra cấp mình.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 01-BC/TU, ngày 15-1-1997

**Về tình hình công tác năm 1996,
phương hướng nhiệm vụ công tác năm 1997**

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÔNG TÁC NĂM 1996

Với vị trí là năm đầu triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II, Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành bám sát nhiệm vụ, mục tiêu, đẩy mạnh các hoạt động trên mọi lĩnh vực công tác, nhằm tạo ra những động lực và tiền đề vững chắc cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 1996-2000.

I. VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

- Những thuận lợi, khó khăn: Năm 1996, thời tiết diễn biến phức tạp, lũ lụt gây ra thiệt hại nặng nề về người và của, cùng với các nguồn vốn đầu tư cho phát triển sản xuất vừa chậm, vừa thiếu là những khó khăn lớn ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều mặt trong quá trình xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

Bên cạnh những khó khăn, năm qua Đại hội Đảng các cấp được tiến hành, có Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị

quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II, Ban Chấp hành Đảng bộ mới được kiện toàn sau đại hội gồm những đồng chí có đủ phẩm chất, năng lực, đoàn kết nhất trí trong hành động, đã lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh nỗ lực phấn đấu phát huy được những thành tựu đã đạt được trong giai đoạn 1991-1995 là những thuận lợi cơ bản.

- Năm qua, nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội được giữ vững. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng 10,29% (theo giá thực tế).

- Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt trên 146 ngàn tấn, tăng 3,7% so với năm 1995 và vượt 0,28% so với kế hoạch năm 1996; trong đó thóc đạt xấp xỉ 90 ngàn tấn, màu quy thóc đạt 57 ngàn tấn. Tổng đàn gia súc, gia cầm vẫn giữ được mức tăng trưởng ổn định.

- Phong trào trồng rừng và trồng cây nhân dân phát triển tốt. Từ năm 1993 đến nay, các đơn vị quốc doanh lâm nghiệp và các hộ nông dân đã nhận đất trồng rừng tập trung tăng bình quân hằng năm 1,2%, trong đó cây quế tăng hơn 2 lần so với năm trước. Công tác giao đất, giao rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng, đã được các cấp, các ngành thường xuyên quan tâm, chỉ đạo. Tỷ lệ tán che phủ của rừng năm 1996 đạt 27%, tăng 2,7 so với năm 1995.

- Giá trị xây dựng công nghiệp trên địa bàn ước đạt 160.280 triệu đồng, tăng 55% so với năm 1995 so với kế hoạch đạt 101,08%; trong đó công nghiệp Trung ương đạt 104.980 triệu đồng, công nghiệp địa phương đạt 55,3 tỷ đồng, tăng 5,47 so với năm 1995. Trước những khó khăn và thử thách trong cơ chế thị trường, ngành công nghiệp đã có nhiều cố gắng tích cực chủ động trong sản xuất kinh doanh, sản lượng và chất lượng sản phẩm không ngừng được nâng cao, một số sản phẩm mới được ra đời và từng bước đứng vững trên thị trường. Các ngành công nghiệp in, khai thác khoáng sản làm ngành mũi nhọn (chiếm tỷ trọng 71,3% toàn ngành công nghiệp). Công tác quản lý nhà nước về công nghiệp được đẩy mạnh nhằm duy trì nhịp độ phát triển sản xuất kinh doanh của các đơn vị công nghiệp quốc doanh.

Công ty Apatít Việt Nam vẫn duy trì nhịp độ sản xuất ổn định (giá trị sản lượng chiếm tỷ trọng 65,5% so với tổng giá trị sản xuất

công nghiệp trên địa bàn). Các công ty, xí nghiệp công nghiệp địa phương như vật liệu xây dựng, chế biến lâm sản, Công ty nước giải khát, Xí nghiệp cơ khí, Công nghiệp chế biến, Xí nghiệp gạch, Nhà máy xi măng hiệu quả kinh doanh thấp, sức cạnh tranh hạn chế và đang gặp không ít những khó khăn.

- Thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn đạt 169,8 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ngân sách tập trung đạt 108,7 tỷ. Tỉnh đã chú trọng chỉ đạo công tác kiểm tra giám định chất lượng kỹ thuật các công trình, giúp cho việc quản lý chất lượng các công trình xây dựng được tốt hơn. Công tác quy hoạch và giám sát thực hiện quy hoạch được chú ý, những tồn tại về vi phạm thực hiện điều lệ quy hoạch, quản lý đô thị của các tổ chức và cá nhân đang từng bước được khắc phục. Trong năm tỉnh đã ban hành một số biện pháp, cơ chế điều hành kế hoạch xây dựng cơ bản, chỉ đạo các ngành, các địa phương thực hiện tốt kế hoạch được giao. Các ngành nông, lâm nghiệp, giao thông, giáo dục, y tế, thương mại... đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện vốn đầu tư, một số công tác như giải phóng mặt bằng, thủ tục thanh quyết toán, nghiệm thu ở một số công trình tiến hành còn chậm. Thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản ở các đơn vị do Trung ương quản lý theo ngành, như khai thác mỏ, các đường điện chuyển tiếp, đường quốc lộ 70, 4D, 4E... giảm khoảng 15% so với năm 1995.

- Về giao thông vận tải: Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực giao thông vận tải được tăng cường; bảo đảm giao thông thông suốt trong mọi tình huống.

Các đơn vị vận tải quốc doanh đã khai thác tốt mọi điều kiện trong vận tải hàng hóa, hành khách nên đã đạt mức tăng 63% về khối lượng vận chuyển và 52% luân chuyển so với năm 1995, Nghị định 36-CP, Nghị định 39-CP và Nghị định 40-CP của Chính phủ được các cấp, các ngành thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện, đã góp phần nâng cao ý thức chấp hành luật lệ giao thông trên địa bàn. Công tác giao thông nông thôn, trong năm đã mở thêm đường ô tô đến 3 xã,

và nhiều đường liên xã, liên thôn, bản (toàn tỉnh hiện còn 36 xã chưa có đường ô tô đến trung tâm).

- Mạng lưới thông tin liên lạc được mở rộng và nâng cấp, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành và cho nhu cầu sản xuất kinh doanh, phục vụ đời sống của nhân dân. Trong năm, đã tăng cường thêm 4 tổng đài điện tử ở các vùng xa thị xã, thị trấn. Số điện thoại tăng nhanh, đến nay bình quân có 0,75 máy 100 người. Những thành tựu khoa học - kỹ thuật đã và đang được ứng dụng rộng rãi trong ngành bưu điện, góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương.

- Hoạt động thương mại có nhiều cố gắng đáp ứng đầy đủ, kịp thời các mặt hàng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân.

Công tác xuất nhập khẩu có tiến bộ, do tăng cường các đầu mối, mở rộng thị trường và chủng loại hàng xuất khẩu, nhập khẩu nên giá trị xuất khẩu tăng 22%, giá trị nhập khẩu tăng 83% so với năm 1995. Tuy nhiên, so với kế hoạch và khả năng trong năm 1997 công tác xuất khẩu vẫn đang đứng trước nhiều khó khăn, mức sản xuất và giá tiêu thụ quặng đồng giảm sản phẩm gỗ ván lạng bị ứ đọng...(so với kế hoạch năm 1996 xuất khẩu mới đạt 52%).

- Hoạt động du lịch có khởi sắc rõ rệt, số lượng khách và đối tượng khách đi tham quan du lịch của nhiều quốc gia đến Lào Cai ngày một tăng. Cơ sở vật chất, phong cách phục vụ có tiến bộ so với những năm trước.

- Về tài chính, tiền tệ:

+ Các cấp, các ngành đã có nhiều cố gắng, tích cực chủ động trong việc thu, chi ngân sách, nhiều khoản thu đạt và vượt kế hoạch đề ra, đặc biệt thu thuế xuất nhập khẩu tăng hơn 40% so với năm 1995 và vượt 20% kế hoạch. Tuy nhiên, một số khoản thu còn đạt tỷ lệ thấp so với kế hoạch như thu cấp quyền sử dụng đất, thu về hoạt động xổ số. Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 119,2 tỷ đồng (kể cả thuế xuất nhập khẩu) vượt 8,5% so với kế hoạch. Thu từ kinh tế địa phương đã đáp ứng 31,3% tổng mức chi trong năm.

Phần thu cho ngân sách địa phương đạt 198,2 tỷ đồng, tăng 6% so với kế hoạch.

Chi ngân sách đã bảo đảm đúng mục đích, kế hoạch, như ưu tiên chi đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng, chi hành chính sự nghiệp, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

- Về tiền tệ, tín dụng: Tổng mức huy động tín dụng đạt 120 tỷ, tăng 37% so với năm 1995, các ngân hàng đã tích cực, chủ động, có biện pháp thu hút vốn từ các thành phần kinh tế và vốn nhân rỗi trong dân. Việc cho vay ưu đãi đối với người nghèo được quan tâm đúng mức, góp phần tháo gỡ khó khăn về vốn cho đồng bào để phát triển sản xuất và ổn định đời sống (20.500 hộ ở 169 xã, phường được vay vốn, số dư nợ đạt 32 tỷ đồng tăng 22 tỷ đồng so với năm 1995).

- Về văn hóa - xã hội:

+ Công tác giáo dục được duy trì và phát triển ổn định. Chất lượng giảng dạy của giáo viên và học tập của học sinh được nâng lên một bước. Số trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt tỷ lệ 72,73%. Ngành giáo dục đang triển khai từng bước thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Tuy nhiên với những đặc điểm tình hình về địa lý, dân trí, phong tục tập quán... ở vùng sâu vùng xa và điều kiện thiếu đội ngũ giáo viên hiện nay, đang là những khó khăn ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ ở tỉnh ta trong giai đoạn 1996-2000.

+ Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố thêm một bước, 100% số xã đã có cán bộ y tế hoạt động, công tác khám chữa, điều trị bệnh và thực hiện các chương trình y tế quốc gia đã có nhiều cố gắng, tiến bộ. Tỷ suất sinh về dân số giảm 0,1% so với năm 1996. Tuy nhiên, so với kế hoạch hiện nay vẫn còn 24 xã chưa có trạm xá, thiết bị y tế còn thiếu, chất lượng đội ngũ cán bộ y tế không đồng đều.

+ Hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền đã tập trung hướng vào việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị quan trọng, bức xúc của địa phương. Công tác quản lý nhà nước về văn hóa - thông tin tuyên truyền, quảng cáo trên địa phương đã bước đầu được chấn chỉnh và đi

vào nền nếp. Trong năm đã đưa vào sử dụng thêm 1 trạm thu, phát truyền hình và 6 trạm tiếp sóng FM, nâng tỷ lệ dân số được nghe đài phát thanh lên 60% và được xem truyền hình 30%, so với tổng số dân trong toàn tỉnh (tăng 10% so với năm 1995).

Đời sống nhân dân ở vùng thấp và vùng thị xã, thị trấn có bước cải thiện rõ nét. Số hộ nghèo đói trong toàn tỉnh còn 28,3% (trong đó số hộ đói còn 9,03% giảm 3,8% so với năm 1995). Số hộ dân được dùng điện lưới quốc gia tăng từ 18.824 hộ (năm 1995) lên 21.366 hộ (năm 1996).

Công tác lao động thương binh - xã hội đã tập trung giải quyết tốt các chế độ cho các đối tượng trong diện chính sách xã hội; đã kịp thời giải quyết các hậu quả do thiên tai, lũ lụt gây ra, giải quyết trợ cấp khó khăn hàng quý và đột xuất, tổ chức cho vay vốn giải quyết việc làm, tổ chức thăm hỏi và tặng quà cho các gia đình thương binh, liệt sĩ gia đình có công với cách mạng, gia đình các Bà mẹ Việt Nam anh hùng... Các hoạt động đó đã góp phần tích cực củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Những vấn đề đáng lưu ý nổi lên trong lĩnh vực này là: Các tai, tệ nạn xã hội vẫn có xu hướng gia tăng (16% so với năm 1995). Hoạt động tuyên truyền đạo trái phép, tệ cờ bạc, nghiện hút vẫn diễn ra phức tạp và có xu hướng ngày thâm nhập sâu hơn vào đời sống của một bộ phận dân cư. Tình hình di dịch cư tự do có nơi diễn biến phức tạp cả về tâm lý và tập quán. Trong năm đã có 506 hộ, 2.963 khẩu di dịch cư tự do đi các tỉnh Lai Châu, Thanh Hóa và Sơn La (tập trung nhiều nhất ở các huyện Bắc Hà, Bảo Yên, Mường Khương, Bảo Thắng). Đời sống của phần đông nhân dân vùng cao, vùng sâu còn gặp rất nhiều khó khăn.

II. CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

1. Về quốc phòng và an ninh

Song song với những kết quả trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, công tác quốc phòng và an ninh đã có nhiều cố gắng trong việc xây

dựng và hoàn chỉnh các phương án, xây dựng kế hoạch phòng thủ biên giới và củng cố thể trận an ninh nhân dân. Đã tổ chức luyện tập về cơ chế theo khu vực (cụm) đạt kết quả tốt. Công tác chống xâm canh, chống đẩy đuổi người trên tuyến biên giới, được các cấp, các ngành thường xuyên quan tâm đôn đốc và chỉ đạo có hiệu quả.

- Thường xuyên tuyên truyền vận động quần chúng nhân dân đề cao tinh thần, ý thức cảnh giác cách mạng, quát triệt và chấp hành nghiêm luật pháp Nhà nước, các hiệp định, hiệp nghị về biên giới quốc gia.

- An ninh chính trị, an ninh biên giới được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn toàn tỉnh được bảo đảm. Công tác huấn luyện, diễn tập theo từng chuyên ngành đạt nhiều kết quả rõ nét.

- Công tác bảo vệ nội bộ từng bước đi vào nền nếp và phát huy hiệu quả. Đã kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm khắc các hoạt động cài cắm, móc nối, gây cơ sở ngầm, nhằm phá hoại từ bên trong của các thế lực thù địch.

- Các ngành, cá lực lượng trong Khối Nội chính đã được củng cố kiện toàn thêm một bước, đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt. Công tác điều tra truy tố, xét xử, và thi hành án, có nhiều chuyển biến tích cực, đã đưa ra xét xử công khai nhiều vụ trọng án, được quần chúng nhân dân đồng tình ủng hộ. Công tác chống buôn lậu bước đầu đã thu được những kết quả rõ nét nhất là tuyến đường sắt và đường thủy. Công tác tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu kiện của nhân dân, bước đầu đã có sự đổi mới theo hướng nhanh, gọn và giảm bớt phiền hà cho nhân dân.

2. Về đối ngoại

Đã được các cấp, các ngành thực sự quan tâm và tạo điều kiện, môi trường thuận lợi, nhằm tăng cường hơn nữa mối quan hệ, hợp tác trên các lĩnh vực, phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, thông qua một số chương trình, dự án của nước ngoài đã được triển khai thực hiện trong địa bàn tỉnh. Công tác đối ngoại nhân dân, được các cấp

ủy quan tâm, chỉ đạo đúng hướng, đã phát huy hiệu quả tích cực trong việc đấu tranh bảo vệ và xây dựng biên giới hòa bình hữu nghị.

Trong năm 1996, tỉnh đã tạo điều kiện cho 42 đoàn cán bộ của ta đi tham quan hoạt động nghiên cứu ở nước ngoài và đón tiếp 40 lượt đoàn khách nước ngoài đến Lào Cai.

- Mỗi quan hệ hợp tác tỉnh Vân Nam - Trung Quốc được duy trì và củng cố. Trong năm nhiều đoàn cán bộ địa phương, các ngành của hai bên, đã qua lại gặp gỡ, trao đổi bàn bạc về vấn đề quản lý biên giới, chống các loại tội phạm, hợp tác kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hóa - xã hội trên tinh thần bảo đảm đúng nguyên tắc đường lối đối ngoại của Đảng.

Bên cạnh những kết quả trên, một số vấn đề tồn tại ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế - xã hội và an ninh quốc gia đó là:

Số vụ trọng án tăng hơn so với năm trước, hiện tượng xâm canh, xâm cư có vũ trang, trộm cắp trâu, ngựa ở vùng biên giới diễn biến phức tạp. Hiện tượng buôn bán phụ nữ, lưu hành tiền giả còn xảy ra ở một số nơi. Công tác quản lý hộ tịch, hộ khẩu ở một số địa phương có biểu hiện buông lỏng, tình trạng khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản, khoáng sản trái phép... đã gây tổn thất về kinh tế và cán bộ, làm xói mòn lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

III. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG - CHÍNH QUYỀN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

Về công tác chính trị tư tưởng: Tình hình nổi bật trong năm là tư tưởng của cán bộ đảng viên và nhân dân các dân tộc ổn định, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Các cấp ủy và cơ quan làm công tác tư tưởng đã có nhiều cố gắng, tích cực làm tốt công tác thông tin tuyên truyền phục vụ đại hội Đảng các cấp, tổ chức quán triệt nội dung Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết Đại hội Đảng các cấp xuống đến cơ sở và đảng viên... Hệ thống Trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thị được củng cố, kiện toàn đi vào hoạt động có

nền nếp. Đã mở được nhiều lớp bồi dưỡng kiến thức cơ bản về công tác xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, công tác dân vận... cho cán bộ chủ chốt xã, phường, thị trấn, các già làng trưởng bản (trong năm đã bồi dưỡng cho 12.000 lượt cán bộ, đảng viên ở cơ sở). Hoạt động báo chí, truyền thanh, truyền hình có chuyển biến tích cực rõ nét, thực sự đi sâu sát cuộc sống góp phần định hướng và động viên kịp thời những điển hình tiên tiến, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng thông tin kịp thời đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đến nhân dân.

Công tác tổ chức bộ máy đã tập trung chỉ đạo củng cố và kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ chốt ở các cấp, các ngành, gắn với công tác Đại hội Đảng bộ các cấp. Kiện toàn một số Đảng đoàn, Ban cán sự của các sở, ban, ngành và các tổ chức hội trực thuộc tỉnh; Ban cán sự và Đảng đoàn ở một số nơi đã bước đầu phát huy vai trò trong công tác quản lý cán bộ, đề ra phương hướng nhiệm vụ, tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cơ quan đơn vị mình. Trong năm đã tiến hành đề bạt 59 đồng chí cán bộ trong đó: Diện tỉnh quản là 32 đồng chí, huyện, thị quản là 27 đồng chí; điều động 34 đồng chí cán bộ trong đó: Diện tỉnh quản là 20 đồng chí. Tiến hành xây dựng quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai và các Đảng bộ huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc nhiệm kỳ 1996-2000. Cử đi học các Trường Đảng Trung ương 39 đồng chí, mở lớp hoàn chỉnh đại học chính trị cho 133 đồng chí, hai lớp trung cấp cho 127 đồng chí cán bộ chủ chốt, kế cận, xã, phường, thị trấn. Về thực hiện chính sách cán bộ và chính sách dân tộc của Đảng, đã tổ chức cho cán bộ nghỉ hưu đi an dưỡng và gặp mặt đại biểu các dân tộc ít người nhân dịp kỷ niệm 46 năm giải phóng Lào Cai. Công tác phát triển đảng viên, xóa tình trạng thôn, bản trắng, thường xuyên được quan tâm, trong năm, đã kết nạp được 845 đồng chí đảng viên mới, bằng 107,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó đảng viên nữ là 193 đồng chí, nâng tổng số đảng viên toàn tỉnh hiện nay lên 13.174 đồng chí, 11 thôn, bản trắng trước đây nay đã có đảng viên, giảm số thôn trắng xuống còn 437 thôn.

Công tác phân xếp loại tổ chức cơ sở đảng và đảng viên năm 1996 đã được tiến hành đối với 520, tổng số 521 cơ sở và 12.740 đảng viên/ tổng số 13.174 đảng viên trong toàn tỉnh. Kết quả cụ thể như sau:

Số tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh 319 cơ sở (đạt 61,3%), số tổ chức cơ sở đảng yếu kém 13 cơ sở (chiếm 2,5%).

Số đảng viên loại 1: 10.784 đồng chí chiếm tỷ lệ 84,64% so với tổng số đảng viên được phân tích.

Loại 2: 1.769 đồng chí (14,10%)

Loại 3: 143 đồng chí (1,12%)

Loại 4: 17 đồng chí (0,13%).

Công tác kiểm tra của Đảng được tiến hành thường xuyên, hướng trọng tâm vào việc kiểm tra các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên chấp hành nguyên tắc tổ chức sinh hoạt và Điều lệ Đảng, chấp hành quy chế của cấp ủy. Công tác kiểm tra của Đảng đã đóng góp phần quan trọng, tích cực vào việc giữ gìn kỷ luật, kỷ cương của Đảng, Ủy ban Kiểm tra các cấp được kiện toàn thêm một bước, đã phát huy tốt vai trò tham mưu cho cấp ủy. Trong năm đã tiến hành kiểm tra 205 tổ chức cơ sở đảng, 3.909 đảng viên, trong đó 13 đồng chí là cấp ủy viên huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc, 355 đồng chí là cấp ủy viên cơ sở. Qua công tác kiểm tra, đã xử lý và kỷ luật với hình thức cảnh cáo 1 chi bộ, kỷ luật 136 đảng viên (khiển trách 42 đồng chí; cảnh cáo 53 đồng chí; cách chức 11 đồng chí; khai trừ 30 đồng chí); trong đó, diện tỉnh quản lý là 6 đồng chí, huyện, thị quản lý là 41 đồng chí và cơ sở quản lý là 89 đồng chí.

Đã tiến hành kiểm tra tài chính và công tác thu, nộp đảng phí của 4 văn phòng cấp ủy, thông qua kiểm tra đã chỉ ra những thiếu sót và uốn nắn kịp thời.

Công tác tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu tố có sự đổi mới rõ nét theo hướng khách quan, chính xác, kịp thời, đã giải quyết xong 98/110 đơn thư (đạt 89,1%).

Công tác xây dựng, củng cố cơ quan các cấp thường xuyên được quan tâm, đi đôi với việc chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết hội

ng nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám (khóa VII) về cải cách nền hành chính quốc gia. Vai trò của Hội đồng nhân dân các cấp được tăng cường, công tác quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp có nhiều chuyển biến tích cực đã góp phần củng cố thêm lòng tin của nhân dân đối với chính quyền các cấp. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân từ tỉnh đến cơ sở thường xuyên có sự đổi mới về nội dung, cải tiến phương thức hoạt động theo hướng bám sát cơ sở, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của nhân dân, xử lý kịp thời nhiều vấn đề mới nảy sinh ở cơ sở. Một số tổ chức đoàn thể đã có nhiều đóng góp quan trọng trong công tác đấu tranh chống tham nhũng, cùng các tệ nạn xã hội và bọn lợi dụng tôn giáo, đồng thời tích cực vận động nhân dân tham gia cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân cũng bộc lộ một số mặt yếu kém, tồn tại, đó là:

- Việc triển khai, học tập Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và đại hội đảng bộ các cấp một số nơi có biểu hiện làm lướt và thiếu sự liên hệ với thực tế địa phương, đơn vị mình. Công tác vận dụng nghị quyết để xây dựng chương trình công tác của Đảng bộ mình còn yếu kém.

- Công tác phát triển đảng viên ở vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn với nguyên nhân chủ yếu là do trình độ văn hóa của nhân dân rất hạn chế (khi đối chiếu với quy định của Điều lệ Đảng). Do đó việc xóa tình trạng thôn, bản trắng sẽ khó đạt mục tiêu Đại hội đề ra.

- Công tác kiểm tra tài chính của văn phòng cấp ủy các cấp chưa được đưa thành chương trình kiểm tra định kỳ của Ủy ban Kiểm tra các cấp, mà chủ yếu mới chỉ kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm. Qua công tác giải quyết đơn thư khiếu tố ở một số đơn vị kinh tế cho thấy: Công tác quản lý kinh tế còn bị buông lỏng, tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình trong nội bộ Đảng còn yếu.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể ở một số nơi chưa thật sự gắn bó với phong trào do Đảng và chính quyền khởi xướng và lãnh đạo, còn có biểu hiện “đứng ngoài cuộc”. Các hội viên chưa bám sát các mục tiêu, chương trình của địa phương, nắm cơ sở và hiểu biết về chính sách, pháp luật yếu kém.

IV. VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Ban Chấp hành Đảng bộ gồm 47 đồng chí, đều là những người có năng lực, phẩm chất và có kinh nghiệm trong lãnh đạo. Từ ngày Đại hội II đến nay, Ban Chấp hành đã thể hiện rõ tinh thần đoàn kết nhất trí cao, ý thức đấu tranh tự phê bình và phê bình trên cơ sở xây dựng và phát triển đúng mức.

Đã xây dựng được chương trình làm việc toàn khóa và dựa vào đó đã ban hành được một số nghị quyết như nghị quyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế, kinh tế đối ngoại và đang chuẩn bị thông qua nghị quyết về công tác giáo dục, về phát triển du lịch, dịch vụ để thực hiện mục tiêu mà Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đã đề ra.

Các ủy viên Ban Chấp hành đều được phân công công tác cụ thể, rõ ràng và đại đa số các đồng chí đều thể hiện tinh thần trách nhiệm cao trước nhiệm vụ được giao, nhiều đồng chí đã khắc phục khó khăn, linh hoạt và sáng tạo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị. Trong năm, sự lãnh đạo của Ban Chấp hành (nói chung) và từng ủy viên nói riêng có sự chuyển biến khá đồng đều. Nội dung và phương thức lãnh đạo đổi mới, các đồng chí trong Ban Chấp hành đã sâu sát với cơ sở hơn, bám dân và nắm chắc được tình hình hơn. Trên các lĩnh vực công tác, đều có những đơn vị tiên tiến xuất sắc nổi lên. Mục tiêu kinh tế - xã hội giữ được nhịp tăng trưởng so với những năm trước và hoàn thành được kế hoạch năm được giao; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; công tác xây dựng Đảng chính quyền và các đoàn thể nhân dân được củng cố thêm một bước.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 1997

Quán triệt những nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ II, trong năm 1997 cần tập trung sức phấn đấu thực hiện thắng lợi ba nhiệm vụ có tính bao trùm sau:

Một là: Tăng nhanh hơn nữa nhịp độ phát triển kinh tế, tạo sự chuyển biến rõ nét trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, gắn với quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong một số ngành kinh tế có tính mũi nhọn của địa phương. Đẩy mạnh tiến độ xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống của nhân dân.

Hai là: Giữ vững ổn định về chính trị, củng cố quốc phòng, an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại, xây dựng và giữ vững đường biên giới hòa bình và hữu nghị.

Ba là: Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh, đẩy nhanh tiến độ cải cách hành chính, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên.

Tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân các cấp.

I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Tập trung khai thác sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiếp tục duy trì và đẩy mạnh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, phấn đấu tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) từ 11 đến 12%; giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp tăng 5 - 6%; giá trị xây dựng công nghiệp tăng 29 - 30%; giá trị về dịch vụ tăng 20% (so với năm 1996). Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 117 tỷ đồng (cả nội địa và thu xuất nhập khẩu).

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

Tiếp tục đẩy nhanh hơn nữa quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông - lâm nghiệp theo hướng chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật

nuôi, cơ cấu mùa vụ đi đôi với công tác ứng dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật mới vào sản xuất. Từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn. Phấn đấu đạt và vượt chỉ tiêu 150 ngàn tấn lương thực quy thóc.

- Phát triển đàn gia súc gia cầm trong nhân dân theo hướng đổi mới phương thức chăn nuôi; tăng các loại giống mới có năng suất cao, đi đôi với làm tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, bảo đảm phát triển đàn gia súc, gia cầm từ 4-6% so với năm 1996.

- Về lâm nghiệp: Tiếp tục đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng, nhân rộng các mô hình sản xuất lâm - nông kết hợp, phát triển nghề rừng gắn với công tác định canh định cư. Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về bảo vệ và phát triển vốn rừng. Phấn đấu nâng tỷ lệ tán che phủ của rừng lên xấp xỉ 30%.

2. Sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông vận tải

- Tiếp tục đầu tư bằng nhiều nguồn vốn để thực hiện các dự án; đẩy mạnh công nghiệp khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng, sản xuất xi măng. Tập trung tháo gỡ khó khăn cho những cơ sở đang tồn đọng sản phẩm, công nhân thiếu việc làm. Nghiên cứu để từng bước chuyển hướng sản xuất đối với các xí nghiệp chế biến lâm sản, chế biến chè. Khuyến khích phát triển các loại hình sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh, đi đôi với công tác quy hoạch mạng lưới tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn, nhằm mở thêm ngành nghề tạo thêm việc làm cho người lao động. Phấn đấu tăng giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng cơ bản năm 1997 từ 29-30% so với năm 1996.

- Tập trung chỉ đạo, thực hiện đổi mới một bước trong công tác lập kế hoạch và quản lý các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Tăng tốc độ và tỷ trọng đầu tư để phát triển cơ sở hạ tầng, trong đó ưu tiên tập trung cho phát triển giao thông và khu vực cửa khẩu quốc tế Lào Cai, khu du lịch Sa Pa, các cụm kinh tế, các xã biên giới và một số công trình phúc lợi công cộng trên địa bàn thị xã tỉnh lỵ. Tiếp tục nâng cấp các tuyến đường nội thị xã Lào Cai, Cam Đường, thị trấn Sa Pa. Đầu

tư bằng nhiều nguồn vốn và quán triệt phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để mở các tuyến đường giao thông nông thôn, tập trung đầu tư cho các xã chưa có đường ô tô đến trung tâm.

3. Tài chính, tiền tệ

Trên cơ sở đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế các cấp, các ngành cần triển khai, rà soát lại các nguồn thu, điều chỉnh hợp lý mức thu theo hướng nuôi dưỡng nguồn thu. Thực hiện thu đúng, thu đủ, chống lãng phí, thất thoát về ngân sách, đi đôi với tiết kiệm chi. Quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc Luật ngân sách và các nghị định của Chính phủ, hướng dẫn của Trung ương về ngân sách trên địa bàn.

Tăng cường công tác quản lý tiền mặt, kho quỹ và các phương tiện thanh toán khác trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu cần thiết yếu về tiền tệ. Mở rộng các loại hình tín dụng, nhằm động viên mọi thành phần kinh tế có khả năng vay vốn để phát triển sản xuất - kinh doanh và dịch vụ. Tiếp tục củng cố, đổi mới phương thức kinh doanh, nhằm phát huy hơn nữa vai trò của ngân hàng phục vụ người nghèo.

4. Về văn hóa - xã hội

Tiếp tục chăm lo, đầu tư cho công tác giáo dục theo hướng xã hội hóa mở rộng và phát triển quy mô giáo dục - đào tạo ở các ngành học, cấp học gắn với việc thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, phấn đấu huy động số trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 75% trở lên, xóa mù chữ cho 5.000 người trong năm 1996. Duy trì số lượng học sinh ở các ngành học phổ thông, bổ túc văn hóa, mẫu giáo; quan tâm nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên và chất lượng học tập của học sinh.

- Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể thao, thông tin tuyên truyền, định hướng rõ cho nhân dân các dân tộc trong quá trình thực hiện lãnh mạng hóa các quan hệ xã hội. Tăng cường giáo dục nhân dân, đi đôi với củng cố công tác quản lý nhà nước về văn hóa trên địa bàn, ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả với các luồng văn

hóa độc hại, chống mê tín dị đoan, lợi dụng tôn giáo. Động viên nhân dân thi đua lao động sản xuất, xây dựng nếp sống mới ở khu dân cư. Thực hiện tốt cuộc vận động dân số - kế hoạch hóa gia đình, phấn đấu giảm tỷ lệ sinh 1% năm 1997.

- Về y tế, chú trọng nâng cao chất lượng công tác khám, chữa bệnh cho nhân dân; chấn chỉnh lại công tác bảo hiểm y tế. Quan tâm đầu tư kinh phí để xây dựng trạm xá ở những xã hiện nay chưa có, phấn đấu đến hết năm 1997, sẽ xây dựng xong trạm xá cho 50% số xã hiện nay chưa có (12/24 xã).

Thường xuyên quan tâm và bảo đảm đầy đủ chế độ cho các đối tượng trong diện chính sách, trước hết là với các gia đình thương binh, liệt sĩ, những người có công với cách mạng và các Bà mẹ Việt Nam anh hùng.

Các cấp, các ngành cần nắm vững tình hình di dịch cư trong nhân dân, vừa tạo điều kiện ổn định đời sống và sản xuất cho đồng bào ở nơi mới, vừa tích cực giáo dục động viên nhân dân yên tâm sản xuất, xây dựng cuộc sống ở nơi cũ, không khuyến khích việc di dịch cư tràn lan.

Rà soát lại phương án bố trí, sản xuất dân cư thuộc 26 xã giáp biên giới.

II. CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

1. Về quốc phòng và an ninh

- Tăng cường củng cố lực lượng vũ trang trong sạch về phẩm chất, vững vàng về chính trị, giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, bảo đảm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

- Phát huy mối quan hệ hiệp đồng giữa các cấp, các ngành, các lực lượng trong Khối Nội chính để làm tốt công tác chống buôn lậu, chống tham nhũng, bảo vệ nội bộ và bí mật của Đảng và Nhà nước, chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Nắm chắc tình hình nội, ngoại biên, chủ động ứng phó với mọi tình huống xảy ra trên địa bàn toàn tỉnh.

- Có kế hoạch tuyển quân và tổ chức huấn luyện theo đúng nghị định của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành. Xây dựng thế trận an ninh nhân dân và quốc phòng toàn dân vững mạnh, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ cách mạng trong giai đoạn mới.

Quản lý tốt lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ, xây dựng và tổ chức cụm quốc phòng và an ninh trên địa bàn đi đôi với tăng cường công tác huấn luyện, diễn tập theo nội dung các phương án đã xây dựng.

- Rà soát lại quy hoạch dân cư các vùng biên giới ở những nơi có điều kiện, tiếp tục bố trí dân cư mới; cần chú ý xây dựng dự án, tổ chức rà phá mìn trước khi đưa dân đến.

- Tăng cường công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án; giải quyết kịp thời các đơn thư tố cáo của công dân; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, nhằm củng cố niềm tin của nhân dân các dân tộc đối với Đảng, chính quyền các cấp.

2. Công tác đối ngoại

- Tiếp tục tạo môi trường thuận lợi để thu hút các nguồn vốn đầu tư của nước ngoài đối với các dự án phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Mở rộng quan hệ hợp tác về kinh tế - văn hóa và khoa học - kỹ thuật với các tỉnh bạn và các tổ chức quốc tế, Trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng độc lập chủ quyền và giữ vững an ninh chính trị.

- Nắm vững tình hình biên giới, chủ động phối hợp cùng với phía bạn giải quyết có hiệu quả những vấn đề nảy sinh trên tuyến biên giới, xây dựng biên giới hòa bình và hữu nghị.

- Tổ chức quán triệt và cụ thể hóa nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế đối ngoại.

III. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

- Tiếp tục quán triệt sâu rộng tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, các nghị quyết của Tỉnh ủy và Nghị quyết Đại

hội Đảng các cấp, cụ thể hóa các nghị quyết đó thành chương trình hành động của các cấp, các ngành. Thường xuyên chăm lo công tác giáo dục truyền thống cách mạng, nâng cao nhận thức lý luận và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tiếp tục triển khai, thực hiện Nghị quyết 14-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VII) về lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng và các nghị quyết khác của Trung ương Đảng (khóa VIII). Nắm vững tình hình diễn biến tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, đi đôi với công tác kiểm tra việc triển khai thực hiện Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị (khóa VII) về công tác tư tưởng.

Tập trung củng cố các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Tăng cường công tác tự phê bình và phê bình, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Chuẩn bị làm tốt công tác nhân sự cho Đại hội Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân các cấp.

Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại cán bộ, nhằm củng cố và nâng cao nhận thức lý luận, năng lực thực tiễn cho cán bộ, đảng viên. Rà soát lại đội ngũ cán bộ chủ chốt ở các cấp, các ngành, gắn với công tác quy hoạch cán bộ trong những năm tới. Từng bước triển khai trên diện rộng về công tác tiêu chuẩn hóa cán bộ ở các cấp, các ngành.

Chú trọng công tác phát triển Đảng, nhất là đối với vùng cao, vùng xa xôi, hẻo lánh phấn đấu năm 1997 không còn chi bộ kém và thúc đẩy nhanh hơn công tác xóa tình trạng các “thôn, bản trắng” không có đảng viên.

Tiến hành sơ kết việc thực hiện Chỉ thị 23 của Ban Bí thư Trung ương (khóa VII) về công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Về công tác kiểm tra của Đảng trước hết phải tạo sự chuyển biến rõ nét trong quá trình đổi mới nhận thức về công tác kiểm tra của Đảng, theo nội dung Nghị quyết Đại hội VIII, đồng thời hướng trọng tâm vào một số nội dung:

- Kiểm tra việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ được phân công
- Kiểm tra việc chấp hành nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng.
- Kiểm tra việc chấp hành kỷ luật Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Tăng cường công tác tiếp nhận và giải quyết đơn thư khiếu tố, giải quyết dứt điểm những vụ việc tồn đọng, xử lý nghiêm minh đối với tổ chức đảng và đảng viên vi phạm Điều lệ và các nguyên tắc, tổ chức kỷ luật của Đảng.

Phát huy hơn nữa vai trò của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp. Triển khai nghiên cứu để thực hiện đổi mới một bước về nội dung và phương thức hoạt động của các cơ quan chức năng trong hệ thống nhà nước, trên cơ sở quán triệt sâu sắc nội dung Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) về cải cách nền hành chính nhà nước.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cần hướng mọi hoạt động về cơ sở, tăng cường bám sát cơ sở, nắm vững tình hình mọi mặt, trước hết là tâm tư, nguyện vọng của quần chúng nhân dân, đẩy mạnh công tác vận động quần chúng nhân dân chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Vận động nhân dân thực hiện tốt các chương trình kinh tế - xã hội ở địa phương, thực hiện tốt chính sách dân tộc và tôn giáo của Đảng, tích cực đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, góp phần ổn định sản xuất và đời sống của nhân dân các dân tộc.

Chỉ đạo tốt việc tổng kết thực hiện Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị (khóa VI) và Chỉ thị 04 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (khóa I) về công tác tôn giáo. Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết 8B (khóa VI) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác dân vận. Triển khai quán triệt Nghị quyết Trung ương 2 bàn chương trình hành động để thực hiện tốt công tác giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ.

Chuẩn bị các điều kiện và tập trung chỉ đạo tốt công tác bầu cử đại biểu Quốc hội (khóa X) trong năm 1997.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II, trong năm 1997 đòi hỏi các cấp, các ngành phải có sự cố

gắng nỗ lực, nhằm tạo nên sự chuyển biến rõ nét trên một số lĩnh vực. Do đó, việc thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu trong năm 1997 sẽ có ý nghĩa quan trọng, tạo tiền đề cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, theo tinh thần nội dung Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II đã đề ra.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 01-NQ/TU, ngày 15-1-1997

**Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng
công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 1996 - 2000**

Phần thứ nhất

**THỰC TRẠNG NỀN KINH TẾ TỈNH LÀO CAI
THỜI KỲ 1991-1996**

Lào Cai là tỉnh vùng cao, biên giới có nhiều dân tộc. Mặc dù còn nhiều khó khăn, nhưng với truyền thống đoàn kết, toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong 5 năm qua đã có quyết tâm cao, luôn bám sát nhiệm vụ trọng tâm của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I để tổ chức chỉ đạo thực hiện, do đó đã đạt được những thành tựu khá toàn diện trên các lĩnh vực. Nền kinh tế có sự tăng trưởng khá (bình quân 11,8%/năm; cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch phù hợp với tiềm năng của địa phương. Do có sự chuyển biến tích cực nên trên bình diện chung đã mang lại kết quả thực tế là: giải quyết thêm chỗ làm việc cho 3.000 lao động/năm, thu ngân sách địa phương tăng bình quân 24% năm, tổng sản phẩm trong tỉnh bình quân theo đầu người (GDP) tăng so với năm 1993 là 1,7 lần. Số hộ nghèo và thiếu lương thực giảm từ 25% năm 1991, xuống còn 11% năm 1996 các nhu cầu xã hội được cải thiện đáng kể, tình trạng tự do di dịch cư đã giảm so với nhiều năm trước đây.

Tuy nhiên, những kết quả đạt được so với yêu cầu phát triển còn đang ở mức thấp, nền kinh tế có tăng trưởng nhưng còn nhiều yếu tố bất bình, chưa ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, tiềm năng đa dạng, nhưng thiếu nguồn đầu tư, kinh tế đối ngoại chậm phát triển. Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội có nhiều yếu kém, trình độ dân trí thấp, tình trạng du canh du cư vẫn chưa được khắc phục có hiệu quả. Về căn bản, hiện nay nền kinh tế của Lào Cai vẫn là thuần nông, sản xuất tự cung, tự cấp là chính, vì thế mà mức sống dân cư còn rất thấp, tỷ lệ số hộ nghèo còn cao (11%), lao động chưa có việc làm còn lớn (12%) tăng 4% so với mức bình quân chung của cả nước.

Đây là những thách thức đòi hỏi toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc phải đồng tâm hợp lực, vượt lên để xóa nghèo nàn lạc hậu, tiến lên làm giàu và đưa kinh tế Lào Cai không bị tụt hậu quá xa so với nền kinh tế vùng Đông Bắc cũng như cả nước.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO VÀ MỤC TIÊU NHIỆM VỤ CƠ BẢN VỀ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ 1996-2000

I. VỀ QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế thực chất là quá trình thay đổi về chất lượng của các ngành kinh tế và các mối quan hệ của hệ thống kinh tế, nhằm đạt đến kết quả tối ưu thông qua các hoạt động điều khiển có ý thức của con người. Đối với tỉnh Lào Cai, nền kinh tế đi lên từ điểm xuất phát thấp, do đó từ nay đến năm 2000 việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải bảo đảm được ba yêu cầu cơ bản đó là:

- Thứ nhất: Phải làm cho vùng sâu, vùng xa có sự chuyển biến thực sự, căn bản không còn đói thường xuyên, giảm nhanh hộ nghèo và tạo ra những tiền đề cần thiết để đẩy nhanh hơn sự phát triển ở giai đoạn tiếp theo. Như vậy việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở thời kỳ này, khu vực nông nghiệp

và nông thôn phải được coi trọng tâm để chỉ đạo và tổ chức thực hiện, theo hướng xóa bỏ nền kinh tế tiểu nông, độc canh, tự cấp, tự túc để chuyển sang kinh tế hàng hóa, trên cơ sở khai thác các lợi thế và tiềm năng về khí hậu, đất đai và lao động.

- Thứ hai: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải kết hợp hài hòa giữa hiệu quả kinh tế với hiệu quả xã hội, đồng thời phải bảo vệ được môi trường sinh thái.

- Thứ ba: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn liền với nhiệm vụ củng cố giữ vững an ninh - quốc phòng.

II. MỤC TIÊU NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu chung

Xuất phát từ đặc điểm cụ thể và với quan điểm chỉ đạo trên, Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II đã đề ra mục tiêu phát triển và giải quyết đời sống như sau:

- Nhịp độ tăng trưởng GDP hằng năm 11 - 12%.
 - Sản lượng lương thực quy thóc (2000) 160.000 tấn.
 - Tổng kim ngạch xuất khẩu - nhập khẩu (2000) 12 triệu USD.
 - Độ tán che phủ của rừng (2000) 35% - 40%.
 - Giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 0,2% năm.
 - Xóa đói bình quân 2% năm.
 - Giảm nghèo bình quân 2% năm.
 - Huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường 80% và phổ cập giáo dục tiểu học vào năm 2003.
 - Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách 15%.
 - Căn bản không còn tình trạng du canh, du cư.
- Với mục tiêu phát triển trên, đến năm 2000 cơ cấu kinh tế đã có chuyển dịch nhanh nhưng vẫn là nông - lâm nghiệp - công nghiệp - dịch vụ, cụ thể về tỷ trọng trong GDP như sau:
- Nông - lâm nghiệp 39%.
 - Công nghiệp - xây dựng 32%.
 - Dịch vụ 29%.

Đời sống nhân dân đại bộ phận sẽ có bước cải thiện đáng kể, bình quân GDP theo đầu người tăng 2 lần so với năm 1995.

2. Những nhiệm vụ cụ thể

a) Sản xuất nông nghiệp:

- Phải hết sức coi trọng sản xuất lương thực trên cơ sở thâm canh tăng năng suất, tăng vụ trên ruộng đã có và kết hợp khai hoang ruộng nước ở nơi có điều kiện. Khuyến khích ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, đặc biệt là giống mới có năng suất cao để tăng sản lượng như lúa, ngô. Hạn chế và giảm dần diện tích của các loại cây trồng trên đất dốc như lúa nương, sắn, để chuyển trả lại cho đất rừng hoặc trồng các loại cây có kinh tế hàng hóa phù hợp với vùng sinh thái.

Tập trung nghiên cứu, bổ sung các loại giống mới theo hướng mở rộng diện tích trồng cây lấy củ và lấy quả trên ruộng một vụ để tăng khả năng giải quyết lương thực cho vùng cao.

- Tập trung đầu tư phát triển cây trồng có ưu thế để tạo vùng nguyên liệu và tăng sản phẩm hàng hóa. Đây là hướng cơ bản để xóa đói, giảm nghèo và tiến đến làm giàu đối với vùng nông thôn miền núi. Đồng thời với việc thâm canh cây lúa nước trên diện tích hiện có, những cây trồng chủ yếu cần đầu tư phát triển tạo vùng tập trung là:

+ Cây ăn quả: Tiếp tục đầu tư hình thành vùng cây ăn quả ở cả vùng cao và vùng thấp.

- Vùng cao: Tập trung cho các loại cây ôn đới như: mận, táo, lê, dâu tây, nho.

- Vùng thấp: Phát triển các loại cây như: nhãn, vải, hồng, chuối tiêu, nho.

+ Cây chè: Khả năng có thể trồng được cả vùng cao, vùng thấp khoảng 5.000 ha, giai đoạn từ nay đến năm 2000 cần hình thành vùng quy mô từ 3.000 đến 3.500 ha ở huyện Bảo Thắng, phía nam huyện Mường Khương, huyện Than Uyên, huyện Sa Pa và huyện Bắc Hà. Ngành nông nghiệp nghiên cứu chọn giống và xây dựng quy trình kỹ thuật thích hợp để vừa bảo đảm cho năng suất cao vừa bảo đảm phẩm

chất nguyên liệu cho chế biến. Ở vùng cao phải ưu tiên đầu tư vốn phát triển chè san tuyết, nhằm đáp ứng cho nhu cầu ngày càng tăng đối với loại sản phẩm chè sạch.

+ Cây đậu tương: Mở rộng lên 5.000 ha vào năm 2000, trong đó trong đó trồng trên chân ruộng 1 vụ lúa khoảng 1/2 diện tích, còn lại là trồng trên đất bãi và đồi thoải.

+ Cây mía: Khả năng đất đai có thể trồng được 3.000 ha ở vùng Bảo Thắng, Bảo Yên và 3.000 ha ở Than Uyên, chú ý cải tạo giống, ổn định diện tích đã có đi đôi với mở rộng diện tích ở những nơi có điều kiện. Về chế biến, theo hướng thủ công là chính, khi có điều kiện sẽ mở rộng và đầu tư về thiết bị, công nghệ phù hợp.

+ Các loại cây dược liệu: Tập trung trồng cây đặc sản dưới tán rừng là loại cho sản phẩm đầu vị có giá trị cao như: thảo quả, đỗ trọng, hoàng bá, đương quy, bạch truật...

Từ năm 1997 phải xây dựng và quy hoạch cụ thể cho các vùng chuyên canh để làm căn cứ đầu tư, đó là:

- Vùng chuyên canh lúa nước tập trung ở Than Uyên, Văn Bàn, Bảo Thắng, Cam Đường và vùng thấp Bát Xát.

- Vùng chuyên canh ngô cao sản ở Bảo Yên, Bắc Hà, Mường Khương, Bảo Thắng.

- Vùng chuyên canh mía ở Than Uyên, Bảo Thắng, Bảo Yên.

- Vùng chuyên canh cây ăn quả ôn đới ở Bắc Hà, Sa Pa, Mường Khương, vùng cao Văn Bàn, Bát Xát. Cây ăn quả nhiệt đới ở Bảo Yên, Bảo Thắng, Cam Đường, Than Uyên, Văn Bàn, Lào Cai, Bát Xát.

- Vùng chuyên canh rau sạch và hoa ở Sa Pa. Vùng rau cao sản ở thị xã Lào Cai, Cam Đường, Bảo Thắng.

- Nghiên cứu vùng trồng cà phê ở Bảo Yên, Cam Đường, Bảo Thắng, tây nam Mường Khương, Văn Bàn và thị xã Lào Cai.

- Vùng chuyên canh khai thác cây dược liệu ở Sa Pa, Bát Xát, Mường Khương và Bắc Hà.

Đối với chăn nuôi: Phải phát triển toàn diện theo hướng kinh tế hàng hóa. Cần đặc biệt chú ý đến cải tạo giống và nhân giống tại địa

phương để nâng cao phẩm chất và tăng nhanh sản lượng. Nghiên cứu cải tạo phương thức chăn nuôi cho phù hợp với từng địa bàn, ổn định đàn trâu, phát triển nhanh đàn bò, đàn dê, đàn ong, từng bước phát triển lợn hướng lạc. Phát triển mạnh các đàn gia cầm, trong đó ưu tiên đầu tư để phát triển đàn gà, theo hướng chăn nuôi công nghệ (loại gà chuyên lấy thịt và gà chuyên đẻ trứng).

b) Sản xuất lâm nghiệp:

Đẩy mạnh công tác trồng rừng, đi đôi với bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên; gắn dự án phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp với công tác định canh định cư để ở đâu có đất, có rừng thì ở đó có chủ thực sự chăm sóc và bảo vệ rừng. Những nơi trồng rừng mới cần lựa chọn loại cây trồng thích hợp, có giá trị kinh tế cao, hết sức coi trọng việc nghiên cứu trồng các loại cây có nguồn gốc tại chỗ. Cây quế rất phù hợp với sinh thái vùng thấp và có giá trị đặc sản, cần đầu tư mạnh hơn để tạo nguồn thu cho giai đoạn sau.

Quan tâm thỏa đáng cho đầu tư rừng đặc dụng và rừng đầu nguồn. Những huyện còn rừng tự nhiên phải nhanh chóng hoàn thành quy hoạch và có biện pháp quản lý nghiêm ngặt. Việc khai thác lâm sản của mọi tổ chức và cá nhân phải được cấp có thẩm quyền cho phép theo luật pháp quy định. Các cấp, các ngành khẩn trương triển khai công tác giao đất, giao rừng và coi đây là tiền đề để xúc tiến các nội dung phát triển của ngành nông, lâm nghiệp trước mắt, ngay trong năm 1997 việc giao đất không cầu toàn, mà thực hiện theo hướng tạm giao từng lô khoảnh cho thôn, bản, thôn, bản giao cho từng hộ, khi có điều kiện sẽ hoàn tất các thủ tục. Dù là tạm giao nhưng sau khi đã nhận thì chủ quyền hoàn toàn thuộc về người sản xuất để họ yên tâm sản xuất kinh doanh.

c) Sản xuất công nghiệp:

Nhằm từng bước phát triển theo hướng hiện đại hóa nhiệm vụ trọng tâm của cả thời kỳ là triển khai nhanh hơn công tác điều tra cơ bản để xúc tiến xây dựng các dự án phát triển không những cho trước mắt mà cho cả thời kỳ sau năm 2000.

Phát triển công nghiệp phải gắn với vùng nguyên liệu, có quy mô phù hợp và lựa chọn công nghệ tiên tiến. Trước mắt từ nay đến năm 2000 tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh và đồng bộ cho những cơ sở công nghiệp đã có để khai thác triệt để về năng lực thiết bị như: Liên doanh khai thác đồng, khai thác feldspat, khai thác các mỏ nhỏ, các xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng (gạch tuynen, xi măng) công nghiệp chế biến (ưu tiên đầu tư chế biến nông, lâm sản phục vụ xuất khẩu). Xúc tiến nghiên cứu dự án khả thi cho một số sản phẩm mới như: sản xuất gỗ ván dán ép, ván sàn, giấy các tông và bao bì, tấm lợp, cột điện dân dụng, cơ khí sửa chữa và lắp ráp, may mặc, chế biến thực phẩm, chế biến thức ăn gia súc.

Ngành điện phần đầu đưa điện lưới quốc gia đến các cụm kinh tế để phát triển sản xuất và phục vụ đời sống của nhân dân. Nông thôn vùng sâu cần phát triển thủy điện nhỏ, Nhà nước nghiên cứu chính sách thông qua các chương trình quốc gia để hỗ trợ cho đồng bào.

Đối với tiểu thủ công nghiệp: Tiếp tục khai thác các ngành nghề truyền thống, để có sản phẩm tiêu dùng phong phú và đa dạng, từng bước vươn lên sản xuất hàng xuất khẩu. Mỗi cụm xã cần phát triển cơ khí sửa chữa nhỏ và sản xuất các loại công cụ thông dụng. Gắn với việc chuyển dịch cơ cấu nông thôn chú trọng phát triển công nghiệp chế biến nông - lâm sản, quy mô nhỏ nhằm đáp ứng yêu cầu của địa bàn rộng, sản xuất chưa tập trung, trước hết là cho chế biến ngô, đậu tương, tinh chế chè, sơ chế dược liệu, se sợi và dệt vải.

d) Thương mại dịch vụ - du lịch:

Khẩn trương quy hoạch mạng lưới thương mại, dịch vụ đến tận các cụm xã, hỗ trợ đầu tư mở các chợ nông thôn để tăng nhanh khả năng giao lưu hàng hóa. Ở những thị trấn, thị tứ cần nghiên cứu để xây dựng các chợ vừa trao đổi hàng hóa, vừa giao lưu về văn hóa, để nhân dân các dân tộc có điều kiện thuận lợi hơn trong giao lưu kinh tế và nâng cao đời sống tinh thần.

Đối với cơ sở thương nghiệp quốc doanh: Tiếp tục củng cố theo hướng giảm đầu mối nhưng mạng lưới mở rộng đến các cụm xã.

Từ nay đến năm 2000, hai cụm kinh tế quan trọng là cửa khẩu quốc tế Lào Cai và thị trấn Sa Pa phải được cơ bản đầu tư xong, đưa vào hoạt động để khai thác các lợi thế, nhằm tăng thu cho ngân sách.

Ưu tiên đầu tư cho các công trình phục vụ du lịch trên địa bàn, trọng tâm là các công trình hạ tầng, những điểm thăm quan ngoại cảnh, những di tích văn hóa lịch sử. Thành lập công ty du lịch để vừa làm du lịch nội tỉnh tốt vừa đáp ứng thuận tiện cho du khách có nhu cầu theo tuyến và liên tỉnh.

- Tiếp tục mở rộng nghiên cứu thị trường cả trong và ngoài nước để tìm khả năng tăng nhanh xuất nhập khẩu. Cùng với xuất nhập khẩu trực tiếp phải hết sức chú ý đến việc phát triển các dịch vụ như: tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, ủy thác, cửa hàng miễn thuế, v.v.. Đây là những lợi thế cần được triển khai ngay (phần này có nghị quyết riêng).

Trong giai đoạn 1996-2000 việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở các ngành, các lĩnh vực đều được tổ chức thực hiện ở tất cả các thành phần kinh tế, bảo đảm cùng phát triển và bình đẳng trước pháp luật, dưới sự quản lý nhà nước. Tuy nhiên trong quá trình bố trí sản xuất, một số cơ sở kinh tế quốc doanh cần được lựa chọn đầu tư cả chiều rộng và chiều sâu để từng bước giữ được vai trò chủ đạo đối với nền kinh tế. Theo hướng trên, đến năm 2000 dự kiến kinh tế quốc doanh sẽ có tỷ trọng khoảng 47%, tăng so với năm 1995 là 16%.

Phần thứ ba

NHỮNG GIẢI PHÁP BẢO ĐẢM CHO CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ

1. Quy hoạch và bố trí sản xuất, xây dựng các dự án và ổn định dân cư

Giải pháp đầu tiên và quan trọng đó là quá trình tổ chức lại sản xuất và phân công lại lao động xã hội trong mỗi vùng và giữa các vùng để từ đó có chính sách ưu tiên đầu tư cụ thể phù hợp.

Trong giai đoạn 1996 - 2000, căn cứ vào quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội toàn tỉnh, các dự án tổng quan của các ngành, các vùng để tiến hành quy hoạch chi tiết, xây dựng các dự án cụ thể để bố trí sản xuất, sắp xếp lại dân cư... Trước mắt cần tập trung xây dựng một số dự án sau:

Dự án về sắp xếp, bố trí dân cư ở thị xã Lào Cai, Cam Đường, thị trấn Sa Pa, Phố Lu, Phố Ràng, các thị tứ, các trục đường giao thông thuộc 26 xã giáp biên giới, các xã vùng sâu, vùng xa và vùng còn nhiều đồng bào du canh du cư. Quy hoạch dân cư gắn liền với phát triển sản xuất, ổn định đời sống lâu dài của nhân dân, bảo đảm an ninh - quốc phòng, bảo vệ môi trường sinh thái.

Mục tiêu của dự án:

Đến năm 2000 xây dựng và hoàn chỉnh về cơ bản dự án phát triển kinh tế - xã hội cho 30 cụm trung tâm xã (trong đó 25 cụm được tiến hành khởi công xây dựng). Bổ sung và hoàn chỉnh dự án ổn định dân cư cho 26 xã biên giới. Xây dựng và triển khai thực hiện dự án ổn định dân cư đối với đồng bào vùng cao.

Mỗi trung tâm cụm xã cần có quy mô trung bình từ 70 - 100 hộ (khoảng 600 khẩu) và đầu tư các công trình như:

- Đường giao thông (5 năm tới tập trung nâng cấp đường đi Mường Khương, Văn Bàn, và 1-2 đường đi Than Uyên).

- Hệ thống điện, nước.

- Cửa hàng thương nghiệp quốc doanh (hoặc đại lý, chợ).

- Phòng khám đa khoa.

- Trường học (ở vùng cao có thể có trường dân tộc bán trú).

- Mạng lưới khuyến nông, khuyến lâm.

- Sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

- Cơ sở truyền hình, truyền thanh (cụm đông dân cư có thể có nhà văn hóa, sân vận động...).

- Khu quản lý hành chính và văn hóa của xã.

- Khu dân cư (bố trí theo đường trục, theo lô khoảng).

2. Phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội

Trong điều kiện tình ta còn nhiều khó khăn, chưa có khả năng đầu tư đồng bộ, toàn diện, do đó phải căn cứ vào thứ tự ưu tiên cụ thể giữa các vùng, các ngành và ngay trong từng ngành và nội bộ vùng. Đồng thời căn cứ vào các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội cụ thể của từng thời kỳ nhất định để đầu tư và khai thác sử dụng vốn có hiệu quả nhất; cụ thể:

- Ưu tiên nâng cấp, cải tạo các cơ sở hạ tầng hiện có (cả xuống cấp và chưa xây dựng xong) để đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả.

- Xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng sản xuất đối với các dự án có hiệu quả thiết thực trong giai đoạn 1996 - 2000.

Việc nâng cấp, cải tạo, xây dựng mới sẽ ưu tiên theo thứ tự:

- + Đối với vùng thấp: Điện, giao thông, cơ sở sản xuất, cơ sở phúc lợi công cộng.

- + Đối với vùng cao: Giao thông, thủy lợi, nước ăn, trồng rừng, trạm xá, trường học, chợ, điện, cơ sở sản xuất, dịch vụ.

3. Huy động vốn đầu tư xã hội

a) *Đối với nhu cầu xây dựng cơ sở vật chất:* Để thực hiện quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế với những mục tiêu trong giai đoạn 1996 - 2000 cần 1.400 đến 1.500 tỷ đồng, bình quân 350 tỷ đồng/năm. Dự kiến các nguồn thu sau:

- + Nguồn huy động từ nội bộ nền kinh tế: Đây là nguồn giữ vai trò quan trọng và ngày càng phải chiếm tỷ lệ cao trong tổng nguồn vốn đầu tư. Trong từng thời gian cụ thể sẽ có những chính sách, hình thức huy động vốn khác thể thu được xấp xỉ 600 tỷ đồng, cần giành 40% để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng.

Đối với các doanh nghiệp sẽ khuyến khích đầu tư bằng vốn tự có, Nhà nước tạo điều kiện cho các doanh nghiệp huy động vốn từ dân cư, các tổ chức tín dụng, các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước.

- + Huy động trong dân: Thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm để xây dựng cơ sở hạ tầng.

Khai thác tốt các nguồn vốn hàng năm, dự ước sẽ tăng thêm so với tích lũy từ nội bộ 20- 30 tỷ đồng/năm. Như vậy năm 1996 - 2000 tăng thêm 120 tỷ đồng.

+ Trong tổng các nguồn vốn huy động từ bên ngoài, sẽ khai thác khoảng 20% là vốn nước ngoài (ODA, IEF, NGO xấp xỉ 100 - 120 tỷ đồng), còn lại do ngân sách Trung ương trợ cấp.

Ngoài ra còn thêm nguồn vốn liên doanh, liên kết với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở sản xuất kinh doanh, hướng chủ yếu là đầu tư du lịch, công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản.

b) Nhu cầu vốn đầu tư cho phát triển sản xuất: Vốn vay cho nhu cầu phát triển sản xuất của các thành phần kinh tế thuộc tỉnh quản lý giai đoạn 1996 - 2000 bình quân 250 - 300 tỷ đồng/năm gồm các nguồn chủ yếu:

- Vốn tín dụng dài hạn 50 tỷ/năm.
- Vốn vay trung hạn, ngắn hạn, bình quân 200 tỷ/năm.
- Các nguồn vốn từ công tác khuyến nông, khuyến lâm, xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm... 30 tỷ/năm.

Nhiệm vụ khai thác các nguồn vốn là hết sức to lớn, song quản lý sử dụng vốn cũng không kém phần quan trọng trong từng thời kỳ, từng lĩnh vực, từng vùng, ngành,... Do đó việc quản lý và sử dụng vốn nhất thiết phải tập trung thống nhất và lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm tiêu chuẩn để lựa chọn đầu tư. Các nguồn vốn do ngân sách cấp hoặc vay ưu đãi cần ưu tiên bố trí cho vùng sâu, vùng xa và phải quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm.

4. Khai thác thị trường

Vấn đề quyết định trong chiến lược phát triển sản xuất kinh doanh là thị trường, do đó ngay từ bây giờ phải phát huy các thị trường tìm kiếm, mở rộng các thị trường mới, đặc biệt là thị trường Trung Quốc, các nước ASEAN, thị trường trong nước (vùng đông bắc, các tỉnh miền nam,...). Trước mắt cần tập trung vào một số nội dung cụ thể như sau:

- Triển khai công tác tư vấn về cung cấp thông tin, đầu tư chuyển giao công nghệ và tiếp thị.

- Đào tạo đội ngũ tiếp thị giỏi về chuyên môn, ngoại ngữ.

- Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng quan hệ giao lưu với các thị trường trong và ngoài nước.

- Ban hành một số chính sách khuyến khích sản xuất như: Hỗ trợ người sản xuất, trợ giá vận chuyển hàng hóa, bao tiêu sản phẩm cho người sản xuất miễn thuế đối với các mặt hàng sản xuất ra khó tiêu thụ.

5. Khoa học công nghệ và môi trường

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học trên cơ sở tập trung cho yêu cầu chuyển giao, lựa chọn đổi mới công nghệ. Xây dựng các luận cứ khoa học cho các chính sách quản lý kinh tế - xã hội xây dựng quy hoạch và kế hoạch phát triển huy động và khai thác nguồn lao động triển khai xây dựng và phát triển công nghệ cao ở một lĩnh vực như công nghệ thông tin, công nghệ tin học, công nghệ vật liệu.

Thực hiện nghiêm túc việc điều tra đánh giá tác động môi trường ở một số vùng trọng yếu (thị xã Lào Cai, Cam Đường, Sa Pa) để có biện pháp phòng ngừa, bảo vệ môi trường trước khi quyết định đầu tư.

Về mặt quản lý, cần củng cố bảo đảm đủ năng lực (cả thiết bị và cán bộ) để làm tốt công tác giám định khoa học - kỹ thuật.

Tiếp tục đào tạo và đào tạo nâng cao đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, tăng cường trang bị cán bộ khoa học - kỹ thuật và quản lý kinh tế cho vùng cao vùng sâu, chú trọng cán bộ người dân tộc.

- Phấn đấu đến năm 2000 sẽ đầu tư 2% ngân sách để chi cho công tác khoa học công nghệ và môi trường.

6. Phát triển nguồn nhân lực

Là một tỉnh bước vào xây dựng và phát triển kinh tế từ xuất phát điểm thấp, thế mạnh còn đang ở dạng tiềm năng; do đó để đạt mục tiêu tăng trưởng nhanh, vững chắc phải phát huy và khai thác tối đa các

nguồn lực tại địa phương trong đó nhiệm vụ phát triển nguồn nhân lực là hết sức quan trọng và cấp bách, trước mắt cần xây dựng môi trường văn hóa tinh thần văn minh tiến bộ, lành mạnh, nhanh chóng thực hiện giáo dục phổ cập và coi đầu tư cho giáo dục chính là đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội. Có chính sách ưu đãi cho con em đồng bào các dân tộc ít người để họ có thể theo học tiếp phổ thông trung học, các trường chuyên nghiệp và đại học. Đào tạo nâng cao năng lực quản lý của già làng, trưởng bản có chế độ ưu tiên thỏa đáng đối với cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ chuyên môn... đến công tác ở cơ sở vùng sâu, vùng xa có nhiều khó khăn.

7. Tăng cường hiệu lực lãnh đạo của hệ thống chính trị

Trên cơ sở Hiến pháp, pháp luật, các văn bản dưới luật và chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tỉnh vận dụng và ban hành kịp thời các chính sách phù hợp ở địa phương, để các ngành, các cấp và nhân dân các dân tộc trong tỉnh, thực hiện tốt các nhiệm vụ về phát triển kinh tế - xã hội giữ vững an ninh - quốc phòng, trật tự, an toàn xã hội tất cả các chủ trương, chính sách biện pháp tổ chức thực hiện đều phải tuân theo nguyên tắc cao nhất là: Tập trung - thống nhất - đồng bộ và có hiệu quả.

Tăng cường đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ chủ chốt ở các cấp. Kiện toàn hệ thống chính trị để bảo đảm đủ sức thực hiện các nhiệm vụ, trong đó có nhiệm vụ rất quan trọng là chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh cũng như trong từng ngành và từng địa phương thực sự đổi mới một bước về nội dung và phong cách lãnh đạo, chỉ đạo điều hành của cấp ủy và chính quyền các cấp. Cần nhận thức rõ đây là vấn đề quyết định, tạo nên sự thành công trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước. Xử lý nghiêm minh đối với các tổ chức và cá nhân trong hệ thống chính trị có biểu hiện tham nhũng, tiêu cực và vi phạm pháp luật.

Căn cứ vào các nội dung của nghị quyết các cấp ủy, các Ban cán sự và Đảng đoàn trực thuộc, khẩn trương tổ chức triển khai đến cơ sở, đồng thời chỉ đạo các ngành, các đoàn thể nhân dân và cả hệ thống chính trị, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình, cụ thể hóa bằng các chương trình dự án cụ thể với các giải pháp thiết thực, nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II đề ra.

Chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ được triển khai thực hiện thông qua kế hoạch hằng năm. Tỉnh ủy giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện có hiệu quả nghị quyết này. Các ban của Đảng, các đồng chí trong Ban Chấp hành có trách nhiệm thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện nghị quyết ở tất cả các cấp, các ngành trong tỉnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
TRÁNG A PAO**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 01-CT/TU, ngày 17-1-1997

Về tăng cường ổn định dân cư

Những năm gần đây Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã có nhiều biện pháp vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tập trung chỉ đạo các chương trình dự án. Cấp ủy và chính quyền, đoàn thể các cấp đã tích cực vận động đồng bào thực hiện các chủ trương, chính sách đó, tạo được bước chuyển biến đáng mừng: Kinh tế có mức tăng trưởng khá, một bộ phận đồng bào dân tộc quen sản xuất tự cung, tự cấp đã biết chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, hình thành một số vùng kinh tế hàng hóa, hạn chế đốt phá rừng, đã xây dựng được nhiều mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả trên cơ sở nông - lâm kết hợp với chăn nuôi do vậy đến hết năm 1996 đã có trên 1 vạn hộ sản xuất giỏi, cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được cải thiện, trật tự xã hội, an ninh quốc phòng được giữ vững, và có điều kiện giúp đỡ các gia đình khó khăn, gia đình chính sách, người già và trẻ em... những chuyển biến này đã tạo đà cho tỉnh phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tiếp theo.

Tuy nhiên vẫn còn một bộ phận đồng bào dân tộc sống ở vùng cao, vùng xa đời sống còn rất khó khăn, dân trí thấp sống phân tán, rải rác khó có điều kiện để đầu tư, đặc biệt là một số đồng bào vẫn còn tập quán du canh, du cư, trong năm 1996 đã có tới gần 3.000 người di cư tự do ra khỏi tỉnh, tình hình trên vừa gây khó khăn cho

chính cuộc sống của đồng bào, vừa khó khăn cho địa phương nơi đồng bào đi và đến, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân đã có nỗ lực trong việc giải quyết vấn đề này bằng cách gặt, trao đổi và có biện pháp bàn giao dân di cư tự do của tỉnh ta cho các tỉnh bạn, và có chủ trương đưa dân theo kế hoạch vào sinh sống ở vùng Tây Nguyên, song trong thời gian qua tỉnh đã cử nhiều đoàn vào Tây Nguyên làm việc và đi thăm một số địa bàn mà tỉnh bạn dự kiến cho dân tỉnh ta sinh sống, và nhận thấy ở đó là những nơi hết sức khó khăn, thậm chí khó khăn hơn cả nơi đồng bào ta đang sống, cơ sở hạ tầng chưa được xây dựng, địa hình hiểm trở, đất canh tác ít và xấu, mức đầu tư rất lớn.

Trước tình hình đó Ban Thường vụ Tỉnh ủy chủ trương không đưa dân ra khỏi tỉnh, mà thực hiện quy hoạch và bố trí lại dân cư trong tỉnh, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội và phát triển sản xuất nhằm ổn định dân cư và nâng cao đời sống cho nhân dân trong tỉnh, trên cơ sở vận dụng sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, tranh thủ sự hỗ trợ của Nhà nước và khai thác triệt để các nguồn lực trong tỉnh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ thị:

1. Việc quy hoạch và bố trí lại dân cư là nhiệm vụ bức thiết có ý nghĩa quyết định đối với việc phát triển kinh tế - xã hội, nhất là đối với đồng bào dân tộc vùng cao, vùng xa, vùng biên giới, do vậy yêu cầu các huyện, thị ủy chỉ đạo chính quyền các cấp kết hợp chặt chẽ với các ngành của tỉnh, căn cứ vào quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ 1996-2010 của tỉnh trên cơ sở cụ thể về điều kiện tự nhiên, tính chất đặc điểm của từng vùng, từng dân tộc để bố trí lại dân cư trong huyện, thị xã theo hướng hình thành các trung tâm, cụm dân cư, theo phương châm không gây ra biến động lớn trong đời sống của đồng bào, vận động nhân dân tự nguyện là chủ yếu, kết hợp vận động với biện pháp hành chính, kiên quyết không để dân di cư tự do, đặc biệt là di cư ra khỏi tỉnh.

Bố trí dân cư phải dựa trên quy hoạch phát triển giao thông, phải coi đây là khâu đột phá, đi trước một bước, phải gắn với quy

hoạch vùng nguyên liệu sản xuất, thuận lợi cho việc trồng trọt, chăn nuôi, chế biến, khai thác mỏ nhỏ... phải gắn với việc thực hiện các Chương trình 327, V06, hỗ trợ đồng bào đặc biệt khó khăn, y tế, giáo dục..., việc đưa dân về sinh sống ở các vùng biên giới phải gắn với nhiệm vụ an ninh quốc phòng, rà phá vật cản và đầu tư đồng bộ

2. Các địa phương phải kết hợp với các ngành địa chính, nông nghiệp và phát triển nông thôn, kiểm lâm nhân dân đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng cho từng hộ để khoanh nuôi bảo vệ và trồng mới, lấy hộ gia đình là đơn vị kinh tế tự chủ, xác lập quyền sử dụng đất lâu dài cho hộ, dành cho mỗi hộ đất làm nhà ở, vườn gia đình, rừng gia dụng phù hợp để giải quyết các nhu cầu của cuộc sống.

3. Các Ban cán sự Đảng, các ngành căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của ngành mình kết hợp với các huyện, thị ủy để lãnh đạo việc xây dựng kế hoạch đầu tư nâng cấp và xây dựng cơ sở hạ tầng; đường giao thông, điện, thủy lợi, nước sinh hoạt, y tế, giáo dục... cho các xã, cụm dân cư theo phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm theo Chỉ thị số 393-TTg, ngày 10-6-1996 và Quyết định số 960-TTg, ngày 29-12-1996 của Thủ tướng Chính phủ.

4. Các cấp ủy Đảng lãnh đạo đoàn thể các cấp phối kết hợp với nhau đẩy mạnh cuộc tuyên truyền vận động nhân dân không du canh, du cư, di cư tự do sang tỉnh bạn, sống theo quy hoạch để có sự hỗ trợ đầu tư của Nhà nước, để phát triển sản xuất ổn định đời sống, có điều kiện chăm sóc sức khỏe và cho con em học tập để có tri thức xây dựng cuộc sống ngày càng giàu đẹp hơn.

5. Các huyện, thị ủy, các Đảng đoàn, Ban cán sự phải cử một đồng chí lãnh đạo và có cán bộ chăm lo công việc này, đặc biệt huyện, thị ủy phải cử cán bộ phụ trách, chỉ đạo các địa bàn xung yếu, cơ sở yếu kém, đồng thời tăng cường chỉ đạo công tác thanh tra kiểm tra, việc thực hiện chủ trương, chính sách, các chương trình, dự án ở trên địa bàn, bảo đảm các nguồn lực đầu tư có hiệu quả cao, không bị thất thoát...

6. Việc xây dựng cơ sở hạ tầng, sắp xếp lại sản xuất, ổn định dân cư là việc Nhà nước và nhân dân cùng làm, các cấp ủy Đảng phổ biến chỉ thị này đến đảng viên để thông báo cho nhân dân biết và lãnh đạo chính quyền các cấp các ngành, các đoàn thể và nhân dân thực hiện tốt Chỉ thị này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 10-TB/TU, ngày 17-1-1997

**Về kết luận của đồng chí Tráng A Pao,
Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai tại cuộc họp giao ban
Khối Nội chính ngày 9-1-1997**

Ngày 9-1-1997 Khối Nội chính giao ban dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, tham dự có các đồng chí trong Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, đại diện của các ban, ngành trong Khối Nội chính. Đồng chí Tráng A Pao đã đánh giá một số tình hình công tác nội chính năm 1996 và một số vấn đề cụ thể của tháng 11, 12-1996. Sau khi các đại biểu tham dự phát biểu ý kiến, đồng chí Tráng A Pao kết luận như sau:

- Năm 1996 dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành trong Khối Nội chính đã nỗ lực phấn đấu, có sự phối hợp chặt chẽ nên mặc dù số vụ việc vi phạm pháp luật gia tăng, tình hình an ninh chính trị có những diễn biến phức tạp và các thế lực thù địch tăng cường chống phá, song chúng ta đã nắm chắc tình hình, giải quyết kịp thời, dứt điểm các vụ việc, nhất là những vụ trọng án, bảo đảm ổn định chính trị, giữ vững chủ quyền quốc gia, thực hiện quan hệ đối ngoại hữu nghị rộng mở, bảo vệ được cuộc sống bình yên của nhân dân, tạo nên niềm tin tưởng của nhân dân vào pháp luật và tạo điều kiện cho phát triển kinh tế - xã hội.

- Trong thời gian tới, đặc biệt là dịp Tết Nguyên đán yêu cầu các ngành trong khối và chính quyền các cấp tập trung giải quyết tốt một số nhiệm vụ sau:

+ Tập trung giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tăng cường chống buôn lậu, trốn thuế, chống mê tín dị đoan và đề phòng tai nạn giao thông, có biện pháp đề phòng phía bên kia đẩy đuổi người về tỉnh ta hoặc một số người lợi dụng thăm thân trong dịp Tết Nguyên đán ở lại tỉnh ta. Lập hồ sơ theo dõi số phụ nữ sang Trung Quốc lấy chồng nay trở về tỉnh ta sinh con, (...).

- Sở Tư pháp kết hợp với Cục Hải quan, các ngành và địa phương mở đợt tuyên truyền pháp luật cho nhân dân sống ở vành đai biên giới để họ nắm được pháp luật và thông lệ quốc tế nhằm giải quyết tốt các quan hệ nảy sinh trên tuyến biên giới.

- Các ngành làm nhiệm vụ trên tuyến biên giới và các cửa khẩu cần hỗ trợ lực lượng dọc biên giới và ở các cửa khẩu cho phù hợp để ứng phó kịp thời khi tình hình xảy ra.

- Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến với ga Lào Cai tổ chức phối hợp với các lực lượng của tỉnh chống buôn lậu, nếu ga có thái độ hợp tác không tốt trong lĩnh vực này thì làm văn bản báo cáo Bộ Giao thông vận tải và Tổng cục Đường sắt có biện pháp xử lý.

- Các vụ án còn tồn đọng cố gắng điều tra, xét xử hết số tội phạm lẩn trốn tích cực truy nã và theo dõi bắt trong dịp Tết Nguyên đán, vụ án xảy ra ngày 28-11-1996 ở Bắc Hà giao cho Biên phòng dịch toàn bộ số hồ sơ Trung Quốc gửi sang và có biện pháp xử lý người vi phạm pháp luật. Vụ án xảy ra ngày 6-11-1996 ở Bắc Hà 4 dân quân bắn chết người xử theo pháp luật.

- Trong dịp Tết Nguyên đán Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh không có chủ trương mời phía bạn sang thăm. Cho phép thị xã Lào Cai mời thị xã Hà Khẩu, các đồn biên phòng mời các đồn đại diện sang ăn Tết theo tinh thần hữu nghị hợp tác và hiểu biết lẫn nhau và chỉ trong ngày mừng một Tết.

- Giao cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, các ngành chức năng thực hiện tốt việc tuyển quân vào sau Tết Nguyên đán, bảo đảm đạt chỉ tiêu trên giao.

- Giao cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh chuẩn bị nội dung để tổng kết sự phối hợp trong Khối Nội chính trong tháng 2-1996.

Vậy xin thông báo để các ngành các địa phương biết và thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN

Lưu trữ tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 02-NQ/TU, ngày 20-1-1997

Về phát triển kinh tế đối ngoại giai đoạn 1996 - 2000

Phần thứ nhất TÌNH HÌNH KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA TỈNH TRONG NHỮNG NĂM QUA

1. Về sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu

Từ năm 1991 đến 1996, thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nền kinh tế trong tỉnh tăng trưởng liên tục, đạt bình quân 11,8%/năm. Tỷ trọng ngành thương mại du lịch trong GDP tăng từ 12,2% năm 1992 lên 18,1% năm 1995. Nguồn thu từ xuất nhập khẩu chiếm trên 31% tổng thu ngân sách trên địa bàn. Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường được phát triển, nhất là vùng thấp và số điểm ở vùng cao.

Trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp, đồng thời với đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm, đã coi trọng phát triển một số cây trồng có giá trị về xuất khẩu; hình thành việc sản xuất tập trung có khối lượng sản phẩm lớn như: cây công nghiệp (chè, mía, đậu tương), cây đặc sản, dược liệu (thảo quả, quế...), cây ăn quả (mận, mơ, vải, nhãn, chuối tiêu) là hàng hóa xuất khẩu và nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu. Đẩy mạnh phát triển nghề rừng, gắn với khai thác và chế biến lâm sản xuất khẩu.

Sản xuất công nghiệp của địa phương mặc dù có nhiều khó khăn phải xây dựng lại từ đầu, song đến nay chúng ta đã có một số mặt hàng khoáng sản, như: đồng fenspat, sắt (ở dạng thô) xuất khẩu.

2. Về nhập khẩu

Hàng nhập khẩu chủ yếu là các loại thiết bị, máy móc, công nghệ cho lĩnh vực khai thác, chế biến khoáng sản, sản xuất xi măng, hóa chất, giống cây trồng, công cụ cầm tay, máy xay sát, thủy điện nhỏ... do đó đã góp phần thúc đẩy sản xuất trong tỉnh phát triển, cải thiện đời sống nhân dân.

3. Về thu hút vốn đầu tư nước ngoài

Trong điều kiện tỉnh miền núi, xa các trung tâm kinh tế Trung ương, cơ sở hạ tầng yếu kém, nhưng hơn 4 năm qua chúng ta đã có cố gắng thu hút và thực hiện có hiệu quả 71 dự án đầu tư với số vốn là 7.814 ngàn USD, OECF: 200 ngàn USD, FDI: 2900 ngàn USD, NGO là 1.840 ngàn USD. Các dự án đầu tư chủ yếu vào y tế, giáo dục (46%), khai thác chế biến khoáng sản (37%), xây dựng cơ bản hạ tầng (8%), phát triển sản xuất (9%). Mặc dù số vốn còn nhỏ, song bước đầu tỉnh ta đã tạo lập quan hệ kinh với một số tỉnh bạn và tổ chức nước ngoài thu hút vốn đầu tư ngày càng lớn để phát triển kinh tế - xã hội.

4. Dịch vụ - du lịch

Các hoạt động dịch vụ - du lịch đã từng bước phát triển. Năm 1996 toàn tỉnh đã có 53 cơ sở kinh doanh khách sạn dịch vụ - du lịch với 550 phòng nghỉ, trong đó có trên 50% số phòng đạt tiêu chuẩn đón khách quốc tế. Đã đón 60 nghìn lượt người đến tham quan du lịch, tổng doanh thu đạt 12 tỷ đồng. Song so với lợi thế của tỉnh, lĩnh vực dịch vụ - du lịch phát triển chậm. Khai thác cửa khẩu quốc tế, các cửa khẩu quốc gia còn manh mún, hạn chế. Quan hệ mậu dịch giữa hai bên chậm phát triển.

5. Những khó khăn tồn tại và nguyên nhân

Với những kết quả cơ bản trên, trong quá trình thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, bộc lộ những khó khăn, tồn tại cần được khắc phục.

Trong bối cảnh tỉnh mới được thành lập, có nhiều việc quan trọng bức bách cần làm trước để khắc phục hậu quả do lịch sử để lại. Các cơ sở kinh tế mới thành lập, vốn thiếu, trang thiết bị lạc hậu. Nền kinh tế tuy có tăng trưởng nhưng có nhiều yếu tố chưa vững chắc. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng nhưng còn chậm và nhiều mặt chưa cân đối giữa các ngành, các vùng.

Trình độ sản xuất lạc hậu, nền kinh tế hàng hóa chậm phát triển, công nghiệp chế biến hầu như chưa có, chủ yếu sản phẩm xuất khẩu ở dạng thô, hệ thống giao thông yếu kém. Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, nhất là vùng sâu, vùng xa, đó là những trở ngại lớn cho quá trình phát triển kinh tế đối ngoại của tỉnh.

Là tỉnh có thế mạnh để phát triển các lĩnh vực của kinh tế đối ngoại (hoạt động xuất nhập khẩu, các cửa khẩu quốc gia, quốc tế - phát triển dịch vụ - du lịch...) nhưng chưa phát huy được các lợi thế ấy. Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu còn đơn điệu, chưa có những mặt hàng xuất khẩu chủ lực. Thị trường hạn hẹp, thường xuyên không ổn định, thậm chí những mặt hàng truyền thống như thảo quả, chè, dược liệu... thị trường cũng bấp bênh. Kim ngạch xuất khẩu đạt quá thấp so với khả năng và yêu cầu (bình quân kim ngạch xuất khẩu mới đạt 3,8 USD/người/năm).

Kinh tế cửa khẩu, khai thác và phát huy hiệu quả còn thấp. Do chưa thiết lập quan hệ mật dịch thanh toán quốc tế với Trung Quốc nên chưa tạo được hành lang pháp lý cho các hoạt động của kinh tế đối ngoại phát triển.

Về gọi vốn đầu tư nước ngoài: Tỉnh ta chưa tạo được những điều kiện thuận lợi và các dự án đầu tư hấp dẫn để thu hút nên kết quả còn rất hạn chế. Những khó khăn tồn tại trên có nhiều nguyên nhân, song nguyên nhân chủ yếu là:

- Tỉnh chưa có chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại, chưa khai thác được lợi thế và tiềm năng sẵn có ở địa phương.

- Chưa huy động và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia sản xuất, chế biến và kinh doanh hàng xuất khẩu. Chưa tạo được các yếu tố thuận lợi về: cơ sở hạ tầng, hệ thống chính sách và các năng lực trình độ của cán bộ để tranh thủ nguồn lực bên ngoài, nhằm thu hút vốn đầu tư và công nghệ mới.

Khâu tổ chức thực hiện còn nhiều lúng túng, thiếu tập trung và chưa chặt chẽ, chưa gắn được giữa sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu với nhu cầu thị trường, thiếu thị trường ổn định. Việc tuyên truyền, giới thiệu nguồn lực thế mạnh và quảng cáo hàng hóa với bên ngoài còn hạn chế.

Phần thứ hai

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐỐI NGOẠI GIAI ĐOẠN 1996 - 2000 VÀ 2010

1. Quan điểm

Phát triển kinh tế đối ngoại nhằm góp phần thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đã đề ra, thực hiện chiến lược xóa đói, giảm nghèo làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Phát triển kinh tế đối ngoại phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm chính; khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh, thúc đẩy và khuyến khích sản xuất trong tỉnh phát triển với nhịp độ tăng trưởng ngày càng cao. Bảo đảm lợi ích dân tộc, lợi ích quốc gia, giữ vững độc lập chủ quyền, củng cố an ninh quốc phòng và trật tự, an toàn xã hội.

2. Mục tiêu chung

Về sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu:

Từ nay đến năm 2000 phải tạo cho được sự chuyển biến về chất và phải từ quy hoạch tổng thể về phát triển kinh tế - xã hội và định

hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn, hình thành vùng sản xuất tập trung chuyên canh có khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn gắn với quy hoạch ổn định dân cư, đường giao thông và cơ sở chế biến nông - lâm sản xuất khẩu, hàng hóa xuất khẩu bảo đảm phong phú về chủng loại, cơ cấu hợp lý và đầu tư chiều sâu (kỹ thuật, công nghệ mới) tăng hàm lượng kỹ thuật (qua chế biến tinh) để các mặt hàng xuất khẩu đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Về nhập khẩu: Nhập nguyên liệu máy móc, thiết bị, công nghệ mới để sản xuất hàng tiêu dùng thiết yếu và hàng xuất khẩu, giải quyết việc làm cho người lao động, hạn chế nhập khẩu những mặt hàng trong nước có thể sản xuất được.

Tìm những giải pháp tích cực, hiệu quả, khai thác lợi thế của tỉnh, phấn đấu đạt cho được các mục tiêu:

Về kim ngạch xuất khẩu từ 5 - 7 triệu USD/năm.

Kim ngạch nhập khẩu từ 6 - 8 triệu USD/năm.

Phấn đấu đưa giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu bình quân theo đầu người từ 18 - 20 USD/năm.

Quản lý và khai thác có hiệu quả cửa khẩu quốc tế và các cửa khẩu quốc gia, vận dụng, thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước thúc đẩy các hoạt động xuất nhập khẩu, dịch vụ - du lịch... để tăng thu ngân sách trong lĩnh vực này đạt từ 80 đến 100 tỷ đồng vào năm 2000.

Trên cơ sở tiềm năng, thế mạnh, đặc thù của tỉnh, xây dựng các dự án gọi vốn và giải pháp chính sách, tạo môi trường thuận lợi để thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước bằng nhiều hình thức, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư vốn, kỹ thuật công nghệ tiên tiến vào sản xuất, chế biến và kinh doanh xuất nhập khẩu.

Tăng cường quan hệ hợp tác với các tổ chức kinh tế quốc tế, các tổ chức phi Chính phủ để gọi vốn, tranh thủ công nghệ mới, tiếp cận với phương pháp quản lý hiện đại, sớm hội nhập vào thị trường quốc tế, thị trường Trung Quốc và khu vực.

3. Phương hướng, mục tiêu cụ thể về sản xuất mặt hàng xuất khẩu

Về nông nghiệp: Trong giai đoạn nay, nền kinh tế vẫn lấy nông nghiệp làm chủ đạo, hàng hóa từ nông nghiệp vẫn là mặt hàng xuất khẩu chủ lực, tập trung vào phát triển những cây, con chủ yếu:

Cây chè: Đến năm 2000, sẽ tập trung xây dựng hình thành các vùng từ 3.000 - 3.500 ha tập trung ở huyện Mường Khương, Bảo Thắng, Sa Pa, Bắc Hà và Than Uyên, đồng thời với việc xây dựng các cơ sở chế biến chè tương ứng, theo hướng quy mô nhỏ, công nghệ tiên tiến (tổng diện tích chè kinh doanh hiện có 1.351 ha).

Phát triển vùng mía đường trước mắt cần ổn định diện tích đã có, chú trọng thay thế giống mới có năng suất cao. Tập trung chế biến thủ công là chính. Hằng năm mở rộng diện tích hợp lý ở các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên và Than Uyên (đến năm 2000 sẽ tập trung xây dựng để hình thành các vùng có tổng diện tích từ 5.000 đến 6.000 ha).

Phát triển cây ăn quả: Vải, nhãn, mận, mơ, chuối tiêu... từ 8.000 - 9.000 ha, coi trọng sơ chế để tăng giá trị hàng xuất khẩu, liên kết và tổ chức chế biến tinh khi có điều kiện.

Đầu tư phát triển cây có dầu (lạc, vùng đen, đậu tương...), các loại hạt và giống cây đặc sản, các loại rau sạch, hoa tươi ở Sa Pa, Bắc Hà, các loại cây có sợi (lanh, gai) trở thành vùng tập trung chuyên canh có sản lượng lớn ở những nơi có điều kiện và trên chân ruộng một vụ lúa, vừa giải quyết đời sống cho nhân dân vừa có hàng hóa xuất khẩu. Khuyến khích sản xuất dầu thảo mộc... đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Phát triển chăn nuôi gia súc (trâu, bò, ngựa, dê...), chăn nuôi ba ba, lươn, ếch... để đáp ứng các nhu cầu của khách du lịch và xuất khẩu.

Về lâm nghiệp: Quy hoạch lại vùng quế theo hướng tập trung chuyên canh ở những nơi có khí hậu và thổ nhưỡng thích hợp trên địa bàn các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn và Bắc Hà. Phấn đấu đến năm 2000 có diện tích ổn định khoảng 5.000 ha.

Quy hoạch và phát triển vùng cây thảo quả tập trung ở Bát Xát, Sa Pa, Văn Bàn, Cam Đường và Mường Khương. Phấn đấu đến năm 2000 đạt tổng diện tích từ 1.000 - 1.500 ha, sản lượng đạt từ 350 - 400 tấn.

Phát triển và khai thác hợp lý vùng nguyên liệu sản xuất chế biến hàng xuất khẩu, coi trọng cây bản địa, cây sinh trưởng nhanh. Phấn đấu hằng năm trồng từ 6.000 - 8.000 ha, khoanh nuôi tái sinh từ 12.000 - 15.000 ha.

Mở rộng các cơ sở sản xuất chế biến hàng xuất khẩu từ gỗ các loại đến năm 2000 đạt từ 900 - 950 m³/năm. Nghiên cứu tổ chức, sản xuất các sản phẩm từ tre, trúc thay thế gỗ, từng bước giảm nguyên liệu từ gỗ để rừng có thời gian tái sinh phát triển, nhất là rừng đầu nguồn,

Tận dụng nguồn nguyên liệu từ khai thác tận dụng rừng tạp, rừng khoanh nuôi, tập trung ở các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn để cung cấp cho Nhà máy giấy Bãi Bằng (khoảng 3 đến 4 ngàn tấn nguyên liệu trên năm).

Ngoài những mặt hàng mũi nhọn trên cần đẩy mạnh nghề thủ công mỹ nghệ, khuyến khích và thu hút nghệ nhân, thợ lành nghề, tận dụng nguyên liệu từ nông - lâm sản, sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, hàng lưu niệm. Chú ý phát triển các mặt hàng lưu niệm bán cho khách du lịch.

Về dược liệu: Là mặt hàng vừa để nội tiêu vừa xuất khẩu, nhất là những cây dược liệu dầu như đỗ trọng, dương quy, bạch truật, đẳng sâm, do đó những năm tới sẽ tập trung phát triển ở huyện Sa Pa, Bắc Hà, đồng thời tổ chức khai thác tốt nguồn dược liệu thiên nhiên. Nghiên cứu xây dựng cơ sở chế biến đông dược khi có thị trường.

Khoáng sản: Trước mắt tổ chức khảo sát, điều tra những mỏ khoáng sản để khai thác, vốn đầu tư ít, có thị trường ổn định, được Nhà nước cho phép. Từ đó tập trung đầu tư và thu hút vốn trong và ngoài nước để tiến hành khai thác, chế biến xuất khẩu như: đồng, sắt, fenspat...hạng chế thô. Khẩn trương bố trí, đào tạo đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật tiếp cận kịp thời với công nghệ chế biến tiên tiến trên thế giới và khu vực. Phấn đấu đưa tổng kim ngạch xuất khẩu ngành khoáng sản từ 3 đến 5 triệu USD/năm.

4. Hàng nhập khẩu

Hàng nhập chủ yếu là vật tư thiết bị nhằm tranh thủ những tiến bộ khoa học, công nghệ mới tiên tiến phục vụ phát triển sản xuất theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn của tỉnh, nhập nguyên liệu để sản xuất hàng xuất nhập khẩu giải quyết việc làm cho người lao động.

Coi trọng nhập các loại thiết bị, cơ giới, nửa cơ giới, các loại máy xay xát, thủy điện nhỏ, phục vụ thiết thực cho sản xuất và đời sống đồng bào ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều khó khăn. Hạn chế nhập các mặt hàng thông thường, xa xỉ phẩm mà trong nước sản xuất được.

Phần thứ ba

NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về chính sách

Đối với các thành phần kinh tế tham gia sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu được quan tâm giải quyết vay vốn lãi suất thấp, thuê hoặc mượn đất làm nhà xưởng (nếu cần), được ưu đãi về thuế (thực hiện mức thuế thấp trong biểu thuế Nhà nước quy định). Nhà nước tạo điều kiện giúp đỡ trong việc giới thiệu, tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm, hướng dẫn và đào tạo công nhân kỹ thuật...

Theo kế hoạch và chương trình dự án (Dự án 327, VO6, định canh định cư...) cần dành tỷ lệ thỏa đáng ưu tiên cho việc phát triển cây, con xuất khẩu. Các nguồn vốn tín dụng, cần áp dụng lãi suất ưu đãi và theo quy trình từng loại cây, con, ngành hàng tạo điều kiện cho cơ sở sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu đủ thời gian hoàn vốn nhanh hơn.

Ngân sách địa phương cần dành một tỷ lệ thích hợp để đầu tư sản xuất những mặt hàng xuất khẩu mũi nhọn.

Giao cho ngành tài chính vật giá, thương mại, du lịch tiến hành khảo sát, xây dựng thí điểm quỹ trợ giá, trợ cước đối với một số mặt hàng nông - lâm sản xuất khẩu để có chính sách cụ thể nhằm khuyến khích sản xuất phát triển và ổn định đời sống người lao động.

2. Về vốn

Huy động nguồn vốn từ nền kinh tế của tỉnh (từ ngân sách và huy động vốn nhân rồi trong dân).

Tăng cường mở rộng quan hệ giao lưu kinh tế, đặc biệt là đối với các nước trong khu vực và Trung Quốc. Tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để thu hút mọi nguồn vốn nước ngoài như: FDI, ODA, NGO... cho việc phát triển kinh tế - xã hội đặc biệt là sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu. Trước mắt cần tiến hành xây dựng những dự án đầu tư phát triển kinh tế đối ngoại để gọi vốn đầu tư nước ngoài, tỉnh ngoài bằng nguồn vốn tài trợ không hoàn lại hoặc vốn vay với lãi suất thấp. Tập trung cho lĩnh vực xây dựng cơ sở hạ tầng, trồng rừng, khai thác mỏ, dịch vụ - du lịch và sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu.

3. Về thị trường

Phát huy các thị trường đã có, đồng thời mở rộng các thị trường mới, đặc biệt thị trường tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) và các nước trong khu vực. Sắp xếp lại các đầu mối xuất nhập khẩu, vừa để tăng sức liên kết buôn bán, vừa tăng sức cạnh tranh. Đối với các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế cần có kế hoạch tiếp thị trong và ngoài nước, như giới thiệu, quảng cáo hàng hóa, tìm hiểu nhu cầu thị trường để có hướng phát triển sản xuất.

4. Khai thác kinh tế cửa khẩu, phát triển dịch vụ - du lịch

Tỉnh ta có lợi thế so sánh là có cửa khẩu quốc tế và các cửa khẩu quốc gia. Trong chiến lược phát triển kinh tế đối ngoại cần quan tâm đến khai thác kinh tế cửa khẩu nhất là tuyến Lào Cai - Hà Khẩu để đẩy mạnh hoạt động xuất nhập khẩu, phát triển dịch vụ quá cảnh, chuyển khẩu, tạm nhập, tái xuất, ủy thác nhập khẩu, tư vấn thương mại, môi giới đầu tư, tổ chức sản xuất gia công tái chế, lắp ráp hàng xuất khẩu và các dịch vụ khác (sửa chữa ô tô, tăng năng lực bốc dỡ hàng hóa, kho bãi chứa hàng, khách sạn... ở khu vực cửa khẩu quốc tế và ga Phố Mới. Về du lịch, cần tập trung đầu tư khai thác trọng

điểm khu du lịch Sa Pa và thị xã Lào Cai, nhanh chóng hình thành các tuyến, các điểm du lịch, nhất là tua du lịch đường dài.

5. Về cơ chế quản lý

Tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho các hoạt động sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu phát triển, Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì thống nhất quản lý các hoạt động kinh tế ở cửa khẩu. Công tác an ninh chính trị, an toàn xã hội phải kết hợp chặt chẽ với chủ trương phát triển kinh tế đối ngoại của tỉnh, hai mặt phải tác động lẫn nhau để cùng phát triển. Ngăn chặn có hiệu quả và xử lý nghiêm minh những vi phạm như trốn lậu thuế, gây phiền hà cho các doanh nghiệp và nhân dân, làm thu hẹp nguồn thu của địa phương.

6. Về đào tạo đội ngũ cán bộ

Kinh tế đối ngoại là lĩnh vực mới mẻ nên phải chú trọng đào tạo đội ngũ cán bộ giỏi về quản trị kinh doanh, ngoại thương, ngoại ngữ, marketing... Ngân sách địa phương hàng năm sẽ dành một phần thích hợp cho việc đào tạo cán bộ làm công tác kinh tế đối ngoại (kể cả ở trong và ngoài nước). Có chính sách thu hút người có đủ điều kiện và năng lực để sớm hình thành một đội ngũ cán bộ giỏi về chuyên môn nghiệp vụ, có phẩm chất chính trị vững vàng đủ sức hội nhập trong cơ chế thị trường, tự tin trong làm ăn, đồng thời biết tự bảo vệ mình trong hành lang pháp lý và giao dịch thương mại quốc tế.

Trước mắt cần tuyển chọn một cách chặt chẽ cán bộ thuộc diện bổ nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước và cán bộ quản trị kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước thuộc lĩnh vực kinh tế đối ngoại.

7. Tổ chức thực hiện

Các cơ quan quản lý tổng hợp, các ngành kinh tế - kỹ thuật, căn cứ vào những định hướng, mục tiêu trong nghị quyết chủ động cùng các địa phương lập chương trình dự án cụ thể xác định vùng sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu. Cần ưu tiên những mặt hàng mũi nhọn,

khả năng chắc chắn, quy mô sản xuất vừa và nhỏ, tăng hàm lượng kỹ thuật để đủ sức cạnh tranh và hội nhập với thị trường quốc tế. Kết hợp chặt chẽ việc khảo sát, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng bố trí dân cư... với phát triển vùng sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu.

Rà soát, sắp xếp lại các tổ chức kinh doanh xuất nhập khẩu, giảm đầu mối tăng cường và mở rộng liên kết với các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu của Trung ương và tỉnh bạn để tăng năng lực về vốn, trình độ quản lý, tiếp thị và sức cạnh tranh.

Các ngành quản lý tổng hợp cân đối lại các nguồn vốn, hệ thống lại các chính sách, phối hợp với các ngành kinh tế - kỹ thuật, thúc đẩy các dự án thực thi sớm. Đối với các cơ sở đang sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu cần khẩn trương rà soát lại năng lực sản xuất, từng bước mở rộng, cải tiến, đổi mới trang thiết bị, công nghệ, mẫu mã tăng sản lượng và chất lượng hàng hóa, đáp ứng nhu cầu của thị trường.

Ủy ban nhân dân tỉnh có chương trình, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo các ngành, các địa phương trong tỉnh cụ thể hóa nghị quyết và tổ chức thực hiện đạt hiệu quả thiết thực, phấn đấu đến năm 2000 và 2010 kinh tế đối ngoại thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Các cấp ủy Đảng, chính quyền từ tỉnh đến cơ sở căn cứ vào nội dung nghị quyết, khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện ở địa phương, đơn vị mình.

Các ban Đảng, Ban cán sự và Đảng đoàn trực thuộc có nhiệm vụ theo dõi kiểm tra giúp Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo việc tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
TRÁNG A PAO**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 02-BC/TU, ngày 1-2-1997

Đánh giá 3 năm của các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng (cấp tỉnh và huyện, thị)

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ ba (khóa VII) về đổi mới, chỉnh đốn Đảng và Quyết định 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra quyết định thành lập một số Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng cấp tỉnh và chỉ đạo thành lập Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng huyện, thị, sau 3 năm hình thành đến nay, hoạt động của các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng đạt được những kết quả cụ thể như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH VÀ QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH CÁC ĐẢNG ĐOÀN, BAN CÁN SỰ ĐẢNG

- Đặc điểm:

+ Tỉnh mới được thành lập bộ máy tổ chức và cán bộ sở, ban, ngành cấp tỉnh chưa được ổn định (còn tách ra nhập vào...).

+ Đã hơn 10 năm giải thể tổ chức này, nay thành lập lại nên phương thức hoạt động ngỡ ngàng, lúng túng. Các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng là tổ chức mới được hình thành, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ và phương thức hoạt động chưa thực tế kiểm nghiệm.

+ Đứng trước 4 nguy cơ mà Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng và

Đại hội VIII đã khẳng định, việc thành lập các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, để phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong các cơ quan nhà nước của một Đảng cầm quyền.

- Quá trình hình thành của các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng:

Sau khi có Quyết định 62-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chủ trương: không thành lập cùng lúc các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng ở các cơ quan tỉnh mà dần từng bước hình thành từ đó có cơ sở rút kinh nghiệm cho Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng thành lập sau, cụ thể như sau:

+ Năm 1993 thành lập 7 Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng gồm: Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh, Đảng đoàn Hội Nông dân tỉnh, Ban cán sự Đảng:

+ Bưu điện tỉnh, Viện Kiểm soát tỉnh, các ngân hàng tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh và Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh. Các huyện, thị đồng thời thành lập Đảng đoàn Hội đồng nhân dân và Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân...

+ Năm 1994 thành lập 14 Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng gồm:

- Đảng đoàn: Hội Phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Nông dân tỉnh.

- Ban cán sự Đảng: Sở Thương mại - Du lịch, Sở Công nghiệp; Sở Tài chính - Vật giá, Sở Y tế, Sở Tư pháp, Sở Kế hoạch - Đầu tư, Thanh tra tỉnh, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Sở Văn hóa - Thông tin thể thao, Sở Giao thông - Vận tải, Hải quan tỉnh.

+ Năm 1995 thành lập 2 Ban cán sự Đảng: Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ Năm 1996: Thành lập 6 Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng: Chi cục Kiểm lâm nhân dân, Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Đảng đoàn Hội Văn học - Nghệ thuật và Liên đoàn Lao động tỉnh.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

1. Lãnh đạo thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng thông qua công tác chính trị, tư tưởng

Công tác chính trị, tư tưởng của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng mà Ban Tổ chức Trung ương hướng dẫn ngày 5-4-1993.

Khi chưa hình thành các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, công tác chính trị - tư tưởng chưa có sự bao quát trong một ngành mà chủ yếu do chi, đảng bộ đảm nhiệm và giới hạn trong phạm vi chi, đảng bộ của cơ quan sở hoặc cơ quan ngang sở. Công tác chính trị tư tưởng của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng bao quát một phạm vi rộng hơn, tức là bảo đảm lãnh đạo một ngành thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, thể chế hóa nghị quyết của Đảng thành luật pháp, thông qua công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, nâng cao tính hiệu lực của các cơ quan nhà nước. Từ nhận thức về nhiệm vụ mới, qua một thời gian hoạt động của các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng đã tiến hành triển khai và quán triệt:

Văn kiện Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, nghị quyết của Bộ Chính trị về đổi mới công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới; về đoàn kết dân tộc; chỉ thị Ban Bí thư về phòng, chống tệ nạn xã hội; chỉ thị của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ nội bộ, Nghị quyết Trung ương 2, 3, 4, 5, 7, 8 của Ban Chấp hành Trung ương... và gần đây là nghị quyết của Bộ Chính trị về chống tham nhũng... 96% số cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức được học tập.

+ Về nhận thức:

- Nâng cao hiểu biết sâu thêm về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về đường lối độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước trong công cuộc đổi mới đất nước, mục tiêu Đảng ta đã lựa chọn.

- Phát huy truyền thống đoàn kết dân tộc, chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

- Khơi dậy trí tuệ và tinh thần phấn đấu nỗ lực của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc vượt khó khăn trở ngại, thích ứng dần cơ chế quản lý mới.

- Nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, tính tiên phong gương mẫu của cán bộ, đảng viên trong thực hiện nhiệm vụ được giao, trên mọi cương vị công tác.

Tuy nhiên tiến hành công tác chính trị, tư tưởng của các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng cũng còn những hạn chế.

- Từng thời gian, từng thời kỳ việc nắm bắt tình hình chính trị, tư tưởng, tâm tư nguyện vọng của cán bộ, đảng viên chưa kịp thời dẫn đến các vụ việc xảy ra ở một số ngành gây thiệt hại tiền của của Nhà nước và làm giảm lòng tin của dân.

- Hoạt động kiểm tra của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng còn chưa thường xuyên, có lúc, có nơi còn có biểu hiện quan liêu trong việc nắm bắt tình hình chính trị, tư tưởng cán bộ, đảng viên.

2. Hoạt động của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng trong xây dựng tổ chức công tác cán bộ

Công tác xây dựng tổ chức và công tác cán bộ là một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, qua gần 3 năm hoạt động, đa số các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng đã xác định được nhiệm vụ quan trọng này, biểu hiện qua kết quả như sau:

- Đã kết hợp chặt chẽ với các tổ chức đảng xây dựng đảng bộ, chi bộ trong sạch, vững mạnh.

+ Năm 1993: Trong sạch, vững mạnh 4, khá 2, yếu 1 (Ủy ban Mặt trận Tổ quốc), (Tổ chức đảng ở 7 Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng).

+ Năm 1994: Trong sạch, vững mạnh 18, khá 3, yếu 0 (ở 21 Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng).

+ Năm 1995: Trong sạch, vững mạnh 12, khá 9, yếu 2 (Chi bộ Viện Kiểm sát nhân dân, Đảng ủy các ngân hàng tỉnh) ở 23 Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng.

+ Kết nạp Đảng viên trong 3 năm ở các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng là 126 người.

- Về tổ chức đã chỉ đạo kiện toàn và thành lập các phòng, ban thuộc sở, ngành.

- Thành lập 32 phòng chuyên môn.

+ Kiện toàn 14 phòng

+ Giải thể và sáp nhập 8 phòng.

+ Kiện toàn 25 tổ chức Đoàn thanh niên, tổ chức công đoàn thuộc ngành và chỉ đạo, tạo điều kiện để các đoàn thể hoạt động có hiệu quả.

- Công tác cán bộ:

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Đảng đoàn, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh là: Đánh giá nhận xét cán bộ diện tỉnh quản lý có ý kiến với cơ quan tổ chức, Ban Thường vụ Tỉnh ủy về năng lực sở trường, hướng bố trí sử dụng cán bộ. Đối với cán bộ thuộc ngành trực tiếp quản lý Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng có ý kiến tập thể trên cơ sở đó thủ trưởng ngành, đơn vị quyết định về mặt nhà nước, không phải Đảng đoàn, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh quyết định.

Trên cơ sở nhận thức trên trong 29 Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng đã cơ bản xây dựng được quy hoạch, đào tạo cán bộ. Hằng năm đã tiến hành rà soát và bổ sung quy hoạch, khi đề bạt, bổ nhiệm cán bộ đã căn cứ trên cơ sở quy hoạch. Đồng thời có kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ cho cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu đặt ra cả trước mắt và lâu dài.

Qua 3 năm thông qua 29 Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng việc đánh giá cán bộ đã theo đúng quy trình, có Ban cán sự Đảng chỉ đạo đánh giá cán bộ bằng nhiều hình thức linh hoạt như phương pháp rèn luyện qua thực tiễn cơ sở, thử thách thông qua giao nhiệm vụ, ghi công, chấm điểm...

* Có ý thức về:

+ Đề bạt, bổ nhiệm 125 đồng chí.

+ Nâng lương 485 đồng chí.

+ Giải quyết hưu trí 38 (trong đó diện tỉnh quản lý là 13).

+ Tuyển dụng, điều động 411.

+ Chỉ đạo mở 20 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, phối hợp với Trường Chính trị tỉnh và Ban Tổ chức mở các lớp đại học tại chức như

Đại học Tài chính kế toán cho hơn 200 cán bộ (Ban cán sự Đảng Sở Tài chính), Đại học Luật tại chức cho 18 cán bộ (Ban cán sự Đảng Sở Tư pháp), Đại học Xây dựng, Đại học Giao thông, Đại học Quản trị kinh doanh và công đoàn (Ban cán sự Đảng, Sở Xây dựng, Sở Giao thông - Vận tải, và Liên đoàn Lao động tỉnh).

3. Hoạt động của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng trong lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

Hiện nay có 29 Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng cấp tỉnh bao quát hầu hết các lĩnh vực thuộc đời sống kinh tế - xã hội của tỉnh, thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của 29 Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội.

Song sự hoạt động lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị có một số khó khăn:

- + Các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng đều mới được thành lập, các thành viên của tổ chức còn thiếu kinh nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị thông qua Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng.

- + Chức năng nhiệm vụ của các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng chưa được định rõ và chưa có hướng dẫn cụ thể.

Với sự cố gắng nỗ lực vượt qua khó khăn sau gần 3 năm hoạt động lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị đã được một số kết quả.

Sau khi quán triệt Nghị quyết 2, 3, 4, 5, 7, 8 của Ban Chấp hành Trung ương và tình hình cụ thể của địa phương là: Tỉnh vừa được tái lập, nền kinh tế thuần nông, tự cung, tự cấp là chủ yếu, cơ sở hạ tầng còn yếu kém.

Ban Chấp hành Trung ương đã có định hướng, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội: Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, xuất khẩu, từng bước phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần trong đó kinh tế quốc doanh là chủ đạo. Đồng thời Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ II một lần nữa khẳng định định hướng này.

Trên cơ sở định hướng đó các Đoàn đoàn, Ban cán sự Đảng đã tiếp thu quán triệt và cụ thể hóa thành chiến lược phát triển ngắn hạn, dài hạn của ngành mình, nhất là các ngành thuộc lĩnh vực kinh tế - kỹ thuật như giao thông vận tải, xây dựng, bưu chính viễn thông, nông - lâm nghiệp, ngân hàng... Từ chiến lược của ngành được thể chế hóa qua chỉ tiêu kế hoạch của Nhà nước giao hằng năm và thực hiện chỉ tiêu thông qua chỉ đạo, điều hành công việc hằng ngày, hằng tháng.

Điểm mới khi có Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng là các quyết định về quản lý, tổ chức và cán bộ, và những vấn đề có tầm quan trọng về thực hiện nhiệm vụ chính trị đều được đưa ra tập thể Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng xem xét, thảo luận quyết định sau đó mới triển khai thực hiện, nhờ đó nâng cao được hiệu lực thi hành, góp phần giữ vững nguyên tắc và phát huy dân chủ trong công tác, tổ chức, cán bộ.

Nhờ kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị của các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, làm tăng trưởng nền kinh tế trong tỉnh mấy năm qua cụ thể:

- + Tổng sản phẩm GDP tăng bình quân 11,8% (văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần II).

- + Bình quân thu nhập đầu người từ 107 USD năm 1993 lên 180 USD năm 1995, sản lượng lương thực quy thóc đạt trên 140 ngàn tấn năm 1995, bình quân lương thực theo đầu người đạt 250,9 năm 1995. Kim ngạch xuất khẩu đạt trên 2 triệu USD năm 1995, thu nhập ngân sách trên địa bàn đạt 82 tỷ đồng năm 1995.

Cơ cấu kinh tế có sự chuyển dịch đúng hướng, các thành phần kinh tế đã và đang phát triển, đời sống nhân dân các dân tộc được nâng lên một bước.

Cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của Nhà nước đang trở thành cơ chế vận hành, lưu thông chủ yếu có tác dụng kích thích nhiều mọi tầng lớp dân cư đầu tư vốn và vay vốn để phát triển sản xuất, đã xuất hiện nhiều mô hình kinh tế mới với trên 40 dự án nông - lâm, nhiều nông - lâm trường, xí nghiệp doanh nghiệp

nhà nước, tư nhân thực hiện vai trò trung tâm kinh tế, kỹ thuật cho cả vùng, gắn với kinh tế trạng trại hộ gia đình cùng phát triển...

- Cơ sở hạ tầng thay đổi một cách nhanh chóng.

- Thị xã Lào Cai từ hoang tàn nay được quy hoạch và xây dựng lại khang trang, mang dáng dấp của một thành phố hiện đại.

- Hệ thống thông tin liên lạc số đã nối mạng với tất cả các huyện trong tỉnh, với các tỉnh trong nước và quốc tế.

- Hệ thống đường giao thông liên tỉnh được cải thiện, đường giao thông từ tỉnh xuống các huyện, huyện xuống xã từng bước được nâng cấp...

- Điện lưới quốc gia đã được chuyển tải xuống các huyện, ngành công nghiệp cũng có sự phát triển đáng kể như khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng...

- Nhân dân các dân tộc trong tỉnh tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

4. Xây dựng, kiện toàn Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng

- Nhằm nâng cao kết quả thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thường xuyên nắm tình hình và có uốn nắn kịp thời thông qua trực tiếp nghe các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng báo cáo hoạt động vào cuối năm 1994 và theo dõi hoạt động qua báo cáo của các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng. Mặt khác kịp thời tiến hành củng cố kiện toàn Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng đủ về số lượng, đúng cơ cấu quy định. Đến nay đã có 6 lần bổ sung thành viên Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, giải thể 1 Ban cán sự Đảng (Sở Thủy lợi). Đổi tên 2 Ban cán sự Đảng (Ủy ban Kế hoạch tỉnh, Sở Nông nghiệp thành Ban cán sự Đảng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Sở Kế hoạch - Đầu tư).

Kết quả một số mặt cụ thể về xây dựng, kiện toàn Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng:

- Về xây dựng quy chế làm việc: Trong tổng số 29 Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng cấp tỉnh (trừ 6 Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng thành

lập năm 1996) đến nay đã có 12 Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng xây dựng được quy chế làm việc chiếm 52% gồm: Ban cán sự Đảng các Ngân hàng tỉnh, Sở Giao thông - Vận tải, Sở Xây dựng, Hải quan tỉnh, Bưu điện tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Tòa án nhân dân tỉnh, Sở Công nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Văn hóa - Thông tin thể thao, Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh tỉnh, việc xây dựng quy chế làm việc đây là khoa học về công tác quản lý giúp cho người lãnh đạo điều hành công việc một cách thống nhất nhịp nhàng.

- Thực hiện nguyên tắc làm việc: Qua theo dõi và kiểm tra đa số các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng thực hiện được nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, quyết định theo đa số. Nhờ thực hiện nguyên tắc nên đã phát huy vai trò của các đồng chí lãnh đạo ngành trong chỉ đạo, điều hành công việc quản lý nhà nước ở lĩnh vực được phân công, nâng cao tích cực chủ động, đồng thời thông qua thực hiện nguyên tắc lãnh đạo tập thể mà mọi quy định khi triển khai xuống các đơn vị nâng cao hơn hiệu lực thực thi, góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị từng giai đoạn, từng thời kỳ.

- Duy trì chế độ sinh hoạt: Đa số các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng đã định kỳ sinh hoạt kiểm điểm những công việc đã làm, đề ra phương hướng công tác trong thời gian tới; với những công việc đột xuất Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng thường xuyên hội ý và có hướng giải quyết kịp thời. So sánh các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng đã xây dựng quy chế làm việc với các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng chưa có quy chế thì nơi có quy chế duy trì chế độ sinh hoạt, hội họp đều và có chất lượng hơn, ít vướng mắc trong giải quyết các mối quan hệ khi yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

5. Giải quyết mối quan hệ của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng với các chi, đảng bộ cơ sở, các ban xây dựng Đảng

- Đã phân định được chức năng của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng với chức năng, nhiệm vụ của chi, đảng bộ cơ quan sở hoặc ngành, đoàn

thể, cụ thể chi, đảng bộ lãnh đạo xây dựng tổ chức đảng của cơ quan ấy vững mạnh về mọi mặt. Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, chỉ đạo quyết định những công việc thuộc phạm vi rộng hơn nhằm thực hiện chiến lược phát triển của một ngành.

- Quan hệ với các ban xây dựng Đảng:

Nội dung của mối quan hệ này đã được phần lớn các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng quy định trong quy chế hoạt động vì vậy, qua mấy năm Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng đã phối hợp với Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy để tiến hành công tác tổ chức, cán bộ theo phân cấp của tỉnh, phối hợp kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, giúp Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra tỉnh kịp thời nắm bắt tình hình cơ sở, có biện pháp chỉ đạo, hạn chế tình trạng quan liêu nâng cao lòng tin của nhân dân, của cán bộ, đảng viên vào sự lãnh đạo của Đảng và quản lý hành chính của chính quyền các cấp.

Quan hệ giữa các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng: Thông qua mối quan hệ qua lại (huyện với Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng cấp tỉnh) việc đánh giá, nhận xét để đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, điều động cán bộ được tiến hành nhanh chóng, khách quan hơn, đây cũng là một điểm mới của công tác cán bộ trong phối hợp giữa các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, giữa các tỉnh và huyện khi phân cấp quản lý, tổ chức cán bộ chưa thật sự hoàn thiện đầy đủ. Tạo được sự thống nhất, quán triệt nguyên tắc: Đảng trực tiếp lãnh đạo, tiến hành công tác cán bộ, ở tất cả các ngành, các cấp.

- Một số tồn tại, nguyên nhân:

Tồn tại:

+ Trong công tác tổ chức, cán bộ ở một số Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng chưa phát huy được nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.

+ Một số Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng chưa hiểu rõ chức năng nhiệm vụ, vai trò của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng: Do vậy, sau gần 3 năm hoạt động gần 1/2 số Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng chưa xây

dựng được quy chế làm việc (11/23 trừ 6 Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng mới thành lập chiếm 47,8%).

- + Thực hiện chế độ sinh hoạt chưa thường xuyên, không đề ra kế hoạch hoạt động của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng nên vai trò của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng dường như bị lu mờ không có tác dụng tác động đến thực hiện nhiệm vụ chính trị của sở, ngành.

- + Lúng túng trong giải quyết mối quan hệ với các chi, đảng bộ thuộc sở, ngành, nhận thức chưa rõ quan hệ giữa chi, đảng bộ cơ sở là Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng lãnh đạo hay chịu sự lãnh đạo của chi, đảng bộ. Chưa phối hợp chặt chẽ giữa Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng cấp tỉnh với các huyện, thị ủy để tiến hành tốt công tác tổ chức cán bộ và thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- + Chưa phân định rõ khi nào đứng trên cương vị là bí thư Đảng đoàn, Hội đồng nhân dân và Ban cán sự Đảng, khi nào là giám đốc sở hoặc lãnh đạo của ngành khi giải quyết một số công việc cụ thể.

- + Ở 10 huyện, thị ủy đã thành lập Đảng đoàn Hội đồng nhân dân và Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân huyện. Một số huyện thành lập thêm Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ.

Nhìn chung, các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng ở các cấp huyện, thị hầu như hoạt động rời rạc không thể hiện rõ vai trò tác động tới đời sống chính trị - kinh tế - xã hội ở phạm vi cấp huyện.

Nguyên nhân:

- + Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng là tổ chức mới được hình thành nên phương thức hoạt động đang được thực tiễn kiểm nghiệm.

- + Trung ương chưa quy định và hướng dẫn đầy đủ chức năng quyền hạn, phương thức hoạt động, mối quan hệ của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng là tổ chức mới song Ban Thường vụ Tỉnh ủy, các ban xây dựng Đảng chưa chỉ đạo sát sao, chưa kịp thời nắm bắt, uốn nắn, rút kinh nghiệm với các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng.

- + Các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng chưa tích cực chủ động nghiên cứu thực hiện chức năng, nhiệm vụ, phương thức hoạt động được quy

định tạm thời hoặc có kiến nghị lên cấp trên giải quyết những vướng mắc khi hoạt động.

+ Ở các huyện vùng cao biên giới kinh tế - xã hội còn chậm phát triển, sự lưu thông kinh tế - giao lưu văn hóa còn hạn hẹp do đó cơ cấu tổ chức bộ máy bảo đảm cho lãnh đạo, quản lý cũng không lớn nên chưa đòi hỏi phải có tổ chức Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng.

Những vấn đề cần rút ra:

- Việc thành lập lại tổ chức Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng đối với các sở, ban, ngành cấp tỉnh là cần thiết để bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện, tuyệt đối của Đảng cầm quyền đối với hệ thống chính trị của Đảng, giúp cho Đảng thường xuyên nắm chắc được những hoạt động của các cơ quan trong hệ thống quản lý nhà nước và các đoàn thể quần chúng cụ thể hóa nghị quyết của Đảng thành pháp quy, thành chương trình hành động, dự án... đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống hiện thực nhằm mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

- Mỗi đảng viên trong ban lãnh đạo, ban chỉ ủy hoặc Đảng ủy trong sở, ban, ngành phải nhận thức rõ chức năng, quyền hạn nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng với Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng có những điểm giống nhau, có những điểm khác nhau... song mối quan hệ giữa 2 tổ chức đảng này liên quan mật thiết gắn bó hữu cơ tác động qua lại lẫn nhau, làm tiền đề cho nhau để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước giao cho. Điểm giống nhau là cùng đề xuất với cấp ủy về công tác cán bộ, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách... của Đảng góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh. Điểm khác nhau ở chỗ tổ chức đảng cơ sở còn làm công tác đảng vụ như: Bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới, chuyển sinh hoạt đảng... Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng do cấp ủy cấp tỉnh trực tiếp chỉ định; còn ban chỉ ủy, Đảng ủy do Đại hội đảng viên hoặc Đại hội đại biểu tổ chức đảng cơ sở bầu ra (bầu cử bằng phiếu kín) cấp ủy cấp trên quyết định công nhận.

- Nơi nào có sự nhận thức đúng đắn, thống nhất cao giữa Đảng đoàn hoặc Ban cán sự Đảng với lãnh đạo cơ quan, và ban chỉ ủy hoặc Đảng ủy, trong cơ quan đó, mọi việc có tính chất quan trọng, phạm vi rộng lớn đều được dân chủ bàn bạc quyết định, và phân công trách nhiệm cá nhân rõ ràng thì nơi đó có sự thống nhất cao về ý chí và hành động, có sự đoàn kết trong Đảng và ngoài quần chúng, trên dưới một lòng tạo thành niềm tin, sức mạnh tổng hợp để hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị và công tác xây dựng Đảng ở cơ quan đó (và ngược lại).

- Xây dựng được quy chế hoạt động thật cụ thể rõ ràng và phải điều hành theo quy chế, khi được thực thi chức trách nhiệm vụ phải xác định đúng, lúc nào là cương vị bí thư Ban cán sự Đảng, lúc nào là thủ trưởng cơ quan hoặc lúc nào là bí thư chi bộ hay bí thư Đảng ủy cơ quan, mới không sai phạm, chồng lấn hoặc đồng nhất, không phân định rõ chức trách ở các cương vị trên.

III. MỘT SỐ ĐỊNH HƯỚNG TRONG Củng Cố Tăng Cường VAI TRÒ CỦA CÁC ĐẢNG ĐOÀN, BAN CÁN SỰ ĐẢNG

Căn cứ vào tình hình nhiệm vụ trong chiến lược kinh tế - xã hội năm 1996-2000 của tỉnh và kết quả hoạt động của các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, trong thời gian tới nhiệm vụ của các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng cần tập trung vào một số định hướng sau:

1. Lãnh đạo thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng

Tập trung triển khai quán triệt Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, làm cho các quan điểm, đường lối, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 và những năm tiếp theo được cán bộ, đảng viên nhận thức một cách sâu sắc tạo ra một sự thống nhất về chính trị, tư tưởng và hành động trong Đảng bộ, đoàn kết các dân tộc, quyết tâm phấn đấu hoàn thành mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đảng bộ tỉnh lần thứ II đã đề ra.

2. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

Thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước do Nghị quyết Đại hội Đảng VIII đã đề ra, thông qua các biện pháp thiết thực là cụ thể hóa thành chỉ tiêu, kế hoạch, chiến lược phát triển của từng ngành thuộc các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng.

Trước mắt tập trung chỉ đạo ngành hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước năm 1996. Tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm 1996 và đề ra phương hướng thực hiện nhiệm vụ nhằm đạt kết quả cao hơn vào năm 1997.

3. Công tác tổ chức và cán bộ

- Cùng với Ban Chấp hành các chi, đảng bộ, xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng. Phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của đảng viên, tăng cường đoàn kết thống nhất trong Đảng, thực hiện tốt các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng, trước hết là nguyên tắc tập trung dân chủ.

- Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng xây dựng và bổ sung đầy đủ quy chế làm việc ở tất cả các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng. Thực hiện đều chế độ sinh hoạt theo quy định trong quy chế của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng.

- Định kỳ 3 tháng một lần báo cáo tình hình hoạt động của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng với Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy).

- Công tác tổ chức: Phát huy vai trò của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng chỉ đạo củng cố xây dựng các ban chuyên môn thuộc sở, ngành vươn lên nâng cao hiệu lực điều hành, quản lý nhà nước hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị.

- Về cán bộ, thực hiện tốt quy trình quản lý xem xét đánh giá cán bộ, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trước khi đề bạt, bổ nhiệm, tiếp nhận, tuyển dụng. Tiến hành xây dựng và bổ sung quy hoạch cán bộ, đưa vào công tác quy hoạch cán bộ vào nền nếp, có kế hoạch cụ thể đào tạo, bồi dưỡng vào đào tạo lại đội ngũ cán bộ.

- Phối hợp với các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng khác làm tốt công tác tổ chức cán bộ và các chi, đảng bộ xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, góp phần hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao và nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ tình hình mới.

VI. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ VỚI TRUNG ƯƠNG

1. Quy định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức hoạt động của các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng và hướng dẫn thực hiện để phân biệt rõ tổ chức cơ sở đảng và tổ chức Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng trong cùng một sở, ban, ngành và cần làm rõ mối quan hệ giữa Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng với chi, đảng bộ của cơ quan sở, ngành hoặc đoàn thể.

2. Thực tế Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng cấp huyện hoạt động hiệu quả không cao. Vì vậy Trung ương cần có sớm “mô hình” hoạt động của Đảng đoàn, Ban cán sự huyện để Đảng đoàn, Ban cán sự cấp huyện có thể làm tốt chức năng nhiệm vụ của mình.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ BẢY NGÀY 19-2-1997
Số 23-TB/TU, ngày 20-2-1997

Ngày 19-2-1997, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp Hội nghị lần thứ 7 dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy (có mặt: 8, vắng: 5 đồng chí) để thông qua kế hoạch của Ban Thường vụ về thực hiện Kế hoạch số 01-KH/KT của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ban Nội chính Trung ương về kiểm tra tình hình thực hiện Chỉ thị số 15 và Nghị quyết số 14 của Bộ Chính trị và Quyết định 119 của Thủ tướng Chính phủ về lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong lực lượng Công an nhân dân tỉnh Lào Cai. Sau khi nghe các dự thảo, các đồng chí trong Ban Thường vụ đã thảo luận và kết luận như sau:

1. Về kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 01-KH/KT của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ban Nội chính Trung ương

- Nhất trí thông qua bản kế hoạch của Ban Thường vụ do đồng chí Bùi Quang Vinh, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy trình bày.

- Bổ sung một số nội dung sau:

+ Kiểm tra cả công tác hộ tịch hộ khẩu, mà trọng điểm là địa bàn thị xã Lào Cai.

+ Trong quá trình kiểm tra, cho phép tổ công tác tiến hành khảo sát, xin ý kiến của các tổ chức cá nhân có trách nhiệm nắm thông tin, nhưng không làm tràn lan.

+ Các cán bộ, chiến sĩ được gửi ý kiến cá nhân đến Bí thư Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và Giám đốc Công an tỉnh.

+ Giám đốc Công an tỉnh chỉ đạo việc kiểm tra các cán bộ, chiến sĩ không phải là đảng viên.

- Công an tỉnh có trách nhiệm phối hợp với các huyện, thị ủy để kiểm tra công an các huyện, thị xã.

2. Về dự kiến bố trí kế hoạch xây dựng cơ bản 1997

- Về nguyên tắc phải ưu tiên thanh toán cho các công trình đã hoàn thành và đưa vào sử dụng.

- Nguồn kinh phí ủy quyền phải bố trí chi hết cho dự án đã được duyệt, không được điều chuyển.

- Nhất trí về các danh mục đầu tư nêu trong dự thảo, nhưng bổ sung một số hạng mục sau:

+ Thanh toán cho: Công trình nhà khách Fanxipan của Tỉnh ủy và đường điện hạ thế Vạn Hòa, Đồng Tuyển. Đưa vốn giải phóng mặt bằng lên mức 500 triệu.

+ Khởi công mới: Nhà di tích Cam Đường.

+ Khởi công theo hình thức ứng vốn: Đường ra cửa khẩu Bát Xát, đường huyện lỵ Văn Bàn (lấy đất từ mỏ Pelspat để đắp), Bảo hiểm y tế Lào Cai.

+ Gọi vốn đầu tư: khu du lịch Đền Thượng, đường từ thị trấn Sa Pa đi Thác Bạc, theo hình thức đầu tư và thu phí, lệ phí để thu hồi vốn đầu tư trong thời hạn nhất định.

Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào các quan điểm, nguyên tắc trên, các danh mục đầu tư trong năm 1997 để cân đối bố trí cho phù hợp, đồng thời tích cực huy động vốn đầu tư để phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, trong đó chú trọng các công trình trọng điểm sau: Bệnh viện đa khoa tỉnh, kè KL 94, cầu Khe Chấn, khu du lịch Sa Pa.

3. Chuyển cơ quan Đảng ủy các cơ quan tỉnh lên khu 2 tầng nhà khách của Văn phòng, giáp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

- Chuyển toàn bộ khu đất Đảng ủy các cơ quan Đảng ở và khu tập thể của cán bộ Tỉnh ủy thành đất dân cư để bố trí cho cán bộ, nhân viên công tác tại Tỉnh ủy và Đảng ủy các cơ quan tỉnh.

- Giao cho Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tài chính quản trị, và Đảng ủy các cơ quan căn cứ vào số lượng cán bộ và quy định của Nhà nước để bố trí phòng làm việc cho cán bộ Đảng ủy các cơ quan cho phù hợp và thực hiện công việc trên xong trong tháng 3-1997. Nếu Đảng ủy các cơ quan có yêu cầu thì cho phép mở cổng đi riêng ra đường 8 F1.

Yêu cầu các cơ quan cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Tại Hội nghị giao ban khối nội chính ngày 1-3-1997

Số 25-TB/TU, ngày 1-3-1997

Hội nghị giao ban khối nội chính đã họp vào sáng ngày 1-3-1997, dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy. Sau khi nghe Văn phòng Tỉnh ủy tổng hợp tình hình và các ngành báo cáo, đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy kết luận một số nội dung chính như sau:

I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH TRONG THÁNG 2-1997

Trong tháng 2 tình hình an ninh chính trị được giữ vững; trật tự, an toàn xã hội có nhiều chuyển biến và ổn định tốt. Số vụ việc xảy ra giảm hơn so với tháng trước (54/107 vụ). Buôn lậu có giảm, nhất là việc buôn lậu gỗ pơ mu. Các ngành trong khối nội chính phối hợp chặt chẽ, giải quyết được nhiều việc. Việc di dịch cư theo báo cáo thời điểm này so với năm 1996 có giảm nhiều. Có hiện tượng di dịch cư lại quay trở về quê cũ (lý do là địa phương mới không nhận, thực chất đến nơi cư trú mới thấy khó làm ăn). Nhân dân hai bên biên giới vẫn qua lại thăm thân bình thường. Việc tuyên truyền đạo trái phép vẫn xảy ra ở một số xã. Tuy nhiên trong tháng 3 cần chú ý:

1- Nắm chắc tình hình, diễn biến dọc tuyến biên giới Việt - Trung. Chuẩn bị tốt phương án phòng chống phía Trung Quốc đẩy đuổi người

về; số phụ nữ sang Trung Quốc lấy chồng nay đã trở về, công an lập hồ sơ theo dõi quản lý.

2- Để chống lại âm mưu diễn biến hòa bình của kẻ địch, các cấp, các ngành cần đi sâu nắm tình hình tư tưởng của nhân dân (bọn phản động đã tung vào địa bàn tỉnh tài liệu xấu). Ngăn chặn kịp thời việc lợi dụng tôn giáo tuyên truyền nhảm nhí. Tích cực chống buôn lậu vũ khí, gỗ pơ mu và ma túy.

II. MỘT SỐ CÔNG TÁC TRỌNG TÂM TRONG THÁNG 3-1997

1- Công an cấp giấy thông hành theo quy định của Trung ương thống nhất thực hiện trên toàn tuyến biên giới của tỉnh (kể cả cửa khẩu quốc tế và đường mòn tiểu ngạch).

2- Tỉnh không nhất trí mở rộng đường mòn (tiểu ngạch) ở khu vực ngã ba sông Trắng xã Lùng Sui, huyện Bắc Hà đi ra chợ Cán Cấu.

3- Đường biên giới đoạn Na Lốc - Cốc Phương xã Bản Lầu, Mường Khương bị sạt lở, huyện Mường Khương huy động nhân dân trong khu vực đó cố gắng tự khắc phục. Việc mở đường từ Bản Lầu ra Na Lốc chỉ tu sửa cho người và ngựa đi, không mở đường ô tô.

4- Huyện Mường Khương lấy ngân sách của huyện để hỗ trợ cho nhân dân tham gia nhổ cây sa nhân do phía Trung Quốc trồng sang đất của ta. Kinh phí phải đến tận tay những người đi làm trực tiếp. Từ nay lực lượng biên phòng không được để người Trung Quốc xâm canh sang đất ta.

5- Cửa hàng miễn thuế duy trì bình thường. Nhưng kịp thời uốn nắn những sai sót trong việc quản lý kinh tế, lực lượng chống buôn lậu theo dõi và xử lý những người vi phạm quy định của Nhà nước.

6- Giao cho Công an lập hồ sơ và xử lý vụ dân xã Nàn Xín, huyện Bắc Hà đánh chết trộm người Trung Quốc. Thông báo với Công an Trung Quốc là ta đang xử lý vụ này theo pháp luật Việt Nam. Đồng thời tiến hành khẩn trương làm rõ và truy tố vụ phá đường sắt (khu mỏ Cam Đường).

7- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh khẩn trương hoàn chỉnh các báo cáo tổng kết 5 năm xây dựng khu vực phòng thủ và 7 năm chống diễn biến hòa bình của tỉnh.

8- Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức và chủ trì hội nghị các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, bàn về việc kinh doanh với Trung Quốc, chủ yếu là ở tỉnh Vân Nam.

9- Các ngành trong khối nội chính nắm chắc việc di dịch cư ở các huyện thị. Giao cho Sở Tư pháp chủ trì việc tuyên truyền giáo dục pháp lệnh cho nhân dân (trước mắt làm ở 26 xã phường biên giới).

10- Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng về những vụ cháy và pháp luật phòng cháy rừng. Kiểm lâm phối hợp chặt chẽ với công an trong việc chống buôn lậu gỗ các loại ngay từ cửa rừng.

11- Xử lý dứt điểm các vụ buôn lậu gỗ pơ mu và vũ khí. Các ngành chú ý xem xét và giải quyết tốt các đơn thư khiếu nại tố cáo của nhân dân.

Vậy xin thông báo để cơ quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 02-CT/TU, ngày 17-3-1997

**Về việc mở cuộc vận động toàn dân chăm sóc
các thương binh, gia đình liệt sĩ, những người
có công với nước và tổ chức kỷ niệm 50 năm
ngày thương binh liệt sĩ (27-7-1947 - 27-7-1997)**

Những năm qua, công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với nước trên địa bàn tỉnh ta được các cấp ủy Đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể và nhân dân các dân tộc quan tâm chu đáo. Các chính sách chế độ được thực hiện đầy đủ, đã thể hiện những quan điểm đúng đắn của Đảng và Nhà nước đối với những người đã hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Sự chăm lo, giúp đỡ của nhân dân các dân tộc đã thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn” tốt đẹp của dân tộc ta. Với sự quan tâm của Đảng, chính quyền, mặt trận, đoàn thể các cấp và sự giúp đỡ của nhân dân, các gia đình chính sách cơ bản ổn định cuộc sống và bước đầu có sự cải thiện trên một số mặt.

Tuy nhiên do tình hình khó khăn chung của các địa phương và hoàn cảnh cụ thể của từng người, từng gia đình... cuộc sống của một số gia đình thương binh, thân nhân liệt sĩ và những người có công với nước ở một số nơi vẫn còn gặp khó khăn. Phong trào “đền ơn đáp nghĩa” ở các địa phương cơ sở còn chưa đồng đều. Vì vậy, công tác

chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ và người có công với nước cần được tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa.

Thực hiện Chỉ thị 09-CT/TW, ngày 14-12-1996 của Bộ Chính trị về việc mở cuộc vận động kỷ niệm 50 năm ngày Thương binh liệt sĩ (27-7-1947 - 27-7-1997), Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp, các ngành khẩn trương tổ chức triển khai thực hiện tốt một số nội dung công tác sau đây:

1. Quán triệt sâu sắc nội dung Chỉ thị 09-CT/TW, ngày 14-12-1996 của Bộ Chính trị; đi đôi với việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức phong phú, sinh động, trong toàn Đảng, toàn dân về các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước đối với thương binh, gia đình liệt sĩ và những người có công với nước. Giáo dục cho nhân dân hiểu rõ ý nghĩa to lớn của công tác thương binh, liệt sĩ trong giai đoạn cách mạng hiện nay và truyền thống “uống nước, nhớ nguồn” của dân tộc ta. Biểu dương thành tích, động viên kịp thời những đơn vị tập thể và cá nhân có nhiều thành tích trong công tác “đền ơn, đáp nghĩa”.

2. Các cấp ủy Đảng, chính quyền, tăng cường hơn nữa công tác chỉ đạo và kiểm tra việc thực hiện chính sách, chế độ đối với các đối tượng được đãi ngộ, theo quy định của Nhà nước hiện hành.

3. Vận động nhân dân làm tốt công tác “đền ơn đáp nghĩa” ở khu dân cư; xây dựng quỹ “đền ơn đáp nghĩa” để ủng hộ các gia đình chính sách. Tạo điều kiện về vốn, vật tư, đất đai, việc làm cho các gia đình thuộc diện chính sách ổn định sản xuất và nâng cao đời sống.

Tổ chức khám, điều trị bệnh cho thương binh, thân nhân liệt sĩ, người có công với nước, ưu tiên và tạo điều kiện cho các thương binh, con em liệt sĩ được học tập văn hóa, học nghề và việc làm để phát huy mọi năng lực phục vụ đất nước và tham gia tốt mọi hoạt động xã hội.

4. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động tìm kiếm, phát hiện phần mộ liệt sĩ để quy tập hài cốt về nghĩa trang hoặc quê hương liệt sĩ. Xây dựng bia ghi tên các liệt sĩ tại các xã phường, thị trấn. Báo tin và tạo

điều kiện để gia đình và thân nhân liệt sĩ đến thăm viếng phần mộ liệt sĩ.

Tiếp tục tu sửa các nghĩa trang liệt sĩ, xây dựng đài, bia tưởng niệm ở những nơi có sự kiện lịch sử và thành tích xuất sắc đã được Nhà nước công nhận trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc.

Sơ kết việc thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW, ngày 5-3-1993 của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII về công tác quy tập mộ liệt sĩ và xây dựng nghĩa trang liệt sĩ.

5. Xét khen thưởng hoặc đề nghị lên cấp trên khen thưởng đối với người có công với nước đã có nhiều thành tích trong công tác hiện nay; xét khen thưởng các đơn vị tập thể và cá nhân có nhiều thành tích trong công tác “đền ơn, đáp nghĩa”. Tổ chức mít tinh trọng thể và tổ chức gặp mặt các thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với nước nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày Thương binh liệt sĩ ở các địa phương và cơ sở.

6. Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp phối hợp với Ủy ban nhân dân và ngành Lao động - Thương binh - Xã hội cùng cấp xây dựng kế hoạch và thành lập ban vận động thực hiện theo nội dung Chỉ thị này do đồng chí Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc làm trưởng ban.

Các Đảng bộ trực thuộc, các ban của Đảng, Đảng đoàn, ban cán sự Đảng ở các cấp, các ngành, đoàn thể chỉ đạo tốt cuộc vận động tổ chức kỷ niệm ngày thương binh liệt sĩ đạt hiệu quả cao, tiết kiệm, tránh phô trương hình thức lãng phí.

Chỉ thị này được phổ biến tới các chi, đảng bộ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 31-TB/TU, ngày 27-3-1997

Về xếp loại đảng bộ 2 năm 1995 - 1996

Ngày 13-3-1997, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao - Bí thư Tỉnh ủy. Sau khi nghe Ban Tổ chức Tỉnh ủy đọc tờ trình về phân xếp loại các đảng bộ trực thuộc tỉnh, các đồng chí trong Ban Thường vụ đã xem xét thành tích của từng đảng bộ và kết luận như sau:

I. Đảng bộ được tặng Cờ đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh

1. Đảng bộ huyện Bảo Thắng
2. Đảng bộ huyện Mường Khương
3. Đảng bộ huyện Văn Bàn
4. Đảng bộ huyện Bảo Yên
5. Đảng bộ Quân sự tỉnh
6. Đảng bộ Công ty Apatít Việt Nam

II. Đảng bộ đạt loại khá

1. Đảng bộ huyện Bắc Hà
2. Đảng bộ huyện Bát Xát
3. Đảng bộ huyện Sa Pa
4. Đảng bộ huyện Than Uyên
5. Đảng bộ thị xã Lào Cai

6. Đảng bộ thị xã Cam Đường
7. Đảng bộ các cơ quan tỉnh
8. Đảng bộ Công an tỉnh
9. Đảng bộ Biên phòng tỉnh

III. Đồng ý tặng Bằng khen của Tỉnh ủy cho cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh tiêu biểu 2 năm 1995 - 1996

1. Chi bộ Đoàn 263 Trịnh Tường thuộc Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh
 2. Chi bộ PA16 thuộc Đảng bộ Công an tỉnh
 3. Chi bộ xã Nấm Lư thuộc Đảng bộ huyện Mường Khương
 4. Chi bộ xã Bắc Cường thuộc Đảng bộ thị xã Lào Cai
 5. Chi bộ xã Bản Phùng thuộc Đảng bộ huyện Sa Pa
 6. Chi bộ Xuân Giao thuộc Đảng bộ huyện Bảo Thắng
 7. Chi bộ xã Sán Chải thuộc Đảng bộ huyện Bắc Hà
 8. Đảng bộ Xí nghiệp vận tải ô tô thuộc Đảng bộ Công ty Apatít Việt Nam
 9. Chi bộ xã Long Phúc thuộc Đảng bộ huyện Bảo Yên
 10. Chi bộ Trung tâm y tế huyện thuộc Đảng bộ huyện Bát Xát
 11. Đảng bộ xã Võ Lao thuộc Đảng bộ huyện Văn Bàn
 12. Chi bộ khối dân vận thuộc Đảng bộ thị xã Cam Đường
 13. Đảng bộ tiểu đoàn 7 bộ binh thuộc Đảng bộ Quân sự tỉnh
 14. Chi bộ Hội Phụ nữ tỉnh thuộc Đảng bộ các cơ quan tỉnh
- Các cơ quan cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 35-QĐ/TU, ngày 2-4-1997

**Công nhận đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch,
vững mạnh (1995 - 1996)**

Căn cứ Quyết định 371-QĐ/TU, ngày 10-7-1994 về phân cấp quản lý tổ chức cán bộ và Quyết định số 479-QĐ/TU, ngày 10-1-1995 về chế độ khen thưởng đối với tổ chức Đảng của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, tại kỳ họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 13-3-1997,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận Đảng bộ huyện Bảo Thắng đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh năm 1995 - 1996.

Điều 2: Đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh được Tỉnh ủy tặng Cờ và kèm theo hiện vật trị giá 6 triệu đồng (sáu triệu).

Điều 3: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Bảo Thắng căn cứ Quyết định này tổ chức lễ trao Cờ tại Đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VŨ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 36-QĐ/TU, ngày 2-4-1997

**Công nhận đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch,
vững mạnh (1995 - 1996)**

Căn cứ Quyết định số 371-QĐ/TU, ngày 10-7-1994 về phân cấp quản lý tổ chức cán bộ và Quyết định số 479-QĐ/TU, ngày 10-1-1995 về chế độ khen thưởng đối với tổ chức Đảng của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, tại kỳ họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 13-3-1997,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận Đảng bộ huyện Văn Bàn đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh năm 1995 - 1996.

Điều 2: Đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh được Tỉnh ủy tặng cờ và kèm theo hiện vật trị giá 6 triệu đồng (sáu triệu).

Điều 3: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Văn Bàn căn cứ Quyết định này tổ chức lễ trao Cờ tại Đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 37-QĐ/TU, ngày 2-4-1997

**Công nhận đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch,
vững mạnh (1995 - 1996)**

Căn cứ Quyết định số 371-QĐ/TU, ngày 10-7-1994 về phân cấp quản lý tổ chức cán bộ và Quyết định số 479-QĐ/TU, ngày 10-1-1995 về chế độ khen thưởng đối với tổ chức Đảng của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, tại kỳ họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 13-3-1997,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận Đảng bộ huyện Mường Khương đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh năm 1995 - 1996.

Điều 2: Đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh được Tỉnh ủy tặng Cờ và kèm theo hiện vật trị giá 6 triệu đồng (sáu triệu).

Điều 3: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Mường Khương căn cứ Quyết định này tổ chức lễ trao Cờ tại Đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 38-QĐ/TU, ngày 2-4-1997

**Công nhận đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch,
vững mạnh (1995 - 1996)**

Căn cứ Quyết định số 371-QĐ/TU, ngày 10-7-1994 về phân cấp quản lý tổ chức cán bộ và Quyết định số 479-QĐ/TU, ngày 10-1-1995 về chế độ khen thưởng đối với tổ chức Đảng của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, tại kỳ họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 13-3-1997,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận Đảng bộ huyện Bảo Yên đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh năm 1995 - 1996.

Điều 2: Đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh được Tỉnh ủy tặng Cờ và kèm theo hiện vật trị giá 6 triệu đồng (sáu triệu).

Điều 3: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Bảo Yên căn cứ Quyết định này tổ chức lễ trao Cờ tại Đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 39-QĐ/TU, ngày 2-4-1997

**Công nhận đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch,
vững mạnh (1995 - 1996)**

Căn cứ Quyết định số 371-QĐ/TU, ngày 10-7-1994 về phân cấp quản lý tổ chức cán bộ và Quyết định số 479-QĐ/TU, ngày 10-1-1995 về chế độ khen thưởng đối với tổ chức Đảng của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, tại kỳ họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 13-3-1997,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận Đảng bộ Quân sự tỉnh đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh năm 1995 - 1996.

Điều 2: Đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh được Tỉnh ủy tặng Cờ và kèm theo hiện vật trị giá 6 triệu đồng (sáu triệu).

Điều 3: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy Quân sự tỉnh căn cứ Quyết định này tổ chức lễ trao Cờ tại Đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 40-QĐ/TU, ngày 2-4-1997

**Công nhận đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch,
vững mạnh (1995 - 1996)**

Căn cứ Quyết định số 371-QĐ/TU, ngày 10-7-1994 về phân cấp quản lý tổ chức cán bộ và Quyết định số 479-QĐ/TU, ngày 10-1-1995 về chế độ khen thưởng đối với tổ chức Đảng của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, tại kỳ họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 13-3-1997,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận Đảng bộ Công ty Apatít Việt Nam đạt danh hiệu Đảng bộ trong sạch, vững mạnh năm 1995 - 1996.

Điều 2: Đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh được Tỉnh ủy tặng Cờ và kèm theo hiện vật trị giá 6 triệu đồng (sáu triệu).

Điều 3: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Công ty Apatít Việt Nam căn cứ Quyết định này tổ chức lễ trao Cờ tại Đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 04-BC/TU, ngày 23-4-1997

Về tình hình hoạt động giao lưu kinh tế với bên ngoài qua các cửa khẩu ở tỉnh Lào Cai (giai đoạn 1991-1997)

Lào Cai là tỉnh vùng cao biên giới gồm 27 dân tộc anh em, kinh tế chậm phát triển, trình độ dân trí còn thấp, thu nhập bình quân đầu người mới đạt 65% so với mức bình quân chung của cả nước. Thu ngân sách trên địa bàn mới đáp ứng 30% chi thường xuyên còn 70% Trung ương cấp. Cơ sở hạ tầng thiếu và thấp kém, nhất là về giao thông...

Tuy nhiên, Lào Cai có những tiềm năng lợi thế riêng của mình. Đó là những tiềm năng du lịch, có cửa khẩu quốc tế và cửa khẩu quốc gia. Biết phát huy những tận dụng những lợi thế này, Lào Cai có thể đạt được thành tựu kinh tế - xã hội với nhịp độ cao hơn ở giai đoạn 1996-2000 và những năm tiếp theo.

Tỉnh Lào Cai được tái lập từ tháng 10-1991, có diện tích đất tự nhiên 8044 km², dân số gần 60 vạn người (tháng 10-1996) gồm 8 huyện, 2 thị xã với 180 xã, phường trong đó có 26 xã, phường biên giới, 5 huyện thị xã có đường biên giới với Trung Quốc, một thị xã và một huyện có cửa khẩu quốc tế và quốc gia.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH GIAO LƯU KINH TẾ VỚI BÊN NGOÀI QUA CÁC CỬA KHẨU CỦA TỈNH LÀO CAI (1991-1996)

1. Sự hình thành các cửa khẩu ở tỉnh Lào Cai

Thực hiện Thông báo 118 năm 1998 của Ban Bí thư cho phép nhân dân hai bên biên giới qua lại trao đổi hàng hóa, thăm thân, bước đầu đã đáp ứng nguyện vọng, tình cảm của nhân dân hai nước, làm cho tình hình biên giới Việt - Trung bớt căng thẳng, tạo đà thuận lợi cho việc cải thiện quan hệ giữa hai nước, vốn có quan hệ truyền thống lâu đời “núi liền núi, sông liền sông”.

Năm 1991, Hiệp định tạm thời về giải quyết những vấn đề trên tuyến biên giới, được hai Chính phủ Việt Nam - Trung Quốc ký kết. Quan hệ Việt - Trung lại được bình thường hóa vì nó phù hợp với lợi ích của mỗi quốc gia, dân tộc và nó đáp ứng yêu cầu khách quan đặt ra phải nối lại các mối giao lưu kinh tế, văn hóa vốn có giữa hai nước trước đây. Trong Hiệp định tạm thời, hai Chính phủ đã thỏa thuận: địa bàn tỉnh Lào Cai được mở lại một cửa khẩu quốc tế, một cửa khẩu quốc gia và 6 cặp cửa khẩu tiểu ngạch.

a) Cửa khẩu quốc tế thị xã Lào Cai

Cửa khẩu thị xã Lào Cai là cửa khẩu Quốc tế duy nhất để thông thương giữa Việt Nam và Trung Quốc ở vùng phía Tây Bắc của Tổ quốc. Nó nằm bên bờ sông Nậm Thi biên giới tự nhiên ngăn cách Việt Nam với Trung Quốc. Con đường thông thương chính là cầu Hồ Kiều nối thị xã Lào Cai với Hà Khẩu của Trung Quốc. Từ Hà Khẩu có thể đi đến Côn Minh bằng đường sắt, đường bộ.

Thị xã Lào Cai phát triển sẽ là trung tâm quá cảnh hàng hóa của các ngành, các địa phương trong nước hoặc của nước ngoài xuất sang Trung Quốc và ngược lại, qua cửa khẩu Lào Cai. Đây cũng là đầu mối trung tâm kinh tế - chính trị của tỉnh, nơi các cơ quan, tổ chức kinh tế trong và ngoài nước có thể đặt đại diện giao dịch với phía đối tác

Trung Quốc. Cửa khẩu Lào Cai còn là trung tâm tổ chức, chuyển tiếp các tuyến du lịch nội tỉnh, liên tỉnh hoặc quốc tế. Việc xây dựng nâng cấp, hiện đại hóa chợ biên giới, bến xe, kho chứa hàng hóa, các cơ sở kinh doanh thương mại, khách sạn, nhà hàng, điểm vui chơi giải trí, phương tiện đưa đón khách, vận chuyển hàng hóa, xây dựng cầu Hồ Kiều thứ 2, cửa hàng miễn thuế, khu buôn bán tự do đã trở nên cấp bách, có hạng mục đang được thực hiện một cách khẩn trương.

Bên kia cửa khẩu quốc tế Lào Cai là trung tâm huyện lỵ Hà Khẩu huyện - dân tộc Dao tự trị, năm 1992 được Quốc vụ viện Trung Quốc phê chuẩn xây dựng khu kinh tế mở và là khu thử nghiệm, mở cửa đối ngoại dọc biên giới Việt Nam. Vì vậy cơ sở hạ tầng đã được quan tâm đầu tư khá hoàn chỉnh như: nhiều khách sạn cao tầng, công ty thương mại và cơ sở sản xuất công nghiệp (tới đây Hà Khẩu sẽ hoàn thành trung tâm thương mại biên mậu và nhà máy chế biến chuối, dưa công suất 6 vạn tấn/năm liên doanh với Thái Lan, tổng vốn đầu tư 12 triệu USD), nhiều công trình xây dựng mới đang được thi công với quy mô tương đối lớn và hiện đại. Hệ thống đường giao thông, điện, thông tin đang được nâng cấp, hiện đại hóa. Hà Khẩu cũng có ga xe lửa và nơi tập kết trung chuyển hàng hóa nhập vào tỉnh Vân Nam và tỉnh Tứ Xuyên - Trung Quốc. Khu vực chợ buôn bán khá sôi động. Tháng 5-1996 tàu hỏa vận chuyển hàng từ ga Lào Cai đến ga Sơn Yên (Hà Khẩu) và ngược lại đã được khai thông, tạo điều kiện việc khai thông tuyến đường sắt Hà Nội - Côn Minh. Nhưng việc nâng cấp tuyến đường sắt này rất khó khăn, nhất là đoạn đường từ Hà Khẩu - Côn Minh có nhiều đoạn xuyên qua núi, vực sâu... Trong khi đó nhu cầu mỗi năm Trung Quốc cần vận chuyển hàng chục triệu tấn hàng hóa từ Vân Nam qua cửa khẩu Lào Cai đến các tỉnh Đông Bắc Trung Quốc và các nước nên tuyến đường bộ từ cảng Cái Lân (Hải Phòng) - Lào Cai nối với tuyến đường bộ Hà Khẩu - Côn Minh mới là tuyến đường vận tải chiến lược, hiệu quả nhất để chuyển chở hàng hóa từ Vân Nam Trung Quốc, vùng núi phía bắc Thái Lan, tiếp cận với đồng bằng duyên hải của Việt Nam và với các nước Đông Nam Á, khối ASEAN

bằng đường biển và ngược lại. Đồng thời, hàng hóa của các tỉnh ven biển và phía Nam của (Trung Quốc) quá cảnh qua Việt Nam để tái nhập vào Vân Nam Trung Quốc, qua cửa khẩu Lào Cai cũng thuận lợi, hiệu quả hơn vận chuyển trong nội bộ đất nước Trung Quốc.

Với vị trí chiến lược như vậy nên cửa khẩu quốc tế Lào Cai có ý nghĩa kinh tế, chính trị rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của Lào Cai nói riêng, của cả nước và vùng Vân Nam (Trung Quốc) xét trên phạm vi rộng lớn hơn. Với ý nghĩa đó, việc khai thác cửa khẩu quốc tế Lào Cai là một định hướng phát triển kinh tế rất quan trọng của tỉnh, của các tỉnh phía sau khu trọng điểm kinh tế (Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh).

b) Cửa khẩu quốc gia Mường Khương

Là cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền với Trung Quốc, nối liền huyện Mường Khương (Việt Nam) với huyện Mã Quan (Trung Quốc). Việc qua lại thăm thân và trao đổi hàng hóa giữa hai nước qua cửa khẩu thuận tiện, dễ dàng. Doanh thu ở cửa khẩu này chỉ bằng 1% so với thu ở cửa khẩu quốc tế Lào Cai. Hàng hóa trao đổi qua cửa khẩu Mường Khương chủ yếu là: hàng hóa nhập khẩu gồm có: hóa chất, nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp (sợi), giống cây trồng, bột gạo... hàng hóa xuất khẩu chủ yếu là hàng nông sản, khối lượng nhỏ.

c) Cửa khẩu tiểu ngạch Bản Vược (Bát Xát)

Là cửa khẩu gần cách với Trung Quốc bởi sông Hồng làm biên giới tự nhiên, nối huyện Bát Xát (Việt Nam) với huyện Hà Khẩu (Trung Quốc). Ở đây không có cầu phà mà cư dân hai nước qua lại thăm thân, trao đổi hàng hóa bằng đò, thuyền. Cơ sở vật chất cho sự hoạt động kinh tế của cửa khẩu này bước đầu đã được đầu tư xây dựng: nhà làm việc của cơ quan biên phòng, trạm kiểm dịch, cơ quan thuế, ngân hàng. Giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu không lớn, chủ yếu phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân trong vùng. Số thu ở cửa khẩu này hàng năm chỉ bằng 0,3% so với số thu ở cửa khẩu quốc tế Lào Cai.

Trong tương lai khi mở đồng Sinh Quyền được khai thác với quy mô lớn thì xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Bản Vược (Bát Xát) không chỉ là hàng tiêu dùng phổ thông, chất lượng thấp như hiện nay mà là khoáng sản, máy móc thiết bị, phụ tùng cơ khí và những hàng hóa tiêu dùng cao cấp hơn phục vụ đời sống dân cư của trung tâm công nghiệp mới.

Tỉnh đã có dự kiến sẽ nâng cấp đường ô tô từ huyện lỵ tới cửa khẩu Bản Vược, khi đó tiềm năng của cửa khẩu này sẽ được phát huy và có ý nghĩa lớn hơn đối với sự phát triển kinh tế của tỉnh. Trong tương lai cửa khẩu quốc tế Lào Cai với cửa khẩu Bản Vược sẽ bổ sung, hỗ trợ tốt cho nhau.

2. Hoạt động giao lưu kinh tế tại cửa khẩu Quốc tế và cửa khẩu quốc gia của tỉnh Lào Cai

a) Quá trình hình thành và phát triển các lực lượng, các tổ chức tham gia hoạt động giao lưu kinh tế ở các cửa khẩu

- Phía Việt Nam:

Từ năm 1991 khi còn tỉnh Hoàng Liên Sơn, hoạt động giao lưu kinh tế với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) do Công ty Nam Trung chịu trách nhiệm chính, các doanh nghiệp khác và tư nhân chưa có hoạt động gì đáng kể, do cơ chế quản lý từ cả hai nước quy định. Từ năm 1992 các thành phần kinh tế, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế được tham gia rộng rãi, bình đẳng. Đến nay đã có trên 100 doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế từ nhiều địa phương trong cả nước hoạt động xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu của tỉnh Lào Cai, trong đó có khoảng 70 đơn vị thường xuyên. Tỉnh Lào Cai có 16 doanh nghiệp tham gia, trong đó có 5 doanh nghiệp duy trì được quan hệ như:

- Công ty Thương mại du lịch
- Công ty Vật tư nông nghiệp
- Công ty Khoáng sản
- Công ty Vật tư tổng hợp
- Công ty Thương mại Hồng Hà.

Đến nay Lào Cai đã có hơn 20 đơn vị đặt chi nhánh doanh nghiệp hoặc văn phòng đại diện chủ yếu để lập quan hệ giao lưu kinh tế với các đối tác Trung Quốc. Số cơ sở được cấp giấy phép xuất nhập khẩu trực tiếp là 8 đơn vị, một doanh nghiệp được phép kinh doanh lẻ hành quốc tế. Lào Cai không tiến hành việc cấp giấy phép xuất nhập khẩu tiểu ngạch từ năm 1992, do đó mọi đối tượng công dân được cấp giấy phép xuất nhập cảnh biên giới đều có thể kinh doanh xuất nhập khẩu tiểu ngạch như mặt hàng Nhà nước cho phép, nên đã giảm được thủ tục phiền hà, tiến tới thực hiện cơ chế một cửa vừa tạo được hành lang thông thoáng, khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia giao lưu kinh tế ở các cửa khẩu, vừa tập trung vào một đầu mối để quản lý chặt chẽ theo quy định của Nhà nước.

- Phía Trung Quốc:

Vào thời kỳ mở rộng quan hệ giao lưu kinh tế ở các cửa khẩu phía Bắc Việt Nam (biên giới Việt - Trung 1992-1993) tại huyện Hà Khẩu (Vân Nam - Trung Quốc) có tới 180 đơn vị kinh tế đặt văn phòng giao dịch, quan hệ với Việt Nam. Đến nay qua hoạt động thực tế và do có sự chỉ đạo sắp xếp lại, còn 88 doanh nghiệp đang hoạt động đó có 4 đơn vị liên doanh với nước ngoài.

- Công ty Kim loại hiếm Quốc tế (Thụy Sĩ)
- Công ty Mậu dịch Quốc tế Hồng Kông
- Công ty Nam Uyn Hồng Kông
- Công ty Gỗ Đài Loan

Từ năm 1991 tại Hà Khẩu đã lập khu (chợ Việt Nam) thường xuyên thu hút tới 400 hộ người Việt Nam sang cư trú, mở quầy kinh doanh hoặc làm dịch vụ. Đến nay vẫn còn trên 300 hộ tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh được đăng ký hộ khẩu tạm trú ở bên đó. Lực lượng tham gia giao lưu kinh tế ở các cửa khẩu, phía Trung Quốc gồm các thành phần kinh tế: quốc doanh, liên doanh với nước ngoài, tập thể và tư nhân, trong đó chủ yếu là chi nhánh của các doanh nghiệp lớn và tư nhân.

b) Kết quả hoạt động giao lưu hàng hóa (xuất nhập khẩu) 5 năm 1991-1996

Từ khi tái lập bình thường hóa quan hệ đến năm 1991, quan hệ thương mại chủ yếu là hàng đổi hàng. Từ năm 1992, phần lớn hàng hóa trao đổi được thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt vì do ngân hàng của hai bên chưa thực hiện được theo trình tự thanh toán quốc tế.

Để tạo hành lang pháp lý trong khâu thanh toán, giảm rủi ro, thiệt thòi cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu với đối tác Trung Quốc, Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo Ngân hàng Nông nghiệp Lào Cai ký kết với Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh Vân Nam - Trung Quốc thanh toán qua ngân hàng đối với hàng hóa (chính ngạch, tiểu ngạch) dịch vụ trao đổi qua các cửa khẩu của tỉnh.

Song với phương thức thanh toán trên tuy có tích cực, chắc chắn hơn nhưng các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế phía Việt Nam vẫn chịu thiệt thòi vì tỷ giá hối đoái giữa đồng nhân dân tệ với Việt Nam đồng thường do các đối tác Trung Quốc áp đặt hàng ngày.

Từ năm 1994 sau khi cầu Hồ Kiều được khai thông, nhất là từ tháng 5 - 1996 đường sắt liên vận Lào Cai - Hà Khẩu hoạt động, lượng hàng hóa xuất nhập khẩu tăng lên đáng kể. Các hình thức kinh doanh dịch vụ thương mại ngày càng phát triển. Mặt hàng trao đổi ngày càng phong phú, khối lượng ngày càng lớn lúc đầu chỉ là hàng tiêu dùng do dân cư hai bên biên giới trao đổi với nhau tiến tới mở rộng kinh doanh vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất như: giống cây trồng, hóa chất, kim loại, nông sản, phụ tùng máy móc... Giá trị hàng hóa xuất nhập khẩu chính ngạch, tiểu ngạch không ngừng tăng lên và các khoản thu qua các cửa khẩu của tỉnh Lào Cai cũng tăng lên đáng kể, góp phần không nhỏ vào ngân sách địa phương.

Số liệu được thể hiện qua các biểu 1, 2, 3

Biểu 1: Hoạt động kinh tế các cửa khẩu tỉnh Lào Cai (1991-1996)

đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	1991	1992	1993	1994	1995	1996	Cộng 4 năm	Tỷ lệ tăng bình quân	96/91
1. Tổng giá trị xuất nhập khẩu	27	223	11	213	416	521	1.560	250%	18L
- Xuất khẩu	18	57	12	25	70	158	340	163%	9L
- Nhập khẩu	8,5	46	71	130	253	339	880	231%	36L
Kinh doanh khác		120	27	58	93	24	340		3L
2. Thuế xuất nhập khẩu		9,797	6,725	13,914	25,0	41,0	96,436	154,5%	4,5L
3. Thuế nhập cảnh người và phương tiện a. Lướt người: - Xuất cảnh quốc tịch Việt Nam				223,182	312,700	587,818	1.123,700	164%	

- Nhập cảnh quốc tịch Trung Quốc				67.602	90.450	162.066	320.118	156,5%	
Xuất cảnh				1.256	1.735	645	3.636	87,5%	
- Nhập cảnh				980	1.520	625	3.125	98,0%	
b. Phương tiện (lượt / chiếc)									
- Xuất biên (VN) + Ô tô				1.706	3.556	10.480	15.752	251%	
+ Công nông				16	62		78	256%	
- Nhập biên (TQ) + Ô tô				1.441	2.649	10.952	15.042	239%	
+ Công nông				32.211	14.452		46.663	183%	

Biểu 2: Mặt hàng xuất khẩu chủ yếu

TT	Tên hàng	Đ, vị	1991	1992	1993	1994	1995	1996	Cộng
1	Cao su	Tấn	841	1.729					2.570
2	Hạt điều	-			8		200		208
3	Hạt tiêu	-	10,3	1,9	7,7		10		30

4	Chè	-		103	50	84		4.540	4.770
5	Quặng Crôm	-			2.060		18.641	21.023	41.700
6	Quặng orannit	-					6.355		6.355
7	Quặng các loại	-				1.000	330	23.500	25.000
8	Bột hoàng liên	-	3,6	61	13	85	175	341	680
9	Sắn khô	-	89			100	294	760	1.500
10	Chuối xanh	-	500	2.500	800	2.000	1.200	4.600	12.000
11	Cà phê	-		50	10	8	83	2.383	2.538
12	Dép các loại	10.000 đôi	22	49	62	260		106	500
13	Bông chút	tấn		10	15	302	225	796	1.400
14	Dừa quả	-	9	65		117			200
15	Song mây	-	48	145	172				365
16	Quặng đồng	-				200	2.050	1.600	3.860
17	Thảo quả	-	10	15	25	30	25	75	180

Biểu 3: Mặt hàng nhập khẩu chủ yếu

TT	Tên hàng	Đ, vị	1991	1992	1993	1994	1995	1996	Cộng
1	Thạch cao	Tấn				3.008	22.967	21.426	47.401

2	Xi măng	-	90	4.000		2.480	18.530	29.136	54.000
3	Thóc giống	-				377	489	773	1.640
4	Chì, kẽm thỏi	-		72	1.049	2.192	4.042	2.212	9.570
5	Hóa chất các loại	-		663	2.676	758	28.772	37.887	70.700
6	Dây thép	-		759			1.456	1.819	4.030
7	Giấy các loại	-					379	13	312
8	Xe ô tô vận tải nhỏ	cái	41	23	11	121			196
9	Cuốc bàn	-			20.120	19.420	2.020		42.000
10	Kính xây dựng		M2				19.992	3243	23.200
11	Dây điện	tấn				297	540	167	1.000
12	Pin đèn	1.000 đ	174	270	152	127	13	45	810
13	Vải các loại	1.000m	12	112	31		24	70	250
14	Phân bón	Tấn		180	1.600				1.780
15	Tấm lợp fibro xi măng	Tấm		5.102	22.742				28.000
16	Khoai tây	Tấn	25	172	2.620		3.112	7.189	13.100
17	Than mỡ	-						10.800	10.800

Phân tích về giá trị hàng xuất nhập khẩu chúng ta nhận thấy:

- Mặt hàng xuất nhập khẩu ngày càng phong phú, khối lượng ngày càng lớn, giá trị ngày càng cao, song:

+ Kim ngạch nhập khẩu luôn lớn hơn kim ngạch xuất khẩu từ 2-5 lần, chưa lập được thế cân bằng trong trao đổi với phía Trung Quốc, luôn phải nhập siêu.

+ Hàng xuất khẩu chủ yếu là nguyên liệu, khoáng sản nông lâm hải sản cơ chế, giá trị thấp, hàm lượng kỹ thuật thấp, sức cạnh tranh kém do đó khi xuất khẩu thường bị đối phương ép giá, nên không bán được sẽ tồn đọng gặp khó khăn. Chủ yếu xuất khoáng sản nguyên khai và sơ tuyển, lâm nông sản sơ chế, tỷ trọng hàng địa phương mới đạt 20 - 30% giá trị hàng xuất qua biên giới.

+ Hàng nhập khẩu: Chủ yếu là hàng công nghiệp đã chế biến hoặc là sản phẩm hoàn chỉnh có giá trị cao. Một số mặt hàng nhập khẩu có tác dụng tích cực đến sản xuất như: hóa chất, phân bón, thóc giống, xe công nông, thạch cao, hoa quả... nhưng cũng còn nhập nhiều hàng hóa mà Nhà nước không khuyến khích: pin đèn, bia chai, vải, xi măng...

Kết quả hoạt động giao lưu hàng hóa (xuất nhập khẩu) trong 5 năm qua còn rất nhỏ so với cửa khẩu Lạng Sơn, Quảng Ninh vì các ngành kinh tế của tỉnh chưa phát triển, số lượng hàng hóa ít. Các tỉnh phía sau xa, đi lại khó khăn. Với nhận thức đầy đủ về thế mạnh “cửa ngõ” của mình và tổ chức khai thác tốt lợi thế đó, Tỉnh ủy Lào Cai đã có nghị quyết về phát triển kinh tế đối ngoại (giai đoạn 1996-2000) nhằm phát triển sản xuất, chế biến hàng hóa xuất khẩu có giá trị, đồng thời tạo sự thông thoáng, thuận lợi để thu hút mọi nguồn hàng trong cả nước xuất khẩu qua cửa khẩu quốc tế Lào Cai và nhập khẩu hàng hóa từ phía Trung Quốc cho nhu cầu sản xuất, tiêu dùng trong cả nước, thúc đẩy phát triển các dịch vụ: tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu, ủy thác, cửa hàng miễn thuế... Đây là lợi thế, nhân tố

quan trọng nhất để tăng nguồn thu và khai thác có hiệu quả kinh tế các cửa khẩu.

c) Về hoạt động du lịch

Hoạt động du lịch ở Lào Cai được tổ chức từ năm 1992 đây là lĩnh vực kinh doanh mới mẻ trong khi cơ sở vật chất còn chưa có, đội ngũ cán bộ nhân viên thiếu chưa có kinh nghiệm và phần đông chưa qua đào tạo. Nhiệm vụ kinh doanh du lịch, tỉnh giao cho Công ty Thương mại - Du lịch đảm nhiệm, Công ty đã được Tổng cục Du lịch cấp giấy phép kinh doanh lữ hành quốc tế. Sau 5 năm hoạt động đã thu được kết quả bước đầu:

Đến nay tại Lào Cai đã có 53 khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ của các thành phần kinh tế với 520 phòng, 1.100 giường trong đó có 80% số phòng đủ tiêu chuẩn phục vụ khách quốc tế.

Trong 5 năm qua, Lào Cai đón tiếp ngày càng nhiều khách du lịch Trung Quốc, các nước khác trên thế giới và các tỉnh miền xuôi đến tham quan du lịch: Từ năm 1992 - 1996 đã đón 55.281 lượt người khách nước ngoài và đưa 2451 lượt người Việt Nam sang tham quan du lịch tại tỉnh Vân Nam - Trung Quốc.

Tuy vậy hiệu quả kinh doanh du lịch còn rất khiêm tốn so với tiềm năng và lợi thế của một tỉnh “cửa ngõ”. Về chủ quan là do ngành thương mại - du lịch chưa thích ứng kịp với cơ chế thị trường, nhưng nguyên nhân chủ yếu là do quy định của Nhà nước ta hiện nay: đối với khách du lịch Trung Quốc muốn đi sâu vào nội địa Việt Nam qua cửa khẩu quốc tế Lào Cai phải có hộ chiếu nên chưa tổ chức được các tour du lịch đường dài.

3. Những tác động của giao lưu kinh tế đối với sự phát triển kinh tế - xã hội

Trao đổi hàng hóa qua biên giới giữa nhân dân vùng biên tỉnh Lào Cai với nhân dân vùng biên tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) đã có từ lâu đời. Bởi lẽ các cửa khẩu biên giới “núi liền núi sông liền sông” nên việc trao đổi hàng hóa ở một số địa phương còn thuận tiện, dễ dàng

hơn trao đổi với các vùng khác trong nội địa. Tuy nhiên quan hệ trao đổi chỉ tự phát, đơn điệu, nhỏ lẻ, phân tán và do các hộ gia đình thực hiện nhằm đáp ứng yêu cầu sản xuất và tiêu dùng trong nền kinh tế tự cung tự cấp. Nó không có tác động thúc đẩy mạnh mẽ nền sản xuất hàng hóa cũng như tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Suốt thời gian dài, trên một thập kỷ, hoạt động kinh tế các cửa khẩu bị đóng kín do quan hệ hai nước chưa được khai thông. Cơ sở vật chất ở các cửa khẩu bị phá hoại hoàn toàn trong cuộc chiến tranh biên giới. Tất cả đã làm cho hoạt động giao lưu kinh tế qua các cửa khẩu bị ngừng trệ.

Hoạt động giao lưu kinh tế qua các cửa khẩu chỉ thực sự khởi sắc từ khi có Chỉ thị 118 của Ban Bí thư và Nghị định tạm thời được ký kết giữa hai nước năm 1991: Quan hệ hai nước được bình thường hóa.

Mở cửa biên giới đúng vào thời kỳ đất nước đổi mới, chuyển sang kinh tế thị trường đã có tác động tích cực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Một mặt nó đáp ứng đầy đủ, kịp thời hơn các yếu tố đầu vào của các ngành sản xuất thông qua nhập khẩu nguyên liệu, máy móc, thiết bị, phụ tùng. Việc nhập khẩu hàng hóa tiêu dùng thiết yếu cũng góp phần đáng kể cải thiện đời sống nhân dân, ổn định giá cả. Mặt khác, quan trọng hơn, nó góp phần điều tiết, hướng dẫn sản xuất phát triển theo cơ chế thị trường, gắn sản xuất với hoạt động thị trường và biến động giá cả quốc tế.

a) Đối với các chỉ tiêu kinh tế cơ bản

- Mở rộng và tăng cường giao lưu kinh tế với Trung Quốc qua các cửa khẩu đã góp phần thúc đẩy nhịp độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh.

Tổng sản phẩm (GDP) của tỉnh qua 5 năm (1992-1996) tăng bình quân hằng năm 11,8%. Mức tăng (GDP) hằng năm như vậy là cao và ổn định, chứng tỏ các tiềm năng kinh tế của tỉnh bước đầu đã phát huy. Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách trên địa bàn tỉnh: năm 1992 là 11,5%; 1993 là 12,13%; 1994 là 10,54%; 1995 là 10,58%.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, bước đầu đã khai thác được tiềm năng, thế mạnh của tỉnh (được thể hiện khái quát ở các bảng sau):

* Cơ cấu ngành kinh tế:

GDP	1991	1992	1993	1994	1995	1996
Σ GDP	100	100	100	100	100	100
I. Khu vực sản xuất vật chất	87,8	85,1	82,1	81,8	81,9	75,5
1. Nông lâm nghiệp	70,9	63,5	58,5	57,5	57,6	50,6
2. Công nghiệp	12,1	12,1	12,3	12,5	14,0	12,9
3. Xây dựng cơ bản	4,8	9,5	11,3	11,8	10,3	10,0
II. Khu vực sản xuất dịch vụ	12,2	14,9	17,9	18,2	18,1	26,5

Tốc độ tăng GDP trong 6 năm qua của tỉnh tăng lớn hơn so với bình quân chung bình của cả nước (8%), trong đó ngành nông lâm nghiệp tăng 5,6%, công nghiệp: 20,6%, xây dựng cơ bản: 20,7%, ngành dịch vụ có mức tăng trưởng cao nhất: 21,9%, chứng tỏ kết quả của giao lưu kinh tế qua cửa khẩu phát triển, ngành dịch vụ - du lịch sẽ trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Cơ cấu kinh tế theo vùng thành thị và nông thôn:

+ Vùng thành thị: Dân số chiếm 16,3%, diện tích bằng 10% song GDP chiếm tới > 40% GDP toàn tỉnh, chủ yếu là giá trị sản xuất nông lâm nghiệp.

* Cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế:

GDP	1991	1992	1993	1994	1995	1996
Σ GDP	100	100	100	100	100	100
I. Khu vực sản xuất vật chất	25,4	31,7	34,9	33,7	32,2	31
- Trung ương	16,7	20,4	22,3	20,0	19,3	17
- Địa phương	8,7	11,3	12,6	13,7	12,9	14
2. Kinh tế ngoài quốc doanh	74,6	68,3	65,1	66,3	67,8	69

Do giao lưu kinh tế với bên ngoài phát triển, đã có tác động thúc đẩy kinh tế ngoài quốc doanh phát triển mạnh mẽ ở tất cả các thành phần, đã khai thác được khá tốt các tiềm năng của tỉnh và huy động tốt các nguồn lực trong nhân dân.

- Giao lưu kinh tế phát triển, kim ngạch xuất nhập khẩu ngày càng tăng góp phần làm cho thu ngân sách trên địa bàn tăng lên, trong đó từ thu thuế xuất nhập khẩu giữ vị trí quan trọng (chiếm tỷ trọng khoảng 30%) tổng thu ngân sách.

b) Tác động đối với các vấn đề xã hội

- Giao lưu kinh tế với bên ngoài qua các cửa khẩu phát triển góp phần giải quyết lao động, tạo việc làm cho người lao động. Kinh tế phát triển góp phần nâng cao đời sống các tầng lớp dân cư, tác động đến công tác định canh, định cư, xây dựng các cụm dân cư vùng ven biên giới, tác động đến chính sách phát triển dân sinh cho đồng bào dân tộc và nhiều vấn đề xã hội khác. Tác động đến vấn đề phát triển y tế, văn hóa giáo dục ở các cửa khẩu và vùng biên như:

Sau chiến tranh (1979) dọc tuyến biên giới hầu như là vùng trắng, không có dân. Trong 6 năm qua, tỉnh đã quy hoạch, rà phá mìn, đưa hàng chục ngàn dân ra cư trú, sản xuất và bảo vệ biên giới, Nhà nước và địa phương đã đầu tư phát triển giao thông, xây dựng trạm xá, trường học, công trình thủy lợi, nước sạch ở các xã biên giới: Y Tý, Tả Gia Khâu, Si Ma Cai, Mường Khương, Pha Long... phục vụ tốt cho sản xuất đời sống của nhân dân. Đồng thời thông qua giao lưu kinh tế với bên ngoài, tiêu thụ được sản phẩm đã thúc đẩy sản xuất hàng hóa phát triển, góp phần cải thiện, nâng cao đời sống của nhân dân vùng biên giới.

c) Đối với an ninh quốc phòng

- Đối với an ninh: Việc mở rộng hợp tác giao lưu kinh tế giữa Việt Nam - Trung Quốc qua các cửa khẩu là điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội nhưng cũng đặt ra cho công tác an ninh nhiệm vụ hết sức nặng nề. Thông qua con đường hợp pháp công khai, bọn

tình báo gián điệp nước ngoài sẽ tăng cường các hoạt động cầu, móc thu thập tin tức tình báo để phục vụ cho ý đồ gây mất ổn định chính trị, chống phá ta, thông qua chiến lược “diễn biến hòa bình”, thâm lậu văn hóa đồi trụy, phản động, các tệ nạn xã hội, buôn hàng quốc cấm (vũ khí, chất nổ, thuốc phiện) qua biên giới; nên công tác an ninh vừa phải thực hiện tốt đường lối đối ngoại của Đảng, tạo thông thoáng ở cửa khẩu nhưng phải giữ vững an ninh trật tự, chủ quyền quốc gia, không được chủ quan hữu nghị một chiều.

- Đối với quốc phòng:

Thực hiện biên giới “mềm” phía Trung Quốc vừa thông qua thăm thân, du lịch, luôn tìm cách móc nối, thu thập tin tức kinh tế, chính trị của ta, mặt khác vẫn duy trì lực lượng chốt giữ trên tuyến biên giới cùng với hệ thống hầm hào, công sự hoàn chỉnh vững chắc.

Trước tình hình trên, đẩy mạnh giao lưu kinh tế qua các cửa khẩu vừa tạo được môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, tạo được đối trọng về kinh tế, quốc phòng bảo vệ chủ quyền lãnh thổ.

d) Đối với việc hoạch định chiến lược và thực hiện các cơ chế chính sách kinh tế

- Giao lưu kinh tế phát triển, thị trường ngày càng phát triển với nhiều thành phần kinh tế, hàng hóa ngày càng đa dạng phong phú trong thời gian qua, đã phản ánh kết quả của công tác quản lý thị trường, bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng chống tiêu thụ hàng rởm, hàng giả, chống buôn lậu và kinh doanh các mặt hàng trái phép, bình ổn giá cả và chống lạm phát.

Giao lưu kinh tế phát triển do bước đầu đã có sự hoàn chỉnh chính sách xuất nhập khẩu, hạn chế hiện tượng cạnh tranh không lành mạnh, tranh mua tranh bán, ép cấp, ép giá.

- Đã cải tiến và hoàn thiện về tổ chức quản lý cửa khẩu, các chính sách về thuế xuất nhập khẩu, tạo điều kiện thu hút nguồn hàng xuất nhập khẩu góp phần tăng thu và ổn định ngân sách địa phương và thu ngân sách nhà nước.

- Các chính sách về tài chính, tiền tệ, kiểm tra, kiểm soát của các lực lượng chống buôn lậu cũng được điều chỉnh phù hợp với tình hình phát triển giao lưu kinh tế qua các cửa khẩu.

- Các chính sách về khuyến khích đầu tư trong và ngoài nước cũng dần dần phù hợp với kế hoạch và chiến lược phát triển giao lưu kinh tế, phát triển vùng, khu vực cửa khẩu.

Tuy nhiên, hiện tại nhiều chính sách về quản lý chậm sửa đổi do đó hạn chế tác dụng điều chỉnh khi thực tế đã có nhiều thay đổi như chính sách về cư dân biên giới, chính sách về hàng tiểu ngạch, chính sách về giá thuế xuất nhập khẩu, phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương... Các đơn vị kinh doanh xuất nhập khẩu có quan hệ buôn bán với đối tác Trung Quốc, mỗi doanh nghiệp tự thực hiện theo cách khác nhau phù hợp với quyền lợi riêng, do đó không tạo được sức mạnh tổng hợp trong giao lưu kinh tế. Chưa có một tổ chức thống nhất đứng ra điều tiết và quản lý nguồn hàng xuất nhập khẩu nên thường bị động trong quan hệ kinh doanh với các đối tác Trung Quốc.

- Các chính sách về thuế không đồng bộ và phù hợp, có khi quá cao hoặc quá thấp khó thực hiện đúng quy định về giá và mức thuế. Vì vậy tạo ra buôn lậu, trốn thuế gây rối loạn thị trường. Từ đó nhiều nơi, nhiều lúc tự hạ mức thu để tăng thu làm cho chính sách thuế không có tác dụng quản lý và thúc đẩy giao lưu kinh tế.

Phần thứ hai

ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT NHỮNG THÀNH TỰU, YẾU KÉM VÀ PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN

Qua thời gian phát triển giao lưu kinh tế với bên ngoài các cửa khẩu, nhìn chung về kinh tế - xã hội của tỉnh được bảo đảm và phát triển, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện về vật chất, văn hóa tinh thần.

- Về kinh tế: Nhịp độ tăng trưởng GDP hằng năm trên 10%, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng. Dịch vụ ngày càng được chú

trọng với việc phát triển kinh tế nhiều thành phần có sự quản lý của Nhà nước, du lịch được quan tâm chỉ đạo và tăng cường đầu tư. Dịch vụ vận tải, bưu chính viễn thông... ngày càng phát triển.

Do đời sống kinh tế của người lao động được cải thiện, tạo điều kiện phát triển văn hóa xã hội. Các cơ sở văn hóa xã hội được xây dựng và phát triển, trình độ dân trí dần dần được nâng lên, hệ thống giáo dục và y tế ngày càng hoàn thiện và nâng cấp tiến tới phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ ở vùng sâu, vùng xa.

- Giá trị xuất nhập khẩu ngày một tăng, góp phần tạo công ăn việc làm, tạo điều kiện cho công tác định canh định cư, phát triển các cụm dân cư biên giới.

- Quan hệ kinh tế với các tỉnh bạn và với nước ngoài được chú trọng góp phần tạo và thu hút nguồn hàng, tăng cường mối giao lưu kinh tế. Mở rộng liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế để tăng cường hợp tác đầu tư, từ đó ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

- Mở rộng và phát triển giao lưu kinh tế với bên ngoài đã gắn liền với nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội với bảo vệ quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc.

- Mở rộng giao lưu kinh tế với bên ngoài đã gắn liền với công tác tổ chức và quản lý kinh tế vùng biên giới, chống buôn lậu và kinh doanh trái phép, bảo vệ lợi ích của nhân dân, lợi ích của Nhà nước.

Bên cạnh những kết quả trên, trong quá trình mở rộng giao lưu kinh tế với bên ngoài qua các cửa khẩu đã bộc lộ một số tồn tại cần khắc phục:

- Tuy nhịp độ tăng trưởng (GDP) bình quân trên 10% /năm nhưng thu nhập bình quân đầu người còn thấp, nhất là vùng sâu, vùng xa.

- Cơ cấu kinh tế đang có sự chuyển dịch nhưng diễn ra còn chậm, việc phát triển kinh tế phần lớn vẫn là tập trung khai thác phần nổi, chưa chú trọng đầu tư chiều sâu, công nghệ mới nhằm nâng cao hàm lượng kỹ thuật đối với sản phẩm. Sản phẩm đưa ra thị trường nói chung, xuất khẩu nói riêng phần lớn ở dạng thô hoặc sơ chế nên giá trị thấp.

- Cơ chế, chính sách quản lý cửa khẩu còn chưa linh hoạt theo

kịp sự phát triển kinh tế của khẩu: Chính sách về quản lý xuất nhập cảnh, đưa đón khách đi tham quan du lịch, chính sách về thuế xuất nhập khẩu chưa được linh hoạt động viên nhân dân sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu. Còn nhiều lực lượng tham gia quản lý xuất nhập khẩu, chống buôn lậu dễ dẫn đến tình trạng chồng chéo gây phiền hà cho người kinh doanh làm cho nguồn hàng xuất khẩu ngày càng có chiều hướng giảm đi.

- Hiện tại còn quá nhiều đầu mối tham gia xuất nhập khẩu nhưng lại chưa có sự thống nhất làm đối tác chính trong quan hệ buôn bán với Trung Quốc, có hiện tượng tranh mua, tranh bán, chưa chú trọng nghiên cứu thị trường, dễ làm, khó bỏ nên bị đối tác ép cấp, ép giá.

- Công tác thanh toán chưa tạo được mối quan hệ tín dụng ngân hàng giữa hai bên theo trình tự thanh toán quốc tế.

- Các cơ sở hạ tầng như đường sá, kho bãi... còn quá chật hẹp và xuống cấp, các khu trung tâm thương mại, chợ vùng biên chưa được quan tâm đầu tư phát triển.

- Công tác tuyên truyền quảng cáo còn hạn chế, chưa động viên được các thành phần kinh tế và người dân tôn trọng quy chế xuất nhập khẩu.

Tất cả các mặt được và chưa được sau thời kỳ mở rộng và phát triển giao lưu kinh tế qua các cửa khẩu đều xuất phát từ những nguyên nhân chủ quan và khách quan sau:

1. Nguyên nhân của những mặt được

- Về khách quan: Xu thế chung của thời đại là đối thoại và hợp tác cùng phát triển; giải quyết các xung đột bằng đối thoại hòa bình. Hợp tác liên doanh liên kết là phương hướng chung của các bên. Đối tượng và đối tác giao lưu kinh tế nhìn chung không khát khe, đòi hỏi cao như ở thị trường các nước phát triển, vận chuyển gần.

- Về chủ quan: Cơ chế chính sách có lúc còn chưa theo kịp với sự phát triển của giao lưu kinh tế nhưng nhìn chung là phù hợp và có tác dụng tích cực đến sự phát triển kinh tế của tỉnh, tạo được niềm tin và sự phấn khởi, kích thích các thành phần kinh tế tăng trưởng phát triển.

2. Nguyên nhân của những mặt chưa được

- Về khách quan: Trung Quốc có nhiều chính sách trong việc quản lý hoạt động buôn bán qua biên giới dưới sự điều hành tập trung của tổ chức biên mậu.

+ Ngừng đột ngột việc mua hàng để ép giá.

+ Buôn bán qua biên giới có sự chỉ đạo chặt chẽ bằng việc tập trung các đầu mối xuất khẩu vào một tổ chức để nâng giá cao hơn.

+ Điều tiết bằng chính sách thuế xuất nhập khẩu linh hoạt để hạn chế hoặc khuyến khích xuất nhập khẩu khi cần thiết.

+ Đối với những lô hàng có giá trị thấp (dưới 5.000 NDT) việc thu thuế xuất nhập khẩu do tổ chức biên mậu linh hoạt xử lý, kích thích người Việt Nam đem hàng hóa Trung Quốc về phía mình với nhiều hình thức trốn, lậu thuế.

+ Bán phá giá hàng hóa để tăng sức cạnh tranh khi cần bảo hộ sản xuất, phá giá đồng NDT để đẩy mạnh xuất khẩu, hạn chế nhập khẩu. Bán hàng cho nợ để xuất hàng chất lượng thấp, hàng ế sang Việt Nam.

+ Tập trung xây dựng các trung tâm thương mại lớn hay chợ sát đường biên để thu hút nguồn hàng từ phía Việt Nam bằng nhiều chính sách: giá, thuế...

+ Coi trọng lợi ích quốc gia, lợi ích cá nhân hay doanh nghiệp.

- Về chủ quan:

+ Cơ chế thị trường với nhiều thành phần kinh tế tham gia xuất nhập khẩu nhưng thiếu tập trung, chỉ đạo quản lý của Nhà nước dẫn đến cạnh tranh không lành mạnh, không phát huy được sức mạnh tổng hợp trong cạnh tranh, điều tiết nguồn hàng xuất nhập khẩu nên các doanh nghiệp Việt Nam luôn ở thế bị động trong quan hệ buôn bán với phía Trung Quốc.

+ Cơ chế quản lý xuất nhập khẩu còn nặng nề, chồng chéo nhiều cửa, nhiều khâu. Chính sách về giá, thuế xuất nhập khẩu, chính sách đầu tư chưa linh hoạt phù hợp với miền núi nên chưa động viên được các doanh nghiệp, người sản xuất, nhà đầu tư vào lĩnh vực sản xuất,

chế biến hàng xuất khẩu - chính sách bảo hộ hàng sản xuất trong nước kém linh hoạt, còn cứng nhắc.

+ Công tác tuyên truyền, quảng cáo, động viên người sản xuất cũng như người tiêu dùng nâng cao ý thức, lòng tự trọng dân tộc chưa được quan tâm đúng mức.

+ Việc đầu tư xây dựng cũng như nâng cấp các điểm danh lam thắng cảnh ít được coi trọng. Việc quản lý xuất nhập cảnh, quản lý lữ hành còn quá khắt khe, hạn chế khả năng thu hút khách tham quan, du lịch và hợp tác kinh doanh du lịch.

Phần thứ ba

NHỮNG KIẾN NGHỊ VỀ CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH CƠ CHẾ GIẢI PHÁP ĐỂ TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH GIAO LƯU KINH TẾ Ở CÁC CỬA KHẨU TỈNH LÀO CAI

Trung ương cần tăng cường hoạt động kinh tế đối ngoại, tạo điều kiện cho giao lưu kinh tế với bên ngoài phát triển và có tính pháp lý cao trong các quan hệ kinh tế.

- Nghiên cứu thành lập cơ quan chỉ đạo xuất nhập khẩu với Trung Quốc, nhằm thống nhất hành động, xóa bỏ tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa các doanh nghiệp Việt Nam trong quan hệ với Trung Quốc.

- Mở rộng cho khách du lịch Trung Quốc vào Việt Nam theo giấy xuất nhập cảnh vùng biên, có sự phối hợp chặt chẽ của cơ quan quản lý và doanh nghiệp du lịch. Cho tổ chức các tour du lịch đường dài đối với khách Trung Quốc đi qua cửa khẩu quốc tế Lào Cai đến với các danh lam thắng cảnh các tỉnh sâu nội địa và vùng biển Hải Phòng, Quảng Ninh, Thanh Hóa.

- Tăng cường thương mại với Trung Quốc, xác định đây là thị trường quan trọng cần phải có chính sách, đối sách riêng. Mở rộng nhiều loại hình buôn bán xuất nhập khẩu và dịch vụ nhằm phát huy thế mạnh của mỗi địa phương. Bổ sung về chính sách hàng tiểu ngạch.

Nhà nước chỉ cần quản lý một số mặt hàng theo định hướng, còn lại dùng chính sách thuế để quản lý và điều tiết sẽ năng động, linh hoạt và hiệu quả hơn. Cần phải có mức thuế suất riêng áp dụng linh hoạt với Trung Quốc, cần có chính sách miễn thuế cho cư dân biên giới.

- Nhà nước nên phân cấp quản lý buôn bán qua biên giới đường bộ (giữa Trung ương và cấp tỉnh) sao cho phù hợp và hiệu quả. Nên phân cấp rộng hơn cho địa phương trong việc tổ chức quản lý, vận dụng một số biểu thuế xuất nhập khẩu, giá tính thuế xuất nhập khẩu của hoạt động buôn bán qua biên giới quy mô nhỏ, có như vậy mới góp phần đấu tranh giành thắng lợi đối với chính sách biên giới “mềm” của Trung Quốc.

- Về đầu tư cơ sở hạ tầng: đề nghị Nhà nước quan tâm đầu tư mở rộng, nâng cấp các công trình: đường bộ, đường sắt Hải Phòng - Lào Cai; khu vực cửa khẩu quốc tế Lào Cai để phát huy tiềm năng thế mạnh của tỉnh.

- Về chính sách thu hút vốn đầu tư: đề nghị Nhà nước nghiên cứu ban hành chính sách riêng cho vùng núi cao, biên giới nhằm ưu đãi hơn các nhà đầu tư trong và ngoài nước để thu hút được vốn đầu tư vào vùng xa xôi, khó khăn như Lào Cai.

- Nguồn thu qua biên giới đường bộ để lại cho địa phương đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vùng biên. Có như vậy mới khuyến khích và thúc đẩy giao lưu kinh tế phát triển.

- Cần khẩn trương hoàn chỉnh dịch vụ ngân hàng, tiền tệ của cả hai bên theo thông lệ quốc tế. Đối với một số ngành quản lý trực tiếp xuất nhập khẩu (như hải quan, xuất nhập cảnh, kiểm dịch) và các ngành dịch vụ (ngân hàng, bảo hiểm, bưu điện, vận tải...) cần được tăng cường về trang bị kỹ thuật, cải tiến phương tiện, phương thức phục vụ tạo điều kiện thuận lợi, nhanh chóng nhất và đúng chính sách đối với khách hàng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

Số 04-CT/TU, ngày 25-4-1997

**Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII
về khoa học và công nghệ trong thời kỳ
công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000**

Phần I

THỰC TRẠNG KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH LÀO CAI NHỮNG NĂM QUA

I. KẾT QUẢ

Từ khi thành lập lại tỉnh Lào Cai đến nay hoạt động khoa học - công nghệ đã đóng góp phần tích cực vào việc đưa ra căn cứ để tỉnh đề ra kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh quốc phòng; đã tập trung đánh giá lại toàn bộ nguồn lực tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh làm cơ sở cho hoạch định chiến lược phát triển bền vững kinh tế - xã hội đến năm 2000 và 2010. Hoạt động khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường cũng đã đóng góp và làm căn cứ cho việc hình thành các nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, đặc biệt là trong việc quy hoạch đô thị, trong đó có thị xã tỉnh lỵ

Trên lĩnh vực công nghiệp: đã đưa một số dây chuyền công nghệ tiên tiến vào sản xuất góp phần giải quyết công ăn việc làm cho hàng

ngành lao động và nâng tỷ trọng của công nghiệp, xây dựng cơ bản trong cơ cấu GDP từ 16,8% năm 1991 lên 25% năm 1996.

Trong công nghiệp: Nhờ áp dụng nhiều biện pháp canh tác mới, giống cây con mới kết hợp đồng thời với việc trợ giá phân bón, thuốc trừ sâu cho nông dân, áp dụng nhiều mô hình kinh tế trang trại, canh tác trên đất dốc đã góp phần đưa tổng sản lượng lương thực của tỉnh năm 1995 đạt 141.000 tấn vượt chỉ tiêu do Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa I đề ra, góp phần tăng tỷ lệ tán che phủ từ 19,8% năm 1991 lên 24,61% hiện nay. Nhiều hộ nông dân có các mô hình tốt áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất và đời sống.

Đã bước đầu mạnh dạn đi thẳng vào áp dụng một số công nghệ tiên tiến như sản xuất lúa lai và áp dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào, thực hiện Chương trình quốc gia về công nghệ - thông tin trên địa bàn tỉnh, ứng dụng hệ thống thông tin địa lý để quản lý dữ liệu các mặt cho tỉnh.

Trong xây dựng cơ bản, giao thông vận tải: Đã ứng dụng nhiều phương pháp khoa học quy hoạch đô thị, thiết kế nhà ở, khảo sát hàng trăm tuyến đường giao thông làm bộ mặt của tỉnh ta có nhiều thay đổi to lớn.

Trong giáo dục và đào tạo: Đã áp dụng thành công Chương trình cải cách giáo dục phổ thông 12 năm, áp dụng phương pháp lồng ghép rộng rãi, áp dụng phương pháp giáo dục mới lấy học sinh làm trung tâm, áp dụng Chương trình 70 tuần với bậc tiểu học ở các xã vùng cao khó khăn, thực nghiệm chương trình trung học chuyên ban, áp dụng giảng dạy các khoa học hiện đại như tin học, nghiên cứu các phương pháp khoa học, bồi dưỡng học sinh giỏi...

Trong chăm sóc sức khỏe cộng đồng: Tập trung thực hiện áp dụng muối iốt, phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em, áp dụng các biện pháp khoa học trong kế hoạch hóa dân số và gia đình, phòng chống sốt rét, phòng và chữa bệnh đục thủy tinh thể tuổi già, phòng chống nghiện ma túy... các nghiên cứu về điều trị và điều tra y tế có giá trị khoa học và thực tiễn tốt.

Trong lĩnh vực thông tin liên lạc: Đã áp dụng các thành tựu hiện đại của công nghệ - thông tin làm cho thông tin liên tục thông suốt từ tỉnh đến huyện, góp phần nâng cao dân trí, tăng cường công tác giáo dục các mặt cho đồng bào và chiến sĩ trong tỉnh.

Về khoa học xã hội và nhân văn, khoa học cơ bản: Đã tập trung giải quyết một số vấn đề về cán bộ khoa học, về cán bộ đảng viên vùng sâu, vùng xa, về tôn giáo, về dân tộc, về ngân sách xã, về du lịch... góp phần đề ra các biện pháp tốt để thực hiện chủ trương đường lối của Đảng ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và giữ vững an ninh quốc phòng, chủ quyền quốc gia trên địa bàn tỉnh.

Đã xây dựng được một số cơ sở vật chất kỹ thuật về ứng dụng triển khai và đã có một số đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật các loại phân bố từ tỉnh đến huyện đáp ứng được một phần ứng dụng triển khai khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường.

Đạt được các kết quả trên đây là nhờ có sự vận dụng đúng đắn các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước vào tỉnh, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ và chính quyền địa phương các cấp, sự phấn đấu tốt của toàn thể cán bộ khoa học - kỹ thuật và sự lao động cần cù của toàn thể nhân dân các dân tộc trong tỉnh, cùng với sự chỉ đạo trực tiếp về chuyên môn nghiệp vụ của Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường. Vai trò quản lý nhà nước về hoạt động khoa học và bảo vệ môi trường có các đóng góp tích cực, trên các khía cạnh về tổ chức xây dựng tiềm lực: nhiều đơn vị sự nghiệp khoa học ra đời, với cơ sở vật chất khá và đội ngũ cán bộ khoa học có kinh nghiệm, một hệ thống các văn bản của tỉnh đã bám sát vào các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước cụ thể hóa vào tỉnh để chỉ đạo các hoạt động khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong những năm qua, song khoa học, công nghệ ở tỉnh ta còn bộc lộ một số yếu kém.

II. MỘT SỐ YẾU KÉM, KHUYẾT ĐIỂM

Trình độ công nghệ của tỉnh ta còn thấp và lạc hậu kể cả các công nghệ Trung ương quản lý trong các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh, chưa gắn kết được nhiều các chương trình đề tài với sản xuất, kinh doanh và đời sống đặc biệt gắn kết với công tác bảo vệ môi trường tạo ra sự phát triển có tính bền vững.

Đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ thấp hơn mức bình quân của cả nước, lại phân bố không đều giữa tỉnh và huyện, giữa các ngành cơ sở, đặc biệt khu vực sản xuất kinh doanh và ở các cơ sở vùng sâu vùng xa hầu như không có cán bộ khoa học, kỹ thuật.

Chưa có cơ chế chính sách đủ mạnh để thu hút khuyến khích cán bộ khoa học, công nghệ đi sâu vào ứng dụng tiến bộ kỹ thuật ở các vùng sâu, vùng xa, chưa quan tâm đầy đủ việc đào tạo, bồi dưỡng chuyên gia đầu đàn và lực lượng công nhân kỹ thuật lành nghề.

Đầu tư cho các cơ sở nghiên cứu triển khai trên cả ba mặt: cán bộ, cơ sở vật chất, kỹ thuật thiết bị và tài chính còn hạn chế.

Đầu tư tài chính cho hoạt động khoa học, công nghệ và quản lý môi trường trong những năm qua mới chỉ đạt khoảng 0,7% tổng chi ngân sách địa phương. Hiệu quả sử dụng đồng vốn chưa cao, chưa tập trung vốn để giải quyết các vấn đề lớn có tính động lực, chưa đa dạng hóa được các nguồn vốn đầu tư cho khoa học, công nghệ, chưa thành lập được quỹ phát triển khoa học, công nghệ. Các thành phần tư nhân đăng ký hoạt động khoa học, công nghệ cũng chưa có gì đáng kể.

Hệ thống quản lý nhà nước về khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường vẫn chưa đủ sức làm hết và làm tốt các chức năng được Nhà nước quy định, nhiều vấn đề còn lúng túng bất cập, một số vấn đề về quản lý khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường ở cấp huyện còn bị trống.

Nguyên nhân của các yếu kém và khuyết điểm trên đây:

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền chưa thực sự quán triệt quan điểm của Đảng coi phát triển khoa học, công nghệ là quốc sách hàng

đầu, chưa tập trung sức lãnh đạo và chỉ đạo các hoạt động khoa học, công nghệ.

- Tỉnh chưa tạo được động lực để giúp đỡ cán bộ khoa học, công nghệ phát huy khả năng của mình. Mặt khác đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật chưa phát huy tính chủ động, sáng tạo, lòng say mê nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, công tác và đời sống xã hội.

- Cơ sở vật chất - kỹ thuật cho nghiên cứu triển khai khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường không đủ đáp ứng nhu cầu của sự nghiệp phát triển và còn quá lạc hậu.

Đầu tư tài chính cho phát triển khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường còn thấp và hiệu quả sử dụng lại chưa cao, chưa đa dạng hóa được nguồn vốn đầu tư cho khoa học, công nghệ và bảo vệ môi trường, chưa sử dụng được các chính sách ưu đãi về thuế, về tín dụng trong việc thúc đẩy áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật ở tất cả các thành phần kinh tế.

- Hệ thống quản lý khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường tỉnh ta còn thiếu và yếu, để trống nhiều lĩnh vực, công tác giám định khoa học công nghệ không thực hiện được, trình độ cán bộ trên lĩnh vực này còn bất cập.

Phần II

CÁC MỤC TIÊU VÀ NHIỆM VỤ CỦA KHOA HỌC CÔNG NGHỆ GIAI ĐOẠN 1997-2000

1. Mục tiêu

Thúc đẩy, vận dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật vào sản xuất kinh doanh và đời sống xã hội nhất là ở vùng đồng bào nông thôn, vùng cao, vùng sâu của tỉnh.

Nâng cao hàm lượng khoa học, công nghệ trong quản lý, trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp và các lĩnh vực khác

nhằm đạt năng suất cao hơn, chất lượng tốt hơn trong sản xuất và công tác.

Xây dựng được một đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ cơ bản đủ về số lượng, có cơ cấu tương đối hợp lý phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ trong những năm đầu của thế kỷ XXI.

2. Các nhiệm vụ cụ thể

2.1. Về khoa học xã hội và nhân văn:

Nghiên cứu các đề tài xã hội: Về dân tộc và giữ gìn phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, các vấn đề về tôn giáo trên địa bàn nhằm giữ vững trật tự xã hội, giữ gìn an ninh quốc gia, giữ vững khối đoàn kết của cộng đồng các dân tộc Lào Cai.

Triển khai việc nghiên cứu và vận dụng các vấn đề đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và quản lý nhà nước, thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, hoàn thành quy hoạch ở nông thôn. Kết hợp xác định nội dung, hình thức, bước đi thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở Lào Cai, nhất là vùng cao, vùng sâu. Tiến hành các nghiên cứu về xây dựng Đảng nhằm đưa ra các giải pháp tác động có hiệu quả từ hệ thống chính trị và hệ thống quản lý nhà nước ở các cấp cơ sở đến sự phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng ở các vùng này.

Triển khai các đề tài nghiên cứu về lao động, phương hướng phân bổ và sử dụng lao động, điều động lao động, dân cư, giải quyết việc làm.

2.2. Về khoa học tự nhiên và công nghệ:

2.2.1. Điều tra chi tiết một số tài nguyên khoáng sản như sắt, Fenspat, tài nguyên nước ngầm, tài nguyên đất đai, tài nguyên khí hậu, tài nguyên sinh học phục vụ cho việc lập căn cứ cho các dự án đầu tư.

2.2.2. Đẩy mạnh công tác ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ, thực hiện tốt việc chuyển giao công nghệ phù hợp với điều kiện ở Lào Cai nhằm đẩy nhanh quá trình đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ trong nền kinh tế, trước mắt tập trung vào chuyển giao, ứng

dụng tiến bộ công nghệ sinh học nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong sản xuất nông lâm nghiệp.

Trong trồng trọt cần phải:

Bảo vệ có hiệu quả và sử dụng hợp lý các loại đất đai có thể canh tác được, đặc biệt quan tâm đến việc phủ xanh đất trống, đồi núi trọc và cải tạo đất trồng có năng suất thấp, phấn đấu đến năm 2000 cơ bản chấm dứt tình trạng du canh du cư.

Nghiên cứu và triển khai mở rộng diện tích các loại cây trồng xác định tập đoàn cây trọng điểm sản xuất hàng hóa, phấn đấu tìm được một số mô hình canh tác phù hợp với các vùng khác nhau của Lào Cai để thay thế hẳn việc trồng cây thuốc phiện.

Phát triển công nghệ thâm canh, tăng vụ, tăng năng suất cây trồng vật nuôi trên cơ sở công nghệ sinh học đặc biệt là canh tác trên đất dốc không gây ô nhiễm môi trường.

Phổ cập một số giống cây trồng có năng suất cao đi đôi với tăng cường công tác phòng trừ sâu bệnh.

Tổ chức thu hoạch đúng vụ, ứng dụng công nghệ sau thu hoạch. Chuyển giao công nghệ thích hợp trong lĩnh vực bảo quản, chế biến đóng gói sản phẩm.

Trong chăn nuôi thực hiện:

Tuyển chọn, bảo vệ một số giống gia súc tốt ở địa phương như trâu Bảo Yên, lợn Mường Khương, nhập giống mới từ bên ngoài (gia súc, gia cầm) để cải tạo cơ bản đàn gia súc năng suất thấp của địa phương thành đàn gia súc có năng suất cao, chất lượng tốt.

Nhập công nghệ chế biến thức ăn gia súc theo quy mô đàn gia súc trong tỉnh.

Phấn đấu đến năm 2000 hình thành được vùng nguyên liệu ổn định để xây dựng một cơ sở chế biến thịt gia súc, gia cầm.

2.2.3. Trong ngành công nghiệp: Xây dựng đề án kinh tế đổi mới để phát huy tiềm năng khoa học, đất đai đồi rừng.

Trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ phục vụ phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp truyền thống, Lào Cai

chú trọng: Đổi mới và ứng dụng công nghệ bảo quản, chế biến lương thực, thực phẩm, chế biến chè, hoa quả, chế biến lâm sản; áp dụng các công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản phù hợp từng loại mỏ với các quy mô từ nhỏ đến lớn; cải tiến công nghệ tuyển đồng, áp dụng các công nghệ cho phép thu hồi tối đa các sản phẩm khác có trong quặng đồng (như manhêtit...), công nghệ sản xuất xi măng, sản xuất vật liệu xây dựng và các loại vật liệu tổng hợp. Phấn đấu đến năm 2000 có thêm 2-3 dây chuyền công nghệ hiện đại chế biến nông, lâm sản và chế biến rau quả được đưa vào sản xuất. Tăng cường nghiên cứu tiếp thị để các sản phẩm làm ra có thị trường ổn định.

2.2.4. Ứng dụng công nghệ trong xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật:

Áp dụng các công nghệ thích hợp trong việc nâng cấp và xây dựng mới các tuyến đường quốc lộ, tỉnh lộ và liên xã, phù hợp với điều kiện địa hình miền núi có độ dốc lớn, chia cắt mạnh.

Áp dụng các công nghệ trong việc thiết kế, xây dựng hệ thống giao thông nông thôn phù hợp với điều kiện miền núi, đặc biệt là hệ thống các cầu treo xây lắp bằng các vật liệu nhẹ.

Cải tạo, nâng cao hiệu suất sử dụng các trạm thủy điện vừa và nhỏ hiện có, Tăng nhanh việc xây dựng thủy điện cực nhỏ để phục vụ sản xuất, sinh hoạt cho dân cư ở vùng sâu, vùng xa điện lưới chưa đến nơi.

Đầu tư chiều sâu về công nghệ cho Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh và hệ thống đài huyện thị, bảo đảm phủ sóng phát thanh đến 100% và truyền hình đến 80% thôn bản vào năm 2000

2.2.5. Ứng dụng công nghệ cao:

a) Công nghệ thông tin:

Thực hiện tốt các nội dung của chương trình công nghệ, thông tin quốc gia bằng cách xây dựng hệ thống các máy ở tỉnh và các phương tiện truyền thông được liên kết với nhau trong những công cụ phần mềm đủ mạnh, các hệ thông tin và các cơ sở dữ liệu có khả năng phục vụ các hoạt động quản lý nhà nước và các hoạt động quan trọng của nền kinh tế trong tỉnh.

b) Công nghệ sinh học:

Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô, tế bào vào sản xuất các giống cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả, cây làm thuốc và cây cảnh phù hợp với điều kiện sinh thái của từng vùng góp phần sớm tạo ra một số sản phẩm hàng hóa có giá trị cao, tham gia tích cực vào việc thay đổi cơ cấu giống cây trồng làm phong phú thêm các sản phẩm hàng hóa nông lâm nghiệp.

Nghiên cứu áp dụng các công nghệ sinh học để xử lý chất thải công nghiệp, sinh hoạt, các nguồn nước, duy trì và phát triển các nguồn tài nguyên sinh vật, hạn chế sự mất mát các nguồn gen.

2.2.6. Công nghệ vật liệu mới:

Ứng dụng công nghệ vật liệu mới phục vụ xây dựng các cơ sở sản xuất kinh doanh, các công trình văn hóa, nhà ở, trường học, bệnh viện và tích trữ nước ăn cho tất cả các vùng nông thôn ở Lào Cai, đặc biệt là cho đồng bào các vùng cao, vùng sâu và vùng xa.

3. Công tác quản lý và bảo vệ môi trường

Thường xuyên đánh giá đầy đủ về thực trạng môi trường tỉnh Lào Cai.

Nghiên cứu đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường đối với các lĩnh vực và khu vực trọng điểm, từng bước giải quyết các hậu quả nghiêm trọng về mặt môi trường, phòng ngừa khả năng suy thoái, ô nhiễm và sự cố môi trường, Thực hiện các nội dung quan trọng của luật bảo vệ môi trường.

Các lĩnh vực quan trọng nhất về môi trường là tái tạo thảm rừng, bảo vệ đa dạng sinh học, cải thiện tình hình suy thoái môi trường ở các khu vực khai thác và chế biến khoáng sản, nghiên cứu các biện pháp hữu hiệu phòng chống cháy rừng, lựa chọn các cây trồng tại chỗ bảo đảm xanh quanh năm và có giá trị kinh tế.

Chủ động giải quyết các vấn đề về môi trường ở các đô thị lớn, các khu công nghiệp tập trung, khu du lịch Sa Pa và khu du lịch Dền Thượng.

Cần áp dụng các biện pháp khai thác mở gây ít ô nhiễm, các công nghệ kỹ thuật sạch vừa bảo vệ được môi trường, vừa sử dụng hợp lý tiết kiệm tài nguyên. Đẩy mạnh công tác trồng cây gây rừng ở các vùng bãi thải công nghiệp.

Phấn đấu có được ít nhất dây chuyền công nghệ xử lý rác thải đô thị.

Tiếp tục triển khai nghiên cứu các mô hình trang trại - vườn - rừng theo quy hoạch nông, lâm kết hợp, thay đổi tập quán canh tác đặc biệt là canh tác trên đất dốc, chống xói mòn đất và tăng sản phẩm hàng hóa.

Đến năm 2000 bảo đảm độ che phủ của rừng đạt 35% diện tích tự nhiên.

Áp dụng mạnh công nghệ sạch trong sản xuất và bảo quản thực phẩm, tạo độ an toàn cho lương thực, thực phẩm, chống ô nhiễm đất, nước...

Xây dựng các khu rừng phòng hộ, rừng đặc dụng... nhằm tái tạo cảnh quan sinh thái, bảo vệ đa dạng sinh học. Kiến nghị với Trung ương Đảng và Chính phủ đầu tư cho khu bảo tồn thiên nhiên Fanxipăng và khu dự trữ thiên nhiên ở Gia Lan, Khánh Yên Thượng - Văn Bàn.

Lập được một số hệ thống bản đồ về môi trường của tỉnh Lào Cai.

Tăng dần trang bị các thiết bị kỹ thuật hiện đại vào quan trắc và cảnh báo môi trường.

4. Bảo vệ sức khỏe cộng đồng

Phổ biến rộng rãi các biện pháp kỹ thuật trong chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình, giảm gia tăng số, nâng cao chất lượng cuộc sống.

Áp dụng các công nghệ kỹ thuật tiên tiến trong việc điều trị bệnh tật, chăm sóc sức khỏe cộng đồng.

Tăng cường nghiên cứu và phòng chữa các bệnh thông thường và nhiễm khuẩn nhiệt đới có ảnh hưởng đến sức khỏe của nhân dân. Từng bước đẩy lùi và thu hẹp 2 loại bệnh phổ biến là bướu cổ và sốt rét.

5. Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học - công nghệ của tỉnh

Thực hiện kế hoạch trang bị thêm kiến thức cho các cán bộ khoa học - kỹ thuật hiện có, tập trung đào tạo mạnh cán bộ thực hành trong đó chú ý đến hệ thống kỹ sư, trung cấp thực hành và công nhân kỹ thuật lành nghề cho cơ sở sản xuất và các vùng nông thôn.

Củng cố hoàn thiện hệ thống các cơ quan khoa học công nghệ theo tinh thần gắn nghiên cứu khoa học với đào tạo sản xuất, tăng cường thêm cơ sở vật chất kỹ thuật và chú trọng đào tạo chuyên sâu cho các cơ sở để có được một số chuyên gia giỏi trên một số lĩnh vực thiết yếu: y tế, giáo dục, xây dựng...

Củng cố kiện toàn cơ quan quản lý khoa học công nghệ ở địa phương: Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường chất lượng. Có định hướng bố trí cán bộ quản lý khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường ở cấp huyện.

6. Công tác quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng

Hoạt động quản lý tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng phải nhằm mạnh vào việc đấu tranh chống sản xuất kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, phải kích thích quá trình áp dụng khoa học công nghệ, nâng cao dần chất lượng sản phẩm, hàng hóa, bảo vệ lợi ích người tiêu dùng, lợi ích nhà sản xuất, lợi ích nhà nước. Hình thành dần các thói quen về tiêu chuẩn hóa chất lượng sản phẩm hàng hóa, thói quen tiêu chuẩn hóa các dụng cụ đo lường ở tất cả các cấp các ngành, các doanh nghiệp.

Phần III

NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nâng cao nhân thức: Tập trung nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, làm cho các cấp, các ngành, các thành

phần kinh tế và cán bộ khoa học - kỹ thuật trong phạm vi toàn tỉnh nhận thức thật rõ quan điểm “Cùng với giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu” đồng thời nhận thức sâu sắc các luận điểm khác trong Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII với các căn cứ khoa học.

Sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền phổ biến Nghị quyết này thường xuyên liên tục, Ban Tuyên giáo phối hợp với Báo Lào Cai mở một chuyên mục trên báo để đăng tải các ý kiến của cán bộ lãnh đạo, cán bộ khoa học, học sinh, sinh viên và nhân dân các dân tộc góp ý kiến về giải pháp thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh phân công trách nhiệm cho từng ngành, lượng hóa toàn bộ chương trình hành động thành các chương trình đề tài tiên khả thi và khả thi phân bổ qua các năm trên cơ sở được đánh giá kỹ từ cơ sở cho đến ngành và qua Hội đồng khoa học của tỉnh và lập thành kế hoạch chính thức thông qua Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt.

3. Bảo đảm mức chi ngân sách 1997: 1%; 1998: 1,3%; 1999: 1,65% để đến năm 2000 đạt mức 2% trong tổng chi ngân sách địa phương. Tích cực huy động nguồn vốn từ các dự án, các doanh nghiệp và nhân dân đầu tư vào.

4. Nghiên cứu việc xây dựng đề án thành lập Trường Trung học kỹ thuật - kinh tế nông lâm nghiệp gắn với Trung tâm giống nông nghiệp của tỉnh nhằm hình thành một liên hiệp đào tạo, ứng dụng và triển khai kỹ thuật nông lâm nghiệp và đào tạo được nhiều kỹ thuật viên các loại theo hướng cho cơ sở là chủ yếu.

Có kế hoạch bổ sung và nâng cao kiến thức các loại cho đội ngũ quản lý nhà nước hiện có, đồng thời dành một phần kinh phí để đào tạo các chuyên gia kỹ thuật đầu ngành (y tế, giáo dục, xây dựng, nông lâm nghiệp...).

5. Xây dựng một số cơ chế chính sách nhằm khuyến khích cán bộ khoa học - kỹ thuật nhất là nông lâm nghiệp đi về công tác tại các

vùng cao, sâu và xa, đồng thời có chính sách khuyến khích học sinh đi học nghề trở về Lào Cai công tác.

6. Kien toàn cơ quan quản lý khoa học ở địa phương từ tỉnh đến huyện, cần có quy định để thành lập Hội đồng khoa học ở các ngành, các đơn vị sản xuất kinh doanh, để phát động rộng rãi phong trào lao động sáng tạo trong quần chúng lao động và có chế độ đãi ngộ thỏa đáng với công sức họ bỏ ra, rà soát lại các cơ sở ứng dụng và triển khai khoa học - kỹ thuật hiện có, bổ sung dần trang thiết bị kỹ thuật theo hướng ngày càng hiện đại theo một kế hoạch đào tạo, bổ sung kiến thức cho đội ngũ hiện có để đáp ứng ngày càng cao cho sự nghiệp khoa học công nghệ ở tỉnh ta.

7. Xây dựng cho được một quỹ phát triển khoa học công nghệ nhằm hỗ trợ kịp thời cho các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ mang tính thời cơ trong sản xuất, kinh doanh. Cần chú ý việc phối hợp các đề tài với nhau, tránh nghiên cứu trùng lặp nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí được cấp.

8. Hằng năm tổ chức các cuộc thi về áp dụng khoa học công nghệ để giải quyết các vấn đề bức xúc nhất do thực tiễn Lào Cai đặt ra và dành các phần thưởng xứng đáng cho các tập thể và cá nhân có các giải pháp đạt hiệu quả cao nhất.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức tổng kết hoạt động khoa học công nghệ và bảo vệ môi trường các năm qua, đặc biệt là 5 năm 1991-1996, đồng thời chỉ đạo các ngành, các huyện, thị xã, các doanh nghiệp tổng kết công tác này ở phạm vi của mình đề ra được chương trình hành động thực hiện nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII ở ngành mình, địa phương mình.

2. Các ngành, các cấp thường xuyên báo cáo tình hình thực hiện chương trình hành động này để Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy

ban nhân dân tỉnh nắm bắt chính xác thông tin cơ sở nhằm chỉ đạo thực hiện thành công chương trình hành động, đồng thời có thể có các bước điều chỉnh thích hợp nếu xuất hiện các khả năng và điều kiện mới.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai tin tưởng rằng toàn thể các cấp, các ngành, các tổ chức kinh tế, cá nhân, các cán bộ khoa học - kỹ thuật và nhân dân các dân tộc trong tỉnh sẽ tập trung sức lực và trí tuệ, biến chương trình hành động của Tỉnh ủy thành thực tiễn sinh động góp phần đẩy nhanh nhịp độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh ta.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

Số 05-CT/TU, ngày 25-4-1997

**Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về
định hướng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo
trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa
và nhiệm vụ đến năm 2000**

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỦA TỈNH LÀO CAI THỜI KỲ 1991 - 1996

I. NHỮNG CHUYỂN BIẾN TÍCH CỰC

1. Từ năm 1991 đến nay, dưới sự lãnh đạo chỉ đạo của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, sự nghiệp giáo dục - đào tạo đã được xác định rõ vị trí trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà. Nhận thức đó được thể hiện trong Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ I, Nghị quyết giữa nhiệm kỳ và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II. Năm năm qua, chúng ta đã tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ trong các cấp ủy Đảng, các cấp chính quyền, đoàn thể và trong nhân dân đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

2. Hệ thống giáo dục - đào tạo được khôi phục củng cố và phát triển, quy mô trường lớp và học sinh tăng nhanh ở tất cả các cấp học,

ngành học. Trước đây toàn tỉnh còn 14/180 xã chưa có trường tiểu học, đến nay tất cả 180 xã, phường, thị trấn đã có trường tiểu học, trong đó có 150 xã, phường có trường tiểu học hoàn chỉnh tới lớp 5.

So sánh năm học 1996 - 1997 với năm 1991 - 1992:

- Số cháu mẫu giáo tăng gấp 3 lần
- Số học sinh tiểu học tăng từ 47.720 em lên 82.519 em.
- Số học sinh trung học cơ sở tăng từ 8.205 em lên 21.754 em.
- Số học sinh phổ thông trung học tăng từ 1.363 em lên 4.273 em.

3. Chất lượng và hiệu quả giáo dục có tiến bộ rõ nét, công tác phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ đã đạt được những kết quả bước đầu (trong 5 năm đã xóa mù chữ cho 26.683 người).

Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường tăng nhanh. Năm học 1991 - 1992 đạt xấp xỉ 40%. Năm học 1996 - 1997 đã đạt được 72,73%.

Tỷ lệ học sinh bỏ học và lưu ban giảm hẳn. Thi tốt nghiệp hằng năm đạt kết quả cao. Học sinh đỗ vào các trường đại học, cao đẳng tăng lên rõ rệt. Học sinh giỏi ngày càng nhiều (học sinh đạt giải quốc gia năm học 1991 - 1992 có 2 em, năm học 1995 - 1996 có 25 em).

Từ chỗ trước đây chưa có xã nào được công nhận phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, đến nay đã có 31 xã đạt chuẩn quốc gia về phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Thị xã Lào Cai đã đạt chuẩn về phổ cập tiểu học và xóa mù chữ.

4. Giáo dục vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có sự chuyển biến khá mạnh về nhận thức, quy mô phát triển và đạt hiệu quả khá hơn trước.

Trường Phổ thông trung học dân tộc nội trú tỉnh được thành lập và mau chóng mở rộng quy mô đào tạo. Hệ thống trường dân tộc nội trú huyện được củng cố. Số lượng học sinh dân tộc các cấp học tăng nhanh: học sinh tiểu học từ 15.105 em lên 45.953 em, học sinh trung học cơ sở từ 461 em lên 4.104 em, học sinh phổ thông trung học từ 51 em lên 677 em.

5. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý tăng cường về số lượng, bồi dưỡng nâng cao trình độ tư tưởng, chính trị, chuyên môn nghiệp vụ, có tinh thần đổi mới, khắc phục khó khăn và phấn đấu vươn lên. Công tác phát triển Đảng trong nhà trường đã được các cấp ủy thường xuyên quan tâm, chú trọng.

6. Công tác quản lý giáo dục từng bước được đổi mới, có sự chuyển biến rõ rệt và có hiệu quả trong việc thực hiện các chức năng: tham mưu quản lý nhà nước và chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành.

7. Sự đầu tư cho giáo dục - đào tạo được tăng cường hơn trước, cơ sở vật chất - thiết bị trường học bước đầu được cải thiện.

8. Công tác xã hội hóa giáo dục đã có sự chuyển biến tích cực. Nhận thức và trách nhiệm đối với sự nghiệp giáo dục - đào tạo của toàn xã hội được nâng lên. Sự đóng góp cổ vũ về tinh thần ngày càng được nhiều. Sự đóng góp về vật chất cũng có hiệu quả hơn.

Những kết quả nói trên là những thành tựu quan trọng góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn Lào Cai hơn 5 năm qua.

II. NHỮNG TỒN TẠI

1. Nhận thức của toàn xã hội về sự nghiệp giáo dục - đào tạo đã được nâng lên nhưng vẫn còn ở mức thấp, chưa trở thành một trong những động lực cơ bản để thúc đẩy sự phát triển không ngừng của sự nghiệp giáo dục - đào tạo. Việc cụ thể hóa các chủ trương của Đảng về công tác giáo dục và đào tạo ở cơ sở nhìn chung còn nhiều hạn chế, thiếu các biện pháp đồng bộ và hiệu quả.

2. Giáo dục vùng cao còn rất nhiều khó khăn. Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi tiểu học đến trường còn thấp, nhiều học sinh đi học không đều và bỏ học giữa chừng từ cuối bậc tiểu học, nhất là đối với số học sinh nữ.

3. Chất lượng và hiệu quả giáo dục còn thấp so với yêu cầu, đặc biệt là giáo dục vùng cao.

4. Quy mô phát triển nhanh, nhưng hệ thống chưa đồng bộ, thiếu hệ thống trường dạy nghề. Việc mở rộng quy mô giáo dục gặp nhiều khó khăn.

5. Đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý trường học còn thiếu nhiều, trình độ kiến thức và nghiệp vụ sư phạm chưa đáp ứng yêu cầu; đời sống và điều kiện học tập để nâng cao trình độ của đội ngũ giáo viên còn nhiều khó khăn, đặc biệt giáo viên vùng cao.

6. Sự đầu tư của Nhà nước cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

7. Công tác xã hội hóa giáo dục chưa mạnh. Sự huy động các nguồn lực trong nhân dân để xây dựng và phát triển giáo dục còn ở mức thấp.

Những tồn tại trên đây, đang là những khó khăn, thử thách rất lớn đối với sự nghiệp giáo dục - đào tạo, trong việc mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục và thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học- xóa mù chữ.

Nguyên nhân khách quan là do tỉnh ta là một tỉnh vùng cao, địa hình chia cắt, giao thông chưa phát triển, dân cư cư trú không tập trung. Trong khi đó nền kinh tế phát triển chậm khó khăn trong việc đầu tư phát triển giáo dục.

Nguyên nhân chủ quan là do các cấp ủy Đảng chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của giáo dục - đào tạo, chưa tập trung các nguồn lực để đầu tư cho giáo dục - đào tạo, chưa có chính sách thỏa đáng nhằm thu hút cả người dạy và người học. Nhận thức của nhân dân về vai trò học tập, của tri thức trong việc cải cách xã hội, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần còn hạn chế do vậy chưa quyết tâm cho con em tới trường học đến nơi đến chốn nhất là ở các xã vùng cao, trẻ em gái dân tộc thiểu số.

Phần thứ hai

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT LẦN THỨ HAI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII VỀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRONG THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ NHIỆM VỤ ĐẾN NĂM 2000

I. MỤC TIÊU

a) Mục tiêu chung:

- Giáo dục và đào tạo phải mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả, phục vụ tích cực cho nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lào Cai trong thời kỳ bước vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Thực hiện giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ. Coi trọng giáo dục tư tưởng chính trị, khả năng tư duy sáng tạo, kỹ năng thực hành, gắn với thực tiễn lao động, sản xuất của Lào Cai và của toàn quốc.

Nâng cao hiệu quả giáo dục ở vùng cao, bảo đảm xóa mù chữ chắc chắn cho học sinh học hết tiểu học ở vùng cao.

Phấn đấu đến năm 2000 cơ bản hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, phổ cập trung học cơ sở ở các phường, một số thị trấn và một số xã phát triển. Chú trọng phổ cập giáo dục tiểu học để ngăn chặn tình trạng mù chữ ở độ tuổi lao động, chú trọng xóa mù chữ cho lực lượng lao động trẻ và cán bộ cơ sở.

b) Quy mô phát triển giáo dục và đào tạo năm 2000:

- Đối với các xã vùng cao:

+ Có trường tiểu học hoàn chỉnh (lớp 1 đến lớp 5), những nơi có điều kiện có thể mở lớp mẫu giáo gắn với trường tiểu học. Ở những thôn bản hoặc cụm thôn bản vùng sâu vùng xa mở các lớp đầu cấp; nếu có điều kiện mở lớp bán trú để thôn bản nào cũng có học sinh đi học.

+ Cụm xã vùng cao có trường trung học cơ sở, có nơi ở bán trú cho học sinh xa xa.

- Đối với các xã và thị trấn vùng giữa và vùng thấp:
 - + Có trường tiểu học hoàn chỉnh, có các lớp mẫu giáo 5 tuổi gắn với trường tiểu học. Các thị trấn và một số xã vùng thấp phát triển có trường mầm non.
 - + Mỗi xã có một trường trung học cơ sở (tách riêng với trường tiểu học).
 - Cấp huyện: Có các trường và trung tâm theo các loại hình sau:
 - + Trường phổ thông trung học (tách riêng với trường trung học cơ sở).
 - + Trung tâm giáo dục thường xuyên làm nhiệm vụ bổ túc văn hóa cho cán bộ và người lao động, dạy nghề, dạy ngoại ngữ...
 - + Huyện vùng cao có trường dân tộc nội trú tuyển sinh từ cuối cấp tiểu học. Đến năm 2000 chủ yếu đào tạo từ trung học cơ sở, tiến tới kết hợp tiêu chuẩn ưu tiên với thi tuyển.
 - + Ở thị xã có thể tách trung tâm giáo dục thường xuyên thành các trung tâm: Hướng nghiệp dạy nghề, Trung tâm ngoại ngữ.
 - Ở tỉnh có các trường và trung tâm theo các loại hình sau:
 - + Trường Cao đẳng Sư phạm
 - + Trường Trung học Y tế
 - + Trường phổ thông trung học dân tộc nội trú, kết hợp xét ưu tiên với thi tuyển để tạo nguồn đào tạo cán bộ các cấp là con em đồng bào các dân tộc, có trình độ đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.
 - + Trường công nhân kỹ thuật đào tạo những nghề đáp ứng nhu cầu phát triển sản xuất của tỉnh.
 - + Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp - Hướng nghiệp dạy nghề cho học sinh phổ thông, nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ và những người lao động có thành tích xuất sắc, quản lý, tổ chức các lớp đại học tại chức. Thu hút số học sinh có nhu cầu học tại địa phương, theo chỉ tiêu đào tạo của các trường trung học chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật Trung ương. Thực hiện một số nội dung đào tạo khác gắn với Trung tâm văn hóa thể thao, Nhà văn hóa thiếu nhi và các trung tâm của các ngành.

+ Các loại hình đào tạo phải có hiệu quả thiết thực, bảo đảm đào tạo gắn với sử dụng, phải phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh.

II. NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CỤ THỂ

1. Để thực hiện chiến lược phát triển phát triển giáo dục nói chung, kế hoạch phấn đấu đạt tiêu chuẩn Xóa mù chữ - Phổ cập giáo dục tiểu học nói riêng, trước hết cần sự nỗ lực cao của ngành giáo dục, đồng thời phải đặt toàn bộ chiến lược kế hoạch đó trong kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong việc phát triển kinh tế - xã hội ở các xã vùng cao, vùng sâu; xây dựng các tụ điểm dân cư (các thị tứ, các trung tâm kinh tế, văn hóa ở khu vực), chuyển biến về quy hoạch, ổn định dân cư; tạo chuyển biến về phương thức canh tác, về tổ chức sản xuất, chuyển dịch cơ cấu cây trồng; phát triển kinh tế hàng hóa, tạo ra động lực bên trong về nhu cầu và điều kiện học tập.

2. Quy hoạch mạng lưới, quy mô, hình thức trường lớp phù hợp:

a) Xây dựng mạng lưới trường lớp theo yêu cầu quy mô phát triển ở cấp xã, huyện, tỉnh và theo từng vùng như mục tiêu nêu trên.

b) Các loại hình chương trình:

- Trẻ em đúng độ tuổi học chương trình 165 tuần hoặc chương trình 120 tuần (đối với vùng cao).

- Trẻ em không đúng độ tuổi học chương trình 100 tuần, 2 năm 3 lớp, hoặc học chương trình 120 tuần học nối tiếp liên tục để kịp học hết tiểu học trước 15 tuổi.

c) Mở lớp ghép, các lớp học linh hoạt:

- Mở các lớp xóa mù chữ đại trà gắn với các trường phổ thông, trường bồi dưỡng huyện mở các lớp xóa mù chữ tập trung dành cho cán bộ chủ chốt cán bộ kế cận từ thôn bản xa về học.

- Mở rộng mạng lưới lớp mẫu giáo 5 tuổi gắn với trường phổ thông, lớp mẫu giáo gia đình, tư thực... để chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1 có chất lượng.

3. Xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, có tư tưởng chính trị vững vàng, có trình độ kiến thức và nghiệp vụ được nâng cao, tận tụy gắn bó với nghề.

+ Xây dựng và củng cố đội ngũ giáo viên theo định hướng:

a) Xác định nguồn tuyển:

- Về đào tạo giáo viên tại chỗ cho vùng cao theo hệ 5+3, đối tượng đào tạo là người dân tộc ở vùng cao. Đến năm 2000, đào tạo từ nguồn tốt nghiệp trung học cơ sở.

- Tuyển học sinh lớp 9, lớp 12 theo vùng của tỉnh để đa dạng các loại hình đào tạo giáo viên dưới chuẩn và theo hệ chuẩn.

- Nhận người miền xuôi tình nguyện nhập khẩu ở các huyện thị còn thiếu nguồn tuyển.

b) Đào tạo và bồi dưỡng giáo viên:

- Đào tạo sao cho đủ giáo viên cho vùng cao, nắm được nội dung, phương pháp giảng dạy có hiệu quả ở vùng cao.

- Nâng cao hiệu quả đào tạo của trường sư phạm tỉnh.

- Tiếp tục giao cho các trường bồi dưỡng giáo dục huyện đào tạo giáo viên ở giai đoạn đầu của chương trình trung học sư phạm.

- Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên, cán bộ quản lý về phương pháp dạy học ở vùng cao, như bồi dưỡng kiến thức, về đổi mới phương pháp dạy học ở vùng cao. Chú trọng bồi dưỡng các thao tác cụ thể về quản lý, dạy học và hoạt động ngoài giờ lên lớp.

- Đào tạo giáo viên nòng cốt về chuyên môn, tích cực chọn cử giáo viên và cán bộ quản lý đi đào tạo lên trình độ thạc sĩ và cao hơn.

c) Phân công tuyển dụng:

- Kết hợp sử dụng đội ngũ giáo viên được đào tạo chính quy với giáo viên hợp đồng. Tổ chức lực lượng giáo viên là đoàn viên, thanh niên tình nguyện nhận công tác ở vùng xa vùng sâu. Sử dụng các lực lượng giáo viên nghiệp dư, kiêm nhiệm trong các đoàn thể, các đơn vị quân đội, biên phòng để dạy xóa mù chữ. Huy động cán bộ các ngành, các đoàn thể làm công tác tăng cường cơ sở kết hợp dạy xóa mù chữ.

- Điều hòa đội ngũ giáo viên hợp lý, ở mỗi trường bố trí kết hợp giữa giáo viên hợp đồng với giáo viên trong biên chế.

- Tuyển dụng những giáo viên hợp đồng có nghiệp vụ sư phạm, nhiệt tình với nghề nghiệp gắn bó lâu dài với vùng cao.

d) Tăng cường phát triển Đảng trong nhà trường, đến năm 2000, trường nào cũng có đảng viên, các trường lớn có tổ chức Đảng, có chi bộ vững mạnh.

e) Quan tâm đến đời sống giáo viên và có chính sách với giáo viên vùng cao, giáo viên vùng cao, giáo viên có thành tích xuất sắc.

4. Xây dựng cơ sở vật chất trường học:

- Thực hiện tốt quy hoạch đất đai, quy hoạch trường lớp của trường tiểu học ở trung tâm xã và cụm thôn bản, bảo đảm diện tích theo tiêu chuẩn quy định với từng loại trường. Có sân chơi, bãi tập, có vườn cây, đồi cây.

- Quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn kinh phí Nhà nước đầu tư và kinh phí tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước.

- Kiên quyết thanh toán lớp học ba ca.

- Phát động phong trào xây dựng cơ sở vật chất trường học và quy định trách nhiệm của từng xã, từng thôn, bản; có thể phát động thành chiến dịch, huy động sức dân sao cho trong thời gian ngắn nhất có đủ bàn ghế, phòng học cho học sinh học tập. Kết hợp xây dựng phòng học kiên cố với bán kiên cố. Đến năm 2000 không còn trường lớp tạm.

- Đến năm 2000, các trường lớp ở thị xã, thị trấn, các xã phát triển có phòng thí nghiệm, có thư viện, các trường có tủ sách, có đủ đồ dùng dạy học.

- Học sinh vùng cao khó khăn được cấp sách giáo khoa, giấy bút, giảm dần đến năm 2000.

Nhà trường và nhân dân sở tại có trách nhiệm bảo quản, sửa chữa trường lớp để bảo đảm sử dụng được lâu dài, trường ra trường, lớp ra lớp.

- Thực hiện xã hội hóa giáo dục, tạo thành phong trào toàn xã hội quan tâm tới sự nghiệp giáo dục và đào tạo bằng những đóng góp cụ

thể về tinh thần, trí tuệ, nhân lực, vật chất và tài chính. Tạo chuyển biến mạnh mẽ về phong trào học tập trong toàn xã hội, nhất là trong lứa tuổi thiếu niên, thanh niên và trong đội ngũ cán bộ, công nhân viên. Cụ thể hóa nhiệm vụ phối hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và các đoàn thể xã hội.

5. Đầu tư hợp lý, đi đôi với tăng cường công tác quản lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí cho sự nghiệp giáo dục và đào tạo. Quy định sử dụng một phần lao động công ích vào xây dựng trường lớp. Quy định trách nhiệm đóng góp công sức, vật chất và tài chính của các cha mẹ học sinh và của các công dân cho việc xây dựng trường lớp và hoạt động giáo dục đào tạo.

6. Đổi mới phương pháp giảng dạy và phương pháp đào tạo, chống các biểu hiện áp đặt, máy móc, thực hiện phương pháp giảng dạy tiên tiến để đào tạo lớp người có tư duy sáng tạo, có kỹ năng thực hành. Chú trọng tìm tòi cách dạy học ở vùng cao để đạt hiệu quả thiết thực. Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học và đúc rút kinh nghiệm.

7. Chống các biểu hiện tiêu cực và ngăn ngừa các tệ nạn xã hội vào nhà trường ngăn ngừa các biểu hiện dạy thêm tràn lan, thu chi tùy tiện. Nghiêm túc trong thi cử và quản lý văn bằng, chứng chỉ. Trước mắt có thể chấp nhận một tỷ lệ tốt nghiệp chưa cao để dần dần bảo đảm thi cử đánh giá đúng thực chất. Thực hiện nền nếp, kỷ cương trong trường học.

8. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đổi mới công tác quản lý sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

- Các cấp ủy Đảng, chính quyền cụ thể hóa trách nhiệm lãnh đạo đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo bằng mục tiêu, kế hoạch cụ thể, bằng sự phân công chức năng nhiệm vụ rõ ràng, thực hiện kiểm tra sâu sát, nhận định đánh giá tình hình và có biện pháp giải quyết kịp thời.

- Đưa nội dung thực hiện nhiệm vụ giáo dục đào tạo theo chức năng nhiệm vụ và kể cả giáo dục gia đình vào tiêu chuẩn đánh giá cán bộ, xét kết nạp đảng viên, đoàn viên, xét các danh hiệu thi đua tập thể, cá nhân, xét tiêu chuẩn cơ sở Đảng trong sạch, vững mạnh.

- Đẩy mạnh hơn nữa phong trào thi đua vì sự nghiệp phát triển giáo dục. Có chế độ khen thưởng thích đáng đối với những địa phương, cơ quan đơn vị và cá nhân có nhiều thành tích đóng góp cho phong trào giáo dục - đào tạo.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp ủy, chính quyền các cấp và các ngành, các đoàn thể nghiêm túc triển khai học tập, quán triệt Nghị quyết II của Trung ương Đảng, gắn với kiểm điểm đánh giá tình hình, nhiệm vụ đối với sự nghiệp giáo dục đào tạo. Xây dựng kế hoạch và chương trình hành động từng cấp, từng đơn vị, với những mục tiêu, biện pháp, việc làm cụ thể, có phân công trách nhiệm và định rõ thời gian (thời gian đạt chuẩn phổ cập của từng xã, phường, thị trấn của từng huyện, thị, thời gian của các công việc trong từng nhiệm vụ).

Việc triển khai học tập Nghị quyết, kiểm điểm đánh giá tình hình và xây dựng chương trình hành động phải thực hiện xong vào quý III năm 1997.

2. Ngành giáo dục và đào tạo tổ chức học tập Nghị quyết, kiểm điểm đánh giá tình hình tới tất cả cán bộ quản lý và giáo viên, nhân viên toàn ngành, xây dựng chương trình hành động của từng cá nhân, từng cấp quản lý giáo dục.

3. Các cấp, các ngành thường xuyên chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện chương trình hành động đã đề ra, có biện pháp giải quyết kịp thời và thúc đẩy thường xuyên theo định kỳ từng thời gian.

4. Báo Lào Cai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, huyện, thị và các hoạt động thường xuyên tuyên truyền, phổ biến và thông tin sâu rộng trong nhân dân để tạo khí thế thi đua, làm chuyển biến mạnh mẽ các hoạt động giáo dục - đào tạo trong phạm vi toàn tỉnh.

5. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chịu trách nhiệm hướng dẫn chỉ đạo việc triển khai thực hiện chương trình này đến cơ sở.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 03-NQ/TU, ngày 9-5-1997

Về phát triển kinh tế du lịch giai đoạn 1996 - 2000

I. THỰC TRẠNG KINH TẾ DU LỊCH LÀO CAI

Lào Cai có nhiều tiềm năng để phát triển du lịch. Với những cửa khẩu quốc tế, quốc gia trên địa bàn tạo điều kiện mở rộng mối quan hệ giao lưu kinh tế - văn hóa - xã hội trong và ngoài nước. Những ưu thế về khí hậu, cảnh quan thiên nhiên, với những địa danh nổi tiếng như Sa Pa, Bắc Hà..., những truyền thống văn hóa lâu đời và phong phú của cộng đồng các dân tộc cùng với sự ổn định và phát triển kinh tế - xã hội là những điều kiện tốt để phát triển ngành kinh tế quan trọng này.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I và II đều khẳng định du lịch - dịch vụ là một ngành kinh tế quan trọng và xác định cơ cấu kinh tế của tỉnh từ đó đến năm 2000 là “nông lâm nghiệp - công nghiệp - du lịch và dịch vụ”.

Do nhiều nguyên nhân, trước năm 1992 Lào Cai chưa có hoạt động kinh doanh du lịch.

Từ năm 1992 đến nay, cùng với xu thế chung của thế giới, sự phát triển của ngành du lịch Việt Nam, du lịch Lào Cai đã ra đời và từng bước phát triển.

Cùng với sự phát triển đồng bộ của các ngành kinh tế, văn hóa - xã hội, kết cấu hạ tầng đường, điện... và các hoạt động dịch vụ vận

tải, bưu chính, nước sạch... phát triển, cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên ngành du lịch cũng dần dần được tăng cường tạo điều kiện thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến thăm Lào Cai ngày càng đông. Năm 1996 đã có gần 60.000 lượt khách (50% người nước ngoài) đến Lào Cai (gấp 10 lần năm 1992). Doanh thu du lịch toàn tỉnh ước đạt 12 tỷ. Góp phần thúc đẩy sự đổi mới và phát triển của nhiều ngành kinh tế khác tạo công ăn việc làm, mở rộng giao lưu văn hóa và xã hội, tăng cường tình đoàn kết hữu nghị, hòa bình và sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc, quốc gia.

Tuy nhiên, du lịch Lào Cai còn quá non trẻ. Quy mô và chất lượng chưa tương xứng với tiềm năng và yêu cầu thị trường. Hình thức kinh doanh phục vụ còn nghèo nàn, chất lượng kém, hiệu quả kinh doanh thấp.

Nguyên nhân của những tồn tại trên:

- Lào Cai mới được tái lập lại, trong bụng bề những khó khăn về nhiều mặt đặc biệt là vốn nên chưa thể đầu tư thỏa đáng đáp ứng ngay yêu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng... phục vụ du lịch để có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với du khách.

- Công tác quản lý nhà nước về du lịch từ quy hoạch, hướng dẫn, kiểm tra... còn bất cập với tình hình phát triển của thị trường du lịch.

- Trình độ năng lực của đội ngũ cán bộ nhân viên kinh doanh du lịch vừa thiếu, vừa yếu chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ.

II. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN DU LỊCH - DỊCH VỤ GIAI ĐOẠN 1996-2000

1. Quan điểm

- Du lịch là một ngành kinh tế mang tính chất tổng hợp, một ngành kinh tế quan trọng trong cơ cấu kinh tế - xã hội của tỉnh. Phát triển du lịch phải lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm mục tiêu chính, đồng thời phải bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái, giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa,

bản sắc dân tộc, tiếp thu và phát huy có chọn lọc những tinh hoa của nhân loại.

Hoạt động du lịch mang tính đa ngành nên đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các ngành, các cấp, dưới sự lãnh đạo chỉ đạo tập trung thống nhất của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, làm cho du lịch phát triển mạnh góp phần tích cực vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Thực hiện cơ cấu kinh tế nhiều thành phần tham gia kinh doanh du lịch trong đó doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò nòng cốt nhằm khai thác triệt để mọi khả năng về vốn, kỹ thuật và lao động của các thành phần kinh tế trong và ngoài tỉnh để phát triển du lịch.

Đẩy mạnh phát triển du lịch quốc tế, đồng thời chú trọng phát triển du lịch nội địa đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường.

2. Phương hướng, mục tiêu tổng quát

Tập trung đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật chuyên ngành, hình thành và nâng cấp các khu du lịch, mở rộng và phát triển các phương thức kinh doanh phục vụ, tạo ra nhiều sản phẩm du lịch, dịch vụ mang tính dân tộc, kết hợp với tính hiện đại, đa dạng và nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch. Khai thác tối đa tài nguyên du lịch song vẫn bảo vệ được cảnh quan tự nhiên và môi trường sinh thái đưa du lịch Lào Cai lên một bước phát triển mới, kể cả quy mô và chất lượng dịch vụ để có thể hội nhập được với hoạt động du lịch cả nước và các nước trong khu vực, tạo tiền đề quan trọng cho bước phát triển đầu thế kỷ XXI. Thúc đẩy các ngành kinh tế đặc biệt là kinh tế đối ngoại phát triển.

Đối với Lào Cai hoạt động du lịch tập trung chủ yếu vào các loại hình du lịch nghỉ dưỡng, nghỉ mát, du lịch tham quan, du lịch nghiên cứu khoa học, tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc, lịch sử.

Trong kinh doanh du lịch đồng thời chú ý đến phát triển cả hoạt động lữ hành và khách sạn dịch vụ; trong kinh doanh lữ hành cần chú ý phát triển mạnh lữ hành quốc tế.

Để phát triển du lịchữ hành, phải xác định các tuyến, điểm, các tua du lịch hấp dẫn với du lịch. Những năm trước mắt, xây dựng 5 tuyến du lịch chủ yếu là:

- Lào Cai - Sa Pa: Đây là tuyến trọng điểm trong tỉnh có sức thu hút khách vì nó đáp ứng các loại hình du lịch: nghỉ dưỡng, nghỉ mát, tham quan, nghiên cứu, thể thao... tuyến này có các phụ tuyến:

+ Lào Cai - Sa Pa: tới các điểm cửa khẩu Lào Cai, Đền Thượng (thị xã Lào Cai), Thác Bạc, Hàm Rồng, Cầu Mây, Bãi đá cổ, Động Tả Phìn (Sa Pa).

+ Lào Cai - Sa Pa - núi Fanxipan.

+ Lào Cai - Sa Pa - Tả Van - Thanh Phú - Bến Đền (Cam Đường).

+ Lào Cai - Sa Pa - Tả Giàng Phìn - Mường Hum - Sin Quyền (Bát Xát).

- Lào Cai - Cam Đường.

- Lào Cai - Bắc Hà.

- Lào Cai đi các tỉnh nội địa: Là tuyến nối Lào Cai với các điểm du lịch nổi tiếng ở các tỉnh đồng bằng, ven biển, các trung tâm kinh tế - chính trị lớn rất hấp dẫn đối với du lịch người Lào Cai đặc biệt là khách du lịch các tỉnh Tây Nam Trung Quốc.

- Lào Cai đi Vân Nam và các tỉnh lân cận (Trung Quốc) là tuyến du lịch có rất nhiều khu du lịch điểm và tuyến du lịch hấp dẫn với những sản phẩm du lịch đa dạng, phong phú đặc sắc.

Căn cứ vào yêu cầu phát triển của thị trường du lịch, mở rộng thêm các tuyến du lịch Lào Cai đi Mường Khương, Văn Bàn, đi Lai Châu, Điện Biên... và mở thêm các phụ tuyến của các tuyến.

Xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng, tôn tạo cảnh quan môi trường ở các khu du lịch, điểm du lịch, những nơi vui chơi giải trí để thu hút khách du lịch. Tiếp tục đầu tư nâng cấp và xây dựng mới các khách sạn với quy mô, kiểu dáng, chất liệu phù hợp, có đủ tiện nghi sinh hoạt, dịch vụ đa dạng để phục vụ thuận lợi cho khách lưu lại dài ngày.

Phấn đấu bảo đảm tốc độ tăng bình quân hàng năm trên 20%, đến năm 2000 có thể đón tiếp và phục vụ được 200.000 - 250.000 lượt

khách/năm trong đó 150.000 lượt khách quốc tế với doanh thu 100 tỷ đồng, đóng góp vào ngân sách từ 10 tỷ/năm trở lên. Đưa tỷ trọng du lịch dịch vụ lên 25% GDP của tỉnh, trong đó tỷ trọng du lịch trong du lịch dịch vụ là 30%.

3. Các chủ trương và biện pháp chủ yếu

a) Về cơ chế chính sách:

- Đối với các tổ chức và cá nhân kinh doanh du lịch:

Khuyến khích các tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài vào Lào Cai đầu tư, kinh doanh du lịch. Các tổ chức và cá nhân đầu tư vào kinh doanh du lịch ở Lào Cai được hưởng những ưu đãi về đất đai, thuế với mức thấp nhất trong khung thuế. Đặc biệt ưu đãi đối với việc đầu tư cho những cơ sở kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch: như xây dựng đường sá, tôn tạo các di tích lịch sử, hang động, xây dựng các lâm viên, hồ bơi... được miễn giảm thuế theo quy định của Nhà nước, được thu phí để hoàn vốn.

- Đối với khách du lịch:

+ Tạo điều kiện thuận lợi, giải quyết các thủ tục xuất cảnh, nhập cảnh nhanh chóng, văn minh, lịch sự và an toàn để khách yên tâm thoải mái.

+ Tiếp tục nghiên cứu cải tiến việc cấp các thủ tục, giấy tờ, phương pháp quản lý... bảo đảm việc giải quyết nhanh, không gây phiền hà cho du khách nhưng vẫn bảo đảm cho việc theo dõi, quản lý chặt chẽ.

b) Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật:

Huy động các nguồn lực trong, ngoài tỉnh và nước ngoài, của các thành phần kinh tế để xây dựng kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành kinh tế du lịch. Nhà nước chủ yếu đầu tư xây dựng cơ sở kết cấu hạ tầng, các cơ sở kinh doanh do các tổ chức kinh tế đầu tư bằng nguồn vốn tự có, tín dụng.

- Trên cơ sở quy hoạch tổng thể đã được phê duyệt, trước mắt tập trung đầu tư vào một số vùng trọng điểm để hình thành dần những khu du lịch Sa Pa, thị xã Lào Cai, Bắc Hà... tạo ra những điểm du lịch

hấp dẫn để thu hút khách du lịch đến tham quan và lưu lại dài ngày; quy hoạch, thiết kế chuẩn bị cho xây dựng sân bay của tỉnh phục vụ khách du lịch và phát triển kinh tế.

- Tạo dựng dần các kết cấu hạ tầng, cảnh quan, nơi vui chơi giải trí, công viên, sân vận động, bể bơi, các trung tâm văn hóa thể dục thể thao... ở các trung tâm chính trị văn hóa - xã hội, ở các thị xã, thị trấn.

- Nâng cấp xây dựng mới các khách sạn, nhà nghỉ trang bị kỹ thuật theo hướng hiện đại hóa, bảo đảm các tiện nghi sinh hoạt; ăn uống, nghỉ ngơi, đi lại, vui chơi... tổ chức, đầu tư phát triển những cơ sở sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm truyền thống những đặc sản của địa phương để đáp ứng yêu cầu đa dạng của khách.

- Trong quá trình đầu tư, chú ý lồng ghép các chương trình, dự án của các ngành, các lĩnh vực vào việc kết hợp phục vụ cho hoạt động du lịch (như kết hợp trồng rừng, vùng cây ăn quả thành những lâm viên...).

- Mở rộng, nâng cấp hệ thống đường giao thông, hệ thống điện, bưu chính viễn thông, cung cấp nước sạch... tới các trung tâm du lịch. Trang bị xe khách, taxi loại tốt để đưa đón khách du lịch đi các điểm du lịch trong và ngoài tỉnh.

c) Kiện toàn tổ chức hệ thống quản lý và kinh doanh du lịch.

- Đối với bộ máy quản lý nhà nước:

Kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước từ tỉnh đến huyện: trong điều kiện kinh tế du lịch ở tỉnh ta chưa mạnh, số lượng các tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch chưa nhiều, khách du lịch chưa đông nên chưa thành lập Sở Du lịch ở tỉnh. Cần thành lập Phòng Du lịch, bố trí 3 cán bộ; ở huyện, thị xã, tùy điều kiện và khả năng phát triển bố trí 1 cán bộ trong Phòng Tài chính - Thương nghiệp, làm nhiệm vụ nghiên cứu, hướng dẫn kinh doanh và quản lý du lịch.

- Đối với hệ thống kinh doanh du lịch:

- + Phải tổ chức lại hệ thống các doanh nghiệp kinh doanh du lịch. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế kinh doanh du lịch, doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò nòng cốt. Kinh doanh lĩnh vực hành quốc tế liên

quan đến nhiều mặt kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng ở một tỉnh biên giới, nên trong những năm trước mắt chỉ giao cho doanh nghiệp nhà nước đảm nhiệm.

+ Thành lập một Công ty du lịch làm nhiệm vụ kinh doanh du lịch tổng hợp: kinh doanh lữ hành, kinh doanh khách sạn và dịch vụ (kể cả vận chuyển khách đi theo tua đã hợp đồng). Chọn một số khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách, có quy mô, kiểu dáng kiến trúc hợp lý, phát huy được trong kinh doanh giao cho công ty quản lý để khai thác, tạo điều kiện cho công ty phát huy vai trò nòng cốt của doanh nghiệp nhà nước.

+ Tiếp tục sắp xếp lại các nhà khách, nhà nghỉ, khách sạn của cơ quan, đoàn thể, doanh nghiệp nhà nước đã sử dụng nguồn vốn Nhà nước để đầu tư theo hướng đơn vị nào có đủ điều kiện về quy mô và trình độ thì lập doanh nghiệp khách sạn kinh doanh lưu trú, nếu không đủ các điều kiện quy định thì nhập vào các công ty khác để giảm bớt đầu mối, tạo sức mạnh mở rộng kinh doanh.

+ Hướng dẫn các doanh nghiệp xúc tiến việc thành lập hiệp hội du lịch Lào Cai, để tăng cường sự liên kết thống nhất trong kinh doanh, giúp nhau phát triển.

d) Nâng cao chất lượng phục vụ của các doanh nghiệp du lịch dịch vụ.

Khách du lịch đến Lào Cai ngày càng nhiều, với những đối tượng khác nhau, có những nhu cầu về dịch vụ rất phong phú và đa dạng đòi hỏi chất lượng ngày càng cao. Vì vậy, các doanh nghiệp phải đa dạng hóa các hình thức dịch vụ, không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ để thỏa mãn nhu cầu của khách, tích cực tìm kiếm thị trường, tuyên truyền quảng cáo bằng nhiều hình thức để thu hút khách.

Để đáp ứng được yêu cầu phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu đa dạng của khách du lịch, các doanh nghiệp phải chú ý đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý, hướng dẫn viên, tiếp viên... không ngừng nâng cao trình độ quản lý, chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và hiểu biết về văn hóa - xã hội, vệ sinh môi trường.

e) Tăng cường quản lý về hoạt động du lịch trên địa bàn tỉnh, nhằm bảo đảm kinh doanh du lịch hoạt động theo đúng hướng, đúng pháp luật, đạt hiệu quả kinh tế, bảo đảm an ninh chính trị trật tự, an toàn xã hội.

Để tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch tại địa phương trước hết phải ban hành quy chế “Quản lý nhà nước về du lịch và kinh doanh du lịch”.

Tại địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh (ở huyện, thị là ủy ban nhân dân huyện, thị) thống nhất quản lý nhà nước về du lịch.

Sở Thương mại - Du lịch chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh (ở huyện, thị là phòng tài chính - thương nghiệp huyện, thị) thực hiện chức năng quản lý nhà nước về du lịch.

Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn các ngành, cơ quan, đơn vị thuộc chính quyền các cấp có trách nhiệm giải quyết những vấn đề liên quan đến du lịch như vấn đề quy hoạch, kiến trúc, xây dựng, môi trường, văn hóa, an ninh... để bảo đảm sự thống nhất đồng bộ giữa các cấp, các ngành, tạo môi trường thuận lợi trong hoạt động du lịch.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các cấp ủy Đảng, các Đảng đoàn, Ban cán sự tổ chức triển khai và lãnh đạo thực hiện tốt Nghị quyết này.

Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào mục tiêu, phương hướng và những chủ trương biện pháp chủ yếu trên, chỉ đạo các cấp, các ngành xây dựng kế hoạch thực hiện.

Du lịch là một ngành kinh tế mang lại hiệu quả cao, là đòn bẩy thúc đẩy sự phát triển của tất cả các ngành trong nền kinh tế quốc dân góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, là phương tiện quan trọng để thực hiện chính sách mở cửa, là môi trường thuận lợi cho sự phát triển những mối giao lưu kinh tế - văn hóa - xã hội giữa các vùng trong nước và quốc tế, tăng cường tình hữu nghị, hòa bình và

sự hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc. Các cấp, các ngành và các đoàn thể nhân dân tăng cường sự phối hợp thống nhất chỉ đạo thực hiện nghị quyết, đưa hoạt động du lịch của tỉnh ta phát triển tương xứng với tiềm năng, đáp ứng yêu cầu thị trường, hòa nhập với du lịch của cả nước.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 10 NGÀY 17-5-1997

Số 45-TB/TU, ngày 20-5-1997

Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai lần thứ X ngày 17-5-1997 dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao- Bí thư Tỉnh ủy (có mặt đủ 13 đồng chí) đã thống nhất kết luận một số vấn đề như sau:

I. Về nhân sự bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X

Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí xây dựng 2 phương án trình Bộ Chính trị. Ngày 17 tháng 5 năm 1997 Bộ Chính trị có Công điện số 07 thông báo đồng chí Tráng A Pao- Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, ứng cử đại biểu Quốc hội khóa X. Do vậy phương án giới thiệu tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X như sau:

1. Đồng chí Tráng A Pao- Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh.
2. Đồng chí Hoàng Ngọc Thành- Phó Giám đốc Công an tỉnh Lào Cai
3. Đồng chí Lý Ngọc Sáng- Đội trưởng sản xuất xã Hợp Thành thị xã Cam Đường - Lào Cai, dân tộc Xa Phó
4. Đồng chí Hoàng Thị Quỳnh Lưu- Giáo viên trường phổ thông trung học huyện Bát Xát - Lào Cai, dân tộc Giáy.

Liên danh ứng cử gồm:

1. Lý Văn Ba - Đội trưởng sản xuất - Thôn Bắc Công - xã Hợp Thành - thị xã Cam Đường - Lào Cai, Dân tộc Giáy.

2. Trang Thị Xinh: Cán bộ Sở Giáo dục tỉnh Lào Cai, dân tộc Giáy.

II. Công tác cán bộ Ban Tổ chức Tỉnh ủy

1. Nhất trí điều động và đề bạt đồng chí Lù Thị Hiệp - Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Cam Đường giữ chức vụ Phó Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Thời gian điều động và đề bạt vào cuối tháng 12-1997.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Thị ủy Cam Đường chuẩn bị cán bộ thay thế đồng chí Hiệp vào kỳ họp Hội đồng nhân dân Thị xã cuối năm 1997.

III. Công tác cán bộ Sở Địa chính

1. Đề bạt đồng chí Nguyễn Ngọc Cung - Trưởng phòng Tổ chức hành chính Sở Địa chính giữ chức Phó Giám đốc Sở Địa chính.

2. Ban Tổ chức Tỉnh ủy cùng với Sở Địa chính hoàn chỉnh thủ tục trình Ban Thường vụ đề trình đề bạt đồng chí Phùng Thị Bé - Trưởng phòng Đăng ký - Thống kê Sở Địa chính giữ chức Phó Giám đốc Sở Địa chính.

IV. Công tác cán bộ Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh

1. Nhất trí đề nghị Ngân hàng Nông nghiệp Trung ương điều động và đề bạt đồng chí Đoàn Quốc Huân- Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp huyện Bát Xát, giữ chức vụ Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh Lào Cai.

2. Nhất trí đề nghị Ngân hàng Nông nghiệp Trung ương đề bạt đồng chí Nguyễn Chiến Thắng- Phó Giám đốc quyền Giám đốc Ngân hàng phục vụ người nghèo tỉnh Lào Cai, giữ chức vụ Giám đốc Ngân hàng phục vụ người nghèo tỉnh Lào Cai.

V. Công tác cán bộ Đảng ủy Quân sự tỉnh

1. Nhất trí bầu bổ sung đồng chí Nguyễn Quang Ân - Thượng tá, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Chủ nhiệm chính trị giữ chức Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh Lào Cai.

2. Nhất trí chỉ định đồng chí Trần Bá Ban - Trung tá, Phó Chủ nhiệm chính trị Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự tỉnh Lào Cai.

VI. Công tác cán bộ huyện Bắc Hà

1. Nhất trí cho đồng chí Ngô Khoái - Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà, chuyển công tác về Hải Dương.

2. Nhất trí cho huyện Bắc Hà bầu bổ sung đồng chí Đặng Văn Chạy - Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Trưởng Phòng kế hoạch, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy. Hội đồng nhân dân huyện Bắc Hà bầu bổ sung đồng chí Chạy giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện vào kỳ họp tháng 6-1997.

VII. Công tác cán bộ Hội liên hiệp Phụ nữ tỉnh

1. Nhất trí giới thiệu đồng chí Giàng Thị Mỹ - Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, tham gia ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam khóa VIII.

VIII. Thành lập Ban cán sự Đảng Cục Thống kê Lào Cai

1. Đồng chí Nguyễn Ngọc Tuấn - Cục trưởng, giữ chức vụ Bí thư Ban cán sự.

2. Đồng chí Trần Trọng Cường - Phó Cục trưởng, giữ chức vụ Ủy viên.

3. Đồng chí Đoàn Thị Mai Liên - Trưởng phòng Tổ chức, giữ chức vụ Ủy viên.

4. Đồng chí Nguyễn Minh Hoan - Chủ tịch Công đoàn cơ quan, giữ chức vụ Ủy viên.

IX. Nhất trí làm nhận xét cho đồng chí Nguyễn Văn Lũy trong thời gian công tác tại tỉnh Lào Cai để đề nghị Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba.

X. Về hoạt động của cửa hàng miễn thuế thuộc Công ty Xuất nhập khẩu Lào Cai

Đồng ý cho cửa hàng tiếp tục hoạt động theo nội dung Thông báo số 01-TB/TU, ngày 3-1-1997 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đến hết ngày 30-6-1997. Từ 1-7-1997 thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Các cơ quan và cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
TRẮNG A PAO**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 65-QĐ/TU, ngày 20-5-1997

Về chức năng, nhiệm vụ của Đảng ủy các cơ quan tỉnh

Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII);

Căn cứ vào tình hình thực tế về công tác xây dựng Đảng trong các cơ quan hành chính sự nghiệp, các tổ chức đoàn thể nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

I. Chức năng

Đảng ủy các cơ quan tỉnh là tổ chức Đảng trực thuộc Tỉnh ủy; trực tiếp lãnh đạo công tác xây dựng Đảng ở các cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức đoàn thể nhân dân và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh.

II. Nhiệm vụ

Đảng ủy các cơ quan tỉnh có nhiệm vụ như sau:

1 - Lãnh đạo tổ chức cơ sở đảng trong Đảng bộ, bảo đảm thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan đúng đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, ngăn ngừa những biểu hiện chệch hướng, chống diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch.

2- Giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên và quần chúng kiên định mục tiêu lý tưởng của Đảng, nâng cao đạo đức cách mạng. Sống trung thực, lành mạnh, tích cực tham gia đấu tranh chống các tệ quan liêu, tham nhũng. Đề cao tinh thần đoàn kết và ý thức kỷ luật, nói và làm đúng quan điểm của Đảng, chống tư tưởng cục bộ, bè phái, gia trưởng, vô tổ chức vô kỷ luật.

3- Về công tác cán bộ:

- Đảng ủy các cơ quan tỉnh trực tiếp quản lý cấp ủy cơ sở và cán bộ làm công tác xây dựng đảng của Đảng bộ về nhận xét, đánh giá và sử dụng cán bộ.

- Có trách nhiệm tham gia cùng Ban Tổ chức Tỉnh ủy về nhận xét tư cách cán bộ, đảng viên thuộc diện Tỉnh ủy quản lý khi có yêu cầu, cùng với các Đảng bộ theo dõi quản lý đảng viên thuộc Đảng bộ các cơ quan tỉnh tham dự sinh hoạt với tổ chức đảng nơi cư trú.

4- Lãnh đạo, kiểm tra tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Đảng ủy; thực hiện nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy và nghị quyết của Đảng bộ các cơ quan tỉnh; kiểm tra tổ chức cơ sở đảng, đảng viên thực hiện Điều lệ Đảng, xử lý kịp thời những tổ chức cơ sở đảng, vi phạm theo thẩm quyền.

5- Phối hợp với các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy để kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng ở các ngành, các chi bộ. Qua đó nắm quan điểm tư tưởng, phẩm chất đạo đức, tư cách của cán bộ, đảng viên, trước hết là đối với đảng viên giữ cương vị lãnh đạo; kịp thời phát hiện những tổ chức cơ sở đảng, đảng viên, cán bộ vi phạm đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để ngăn ngừa và xử lý.

6- Thực hiện tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

7- Làm tốt công tác xây dựng Đảng trong toàn Đảng bộ; đẩy mạnh việc bồi dưỡng, tạo nguồn làm tốt công tác phát triển đảng viên mới; không ngừng phấn đấu xây dựng các chi, đảng bộ đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh.

8- Thường xuyên chăm lo, lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng

sản Hồ Chí Minh và công đoàn các cơ quan xây dựng tổ chức vững mạnh, thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tự phê bình và phê bình, cải tiến nền nếp sinh hoạt đảng bảo đảm chất lượng và hiệu quả.

9-Chăm lo kiện toàn các ban tham mưu của Đảng ủy, quản lý và bồi dưỡng cán bộ làm công tác xây dựng đảng của Đảng ủy; sắp xếp bộ máy chuyên trách của Đảng ủy gọn nhẹ, có hiệu lực.

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ như trên Đảng ủy các cơ quan tỉnh bổ sung hoàn chỉnh quy chế hoạt động của Đảng ủy.

- Quyết định này được thực hiện từ ngày ký, những quy định trước đây trái với nội dung Quyết định này đều không có hiệu lực. Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc, báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy để bổ sung và chỉnh lý.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 66-QĐ/TU, ngày 28-5-1997

**Về việc bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy
Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh**

Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 17-5-1997;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lào Cai,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chỉ định đồng chí Trần Bá Ban - Trung tá, Phó Chủ nhiệm chính trị Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, tham gia Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh kể từ ngày 17-5-1997, nhiệm vụ cụ thể do Ban Chấp hành Đảng ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh phân công.

2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và đồng chí Trần Bá Ban chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 67-QĐ/TU, ngày 5-6-1997
Về việc thành lập Ban cán sự Đảng
Cục Thống kê tỉnh Lào Cai

Căn cứ vào Quyết định số 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư Trung ương và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương Đảng về thành lập Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng;

Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 17-5-1997 về công tác tổ chức, cán bộ;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Ban cán sự Đảng Cục Thống kê tỉnh Lào Cai gồm các đồng chí sau:

1- Đồng chí Nguyễn Ngọc Tuấn, Cục trưởng giữ chức Bí thư Ban cán sự.

2- Đồng chí Trần Trọng Cường, Phó Cục trưởng, Ủy viên Ban cán sự.

3- Đồng chí Đoàn Thị Mai Liên, Trưởng phòng tổ chức, Ủy viên Ban cán sự.

4- Đồng chí Nguyễn Minh Hoan, Chủ tịch công đoàn cơ quan, Ủy viên Ban cán sự.

Điều 2: Nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức hoạt động của Ban cán sự Đảng Cục Thống kê được quy định tại hướng dẫn ngày 5-4-1993 của Ban Tổ chức Trung ương.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Cục Thống kê, các đồng chí có tên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 70-QĐ/TU, ngày 14-6-1997

**Về việc thành lập văn phòng và các ban chuyên môn
thuộc cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Lào Cai**

Căn cứ vào Điều 13 Chương II Điều lệ Mặt trận Tổ quốc Việt Nam khóa IV đã quy định;

Căn cứ vào Thông tri số 08-TT/MTTW, ngày 11-12-1995 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về việc hướng dẫn xây dựng tổ chức bộ máy cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh, thành;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Thành lập Văn phòng và các Ban chuyên môn thuộc cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Lào Cai thời gian kể từ ngày 1-7-1997:

- Văn phòng (tổng hợp - hành chính quản trị)
- Ban Phong trào
- Ban Dân chủ pháp luật
- Ban Dân tộc - Tôn giáo

Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng và Ban chuyên môn thuộc cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Lào Cai, thực hiện theo Thông tri số 08-TT/MTTW, ngày 11-12-1995 của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam về việc hướng dẫn xây dựng tổ chức bộ máy cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh. thành.

2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu trữ tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY

Số 72-QĐ/TU, ngày 14-6-1997

Về việc tổ chức huấn luyện tự vệ khối Tỉnh ủy năm 1997

Căn cứ vào chủ trương của Tỉnh ủy về việc huấn luyện dân quân tự vệ năm 1997;

Sau khi xem xét Quyết định số 282-QĐ, ngày 1- 11- 1996 của Ban chỉ huy Quân sự thị xã Lào Cai về thành lập trung đội tự vệ khối các Ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy;

Xét đề nghị của đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy,

THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Giao cho Văn phòng Tỉnh ủy chịu trách nhiệm quản lý Trung đội tự vệ của khối Tỉnh ủy.

2. Hằng năm Văn phòng Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch huấn luyện của Trung đội tự vệ. Năm 1997 tổ chức huấn luyện từ ngày 23-6 đến ngày 28-6-1997. Để bảo đảm quân số huấn luyện theo biên chế đạt chất lượng tốt, yêu cầu các Ban xây dựng đảng thuộc Tỉnh ủy, bố trí thời gian, đúng đối tượng về tập trung huấn luyện.

3. Văn phòng Tỉnh ủy, các Ban xây dựng Tỉnh ủy và các đồng chí có tên trong danh sách lực lượng tự vệ có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 09-BC/TU, ngày 10-7-1997

Về một số tình hình quan hệ giữa tỉnh Lào Cai và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc)

I. TÌNH HÌNH QUAN HỆ LÀO CAI - VÂN NAM TỪ 1992 ĐẾN 1996

Tỉnh Lào Cai được thành lập lại cuối năm 1991 khi hai nước Việt - Trung đã bình thường hóa quan hệ. Năm 1992, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai và Tỉnh trưởng Vân Nam đã ký Biên bản ghi nhớ thiết lập mối quan hệ hợp tác giữa hai tỉnh. Về chính trị, hai bên đã tăng cường hợp tác hữu nghị trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng độc lập chủ quyền của nhau, thường xuyên trao đổi thông tin kinh tế, văn hóa, cam kết thực hiện nghiêm túc hiệp định tạm thời về việc giải quyết công việc trên vùng biên giới và các hiệp định khác mà hai nước đã ký kết. Về kinh tế, đã có một số trao đổi, hợp tác, liên doanh trên một số lĩnh vực như công nghiệp, nông nghiệp, giao thông vận tải, xuất nhập khẩu, du lịch, y tế, phát thanh truyền hình... tuy kết quả còn chưa lớn.

Ví dụ: *Về công nghiệp*: Tỉnh Lào Cai thu nhập sắt lẫn bán sang Vân Nam khoảng 4 vạn tấn và nhập một số dây chuyền phục vụ cho công nghiệp như: sản xuất xi măng, tinh lọc quặng đồng.

Trong sản xuất nông lâm nghiệp: Lào Cai có quan hệ mua bán các cây giống cây trồng, vật nuôi (lúa, ngô, khoai tây, giống dê sữa và giống cây ăn quả, của Vân Nam).

Chưa có sự hợp tác lâu dài về việc chuyển giao kỹ thuật, công nghệ. Qua cửa khẩu Lào Cai, các tỉnh ở Việt Nam cũng tiến hành việc mua bán giống của bạn và một số nông sản như: cao su, hạt điều, bột becherin...

Nên nghiên cứu đề xuất gạo và các sản phẩm nông lâm qua cửa khẩu Lào Cai vì thị trường Vân Nam có và không khó tính.

Về thương mại du lịch: Kim ngạch xuất khẩu qua cửa khẩu Lào Cai - Hà Khẩu tăng trưởng bình quân 177,4%/năm. Năm 1996 đạt 520 tỷ đồng. Hàng hóa ta xuất sang chủ yếu là quặng khoáng sản, các sản phẩm nông sản. Hàng nhập chủ yếu sản phẩm tiêu dùng, máy móc thiết bị và hóa chất cho sản xuất công nghiệp.

Kinh doanh du lịch phát triển nhanh, năm 1996 khách Trung Quốc sang ta trên 3 vạn lượt người, ta sang Trung Quốc 1 vạn lượt người.

Các hoạt động quản lý cửa khẩu (biên phòng, hải quan...) đã được thống nhất bảo đảm giao lưu hàng hóa và hành khách theo quy định của mỗi bên.

Về giao thông vận tải: Từ tháng 2-1996 khai thông đường sắt liên vận Côn Minh - Lào Cai đến cuối năm 1996 đã có 376 chuyến tàu qua lại, năm 1997 sẽ tăng hơn. Ngành giao thông đã nhập 4,64 tỷ đồng thiết bị giao thông, đang chuẩn bị cùng phía bạn xây dựng cầu Hồ Kiều 2 khi được phép.

Về văn hóa xã hội: Ta và bạn đã có các hoạt động giao lưu văn hóa thể thao như tổ chức giao lưu bóng chuyền, bóng đá, biểu diễn nghệ thuật, nhân dân biên giới qua lại thăm thân trong các dịp lễ tết cổ truyền. Ta đã mua và lắp đặt 11 trạm thu phát hình quy mô nhỏ. Bạn cho ta mua điện thắp sáng ở một vài khu vực (cửa khẩu Mường Khương, Lô Cốc Chin). Ta đã nhập một số dụng cụ và vật tư y tế trên 6 tỷ đồng trong 5 năm và xuất nhập khẩu đạt 2,8 tỷ đồng, nhập khẩu thiết bị cho dạy học 5 năm đạt trên 2 tỷ đồng.

Nhìn chung, trong quan hệ hợp tác giao lưu kinh tế văn hóa từ 1992 đến nay đạt được một số kết quả, nhưng các hoạt động chưa thực sự sôi động, còn thấp so với tiềm năng của cả hai bên. Ta chưa có sản

phẩm xuất khẩu phù hợp với thị trường của bạn với quy mô lớn và ổn định. Ta còn hạn chế nhiều mặt: chưa tổ chức được các vòng du lịch khép kín, chưa có các điểm du lịch hấp dẫn, đầu tư chưa tương xứng, thủ tục qua cửa khẩu còn nhiều vấn đề chưa thuận tiện. Quan hệ mua bán với phía bạn còn gặp rủi ro, chưa có quan hệ pháp lý trong thanh toán, chưa có quan hệ buôn bán trong bảo hộ của Nhà nước hai bên.

II. NHỮNG KHẢ NĂNG VÀ NHU CẦU TRAO ĐỔI, HỢP TÁC GIỮA LÀO CAI VỚI TRUNG QUỐC TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Về công nghiệp

Lào Cai có tiềm năng về khoáng sản, nhiều mỏ có thể tổ chức khai thác sớm vì vậy có điều tra tỉ mỉ về trữ lượng, như mỏ sắt Quý Sa (thuộc huyện Văn Bàn) mỏ đồng Sin Quyền - Bát Xát (trữ lượng 126 triệu tấn, hàm lượng 55% Fe), trữ lượng mỏ đồng 53 triệu tấn quặng 1,11% Cu, 0,46- 0,50g Au/tấn quặng. Cùng một số khoáng sản khác như apatít, feldpat, cao lanh, gạch, đá xây dựng...

Các ngành công nghiệp khác có khả năng hợp tác về chế biến lâm sản như sản xuất giấy, bột giấy, ván dăm ép.

2. Về nông, lâm nghiệp

Lào Cai có tiềm năng về đất đai, khí hậu, lao động, bạn có ưu thế về trình độ kỹ thuật và quản lý. Đề nghị trao đổi về kỹ thuật và đào tạo với các hình thức.

- Bạn cử chuyên gia giúp Lào Cai về kỹ thuật lai tạo các giống cây trồng, vật nuôi.

- Đào tạo cán bộ các loại cho nông, lâm, công nghiệp.

- Đất đai, khí hậu ở Lào Cai có khả năng sản xuất nhiều loại cây ăn quả, thực phẩm; hai bên có thể hợp tác sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm (chuối, dưa, nhãn, vải, xoài, dưa chuột, đậu tương, cà chua, mận, mơ...).

3. Về thương mại

Hai bên được trao đổi mua bán những sản phẩm mà các bên cần và có như: Mua các loại hóa chất, các loại khoáng sản (chì, kẽm, thiếc, thạch cao), bán sắt, đồng, fenspat, apatít, cao lin, gạch, đá, xây dựng... và các hàng nông lâm sản. Vấn đề ở đây đề nghị hai nước cho một cơ chế để hai tỉnh có thể có quyết định khi thấy có lợi cho cả hai bên.

Về du lịch, hai bên có thể đón và đưa du khách sang du lịch tại Lào Cai và các nơi khác của Việt Nam và ngược lại Việt Nam qua Vân Nam (Trung Quốc), theo du lịch tua trọn gói trên cơ sở các ngành chức năng quản lý bảo đảm an toàn, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền (không có hộ chiếu, có giấy chứng minh thư và tổ chức theo đoàn).

4. Các lĩnh vực khác

- Có thể hợp tác trong giáo dục - đào tạo: như tổ chức các lớp dạy tiếng Trung Quốc, tiếng Việt Nam.

- Trao đổi về kinh nghiệm giáo dục - đào tạo, truyền thông.

- Trao đổi giúp đỡ để phát triển y học cổ truyền (chữa bệnh, chuẩn đoán bệnh, đặc biệt là sử dụng đông dược, nam dược, đề nghị Vân Nam giúp Lào Cai các mặt đối với bệnh viện y học dân tộc).

- Tăng cường quan hệ văn hóa, thể dục, thể thao.

- Hợp tác để ngăn chặn và chống các loại tội phạm, cùng nhau giữ biên giới trong lành, yên tĩnh, hữu nghị, tôn trọng độc lập, chủ quyền lãnh thổ của nhau.

- Bảo vệ rừng đầu nguồn, bảo vệ nguồn nước và môi trường.

- Thông tin hợp tác về khí tượng, thủy văn, để chủ động phòng và tránh thiên tai, giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai.

- Hợp tác, trao đổi và quản lý trong kiểm dịch y tế, kiểm dịch động, thực vật, không để dịch bệnh lây lan, cùng nhau khống chế và diệt các loại dịch, bệnh đối với người và động vật, thực vật.

- Đề nghị Vân Nam giúp đỡ Lào Cai về đào tạo cán bộ nông lâm nghiệp và cán bộ y tế.

Vấn đề đề nghị:

- Hai Nhà nước (dưới sự lãnh đạo chỉ đạo của Đảng) chính thức có quan hệ buôn bán, trao đổi toàn diện và có quan hệ thanh toán quốc tế cho các hoạt động thương mại dịch vụ... có sự bảo hộ của Nhà nước.

- Cho các tỉnh biên giới có quyền quyết định trực tiếp về việc đầu tư hợp tác đối với tỉnh đối diện một giới hạn về vốn, về sử dụng tài nguyên... (như từ 5-10 triệu USD/dự án), được quyết định ký kết hợp tác khai thác một số mỏ hoặc xây dựng xí nghiệp chế biến.

- Để quan hệ hai nước phát triển thuận lợi, đề nghị mở đường bộ Vân Nam - Lào Cai - Nội Bài - cảng Cái Lân- cảng Hải Phòng. Nâng cấp đường sắt Hà Nội - Vân Nam cho mở đường sắt Hà Nội - Vân Nam, cho mở lại sân bay Lào Cai, mở đường bay Lào Cai đi trong nước, Lào Cai - Vân Nam (Trung Quốc).

- Để quan hệ hai nước (2 bộ giao thông) có kế hoạch chinh trị sông Hồng.

- Sau chuyến thăm Trung Quốc của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười, đề nghị Trung ương cho Tỉnh ủy Lào Cai được mời đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Vân Nam sang thăm tỉnh Lào Cai.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 10-BC/TU, ngày 10-7-1997

Sơ kết 5 năm thực hiện các chương trình dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai

Hơn 5 năm qua, từ ngày tái lập tỉnh Lào Cai (1-10-1991) tới nay, được sự chỉ đạo và đầu tư của Trung ương, tỉnh ta đã tập trung mọi cố gắng, từng bước thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 22-NQ/TW của Bộ Chính trị và Quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về “Một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi” trên địa bàn.

Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh sơ kết đánh giá kết quả các nguồn vốn đầu tư của chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội theo chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước nhằm đánh giá đúng đắn những mặt làm được và chưa làm được và đồng thời rút ra những hạn chế, tồn tại trong thời gian qua và những nguyên nhân của nó. Từ đó đề ra những định hướng giải pháp để sử dụng các nguồn vốn đầu tư đạt hiệu quả tốt hơn trong giai đoạn 1997 -2000 và những năm tiếp theo.

Việc khảo sát đánh giá tiến hành từ cơ sở lên và theo từng chương trình dự án (Công văn 340-CV/TU), nhìn chung các cấp, các ngành đã tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc chủ trương của Tỉnh ủy. Nhiều đơn vị làm tốt như huyện Mường Khương, Bảo Thắng, Bát Xát, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông, Lao động

thương binh xã hội... Tuy nhiên còn có đơn vị chấp hành quyết định của Tỉnh ủy chưa nghiêm, tiến hành đạt yêu cầu thấp.

Việc sử dụng quản lý các nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội miền núi ở tỉnh ta là một việc làm mới mẻ chưa có kinh nghiệm lại nhiều chương trình dự án, nhiều nguồn vốn đầu tư trên diện rộng, trong lúc tỉnh vừa tái lập còn nhiều việc phải làm. Do đó bên cạnh những kết quả đạt được là chủ yếu còn tồn tại khuyết điểm hạn chế kết quả là không tránh khỏi.

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN TỪ 1992 ĐẾN NAY

I. THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH LÀO CAI NĂM 1992

Lào Cai là tỉnh miền núi vùng cao biên giới, có 27 dân tộc anh em, với số dân trên 54 vạn người, trong đó có 67,2% là dân tộc ít người, sống xen kẽ nhau trên diện tích tự nhiên 804.400 ha. Có 8 huyện, 2 thị xã gồm 180 xã phường, trong đó có 152 xã là vùng cao, 26 xã phường giáp biên giới tỉnh Vân Nam - Trung Quốc trải dài 203 km.

Chúng ta thực hiện Nghị quyết 22, Quyết định 72 của Trung ương trong bối cảnh: Nền kinh tế kém phát triển, sản xuất lạc hậu mang nặng tính tự nhiên, thuần nông, tự cấp tự túc, nhất là vùng cao, nạn du canh du cư khá nghiêm trọng. Tài nguyên rừng bị cạn kiệt (độ tán che phủ còn 15%), công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp mặc dù còn nhiều tiềm năng nhất là khoáng sản nông lâm sản nhưng chưa được khai thác và phát triển. Ngân sách địa phương do Trung ương tài trợ là chính. Kết cấu hạ tầng yếu kém, không đồng bộ và xuống cấp nghiêm trọng. Các tuyến đường trục cầu cống bị hư hỏng chưa khôi phục, khu vực giáp biên chưa rà phá vật cản và khai thác. 54 xã chưa có đường ô tô đi qua, 12 xã chưa có trường lớp học, 26 xã chưa có cán bộ y tế. Đời sống nhân dân rất khó khăn, còn 29% dân đói, 45% hộ

nghèo, trên 180 ngàn người thiếu nước sinh hoạt, trên 50% người dân mù chữ, 2% nghiện hút thuốc phiện, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên cao (3,6%), bệnh tật và các tập tục lạc hậu còn nặng nề...

Tỉnh ta có nhiều tiềm năng thiên nhiên phong phú, đa dạng, có mạng lưới giao thông đường sắt, đường thủy, đường bộ nối liền với các tỉnh miền xuôi. Có cửa khẩu quốc tế và cửa khẩu quốc gia với Trung Quốc, có tiềm năng du lịch nhưng chưa được khai thác, phát huy.

Đảng bộ Lào Cai và nhân dân các dân tộc có truyền thống đoàn kết thống nhất cao có tinh thần chịu đựng gian khổ, khắc phục khó khăn thử thách. Lao động cần cù sáng tạo tin tưởng tuyệt đối và sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Đó là thực trạng tỉnh Lào Cai khi được tái lập, nó vừa là khó khăn, vừa là thuận lợi cơ bản để tiếp nhận các nguồn vốn đầu tư để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai mới.

II. KẾT QUẢ CÁC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

5 năm thực hiện Nghị quyết 22, Quyết định 72 của Trung ương, tỉnh ta đã tiếp nhận 286.135 triệu đồng của các chương trình đầu tư bao gồm:

- Vốn cấp là: 197.980 triệu
- Vốn vay là: 68.717 triệu.
- Tài trợ của nước ngoài: 19.438 triệu.

Ngoài ra do sức dân đóng góp trị giá 17.283 triệu đồng đưa tổng số vốn đầu tư là 304.418 triệu đồng, đã đầu tư ở các huyện thị trong tỉnh. Nhìn chung, việc đầu tư bảo đảm đúng mục tiêu nội dung của các chương trình, dự án đề ra.

Báo cáo này chỉ đánh giá kết quả cụ thể một số chương trình chính trên cơ sở đó đánh giá kết quả chung nguồn vốn và các chương trình dự án đã đầu tư trong 4 năm qua.

1. Chương trình 327

Từ năm 1993 đến nay tỉnh đã được đầu tư 42 dự án, tổng số vốn là 47.620 triệu đồng, trong đó 7.127 triệu đồng là vốn vay (chiếm 14,9%)

do 2 cơ quan quản lý (ngành nông, lâm nghiệp quản lý 13 dự án, ban định canh định cư 29 dự án). Mục tiêu chương trình là phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, phát triển vốn rừng và ổn định đời sống nhân dân.

Quán triệt tinh thần Quyết định 327-QĐ/CP, chúng ta đã đầu tư 40% (19.048 triệu) số vốn phát triển rừng đã trồng mới 8.600 ha và gần 10 ha vườn ươm: 20,3% đầu tư phát triển nông nghiệp (7.768), trồng 1.085 ha cây ăn quả, 451 ha cây công nghiệp và xây dựng 939 ha kinh tế vườn hộ đầu tư 1.102 con trâu, bò cho hộ nông dân chăn nuôi; và 39,7% tổng số vốn (18.906 triệu đồng). Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, trường học, trạm xá, hệ thống nước sinh hoạt... do đó sản xuất có chuyển biến đã tạo lập các mô hình nông, lâm kết hợp rõ rệt, kinh tế vườn hộ, vườn rừng. Có hiệu quả nhất là kinh tế rừng đã thành ngành sản xuất có nhu cầu của đông đảo nhân dân các dân tộc, đời sống vật chất tinh thần và dân trí của nhân dân vùng dự án đã được cải thiện một bước.

Tuy nhiên thực hiện Chương trình 327 trên địa bàn còn những tồn tại:

- Việc quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch cụ thể vùng chưa có nên việc thực hiện đầu tư có nội dung chưa sát hợp với thực tế yêu cầu sản xuất, đời sống của nhân dân và đặc điểm vùng dân tộc.

- Quản lý cấp phát vốn còn nhiều thang nấc thủ tục phiền hà, thời gian cấp phát chưa phù hợp với thời vụ sản xuất, quy trình đầu tư chưa coi trọng đúng mức đến tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý... cho chủ dự án dẫn đến một số chủ dự án không làm được vai trò của mình nên sử dụng vốn hiệu quả chưa cao.

- Vốn đầu tư chưa tập trung, chưa cân đối theo mục tiêu của chương trình. Việc tổ chức thực thi cụ thể có những trường hợp biểu hiện chủ quan thiếu thực tế. Tỷ lệ dành cho phát triển rừng còn thấp (đạt 40% tổng số vốn); 5% (22 tỷ đồng) đầu tư ngoài vùng dự án.

2. Chương trình phòng hộ sông Đà

Nguồn vốn này chỉ thực hiện ở 5 xã huyện Than Uyên. Từ năm 1992 đến năm 1996 tổng vốn đầu tư cho 5 dự án là: 5.424 triệu đồng.

Cơ cấu đầu tư gồm:

Trồng rừng 2.345 triệu đồng.

Khoanh nuôi chăm sóc bảo vệ 664 triệu đồng.

Xây dựng cơ bản hạ tầng 413 triệu đồng.

Ngoài ra chi phí cho việc thực hiện dự án là 2.002 triệu đồng (làm trụ sở, mua ô tô).

Kết quả trồng rừng được 1.256 ha; khoanh nuôi bảo vệ 10.420 ha; giao khoán cho 290 hộ gia đình quản lý bảo vệ; xây dựng 193 vườn hộ với tổng số diện tích 950 ha và giao rừng cho 585 hộ tự quản là 1.501 ha; làm rãnh cản lửa 30 ha tổ chức di 25 hộ dân ra khỏi vùng dự án, đã tăng tán che phủ 5 dự án ở từ 12% lên 14% và đang phấn đấu nâng lên 40%.

Nhìn chung thực hiện dự án phòng hộ sông Đà tuy đã có nhiều cố gắng, được đồng bào nhiệt tình hưởng ứng nhưng do nhiều nguyên nhân nhất là khí hậu, đất đai ở vùng này nên rừng trồng phát triển chậm chi phí quản lý chuẩn bị đầu tư cao (36%); những vụ cháy rừng lớn thường xuyên xảy ra do vậy hiệu quả chương trình này còn hạn chế.

3. Chương trình định canh định cư phát triển

Chương trình được thực hiện từ năm 1995 gồm 9 dự án với vốn được cấp là 15.223 triệu đồng, hết năm 1996 đã thực hiện được 88,7% (13.504 triệu). Chương trình tập trung đầu tư 60% cho xây dựng cơ sở hạ tầng. 36,8% cho sản xuất nông nghiệp, còn trên 3% chi phí quản lý. Trong đầu tư sản xuất nông nghiệp, chúng ta đã đầu tư cho hàng trăm hộ nông dân dân tộc Mông (Nậm Xé, Văn Bàn), Lùng Phình (Bắc Hà), Lùng Vai (Muồng Khương) và dân tộc Dao Bản Qua, dân tộc Hà Nhì Y Tý (Bát Xát) phát triển kinh tế theo mô hình nông - lâm - ngư kết hợp, bình quân mỗi hộ có 1,1 ha vườn kinh tế. Đã xây dựng 3 trạm

thu phát truyền hình, truyền thanh. Mở và nâng cấp hàng chục km đường giao thông nông thôn... Quá trình thực hiện chương trình định canh định cư phát triển gắn được với dự án 327, nhờ đó đời sống vật chất tinh thần của đồng bào nâng lên một bước và ổn định định canh định cư lâu dài.

Song thực hiện chương trình này, bộc lộ một số tồn tại cần được khắc phục, đó là việc quản lý vốn đầu tư và giám sát xây dựng ở một số hạng mục công trình dự án thiếu chặt chẽ dẫn đến chất lượng kém, giá thành cao, điển hình là dự án xã Lũng Vai (Mường Khương) không bảo đảm về chất lượng và định mức giá cả thanh toán. Sử dụng 23,53% nguồn vốn để xây dựng trụ sở cơ quan là không hợp lý, cần được rút kinh nghiệm.

4. Chương trình hỗ trợ đồng bào đặc biệt khó khăn

Tổng số vốn được đầu tư trong năm (1993-1996) là 5.500 triệu đồng, chủ yếu hỗ trợ đồng bào các dân tộc ít người Mông, Dao, Phù Lá, Hà Nhì... có khó khăn hơn để từng bước tổ chức lại sản xuất, phát triển kinh tế cải thiện đời sống. Với mục tiêu đó chương trình đã đầu tư cho dân 1.315 con trâu, bò; 4.196 kg giống lúa, ngô kỹ thuật năng suất cao; 14.564 tấn lợn, làm 443m² nhà trạm xá, 210m² trường học xây dựng 3 công trình thủy lợi, hàng trăm bể hứng nước ăn; hỗ trợ 2.267 hộ gia đình làm kinh tế vườn rừng; giúp cho 15 hộ sống ở hang về sống với cộng đồng (ở xã Gia Phú, Bảo Thắng).

Nhờ đó đời sống của nhiều gia đình nay đã ổn định, đỡ khó khăn. Nhiều hạng mục đầu tư đã phát huy tác dụng tốt. Tuy nhiên có hạng mục công trình phát huy tác dụng kém như công trình cấp nước sinh hoạt nhiều nơi không sử dụng được hoặc đầu tư không đúng mục đích của chương trình, chưa phù hợp đặc điểm địa phương nên hiệu quả thấp như đầu tư trồng cây sa mộc ở Tả Gia Khâu (Mường Khương) chết 100%, cây quế (Văn Bàn) chết 80%, cây đỗ trọng ở Nàn Sán (Bắc Hà) chết 60%...

5. Chương trình 06 CP

Mục tiêu của chương trình là xóa bỏ việc trồng cây anh túc, chống buôn bán tàng trữ thuốc phiện và tổ chức cai nghiện. Tổng số vốn đầu tư là: 18.308,8 triệu đồng.

Thực trạng tình hình gieo trồng và nghiện hút thuốc phiện ở tỉnh ta từ năm 1993 về trước là nghiêm trọng. Theo thống kê thời điểm cao nhất (1992), tỉnh ta có 102 xã trồng cây thuốc phiện với diện tích 3.434 ha, bằng 15% diện tích lúa nước toàn tỉnh. Số người nghiện hút thuốc phiện có 11.378 người tăng 2% tổng dân số. Trước tình hình đó chúng ta tập trung đầu tư các loại cây trồng nhằm chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, xóa bỏ trồng cây thuốc phiện, đồng thời trợ cấp nông cụ phân bón, lương thực, đồ dùng gia đình, thuốc chữa bệnh... và tổ chức cai nghiện...

Chúng ta đã dành 82% nguồn vốn (15.016 triệu) đầu tư cho phát triển sản xuất chuyển đổi cơ cấu cây trồng, xóa trồng cây thuốc phiện, 11% (2.014 triệu) trợ cấp lương thực, đồ dùng gia đình và 7% (1.281 triệu) đầu tư chống buôn lậu và tổ chức cai nghiện. Kết quả đã trồng được 1.167 ha cây ăn quả, mua được 1.877 con trâu, bò cày kéo. Ngoài ra mua thuốc trừ sâu, phân bón, giống lúa mỳ, khoai tây, cấp cho đồng bào vùng trồng cây thuốc phiện.

Đến nay đã xóa cơ bản diện tích trồng cây thuốc phiện (hàng năm còn trồng lén lút rải rác khoảng trên dưới 100 ha). Đã chọn lựa tập đoàn cây trồng phù hợp như cây ăn quả, dược liệu cây công nghiệp đang hình thành vùng sản xuất tập trung theo quy hoạch. Đưa cây khoai tây, cây mỳ trồng vụ đông ở một số huyện như Bát Xát, Mường Khương, Sa Pa đạt kết quả tốt, là lương thực giải quyết đói vụ giáp hạt. Số người nghiện hút nhất là thuộc vùng cao, nông thôn giảm rõ rệt (khoảng gần 3000 người), có xã số người tự cai nghiện đạt 20 - 30% tổng số người nghiện hút. Một số kết quả quan trọng nữa là chương trình còn giúp cho nhân dân cũng như cán bộ cơ sở hiểu rõ hơn tuy cây thuốc phiện có giá trị kinh tế cao nhưng có hại cho nòi giống và xã hội có thể thay thế bằng cây trồng khác hiệu quả kinh tế - xã hội tốt đẹp hơn.

Việc tuyên truyền, giáo dục đấu tranh chống buôn bán tàng trữ thuốc phiện vận động cai bỏ hút thuốc phiện được coi trọng, đã trở thành phong trào quần chúng rộng rãi. Tình hình buôn bán tàng trữ thuốc phiện giảm hẳn, số người nghiện hút mỗi ngày càng ít đi, số nghiện cũ được thu hẹp. Qua 5 năm đã tổ chức cai nghiện 1.031 lượt người bằng 9% số người nghiện hút, nhiều con nghiện đã tự giác cai có kết quả. Tuy nhiên, việc thực hiện chương trình chuyển đổi nguồn thu nhập từ cây thuốc phiện và bỏ thuốc phiện ở tỉnh ta còn những khó khăn tồn tại là:

- Vốn đầu tư dàn trải, có chỗ mang tính bình quân, chưa xác định được tập đoàn cây trồng, vật nuôi phù hợp theo vùng để tạo nguồn thu mới cho nông dân sau khi bỏ trồng cây thuốc phiện. Công tác hướng dẫn tuyên truyền có nơi làm chưa tốt nhất là về ý thức, kiến thức và các điều kiện để giúp nhân dân tiếp nhận đầu tư nên hiệu quả vốn đầu tư còn hạn chế. Một số cây đưa vào trồng mang tính chất thực nghiệm, cây trồng tỷ lệ sống thấp.

- Giải quyết nạn nghiện hút tuy đã có những biện pháp tích cực nhưng tổ chức thực hiện còn thiếu quyết tâm, biện pháp sau khi cai nghiện chưa cụ thể, do đó số lượng cai nghiện ít, tỷ lệ tái nghiện nhiều. Địa bàn thị trấn, thị xã số người nghiện hút có xu hướng tăng chưa giảm

- Nguy cơ tái trồng cây thuốc phiện lén lút phân tán, rải rác tại các vùng sâu, vùng xa vẫn còn.

6. Chương trình giao thông nông thôn

Cùng với các chương trình kinh tế - xã hội khác, chương trình giao thông nông thôn trong những năm qua được quan tâm và được xác định là tiên đề, động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Do đó, 5 năm qua chúng ta đã được đầu tư 27.692 triệu đồng và huy động nhân dân đóng góp trị giá trên 15.950 triệu đồng.

Nhìn chung nguồn vốn đầu tư vào lĩnh vực giao thông nông thôn có hiệu quả và thực hiện tốt phương châm "Nhà nước và nhân dân

cùng làm” đã mở mới 564 km đường ô tô đến 126 xã, phường; làm 66 cầu treo với tổng chiều dài 3.495m, 103 cầu cứng dài 472 m và hàng ngàn cống các loại, nâng số xã có đường ô tô đến được trung tâm xã từ 126 xã năm 1992 lên 148 xã năm 1996. Nhiều huyện thực hiện chương trình đạt kết quả khá như huyện Mường Khương, Bắc Hà, Bát Xát, Văn Bàn.

Nhờ có giao thông phát triển đã hình thành một số chợ nông thôn thuộc vùng sâu vùng xa như chợ Nàn Sán (Bắc Hà), Thái Giang Sán (Mường Khương), Y Tý (Bát Xát)... thuận lợi cho giao lưu hàng hóa và kích thích sản xuất phát triển.

Tuy nhiên, mạng lưới giao thông nông thôn của ta còn quá mỏng. Hiện nay, toàn tỉnh mới có 1.069 km đường ô tô và 1.780 km đường dân sinh, bình quân 100 người dân có 4,77 km đường hoặc 0,35 km đường /1km² diện tích. Không những thế, các tuyến đường chất lượng rất thấp chưa được xây dựng theo cấp hạng, chưa hoàn thiện hệ thống thoát nước, thường chỉ đi được vào mùa khô, chuẩn tác kỹ thuật không bảo đảm, bán kính cua nhỏ (10 - 15m), độ dốc lớn (14 - 17), nền đường hẹp, không được tu sửa thường xuyên. Vai trò đường giao thông trong đời sống xã hội và phát triển kinh tế rất quan trọng nhưng việc đầu tư thời gian qua còn ít, chưa cân đối, đầu tư không tập trung dứt điểm, thủ tục còn rườm rà, có công trình nhiều chủ đầu tư (cầu Mường Kim-Than Uyên) nên đã hạn chế kết quả.

7. Về chương trình thủy nông

Quán triệt quan điểm thủy lợi là biện pháp hàng đầu trong sản xuất nông nghiệp, nên trong thời gian qua chúng ta đã tập trung mọi nguồn lực và khơi dậy được phong trào toàn dân làm thủy lợi, vừa xây dựng các công trình mới vừa tu sửa nâng cấp các công trình hiện có tổng số vốn đã đầu tư 32.807 triệu đồng, trong đó có 225 triệu đồng do sức dân đóng góp. Đã làm được 89 công trình đưa số công trình thủy lợi toàn tỉnh lên 628 công trình (9 công trình có sức tưới trên 100 ha, 619 công trình nhỏ). Nhờ vậy đã chủ động hơn nước cho sản xuất, kết

hợp cung cấp một phần nước cho sinh hoạt của người và gia súc. So năm 1992 với năm 1996, chúng ta đã chủ động nước trên diện tích gieo cấy vụ đông tăng từ 71% lên 84%, vụ mùa từ 56% lên 62,4%.

Song trong xây dựng các công trình thủy lợi, có nhiều công trình quản lý thi công thiếu chặt chẽ nên chất lượng công trình chưa bảo đảm gây thất thoát lãng phí, tuổi thọ công trình thấp. Công tác quản lý khai thác yếu kém chưa sử dụng tốt năng lực công trình. Hiện nay toàn tỉnh còn trên 6.000 ha lúa vụ mùa chưa chủ động nước, chờ nước trời, đây là trách nhiệm của chúng ta phải quan tâm trong thời gian tới.

8. Về chương trình nước sinh hoạt

Là một tỉnh miền núi cao, biên giới, vừa tái lập, bị chiến tranh biên giới tàn phá nặng nề, kinh tế kém phát triển, đời sống nhân dân rất khó khăn, nước sinh hoạt thiếu trầm trọng, nhất là vùng cao vào mùa khô phải đi xa 1-2 km để lấy nước sinh hoạt, nơi có nguồn nước thì đều do suối tự chảy nên bị nhiễm bẩn. Theo điều tra năm 1992, tỉnh ta có 18 vạn người bằng 33% dân số toàn tỉnh thiếu nước sinh hoạt, trong đó thiếu nghiêm trọng là 12 vạn người.

Để từng bước giải quyết khó khăn cho dân, trong 5 năm qua chúng ta đã đầu tư 6.772 triệu đồng cho nhu cầu này, trong đó có 1.108 triệu đồng huy động trong dân. Đã làm được 10 bể lọc chậm, 62 hệ thống nước tự chảy, 357 bể hứng nước mưa với dung tích 1.395 m³, đào và tu sửa được 448 giếng nước ăn hợp vệ sinh và giải quyết đủ nước sinh hoạt hằng ngày cho 92.127 người giảm bớt căng thẳng về thiếu nước sinh hoạt ở một số nơi.

Tuy nhiên, so với nhu cầu nguồn vốn được đầu tư cho chương trình này còn quá ít. Hiện nay toàn tỉnh còn gần 10 vạn người thiếu nước sinh hoạt. Có công trình xây dựng xong không sử dụng được như hệ thống nước tự chảy xã Nàn Sán (Bắc Hà), Tả Gia Khâu (Mường Khương), Mường Hum (Bát Xát).

9. Các chương trình đầu tư nguồn vốn giải quyết việc làm (120)

Đây là chương trình kinh tế mang tính xã hội cao, nguồn vốn vay lãi suất ưu đãi nhằm giúp người khó khăn có vốn sản xuất kinh doanh tạo việc làm, có nguồn thu nhập để sinh sống và từng bước xóa đói giảm nghèo. Năm năm qua đã đầu tư cho 405 dự án với tổng số là 13.551 triệu đồng, cho 18.238 lượt hộ vay và giải quyết được 8748 lao động có việc làm, có thu nhập ổn định. Nguồn vốn đầu tư chủ yếu vào các lĩnh vực phát triển kinh tế nông nghiệp lâm nghiệp và ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, chế biến, dịch vụ. Kết quả đã chăn nuôi thêm gần 27.000 gia súc gia cầm, trồng mới và chăm sóc 1.845 ha rừng, 515 ha cây ăn quả các loại, cải tạo và chăm sóc 75 ha chè, 50 ha quế, cải tạo làm mới 173 ha hồ ao thả cá và đầu tư cho một số doanh nghiệp sản xuất chế biến nông lâm sản xuất vật liệu kinh doanh dịch vụ đã góp phần thiết thực giải quyết khó khăn và cải thiện một bước đời sống cho nhân dân.

Song hiện tượng cho vay không đúng đối tượng, sử dụng vốn sai mục đích còn xảy ra (như dự án của Ông Sự huyện Than Uyên, đoàn thanh niên huyện Bảo Yên... cần phải rút kinh nghiệm). Đối tượng cho vay của chương trình là hộ thiếu việc làm, có nơi chuẩn bị chưa tốt, nhất là công tác tuyên truyền, tập huấn chuyển giao công nghệ nên hiệu quả chưa cao.

10. Chương trình di dân xây dựng kinh tế mới

Do đặc điểm phân bố dân số không đều, tiềm năng đất đai chưa được khai thác hợp lý, và do chiến tranh biên giới, do đó đòi hỏi phải có sự bố trí lại bộ phận dân cư nhằm khai thác tốt tiềm năng trên địa bàn. Thực hiện chương trình này, 5 năm qua chúng ta đã đầu tư 5.051 triệu đồng của 5 dự án Pắc Ta, Mường Than (Than Uyên), Cốc Mỳ - Quang Kim, Bản Qua, Bản Vược, Trịnh Tường (Bát Xát), Đồng Tuyển (thị xã Lào Cai), 9 xã biên giới huyện Mường Khương và xã Bản Phiệt - huyện Bảo Thắng. Đã di chuyển bố trí nơi ở mới cho 2.201 hộ dân cư,

12.645 khẩu, gồm bố trí lại dân cư theo dự án 1.504 hộ, 8.327 khẩu, chuyển khỏi vùng sạt lở 290 hộ 1.625 khẩu và tiếp nhận 118 hộ 697 khẩu di dịch cư tự do hồi hương. Đồng thời với chuyển dân, chúng ta coi trọng xây dựng cơ sở hạ tầng vùng mới chuyển cư đến như các công trình thủy lợi giao thông, trường học, trạm xá, trạm biến áp điện... Do vậy, đồng bào sớm ổn định đời sống, sản xuất và gắn bó với vùng đất mới định cư. Tăng cường thêm năng lực giữ vững an ninh, quốc phòng nhất là bảo vệ vùng biên giới của Tổ quốc. Qua khảo sát, nguồn vốn này phát huy hiệu quả tốt.

Song việc di dân theo dự án Pắc Ta - Mường Than (Than Uyên) hiệu quả chưa cao, do chưa có cơ sở hạ tầng thiết yếu: nước, đường, trường, trạm xá. Tình hình di dịch cư ở một bộ phận đồng bào dân tộc ít người vẫn còn xảy ra và chưa có biện pháp khắc phục.

11. Chương trình giáo dục và đào tạo

Sự nghiệp giáo dục và đào tạo mang tính cấp bách và có ý nghĩa về chiến lược lâu dài. Trong 5 năm qua (1992-1996) đã được đầu tư 34.913 triệu đồng, đầu tư chủ yếu vào các chương trình cơ bản sau:

Chương trình tăng cường giáo dục miền núi được quan tâm hàng đầu và ưu tiên vốn đầu tư cho lĩnh vực này, chiếm tới 48% (18.180 triệu đồng) tổng số vốn của ngành: với số vốn đã xây thêm được 881 phòng học, trong đó hệ thống trường dân tộc nội trú của tỉnh và các huyện như Than Uyên, Sa Pa, Mường Khương, Bắc Hà, Văn Bàn... được xây dựng. Ở một số xã vùng sâu, vùng xa, dân tộc ít người tổ chức nhiều lớp học bán trú cho học sinh, tạo thuận lợi cho con em đồng bào được đi học. Đội ngũ giáo viên được tăng cường về số lượng và chất lượng. Năm năm qua đã được đầu tư 11.350 triệu đồng chiếm 34% tổng số vốn cho sự nghiệp giáo dục. Nhờ kết quả đầu tư đó số lượng học sinh hằng năm đều tăng năm 1991 có 35,7% trẻ em trong độ tuổi đi học năm 1996 đạt tỷ lệ 72,73%, đến nay không còn xã trắng không có trường không có thầy, thu hẹp diện thôn, bản thuộc vùng sâu, vùng xa không có lớp học.

Song song với việc tăng cường vận động, nâng tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi được đi học, chúng ta đã đẩy mạnh công tác xóa mù, trong 5 năm đã có đầu tư 3.102 triệu đồng, xóa mù cho 21. 846 người nhất là đối tượng là cán bộ cốt cán ở xã, phường, thôn bản.

Ngoài ra, chúng ta cũng quan tâm thực hiện tốt các chương trình khác như phân ban, tin học... đầu tư trên 1.500 triệu đồng.

Nhìn chung việc đầu tư cho sự nghiệp giáo dục đào tạo là đúng hướng có hiệu quả, không những chỉ có ý nghĩa trước mắt mà còn mang tầm chiến lược lâu dài. Sự nghiệp giáo dục ở miền núi vùng dân tộc ít người mặc dù Đảng và Nhà nước ta rất quan tâm nhưng không phải một sớm một chiều mà giải quyết được ngay. Đây là nhiệm vụ lâu dài và sẽ phải giải quyết song song với sự phát triển của đời sống kinh tế - xã hội thì việc phổ cập giáo dục mới phát triển nhanh hơn và hạn chế tái mù trở lại.

12. Các chương trình sự nghiệp y tế - xã hội

Sự nghiệp y tế, bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, kế hoạch hóa gia đình được sự quan tâm đầu tư kể cả vốn ngân sách và vốn nước ngoài tài trợ, với tổng số tiền là 37.287 triệu đồng, trong đó chương trình quốc gia 23.776 triệu đồng, chương trình cấp ngành 6.510 triệu đồng, nước ngoài tài trợ 6.971 triệu đồng.

Do có nguồn vốn đáng kể và sự nỗ lực phấn đấu của cơ quan chủ đầu tư. Sự nghiệp y tế xã hội được phát triển tất cả các huyện thị đều có bệnh viện, gồm 169 giường bệnh. Các trạm y tế xã phường không ngừng tăng lên từ 135 trạm nay tăng lên 161 trạm và tăng được 156 giường bệnh.

Đội ngũ y bác sĩ ngày càng tăng về số lượng, so với năm 1992 bác sĩ tăng 2,6 lần, y sĩ tăng 1,2 lần bình quân 1.000 người dân có 1,1 y bác sĩ (năm 1992 bình quân 1.000 người dân có 0,83 y, bác sĩ), xóa xã không có cơ sở y tế.

Nhìn chung nguồn vốn đầu tư cho chương trình y tế - xã hội đem lại hiệu quả thiết thực. Công tác phòng chống dịch bệnh và chăm sóc

sức khỏe ban đầu đã được chú trọng và thu được kết quả tốt, 100% người dân dùng muối iốt. Chương trình tiêm chủng mở rộng thực hiện đạt tỷ lệ cao ở vùng sâu, vùng xa. Trẻ em suy dinh dưỡng giảm đáng kể. Các ổ dịch được giải quyết căn bản, bệnh dịch không xảy ra.

Song song với việc đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, chúng ta đã quan tâm phấn đấu tích cực giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: tỷ lệ đẻ giảm từ 4,48% (năm 1992) xuống 3,05% (năm 1996), tỷ lệ tăng dân số tự nhiên giảm từ 3,6% (1992) còn 2,7% (1996)

Những kết quả trên đây thể hiện rõ việc đầu tư cho chương trình y tế xã hội là có hiệu quả. Các nguồn vốn tài trợ của tổ chức nước ngoài được quản lý kiểm soát khá tốt, rót vốn đúng kế hoạch và nội dung dự án. Tuy nhiên do trình độ dân trí thấp nền kinh tế và cơ sở hạ tầng kém phát triển do đó hiệu quả các nguồn vốn của chương trình còn hạn chế.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG KẾT QUẢ CÁC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI TỪ NĂM 1992 ĐẾN NAY

A. Những kết quả đạt được

Qua 5 năm (từ năm 1992 đến nay), tỉnh ta phấn đấu thực hiện các nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Từ kết quả khảo sát (thực hiện hơn 800 phiếu) và sơ kết đánh giá các chương trình dự án từ cơ sở đến các ngành ở tỉnh cho phép chúng ta khẳng định Nghị quyết 22 của Bộ Chính trị, Quyết định 72 của Chính phủ về “Một số chủ trương chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội ở miền núi” là đúng đắn, phù hợp với nguyện vọng của nhân dân và yêu cầu thực tiễn của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội; mức tăng trưởng kinh tế khá một bộ phận đồng bào dân tộc từ sản xuất mang tính tự túc, tự cấp đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng hình thành một vùng kinh tế hàng hóa, một bộ phận đồng bào dân tộc từ sản xuất mang tính tự túc tự cấp đã chuyển đổi cơ cấu cây trồng hình thành một số vùng kinh tế hàng hóa có giá trị, hạn chế đốt rừng; nhiều mô hình làm ăn mới ra

đời, số hộ gia đình làm kinh tế giỏi, có thu nhập khá ngày càng tăng; cơ sở vật chất kỹ thuật, văn hóa, giáo dục, y tế có bước phát triển tạo tiền đề đi vào giai đoạn phát triển; chính trị an ninh quốc phòng được giữ vững. Cụ thể là:

1. Kết quả các nguồn vốn đầu tư

Tổng nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các chương trình dự án hàng năm tăng trưởng khá, năm 1992 đạt 18 tỷ đồng, năm 1994 lên 40 tỷ đồng và năm 1996 đạt 103 tỷ đồng.

Các nguồn vốn tập trung chủ yếu đầu tư vào sản xuất nông lâm nghiệp phát triển vốn rừng và xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân, nhất là đồng bào vùng cao vùng dân tộc ít người. Nhìn chung đầu tư đúng mục đích và nội dung của chương trình dự án đã đề ra.

Trong nông nghiệp, chú trọng khai hoang, phục hóa mở rộng diện tích lúa nước đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, tăng năng suất cây trồng; đổi mới một bước cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa gắn nhu cầu phát triển của thị trường. Do đó, 5 năm qua toàn tỉnh đã tăng thêm 909 ha lúa nước, hỗ trợ nông dân gần 3.000 tấn phân hóa học các loại, 500 tấn lúa ngô kỹ thuật, năng suất cao; 4.677 con trâu bò, 600 con dê, xây dựng 118 công trình thủy lợi. Nhờ đó đã đưa hiện tích lúa tưới nước chủ động vụ đông xuân đạt tăng được 13% vụ mùa 6,4% so với năm 1992. Tổng sản lượng lương thực tăng từ 118.000 tấn năm 1996, các loại gia súc gia cầm khác đều tăng trưởng khá.

Cây công nghiệp, cây đặc sản ngắn và dài ngày được quan tâm đầu tư phát triển. Đã trồng được 661 ha chè, 155 ha quế, 148 ha thảo quả, 221 ha cây dược liệu... Đặc biệt đã đầu tư trồng trên 2.800 ha cây ăn quả (mận, mơ, vải, nhãn...), thành vùng tập trung chuyên canh, vùng với diện tích cũ hàng năm thu hoạch trên 2.000 tấn sản phẩm hàng hóa.

Trong lâm nghiệp, nhờ có nguồn vốn chủ yếu là 327 và phòng hộ sông Đà từ năm 1992 đến nay đã trồng mới được 10.662 ha rừng, chiếm 72,6% tổng số diện tích rừng trồng an toàn tỉnh khoáng nuôi

bảo vệ 124.324 ha, nâng tỷ lệ tán che phủ của rừng tăng 12% so với cuối năm 1991. Nhân dân ở vùng dự án đã biết làm giàu bằng nghề rừng, nhiều hộ giàu lên từ kinh tế trang trại vườn rừng.

Đồng thời với sự phát triển sản xuất nông lâm nghiệp, kết cấu hạ tầng được quan tâm đầu tư, nhất là giao thông nông thôn, trong lĩnh vực này không những có ý nghĩa to lớn về mặt kinh tế mà còn có ý nghĩa sâu sắc về mặt chính trị tư tưởng và an ninh quốc phòng. Trong 5 năm qua đã mở rộng, nâng cấp và làm mới hàng ngàn kilômét đường quốc lộ, tỉnh lộ, và đường giao thông nông thôn; làm hành trăm cầu kiên cố, bán kiên cố thuộc vùng sâu, vùng xa, và những xã biên phòng, do đó tạo cho việc giao lưu của nhân dân thuận lợi hơn. Đưa điện lưới quốc gia tới 8/10 huyện thị và 38 xã phường. Phát triển hàng ngàn thủy điện mi ni ở vùng sâu vùng xa, đưa số hộ dân được dùng điện chiếm tỷ lệ 19,42%. 156 xã có trạm xá, 151 xã có trụ sở. Giải quyết cho 92.127 người dân nông thôn có nước sinh hoạt. Các thị trấn, thị tứ và chợ nông thôn được phát triển tạo thuận lợi cho đồng bào nâng cao dân trí, tiếp cận với thị trường, giao lưu kinh tế. Thu ngân sách trên địa bàn tăng trưởng khá, từ trên 38 tỷ đồng 1992 lên 119 tỷ năm 1996, giá trị hàng xuất khẩu từ 1,5 triệu USD 1992 lên 2,4 triệu USD năm 1996. Sức mua của dân tăng lên, trị giá hàng hóa bán lẻ toàn xã hội 1992 chỉ đạt 140.120 triệu đồng, 1996 tăng lên 263.000 triệu đồng.

Về văn hóa- xã hội: Chúng ta quan tâm đúng mức việc nâng cao dân trí và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân sự nghiệp giáo dục phát triển khá đến nay không còn xã không có trường, có thầy, xây dựng và mở rộng hệ trường nội trú tỉnh và huyện, phát triển trường lớp bán trú ở xã. Số trẻ em trong độ tuổi đến trường ngày càng tăng (5 năm tăng 36,99%) và tỷ lệ người mù chữ giảm dần.

Xây dựng nhiều trạm thu phát truyền hình, truyền thanh (28 trạm thu phát truyền hình, 25 trạm truyền thanh) do đó đã có 60% số dân được nghe đài, 30% dân được xem truyền hình.

Sự nghiệp y tế, phòng chống dịch bệnh, truyền thông dân số chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được đầu tư tích cực, có hiệu quả, xóa xã

trắng không có cán bộ y tế và không có tủ thuốc phòng dịch bệnh, 155 xã phường có y sĩ khám chữa bệnh cho dân. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên từ 3,6% năm 1992 xuống còn 2,74%. Công tác tiêm chủng mở rộng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân được đẩy mạnh. Từ kết quả của các nguồn vốn đầu tư như trên đã góp phần thúc đẩy nền kinh tế của tỉnh phát triển khá, tỷ lệ tăng trưởng bình quân hàng năm đạt từ 10 - 11%. Đời sống nhân dân được cải thiện một bước, số hộ đói, nghèo giảm rõ rệt: đói giảm 15,7% nay còn 9,03%, nghèo giảm 17% nay còn 28% (theo điều tra thống kê cuối năm 1996). Toàn tỉnh có trên 10.900 hộ nông dân sản xuất giỏi, nâng số hộ giàu từ 1,4% năm 1992 lên 4,7% hiện nay, mức thu nhập của nông dân vùng nông thôn tăng khá 70.400 đ năm 1992, 192.200 đ năm 1996. Mức hưởng thụ văn hóa nghệ thuật tăng lên đáng phần khởi.

Những điều trên đây chứng minh rằng do được các nguồn vốn đầu tư nền kinh tế - xã hội phát triển, đời sống đồng bào các dân tộc được cải thiện rõ rệt.

2. Về quản lý và sử dụng các nguồn vốn

Các nguồn vốn phát triển kinh tế - xã hội ở tỉnh ta đã tạo bước chuyển biến trong đổi mới cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà Nghị quyết Đại hội II của tỉnh, Đại hội VIII và Nghị quyết Trung ương V đề ra. Phát huy các lợi thế so sánh, thế mạnh của từng địa phương, từng vùng nhất là về điều kiện tự nhiên và nhu cầu thị trường. Chuyển đổi một bước từ sản xuất độc canh cây lúa (nhất là ở vùng cao) sang sản xuất đa canh, sản xuất hàng hóa gắn với thị trường tiêu thụ. Đến nay, ngoài mở rộng diện tích lúa nước thâm canh tăng năng suất để bảo đảm an toàn lương thực ở mức độ ổn định, chúng ta đã tạo được vùng sản xuất tập trung chuyên canh như vùng cây ăn quả, cây công nghiệp, cây đặc sản, vùng lúa, ngô cao sản... Một số cây trồng như khoai tây, mỳ, xè, đưa vào gieo trồng tăng thêm vụ đông giải quyết khá tốt nhu cầu lương thực cho nhân dân lúc giáp hạt. Đàn gia súc phát triển cả về số lượng và chủng loại.

Đồng thời với kết quả trong đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nhận thức của nhân dân được nâng lên rõ rệt, nhất là về cách thức làm kinh tế để xóa đói, giảm nghèo và làm giàu. Ý thức được tác dụng kinh tế - xã hội của trồng rừng, bảo vệ rừng và khẳng định được đồng bào có thể làm giàu từ đất và rừng. Sản xuất lâm nghiệp xu hướng phát triển thành ngành kinh tế quan trọng. Tư duy sản xuất kinh doanh theo hướng tiếp cận thị trường và khoa học - công nghệ mới để sản xuất hàng hóa có giá trị cao.

Về quản lý vốn nhìn chung chặt chẽ, sử dụng đúng nội dung, mục tiêu của dự án và có kết quả. Đặc biệt từ cuối năm 1995 đến nay do các cấp, các ngành, các chủ dự án tiến hành việc khảo sát đánh giá rút kinh nghiệm việc tổ chức thực hiện các nguồn vốn đầu tư, nên từ đó đã khắc phục được nhiều yếu kém tồn tại, đồng vốn sử dụng thực sự có hiệu quả hơn. Riêng vốn vay diện giải ngân rộng đến được vùng xa, vùng sâu, bảo đảm hiệu quả an toàn vốn, khắc phục một bước tình trạng dân đói vốn, ngân hàng đọng vốn.

3. Thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo theo tinh thần Nghị quyết 22 BCT và Quyết định 72 Chính phủ, tỉnh ta đã huy động công sức của tất cả các cấp Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể quần chúng (thanh niên, phụ nữ, hội nông dân các cấp) tham gia tích cực. Hằng năm, mỗi tổ chức đoàn thể đảm nhiệm tín chấp 3 - 5 tỷ đồng của các chương trình cho đoàn viên, hội viên nghèo vay và hướng dẫn họ làm kinh tế, phát triển sản xuất đạt kết quả khá tốt, hiệu quả thiết thực.

Đồng thời với vốn nhà nước đầu tư, vốn do Nhà nước vùng dự án đóng góp đáng kể (chiếm 5% tổng số vốn các chương trình dự án đã đầu tư).

Bên cạnh kết quả và kinh tế - xã hội thông qua việc thực hiện các chương trình dự án đầu tư hệ thống chính trị được tăng cường củng cố vững mạnh về tổ chức và trưởng thành trong lãnh đạo quản lý điều hành phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, nhất là ở cấp xã và thôn, bản. Củng cố vững chắc hơn an ninh quốc phòng, giữ vững ổn định an ninh biên giới, chủ quyền lãnh thổ, trật tự, an toàn xã hội.

B. Một số tồn tại chính và nguyên nhân

1. Một số yếu kém tồn tại

Qua sơ kết đánh giá của chương trình dự án đều khẳng định kết quả đạt được và hiệu quả vốn đầu tư là cơ bản, song cũng còn một số hạn chế yếu kém cần khắc phục, đó là:

- Một số dự án xây dựng chưa sát thực tế thiếu cơ sở khoa học, chưa xuất phát từ yêu cầu của dân trong vùng dự án. Công tác kiểm tra quy hoạch chưa tiến hành ngay từ đầu nên đầu tư cây còn có chỗ chưa phù hợp với thổ nhưỡng, khí hậu, thời vụ cũng như tập quán canh tác.

Việc tuyên truyền phổ biến kinh nghiệm phát triển kinh tế làm giàu tập huấn, trình diễn kỹ thuật sản xuất làm chưa sâu rộng kịp thời, đầu tư cây giống không đúng thời vụ, hợp với thổ nhưỡng khí hậu, vì vậy một số loại cây trồng chất lượng thấp, chết nhiều (bình quân tỷ lệ sống 60-70%), có nơi chết 100% như cây sa mu, mận ở Tả Gia Khâu, cây quế ở Tả Thành (Mường Khương), Dền Sáng (Bát Xát).

- Cơ chế quản lý còn lúng túng có biểu hiện tập trung quan liêu hoặc dân chủ hình thức dẫn đến có lúc, có nơi quản lý chưa chặt chẽ, có nguồn vốn thiếu sự bàn bạc và tổ chức đầu tư thống nhất giữa chủ đầu tư - chủ dự án và các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn, nên có địa phương không nắm được dự án và vốn đầu tư (bình quân 5 năm mỗi huyện, thị trực tiếp làm chủ đầu tư 39,2% tổng số vốn được đầu tư trên địa bàn). Việc đầu tư từ năm 1995 về trước mang nhiều tính chủ quan, không ít mục tiêu, nội dung của dự án xây dựng chưa sát thực địa phương, quá trình chỉ đạo cụ thể còn xơ cứng kém linh hoạt. Đáng chú ý là, có một số chương trình dự án tỷ lệ chi phí cho việc chuẩn bị đầu tư, quản lý chưa bảo đảm yêu cầu nội dung (như xây dựng trụ sở, mua ô tô, xe máy...) còn quá lớn. Quá trình đầu tư chưa coi trọng tạo lập vùng kinh tế hàng hóa. Các mô hình kinh tế - xã hội chưa có tính thuyết phục cao. Suất đầu tư có loại cây con chưa phù hợp, thường thấp; do đó không ít trường hợp vốn đầu tư cho hộ gia đình sử dụng vào việc khác.

Vận hành vốn đầu tư thiếu khoa học, còn nhiều thang gác, nhiều thủ tục rườm rà có lúc mang tính hình thức. Công tác kiểm tra vốn đầu tư qua các kênh thiếu chặt chẽ kịp thời, hiện tượng sử dụng vốn không đúng đối tượng, sai mục đích không được xử lý nghiêm minh. Cấp phát vốn chậm thường dồn vào cuối năm gây dồn ép, chủ dự án thực hiện vốn bị động lúng túng.

- Việc thanh quyết toán của một số chủ dự án thực hiện chậm gây khó khăn cho việc cấp vốn tiếp theo. Công tác nghiệm thu thanh toán có dự án quá chậm hoặc đã nghiệm thu quyết toán rồi nhưng vốn còn tồn đọng lại ở chủ dự án mà không thanh toán cho dân, làm ảnh hưởng đến đời sống đồng bào. Quá trình đầu tư hằng năm không sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm và uốn nắn, xử lý những sai sót tiêu cực kịp thời, do đó không ít mục tiêu của dự án đạt yêu cầu thấp, hiệu quả đồng vốn không cao gây thất thoát, lãng phí làm giảm niềm tin của nhân dân.

- Sự phối kết hợp trong lĩnh vực tổ chức chỉ đạo thực hiện giữa ngành và cấp huyện, xã, phường chưa chặt chẽ. Đội ngũ cán bộ trực tiếp chỉ đạo và giúp chủ dự án tổ chức triển khai và thực hiện dự án về năng lực chưa đáp ứng yêu cầu.

Do các tồn tại yếu kém trên, nên hiệu quả đồng vốn một số nội dung của chương trình dự án đạt hiệu quả thấp.

2. Nguyên nhân của khuyết điểm tồn tại

Những khuyết điểm tồn tại trên là do những nguyên nhân chính sau đây:

a) Việc tổ chức thực hiện các chương trình dự án và quản lý vốn đầu tư đối với các cấp, các ngành ở tỉnh ta mới mẻ chưa quen, chưa có kinh nghiệm, lại nhiều chương trình dự án, nhiều cơ quan chủ đầu tư từ Trung ương đến tỉnh nên không tránh khỏi lúng túng.

Công tác chuẩn bị đầu tư chưa tốt, điều tra khảo sát cơ bản quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cụ thể cho từng vùng chưa làm được, do đó mục tiêu nhiều dự án là chủ quan chưa sát thực tế, thực thi kém hiệu quả.

Các nguồn vốn đưa về thường dồn ép vào cuối năm nên phân bổ vốn và giải ngân chậm. Cơ chế quản lý vốn còn nhiều thiếu khoa học,

chặt chẽ, ruộm rà, tạo khe hở thất thoát lãng phí nhất là ở những năm mới thực hiện.

b) Hệ thống tổ chức dịch vụ và công tác dịch vụ phục vụ việc thực hiện các chương trình dự án: Việc truyền thông để dân hiểu biết, dân làm, dân bàn, dân kiểm tra chưa được phát huy. Công tác tập huấn kỹ thuật sản xuất cách làm ăn mới cho dân trong vùng dự án và bồi dưỡng kiến thức quản lý dự án, quản lý kinh tế cho cán bộ điều hành chưa được chú trọng đúng mức, do vậy chưa đề cao trách nhiệm của người dân đối với đồng vốn Nhà nước đầu tư và không ít ban điều hành dự án cơ sở chỉ là hình thức.

c) Nguồn vốn đầu tư của Nhà nước tuy không nhỏ nhưng nền kinh tế địa phương quả thấp kém nhiều nội dung cần được phải đầu tư dẫn đến vốn đầu tư không tập trung dứt điểm từng hạng mục công trình. Xây dựng các định mức đầu tư chưa thực sự phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội nên có trường hợp đầu tư nhưng không thực hiện được. Đặc biệt, Nhà nước chưa có chính sách thỏa đáng cho người dân giữ rừng ở vùng sâu, vùng xa hoặc đi xây dựng kinh tế mới nên hiện tượng di dịch cư và đốt phá rừng vẫn chưa khắc phục được.

d) Có nhiều cấp ủy Đảng, chính quyền đoàn thể cơ sở chưa quan tâm lãnh đạo chỉ đạo kiểm tra trong quá trình thực hiện, thậm chí có cấp ủy Đảng không nắm bắt được chương trình dự án đầu tư trên địa bàn.

Hàng năm không tổ chức tổng kết đánh giá rút kinh nghiệm nên những khuyết điểm tồn tại không được khắc phục kịp thời, xử lý nghiêm minh.

Phần thứ hai

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TIẾP TỤC THỰC HIỆN CÓ HIỆU QUẢ CÁC NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Căn cứ vào quan điểm mục tiêu kinh tế - xã hội do Đại hội VIII của Đảng và Đại hội Đảng bộ lần thứ II của tỉnh đề ra giai đoạn 1996-2000.

Để khắc phục những tồn tại trên và để quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội của các chương trình, dự án đạt hiệu quả cao hơn, chúng ta cần tập trung thực hiện tốt một số chủ trương, giải pháp chủ yếu sau:

I. VỀ NGUYÊN TẮC ĐẦU TƯ

1. Các chương trình, dự án đầu tư phải xây dựng trên cơ sở quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, của từng vùng và đặc biệt từng dân tộc, nhằm phát huy mọi tiềm năng và thế mạnh, huy động các nguồn lực các nguồn lực trong nhân dân và sử dụng đồng vốn đầu tư đạt hiệu quả cao nhất. Tiếp tục chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng tổ chức sản xuất hàng hóa gắn với thu mua chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân.

Quá trình thực hiện đầu tư phải tôn trọng mục tiêu, nhiệm vụ đã được xây dựng trong dự án. Đầu tư tập trung có trọng tâm, trọng điểm, thực hiện đầu tư đến đâu chắc đến đó, nhanh chóng cho kết quả vững chắc ổn định, tạo lập những động lực kinh tế vùng để thúc đẩy sản xuất phát triển.

2. Đầu tư phải thật sự tôn trọng quyền tự quyết của nhân dân các dân tộc trong việc lựa chọn các hình thức kinh tế, lấy hiệu quả làm tiêu chuẩn hàng đầu.

Có chiến lược huy động và giải pháp tích cực để thu hút ngày càng tăng các nguồn vốn cho các chương trình dự án. Động viên cao độ sức lực, trí tuệ, tiền của mọi thành phần kinh tế dưới nhiều hình thức khác nhau tham gia thực hiện dự án.

3. Để bảo đảm phát triển toàn diện trong đầu tư phải coi trọng phát triển cả hai mặt kinh tế - xã hội. Sự tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với sự phát triển văn hóa xã hội và thực hiện các chính sách xã hội, nâng cao trình độ dân trí, đời sống tinh thần của nhân dân.

Tổ chức và tăng cường đội ngũ cán bộ cơ sở bảo đảm đủ trình độ, có trách nhiệm để quản lý và thực hiện các chương trình dự án đầu tư.

4. Phải kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố an ninh quốc phòng và củng cố vững mạnh hệ thống chính trị.

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Phân vùng đầu tư, để vận dụng các chế độ, chính sách vào việc đầu tư cho phù hợp có hiệu quả, khắc phục tình trạng đầu tư không tập trung (cào bằng) đúng mức, đầu tư phải bảo đảm vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, vừa củng cố khối đoàn kết trong cộng đồng các dân tộc. Có thể phân định thành 3 khu vực đầu tư phát triển.

Khu vực I: Có 17 xã, phường, thị trấn thuộc vùng thấp, thị xã là khu vực tương đối thuận lợi, có đời sống kinh tế - xã hội ổn định hơn, cần đầu tư phát triển với tốc độ cao hơn, tạo thành vùng động lực thúc đẩy các vùng khác phát triển. Nguồn vốn chủ yếu là vốn tín dụng với lãi suất ưu đãi của Nhà nước.

Khu vực II: Bao gồm 39 xã, phường và thị trấn thuộc các huyện vùng cao vùng có đời sống đỡ khó khăn hơn. Đầu tư ở vùng này cần kết hợp giải quyết đời sống trước mắt bằng các loại cây con có thu hoạch nhanh với phát triển kinh tế - xã hội theo hướng ổn định lâu dài. Phấn đấu đến năm 2000, đạt tiêu chuẩn khu vực I như hiện nay.

Khu vực III: Bao gồm 120 xã ven biên, vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều khó khăn cần được ưu tiên đầu tư, nhất là về kết cấu hạ tầng cần có quy hoạch, kế hoạch bố trí dân cư ở những nơi điều kiện thiên nhiên quá khắc nghiệt suất đầu tư quá cao đến vùng trong tỉnh có điều kiện thuận lợi hơn. Phấn đấu đến năm 2000 giải quyết cơ bản tình trạng du canh, du cư, xóa diện đói, các xã có đường ô tô đến trung tâm, trên 60% dân số dùng điện, 80% được xem truyền hình. Thực hiện các chương trình kinh tế, các chính sách xã hội trước mắt hiệu quả kinh tế có thể chưa cao nhưng để phấn đấu tạo điều kiện ổn định đời sống đồng bào và bảo đảm an ninh quốc phòng. Đầu tư từ nguồn vốn ngân sách là chính.

2. Trên cơ sở khảo sát điều tra một cách có khoa học các điều kiện tự nhiên và xã hội, tiến hành xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội cho từng vùng, cụm xã, rất coi trọng các yếu tố về phong tục tập quán, tâm lý nguyện vọng của đồng bào từng dân tộc; tránh mọi biểu hiện áp đặt chủ quan, phải gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ an ninh quốc phòng biên giới, làm căn cứ để xây dựng dự án đầu tư cho thích hợp.

Các dự án cần xây dựng từ cơ sở lên, lấy xã hoặc cụm xã làm đơn vị để xây dựng dự án đầu tư.

3. Từ nay đến năm 2000 phấn đấu giải quyết về cơ bản tình hình di dịch cư tự do, gắn việc thực hiện các chương trình dự án phát triển kinh tế - xã hội với bố trí ổn định dân cư. Hoàn thành việc giao đất, khoán rừng cho dân quản lý, chăm sóc và bảo vệ trồng rừng mới, bảo đảm ưu tiên cho các hộ dân trong vùng dự án để đồng bào ổn định phát triển kinh tế hộ, từng bước đổi mới cơ cấu kinh tế chuyển từ kinh tế tự nhiên, tự túc tự cấp sang nền kinh tế hàng hóa.

4. Việc đầu tư phải bảo đảm tập trung dứt điểm tạo thành những vùng kinh tế hàng hóa theo quy hoạch. Đầu tư phải lấy thôn (bản) xã hoặc cụm xã làm đơn vị đầu tư xây dựng dự án và bố trí. Khắc phục tình trạng đầu tư phân tán, rải đều kém hiệu quả. Trên cùng một địa bàn các dự án đầu tư phải gắn kết với nhau, tránh việc đầu tư chồng chéo.

Mỗi huyện, thị và từng vùng cần xây dựng các điển hình kinh tế - xã hội làm điểm sáng để nhân rộng.

Cần vận dụng chính sách tín dụng hợp lý. Kỳ hạn và lãi suất cho vay phải phù hợp với chu kỳ sinh thái của từng loại cây trồng và vật nuôi.

Cần nghiên cứu có quy trình giải ngân nhanh kịp thời thuận lợi.

Cần nghiên cứu, vận dụng chính sách cấp không những mặt hàng thiết yếu đối với khu vực khó khăn chuyển nguồn kinh phí này vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch chế độ (hỗ trợ có điều kiện) những vật tư sản xuất, để đề cao tinh thần trách nhiệm của người dân đối với những thứ được cấp.

Tiếp tục nghiên cứu chính sách trợ giá cho nhân dân vùng khó khăn thuộc khu vực III, một số mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống. Trợ giá thu mua, giảm hoặc miễn thuế một số sản phẩm hàng hóa nông lâm, ngư nghiệp để ổn định và khuyến khích sản xuất phát triển.

5. Tăng cường đội ngũ cán bộ có trách nhiệm, có năng lực về chuyên môn kỹ thuật, biết vận động quần chúng về các cơ sở để giúp dân tiếp nhận quản lý và thực hiện các dự án đầu tư. Có chính sách đãi ngộ, khuyến khích đội ngũ cán bộ này đặc biệt là các xã thuộc vùng sâu, vùng xa có nhiều khó khăn. Đồng thời đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tại chỗ gắn bó với địa phương nhất là cán bộ dân tộc ít người.

Chú trọng nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học và kỹ thuật các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi; chế biến nông lâm sản trong từng vùng, củng cố vững chắc mạng lưới dịch vụ kỹ thuật phục vụ sản xuất như phân bón, thuốc trừ sâu, cây trồng vật nuôi... Đồng thời thường xuyên tiến hành công tác tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ mới vào sản xuất, chế biến.

6. Tăng cường công tác kiểm tra tổ chức thực hiện các nguồn vốn đầu tư, hằng năm phải đánh giá sơ kết rút kinh nghiệm, uốn nắn, khắc phục kịp thời những sai sót yếu kém trong việc quản lý, cấp phát sử dụng vốn. Tổ chức thực hiện xử lý nghiêm minh những tổ chức gây ra thiệt hại, thất thoát, lãng phí, nhằm nâng cao hiệu quả đồng vốn. Giao cho chủ dự án và nhân dân vùng được đầu tư chịu trách nhiệm tổ chức quản lý, bảo vệ, nuôi dưỡng chăm sóc và sử dụng tốt các hạng mục công trình đã đầu tư xây dựng.

7. Cần nghiêm cứu có chính sách, cơ chế giải pháp tích cực hơn để tăng cường mở rộng quan hệ, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi thu hút thêm mọi nguồn vốn trong nước, nước ngoài của tổ chức, cá nhân đầu tư vào tỉnh ta để phát triển kinh tế - xã hội, đẩy nhanh công cuộc công nghiệp hóa hiện đại hóa và xóa đói giảm nghèo. Trong gọi vốn đầu tư cần tập trung vào các lĩnh vực khai thác, chế biến nông, lâm,

khoáng sản, phát triển kinh tế du lịch, kinh tế cửa khẩu và xây dựng kết cấu hạ tầng.

8. Để bảo đảm xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội một cách toàn diện phải coi trọng xây dựng tổ chức Đảng, chính quyền và các tổ chức chính trị - xã hội vững mạnh, thực sự là trí tuệ, hạt nhân trong quá trình thực hiện các chương trình dự án.

Phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong việc thực hiện các chương trình dự án. Huy động mọi lực lượng đóng trên địa bàn tham gia thực hiện các chương trình dự án, như các tổ chức kinh tế - xã hội lực lượng vũ trang trên địa bàn... Hết sức chú ý đến vai trò của các trưởng thôn, trưởng bản, già làng để tuyên truyền vận động và giúp đỡ đồng bào thực hiện các mục tiêu dự án đầu tư.

9. Cần nghiên cứu đề nghị với Trung ương:

- Giao tất cả các nguồn vốn của các chương trình dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đều do tỉnh trực tiếp chỉ đạo, đều điều hành theo dự án đã được phê duyệt.

Đồng thời trong quá trình thực hiện tỉnh được chủ động điều chỉnh những mục tiêu dự án chưa sát hợp thực tế địa phương.

- Các nguồn vốn đưa về địa phương phải bảo đảm theo kế hoạch và tiến độ, không dồn ép vào cuối năm, nhằm khắc phục tình trạng bị động lúng túng, kém hiệu quả.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 03-CT/TU, ngày 21-7-1997

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động công tác kiểm sát tuân theo pháp luật của ngành Kiểm sát nhân dân

Thời gian qua, Nhà nước ta đã tăng cường công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật các cơ quan bảo vệ pháp luật trong đó có ngành Kiểm sát nhân dân được kiện toàn một bước, phối hợp chặt chẽ theo chức năng luật định và có cố gắng trong công tác phòng chống tội phạm, góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, pháp luật của Nhà nước được bảo đảm thực hiện.

Tuy vậy, hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật vẫn còn bộc lộ nhiều mặt yếu kém chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới. Việc thiết lập trật tự kỷ cương theo pháp luật trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội chuyển biến chưa mạnh mẽ, quyền dân chủ của công dân còn bị vi phạm, nhiều trường hợp vi phạm đến lợi ích của công dân, của Nhà nước chưa được xử lý nghiêm minh, còn tình trạng để lọt tội phạm, và oan người vô tội.

Tình trạng trên có nhiều nguyên nhân nhưng trước hết là do Ban cán sự Đảng và đảng viên trong các cơ quan bảo vệ pháp luật chưa làm tròn nhiệm vụ, đặc biệt là đối với ngành Kiểm sát, với chức năng kiểm sát tuân theo pháp luật thực hành quyền công tố theo quy định

của pháp luật nhưng quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ còn có biểu hiện thiếu kiên quyết. Mặt khác, nhiều cấp ủy Đảng còn can thiệp sâu vào hoạt động của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố và phát huy chức năng của ngành Kiểm sát thiết thực phục vụ tốt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị về chống tham nhũng và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Lào Cai lần thứ II trong thời kỳ đổi mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, căn cứ Chỉ thị 29-CT/TW, ngày 8-11-1993 của Ban Chấp hành Trung ương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu Ban cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, các ngành trong khối nội chính, cấp ủy và chính quyền các cấp trong thời gian tới cần tập trung triển khai đồng bộ có hiệu quả những công tác dưới đây:

1. Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 14-CT, ngày 1-4-1995 của Tỉnh ủy về tăng cường công tác kiểm sát thực hiện pháp luật và các văn bản pháp quy của Nhà nước trong quản lý kinh tế - xã hội trên, tất cả các lĩnh vực theo kế hoạch của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao. Trước mắt tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo kiểm sát việc thực hiện pháp luật về thu chi ngân sách, phí, lệ phí, việc quản lý sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho phát triển kinh tế miền núi, vùng đồng bào dân tộc ít người, y tế giáo dục, phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

2. Viện Kiểm sát nhân dân các cấp trong việc thực hành quyền công tố Nhà nước đấu tranh chống tội phạm theo quy định của pháp luật, phải lấy phòng ngừa là chính. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cần tăng cường phối hợp với các cơ quan bảo vệ pháp luật, các cơ quan quản lý nhà nước, các đoàn thể xã hội, vận dụng nhiều hình thức, biện pháp thích hợp theo quy định của pháp luật để tích cực và chủ động ngăn chặn tội phạm. Tập trung đấu tranh xử lý nghiêm minh các tội gián điệp, sản xuất lưu hành tiền giả, phá hủy công trình quan trọng về an ninh quốc gia và các tội tham nhũng, buôn lậu, các tội nghiêm trọng xâm phạm trật tự trị an xã hội. Đẩy mạnh công tác

tuyên truyền giáo dục pháp luật nhằm chấn chỉnh công tác quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội theo quy định của pháp luật và nâng cao trình độ dân trí về pháp luật để công dân sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

Viện Kiểm sát nhân dân các cấp có trách nhiệm tham mưu trực tiếp cho cấp ủy xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện và định kỳ báo cáo với cấp ủy cùng cấp tiến hành sơ kết tổng kết sau từng giai đoạn cụ thể nhằm đánh giá đúng tình hình, phát hiện và đề xuất các phương án xử lý, giúp cấp ủy có chủ trương và biện pháp chỉ đạo kịp thời.

3. Các cấp ủy, Đảng đoàn và Ban cán sự Đảng thường xuyên nghe báo cáo, kiểm tra và cho ý kiến chỉ đạo đối với công tác kiểm sát trong quá trình thực hiện.

4. Các cấp ủy trực tiếp chỉ đạo chính quyền, các cơ quan chức năng có liên quan, các tổ chức xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động công tác kiểm sát đạt kết quả cao nhất trên cơ sở quy định của pháp luật hiện hành.

Trong quá trình triển khai thực hiện có những vấn đề vướng mắc, phát sinh yêu cầu các cấp ủy, Ban cán sự, Đảng đoàn trực thuộc, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh tổng hợp tình hình báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy để có chủ trương xử lý kịp thời.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 13 NGÀY 28-7-1997

Số 65-TB/TU, ngày 28-7-1997

Sáng ngày 28-7-1997, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai họp hội nghị lần thứ 13 dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy.

Ngày 14-7-1997, Văn phòng Chính phủ có Thông báo số 76-TB/TW về ý kiến kết luận của Thủ tướng Võ Văn Kiệt về kết quả thanh tra tình trạng phá rừng ở Quảng Ninh và khai thác gỗ pơmu ở tỉnh Lào Cai. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh làm kiểm điểm theo nội dung Thông báo trên, và gửi toàn bộ các tài liệu liên quan cho từng đồng chí trong Ban Thường vụ nghiên cứu trước. Sáng nay 28-7-1997, Ban Thường vụ trực tiếp nghe đồng chí Đặng Quốc Lộ, Tỉnh ủy viên - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh được ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trình bày kiểm điểm của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện Quyết định số 821-TTg, ngày 6-11-1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc khai thác và xuất khẩu sản phẩm gỗ pơmu, về Báo cáo số 606-TTNN, ngày 29-5-1997 của Thanh tra Nhà nước kết luận thanh tra khai thác gỗ pơmu ở Lào Cai và Thông báo số 76-TB/TW của Văn phòng Chính phủ. Đồng chí Nguyễn Quý Đăng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo làm rõ những vấn đề có liên quan đến chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh. Các đồng chí trong Ban Thường vụ đã căn cứ vào các văn

bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, của các bộ, ngành có liên quan đến việc cho phép khai thác, chế biến và tiêu thụ sản phẩm gỗ pơmu ở Lào Cai, các biên bản làm việc của các đoàn thanh tra với các xã, nông lâm trường, các huyện và với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai để thảo luận báo cáo kiểm điểm của Ủy ban nhân dân tỉnh và thống nhất kết luận như sau:

1. Ngày 6-11-1996 Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 821-TTg về việc khai thác và xuất khẩu sản phẩm gỗ pơmu, ngày 12-11-1996 Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có Công điện số 72 hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định số 821-TTg, ngày 13-11-1996 có Công văn số 4276-NT-PTNT hướng dẫn kiểm kê gỗ pơmu. Thực hiện các văn bản trên, ngày 13-11-1996 Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai có Công văn số 602-CV-CT về hướng dẫn kiểm kê số lượng gỗ pơmu tồn và đóng cửa rừng trên phạm vi toàn tỉnh. Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh không có chủ trương nào về tiếp tục khai thác gỗ pơmu, mà đã nghiêm túc triển khai Quyết định số 821-TTg xuống tận xã, thôn, bản và các lâm trường. Do vậy mà không có nơi nào khai thác gỗ pơmu theo kế hoạch sau khi có Quyết định số 821-TTg.

2- Việc kiểm kê gỗ pơmu được tiến hành kịp thời, đầy đủ ở cả rừng, trên các bãi, trên kho theo đúng hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3- Ngày 12-12-1996, Ủy ban nhân dân tỉnh có Công văn số 657-CV-UB cho phép lâm trường vận chuyển gỗ đã kiểm kê từ rừng, từ bãi 1, và đang trên đường vận chuyển về bãi 2 và kho của lâm trường với mục đích là bảo quản gỗ khỏi giảm phẩm cấp và bảo vệ gỗ khỏi bị mất, chống buôn lậu gỗ. Tuy vậy, Ủy ban nhân dân tỉnh chưa xin phép Thủ tướng và các ngành chức năng trước khi thực hiện. Việc thực hiện trước, báo cáo sau của Ủy ban nhân dân tỉnh là sai, cần được kiểm điểm để rút kinh nghiệm trong quá trình thực hiện.

4- Tổng hợp 2 năm 1995 - 1996 thì tỉnh Lào Cai không khai thác hết chỉ tiêu được giao, nhưng tận thu vượt 1.711m³ là do cành ngọn, bìa bắp, gốc rễ tận thu còn trong rừng nhiều, do nhân dân các dân tộc

vùng cao sử dụng từ lâu đời trong khi đó sản phẩm làm ra từ gỗ tận dụng lại có thị trường tiêu thụ, công nhân cần việc làm nên các lâm trường đã tận thu và chế biến, Ủy ban nhân dân tỉnh cần tiến hành kiểm điểm các đơn vị này.

5- Tỉnh đã có nhiều biện pháp để chống buôn lậu gỗ pơmu rất quyết liệt, đã truy tố hàng chục đối tượng, thu nhiều phương tiện ô tô, xe máy, xe đạp, thuyền nan vận chuyển gỗ lậu. Nên đến nay tình trạng buôn lậu gỗ qua biên giới giảm hẳn, việc thực hiện Chỉ thị 287-TTg của Thủ tướng rất nghiêm túc và đạt kết quả tốt.

Đến nay Ban Thường vụ Tỉnh ủy chưa có cơ sở để kết luận có cán bộ lãnh đạo ban, ngành nào của tỉnh liên quan trực tiếp đến buôn lậu gỗ pơmu, chưa phát hiện được trường hợp nào, chỉ có 1 trường hợp là con trai đồng chí Phó Giám đốc Công an tỉnh đi buôn lậu gỗ đã bị bắt vào trại giam và đang hoàn chỉnh hồ sơ xét xử. Ban Thường vụ Tỉnh ủy rất mong các cấp, các ngành và nhân dân phát hiện cán bộ tỉnh tham gia buôn lậu gỗ pơmu để xử lý kịp thời.

6- Việc Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép bán 1.274 m³ gỗ pơmu sau khi có Quyết định 821-TTg, mặc dù có giấy phép vận chuyển đặc biệt của Cục Kiểm lâm, bán gỗ đã được kiểm kê và tiền thu vào ngân sách, nhưng vẫn là có khuyết điểm. Tập thể Ủy ban nhân dân tỉnh và các đồng chí có liên quan trực tiếp phải kiểm điểm nghiêm túc trước Thủ tướng.

7- Việc tiếp tục chế biến gỗ sau khi có Quyết định 821-TTg:

- Về sơ chế 202m³ gỗ chính phẩm tại Lâm trường Văn Bàn và xuất bán cho Công ty thương mại Mạnh Huệ - Hà Nội là cắt bỏ đầu sọc, chổ sâu, nứt vỡ. Tuy nhiên đó cũng là vi phạm, do vậy cá nhân đồng chí Phó Chủ tịch cho phép sơ chế phải kiểm điểm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc làm của mình.

- Về việc tiếp tục chế biến 786,160m³ gỗ tận dụng là do Lâm trường Văn Bàn và Sa Pa tự ý làm, nguyên nhân là do các đơn vị này ở xa tỉnh, trình độ cán bộ thấp, thông tin từ cơ sở đến tỉnh chậm, cán bộ tỉnh nắm cơ sở chưa chắc, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện kiểm

điểm hai đơn vị trên và đồng chí phụ trách khối, cần kiểm điểm về ý thức chấp hành quyết định của Thủ tướng Chính phủ thiếu nghiêm túc. Ủy ban nhân dân tỉnh phải thấy rõ trách nhiệm về việc kiểm tra, kiểm soát tại cơ sở.

8- Về nguồn thu từ gỗ pơmu được Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vào tổng thu ngân sách của tỉnh sau đó lấy 4 huyện có gỗ pơmu là đơn vị để đầu tư trở lại, đã và đang tiếp tục đầu tư theo các dự án, ngoài việc đầu tư cho việc trồng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng còn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội cho 4 huyện trên. Do vậy nếu tính đầy đủ thì số lượng vốn đầu tư cho 4 huyện mà có liên quan đến việc trồng, khoanh nuôi, bảo vệ, khai thác, tiêu thụ sản phẩm rừng thì số lượng vốn đầu tư lớn hơn rất nhiều so với nguồn thu từ gỗ pơmu. Chính vì vậy mà đã tăng độ che phủ rừng toàn tỉnh từ năm 1991 là 14% lên 27% vào năm 1996. Huyện Văn Bàn là nơi khai thác nhiều gỗ pơmu nhưng vẫn tăng được độ che phủ lên gần 60% vào năm 1996.

9- Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục thực hiện tốt Quyết định số 821-TTg, Chỉ thị 287-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo số 76-TB/TW của Văn phòng Chính phủ.

10- Thành tích đạt được trong việc trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng, đầu tư phát triển kinh tế - xã hội cho nhân dân để giảm phá rừng, chống buôn lậu gỗ là lớn so với sai phạm của tỉnh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy rất mong Thủ tướng Chính phủ đánh giá cả thành tích và khuyết điểm, khó khăn và thuận lợi của tỉnh để tiếp tục chỉ đạo, giúp đỡ tỉnh thực hiện tốt các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước và của Thủ tướng.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 80-QĐ/TU, ngày 30-7-1997

Chuẩn y Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy
Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh

Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;
Căn cứ vào biên bản bầu cử bổ sung Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh ngày 22-7-1997;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lào Cai,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay chuẩn y đồng chí Nguyễn Quang Ân: Thượng tá, Chủ nhiệm chính trị là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy kể từ ngày 22-7-1997.

Điều 2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và đồng chí Nguyễn Quang Ân chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 12-BC/TU, ngày 2-8-1997

3 năm thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII về công tác thể dục thể thao

Quán triệt Chỉ thị 36-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII về công tác thể dục, thể thao trong giai đoạn mới, từ năm 1994 đến nay công tác thể dục, thể thao ở Lào Cai đã có bước tiến mới thể hiện trên một số kết quả sau đây:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Phong trào thể dục, thể thao sau một thời gian gặp khó khăn đã được khơi dậy trở lại và có bước phát triển mới

- Số người luyện tập thể dục, thể thao thường xuyên từ một môn đến nhiều môn tăng từ 4,1% lên gần 5% (gần 3 vạn người).

- Phong trào rèn luyện thể dục, thể thao trong các lực lượng vũ trang được duy trì thường xuyên và có chất lượng. Số người luyện tập đạt danh hiệu chiến sĩ khỏe, đơn vị khỏe từ 85% tăng lên 95% quân số.

- Giáo dục thể chất trong trường học bước đầu được quan tâm. Năm 1994 có 56% học sinh luyện tập thể dục, thể thao nội khóa, 5% luyện tập thể dục, thể thao ngoại khóa; năm 1997 tăng lên 70% học sinh luyện tập thể dục thể thao nội khóa, 10% học sinh luyện tập thể dục, thể thao ngoại khóa.

- Các hình thức tổ chức luyện tập thể dục, thể thao tự nguyện của quần chúng ở cơ sở được mở rộng, nhất là ở các thị xã, thị trấn; phong trào đang từng bước phát triển ở nông thôn vùng thấp, vùng cao, vùng xa. Đồng bào các dân tộc đã từng bước khơi dậy các môn thể thao truyền thống và đã có người đạt thành tích cao. Các cuộc thi thể thao quần chúng được phát triển ở hầu hết các huyện thị và một số xã phường thu hút nhiều đối tượng tham gia. Một số nơi luyện tập thể thao đang trở thành nhu cầu hằng ngày của nhiều người, từ tuổi mẫu giáo đến các cụ già.

- Một số đơn vị tiêu biểu có phong trào thể dục, thể thao phát triển là: thị xã Lào Cai, thị xã Cam Đường, huyện Bảo Thắng, huyện Văn Bàn, huyện Mường Khương, Công an tỉnh, Công ty Apatít Việt Nam; xã Trì Quang, huyện Bảo Thắng, xã Nghĩa Đô, huyện Bảo Yên, Trường Phổ thông dân tộc nội trú Lào Cai, Trường Phổ thông cơ sở thị trấn Phố Lu, Bảo Thắng, v.v..

2. Các môn thể thao có phát triển và đạt được một số tiến bộ

- Số môn thể thao được phát triển thêm. Năm 1994 có 11 môn, đến nay nâng lên tới 14 môn, các môn phát triển mạnh nhất là cầu lông, võ thuật, bóng chuyền, bóng đá và thể thao dân tộc.

- Số người luyện tập thể thao tăng nhanh ở các lứa tuổi, ở các đối tượng già, trẻ, nam, nữ, khối các cơ quan Đảng từ tỉnh đến các huyện thị phong trào thể thao phát triển khá mạnh.

- Các cuộc thi đấu thể thao cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã phường ở những nơi có điều kiện đã được thường xuyên quan tâm tổ chức. Hàng ngàn đội thể thao đã tham gia các cuộc thi đấu ở tuyến cơ sở, trên 200 đội đã có trình độ thi đấu cấp tỉnh.

- Hằng năm tổ chức có kết quả Hội khỏe Phù Đổng từ cơ sở lên đến cấp tỉnh và có đội tuyển Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc.

- Bước đầu chăm lo hệ thống đào tạo tài năng thể thao bằng việc mở các lớp năng khiếu và thường xuyên bồi dưỡng những vận động viên có thành tích cao. Toàn tỉnh năm 1995 có 16 vận động viên, năm

1996 tăng lên 24 vận động viên đào tạo thành tích cao. Đã có vận động viên đạt huy chương vàng, bạc, đồng ở cấp quốc gia.

3. Tổ chức cán bộ ngành thể dục thể thao được củng cố

Cho đến nay 9/10 huyện thị đều có từ 1 đến 3 cán bộ chuyên trách thể dục thể thao có trình độ từ trung học đến đại học. Cấp tỉnh đã thành lập trung tâm văn hóa thể dục thể thao đang hoạt động có hiệu quả.

Các trường học đều bố trí giáo viên dạy thể dục thể thao. Công ty Apatit Việt Nam, Liên đoàn lao động và các lực lượng vũ trang đã bố trí chuyên trách hoặc bán chuyên trách thể dục, thể thao.

Đã thành lập 2 tổ chức xã hội về thể dục, thể thao đó là: Liên đoàn bóng chuyên, Liên đoàn cầu lông, bóng bàn; đang chuẩn bị các điều kiện mở rộng việc thành lập các tổ chức xã hội về thể dục, thể thao. Một số câu lạc bộ thể dục, thể thao ra đời như: Câu lạc bộ thể dục nhịp điệu thể hình, câu lạc bộ cầu lông, câu lạc bộ bóng bàn v.v.. Đặc biệt là câu lạc bộ thể thao gia đình ngày càng được đẩy mạnh và phát triển ở cấp xã phường. Đây là hình thức để xã hội hóa công tác thể dục, thể thao phù hợp với đời sống sinh hoạt của nhân dân. Đội ngũ huấn luyện viên, trọng tài được chú ý bồi dưỡng, nâng dần trình độ, cơ bản đáp ứng sự phát triển của phong trào thể dục, thể thao trên địa bàn tỉnh.

4. Cơ sở vật chất về thể dục, thể thao được đầu tư tăng thêm

Các huyện thị đều có sân luyện tập đơn giản, nhiều huyện thị xã đã có từ 10 đến 15 sân bóng chuyên, và từ 15 đến 20 sân cầu lông. Điển hình là thị xã Lào Cai năm 1994 mới có 5-20 sân bóng chuyên và cầu lông nay đã có trên 40 sân thường xuyên luyện tập. Tỉnh đang xúc tiến xây dựng sân vận động, nhà luyện tập và thi đấu tỉnh. Tỉnh đã hướng dẫn quy hoạch đất đai phục vụ sự nghiệp thể dục, thể thao trên địa bàn toàn tỉnh.

5. Phong trào thể dục, thể thao Lào Cai trong những năm qua phát triển theo hướng lành mạnh, nhằm mục tiêu góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa

Không có hiện tượng dùng chất kích thích trong thi đấu, không có việc mua bán cầu thủ, cá cược trong thi đấu thể thao, công tác trọng tài trong thi đấu chính xác, khách quan, vô tư, nhờ đó phong trào thể dục thể thao ngày càng phát triển lành mạnh, đúng hướng thể thao xã hội chủ nghĩa.

Trên đây là một số kết quả đạt được về công tác thể dục, thể thao trong 3 năm qua.

Có được kết quả trên là do một số nguyên nhân cơ bản sau đây:

1- Công tác thể dục, thể thao đã được sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp. Từ năm 1994 Chỉ thị 36 của Ban Bí thư Trung ương Đảng được cấp ủy các cấp tổ chức quán triệt đến đông đảo cán bộ, đảng viên đồng thời xây dựng chương trình hành động, chăm lo phát triển phong trào thể dục, thể thao trong quần chúng nhân dân.

- Trong điều hành quản lý của chính quyền các cấp, các ngành, nhiệm vụ phát triển thể dục, thể thao được coi trọng hơn, quan tâm đầu tư các điều kiện, như sân bãi, trang sắm dụng cụ cho luyện tập thi đấu thể dục, thể thao từ tỉnh đến các cơ sở xã, phường.

- Đoàn thể các cấp như Đoàn thanh niên, Công đoàn, Hội Nông dân, Phụ nữ v.v. đã xác định công tác thể dục, thể thao là một nhiệm vụ quan trọng trong phong trào quần chúng. Các đoàn thể đã ký kết hợp đồng trách nhiệm phối hợp với ngành thể dục, thể thao chăm lo phát triển, nuôi dưỡng phong trào ở cơ sở, nhờ đó phong trào phát triển ngày càng sâu rộng đến các đối tượng xã hội và các địa bàn trong tỉnh.

2- Nhu cầu luyện tập thể dục, thể thao trong một bộ phận khá đông đảo quần chúng đã được khơi dậy. Đường lối chính sách phát triển thể dục, thể thao của Đảng và Nhà nước lại phù hợp với nhu cầu quần chúng, nên quần chúng tự nguyện đóng góp và tham gia vào sự nghiệp phát triển thể dục, thể thao ngày càng tích cực hơn.

3- Việc chăm lo đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động thể dục, thể thao được chăm lo tốt hơn, tạo điều kiện thuận lợi tối thiểu cho phong trào luyện tập thể dục, thể thao của quần chúng.

4- Đội ngũ làm công tác quản lý và chỉ đạo chuyên môn trên lĩnh vực thể dục, thể thao đã có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn, lộn, nhiệt tình với phong trào thể dục, thể thao.

II. NHỮNG MẶT CÒN YẾU KÉM

Công tác thể dục, thể thao tuy đã có một số kết quả mới, song đang bộc lộ những yếu kém sau đây:

1. Quy mô, chất lượng, hiệu quả giáo dục thể chất trong các trường học còn thấp kém, việc giảng dạy môn thể dục, thể thao ở nhiều trường còn hình thức, chiếu lệ, hầu hết các trường chưa có giáo viên có nghiệp vụ thể dục, thể thao. Các môn thể thao chưa có điều kiện phát triển trong hệ thống trường học. Do đó thể dục, thể thao trong trường học chưa có tác dụng nâng cao sức khỏe, thể lực và giáo dục ý chí, đạo đức và tính tổ chức kỷ luật cho thế hệ trẻ, chưa tạo được nền móng cho phong trào và cho việc phát hiện, tuyển chọn các tài năng thể thao.

2. Phong trào thể dục, thể thao tự nguyện trong các tầng lớp nhân dân có phát triển, song mới phát triển ở thị xã, thị trấn và một số cơ sở nông thôn vùng thấp có điều kiện, nên tỷ lệ người luyện tập thể dục, thể thao trên dân số còn thấp.

3- Các môn thể thao phát triển chưa mạnh, đặc biệt là việc chấn hưng các môn thể thao dân tộc còn chậm. Lực lượng vận động viên có thành tích cao còn mỏng, thành tích các môn thể thao còn thấp.

4- Cơ sở vật chất, khoa học, kỹ thuật về lĩnh vực thể dục, thể thao còn nghèo nàn, lạc hậu, sân chơi bãi tập thiếu nghiêm trọng, quy hoạch còn chậm và chưa có sự ưu tiên đầu tư thỏa đáng, đất đai cho hoạt động thể dục, thể thao, nhất là ở các thị xã, thị trấn.

5- Công tác quản lý thể dục, thể thao còn nhiều vấn đề bất cập với sự phát triển của phong trào, từ tỉnh đến các huyện thị bộ máy chỉ

đạo thể dục, thể thao còn lồng ghép với ngành văn hóa, đội ngũ cán bộ chuyên môn chỉ đạo thể dục, thể thao còn yếu và thiếu nghiêm trọng, hầu hết các trường học chưa có giáo viên có chuyên môn thể dục, thể thao, phong trào thể dục, thể thao đang mở rộng, nhưng đội ngũ huấn luyện viên, trọng tài (kể cả nghiệp dư) còn quá thiếu.

6- Một số cấp ủy Đảng, chính quyền chưa quan tâm đầy đủ đến công tác thể dục, thể thao, có nơi còn coi thể dục, thể thao chỉ là một hoạt động vui chơi, giải trí đơn thuần.

Những yếu kém trên do nguyên nhân sau đây:

1- Không ít cấp ủy, chính quyền, đoàn thể nhận thức về tầm quan trọng của công tác thể dục, thể thao chưa đủ sâu sắc, nên một số nơi chưa thực sự coi trọng lãnh đạo chỉ đạo phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao.

2- Đời sống kinh tế còn nhiều khó khăn, nên nhu cầu và điều kiện luyện tập thể dục, thể thao của quần chúng còn có hạn.

3- Nguồn lực đầu tư cho hoạt động thể dục, thể thao còn hạn hẹp nên cơ sở vật chất phục vụ cho sự nghiệp phát triển thể dục, thể thao còn yếu kém.

4- Hệ thống bộ máy làm công tác quản lý sự nghiệp thể dục, thể thao ở các cấp nhìn chung còn yếu, nhất là tuyến cơ sở.

Những kinh nghiệm rút ra từ thực tiễn công tác thể dục, thể thao 3 năm qua:

1- Thực tiễn cho thấy, ở nơi nào có sự quan tâm của Đảng và lãnh đạo đơn vị thì ở đó có phong trào và phong trào phát triển nhanh, vững chắc.

2- Biết phát động phong trào quần chúng tham gia luyện tập thể dục, thể thao, đồng thời phải có các biện pháp động viên, tổ chức, hướng dẫn duy trì phong trào.

3- Muốn có phong trào phát triển sâu rộng và bền vững phải tích cực xây dựng các hình thức tổ chức xã hội về thể dục, thể thao như các

câu lạc bộ văn hóa - thể dục, thể thao ở tuyến cơ sở, xây dựng và nhân rộng mô hình gia đình thể dục thể thao.

III. MỤC TIÊU, CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CÔNG TÁC THỂ DỤC THỂ THAO ĐẾN NĂM 2000

a. Mục tiêu

1- Đẩy mạnh việc giáo dục thể chất trong tất cả các trường học với chất lượng cao hơn để góp phần nâng cao thể chất cho thanh thiếu niên trong tỉnh. Mở rộng các hoạt động thể dục, thể thao trong các lĩnh vực vũ trang, công nhân, viên chức, một bộ phận nhân dân ở những nơi có điều kiện. Phấn đấu đạt 7 - 8% số dân thường xuyên luyện tập thể dục, thể thao.

2- Hình thành hệ thống đào tạo tài năng thể thao để tăng nhanh số lượng vận động viên có thành tích cao ở nhiều môn thể thao, đặc biệt là các môn thể thao dân tộc.

3- Tăng thêm số lượng và trình độ mọi mặt của cán bộ quản lý, huấn luyện viên, tập trung đào tạo giáo viên thể dục, thể thao cho các trường học. Hoàn thành quy hoạch cơ sở vật chất thể dục, thể thao trên địa bàn toàn tỉnh, nhất là tuyến cơ sở.

b. Các giải pháp

1- Biện pháp hàng đầu là nâng cao nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và nhân dân về ý nghĩa tác dụng của thể dục, thể thao. Đưa nội dung thể dục, thể thao vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành.

2- củng cố kiện toàn tổ chức thể dục, thể thao từ tỉnh đến cơ sở, xây dựng các trung tâm thể dục, thể thao từ tỉnh đến huyện và các câu lạc bộ xã phường. Hình thành hệ thống tổ chức xã hội hoạt động có chất lượng ở một số môn thể thao có điều kiện phát triển trên địa bàn tỉnh.

3- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác thể dục, thể thao, làm cho phong trào thực sự của dân, do dân, vì dân.

4- Động viên các nguồn lực, tăng ngân sách nhà nước cho sự phát triển thể dục, thể thao.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 13-BC/TU, ngày 2-8-1997
3 năm thực hiện Chỉ thị 38-CT/TW
của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII
về công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC QUA 3 NĂM THỰC HIỆN
CHỈ THỊ 38-CT/TW

3 năm qua Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lào Cai nỗ lực phấn đấu thực hiện Chỉ thị 38-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII, đã đạt được những tiến bộ mới trên lĩnh vực bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, thể hiện ở những việc làm và kết quả sau đây:

1- Cấp ủy các cấp đã thường xuyên chỉ đạo đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến đường lối, chính sách và luật bảo vệ chăm sóc trẻ em đến cán bộ và nhân dân các dân tộc. Đến nay đã có sự tiến bộ rõ nét về nhận thức của Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể các cấp và nhân dân các dân tộc về ý nghĩa và sự bức bách của vấn đề bảo vệ chăm sóc trẻ em. Đặc biệt đối với Lào Cai là một tỉnh vùng cao, kinh tế văn hóa chậm phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của đại bộ phận nhân dân còn ở mức thấp, số trẻ em thất học, trẻ em suy dinh dưỡng còn chiếm tỷ lệ cao, do đó việc chăm lo bảo vệ chăm sóc trẻ em lại càng đặt ra bức xúc. Nhận thức được điều đó cho nên ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành đối với nhiệm vụ bảo vệ chăm sóc trẻ em được nâng lên, thể

hiện bằng chương trình hành động của các cấp, các ngành đã và đang đi vào cuộc sống, mang lại nhiều kết quả mới cho trẻ em Lào Cai.

2. Đã huy động được phong trào toàn Đảng, toàn dân tham gia bảo vệ chăm sóc trẻ em. Cấp ủy các cấp đã có sự đổi mới lãnh đạo, chỉ đạo các chương trình mục tiêu vì trẻ em. Từ Đảng bộ tỉnh đến các đảng bộ huyện thị và nhiều đảng bộ xã phường đã xây dựng chương trình hành động, nêu rõ mục tiêu phấn đấu đến năm 2000 chăm lo các quyền cơ bản của trẻ em, tập trung vào các mục tiêu quan trọng và cấp bách là: Hoàn thành phổ cập tiểu học và xóa mù chữ; thực hiện tốt chăm sóc sức khỏe ban đầu và phong chống suy dinh dưỡng cho trẻ em; mở rộng việc chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; tăng cường cơ sở vật chất, tạo môi trường cho trẻ em được vui chơi lành mạnh.

- Những nội dung mục tiêu trên đã được cụ thể hóa bằng kế hoạch hằng năm của các cấp, các ngành, có các chính sách và các giải pháp đồng bộ bảo đảm các điều kiện thực hiện. Trong điều hành quản lý của chính quyền các cấp đã coi trọng các chỉ tiêu về chăm sóc giáo dục trẻ em trong hệ thống chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Một số chương trình mục tiêu về phát triển giáo dục chăm sóc sức khỏe cho trẻ em được lãnh đạo các cấp hết sức quan tâm, ưu tiên đầu tư ngân sách và tích cực huy động nhân dân đóng góp thêm nguồn lực. Nhờ đó, một số huyện vùng cao như: Bắc Hà, Văn Bàn, Sa Pa, số trẻ em đến trường hằng năm tăng nhanh, các điều kiện về học tập, về chăm sóc sức khỏe của trẻ em nhiều nơi được cải thiện tốt hơn.

- Chính quyền xã phường có vai trò thực sự quan trọng trong tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu vì trẻ em, nhiều xã đã tạo được sự quan tâm của tập thể cấp ủy, của mọi cán bộ đảng viên, đã động viên từng gia đình và cả cộng đồng làng, bản tự giác thực hiện. Nhiều nơi đã xây dựng được phong trào hành động vì trẻ em thực sự là của dân, vì dân như ở Bắc Hà, Bảo Thắng, Văn Bàn, thị xã Cam Đường v.v. nên phong trào có bề rộng và phát triển vững chắc.

- Các đoàn thể và các lực lượng xã hội như Hội Phụ nữ, Đoàn thanh niên, Hội Nông dân, Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh, Hội Chữ thập đỏ, các lực lượng như Bộ đội Biên phòng, Công an,

các ngành Tư pháp đã xây dựng chương trình hành động trực tiếp tham gia vào quá trình thực hiện các mục tiêu vì trẻ em. Một số đoàn thể đã ký kết hợp đồng trách nhiệm, chịu trách nhiệm ở từng huyện, từng cụm xã cụ thể và đã thường xuyên gắn kết chương trình bảo vệ, chăm sóc trẻ em với các chương trình vận động phát triển kinh tế xóa đói, giảm nghèo, xây dựng gia đình văn hóa mới, v.v. nên đã tăng được hiệu quả của chương trình bảo vệ chăm sóc trẻ em.

3- Tích cực huy động các nguồn lực vào việc thực hiện các mục tiêu vì trẻ em. Ngoài ngân sách nhà nước đầu tư hằng năm tăng lên, tỉnh đã dành một phần ngân sách địa phương, tích cực thu hút vốn tài trợ trong và ngoài nước, đồng thời huy động tiền của, công sức của nhân dân vào việc chăm sóc trẻ em. Tính riêng năm học 1996 - 1997 theo thống kê chưa đầy đủ sức dân toàn tỉnh đã làm được 334 phòng học, 1.097 bộ bàn ghế, 163 bảng đen, 6.276m² nhà ở cho giáo viên và học sinh, đóng góp 32.394 công. Tổng giá trị nhân dân góp là 3.865 triệu đồng. Riêng huyện Bắc Hà đã có 27/34 xã lập quỹ khuyến học bằng lương thực được trên 20 tấn hằng năm để hỗ trợ cho học sinh bán trú lúc giáp hạt. Nhờ đó đến nay toàn tỉnh đã có trên 40% số phòng học xây, đã cơ bản khắc phục được tình trạng học sinh học 3 ca.

4- Đã củng cố và tăng cường bộ máy Ủy ban bảo vệ - chăm sóc trẻ em cấp tỉnh, các huyện, thị và một số cơ sở xã, phường. Các huyện đã có cán bộ chuyên trách. Hoạt động của Ủy ban bảo vệ - chăm sóc trẻ em cấp tỉnh và huyện thị đã đi vào nền nếp, có cơ chế phối hợp giữa các ngành thành viên, tạo nên sức mạnh tổng hợp trong việc huy động các nguồn lực vào việc thực hiện các mục tiêu đã đề ra.

5- Các chương trình mục tiêu bảo vệ chăm sóc trẻ em qua 3 năm thực hiện theo tinh thần Chỉ thị 38 có những bước tiến đáng kể:

- Về chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em:

3 năm qua cấp ủy, chính quyền đoàn thể các cấp đã tập trung chỉ đạo và huy động nhân dân thực hiện chương trình tiêm chủng mở rộng ở cả vùng thấp và vùng cao, nên mặc dù là một tỉnh vùng cao, giao thông cực kỳ khó khăn, nhưng chương trình vẫn đạt kết quả cao. Số trẻ em được tiêm chủng hằng năm đạt như sau: 1994 đạt: 86,39%; 1995 đạt: 97%; 1996 đạt: 93,5%.

- Số trẻ em được uống vắc xin phòng bại liệt 1994 đạt 94%; 1995 đạt 95%; 1996 đạt 97,9%.

Nhờ kết quả tiêm chủng mở rộng, các bệnh truyền nhiễm của trẻ em đã giảm rõ rệt, năm 1994 có 351 cháu mắc, năm 1996 chỉ có 32 cháu mắc, không có dịch lớn gây tác hại nghiêm trọng đến sức khỏe và tính mạng trẻ em như những năm trước đây ở một số xã vùng cao.

- Về chương trình phòng, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em:

3 năm qua đã triển khai chương trình phòng, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em ở 58 xã, phường kết hợp lồng ghép với các chương trình kinh tế - xã hội nên đã mang lại kết quả tốt, đã giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng từ 53,2% năm 1994 xuống còn 46,2% năm 1996. Đây là kết quả bước đầu, tạo tiền đề và kinh nghiệm cho việc mở rộng chương trình trong những năm tới nhằm giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng xuống 35% vào năm 2000.

- Về chương trình chăm sóc giáo dục:

Mục tiêu giảm tỷ lệ trẻ em thất học, bỏ học đạt bước tiến mới, số trẻ em được đến học ở các lớp mầm non, mẫu giáo hàng năm tăng lên một số xã vùng cao đã có các lớp mẫu giáo. Tỷ lệ huy động trẻ em từ 6 đến 14 tuổi tăng nhanh; năm 1994 có 52,25% đến năm học 1996 - 1997 có 72,73% đã ra lớp học, đến nay đã có 1 thị xã và 32 xã, phường hoàn thành phổ cập tiểu học và xóa mù chữ. Hầu hết các xã vùng cao đã khắc phục được tình trạng học sinh bỏ nên nhiều xã đã có trường tiểu học hoàn chỉnh, điển hình là Bắc Hà, Văn Bàn, Sa Pa. Các huyện, thị và hầu hết các đơn vị xã, phường đều xây dựng chương trình hành động thực hiện mục tiêu phổ cập tiểu học và xóa mù chữ vào năm 2000. Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên một bước, tỷ lệ học sinh khá giỏi, học sinh đạt giải cấp tỉnh, cấp quốc gia hàng năm đều tăng lên.

- Về chương trình chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn:

Đã tổ chức phẫu thuật sút môi trả lại nụ cười cho 171 cháu, trong đó 160 cháu là con em các dân tộc.

Đã triển khai chương trình chăm sóc trẻ em đặc biệt khó khăn ở 6 xã bằng giải pháp Nhà nước hỗ trợ và huy động sự chăm sóc của cả cộng đồng, nên hàng trăm cháu khuyết tật, có hoàn cảnh khó khăn đã có điều kiện hòa nhập với cộng đồng.

Hàng năm quỹ bảo trợ trẻ em đã huy động được từ 50 đến 70 triệu đồng và nhiều hiện vật chăn, màn quần áo để giúp đỡ trẻ em vùng khó khăn.

Tỉnh đã thành lập trung tâm bảo trợ trẻ em mồ côi, đã đón được 38 cháu đến nuôi dưỡng và học tập.

- Về chương trình vui chơi giải trí, hoạt động văn hóa thể thao:

Hàng năm tỉnh đã tổ chức cho các cháu có thành tích trong học tập và rèn luyện đi tham quan du lịch, đồng thời đoàn thanh niên phối hợp với các ngành giáo dục, văn hóa thể dục, thể thao tổ chức vui chơi lành mạnh cho các cháu.

Một số huyện, thị và nhiều xã, phường đã dành quỹ đất tổ chức được các điểm vui chơi cho trẻ em.

Tỉnh đã đầu tư gần 7 tỷ đồng xây dựng nhà văn hóa thiếu nhi tỉnh hoàn thành vào năm 1998. Công trình này sẽ góp phần tăng thêm đáng kể đời sống tinh thần cho trẻ em.

- Về bảo vệ nhân quyền trẻ em:

Tỉnh đã quan tâm chỉ đạo các ngành các cấp thường xuyên tuyên truyền pháp luật đặc biệt là luật bảo vệ - chăm sóc trẻ em và luật PCTH đến cán bộ và nhân dân, đã tổ chức cuộc thi tìm hiểu pháp luật trong thanh thiếu niên, kết quả có 20 ngàn bài dự thi và Lào Cai xếp thứ 13 toàn quốc. Do có sự cố gắng tuyên truyền pháp luật trong nhân dân, nên tình trạng vi phạm nhân quyền của trẻ em ở Lào Cai xảy ra không nghiêm trọng, số trẻ em vi phạm pháp luật rất thấp. Các vụ vi phạm nhân quyền trẻ em được xử lý kịp thời, nghiêm minh. Ba năm qua đã xử lý 12 vụ án xâm phạm đến quyền trẻ em; hiếp dâm 6 vụ, 6 trẻ em, bị đem bán 3 vụ 3 trẻ em, bị cố ý gây thương tích 2 vụ, 2 trẻ em, bị tai nạn giao thông 1 vụ 2 trẻ em. Các vụ bị cáo là trẻ em đã xử lý 3 vụ hiếp dâm, 3 trẻ em; trộm cắp tài sản công dân 3 vụ, 3 trẻ em. Việc xử lý nghiêm minh, kịp thời đã có tác dụng giáo dục, ngăn chặn những hành vi xâm phạm đến quyền của trẻ em.

Những kết quả trên do các nguyên nhân sau đây:

Một là: Cấp ủy, chính quyền các cấp có sự quan tâm chỉ đạo, thường xuyên đối với các chương trình mục tiêu vì trẻ em.

Hai là: Có sự phối hợp tích cực, hiệu quả của các ban, ngành, đoàn thể góp phần bảo vệ và thực hiện các quyền của trẻ em.

Ba là: Đã huy động được nhiều nguồn lực vào mục tiêu bảo vệ chăm sóc trẻ em.

II. NHỮNG KHÓ KHĂN YẾU KÉM

Qua 3 năm thực hiện Chỉ thị 38 nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em đã có những tiến bộ. Tuy nhiên, nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở Lào Cai có những khó khăn sau đây:

1- Nhận thức và ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành tuy đã có chuyển biến nhưng chưa đồng đều, chưa đủ sâu sắc nên quan điểm “Dành cho trẻ em những gì tốt đẹp nhất” chưa được thực sự quán triệt đầy đủ, thường xuyên trong ý thức và hành động của toàn xã hội. Một số ngành và cơ sở chưa thực sự coi đây là quan điểm cơ bản chỉ đạo việc xây dựng chương trình hành động chăm lo cho trẻ em, có nơi sự quan tâm của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể còn hình thức, thiếu kiểm tra đôn đốc thực hiện, nên ở đó tỷ lệ trẻ em thất học còn cao, tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đạt thấp.

2- Một số mục tiêu của chương trình hành động vì trẻ em ở Lào Cai đang đặt ra nhiều khó khăn gay gắt.

- Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng còn cao (khoảng 50%), bệnh tật đối với trẻ em vẫn là mối đe dọa thường xuyên, số trẻ em còn trong hoàn cảnh thiếu cơm, rách áo còn chiếm số lượng không nhỏ ở các xã vùng cao.

- Trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ mẫu giáo, độ tuổi phổ thông chưa đến trường còn khá đông, 80% ở tuổi mẫu giáo, 28% ở tuổi 6 - 14. Đáng quan tâm là tỷ lệ học sinh bỏ dở tiểu học còn rất cao, nên mục tiêu 70-80% trẻ em dưới 15 tuổi học hết tiểu học đang phấn đấu hết sức khó khăn.

- Điều kiện để mở rộng cho trẻ em Lào Cai tiếp xúc với văn hóa, văn minh còn rất hạn chế, số cơ sở văn hóa, thể dục, thể thao, số điểm dành cho trẻ em vui chơi còn quá ít.

- Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn và những tiêu cực đang lây lan đến trẻ em cũng đang là những vấn đề đặt ra cho các cấp, các ngành suy nghĩ và hành động tích cực hơn.

3- Điều kiện kinh tế - xã hội ở Lào Cai còn chậm phát triển, dân cư phân tán, giao thông cực kỳ khó khăn; khả năng huy động nguồn lực của nhân dân còn ở mức thấp, trong khi ngân sách nhà nước đặc biệt là ngân sách địa phương có hạn; việc đầu tư cho các chương trình mục tiêu bảo vệ chăm sóc trẻ em chưa được bao nhiêu, nên cơ sở vật chất phục vụ cho nhu cầu chăm sóc giáo dục trẻ em còn có nhiều yếu kém. Gần 50% trẻ em còn học trong các phòng học tạm, nhất là vùng cao phần lớn phòng học là nhà tranh, vách đất, hệ thống trạm xá xã còn rất yếu, chưa đủ sức chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, cơ sở dành cho trẻ em vui chơi còn đơn sơ và quá thiếu.

4- Vai trò của các tổ chức xã hội, vai trò của gia đình đối với nhiệm vụ chăm sóc trẻ em còn nhiều hạn chế, do thiếu kiến thức, do đời sống kinh tế còn khó khăn. Mặt khác, sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội chưa làm tốt, nên hiệu quả của công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em ở một số nơi còn thấp.

5- Công tác tuyên truyền giáo dục nâng cao kiến thức, bảo vệ chăm sóc trẻ em cho toàn xã hội đã có cố gắng trong nhiều năm qua, nhưng vẫn chưa đủ sâu sắc và chưa thật sự sâu rộng đến các đối tượng xã hội.

6- Bộ máy ủy ban bảo vệ chăm sóc trẻ em nhất là tuyến xã phường thiếu nơi hoạt động còn yếu.

Những yếu kém trên do những nguyên nhân sau đây:

Một là: Nhận thức và sự quan tâm chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc trẻ em của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp đã có tiến bộ nhưng chưa đồng đều. Một số ban ngành, đoàn thể, một số cơ sở xã, phường chưa có sự chăm lo đúng mức đến nhiệm vụ chăm sóc, giáo dục trẻ em.

Hai là: Phong trào toàn dân bảo vệ, chăm sóc trẻ em đã được phát động, nhưng chưa đủ mạnh, rộng khắp ở các vùng, và các lực lượng xã hội.

Ba là: Nguồn lực đầu tư cho các chương trình mục tiêu bảo vệ, chăm sóc trẻ em còn nhiều khó khăn, hạn chế.

Bốn là: Những khó khăn của một tỉnh vùng cao, cộng với sự tác động của mặt trái cơ chế thị trường gây khó khăn cho quá trình thực hiện các mục tiêu vì trẻ em.

Những bài học kinh nghiệm từ thực tiễn chỉ đạo nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em:

Một là: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục làm chuyển biến ngày càng sâu sắc nhận thức của các cấp, các ngành, của toàn dân về nhiệm vụ bảo vệ chăm sóc trẻ em, đây là yếu tố hệ trọng hàng đầu bảo đảm cho các quyền của trẻ em được thực hiện.

Hai là: Các mục tiêu chương trình bảo vệ, chăm sóc trẻ em phải trở thành bộ phận hữu cơ, được ưu tiên đầu tư, được thực hiện lồng ghép với các chương trình kinh tế - xã hội thì mới có điều kiện bảo đảm thực hiện có hiệu quả.

Ba là: Phải coi trọng việc phát triển phong trào toàn dân bảo vệ chăm sóc trẻ em, huy động ngày càng tốt hơn tinh thần trách nhiệm và các nguồn lực của cả cộng đồng, của từng gia đình vào thực hiện các mục tiêu bảo vệ chăm sóc trẻ em.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHỦ YẾU CỦA CÔNG TÁC BẢO VỆ CHĂM SÓC TRẺ EM TỪ NAY ĐẾN NĂM 2000 CỦA LÀO CAI

- Từ nay đến năm 2000 các mục tiêu bảo vệ chăm sóc trẻ em ở Lào Cai đặt ra rất nặng nề, trong khi nguồn lực còn có hạn, do vậy cần lựa chọn mục tiêu và đối tượng ưu tiên để phân bổ tập trung vào các mục tiêu phương hướng, nhiệm vụ sau đây:

1- Đẩy tới một bước nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe ban đầu cho trẻ em.

2- Giảm tỷ lệ trẻ em thất học, bỏ học, hoàn thành cơ bản phổ cập tiểu học và xóa mù chữ.

3- Tăng cường các điều kiện để mở rộng các hình thức sinh hoạt vui chơi văn hóa, thể dục, thể thao cho trẻ em.

4- Thực hiện tốt các chính sách và biện pháp giúp đỡ, chăm sóc trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, trẻ em khuyết tật.

5- Xử lý kịp thời, nghiêm minh các vụ vi phạm quyền trẻ em.

- Thực hiện phương hướng, mục tiêu trên cần nhấn mạnh các giải pháp sau đây:

1- Tăng cường một bước cơ sở vật chất kỹ thuật cho ngành y tế, phấn đấu các xã đều có trạm xá. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, thực hiện có kết quả chương trình tiêm chủng mở rộng, cung cấp đủ muối iốt cho toàn dân, đẩy mạnh công tác bảo vệ sinh phòng bệnh, mở rộng việc mua bảo hiểm y tế cho học sinh.

2- Cùng với việc tuyên truyền, giáo dục kiến thức về nuôi dạy con khỏe cần đẩy mạnh việc bài trừ hủ tục lạc hậu. Có chính sách khuyến khích để giúp những gia đình khó khăn xóa đói giảm nghèo, vận động cộng đồng bảo trợ trẻ em đặc biệt khó khăn, nhất là trẻ em vùng sâu, vùng xa.

3- Phát triển mạnh ngành học mầm non, tăng cường các biện pháp vận động trẻ em đi học, phấn đấu tăng nhanh trẻ em trong độ tuổi ra lớp, nâng cao chất lượng giáo dục toàn dân lên một bước.

4- Chú trọng đào tạo đủ giáo viên, nhất là giáo viên cho vùng cao, giáo viên là dân tộc ít người. Đề nghị Chính phủ sớm có chính sách đãi ngộ thỏa đáng cho giáo viên công tác ở vùng cao, vùng xa.

5- Thực hiện các biện pháp như ưu tiên dành quỹ đất, đầu tư cơ sở vật chất cho ngành văn hóa, thể dục, thể thao tạo ra nhiều điểm vui chơi cho trẻ em, để trẻ em Lào Cai hòa nhập vào đời sống văn hóa tinh thần của trẻ em cả nước.

6- Kịp thời toàn bộ máy bảo đảm đủ biên chế cho Ủy ban bảo vệ - chăm sóc trẻ em các cấp. Xây dựng hoàn thiện cơ chế hoạt động phối hợp của các thành viên Ủy ban bảo vệ - chăm sóc trẻ em. Phát động sâu rộng phong trào toàn dân bảo vệ - chăm sóc giáo dục trẻ em, đưa nhiệm vụ bảo vệ - chăm sóc trẻ em trở thành công việc quan trọng thường xuyên của mọi cấp, mọi ngành, mọi người, mọi nhà.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 13 NGÀY 29-7-1997

Số 74-TB/TU, ngày 4-8-1997

Ngày 29-7-1997, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp hội nghị lần thứ 13 dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy. Ban Thường vụ đã xem xét tờ trình của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về công tác tổ chức bộ máy và cán bộ, thống nhất kết luận như sau:

1. Đồng ý về chủ trương cho thành lập Nhà nghỉ điều dưỡng cán bộ:

- Trụ sở chính: tại thị xã Lào Cai
- Cơ sở điều dưỡng: tại huyện Bắc Hà
- Quy mô: từ 20 - 25 giường.

Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Y tế Lào Cai lập đề án xin phê duyệt và tổ chức thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Đồng ý thành lập Công ty Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Bổ nhiệm đồng chí Vũ Xuân Hồng - đang giữ chức vụ Giám đốc Công ty Thương mại - Du lịch nay giữ chức vụ Giám đốc Công ty Du lịch.

3. Giải thể Công ty sản xuất kinh doanh - dịch vụ tổng hợp Tỉnh ủy. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng, Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy, giám đốc công ty thực hiện việc giải thể theo quy định hiện hành của pháp luật. Thu hồi toàn bộ đất đai và vật kiến trúc tại khu đất của công ty trên đường Nguyễn Huệ, phường Lào Cai, thị xã Lào Cai vào công quỹ.

- Bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Xuân Định, nguyên Giám đốc Công ty Sản xuất kinh doanh - dịch vụ tổng hợp Tỉnh ủy, giữ chức vụ Giám đốc Công ty Thương mại tổng hợp sau khi giải thể xong công ty trên.

Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định việc phân chia tài sản, tiền vốn, công nợ, lao động và bổ sung nguồn vốn cho Công ty Du lịch và Công ty Thương mại tổng hợp từ tài sản, tiền vốn, công nợ và lao động của Công ty Thương mại - Du lịch.

4. Đề bạt đồng chí Bùi Hữu Nhiên, Chi cục trưởng Chi cục Thuế thị xã Lào Cai giữ chức vụ Phó cục trưởng Cục Thuế tỉnh Lào Cai.

5. Đồng ý thỏa thuận để đề bạt đồng chí Đinh Ngọc Sơn, Trưởng phòng nguồn vốn kinh doanh Ngân hàng đầu tư - phát triển giữ chức vụ Phó Giám đốc Ngân hàng đầu tư - phát triển tỉnh Lào Cai, đề bạt đồng chí Lương Phú Cường, Trưởng phòng tín dụng Ngân hàng đầu tư - phát triển giữ chức vụ Phó Giám đốc Ngân hàng đầu tư - phát triển tỉnh Lào Cai.

6. Đồng ý cho Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa được bầu đồng chí Nguyễn Tân, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy kiêm Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy.

- Hội đồng nhân dân huyện Sa Pa bầu đồng chí Nguyễn An Toàn, Bí thư Huyện ủy giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện.

- Miễn nhiệm chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện của đồng chí Đinh Ngọc Cẩm.

- Chỉ định đồng chí Phạm Văn Cường, Trưởng phòng sản xuất kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa để bầu giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ và Hội đồng nhân dân huyện bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa.

7. Đồng ý cho giáo viên đương chức Trường Chính trị tỉnh hưởng phụ cấp lương là 20%/tháng (những người thường xuyên trực tiếp giảng dạy).

- Nâng mức phụ cấp cho giảng viên kiêm chức ở Trường Chính trị tỉnh lên 15.000đ/giờ, ở Trường Chính trị huyện, thị xã lên 10.000đ/giờ.

- Trợ cấp tiền ăn, ở, điện nước cho cán bộ ở cơ sở không thuộc biên chế Nhà nước theo học tại Trường Chính trị.

- Các trường chính trị phải xây dựng quy chế hoạt động, phải lập kế hoạch hằng năm trình Ủy ban nhân dân và Ban Thường vụ phê duyệt.

8. Nhất trí với tờ trình của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy về kỷ luật đồng chí Lâm Sỹ, Giám đốc Điện lực Lào Cai với hình thức khiển trách.

9. Nhất trí phê duyệt phương án chuyển giao Xí nghiệp liên doanh vật liệu xây dựng Lào Cai về thành Xí nghiệp quốc doanh của tỉnh như sau:

- Chuyển hình thức liên doanh của Xí nghiệp liên doanh vật liệu xây dựng Lào Cai, thành Xí nghiệp quốc doanh gạch tuy nen Lào Cai trên cơ sở tài sản, vốn, công nợ và lao động của Xí nghiệp liên doanh vật liệu xây dựng Lào Cai.

- Hai bên liên doanh bàn giao nguyên trạng toàn bộ tài sản, tiền vốn, công nợ, lao động cho Xí nghiệp gạch tuy nen Lào Cai.

- Giao cho Giám đốc và Kế toán trưởng của Xí nghiệp liên doanh tiếp tục làm Giám đốc và Kế toán trưởng của Xí nghiệp gạch tuy nen Lào Cai nhận toàn bộ tài sản, tiền vốn, công nợ và lao động từ Xí nghiệp liên doanh.

- Xí nghiệp gạch tuy nen Lào Cai có trách nhiệm trả lại toàn bộ phần vốn góp của xí nghiệp gạch Hữu Hưng trong thời hạn 5 năm kể từ ngày bàn giao.

- Chuyển toàn bộ phần vốn góp của Công ty khoáng sản Lào Cai thành vốn ngân sách cấp cho Xí nghiệp gạch tuy nen Lào Cai ghi giảm vốn ngân sách cho Công ty khoáng sản Lào Cai từ ngày bàn giao.

- Ủy ban nhân dân tỉnh có biện pháp chỉ đạo các ngành chức năng giúp đỡ xí nghiệp gạch tuy nen Lào Cai tháo gỡ khó khăn về vốn và phương án sản xuất.

10. Đồng ý xây dựng Xí nghiệp gỗ ván dăm ép như sau:

- Là xí nghiệp trực thuộc của Lâm trường Bảo Yên

- Địa điểm xây dựng: Tại huyện Bảo Yên
- Nguồn vốn: Sử dụng vốn vay ưu đãi dài hạn trong kế hoạch hàng năm. Quy mô: 5.000m³ năm.

Thiết bị công nghệ: Nền đấu thầu.

Các cơ quan và cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quy định hiện hành thi hành Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 82-QĐ/TU, ngày 4-8-1997

**Chuẩn y bổ sung các thành viên Ủy ban Kiểm tra
Đảng bộ Quân sự tỉnh Lào Cai**

Căn cứ vào Điều 31 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra ngày 22-7-1997 của Hội
nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự tỉnh Lào Cai khóa II;
Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y các đồng chí sau đây là thành viên Ủy ban Kiểm tra Đảng bộ Quân sự tỉnh Lào Cai khóa II:

- Nguyễn Quang Ân
- Kim Ngọc Sự

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự tỉnh Lào Cai, Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các đồng chí có tên trên thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
TRÁNG A PAO**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 83-QĐ/TU, ngày 4-8-1997
Chuẩn y Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
Đảng bộ Quân sự tỉnh Lào Cai

Căn cứ vào Điều 31 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
Xét Biên bản bầu cử Ủy ban Kiểm tra ngày 22-7-1997 của Hội
nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự tỉnh Lào Cai khóa II;
Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y đồng Nguyễn Quang Ân là Ủy viên Ban Thường vụ Đảng bộ Quân sự tỉnh giữ chức Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng bộ Quân sự tỉnh Lào Cai.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự tỉnh Lào Cai, Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và đồng chí Nguyễn Quang Ân thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 77-TB/TU, ngày 6-8-1997

**Về nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và
Thường trực Hội Cựu chiến binh tỉnh Lào Cai khóa II
(nhiệm kỳ 1997 - 2002)**

Căn cứ vào Thông báo số 03-TB/TU, ngày 2-1-1997 và kết luận tại Hội nghị ngày 29-7-1997 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc nhân sự Hội Cựu chiến binh tỉnh Lào Cai khóa II;

Sau khi trao đổi thống nhất với Trung ương Hội Cựu Chiến binh Việt Nam,

Ban Thường vụ thông báo nhân sự cụ thể sau:

1. Ban Chấp hành: 15 đồng chí (mười lăm)

2. Ban Thường vụ: 5 đồng chí (năm)

3. Thường trực 3 đồng chí:

1- Đồng chí Nguyễn Văn Ly, Ủy viên Ban Chấp hành, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh huyện Bảo Thắng bầu cử giữ chức vụ Chủ tịch Hội Cựu chiến binh.

2- Đồng chí Thảo A Tráng, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy, kiêm Phó Chủ tịch hội, bầu cử giữ chức Phó Chủ tịch hội.

3- Đồng chí Nguyễn Thị Đua, cán bộ tổ chức, bầu tham gia Ủy viên Thường vụ, phân công Ủy viên thư ký hội.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh tỉnh Lào Cai lãnh đạo, chỉ đạo bầu cử Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ủy viên thư ký và Ban kiểm tra Hội Cựu chiến binh tỉnh Lào Cai khóa II theo đúng quy định trong điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRẮNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY**

Số 85-QĐ/TU, ngày 8-8-1997

**Về việc chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành
Đảng bộ huyện Sa Pa**

Căn cứ vào Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

Căn cứ vào ý kiến kết luận tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ XIII ngày 29-7-1997;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy sau khi đã thống nhất với Ban Thường vụ Huyện ủy Sa Pa,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chỉ định đồng chí Phạm Văn Cường, công tác ở Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa, tham gia ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XVIII (nhiệm kỳ 1996 - 2000) kể từ ngày 8-8-1997.

Nhiệm vụ cụ thể do Ban Chấp hành Huyện ủy phân công.

2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Sa Pa và đồng chí Phạm Văn Cường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 87-QĐ/TU, ngày 9-8-1997

Chuẩn y Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Sa Pa

Căn cứ vào Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
Căn cứ vào kết quả biên bản kiểm phiếu của Hội nghị Ban Chấp
hành Đảng bộ Huyện Sa Pa ngày 8 tháng 8 năm 1997 về việc Bầu bổ
sung ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chuẩn y đồng chí Phạm Văn Cường giữ chức vụ Ủy viên Ban
Thường vụ Huyện ủy Sa Pa kể từ ngày 8-8-1997.

2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Sa Pa và
đồng chí Phạm Văn Cường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu trữ tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 88-QĐ/TU, ngày 9-8-1997

Chuẩn y Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Sa Pa

Căn cứ vào Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
Căn cứ vào kết quả biên bản kiểm phiếu của Hội nghị Ban Chấp
hành Đảng bộ Huyện Sa Pa ngày 8-8-1997 về việc bầu bổ sung Phó
Bí thư Thường trực;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chuẩn y đồng chí Nguyễn Tân giữ chức vụ Phó Bí thư Thường
trực Huyện ủy Sa Pa kể từ ngày 8-8-1997; được hưởng hệ số tiền
lương 4,9 (bốn phẩy chín).

2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Sa Pa và
đồng chí Nguyễn Tân chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 81-TB/TU, ngày 18-8-1997

Về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 16-8-1997

Ngày 16-8-1997, Thường trực Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao - Bí thư Tỉnh ủy. Sau khi nghe đồng chí Bí thư Thị ủy Lào Cai trình phương án quy hoạch và đào tạo cán bộ, các đồng chí dự họp phát biểu ý kiến, Thường trực Tỉnh ủy thống nhất và kết luận như sau:

1. Đồng ý cho mở lớp bổ túc văn hóa cấp III tập trung tại thị xã Lào Cai

- Đối tượng học: Là cán bộ xã phường, cán bộ các cơ quan thị xã và một số cán bộ các cơ quan của các huyện lân cận nằm trong quy hoạch giai đoạn 2000-2010.

- Về chế độ chính sách hỗ trợ:

+ Đối với cán bộ trong biên chế nhà nước: Được hỗ trợ tiền mua sách giáo khoa.

+ Đối với cán bộ phường xã: Được hỗ trợ tiền mua sách giáo khoa và được trợ cấp học bổng là 120.000 đồng/tháng.

+ Nguồn kinh phí: Từ ngân sách của thị xã cho đối tượng là cán bộ phường xã, từ kinh phí của các cơ quan có người đi học cho các đối tượng là cán bộ các cơ quan đi học. Kinh phí của Sở Giáo dục theo quy định hiện hành.

- Cơ quan chủ trì thực hiện: thị xã Lào Cai
 - Cơ quan phối hợp thực hiện: Sở Giáo dục Lào Cai, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh.
2. Đồng ý cho mở lớp Trung học chính trị tại thị xã Lào Cai
- Đối tượng học: Là cán bộ thuộc diện quy hoạch cho giai đoạn 2000 - 2010 ở các cơ quan, phường, xã thuộc thị xã Lào Cai.
 - Về chế độ chính sách hỗ trợ:
 - + Đối với cán bộ trong biên chế nhà nước: được hỗ trợ 100.000đ/tháng do cơ quan cử người cử đi học trả.
 - + Đối với cán bộ phường xã: được hỗ trợ 7.000đ/ngày đối với học viên nam và 10.000đ/ngày đối với học viên nữ, do ngân sách của thị xã trả.
 - Cơ quan chủ trì thực hiện: Thị ủy Lào Cai.
 - Cơ quan phối hợp thực hiện: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh.
3. Đồng ý mở lớp trung cấp quản lý nhà nước tại thị xã Lào Cai
- Đối tượng học: Là cán bộ thuộc diện quy hoạch của thị xã Lào Cai và một số huyện lân cận.
 - Chế độ chính sách thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh.
 - Nguồn kinh phí do Ban Tổ chức chính quyền tỉnh chuyển từ nguồn kinh phí Trung ương cấp
 - Cơ quan chủ trì thực hiện: Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai
 - Cơ quan phối hợp thực hiện: Ban Tổ chức chính quyền tỉnh, Trường Chính trị tỉnh.
- Thời gian mở các lớp trên được phép tiến hành ngay từ tháng 9-1997.
- Các cơ quan và cá nhân căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
TẠI PHIÊN HỌP GIAO BAN NGÀY 16-8-1997

Số 82-TB/TU, ngày 18-8-1997

Ngày 16-8-1997, Thường trực Tỉnh ủy giao ban với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy. Hội nghị thống nhất và kết luận như sau:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tăng cường chỉ đạo để bảo đảm duy trì tiến độ sản xuất, tìm biện pháp tăng thu ngân sách và giảm chi hội họp, tiếp khách theo nghị quyết của Chính phủ. Thống kê lại số xe ô tô bị tai nạn từ đầu năm đến nay, xử lý nghiêm những vụ tai nạn, hỏng xe theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Trong tháng 8, Ủy ban nhân dân tỉnh phải rà soát lại các công trình xây dựng cơ bản, công trình nào đến 31-7 chưa xong thủ tục thì tiếp tục hoàn chỉnh thủ tục và chuyển sang khởi công vào năm 1998. Kinh phí đã ghi cho các công trình đó, nay chuyển sang thanh toán cho các công trình đã hoàn thành trong năm 1996.

- Đồng ý cho Huyện ủy Bảo Thắng:

+ In cuốn Lịch sử Đảng bộ Bảo Thắng tập II, trước khi in phải xin ý kiến các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có quá trình công tác ở huyện Bảo Thắng.

+ Cho trang bị nội thất Văn phòng cấp ủy theo phương châm tiết kiệm, hiệu quả.

- Yêu cầu Thị ủy và Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai thực hiện ngay việc chuyển 35 hộ dân ở bờ sông Nậm Thi theo quy hoạch của tỉnh, Ban Thường vụ Thị ủy cần xem xét lại trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thị xã trong việc giải quyết vấn đề trên.

- Nhất trí cao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh cử đoàn cán bộ đi nghiên cứu về khu kinh tế mở Móng Cái theo tinh thần tiết kiệm và hiệu quả, phục vụ thiết thực cho việc xây dựng đề án của tỉnh.

- Yêu cầu Công an tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Huyện ủy Bát Xát báo cáo ngay về kết quả điều tra, giải quyết vụ bán đất trái phép ở khu vực Làng Hang, xã Quang Kim, huyện Bát Xát.

- Viện kiểm sát tỉnh báo cáo về kết quả điều tra, xử lý buôn gỗ pơ mu trên tàu ở Bảo Yên.

- Kiểm lâm tỉnh báo cáo về kết quả điều tra, xử lý vụ khai thác và buôn bán trái phép gỗ ở xã Bản Cầm.

- Đồng ý cho đồng chí Trần Chính - Phó Giám đốc Xưởng in tỉnh chuyển vùng về Bắc Ninh.

- Đồng ý tặng danh hiệu 50 năm tuổi Đảng cho 3 đồng chí và danh hiệu 40 năm tuổi Đảng cho 23 đồng chí theo tờ trình của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Các cơ quan và cá nhân căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
TẠI PHIÊN HỌP GIAO BAN NGÀY 23-8-1997

Số 88-TB/TU, ngày 25-8-1997

Ngày 23-8-1997, Thường trực Tỉnh ủy giao ban với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao - Bí thư Tỉnh ủy. Hội nghị thống nhất và kết luận như sau:

- Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo để duy trì sản xuất, phát triển kinh tế - xã hội trong tỉnh, trong đó đặc biệt chú ý đến việc giải quyết các dịch bệnh xảy ra trong gia súc, nhất là bệnh leptô có khả năng lây sang người.

- Phải đặc biệt chú ý đến tình hình an ninh đang có những diễn biến phức tạp, tình hình một số tôn giáo đang tăng cường việc liên hệ với đại sứ quán Mỹ và đẩy mạnh hoạt động trên địa bàn tỉnh, thể hiện rõ âm mưu chống Đảng, chống chế độ. Các huyện, thị ủy phải tăng cường lãnh đạo các ngành, các cấp tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình hiện nay. Tình hình phía Trung Quốc tăng cường tuần tra biên giới, trên tuyến biên giới có những diễn biến phức tạp, do vậy các huyện biên giới, các ngành Quân sự, Biên phòng, Công an, Hải quan phải tăng cường tuần tra bảo vệ biên giới, chống xâm nhập, chống buôn lậu. Các ngành Công an, Kiểm sát phải tập trung điều tra các vụ trọng án mới xảy ra trên địa bàn tỉnh. Tăng cường giáo dục nhân dân đề cao cảnh giác, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

- Về việc địa phận Hưng Hóa xin phục hồi lại nhà thờ Cốc Lếu - thị xã Lào Cai, Ủy ban nhân dân tỉnh nên xin ý kiến Ban Tôn giáo Chính phủ, xem xét kỹ hồ sơ thiết kế, trước khi cho phép xây dựng, nên giao cho một số công ty xây dựng của tỉnh tham gia xây dựng.

- Đồng ý tiếp tục miễn thuế xuất khẩu thảo quả và chít bông để hỗ trợ nhân dân phát triển sản xuất và bảo vệ rừng.

- Đồng ý cho Viện Kiểm sát tỉnh kháng nghị Văn bản số 144 của Liên ngành Kho bạc và Bảo hiểm xã hội tỉnh, giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét và bãi bỏ văn bản trên, nhắc nhở ngành Kho bạc, Bảo hiểm xã hội tỉnh và các ngành các cấp cần nghiên cứu kỹ luật pháp về ban hành văn bản bảo đảm đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền.

Các cơ quan và cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 89-TB/TU, ngày 27-8-1997

**Về kết luận của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy
Lào Cai tại cuộc họp ngày 26-8-1997 về việc thực hiện
quy hoạch khu vực biên giới ven sông Nậm Thi
thuộc phường Lào Cai, thị xã Lào Cai**

Ngày 26-8-1997, đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh chủ trì cuộc họp về việc thực hiện quy hoạch khu vực biên giới dọc đường Phan Bội Châu, phía bờ sông Nậm Thi, phường Lào Cai, thị xã Lào Cai, tham dự có các đồng chí trong Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Bí thư Thị ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân thị xã Lào Cai, lãnh đạo các ngành Công an, Xây dựng, Địa chính.

Sau khi nghe Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai báo cáo, các đại biểu tham dự phát biểu ý kiến, đồng chí Tráng A Pao thay mặt Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh kết luận như sau:

- Căn cứ vào luật pháp của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng của tỉnh, ngay từ khi thành lập lại tỉnh Lào Cai đã xác định quy hoạch khu vực biên giới dọc đường Phan Bội Châu, phía bờ sông Nậm Thi, phường Lào Cai, thị xã Lào Cai chỉ bố trí xây dựng các

trụ sở của các cơ quan, tổ chức và vành đai cây xanh biên giới, không bố trí dân cư làm nhà và sinh sống tại khu vực này. Để hoàn thành tốt nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đến nay tỉnh tiếp tục khẳng định kiên quyết thực hiện quy hoạch trên.

- Mọi hộ dân cư hiện nay đang cư trú tại khu vực này đều là cư trú bất hợp pháp và phải di chuyển khỏi khu vực này, đến khu vực khác theo quy hoạch của tỉnh và thị xã Lào Cai.

- Các tổ chức đoàn thể của thị xã, phường Lào Cai tiếp tục làm tốt công tác vận động các hộ dân cư này thực hiện quy hoạch của tỉnh.

- Tỉnh không thừa nhận bất cứ loại giấy tờ nào của ngành, cấp, hoặc cá nhân nào cho phép các hộ dân cư trú tạm thời ở khu vực này. Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho chính quyền tỉnh, thị xã căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ quyền hạn hủy bỏ toàn bộ các loại giấy tờ cấp sai thẩm quyền, giao cho Công an tỉnh làm rõ cơ quan và cá nhân nào, vì động cơ gì mà cấp giấy tờ cho dân cư trú sai thẩm quyền để tiến hành xem xét kỷ luật hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Thị ủy, Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai phải lãnh đạo việc chuẩn bị mặt bằng ở đường Du lịch, đường Kiểm hóa xong trước ngày 10-9-1997, lập hồ sơ bố trí di chuyển dân trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt xong trước ngày 15-9-1997.

Lập hồ sơ và từng bước đầu tư điện, nước vào khu vực này.

- Những hộ dân cư trước tháng 2-1979 có cư trú tại khu vực này, nay di chuyển đi, được tỉnh hỗ trợ tiền san gạt mặt bằng nơi ở mới và tiền di chuyển nhà. Những hộ dân cư khác chỉ được hỗ trợ tiền di chuyển nhà, phải trả tiền san gạt mặt bằng.

- Ủy ban nhân dân thị xã tổ chức cho các hộ dân cư chuyển đến đường Du lịch xong trước ngày 20-9-1997, các hộ dân cư chuyển đến đường Kiểm hóa xong trước ngày 1-10-1997.

- Sau các mốc thời gian trên hộ dân nào cố tình không di chuyển, thì chủ hộ sẽ bị xử lý về tội chống lại quyết định của chính quyền và sẽ bị cưỡng chế di chuyển, không được hưởng chính sách hỗ trợ và mặt bằng nơi ở mới, mà phải tự thu xếp nơi ở mới.

- Giao cho Ủy ban nhân dân thị xã kết hợp với các ngành Công an, Quân sự, Biên phòng lập phương án cưỡng chế di chuyển trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trước ngày 20-9-1997.

- Giao cho Công an tỉnh theo dõi, lập hồ sơ và truy cứu trách nhiệm hình sự ngay những người có hành vi tổ chức chống đối, những người có hành vi dọa nạt, ngăn cản người khác chuyển nơi ở mới.

Tỉnh khuyến khích và biểu dương những dân cư tự giác thực hiện theo quy hoạch của tỉnh.

- Đối với những hộ chưa đủ điều kiện nhập hộ khẩu vào thị xã Lào Cai, tạm thời bố trí ở xen kẽ với các hộ khác theo quy hoạch.

- Đồng ý với tờ trình của Ủy ban nhân dân thị xã về chế độ chính sách đối với bà Nguyễn Thị Tý.

- Đối với những cơ quan, đơn vị đã được giao đất xây dựng trụ sở không sử dụng hoặc bán, sẽ bị thu hồi và xử phạt hành chính.

Các ngành, các cấp, các cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành Thông báo này. Cơ quan và cá nhân nào làm cản trở, gây sách nhiễu đối với nhân dân, hoặc không hoàn thành nhiệm vụ sẽ bị kỷ luật. Trong quá trình thực hiện phải chủ động, khi có vấn đề vướng mắc lớn phải báo cáo xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 92-TB/TU, ngày 5-9-1997

**Về kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy
tại Hội nghị tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW
của Bộ Chính trị “Về tăng cường công tác tôn giáo
trong tình hình mới”**

Ngày 1-7-1997, Tỉnh ủy Lào Cai đã tổ chức Hội nghị tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW của Bộ Chính trị “Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới”. Đồng chí Tráng A Pao - Bí thư Tỉnh ủy đến dự và chỉ đạo Hội nghị.

Sau khi nghe báo cáo tổng kết và ý kiến tham luận của các đồng chí đại biểu Hội nghị, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đã kết luận một số vấn đề quan trọng, cơ bản như sau:

1. Về nhận thức và triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW

Nghị quyết 24-NQ/TW được Bộ Chính trị ban hành từ ngày 10-10-1990, khi đó tỉnh Lào Cai vẫn nằm trong tỉnh Hoàng Liên Sơn. Nghị quyết đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hoàn Liên Sơn quán triệt và triển khai. Nhưng sau một năm, đến tháng 10-1991 tỉnh Lào Cai được tái lập với muôn vàn khó khăn, khi đó tỉnh chủ yếu tập trung vào giải quyết những cấp bách như quy hoạch và xây dựng thị xã tỉnh lỵ, xây dựng cơ sở hạ tầng, xóa đói giảm nghèo, giải quyết dịch bệnh

và xóa mù chữ cho nhân dân... Do vậy phải đánh giá nghiêm túc rằng thời gian đầu kể từ khi tái lập tỉnh chúng ta chưa chú trọng đúng mức tới việc tiếp tục triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW và các văn bản liên quan. Trong khi đó đội ngũ cán bộ ở cấp tỉnh mới được kiện toàn, nhiều người chưa được quán triệt Nghị quyết, chưa nghiên cứu Nghị quyết và tổ chức thực hiện. Mặt khác vấn đề tôn giáo xuất hiện không bình thường ở tỉnh ta là vấn đề mới nên trong chỉ đạo xử lý còn lúng túng. Từ diễn biến thực tế là: các loại hình tôn giáo đều có xu hướng hoạt động trở lại, nhất là sự xuất hiện việc tuyên truyền đạo mang màu sắc đạo Tin Lành trong đồng bào Mông. Tỉnh ủy đã nhận thức đúng đắn tầm quan trọng, tính cấp thiết và phức tạp của công tác tôn giáo nên đã ra Nghị quyết 04-NQ/TU ngày 1-4-1993 về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới và đã được triển khai nghiêm túc xuống cơ sở. Đồng thời tỉnh đã có một số biện pháp tích cực như thành lập cơ quan quản lý nhà nước về tôn giáo, trưng tập hàng trăm lượt cán bộ xuống tăng cường cho cơ sở để vận động quần chúng và nắm bắt kịp thời tình hình hoạt động của các đối tượng tuyên truyền đạo, thường xuyên thông tin cho cấp ủy, định kỳ giao ban rút kinh nghiệm đi đôi với tăng cường phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào bị lợi dụng, do vậy thời kỳ này đạt kết quả tốt. Sau khi rút cán bộ tăng cường, giao lại công tác tôn giáo cho các cấp ủy và chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể thì tình hình lại trở lại phức tạp và các đối tượng tuyên truyền đạo hoạt động tinh vi hơn, thể hiện rõ có sự tiếp tay, lãnh đạo của các giáo hội và sự lợi dụng của địch.

Chính vì vậy mà ngay sau Hội nghị này các đại biểu, các cấp ủy, chính quyền, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các ban, ngành, đoàn thể, các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang phải nhận thức về đầy đủ hơn nữa công tác tôn giáo, nghiên cứu lại một cách kỹ lưỡng Nghị quyết 24 và các văn bản liên quan để quán triệt sâu sắc tới các cán bộ, đảng viên. Tổ chức đảng phải lãnh đạo các lực lượng tổ chức thực hiện thường xuyên, liên tục lâu dài công tác này, coi đó là một nhiệm vụ quan trọng liên quan tới việc bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ và xây dựng Tổ quốc.

2. Về công tác tư tưởng

Phải nhận thức rằng tôn giáo là hình thái ý thức xã hội gồm những quan niệm dựa trên cơ sở tin và sùng bái những lực lượng siêu tự nhiên, cho rằng có những lực lượng siêu tự nhiên quyết định số phận con người, con người phải phục tùng và tôn thờ. Chính kẻ thù đang lợi dụng yếu tố này để mê hoặc, lôi kéo quần chúng, làm cho quần chúng mất dần lòng tin vào Đảng, vào chế độ xã hội chủ nghĩa. Do vậy, giải quyết vấn đề tôn giáo trước hết phải giải quyết vấn đề tư tưởng, phải thông qua vận động, giáo dục, thuyết phục và chứng minh bằng thực tiễn. Từ nay các cơ quan làm công tác tư tưởng và dân vận phải khắc phục những yếu kém trong thời gian qua, để thường xuyên quan tâm tới công tác tôn giáo, cử cán bộ có trình độ, năng lực và tâm huyết làm công tác tôn giáo, nghiên cứu sâu sắc về lý luận, hiểu biết và nắm vững các quan điểm, đường lối của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước để triển khai, tuyên truyền trong nhân dân, có đủ trình độ lý luận để đập tan những luận điệu xuyên tạc phản động của kẻ thù.

3. Về biện pháp kinh tế

Một trong những nguyên nhân để đồng bào tìm đến với tôn giáo là do đời sống khó khăn, do vậy Ủy ban nhân dân tỉnh phải chỉ đạo các cấp các ngành trong quá trình xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế của địa phương phải chú trọng đầu tư vào những vùng đồng bào bị lợi dụng tôn giáo, xây dựng các dự án phát triển sản xuất, để nâng cao đời sống vật chất cho nhân dân, có biện pháp trợ giá về giống, về phân bón, tăng cường cán bộ xuống cơ sở để hướng dẫn về kỹ thuật canh tác, thông qua đầu tư để xây dựng niềm tin của đồng bào vào Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

4. Các biện pháp về văn hóa xã hội

Trước hết là vấn đề giáo dục, trong kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học - xóa mù chữ, ngành giáo dục và các huyện, thị phải coi những thôn, bản, xã bị lợi dụng tôn giáo là trọng điểm để đầu tư xây dựng

trường lớp và đưa giáo viên lên dạy học, kiên quyết không để bọn lợi dụng tôn giáo dạy các loại chữ, các loại văn hóa lai căng ở đây.

Ngành văn hóa phải có biện pháp để giúp đỡ đồng bào từng bước xóa bỏ những hủ tục lạc hậu, kiên quyết không nghe theo những phần tử lén lút tuyên truyền đạo trái phép, từng bước hướng cho nhân dân xây dựng nếp sống văn hóa mới phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương.

Công tác phát thanh, truyền hình và các báo phải quan tâm tới việc tuyên truyền đường lối chính sách của Đảng, nêu những gương tốt và phê phán kịp thời những thói hư, tật xấu, hủ tục lạc hậu trong nhân dân, chú trọng tuyên truyền bằng tiếng địa phương cho nhân dân nghe. Ban Tuyên giáo kết hợp với Ban Tài chính Tỉnh ủy xây dựng phương án trình Ban Thường vụ để có thể cấp báo Nhân dân, báo Lào Cai về thôn, bản.

5. Về công tác cán bộ và xây dựng cơ sở chính trị

Đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, do vậy các cấp ủy Đảng chính quyền và các ban, ngành, đoàn thể phải đặc biệt quan tâm, phải lựa chọn những nhân tố tích cực từ thôn, bản đưa lên huyện đào tạo, trang bị kiến thức cho số cán bộ có đủ điều kiện để về làm lực lượng nòng cốt ở thôn, bản. Hai ban Tổ chức và Trường Chính trị tỉnh phối hợp với các huyện, thị ủy tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ xã, nghiên cứu hình thức đưa cán bộ đi biệt phái tăng cường ở cơ sở, đề xuất tỉnh với Trung ương về chế độ đãi ngộ với cán bộ làm công tác này.

6. Về các biện pháp hành chính

Trên cơ sở nghị quyết của Đảng và văn bản pháp luật của Nhà nước, chính quyền các cấp phải tăng cường quản lý nhà nước đối với các tôn giáo, trên cơ sở tôn trọng tự do tín ngưỡng nhưng yêu cầu họ phải báo cáo, xin phép chính quyền và các cơ quan chức năng về mọi hoạt động tôn giáo, khi thay đổi phải xin phép lại, và chỉ được phép

hoạt động khi được sự đồng ý của cơ quan có thẩm quyền. Các đối tượng không chấp hành phải bị nghiêm trị theo pháp luật. Các cơ quan quản lý phải tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát các hoạt động liên quan đến tôn giáo.

- Những nơi đã bị ảnh hưởng ta phải tập trung giáo dục về nhận thức cho nhân dân, phân hóa kẻ đầu sỏ không để phát triển rộng.

- Những nơi chưa bị ảnh hưởng của tôn giáo chúng ta phải thường xuyên giáo dục nâng cao ý thức cảnh giác cho nhân dân, phát hiện và xử lý kiên quyết, kịp thời những biểu hiện tuyên truyền đạo trong nhân dân.

7. Về biện pháp phối hợp các lực lượng trong hệ thống chính trị

Công tác tôn giáo là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, do vậy phải có sự phối hợp nhịp nhàng các lực lượng trong hệ thống chính trị. Từ tháng 8-1997 trở đi Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao ban hàng tháng về công tác tôn giáo giữa các ngành chức năng của Đảng và chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Các cơ quan căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình chủ động bố trí cán bộ, xây dựng kế hoạch và có biện pháp phối kết hợp với nhau trong công tác tôn giáo.

8. Nhiệm vụ chống kẻ địch lợi dụng tôn giáo

Các thế lực thù địch đã và đang triệt để lợi dụng các tín đồ của tôn giáo vào mục đích chính trị để chống lại chế độ ta, chống Đảng và nhân dân ta. Trước tình hình đó, để đấu tranh có hiệu quả với các thế lực thù địch, lực lượng công an của ta phải thực sự là nòng cốt, thông qua sức mạnh của cả hệ thống chính trị và nhân dân để phát hiện và xử lý kịp thời âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù và các đối tượng tuyên truyền, móc nối, tiếp tay cho kẻ địch. Kết hợp giữa tuyên truyền vận động với nghiệp vụ và xử lý theo pháp luật. Tăng cường kiểm soát các dự án đầu tư nước ngoài, các hoạt động từ thiện, nhân đạo của tổ chức

phi Chính phủ và các đối tượng là người nước ngoài vào tỉnh ta thông qua con đường du lịch, thăm thân, ngoại giao.

Giao cho Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy trực tiếp làm đầu mối tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tôn giáo, hằng tháng tổng hợp tình hình báo cáo Thường trực và Ban Thường vụ. Ở cấp huyện sẽ phân công 1 đồng chí Thường vụ cấp ủy trực tiếp chỉ đạo công tác tôn giáo trên địa bàn; khẩn trương trưng tập một số cán bộ nắm ở những điểm phức tạp, xã phức tạp. Về kinh phí trước mắt giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Tài chính hỗ trợ cho anh em cán bộ các ban Đảng, chính quyền, đoàn thể, lực lượng vũ trang được trưng tập tăng cường cho cơ sở với mức 180.000 đồng/tháng.

Căn cứ vào những kết luận trên của đồng chí Bí thư tại hội nghị, yêu cầu các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các ban, ngành và đoàn thể, các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang trên địa bàn, khẩn trương tổ chức triển khai, thực hiện theo đúng nội dung Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

Số 15-BC/TU, ngày 13-9-1997

**Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám
Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) và
chương trình thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba
Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII)**

Phần I

KIỂM ĐIỂM VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ TÁM BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG (KHÓA VIII)

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH ẢNH HƯỞNG ĐẾN VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 8 (KHÓA VII)

Lào Cai là tỉnh vùng cao, biên giới được chia tách ra từ tỉnh Hoàng Liên Sơn ngày 1-10-1991, nền kinh tế chậm phát triển, điều kiện cơ sở vật chất còn gặp nhiều khó khăn; trình độ dân trí thấp, cán bộ vừa thiếu vừa yếu. Cũng như tất cả các tỉnh trong cả nước trước khi bước vào thực hiện Nghị quyết 8, Lào Cai chịu ảnh hưởng nặng nề của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp tồn tại qua nhiều năm, vì vậy “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính” trong điều kiện ấy là việc vô cùng khó khăn. Song dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, với

truyền thống đoàn kết của nhân dân các dân tộc trong tỉnh, tinh thần quyết tâm xây dựng lại tỉnh Lào Cai ngày càng giàu mạnh, đây cũng làm một điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng, củng cố hệ thống chính trị, xây dựng nền hành chính theo tinh thần cải cách mà Nghị quyết 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII đề ra.

II. SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY TRONG VIỆC TỔ CHỨC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 8 (KHÓA VII)

Để triển khai thực hiện Nghị quyết 8, ngay sau khi Ban Bí thư Trung ương Đảng có Chỉ thị 49-CT/TW, ngày 4-2-1995, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã đề ra Kế hoạch số 11-KH/TU, ngày 10-3-1995. Đã quán triệt nội dung của Nghị quyết đến các cấp ủy đảng, các đoàn thể, Ban cán sự Đảng, cán bộ, đảng viên, các cấp, các ngành và nhân dân trong tỉnh, thống nhất cao với những quan điểm cơ bản của Đảng về bản chất của Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân và vì dân. Qua đó nâng cao nhận thức của nhân dân về quyền và nghĩa vụ trong việc tham gia xây dựng quản lý nhà nước pháp quyền, cũng như phương thức thực hiện quyền làm chủ của mình.

Trong công tác xây dựng chính quyền vững mạnh, với vai trò lãnh đạo, Tỉnh ủy Lào Cai nắm chắc toàn diện về lĩnh vực tổ chức cán bộ. Tỉnh ủy đề ra chủ trương xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan trong tỉnh, giao các cấp ủy Đảng quản lý tốt công tác cán bộ theo phân cấp; bố trí đảng viên có phẩm chất, có trình độ và năng lực làm công tác chính quyền. Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ có chất lượng ngày càng cao hơn. Đồng thời làm công tác quy hoạch cán bộ, đào tạo, và đào tạo lại cán bộ đáp ứng được yêu cầu công tác trong tình hình mới. Việc phân cấp công tác tổ chức cán bộ vừa bảo đảm quản lý chặt chẽ cán bộ, song các cấp, các ngành cũng phát huy được tính chủ động trong việc tuyển chọn, sử dụng cán bộ có hiệu quả.

Các chủ trương của các cấp ủy đảng đề ra đều được các cấp chính quyền, các ngành thể chế hóa thành các chương trình hành động, hiện

tượng các cấp ủy đảng bao biện, làm thay công việc của chính quyền và các ngành chức năng được hạn chế nhiều, trên cơ sở đó nâng cao được vai trò lãnh đạo của Đảng.

Đồng thời với việc đề ra chủ trương chính sách, định hướng chung, Tỉnh ủy đã làm tốt công tác kiểm tra, uốn nắn kịp thời những biểu hiện lệch lạc, ngăn ngừa vi phạm xảy ra. Tình trạng “khoán trắng” cho chính quyền trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương đã được khắc phục đáng kể.

III. VIỆC XÂY DỰNG HOÀN THIỆN CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP

1. Xây dựng và củng cố Hội đồng nhân dân các cấp

Với nhận thức Hội đồng nhân dân các cấp là cơ quan đại biểu cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân, cơ quan quyền lực Nhà nước ở địa phương, một trong những hình thức thực hiện quyền dân chủ của nhân dân là thông qua Hội đồng nhân dân do mình bầu ra. Quyền làm chủ của nhân dân có thực chất hay không, một phần quan trọng phụ thuộc vào chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

Nhiệm kỳ 1994-1999, số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là 48 (giảm 3 đại biểu so với nhiệm kỳ trước). Cơ cấu và chất lượng; đại biểu nữ chiếm 27%, đại biểu dân tộc thiểu số 62%, trình độ văn hóa cấp III chiếm 70,68%, trình độ chuyên môn là đại học và trên đại học chiếm 54,16%; đại biểu là đảng viên 79,16%.

Đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, thị xã: tổng số 289, đại biểu nữ 18,33%, đại biểu là dân tộc thiểu số 44,29%, trình độ văn hóa cấp III chiếm 56%, trình độ chuyên môn là đại học chiếm 22,8%, đảng viên chiếm 54%.

Đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn: 3.638 đồng chí, đại biểu nữ chiếm 13%, đại biểu là người dân tộc thiểu số 48,7%, trình độ văn hóa cấp III là 10,9%, trình độ chuyên môn là đại học 0,4%.

Như vậy, chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân trong những năm qua đã được nâng lên, trong cơ cấu số đại biểu đảng viên có tỷ lệ phù hợp bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng.

Hầu hết các đại biểu Hội đồng nhân dân thể hiện được vai trò là đại diện cho nhân dân; nắm bắt tâm tư nguyện vọng của quần chúng nhân dân để phản ánh kịp thời; thực hiện việc giám sát đối với Ủy ban nhân dân các cấp các ngành chức năng ở địa phương. Trong các phiên họp Hội đồng nhân dân nhiều đại biểu đề xuất các giải pháp và nêu những chất vấn thể hiện tinh thần trách nhiệm cao của đại biểu.

Về hoạt động của Hội đồng nhân dân, trong những năm qua đã có chuyển biến và kết quả khá rõ. Trước hết hoạt động tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân, do nắm chắc tình hình, có sự đầu tư nghiên cứu tài liệu, lại có sự lãnh đạo thường xuyên, toàn diện của các cấp ủy Đảng nên các nghị quyết được thông qua tại các kỳ họp đều bám vào các nhiệm vụ chính trị địa phương, phù hợp lòng dân, bảo đảm tính khả thi cao, giảm dần tính hình thức. Thường trực Hội đồng nhân dân các cấp đã kiện toàn, có quy chế hoạt động rõ ràng. Đã xây dựng chương trình hành động trong năm, trong quý và từng thời kỳ, bảo đảm đúng chức năng, nhiệm vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân trong việc điều hòa hoạt động của các ban Hội đồng nhân dân; trong việc tổ chức giám sát và giữ mối liên hệ công tác thường xuyên với Ủy ban nhân dân cũng như các đoàn thể quần chúng; chuẩn bị các nội dung cho các kỳ họp Hội đồng nhân dân có chất lượng hiệu quả. Trong chương trình hoạt động, các ban của Hội đồng nhân dân (đặc biệt ở cấp tỉnh) đã có kế hoạch giám sát các chuyên đề, góp phần nâng cao hiệu quả trong việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội đề ra. Để lắng nghe trực tiếp nguyện vọng của nhân dân, ngoài việc tổ chức tiếp xúc cử tri, thường trực Hội đồng nhân dân các cấp còn phối hợp với Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức tiếp dân, giải quyết và giám sát giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân.

Tuy nhiên, hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp vẫn còn nhiều tồn tại đó là:

Kỳ họp ở cả ba cấp Hội đồng nhân dân chưa ra được nhiều nghị quyết chuyên đề, chưa quan tâm đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết chuyên đề. Do đó, việc cụ thể hóa một số chủ trương và pháp

luật của Đảng và Nhà nước, việc thể chế hóa các Nghị quyết của cấp ủy Đảng còn hạn chế. Một số Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn tuy có duy trì các kỳ theo luật định/năm, nhưng mới có ít đơn vị cơ sở thực hiện tốt nội dung kỳ họp và các nghị quyết chuyên đề, hoạt động của Hội đồng nhân dân cơ sở còn mang tính hình thức.

- Chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân ở cấp cơ sở còn nhiều hạn chế, cả về trình độ văn hóa, chuyên môn, chính trị và khả năng giao tiếp. Đặc biệt ở các xã vùng cao trình độ đại biểu còn quá thấp; cá biệt có đại biểu chưa biết chữ.

- Một số đại biểu Hội đồng nhân dân chưa nghiên cứu kỹ tài liệu, không nắm được tình hình địa bàn nên không phát biểu hoặc phát biểu chưa tập trung, thiếu cụ thể. Tồn tại này, tập trung nhất là ở các kỳ Hội đồng nhân dân cấp xã, phường, thị trấn.

2. Kiện toàn bộ máy Ủy ban nhân dân các cấp

Ủy ban nhân dân các cấp là cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương, là cơ quan chấp hành của Hội đồng nhân dân, trong những năm qua Ủy ban nhân dân các cấp không ngừng được củng cố. Các chủ trương chính sách của Đảng, các nghị quyết của Hội đồng nhân dân và các văn bản của Nhà nước cấp trên cơ bản được Ủy ban nhân dân triển khai thực hiện kịp thời. Trong hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp đã bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Các quyết định quan trọng đều được đưa ra tập thể ủy ban thông qua; chất lượng các văn bản quản lý nhà nước cấp tỉnh đã từng bước bảo đảm chặt chẽ, cụ thể đúng pháp luật và sát thực tế hơn.

Nhiệm kỳ 1994-1999: Thành viên Ủy ban nhân dân có 11 đồng chí, trong đó: Trình độ văn hóa cấp III: 11, trình độ chuyên môn: trung cấp 1, đại học và trên đại học 10; trình độ lý luận chính trị: trung cấp 1, cao cấp và cử nhân: 10. Thành viên Ủy ban nhân dân cấp huyện, thị xã có 88 đồng chí, trong đó: trình độ văn hóa cấp II là 13, cấp III là 75; trình độ chuyên môn: sơ cấp 3, trung cấp 36, đại học 34;

trình độ lý luận chính trị: sơ cấp 8, trung cấp 36, cao cấp và cử nhân: 30. Thành viên Ủy ban nhân dân cấp xã, phường, thị trấn có 1.1661 đồng chí, trong đó: đảng viên 767; trình độ văn hóa cấp I: 541, cấp II: 497, cấp III: 122; trình độ chuyên môn: sơ cấp 37, trung cấp 51, đại học 5; trình độ lý luận chính trị: sơ cấp 292, trung cấp 111, cao cấp 3.

Chất lượng ủy ban các cấp được nâng lên một bước, thể hiện qua trình độ và chất lượng của các đồng chí trong thường trực và thành viên Ủy ban nhân dân các cấp.

Các cơ quan chuyên môn thuộc ủy ban nhân dân các cấp, đặc biệt cấp tỉnh, huyện, thị đã được kiện toàn; trên cơ sở chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy được quy định. Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy, các ngành đã tham mưu cho chính quyền các cấp xây dựng bộ máy của mình theo hướng tinh gọn, có chất lượng.

Tuy nhiên, trong hoạt động của Ủy ban nhân dân các cấp cũng chưa phát huy hết vai trò và trách nhiệm của các thành viên Ủy ban nhân dân. Các thành viên còn nặng về hoạt động của ngành, chưa thật sự nâng cao vai trò trong Ủy ban nhân dân. Công việc chủ yếu do bộ phận thường trực Ủy ban nhân dân đảm nhiệm. Chất lượng văn bản quản lý hành chính nhà nước đôi lúc chưa cao, chưa chặt chẽ cả tính pháp lý và tính khả thi, nên việc điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp đôi khi chưa thật sự có hiệu lực. Lề lối làm việc trong quản lý hành chính nhà nước chưa thực sự cải tiến đáp ứng yêu cầu. Hoạt động của Ủy ban nhân dân ở cấp xã nhiều nơi còn yếu, có chỗ còn biểu hiện tùy tiện trong công tác điều hành.

Trong những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện tốt công tác quản lý biên chế, quỹ tiền lương và quản lý công chức viên ở khu vực hành chính sự nghiệp. Nắm vững biên chế, tiền lương và tình hình thực tế; tổ chức giao biên chế, bổ sung biên chế cho các cấp thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục, nhằm đáp ứng nhu cầu nâng cao dân trí, thực hiện kế hoạch phổ cập giáo dục - xóa mù và chăm sóc sức khỏe đối với nhân dân. Tuy nhiên, việc giải quyết biên chế hiện nay còn nhiều bất cập giữa đòi hỏi yêu cầu về

tinh giản biên chế đối với nhu cầu cấp thiết bị hiện nay, nhất là trong lĩnh vực giáo dục.

Về chất lượng, hiện nay số công chức viên chức trong các cơ quan quản lý nhà nước và sự nghiệp thuộc tỉnh là 9.937 người; số có trình độ đại học và trên đại học là 1.358 người chiếm 13,6%, cán sự và tương đương là 5.194 người chiếm 52,26%, trung cấp và tương đương là 5.218 người chiếm 53,14%, sơ cấp và chưa qua đào tạo là 3.298 người chiếm 33,18%, trình độ ngoại ngữ (A, B, C) chiếm 6,9%. Để nâng cao chất lượng cán bộ Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức việc đào tạo và đào tạo lại cán bộ. Đến tháng 6-1997, đã có 5 phó tiến sĩ, 16 trên đại học được đào tạo, 7.721 người được bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước; về lý luận chính trị có 204 cử nhân, 232 trung cấp và 523 cán bộ được bồi dưỡng. Đặc biệt đã mở được các lớp bồi dưỡng cho cán bộ chính quyền, đoàn thể ở các xã, phường.

Thực hiện đúng chủ trương của Đảng và Nhà nước, Tỉnh ủy lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác tuyển dụng cán bộ. Bảo đảm việc tuyển dụng chặt chẽ về nguyên tắc, chú ý đến chất lượng; việc bố trí cán bộ cơ bản đúng ngành nghề đào tạo, từng bước xếp ngạch công chức, viên chức theo đúng quy định. Từ năm 1996 tỉnh đã chỉ đạo thực hiện việc thi tuyển công chức tại 4 huyện, thị xã vùng thấp và các sở ban ngành. Qua công tác thi tuyển công chức viên chức để chọn cán bộ đủ tiêu chuẩn vào làm việc; đánh giá được thực chất trình độ chuyên môn của công chức, viên chức trước khi tuyển dụng để có kế hoạch kèm cặp, bồi dưỡng.

Về tổ chức bộ máy của các sở ban ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã được sắp xếp lại bảo đảm tinh gọn. Kiện toàn ổn định tổ chức một số doanh nghiệp theo tinh thần Chỉ thị 500-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Đặc biệt quan tâm củng cố xây dựng chính quyền cơ sở; Ủy ban nhân dân đã ban hành tiêu chuẩn xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh, trên cơ sở đó hằng năm đánh giá thực trạng của chính quyền cơ sở, có kế hoạch biện pháp, tháo gỡ những cơ sở yếu kém.

Tuy nhiên, trong lĩnh vực này còn một số tồn tại: Trình độ của một bộ phận cán bộ còn thấp chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ, đặc biệt trong công cuộc đổi mới hiện nay. Vẫn còn một số cán bộ chưa bố trí đúng ngành nghề đào tạo nên chưa phát huy được năng lực - sở trường; việc chuyển chuyển điều động cán bộ nhiều nơi chưa thực sự trao đổi thống nhất giữa chính quyền các cấp và cơ quan chuyên môn; một số cơ quan đơn vị giải quyết chế độ đối với công chức viên chức kịp thời, một số chính quyền cơ sở còn chưa mạnh. Trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh, một số đơn vị làm ăn thua lỗ, chưa tìm được giải pháp tháo gỡ.

3. Mối quan hệ chính quyền Nhà nước với các cơ quan tư pháp địa phương

Trên cơ sở nguyên tắc, quyền lực Nhà nước là thống nhất, không có sự chia cắt hoặc đối lập nhau giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đảng ta là Đảng cầm quyền, sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố bảo đảm thực hiện quyền lực Nhà nước thống nhất.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp thường xuyên của cấp ủy, mối quan hệ giữa chính quyền các cấp địa phương với các cơ quan tư pháp luôn được duy trì và ngày càng được củng cố trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mỗi cơ quan. Với chức năng là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, Hội đồng nhân dân (cấp tỉnh, huyện thị) thực hiện việc giám sát đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp cùng cấp, bảo đảm việc giám sát thường xuyên đối với Tòa án nhân dân, trực tiếp qua Hội thẩm nhân dân tham dự phiên tòa xét xử cung cấp; giám sát việc chấp hành pháp luật và hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện kiểm sát nhân dân; giám sát việc chấp hành pháp luật trong hoạt động điều tra của các cơ quan điều tra, cơ quan thi hành và các cơ quan hỗ trợ tư pháp. Các cơ quan tư pháp thực hiện tốt chế độ báo cáo trước Hội đồng nhân dân theo quy định của pháp luật.

Các cấp ủy đảng đã chỉ đạo thực hiện tốt mối quan hệ giữa Ủy ban nhân dân và các cơ quan tư pháp, nhằm hoàn thành các nhiệm

vụ chính trị chung của tỉnh. Các chương trình hoạt động quan trọng cần thành lập Ban chỉ đạo, Ủy ban nhân dân đều mời thủ trưởng các cơ quan tư pháp tham gia.

Trong những năm qua, Tỉnh ủy tổ chức giao ban khối nội chính hằng tháng, trong đó có các cơ quan tư pháp. Việc làm này thể hiện rõ sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong việc thực hiện quyền lực Nhà nước thống nhất ở địa phương, qua đó duy trì mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với các cơ quan tư pháp

Do đó có mối quan hệ tốt nên những năm qua, việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương đạt kết quả tốt. Hoạt động điều tra, truy tố, xét xử bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, trật tự kỷ cương được giữ vững.

Tuy nhiên, trong lĩnh vực này vẫn còn một số tồn tại như: một số cấp ủy chưa thường xuyên lãnh đạo chính quyền và các cơ quan tư pháp duy trì tốt mối quan hệ, xảy ra hiện tượng có cơ quan tư pháp không phối hợp với chính quyền địa phương, không bám vào tình hình chính trị địa phương để đề ra chương trình kế hoạch công tác, mà chỉ thuần túy máy móc theo hướng dẫn của ngành dọc. Ngược lại có nơi chính quyền quan tâm tạo điều kiện cho các cơ quan tư pháp thực hành nhiệm vụ.

4. Mối quan hệ giữa Ủy ban nhân dân với đoàn thể quần chúng

Nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình không những thông qua Hội đồng nhân dân mà còn qua các tổ chức quần chúng. Chính qua các tổ chức quần chúng mà nhân dân tham gia quản lý nhà nước tại địa phương. Các đoàn thể quần chúng phản ánh thường xuyên, kịp thời các ý kiến nguyện vọng của nhân dân đối với chính quyền các cấp. Trong những năm qua Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp ủy đảng lãnh đạo các cấp và các đoàn thể quần chúng xây dựng các quy chế phối hợp, như quy chế phối hợp giữa Ủy ban nhân dân các cấp với Mặt trận Tổ quốc và Liên đoàn lao động. Trong kỳ họp hằng tháng, đại diện các tổ chức đoàn thể đều tham dự đông đủ và đóng

góp nhiều ý kiến có chất lượng, giúp Ủy ban nhân dân điều hành có hiệu quả. Việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ mang tính chất xã hội lớn ở địa phương, Ủy ban nhân dân và các tổ chức đoàn thể đều có sự phối hợp tốt, vì vậy động viên được đông đảo quần chúng nhân dân tích cực tham gia.

5. Thực hiện Nghị quyết 38-CP của Chính phủ về cải cách một bước thủ tục hành chính trong việc giải quyết công việc của công dân và tổ chức

Xác định đây là một nhiệm vụ rất quan trọng, một khâu đột phá trong toàn bộ tiến trình cải cách nền hành chính nhà nước. Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh lập kế hoạch cụ thể thực hiện chương trình này. Ở tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo cải cách hành chính do đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm trưởng ban, ở huyện được thành lập các tiểu ban cải cách hành chính. Do công tác lãnh đạo chỉ đạo tốt nên đã thu được một số kết quả quan trọng.

- Tiến hành rà soát các thủ tục hành chính: để thực hiện việc này, Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Tư pháp phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đặc biệt với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên rà soát, tiến hành lên danh mục các văn bản phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ban hành, trên cơ sở đó phân loại các văn bản đang có hiệu lực thi hành và văn bản hết hiệu lực thi hành. Cũng qua đó phát hiện những sai sót sự chồng chéo của văn bản để chỉnh sửa kịp thời. Công tác này cũng được thực hiện tốt ở Ủy ban nhân dân huyện, thị xã.

Tính từ 1-10-1991 đến 30-6-1997, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 423 văn bản quy phạm pháp luật; trong đó: quyết định 256, chỉ thị 148, nghị quyết 28, qua rà soát đã xử lý hủy bỏ 69 quyết định, 44 chỉ thị và 13 nghị quyết hết hiệu lực thi hành.

Qua công tác rà soát, hàng quý tất cả các văn bản quy phạm pháp luật đều được hệ thống và bằng nhiều hình thức được chuyển tải đến nhân dân.

Thông qua việc rà soát văn bản pháp quy để xem xét các thủ tục hành chính, khắc phục được tình trạng giải quyết công việc không đúng thẩm quyền, giải quyết chồng chéo hoặc né tránh, đùn đẩy. Các thủ tục trong một số lĩnh vực được cải thiện đó là: Thủ tục về giao đất và cấp quyền sử dụng đất, thủ tục cấp giấy phép sửa chữa nhà ở, làm nhà ở; duyệt dự án các công trình xây dựng cơ bản; quy chế đấu thầu, thủ tục nhập biên, xuất nhập cảnh; thủ tục quản lý biên giới, cửa khẩu; thủ tục cấp phát vốn, quản lý các chương trình dự án...

- Công tác quản lý đô thị, quản lý xây dựng cơ bản: các thủ tục trong lĩnh vực xây dựng cơ bản được cải tiến một cách rõ rệt. Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện việc phân cấp duyệt sự án xây dựng cơ bản; tổ chức thẩm kế các công trình xây dựng cơ bản, có biện pháp quản lý phù hợp để tăng cường chất lượng thẩm định các công trình xây dựng cơ bản trước khi phê duyệt.

Quy trình cấp đất đô thị được chấn chỉnh lại theo đúng Luật đất đai 1993. Đã bàn giao cho sở Địa chính làm cơ quan đầu mối để tập trung hoàn chỉnh các thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh ký quyết định cấp quyền sử dụng đất đô thị; xây dựng quy trình cấp quyền sử dụng đất, phổ biến rộng rãi đến mọi đối tượng làm cơ sở thực hiện. Phân công rõ Ủy ban nhân dân các huyện, thị chịu trách nhiệm quản lý đất đai tại địa bàn, tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm đất đai, quản lý đô thị...

- Công tác quản lý biên giới, quản lý cửa khẩu được chấn chỉnh và ngày càng đi vào nền nếp. Các ngành chức năng Hải quan, Biên phòng đã tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy chế quản lý cửa khẩu. Đây là văn bản quản lý nhà nước trong lĩnh vực biên giới - cửa khẩu, làm cơ sở để các ngành chức năng phối hợp tốt hơn; đồng thời thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ của mình, tạo thuận lợi cho việc qua lại biên giới. Định kỳ hằng tháng, quý có kiểm tra đánh giá việc thực hiện quản lý biên giới, cửa khẩu, thường xuyên cải tiến dây chuyền quản lý đối với các thủ tục xuất nhập cảnh người và phương

tiện, hàng hóa theo hướng nhanh gọn, thuận tiện, bớt đầu mối nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu của công tác quản lý.

Tại nơi giải quyết, làm các thủ tục xuất nhập cảnh, xuất nhập, xuất nhập khẩu đều được niêm yết công khai các loại phí và lệ phí, các quy định về tiêu chuẩn hàng miễn thuế, các hàng hóa cấm lưu thông, buôn bán; các giấy tờ cần thiết khi qua cửa khẩu.

Công tác kiểm tra, kiểm soát được tập trung một cửa, các ngành chức năng bố trí cán bộ có phẩm chất, có chuyên môn phối hợp và trực tiếp thực hiện nghiệp vụ. Cải tiến một bước việc cấp giấy thông hành cho khách đi du lịch Trung Quốc trong ngày, bảo đảm giải quyết các thủ tục được nhanh chóng, thúc đẩy giao lưu hàng hóa, thông thoáng cửa khẩu; đồng thời giữ vững an ninh quốc gia, ngăn chặn có hiệu quả các hiện tượng buôn lậu, trốn thuế...

- Trong công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông: đã làm tốt việc tổ chức đăng kiểm, đăng ký xe cơ giới. Thực hiện tốt việc chuyển giao công tác cấp giấy phép điều khiển phương tiện giao thông từ công an sang ngành giao thông theo quy định. Đặt trạm đăng kiểm ở nơi thuận tiện, công bố lịch đăng kiểm, lịch thi cấp giấy phép lái xe tại nơi giao dịch và trên các phương tiện thông tin đại chúng tạo thuận tiện cho các tổ chức và cá nhân trong quan hệ giải quyết công việc. Thực hiện các nghị định 36-CP, 39-CP và 40-CP của Chính phủ, các ngành chức năng làm đúng nhiệm vụ của mình không có sự chồng chéo giữa các cơ quan, một mối quan hệ chỉ một cơ quan giải quyết, một vi phạm chỉ bị xử lý 1 lần. Sở Giao thông vận tải và Công an tỉnh đã có phương án thí điểm quản lý lực lượng xe gắn máy chở khách, bố trí các điểm đỗ xe nhằm tránh gây ách tắc giao thông, phức tạp địa bàn, đặc biệt ở bến tàu bến xe, cửa khẩu, chợ trung tâm và các nút giao thông, các khu tập trung dân cư.

Công an tỉnh đã chỉ đạo công an các huyện, thị phổ biến rộng rãi và tiếp nhận thủ tục đăng ký phương tiện giao thông, niêm yết rõ các giấy tờ cần thiết cho việc đăng ký tại trụ sở làm việc; hướng dẫn các

chủ phương tiện hoàn chỉnh hồ sơ đầy đủ, bảo đảm việc đăng ký được nhanh chóng.

- Các thủ tục về hộ tịch, hộ khẩu cũng được rà soát và chấn chỉnh một bước. Phân định rõ nhiệm vụ giữa ngành Công an và Tư pháp trong công tác hộ khẩu và hộ tịch cũng như sự phối hợp cụ thể trong việc giải quyết các vụ việc liên quan đến lĩnh vực hộ tịch, hộ khẩu. Công an các huyện thị đều bố trí cán bộ trực tiếp làm công tác hộ khẩu. Niêm yết lịch giải quyết về hộ khẩu rõ ràng. Cơ quan tư pháp các cấp tiếp nhận đơn, điều tra hoàn chỉnh hồ sơ về lĩnh vực hộ tịch bảo đảm nhanh chóng đúng thời gian quy định, do vậy các nhu cầu nguyện vọng của các tổ chức và nhân dân đều được đáp ứng kịp thời.

- Công tác đăng ký kinh doanh, thành lập doanh nghiệp đã được phân cấp, chuyên môn hóa rõ rệt. Không để xảy ra các trường hợp cấp phép vượt thẩm quyền của cấp dưới hoặc ôm đồm của cấp trên. Chấm dứt tình trạng đề nghị của tổ chức và nhân dân bị dùn đẩy...

Cải tiến phương pháp xây dựng và giao kế hoạch năm cho các ngành và các huyện, thị xã. Tổ chức thông báo công khai kế hoạch như: các nguồn vốn, mục tiêu đầu tư... Giao cho các ngành, các cấp phát huy tính chủ động trong việc thực hiện kế hoạch được giao. Tổ chức giao kế hoạch được thực hiện theo nguyên tắc tập thể, bảo đảm dân chủ, nâng cao tính ổn định, tính thực tế. Chấm dứt tình trạng giải quyết các vấn đề phát sinh lẻ tẻ làm cho cơ sở không chủ động trong công tác, ngăn ngừa các tiêu cực có thể xảy ra. Việc quản lý sử dụng các nguồn vốn chương trình bảo đảm sự tập trung thống nhất, đồng thời cũng bảo đảm tính công khai. Các thủ tục cấp phát quản lý sử dụng được hướng dẫn rõ ràng, không gây phiền hà cho các đơn vị sử dụng vốn.

- Thủ tục về cấp phát vốn, vay vốn được các ngành chức năng như Tài chính, Ngân hàng, Kho bạc làm tốt hơn, bảo đảm thuận tiện cho khách hàng. Tỉnh đã chỉ đạo ngành tài chính có hướng dẫn cụ thể các ngành, các cấp thực hiện thống nhất việc xây dựng kế hoạch tài chính. Việc giao chỉ tiêu tài chính cho các cấp, các ngành thực hiện

công khai, bảo đảm đúng quy định của Nhà nước. Hạn chế và chấm dứt tình trạng xin cấp kinh phí không nằm trong kế hoạch của các cơ quan đơn vị một cách lẻ tẻ, gây khó khăn trong quản lý và rất dễ gây của quyền, tiêu cực.

- Các thủ tục trình tự về giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân được quan tâm. Xác định đây là một trong những nội dung quan trọng theo tinh thần Nghị quyết 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Nghị quyết 37-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ra Chỉ thị số 22-CP/UB, ngày 10-11-1995 và Chỉ thị 17-CP/UB, ngày 9-8-1996, mục đích nhằm tăng cường công tác giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân. Văn phòng Tỉnh ủy và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Đoàn đại biểu Quốc hội cho nhân dân rõ. Đã chỉ thị thủ trưởng các cấp, các ngành, các đoàn thể phải bố trí tham gia trực tiếp tiếp dân, chỉ đạo công tác giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo thuộc thẩm quyền. Trong công tác tiếp dân chính quyền các cấp và các ngành chức năng đã quan tâm bố trí cán bộ có trình độ, năng lực. Chính vì vậy công dân đến khiếu nại tố cáo và đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền đều được ghi chép cụ thể, trên cơ sở của pháp luật cán bộ tiếp dân đã giải thích, hướng dẫn công dân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết; đồng thời nhận đơn thuộc lĩnh vực cơ quan xem xét. Đơn thư của công dân tiếp nhận bằng các nguồn khác nhau song đều được thụ lý trong thời gian ngắn nhất và thông báo cho công dân biết.

*** Một số tồn tại:**

- Việc soát xét các thủ tục hành chính đã được tiến hành nhưng chưa sâu. Trong công tác rà soát mới đi sâu đánh giá mặt hợp hiến hợp pháp, chưa đánh giá kỹ tính hợp lý của văn bản. Ngành chức năng chưa thực hiện được việc rà soát tổng hợp riêng các văn bản bao hàm các quy định về thủ tục hành chính trên các lĩnh vực. Đây là một hạn chế đang tồn tại. Thủ tục hành chính trong một số lĩnh vực vẫn còn rườm rà, một số văn bản ban hành chưa rõ, chưa cụ thể gây nên tình trạng thực hiện lúng túng, vận dụng thiếu thống nhất,

phải thỉnh thị. Đối với các ngành, các cấp công tác phối hợp còn nặng về việc ban hành văn bản trao đổi, các văn bản gửi đi nhiều nơi gây nên tình trạng không cơ quan nào thực hiện hoặc gây tâm lý chờ đợi cấp trên chỉ đạo. Còn tình trạng cơ quan, đơn vị không xây dựng quy chế làm việc, hoặc có nhưng thực hiện không nghiêm chỉnh, dẫn đến hiệu quả giải quyết công việc chưa cao, cá biệt còn có tình trạng đùn đẩy hoặc lẩn sâu trên một số lĩnh vực. Trong quá trình triển khai nhiệm vụ còn nặng về tổ chức họp, hội nghị như do nghiên cứu, chuẩn bị chưa tốt nên chất lượng chưa cao, thiếu các giải pháp thiết thực, gây tốn kém thời gian và kinh phí. Việc tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm nâng cao nhận thức hướng dẫn cụ thể còn yếu.

- Trong lĩnh vực quản lý đô thị, đất đai vẫn còn nhiều hạn chế, các thủ tục giải quyết trong lĩnh vực này vẫn còn một số điểm chưa rõ ràng. Công tác quy hoạch quản lý quy hoạch và kiến trúc ở đô thị, thị trấn tính ổn định chưa cao, kéo theo ảnh hưởng đến việc giải quyết về đất ở (đặc biệt ở thị xã Lào Cai). Quy trình cấp đất vẫn còn một số điểm chưa chặt chẽ bảo đảm việc phối hợp giữa chính quyền và các ngành chức năng, còn xảy ra các trường hợp cấp quyền sử dụng đất trong khi đất đang có tranh chấp, khiếu kiện, cấp chồng chéo. Việc tiến hành giao đất, cấp đất còn chậm kéo theo sự trì trệ trong việc thực hiện các khoản thu về đất theo quy định của Nhà nước.

- Giải quyết công việc trong lĩnh vực quản lý biên giới, cửa khẩu đã được cải tiến nhưng chưa cao, vẫn còn hiện tượng thu phí tùy tiện, ngoài quy định; triển khai quy hoạch khu vực này chậm.

Các thủ tục khác như trong lĩnh vực quản lý biên giới, cửa khẩu đã được cải tiến, vẫn còn hiện tượng giải quyết công việc chưa chặt, gây thất thoát tiền bạc của Nhà nước, bên cạnh đó lại tồn tại việc giải quyết chưa nhanh chóng, kéo dài nhiều khâu thủ tục gây phiền hà cho khách hàng.

Một số thủ tục trong lĩnh vực y tế như khám chữa bệnh, giải quyết chính sách miễn viện phí, bảo hiểm y tế, v.v. vẫn còn chưa thuận tiện cho nhân dân, đặc biệt là đối với nhân dân ở vùng sâu, vùng xa.

- Thủ tục về giải quyết đơn khiếu nại tố cáo ở một số nơi có thời kỳ chưa có cán bộ chuyên làm công tác tiếp dân. Thủ trưởng các cấp các ngành chưa có lịch để trực tiếp tiếp dân. Tồn tại phổ biến là việc tiếp dân, giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân còn chưa khoa học; chưa xây dựng được quy trình giải quyết phù hợp cho cơ quan đơn vị mình, chưa tổ chức hòm thư “dân nguyện”. Đây là một trong những nguyên nhân của tình trạng đơn thư và kiến nghị của công dân giải quyết kéo dài, giải quyết chưa thỏa mãn các nội dung khiếu nại tố cáo của công dân; có đơn vượt cấp, hoặc gửi tràn lan...

- Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy, cán bộ còn hạn chế. Trình độ của một bộ phận cán bộ còn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của công cuộc cải cách đặt ra nhất là cán bộ cơ sở. Việc phân định chức năng giữa quản lý sản xuất kinh doanh và chuyên môn với quản lý nhà nước có việc chưa rõ ràng ở một số cơ quan đơn vị; việc chuyển đổi điều động cán bộ vẫn còn một số thủ trưởng các cấp và các ngành chưa có sự phối hợp và thống nhất cao, mối quan hệ giữa quản lý ngành và quản lý lãnh thổ có nơi, có lúc chưa thật sự rõ ràng. Tại một số cơ quan đơn vị việc giải quyết chế độ đối với cán bộ công nhân viên chưa kịp thời.

- Trong quá trình thực hiện cải cách thủ tục hành chính, lề lối làm việc của các cơ quan vẫn tồn tại hiện tượng là: Các cơ quan tham mưu, chính quyền các cấp chưa làm hết trách nhiệm của mình, hoặc chưa hiểu hết thẩm quyền, trình tự giải quyết, nên dẫn đến tình trạng không ít các trường hợp kiến nghị, đề xuất của các tổ chức, của nhân dân hoặc bị đùn đẩy không nơi nào giải quyết kịp thời hoặc cấp dưới giải quyết vượt thẩm quyền, cấp trên làm thay, ôm đồm việc của cấp dưới và của ngành chức năng. Vẫn còn một số cơ quan, đơn vị chưa thực hiện việc công khai hóa các thủ tục hành chính. Một số nơi các đơn vị hành chính sự nghiệp quy định thu phí, lệ phí còn tùy tiện. Các hiện tượng này phần nào đã làm giảm uy tín của Đảng và hiệu lực quản lý nhà nước, một số việc đã gây phiền hà cho tổ chức và công dân.

6. Công tác chống tham nhũng, chống buôn lậu

Đây là một nội dung đã được nêu ra trong kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII); thực hiện chống tham nhũng và buôn lậu, nhằm làm trong sạch bộ máy nhà nước, chính là tăng thêm hiệu lực quản lý của các cơ quan hành chính nhà nước tạo niềm tin của nhân dân với Đảng và các cơ quan nhà nước. Qua công tác kiểm tra, thanh tra đã phát hiện và xử lý nhiều cán bộ thoái hóa biến chất trong sinh hoạt và công tác. Một số vụ tiêu cực trong lĩnh vực ngân hàng, xây dựng, điện lực... được làm rõ. Người vi phạm xử lý nghiêm khắc trước pháp luật, tài sản Nhà nước được thu hồi. Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 14-TW của Đảng, Tỉnh ủy đã đề ra kế hoạch, chỉ đạo các cấp ủy Đảng trực tiếp lãnh đạo công tác này. Qua đó một số vụ việc vi phạm kéo dài được xử lý dứt điểm. Tình hình tham nhũng có chiều hướng giảm, uy tín của Đảng đối với nhân dân được củng cố. Tỉnh ủy đã chỉ đạo tăng cường chống buôn lậu, nhất là buôn lậu qua biên giới. Với những chủ trương biện pháp kiên quyết, kịp thời, do vậy tình trạng buôn lậu đã giảm rõ rệt; việc xử lý các vụ buôn lậu kiên quyết, đã thu nộp hàng tỷ đồng vào ngân sách nhà nước.

Song trong lĩnh vực đấu tranh chống tham nhũng, chống buôn lậu kết quả vẫn còn hạn chế. Vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong công tác này có nơi có lúc chưa sâu, chưa mạnh. Sự quản lý các cơ quan đối với cán bộ viên chức chưa thực sâu sát, chặt chẽ nên hiện tượng tham nhũng, cửa quyền, buôn lậu vẫn còn xảy ra với một số cán bộ ở một số cơ quan nhà nước.

Tóm lại: Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, qua gần 3 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII), bộ máy các cơ quan hệ thống chính trị đã được hoàn thiện một bước theo hướng tinh gọn, đúng với sự chỉ đạo của Trung ương. Chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp được nâng lên. Chính quyền xã, phường đã kiện toàn một bước. Quyền làm chủ của nhân dân được bảo đảm. Thủ tục hành chính trong việc giải quyết công việc được các cơ quan nhà nước cải tiến theo tinh thần Nghị quyết 38-CP của Chính phủ. Tệ tham

những, buôn lậu giảm...; lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước được củng cố. Tuy nhiên, quá trình thực hiện vẫn còn một số tồn tại như đã nêu, cần phải kiên quyết khắc phục. Đòi hỏi các cấp ủy đảng, các ngành, các cấp phải tập trung trí tuệ cho được bản chất nguyên nhân mà đề ra giải pháp thực hiện thắng lợi chương trình đặt ra. Quá trình thực hiện nổi lên các nguyên nhân cơ bản sau:

- Nguyên nhân chủ quan: Nhận thức của các ngành, các cấp về nghị quyết Trung ương 8 chưa được sâu, đặc biệt trong lĩnh vực cải cách hành chính; thiếu sự phối hợp trong giải quyết công việc. Ở một số nơi có biểu hiện vì động cơ cục bộ của cơ quan đơn vị, lợi ích cá nhân mà không thực hiện các quy định về cải cách hành chính đặt ra.

Các cấp, các ngành chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm trong việc quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng, chưa tự đổi mới, tự chỉnh đốn ở cơ quan, đơn vị mình.

- Khách quan: Cơ chế tập trung quan liêu bao cấp tồn tại nhiều năm gây nên tình trạng các cơ quan, đơn vị, cán bộ công nhân viên quen với phong cách làm việc cũ. Mặt khác công tác cải cách thủ tục hành chính là công việc mới có nhiều khó khăn, song chưa có mô hình. Thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 với trọng tâm là cải cách hành chính trong điều kiện địa phương khó khăn trên mọi lĩnh vực. Việc cải cách hành chính của tỉnh đặt trong một tổng thể công cuộc cải cách chung của cả nước, trên cơ sở các chính sách Đảng và Nhà nước trong từng lĩnh vực; những năm qua các bộ ngành Trung ương đã có nhiều văn bản chỉ đạo công cuộc cải cách hành chính song chưa thường xuyên và cụ thể

Phần II

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ LẦN THỨ 3 CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA VIII)

“Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh”.

Đó là quan điểm của Đảng về bản chất chính trị của Nhà nước ta. Nhà nước ta là Nhà nước của dân, do dân và vì dân, quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, Nhà nước do nhân dân xây dựng nên, hoạt động vì lợi ích nhân dân.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân thực hiện quyền làm chủ bằng các hình thức khác nhau. Đó là hình thức làm chủ gián tiếp, thông qua đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp và các tổ chức đoàn thể; quan trọng hơn là nhân dân thực hiện quyền làm chủ bằng hình thức trực tiếp, với phương châm: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

Với tinh thần ấy, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai xây dựng chương trình thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, từ nay đến năm 2000 với các nội dung chính sau đây:

I. NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG VÀ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân

Đại biểu Hội đồng nhân dân do nhân dân trực tiếp bầu, là người đại diện cho ý chí nguyện vọng của nhân dân. Các ý kiến nguyện vọng của nhân dân được các đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp thu đầy đủ chính xác, phản ánh kịp thời đối với Đảng và các cơ quan nhà nước; đồng thời góp phần đề ra các nghị quyết của Hội đồng nhân dân trong việc tổ chức thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, chấp hành pháp luật của địa phương. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân là một trong các nội dung phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Vì vậy từ nay đến hết nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân khóa 2 (1999) các đại biểu Hội đồng nhân dân cần:

- Thực hiện đầy đủ nghiêm túc nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân theo luật định. Tăng cường các hình thức nhằm tiếp xúc cử tri; phải gần gũi cử tri, tiếp thu thật đầy đủ và chính xác các ý kiến của

cử tri, đặc biệt các ý kiến tham gia xây dựng và quản lý nhà nước, các giải pháp nhằm thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh đề ra; các ý kiến phê bình, phản ánh tình hình lạm quyền, tham nhũng tiêu cực đối với cán bộ đảng viên... trên cơ sở đó, tham gia kỳ họp Hội đồng nhân dân phát biểu ý kiến có chất lượng, thực hiện tốt việc giám sát ở địa bàn và quyền chất vấn tại kỳ họp. Thông báo kịp thời việc giải quyết các kiến nghị của nhân dân đã được các cấp, các ngành giải quyết trong kỳ họp.

Tăng cường sinh hoạt tổ đại biểu trong thời gian giữa kỳ họp, các tổ đại biểu phải tổng hợp báo cáo tình hình mọi mặt ở cơ sở đầy đủ, kịp thời với thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và các ban ngành liên quan.

Cần xây dựng kế hoạch, chuẩn bị nhân sự đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khóa tới; chú ý về chất lượng đại biểu Hội đồng nhân dân cả về trình độ văn hóa, trình độ chính trị và chuyên môn. Đặc biệt quan tâm việc nâng cao trình độ cho đại biểu xã, phường, thị trấn, trước mắt là trình độ văn hóa. Phấn đấu đến năm 2000 không còn đại biểu Hội đồng nhân dân không biết chữ.

2. Hội đồng nhân dân các cấp, các ban Hội đồng nhân dân

Nâng cao chất lượng kết quả họp Hội đồng nhân dân thường kỳ. Nghị quyết các kỳ họp phải thể chế hóa được chủ trương chính sách của Đảng, phải đúng pháp luật và phù hợp với điều kiện địa phương. Các nghị quyết liên quan đến lợi ích của nhân dân phải được khảo sát kỹ lưỡng, được nhân dân trực tiếp tham gia ý kiến trước khi quyết định.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát giữa hai kỳ họp, chú ý các hình thức kiểm tra, giám sát theo các chuyên đề, thường xuyên đánh giá kết quả thực hiện các chuyên đề.

Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng đối với hoạt động Hội đồng nhân dân, quan hệ phối hợp thường xuyên với Ủy ban nhân dân, với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể.

Nâng cao chất lượng hoạt động của các ban Hội đồng nhân dân (cấp tỉnh, huyện, thị xã) tăng cường vai trò thẩm định của các ban tại kỳ họp.

Tổ chức tiếp dân; giám sát việc thực hiện tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân; bảo đảm quyền dân chủ của công dân trực tiếp.

Phối hợp với Mặt trận Tổ quốc thông báo việc giải quyết các kiến nghị của nhân dân qua các kỳ họp Hội đồng nhân dân.

II. TIẾP TỤC THỰC HIỆN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, XÂY DỰNG CHÍNH QUYỀN TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

1- Tăng cường công tác tuyên truyền để cho các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân thấy được ý nghĩa và tính cấp thiết của công tác cải cách hành chính. Thủ trưởng các cấp, các ngành, các nhân viên hành chính phải tự xác định cho mình phong cách làm việc mới, với phương châm “mình vì mọi người”. phát huy quyền làm chủ của nhân dân, vận động nhân dân tham gia xây dựng và quản lý chính quyền cơ sở, góp ý kiến cùng các cấp, các ngành hoàn thiện quy chế làm việc với mục tiêu xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

2- Cùng với việc thực hiện Quyết định 355-TTg ngày 28-5-1997 của Thủ tướng Chính phủ về tổng rà soát các văn bản quy định pháp luật, cần chú ý rà soát riêng các văn bản quy định về thủ tục hành chính trong tất cả các lĩnh vực, loại bỏ ngay các thủ tục trái pháp luật, không phù hợp thuộc thẩm quyền, kiến nghị cấp có thẩm quyền, cấp trên bãi bỏ, sửa đổi các văn bản của cấp trên trái luật hoặc không phù hợp. Ủy ban nhân dân tỉnh cần chỉ đạo thực hiện theo đúng kế hoạch của Chính phủ.

3- Cần đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính ở tất cả các lĩnh vực, đi sâu vào một số lĩnh vực sau:

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, Sở Xây dựng, Sở Địa chính, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã rà soát lại các thủ tục

hành chính hiện hành đối với lĩnh vực quản lý xây dựng, quy hoạch và quản lý quy hoạch đô thị, cấp giấy phép xây dựng nhà ở, quy trình cấp quyền sử dụng đất. Thực hiện thu đúng, thu đủ các khoản thu về đất theo quy định.

- Đánh giá đúng thực trạng thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư, thành lập doanh nghiệp, đăng ký kinh doanh, xét duyệt dự án, phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản..., cũng như việc xử lý thuế, phân bổ và cấp thoát vốn ngân sách, tín dụng ngân hàng, quản lý tiền tệ. Ngay trong năm 1997, các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính vật giá, Ngân hàng Nhà nước, kho bạc tập trung nghiên cứu loại bỏ các thủ tục không cần thiết trong trình tự giải quyết thủ tục cấp phát, thanh toán vốn, kể cả các vấn đề thuộc phạm vi điều chỉnh ban hành của Bộ, cơ quan Trung ương để tỉnh kiến nghị cho phù hợp. Sở Giao thông vận tải xem xét các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng kiểm, quản lý phương tiện, người lái, xử lý vi phạm quy tắc trật tự giao thông. Công an tỉnh căn cứ Nghị định 51-CP của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Nội vụ xây dựng ngay quy trình nhập khẩu, với tinh thần cải cách các thủ tục trong lĩnh vực này; rà soát lại các thủ tục về xuất nhập cảnh, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự.

- Các ngành Hải quan, Biên phòng, Công an, kiểm dịch... phối hợp vừa làm tốt công tác quản lý biên giới, cửa khẩu, đồng thời tạo sự thông thoáng thúc đẩy kinh tế phát triển; Ủy ban nhân dân tỉnh có kế hoạch xây dựng đề án phát triển kinh tế mở tại cửa khẩu Lao Cai để sớm trình Chính phủ.

- Thực hiện nghiêm chỉnh quy chế tiếp dân theo Pháp lệnh khiếu nại tố cáo, thanh tra của tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai ngay Nghị định 89-CP, ngày 7-8-1997 của Chính phủ về ban hành quy chế tiếp dân. Sở Tư pháp phối hợp với Thanh tra giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng quy chế phối hợp, quy trình giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân.

- Tăng cường công tác giáo dục pháp luật trong quần chúng nhân dân bằng nhiều hình thức linh hoạt sáng tạo, nhằm nâng cao trình độ

nhận thức pháp luật của nhân dân; thông qua đó phát huy hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng, quản lý nhà nước. Thực hiện Nghị quyết lần thứ hai ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về giáo dục và đào tạo, nghị quyết Hội đồng nhân dân về phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ nhằm nâng cao đầu tư...

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra: Rà soát thực trạng tổ chức thanh tra của các ngành, các cấp, có kế hoạch chấn chỉnh tổ chức; đề xuất phương án tổ chức phối hợp giữa Thanh tra ngành với Thanh tra Nhà nước và các cơ quan có chức năng kiểm tra, kiểm soát, thanh tra của ngành Tư pháp.

Tiếp tục cải cách hành chính trong lĩnh vực tổ chức bộ máy, cán bộ đi vào chiều sâu, nhằm trong sạch bộ máy nhà nước, xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh. Tiếp tục quản lý chặt biên chế, quỹ lương. Từng bước thực hiện giảm biên chế. Chú ý hơn nữa trong việc bố trí cán bộ khoa học - kỹ thuật và quản lý trong khối cơ quan sản xuất kinh doanh và tăng cường cho cơ sở một số huyện vùng cao. Ban Tổ chức chính quyền phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy rà soát các thủ tục về tuyển dụng, đề bạt, nâng lương đối với cán bộ bảo đảm đúng quy định của Chính phủ và Trung ương; nghiên cứu bổ sung một số điểm về phân cấp tổ chức và cán bộ theo Quyết định 371-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho phù hợp với những quy định mới của Đảng và Nhà nước. Xây dựng chương trình đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cả về trình độ chuyên môn, chính trị và ngoại ngữ. Kiện toàn chính quyền cơ sở, bảo đảm sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy đảng đối với chính quyền. Phát huy vai trò của Hội đồng nhân dân cấp cơ sở, đại biểu Hội đồng nhân dân trước hết gồm những cán bộ chủ chốt của Đảng, Mặt trận và các đoàn thể; đồng thời lựa chọn những quần chúng có đức, có tài và kinh nghiệm thực tiễn trong lao động sản xuất. Chú ý đào tạo cán bộ là con em các dân tộc địa phương. Đánh giá kỹ cán bộ cơ sở, có phương án sắp xếp lương cán bộ phù hợp, nâng cao chất lượng cán bộ. Có phương án đào tạo cán bộ cơ sở chuyên môn, trước hết đối với cán bộ về địa chính, xây dựng, thanh tra,

tư pháp, tài chính, kế toán, tổ chức, văn phòng. Phấn đấu đến năm 2000 các cán bộ cơ sở thuộc số lĩnh vực trên phải được đào tạo chuyên môn.

Trên cơ sở hướng dẫn của Trung ương và Chính phủ, xây dựng kế hoạch thực hiện việc luân chuyển cán bộ phù hợp với tình hình và nhiệm vụ, nâng cao năng lực quản lý cho cán bộ.

4- Phải coi việc chống tham nhũng, chống buôn lậu là nhiệm vụ thường xuyên, trước mắt cũng như lâu dài. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 14-TW, kế hoạch của Tỉnh ủy về công tác chống tham nhũng, trước hết phải chống tham nhũng ngay trong cơ quan đơn vị mình, phát hiện kịp thời các hiện tượng tiêu cực. Các ngành chức năng điều tra làm rõ, xử lý nghiêm minh có vụ việc tham nhũng xảy ra. Coi trọng công tác chống lãng phí, quản lý tốt tài sản công. Nâng cao trách nhiệm trong việc quản lý các dự án đầu tư bảo đảm hiệu quả, tạo lòng tin của nhân dân với Đảng và Nhà nước .

5- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, các cấp ủy đảng, các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng phải tăng cường sự lãnh đạo đối với chính quyền các cấp, các ngành. Chỉ đạo các cấp, các ngành thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng thành các kế hoạch đề ra. Công tác lãnh đạo chỉ đạo của Đảng phải sâu, sát từ việc xây dựng Nghị quyết đến việc kiểm tra, tổng kết rút kinh nghiệm. Sắp xếp tổ chức Đảng trong các cấp, các ngành, các đoàn thể theo hướng tập trung gọn nhẹ. Nâng cao chất lượng tổ chức cơ sở đảng, Ban cán sự Đảng đoàn và các đảng viên.

Phải tăng cường công tác quản lý cán bộ chặt chẽ, thường xuyên giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ cán bộ các cơ quan nhà nước, nắm chắc diễn biến tư tưởng cán bộ, uốn nắn kịp thời những biểu hiện lệch lạc.

Có quy hoạch cán bộ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII về “chất lượng cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”.

6- Phát huy, duy trì mối quan hệ giữa chính quyền với các cơ quan tư pháp và các đoàn thể, qua đó nâng cao chất lượng hoạt động điều

tra, truy tố, xử lý, vận động nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua các tổ chức quần chúng rộng lớn, tham gia quản lý nhà nước.

Các tổ chức đảng trong các cơ quan tư pháp, chính quyền và các đoàn thể các cấp phải lãnh đạo đơn vị mình duy trì mối quan hệ này.

7- Trên cơ sở chương trình hành động của Tỉnh ủy, các cấp ủy đảng, các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng phải kiểm điểm đánh giá và chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức kiểm điểm đánh giá việc thực hiện Nghị quyết 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII; đồng thời đề ra kế hoạch thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII cho cấp mình, ngành mình.

Thực hiện Nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ ba là sự phát triển sâu sắc thêm đường lối xây dựng Nhà nước và xây dựng Đảng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà Đại hội lần thứ VIII quyết định. Đây là chương trình hành động bức thiết, Tỉnh ủy Lào Cai yêu cầu các cấp ủy đảng, các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, toàn thể đảng viên thực hiện nghiêm túc. Tỉnh ủy kêu gọi nhân dân các dân tộc trong tỉnh đoàn kết, phát huy quyền làm chủ, tham gia quản lý và xây dựng chính quyền các cấp ngày càng trong sạch, vững mạnh.

Tỉnh ủy giao cho Ban cán sự Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi tổng hợp quá trình triển khai chương trình hành động và thường xuyên báo cáo Tỉnh ủy.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

**BÍ THƯ
TRÁNG A PAO**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

Số 16-BC/TU, ngày 13-9-1997

**Kiểm điểm đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ
và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết
Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ**

Phần một

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ

I. VỀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ

Những thành tích, thắng lợi mà tỉnh ta đạt được từ khi tái lập tỉnh và thực hiện đổi mới, chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII), đến nay đã khẳng định: Tỉnh ta đã lựa chọn, đào tạo, bồi dưỡng bố trí, sử dụng đúng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp, các ngành, các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định trung thành với Tổ quốc với mục tiêu, lý tưởng mà Bác Hồ và Đảng ta đã lựa chọn. Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, khu vực, trong nước và trong tỉnh, đội ngũ cán bộ không biểu hiện tư tưởng dao động, phai mờ mục tiêu lý tưởng; luôn tin tưởng tuyệt đối vào đường

lối, chính sách, pháp luật và sự lãnh đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và Chính phủ.

Trải qua hoạt động thực tiễn, được rèn luyện thử thách, đến nay đội ngũ cán bộ ổn định đã và đang phát huy tác dụng và trưởng thành về kiến thức, trình độ, năng lực quản lý kinh tế - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh - quốc phòng...

Nhìn chung đội ngũ cán bộ số đông có phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, giản dị, có trách nhiệm, có nhiệt tình hăng say công tác; có tinh thần và quyết tâm khắc phục mọi khó khăn gian khổ, thử thách của cơ chế mới, dám nghĩ dám làm, dám tự chịu trách nhiệm, năng động, sáng tạo và quyết đoán, gần gũi gắn bó với nhân dân; từng bước tìm tòi sáng tạo, rèn luyện vươn lên trưởng thành trong cuộc sống đổi mới của đất nước, phấn đấu vì mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.

Trong điều kiện đời sống có rất nhiều khó khăn, lại có nhiều tác động tiêu cực của xã hội trong nền kinh tế thị trường, số đông cán bộ vẫn giữ được lối sống lành mạnh, không sa ngã trước sự cám dỗ của đồng tiền, hăng hái tích cực công tác, quan tâm chăm lo đến sự nghiệp chung, đấu tranh phê phán cá nhân chủ nghĩa, chống khuynh hướng cơ hội, tham nhũng, diễn biến hòa bình. Bảo đảm giữ vững sự đoàn kết thống nhất trong toàn Đảng bộ, toàn dân, sự gắn bó trong cộng đồng các dân tộc. Đây là một truyền thống vô cùng quý báu của Đảng bộ và là một trong những nhân tố bảo đảm giữ vững ổn định chính trị để tăng trưởng kinh tế.

Mặt yếu kém hạn chế:

Đội ngũ cán bộ chưa đồng bộ về số lượng, chất lượng, cơ cấu, có đơn vị biểu hiện sự hẫng hụt cán bộ nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong các cơ quan Đảng và Nhà nước. Sự ngỡ ngàng lúng túng trong quản lý và điều hành của cơ chế mới, nhất là việc xử lý những vấn đề mới nảy sinh trong cơ chế thị trường.

- Thiếu cán bộ có kiến thức quản lý kinh doanh giỏi, thông thạo về kinh tế đối ngoại, thiếu cán bộ am hiểu và có kinh nghiệm chuyên

làm các chương trình dự án gọi vốn đầu tư; thiếu hiểu biết về pháp luật, thông lệ ngoại giao quốc tế.

- Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật, quản lý kinh tế... đã ít lại phân bố không đều, tập trung nhiều ở khu vực hành chính sự nghiệp và một số ngành khu vực sản xuất kinh doanh, nông thôn rất ít. Tình trạng vừa thiếu lại vừa thừa: thiếu cán bộ có năng lực quản lý điều hành, năng động, sáng tạo làm việc có trách nhiệm có hiệu quả; thừa số cán bộ năng lực yếu kém khó bố trí.

- Trình độ ngoại ngữ, tin học... còn thấp đây là vấn đề khó khăn trong nền kinh tế thị trường, mở rộng quan hệ giao lưu quốc tế.

- Số cán bộ người địa phương nhìn chung còn thiếu và chưa được quan tâm chú ý đào tạo cơ bản từ cơ sở, chưa gắn đào tạo với việc quy hoạch, bố trí sử dụng cán bộ, do đó có nơi hẫng hụt, thiếu cán bộ, dẫn đến bố trí gượng ép nên chưa chủ động được công tác.

- Số cán bộ cơ sở còn nặng tư tưởng ỷ lại, bao cấp, trông chờ, cán bộ thoát ly có xu hướng hành chính hóa ít chịu lăn lộn bám sát cơ sở.

- Năng lực trí tuệ của một số lãnh đạo các cấp, các ngành còn hạn chế, chưa thật sự đổi mới tư duy năng động, sáng tạo, còn biểu hiện tư tưởng bảo thủ rụt rè, ngại khó, còn biểu hiện quan liêu, xa rời thực tế, ít đi cơ sở nên nắm dân nắm tình hình không chắc.

- Ngoài những điều chung nêu trên, mỗi loại cán bộ có những điểm yếu như sau:

- Đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan Đảng, Nhà nước và các đoàn thể quần chúng, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định lập trường giai cấp công nhân, có kinh nghiệm lãnh đạo chính trị; vận động quần chúng, tích cực thực hiện đổi mới. Nhưng trình độ, kiến thức năng lực lãnh đạo còn hạn chế; một số còn biểu hiện chủ quan, thiếu dân chủ, xa thực tế, nắm tình hình cơ sở không chắc, ít tiếp xúc với dân để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng, yêu cầu bức xúc của nhân dân. Có biểu hiện tự ti, cục bộ địa phương, thành tích chủ nghĩa.

- Đối với cán bộ khoa học - kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ có tâm huyết, trách nhiệm với nghề nghiệp, tiếp thu vận dụng nhanh

khoa học - công nghệ mới. Nhưng năng lực thực hành còn yếu, hiệu quả chưa cao, thiếu những cán bộ khoa học có năng lực trình độ, kinh nghiệm chuyên môn nghiệp vụ giỏi, thiếu những chuyên gia giỏi. Một số ít chưa say mê nghiên cứu tìm tòi, chưa đem hết trí tuệ tài năng gắn bó phục vụ cơ sở sản xuất.

- Đối với cán bộ sản xuất kinh doanh, tuy đã có sự chuyển đổi, năng động để thích ứng với cơ chế mới; song kinh nghiệm còn ít, năng lực quản lý, điều hành còn hạn chế, tổ chức sản xuất kinh doanh kém hiệu quả gây thua lỗ, lãng phí tiền của làm thất thoát tài sản. Trong quan hệ buôn bán làm ăn với người nước ngoài còn nhiều sơ hở, mất cảnh giác.

- Đối với cán bộ, chiến sĩ lực lượng vũ trang, có lập trường chính trị kiên định, quan điểm giai cấp rõ ràng, luôn đề cao ý thức cảnh giác đấu tranh chống diễn biến hòa bình; có tinh thần khắc phục khó khăn, chịu đựng gian khổ sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Song cũng còn có những cán bộ, chiến sĩ lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp sách nhiễu gây phiền hà cho nhân dân; có chiến sĩ đã bao che tiếp tay và trực tiếp buôn lậu gây sự bất bình của dân chúng.

II. VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ

Mặt ưu điểm:

- Đã thực hiện nghiêm túc chủ trương của Trung ương về từng bước củng cố, hoàn thiện bộ máy làm tham mưu cho cấp ủy Đảng và chính quyền củng cố và xây dựng các tổ chức đoàn thể quần chúng. Xây dựng và kiện toàn đội ngũ cán bộ nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của đội ngũ cán bộ.

- Nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ được tôn trọng, việc đánh giá nhận xét đề bạt, bổ nhiệm, bố trí sử dụng cán bộ đều có sự bàn bạc thống nhất tập thể, phù hợp với quan điểm đổi mới của Đảng. Các cấp ủy đã thực hiện từng bước tiêu chuẩn hóa cán bộ, bảo đảm các độ tuổi, trẻ hóa, kế thừa và phát triển.

Công tác đào tạo, đào tạo lại và bồi dưỡng cán bộ đặc biệt chú trọng cả trước mắt và lâu dài. Trong 5 năm qua mở được 21 lớp đào tạo và đào tạo lại cho 1.173 cán bộ có trình độ cao cấp và cử nhân lý luận chính trị, cử nhân kinh tế, cử nhân luật, 71 lớp bồi dưỡng cho hơn mười ngàn lượt người học về quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội... từ trường thôn trở lên. Đội ngũ cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ khoa học về kiến thức và năng lực thực tiễn được nâng lên một bước, biết vận dụng giữa lý luận và thực tiễn vào điều kiện cụ thể của mỗi địa phương, cơ sở mang lại hiệu quả thiết thực.

- Đã kịp thời ban hành quyết định phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ từng bước được bổ sung hoàn chỉnh. Xây dựng được quy chế, quy trình... Tuyển chọn và quản lý cán bộ, mạnh dạn vận dụng chính sách khuyến khích đối với cán bộ đi học, chính sách nhà đất đối với cán bộ tình nguyện lên công tác lâu dài an cư lập nghiệp ở tỉnh; chính sách đối với những người có công và làm tốt công tác thi đua khen thưởng, kỷ luật.

Đến nay đội ngũ cán bộ ổn định, đã và đang phát huy tác dụng, mang lại hiệu quả có ý nghĩa rất quan trọng trong việc hoàn thành nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ.

Mặt yếu kém hạn chế:

- Nguyên tắc tập trung dân chủ có nơi, có lúc còn vi phạm, dẫn đến độc đoán, gia trưởng, ảnh hưởng đến đoàn kết nội bộ.

Việc đánh giá nhận xét sắp xếp cán bộ do thiếu thời gian cần thiết nên hiểu và đánh giá cán bộ chưa sâu, chưa chuẩn xác, do đó việc bố trí sử dụng cán bộ còn chắp vá, bị động, chưa đánh giá và sử dụng đúng năng lực, sở trường của cán bộ nên hiệu quả thấp ở một số cấp, ngành.

- Công tác đào tạo cán bộ cơ sở nhất là vùng cao, vùng dân tộc ít người chưa được chú ý đúng mức, còn thiếu cán bộ đoàn thể quần chúng chưa biết chữ. Nhìn chung năng lực trình độ cán bộ cơ sở còn thấp.

- Chưa có chiến lược toàn diện để hình thành một chủ trương thống nhất về đào tạo đội ngũ cán bộ nói chung, cán bộ thuộc các dân tộc nói riêng.

- Nhìn chung tuổi bình quân của các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở còn cao chưa tích cực thực hiện chủ trương trẻ hóa đội ngũ cán bộ ở các cấp.

- Việc xây dựng và thực hiện quy hoạch ở các cấp không được nghiêm ngặt, quy hoạch chưa rõ, kế hoạch chưa sát, dẫn đến đào tạo chưa có trọng tâm, trọng điểm. Phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ chưa có hướng dẫn cụ thể, nên khi thực hiện còn vướng mắc, chậm trễ.

Chất lượng giáo dục đào tạo còn thấp, việc chiêu sinh đào tạo, thi tuyển, bằng cấp, chứng chỉ chưa chặt chẽ, chưa đúng địa chỉ, có trường hợp chưa đúng đối tượng, tiêu chuẩn.

- Chưa có biện pháp cụ thể toàn diện xây dựng đội ngũ cán bộ xã vùng cao, vùng sâu nên trình độ lý luận chính trị và năng lực lãnh đạo thực tiễn còn yếu.

- Nguyên tắc Đảng lãnh đạo, quản lý công tác cán bộ có nơi, có lúc nhận thức chưa đầy đủ, nên làm không đúng quy trình, thiếu dân chủ bàn bạc.

- Cơ quan làm công tác tổ chức - cán bộ có biểu hiện năng lực, trình độ chưa ngang tầm, chức năng và trách nhiệm chưa rõ, nên còn chồng chéo, phân tán, nắm cán bộ chưa sâu, chưa chắc nên việc đánh giá có trường hợp thiếu chính xác.

Nguyên nhân của những mặt mạnh và ưu điểm:

1- Có đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, và những thành tựu của công cuộc đổi mới của đất nước, của tỉnh tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ cống hiến, rèn luyện và trưởng thành.

2- Cấp ủy Đảng và chính quyền Nhà nước tỉnh luôn quan tâm chăm lo công tác giáo dục đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Ngay từ khi mới thành lập, tỉnh đã chủ trương thành lập Trường Đào tạo cán bộ (nay là Trường Chính trị tỉnh) và hệ thống giáo dục đào tạo cấp huyện, thị; vận dụng chính sách khuyến khích cán bộ đi học.

3- Chỉ đạo chặt chẽ mọi ngành, mọi cấp làm tốt việc quy hoạch tổng thể và kế hoạch, nhu cầu đào tạo sử dụng đội ngũ cán bộ; mở nhiều loại hình đào tạo với các hệ, cấp khác nhau như: Chính quy, tại

chức, chuyên tu, tự học, ngắn hạn, dài hạn đan xen nhau ở các trường Trung ương và tỉnh nhằm nâng cao kiến thức cho cán bộ.

4- Đội ngũ cán bộ của tỉnh được kế thừa truyền thống đấu tranh cách mạng, đều được rèn luyện, thử thách, trưởng thành qua thực tiễn; phát huy được truyền thống đoàn kết gắn bó trong cộng đồng các dân tộc cùng đấu tranh giữ vững độc lập chủ quyền biên giới quốc gia và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên địa bàn tỉnh ngày càng giàu, đẹp, vững mạnh.

Nguyên nhân của những yếu kém, và khuyết điểm:

1- Là một tỉnh mới được tái lập lại từ tháng 10-1991 đội ngũ cán bộ vừa thiếu vừa yếu. Chưa dự báo được những tình huống mới, chưa hiểu được đầy đủ nội dung yêu cầu mới đối với cán bộ trong công cuộc đổi mới chính đốn Đảng đặt ra. Việc đánh giá cán bộ chưa khoa học, nặng về cảm tình, thiếu dân chủ nên đã có tình trạng bố trí, sử dụng cán bộ ở một số nơi hiệu quả thấp.

2- Đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành so với bước chuyển giai đoạn thì năng lực trình độ chưa ngang tầm nhiệm vụ mới, có nơi vừa thiếu lại vừa yếu, hẫng hụt, lúng túng trong việc bố trí hạt nhân lãnh đạo.

3- Chế độ chính sách cán bộ chưa đồng bộ, chưa công bằng, nên chưa có tác dụng khuyến khích thu hút nhân tài.

4- Quy hoạch đào tạo chưa có tầm nhìn lâu dài, còn chấp vá, chưa phát huy cao trách nhiệm cá nhân của từng đồng chí cán bộ lãnh đạo trong việc đào tạo cán bộ kế cận, chưa thường xuyên tổng kết, rút kinh nghiệm, xem nhẹ hiệu quả trong công tác cán bộ.

5- Việc kiểm tra đôn đốc của cấp ủy đối với công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ còn bị buông lỏng.

Những kinh nghiệm rút ra:

1- Mỗi cấp ủy Đảng, trước hết là đồng chí lãnh đạo chủ chốt phải nắm vững quan điểm nguyên tắc cơ bản của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ; Đảng phải thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và trực tiếp quản lý đội ngũ cán bộ. Có tầm nhìn và dự báo tình hình, bám sát nhiệm vụ chính trị trong từng thời kỳ ở địa phương để

có quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu. Thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ theo một quy trình chặt chẽ.

2- Phải thường xuyên coi trọng công tác giáo dục phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng, mục tiêu, lý tưởng cho cán bộ. Đưa cán bộ vào hoạt động thực tiễn trong phong trào cách mạng của quần chúng để rèn luyện, thử thách và từ đó chọn lọc cán bộ cốt cán làm hạt nhân lãnh đạo.

3- Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ có chất lượng phải chú ý ngay từ khâu tạo nguồn, bồi dưỡng đào tạo nâng cao năng lực trí tuệ đến vấn đề chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho đội ngũ cán bộ, xây dựng cơ chế chính sách đãi ngộ là động lực quan trọng trong việc phát huy tính tích cực chính trị - xã hội của đội ngũ cán bộ. Do đó trong từng thời gian tới phải căn cứ vào điều kiện thực tế ngân sách của tỉnh để có chính sách đãi ngộ phù hợp, khuyến khích thu hút những người có tài, trân trọng những người có công, đồng thời xử lý nghiêm minh và kịp thời những người có sai phạm.

4- Phải đổi mới và thống nhất quan điểm, phương pháp đánh giá, nhận xét, sử dụng, cất nhắc đề bạt cán bộ một cách khoa học, công tâm, khách quan, toàn diện, có quan điểm lịch sử cụ thể. Xử lý tốt các mối quan hệ giữa đức và tài, quyền hạn và trách nhiệm, nghĩa vụ và lợi ích, giai cấp và dân tộc, tiêu chuẩn và cơ cấu, giữa năng lực thực tế và bằng cấp, giữa cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu... phù hợp với yêu cầu của mỗi loại cán bộ. Gắn quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng, quản lý cán bộ theo một quy trình thống nhất chặt chẽ.

Phần thứ hai

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 3 (KHOÁ VIII) VỀ CHIẾN LƯỢC CÁN BỘ (TỪ NĂM 1997- 2000)

1. Các cấp các ngành, các đơn vị tiến hành rà soát, sắp xếp, bổ sung, sử dụng tốt đội ngũ cán bộ hiện có, từng bước điều chỉnh để

chuẩn bị nhân sự cho bầu cử Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp vào năm 1999 và Đại hội Đảng bộ các cấp năm 2000.

Phân tích rõ về độ tuổi, dân tộc, học vấn, chuyên môn được đào tạo, đã tham gia Ban Chấp hành và cán bộ chủ chốt mấy nhiệm kỳ (đối với chức danh bầu cử). Đối với chức danh bổ nhiệm đã giữ các chức vụ trưởng, phó... được bao nhiêu năm.

- Dự kiến tới: Nghỉ theo chế độ hoặc nghỉ chờ đợi đủ tuổi hưu; còn tiếp tục tham gia sẽ phân công làm gì; luân chuyển sang nơi khác hoặc điều động về huyện, tỉnh... gửi đi đào tạo nâng cao trình độ (văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, ngoại ngữ, tin học...).

a) Ở cấp tỉnh:

- Phân tích và dự kiến chuẩn bị nhân sự Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh nhiệm kỳ III (1999-2004). Nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng bộ tỉnh khóa III (2000-2005).

- Nhân sự các Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thị.

- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh và Ban Thường vụ, chánh, phó các đoàn thể quần chúng, trưởng các ban Đảng.

- Đối với các chức danh bổ nhiệm như: Giám đốc, Phó Giám đốc sở; Bí thư, Phó Bí thư Ban cán sự Đảng sở, ngành, Phó Trưởng ban các ban Đảng, Nhà nước.

- Các chuyên viên và các đối tượng khác thuộc diện Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

- Đối với các chức danh thuộc ngành Trung ương quản lý, tỉnh có nhận xét đánh giá và thống nhất với ngành để chuẩn bị nhân sự bổ nhiệm.

b) Đối với cấp huyện, thị và tương đương:

Phân tích và dự kiến chuẩn bị nhân sự Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, thị nhiệm kỳ (1999-2004). Nhân sự Ban Chấp hành huyện, thị ủy nhiệm kỳ (2000-2005): (cùng với Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tổ chức chính quyền chuẩn bị).

- Nhân sự các trưởng, phó phòng ban của huyện, thị theo phân cấp quản lý.

- Nhân sự Ban Thường vụ Đảng ủy, Ban chỉ ủy Đảng bộ xã và các chức danh chủ chốt: Bí thư, Phó Bí thư chi đảng bộ xã; Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, trưởng công an xã đội trưởng.

- Nhân sự Phó các ban Đảng, Chủ tịch, Phó Chủ tịch, ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Ban Thường vụ và trưởng, phó các đoàn thể quần chúng.

- Tham gia với các ngành cộng quản về chức danh chủ chốt.

c) Đối với cấp xã, phường, thị trấn:

- Phân tích dự kiến chuẩn bị nhân sự Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ (1999-2000). Nhân sự Ban Chấp hành Đảng ủy, chi ủy xã, phường, thị trấn.

- Chuẩn bị nhân sự các chức danh Bí thư, Phó Bí thư chi bộ dưới Đảng bộ cơ sở; trưởng thôn, bản, trạm trưởng trạm y tế xã...

- Nhân sự chức danh Trưởng, Phó Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng và các ban thuộc chính quyền...

d) Đối với lực lượng vũ trang:

- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

- Bộ chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh.

- Công an tỉnh.

Theo sự chỉ đạo của ngành cấp trên, riêng nhân sự các chức danh chủ chốt cấp trưởng, phó chỉ huy có sự trao đổi thống nhất giữa tỉnh và ngành cấp trên theo quy định hiện hành.

Về nhân sự cấp ủy Đảng, đơn vị cùng với Ban Tổ chức Tỉnh ủy chuẩn bị, có sự thống nhất với Đảng ủy ngành cấp trên, song báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy phê duyệt.

e) Đối với các sở, ban, ngành trực thuộc tỉnh:

Phân tích, dự kiến nhân sự đề bạt, bổ nhiệm theo quy hoạch cán bộ thuộc diện phân cấp cho sở quản lý (có sự trao đổi thống nhất với Ban Tổ chức chính quyền).

2. Xây dựng và ban hành các quy định về quản lý cán bộ

- Rà soát bổ sung quyết định về phân cấp quản lý công tác tổ chức và cán bộ cho phù hợp với thời kỳ mới.

- Bổ sung hoàn thiện quy chế làm việc của các cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể quần chúng các cấp từ tỉnh đến cơ sở.

- Xây dựng rõ chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của các phòng, ban đơn vị và quy chế quản lý cán bộ, quản lý tư tưởng, công tác, hồ sơ, quan hệ xã hội, sinh hoạt thật chặt chẽ.

- Xây dựng tiêu chuẩn cụ thể cho từng chức danh cán bộ trong thời kỳ mới để làm cơ sở cho việc đánh giá nhận xét, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ.. đối với cán bộ.

- Bổ sung hoàn chỉnh quy trình về tuyển chọn đề bạt, bổ nhiệm cán bộ theo chế độ dân chủ, công khai, chặt chẽ để bảo đảm chọn đúng người, có đủ tiêu chuẩn.

- Thực hiện tốt chế độ nhận xét đánh giá cán bộ theo định kỳ hằng năm, trước khi kết thúc nhiệm kỳ, hoặc chuyển công tác, lưu trong hồ sơ cán bộ.

- Nghiêm túc thực hiện chế độ tự phê bình và phê bình theo nguyên tắc tập thể, dân chủ, công khai, kết luận theo đa số.

3. Rà soát bổ sung hoàn chỉnh quy hoạch cán bộ

Việc thực hiện quy hoạch cán bộ là một nội dung trọng yếu của công tác cán bộ, bảo đảm cho công tác cán bộ đi vào nền nếp, chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài.

- Xây dựng quy hoạch phải xuất phát từ nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ của tổ chức ở địa phương, đơn vị... căn cứ vào tình hình thực tế và dự kiến nhu cầu phát triển của cán bộ, công chức ở mỗi cấp.

Đối tượng chọn đưa vào quy hoạch:

+ Những cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, công chức có thành tích xuất sắc trong công cuộc đổi mới dưới 45 tuổi.

+ Những công nhân, nông dân, trí thức, cán bộ và chiến sĩ lực lượng vũ trang ưu tú; cán bộ dân tộc thiểu số; cán bộ nữ, con em các gia đình có công với cách mạng có triển vọng phát triển tốt có thành tích sáng kiến trong lao động sản xuất, công tác xã hội.

+ Sinh viên tốt nghiệp xuất sắc ở các trường Trung ương và tỉnh, những người đã qua đào tạo ở các trường chuyên nghiệp Trung ương và địa phương tốt nghiệp xuất sắc có lịch sử chính trị rõ ràng.

+ Những nhà khoa học trẻ tuổi thuộc các lĩnh vực đã qua hoạt động thực tiễn có nhiều triển vọng phát triển tốt.

+ Cán bộ trưởng thành từ các phong trào quần chúng.

4- Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao năng lực trình độ đội ngũ cán bộ

Trên cơ sở quy hoạch, mà xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm.

- Thực hiện chủ trương mở rộng diện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong hệ thống chính trị và các tổ chức xã hội, các thành phần kinh tế.

- Phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo và quản lý cán bộ khoa học, cán bộ quản lý kinh doanh giỏi.

- Thực hiện tốt các loại hình đào tạo chính quy với tại chức, tự nghiên cứu học tập cả ở các trường quốc lập - dân lập.

Đối với Trường Chính trị tỉnh:

Nội dung chương trình đào tạo chủ yếu là trung cấp lý luận chính trị chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng

- Bồi dưỡng về quản lý nhà nước, quản lý xã hội, về chính sách, pháp luật thủ tục về quản lý hành chính quản lý kinh tế.

- Bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ, về đường lối, chính sách, Nghị quyết của Đảng và Nhà nước cho các cán bộ công tác ở các đoàn thể quần chúng.

Đối tượng đào tạo bồi dưỡng là:

- Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ trực thuộc tỉnh; đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện, thị;

- Ủy viên Ban Chấp hành và lãnh đạo các đoàn thể quần chúng ở tỉnh, huyện, thị tương đương

- Trưởng, phó phòng, ban... chuyên viên và cán bộ có triển vọng phát triển tốt ở các sở ban, ngành cấp tỉnh và các huyện, thị, tương đương.

- Lãnh đạo và cán bộ kế cận các doanh nghiệp nhà nước.

- Lãnh đạo chủ chốt: Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, trưởng công an, xã đội trưởng các xã, phường, thị trấn và cán bộ kế cận các chức danh trên.

Ngoài ra phối hợp với các trường đại học mở các lớp đại học tại chức theo yêu cầu từng ngành về nhu cầu cán bộ, theo yêu cầu chung của tỉnh.

Đối với Trung tâm Chính trị huyện, thị:

Mở các lớp bồi dưỡng ngắn ngày về đường lối, nghị quyết, chính sách... và tập huấn nghiệp vụ cho các đối tượng cán bộ công tác Đảng, Nhà nước, đoàn thể quần chúng ở xã, phường, thị trấn, các trưởng thôn, bản và những cán bộ kế cận thuộc các chức danh trên. Bồi dưỡng kiến thức về xây dựng Đảng, về pháp luật nội dung biện pháp quản lý nhà nước, quản lý sản xuất, kinh doanh ở cơ sở. Bồi dưỡng trực tiếp về các thủ tục, nguyên tắc chế độ tổ chức và hoạt động của bộ máy chính quyền cơ sở và những kiến thức nghiệp vụ cụ thể về hoạt động của tổ chức đảng, đoàn thể cơ sở (phân loại đối tượng từng vùng để bồi dưỡng).

Đối với các trường tập trung khác như:

Trường Phổ thông dân tộc nội trú, ngoại ngữ, v.v. công tác chiêu sinh cần chú ý tới con em đồng bào các dân tộc, nhất là vùng cao, vùng sâu, vùng xa, đào tạo đúng đối tượng tiêu chuẩn và có địa chỉ cụ thể.

- Trường đào tạo bồi dưỡng ở các huyện chủ yếu dạy văn hóa; đối với vùng cao đến năm 2000 cơ bản phải phổ cập tiểu học cho cán bộ chủ chốt xã. Đối với vùng thấp mỗi xã có từ 3 - 5 cán bộ có trình độ văn hóa hết phổ thông trung học và cán bộ có trình độ đại học.

* Những cán bộ trẻ dưới 35 tuổi trong diện quy hoạch hàng năm được lựa chọn cho đi đào tạo chính quy ở các trường Trung ương theo chỉ tiêu phân bổ của các hệ, các loại trường cả chuyên môn và lý luận chính trị.

* Tăng cường công tác quản lý và đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ giảng viên, giáo viên về lý luận chính trị, có quan điểm vững vàng,

nắm vững đường lối của Đảng trong công tác giảng dạy; phấn đấu các giảng viên phải là đảng viên.

Phấn đấu đến năm 2000 cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp huyện, sở, ban, ngành phần lớn phải có trình độ đại học chuyên ngành và cử nhân chính trị. Bí thư, Chủ tịch xã, phường, thị trấn phải có trình độ trung học lý luận chính trị.

Khi xem xét đề nghị đề bạt, bổ nhiệm phải có đủ học vị trên và phải được rèn luyện qua thực tiễn trong các phong trào lao động sản xuất, chiến đấu, công tác và học tập.

5. Thực hiện tốt chế độ học tập bắt buộc nhằm nâng cao trình độ mọi mặt. Lấy kết quả học tập chuyên môn, lý luận chính trị là một tiêu chuẩn xem xét đề bạt, bổ nhiệm cán bộ. Nghiên cứu để từng bước đưa cán bộ mới ra trường xuống rèn luyện ở cơ sở xã, phường, nhà máy, xí nghiệp, nông, lâm trường.

6. Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình ở mỗi cán bộ, mỗi cấp, ngành, đơn vị...

Trước hết cán bộ lãnh đạo phải gương mẫu, chống thái độ nể nang, né tránh, phải kiên quyết đấu tranh bảo vệ cái đúng, phê phán cái sai. Tạo mọi điều kiện để quần chúng nhân dân tại nơi ở và nơi công tác tham gia phê bình cán bộ. Nghiêm cấm mọi hành vi trấn áp, trù dập người thẳng thắn đấu tranh phê bình.

7. Đẩy mạnh đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, buôn lậu và các hiện tượng tiêu cực khác, tập trung vào các hành vi tham ô, chiếm đoạt, làm thất thoát tài sản của Nhà nước, nhận hối lộ và đòi hối lộ.

8. Xây dựng quy chế bảo vệ chính trị nội bộ, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các phần tử chống đối và cơ hội về chính trị, thẩm tra kết luận vấn đề lịch sử chính trị chưa rõ đối với những cán bộ thuộc diện phải xem xét.

9. Về chính sách cán bộ. Thực hiện tốt đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và quản lý cán bộ, quan tâm chú ý trọng dụng những người có

đức, có tài cả trong Đảng và ngoài Đảng. Quan tâm chính sách toàn diện đối với cán bộ cơ sở.

- Nghiên cứu đề xuất với Trung ương cải tiến chế độ sinh hoạt phí, chế độ nghỉ công tác của cán bộ xã, phường, thị trấn cho phù hợp. Vì đây là loại hình lao động lãnh đạo, quản lý - một dạng lao động đặc thù của xã hội, vì vậy phải được quan tâm đầy đủ, để người cán bộ xã có đủ điều kiện, đảm nhiệm có hiệu quả mọi công việc xã hội giao cho, đỡ khó khăn cho gia đình và hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Nghiên cứu đề xuất nâng mức phụ cấp đối với cán bộ xã, phường, thị trấn đi học các trường tập trung ở huyện, tỉnh và Trung ương.

- Nghiên cứu đề xuất với Trung ương chính sách khuyến khích đối với những cán bộ cắm điểm hoạt động ở các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Khuyến khích cán bộ khoa học, kỹ thuật nông - lâm nghiệp, quản lý... đi về công tác tại cơ sở xã, nhất là vùng xa, vùng sâu.

- Nghiên cứu chính sách đối với cán bộ đi nghiên cứu học tập trong và ngoài nước, cán bộ nghiên cứu khoa học.

- Đề xuất với Trung ương khôi phục lại chính sách thâm niên miền núi đối với cán bộ công tác ở các tỉnh miền núi.

- Nghiên cứu đề xuất với Trung ương điều chỉnh, bổ sung sửa đổi một số chính sách... chưa hợp lý.

- Nghiên cứu đề xuất với Trung ương về thống nhất ổn định bộ máy tổ chức đảng, Nhà nước...

10. Kiện toàn nâng cao cả về số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ cán bộ của các cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ của Khối Đảng và Nhà nước cấp tỉnh; huyện, sở, ban, ngành nâng cao chất lượng hoạt động lên ngang tầm nhiệm vụ mới.

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác tổ chức và cán bộ đổi mới phương thức lãnh đạo, thường xuyên kiểm tra đôn đốc và cho chủ trương kịp thời.

Phần thứ ba

BIỆN PHÁP TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

1. Làm cho mọi cấp, mọi ngành từ tỉnh đến cơ sở, mọi cán bộ, đảng viên nhận thức sâu sắc: Giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu; là khâu quan trọng tạo nguồn cán bộ, do đó nói đến chiến lược cán bộ là phải quan tâm đến con người ngay từ khi ở cấp tiểu học nhất là đối với cán bộ các xã vùng cao, vùng sâu.

2. Trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể phải ra sức chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ vừa có đức vừa có tài, trong đó lấy đức làm gốc. Mỗi cán bộ phải thấm nhuần sâu sắc lời dạy của Bác Hồ: Cán bộ là công bộc của dân, chứ không phải là quan cách mạng.

3. Các Ban Tổ chức Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng giúp các cấp ủy đi sâu khảo đánh giá đúng thực trạng đội ngũ cán bộ; suy nghĩ lập kế hoạch dự kiến chuẩn bị nhân sự cho việc bầu cử và bổ nhiệm, đề bạt cán bộ trong những năm tới phục vụ thiết thực cho bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp vào năm 1999 và Đại hội Đảng bộ các cấp vào năm 2000 và các đoàn thể quần chúng tiếp theo.

4. Trường Chính trị tỉnh, các Trung tâm Chính trị huyện, Trường Đào tạo văn hóa... chủ động lập kế hoạch cụ thể mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, văn hóa, quản lý nhà nước... phục vụ yêu cầu chuẩn hóa cán bộ chủ chốt huyện, xã... vào năm 2000. Đối với cấp tỉnh tích cực chọn lọc gửi đi các trường Trung ương đào tạo, bồi dưỡng. Duy trì tốt và nâng cao chất lượng đào tạo các lớp cử nhân chính trị, cử nhân luật, cử nhân kinh tế (gồm tài chính kế toán - xây dựng - giao thông - báo chí và quản trị kinh doanh) để từ nay đến năm 2000 góp phần chuẩn hóa cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh, huyện, thị và tương đương

5. Các ngành thông tin tuyên truyền, báo chí, phát thanh và truyền hình... căn cứ vào nội dung hướng dẫn của Ban Tuyên giáo

Tỉnh ủy và ngành Trung ương tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng.

6. Tỉnh ủy sẽ mở hội nghị Ban Chấp hành và hội nghị cán bộ toàn tỉnh nghiên cứu quán triệt nghị quyết vào cuối tháng 8 và đầu tháng 9-1997. Sau đó về các Đảng bộ tiếp tục triển khai nghiên cứu quán triệt ở địa phương và cơ sở theo kế hoạch của Tỉnh ủy.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
TẠI PHIÊN HỌP NGÀY 13-9-1997

Số 97-TB/TU, ngày 20-9-1997

Ngày 13-9-1997, Thường trực Tỉnh ủy họp giao ban thường kỳ dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy. Sau khi nghe Văn phòng Tỉnh ủy và Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình, các đồng chí trong Thường trực thảo luận và thống nhất kết luận như sau:

- Tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp có tiến triển tốt, Ủy ban nhân dân chú trọng chỉ đạo việc chăm sóc lúa, hoa màu, đề phòng dịch bệnh và bão lũ cuối mùa, đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng, bảo vệ và phát triển rừng, thực hiện tốt Chỉ thị 286-TTg và Chỉ thị 287-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Giải quyết dứt điểm một số xí nghiệp làm ăn thua lỗ, không còn khả năng thanh toán phục hồi, tìm cách tháo gỡ khó khăn cho Nhà máy xi măng, tiến hành triển khai việc thành lập và đưa Công ty Du lịch vào hoạt động, kiện toàn Công ty Thương mại tổng hợp.

- Đồng ý với việc triển khai thực hiện chế độ lương mới cho đội ngũ giáo viên từ 1-10-1997, tiếp tục vận dụng các ưu đãi cho giáo viên vùng cao, vùng khó khăn, song cần nghiên cứu để sửa đổi cho phù hợp hơn.

Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra thiết bị máy móc của Đài Phát thanh - Truyền hình, xây dựng phương án đầu tư, củng cố tổ chức và nội dung hoạt động để trình Ban Thường vụ xem xét.

- Về công tác nội chính chú trọng giải quyết các vụ án trọng điểm và các điểm nóng: (vụ giết bà Lâm, vụ Bản Cầm, Bản Lầu, Làng Hang, Xuân Quang, Phú Nhuận, vụ buôn lậu gỗ trên tàu ở Bảo Yên...).

- Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh sẽ tổ chức vào khoảng thời gian từ 15-10 đến 20-10-1997. Đại hội chỉ triệu tập đại biểu do Đại hội cấp dưới bầu và mời Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các đoàn thể cấp tỉnh và Trung ương Đoàn, không mời khách ngoài và các huyện, thị ủy.

Kinh phí cho Đại hội phải quán triệt phương châm tiết kiệm, hợp lý; nội dung Đại hội phải thiết thực, tránh phô trương hình thức.

- Yêu cầu Ban Tổ chức Tỉnh ủy thông báo hoãn việc đi học chính trị đối với các đồng chí sau:

1. Hoàng Quốc Khánh, Phó phòng Thu khu vực kinh tế quốc doanh, Cục Thuế tỉnh.

2. Phạm Đình Khương, Phó Giám đốc Công ty Khoáng sản Lào Cai.

3. Lê Ngọc Oanh, Phó phòng Công sản Sở Tài chính - Vật giá

4. Nguyễn Hồng Đức, chuyên viên Ban Tài chính Quản trị Tỉnh ủy.

5. Phan Thành Chung, chuyên viên Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

- Thường trực Ủy ban nhân dân và các ban tập trung giám sát việc thực hiện công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình, xóa cây thuốc phiện.

- Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục nghe và đôn đốc giải quyết dứt điểm vụ vi phạm ở Sở Xây dựng, kiên quyết thu hồi lại toàn bộ các khoản kinh phí bị thất thoát về cho ngân sách theo đúng nội dung Thông báo số 21-TB/TU, ngày 31-1-1997 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Đồng ý giữ nguyên lương đồng chí Tiêu, Phó Giám đốc Sở Công nghiệp, không nâng lương cho đồng chí Chính, Phó Giám đốc Xí nghiệp in.

- Phân công đồng chí Nguyễn Quý Đăng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thường trực và giải quyết các công việc

thường xuyên, hằng ngày của Tỉnh ủy, trong thời gian đồng chí Bí thư và đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy đi công tác (từ ngày 17-9 đến 30-9-1997).

Các cơ quan và các đồng chí có liên quan, khẩn trương tổ chức thực hiện theo đúng tinh thần nội dung Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 97-QĐ/TU, ngày 8-10-1997

Chuẩn y Ban Thường vụ Huyện ủy Bắc Hà

- Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ vào kết quả Biên bản kiểm phiếu của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà ngày 29-9-1997 về việc bầu bổ sung ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy khóa VI;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chuẩn y đồng chí Đặng Văn Chạy giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Bắc Hà kể từ ngày 29-9-1997, nhiệm vụ cụ thể do Ban Thường vụ Huyện ủy phân công.
2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Bắc Hà và đồng chí Đặng Văn Chạy có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CÔNG VĂN
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 87 CV/TU, ngày 13-10-1997

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai

Sau khi xem xét thành tích của 14 đơn vị đề nghị tặng Cờ thi đua năm học 1996-1997.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhất trí với ý kiến đề nghị của Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh, tặng Cờ thi đua phong trào phát triển giáo dục - đào tạo năm học 1996 - 1997 cho 14 đơn vị như danh sách gửi kèm Công văn số 687-CV/UB, ngày 13-9-1997 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh các thủ tục cho các đơn vị theo quy định hiện hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH
CÁC ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ TẶNG CỜ THI ĐUA
NĂM HỌC 1996 -1997

(Kèm theo Công văn số 687-CV/UB, ngày 13-9-1997)

1. Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng - Lào Cai
2. Ủy ban nhân dân Thị trấn Phong Hải - Bảo Thắng
3. Ủy ban nhân dân xã Thái Niên - Bảo Thắng
4. Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà - Lào Cai
5. Ủy ban nhân dân Xã Cán Cấu - Bắc Hà
6. Ủy ban nhân dân xã Thào Chư Phìn - Bắc Hà
7. Ủy ban nhân dân xã Khánh Yên Thượng - Văn Bàn
8. Ủy ban nhân dân xã Pha Long - Mường Khương
9. Ủy ban nhân dân xã Tà Hừa - Than Uyên
10. Ủy ban nhân dân xã thị trấn Sa Pa - huyện Sa Pa
11. Ủy ban nhân dân xã Sảng Ma Sáo - Bát Xát
12. Ủy ban nhân dân xã Tả Phời - thị xã Cam Đường
13. Trường Phổ thông trung học thị xã Lào Cai
14. Trường Mầm non Bình Minh - thị xã Cam Đường

CHỈ THỊ

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 04-CT/TU, ngày 21-10-1997

Về việc tổ chức Đại hội Mặt trận các cấp

Hệ thống Mặt trận Tổ quốc Việt Nam từ tỉnh đến cơ sở, với chức năng nhiệm vụ của mình là một tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của các đoàn thể chính trị - xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp và tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo. Mặt trận và các tổ chức thành viên là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, nơi phối hợp thống nhất hành động của các tầng lớp nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tham gia với Đảng và Nhà nước thực hiện và giám sát việc thực hiện dân chủ, chăm lo và bảo vệ lợi ích chính đáng của các tầng lớp nhân dân; bảo vệ Đảng và chính quyền, thực hiện các nhiệm vụ kinh tế văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại góp phần tăng cường mối liên hệ mật thiết giữa nhân dân với Đảng và Nhà nước.

Nhiệm kỳ 5 năm qua, Mặt trận Tổ quốc ở các cấp đã phát động nhiều phong trào thi đua yêu nước - phát huy tinh thần làm chủ của nhân dân; giáo dục, động viên mọi tầng lớp nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai chấp hành và thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, tham gia xây dựng chính quyền vững mạnh.

Để tạo điều kiện cho tổ chức Mặt trận các cấp tiếp tục phát huy chức năng, vai trò, vị trí của mình trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy

Đảng, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng tập trung lãnh đạo, thực hiện tốt việc tổ chức Đại hội Mặt trận các cấp, liên tới Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 1998 -2003 vào tháng 5-1998 với một số nhiệm vụ cụ thể như sau:

1. Chỉ đạo các cấp ủy cơ sở tạo mọi điều kiện, giúp Mặt trận các cấp chuẩn bị tốt nội dung và nhân sự cho việc tổ chức Đại hội nhiệm kỳ đạt kết quả.

2. Tập trung chỉ đạo tổ chức Mặt trận các cấp bố trí sắp xếp bộ máy, nhân sự sao cho phù hợp, bảo đảm cả về số lượng và chất lượng cán bộ, đáp ứng được yêu cầu đặt ra với công tác Mặt trận trong giai đoạn mới.

3. Các tổ chức đoàn thể, tổ chức xã hội phát huy vai trò là một thành viên của Mặt trận, phát động các phong trào thi đua, động viên các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế, văn hóa, xã hội... lập thành tích hướng về Đại hội Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai khóa II, nhiệm kỳ 1998 -2003

4. Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy có trách nhiệm giúp Tỉnh ủy thường xuyên theo dõi đôn đốc các huyện, thị ủy, Đảng đoàn, Ban cán sự triển khai thực hiện theo tinh thần nội dung Chỉ thị này và thường xuyên báo cáo kết quả về Thường trực Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 101-QĐ/TU, ngày 29-10-1997

**Chuẩn y bổ sung Ủy viên Ủy ban Kiểm tra
Đảng bộ Công ty Apatít Việt Nam**

- Căn cứ vào Điều 31 Chương VII của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

- Xét Biên bản bầu cử bổ sung Ủy viên Ủy ban Kiểm tra của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty Apatít Việt Nam ngày 17-10-1997;

- Xét đề nghị của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y đồng chí Nguyễn Thế Sinh, đảng viên là Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng bộ Công ty Apatít Việt Nam kể từ ngày 17-10-1997.

Điều 2: Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty Apatít Việt Nam, Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và đồng chí Nguyễn Thế Sinh thi hành Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 06-CT/TU, ngày 12-11-1997

**Một số nhiệm vụ của công tác bảo vệ chính trị nội bộ
đến năm 2000**

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÔNG TÁC BẢO VỆ
CHÍNH TRỊ NỘI BỘ THỜI GIAN QUA**

**I. NHẬN THỨC VỀ MỘT SỐ KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÔNG TÁC BẢO VỆ CHÍNH TRỊ NỘI BỘ**

**1. Một số đặc điểm liên quan đến công tác bảo vệ chính trị
nội bộ**

Lào Cai là một tỉnh miền núi, vùng cao biên giới, được tách ra từ tỉnh Hoàng Liên Sơn từ tháng 10-1991. Dân số gần 56 vạn người, gồm 27 dân tộc anh em. Lào Cai được chia thành 10 huyện, thị xã, bao gồm 180 xã, phường, trong đó có 26 xã, phường biên giới, 152 xã vùng cao, có đường biên giới giáp Trung Quốc dài 203 km, cơ sở hạ tầng còn thấp kém, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí còn thấp, không đều giữa các vùng.

- Đảng bộ Lào Cai có 15 huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc với trên 500 tổ chức cơ sở đảng, trên một vạn đảng viên.

- Lào Cai có một cửa khẩu quốc tế và 2 cửa khẩu quốc gia và một số lối mòn ở địa phương để nhân dân hai bên biên giới qua lại thăm thân, trao đổi văn hóa. Ngày 18-5-1993 cửa khẩu Lào Cai - Hà Khẩu được mở lại, quan hệ hai nước trở lại bình thường nhưng trong thực tế những năm qua cũng nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp trong công tác quản lý biên giới và công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

- Trước đây với chính sách đô hộ của thực dân Pháp, ở Lào Cai có nơi đã bị “phỉ hóa” toàn dân. Sau ngày giải phóng nhiều người đã chạy theo địch vào Nam, ra nước ngoài, trong đó có một số đối tượng sau này vẫn tiếp tục hoạt động chống phá cách mạng nước ta.

- Lào Cai là tỉnh chịu nhiều hậu quả nặng nề của chiến tranh biên giới 17-2-1979 và chịu nhiều diễn biến phức tạp trong sự kiện người Hoa 1978.

- Do có đường biên giới giáp Trung Quốc và những mối quan hệ thân tộc, dân tộc từ lâu đời của nhân dân các xã giáp biên cũng là những vấn đề phức tạp trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

2. Âm mưu, những hoạt động của các thế lực thù địch đã diễn ra trên địa bàn Lào Cai

Cùng với chiến lược “diễn biến hòa bình” và các hoạt động nhằm thực hiện âm mưu chống phá cách mạng nước ta, chống phá Đảng ta, trong phạm vi cả nước. Những năm vừa qua âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch trên địa bàn Lào Cai được dựa trên một số lĩnh vực chủ yếu sau đây:

- Lợi dụng điều kiện biên giới, miền núi, các thế lực thù địch đã đẩy mạnh các hoạt động: móc nối, mua chuộc, lôi kéo cán bộ ta, thu thập tin tức, tình hình bằng nhiều hình cách dưới nhiều hình thức khác nhau: lợi dụng quan hệ thân tộc, dân tộc, moi hỏi người qua lại biên giới, hoặc trực tiếp moi hỏi khi quan hệ làm việc, lấy cắp tài liệu, mua chuộc khống chế cán bộ ta, làm tay sai cho chúng hoặc hoạt động hai mặt.

- Lợi dụng chính sách mở cửa, kẻ địch và các phần tử xấu đã gửi tài liệu: tranh ảnh, sách báo tuyên truyền phát triển đạo, thư tâm

lý, văn hóa phẩm đồi trụy, gửi tài liệu cho một số cán bộ, dùng nhiều hình thức để mua chuộc... chúng tuyên truyền gây hoang mang dao động về tâm lý, gây nghi ngờ trong nội bộ, ở một số nơi chúng tung tin, đả kích vào đồng chí lãnh đạo này, đồng chí lãnh đạo khác, khoét sâu mâu thuẫn, tạo sự căng thẳng, nghi ngờ nhằm làm cho nội bộ chúng ta không ổn định.

- Khu vực biên giới thường xuyên xảy ra xâm canh xâm cư, xuất nhập cảnh trái phép, lấn chiếm đường biên mốc giới dưới nhiều hình thức, đẩy người đã chạy đi nước ngoài trở lại Việt Nam, mua bán trẻ em, phụ nữ, buôn lậu, lưu hành tiền giả... nhằm gây cho ta những khó khăn trong ổn định an ninh chính trị phát triển kinh tế.

- Lợi dụng trình độ dân trí thấp, khó khăn trong đời sống, các thế lực thù địch đã tăng cường các hoạt động tôn giáo trái phép, lợi dụng một số hoạt động tôn giáo nhằm chống phá gây khó khăn cho ta, tạo những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân chia rẽ khối đoàn kết các dân tộc.

3. Một số kết quả công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong thời gian qua

Nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của công tác bảo vệ chính trị nội bộ bảo vệ Đảng, đặc biệt từ khi có Chỉ thị 23 của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức quán triệt sâu sắc Chỉ thị 23 của Bộ Chính trị trong Ban Chấp hành Tỉnh ủy và các đồng chí cán bộ chủ chốt của các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, Ban cán sự, Đảng đoàn và các ngành của tỉnh. Xây dựng được kế hoạch toàn diện về công tác bảo vệ chính trị nội bộ trên địa bàn.

- Quán triệt chủ trương, kế hoạch của Tỉnh ủy, các huyện, thị, Đảng ủy, ngành với đặc điểm cụ thể của mình để xây dựng, xác định những nhiệm vụ cụ thể cho sát với công tác bảo vệ chính trị nội bộ của ngành, địa phương mình.

Những năm qua, các cấp bộ Đảng đã tập trung giáo dục cho cán bộ, đảng viên, nhân dân nâng cao ý thức cảnh giác cách mạng trước

âm mưu, thủ đoạn diễn biến hòa bình của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, nâng cao ý thức bảo vệ biên giới quốc gia, ngăn chặn tình trạng lợi dụng hoạt động tôn giáo trái phép. Thực hiện tăng cường khối đoàn kết thống nhất trong nhân dân các dân tộc, đoàn kết trong nội bộ Đảng, trong từng cơ quan, đơn vị, kịp thời phát hiện và xử lý những biểu hiện cài cắm móc nối, chia rẽ nội bộ.

Tỉnh ủy đã chỉ đạo thực hiện tốt các nội dung về đổi mới, chỉnh đốn Đảng. Trong lĩnh vực bảo vệ nội bộ tập trung vào các nội dung: Thực hiện đúng nguyên tắc, thủ tục trong kết nạp đảng viên mới, các quy trình về công tác cán bộ như tuyển dụng, đào tạo bồi dưỡng, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật... theo quy chế và phân cấp quản lý cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Đã xây dựng quy chế về quản lý cán bộ, đảng viên khi quan hệ, làm việc với người nước ngoài, quy định về xét duyệt sử dụng làm phiên dịch, quy chế quản lý đoàn ra, đoàn vào... Các cấp ủy cơ sở đã chú ý đến các nội dung về quản lý đảng viên, quản lý hồ sơ, quản lý tư tưởng, quản lý công tác, quản lý sinh hoạt...

Tỉnh ủy cũng đã giao cho Ban Bảo vệ chính trị nội bộ phối hợp cùng với các huyện, thị, Đảng ủy thống kê, rà soát, theo dõi danh sách những cán bộ, đảng viên có nguồn gốc người nước ngoài, đảng viên kẹt lại tháng 2-1979, đảng viên hiện đang có thân nhân ở nước ngoài... phục vụ cho nhiệm vụ quản lý và sử dụng cán bộ.

Về tổ chức đã thành lập Ban Bảo vệ chính trị nội bộ của Tỉnh ủy và từng bước kiện toàn tăng cường cán bộ, ở các huyện, thị, Đảng ủy đều có cán bộ chuyên trách theo dõi công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Các Ban cán sự, Đảng đoàn phân công một cán bộ kiêm nhiệm theo dõi công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Các huyện, thị ủy do đồng chí Bí thư, Phó Bí thư hoặc ủy viên Ban Thường vụ trực tiếp phụ trách công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Những năm qua công tác bảo vệ chính trị nội bộ đã đóng góp tích cực trong nhiệm vụ giữ vững ổn định chính trị, giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia, ngăn chặn và làm thất bại một số hoạt động chống

phá Đảng ta, chống phá sự nghiệp cách mạng của nước ta. Công tác bảo vệ chính trị nội bộ đã góp phần làm trong sạch nội bộ Đảng, cơ quan nhà nước, nâng cao sức mạnh của Đảng bộ cũng như mỗi đảng viên, công tác bảo vệ chính trị nội bộ góp phần tích cực vào sự thành công Đại hội Đảng bộ các cấp của tỉnh và Đại hội toàn quốc lần thứ VII của Đảng.

4. Những mặt thiếu sót, khuyết điểm

Đối chiếu yêu cầu, nội dung công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới, công tác bảo vệ chính trị nội bộ trên địa bàn tỉnh còn một số thiếu sót khuyết điểm cần được khắc phục:

Ý thức cảnh giác cách mạng trước chiến lược diễn biến hòa bình của chủ nghĩa đế quốc còn chưa được quán triệt sâu sắc, triệt để đến mọi cán bộ, đảng viên, cá biệt có cán bộ, đảng viên còn lơ là mất cảnh giác dẫn đến việc mất tài liệu, cán bộ bị mua chuộc, lợi dụng.

Quy chế quản lý cán bộ đảng viên, quản lý đoàn ra, đoàn vào, quản lý người nước ngoài, quy chế xét duyệt cán bộ, đảng viên đi công tác nước ngoài, quan hệ tiếp xúc với người nước ngoài chưa được thực hiện nghiêm túc.

Các nguyên tắc, quy định kết nạp đảng viên mới, đào tạo bồi dưỡng, tuyển dụng, nhận xét, sử dụng cán bộ ở một số trường hợp chưa thực hiện nghiêm túc triệt để theo yêu cầu Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII).

Tình trạng mất đoàn kết nội bộ, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, vi phạm pháp luật ở một vài đơn vị chưa được kịp thời phát hiện xử lý đã tạo những kẽ hở cho phần tử xấu lợi dụng.

Công tác quản lý biên giới còn nhiều sơ hở, về tổ chức chuyên trách làm công tác bảo vệ nội bộ chưa thực sự ngang tầm với nhiệm vụ, chưa có chức năng nhiệm vụ rõ ràng, chưa được sự quan tâm thường xuyên của Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương. Sự phối hợp các ngành, địa phương trong công tác bảo vệ chính trị nội bộ chưa thực sự thường xuyên chặt chẽ.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ CÔNG TÁC BẢO VỆ CHÍNH TRỊ NỘI BỘ ĐẾN NĂM 2000

Đại hội VIII đã khẳng định về công tác xây dựng Đảng để thực hiện những mục tiêu và nhiệm vụ mà Đại hội VIII nêu ra: “Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn”¹ nhằm nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của mình khắc phục cho được những khuyết điểm, các biểu hiện tiêu cực và yếu kém. Đảng phải mạnh từ Trung ương đến cơ sở ở tất cả các cấp các ngành, Đại hội còn nhấn mạnh: Đặc biệt quan tâm làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ Đảng trong tình hình mới.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa II về định hướng phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh đối ngoại nhiệm vụ xây dựng và củng cố hệ thống chính trị nhiệm kỳ 1996 - 2000;

Căn cứ phương hướng nhiệm vụ công tác bảo vệ chính trị nội bộ từ nay đến năm 2000 của Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương ngày 24-12-1996;

Thường trực Tỉnh ủy đề ra một số nội dung công tác bảo vệ chính trị nội bộ từ nay đến năm 2000, cần tập trung làm tốt những công tác sau:

I. MỤC TIÊU, PHƯƠNG CHÂM CỦA CÔNG TÁC BẢO VỆ CHÍNH TRỊ NỘI BỘ

Phải coi công tác bảo vệ chính trị nội bộ là một trong những nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta. Trong thời gian tới cần nắm vững mục tiêu và phương châm hoạt động sau:

1. Mục tiêu:

- Làm trong sạch chính trị nội bộ trước hết là cơ quan lãnh đạo cơ mật trọng yếu của Đảng, Nhà nước, lực lượng vũ trang và các đoàn thể

1. Đảng cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội; 1996, tr.47.

chính trị, không để lọt vào nội bộ Đảng, bộ máy nhà nước, lực lượng vũ trang và các đoàn thể chính trị những phần tử chống đối Đảng, chống chủ nghĩa xã hội và những phần tử nội gián làm tay sai cho các thế lực thù địch, các phần tử do địch cài cắm và những phần tử cơ hội chính trị.

2. Phương châm:

- Lấy tích cực phòng ngừa ngăn chặn là chủ yếu, tự bảo vệ mình là chính, đồng thời phát hiện, xử lý kịp thời những vấn đề nảy sinh, tích cực nhưng thận trọng từng bước loại trừ những yếu tố gây mất ổn định, tránh gây ra những vấn đề làm nội bộ thêm phức tạp.

II. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1- Tăng cường giáo dục, nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức cảnh giác cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc

Các cấp ủy Đảng cần có kế hoạch chỉ đạo các ban xây dựng Đảng, các ngành trong Khối Nội chính, tham mưu cho cấp ủy làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong toàn Đảng bộ và quần chúng nhân dân các dân tộc trong lĩnh vực bảo vệ chính trị nội bộ cần tập trung giáo dục nâng cao bản lĩnh chính trị, ý thức cảnh giác cách mạng, nhận thức sâu sắc về âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch nhằm đánh vào tổ chức và cán bộ hòng chia rẽ nội bộ, làm suy yếu Đảng, Nhà nước thực hiện âm mưu “cộng sản tự tan rã”. Từ đó có biện pháp giáo dục và bảo đảm sự ổn định về chính trị, củng cố niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng bằng bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, nâng cao trí tuệ và tính chiến đấu của cán bộ đảng viên, để tự bảo vệ mình và bảo vệ Đảng.

2. Thường xuyên nắm chắc tình hình, âm mưu thủ đoạn của các phần tử phản động nhằm đánh vào nội bộ ta, cần xác định rõ địa bàn và đối tượng trọng điểm mà bọn xấu tập trung chú ý, mục tiêu là cán bộ lãnh đạo các cấp và thân nhân (bố mẹ, vợ chồng, con) nhằm thực hiện chuyển hóa nội bộ Đảng, chúng lợi dụng tôn giáo, dân tộc tín ngưỡng và các hình thức ngoại giao, du lịch, quan hệ kinh tế để kích động đòi “dân chủ” nhân quyền hoặc thực hiện mưu đồ liên kết móc nối của các

tổ chức và các phần tử chống đối ở nước ngoài với phần tử bất mãn, tiêu cực, thoái hóa biến chất trong nội bộ Đảng, từ đó đề ra kế hoạch, biện pháp đấu tranh làm thất bại âm mưu và hoạt động của địch.

- Từ nay đến năm 2000 theo sự chỉ đạo và hướng dẫn của Trung ương tiến hành tổng kết công tác bảo vệ Đảng từ năm 1975 đến nay. Đề ra những chủ trương, biện pháp kế hoạch của công tác bảo vệ chính trị nội bộ với công tác bảo vệ Đảng.

3. Trong công tác cán bộ cần thực hiện tốt những vấn đề sau đây:

a) Về tiêu chuẩn chính trị:

- Kiên định lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, có thái độ chính trị và hoạt động thực tiễn phù hợp quan điểm, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, không có biểu hiện cơ hội về chính trị.

- Các vấn đề lịch sử chính trị hoặc có dấu hiệu nghi vấn về chính trị hiện nay và quan hệ gia đình, chính trị, xã hội phức tạp đều đã được thẩm tra xác minh, kết luận.

- Không có biểu hiện tham nhũng.

b) Thẩm tra xác minh, kết luận những trường hợp có vấn đề cần xem xét về tiêu chuẩn chính trị như:

- Có biểu hiện cơ hội về chính trị

- Có hành động (nói, viết, làm) trái quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng

- Có biểu hiện tiếp tay cho các phần tử chính trị, phản động, phần tử chống Đảng, chống chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Cố ý làm lộ bí mật của Đảng và Nhà nước

- Lịch sử chính trị bản thân, quan hệ chính trị, quan hệ cha mẹ, vợ, chồng, nguồn gốc giai cấp, dân tộc, tôn giáo, nơi cư trú qua các thời kỳ có vấn đề chưa rõ nhưng chưa được thẩm tra, xác minh, kết luận.

c) Thực hiện tốt các nội dung về quản lý cán bộ đảng viên: Quản lý hồ sơ, quản lý tư tưởng, quản lý công tác, quản lý sinh hoạt, quản lý các mối quan hệ, đồng thời các cấp ủy có kế hoạch theo dõi, quản lý đối với cán bộ, đảng viên có quan hệ thân nhân với người nước ngoài nhằm phục vụ tốt cho công tác sử dụng cán bộ.

d) Theo phân cấp quản lý cán bộ cần thực hiện đúng quy trình, nội dung nhận xét đánh giá cán bộ định kỳ 6 tháng, 1 năm, nhiệm kỳ...

4. Dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, các Ban cán sự, Đảng đoàn công tác bảo vệ chính trị nội bộ của các ngành, các cấp tiếp tục xây dựng hồ sơ về bảo vệ chính trị nội bộ đối với cán bộ, đảng viên (theo phân cấp quản lý cán bộ). Trong đó chú trọng cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành, trước hết là trong các cơ quan, đơn vị trọng yếu, cơ mật, địa bàn trọng điểm, diện cán bộ quy hoạch, kế cận...

5. Thực hiện đúng Hướng dẫn số 01, ngày 26-3-1997 của Ban Tổ chức Trung ương về việc thực hiện Quy định số 17-QĐ/TW, ngày 10-12-1996 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về nhiệm vụ của đảng viên khi ra nước ngoài.

6. Xây dựng và ban hành quy chế về hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh bao gồm các vấn đề sau: Quy định cụ thể về các vấn đề liên quan đến xuất nhập cảnh, quản lý đoàn ra, đoàn vào, quan hệ tiếp xúc với người nước ngoài của cán bộ, đảng viên...

7. Theo hướng dẫn và chỉ đạo của Trung ương, có kế hoạch bảo vệ chính trị nội bộ phục vụ công tác nhân sự, Hội đồng nhân dân các cấp 1999 và kiện toàn bộ máy nhà nước, các đoàn thể chính trị, nhân sự đại đội Đảng các cấp khóa 2000-2005.

8. Các cấp ủy Đảng, Ban cán sự, Đảng đoàn cần chỉ đạo lãnh đạo phối hợp chặt chẽ công tác bảo vệ chính trị nội bộ chống “diễn biến hòa bình” với các cuộc đấu tranh chống các nguy cơ khác. Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã nêu: Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực vốn là thách thức to lớn và gay gắt do điểm xuất phát của ta quá thấp lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh quyết liệt có những thế lực vẫn tiếp tục mưu toan thực hiện “diễn biến hòa bình” thường xuyên dùng chiêu bài: dân chủ nhân quyền hòng can thiệp vào nội bộ nước ta. Tình hình châu Á - Thái Bình Dương và Biển Đông còn diễn biến phức tạp. Chênh lệch xã hội chủ nghĩa và quan liêu tham nhũng vốn đang thực sự là những nguy cơ lớn, tệ quan liêu tham nhũng và suy thoái về

phẩm chất đạo đức của một bộ phận đảng viên làm cho bộ máy Đảng và Nhà nước suy yếu, lòng tin của nhân dân đối với Đảng, đối với chế độ bị xói mòn, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước bị thi hành sai lệch dẫn tới chệch hướng đó là mảnh đất thuận lợi cho “diễn biến hòa bình”, vì vậy các cấp ủy Đảng, Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn cần chỉ đạo chặt chẽ việc phối hợp hoạt động của các ngành chức năng thuộc cấp mình tiến hành đồng bộ các chủ trương kế hoạch và biện pháp nhằm khắc phục 4 nguy cơ nói trên. Gắn bó chặt chẽ công tác bảo vệ chính trị nội bộ, chống “diễn biến hòa bình” và chống tệ quan liêu tham nhũng.

9. KIỆN TOÀN BỘ MÁY LÀM CÔNG TÁC BẢO VỆ CHÍNH TRỊ NỘI BỘ. Theo hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh ủy tiếp tục chỉ đạo kiện toàn bộ máy Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Tỉnh ủy về biên chế, chất lượng cán bộ, phương thức hoạt động, quy chế làm việc, các điều kiện vật chất...

Các huyện, thị lập Ban bảo vệ chính trị nội bộ thuộc huyện, thị ủy do đồng chí Bí thư hoặc Phó Bí thư cấp ủy trực tiếp phụ trách. Tùy từng huyện, thị có thể bố trí từ 1 đến 2 cán bộ chuyên trách.

Các Ban cán sự, Đảng đoàn, ngành trực thuộc tỉnh thành lập bộ phận bảo vệ chính trị nội bộ do đồng chí trong Ban cán sự Đảng đoàn hoặc cấp ủy phụ trách.

Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc huyện, thị, Đảng ủy do đồng chí Bí thư hoặc Phó Bí thư trực tiếp làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Tiêu chuẩn cán bộ làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ ngoài tiêu chuẩn cán bộ chung cần chú ý các điều kiện lý lịch rõ ràng, có uy tín về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Bảo vệ chính trị nội bộ chống “diễn biến hòa bình” là trách nhiệm của toàn Đảng, trước hết là trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng đồng thời là trách nhiệm của mỗi đảng viên từng ngành, từng đơn vị, từng cán bộ, đảng viên phải tự đề ra kế

hoạch bảo vệ chính trị nội bộ chống “diễn biến hòa bình” của các cấp ủy mình phụ trách, các cấp ủy, các tổ chức đảng phải định kỳ kiểm điểm và nghe tình hình công tác bảo vệ chính trị nội bộ để kịp thời rút kinh nghiệm khắc phục sơ hở và có biện pháp phòng ngừa, đồng thời tổng hợp báo cáo cấp ủy cấp trên và cơ quan chuyên trách bảo vệ chính trị nội bộ theo định kỳ tháng, quý.

Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Tỉnh ủy là cơ quan tổng hợp tham mưu cho Tỉnh ủy giúp Thường trực Tỉnh ủy theo dõi kiểm tra công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong toàn tỉnh với chức năng nhiệm vụ quy định sẽ chủ trì và phối hợp với các ban Đảng, các cơ quan hữu quan, xây dựng một số quy chế trong các lĩnh vực như: Quy chế phối hợp công tác với cơ quan an ninh, quy chế quản lý xét duyệt cán bộ đi thăm quan hội thảo học tập ở nước ngoài, quy chế hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh, quy chế quản lý, tiêu chuẩn đối với đội ngũ phiên dịch.

Định kỳ hằng quý Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Tỉnh ủy chủ trì các cuộc giao ban với các ngành hữu quan và huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc để có cơ sở tổng hợp tình hình phối hợp thực hiện kế hoạch chung. Kết thúc năm có đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chính trị nội bộ do cấp ủy chủ trì. Thường trực Tỉnh ủy sẽ nghe một số ngành liên quan phản ánh về công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Để thực hiện tốt chương trình công tác chủ yếu trên đây từ nay đến năm 2000, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, Ban cán sự, Đảng đoàn cơ quan, công tác bảo vệ chính trị nội bộ của từng cấp bám sát nhiệm vụ chính trị của đơn vị, ngành mình mà xây dựng kế hoạch công tác cho phù hợp và đạt kết quả tốt, góp phần giữ vững ổn định chính trị thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII của Đảng và Nghị quyết Đảng tỉnh bộ Lào Cai lần thứ II.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 05-CT/TU, ngày 18-11-1997

Về việc tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện Văn Bàn

Để tiếp tục quán triệt thực hiện Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị và các nghị quyết, chỉ thị, nghị định của Đảng, Nhà nước, Chính phủ về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành đối với nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh ngày càng vững chắc; nâng cao thêm một bước về năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng quản lý điều hành của chính quyền, năng lực làm tham mưu của các cơ quan, ban, ngành đoàn thể và trình độ sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang trong khu vực phòng thủ.

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ huyện Văn Bàn với đề tài: “Tổ chức khu vực phòng thủ huyện, chống diễn biến hòa bình - bạo loạn lật đổ giữ vững an ninh chính trị sẵn sàng đối phó với chiến tranh xâm lược”. Để cuộc diễn tập khu vực phòng thủ huyện Văn Bàn đạt kết quả.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cơ quan ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Văn Bàn thực hiện tốt những việc sau đây:

1- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh cùng các sở, ban ngành có liên quan phối kết hợp chặt chẽ, xây dựng nội dung văn kiện đồng thời hướng dẫn giúp đỡ huyện Văn Bàn tổ chức diễn tập theo đúng ý định chỉ đạo của tỉnh.

2- Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Văn Bàn làm tốt công tác chuẩn bị và thực hành diễn tập sát với khả năng và tình hình thực tế của địa phương. Vận dụng sáng tạo các quan điểm tư tưởng của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh để giải quyết những vấn đề đặt ra trong diễn tập, chuẩn bị tốt sở chỉ huy, các khu vực làm việc, địa điểm thực binh, các cơ sở vật chất để cuộc diễn tập đạt kết quả.

3- Các lực lượng tham gia thực binh phải được chuẩn bị chu đáo cả về con người, phương tiện, vũ khí trang bị và phải được huấn luyện, hợp luyện thành thực trước khi bước vào diễn tập tổng hợp.

4- Quá trình diễn tập tuyệt đối giữ bí mật, bảo đảm an toàn, tiết kiệm và sẵn sàng chiến đấu cao và không gây ảnh hưởng lớn đến các nhiệm vụ khác của địa phương.

5- Duy trì phát huy kết quả sau diễn tập, không ngừng củng cố thế trận quốc phòng - an ninh, củng cố xây dựng khu vực phòng thủ huyện ngày càng vững chắc, xây dựng làng xã an toàn làm chủ giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế - xã hội của địa phương phát triển.

6- Ủy ban nhân dân tỉnh cần thành lập Ban chỉ đạo diễn tập do 01 đồng chí Phó Chủ tịch làm Trưởng ban, có sự tham gia của đồng chí Bí thư Huyện ủy, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Văn Bàn và một số đồng chí lãnh đạo của các cơ quan, ban, ngành đoàn thể của tỉnh để theo dõi chỉ đạo chặt chẽ cuộc diễn tập.

Thời gian diễn tập xong trong tháng 11-1997.

Nhận được chỉ thị này, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành đoàn thể của tỉnh, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Văn Bàn nghiên cứu quán triệt và tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ XVII NGÀY 18-11-1997

Số 119-TB/TU, ngày 18-11-1997

Ngày 18-11-1997, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp Hội nghị lần thứ XVII dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, đã thống nhất kết luận một số vấn đề như sau:

1. Về dự thảo nghị quyết xây dựng cơ sở chính trị phường, xã

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy tiếp thu ý kiến phát biểu của các đồng chí trong Ban Thường vụ để hoàn chỉnh dự thảo gửi lại xin ý kiến các đồng chí trong Ban Thường vụ trước ngày 15-12-1997.

- Yêu cầu Ban Tổ chức có khảo sát, đánh giá thực tiễn các cơ sở chính trị trong toàn tỉnh để xây dựng nghị quyết có tính sát thực và khả thi.

2. Ban Chấp hành Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh khóa II

- Tổng số 7 đồng chí, trong đó chuyên trách 3 đồng chí, kiêm nhiệm 4 đồng chí

1- Đồng chí Mã A Lềnh, giữ chức vụ Chủ tịch Hội

2- Đồng chí Phùng Chiến, giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội

3- Đồng chí Nguyễn Thị Minh Thông, giữ chức vụ Ủy viên chuyên trách

4- Đồng chí Cao Văn Tư, Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo, giữ chức vụ Ủy viên

5- Đồng chí Nguyễn Thắng, Giám đốc Trung tâm văn hóa thông tin thể thao, giữ chức vụ Ủy viên

6- Đồng chí Trần Hữu Sơn, Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin Thể thao, giữ chức vụ Ủy viên

7- Đồng chí Nguyễn Ngọc Dương, Phó Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy, giữ chức vụ Ủy viên.

3. Ngân hàng Nhà nước tỉnh

- Đồng ý cho đồng chí Ngô Bá Lại, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh Lào Cai chuyển công tác về Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

- Đồng ý đề bạt đồng chí Trần Quốc Hoạt, Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh Lào Cai giữ chức vụ Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh Lào Cai.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Nếu Ủy ban chăm sóc và bảo vệ trẻ em Việt Nam có văn bản xin đồng chí Nguyễn Văn Thắm, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư và đồng chí Thắm đồng ý chuyển về Ủy ban trên thì đồng ý cho đồng chí Thắm chuyển công tác.

5. Huyện Mường Khương

Nếu tỉnh Vĩnh Phúc có công văn xin đồng chí Hồ Hữu Cơ, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Mường Khương thì đồng ý cho đồng chí Cơ chuyển công tác

6. Nhân sự Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh

1- Đồng chí Nguyễn Văn Lỵ, Chủ tịch Hội, giữ chức vụ Bí thư

2- Đồng chí Thào A Tráng, Phó Chủ tịch hội, giữ chức vụ Ủy viên

3- Đồng chí Nguyễn Thị Đua, giữ chức vụ Ủy viên

4- Đồng chí Đinh Đức Chuẩn, giữ chức vụ Ủy viên.

7. Về khoản tiền bán xổ số ở Hội Cựu chiến binh

Yêu cầu Hội quyết toán, sau khi trừ chi phí hợp lý số tiền còn lại dùng để lập quỹ trợ giúp cho các hội viên khó khăn ở các xã vùng cao, vùng xa, biên giới dưới dạng sổ tiết kiệm hoặc vay không lãi. Tuyệt đối không được dùng khoản tiền này để chia cho cán bộ Hội.

8. Thành lập Ban chỉ đạo vận động ủng hộ đồng bào bị lũ lụt

1- Đồng chí Thào A Tráng, Trưởng ban Dân vận - Dân tộc, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Lào Cai, giữ chức vụ Trưởng ban

2- Đồng chí Giàng Seo Phủ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, giữ chức vụ Phó ban

3- Lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Văn hóa Thông tin, Liên đoàn Lao động tỉnh, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Tỉnh đoàn làm Ủy viên.

- Mức huy động đối với cán bộ nhà nước từ 1-2 ngày lương, đối với nhân dân tùy hảo tâm.

- Một người chỉ phải nộp ở một nơi.

- Ban chỉ đạo có hướng dẫn cụ thể cuộc vận động.

9- Đồng ý lấy ngày 2-4-1948 là ngày truyền thống của lực lượng vũ trang tỉnh Lào Cai và tổ chức kỷ niệm 50 năm ngày truyền thống vào năm 1998.

10- Đồng ý tổ chức kỷ niệm 40 năm ngày Bác Hồ lên thăm Lào Cai ngày 23-9-1958-23-9-1998. Giao cho Ban Tuyên giáo chủ trì chuẩn bị và tổ chức kỷ niệm.

11- Đồng ý tổ chức tổng kết 5 năm thực hiện Chỉ thị 08-CT/TW của Ban Bí thư (khóa VII) và triển khai Chỉ thị 22-CT/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản.

Giao cho Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì chuẩn bị giúp Ban Thường vụ để tiến hành tổng kết vào tháng 12-1997.

12- Trong thời gian trước mắt chưa tăng số báo phát hành của báo Lào Cai lên 2 số/1 tuần mà vẫn thực hiện như hiện nay, yêu cầu báo đảm bảo chất lượng các bài viết lên là được.

Các cơ quan và cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 126-TB/TU, ngày 26-11-1997

**Kết luận của đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Bí thư
Thường trực Tỉnh ủy, tại cuộc họp với các đồng chí
lãnh đạo các ban Đảng trực thuộc Tỉnh ủy về một số
nhiệm vụ công tác cuối năm 1997**

Ngày 26-11-1997, đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy đã chủ trì cuộc họp với các đồng chí lãnh đạo của các ban Đảng trực thuộc Tỉnh ủy, báo Lào Cai và Trường Chính trị tỉnh.

Sau khi nghe các đồng chí lãnh đạo báo cáo tình hình chuẩn bị cho công tác tổng kết năm 1997 và một số vấn đề khác có liên quan; đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ đã kết luận cụ thể như sau:

1. Về công tác kiểm tra của Đảng thực hiện Điều lệ Đảng (khóa VIII), Tỉnh ủy sẽ tiến hành kiểm tra theo định kỳ đối với các Đảng bộ, Ban cán sự và Đảng đoàn trực thuộc. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tham mưu trực tiếp và xây dựng kế hoạch kiểm tra năm 1998 của Tỉnh ủy đối với các đơn vị trực thuộc, để thông qua Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong kỳ họp tới.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chủ động hướng dẫn và kiểm tra rà soát các đơn vị trước đây đã đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh và chất lượng các tổ chức cơ sở đảng năm 1997, báo cáo với Ban Thường vụ Tỉnh ủy để chuẩn bị đánh giá công tác xây dựng Đảng bộ tỉnh năm 1997.

Trước mắt, từ nay đến cuối năm 1997, Thường vụ Tỉnh ủy sẽ nghe một số đơn vị báo cáo tình hình công tác năm 1997. Ban Kinh tế và Văn phòng Tỉnh ủy xây dựng lịch thời gian cụ thể, báo cáo với Thường trực trước ngày 30-11-1997.

2. Về công tác tổng kết năm 1997

Các ban Đảng trực thuộc vẫn tiến hành tổng kết bình thường như mọi năm, theo hệ thống dọc từ tỉnh đến huyện, Đảng ủy trực thuộc (không mời Thường trực cấp ủy của các Đảng bộ trực thuộc).

- Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy nghiên cứu đề trình với Thường trực Tỉnh ủy thông qua kế hoạch mở hội nghị chung với các ban Đảng trực thuộc, nhằm tổng kết đánh giá kết quả công tác tham mưu giúp việc cho Tỉnh ủy năm 1997. Ở hội nghị này sẽ mời Thường trực cấp ủy của các Đảng bộ trực thuộc dự.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy dự kiến danh sách Ban Thi đua khen thưởng trong các cơ quan Khối Đảng để trình với Ban Thường vụ quyết định trong kỳ họp tới nhằm thực hiện nội dung khen thưởng theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

3. Văn phòng Tỉnh ủy khẩn trương triển khai xây dựng dự án về công nghệ thông tin, theo hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng. Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy chuẩn bị trình với Ban Thường vụ về kế hoạch ngân sách đảng năm 1998.

- Về việc phát hành báo của Đảng bộ tỉnh Lào Cai trong năm 1998, yêu cầu đồng chí Tổng Biên tập báo Lào Cai gửi tờ trình đến các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy để các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy nghiên cứu.

- Từ năm 1998 Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy giúp Thường trực Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch hàng quý tiếp xúc, phổ biến chủ trương, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng với các đồng chí cán bộ trung, cao cấp, cán bộ lão thành cách mạng hiện đang cư trú trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

4. Về việc ủng hộ đồng bào bị bão, lũ ở các tỉnh Nam Bộ

Các ban Đảng trực thuộc Tỉnh ủy cần quán triệt sâu sắc trong cán bộ, công nhân, viên chức tinh thần đoàn kết, trách nhiệm, chia sẻ với

nhân dân vùng bị thiệt hại về những tổn thất do thiên tai gây ra, theo nội dung Thông báo số 97-TB/TW, ngày 12-11-1997 của Bộ Chính trị. Trước mắt trong ngày 28-11-1997, toàn bộ cán bộ, công nhân viên trong các cơ quan ban Đảng trực thuộc, báo Lào Cai, Trường Chính trị tỉnh và Đảng ủy các cơ quan tỉnh sẽ hưởng ứng đợt vận động quyên góp ủng hộ đồng bào bị bão lụt (việc tổ chức thực hiện trong ngày 28-11-1997, giao cho Văn phòng Tỉnh ủy và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chuẩn bị). Số tiền ủng hộ gửi về Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

Yêu cầu các ban Đảng trực thuộc Tỉnh ủy, báo Lào Cai và Trường Chính trị tỉnh khẩn trương xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện theo đúng tinh thần nội dung Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 128-TB/TU, ngày 1-12-1997

Về kết luận của Hội nghị giao ban Khối Nội chính

Ngày 3-11-1997, Thường trực Tỉnh ủy đã họp giao ban với các đồng chí lãnh đạo các ngành Khối Nội chính. Sau khi nghe các đồng chí lãnh đạo các ban, ngành phát biểu, đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy đã kết luận một số nội dung sau:

1. Trong tháng 11-1997

Tình hình an ninh chính trị được giữ vững, an ninh biên giới ổn định không có biến động lớn, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, các vụ việc vi phạm pháp luật có giảm hơn tháng trước. Các ngành trong Khối Nội chính đã có sự phối hợp công tác chặt chẽ với nhau và với các huyện, thị trong việc tuyên truyền pháp luật cho nhân dân, song việc tuyên truyền cần phải đi vào chiều sâu, mở rộng quy mô và phải liên tục, công tác triển khai Chỉ thị 853-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch 800-KH/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh về chống buôn lậu và gian lận thương mại trên địa bàn toàn tỉnh bước đầu có kết quả. Tuy nhiên, một số vụ vi phạm về buôn lậu, lưu hành tiền giả, buôn bán và sử dụng thuốc phiện... vẫn chưa chấm dứt. Quan hệ đối ngoại được duy trì bình thường, đời sống của nhân dân ổn định.

2. Một số công việc trọng tâm tháng 12-1997

- Các ngành trong Khối Nội chính tiếp tục đẩy mạnh công tác giáo dục, tuyên truyền chủ trương, chính sách và pháp luật của Nhà nước

trong các tầng lớp nhân dân. Tiếp tục thực hiện tốt Chỉ thị 853-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch 800-KH/UB của Ủy ban nhân dân tỉnh về chống buôn lậu và gian lận thương mại.

- Bộ đội Biên phòng, Ban Ngoại vụ và biên giới phối hợp với Công an tỉnh và huyện Mường Khương nhanh chóng xác định lại vụ tái xâm canh ở mốc 2, 3 Nậm Chảy để có thái độ dứt khoát với phía bạn (Trung Quốc) về khu vực này.

- Các ngành Công an, Tòa án, Viện Kiểm sát và Thanh tra tỉnh triển khai xác minh và xử lý một số vụ việc tồn đọng như vụ Lý A Páo vi phạm luật xuất bản và tuyên truyền ở Sa Pa, vụ Vũ Thị Nhạn ở Sơn Hà, Bảo Thắng. Tiếp tục theo dõi vụ Doãn Thị Tách chứa chấp tiếp tay cho sử dụng ma túy, vụ Tô Xuân Hòa tiếp tục có giấy gọi lên để giải quyết theo phương án đã định; làm rõ các vụ có đơn thư tố cáo của công dân để có biện pháp xử lý

- Công an tỉnh sớm hoàn thiện chuyên án ở Công ty Khoáng sản tỉnh để báo cáo Thường trực Tỉnh ủy

- Thị xã Lào Cai khẩn trương xem xét lại vụ đền bù 56 hộ ở công viên Nhạc Sơn.

- Lực lượng vũ trang có kế hoạch phối hợp để bảo đảm an ninh quân sự khi Mỏ sắt Quý Xa hoạt động.

- Ngành giáo dục - đào tạo làm rõ vụ làm học bạ giả và thiếu bằng tốt nghiệp ở Trường Sư phạm tỉnh.

- Huyện ủy Bảo Thắng xem xét lại đơn tố cáo ông Nguyễn Đức Cách, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện của bà Thơm.

Vậy xin thông báo để các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM ĐÌNH CHUÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 24-BC/TU, ngày 10-12-1997

Về thực hiện Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị (khóa VII)

Sau 3 năm thực hiện (1995 - 1997) Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị về “Một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay” và chương trình hành động của Tỉnh ủy Lào Cai thực hiện Nghị quyết 09 của Trung ương Đảng, Tỉnh ủy đánh giá việc thực hiện nghị quyết trên một số lĩnh vực sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TƯ TƯỞNG ĐẢNG BỘ LÀO CAI

A. THÀNH TỰU

1. Kết quả học tập

- Tỉnh ủy đã tổ chức nghiên cứu Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị trong Ban Chấp hành tiến hành đánh giá một cách nghiêm túc tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Kiểm điểm sâu sắc sự lãnh đạo của Tỉnh ủy đối với công tác tư tưởng của Đảng bộ, đồng thời xây dựng chương trình hành động và kế hoạch triển khai của Tỉnh ủy để thực hiện Nghị quyết 09 của Trung ương Đảng.

- Tổ chức 2 lớp nghiên cứu Nghị quyết 09 cho 280 cán bộ chủ chốt của các ban, ngành, đoàn thể và huyện, thị, cho 150 chuyên viên đầu ngành và cán bộ khoa học - kỹ thuật của tỉnh.

- Bằng các hình thức phù hợp các cấp ủy Đảng đã tổ chức cho 90% đảng viên trên 60% quần chúng được giới thiệu, nghiên cứu, học tập nghị quyết.

- Trường Chính trị tỉnh, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị các huyện, thị đã đưa nội dung nghị quyết vào chương trình học tập cho học viên.

Đây là đợt học tập nghị quyết của Đảng một cách sâu rộng, nghiêm túc và đạt hiệu quả cao.

2. Kết quả về nhận thức, tư tưởng

- Trước sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, một số cán bộ, đảng viên xuất hiện tâm trạng băn khoăn, lo lắng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên của cách mạng Việt Nam. Một số khác biểu hiện dao động, giảm sút niềm tin. Những tâm trạng ấy đã từng bước được khắc phục sau khi quán triệt Nghị quyết 09 và các nghị quyết khác của Đảng. Trải qua thực tiễn của cách mạng, đường lối đổi mới của Đảng ngày càng đi vào chiều sâu, đất nước từng bước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đời sống mọi mặt của nhân dân được nâng lên. Vị thế của đất nước ngày càng cao và được mở rộng trên trường quốc tế. Tất cả những cái đó có được là do Đảng ta đã trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là lấy đó làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của Đảng, của cách mạng Việt Nam. Đảng ta luôn kiên định mục tiêu con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội để đưa đất nước đi lên.

Trải qua 6 năm xây dựng tỉnh Lào Cai mới, từ điểm xuất phát quá thấp kém, đến nay trên địa bàn toàn tỉnh nền kinh tế phát triển với tốc độ tăng trưởng khá, đời sống đồng bào được cải thiện, chính trị ổn định, quốc phòng an ninh được giữ vững. Nhân dân các dân tộc Lào Cai phấn khởi, tự hào trước những thành tựu chung của cả nước và của tỉnh. Chính đường lối đúng đắn của Đảng được khẳng định trong cuộc sống, những thành tựu đã đạt được là cơ sở vững chắc để xua đi những băn khoăn, lo lắng, do dự, những hoài nghi thiếu tin

để xây dựng và củng cố niềm tin và ý chí phấn đấu cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc Lào Cai. Sức sống của Nghị quyết 09 đã củng cố và vun đắp niềm tin cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, đồng thời cũng uốn nắn những lệch lạc, nhận thức mơ hồ của một số cán bộ, đảng viên, quần chúng giúp họ định hướng lại nhận thức cho mình được đúng đắn, tự tin hơn, củng cố và tăng cường được sự thống nhất về chính trị, tinh thần trong Đảng, và trong các tầng lớp nhân dân.

- Công tác tư tưởng có bước chuyển biến tích cực trong đấu tranh chống các quan điểm sai trái, xuyên tạc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, chống lợi dụng tôn giáo, phao tin đồn nhảm, gây hoang mang trong nhân dân, thực hiện “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

Ban Tuyên giáo các cấp, Trung tâm Giáo dục chính trị huyện, thị và các ngành trong Khối Tư tưởng - văn hóa (báo, đài)... đã đẩy mạnh và thường xuyên làm công tác tuyên truyền miệng về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhiệm vụ cụ thể của địa phương, đơn vị trong từng thời gian cụ thể. Trung tâm huyện, thị liên tục mở các lớp lý luận chính trị, các lớp học nghị quyết của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các kiến thức khác cho cán bộ, đảng viên giúp cho cán bộ, đảng viên không ngừng nâng cao trình độ nhận thức về mọi mặt.

- Công tác tư tưởng đã biết phối kết hợp giữa các lực lượng, các binh chủng: Báo, Đài, Văn hóa thông tin - thể thao, Văn học nghệ thuật, Giáo dục, Y tế... nội dung phong phú, hình thức đa dạng, huy động được các ngành, các đoàn thể các cấp tham gia đã mang lại hiệu quả thiết thực. Công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng, học tập nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đã gắn với các cuộc vận động quần chúng, thực hiện các nhiệm vụ chính trị cụ thể, gắn với chương trình hành động giải quyết những nhu cầu thiết thực trong sản xuất, đời sống, việc làm hằng ngày, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa.

3. Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác tư tưởng - văn hóa

- Những năm qua, dưới ánh sáng nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và của cấp ủy trong công tác tư tưởng - văn hóa đã có những bước tiến mới.

- Ngay từ khi tách tỉnh, Tỉnh ủy lâm thời đã quan tâm và coi trọng công tác tư tưởng - văn hóa, chỉ rõ định hướng và nhiệm vụ cụ thể của công tác tư tưởng - văn hóa trong Đảng bộ. Tại Đại hội Đảng bộ tỉnh lần I (1992) và lần thứ II (1996) đã nêu rõ hơn định hướng và nhiệm vụ cụ thể của công tác tư tưởng - văn hóa trong từng giai đoạn phù hợp với tình hình Đảng bộ.

- Thực hiện Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị (khóa VII), Tỉnh ủy Lào Cai đã kiểm điểm đánh giá tình hình công tác tư tưởng - văn hóa trong Đảng bộ và đề ra 7 nhiệm vụ cụ thể thực hiện nghị quyết. Do đó tạo được một số kết quả tốt: thế trận lòng dân vững vàng, hệ thống chính trị được củng cố. Khối đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân được tăng cường. Những quan điểm, nhận thức lệch lạc, tư tưởng bảo thủ, tự ti, y lại, thiếu lòng tin từng bước được đẩy lùi, ý chí tự lực, tự cường được khơi dậy, qua phong trào cách mạng của nhân dân các dân tộc; nghị quyết của Đảng đã và đang đi vào lòng dân và trở thành hiện thực trong cuộc sống.

B. MỘT SỐ TÂM TRẠNG ĐÁNG CHÚ Ý CỦA TỪNG BỘ PHẬN NHÂN DÂN TRONG TỈNH HIỆN NAY

a) *Nông dân*: Mấy năm gần đây thực hiện Nghị quyết 22-BCT và Quyết định 72 của Hội đồng Bộ trưởng cùng với nhiều chủ trương, chính sách hỗ trợ nông dân nói chung và miền núi nói riêng, cùng với việc thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội, đang từng bước mang lại hiệu quả thiết thực; nền kinh tế đã có sự phát triển, đời sống nói chung được cải thiện, đại đa số nông dân phấn khởi tăng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và công cuộc đổi mới.

Tuy nhiên, ở một số nơi sự phát triển của các tệ nạn xã hội, nhất là nghiện hút, số đề... đang làm hủy hoại thuần phong mỹ tục ở nông thôn. Sự phục hồi, phát triển mê tín dị đoan, các thủ tục ma chay, cưới xin... cũng là những nỗi lo nổi lên trong mấy năm qua ở nông thôn tỉnh ta. Cơ chế thị trường đã làm cho sự phân hóa giàu nghèo tăng lên, sự chênh lệch trong đời sống giữa các vùng ngày càng rộng, đói nghèo ở vùng cao còn lớn. Những vấn đề trên đã tác động đến tâm tư, tình cảm trong nội bộ nông dân, xuất hiện những tâm trạng lo lắng trong một bộ phận nhân dân nhất là khu vực kinh tế kém phát triển.

Một số nguyện vọng chung của nông dân: Đề nghị Nhà nước cho người nghèo vay lượng tiền lớn hơn, thời gian dài hơn, lãi suất thấp hơn; tập trung đầu tư cho nông thôn miền núi có trọng tâm trọng điểm. Có chính sách bảo trợ giá nông, lâm sản hàng hóa, giảm giá xăng dầu, điện, vật tư phân bón, công nghệ phẩm phù hợp với giá thu mua, lâm sản của Nhà nước. Nỗi lo phổ biến là (chủ yếu đồng bào vùng thấp) không có tiền cho con em học lên cao, học xong không tìm được việc làm. Cơ sở vật chất của các trường học ở vùng cao, vùng xa còn quá thiếu thốn, đang thiếu nhiều giáo viên.

b) Cán bộ hưu trí và những người có công với cách mạng:

Trong những năm qua Đảng và Nhà nước tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn, ban hành Pháp lệnh người có công với cách mạng, tuyên dương Bà mẹ Việt Nam anh hùng... là những sự kiện tạo niềm phấn khởi trong nhân dân nhất là trong cán bộ cách mạng lão thành, những đối tượng có công lao với cách mạng. Trong cán bộ hưu trí (có trình độ trung - cao cấp) số đông là những người có bản lĩnh chính trị vững vàng vừa có trách nhiệm với vận mệnh của Tổ quốc, quan tâm đến sự phát triển của đất nước, vừa thể hiện sự bất bình với các tệ nạn xã hội như: tham nhũng, buôn lậu, làm ăn trù trệ kéo dài của nhiều doanh nghiệp nhà nước. Mong muốn của họ là Đảng, Nhà nước phải nghiêm trị những kẻ tham nhũng, buôn lậu, lập lại kỷ cương, công bằng xã hội. Một số có tâm trạng so sánh giữa các thế hệ lãnh đạo thấy mình

quá thiệt thòi, mong muốn Đảng, Nhà nước nên có sự điều chỉnh để đỡ thiệt thòi hơn.

c) Thanh niên:

Mối quan tâm hàng đầu của thanh niên là việc làm. Sự phát triển của nền kinh tế thị trường trong những năm qua đã tạo thêm nhiều cơ hội tìm kiếm công ăn việc làm cho thanh niên. Song, cơ chế thị trường cũng tác động tiêu cực đến một bộ phận thanh niên thể hiện ít quan tâm đến chính trị, rèn luyện đạo đức, đến nguy cơ “diễn biến hòa bình”, giữ gìn bản sắc văn hóa, dân tộc, có xu hướng chạy theo lối sống thực dụng, sùng bái đồng tiền, thiếu lành mạnh. Một số thanh niên thị xã, thị trấn thiếu tính năng động tìm việc làm, còn có tư tưởng ỷ lại, thích thoát ly. Ở nông thôn nhất là vùng sâu, vùng xa, thanh niên không muốn đi học, thích ở nhà làm ăn xây dựng gia đình sớm, sống an phận thủ thường.

d) Đối với công nhân, viên chức nhà nước:

Đây là những người làm công ăn lương trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, đoàn thể, các doanh nghiệp nhà nước, đa số tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nhưng họ cũng rất băn khoăn, lo lắng về một số chính sách của Đảng và Nhà nước chưa hợp lý, chưa đồng bộ, còn nhiều mặt sơ hở để gây ra tệ tham nhũng, lãng phí, buôn lậu vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, việc điều hành quản lý của Nhà nước chưa được sâu sát, chưa tập trung vào các mũi nhọn để phát triển kinh tế - xã hội của khu vực miền núi. Việc làm không ổn định, thu nhập thấp, về sự phân hóa giàu nghèo ngày càng tăng, về giá cả tăng, làm cho đời sống cán bộ đã khó khăn càng khó khăn thêm. Nhìn chung đội ngũ công nhân, viên chức nhà nước có thu nhập ổn định nhưng lương thấp (trừ diện cán bộ lãnh đạo) nên cuộc sống còn rất nhiều khó khăn nhất là gia đình đông con.

đ) Lực lượng vũ trang:

Đại bộ phận cán bộ, đảng viên, sĩ quan, chiến sĩ trong quân đội yên tâm công tác, xác định phục vụ quân đội lâu dài có bản lĩnh chính trị vững vàng, phấn khởi tin tưởng và hăng hái thực hiện đường lối

của Đảng. Có tinh thần chiến đấu cao sẵn sàng hy sinh để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Song bên cạnh đó vẫn tồn tại những khó khăn lớn có tác động trực tiếp đến công tác tư tưởng như tình trạng tham nhũng, buôn lậu, các tệ nạn xã hội ngày càng tăng. Việc thực hiện một số chính sách xã hội chưa thực công bằng (nhất là việc cấp đất), tình trạng phân hóa giàu nghèo ngày càng lớn, một số ít cán bộ có chức, có quyền, giàu lên nhanh chóng. Một số cán bộ quân đội, lực lượng vũ trang đưa vợ con và gia đình lên cư trú tại Lào Cai chưa tìm được việc làm ổn định, đời sống có nhiều khó khăn nên có ảnh hưởng đến tư tưởng. Một số sĩ quan lớn tuổi không được đào tạo cơ bản lo lắng về vị trí công việc của mình.

C. NHỮNG KHUYẾT ĐIỂM TỒN TẠI

1. Tình hình thế giới có những diễn biến hết sức phức tạp và mau lẹ, trong nước thực hiện cơ chế thị trường cũng nảy sinh nhiều hiện tượng tiêu cực, các tệ nạn xã hội phát triển mạnh. Lào Cai là tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới, nhiều dân tộc, tình độ dân trí thấp, kinh tế - văn hóa còn nghèo nàn, lạc hậu, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Lợi dụng tình hình khó khăn đó các thế lực thù địch và phần tử xấu, cơ hội, đã lợi dụng tôn giáo phao tin đồn nhảm, gây hoang mang, chia rẽ trong nhân dân, ảnh hưởng đến lòng tin của một bộ phận nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta. Một số cán bộ, đảng viên, công nhân, viên chức, do quan điểm, lập trường không vững, nhận thức thấp nên đã có những biểu hiện bần khoản, lo lắng, cá biệt có người hoang mang, giảm sút lòng tin và ý chí chiến đấu, gây tâm lý xấu trong nhân dân. Công tác tuyên truyền ở cơ sở đặc biệt là tuyên truyền miệng trong các tầng lớp nhân dân, nhất là vùng cao, vùng dân trí thấp chưa được quan tâm đúng mức.

2. Thực hiện cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa nền kinh tế cả nước nói chung, tỉnh ta nói riêng đã có nhiều khởi sắc, sản xuất phát triển, hàng năm mức

tăng trưởng được nâng lên, đời sống của các tầng lớp dân cư có nhiều thay đổi khá hơn trước. Bên cạnh đó, mặt trái của cơ chế thị trường cũng tác động không nhỏ tới tư tưởng và hành động của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc với những mức độ khác nhau. Đã xuất hiện những nhận thức lệch lạc và những việc làm sai trái trong sản xuất, kinh doanh, lối sống, sinh hoạt, phẩm chất và đạo đức. Một số cán bộ, đảng viên, công nhân viên giảm sút đạo đức, xa rời lý tưởng, đi theo chủ nghĩa thực dụng, chạy theo đồng tiền, tham nhũng buôn lậu, làm ăn bất chính gây bất bình trong nhân dân.

Trong quan hệ hợp tác, làm ăn với nước ngoài là lĩnh vực hết sức mới mẻ, trong Đảng bộ đã sớm có những chủ trương phù hợp, xử lý tốt mối quan hệ giữ phát triển kinh tế - xã hội với việc giữ vững an ninh chính trị, an toàn biên giới, giữ vững nguyên tắc vừa hợp tác vừa đấu tranh, tăng cường tình hữu nghị với nước bạn. Song, cũng có những biểu hiện lệch lạc trong nhận thức và hành động của một số người như chạy theo lợi ích kinh tế, chưa quan tâm đúng mức đến vấn đề an ninh, quốc phòng, có trường hợp mất cảnh giác để cho một số người nước ngoài đi lại tự do, quan hệ với nhiều đối tượng khác nhau gây phức tạp về an ninh chính trị. Đã có những biểu hiện thiếu lành mạnh vi phạm thuần phong mỹ tục của đồng bào dân tộc ít người, phương hại đến bản sắc văn hóa dân tộc.

3. Thực hiện quyền dân chủ của nhân dân đã có nhiều chuyển biến tích cực. Những chủ trương lớn của tỉnh, huyện, thị có liên quan đến đời sống của nhân dân đều lấy ý kiến tham gia của nhân dân, cán bộ khoa học, cán bộ cách mạng lão thành, cán bộ hưu trí có nhiều kinh nghiệm. Do trình độ dân trí còn thấp, năng lực của cán bộ, đảng viên không đồng đều, nhất là vùng đồng bào dân tộc ít người, vùng sâu vùng xa nên việc thực hiện quyền dân chủ đã có nhiều hạn chế. Một số cán bộ, đảng viên, nhân dân nhận thức vấn đề dân chủ chưa đúng nên đã có những suy nghĩ và hành động sai như dân chủ quá trớn, phát ngôn bừa bãi, thiếu trách nhiệm, dễ bị kẻ xấu kích động, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, Nhà nước và các tổ chức

đoàn thể, ở địa phương, đơn vị. Đã có những biểu hiện vô tổ chức, vô kỷ luật vi phạm kỷ luật của Đảng và luật pháp của Nhà nước, cá biệt có người đã lợi dụng mở rộng dân chủ để vu cáo, hạ uy tín của cán bộ, đảng viên do mâu thuẫn cá nhân với nhau.

4. Lào Cai là tỉnh nhiều dân tộc, sự phát triển giữa các vùng không đồng đều, nhất là bà con sống ở vùng sâu, vùng xa. Những năm gần đây bọn phản động và một số phần tử xấu lợi dụng tình hình khó khăn để hoạt động tuyên truyền đạo trái phép, kích động chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, gieo rắc nạn mê tín dị đoan, nghiện hút, xuyên tạc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, lung lạc lòng tin của nhân dân. Một số đồng bào nhẹ dạ, cả tin, thiếu vững vàng đã nghe theo lời chúng bỏ bàn thờ tổ tiên để thờ Chúa, theo đạo Tin Lành, đón rước linh mục trái phép, vận động nhân dân đóng góp xây dựng nhà thờ, nhà nguyện chưa được phép của chính quyền địa phương, thậm chí đã xuất hiện tà đạo quái gở.

Một số cán bộ, đảng viên và một số bộ phận nhân dân nhận thức mơ hồ về chính sách đoàn kết dân tộc và tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta, chưa thấy hết âm mưu thâm hiểm của kẻ thù thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” để chống lại Đảng và Nhà nước ta.

Những thiếu sót khuyết điểm trên có rất nhiều nguyên nhân. Nguyên nhân khách quan là do sự biến động quốc tế: Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, tình hình thế giới có nhiều biến động phức tạp đã tác động đến nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Sự chống phá của các thế lực thù địch, bọn cơ hội, phản động lợi dụng “đục nước béo cò” đã hoạt động ráo riết hòng thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” để phá hoại ta.

Về chủ quan do nhận thức của một số cán bộ, đảng viên và nhân dân còn mơ hồ, thiếu cảnh giác, quan điểm, lập trường không kiên định, thiếu lòng tin, quan liêu, xa rời dân, vi phạm nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng. Công tác tư tưởng cơ sở chưa được các cấp ủy quan tâm đúng mức. Việc nắm dư luận xã hội còn coi nhẹ, giải quyết các đơn thư khiếu kiện của dân kịp thời. Hoạt động của các cơ quan

thông tin đại chúng chưa thật nhịp nhàng, kịp thời, chất lượng hiệu quả chưa cao.

II. MỘT SỐ KINH NGHIỆM

Thông qua thực tiễn trong 6 năm qua (1-10-1991 đến nay), nhất là từ khi có Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị (khóa VII) công tác tư tưởng của Đảng bộ Lào Cai có nhiều chuyển biến tích cực. Đảng bộ đã xác định công tác tư tưởng là mặt trận hàng đầu, là một bộ phận rất quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, có ý nghĩa yên dân để tăng cường và củng cố thể trận lòng dân, thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ biên cương Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Công tác tư tưởng đã góp phần xứng đáng, là khâu đột phá làm thay đổi, nâng cao nhận thức và hành động cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc. Qua thực tế, có thể nêu ra một số kinh nghiệm chủ yếu sau:

1- Công tác tư tưởng - văn hóa phải luôn luôn đứng vững trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, thực hiện những định hướng lớn, những quan điểm cơ bản của đường lối đổi mới từ Đại hội Đảng VI đến nay và các nghị quyết của Trung ương. Quán triệt tinh thần đó Tỉnh ủy, các cấp ủy đã cụ thể hóa đường lối của Đảng thành những chủ trương, biện pháp thiết thực phù hợp với tình hình và đặc điểm của địa phương, đơn vị. Do đó, đã nâng cao được tính chiến đấu, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, tạo nên sự thống nhất cao trong Đảng và trong nhân dân các dân tộc, phong trào các mạng sôi nổi trong quần chúng, làm cho kinh tế - xã hội của tỉnh tăng trưởng đều, tương đối vững chắc, từng bước phấn đấu đưa vùng sâu, vùng xa thoát khỏi cảnh nghèo nàn, lạc hậu.

Nâng cao tinh thần cảnh giác chống mọi âm mưu “diễn biến hòa bình” chống lại mọi biểu hiện dao động, lệch lạc, chia rẽ, bè phái, gây

mất đoàn kết trong nhân dân, chống mọi âm mưu phá hoại của các thế lực thù địch, các phần tử xấu, cơ hội để bảo vệ Đảng, Nhà nước, bản làng.

2- Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, công tác tư tưởng - văn hóa đã có nhiều hình thức phong phú, nội dung sinh động, đa dạng, phù hợp với trình độ của từng đối tượng cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc. Công tác tư tưởng - văn hóa đã kết hợp chặt chẽ giáo dục chính trị, đạo đức, nhân cách, lối sống và kiến thức phù hợp với tình hình mới; kết hợp giáo dục tinh thần yêu nước với lý tưởng cách mạng xã hội chủ nghĩa, luôn luôn giữ vững thế chủ động, coi trọng tổng kết điển hình, nêu gương người tốt, việc tốt, đấu tranh chống các biểu hiện tiêu cực, xây dựng lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta, trực tiếp là Đảng bộ và chính quyền cơ sở.

Thông qua giao ban tư tưởng hằng tháng và đi cơ sở, Ban Tuyên giáo các cấp đã nắm chắc tình hình diễn biến tư tưởng, kịp thời đề xuất với cấp ủy có biện pháp thực hiện công tác tư tưởng ở cơ sở, giúp cấp ủy chỉ đạo công tác giáo dục tư tưởng chính trị trong Đảng bộ, chủ động dự báo tình hình tư tưởng phát sinh và hướng giải quyết.

Công tác tư tưởng - văn hóa đã làm tốt cả ba chức năng: Tham mưu, chỉ đạo tác chiến và kiểm tra. Đã coi trọng việc đưa thông tin về cơ sở, lắng nghe ý kiến phản ánh của cơ sở đề xuất với cấp ủy cho các chủ trương, biện pháp giải quyết, đáp ứng yêu cầu của cơ sở. Hằng tháng tổ chức bồi dưỡng đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên và đội ngũ giảng viên kiêm chức đều đặn. Luôn luôn đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền, giáo dục và cung cấp thông tin về những chủ trương, chính sách, pháp luật mới, hằng tháng, hằng quý định hướng tuyên truyền cho các phương tiện thông tin đại chúng làm tốt công tác tuyên truyền giáo dục trong nhân dân.

3- Đảng bộ đã coi trọng phương hướng toàn Đảng làm công tác tư tưởng. Các cấp ủy, trước hết là đồng chí Bí thư, Phó Bí thư cấp ủy đã trực tiếp làm công tác tư tưởng, là những báo cáo viên, giảng viên kiêm chức. Cần có sự kết hợp chặt chẽ giữa các đoàn thể quần chúng,

các tổ chức kinh tế, xã hội, các trường học, các binh chủng làm công tác tư tưởng và các ngành có liên quan đến công tác tư tưởng - văn hóa phải bám chắc vào định hướng hoạt động công tác tư tưởng mà cấp ủy đã đề ra. Thủ trưởng các cơ quan, đoàn thể, ban, ngành phải chịu trách nhiệm chính trong công tác giáo dục tư tưởng - văn hóa cho địa phương, đơn vị, ngành mình lãnh đạo, quản lý.

4- Những năm qua, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã quan tâm đến xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng - văn hóa trong tỉnh cả về bản lĩnh, phẩm chất đạo đức, thường xuyên báo cáo với cấp ủy về đội ngũ cán bộ Tuyên giáo, Trung tâm Chính trị huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc với Thường trực Tỉnh ủy nhất là thông qua các kỳ Đại hội để tăng cường củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng ở các cấp. Nhìn chung đội ngũ làm công tác tư tưởng - văn hóa của tỉnh ta cơ bản là tốt, có năng lực, phẩm chất đạo đức, song có một số anh chị em trình độ bất cập, thành phần dân tộc ít người còn quá ít, chính sách đãi ngộ chưa được thỏa đáng nhất là đội ngũ giảng dạy ở các Trung tâm chính sách đãi ngộ chưa được thỏa đáng nhất là đội ngũ giảng dạy ở các Trung tâm Chính trị huyện, thị và những người trực tiếp làm báo cáo viên và giảng viên gần như chuyên nghiệp chưa được hưởng các chế độ những người giáo viên.

III. NHIỆM VỤ VÀ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU NĂM 1998 ĐẾN NĂM 2000

Xuất phát từ tình hình thực tế của Đảng bộ Lào Cai trong thời kỳ phát triển mới, công tác tư tưởng - văn hóa trong thời gian tới phải đạt được các yêu cầu sau:

- Tăng cường hơn nữa sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân, quán triệt nhiệm vụ, mục tiêu và những quan điểm tư tưởng chỉ đạo và các giải pháp, chính sách trong thời kỳ mới, xây dựng được khí thế cách mạng sôi nổi trong quần chúng, phấn đấu thực hiện từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa

trong công nghiệp, nông thôn, vùng sâu, vùng xa, thực hiện xóa đói, giảm nghèo, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

- Thông qua thực tiễn, góp phần cụ thể hóa và phát triển đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với tình hình đặc điểm của tỉnh vùng cao, biên giới, có nhiều dân tộc anh em. Khẳng định con đường đi lên xã hội chủ nghĩa và bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

- Phát huy truyền thống nền văn hóa dân tộc, xây dựng nếp sống mới trong từng gia đình, thôn, bản. Nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất và năng lực cho đội ngũ cán bộ, đảng viên để hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đơn vị, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ do Đại hội Đảng VIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đã đề ra.

- Phải thường xuyên coi trọng công tác tư tưởng - văn hóa, giữ vững và tăng cường hơn nữa trận địa tư tưởng chủ nghĩa, làm thất bại mọi âm mưu hành động của các thế lực thù địch thực hiện “diễn biến hòa bình” để chống lại Đảng, Nhà nước và nhân dân ta, đặc biệt phải coi trọng những nơi trọng yếu, những nơi cơ sở, chính trị còn mỏng. Để đạt được những yêu cầu trên công tác tư tưởng - văn hóa cần nắm vững và thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục sâu rộng trong Đảng và trong nhân dân quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội Đảng VIII và các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy và các nghị quyết của cấp ủy cơ sở, trên cơ sở đó mà nâng cao lòng tin vào đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong giai đoạn cách mạng mới. Xây dựng chương trình hành động phù hợp với thực tiễn ở cơ sở, từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân. Làm tốt công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Tăng cường khối đoàn kết các dân tộc, xây dựng Đảng và chính quyền trong

sạch, vững mạnh, kiên quyết chống các tệ nạn xã hội, chống tham nhũng, lãng phí, buôn lậu, lợi dụng chức quyền, ức hiếp nhân dân, vi phạm quyền làm chủ của dân.

2- Làm cho mọi người hiểu rõ mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động cách mạng của Đảng và của toàn xã hội. Nắm vững đường lối đổi mới của Đảng, kiên định xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta dưới sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam, thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

3- Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng, xây dựng lối sống lành mạnh, đấu tranh đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực và các tệ nạn xã hội, tăng cường giáo dục truyền thống yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, ý thức độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, giữ gìn và phát triển nền văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu thêm nền văn hóa Việt Nam. Biểu dương và động viên kịp thời người tốt việc tốt, xây dựng điển hình tiên tiến và điển hình ra diện rộng để phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh ta.

4- Nâng cao ý thức cảnh giác, chống lại âm mưu “diễn biến hòa bình”, reo rắc mê tín dị đoan, tuyên truyền đạo trái phép, kích động chia rẽ đoàn kết dân tộc, lợi dụng dân chủ và nhân quyền để vu khống, hạ thấp uy tín cán bộ, đảng viên của các thế lực thù địch. Phải làm cho mọi người nhận rõ tính chất gay gắt, quyết liệt, những thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt của kẻ thù hoạt động chống phá ta trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, bảo vệ chính trị nội bộ, làm tốt phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, bảo vệ thành quả của cách mạng, biến nghị quyết của Đảng thành hành động cách mạng của quần chúng, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội Đảng VIII đã đề ra.

5- Đẩy mạnh công tác giáo dục lý luận chính trị cho mọi đối tượng trong xã hội, thực hiện phổ cập lý luận phổ thông cho toàn Đảng, toàn

dân và toàn quân để nâng cao giác ngộ chính trị tạo cơ sở lòng tin vững chắc có căn cứ khoa học vào mục tiêu lý tưởng của Đảng và Nhà nước trong sự nghiệp đổi mới của cách mạng Việt Nam. Đồng thời phải làm tốt công tác thông tin nội bộ, đưa thông tin về cơ sở phục vụ kịp thời những yêu cầu của nhân dân trong sản xuất, đời sống, trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể quần chúng vững mạnh. Công tác tư tưởng phải lắng nghe ý kiến và nguyện vọng của dân, đề xuất với cấp ủy những giải pháp thiết thực để giúp dân giải quyết các vướng mắc trong tư tưởng, phát huy ưu điểm và kịp thời hạn chế và khắc phục các thiếu sót khuyết điểm tạo nên cao trào cách mạng trong quần chúng, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ mà Đảng và Nhà nước đề ra, phấn đấu đưa Lào Cai tiến lên những bước vững chắc, trở thành tỉnh giàu mạnh, xứng đáng với sự quan tâm của Trung ương và nhân dân cả nước.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 23-BC/TU, ngày 15-12-1997

Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) về nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân và chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết 4 (khóa VII) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết Trung ương. Để đánh giá đầy đủ việc tổ chức thực hiện nghị quyết của Trung ương và chương trình hành động của tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ kiểm điểm một số nội dung cơ bản sau:

Phần một

NHIỆM VỤ CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ SỨC KHỎE NHÂN DÂN

I. NHỮNG VIỆC ĐÃ LÀM, KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Nhận thức rõ sức khỏe là vốn quý nhất của con người và của toàn xã hội, là nhân tố quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Tỉnh ủy Lào Cai đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo các ngành, các cấp tuyên truyền tinh thần Nghị quyết 4 Ban Chấp hành

Trung ương (khóa VII) và chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cho cán bộ và nhân dân, đã tạo được nhận thức mới cho cán bộ, đảng viên theo 5 quan điểm chỉ đạo nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân của Đảng. Nhờ đó tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc chỉ đạo nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân những năm qua có sự chuyển biến tốt hơn. Từ tỉnh đến huyện, thị và các cơ sở xã, phường đã xây dựng chương trình hành động cụ thể, thiết thực thường xuyên phối hợp chặt chẽ với ngành y tế triển khai có kết quả nhiều mục tiêu chương trình chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh.

2. Tỉnh ủy đã xây dựng chương trình hành động, các huyện, thị ủy và nhiều Đảng bộ cơ sở đã có nghị quyết chuyên đề hoặc chương trình hành động chỉ rõ phương hướng nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân từ năm 1993 đến năm 2000. Căn cứ vào đặc điểm của một tỉnh miền núi vùng cao chương trình hành động của cấp ủy các cấp đã nhấn mạnh tập trung vào thực hiện các mục tiêu cụ thể là: "Khống chế đẩy lùi có hiệu quả các bệnh sốt rét, bướu cổ, các bệnh nhiễm trùng, nhiễm khuẩn. Nâng cao hơn nữa chất lượng khám, chữa bệnh và khả năng phòng, chống dịch, bệnh trong nhân dân, không để xảy ra dịch lớn và tỷ lệ tử vong cao".

- Trong điều hành tổ chức thực hiện chính quyền các cấp và các tổ chức đoàn thể nhìn chung đã có sự quan tâm đến công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, các chỉ tiêu kế hoạch về phát triển sự nghiệp y tế và các lĩnh vực kinh tế - xã hội liên quan đến đời sống sức khỏe nhân dân được quan tâm đầu tư cân đối các yếu tố nhân tài, vật lực bảo đảm tính khả thi.

- 5 năm qua đầu tư tài chính từ nhiều nguồn cho phát triển sự nghiệp y tế hằng năm tăng lên đáng kể, chưa kể đầu tư của Mỏ apatít, tổng nguồn tài chính đầu tư cho công tác y tế như sau:

+ Năm 1993: Trên 12 tỷ đồng.

+ Năm 1994: 22,5 tỷ đồng.

+ Năm 1995: Gần 27 tỷ đồng.

+ Năm 1996: Trên 50 tỷ đồng.

+ Năm 1997: Ước tính 43 tỷ (do giảm nguồn tài trợ quốc tế so với năm 1996) bình quân hàng năm tăng trên 30%.

- Đồng thời với việc tăng cường đầu tư ngân sách nhà nước, 5 năm qua toàn tỉnh đã tranh thủ thu hút được hàng chục dự án tài trợ quốc tế đầu tư cho sự nghiệp chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Các dự án đều thực hiện đạt kết quả tốt, đặc biệt là dự án chăm sóc sức khỏe ban đầu do Hội Chữ thập đỏ Đan Mạch tài trợ triển khai trên 4 xã ở 3 huyện Bát Xát, Than Uyên, Mường Khương, đã mang lại hiệu quả trên cả hai mặt kinh tế và xã hội. Mục tiêu của dự án là tạo ra các điều kiện tại chỗ để nhân dân tự tham gia vào quá trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng và ở từng gia đình. Hiện nay dự án đang được mở rộng một số xã, huyện mới.

- Trong đầu tư cho sự nghiệp y tế đã có sự quan tâm cho tuyến cơ sở, nên đến nay cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ y tế xã, phường so với năm 1993 đã tăng lên đáng kể, 5 năm đã xây mới 73 trạm xá xã phường, có 137/158 trạm xá xây dựng kiên cố.

3. Sự nghiệp y tế được thường xuyên chăm lo phát triển, mạng lưới y tế đã phủ rộng khắp các xã, phường và nhiều thôn, bản. Từ năm 1993 đã có 100% xã, phường có dịch vụ y tế hoạt động. Đến nay có 158/180 cơ sở có trạm xá. Toàn tỉnh có 12 bệnh viện đa khoa, 32 phòng khám khu vực với tổng số 1.358 giường bệnh. Trong 5 năm qua 1993-1997 đã đầu tư xây dựng lại 6 bệnh viện là Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát, Than Uyên, Bảo Thắng và Bệnh viện tỉnh.

- Cùng với việc xây dựng bệnh viện, trạm xá, ngành y tế đã được đầu tư trang thiết bị phục vụ cho yêu cầu nâng cao chất lượng khám và điều trị theo hướng đi thẳng vào công nghệ hiện đại, cụ thể là đã được trang bị 7 máy X quang cao tần thế hệ mới, 5 máy siêu âm chuẩn đoán, các máy móc hiện đại khác như máy gây mê giúp thở, máy điện tim, máy xét nghiệm và nhiều bộ dụng cụ, phương tiện cấp cứu, phẫu thuật. Đến nay nhiều bệnh viện đã khắc phục cơ bản tình trạng xuống

cấp, cơ sở vật chất, trang thiết bị được đổi mới, công tác quản lý, sử dụng đang đi vào nền nếp khoa học, nâng cao tính hiệu quả.

- Đội ngũ thầy thuốc phát triển nhanh về số lượng, đặc biệt là tuyến cơ sở và đang được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng. Năm 1993 toàn tỉnh có 1.371 cán bộ y tế, năm 1997 tăng lên 2045. Mạng lưới cán bộ y tế ở tuyến cơ sở được tăng cường, đến nay có 564 cán bộ y tế xã, 369 cán bộ y tế thôn, bản. Công tác đào tạo cán bộ y tế tuyến cơ sở đã được quan tâm bằng nhiều hình thức phù hợp với thực tế Lào Cai, nên trong 5 năm đã có 1.052 người được đào tạo các chương trình chuyên môn y tế thôn, bản vùng cao, vùng xa có cán bộ y tế hoạt động. Nhìn chung tinh thần phục vụ của đội ngũ thầy thuốc Lào Cai có nhiều tiến bộ, các hiện tượng tiêu cực, gây sách nhiễu phiền hà bệnh nhân đã được đấu tranh phê phán loại bỏ dần, nhiều thầy thuốc đã thực hiện được lời dạy của Bác Hồ “Lương y như từ mẫu”.

- Mạng lưới dịch vụ thuốc chữa bệnh đã được mở rộng trên địa bàn toàn tỉnh, nhiều khu vực vùng cao đã duy trì hiệu thuốc. Ngoài hệ thống cửa hàng dược của Nhà nước, tỉnh còn cho phép mở các hiệu thuốc tư nhân (đông y và tây y) hoạt động dịch vụ thuốc do nhân dân, nên nhiều nơi thuốc chữa bệnh đã đến dân với giá cả thống nhất. Đối với đồng bào vùng cao, vùng xa sau khi Chính phủ xóa bỏ chế độ cấp thuốc, tỉnh đã chi ngân sách tiếp tục duy trì chế độ cấp thuốc cho đồng bào, nhờ đó đồng bào vùng cao có điều kiện điều trị một số bệnh thông thường tại xã, tại nhà. Có thể khẳng định việc cấp thuốc không thu tiền cho nhân dân vùng cao là một chính sách phù hợp với thực tế đời sống đồng bào vùng cao, là điều kiện cần thiết để tăng cường củng cố, phát triển tuyến y tế cơ sở ở các xã vùng cao, là một việc trong nhiều việc cần làm để thực hiện công bằng xã hội.

- Ban Chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân tỉnh và các huyện, thị được thành lập đóng vai trò chỉ đạo điều phối hoạt động của các ngành thực hiện các chương trình mục tiêu chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân ngày càng hiệu quả hơn. Ngành y tế từ tỉnh đến cơ

sở giữ vai trò nòng cốt, đã có nhiều cố gắng phối hợp với cách ngành, các đoàn thể tham mưu cho cấp ủy chính quyền các cấp xây dựng các định hướng, các chương trình kế hoạch chăm sóc sức khỏe nhân dân, đồng thời có vai trò chủ lực thực hiện có kết quả nhiều chương trình y tế cấp quốc gia, cấp ngành như: Phòng, chống bướu cổ, phòng, chống sốt rét, tiêm chủng mở rộng, củng cố mạng lưới y tế cơ sở, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, v.v.. Những kết quả trên của các chương trình y tế đã góp phần thiết thực vào mục tiêu nâng cao đời sống sức khỏe cho nhân dân.

4. Cùng với việc chăm lo phát triển sự nghiệp y tế, phong trào toàn dân tham gia chăm sóc và bảo vệ sức khỏe được phát triển trong các tầng lớp nhân dân như: Phong trào giúp nhau làm kinh tế xóa đói, giảm nghèo; phòng, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em; phong trào toàn dân tham gia bảo vệ môi trường, phong trào vệ sinh phòng bệnh; phong trào rèn luyện thân thể nâng cao sức khỏe; phong trào xây dựng mối sống văn hóa, bài trừ các tệ nạn xã hội; sinh đẻ có kế hoạch và kế hoạch hóa gia đình, v.v.. Nhiều xã, phường, thôn, bản đã thực hiện các phong trào đạt kết quả thiết thực góp phần quan trọng vào thực hiện mục tiêu giảm bệnh tật, cải thiện đời sống sức khỏe nhân dân. Hằng năm nhân dân còn đóng góp hàng ngàn ngày công tu sửa, xây dựng các cơ sở y tế vận chuyển thuốc và các phương tiện phục vụ các chiến dịch tiêm chủng mở rộng, phòng, chống dịch bệnh.

- Hàng chục vạn người đã mua bảo hiểm y tế, đóng góp viện phí giảm dần sự bao cấp của Nhà nước, góp phần tăng nguồn lực phục vụ cho chương trình chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân ngày càng tốt hơn.

- Để thực hiện chính sách công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe, tỉnh đã thực hiện cấp thuốc cho đồng bào vùng cao, miễn viện phí cho người nghèo, cho vùng sâu, vùng xa, 2.652 người thuộc diện chính sách được ngành Thương binh xã hội mua bảo hiểm y tế.

5. Do sự cố gắng của toàn Đảng, toàn dân triển khai thực hiện công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân theo tinh thần Nghị

quyết 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII), nên nhìn chung đời sống sức khỏe nhân dân được cải thiện một bước, đặc biệt là trẻ em, hàng năm trên 90% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm đủ 6 loại vắc xin, 97% trẻ em dưới 5 tuổi uống đủ 2 liều vaccin phòng bại liệt, hàng vạn trẻ em được uống vitamin A phòng, chống khô mắt. Nhờ những kết quả trên các bệnh nguy hiểm trẻ em hay mắc đã giảm hẳn không xảy ra thành dịch. Các bệnh có nguy cơ mắc cao như bướu cổ, sốt rét, các bệnh nhiễm khuẩn, v.v. được đặc biệt quan tâm dự phòng và điều trị tích cực, 100% dân số Lào Cai đã được dùng muối iốt, tỷ lệ bướu cổ giảm 4% năm, bệnh sốt rét khống chế không để xảy ra dịch, giảm tử vong. Con số trẻ em suy dinh dưỡng hàng năm giảm từ 3-5%. Tóm lại 5 năm qua Lào Cai đã thực hiện được một bước quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu chương trình hành động Tỉnh ủy đã đề ra: Đã khống chế đẩy lùi có hiệu quả các bệnh sốt rét, bướu cổ, các bệnh nhiễm trùng, nhiễm khuẩn, nâng cao một bước chất lượng khám chữa bệnh và khả năng phòng, chống dịch bệnh trong nhân dân không để xảy ra dịch lớn và tỷ lệ tử vong cao.

II. NHỮNG YẾU KÉM TỒN TẠI

Trong 5 năm 1993 - 1997 sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân ở Lào Cai đạt được nhiều kết quả, song vẫn còn tồn tại một số yếu kém cơ bản sau đây:

1. Một số cấp ủy chính quyền và các đoàn thể nhất là ở tuyến cơ sở chưa thường xuyên coi trọng đúng mức việc chỉ đạo công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân theo quan điểm, phương hướng đổi mới của Đảng, còn quan niệm công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân chỉ là hoạt động y tế và của các ngành y tế, nên thiếu tích cực phát động và tổ chức các phong trào toàn dân tham gia chăm sóc và bảo vệ sức khỏe, nhiều việc còn ỷ lại trông chờ vào ngân sách nhà nước. Chưa thường xuyên quán triệt và thực hiện tốt phương châm "Phòng bệnh là chính" nên bị động khi dịch bệnh xảy ra.

2. Việc duy động các nguồn lực đầu tư cho sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân hằng năm có tăng lên đáng kể, nhưng mới ở mức ổn định, không phát sinh dịch bệnh lớn, chưa đủ để đáp ứng những nhu cầu cần thiết cho sự phát triển về chất sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

3. Vai trò nòng cốt của ngành y tế còn nhiều mặt yếu, tuyến y tế cơ sở một số nơi yếu kém dài chậm khắc phục, chất lượng đội ngũ thầy thuốc còn thấp, thiếu các chuyên gia y tế giỏi, kết hợp đông - tây y còn yếu, chưa chú ý khai thác các thế mạnh của Lào Cai về đông y, về dược liệu, chưa triển khai đồng bộ và toàn diện các giải pháp phòng bệnh nân cao sức khỏe trong dân. Công tác quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị, quản lý điều hành các chương trình còn nhiều mặt hạn chế, chưa thường xuyên lồng ghép các chương trình y tế với các chương trình kinh tế - xã hội, nên chưa tạo nên sức mạnh tổng hợp, hiệu quả số chương trình chưa cao.

4. Các hoạt động xã hội hóa công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân chưa được phát động và tổ chức sâu rộng, một số phong trào có tính nhất thời, chưa phát huy được đông đảo nhân dân tham gia, kết quả còn hạn chế.

5. Việc thực hiện chính sách công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe nhân dân ở Lào Cai một tỉnh vùng cao nhiều dân tộc đang đặt ra nhiều việc bức xúc, nhưng chậm được khắc phục, còn có sự chênh lệch lớn về quyền hưởng thụ chăm sóc y tế giữa vùng thấp và vùng cao, giữa thành thị và nông thôn.

6. Thực trạng đời sống sức khỏe nhân dân đã có cải thiện một bước, nhưng một số dịch bệnh gây tác hại đến sức khỏe, đặc biệt là trẻ em đang tiềm ẩn ở nhiều địa bàn dân cư, nhất là vùng cao, trong khi đó khả năng điều kiện giải quyết căn bản các dịch bệnh còn nhiều khó khăn, nên số người mắc sốt rét, bấu cổ, suy dinh dưỡng, v.v. có giảm nhưng vẫn còn cao.

NHỮNG YẾU KÉM TRÊN LÀ DO CÁC NGUYÊN NHÂN KHÁCH QUAN VÀ CHỦ QUAN SAU ĐÂY

1. Là một tỉnh vùng cao, kinh tế chậm phát triển, trình độ dân trí thấp, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn thiếu thốn, khả năng đầu tư của Nhà nước còn có hạn, các yếu tố khí hậu, môi trường không thuận lợi tác động xấu đến sức khỏe nhân dân.

2. Sự quan tâm chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và đoàn thể các cấp có nơi, có lúc còn coi nhẹ, thiếu cụ thể, sâu sát nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân theo quan điểm phương hướng đổi mới của Đảng.

3. Ở một số lĩnh vực, ngành y tế chưa thực hiện được đầy đủ vai trò nòng cốt, chủ lực trong nhiệm vụ chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân, nhất là ở tuyến cơ sở.

4. Một bộ phận nhân dân chưa có ý thức tự giác cao trong việc tham gia vào các hoạt động toàn dân chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.

III. MỤC TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH CÔNG TÁC CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ SỨC KHỎE NHÂN DÂN TRONG NHỮNG NĂM TỚI

Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện các quan điểm phương hướng nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân theo tinh thần Nghị quyết 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII), Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII và chương trình hành động của Tỉnh ủy tập trung vào các vấn đề sau đây:

1. Mục tiêu tổng quát là: Giảm tỷ lệ mắc bệnh, nâng cao thể lực, tăng tuổi thọ làm cho nòi giống ngày càng tốt hơn.

2. Phương hướng mục tiêu cụ thể ở Lào Cai

- Từng bước khắc phục cơ bản các bệnh nhiễm trùng và ký sinh trùng, khống chế và giảm tỷ lệ mắc bệnh sốt rét, bướu cổ, các bệnh suy dinh dưỡng, chống lao, phong, hoa liễu, v.v. chủ động phòng, chống

dịch bệnh, phòng, chống AIDS, ung thư, tâm thần, cao huyết áp và các bệnh nghề nghiệp, chống tệ nạn xã hội, mại dâm, ma túy.

- Phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

- Thực hiện công bằng xã hội trong chăm sóc sức khỏe, có chính sách quan tâm đến đồng bào vùng cao, các gia đình chính sách và các hộ dân nghèo. Hạ tỷ lệ suy dinh dưỡng cho bà mẹ trẻ em, quan tâm phục hồi chức năng cho những người khuyết tật.

3. Các giải pháp lớn

- Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp đối với nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân, công tác chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân phải trở thành chương trình trọng tâm, thường xuyên trong hoạt động chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể quần chúng.

- Tích cực khai thác các nguồn lực đầu tư cho sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân, nguồn đầu tư ngân sách hàng năm phải tăng lên với một tỷ lệ thích đáng với yêu cầu nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Phát triển mạnh mẽ các hoạt động xã hội hóa công tác chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân, xây dựng và hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các ngành các chương trình y tế với các chương trình kinh tế - xã hội khác, nâng cao hiệu quả và tính vững chắc của các hoạt động xã hội hóa.

- Phát triển sự nghiệp y tế, quan tâm củng cố tuyến y tế cơ sở, đặc biệt là y tế thôn, bản để ngày càng làm tốt nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, nâng cao chất lượng các bệnh viện, xây dựng kế hoạch mở thêm bệnh viện ở một số khu vực vùng cao, tích cực phát triển y học dân tộc, cách chữa bệnh cổ truyền trong nhân dân. Đẩy mạnh các hoạt động y học dự phòng đa dạng hóa các hình thức chăm sóc sức khỏe nhân dân kể cả việc cho phép nước ngoài tham gia hoạt động chữa bệnh tại Lào Cai trên cơ sở luật pháp quy định. Mở

rộng bảo hiểm y tế trong các tầng lớp dân cư, làm tốt cuộc vận động tương trợ giúp đỡ người nghèo, các đối tượng chính sách trong khám chữa bệnh. Bảo đảm thường xuyên cung ứng đủ thuốc, thuận tiện và đúng giá quy định cho nhân dân, nhất là vùng sâu, vùng xa, nghiên cứu khoa học, cải tiến kỹ thuật nâng cao chất lượng các hoạt động y tế lên một bước mới. Đẩy mạnh hoạt động đào tạo cán bộ y tế, chú trọng đào tạo bác sĩ và trên đại học để đến năm 2000: 100% xã có y sĩ (hiện tại còn 78 xã chưa có y sĩ), 100% phường, 50% phòng khám đa khoa khu vực có bác sĩ. Sớm xúc tiến trường trung học y tế tỉnh. Thường xuyên quan tâm bồi dưỡng nâng cao ý thức cho cán bộ y tế để đội ngũ y tế Lào Cai phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Phần thứ hai

KIỂM ĐIỂM, ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH 5 NĂM 1993 -1997

I. NHỮNG VIỆC ĐÃ LÀM, KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Các quan điểm, phương hướng chỉ đạo công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình của Đảng, thể hiện trong Nghị quyết 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VII, Chỉ thị 50 của Ban Bí thư, Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII đã được phổ biến, quán triệt sâu rộng đến cán bộ, đảng viên, và một bộ phận đông đảo nhân dân. Đến nay nhìn chung đại bộ phận cán bộ, đảng viên có nhận thức đúng về công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, gương mẫu chấp hành, đồng thời tích cực vận động quần chúng cùng thực hiện. Cấp ủy các cấp đã có chương trình hành động chỉ rõ mục tiêu phân đấu từng năm và đến năm 2000. Nhiều đảng bộ cơ sở đã chỉ đạo sát sao, cụ thể công tác dân số, nên phong trào dân số - kế hoạch hóa gia đình ở nhiều cơ sở phát triển vững chắc, đạt kết quả, giảm nhanh được tỷ lệ tăng dân số đi liền với phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân.

2. Mục tiêu chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình đã được coi trọng trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, của huyện, thị và của nhiều cơ sở xã, phường, đã được cụ thể hóa bằng chỉ tiêu kế hoạch tháng, quý, năm của các cấp chính quyền, được cân đối ngân sách đúng theo các quy định chung của Nhà nước, được quan tâm huy động thêm nguồn lực từ cơ sở, từ nhân dân, nhờ đó nhiều huyện, thị, xã, phường hằng năm đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch điển hình là các huyện, thị, Bảo Yên, Bảo Thắng, Bắc Hà, thị xã Lào Cai, thị xã Cam Đường, v.v..

3. Hệ thống tổ chức, cán bộ làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình từ tỉnh đến các xã, phường được tăng cường về số lượng và chất lượng, có mạng lưới đến tận các thôn, bản. Ủy ban dân số các cấp được củng cố và hoàn thiện bộ máy và cơ chế hoạt động, các thành viên như y tế, giáo dục, tài chính, kế hoạch, phụ nữ, thanh niên, nông dân. v.v. có sự phối hợp hoạt động khá đều tay với ngành dân số đã tạo ra sức mạnh tổng hợp của các lực lượng xã hội tham gia vào chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình.

- Bộ phận thường trực của Ủy ban dân số - kế hoạch hóa gia đình tỉnh có một Phó Chủ nhiệm chuyên trách, 11 cán bộ, thành lập 3 phòng chuyên môn (Phòng Kế hoạch tài vụ chính sách, Phòng Giáo dục truyền thông, Phòng Dịch vụ kế hoạch hóa gia đình); 10 huyện, thị có 41 cán bộ dân số, 8/10 huyện, thị có Phó Chủ nhiệm chuyên trách. 100% xã, phường có từ 8 đến 10 cộng tác viên dân số làm nhiệm vụ tuyên truyền vận động phong trào quần chúng thực hiện dân số - kế hoạch hóa gia đình.

4. Đã thực hiện đúng cơ chế giao chỉ tiêu kế hoạch gắn với cân đối đủ kinh phí cho các huyện, thị, việc cấp kinh phí hằng tháng, hằng quý bảo đảm đủ, kịp thời tạo được tính chủ động cho các huyện, thị và cơ sở trong việc đáp ứng nguyện vọng của các đối tượng theo thời vụ, nên đã được nhân dân đồng tình và hưởng ứng. Ngoài kinh phí Trung ương, các cơ quan đoàn thể, các đơn vị xã, phường đã dành kinh phí hỗ trợ nhiều chị em khó khăn tình nguyện thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

5. Công tác tuyên truyền giáo dục dân số - kế hoạch hóa gia đình cho nhân dân được các cấp, các ngành quan tâm thường xuyên không chỉ ở vùng thấp mà đã vươn cao, nên phong trào kế hoạch hóa gia đình đang có sự chuyển dịch đến đông bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa. Đã huy động được nhiều lực lượng, nhiều phương tiện làm công tác giáo dục truyền thống dân số - kế hoạch hóa gia đình. Ngoài các kênh truyền thanh, truyền hình của Trung ương và địa phương, Ủy ban dân số các cấp đã phối hợp với các đoàn thể phụ nữ, thanh niên, nông dân và ngành y tế tuyên truyền trực tiếp đến đông đảo nhân dân qua hình thức mở ngày hội hạnh phúc, qua các câu lạc bộ của các hội quần chúng. Từ năm 1995 hoạt động truyền thống đã được kết hợp lồng ghép chặt chẽ với việc thực hiện dịch vụ sinh đẻ có kế hoạch nên đã mang lại hiệu quả thiết thực. Chương trình giáo dục dân số đã được quan tâm trong các nhà trường bằng các hình thức phù hợp với các đối tượng học sinh.

6. Hoạt động dịch vụ kế hoạch hóa gia đình được tăng cường một bước cả về cơ sở vật chất, trang thiết bị, cán bộ và mạng lưới. Trung tâm kế hoạch hóa gia đình tỉnh và các đội kế hoạch hóa gia đình huyện, thị thường xuyên lưu động xuống các xã, phường, tạo thuận lợi cho chị em thực hiện lồng ghép nhiệm vụ chăm sóc sức khỏe nhân dân với chương trình dân số. Nhiều trạm xá xã, phường đã có đủ điều kiện làm dịch vụ kế hoạch hóa, đến nay toàn tỉnh đã có 21 trung tâm kế hoạch hóa cấp xã và liên xã. Quan hệ hợp đồng trách nhiệm giữa ngành y tế và ngành dân số cơ bản thông suốt, những khó khăn vướng mắc đã được quan tâm giải quyết kịp thời.

7. Chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình đã được lồng gắn với các chính sách kinh tế - xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh đã có nghị quyết quy định cán bộ, đảng viên, viên chức nhà nước có từ 1 đến 2 con, quy định trên gắn với việc thực hiện các chính sách tăng lương, khen thưởng cá nhân, cơ quan đơn vị và danh hiệu đảng viên phấn đấu tốt, v.v.. Đối với nhân dân các dân tộc vùng thấp lấy mục tiêu cặp vợ chồng từ 1 đến 2 con, vùng cao có từ 1 đến 3 con làm mục tiêu phấn

đấu gắn với chương trình xóa đói, giảm nghèo, với danh hiệu gia đình văn hóa mới, v.v.. Nhiều cơ quan xí nghiệp xây dựng mô hình cơ quan không có người sinh con thứ ba gắn với khen thưởng, kỷ luật và chính sách tuyển dụng lao động.

8. Các cơ quan đoàn thể và các tổ chức xã hội ngày càng tham gia tích cực và chủ động vào thực hiện chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình, ngành y tế đã có nhiều cố gắng trong công tác truyền thông và dịch vụ kế hoạch hóa, ngành tài chính, kế hoạch hóa đã phối hợp huy động nguồn lực, kiểm tra giám sát việc sử dụng các nguồn kinh phí bảo đảm tính hiệu quả của ngân sách. Cách ngành văn hóa, phát thanh, truyền hình, báo chí hàng tháng đều có trang bài tuyên truyền về công tác dân số. Các ngành trong Khối Đoàn thể như Phụ nữ, Thanh niên, Nông dân, Mặt trận, Công đoàn, Cựu chiến binh, v.v. thường xuyên quan tâm chỉ đạo động viên thực hiện kế hoạch hóa gia đình, đã lồng ghép chương trình dân số với các chương trình của Hội thông qua các phong trào giúp nhau làm kinh tế giỏi, xây dựng gia đình văn hóa mới... các phong trào trên đã và đang mở rộng và kết quả tốt ở nhiều thôn, bản, xã, phường.

9. 5 năm 1993-1997 công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình ở Lào Cai đạt được một số kết quả quan trọng: Tỷ lệ các cặp vợ chồng thực hiện các biện pháp tránh thai từ 23% năm 1993 tăng lên 47% năm 1997. Tỷ suất sinh từ 41,31% năm 1993 giảm xuống còn 31% năm 1997. Tỷ lệ tăng dân số từ 3,66% năm 1993 giảm xuống còn 2,54% năm 1997. Như vậy hàng năm đã giảm được hàng ngàn trẻ em ra đời, tạo cho hàng ngàn gia đình và xã hội có điều kiện giảm bớt khó khăn, cải thiện đời sống kinh tế - văn hóa.

II. NHỮNG KHÓ KHĂN YẾU KÉM

1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình của cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể có nơi, có lúc chưa có sự quan tâm đúng mức, chưa nhận thức rõ mục tiêu dân số - kế hoạch hóa gia

đình có tầm quan trọng trong chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của cơ sở nên ít quan tâm kiểm tra đôn đốc công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình.

2. Năng lực quản lý, tổ chức thực hiện chương trình dân số của Ban Dân số - kế hoạch hóa gia đình cấp xã, phường còn yếu, có nơi sự phối kết hợp các thành viên trong ban chưa đồng bộ.

3. Hoạt động truyền thông giáo dục về dân số cho nhân dân có nơi làm chưa sâu rộng, chưa đủ sâu sắc để đẩy lùi những phong tục tập quán lạc hậu, những nhận thức sai của quần chúng về dân số - kế hoạch hóa. Mặt khác những quy định hành chính chưa có hiệu lực mạnh mẽ trong nhân dân, nên chưa tạo được môi trường pháp lý hỗ trợ cho cuộc vận động.

4. Hệ thống dịch vụ kế hoạch hóa gia đình tuy đã mở rộng và có nhiều cố gắng đáp ứng theo yêu cầu của các đối tượng có nhu cầu kế hoạch hóa, song có nơi, có lúc chưa thực hiện được yêu cầu thuận tiện, kịp thời, an toàn, nên đã làm hạn chế đến việc phát triển số lượng cặp vợ chồng áp dụng các biện pháp tránh thai.

5. Việc huy động nguồn lực ở địa phương và trong nhân dân đầu tư cho chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình còn ở mức thấp, chủ yếu dựa vào ngân sách Trung ương. Việc quản lý xây dựng cơ bản của Ủy ban dân số - kế hoạch hóa gia đình tỉnh còn có những thiếu sót, quản lý sử dụng các trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình hiệu quả thấp.

6. Tỷ số cặp vợ chồng thực hiện kế hoạch hóa gia đình hàng năm có tăng lên, nhưng mới đạt 47%, nhiều xã tỷ lệ đạt rất thấp 15- 20%, do vậy tỷ suất sinh và tỷ lệ tăng dân số ở Lào Cai còn cao so với tỷ lệ tăng dân số của cả nước, tốc độ tăng dân số ở Lào Cai vẫn đang mâu thuẫn gay gắt với tốc độ tăng trưởng kinh tế, làm cho việc cải thiện đời sống nhân dân, nhất là vùng cao, vùng nông thôn rất chậm, nhiều vấn đề xã hội khác như học hành, chữa bệnh, v.v. càng đặt ra gay gắt hơn.

NGUYÊN NHÂN CỦA NHỮNG MẶT YẾU KÉM

- Về khách quan: Trình độ dân trí thấp, còn nhiều phong tục, quan niệm lạc hậu chi phối việc sinh đẻ của dân.

- Về chủ quan: Chỉ đạo tổ chức thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình của các cấp, các ngành chưa đủ mạnh trên cả hai mặt tuyên truyền giáo dục và hoạt động dịch vụ, nên hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình ở một nơi còn trì trệ, kéo dài.

III. PHƯƠNG HƯỚNG MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH DÂN SỐ - KẾ HOẠCH HOÁ GIA ĐÌNH TỪ NAY ĐẾN NĂM 2000

1. Phương hướng: Mở rộng hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình đến các vùng dân cư, đặc biệt là vùng cao, vùng nông thôn, hạn chế tối đa mức tăng dân số, thực hiện quy mô gia đình ít con khỏe mạnh, cuộc sống ngày càng ấm no hạnh phúc.

2. Mục tiêu phấn đấu đến năm 2000

- + Giảm tỷ lệ sinh hàng năm 1%.
- + Tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên giảm xuống còn 22%.
- + Tỷ lệ cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ (15- 49) thực hiện các biện pháp tránh thai hiện đại đạt 60%.

3. Các giải pháp cơ bản

a) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền và đoàn thể các cấp đối với công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, kiên quyết khắc phục các biểu hiện coi nhẹ chỉ đạo công tác dân số.

b) củng cố nâng cao năng lực của hệ thống Ủy ban dân số các cấp trong việc điều hành quản lý chương trình dân số, gắn chỉ tiêu kế hoạch với định mức ngân sách tạo thế chủ động cho huyện và cơ sở. Tăng cường kiểm tra đôn đốc, giám sát chương trình. Bổ sung và ổn định lâu dài cán bộ làm công tác dân số. Thực hiện tốt việc lồng ghép chương trình dân số với các chương trình kinh tế - xã hội khác.

c) Nâng cao hiệu quả truyền thống giáo dục về dân số - kế hoạch hóa gia đình cho các tầng lớp xã hội. Chú ý hình thức tuyên truyền

trực tiếp và lồng ghép truyền thống với hoạt động dịch vụ kịp thời cho mọi nhu cầu kế hoạch hóa gia đình.

d) Huy động tốt hơn nguồn lực ở địa phương và của nhân dân vào hoạt động dân số - kế hoạch hóa gia đình. Khuyến khích mở rộng phong trào tương trợ gia đình khó khăn khi thực hiện kế hoạch hóa.

e) Mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ kế hoạch hóa gia đình, bảo đảm thuận lợi kịp thời, an toàn cho các đối tượng có nhu cầu, tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, lực lượng cán bộ cho các trung tâm dân số - kế hoạch hóa gia đình, đặc biệt là tuyến cơ sở.

g) Đẩy mạnh hoạt động xã hội hóa công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, các cơ quan, đoàn thể phải có chương trình cụ thể tham gia chỉ đạo công tác dân số ở cơ sở, đồng thời quản lý tốt hoạt động sinh đẻ có kế hoạch ở cơ quan đơn vị. Huy động mọi lực lượng xã hội thanh niên, phụ nữ, Mặt trận, già làng, trưởng bản vào công tác vận động kế hoạch hóa gia đình làm cho mô hình gia đình có từ 1 đến 2 con trở thành hiện thực ở mọi gia đình trong những năm tới.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 20-BC/TU, ngày 22-12-1997

Công tác nội chính năm 1997

Phần một

ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC NỘI CHÍNH NĂM 1997

Năm 1997 trên địa bàn toàn tỉnh, tình hình an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Tình hình kinh tế - xã hội trong tỉnh ổn định so với năm 1996 có sự tăng trưởng trên mọi lĩnh vực, đời sống của đại đa số nhân dân được cải thiện. Quan hệ đối ngoại cũng được mở rộng. Tuy nhiên nền kinh tế nói chung trong tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, ngân sách vẫn thất thu lớn. Tình trạng tham nhũng, buôn lậu và các tệ nạn xã hội có giảm hơn so với năm 1996, nhưng việc vi phạm pháp luật và tội phạm vẫn xảy ra tương đối nhiều và diễn biến phức tạp.

I. SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA TỈNH ỦY ĐỐI VỚI CÔNG TÁC NỘI CHÍNH

1. Triển khai các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên

Năm 1997, Tỉnh ủy đã tập trung vào kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) và đề ra chương trình thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần

thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII). Trong công tác xây dựng chính quyền vững mạnh, với vai trò lãnh đạo, Tỉnh ủy nắm chắc toàn diện về lĩnh vực tổ chức và cán bộ. Tỉnh ủy đề ra chủ trương xây dựng tổ chức bộ máy các cơ quan trong tỉnh gọn, nhẹ, hiệu quả, giao các cấp ủy Đảng, quản lý tốt công tác cán bộ theo phân cấp; bố trí đảng viên có phẩm chất, có trình độ năng lực làm công tác chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ có chất lượng ngày càng cao hơn. Việc phân cấp công tác tổ chức cán bộ vừa bảo đảm quản lý chặt chẽ cán bộ, vừa tạo điều kiện cho các cấp, các ngành phát huy được tính chủ động trong việc tuyển chọn, sử dụng cán bộ có hiệu quả.

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp thường xuyên của cấp ủy, mối quan hệ giữa chính quyền các cấp địa phương với cơ quan tư pháp luôn được duy trì và ngày càng được củng cố trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của mỗi cơ quan. Với chức năng nhiệm vụ là cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, Hội đồng nhân dân (cấp tỉnh, huyện, thị) thực hiện việc giám sát đối với hoạt động của các cơ quan tư pháp cùng cấp, bảo đảm việc giám sát thường xuyên đối với Tòa án nhân dân, trực tiếp qua hội thẩm nhân dân tham dự phiên tòa xét xử cùng cấp; giám sát việc chấp hành pháp luật và hoạt động kiểm sát việc tuân theo pháp luật của Viện Kiểm sát nhân dân. Giám sát việc chấp hành pháp luật trong hoạt động điều tra của cơ quan điều tra cơ quan thi hành án và các cơ quan hỗ trợ tư pháp. Các cấp ủy Đảng đã chỉ đạo thực hiện tốt mối quan hệ giữa Ủy ban nhân dân và các cơ quan tư pháp, nhằm hoàn thành các nhiệm vụ chính trị chung của tỉnh. Hằng tháng Tỉnh ủy tổ chức giao ban Khối Nội chính, trong đó có các cơ quan tư pháp. Việc làm này thể hiện rõ sự lãnh đạo toàn diện của Đảng trong công tác nội chính, qua đó duy trì mối quan hệ giữa cơ quan hành chính nhà nước với các cơ quan tư pháp chặt chẽ hơn. Do có mối quan hệ đã góp phần quan trọng thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, hoạt động điều tra, truy tố, xét xử bảo đảm đúng người, đúng tội, trật tự kỷ cương được giữ vững.

Tuy nhiên trong lĩnh vực này vẫn còn một số tồn tại như: Một số cấp ủy huyện thị chưa thường xuyên lãnh đạo chính quyền và các cơ quan tư pháp duy trì tốt mối quan hệ, hiện tượng các cơ quan tư pháp phối hợp không chặt chẽ với chính quyền địa phương, không bám vào tình hình chính trị địa phương để đề ra chương trình kế hoạch công tác, mà chỉ thuần túy máy móc theo hướng dẫn của ngành dọc vẫn còn tồn tại ở một số nơi. Ngược lại có nơi chính quyền thiếu quan tâm tạo điều kiện cho các cơ quan tư pháp thực hành nhiệm vụ.

2. Lãnh đạo, chỉ đạo các ngành kiểm tra các chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác nội chính

Năm 1997 thực hiện Kế hoạch 01-KH/KT của Ủy ban Kiểm tra và Ban Nội chính Trung ương. Tỉnh ủy Lào Cai đã xây dựng Kế hoạch 02-KH-TU về việc kiểm tra lực lượng công an trong toàn tỉnh thực hiện Nghị quyết 14-NQ/TW và Chỉ thị 15-CT/TW về cuộc đấu tranh chống tham nhũng, tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo và Tổ công tác của Tỉnh ủy.

Quan kiểm tra lực lượng công an tỉnh thực hiện nhiệm vụ trong 2 năm 1995-1996, căn cứ vào kết quả tự kiểm điểm việc quán triệt Chỉ thị số 15, Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị, của các chi bộ, đơn vị và cá nhân trong lực lượng công an tỉnh, kết hợp với kết quả kiểm tra thực tế tại các chi bộ đơn vị công an thấy rằng: Sau khi có Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 20-11-1992, Nghị quyết số 14-NQ/TW, ngày 15-5-1996 của Bộ Chính trị và Kế hoạch 110, Chỉ thị 05 của Bộ Nội vụ. Ban Giám đốc Công an tỉnh và các tổ chức đảng đã chỉ đạo các đơn vị tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện trong cán bộ đảng viên, chiến sĩ toàn ngành. Đã thành lập Ban Chống tham nhũng tiêu cực trong Đảng bộ Công an tỉnh do đồng chí Giám đốc làm Trưởng ban; đồng thời xây dựng chương trình hành động, kế hoạch, biện pháp triển khai thực hiện. Xác định được mục đích, nội dung, biện pháp, địa bàn trọng điểm, phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, buôn lậu trong nội bộ và ngoài xã hội. Thực hiện chuyên môn nghiệp vụ nói chung, chống tham nhũng, buôn lậu nói riêng lực lượng công an tỉnh đã có nhiều

cố gắng. Đã phát hiện và xử lý được một số đầu mối, vụ án buôn lậu, tham nhũng. Thường xuyên rà soát phân loại bố trí sắp xếp cán bộ, điều chỉnh, xử lý những chiến sĩ có vi phạm. Qua các đợt kiểm tra đã tạo cho toàn bộ cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng công an tỉnh nhận thức sâu sắc hơn về những ưu, khuyết điểm của bản thân và đơn vị mình trong việc học tập quán triệt và tổ chức thực hiện các chỉ thị, nghị quyết về chống tham nhũng, buôn lậu của Đảng và Nhà nước 2 năm qua. Từ đó giúp cho cấp ủy Đảng và lãnh đạo các đơn vị cũng như cán bộ, chiến sĩ công an nhân dân có một bước chuyển mới trong công tác ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực, vi phạm phẩm chất trong nội bộ. Qua công tác kiểm tra đã thẩm tra xác minh và kết luận xong 32 trường hợp, kiểm điểm sâu sắc 13 trường hợp, phải xử kỷ luật 19 đồng chí, đã xử lý trong đợt kiểm tra 10 trường hợp (trong đó có 9 đảng viên). Hình thức xử lý khiển trách 4 đồng chí, cảnh cáo 4 đồng chí, cho thôi việc 2 đồng chí, giáng cấp 1 đồng chí, cho ra khỏi ngành 5 đồng chí. Qua đó Ban Giám đốc Công an cũng thấy rằng cần phải chấn chỉnh về phong cách làm việc của Công an nhân dân theo 6 Điều Bác Hồ dạy. Để giữ được lòng tin của nhân dân đối với lực lượng công an nhằm khắc phục được những sai phạm như: quan liêu trong công tác điều tra, tạm giữ, bắt giam sai không cần thiết, xâm phạm hoạt động tư pháp, thoái hóa biến chất của cán bộ, chiến sĩ. Trong thời gian qua, Nhà nước ta đã tăng cường công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, các cơ quan bảo vệ pháp luật trong đó có ngành Kiểm sát nhân dân được kiện toàn một bước, phối hợp chặt chẽ theo chức năng luật định và có cố gắng trong công tác phòng, chống tội phạm góp phần giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, pháp luật của Nhà nước được bảo đảm thực hiện. Để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, củng cố và phát huy chức năng của ngành Kiểm soát thiết thực phục vụ tốt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị về chống tham nhũng và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ II trong thời kỳ đổi mới công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Ngày 21-7-1997 Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị 03-CT/TU về tăng cường

sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động công tác kiểm sát tuân theo pháp luật của ngành Kiểm sát nhân dân.

3. Lãnh đạo chống diễn biến hòa bình và lợi dụng tôn giáo

Vấn đề đang quan tâm hiện nay là tình hình phát triển đạo Tin lành không bình thường trong đồng bào Mông. Tuy mới xuất hiện nhưng đạo Tin lành đã nhanh chóng đi sâu, lan rộng đồng bào Mông và một số ít đồng bào Dao. Tính chất hoạt động chứa nhiều tiềm ẩn, không chỉ đơn thuần là tôn giáo, mà còn có những dấu hiệu mang nội dung chính trị, nằm trong ý đồ của các thế lực thù địch âm mưu “diễn biến hòa bình”. Trước thực trạng về tình hình tôn giáo, Tỉnh ủy đã có những chủ trương đúng đắn kịp thời, phù hợp với điều kiện và tình hình thực tế, định hướng để các cấp, các ngành các địa phương thực hiện.

Tỉnh ủy đã tiến hành tổ chức tổng kết thực hiện Nghị quyết 24-TW, ngày 16-10-1990 của Bộ Chính trị (khóa VI) “Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới”. Tỉnh ủy đã thành lập Ban chỉ đạo từ tỉnh xuống tới các huyện, thị. Dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, các cấp chính quyền từ tỉnh đến cơ sở đã tạo điều kiện giúp đỡ đồng bào Công giáo và đạo Phật (đã có từ trước) hoạt động đúng pháp luật, bảo đảm tôn trọng tự do tín ngưỡng đối với đồng bào có đạo. Để giúp Ủy ban nhân dân tỉnh làm tốt công tác quản lý nhà nước về tôn giáo và dân tộc (nay là Ban Dân tộc và tôn giáo) được thành lập thì hệ thống Ban Tôn giáo về mặt nhà nước đạt được những kết quả nhất định. Đã có những văn bản pháp quy quy định phân cấp quản lý nhà nước về công tác tôn giáo trên địa bàn toàn tỉnh. Song tổ chức tôn giáo ở cấp huyện không có cán bộ chuyên trách dẫn đến hiệu quả chưa cao. Đối với các địa phương xảy ra việc truyền đạo trái phép, các cấp chính quyền đã phối hợp với cơ quan an ninh để xây dựng cơ sở an ninh, nắm bắt được những hành động của các đối tượng lợi dụng để truyền đạo trái phép lôi kéo đồng bào, lập danh sách những đối tượng đứng đầu, phân loại, theo dõi quản lý và giáo dục, cảm hóa họ.

Tiếp theo đó, Tỉnh ủy đã có nhiều chủ trương biện pháp về kinh tế - xã hội, tăng cường đầu tư các dự án cho các vùng dân tộc nhằm nâng cao đời sống vật chất và văn hóa vùng cao (như huyện Bảo Thắng) nhằm giải quyết tận gốc nguyên nhân của vấn đề lợi dụng tôn giáo ở những nơi này. Một số nơi đã xây dựng được quy ước nếp sống mới trong đồng bào Mông, nhằm làm giảm một trong những nguyên nhân đồng bào theo tôn giáo trái phép (như huyện Bảo Thắng, Bảo Yên). Mặt khác, Tỉnh ủy cũng đã thực hiện việc tăng cường xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng cao vùng đồng bào dân tộc, nhằm tăng cường việc nắm dân, sâu sát cơ sở, kịp thời phát hiện những vấn đề phát sinh. Kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các đối tượng, lợi dụng tổ chức tuyên truyền đạo, vận chuyển văn hóa phẩm phát hành trái phép vào địa phương. Quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân vẫn được tôn trọng, không để xảy ra vấn đề gì phức tạp lớn về tôn giáo ở địa phương.

4. Công tác chống tham nhũng, chống buôn lậu

Đây là một nội dung đã được nêu trong kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII); thực hiện chống tham nhũng và buôn lậu nhằm làm trong sạch bộ máy nhà nước, chính là tăng thêm hiệu lực quản lý của các cơ quan nhà nước tạo niềm tin của nhân dân với Đảng và các cơ quan nhà nước. Qua công tác kiểm tra, thanh tra đã phát hiện và xử lý nhiều cán bộ thoái hóa, biến chất trong sinh hoạt và trong công tác. Một số vụ tiêu cực trong lĩnh vực ngành điện, ngành giáo dục và ở các địa phương trong thực hiện các dự án 327, V06... được làm rõ. Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 14-TW của Đảng, Tỉnh ủy đã đề ra kế hoạch, chỉ đạo các cấp ủy Đảng trực tiếp lãnh đạo công tác này. Qua đó một số vụ việc vi phạm kéo dài được xử lý dứt điểm. Tình hình tham nhũng có chiều hướng giảm, uy tín của Đảng đối với nhân dân được củng cố.

Thực hiện Công văn 56-CV-TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị 853-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ về đấu tranh chống buôn lậu

trong tình hình mới. Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch 800-KH/UB về đấu tranh chống buôn lậu, bán vận chuyển hàng cấm, chống gian lận thương mại để trốn thuế. Tỉnh đã thành lập một ban chỉ đạo về vấn đề này. Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiến hành tổ chức hội nghị để quán triệt Chỉ thị 583-CT/TTg và Kế hoạch 800-KH/UB và chỉ đạo các ngành, các huyện, thị xây dựng các phương án, kế hoạch tổ chức lực lượng đấu tranh, chống buôn bán vận chuyển hàng cấm, chống buôn lậu để trốn thuế bước đầu có hiệu quả. Bên cạnh nhiều ngành, nhiều huyện, thị xã kiên quyết đấu tranh làm tốt công tác này, vẫn còn một số nơi chưa thấy được hết trách nhiệm của mình, chưa quan tâm đúng mức, phối hợp thiếu đồng bộ với các lực lượng từ đó tạo kẽ hở trong quản lý để bọn buôn lậu lợi dụng. Một số vụ buôn bán vận chuyển hàng cấm, buôn lậu, trốn thuế bị phát hiện nhưng việc điều tra xử lý còn chậm, chưa nghiêm minh. Hiệu quả giáo dục còn hạn chế, làm cho công tác đấu tranh chống buôn lậu, trốn thuế hiệu quả chưa cao.

Trong thời gian từ ngày 20-10-1997 đến 30-11-1997 thực hiện Kế hoạch 800-KH/UB trong địa bàn toàn tỉnh đã thu được một số kết quả như sau: Xử lý 81 vụ vi phạm, trong đó đã thu 11.249 m³ gỗ các loại; 4880 m vải; 3.360 đôi dép xốp; 27 kg len; 3.800 đôi pin đèn; 20 kg thuốc nổ, 20 kg đạn súng kíp; 100 đôi giày trẻ em; 400 m Roen; 35 con khỉ; 3 tép hêrôin; 0,2 kg thuốc phiện; phá 4 thuyền nan và đã tiến hành dán tem các mặt hàng và các mẫu ấn chỉ kê khai của Bộ Tài chính đó là:

- Quạt điện: 469 chiếc.
- Rượu ngoại: 658 chai.
- Xe đạp nguyên chiếc: 504 chiếc.

5. Công tác giả quyết đơn thư, khiếu nại tố cáo

Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã thông báo lịch tiếp dân của Thường trực Tỉnh ủy, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Đoàn đại biểu Quốc hội cho nhân dân rõ. Đã chỉ thị thủ trưởng các cấp, các ngành, các đoàn thể phải bố trí tham gia

trực tiếp, tiếp dân. Chỉ đạo công tác giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo thuộc thẩm quyền. Trong công tác tiếp dân chính quyền các cấp và các ngành chức năng đã quan tâm bố trí cán bộ có trình độ, năng lực. Chính vì vậy công dân khiếu nại tố cáo và đóng góp ý kiến xây dựng chính quyền đều được ghi chép cụ thể, trên cơ sở của pháp luật, cán bộ tiếp dân đã giải thích, hướng dẫn công dân đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đồng thời nhận đơn thuộc lĩnh vực cơ quan xem xét. Đơn thư của công dân được tiếp nhận bằng các nguồn khác nhau, song để được thụ lý trong thời gian ngắn nhất và thông báo cho công dân biết.

Năm 1997 toàn tỉnh đã tiếp 1.323 lượt công dân đến khiếu nại tố cáo và nhận được 861 đơn (giảm so với năm trước 12%). Nội dung chủ yếu mà đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân phản ánh tập trung vào các lĩnh vực xã hội như đất đai (chiếm 60%), chế độ chính sách lao động xã hội (chiếm 15%), tranh chấp dân sự khác, tố cáo một số các bộ lợi dụng chức quyền tham nhũng, trù úm ức hiếp dân và các khiếu nại tố cáo khác (chiếm 25%). Số lượng thư khiếu nại tố cáo tập trung nhiều ở các ngành và địa phương trong tỉnh như: Giáo dục - đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, địa chính, thị xã Lào Cai, Cam Đường, Bảo Yên, Bát Xát.

Kết quả cụ thể là: Tổng số tiếp nhận 861 đơn; đã chuyển đến cơ quan thuộc thẩm quyền trách nhiệm giải quyết là 430 đơn. Trả lại và hướng dẫn công dân khiếu nại, từ chối nhận đơn quá thời hiệu khiếu nại là 62 đơn. Đơn thư tố cáo nặc danh có nội dung chung chung không rõ ràng nên không xem xét giải quyết là 7 đơn. Tổng số đơn thuộc thẩm quyền giải quyết là 362 đơn. Đã giải quyết xong 327 đơn (đạt 90,3%), còn 35 đơn đang tiếp tục xem xét và giải quyết.

II. TÌNH HÌNH CHẤP HÀNH PHÁP LUẬT VÀ KẾT QUẢ PHỐI KẾT HỢP CỦA CÁC CƠ QUAN NỘI CHÍNH

1. Tình hình chấp hành pháp luật

Tuy quan hệ giữa hai nước Việt Nam - Trung Quốc ngày được cải thiện và mở rộng, hiệp định tạm thời được Chính phủ hai nước ký

kết được tôn trọng thực hiện. Nhưng trong năm qua trên tuyến biên giới vẫn xảy nhiều vụ việc phức tạp, đặc biệt là xâm canh, xuất nhập cảnh trái phép kèm theo các vi phạm tội phạm khác nhau: vụ Trung Quốc làm đường lấn sâu sang đất ta ở mốc 14- xã Tả Ngải Chồ, huyện Mường Khương. Nhập cảnh trái phép để vận chuyển tiền giả, công cụ hỗ trợ tội phạm vào Việt Nam (như roi điện, bình xịt hơi cay) ở huyện Bắc Hà và thị xã Lào Cai; nhập cảnh trái phép để tuyên truyền đạo và gây rối ở Mường Khương.

Tình trạng phá hủy công trình kỹ thuật về an ninh quốc gia, mua bán vận chuyển chất nổ chất ma túy vẫn xảy ra nghiêm trọng. Đặc biệt là mua bán vận chuyển các chất ma túy có vụ vận chuyển với số lượng lớn vào địa bàn như vụ: Vi Văn Điệp vận chuyển 3,1 kg thuốc phiện từ Quế Phong - Nghệ An vào địa bàn tỉnh.

Việc chấp hành pháp luật về kinh tế có những diễn biến phức tạp ở hầu hết các địa phương trong tỉnh, vi phạm và tội phạm còn xảy ra như nguồn thu (lệ phí) không đúng quy định và chi sai chế độ, vi phạm Pháp lệnh kế toán thống kê. Trong sử dụng vốn 120 còn cho vay sai đối tượng, các trình tự thủ tục hầu hết là giải quyết chậm. Trong sử dụng vốn 327 vẫn còn tình trạng sử dụng sai mục đích như chuyển sang xây dựng cơ bản, hệ thống chứng từ quyết toán không bảo đảm giá trị pháp lý, nổi lên vẫn là tình trạng khai thác vận chuyển buôn bán trái phép. Trong năm đã phát hiện xử lý 828 vụ vi phạm về lâm luật, trong đó khai thác rừng trái phép là 118 vụ.

Trong quản lý đất đai, tình trạng cấp đất trái quy định thẩm quyền vẫn xảy ra, dẫn tới khiếu kiện còn xảy ra nhiều. Việc chấp hành các loại thuế và thu ngân sách vẫn còn vi phạm gây thiệt hại không nhỏ cho ngân sách.

Tình hình về trật tự, an toàn xã hội trong năm 1997 trên địa bàn tỉnh Lào Cai xảy ra 1.075 vụ việc (so với năm 1996 giảm 135 vụ bằng 11%).

Trong đó:

- Tham nhũng buôn lậu 115 vụ giảm 25 vụ so với năm 1996.
- Tai tệ nạn xã hội 360 vụ giảm 50 vụ so với năm 1996.

Làm chết 138 người, bị thương 300 người, tài sản thiệt hại ước tính khoảng 6 tỷ đồng.

2. Kết quả công tác phối hợp năm 1997

Nhận thức rõ tầm quan trọng của nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trong tình hình mới. Kịp thời đấu tranh với âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch và các loại tội phạm. Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của Tỉnh ủy năm 1997 các ban, ngành trong Khối Nội chính luôn có sự phối kết hợp, cùng với cấp ủy chính quyền địa phương đã làm tốt công việc trên các lĩnh vực, nhiệm vụ chính trị được giao đó là:

Các cơ quan Công an, Quân sự, Biên phòng, Kiểm sát, Hải quan đã xây dựng các phương án bảo vệ, tổ chức luyện tập kế hoạch phòng, chống gây rối bạo loạn cho các cụm liên xã, phường và cấp huyện đạt kết quả tốt. Kịp thời nắm bắt và giải quyết tốt những vụ việc xảy ra trên tuyến biên giới và nội địa. Các ngành trong khối đã bảo vệ và phục vụ tốt cuộc bầu cử Quốc hội khóa X, bảo đảm an toàn và đúng pháp luật.

Các thủ tục về hộ tịch, hộ khẩu cũng được rà soát và chấn chỉnh một bước. Công an các huyện, thị đều bố trí cán bộ trực tiếp làm công tác hộ khẩu, niêm yết lịch giải quyết về hộ khẩu rõ ràng. Cơ quan tư pháp các cấp tiếp nhận đơn, điều tra hoàn chỉnh hồ sơ về lĩnh vực hộ tịch bảo đảm nhanh chóng đúng thời gian quy định.

Trong nhiệm vụ phát triển kinh tế các ngành trong Khối Nội chính đã phối kết hợp cùng nhau giải quyết một số công việc có kết quả. Ngành Thanh tra đã tiến hành 112 cuộc thanh tra kinh tế, xã hội, đã kết thúc 108 cuộc, phát hiện sai về kinh tế 4.133 triệu đồng đã kiến nghị thu hồi 2.036 triệu đồng, xử lý hành chính 3 tập thể, 120 người và xử phạt hành chính 26 cơ sở dịch vụ. Qua kiểm soát văn bản pháp quy đã phát hiện 12 văn bản có vi phạm pháp luật, tiến hành 44 cuộc kiểm soát tại 44 đơn vị thuộc các lĩnh vực thu, chi ngân sách phục vụ chương trình xóa đói, giảm nghèo, giáo dục đào tạo. Phát hiện tổng số tiền bị xâm hại là 2.042.552.039 đồng. Đã thu hồi được

449.275.000 đồng. Ngành Hải quan thông qua công tác đấu tranh chống buôn lậu đã phát hiện 108 vụ vi phạm pháp luật về Hải quan với tổng giá trị hàng hóa vi phạm là 215.141.000 đồng.

Các ngành Công an - Viện Kiểm sát - Tòa án đã phối hợp tốt với các ngành các đoàn thể, các tổ chức xã hội đấu tranh phát hiện 363 vụ án hình sự để khởi tố điều tra, trong đó có nhiệm vụ nghiêm trọng để xử lý theo pháp luật. Các vụ án phức tạp đều được 3 ngành Công an, Viện Kiểm sát, Tòa án đưa ra bàn bạc, thống nhất. Đặc biệt là các vụ án trọng điểm đều được Tỉnh ủy cho đường lối xử lý, từ đó quá trình giải quyết được nhanh gọn, có tính giáo dục phòng ngừa cao. Đồng thời kết hợp tổ chức tốt đúng pháp luật về việc thi hành án hình sự và án dân sự.

Các ngành Kiểm sát, tư pháp đã cùng với các ngành, các cấp trong tỉnh triển khai việc rà soát văn bản pháp quy đạt kết quả. Đồng thời thường xuyên phối hợp làm tốt công tác tuyên truyền pháp luật.

Trong năm 1997 lực lượng kiểm lâm tỉnh đã phát hiện và xử lý 825 vụ việc. Hình thức vi phạm khai thác rừng 118 vụ, phát đốt rừng 163 vụ, gây cháy rừng 4 vụ, vận chuyển buôn bán lâm sản trái phép 543 vụ, săn bắn, buôn bán động vật rừng 9 vụ. Đã tịch thu 499, 562 m³ gỗ các loại trong đó có 95,619 m³ gỗ pơmu xẻ. Động vật rừng 106 kg (Chi cục Kiểm lâm đã tổ chức thả trở lại rừng). Phạt tiền do vi phạm là 268.513. 140 đồng.

Theo báo cáo của Tòa án tỉnh và các huyện, thị đến ngày 25-11-1997 toàn tỉnh đã thụ lý án hình sự 418 vụ, 657 bị cáo đã giải quyết xong 409,418 vụ đạt 98%, án dân sự 179 vụ đã giải quyết xong 155 vụ đạt 86%. Còn tồn đọng là 24 vụ đang tiếp tục giải quyết.

Công tác thi hành án đã quyết định thi hành đối với 544 bị án đến nay toàn tỉnh có 27 bị án còn ngoài xã hội trong đó có 8 bị án được tạm hoãn và tạm đình chỉ và đang ốm nặng và đang nuôi con nhỏ còn lại 19 bị án đang có lệnh truy nã toàn quốc.

Tóm lại, từ kết quả của công tác thông tin tình hình tội phạm và kết quả trong công tác phối hợp giữa các ban, ngành, Khối Nội chính, song vẫn còn một số tồn tại và nguyên nhân như sau:

Tình hình vi phạm pháp luật xảy ra vừa là ảnh hưởng của các tệ nạn xã hội, bên cạnh đó là trình độ hiểu biết pháp luật của quần chúng nhân dân còn yếu.

- Việc triển khai các chỉ thị, nghị quyết, nghị định của Đảng và Chính phủ ở một số nơi chưa thường xuyên và sâu rộng.

- Việc thực hiện Thông tư 03 liên ngành về xử lý thông tin tội phạm có một số ngành thực hiện chưa nghiêm túc đã dẫn tới tình trạng xử lý không đúng, bỏ lọt tội phạm.

Công tác chống tham nhũng và buôn lậu đạt hiệu quả chưa cao, đặc biệt là chống buôn lậu gỗ pơ mu, hầu hết các vụ việc đã phát hiện nhưng không bắt được chủ hàng.

- Một số vụ án xảy ra do công tác điều tra ban đầu (cơ quan điều tra cấp huyện) không thu đầy đủ chứng cứ dẫn đến việc điều tra xử lý ở cấp tiếp theo gặp nhiều khó khăn. Đặc biệt có những vụ án nghiêm trọng xảy ra nhưng công tác điều tra xử lý còn chậm, ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân.

- Công tác quản lý tang vật ở một số vụ án chưa được thống nhất.

- Một số cơ quan đơn vị nhất là Ủy ban nhân dân xã, phường chưa coi trọng chú ý đến công tác tiếp dân, giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo, dẫn đến có những vụ việc còn để dây dưa kéo dài hoặc kết luận giải quyết chưa thỏa đáng. Lợi dụng quyền khiếu nại tố cáo một số người đã khiếu kiện đúng hoặc đòi hỏi giải quyết trái với quy định.

- Một số cán bộ, chiến sĩ, công nhân, viên chức trong ngành Nội chính còn thiếu tinh thần trách nhiệm trong công tác. Đặc biệt có một số còn vi phạm kỷ luật ngành và vi phạm pháp luật.

III. HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ CHỨC NỘI CHÍNH TỈNH ỦY

Do tình hình thực tế, hiện nay công tác tham mưu cho cấp ủy lãnh đạo các ngành nội chính của tỉnh, Tỉnh ủy Lào Cai giao cho Văn phòng cấp ủy đảm nhiệm.

Trong năm qua Văn phòng Tỉnh ủy đã phối hợp với các ban xây dựng Đảng của Tỉnh ủy, tích cực làm tham mưu cho cấp ủy triển khai thực hiện tốt các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương. Kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VI) và chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) tiến hành tổng kết thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW, ngày 16-10-1990 của Bộ Chính trị (khóa VI) “Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới”. Thực hiện Kế hoạch 02, ngày 21-2-1997 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc kiểm tra tình hình thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 20-11-1992 và Nghị quyết số 14-NQ/TW, ngày 15-5-1996 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong các tổ chức đảng của lực lượng công an nhân dân 1995 - 1996.

Văn phòng Tỉnh ủy thường xuyên nắm chắc tình hình hoạt động của các ban, ngành trong Khối Nội chính. Đã làm tham mưu cho cấp ủy xây dựng Chỉ thị 03-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động công tác kiểm sát tuân theo pháp luật giữa các ngành Nội chính của tỉnh. Giải quyết tốt các vụ tranh chấp đất đai ở hai xã Bản Khoang (Sa Pa) và Phìn Ngan (Bát Xát). Có đường lối giải quyết tốt các vụ án lớn phức tạp, có ý kiến khác nhau giữa các ngành Nội chính ở địa phương như vụ Làng Hang (Bát Xát); Bản Cầm (Bảo Thắng) và giữa cấp ủy với các ngành Nội chính ở Trung ương như vụ án giết người của Hoàng Văn Hữu (tỉnh đề nghị xử án tử hình, nhưng Trung ương xử phúc thẩm để mức án chung thân), gây dư luận xấu trong nhân dân địa phương. Hằng tháng Văn phòng Tỉnh ủy tiến hành tổng hợp giao ban nội chính vào ngày 1 hằng tháng với Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo các ban, ngành trong Khối Nội chính. Sau khi có kết luận giao ban của cấp ủy, các ban, ngành Khối Nội chính tiến hành chỉ đạo cho ngành dọc cấp dưới ở các huyện, thị thực hiện theo nhiệm vụ chính trị, chuyên môn nghiệp vụ của mình và thực hiện theo hướng lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy. Văn phòng Tỉnh ủy xây dựng chế độ thông tin báo cáo hằng tuần, hằng tháng đối với

văn phòng huyện, thị ủy. Kịp thời nắm vững tình hình chung, cũng như tình hình hoạt động công tác nội chính của các huyện, thị trong tỉnh những mặt hạn chế trong hoạt động công tác này là:

- Việc thông tin nắm tình hình công tác nội chính, có lúc chưa kịp thời, ảnh hưởng tới việc làm tham mưu cho cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo đối với các ngành Nội chính của tỉnh.

Chế độ thông tin báo cáo của các huyện, thị và các ngành Nội chính có lúc chưa kịp thời, chưa nghiêm.

- Đội ngũ cán bộ còn thiếu, trình độ chuyên môn chưa sâu, chưa đáp ứng nhiệm vụ.

- Ở các huyện, thị chưa thống nhất quy chế giao ban nội chính cấp huyện, thị hàng tháng, có giao ban nhưng nội dung chưa sâu sát.

Phần hai

PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC NỘI CHÍNH NĂM 1998

I. SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA TỈNH ỦY ĐỐI VỚI CÔNG TÁC NỘI CHÍNH

Năm 1998, năm thứ hai triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Lào Cai lần thứ II với mục tiêu: “Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới từng bước công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tăng thêm tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, phấn đấu tăng trưởng nhanh hơn, giải quyết tốt những vấn đề bức xúc trong xã hội. Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội, cải thiện hơn nữa đời sống của nhân dân, tăng cường an ninh quốc phòng, củng cố và mở rộng quan hệ đối ngoại”. Căn cứ vào các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Chính phủ và từ thực tế tình hình, Tỉnh ủy sẽ tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đối với một số nội dung trọng tâm sau:

- Tổ chức tập huấn bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt, các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở về quan điểm, đường lối chiến tranh

nhân dân của Đảng và xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng kinh tế với quốc phòng, quốc phòng an ninh với kinh tế xây dựng lực lượng vũ trang trong địa phương vững mạnh.

- Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy Đảng, các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, đối với chính quyền các cấp, các ngành. Phát huy duy trì mối quan hệ giữa chính quyền với các cơ quan tư pháp và các đoàn thể, qua đó nâng cao chất lượng hoạt động điều tra, truy tố, xử lý, vận động nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua các tổ chức quần chúng rộng lớn tham gia quản lý nhà nước.

- Các cơ quan nội chính cần đổi mới tác phong lề lối làm việc. Đặc biệt là trong công tác điều tra xử lý tội phạm, phải làm đúng quy trình và chức năng nhiệm vụ theo luật định, tránh tình trạng chồng chéo, gây phiền hà, sách nhiễu quần chúng nhân dân.

- Phải coi trọng việc chống tham nhũng, chống buôn lậu là nhiệm vụ thường xuyên, trước mắt cũng như lâu dài. Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 14-TW và Chỉ thị 853-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ, kế hoạch của Tỉnh ủy về công tác chống tham nhũng và buôn lậu trong tình hình mới. Trước hết cần phải chống và phát hiện kịp thời các hiện tượng tiêu cực ngay trong cơ quan mình.

II. HOẠT ĐỘNG NỘI CHÍNH VÀ CÔNG TÁC PHỐI KẾT HỢP

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, có phương án tổ chức phối hợp giữa thanh tra ngành với thanh tra Nhà nước và các cơ quan có chức năng kiểm tra, kiểm soát, thanh tra của ngành tư pháp.

- Sở Tư pháp phối hợp với các huyện, thị, và các ban, ngành tăng cường công tác giáo dục pháp luật trong quần chúng nhân dân bằng nhiều hình thức linh hoạt, sáng tạo, nhằm nâng cao trình độ nhận thức pháp luật nhân dân, thông qua đó phát huy hơn nữa quyền làm chủ của nhân dân trong việc xây dựng, quản lý nhà nước.

- Các ngành Hải quan, Biên phòng, Quân đội tiếp tục phối hợp triển khai các phương án diễn tập, phòng thủ khu vực đạt chất lượng.

Có kế hoạch phối kết hợp với các cấp ủy, chính quyền địa phương nắm bắt tình hình truyền đạo trái phép, xử lý nghiêm minh những hành vi lợi dụng tôn giáo.

- Các lực lượng Công an, Biên phòng, Hải quan phối kết hợp với các cấp ủy, chính quyền ở các huyện biên giới làm tốt công tác quản lý đường biên, mốc giới. Kịp thời phát hiện và xử lý các hành vi xâm canh, xâm cư, xuất nhập cảnh trái phép, buôn lậu, vận chuyển hàng hóa trái phép qua biên giới.

Tiến hành điều chỉnh bổ sung phương án, kế hoạch của các cấp theo quy định, lập kế hoạch A, A2, A3 tiếp tục xây dựng lực lượng dân quân tự vệ theo phương châm "Vững mạnh rộng khắp" có số lượng phù hợp, chất lượng cao, lấy nâng cao chất lượng chính trị là chính.

III. NHỮNG Ý KIẾN ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ VỚI TRUNG ƯƠNG

Đề nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng và Bộ Chính trị chỉ đạo thống nhất trong toàn quốc hệ thống cơ quan liên quan tham mưu cho cấp ủy về công tác nội chính từ cấp Trung ương đến cấp tỉnh, huyện, thị.

- Tăng cường chế độ thông tin cho các cơ quan nội chính tỉnh.
- Tăng cường bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác nội chính của cấp ủy.
- Ban Nội chính Trung ương cần kết hợp với tỉnh trong việc giải quyết các vụ việc phức tạp.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 18 NGÀY 20-12-1997

Số 134-TB/TU, ngày 22-12-1997

Ngày 20-12-1997 Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, đã xem xét và thống nhất kết luận một số vấn đề như sau:

1. Ban Thường vụ đã cho ý kiến vào dự thảo sửa đổi quyết định của Ban Thường vụ về phân cấp quản lý cán bộ. Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy tiếp thu ý kiến của các đồng chí trong Ban Thường vụ để hoàn chỉnh dự thảo, gửi xin ý kiến các đồng chí trong Ban Thường vụ một lần nữa và trình Thường trực Tỉnh ủy xem xét để ban hành.

2. Đồng ý về chủ trương xây dựng đề án thành lập Trường Đào tạo cán bộ kinh tế - kỹ thuật. Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền và Sở Giáo dục xây dựng đề án và xin ý kiến các bộ, ngành chức năng về việc thành lập trường, trình Ban Thường vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Đồng ý chỉ định bổ sung đồng chí Đoàn Đình Khôi, Bí thư Đảng ủy phường Lào Cai, vào Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai.

4. Đồng ý đề nghị Viện Kiểm sát tối cao tặng Cờ cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh và công nhận đồng chí Triệu Viết Hanh là chiến sĩ thi đua của ngành Kiểm sát.

5. Đồng ý đề nghị Nhà nước tặng thưởng Huân chương Quân công hạng Nhất cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Lào Cai. Yêu cầu Bộ chỉ huy

Quân sự tỉnh viết lại bản thành tích 5 năm đổi mới, chứ không viết thành tích 10 năm.

6. Đồng ý giới thiệu đồng chí Nguyễn Ngọc Dương, Phó Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn học nghệ thuật để Ban Chấp hành bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội Văn học - Nghệ thuật kiêm nhiệm.

Các cơ quan và cá nhân căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 22-BC/TU, ngày 30-12-1997

Tổng kết thực hiện Chỉ thị 08-CT/TW
của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII)
về “Tăng cường sự lãnh đạo và quản lý nhằm nâng cao
chất lượng và hiệu quả công tác báo chí, xuất bản”

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ THỊ 08-CT/TW **CỦA BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG (KHÓA VII)**

Tháng 3-1992, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) ra Chỉ thị 08-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo và quản lý nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác báo chí, xuất bản. Lúc này, tỉnh Lào Cai vừa được tái lập 6 tháng, các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh (Báo, Đài) cũng được thành lập, trên cơ sở tách từ tỉnh cũ Hoàng Liên Sơn. Trong thời điểm đó, Tỉnh ủy Lào Cai nghiêm túc quán triệt tinh thần Chỉ thị 08-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng và xây dựng chương trình hành động thực hiện chỉ thị, nhằm vào các nội dung chính là: Hoàn thiện bộ máy các cơ quan thông tin đại chúng của tỉnh để bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ có hiệu quả; trên cơ sở quán triệt các điểm, nội dung mà chỉ thị của Ban Bí thư đề ra; xây dựng phương án phát triển báo chí Lào Cai đến năm 2000, tăng cường quản lý lãnh đạo công tác báo chí, xuất bản bảo đảm đúng định hướng

của Đảng, đúng tôn chỉ mục đích, phục vụ đúng đối tượng, phát huy tác dụng của báo chí địa phương (bao gồm báo nói, báo hình, báo viết) trên mặt trận tư tưởng văn hóa. Đồng thời củng cố tổ chức đội ngũ những người làm báo, bồi dưỡng về chính trị và nghiệp vụ chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp để hoàn thành nhiệm vụ trong những điều kiện mới, trong chuyển đổi cơ chế.

Qua 5 năm hoạt động, thực hiện Chỉ thị 08-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII), công tác báo chí, xuất bản đã có bước tiến rõ rệt và trưởng thành mau chóng, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của Đảng bộ đề ra và đạt được hiệu quả thiết thực.

1. Phục vụ nhiệm vụ chính trị ở địa phương

Trong những năm qua, nhất là sau khi có Chỉ thị 08-CT/TW, các phương tiện thông tin đại chúng và xuất bản ở tỉnh Lào Cai đã bám sát nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ địa phương, đóng góp tích cực vào thành tựu chung của tỉnh, giữ gìn sự ổn định về chính trị, thúc đẩy công cuộc đổi mới về mọi phương diện, nhất là về phát triển kinh tế, dân chủ hóa xã hội, giáo dục truyền thống cách mạng và truyền thống đoàn kết các dân tộc anh em, đề cập và tham gia tích cực vào các hoạt động xã hội, xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích tài năng, tạo việc làm, các hoạt động từ thiện, đấu tranh chống các tiêu cực xã hội, tham nhũng, buôn lậu, gian lận thương mại và các tệ nạn khác.

Đối với các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội thường xuyên và đột xuất của Đảng bộ và Nhà nước ở địa phương, hoạt động báo chí, xuất bản đã tăng cường lượng thông tin và nhanh chóng đưa thông tin đến cán bộ và nhân dân các dân tộc, tích cực tuyên truyền, giải thích quan điểm, đường lối, chính trị, chính sách mới của Đảng và Nhà nước; phát hiện, phản ánh những vấn đề bức xúc trong đời sống xã hội; ý kiến, nguyện vọng của nhân dân để các cấp cơ quan chức năng của Đảng, Nhà nước kịp thời nắm bắt và giải quyết; cổ vũ động viên phong trào quần chúng thi đua thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội - an ninh - quốc phòng - đối ngoại.

Trong những năm qua, đặc biệt là những đợt sinh hoạt chính trị quan trọng của toàn Đảng toàn dân như Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, Hội nghị giữa nhiệm kỳ của Đảng, các kỳ bầu cử Quốc hội; Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ I, Hội nghị giữa nhiệm kỳ, Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II, các kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân, hoạt động kỷ niệm những ngày lễ lớn của đất nước (1994-1995-1996), Đại hội lần thứ VIII của Đảng... Hoạt động báo chí, xuất bản và đội ngũ những người làm công tác này đã thể hiện rõ ý thức chính trị và tinh thần trách nhiệm cao, có những đóng góp tích cực và hiệu quả bằng những đợt tuyên truyền tập trung với những nội dung và hình thức phong phú, đa dạng hơn theo các chủ đề được hướng dẫn của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương (riêng các đợt tuyên truyền về Đại hội Đảng, 50 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam (1994), 50 năm thành lập Nước (1995), 50 năm ngày Thương binh, liệt sĩ (1997), v.v. báo, đài đã tuyên truyền sâu rộng, kéo dài hàng quý, với nhiều số báo đặc biệt, hàng ngàn bài viết, tin ảnh; nhân bản thêm hàng ngàn cuốn tài liệu của Trung ương.

Hệ thống phát thanh, truyền thanh, truyền hình trên toàn địa bàn đã tăng thêm hàng trăm giờ tiếp sóng của 2 đài quốc gia (Đài Tiếng nói Việt Nam và Đài Truyền hình Việt Nam), phát triển thêm các Trạm phát thanh FM, Trạm thu phát lại truyền hình qua vệ tinh để tăng thêm diện phủ sóng tới các làng, bản vùng cao, vùng xa, các đồn biên phòng. Đài tỉnh đã có cố gắng xây dựng hàng trăm chương trình phát thanh, truyền hình địa phương phản ánh kịp thời các hoạt động đa dạng, phong phú của địa phương. Đã góp phần hướng dẫn dư luận vào giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc đoàn kết chặt chẽ xung quanh Đảng, ra sức phấn đấu xây dựng quê hương giàu mạnh.

Trong những năm qua, báo chí còn thường xuyên đóng vai trò là kênh thông tin quan trọng, phản ánh nhiều mặt của đời sống xã hội, là chiếc cầu nối liên Đảng, Nhà nước và nhân dân lao động: Nhân dân phản ánh tâm tư nguyện vọng và đóng góp ý kiến, kiến nghị với

Đảng và Nhà nước; Đảng và Nhà nước nắm bắt kịp thời giải quyết những vấn đề bức xúc mà nhân dân nêu lên, làm cho nhân dân thông suốt, phát khởi, càng tin tưởng thêm vào Đảng và Nhà nước. Cùng với việc biểu dương nhân tố mới, người tốt việc tốt xuất hiện trong phong trào hành động cách mạng của quần chúng, báo chí cũng đã dũng cảm vạch mặt chỉ tên những vụ việc, hành vi tiêu cực: Vi phạm luật, tham nhũng, buôn lậu, phê phán những tiêu cực xã hội như trộm cắp, cờ bạc, mại dâm, thúc đẩy cuộc đấu tranh chống tiêu cực lạc hậu, tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh chống các âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Những việc làm đó đã góp phần giữ vững ổn định chính trị làm lành mạnh xã hội, củng cố niềm tin của quần chúng vào sự lãnh đạo của Đảng. Công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật cũng được tăng cường, thường xuyên trên báo chí.

Nhìn chung báo chí, xuất bản tỉnh Lào Cai đã thực hiện đúng định hướng của Đảng, bám sát tôn chỉ mục đích, chức năng nhiệm vụ và đối tượng phục vụ, làm tròn nhiệm vụ chính trị được giao, tôn trọng và thi hành đúng Luật báo chí, xuất bản, được củng cố và phát triển vững chắc nhờ việc thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị 08 của Ban Bí thư Trung ương Đảng.

2. Việc tổ chức, xây dựng, củng cố và sắp xếp hệ thống báo chí, xuất bản được thực hiện nghiêm túc

Tỉnh Lào Cai tổ chức, sắp xếp hệ thống báo chí trên cơ sở chia tách từ tỉnh cũ Hoàng Liên Sơn, đồng thời với việc triển khai Chỉ thị 08-CT/TW của Ban Bí thư. Do đó, thuận lợi rất cơ bản là Trung ương đã chỉ rõ những thành tích, tiến bộ của báo chí, xuất bản những năm đầu thời kỳ đổi mới và nêu lên những quan điểm, định hướng cơ bản của công tác báo chí, xuất bản trong thời kỳ mới. Bám sát các quan điểm, định hướng đó, Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đã xây dựng quy hoạch phát triển mạng lưới hệ thống báo chí, xuất bản từ 1992 đến 2000, trong đó xác định các phương tiện thông tin đại chúng là công cụ quan trọng nhất truyền tải các chủ trương, chính

sách của Đảng và Nhà nước đến với nhân dân các dân tộc coi việc đầu tư cho công tác báo chí, xuất bản là đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo cho nhân dân (đặc biệt là bà con các dân tộc thiểu số) có nhu cầu đọc báo, nghe đài, tiến tới đáp ứng nhu cầu hưởng thụ thông tin của nhân dân. Thông qua các phương tiện thông tin đại chúng để cổ vũ, động viên, giáo dục nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và địa phương, bồi dưỡng và xây dựng các điển hình tiên tiến, phát hiện các nhân tố mới, thúc đẩy hoạt động kinh tế - xã hội phát triển lành mạnh, củng cố an ninh quốc phòng, giữ vững ổn định chính trị. Từ cách đặt vấn đề như vậy, tỉnh Lào Cai xác định: Từ 1992 đến 2000, Lào Cai sẽ có tối thiểu 15 đơn vị báo chí cấp tỉnh (báo viết, nói, hình) củng cố hoàn thiện hệ thống phát thanh - truyền hình, truyền thanh, xây dựng hệ thống truyền hình để nhanh chóng phủ sóng phát thanh - truyền hình đến các vùng trong tỉnh. Từ chủ trương đó, tỉnh đã tập trung vốn đầu tư thích đáng cho công tác báo chí, xuất bản và củng cố hệ thống báo chí, xuất bản hoạt động đúng quy định, bảo đảm kỷ cương pháp luật.

Đến nay, tỉnh Lào Cai đã có 10 đơn vị báo viết với 11 ấn phẩm, gồm 1 tờ báo Đảng bộ ra hàng tuần, 1 tờ báo Ảnh Đảng ra 1 tháng/kỳ, 1 tạp chí ra 2 tháng/kỳ, 8 bản tin ra hàng tháng và quý. Tổng số lượng phát hành 10 ấn phẩm trên là 11.500 bản/kỳ. Hệ thống phát thanh - truyền hình ban đầu chỉ có Đài Phát thanh tỉnh với trang bị kỹ thuật máy móc cũ, nát, đến nay đã có 1 Đài truyền hình công suất 1000 W và 24 trạm thu phát lại ở các địa phương với công suất 24000W, 9/10 huyện thị, có trạm phát thanh FM, 13 cụm truyền thanh khu vực. Tỉnh đang tiếp tục đầu tư cho trang thiết bị máy móc thiết bị kỹ thuật để phát thanh - truyền hình phát triển trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có thể thực hiện được mục tiêu phủ sóng phát thanh - truyền hình; hiện tại bảo đảm 40% số người được xem truyền hình và 60% số người được nghe Đài Tiếng nói Việt Nam bằng sóng phát thanh FM. Thực hiện chương trình của Chính phủ, tỉnh Lào Cai đã cấp 691 ti vi và 2.622 máy thu cho các đối tượng ở cơ sở.

Về công tác xuất bản: Tuy tỉnh chưa thành lập nhà xuất bản, nhưng thực hiện chức năng quản lý nhà nước, theo quy định của Trung ương, Sở Văn hóa thông tin cũng đã cấp 92 giấy phép xuất bản, trong 5 năm đã cấp 85 giấy phép phát hành xuất bản phẩm. Kết hợp với các nhà xuất bản ở Trung ương đã xuất bản được 32 đầu sách (phần lớn là sách văn học nghệ thuật, khảo cứu...).

Về cơ sở in, tỉnh đã đầu tư hàng tỷ đồng để xây dựng Xí nghiệp in của tỉnh với máy móc tương đối hiện đại, đủ khả năng in được báo màu điện tử, công suất trung bình, đáp ứng yêu cầu ấn loát xuất bản báo chí ở địa phương.

3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, quản lý, phóng viên, biên tập viên bước đầu có hiệu quả

Do mới thành lập nên đội ngũ cán bộ quản lý báo chí, xuất bản, phóng viên, biên tập còn mỏng, thiếu và yếu. Trong quá trình thực hiện Chỉ thị 08-CT/TW, Tỉnh ủy đã bổ nhiệm 2 đồng chí cán bộ chủ chốt Báo và Sở Văn hóa thông tin kiêm chức vụ Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy để nêu cao trách nhiệm lãnh đạo, quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công tác báo chí, xuất bản. Bổ nhiệm đủ số cán bộ quản lý cơ quan báo chí, xuất bản, đồng thời tổ chức bồi dưỡng kiến thức về chính trị và quản lý nhà nước. Đồng thời tổ chức cho phóng viên, biên tập báo chí, xuất bản tham dự các lớp bồi dưỡng nghề nghiệp ngắn hạn, tại chức và chính quy. Kết hợp với Phân viện báo chí tuyên truyền thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh mở một lớp Đại học báo chí tại chức có 82 học viên theo học. Hiện đội ngũ cán bộ báo chí của tỉnh (không kể các Đài Phát thanh - Truyền hình huyện, thị) có 52 người, trong đó có 32 người được cấp thẻ nhà báo, có 19 phóng viên, biên tập viên có trình độ ngoại ngữ, 37 người ở độ tuổi dưới 40. Số lượng người làm báo không chuyên nghiệp cũng tăng nhanh, thường xuyên có trên 150 cộng tác với cơ quan báo chí, xuất bản.

4. Công tác phát hành sách báo từ sau khi có Chỉ thị 08-CT/TW đến nay đã có nhiều tiến bộ

Ngay sau khi có Chỉ thị 08-CT/TW, Tỉnh ủy Lào Cai đã có chỉ thị về việc đẩy mạnh công tác phát hành báo chí, trước hết là báo Đảng đến tất cả các cấp cơ sở đảng, chính quyền, tổ chức, đoàn thể, đơn vị, xí nghiệp, trường học từ tỉnh đến các cơ sở, bảo đảm các chi bộ đảng và chính quyền, các tổ chức khác đến tận thôn, bản đều có báo Nhân Dân, báo Lào Cai và các tạp chí thuộc hệ thống báo chí của Đảng, bằng vốn trợ cấp của Đảng và chính quyền để đặt báo cho cơ sở. Do quyết tâm chỉ đạo của tỉnh và sự cố gắng của các ngành chức năng, đến nay công tác phát hành báo chí ở tỉnh Lào Cai đạt thành tích xuất sắc. Báo Nhân Dân thường xuyên phát hành 2.600 tờ/ngày; báo Lào Cai 5.200 tờ/kỳ (tăng gấp 7 lần năm 1991), các báo khác đều đạt tối thiểu từ 300 đến 700 tờ/kỳ phát hành. Đặc biệt, từ tháng 5-1994 đến nay, báo Ảnh Lào Cai dành cho đồng bào vùng cao được phát hành tới 1.700 thôn, bản trong toàn tỉnh đã góp phần đưa thông tin về cơ sở. Nếu tính lượng sách báo được phát hành trên một đầu người trong năm thì Lào Cai là tỉnh đạt chỉ số cao so với cả nước. Nếu so với trước khi có Chỉ thị 08-CT/TW thì số lượng phát hành sách báo tăng từ 6-8 lần. Nhiều cơ quan, địa phương đã có cố gắng và đạt thành tích trong công tác phát hành báo chí như: thị xã Lào Cai, Cam Đường, huyện Mường Khương, Bảo Thắng, Than Uyên, Bát Xát, Sa Pa... Một số ngành trong tỉnh cũng có thành tích tốt trong công tác báo chí, xuất bản như: Ngân hàng, Tỉnh Hội Phụ nữ, Công ty Apatít, cơ quan báo Lào Cai, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Công ty Bưu chính và phát hành báo chí, Bưu điện tỉnh.

5. Công tác chỉ đạo và quản lý hoạt động báo chí, xuất bản

Đã đổi mới và tăng cường một bước. Tỉnh ủy giao cho Ban Tuyên giáo quản lý hệ thống báo chí, xuất bản về mặt chính trị tư tưởng, chịu trách nhiệm thông tin cho các cơ quan báo chí định hướng nội dung tuyên truyền từng tháng, từng quý và tham gia ý kiến với các

cơ quan báo, đài, bảo đảm thực hiện đúng nội dung và kế hoạch tuyên truyền đã đề ra. Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Sở Văn hóa thông tin thực hiện các chức năng quản lý nhà nước về công tác báo chí, xuất bản. Xây dựng chương trình quy hoạch phát triển báo chí và quản lý việc xuất bản, phát hành báo chí trên địa bàn. Hằng tháng Ban Tuyên giáo tổ chức giao ban an ninh tư tưởng, có đề cập tình hình tư tưởng và hoạt động báo chí, xuất bản: ba tháng một lần tổ chức giao ban khối các cơ quan báo chí, xuất bản để kiểm điểm việc thực hiện nhiệm vụ trong quý. Các hoạt động này đã đi vào nền nếp, phát huy được những ưu điểm trong công tác báo chí, xuất bản và kịp thời chấn chỉnh, rút kinh nghiệm để nâng cao chất lượng báo chí và bám sát định hướng chính trị của Đảng.

Tóm lại, từ sau khi Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) ban hành Chỉ thị 08-CT/TW, hoạt động báo chí, xuất bản ở tỉnh Lào Cai đã từng bước phát huy ưu điểm, khắc phục những yếu kém, khuyết điểm, đã nỗ lực phấn đấu và có nhiều chuyển biến tiến bộ về mọi mặt; đặc biệt là thực hiện đúng hướng của Đảng, Nhà nước và Đảng bộ địa phương, phục vụ đắc lực sự nghiệp đổi mới, giữ được vai trò và chức năng là phương tiện tư tưởng văn hóa quan trọng của Đảng, Nhà nước: đấu tranh phê phán các hiện tượng tiêu cực trong đời sống xã hội, thực hiện tốt hơn vai trò diễn đàn của nhân dân, góp phần ổn định chính trị, tạo ra bầu không khí dân chủ trong xã hội, thỏa mãn tốt hơn nữa nhu cầu thông tin, văn hóa của nhân dân. Nội dung, chất lượng thông tin kịp thời hơn. Báo chí đã thực sự gắn bó với cuộc sống, gần gũi nhân dân, thực sự là người bạn đường của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc. Báo chí Lào Cai còn góp phần tích cực vào việc “xóa đói thông tin”, xóa mù chữ cho nhân dân vùng cao, tờ báo là ấn phẩm giúp cho bà con ôn luyện chữ và cung cấp thông tin cụ thể, làm cho bà con phấn chấn, tin tưởng hơn, học tập có hiệu quả hơn.

Bên cạnh những ưu điểm và tiến bộ nổi bật nêu trên, hoạt động báo chí, xuất bản và sự chỉ đạo, quản lý những hoạt động này cũng còn bộc lộ những yếu kém, khuyết điểm.

1- Báo chí của Lào Cai nói chung thông tin còn đơn giản ở mức phản ánh các sự kiện đang diễn ra, chưa đi sâu phân tích, biểu dương hoặc phê phán một cách sâu sắc bản chất của vấn đề nên tính thuyết phục chưa cao. Báo chí nặng đưa tin hội nghị, những tin bài phản ánh về cơ sở còn ít, đặc biệt là vùng cao, vùng xa, vùng nông thôn, chưa đáp ứng được yêu cầu hướng dẫn nhân dân trong lao động sản xuất, nhất là việc phổ biến khoa học - kỹ thuật, phổ biến pháp luật, chính sách mới. Thông tin còn đơn điệu, chưa đổi mới, tính hấp dẫn chưa cao, còn nặng nề, gò bó, khô khan. Thể loại chính luận chưa sắc bén, một số tin tức thông tin chưa chuẩn xác. Do xuất bản thưa kỳ nên không kịp thời, tính thời sự rất thấp, chậm, hiệu quả thông tin không cao.

Về phát thanh - truyền hình: Do máy móc cũ, lạc hậu không đồng bộ nên nhiều vùng không thu được sóng của Đài Phát thanh tỉnh và Đài Tiếng nói Việt Nam. Về truyền hình, cũng do địa hình núi non chia cắt, nên hầu như các địa bàn vùng cao đều không xem được truyền hình tỉnh, các trạm thu phát lại cũng không phát huy được khả năng phủ sóng nên hiệu quả chưa cao. Về nội dung, do trình độ của phóng viên, biên tập còn hạn chế, kinh nghiệm chưa nhiều nên nội dung chương trình phát sóng còn đơn điệu, nặng nề về hội họp lễ nghi, ít hình ảnh cơ sở nên sức thuyết phục chưa cao.

2- Đội ngũ những người làm báo chí, xuất bản ở Lào Cai còn thiếu, nhiều người lại chưa qua đào tạo về nghề nghiệp, phần lớn tự đào tạo tại chỗ nên khả năng chuyên môn còn hạn chế. Phần đông anh chị em nhà báo mới vào nghề, đang trong quá trình tự học và đào tạo tại chỗ, lao động của các cơ quan báo chí lại thiếu, việc nhiều nên chưa đi sâu vào chuyên môn, chất lượng sản phẩm báo chí còn hạn chế. Việc đào tạo và đạo tạo lại cũng gặp nhiều khó khăn; lớp học tại chức kéo dài, chất lượng đào tạo cũng không thể đạt yêu cầu như đào tạo chính quy nên việc bồi dưỡng này còn mang tính chắp vá, thụ động. Phần lớn cán bộ quản lý báo chí, xuất bản chưa kinh qua đào tạo, trường lớp, khả năng quản lý điều hành còn lúng túng, dẫn đến

những khuyết điểm trong quản lý nghiệp vụ chuyên môn, chưa xây dựng được phong cách làm việc của cơ quan báo chí trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Mặt khác, trang thiết bị kỹ thuật cho một cơ quan báo chí còn thiếu thốn, nghèo nàn, chưa có đủ phương tiện để bảo đảm thông tin nhanh chóng, chuẩn xác và hòa mạng được báo chí cả nước, chưa đáp ứng được yêu cầu hiện đại hóa báo chí, xuất bản.

Đội ngũ những người làm báo chí, xuất bản ở Lào Cai nhìn chung là tốt, trung thành với Đảng và nhân dân, phẩm chất trong sáng, có trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp. Song cũng đã phát hiện một số ít chưa chịu khó rèn luyện về nghề nghiệp, về phong cách; còn chủ quan, đơn giản trong cách nghĩ, cách viết, đưa tin chưa chính xác; một số ít đã có biểu hiện chạy theo lợi ích vật chất, chưa trung thực trong nghề nghiệp báo chí, ít nhiều ảnh hưởng đến uy tín của cơ quan báo chí, xuất bản.

3- Việc quản lý báo chí, xuất bản còn có mặt buông lỏng, nhất là nội dung các phụ san, bản tin; một số bản tin chưa thật sự chấp hành nghiêm Luật báo chí và chưa bám sát tôn chỉ mục đích mà cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản cho phép. Các số bản tin này phần lớn là thông tin nghiệp vụ nội bộ, chất lượng không cao. Cơ quan tư tưởng văn hóa và cơ quan quản lý nhà nước về báo chí, xuất bản chưa nắm được toàn bộ hoạt động của hệ thống báo chí, xuất bản ở tỉnh. Một số cơ sở không thực hiện nghiêm chế độ lưu chiếu, báo cáo định kỳ, một số bản tin để xảy ra những sai sót về nội dung và quan điểm tư tưởng; hình thức kém, thiếu sức thuyết phục. Việc cấp giấy phép xuất bản còn phiền hà, đôi khi lại quá dễ dãi.

Chế độ thông tin của cấp ủy và chính quyền đối với các cơ quan báo chí, xuất bản chưa được xác lập và chưa đi vào quy chế rõ ràng cũng cần được rút kinh nghiệm và bổ khuyết.

Một số chế độ chính sách đối với công tác báo chí, xuất bản của Nhà nước không còn phù hợp nhưng vẫn chưa được thay đổi (như chế độ nhuận bút, tiền lương) hoặc chậm được giải quyết. Đối với hệ thống

báo chí cấp tỉnh hầu như chưa được sự quan tâm và đầu tư của Trung ương mà Trung ương giao phó hoàn toàn cho tỉnh, nên đầu tư đủ để có thể nhanh chóng hội nhập với bước phát triển của báo chí cả nước và khu vực.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC BÁO CHÍ, XUẤT BẢN TỪ NAY ĐẾN NĂM 2000

Để làm tốt công tác báo chí, xuất bản của tỉnh từ nay đến năm 2000, phương hướng cơ bản là tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, nâng cao trách nhiệm của cơ quan chủ quản và các cơ quan báo chí, xuất bản, bảo đảm cho báo chí, xuất bản không ngừng đổi mới về nội dung và hình thức, nâng cao chất lượng về mọi mặt, trước hết là chất lượng chính trị, làm tốt chức năng là tiếng nói của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc. Tiêu chuẩn hàng đầu để xem xét chất lượng báo chí, xuất bản trong thời gian tới là phải lấy việc thực hiện đúng định hướng chính trị của Đảng bộ, đúng pháp luật, đúng Luật báo chí, Luật xuất bản, đúng tôn chỉ mục đích, làm tốt chức năng tiếng nói của Đảng, Nhà nước và nhân dân các dân tộc. Hình thành dư luận xã hội lành mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời báo chí, xuất bản phải đáp ứng nhu cầu thông tin, nâng cao dân trí, góp phần làm lành mạnh hóa đời sống xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc, phát hiện biểu dương các nhân..., giữ vững ổn định chính trị, kiên quyết đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, đấu tranh chống tiêu cực xã hội.

Từ phương hướng đó, Tỉnh ủy đề ra một số nhiệm vụ chủ yếu của công tác báo chí, xuất bản từ nay đến năm 2000 như sau:

1- Rà soát và bổ sung quy hoạch phát triển báo chí, xuất bản tỉnh Lào Cai đến năm 2000 và những năm tiếp theo, theo hướng nâng cao số lượng, chất lượng và hiệu quả, đáp ứng như cầu thông tin trong

thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa (củng cố những đơn vị báo chí và các ấn phẩm đã có, nâng cao chất lượng, tăng kỳ nhằm rút ngắn thời gian phát hành, cải tiến nội dung và hình thức để hấp dẫn người đọc và nâng cao hiệu quả thông tin. Xem xét bổ sung những đơn vị cần có bản tin để xin phép xuất bản đúng quy định của Nhà nước).

2- Xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt quản lý báo chí, xuất bản bảo đảm có năng lực, có trình độ nghiệp vụ chuyên môn để thực hiện đúng định hướng với Đảng và Nhà nước, đúng Luật báo chí, Luật xuất bản, trên cơ sở thống nhất với các cơ quan chức năng của Trung ương bằng văn bản. Có kế hoạch đào tạo, đào tạo lại hoặc bồi dưỡng chính trị nghiệp vụ chuyên môn và quản lý nhà nước cho đội ngũ này hoàn thành tốt nhiệm vụ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Xây dựng quy chế làm việc giữa Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Văn hóa thông tin đối với các cơ quan thông tin đại chúng, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng và quản lý nhà nước chặt chẽ, thống nhất, đúng định hướng.

3- Xây dựng quy chế thông tin hai chiều giữa cấp ủy và chính quyền đối với các cơ quan thông tin đại chúng và chế độ báo cáo của các cơ quan làm công tác báo chí, xuất bản đối với cơ quan chủ quản, cơ quan chủ quản có biên chế cán bộ theo dõi riêng về báo chí, xuất bản.

4- Nghiên cứu, đề xuất chế độ đối với công tác báo chí, xuất bản ở địa phương (đầu tư trang thiết bị, chế độ lương, nhận bút, chính sách khuyến khích đào tạo cán bộ báo chí là người dân tộc thiểu số). Có kế hoạch bồi dưỡng đào tạo đội ngũ phóng viên, kỹ thuật viên báo chí, xuất bản trong giai đoạn từ nay đến năm 2000 và 2010. Xúc tiến đề nghị Bộ Văn hóa - Thông tin cho phép thành lập Nhà xuất bản tỉnh Lào Cai.

5- Thực hiện nghiêm túc quy định việc cấp giấy phép xuất bản, bảo đảm cơ quan tư tưởng chịu trách nhiệm về nội dung; quản lý chặt chẽ cơ sở in để thực hiện đúng quy chế Nhà nước quy định, không để in những ấn phẩm báo chí xấu, độc hại. Đầu tư thêm dây chuyền in hiện đại, có thể in được nhiều màu đáp ứng nhu cầu in báo và các tài liệu khác của tỉnh.

6- **Đẩy mạnh hoạt động phát hành báo chí:** Đối với vùng cao, tiếp tục phát báo tới các cán bộ xã, trưởng thôn. Tăng cường cấp báo đến các trường tiểu học, các hợp tác xã. Vận động các cơ quan nhà nước, đơn vị, xí nghiệp, doanh nghiệp và nhân dân tích cực mua báo, đọc và làm theo báo.

7- **Đầu tư cho phát thanh - truyền hình** theo hướng thực hiện chương trình phủ sóng của Nhà nước; chú trọng chương trình phát thanh tiếng các dân tộc, nâng cấp các Đài truyền thanh huyện, thị, dần dần trang bị máy móc thiết bị hiện đại, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đổi mới. Đẩy mạnh việc thực hiện phát máy thu hình và thu thanh có các cơ sở vùng cao, cho dân nghèo.

Trên đây là những nội dung chính việc tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản từ nay đến năm 2000. Đây là một nhiệm vụ hết sức quan trọng, cấp bách, cần được triển khai thống nhất, đồng bộ và nghiêm túc, bảo đảm hoàn thành các mục tiêu đề ra, tạo nên chuyển biến mới cho công tác báo chí, xuất bản trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và làm cho báo chí tỉnh nhà khởi sắc, tiến bộ, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị tư tưởng, đóng góp tích cực vào sự nghiệp đổi mới của đất nước và xây dựng, bảo vệ quê hương Lào Cai ngày càng giàu đẹp.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 123-QĐ/TU, ngày 30-12-1997

Về việc chỉ định bổ sung
Ủy viên Ban Chấp hành Thị ủy Lào Cai

- Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 20-12-1997;
- Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy sau khi đã có ý kiến thống nhất với Ban Thường vụ Thị ủy thị xã Lào Cai,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chỉ định đồng chí Đoàn Đình Khôi, Bí thư Đảng ủy phường Lào Cai thuộc Thị ủy thị xã Lào Cai tham gia Ủy viên Ban Chấp hành Thị ủy thị xã Lào Cai kể từ ngày 22-12 -1997. Nhiệm vụ cụ thể do Ban Chấp hành Thị ủy thị xã Lào Cai phân công.

2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Thị ủy thị xã Lào Cai và đồng chí Đoàn Đình Khôi có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 25-BC/TU, ngày 5-1-1998

**Kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy
năm 1997, phương hướng và nhiệm vụ năm 1998**

I. THỰC HIỆN SỰ LÃNH ĐẠO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY NĂM 1997

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai khóa II, 13 đồng chí đều là những người có năng lực phẩm chất và có kinh nghiệm lãnh đạo, dưới dự lãnh đạo của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đoàn kết nhất trí cao, và xác định rõ nhiệm vụ năm 1997 là xây dựng Đảng là then chốt; phát triển kinh tế là trọng tâm; củng cố an ninh quốc phòng, bảo vệ vững chắc Tổ quốc thiêng liêng là cực kỳ quan trọng, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, do vậy trong năm qua từng thành viên trong Ban Thường vụ và cả tập thể đã phát huy trí tuệ, lăn lộn với thực tiễn, bám sát cơ sở, nắm chắc tình hình, vận dụng sáng tạo chủ trương, đường lối, chính sách, thực hiện sự lãnh đạo và chỉ đạo thường xuyên, kịp thời chính xác và đạt được một số kết quả sau:

1. Tập trung xây dựng Đảng, xây dựng và lãnh đạo chính quyền và các đoàn thể nhân dân

Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tổ chức chỉ đạo triển khai Nghị quyết Đại hội Đảng VIII, Nghị quyết 2 và 3 của Ban Chấp hành Trung

ương khóa VIII đến tận cơ sở chi bộ Đảng, đồng thời căn cứ và điều kiện thực tiễn của tỉnh, Ban Thường vụ đã giúp Ban Chấp hành xây dựng chương trình hành động thực hiện các nghị quyết trên ở tỉnh và chỉ đạo các cấp ủy Đảng xây dựng chương trình hành động ở cấp mình. Qua đó đã truyền tải tới cán bộ, đảng viên và nhân dân những tư tưởng lớn, những quan điểm, chủ trương, nhiệm vụ, mục tiêu của Đảng Nhà nước, của tỉnh ta. Từ đó làm thay đổi căn bản nhận thức của cán bộ và nhân dân vào công cuộc đổi mới ở nước ta do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Ban Thường vụ cũng tiến hành truyền đạt sâu rộng tới cán bộ, đảng viên Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II và các nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành, các chỉ thị của Ban Thường vụ cho các cấp, các ngành và nhân dân để mọi người thấy rõ nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể của tỉnh ta, hình thức, bước đi, phương pháp tổ chức thực hiện, làm cho toàn thể cán bộ và nhân dân thấy rõ trách nhiệm, phấn khởi tin tưởng và quyết tâm thực hiện đạt kết quả tốt.

- Thường xuyên quan tâm chỉ đạo công tác kiểm tra của Đảng theo quy định mới của Điều lệ Đảng, trong năm đã tiến hành kiểm tra 94 tổ chức cơ sở đảng và 186 đảng viên có dấu hiệu vi phạm, đã xử lý nghiêm minh, uốn nắn kịp thời các đảng viên và tổ chức cơ sở đảng có vi phạm, đặc biệt là thực hiện Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị về kiểm tra lực lượng công an toàn tỉnh.

- Đặc biệt quan tâm tới kế hoạch quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ, cho đi đào tạo cử nhân chính trị trên 120 đồng chí, đề bạt và điều động 33 đồng chí cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ quản lý. Chú trọng tới công tác phát triển đảng viên mới, nhất là đảng viên trẻ có trình độ, đảng viên là người dân tộc ở thôn, bản trắng chưa có đảng viên, đồng thời làm tốt công tác đánh giá, phân xếp loại và thanh loại đảng viên không đủ tư cách theo Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII và Trung ương 3 khóa VIII, trong năm đã kết nạp được 996 đảng viên mới đưa tổng số đảng viên toàn tỉnh lên gần 14 ngàn đồng

chí. Công tác thi đua khen thưởng đã được đẩy mạnh và kịp thời, có tác dụng tốt động viên cán bộ, đảng viên nỗ lực phấn đấu thực hiện nhiệm vụ.

- Lãnh đạo việc chuẩn bị nhân sự và bầu đại biểu Quốc hội khóa X và bầu bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Sa Pa và thị xã Lào Cai, đạt kết quả tốt, không vi phạm Luật, không phải bầu lại, những đại biểu trúng cử đã đáp ứng được vai trò là người đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân trong việc xây dựng Nhà nước của dân do dân và vì dân.

- Ngay từ khi Ban Chấp hành Trung ương khóa VII ban hành Nghị quyết 8 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trọng tâm là cải cách một bước nền hành chính. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã triển khai kịp thời, đồng thời xây dựng kế hoạch thực hiện cải cách hành chính ở chính quyền các cấp, các ngành. Đến tháng 7-1997 cùng với việc triển khai Nghị quyết 3 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, đã tiến hành đánh giá 2 năm thực hiện Nghị quyết 8 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VII, đến nay cho thấy sự lãnh đạo của Đảng nói chung và của Ban Thường vụ nói riêng đã đạt được một số kết quả tốt, toàn bộ văn bản đã được rà soát lại và loại trừ những văn bản không phù hợp, đội ngũ cán bộ được đào tạo, bồi dưỡng trình độ được nâng lên một bước, bước đầu trang bị và tiếp cận với khoa học - công nghệ hiện đại ứng dụng vào quản lý hành chính nhà nước và đã phát huy hiệu quả, công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư được quan tâm. Việc phân xếp loại, quy hoạch, kế hoạch đào tạo và sử dụng đội ngũ cán bộ theo Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII được tiến hành ở mọi cấp, mọi ngành.

Ban Thường vụ đã giao cho Thường trực Tỉnh ủy hằng tuần giao ban với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân nên đã kịp thời giải quyết những vấn đề nảy sinh, thực hiện tốt sự lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền.

- Trong tình hình hiện nay Ban Thường vụ đã chú trọng đến lãnh đạo công tác dân vận. Các đồng chí trong Ban Thường vụ được phân công phụ trách các địa phương đã thường xuyên nắm địa bàn để nắm chắc tình hình, nắm tâm tư nguyện vọng của nhân dân và truyền đạt các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng về công tác dân vận. Ban Thường vụ đã chỉ đạo tổng kết Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới, ra chỉ thị về ổn định dân cư, chỉ đạo thực hiện thắng lợi Đại hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, cựu chiến binh và Hội Văn học nghệ thuật, từ việc chuẩn bị cán bộ đến nội dung Đại hội và phương hướng nhiệm vụ trong tình hình mới. Nhờ đó mà tình hình trong tỉnh được ổn định, dân tin Đảng, Đảng gần dân tạo nên sự đoàn kết nhất trí cao trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân

Ngay từ đầu năm Ban Thường vụ đã giúp Ban Chấp hành xây dựng nhiệm vụ, mục tiêu năm 1997 và các giải pháp để tổ chức thực hiện. Cùng với việc thực hiện nghị quyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế và nghị quyết về kinh tế đối ngoại được ban hành năm 1996, năm 1997 Ban Thường vụ tiếp tục giúp Ban Chấp hành xây dựng nghị quyết chuyên đề về phát triển kinh tế - du lịch và chương trình hành động về phổ cập giáo dục và xóa mù chữ, nhằm vừa khai thác các nguồn lực hiện có để phát triển kinh tế - xã hội vừa chuẩn bị cho tương lai thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Căn cứ vào Luật ngân sách nhà nước đã tiến hành giao sớm kế hoạch cho các huyện, các ngành, xác định nhiệm vụ trọng tâm, công trình trọng điểm để tập trung đầu tư, mở rộng quyền hạn cho ngành, huyện, thị để cơ sở phát huy tính chủ động sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

- Tăng cường kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành, nhất là việc thực hiện các dự án phát triển kinh tế - xã hội, những vấn đề liên quan tới quyền lợi của dân. Chỉ đạo sát sao kịp thời việc khắc phục

hậu quả do nắng nóng, mưa lũ gây ra đối với sản xuất nông nghiệp, động viên nhân dân khắc phục khó khăn tăng cường áp dụng kỹ thuật thâm canh tăng vụ, tạo mô hình mới trong sản xuất để “xóa đói, giảm nghèo” nâng cao đời sống.

- Tích cực chỉ đạo việc sắp xếp lại doanh nghiệp quốc doanh tháo gỡ những khó khăn cho doanh nghiệp để thực hiện mục tiêu kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế.

- Ban Thường vụ đã chỉ đạo có hiệu quả các mặt công tác tài chính, ngân hàng tín dụng, phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội an ninh quốc phòng và quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ, thực hiện nghiêm chỉnh Chỉ thị 853-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ về chống buôn lậu và gian lận thương mại trong tình hình mới, từ đó tăng thu cho ngân sách, không để thất thoát tiền của của Nhà nước và của nhân dân, đội ngũ cán bộ liên quan đến tiền hàng được giáo dục thường xuyên và vững vàng trong thực hiện nhiệm vụ.

- Triển khai và thực hiện tốt Nghị quyết 2 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, công tác y tế, văn hóa, thông tin đại chúng đều có bước phát triển khá, các đối tượng chính sách được quan tâm, nhất là kỷ niệm 50 năm ngày thương binh, liệt sĩ.

Nhìn chung trong năm qua toàn tỉnh đã thực hiện vượt mức các nhiệm vụ Nhà nước giao cho, nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng và phát triển ổn định ở mức trung bình, song đã tạo được một số tiền đề cho sự phát triển ở các năm tiếp theo, đời sống của nhân dân được nâng lên một bước ở nhiều nơi cả về vật chất và tinh thần văn hóa xã hội.

3. củng cố an ninh quốc phòng và mở rộng đối ngoại

- Ngoài việc thường xuyên quan tâm chỉ đạo xây dựng lực lượng. Ban Thường vụ đã tiến hành tổng kết 5 năm xây dựng khu vực phòng thủ, 7 năm thực hiện chống “diễn biến hòa bình”, 7 năm công tác “dân quân tự vệ và giáo dục quốc phòng” ra chỉ thị về công tác kiểm sát, công tác quốc phòng năm 1998. Tiến hành kiểm tra, củng cố toàn bộ lực lượng công an, tổng kết công tác bảo vệ nội bộ, tổng kết Nghị

quyết 24 của Bộ Chính trị về công tác tôn giáo trong tình hình mới, từ đó đánh giá được kết quả hoạt động của lĩnh vực nội chính và đề ra nhiệm vụ sát hợp với tình hình mới.

- Ban Thường vụ thường xuyên chỉ đạo các ngành chức năng điều tra truy tố và xét xử các vụ án nghiêm trọng bảo đảm đúng người đúng tội, có tính chất ngăn ngừa giáo dục cao và phục vụ tốt cho nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

- Trong năm đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đã tham gia đoàn cấp cao thăm Trung Quốc và Vân Nam, đồng chí Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia đoàn cấp cao nước ta và đoàn cấp cao Trung Quốc trong đó có Tỉnh trưởng Vân Nam, đồng chí Phó Bí thư Thường trực tham gia đoàn thăm hữu nghị Trung Quốc từ đó tạo nền tảng cho mở rộng quan hệ đối ngoại với Trung Quốc, trên tuyến biên giới không xảy ra vi phạm lớn, quan hệ kinh tế được phát triển, tỉnh đã có dự án xây dựng khu kinh tế mở, xây dựng cầu Kiều 2 chung với Trung Quốc và phát triển kinh tế - xã hội ở 26 xã biên giới để tăng cường giao lưu kinh tế - văn hóa với Trung Quốc trên cơ sở giữ vững nguyên tắc của Đảng và Nhà nước ta. Việc sử dụng các nguồn viện trợ của nước ngoài, đón các đoàn vào làm việc và giải quyết cho cán bộ ra nước ngoài học tập thực hiện tốt, đúng pháp luật.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Ưu điểm:

- Tập thể Ban Thường vụ đã phát huy được sức mạnh của tập thể và của từng cá nhân, bám vào nghị quyết của Trung ương, của tỉnh và chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành tiến hành 10 hội nghị, triển khai đầy đủ các các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, ban hành nhiều nghị quyết chỉ thị để thực hiện nghị quyết của Trung ương phù hợp với tình hình của tỉnh.

- Trong lãnh đạo được tốt nguyên tắc tập trung dân chủ, tạo điều kiện cho cá nhân phát huy tài năng, đồng thời thực hiện sự thống nhất trong lãnh đạo của tập thể.

- Ban Thường vụ đoàn kết nhất trí trong tư tưởng và hành động.
- Ban Thường vụ đã chỉ đạo toàn tỉnh thực hiện được nhiệm vụ, mục tiêu Đảng và Nhà nước giao trên tất cả các mặt xây dựng Đảng, củng cố các đoàn thể nhân dân, phát triển kinh tế - xã hội và an ninh quốc phòng, đối ngoại.

- Ban Thường vụ đã kiểm điểm từng đồng chí thành viên Ban Thường vụ một cách nghiêm túc, thẳng thắn, chân tình và đã xếp loại cả 13 đồng chí trong Ban Thường vụ hoàn thành tốt nhiệm vụ, lập trường kiên định, trung thành với lý tưởng cộng sản, với con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội mà Đảng ta, Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn.

Nhược điểm:

- Công tác quy hoạch, đào tạo đội ngũ cán bộ ở một số ngành địa phương làm chưa tốt, nhất là đội ngũ cán bộ làm tham mưu chiến lược, cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ quản trị kinh doanh và quản lý kinh tế và cán bộ làm công tác tổ chức.

- Các thành viên Ban Thường vụ chưa tiếp cận được nhiều với khoa học - công nghệ tiên tiến, nhất là công nghệ tin học, hạn chế về trình độ ngoại ngữ nên nhiều khi chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn.

- Còn ít thời gian kiểm tra đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện các nghị quyết của tỉnh đề ra, việc sơ kết, tổng kết một số nghị quyết chuyên đề còn chậm.

- Một số chỉ tiêu kinh tế chưa thực hiện được kế hoạch Ban Chấp hành đã đề ra, sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, vùng sâu vùng xa vẫn còn nhiều khó khăn.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TRONG NĂM 1998

- Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của tỉnh đã triển khai trong năm 1997.

- Triển khai kịp thời và tổ chức thực hiện Nghị quyết 4 của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII và các nghị quyết khác của Trung

ương, trong đó chú trọng việc củng cố các doanh nghiệp quốc doanh, kinh tế hợp tác xã, phát triển kinh tế - xã hội các xã vùng sâu vùng xa, vùng cao.

- Ban hành các nghị quyết chuyên đề theo chương trình công tác toàn khóa của Ban Chấp hành. Sửa đổi kịp thời quyết định về phân cấp quản lý cán bộ cho phù hợp với Nghị quyết 3 Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII và các văn bản pháp luật hiện hành.

- Củng cố đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở, ở cả các cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể cho ngang tầm nhiệm vụ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII.

- Phát hiện kịp thời và tăng cường công tác kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm.

- Tập trung lãnh đạo chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng khu kinh tế mở và phát triển kinh tế - xã hội ở 26 xã biên giới, tập trung thực hiện tốt các công trình trọng điểm, các dự án quốc gia, nhất là các dự án liên quan đến giải quyết việc làm “xóa đói, giảm nghèo”, trồng và bảo vệ rừng.

- Củng cố các đoàn thể và các tổ chức xã hội, tập trung thực hiện tốt thiết chế dân chủ ở cơ quan, nông thôn, trường học, bệnh viện... không có mầm mống điểm nóng.

- Giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội bảo vệ vững chắc biên giới Tổ quốc, chống “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch; mở rộng quan hệ đối ngoại thân thiện theo nguyên tắc của Đảng, Nhà nước; xây dựng đường biên giới hữu nghị hòa bình và cùng phát triển.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRĂNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 26-BC/TU, ngày 5-1-1998

**Tình hình công tác năm 1997,
phương hướng nhiệm vụ công tác năm 1998**

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÔNG TÁC NĂM 1997

A. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN, KHI BƯỚC VÀO THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU CỦA NĂM 1997

Thuận lợi:

Là năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II, chúng ta đã có một số kinh nghiệm và bài học nhất định, kịp thời cụ thể hóa nghị quyết của Đại hội bằng các nghị quyết chuyên đề, xác định rõ hướng tập trung chỉ đạo, điều chỉnh một bước về cơ cấu đầu tư và những mục tiêu kinh tế - xã hội trong năm 1997.

Cơ chế thị trường có sự quản lý và điều hành của Nhà nước đã và đang hình thành rõ nét hơn trên địa bàn tỉnh ở hầu hết các ngành kinh tế. Mặc khác một số công trình công nghiệp và công trình thuộc về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư từ những năm trước đây, nay đưa vào sử dụng đã tạo nên sự tăng trưởng rõ nét về lực lượng sản xuất.

Nhân dân các dân tộc phấn khởi, tin tưởng vào sự nghiệp đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

Khó khăn:

Mặc dù tỉnh Lào Cai có điều kiện về tiềm năng khoáng sản, có cửa khẩu quốc tế và một số điều kiện thuận lợi khác, song nguồn vốn đầu tư cho ngân sách nhà nước, các nguồn vốn vay dài hạn và trung hạn còn rất hạn hẹp. Mặt khác do điều kiện khó khăn về giao thông và các yếu tố khác về kinh tế - xã hội, nên chúng ta chưa thu hút được các nhà đầu tư nước ngoài.

Một số xí nghiệp công nghiệp và chế biến nông - lâm sản của địa phương đang đứng trước những khó khăn và thử thách gay gắt của cơ chế thị trường, sản xuất nông - lâm nghiệp vẫn bị chi phối và phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên.

Cơ chế, chính sách của Trung ương đối với địa phương, nhất là các địa phương miền núi, biên giới như tỉnh ta vẫn còn nhiều vấn đề chưa hợp lý.

Về chủ quan, chúng ta thiếu đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật và công nhân lành nghề thực sự có năng lực và lòng nhiệt tình phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

B. NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 1997

I. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Quán triệt quan điểm chỉ đạo và mục tiêu nhiệm vụ cơ bản theo tinh thần Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 15-1-1997 của Tỉnh ủy về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 1996-2000.

Năm qua, tỉnh đã tập trung chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động trên tất cả các lĩnh vực công tác, đặc biệt trên mặt trận nông - lâm nghiệp, công nghiệp dịch vụ - du lịch theo hướng từng bước làm thay đổi về chất lượng của các ngành kinh tế và cơ cấu kinh tế ở địa phương. Kết

quả thực hiện: tổng sản phẩm trong tỉnh GDP theo giá thực tế đạt 1.053 tỷ đồng, tăng 5% so với năm 1996.

Cơ cấu kinh tế đang dần được thay đổi phù hợp với xu thế và đường lối chiến đấu phát triển kinh tế - xã hội chung của đất nước. So với năm 1996 tỷ trọng các ngành kinh tế trong cơ cấu GDP đã có sự thay đổi đúng hướng: nông nghiệp giảm từ 53,4% xuống 52,1%; công nghiệp tăng từ 19,1% lên 19,5%; dịch vụ tăng từ 27,5% lên 28,4%.

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

Phát triển tương đối ổn định so với năm 1996, giá trị sản xuất tăng 3% theo giá cố định năm 1994. Một số cây trồng chính có diện tích gieo cấy tăng: diện tích cây lương thực đạt 61.881 ha, tăng 1.007 ha so với năm 1996; diện tích cây công nghiệp tăng 761 ha. Tiến bộ trong sản xuất nông - lâm nghiệp năm nay là lúa lai đã lên được vùng cao với tỷ lệ nhiều hơn các năm trước, cây khoai tây vụ đông khá phổ biến với các huyện. Cơ cấu mùa vụ và việc sản xuất nông nghiệp đa canh, xóa dần tình trạng độc canh đang từng bước được xác định. Các vùng cây ăn quả tập trung, cây công nghiệp tập trung đã và đang được hình thành, phát triển.

Tuy nhiên, so thời tiết khắc nghiệt, nắng nóng kéo dài, chuột và sâu bọ phát triển mạnh, đã ảnh hưởng đáng kể đến năng suất, sản lượng cây trồng, Năng suất lúa ruộng bình quân 1 vụ so với năm trước giảm 5%, sản lượng thóc giảm 2,3%, ngô giảm 7,2%. Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 147.000 tấn tăng 0,6 so với năm 1996 và bằng 98% kế hoạch.

+ Về chăn nuôi: Tổng đàn gia súc gia cầm được duy trì và phát triển ổn định, nhịp độ phát triển chăn nuôi so với năm 1996 tăng khá, đặc biệt là đàn bò tăng 6,7%, gia cầm tăng 9,5%. Chất lượng chăn nuôi đã có nhiều tiến bộ, phát triển đa dạng theo hướng sản xuất hàng hóa, công tác thú y đã được quan tâm, chỉ đạo kịp thời và có hiệu quả trong việc chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm.

Tuy nhiên, do ảnh hưởng của tập quán thả rông, một số nơi gia súc chưa được tiêm phòng hoặc tiêm không đủ liều nên bệnh dịch

vẫn xảy ra rải rác ở một số địa bàn (tuy không thành dịch lớn) như bệnh tụ huyết trùng, nhiệt thân, tả... làm chết hơn 200 con trâu, bò và hơn 2 ngàn con lợn các loại.

+ Về lâm nghiệp: Nhìn chung sản xuất lâm nghiệp trong năm qua đạt chất lượng và hiệu quả khá so với năm 1996. Kết quả trong năm: giá trị sản xuất lâm nghiệp (theo giá cố định năm 1994) đạt 180 tỷ đồng, sản phẩm chủ yếu trồng rừng tập trung được 4.570 ha, trồng 9,2 triệu cây lâm nghiệp xã hội, giao khoán bảo vệ rừng đạt xấp xỉ 90.000 ha. Công tác chăm sóc và bảo vệ rừng có tiến bộ rõ rệt. Chỉ thị 287-C P của Chính phủ được các cấp, các ngành, các địa phương quán triệt và thực hiện tốt, hiện tượng phá rừng và khai thác lâm sản trái phép đã giảm nhiều so với các năm trước. Tỷ lệ tán che phủ rừng tăng 1,69% so với năm 1996.

Một số tồn tại trong lĩnh vực này là: Tiến độ giao đất nông nghiệp và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thực hiện chậm (đất nông nghiệp đã giao đạt 58,6% kế hoạch, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở khu vực đô thị mới đạt 37% kế hoạch).

Về việc thực hiện chuyển đổi và xây dựng phong trào hợp tác xã, theo Luật hợp tác xã: tỉnh đã tập trung chỉ đạo các huyện, thị triển khai luật hợp tác xã và hướng dẫn chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp, tổ chức chỉ đạo điểm chuyển đổi và đăng ký kinh doanh theo Luật hợp tác xã ở 4 hợp tác xã thuộc 4 huyện, thị. Đến nay, tình hình chuyển đổi hợp tác xã và phong trào hợp tác xã như sau: toàn tỉnh có 115 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó số hợp tác xã còn hoạt động có 24, hợp tác xã chờ sắp xếp lại 91. Số hợp tác xã đã chuyển đổi theo Luật có 6 gồm 4 hợp tác xã chỉ đạo điểm và 2 hợp tác xã Đồng Tuyển, Vạn Hòa (thị xã Lào Cai). Sau một năm hoạt động của các hợp tác xã chuyển đổi đã bước đầu thích ứng trong cơ chế thị trường, bảo đảm đúng Luật hợp tác xã, kinh doanh có lãi.

Tuy nhiên, công tác tuyên truyền về Luật hợp tác xã trong nhân dân còn hạn chế, việc chuyển đổi mô hình hợp tác xã còn chậm chưa đáp ứng được vai trò làm dịch vụ hai đầu cho nông dân cả về kỹ thuật,

cung ứng vật tư và thu mua sản phẩm; chưa có những biện pháp có hiệu quả để xử lý tài sản, thu hồi công nợ của các hợp tác xã không còn hoạt động.

2. Sản xuất công nghiệp: Các đơn vị sản xuất công nghiệp trên địa bàn, đặc biệt là công nghiệp địa phương và công nghiệp quốc doanh do ngành quản lý đã có nhiều cố gắng, tiến bộ

+ Giá trị tổng sản lượng công nghiệp trên địa bàn thực hiện 183,2 tỷ đồng, tăng 8,51% so với năm 1996 và bằng 96,3% kế hoạch.

+ Giá trị tổng sản lượng công nghiệp địa phương đạt 83 tỷ đồng, tăng 31,39% so với năm 1996, đạt 103,79% kế hoạch.

+ Giá trị tổng sản lượng công nghiệp Trung ương thực hiện 99,98 tỷ đồng, bằng 94,8% kế hoạch, giảm 5,5% so với năm 1996.

Cơ cấu các ngành công nghiệp có sự chuyển dịch đúng hướng, công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản giữ vị trí là ngành mũi nhọn, chiếm tỷ trọng lớn (trên 60% tổng sản lượng công nghiệp) công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm và sản xuất vật liệu xây dựng tăng trưởng nhanh; công nghiệp chế biến lâm sản giảm do chưa chuyển biến kịp thời theo quy định mới về cơ chế chính sách.

Về cơ cấu thành phần kinh tế, công nghiệp quốc doanh vẫn giữ vai trò chủ đạo, chiếm tỷ trọng trên 80% giá trị sản lượng công nghiệp trên địa bàn và gần 60% giá trị công nghiệp của địa phương.

Hiện nay sản phẩm công nghiệp địa phương có tỷ trọng lớn như: Quặng sắt, tinh quặng đồng, gạch, bia các loại... đã bước đầu cạnh tranh và đứng vững được trên thị trường. Tuy nhiên trong sản xuất công nghiệp hiệu quả đầu tư đạt chưa cao nhất là ở Công ty Apatít, Nhà máy Xi măng, một số xí nghiệp sản xuất vật liệu và nông trường. Nguyên nhân chủ yếu do các doanh nghiệp sử dụng lượng vốn vay quá lớn, công nghệ lạc hậu, trình độ và năng lực cán bộ quản lý doanh nghiệp còn nhiều hạn chế.

3. Về công tác tổ chức lại sản xuất - kinh doanh trên địa bàn

Đã hoàn thành thủ tục bàn giao Nhà máy xi măng Lào Cai từ hình thức xí nghiệp liên doanh về cho địa phương quản lý, chuyển 3 xí nghiệp khảo sát - thiết kế thành công ty tư vấn theo quy định của Nhà nước; chỉ đạo và hướng dẫn cho 4 lâm trường và 4 công ty xây dựng phương án chuyển sang mô hình hoạt động công ích và thành lập mới Trạm Đăng kiểm phương tiện cơ giới giao thông Lào Cai.

Đã chỉ đạo giải thể 4 doanh nghiệp nhà nước làm ăn không có hiệu quả, xây dựng phương án thành lập Công ty Du lịch Lào Cai.

Về hiệu quả sản xuất - kinh doanh: Nhìn chung các doanh nghiệp trên địa bàn đều ở trong tình trạng năng suất, chất lượng và hiệu quả thấp, sản phẩm chủ yếu phục vụ tiêu dùng nội tỉnh, sức cạnh tranh trên thị trường kém (hiện tại mới xuất nguyên liệu thô là chủ yếu). Một số xí nghiệp có quy mô đầu tư lớn, nay đang đứng trước những thử thách, khó khăn gay gắt của cơ chế thị trường.

4. Xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, bưu điện

+ Về xây dựng cơ bản:

Thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn 271 tỷ đồng bằng 98,2% so với năm 1996. Trong đó vốn của Nhà nước do các đơn vị địa phương quản lý ước đạt 104,6 tỷ đồng, bằng 90% so với năm 1996, các đơn vị Trung ương quản lý thực hiện 26,8 tỷ đồng, bằng 78,49% so với năm 1996; vốn của tư nhân, cá thể 120 tỷ đồng, bằng 117,65% so với năm 1996.

Công tác xây dựng cơ bản trong năm qua có nhiều cố gắng tập trung cho những công trình trọng điểm và những công trình chuyển tiếp. Công tác quản lý xây dựng cơ bản theo các quy định của Nhà nước ngày càng được tăng cường chặt chẽ và có hiệu quả hơn.

Một số tồn tại chính nổi lên trong lĩnh vực này là:

- Công tác giải phóng mặt bằng để phục vụ thi công các công trình xây dựng ở một số nơi làm chưa kiên quyết, đơn giá đền bù chưa hợp lý, những vướng mắc chưa kịp thời giải quyết đã ảnh hưởng đến tiến độ xây dựng và kế hoạch khởi công một số công trình.

- Công tác triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu đã được tiến hành ở các cấp, các ngành và đã phát huy được hiệu quả rõ nét. Điều đáng lưu ý là việc lập, trình duyệt dự án của các chủ đầu tư còn chậm và lúng túng dẫn đến việc tiếp nhận và cấp phát, thanh toán vốn chậm. Đến hết năm 1997 còn khoảng trên 4 tỷ đồng dự án không được thực hiện trong đó khoảng 2 tỷ phải trả về Trung ương.

+ Giao thông vận tải: Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực giao thông vận tải được tăng cường; bảo đảm giao thông thông suốt trên các tuyến đường, đáp ứng nhu cầu vận chuyển và đi lại cho nhân dân.

So với năm 1996, phương tiện vận tải tăng 10%, sản lượng tăng 8%, giá trị vận tải (giá cố định 1994) đạt 5,1 tỷ đồng bằng 93,25% so với năm 1996, trong đó kinh tế nhà nước 2,2 tỷ đồng, tăng 3,6% so với năm 1996.

Đã làm tốt công tác bảo dưỡng, nâng cấp các tuyến đường tạo điều kiện thuận lợi cho các phương tiện tham gia giao thông. Đặc biệt trong năm qua công tác làm đường giao thông nông thôn có nhiều cố gắng tiến bộ, đã hoàn thành làm đường ô tô đến 8 xã trong số 32 xã chưa có đường. Tổng giá trị thực hiện 12 tỷ đồng.

Thường xuyên chỉ đạo thực hiện an toàn giao thông theo tinh thần Nghị định 36-CP, 39-CP, 40-CP của Chính phủ, góp phần từng bước nâng cao ý thức bảo đảm an toàn giao thông cho nhân dân.

+ Thông tin vô tuyến, hữu tuyến bảo đảm thông suốt; công tác phát hành thư tín, báo chí... nhanh chóng kịp thời. Những thành tựu khoa học - kỹ thuật đã và đang được ứng dụng rộng rãi trong ngành bưu điện góp phần quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phục vụ tốt nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đời sống cho mọi tầng lớp nhân dân.

5. Về tài chính, ngân hàng, thương mại

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 107,6 tỷ đồng bằng 94% so với mục tiêu kế hoạch (trong đó thu thuế xuất nhập khẩu đạt 31,36 tỷ, bằng 73,8% kế hoạch).

- Tổng chi ngân sách địa phương đạt xấp xỉ 300 tỷ đồng bằng 98,52% năm 1996 và 99,6% kế hoạch năm 1997.

Là năm đầu thực hiện luật ngân sách tỉnh đã quan tâm chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện nghiêm chỉnh những quy định của luật, đôn đốc thu đúng, thu đủ và thực hành tiết kiệm, chi tiêu hợp lý.

+ Hệ thống ngân hàng, tín dụng có nhiều cố gắng tích cực đáp ứng nhu cầu cho sản xuất kinh doanh. Trong năm, nguồn vốn huy động đạt 165 tỷ tăng 35% so với năm 1996; đầu tư tín dụng đạt 205 tỷ tăng 12% so với năm 1996 (trong đó cho vay đối với hộ sản xuất 45 tỷ, cho vay ưu đãi hộ nghèo 37 tỷ; tăng 5 tỷ so với năm 1996); 22.000 hộ nghèo được vay vốn để phát triển sản xuất, góp phần tích cực thực hiện mục tiêu “xóa đói, giảm nghèo” ở địa phương.

Một số tồn tại trong lĩnh vực này là: Tình hình thu ngân sách trên địa bàn vẫn đạt thấp so với nhu cầu chi (38%), giảm hơn 7% so với năm 1996. Tiến độ và kết quả thu ở một số lĩnh vực đạt thấp so với kế hoạch như thuế sử dụng đất, tiền giao quyền sử dụng đất, thuế trước bạ thu phí giao thông...

+ Hoạt động thương mại - du lịch có nhiều cố gắng, đáp ứng đầy đủ các mặt hàng thiết yếu, phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Tổng mức bán lẻ của thương nghiệp quốc doanh đạt 121,6 tỷ đồng, tăng 15,4% so với năm 1996; tổng mức bán lẻ của tư nhân, cá thể đạt 214.500 triệu tăng 13% so với năm 1996. Các mặt hàng thuộc diện chính sách phục vụ đồng bào vùng sâu vùng xa được đáp ứng kịp thời. Thị trường hàng hóa phong phú đa dạng, giá cả tương đối ổn định.

- Hoạt động xuất khẩu đã bước đầu chú trọng đến các mặt hàng thủ công và nguyên liệu sẵn có của địa phương như chít khô, đường phen, thảo quả, giá trị xuất khẩu đạt 3,8 triệu USD, tăng 36,8% so với năm 1996 và 4,7% so với kế hoạch. Giá trị nhập khẩu 3,7 triệu USD, bằng 44% so với năm 1996 và 53% kế hoạch.

- Về du lịch, tổng số lượt khách đến tham quan du lịch tăng 42,5% so với năm 1996, trong đó khách quốc tế tăng hơn 2,6 lần khách do các

tổ chức lễ hành phục vụ tăng xấp xỉ 13% so với cùng kỳ 1996. Doanh thu phục vụ du lịch đạt 5,1 tỷ đồng.

II. PHÁT TRIỂN VĂN HÓA VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Sự nghiệp giáo dục - đào tạo

Có sự chuyển biến rõ nét sau khi có Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ II của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII) và chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 của Tỉnh ủy.

Kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 và chương trình hành động về giáo dục đào tạo, đã tạo được sự chuyển biến rõ nét trong tư duy và nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về chiến lược con người của Đảng trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các cấp, các ngành đã triển khai kịp thời, nghiêm túc và có hiệu quả nghị quyết của Đảng, tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tốc độ phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, đã kiểm tra và công nhận thêm 20 xã, đưa tổng số xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ lên 51/180 xã, phường. Ngày “Toàn dân đưa trẻ đến trường”, phong trào xã hội giáo dục đã được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia. Năm học 1997-1998 đã có 142.933 học sinh các cấp đến trường; trong đó học sinh mầm non tăng 20,8%, tiểu học tăng 15%, trung học cơ sở tăng 13,8%, phổ thông trung học tăng 17%, bổ túc văn hóa tăng 24% (so với năm học 1996 - 1997). Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 80,63% tăng 7% so với năm học 1996-1997...

2. Về y tế: Đã làm tốt công tác khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân. Các loại bệnh xã hội như sốt rét, bướu cổ... giảm nhiều so với năm 1996. Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe cho bà mẹ trẻ em được quan tâm thường xuyên, 93,8% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng mở rộng. Tỷ lệ sinh

giảm 1,1% so với năm 1996. Các chương trình y tế quốc gia và chương trình y tế cấp ngành đều được quan tâm và thực hiện đầy đủ.

Tuy nhiên, mạng lưới cán bộ y tế cơ sở đặc biệt là những thôn bản vùng sâu vùng xa còn mỏng, trình độ chuyên môn và thái độ phục vụ của một số thầy thuốc chưa tốt (nhất là ở Bệnh viện tỉnh) tạo nên sự lo lắng của nhân dân khi ốm đau phải vào viện chữa bệnh, việc kết hợp đông - tây y chưa được quan tâm, chú trọng đúng mức, chưa khai thác các thế mạnh nguồn dược liệu tại địa phương. Công tác xã hội hóa về chăm sóc sức khỏe của nhân dân chưa được phát triển rộng rãi, chưa huy động được đông đảo nhân dân và các tổ chức xã hội tham gia, đội ngũ cán bộ làm công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình yếu.

3. Công tác khoa học - công nghệ và môi trường

Đang từng bước triển khai chương trình hoạt động thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII của Tỉnh ủy, việc quản lý chất lượng sản phẩm, tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật, vấn đề bảo vệ môi trường sinh thái... đã bước đầu được quan tâm và đạt một số kết quả nhất định.

4. Về giải quyết việc làm và đời sống cho người lao động

Công tác giải quyết việc làm và quan tâm đến đời sống của nhiều lao động có nhiều cố gắng, tiến bộ, các cấp, các ngành đã phối hợp chặt chẽ, thực hiện ngày càng tốt hơn quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động, thường xuyên quan tâm đến việc làm và thu nhập của người lao động, tổ chức tốt việc dạy nghề, cho vay vốn giải quyết việc làm, cứu đói, cứu trợ và bảo hiểm xã hội, phong trào đền ơn đáp nghĩa đối với các gia đình, thương binh, liệt sĩ, các gia đình có công, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, đã được quan tâm đúng mức. Toàn tỉnh đã đóng góp được gần 900 triệu đồng xây dựng quỹ tình nghĩa. Trong đó xây dựng 34 nhà tình nghĩa trị giá 638,350 triệu đồng, tặng sổ tiết kiệm cho các đối tượng chính sách trị giá 247,59 triệu đồng, tặng 5.396 suất quà

trị giá 253 triệu đồng trong dịp các ngày lễ, tết... đã thực hiện công tác cho vay vốn giải quyết việc làm với tổng mức là 2,545 tỷ đồng, thu hút và tạo thêm việc làm cho 2.681 lao động; cho vay cứu đói 8.000 hộ với số lượng lương thực 237 tấn; kết quả thực hiện chương trình Việt - Đức đã giải ngân được 2,136 tỷ đồng cho 1.101 hộ nông dân vay vốn phát triển kinh tế gia đình... đời sống của nông dân từng bước được cải thiện. So với năm 1996 số hộ nghèo giảm 3%, số hộ đói giảm 2% (toàn tỉnh số hộ nghèo đói còn khoảng 25%, riêng hộ đói còn khoảng 10%).

5. Các hoạt động văn hóa, thể thao, phát thanh - truyền hình

Đã tập trung phục vụ cho nhiệm vụ chính trị trong năm, như tuyên truyền cho việc triển khai các Trung ương 2 và Trung ương 3 khóa VIII; tuyên truyền cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X và kỷ niệm 50 năm ngày thương binh, liệt sĩ, 25 năm “Điện Biên Phủ trên không” các ngành địa phương đã phối hợp chặt chẽ với các ngành văn hóa thể thao tổ chức nhiều hoạt động văn hóa truyền thống, đi đấu thể thao... thực hiện nhiều chương trình phát thanh - truyền hình có nội dung sâu sắc thiết thực, góp phần từng bước đưa chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống.

6. Về tình hình di, dịch cư tự do

Năm qua, toàn tỉnh có 327 hộ, 1.884 khẩu di dịch cư tự do, trong đó di cư đi ngoài tỉnh 306 hộ, 1.793 khẩu.

Nguyên nhân chủ yếu của tình hình di cư tự do là điều kiện sản xuất và sinh hoạt khó khăn, đời sống kinh tế thiếu thốn. Để từng bước giải quyết những khó khăn, ổn định đời sống cho đồng bào, đặc biệt ở những vùng thiếu nước sinh hoạt, điều kiện đất đai canh tác khó khăn, tỉnh đã quy hoạch, chuyển dân đến những địa bàn khác ở trong tỉnh. Một số hộ di cư đi Tây Nguyên, Sơn La nay đã trở về đã được cấp ủy, chính quyền địa phương quan tâm giúp đỡ, bước đầu đã ổn định sản xuất và đời sống.

Về việc điều chuyển, bố trí lại dân cư trên địa bàn: Đã thực hiện 255/300 hộ, tập trung ở 4 huyện, thị: Bắc Hà, Bát Xát, Mường Khương và thị xã Lào Cai.

7. Về tình hình tôn giáo

Tình hình tuyên truyền lợi dụng tôn giáo trên địa bàn tỉnh đã có chiều hướng lắng xuống, song một số đối tượng cũ vẫn ngấm ngầm hoạt động ở các xã vùng sâu vùng xa của huyện Bắc Hà, Bảo Thắng, Bảo Yên, Bát Xát, Than Uyên. Tỉnh ủy đã tiến hành tổng kết Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị “về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới” trên địa bàn toàn tỉnh. Qua tổng kết đã nâng cao nhận thức về tôn giáo và vấn đề lợi dụng tôn giáo; nhất trí trong việc đánh giá, phân loại đối tượng và có biện pháp quản lý giáo dục, xử lý phù hợp, đồng thời đề xuất kiến nghị với Trung ương một số việc cần tập trung giải quyết về vấn đề tôn giáo.

III. CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

1. Về quốc phòng và an ninh và trật tự, an toàn xã hội

Tình hình an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, quan hệ đối ngoại được mở rộng. Tình trạng tham nhũng buôn lậu và các tai tệ nạn xã hội có giảm hơn so với năm 1996. Số vụ vi phạm về trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn là 1.075 vụ, giảm 135 vụ so với năm 1996. Hậu quả các vụ vi phạm trong năm đã làm chết 138 người, bị thương 300 người, thiệt hại về tài sản, ước 6 tỷ đồng.

Trong công tác quản lý, bảo vệ rừng, tuy có giảm về số vụ vi phạm nhưng tính chất hậu quả xảy ra vẫn nghiêm trọng, nổi lên là tình trạng khai thác, vận chuyển buôn bán gỗ trái phép. Trong năm đã phát hiện xử lý 828 vụ vi phạm về lâm luật, trong đó khai thác rừng trái phép là 118 vụ.

Công tác xây dựng, hoàn chỉnh các phương án và tổ chức luyện tập theo các phương án, được các cấp, các ngành tập trung chỉ đạo cụ

thể, sát với tình hình thực tế ở địa phương. Công tác luyện tập theo cụm liên xã, phường và cấp huyện đều đạt kết quả tốt, đã góp phần củng cố thêm thể trận quốc phòng toàn dân và công tác an ninh nhân dân, đã tiến hành tổng kết 5 năm xây dựng khu vực phòng thủ và 7 năm chống “diễn biến hòa bình”, tổng kết 7 năm công tác dân quân tự vệ - giáo dục quốc phòng 1991-1997 và diễn tập khu vực phòng thủ huyện Văn Bàn (đề tài tác chiến phòng thủ thời kỳ đầu chiến tranh).

Các ngành, các lực lượng trong Khối Nội chính tiếp tục được củng cố và kiện toàn. Tỉnh ủy đã ra Chỉ thị 03-CT/TU về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác kiểm sát tuân theo pháp luật của ngành Kiểm sát nhân dân.

Công tác xét xử, thi hành án được tiến hành khẩn trương hơn. Công tác tiếp dân và giải quyết đơn thu khiếu nại, tố cáo đã được tổ chức thực hiện từ cơ sở, kịp thời nắm bắt và giải quyết những vấn đề khúc mắc trong tâm tư nguyện vọng của nhân dân. Nhiều vụ án được đưa ra xét xử kịp thời có ý nghĩa giáo dục tích cực và được nhân dân đồng tình ủng hộ.

2. Công tác đối ngoại

Đã được các cấp, các ngành thực sự quan tâm, quan hệ đối ngoại của Đảng, chính quyền và ngoại giao nhân dân được mở rộng. Đã tạo điều kiện môi trường thuận lợi cho các tổ chức quốc tế, các đoàn khách của tỉnh bạn đến nghiên cứu và khảo sát tình hình của địa phương, nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác các lĩnh vực, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Bên cạnh những kết quả trên, một số vấn đề cần quan tâm lưu ý trong công tác an ninh, trật tự đó là:

Tình hình trật tự, an ninh trên địa bàn có biểu hiện chưa an toàn ở một số nơi, số vụ trọng án tăng hơn so với cùng kỳ năm trước, đặc biệt là các vụ án cướp của giết người có xu hướng gia tăng, trầm trọng hơn. Công tác điều tra truy tìm thủ phạm còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế, chưa đáp ứng được những yêu cầu, nguyện vọng bức xúc của

nhân dân, hiện tượng buôn bán phụ nữ, lưu hành tiền Trung Quốc và tiền Việt Nam giả vẫn xảy ra ở một số nơi trong tỉnh. Công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân ở một số địa phương và ngành còn chậm, giải quyết không dứt điểm, làm ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG - CHÍNH QUYỀN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

+ Về công tác chính trị - tư tưởng: Tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc ổn định, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Các cấp ủy Đảng đã làm tốt công tác tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, Nghị quyết Trung ương 2, Trung ương 3 và các chỉ thị, nghị quyết của Đảng bộ tỉnh; tuyên truyền các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước đến với cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Hệ thống trung tâm bồi dưỡng chính trị từ tỉnh đến các huyện, thị có nhiều cố gắng, hoạt động thường xuyên, có nền nếp. Đã mở được 181 lớp bồi dưỡng kiến thức cơ bản về công tác xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, và công tác vận động quần chúng cho 9.001 lượt người học là cán bộ chủ chốt xã, phường, thị trấn, già làng, trưởng bản và các đối tượng Đảng.

Đài Phát thanh - Truyền hình và báo chí đã bám sát cuộc sống và tình hình thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương phản ánh động viên kịp thời những điển hình tốt, góp phần định hướng và đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực xã hội.

+ Công tác tổ chức cán bộ và bộ máy: Thường xuyên được quan tâm, tăng cường, củng cố, kiện toàn ở tất cả các cấp, các ngành và các địa phương gắn với việc triển khai, thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về phát huy quyền là chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững

mạnh và chiến lược cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, kiện toàn một số Ban cán sự Đảng và đoàn thể nhân dân cấp tỉnh thông qua Đại hội trong năm đã đề bạt bổ nhiệm 16 đồng chí ở cấp tỉnh, 13 đồng chí ở cấp huyện, thị, điều động 15 đồng chí diện tỉnh quản.

Cử đi học các lớp trung, cao cấp, cử nhân chính trị ở Trung ương 21 đồng chí. Mở các lớp trung cấp và cử nhân chính trị tại chức ở tỉnh cho 512 đồng chí. Về chính sách cán bộ thường xuyên được quan tâm, nâng xếp lương định kỳ, xét chuyển lương cho cán bộ, viên chức trong toàn tỉnh theo nghị định của Chính phủ. Công tác phát triển đảng viên có nhiều cố gắng, đã kết nạp được 996 đồng chí, tăng 14% so với cùng kỳ năm trước, trong đó đảng viên nữ là 259 đồng chí, đảng viên người dân tộc 396 đồng chí, nâng tổng số đảng viên trong toàn tỉnh lên 13.990, số thôn, bản trắng đã xóa: 35 hiện còn 305 thôn, bản trắng. Trao tặng huy hiệu 40 năm, 50 năm tuổi Đảng cho 82 đồng chí.

Công tác kiểm tra của Đảng đã có sự đổi mới rõ nét, từ việc đi sâu kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Điều lệ, sang việc kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm. Vai trò tham mưu của Ủy ban Kiểm tra các cấp cho cấp ủy ngày càng được phát huy và nâng cao, từng bước giúp cấp ủy thực hiện đầy đủ chức năng kiểm tra của mình. Trong năm qua đã tiến hành kiểm tra 94 tổ chức cơ sở đảng và 186 đảng viên có dấu hiệu vi phạm, trong đó, cấp ủy viên huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc: 11 đồng chí, cấp ủy viên cơ sở 102 đồng chí. Qua kiểm tra, đã xử lý kỷ luật 132 đồng chí, trong đó: khiển trách 51, cảnh cáo 57, cách chức 8; khai trừ 15. Đã làm tốt công tác kiểm tra tài chính văn phòng cấp ủy và việc thu nộp đảng phí ở một số đơn vị. Thông qua kiểm tra đã chỉ ra những thiếu sót và uốn nắn kịp thời, tạo điều kiện cho các tổ chức đảng quản lý tài chính tốt hơn.

+ Công tác giải quyết đơn thư khiếu tố được quan tâm, tăng cường đã tiếp nhận và giải quyết xong 101/117 trường hợp chiếm tỷ lệ 86%.

+ Công tác xây dựng, củng cố chính quyền các cấp thường xuyên được quan tâm, kiện toàn gắn với việc tổ chức triển khai, học tập và

thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII), phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh. Vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp được tăng cường, sự điều hành và quản lý của Ủy ban nhân dân các cấp có nhiều cố gắng, giải quyết có hiệu quả những vấn đề xã hội đang đặt ra, góp phần từng bước củng cố lòng tin cho nhân dân.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân từ tỉnh đến cơ sở đã có nhiều cố gắng cải tiến về nội dung, phương thức hoạt động với phương châm “Hướng về cơ sở” tích cực đi sâu sát cơ sở nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của nhân dân; tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp xử lý kịp thời những vấn đề mới phát sinh. Một số đoàn thể đã có nhiều biện pháp tốt để tập hợp đoàn viên thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của Đảng bộ; góp phần đấu tranh chống các tai, tệ nạn xã hội, tích cực vận động nhân dân tiếp tục thực hiện các cuộc vận động, các phong trào Trung ương Hội và tỉnh phát động.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể cũng còn bộc lộ một số tồn tại sau đây:

- Công tác triển khai học tập nghị quyết và xây dựng chương trình hành động ở một số đơn vị, địa phương chưa thực sự sâu sắc, sát với đặc điểm tình hình cụ thể ở cơ sở.

- Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ ở một vài địa phương, đơn vị chưa thật sát với quy hoạch, công tác phát triển đảng viên ở vùng sâu vùng xa còn gặp nhiều khó khăn, do đó, tiến độ xóa tình trạng các thôn, bản trắng còn chậm.

- Sự phối kết hợp để thực hiện nhiệm vụ giữa các cơ quan Khối Đoàn thể chưa thật tốt, một số ít đoàn thể chậm đổi mới, còn có biểu hiện hành chính hóa trong nội dung và phong cách hoạt động, thiếu quan tâm, chỉ đạo sâu sát cơ sở.

Nhìn chung năm qua, với nhiệm vụ đã được xác định phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, củng cố quốc phòng và an ninh và mở rộng quan hệ đối ngoại là nhiệm vụ quan trọng.

Đảng bộ đã đoàn kết nhất trí, tập trung lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh phấn đấu hoàn thành về cơ bản các nhiệm vụ, mục tiêu do Ban Chấp hành Đảng bộ đã đề ra trong năm 1997.

+ Về kinh tế - xã hội: Nền kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển ổn định: Tuy tổng sản phẩm GDP tăng trưởng thấp so với kế hoạch song cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng các ngành kinh tế thay đổi phù hợp với xu thế phát triển chung của đất nước, đang từng bước làm thay đổi về chất lượng của các ngành kinh tế và cơ cấu kinh tế ở địa phương theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tuy tốc độ tăng trưởng kinh tế còn chậm, một số mục tiêu do ảnh hưởng của nhiều yếu tố khách quan nên chưa đạt được kế hoạch đề ra. Song, những cố gắng và thành tựu xây dựng nền kinh tế - xã hội trong năm qua đã tạo ra được một số cơ sở vật chất và xác định rõ được hướng đi cho sự phát triển vững chắc của những năm tiếp theo.

Với những cố gắng trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế và những tiến bộ trong các hoạt động văn hóa - xã hội. Năm qua, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân các dân tộc đã tiếp tục được nâng lên một bước, số hộ giàu tăng, số hộ nghèo đói giảm, số trẻ em trong độ tuổi đi học tăng lên rõ rệt; công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được thường xuyên quan tâm, nhân dân các dân tộc trong tỉnh yên tâm sản xuất, xây dựng cuộc sống mới.

+ Công tác quốc phòng và an ninh và đối ngoại trong năm qua có nhiều cố gắng, tiến bộ. Tình hình an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Công tác đối ngoại bảo đảm đúng những nguyên tắc, quy định của Đảng và Nhà nước, quan hệ đối ngoại của Đảng, chính quyền và nhân dân không ngừng được mở rộng. Niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Chính phủ được củng cố thêm một bước.

+ Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân có những chuyển biến tích cực.

Xây dựng Đảng được tiến hành đồng đều trên cả ba mặt tư tưởng, tổ chức, kiểm tra. Công tác phát triển đảng viên mới đạt khá so với

năm 1996, số thôn, bản trắng không có đảng viên giảm dần, việc đánh giá phân loại đảng viên theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) được tiến hành thường xuyên, nhiều tổ chức cơ sở đảng được củng cố, vươn lên đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh.

Công tác xây dựng và củng cố chính quyền thường xuyên được quan tâm, vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, chức năng quản lý điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp có nhiều tiến bộ.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tuy còn những hạn chế nhất định, song bước đầu đã có những tiến bộ trong việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động góp phần tạo dựng niềm tin vào sự đoàn kết trong nhân dân.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 1998

Với vị trí là năm bản lề trong kế hoạch 1996-2000, chúng ta cần tập trung lãnh đạo và chỉ đạo thắng lợi những nhiệm vụ và mục tiêu trọng yếu sau:

I. PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Tiếp tục tập trung khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực duy trì và đẩy mạnh nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội tạo sự chuyển biến rõ nét trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo tinh thần nghị quyết về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Tỉnh ủy đã đề ra. Phấn đấu tăng tổng sản phẩm trong tỉnh GDP trên 10%.

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

Tiếp tục chương trình phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn, tạo sự chuyển biến mới về cơ cấu sản xuất theo hướng chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi, cơ cấu mùa vụ đi đôi với công tác ứng

dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật mới vào sản xuất. Từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

Phấn đấu:

- Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp tăng trên 5% so với năm 1997.
- Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 150.000 tấn.
- Trồng rừng tập trung 3.000 ha, bảo vệ rừng trên 90.000 ha, hoàn thành các chỉ tiêu của Chương trình 327. Tỷ lệ tán che đạt 31%.

Cần tập trung vào một số biện pháp chính sách sau đây:

- Tiếp tục mở rộng diện tích gieo trồng, tập trung thâm canh giải quyết tốt vấn đề giống trước mắt là các loại giống lúa có năng suất cao, ổn định cho sản xuất lương thực. Mở rộng diện tích đi đôi với thâm canh cây ngô, phát triển mạnh cây khoai tây ở những nơi có điều kiện thổ nhưỡng phù hợp, nhất là đối với vùng cao. Tăng cường đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất, sản lượng các loại cây trồng; tăng diện tích trồng các loại rau màu nhất là cây có củ ở vùng cao.

Về chăn nuôi: Tập trung phát triển chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa trong đó chú trọng phát triển mạnh đàn trâu, bò hàng hóa, phát triển đàn lợn lai hướng nạc, từng bước nghiên cứu để phát triển đàn bò sữa ở địa phương. Thường xuyên quan tâm phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm; giữ vững tốc độ tăng trưởng chăn nuôi trên 5%.

Về lâm nghiệp: Chú trọng chăm sóc bảo vệ rừng đã có, tập trung khoanh nuôi tái sinh; đẩy mạnh công tác trồng rừng tập trung bảo đảm có chất lượng, hiệu quả. Tiếp tục đầu tư xây dựng các vùng cây ăn quả và cây công nghiệp tập trung. Đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng, gắn với phát triển trang trại theo mô hình nông - lâm kết hợp, gắn sản xuất - chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

2. Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất công nghiệp trên quy mô hiện có, tập trung đầu tư chiều sâu nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả

trong sản xuất công nghiệp. Kịp thời tháo gỡ khó khăn cho những cơ sở đang tồn đọng sản phẩm, công nhân thiếu việc làm. Khuyến khích phát triển các loại hình sản xuất công nghiệp ngoài quốc doanh gắn với công tác hoạt động mạng lưới tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn, nhằm mở thêm ngành nghề tạo việc làm cho người lao động.

Phấn đấu đạt giá trị tổng sản lượng công nghiệp trên địa bàn tăng trên 19% (trong đó công nghiệp địa phương tăng trên 20%).

3. Xây dựng cơ bản, giao thông vận tải

- Tập trung chỉ đạo, tiếp tục đổi mới một bước trong công tác lập kế hoạch quản lý các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Tăng tốc độ và tỷ trọng đầu tư để phát triển cơ sở hạ tầng, tập trung xây dựng các công trình trọng điểm như cầu Khe Chấn, Bệnh viện tỉnh, kè KL94, khu du lịch Sa Pa và các công trình thủy lợi quan trọng, nâng cấp đường nội thị thị xã Lào Cai, đường nội thị các thị trấn, huyện lỵ, các tụ điểm kinh tế....

- Quán triệt phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” để mở các tuyến đường giao thông nông thôn, tập trung đầu tư cho các xã chưa có đường ô tô đến trung tâm (hoàn thành nâng cấp 65 km đường liên xã, mở đường mới giao thông nông thôn từ 8-10 xã).

- Phát triển thêm 15% năng lực và phương tiện vận tải hành khách, 10% năng lực và phương tiện vận tải hàng hóa.

4. Tài chính, tiền tệ, thương mại

- Trên cơ sở đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, tiếp tục thực hiện nghiêm chỉnh Luật ngân sách, các nghị định của Chính phủ, hướng dẫn của Trung ương về ngân sách trên địa bàn. Các cấp, các ngành cần triển khai, rà soát lại các nguồn thu, tăng cường quản lý thu, chi ngân sách nhà nước thực hiện thu đúng, thu đủ, nuôi dưỡng và tạo nguồn thu; tích cực chống thất thoát về ngân sách đi đôi với thực hành tiết kiệm chi; phấn đấu tổng thu ngân sách trên địa bàn

đạt 105,5 tỷ đồng; tổng thu ngân sách của địa phương đạt 307,48 tỷ đồng; tổng chi ngân sách địa phương: 307,48 tỷ đồng.

- Tăng cường công tác quản lý tiền mặt, kho quỹ và các phương tiện thanh toán đáp ứng nhu cầu thiết yếu về tiền tệ. Mở rộng các loại hình tín dụng nhằm động viên mọi thành phần kinh tế vay vốn để phát triển sản xuất kinh doanh. Hệ thống ngân hàng trên địa bàn cần có cơ chế linh hoạt để thu hút mọi nguồn vốn trên địa bàn, các nguồn vốn của các tổ chức quốc tế, nguồn vốn trung hạn và dài hạn của Trung ương... để đầu tư cho phát triển sản xuất và xây dựng kết cấu hạ tầng.

Phát huy tốt hơn nữa vai trò và hiệu quả thiết thực của ngân hàng phục vụ người nghèo, đi đôi với tăng cường công tác quản lý và bảo toàn vốn.

+ Thương mại - du lịch: Nhằm gắn sản xuất với lưu thông, góp phần tác động chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Năm 1998, hướng các doanh nghiệp đẩy mạnh việc tổ chức khai thác thị trường tiêu thụ nông - lâm sản, chú ý cung cấp đầy đủ mặt hàng chính sách cho nhân dân. Mở rộng mạng lưới thương nghiệp quốc doanh đến các vùng sâu vùng xa để mở rộng thị trường và tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất phát triển. Phấn đấu tăng mức tổng doanh thu của các doanh nghiệp quốc doanh thuộc ngành quản lý đạt từ 28% trở lên, so với năm 1997. Tổng giá trị xuất khẩu đạt 5 triệu USD.

- Đẩy mạnh hoạt động du lịch - dịch vụ theo tinh thần nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế - du lịch. Phấn đấu đạt giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng trên 20%.

5. Về văn hóa - xã hội

* Giáo dục - đào tạo

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ và toàn diện, nhất là ở cấp cơ sở. Phấn đấu 100% trường tiểu học vùng cao có đến lớp 5; số trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 83%; tăng thêm 20 xã đạt phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.

- Mở rộng quy mô giáo dục, phát triển các loại hình giáo dục đào tạo mới: đẩy mạnh tiến độ phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, từng bước tạo chuyển biến rõ nét ở vùng cao, vùng sâu. Mở rộng các loại hình trường bán trú, bán công và dân lập ở một số nơi có điều kiện, từng bước mở trường trung học cơ sở ở cụm xã vùng cao.

- Chú trọng chất lượng giáo dục ở vùng thấp, nâng cao hiệu quả giáo dục ở vùng cao. Xây dựng và củng cố đội ngũ giáo viên đủ về số lượng mạnh về chất lượng. Thực hiện xã hội hóa giáo dục, huy động ngày càng cao các nguồn lực của xã hội cho công tác giáo dục - đào tạo.

* Về y tế:

- Phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, phấn đấu trong năm 1998, bình quân mỗi người dân được khám bệnh một lần (tăng 0,2 lần/người/năm so với năm 1997), khống chế và giảm tỷ lệ mắc bệnh sốt rét, bướu cổ... chủ động phòng, chống dịch bệnh, tăng cường công tác tiêm chủng mở rộng cho trẻ em dưới 1 tuổi đạt tỷ lệ 92%, giảm tỷ lệ sinh 1%. Tiếp tục đầu tư về cơ sở vật chất cho công tác y tế, xây dựng 1 trạm xá mới, nghiên cứu xây dựng khu phục hồi chức năng cho cán bộ, công nhân viên theo chính sách, xây dựng Bệnh viện Si Ma Cai và xây dựng trạm xá cho 10-20 xã hiện nay chưa có.

* Công tác văn hóa - thông tin và thể thao:

Cần bám sát nhiệm vụ chính trị và các sự kiện trọng đại của đất nước để chuyển tải đến đông đảo các tầng lớp nhân dân về chủ trương, chính sách, quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước. Nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao, phát thanh - truyền hình, phấn đấu tăng 5% dân số trong vùng phủ sóng truyền hình. Xây dựng nếp sống văn hóa và phát triển rộng rãi gia đình văn hóa trên địa bàn toàn tỉnh. Bảo tồn di sản, khai thác và phát huy vốn văn hóa truyền thống trong các dân tộc.

Tích cực giải quyết việc làm và đời sống cho người lao động: Thông qua việc triển khai kịp thời và có hiệu quả các dự án trên địa bàn. Mở rộng các hình thức dạy nghề trong nhân dân, đào tạo và dạy nghề

tập trung cho 300-400 lao động. Tạo việc cho khoảng 3.000-4.000 lao động. Đẩy mạnh phong trào “xóa đói, giảm nghèo”, phấn đấu giảm đói 2%, giảm nghèo 3% so với năm 1997.

Làm tốt công tác thương binh - liệt sĩ, quan tâm chăm sóc các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình có công với nước. Bảo đảm đầy đủ các chế độ cho số người trong diện chính sách; tích cực phòng chống các tệ nạn xã hội.

II. VỀ CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

Với nhiệm vụ có tính bao trùm là: Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đối ngoại để phát triển kinh tế - xã hội, đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn tỉnh, chúng ta cần tập trung để làm tốt một số nhiệm vụ cụ thể sau:

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, các Đảng đoàn và Ban cán sự Đảng đối với công tác quốc phòng và an ninh và đối ngoại, thường xuyên giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý thức quốc gia, quốc giới, tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt, các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở về quan điểm, đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng và xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng kinh tế với quốc phòng, tiếp tục xây dựng và củng cố lực lượng vũ trang của địa phương trong sạch, vững mạnh, củng cố lực lượng dự bị động viên và dân quân tự vệ rà soát các phương án phòng thủ cơ bản, đi đôi với công tác tổ chức luyện tập theo địa bàn và quy mô phù hợp.

- Các cơ quan nội chính tăng cường phối hợp chặt chẽ hơn nữa trong công tác điều tra truy tố và xét xử, giải quyết dứt điểm và xử lý nghiêm minh đối với các vụ án xảy ra trên địa bàn. Tăng cường hơn nữa công tác giáo dục pháp luật trong nhân dân, nhất là trong đối

tượng thanh, thiếu niên và nhân dân thuộc các vùng nông thôn, vùng sâu vùng xa.

- Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết 14-TW và Chỉ thị 853-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ, kế hoạch của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác chống tham nhũng, buôn lậu và gian lận thương mại trong tình hình mới.

Về công tác đối ngoại: Mở rộng quan hệ đối ngoại theo đúng nguyên tắc, quy định của Đảng, xây dựng biên giới hữu nghị cùng phát triển. Nắm vững các quan điểm, chủ trương của Đảng và Chính phủ, đồng thời nghiên cứu vận dụng cho phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương; tạo điều kiện thuận lợi “Thông thoáng” cho các tổ chức quốc tế và tỉnh bạn đến Lào Cai khảo sát, nghiên cứu thị trường đầu tư, hợp tác liên doanh, liên kết trên các lĩnh vực: kinh tế - xã hội, văn hóa, khoa học - kỹ thuật và công nghệ.

III. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG CHÍNH QUYỀN VÀ CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, cụ thể hóa các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, nghị quyết Đại hội Đảng các cấp thành hành động cụ thể.

- Thường xuyên chăm lo, giáo dục truyền thống cách mạng, nâng cao nhận thức lý luận và tinh thần trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Nắm vững diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân; kịp thời uốn nắn những tư tưởng sai lệch, dao động, hoài nghi về chủ nghĩa xã hội; ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả với các luồng tư tưởng phản động, lợi dụng dân chủ, nhân quyền, lợi dụng tôn giáo để mê hoặc nhân dân, bôi đen chế độ xã hội chủ nghĩa, chia rẽ sự đoàn kết trong Đảng và trong các dân tộc.

- Tiếp tục củng cố các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Chỉ đạo thành công Đại hội các tổ chức cơ sở đảng Khối Cơ quan hành chính sự nghiệp và các doanh nghiệp, ra nghị quyết về xây dựng các cơ sở

chính trị xã, phường, quyết định về phân cấp quản lý cán bộ. Tăng cường công tác tự phê bình và phê bình, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Triển khai thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chuẩn bị kỹ về nhân sự và tập trung chỉ đạo thắng lợi Đại hội của Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động tỉnh và một số tổ chức trực thuộc khác.

Tăng cường công tác đào tạo và đào tạo lại đối với cán bộ nhằm không ngừng nâng cao nhận thức lý luận và năng lực thực tiễn cho cán bộ, đảng viên. Từng bước đưa tin học vào trong các hoạt động của cơ quan Đảng, tiêu chuẩn hóa cán bộ ở các cấp, các ngành; rà soát lại đội ngũ cán bộ chủ chốt các địa phương, đơn vị, chuẩn bị tốt nhân sự cho công tác bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp vào năm 1999.

Mở lại và củng cố hệ thống Trường Bổ túc văn hóa ở tỉnh và huyện tăng cường đào tạo cán bộ cho cấp xã gắn với công tác phát triển đảng viên vùng sâu vùng xa, đẩy nhanh tiến độ xóa tình trạng các thôn, bản trắng không có đảng viên.

- Về công tác kiểm tra của Đảng, trước hết phải tạo ra sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức về chức năng kiểm tra của cấp ủy các cấp theo đúng Điều lệ Đảng quy định, đồng thời hướng trọng tâm công tác kiểm tra vào một số nội dung.

+ Kiểm tra tổ chức cơ sở đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm.

+ Hướng dẫn cấp ủy và Ủy ban Kiểm tra cấp dưới thực hiện công tác kiểm tra, theo Điều lệ Đảng.

+ Kiểm tra các cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra, các tổ chức đảng và đảng viên cấp dưới thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra.

+ Tăng cường công tác giải quyết đơn thư khiếu tố, giải quyết dứt điểm những vụ việc tồn đọng, xử lý nghiêm minh đối với các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên vi phạm Điều lệ và các nguyên tắc tổ chức kỷ luật của Đảng.

+ Phát huy hơn nữa vai trò của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, tiếp tục quán triệt sâu rộng tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về cải cách bộ máy hành chính nhà nước, làm cho bộ máy hành chính nhà nước các cấp gọn nhẹ, điều hành quản lý có hiệu quả.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phối hợp chặt chẽ, hướng hoạt động của mình về cơ sở, làm tốt công tác vận động quần chúng, nắm vững những vấn đề mà quần chúng quan tâm. Vận động nhân dân thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội ở địa phương; thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng, tích cực đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, góp phần ổn định sản xuất và đời sống nhân dân các dân tộc.

Thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu của năm 1998 sẽ tạo đà thuận lợi cho 2 năm còn lại của kế hoạch 5 năm 1996-2000. Do đó sự cố gắng nỗ lực của toàn Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh sẽ giúp phân quan trọng đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu đã được đề ra tại Đại hội đại biểu Đảng tỉnh lần thứ II.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ CHÍN
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH (KHÓA II)

Số 06-NQ/TU, ngày 8-1-1998

Về một số nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu trong năm 1998

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÔNG TÁC NĂM 1997

1. Phát triển kinh tế - xã hội

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng 5%, trong đó giá trị sản xuất nông-lâm nghiệp tăng 3%, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 147.000 tấn; sản xuất công nghiệp tăng 8,2%; xuất, nhập khẩu đạt 7,5 triệu USD (trong đó giá trị xuất khẩu đạt 3,8 triệu USD); thương nghiệp dịch vụ tăng trên 13%. Thu ngân sách trên địa bàn đạt 107,6 tỷ đồng. Cơ cấu kinh tế đã và đang có sự chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; nhiều vùng kinh tế, ngành kinh tế có tính mũi nhọn được hình thành.

Đã giải quyết có hiệu quả và kịp thời nhiều vấn đề xã hội, 22.000 hộ gia đình được vay vốn để phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm cho 2.681 lao động, 8.000 hộ được vay và trợ cấp lương thực. Tổng số hộ nghèo đói giảm 3%; đời sống nhân dân ở nhiều nơi đã có bước cải thiện rõ nét. Công tác giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ - môi trường, y tế, văn hóa - thông tin - thể thao, phát thanh và truyền hình phát triển đúng hướng và tăng trưởng với nhịp độ khá.

2. Củng cố quốc phòng - an ninh và công tác đối ngoại

Tình hình an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững; quan hệ đối ngoại được mở rộng. Các hiện tượng tham nhũng, buôn lậu và tai, tệ nạn xã hội giảm hơn năm trước.

Thế trận quốc phòng toàn dân và công tác an ninh nhân dân thường xuyên được củng cố.

Các lực lượng trong Khối Nội chính không ngừng được kiện toàn và từng bước nâng cao về chất lượng hoạt động; sự phối kết hợp ngày càng chặt chẽ và có hiệu quả. Công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án có nhiều tiến bộ; công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư, khiếu kiện của nhân dân đã bước đầu đi vào nền nếp.

3. Về xây dựng hệ thống chính trị

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân đã được tăng cường. Đội ngũ cán bộ có sự trưởng thành cả về số lượng và chất lượng chuyên môn, nghiệp vụ, bản lĩnh chính trị không ngừng được nâng cao.

Vai trò của tổ chức đảng được củng cố thêm một bước; chức năng quản lý, điều hành của chính quyền các cấp tiếp tục được hoàn thiện. Các đoàn thể nhân dân đã hướng về cơ sở, tham mưu kịp thời cho cấp ủy và chính quyền các cấp giải quyết những vấn đề nảy sinh trong nhân dân.

4. Những tồn tại, yếu kém và nguyên nhân

- Nhịp độ tăng trưởng kinh tế và tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa có chuyển biến nhưng còn chậm.

Quan hệ sản xuất trong nông - lâm nghiệp, tuy đã rõ hướng đi, song tốc độ triển khai, thực hiện còn chậm, đã hạn chế sự phát triển của lực lượng sản xuất.

Đời sống của nhân dân ở một số nơi, nhất là vùng cao, vùng sâu còn rất khó khăn; kỷ cương xã hội còn bị vi phạm; tệ nạn xã hội tuy có

giảm, song vẫn chứa đựng nhiều yếu tố phức tạp trên địa bàn các thị xã, thị trấn và vùng giáp biên giới.

- Vai trò chủ động trong công tác của các tổ chức trong hệ thống chính trị, đặc biệt là ở vùng cao, vùng sâu còn yếu kém.

- Vai trò và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, chính quyền và đoàn thể nhân dân ở một số nơi còn có biểu hiện giảm sút, chậm đổi mới, quan liêu và hành chính hóa.

Nguyên nhân của tình hình trên, bên cạnh các yếu tố khách quan, còn có những vấn đề thuộc về chủ quan đó là:

- Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy chưa tập trung sâu sát và đồng bộ trên một số lĩnh vực.

- Việc cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Trung ương và của cấp ủy nhìn chung còn chậm, tính thực tế, cụ thể chưa cao.

- Thiếu đội ngũ cán bộ quản lý khoa học - kỹ thuật và công nhân lành nghề thực sự có năng lực và lòng nhiệt tình phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ MỤC TIÊU CHỦ YẾU TRONG NĂM 1998

1. Phát triển kinh tế - xã hội

Tập trung sức phấn đấu để đạt và vượt một số mục tiêu cụ thể là:

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng trên 10%.
- Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp tăng trên 5%.
- Tổng sản lượng lương thực quy thóc 150.000 tấn.
- Phát triển đàn gia súc tăng trên 5%.
- Tỷ lệ tán che đạt 31%.
- Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tăng trên 19% (trong đó công nghiệp địa phương tăng trên 20%).
- Mở đường mới giao thông nông thôn từ 8 - 10%.
- Tổng giá trị xuất khẩu đạt 5 triệu USD.
- Giá trị sản xuất các ngành dịch vụ tăng trên 20%.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn 105 tỷ đồng.
- Phần thu cho ngân sách địa phương 307,48 tỷ đồng.
- Chi ngân sách 307,48 tỷ.

Về xã hội:

- Trên 83% số trẻ em trong độ tuổi được đến trường, tăng thêm 20 xã đạt phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ.
- Xây dựng mới 10 trạm xá xã.
- Giảm tỷ lệ sinh 1%. Tỷ lệ tiêm chủng cho trẻ em dưới 1 tuổi 92%.
- Giảm 2% số hộ đói và 3% số hộ nghèo (so với năm 1997).
- Tăng 5% dân số trong vùng phủ sóng truyền hình.
- Kéo điện lưới quốc gia về phục vụ nhân dân thêm 6 - 7 xã.
- Tạo việc làm cho 3.000 - 4.000 lao động.

2. Công tác quốc phòng - an ninh và đối ngoại

Với nhiệm vụ có tính bao trùm là: Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc chủ quyền biên giới, chúng ta cần tập chung để làm tốt một số nhiệm vụ cụ thể sau:

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, Đảng đoàn và Ban cán sự Đảng đối với công tác quốc phòng, an ninh và đối ngoại; thường xuyên giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân về ý thức quốc gia, quốc giới, tinh thần cảnh giác trước mọi âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực thù địch.

- Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt, các cấp, các ngành từ tỉnh đến cơ sở về quan điểm, đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng và xây dựng nền quốc phòng toàn dân, xây dựng kinh tế quốc phòng.

- Các cơ quan nội chính tăng cường phối hợp chặt chẽ hơn nữa trong công tác điều tra truy tố và xét xử, giải quyết dứt điểm và xử lý nghiêm minh đối với các vụ án xảy ra trên địa bàn. Tăng cường hơn nữa công tác giáo dục pháp luật trong nhân dân, nhất là trong các đối tượng thanh, thiếu niên và nhân dân thuộc các vùng nông thôn, vùng cao, vùng sâu.

3. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể nhân dân

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, cụ thể hóa các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, nghị quyết Đại hội Đảng các cấp thành hành động cụ thể.

- Nắm vững diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân; kịp thời uốn nắn những tư tưởng sai lệch, dao động, hoài nghi về chủ nghĩa xã hội; ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả với các luồng tư tưởng phản động, lợi dụng dân chủ, nhân quyền, lợi dụng tôn giáo để mê hoặc nhân dân, bôi đen chế độ xã hội chủ nghĩa, chia rẽ sự đoàn kết trong Đảng và trong các dân tộc.

- Tiếp tục củng cố các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Chỉ đạo thành công Đại hội các tổ chức cơ sở đảng Khối Cơ quan hành chính sự nghiệp và các doanh nghiệp; ra nghị quyết về xây dựng các cơ sở chính trị xã, phường, quyết định về phân cấp quản lý cán bộ. Chuẩn bị kỹ về nội dung và nhân sự, tập trung chỉ đạo thắng lợi Đại hội của Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động tỉnh và một số tổ chức trực thuộc khác.

- Tạo sự chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động đối với công tác kiểm tra của cấp ủy các cấp theo đúng nội dung Điều lệ Đảng (Đại hội VIII).

- Phát huy hơn nữa vai trò của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, tiếp tục quán triệt sâu rộng tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) về cải cách bộ máy hành chính nhà nước, làm cho bộ máy hành chính nhà nước các cấp gọn nhẹ, điều hành quản lý có hiệu quả.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phối hợp chặt chẽ, hướng hoạt động của mình về cơ sở, làm tốt công tác vận động quần chúng, nắm vững những vấn đề mà quần chúng quan tâm. Vận động nhân dân thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội ở địa phương; thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo của Đảng; tích cực đấu tranh chống các tệ nạn xã hội. Góp phần ổn định sản xuất và đời sống nhân dân các dân tộc.

III. NHỮNG GIẢI PHÁP CƠ BẢN

ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU NHIỆM VỤ NĂM 1998

1. Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Tiếp tục đầu tư chiều sâu cho những ngành kinh tế; trong đó tập trung đầu tư về công nghệ, xác định những ngành có tính mũi nhọn để tập trung đầu tư (như khai khoáng, chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu mới).

- Thực hiện phân vùng kinh tế để tạo ra các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, phục vụ cho công nghiệp chế biến và cho xuất khẩu.

- Cần đánh giá thực trạng về hợp tác xã và việc thực hiện chuyển đổi mô hình hợp tác xã ở nông thôn hiện nay. Đẩy nhanh tiến độ xây dựng hợp tác xã theo Luật hợp tác xã; chú trọng đáp ứng các nhu cầu về dịch vụ kỹ thuật, cung ứng vật tư, thu mua và chế biến nông, lâm sản cho nông dân.

2. Tạo vốn và chính sách sử dụng vốn

Các mục tiêu kế hoạch đặt ra trong điều kiện kinh tế ở địa phương còn chậm phát triển, việc tích lũy vốn để tái sản xuất đạt thấp, vì vậy việc mở rộng các hình thức để tạo vốn là vấn đề rất quan trọng. Cần tăng cường quản lý các đơn vị, các hộ sản xuất kinh doanh... nắm chắc các nguồn thu; tích cực thu đúng, thu đủ các nguồn thu trên địa bàn.

Đẩy mạnh công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại, thống nhất kiểm soát chặt chẽ hàng rào thuế quan, tận thu cho ngân sách và làm lành mạnh thị trường.

- Chú trọng xây dựng các dự án, mở rộng hình thức liên doanh, liên kết gọi vốn đầu tư trực tiếp của các thành phần kinh tế. Tăng cường huy động vốn trong nhân dân thông qua vận động gửi tiền tiết kiệm, bán trái phiếu để đầu tư vào phát triển sản xuất.

- Giải quyết kịp thời và sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí đầu tư qua các chương trình mục tiêu quốc gia. Thực hành tiết kiệm chi, nhất là chi tiếp khách, hội nghị, tham quan, du lịch, mua

sấm phương tiện đất tiền; xây dựng và thực hiện chế độ sử dụng tài sản công.

3. Thực hiện cơ chế thị trường

Có sự quản lý và điều hành của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng thả nổi thị trường, nhất là thị trường ở nông thôn.

4. Khoa học và công nghệ

Cần tập trung đầu tư cho việc ứng dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật và chuyển giao công nghệ vào sản xuất và quản lý kinh tế - xã hội. Tập trung ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ chế biến nông, lâm sản, công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng, công nghệ khai thác và chế biến khoáng sản.

Đẩy mạnh công tác thông tin khoa học - kỹ thuật và công nghệ, hết sức chú trọng đến việc sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng như phát thanh - truyền hình; ưu tiên đầu tư mở rộng vùng phủ sóng truyền hình theo kế hoạch.

5. Phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện công bằng xã hội

Khắc phục tình trạng phân hóa giàu nghèo ngày càng mở rộng. Khuyến khích sản xuất kinh doanh làm giàu hợp pháp đồng thời chăm lo xóa đói, giảm nghèo, xây dựng khu kinh tế mở ở thị xã. Thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội ở 26 xã biên giới và các xã vùng sâu, vùng xa.

Quan tâm giải quyết những vấn đề bức xúc thiết thực như tạo việc làm cho người lao động, việc khám chữa bệnh, học hành, thực hiện chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình, chăm lo các đối tượng chính sách.

6. Tiếp tục củng cố các tổ chức cơ sở đảng

Cùng với việc chuyển đổi cơ chế mới, cần tập trung làm tốt việc phân loại cán bộ và có phương án đào tạo bồi dưỡng cán bộ. Kiên quyết

loại trừ những cán bộ tham nhũng kém phẩm chất. Khắc phục tình trạng suy thoái ở một bộ phận cán bộ đảng viên sa sút về lý tưởng, phẩm chất đạo đức, thực dụng, chạy theo lối sống cá nhân, lười lao động, không chăm lo đến công việc, không tự học tự rèn để nâng cao trình độ, năng lực.

Thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu của năm 1998 sẽ tạo đà thuận lợi cho 2 năm còn lại của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000; góp phần quan trọng đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu đã được đề ra tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 139-TB/TU, ngày 9-1-1998

**Về thi đua khen thưởng tại Hội nghị lần thứ 19
ngày 3-1-1998**

Ngày 3-1-1998, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, đã xem xét Tờ trình số 03-CV/UB, ngày 2-1-1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin ý kiến về công tác khen thưởng, Ban Thường vụ thống nhất kết luận như sau:

1- Đồng ý đề nghị Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba cho thị xã Cam Đường có thành tích trong 35 năm xây dựng và phát triển.

2- Đồng ý đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ cho 2 đơn vị có thành tích xuất sắc trong phong trào làm đường giao thông nông thôn.

1- Cán bộ và nhân dân huyện Bắc Hà.

2- Cán bộ và nhân dân huyện Văn Bàn.

3- Đồng ý Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua cho 6 đơn vị có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc.

1- Nhân dân xã Sán Chải, huyện Bắc Hà.

2- Nhân dân xã Cam Cọn, huyện Bảo Yên.

3- Nhân dân xã Nậm Cần, huyện Than Uyên.

4- Nhân dân Thị trấn Phố Lu, huyện Bảo Thắng.

5- Nhân dân Phường Pom Hán, thị trấn Cam Đường.

6- Cán bộ công nhân viên Bưu điện tỉnh Lào Cai.

Các cơ quan và các cá nhân căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành
Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 07-CT/TU, ngày 24-1-1998

**Về việc tổ chức kỷ niệm 40 năm ngày Bác Hồ lên thăm
Lào Cai (23-9-1958 - 23-9-1998)**

Ngày 23-9-1958 Bác Hồ cùng với phái đoàn của Đảng và Chính phủ lên thăm tỉnh ta, đến nay vừa tròn 40 năm. Đây là một sự kiện lịch sử quan trọng, là niềm vinh dự lớn lao đối với đồng bào các dân tộc tỉnh ta. Nhân sự kiện trọng đại này Đảng bộ, chính quyền tỉnh Lào Cai tiến hành tổ chức kỷ niệm 40 năm ngày Bác Hồ lên thăm Lào Cai. Để tổ chức ngày kỷ niệm trên đạt kết quả, Tỉnh ủy yêu cầu các ban, ngành đoàn thể; các huyện thị, Đảng ủy trực thuộc cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Mục đích yêu cầu

- Đây là lần đầu tiên tỉnh ta tổ chức kỷ niệm ngày Bác Hồ lên thăm Lào Cai. Do vậy, việc tổ chức kỷ niệm cần phải được tiến hành chu đáo, sâu sắc thiết thực về nội dung và hết sức tiết kiệm. Thông qua đó để tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Hồ Chủ tịch và giáo dục truyền thống, nâng cao tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc, thực hiện lời huấn thị của Người, quyết tâm phấn đấu xây dựng Lào Cai ngày càng giàu đẹp.

- Nhân dịp này các cơ sở cần tổ chức ôn lại truyền thống cách mạng của Đảng bộ, nêu bật những thành tựu to lớn của tỉnh ta trong

mấy chục năm qua, đặc biệt là 40 năm sau ngày Bác Hồ lên thăm Lào Cai. Từ đó, nâng cao tinh thần phấn khởi, tin tưởng và tự hào về truyền thống cách mạng của nhân dân các dân tộc Lào Cai. Đồng thời phát động phong trào hành động cách mạng, thiết thực đẩy mạnh sản xuất, tiếp tục thực hiện tốt các nghị quyết Trung ương 2, 3, 4 và các nghị quyết khác của Đảng để lấy thành tích chào mừng 40 năm ngày Bác Hồ lên thăm Lào Cai.

2. Hình thức tổ chức

- Tùy tình hình cụ thể của địa phương, tổ chức một số hình thức hoạt động có ý nghĩa giáo dục truyền thống như: các đoàn thể quần chúng tổ chức gặp gỡ những người đã được gặp Bác, tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về Bác Hồ, thi tìm hiểu về Bác Hồ, tổ chức hội thảo về đạo đức Hồ Chủ tịch.

- Tổ chức mít tinh ở thị xã tỉnh lỵ và thị xã Cam Đường (nơi Bác Hồ đến thăm).

- Kết hợp tuyên truyền ngày kỷ niệm trên với việc triển khai nghiên cứu nghị quyết của Đảng tới toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

- Phát động toàn tỉnh cuộc sưu tầm toàn bộ tư liệu về ảnh, hiện vật, bút tích, thư của Bác Hồ có liên quan đến Lào Cai.

- Tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức các hoạt động thể dục thể thao, văn hóa, văn nghệ. Xây dựng các cụm, băng cờ, panô, áp phích chào mừng 40 năm ngày Bác Hồ lên thăm Lào Cai.

- Xây dựng bộ phim tư liệu. Xây dựng tượng đài với chủ đề “Bác Hồ với Lào Cai”, xuất bản cuốn sách “Bác Hồ với Lào Cai - Những sự kiện”.

3. Tổ chức thực hiện

- Để tổ chức ngày kỷ niệm trên đạt kết quả, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban chỉ đạo gồm: 1 đồng

chí Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh làm trưởng ban, và một số ban, ngành chức năng của tỉnh.

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có trách nhiệm giúp cấp ủy theo dõi, chỉ đạo các hoạt động kỷ niệm trên trong phạm vi toàn tỉnh.

- Các ban Đảng Tỉnh ủy, các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, các Đảng đoàn, Ban cán sự các ngành, các cấp căn cứ chức năng của mình có trách nhiệm giúp Tỉnh ủy theo dõi chỉ đạo ngày kỷ niệm trên đạt kết quả.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 20 NGÀY 16-2-1998

Số 117-TB/TU, ngày 16-2-1998

Ngày 16-2-1998, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, đã thống nhất kết luận một số vấn đề như sau:

1. Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1998 và dự kiến phân bổ vốn xây dựng cơ bản năm 1998

- Đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh giao tăng chỉ tiêu thu ngân sách cho các đơn vị lên 5 tỷ đồng. Nguồn thu vượt này sẽ sử dụng đầu tư xây dựng cơ bản.

- Đồng ý bố trí kế hoạch trồng rừng là 3.000 ha. Ủy ban nhân dân tỉnh cần tích cực làm việc với các bộ, ngành ở Trung ương để xin thêm vốn trồng rừng.

Về bố trí vốn xây dựng cơ bản bằng nguồn ngân sách nhà nước theo các nguyên tắc sau:

- Ưu tiên trả nợ hết cho các công trình đã hoàn thành năm 1996.

- Trả nợ từ 70-80% cho các công trình hoàn thành năm 1997 và các công trình ứng vốn năm 1996 - 1997.

- Hoàn thành Cung văn hóa thiếu nhi và Nhà thi đấu trong năm 1998. Không giảm vốn đầu tư mà tìm thêm nguồn để ưu tiên thanh toán cho 2 công trình này, nhằm sớm đưa công trình vào hoạt động để thu hồi vốn đầu tư.

- Thang máy trụ sở Tỉnh ủy giao cho Văn phòng Tỉnh ủy làm chủ đầu tư.

- Tăng nguồn thanh toán cho công trình Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh.

- Dùng nguồn vốn vay để đầu tư cho Trạm đăng kiểm, không lấy từ nguồn giảm từ Cung văn hóa thiếu nhi.

- Kiểm tra lại công trình trụ sở Sở Văn hóa và thư viện, những hạng mục chưa duyệt dự toán thì không bố trí vốn năm nay, yêu cầu báo cáo rõ lý do vượt dự toán đã duyệt.

- Phân vốn xây dựng cơ bản phải công khai, chấm dứt cơ chế xin cho, tăng cường kiểm tra để chống thất thoát vốn, chống tiêu cực trong phân vốn.

- Trong quy hoạch phải gắn trung tâm văn hóa với trung tâm kinh tế ở các khu vực.

- Các huyện làm dự án các trường chính trị huyện để bố trí vốn đầu tư vào năm 1999.

2. Về phân bổ kinh phí ngân sách đảng năm 1998

Ban Tài chính - Quản trị căn cứ vào biên chế và quy định về định mức của Nhà nước và của tỉnh để xây dựng dự toán kinh phí ngân sách đảng, năm 1998 cụ thể cho từng đơn vị trình Thường trực duyệt.

- Các khoản chi đột suất trong năm 1998 do Thường trực Tỉnh ủy duyệt. Văn phòng Tỉnh ủy có trách nhiệm tổng hợp và trình tập thể Thường trực vào ngày giao ban tuần.

- Thực hiện hỗ trợ kinh phí cho Đảng bộ Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Tư lệnh Biên phòng và Công ty Apatit.

- Đồng ý tăng kỳ phát hành báo lên 2 kỳ/1 tuần và tăng khổ báo từ quý II năm 1998. Giao cho Ban Tuyên giáo chủ trì xây dựng quy chế về phát hành và cấp phát báo trình Ban Thường vụ quyết định theo hướng chỉ cấp cho cơ sở ở khu vực 3, tăng giá bán ở khu vực khác cho hợp lý, bỏ chế độ biểu báo, quy định cụ thể về việc in màu.

- Ban Tài chính - Quản trị có phương án để các ban trong Khối Đảng trả riêng tiền điện, tiền nước.

- Từ năm nay tiền bảo hiểm thân xe do các cơ quan tự mua, khi xảy ra tai nạn làm hỏng xe thì lái xe phải đền bù theo quy định của Nhà nước.

3. Đồng ý thành lập hội đồng thi đua khen thưởng của Khối Đảng

Các cơ quan và cá nhân căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
TRÁNG A PAO**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 131-QĐ/TU, ngày 20-2-1998

Về việc thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng Khối các ban Đảng, cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy

- Căn cứ vào Nghị định số 53-HĐBT, ngày 25- 2-1985 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) về việc ban hành Điều lệ khen thưởng thành tích thực hiện kế hoạch nhà nước và các nhiệm vụ công tác khác;

- Căn cứ vào Thông báo 117-TB/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 22, ngày 16 - 2 - 1998 về công tác thi đua khen thưởng Khối các ban Đảng và cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng Khối các Ban Đảng, cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy gồm các đồng chí sau đây:

1. Đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch

2. Đồng chí Phạm Ngọc Sửu, Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức, Phó Chủ tịch Thường trực

3. Đồng chí Lương Xuân Mậu, Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy viên

4. Đồng chí Bùi Quang Vinh, Ủy viên Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, Ủy viên

5. Đồng chí Trần Nguyên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy viên
6. Đồng chí Giàng Sín Diu, Phó Ban Dân vận - Dân tộc, Ủy viên.
7. Đồng chí Nguyễn Văn Thập, Trưởng ban Tài chính - Quản trị, Ủy viên.

Điều 2: Hội đồng có nhiệm vụ căn cứ vào Điều lệ về công tác thi đua khen thưởng, xét duyệt cho các tập thể và cá nhân thuộc các ban, cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy, trình Ban Thường vụ quyết định khen thưởng.

Nhiệm vụ của từng thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công.

Điều 3: Quyết định có hiệu lực từ ngày ký

Văn phòng Tỉnh ủy, các ban, cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 05-TT/TU, ngày 27-2-1998

Hướng dẫn Đại hội tổ chức cơ sở đảng

Thực hiện Điều 22 Chương V Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII) và Công văn số 136-CV/TCTW, ngày 9-2-1998 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng về Đại hội tổ chức cơ sở đảng. Để thống nhất trong phạm vi toàn tỉnh, Tỉnh ủy hướng dẫn việc Đại hội tổ chức cơ sở đảng như sau:

1- Ở các đảng bộ, chi bộ, xã, phường, thị trấn đã tiến hành Đại hội đại biểu hoặc Đại hội đảng viên vào cuối năm 1995, đầu năm 1996 (trước khi có quy định mới nêu trong Điều 22, Điều lệ Đại hội Đảng VIII): Do Đại hội Đảng bộ, chi bộ lúc đó mới xác định nhiệm vụ của mình từ cuối năm 1995 đến hết năm 1997 hoặc đến năm 1998. Nay cần tiến hành mở hội nghị:

- Các chi, đảng bộ có điều kiện thì mở hội nghị toàn thể đảng viên.
- Các đảng bộ đông đảng viên thì tiến hành mở hội nghị Đảng ủy mở rộng đến các bí thư chi bộ... để kiểm điểm công tác của đảng bộ, chi bộ từ Đại hội đến nay và bổ sung nhiệm vụ của đảng bộ, chi bộ từ nay đến năm 2000 (theo quy định mới về nhiệm kỳ 5 năm).

2- Ở các loại hình cơ sở khác theo quy định của Điều lệ Đảng về nhiệm kỳ Đại hội 5 năm 2 lần thì tiến hành Đại hội theo quy định đó.

3- Đại hội cơ sở cần tập trung đánh giá đúng tình hình những thành tích đã đạt được và khuyết điểm tồn tại, rút ra những kinh

nghiệm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và đảng bộ, chi bộ trong nhiệm kỳ vừa qua, xác định rõ mục tiêu và nhiệm vụ của Đảng bộ, chi bộ trong nhiệm kỳ tới. Lựa chọn những đồng chí có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, năng lực bầu vào cấp ủy khóa mới, đáp ứng thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

4- Thời gian tiến hành Đại hội không quá 2 ngày và hoàn thành trong quý II năm 1998.

Yêu cầu các huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc lập kế hoạch chỉ đạo Đại hội cơ sở đạt kết quả tốt.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 20 NGÀY 10-3-1998

Số 122-TB/TU, ngày 11-3-1998

Ngày 10-3-1998, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, đã thống nhất kết luận một số vấn đề về công tác cán bộ như sau:

1. Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường

1. Đồng ý cho đồng chí Ngô Trọng Mỹ, Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường nghỉ hưu từ ngày 1-4-1998.

2. Đề bạt đồng chí Trần Đình Sự, Phó giám Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường giữ chức vụ Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường từ ngày 1-4-1998.

3. Đề bạt đồng chí Dương Bá Trực, Chánh Văn phòng Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường từ ngày 1-4-1998.

4. Đề bạt đồng chí Nguyễn Văn Hoàn, chuyên viên Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường từ 1-4-1998.

2. Trường Chính trị

Điều động đồng chí Trịnh Quang Chinh, Phó Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giữ chức vụ Giám đốc Trường Chính trị từ ngày 1-4-1998.

3. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh

Điều động đồng chí Vũ Đình Doãn, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy Bát Xát giữ chức vụ Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh từ ngày 1-4-1998.

4. Huyện ủy Bát Xát

Điều động đồng chí Hoàng Đức Tiêu, Huyện ủy viên, Phó Giám đốc Doanh nghiệp Đồng về Huyện ủy Bát Xát để bầu giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện từ ngày 1-4-1998.

5. Huyện ủy Văn Bàn

1. Đồng ý cho đồng chí Tạ Duy Hiên, Bí thư Huyện ủy thôi giữ chức bí thư Huyện ủy, từ ngày 1-4-1998 để nghỉ hưu.

2. Đồng ý để Ban Chấp hành Huyện ủy bầu đồng chí Hà Xuân Kiến, Tỉnh ủy viên, Phó Bí thư Thường trực giữ chức Bí thư Huyện ủy từ ngày 1-4-1998.

3. Điều động đồng chí Hà Đức Miêu, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ra công tác tại Hội Nông dân tỉnh từ ngày 1-4-1998 để chuẩn bị cho Đại hội Nông dân và giới thiệu với Đại hội bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh.

4. Đồng ý Ban Chấp hành huyện bầu đồng chí Lê Văn Quý, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực từ ngày 1-4-1998.

5. Đồng ý Ban Chấp hành huyện bầu đồng chí Hà Kim Tam, Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giữ chức vụ Phó Bí thư và giới thiệu để Hội đồng nhân dân huyện bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện từ ngày 1-4-1998.

6. Huyện Mường Khương

1. Điều động đồng chí Hoàng Chúng, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ra công tác tại Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh từ ngày 1-4-1998 và giới thiệu để Đại hội bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

2. Đồng ý điều động đồng chí Sùng Chúng, Phó Bí thư Thường trực huyện giữ chức vụ Phó Bí thư và giới thiệu để Hội đồng nhân dân huyện bầu giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện từ ngày 1-4-1998.

3. Đồng ý Ban Chấp hành huyện bầu đồng chí Tạ Đình Bảng, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy từ ngày 1-4-1998.

4. Đồng ý báo cáo Hội đồng nhân dân huyện Mường Khương cho đồng chí Nguyễn Đình Vững thôi kiêm chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện từ ngày 1-4-1998.

5. Đồng ý điều động đồng chí Nùng Chấn Phìn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thôi giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân để bầu giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện từ ngày 1-4-1998.

6. Đồng ý Huyện ủy giới thiệu đồng chí Lục Thượng Vinh, Phó Ban Tuyên giáo để Hội đồng nhân dân huyện bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện từ ngày 1-4-1998.

7. Đồng ý Ban Chấp hành huyện bầu đồng chí Lê Kim Quát, Huyện ủy viên giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy từ ngày 1-4-1998.

7. Thị xã Lào Cai

Đồng ý cho đồng chí Nguyễn Kim Đê, Phó Bí thư Thường trực Thị ủy nghỉ hưu chữa bệnh hết năm 1998 và về nghỉ hưu.

8. Ban cán sự Ủy ban nhân dân tỉnh

Chỉ định đồng chí Nguyễn Văn Tông, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giữ chức vụ Ủy viên Ban cán sự Ủy ban nhân dân tỉnh.

9. Ban cán sự Ngân hàng

1. Chỉ định đồng chí Trần Quốc Hoạt, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh giữ chức vụ Bí thư Ban cán sự.

2. Các ủy viên Ban cán sự

- Đồng chí Doãn Văn Hoàn, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp

- Đồng chí Đinh Ngọc Hiền, Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước
- Đồng chí Nguyễn Văn Phúc, Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước
- Đồng chí Lê Nam Hải, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và phát triển.

10. Ban cán sự Sở Giao thông vận tải

1. Chỉ định đồng chí Nguyễn Ngọc Dũng, Giám đốc Sở giữ chức vụ Bí thư Ban cán sự.

2. Chỉ định đồng chí Nguyễn Văn Trọng, Chủ tịch Công đoàn ngành giữ chức vụ Ủy viên.

11. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh

Chỉ định Ủy viên Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh.

1. Đồng chí Hoàng Thị Tráng, Phó Chủ tịch Hội.

2. Đồng chí Đào Minh Châu, Phó Chủ tịch Hội.

12. Đảng đoàn Hội Văn học nghệ thuật

1. Đồng ý cho đồng chí Mã A Lềnh thôi giữ chức vụ Bí thư Đảng đoàn từ ngày 1-4-1998.

2. Chỉ định đồng chí Nguyễn Ngọc Dương - Chủ tịch Hội giữ chức vụ Bí thư Đảng đoàn hội từ ngày 1-4-1998.

13. Sở Y tế

Đồng ý cho đồng chí Trịnh Tuyết Nhung, Phó Giám đốc Sở Y tế nghỉ hưu từ ngày 1-4-1998.

14. Ban Kinh tế Tỉnh ủy

Đồng ý cho đồng chí Cù Phúc Diu, Chánh Văn phòng Ban Kinh tế Tỉnh ủy nghỉ hưu từ ngày 1-4-1998.

Các cơ quan và cá nhân căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 21 NGÀY 10-3-1998
Số 123-TB/TU, ngày 11-3-1998

Ngày 10-3-1998, Ban Thường vụ họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, đã thống nhất kết luận một số vấn đề như sau:

1. Đồng ý ban hành Quy định tạm thời về chế độ thưởng hiện vật cho các đồng chí đảng viên được tặng Huy hiệu 50 năm tuổi Đảng là 1.000.000 đồng, được tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng là 500.000 đồng. Giao cho Ban Tổ chức dự thảo quy định tạm thời trình Thường trực ban hành.

2. Đồng ý Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba:

1. Công ty Vận tải Lào Cai.

2. Đồng chí Tạ Duy Hiển, Bí thư Huyện ủy Văn Bàn

3. Đồng ý Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Chính phủ tặng Cờ luân lưu

- Cán bộ và nhân dân huyện Mường Khương

4. Đồng ý Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Cờ thi đua xuất sắc toàn diện

1. Sở Giao thông Vận tải

2. Tòa án nhân dân tỉnh

3. Cục Thuế tỉnh

4. Ban Tổ chức chính quyền tỉnh

5. Bưu điện tỉnh

6. Huyện Văn Bàn

7. Sở Giáo dục và Đào tạo

8. Hội Phụ nữ tỉnh

Ủy quyền cho Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng Cờ thi đua xuất sắc các phong trào khác.

Các cơ quan và cá nhân căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 132-QĐ/TU, ngày 13-3-1998

Về quản lý tổ chức và cán bộ

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ III (khóa VIII) và Kế hoạch cải cách nền hành chính nhà nước của Chính phủ;

- Căn cứ vào mục tiêu, phương hướng nhiệm vụ chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II (nhiệm kỳ 1996-2000);

Để đưa công tác tổ chức và cán bộ đi vào nền nếp, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành quyết định phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ, nội dung cụ thể sau:

I. NGUYÊN TẮC CHUNG

1- Đảng trực tiếp và thống nhất lãnh đạo công tác tổ chức, quản lý hệ thống tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn hệ thống chính trị.

- Đảng quyết định phân công cán bộ và giới thiệu với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân người ra ứng cử các chức vụ chủ chốt trong hệ thống chính trị phù hợp với vai trò lãnh đạo của Đảng.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định chế độ phân công, phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ đối với tổ chức đảng, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

- Các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, huyện, thị ủy và Đảng ủy trực thuộc lãnh đạo thực hiện các chủ trương của Đảng về công tác tổ chức và cán bộ ở các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phù hợp với pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Thường xuyên kiểm tra việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ở tất cả các cấp, các ngành (kể cả các đơn vị thuộc ngành dọc ở Trung ương đóng tại địa phương).

2- Bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác tổ chức và cán bộ, đồng thời phát huy trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong hệ thống chính trị đối với công tác quản lý tổ chức và cán bộ.

- Những vấn đề về chủ trương, chính sách, nhận xét, bố trí, đề bạt, bổ nhiệm và miễn nhiệm... phải do tập thể cấp ủy có thẩm quyền xem xét quyết định theo đa số.

- Việc nhận xét, đánh giá cán bộ phải tiến hành hằng năm. Cấp ủy Đảng, thủ trưởng nơi cán bộ công tác và sinh hoạt đảng, căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ và hiệu quả công tác đánh giá nhận xét cán bộ. Việc đánh giá nhận xét cán bộ phải thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê và phê bình công khai dân chủ.

- Tuyển chọn cán bộ, công chức: Thực hiện chế độ dân chủ, công khai, bảo đảm nguyên tắc, tuyển chọn những người có đủ tiêu chuẩn theo từng chức danh thực hiện quy trình tuyển chọn một cách chặt chẽ.

- Thực hiện chế độ bổ nhiệm có thời hạn là 5 năm, đến thời hạn Ban Thường vụ Tỉnh ủy và cơ quan có thẩm quyền căn cứ phẩm chất đạo đức và mức độ hoàn thành nhiệm vụ để quyết định việc bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm.

- Về luân chuyển cán bộ chủ chốt: Thực hiện chế độ luân chuyển

cán bộ giữa các ngành của tỉnh và các huyện, thị... nhằm đào tạo cán bộ một cách toàn diện, am hiểu nhiều lĩnh vực công tác và sâu sát cơ sở. Căn cứ vào nhiệm vụ chính trị từng thời gian, Ban Thường vụ Tỉnh ủy lập quy hoạch, kế hoạch luân chuyển cán bộ theo một quy trình cụ thể.

- Chế độ học tập: Là quyền lợi, nghĩa vụ của cán bộ, công chức, viên chức, mỗi cán bộ, công chức, viên chức phải có kế hoạch thường xuyên học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn, ngoại ngữ... và năng lực hoạt động thực tiễn. Các cấp ủy Đảng, Đảng Đoàn, Ban cán sự Đảng có trách nhiệm lập kế hoạch đào tạo và quản lý việc cử cán bộ, công chức đi học tập đúng các chế độ quy định của Đảng và Nhà nước.

II. TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN QUẢN LÝ, DANH MỤC CÁC TỔ CHỨC VÀ CHỨC DANH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC DO TỪNG CẤP QUẢN LÝ

A. Ban Thường vụ Tỉnh ủy

a) Trách nhiệm quyền hạn:

- Quyết định các chủ trương, công tác tổ chức và cán bộ để thực hiện nghị quyết của Trung ương Đảng, Chính phủ và Tỉnh ủy.

- Quyết định thành lập tổ chức, giải thể, sáp nhập, chuyển giao nhiệm vụ hoặc chuyển hình thức sở hữu... của các bộ máy tổ chức thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Quyết định đề bạt, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển cán bộ chủ chốt, nhận xét, đánh giá, khen thưởng, kỷ luật, quyết định việc đi học, tham quan nước ngoài, thực hiện chính sách cán bộ đối với diện cán bộ, thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Giúp Tỉnh ủy chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành (khóa tiếp theo) để Tỉnh ủy giới thiệu với Đại hội đại biểu Đảng bộ xem xét bầu cử. Đồng thời chuẩn bị nhân sự Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy để cấp ủy khóa mới xem xét bầu cử giới thiệu nhân sự Thường trực Hội đồng nhân

dân và Ủy ban nhân dân tỉnh để Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét bầu cử theo luật định; giới thiệu nhân sự tham gia các chức vụ chủ chốt Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân để Đại hội xem xét bầu cử theo Điều lệ của từng tổ chức chính trị.

b) Danh mục các tổ chức và chức danh cán bộ, công chức:

1- Tổ chức bộ máy: Quyết định thành lập giải thể sáp nhập chuyển giao nhiệm vụ công tác, các tổ chức.

- Các Đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy

- Các ban, ngành thuộc Khối Đảng trực thuộc Tỉnh ủy.

- Các tổ chức: Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trực thuộc Tỉnh ủy.

- Các sở, ban, ngành trực thuộc tỉnh.

- Ủy ban nhân dân huyện, thị trực thuộc tỉnh.

Ban Thường vụ ủy nhiệm cho tập thể Thường trực Tỉnh ủy giải quyết một số việc cụ thể sau:

- Quyết định việc thành lập, giải thể, sáp nhập, chuyển giao nhiệm vụ công tác, các phòng, ban thuộc ban, ngành Khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trực thuộc Tỉnh ủy.

2- Chức danh cán bộ công chức:

Lập thủ tục đề nghị Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị về công tác cán bộ đối với diện cán bộ thuộc Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị quản lý (theo quyết định của Bộ Chính trị về việc phân cấp quản lý cán bộ), chuẩn bị nhân sự và quản lý cán bộ:

- Tỉnh ủy viên.

- Phó Chủ tịch trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Ủy viên Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Bí thư Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng các cơ quan trực thuộc tỉnh.

- Trưởng, Phó ban, ngành Khối Dân, Đảng trực thuộc Tỉnh ủy.

- Giám đốc, Phó Giám đốc các sở, ban, ngành cấp tỉnh thuộc Khối Nhà nước (kể cả lực lượng vũ trang).

- Trưởng ban Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Bí thư, Phó Bí thư huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.
- Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện, thị xã.
- Chủ tịch và Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã.
- Ủy viên Thường vụ huyện, thị ủy và Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội Nhà báo, Hội Văn học nghệ thuật, Hội Chữ thập đỏ, Ủy ban dân số kế hoạch hóa gia đình, Ủy ban chăm sóc giáo dục trẻ em,

Hội đoàn kết hữu nghị với các nước của tỉnh Lào Cai và các hội tương ứng khác mang tính chất chính trị - xã hội.

- Hiệu trưởng, Hiệu phó Trường Chính trị; Giám đốc, Phó Giám đốc Trung tâm đào tạo cán bộ kinh tế - kỹ thuật thuộc tỉnh.

- Cán bộ lực lượng vũ trang, an ninh (không giữ chức vụ trưởng, phó ngành) có quân hàm từ Thượng tá trở lên.

- Đại biểu Quốc hội đương nhiệm.

- Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước.

- Xét duyệt diện cán bộ Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đi nghiên cứu, tham quan học tập ở nước ngoài thời gian từ 3 tháng trở lên.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy nhiệm cho tập thể Thường trực Tỉnh ủy giải quyết công việc tổ chức và cán bộ như sau:

- Ủy viên Ban Chấp hành các Đảng bộ huyện, thị và các Đảng ủy trực thuộc.

- Ủy viên Thường vụ các đoàn thể chính trị cấp tỉnh (Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn Lao động, Thanh niên, Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân tỉnh, Hội Văn học nghệ thuật, Hội Chữ thập đỏ...).

- Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy, thẩm phán Tòa án nhân dân tỉnh, kiểm sát viên trung cấp Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.

- Tham mưu trưởng, Chủ nhiệm chính trị cơ quan quân sự, Biên phòng tỉnh

- Cán bộ lực lượng vũ trang, an ninh có quân hàm từ Trung tá.

- Chuyên viên chính (mã số 01002) có hệ số mức lương từ 3,63 trở lên.

- Anh hùng Lao động, anh hùng các lực lượng vũ trang, an ninh (đã chuyển ngành hoặc đã nghỉ hưu ở địa phương).

- Cán bộ lão thành, Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, cán bộ tiền khởi nghĩa.

- Tiến sĩ, phó tiến sĩ, thạc sĩ, thầy thuốc ưu tú, nhà giáo ưu tú, nghệ sĩ ưu tú, nghệ sĩ nhân dân.

- Cán bộ nữ là dân tộc ít người có hệ số tiền lương 3,31 (chuyên viên bậc 7 trở lên).

- Xét duyệt cán bộ, công chức, viên chức đi tham quan, nghiên cứu, học tập ở nước ngoài thời gian trong vòng 3 tháng.

B. Ban cán sự Đảng và Đảng đoàn

1 - Ban cán sự Đảng ở các cơ quan nhà nước:

- Tổ chức thực hiện những chủ trương, phương hướng, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy.

- Lãnh đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết, Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tổ chức và cán bộ.

- Lãnh đạo xây dựng và thực hiện quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng và chuẩn bị cán bộ cho các chức danh thuộc phạm vi phụ trách và chức danh cán bộ thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Xét duyệt đề bạt, bổ nhiệm, khen thưởng, luân chuyển cán bộ, giải quyết chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức để thủ trưởng cơ quan quyết định thuộc thẩm quyền được phân cấp quản lý.

2 - Đảng đoàn ở các cơ quan dân cử:

Tổ chức thực hiện những chủ trương, phương hướng, chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy.

- Lãnh đạo tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tổ chức và cán bộ. Xây dựng quy hoạch đào tạo bồi dưỡng và chuẩn bị cán bộ cho các chức danh thuộc phạm vi phụ trách và chức danh cán bộ thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Xét duyệt đề bạt, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và giải quyết chế độ chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức để lãnh đạo các cơ quan dân cử quyết định thuộc thẩm quyền được phân cấp quản lý.

C. Ban Thường vụ huyện ủy, thị ủy và Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy

1- Ban Thường vụ huyện ủy, thị ủy:

- Quyết định việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đánh giá, bố trí, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu... đối với cán bộ, công chức, viên chức được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân cấp quản lý.

Xây dựng quy hoạch, kế hoạch và chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận đối với chức danh chủ chốt ở địa phương kể cả cán bộ kế cận thuộc cấp trên trực tiếp quản lý.

- Cán bộ, công chức, viên chức được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân cấp quản lý khi đề bạt, bổ nhiệm chức vụ trưởng phòng, ban và tương đương trao đổi thống nhất với hai Ban Tổ chức của tỉnh và ngành dọc (nếu cán bộ Khối Dân, Đảng thì trao đổi với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, nếu cán bộ thuộc Khối Nhà nước thì trao đổi với Ban Tổ chức chính quyền tỉnh). Đối với các ngành chưa phân cấp quản lý, đóng trên địa bàn huyện, thị thì do ngành dọc quyết định trên cơ sở phải trao đổi thống nhất với cấp ủy huyện, thị. Trường hợp hai bên không thống nhất, cán bộ, công chức Khối Đảng, đoàn thể nhân dân báo cáo Thường trực Tỉnh ủy; cán bộ công chức Khối Nhà nước báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để giải quyết.

2- Các Đảng ủy trực thuộc tỉnh:

- Đảng ủy Quân sự, Biên phòng, Công an và Công ty Apatit Việt Nam chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc giải quyết cán bộ diện tỉnh quản lý. Các chức danh tổ chức và cán bộ do Bộ, ngành dọc quyết định, trước khi báo cáo lên Bộ, ngành cấp trên phải được Ban Thường vụ Tỉnh ủy có ý kiến bằng văn bản.

- Đảng ủy các cơ quan tỉnh quản lý cấp ủy cơ sở và cán bộ làm công tác xây dựng Đảng, hằng năm phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp phân loại đảng viên là cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

D. Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Trách nhiệm, quyền hạn:

- Quản lý hoạt động của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị, các doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức xã hội và tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh.

- Nghiên cứu chuẩn bị tốt các phương án về công tác tổ chức bộ máy và công tác cán bộ thuộc Khối Nhà nước để Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét quyết định.

- Triển khai kịp thời các nghị quyết và quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tổ chức và cán bộ.

- Quyết định đề bạt, bổ nhiệm, điều động, khen thưởng, kỷ luật... cán bộ, công chức Khối Nhà nước được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân cấp quản lý.

b) Danh mục các tổ chức và chức danh cán bộ, công chức:

1- Tổ chức bộ máy:

- Ra quyết định về việc thành lập, giải thể, sáp nhập, chuyển giao nhiệm vụ công tác, chuyển hình thức sở hữu tổ chức theo nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Ra quyết định thành lập các phòng, ban, trung tâm, trạm trại và các tổ chức khác trực thuộc sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh.

- Các trường chuyên nghiệp dạy nghề, trường phổ thông trung học

- Các doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo Luật doanh nghiệp.

- Các tổ chức Hội nghề nghiệp.

- Các tổ chức kinh tế ngoài quốc doanh.

c) Các chức danh cán bộ, công chức:

- Các phó giám đốc và kế toán trưởng các doanh nghiệp nhà nước.

- Các phó giám đốc, phó hiệu trưởng các trường chuyên nghiệp, hiệu trưởng, hiệu phó trường phổ thông trung học và trưởng các đơn vị sự nghiệp thuộc sở, ban, ngành trong Khối Nhà nước.

- Các nhà khoa học, quản lý kinh doanh giỏi, các kỹ sư, bác sĩ... có chuyên môn nghiệp vụ cao.

- Công nhân kỹ thuật lành nghề (cơ khí, luyện kim, khai khoáng... bậc cuối cùng).

d) Các sở ban ngành cấp tỉnh:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho thủ trưởng các sở, ban, ngành, Bí thư Ban cán sự Đảng, chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về quản lý, tổ chức và cán bộ thuộc đơn vị ngành mình quản lý. Trước khi ra quyết định đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, giải quyết chế độ, chính sách cán bộ... Giám đốc sở, ban, ngành phải đưa ra tập thể Ban cán sự Đảng, bàn thống nhất trong đơn vị. Nếu chưa có sự thống nhất phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

- Việc đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động... và giải quyết chế độ chính sách cho cán bộ, công chức diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý; Ban cán sự Đảng, thủ trưởng cơ quan bàn bạc thống nhất báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tổ chức cơ quan tỉnh) để trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét quyết định. Đối với các sở, ban, ngành trực thuộc bộ, ngành dọc Trung ương, khi giải quyết công tác cán bộ, điều động, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật và giải quyết chính sách... phải có ý kiến bằng văn bản của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

E. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong hệ thống chính trị

Thường xuyên chăm lo củng cố phát huy vai trò trách nhiệm của Đảng đoàn và các tổ chức trong hệ thống chính trị. Đảng đoàn và Ban Thường vụ của tổ chức đoàn thể chính trị có trách nhiệm quản lý tổ chức và cán bộ, công chức, viên chức thuộc đơn vị quản lý, kể cả chức danh cán bộ, công chức do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Tham gia đóng góp với huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy về công tác tổ chức và cán bộ đối với tổ chức đoàn thể chính trị ở cấp huyện, thị

H. Trách nhiệm và quyền hạn của các ban Đảng trực thuộc Tỉnh ủy

1- Ban Tổ chức Tỉnh ủy:

Là cơ quan tham mưu giúp Tỉnh ủy về công tác tổ chức cán bộ và xây Đảng. Hướng dẫn kiểm tra đôn đốc các cấp, các ngành về việc chấp hành các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác tổ chức và cán bộ.

- Giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy khảo sát, tổng hợp tình hình đội ngũ cán bộ, chủ yếu đội ngũ cán bộ diện tỉnh quản lý (kể cả đương chức và dự bị).

- Tham gia thẩm định các đề án về tổ chức và cán bộ về nhân sự Đại hội Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trước khi trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Hướng dẫn các ban của Đảng, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, các huyện, thị ủy và Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy về công tác tổ chức và cán bộ.

- Thực hiện một số nhiệm vụ cụ thể được Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ủy nhiệm.

- + Quản lý biên chế Khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

- + Thực hiện trợ cấp khó khăn đột xuất cho cán bộ, công chức (theo quy định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy).

- + Xét cho cán bộ, công chức (trong quy hoạch đã được duyệt của Ban Thường vụ Tỉnh ủy) đi bồi dưỡng nghiệp vụ tại các trường Trung ương và trường địa phương, không thuộc diện cán bộ, công chức do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

2- Các ban khác:

- Giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy nắm tình hình và kiểm tra thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy và của Trung ương về công tác tổ chức và cán bộ ở các cơ quan trong khối.

- Tham gia phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy đề xuất, phát hiện những cán bộ công chức có đủ tiêu chuẩn để bố trí vào các chức danh thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, kể cả cán bộ dự bị cho các chức danh này.

- Quyết định về công tác tổ chức và cán bộ theo sự phân cấp quản lý của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thuộc phạm vi đơn vị quản lý.

III. NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA CÁC CẤP, CÁC NGÀNH TRONG CÔNG TÁC QUẢN LÝ TỔ CHỨC VÀ CÁN BỘ

Để thống nhất và giải quyết kịp thời công tác quản lý tổ chức và cán bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định một số điểm sau:

1- Công tác đào tạo, bồi dưỡng:

- Chức danh thuộc diện cán bộ, công chức Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (đương chức và dự bị) đi học ở các trường Học viện Chính trị quốc gia Hồ chí Minh, Phân viện Hà Nội, Học viện Hành chính Quốc gia do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định.

- Diện cán bộ, công chức và viên chức Ban Thường vụ phân cấp cho các cấp các ngành, huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc, căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ quy hoạch, chỉ tiêu chiêu sinh và thông báo của cấp có thẩm quyền. Xét duyệt cho cán bộ, công chức, viên chức đi học, bảo đảm đúng đối tượng, tiêu chuẩn quy định. Nếu đi học lý luận chính trị hệ dài hạn ở các trường nêu trên và đi nghiên cứu học tập ở nước ngoài đều phải báo cáo Thường trực Tỉnh ủy xét duyệt.

2- Về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và miễn nhiệm cán bộ:

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ từ cơ sở sau 5 năm bổ nhiệm cán bộ căn cứ vào đánh giá mức độ hoàn thành và yêu cầu công tác.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét duyệt bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Ủy ban nhân dân xét duyệt bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm cán bộ thuộc diện Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý.

- Các ban, ngành, huyện, thị xét duyệt bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm diện cán bộ, công chức không thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý. Khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm chức danh trưởng phòng, trưởng ban... trao đổi với Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với cán bộ Khối Dân, Đảng); Ban Tổ chức chính quyền tỉnh (đối với cán bộ Khối Nhà nước).

3- Về luân chuyển cán bộ chủ chốt, điều động cán bộ, công chức, viên chức:

a) Luân chuyển cán bộ chủ chốt:

- Thực hiện luân chuyển cán bộ chủ chốt từ các ngành của tỉnh xuống các huyện, thị, từ huyện, thị này sang huyện, thị khác và về tỉnh... Căn cứ vào yêu cầu từng vùng, từng ngành, nhu cầu công tác và năng lực sở trường cán bộ. Ban Thường vụ Tỉnh ủy lập quy hoạch, kế hoạch luân chuyển cán bộ diện cán bộ đương chức và kể cả cán bộ quy hoạch cho các chức danh thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Các ban, ngành, huyện, thị căn cứ vào chỉ tiêu biên chế quyết định luân chuyển cán bộ không thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

b) Điều động cán bộ, công chức, viên chức:

- Các ngành chuyên môn đã phân cấp hoặc chưa phân cấp cho huyện, thị căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ và chỉ tiêu biên chế đã được Tỉnh giao có quyền điều động cán bộ của ngành từ tỉnh xuống huyện, thị và ngược lại. Nếu điều động cán bộ giữ chức vụ từ trưởng phòng và trưởng ban... trao đổi thống nhất với huyện, thị và các ngành chức năng. Nếu không thống nhất cán bộ Khối Dân, Đảng báo cáo Thường trực Tỉnh ủy, cán bộ Khối Nhà nước báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để cho ý kiến giải quyết.

- Việc tiếp nhận cán bộ, công chức ngoài tỉnh đến, điều động cán bộ, công chức và viên chức trong tỉnh đi ra ngoài tỉnh đều phải làm các thủ tục theo quy định qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy (nếu là cán bộ Khối Dân, Đảng) qua Ban Tổ chức chính quyền tỉnh (nếu là cán bộ Khối Nhà nước).

- Cán bộ, công chức và viên chức có đơn thư tố cáo phải để xác minh kết luận mới điều động.

4- Tuyển chọn cán bộ, công chức:

Thực hiện chế độ công khai trong thi tuyển và tuyển chọn cán bộ, công chức, bảo đảm tuyển chọn đúng người, có đủ tiêu chuẩn và thực hiện các quy trình thi tuyển một cách chặt chẽ.

- Hai ban Tổ chức tham mưu giúp cho Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu biên chế hằng năm và quản lý số lượng biên chế. Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ, số lượng chỉ tiêu biên chế được giao, các sở, ban, ngành, huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc ra quyết định tuyển dụng cán bộ, công chức, viên chức. (gửi văn bản tuyển dụng về Ban Tổ chức Tỉnh ủy (nếu là cán bộ Khối Dân, Đảng, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh (nếu là cán bộ Khối Nhà nước) để làm các thủ tục thông báo quỹ tiền lương với các ngành chức năng.

5- Giải quyết chế độ cho cán bộ, công chức, viên chức nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động và cho thôi việc:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét duyệt cán bộ, công chức thuộc diện Tỉnh ủy quản lý.

- Diện cán bộ, công chức, viên chức còn lại Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân cấp Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc quyết định cán bộ, công chức và viên chức nghỉ hưu, nghỉ mất sức thôi việc (có văn bản gửi về Ban Tổ chức Tỉnh ủy (nếu là cán bộ Khối Dân, Đảng), gửi về Ban Tổ chức chính quyền tỉnh (nếu là cán bộ Khối Nhà nước) để điều chỉnh quỹ tiền lương.

6)- Xếp lương và nâng lương:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy xếp lương và nâng lương cho cán bộ công chức diện tỉnh quản lý, trên cơ sở đề nghị của các đơn vị quản lý trực tiếp.

- Các sở, ban, ngành, huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc căn cứ vào quy định xếp lương và nâng lương thường xuyên của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ. Lập danh sách thống nhất với cơ quan tổ chức nếu là cán bộ, công chức và viên chức Khối

Dân, Đảng, thống nhất với Ban Tổ chức Tỉnh ủy; cán bộ, công chức và viên chức Khối Nhà nước thống nhất với Ban Tổ chức chính quyền tỉnh. Quyết định nâng lương Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh ủy nhiệm cho 2 ban Tổ chức ký thông báo kèm theo danh sách (cán bộ Khối Dân, Đảng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, cán bộ Khối Nhà nước Ban Tổ chức chính quyền tỉnh). Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc ký quyết định nâng lương cho từng người và chịu trách nhiệm về các quyết định đã ký gửi 1 bản quyết định cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy (nếu là cán bộ Khối Dân, Đảng), Ban Tổ chức chính quyền (nếu là cán bộ công chức Khối Nhà nước.)

7- Khen thưởng và kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy duyệt khen thưởng và kỷ luật diện cán bộ Tỉnh ủy quản lý.

- Diện cán bộ, công chức, viên chức được phân cấp do các cấp, các ngành, huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc xét duyệt, nhưng phải bảo đảm đúng quy định của Trung ương và quy định của tỉnh về công tác khen thưởng, kỷ luật.

8- Cử cán bộ đi học tập, nghiên cứu, tham quan, du lịch nước ngoài.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét duyệt diện cán bộ tỉnh quản lý.

- Các Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, sở, ban, ngành, huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc xét đề nghị diện cán bộ được phân cấp để báo cáo Thường trực Tỉnh ủy xét duyệt, sau khi có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh mới được thực hiện.

9- Quản lý hồ sơ cán bộ:

Thực hiện theo đúng quy chế quản lý hồ sơ cán bộ do Ban Tổ chức Trung ương quy định (Số 01-QC/TC, ngày 7-11-1997).

10- Quan hệ giữa Ban Thường vụ Tỉnh ủy với các cơ quan quản lý ngành ở Trung ương.

Chức danh chủ chốt các sở, ban, ngành khi có thay đổi như: Điều động, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật... Ban Thường vụ Tỉnh ủy có văn bản thống nhất với cơ quan quản lý ngành ở Trung ương và ngược lại.

11- Quan hệ giữa Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh - Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh:

Ban Thường vụ Tỉnh ủy thống nhất lãnh đạo, quản lý hệ thống tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong toàn hệ thống chính trị Ủy ban nhân dân tỉnh tham gia công tác quản lý tổ chức và cán bộ cụ thể sau:

a) Ban Tổ chức chính quyền tỉnh giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị công tác tổ chức bộ máy, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ, khen thưởng, kỷ luật và giải quyết chế độ chính sách... Diện cán bộ thuộc Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, công tác ở Khối Nhà nước thông qua tập thể.

Ủy ban nhân dân tỉnh trước khi chuyển qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy tổng hợp trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xét và quyết định.

b) Những vấn đề về công tác tổ chức và cán bộ khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có nghị quyết và thông báo, Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm thực hiện, bằng các văn bản về phương diện nhà nước.

c) Lãnh đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành các chế độ, chính sách đối với cán bộ đương nhiệm trong cơ quan nhà nước (kể cả các doanh nghiệp nhà nước).

d) Thực hiện việc luân chuyển, điều động, tuyển sinh, tuyển chọn cán bộ công chức, viên chức... thuộc thẩm quyền đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân cấp quản lý.

12- Chế độ nhận xét cán bộ, công chức:

- Nhận xét cán bộ, công chức tiến hành hằng năm, Ban Thường vụ Tỉnh ủy nhận xét các đồng chí Tỉnh ủy viên, giám đốc, phó giám đốc sở, trưởng, phó ban, ngành, bí thư, phó bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc. Diện cán bộ còn lại Ban Thường vụ Tỉnh ủy ủy nhiệm cho ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, lãnh đạo các ngành, cấp ủy huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc nhận xét cán bộ, công chức theo đúng quy chế đánh giá cán bộ của Ban Tổ chức Trung ương, gửi báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Các cấp, các ngành có trách nhiệm chấp hành đúng nội dung quyết định này.

2- Quá trình thực hiện có vấn đề gì vướng mắc phản ánh kịp thời về Tỉnh ủy nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp.

3- Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Ban Tổ chức chính quyền tỉnh giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy kiểm tra hướng dẫn các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, sở, ban, ngành, huyện, thị và Đảng ủy trực thuộc tỉnh thực hiện đúng quyết định phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4- Những quy định trước đây về phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ trái với quyết định này đều không còn hiệu lực.

5- Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 133-QĐ/TU ngày 17-3-1998

Về việc thành lập Phòng Văn hóa - văn nghệ
thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

- Căn cứ vào sự chỉ đạo của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương;
- Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng hiện nay;
- Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy sau khi trao đổi thống nhất với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1- Thành lập Phòng Văn hóa - văn nghệ Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy kể từ ngày 15-3-1998.

2- Phòng Văn hóa - văn nghệ có chức năng nhiệm vụ cụ thể sau: Giúp cho Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cùng các ngành chức năng đôn đốc kiểm tra về việc tổ chức thực hiện sự nghiệp phát triển văn hóa - văn nghệ của tỉnh, theo quan điểm đường lối, chính sách, của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Phục vụ cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai.

Phòng có một trưởng phòng và hai - ba chuyên viên giúp việc trên cơ sở sắp xếp cán bộ của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, không tăng thêm biên chế.

3. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 134-QĐ/TU, ngày 18-3-1998
Về việc bổ sung ủy viên Ban cán sự Đảng

Căn cứ Quyết định 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư về thành lập các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng ở các cơ quan cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Căn cứ Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 10-3-1998;
- Theo đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Bổ sung các đồng chí sau đây vào Ban cán sự Đảng Sở Giao thông vận tải.

1- Đồng chí Nguyễn Ngọc Dũng, Giám đốc Sở, Ủy viên Ban cán sự Đảng - nay giữ chức Bí thư Ban cán sự Đảng

2- Đồng chí Nguyễn Văn Trọng, Chủ tịch Công đoàn ngành, Ủy viên Ban cán sự Đảng.

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của các ủy viên Ban cán sự Đảng do Bí thư Ban cán sự Đảng phân công.

Điều 3: Đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Giao thông vận tải và những đồng chí có tên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 135-QĐ/TU, ngày 18-3-1998

**Bổ sung Ủy viên Đảng đoàn
Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai**

Căn cứ Quyết định 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư về thành lập các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng ở các cơ quan cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Căn cứ Quyết định 371-QĐ/TU, ngày 10-7-1994 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ;

- Căn cứ Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 10-3-1998 về công tác tổ chức, cán bộ;

- Theo đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Bổ sung đồng chí Hoàng Chúng, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mường Khương, làm Ủy viên Đảng Đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai từ 1-4-1998 và giới thiệu để Đại hội Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh bầu giữ chức Chủ tịch.

Điều 2: Nhiệm vụ của đồng chí Hoàng Chúng do Bí thư Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai phân công.

Điều 3: Đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Huyện ủy Mường Khương và đồng chí Hoàng Chúng căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRẮNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 136-QĐ/TU, ngày 18-3-1998

Về việc chỉ định bổ sung ủy viên Đảng đoàn

Căn cứ Quyết định 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư về thành lập các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng ở các cơ quan cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Căn cứ Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 10-3-1998;
- Theo đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Bổ sung các đồng chí sau đây vào Đảng đoàn Hội Phụ nữ tỉnh.

1- Đồng chí Hoàng Thị Tráng, Phó Chủ tịch Hội làm ủy viên Đảng đoàn

2- Đồng chí Đào Minh Châu, Phó Chủ tịch Hội làm ủy viên Đảng đoàn.

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của các ủy viên Đảng đoàn do Bí thư Đảng đoàn phân công.

Điều 3: Đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Đảng đoàn Hội Phụ nữ tỉnh và những đồng chí có tên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 137-QĐ/TU, ngày 18-3-1998

**Về việc kiện toàn, bổ sung ủy viên Ban cán sự Đảng
các ngân hàng tỉnh Lào Cai**

- Căn cứ Quyết định 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư về thành lập các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng ở các cơ quan cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Căn cứ Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 10-3-1998;
- Theo đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Bổ sung các đồng chí có tên sau đây vào Ban cán sự Đảng các ngân hàng tỉnh Lào Cai.

1- Đồng chí Trần Quốc Hoạt, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước, Ủy viên Ban cán sự Đảng. Nay giữ chức Bí thư Ban cán sự Đảng các ngân hàng tỉnh Lào Cai.

2- Đồng chí Doãn Văn Hoàn, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp, Ủy viên Ban cán sự Đảng.

3- Đồng chí Đình Ngọc Hiền, Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước, Ủy viên Ban cán sự

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của các ủy viên Ban cán sự Đảng do Bí thư Ban Đảng đoàn phân công.

Điều 3: Đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng các ngân hàng tỉnh và những đồng chí có tên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 138-QĐ/TU, ngày 18-3-1998

**Về việc kiện toàn,
chỉ định bổ sung thành viên
Đảng đoàn Hội Văn học - Nghệ thuật**

Căn cứ Quyết định 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư về thành lập các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng ở các cơ quan cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Căn cứ Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 10-3-1998;

- Theo đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Kiện toàn Đảng đoàn Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh như sau

1- Đồng chí Mã A Lềnh thôi giữ chức Bí thư Đảng đoàn Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh từ ngày 1-4-1998

2- Chỉ định đồng chí Nguyễn Ngọc Dương, Chủ tịch Hội giữ chức Bí thư Đảng đoàn từ ngày 1-4-1998

Điều 2: Đồng chí Mã A Lềnh bàn giao các mặt công tác Đảng đoàn Hội cho đồng chí Nguyễn Ngọc Dương.

Điều 3 Đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Đảng đoàn Hội Văn học - Nghệ thuật và những đồng chí có tên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 139-QĐ/TU, ngày 18-3-1998
Về việc bổ sung ủy viên Ban cán sự Đảng

Căn cứ Quyết định 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư về thành lập các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng ở các cơ quan cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Căn cứ Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 10-3-1998;
- Theo đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Bổ sung đồng chí Nguyễn Văn Tông, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, làm Ủy viên Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh từ ngày 1-4-1998

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể do đồng chí Bí thư Ban cán sự Đảng đoàn phân công.

Điều 3: Đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và đồng chí Nguyễn Văn Tông căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 142-QĐ/TU, ngày 18-3-1998

**Bổ sung Ủy viên Đảng đoàn
Hội Nông dân tỉnh Lào Cai**

Căn cứ Quyết định 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư về thành lập các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng ở các cơ quan cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Căn cứ quyết định 371-QĐ/TU, ngày 10-7-1994 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ;

- Căn cứ Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 10-3-1998 về công tác tổ chức, cán bộ;

- Theo đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Bổ sung đồng chí Hà Đức Miêu, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Văn Bàn làm Ủy viên Đảng Đoàn Hội Nông dân tỉnh từ 1-4-1998 và giới thiệu để Đại hội bầu giữ chức Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh Lào Cai.

Điều 2: Nhiệm vụ của đồng chí Hà Đức Miêu do Bí thư Đảng đoàn Hội Nông dân tỉnh phân công.

Điều 3: Đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng đoàn Hội Nông dân tỉnh, Huyện ủy Văn Bàn và đồng chí Hà Đức Miêu căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 28-BC/TU, ngày 19-3-1998

**Tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 14-CT/TW
của Ban Bí thư Trung ương Đảng
“Về củng cố tổ chức phát huy tác dụng tích cực
của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam”**

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA TỈNH LÀO CAI

Lào Cai là một tỉnh vùng cao biên giới, được chia tách từ tỉnh Hoàng Liên Sơn (1-10-1991). Với diện tích là 8.050 km², có 10 huyện, thị xã, 180 xã, phường, thị trấn, 203 km đường biên giới giáp với tỉnh Vân Nam (Trung Quốc). Toàn tỉnh có 27 dân tộc anh em chung sống gồm 97.220 hộ bằng 600.000 khẩu sống xen kẽ nhau. Khi chia tách tỉnh, Hội Chữ thập đỏ Hoàng Liên Sơn không chia tách lên Lào Cai. Thực hiện Thông báo số 09-TB/TU, ngày 28-10-1991 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc thành lập Hội Chữ thập đỏ tỉnh Lào Cai. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ra Quyết định số 79-QĐ/UB, ngày 14-11-1991, thành lập Hội Chữ thập đỏ tỉnh Lào Cai và Ban Chấp hành lâm thời của Hội gồm 21 ủy viên; bao gồm các đồng chí lãnh đạo các huyện, thị, Công ty Apatít Việt Nam là lãnh đạo đại diện một số ngành ở tỉnh tham gia.

Trong 6 tháng qua thực hiện Chỉ thị 14-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về củng cố tổ chức, phát huy tác dụng tích cực của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

Tỉnh ủy Lào Cai xác định Hội Chữ thập đỏ là tổ chức xã hội của quần chúng nhân dân làm công tác nhân đạo xã hội chủ nghĩa.

Hội tập hợp mọi người dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, chính kiến, nam, nữ tự nguyện hoạt động vì mục đích nhân đạo hòa bình hữu nghị, phấn đấu thực hiện mục tiêu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh, vì hạnh phúc của nhân dân. Hội có vai trò đóng góp tích cực trong công cuộc đổi mới đất nước. Đối với Lào Cai, đặc biệt ở vùng sâu vùng xa đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, hằng năm thiên tai, bão lũ... gây nhiều thiệt hại tới người và tài sản của nhân dân. Số trẻ tật nguyền, số gia đình thuộc chính sách xã hội do hậu quả của chiến tranh để lại đối với tỉnh Lào Cai cũng đặt ra cho các cấp ủy Đảng, chính quyền, các ngành nhiệm vụ nặng nề. Suy nghĩ làm thế nào năm 2000 thực hiện tốt chính sách với đối tượng trên bằng đẩy mạnh phong trào “Uống nước nhớ nguồn”, “Đền ơn đáp nghĩa” với truyền thống đạo lý tốt đẹp của dân tộc Việt Nam trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

II. KẾT QUẢ VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ 14-CT/TW TRONG THỜI GIAN QUA CỦA CÁC CẤP ỦY ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN CÁC CẤP

1. Chỉ đạo của Tỉnh ủy về việc triển khai Chỉ thị 14-CT/TW

Quán triệt các nội dung và nhiệm vụ trong Chỉ thị 14-CT/TW ngay từ khi chia tách tỉnh, Tỉnh ủy đã có chủ trương thành lập Hội Chữ thập đỏ và sắp xếp cán bộ chủ chốt làm công tác chuyên trách Hội. Tổ chức chỉ đạo Đại hội Hội Chữ thập đỏ tỉnh Lào Cai lần thứ I thành công. Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ tỉnh Lào Cai khóa I đã hoạt động, từng bước thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của Hội.

Trên địa bàn của một tỉnh miền núi biên giới có nhiều dân tộc anh em chung sống đòi hỏi sự phát triển của tổ chức Hội Chữ thập đỏ phải rộng khắp tới các cơ sở, nhằm làm cho người dân hiểu về Hội hơn, với tình yêu thương đùm bọc giúp đỡ lẫn nhau khi gặp khó khăn trong cuộc sống đời thường.

Thực hiện Thông tư số 100-TT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về chuyển sinh hoạt của Hội Chữ thập đỏ sang Khối Dân. Từ năm 1993 Tỉnh ủy đã thực hiện chủ trương trên chuyển Hội Chữ thập đỏ sang sinh hoạt với Khối Dân như các đoàn thể khác để lãnh đạo và có chủ trương đúng đắn về các mặt hoạt động của Hội.

Trước công cuộc đổi mới của đất nước, Hội Chữ thập đỏ cần được khẳng định vị trí và phát huy vai trò của mình một cách tích cực hơn để đáp ứng được yêu cầu tình hình và nhiệm vụ mới. Với quan điểm trên, Tỉnh ủy Lào Cai đã sắp xếp bố trí đội ngũ cán bộ chuyên môn đã kinh qua công tác quần chúng sang chuyên trách công tác Hội. Chỉ thị số 17-CT/TU, ngày 16-6-1995 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với hoạt động của Hội Chữ thập đỏ.

Ngày 7-8-1996 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai ra Thông báo 40-TB/TU về tổ chức bộ máy, chế độ tiền lương của cán bộ chuyên trách Hội Chữ thập đỏ, các huyện, thị trong tỉnh và chế độ phụ cấp cho cán bộ chuyên trách Hội Chữ thập đỏ cơ sở xã, phường, thị trấn. Chủ trương hướng về cơ sở, lấy củng cố cơ sở làm công tác trọng tâm đã đi đúng nguyện vọng của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Từ ngày đầu chia tách tỉnh có 18/180 hội cơ sở xã, phường, thị trấn, đến năm 1997 toàn tỉnh đã có 157/180 xã, phường, thị trấn trong tỉnh có Hội Chữ thập đỏ. Hoạt động thu hút 44.000 hội viên từ thị xã, thị trấn tới bản làng xa xôi tự nguyện tham gia phong trào.

Tổ chức thanh thiếu niên chữ thập đỏ cũng được phát triển với nhịp độ nhanh trong hệ thống trường học. Khi chưa tách tỉnh có 9 trường có tổ chức chữ thập đỏ hoạt động, đến năm 1997 toàn tỉnh có 125 trường có tổ chức Hội Chữ thập đỏ bao gồm 37.000 đội viên thanh thiếu niên chữ thập đỏ tham gia hoạt động phong trào thường xuyên trong trường học.

Tổ chức chữ thập đỏ ở các cơ quan doanh nghiệp nhà nước cũng được quan tâm phát triển. Hiện nay trong tỉnh đã có 67 cơ quan ở cấp tỉnh và huyện có tổ chức Hội Chữ thập đỏ tham gia hoạt động phong trào nhân đạo xã hội.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, các huyện, thị trong những năm qua đã tổ chức triển khai Chỉ thị 14-CT/TW tới các cơ sở, hầu hết các huyện, thị ủy đã căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của Hội có những chủ trương và chỉ thị cho cơ sở về hoạt động của Hội. Các huyện như Bảo Thắng, Bát Xát, Than Uyên, thị xã Cam Đường, thị xã Lào Cai trong những năm qua khá rõ nét. Phong trào nhân đạo xã hội chủ nghĩa ngày càng phát triển xây rộng tới các tầng lớp nhân dân. Nhìn chung nhận thức của các cấp ủy Đảng, chính quyền, Hội Chữ thập đỏ, các đoàn thể về Chỉ thị 14 CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về cơ bản đã có nhận thức đúng đắn thể hiện bằng sự phối kết hợp ký kết các chương trình công tác hằng năm đem lại hiệu quả.

2. Triển khai Chỉ thị 14-CT/TW của các cấp chính quyền tỉnh Lào Cai

Thực hiện Thông báo số 09-TB/TU, ngày 28-10-1991 của Tỉnh ủy Lào Cai. Ngày 14-11-1991 Ủy ban nhân dân tỉnh đã ra quyết định số 79-QĐ/UB thành lập Hội Chữ thập đỏ tỉnh Lào Cai với 21 ủy viên Ban Chấp hành lâm thời tỉnh Hội. Bên cạnh việc thành lập Hội, chính quyền tạo điều kiện một bước về xây dựng cơ sở vật chất như trụ sở làm việc, phương tiện hoạt động, biên chế cán bộ để triển khai các hoạt động của Hội từ 3 biên chế lúc mới thành lập Hội đến nay đã có 10 biên chế trong cơ quan tỉnh Hội được phân công đảm nhiệm các công việc chủ yếu của Hội. Kinh phí của Hội được quan tâm giải quyết, phục vụ tốt yêu cầu hoạt động để hoàn thành cơ bản nhiệm vụ công tác đề ra.

Đối với cấp huyện, thị xã trong tỉnh: Sau khi có Thông báo số 40-TB/TU, ngày 7-8-1996 về tổ chức bộ máy quỹ tiền lương. Ủy ban nhân dân tỉnh đã có Công văn số 991-CV/UB, ngày 6-12-1996 quy định về trụ sở làm việc, quỹ tiền lương của cán bộ chuyên trách chữ thập đỏ, kinh phí hoạt động và sinh hoạt của Hội Chữ thập đỏ cấp huyện, thị trong tỉnh. Việc chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh đã bước đầu ổn định tổ chức chữ thập đỏ tuyến huyện, thị. Tách quỹ lương chữ

thập đồ từ trung tâm y tế sang Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện thuận tiện cho Hội chủ động triển khai các nhiệm vụ hơn.

Ủy ban nhân dân các huyện, thị đã bố trí nơi làm việc, biên chế cán bộ chuyên trách cho Hội Chữ thập đỏ cấp kinh phí tối thiểu để Hội hoạt động.

Ở các xã, tổ chức Hội mới được thành lập, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ cơ sở xã, phường đều được cấp ủy chính quyền kiêm nhiệm lãnh đạo công tác Hội gắn với hoạt động của các ngành đoàn thể quần chúng ở địa phương. Tuy nhiên là một tổ chức còn mới mẻ song hoạt động của Hội từ tỉnh tới cơ sở đã gây được ảnh hưởng tốt tới quần chúng nhân dân về lĩnh vực nhân đạo xã hội.

Đối với các cấp, các ngành, hoạt động chữ thập đỏ đã có những bước chuyển biến tích cực, nhất là sau khi Tỉnh ủy có Chỉ thị 17-CT/TU về tăng cường lãnh đạo công tác chữ thập đỏ, nhiều ngành đã thành lập chi Hội trong cơ quan theo sự hướng dẫn về chuyên môn của tỉnh Hội Chữ thập đỏ. Tuy nhiên hình thức hoạt động chữ thập đỏ trong khối cơ quan chưa được tổ chức phong phú, song nó đã góp phần hòa nhập với phong trào chung của thị xã, thị trấn vùng nông thôn thành phong trào chữ thập đỏ đều khắp trong tỉnh.

III. KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NHỮNG NĂM QUA VỀ CÔNG TÁC CHỮ THẬP ĐỎ

Trong những năm qua, phong trào Hội Chữ thập đỏ Lào Cai đã hoạt động trên các lĩnh vực công tác cứu trợ nhân đạo xã hội, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, giữ gìn khối đại đoàn kết dân tộc, công tác xây dựng củng cố phát triển tổ chức Hội đã giành được những thành tựu đáng kể, Chỉ thị 14-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng được các cấp bộ Đảng quán triệt, lãnh đạo hoạt động của Hội ở các cấp được các cấp chính quyền cụ thể hóa chủ trương trong các mặt công tác. Sau đây là những kết quả đã đạt được trong những năm qua:

1. Về công tác cứu trợ nhân đạo xã hội

Là một tỉnh miền núi biên giới, trong 6 năm qua dù nền kinh tế đã có bước tăng trưởng song đời sống nhân dân nhiều vùng còn gặp nhiều khó khăn, nhất là tình hình khí hậu thời tiết biến đổi. Mấy năm vừa qua thiên tai xảy ra ở Lào Cai liên tiếp gây nhiều thiệt hại tới người và tài sản ảnh hưởng tới đời sống của nhân dân. Bên cạnh nền kinh tế thị trường tạo ra sự phân cấp phân tầng rõ nét, một số người có điều kiện phát triển kinh tế trở lên giàu có nhanh, một số không có điều kiện đời sống nâng lên chậm. Công tác cứu trợ nhân đạo xã hội càng đặt ra với một nhiệm vụ trọng tâm của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Hoạt động cứu trợ nhân đạo xã hội ở tỉnh Lào Cai trong những năm qua đã có bước cố gắng lớn. Từ những năm đầu chia tách tỉnh, công tác cứu trợ đạt tổng giá trị trên 100 triệu đồng/năm. Năm 1993 đạt trên 400 triệu đồng/năm, năm 1994 công tác cứu trợ đạt trên 1 tỷ đồng/năm. Các hoạt động cứu trợ nhân đạo xã hội bao trùm trên các lĩnh vực; khắc phục hậu quả do thiên tai tàn phá, hậu quả do dịch bệnh, giúp đỡ người nghèo, người già công tác đơn trẻ em mồ côi tật nguyền, giúp đỡ những gia đình thuộc đối tượng chính sách xã hội như gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, những hoàn cảnh rủi ro cơ nhỏ.

Các hoạt động cứu trợ đạt được trong những năm qua của tỉnh Lào Cai bao gồm:

- Nguồn giúp đỡ của Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và chữ thập đỏ quốc tế.

- Cứu trợ của các cấp Hội trong tỉnh huy động được.

a) *Nguồn giúp đỡ của Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam và chữ thập đỏ quốc tế:*

- Cứu trợ về lương thực (gạo) 250 tấn.
- Muối iốt 29 tấn.
- Màn đôi tấm thuốc chống muỗi sốt rét 17.000 chiếc.
- Chăn chống rét 2.000 chiếc.
- Quần áo các loại 20.000 bộ.

- Thuốc chữa bệnh 100 kg.
- Dụng cụ gia đình 200 bộ.

b) Cứu trợ do các cấp Hội trong tỉnh:

Thực hiện tại chỗ đạt giá trị trên 1,3 tỷ đồng, bình quân mỗi năm trên 260 triệu đồng, riêng năm 1997 tổ chức cứu trợ tại chỗ của các cấp Hội Chữ thập đỏ trong tỉnh đạt trị giá 548 triệu đồng. Số tiền, hiện vật bằng quyên góp tự nguyện đã được chuyển tới kịp thời vùng đồng bào có nhiều khó khăn, vùng bị thiên tai gây thiệt hại, vùng sâu vùng xa.

Các cấp Hội Chữ thập đỏ đã cùng với các cấp, các ngành trong tỉnh đóng góp vào quỹ đền ơn đáp nghĩa và xây dựng nhà tình nghĩa của tỉnh với ý thức và trách nhiệm. Toàn tỉnh có 7 Bà mẹ Việt Nam anh hùng đã được các cơ quan nhận phụng dưỡng suốt đời. Trong đó có bà mẹ Thào Pồ La huyện Mường Khương do cơ quan Hội Chữ thập đỏ tỉnh nhận phụng dưỡng. Trong tỉnh đã có một Trung tâm bảo trợ nuôi dưỡng 10 người già và 53 trẻ em cô đơn.

Trong công tác cứu trợ nhân đạo xã hội đặc biệt được chủ yếu các đối tượng chính sách tính trung bình hằng năm trong tỉnh có trên 200 gia đình thuộc đối tượng chính sách gặp khó khăn nhận được sự giúp đỡ bằng vật chất và tinh thần của các cấp Hội.

Nhìn chung hoạt động cứu trợ nhân đạo xã hội ở tỉnh Lào Cai đang từng bước trở thành phong trào rộng khắp trong nhân dân, số người làm việc thiện, số nhà làm việc thiện, số ngành là việc thiện ngày càng xuất hiện nhiều ở các huyện, thị, xã, bản làng và cơ quan.

2. Công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân

Trong công tác chăm sóc sức khỏe, tỉnh lấy chăm sóc sức khỏe ban đầu là chính, tạo ra sự phối hợp giữa các ngành với chữ thập đỏ và y tế thực hiện mục tiêu “sức khỏe cho mọi người”. Ngay từ sau Đại Hội Chữ thập đỏ tỉnh Lào Cai lần thứ I, công tác tuyên truyền cho phong trào vệ sinh phòng bệnh đã được đẩy mạnh trong tỉnh, cán bộ, hội viên thanh thiếu niên chữ thập đỏ là những tuyên truyền viên

tích cực giúp nhân dân nâng cao hiểu biết về y học thường thức vận động trồng và sử dụng cây thuốc nam theo phương châm thầy tại chỗ, thuốc tại nhà để chủ động chữa một số bệnh thông thường. Sơ cấp cứu ban đầu là một kỹ năng đối với cán bộ, hội viên thanh thiếu niên chữ thập đỏ. Nhằm giúp đỡ kịp thời những người bị nạn trước khi đưa tới cơ sở y tế.

Trong những năm qua, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân đã được các cấp, các ngành thường xuyên quan tâm. Hội Chữ thập đỏ đã phối hợp với ngành y tế tranh thủ sự giúp đỡ của Hội Chữ thập đỏ Đan Mạch mở các lớp đào tạo về sơ cấp cứu. Tính đến nay đã đào tạo được 216 lớp với 940 học viên được huấn luyện, nhờ vậy mà số người bị nạn được sơ cấp cứu tại chỗ hàng năm có từ 350 - 450 ca do các hội viên chữ thập đỏ xử trí tại cộng đồng. Hội Chữ thập đỏ đã tham gia tích cực phát hiện dập tắt các ổ dịch bệnh, phong trào phòng, chống sốt rét, vận động các bà mẹ đưa con em mình đi tiêm chủng được nhân dân hưởng ứng đông. Từ năm 1992-1994 đã cấp 17.000 chiếc màn đôi tẩm thuốc chống muỗi sốt rét cho một số huyện có sốt rét nhiều như huyện Than Uyên, Bát Xát, bảo vệ cho trên 30.000 người trong vùng sốt rét nặng. Triển khai các hoạt động tập huấn tuyên truyền phòng, chống đại dịch HIV/AIDS, phòng, chống các tệ nạn xã hội, phát động phong trào hiến máu cứu người ở Công ty Apatít Việt Nam, Bệnh viện huyện Bảo Thắng đã có 44 hội viên tự nguyện hiến máu với số máu đã hiến cho bệnh nhân 13,7 lít.

Hội đã thành lập phòng khám nhân đạo thuộc tỉnh Hội và vận động các chi Hội Chữ thập đỏ bệnh viện tổ chức khám miễn phí cho các đối tượng chính sách và dân nghèo. Do hoạt động tích cực và giữ đúng nguyên tắc nhân đạo nên giá trị vận động cứu trợ xã hội chăm sóc sức khỏe ngày một tăng.

Năm 1993 tổ chức khám bệnh miễn phí cho các cơ sở được 2.000 người, tiền thuốc cấp 7.000.000 đồng.

Năm 1997 khám chữa bệnh miễn phí cho 20.594 lượt người, tiền thuốc cấp 136.000.000 đồng.

Giữ gìn và bảo vệ môi trường sống đang là vấn đề được mọi người quan tâm. Cùng với nhân dân toàn xã hội, các hội viên thanh thiếu niên chữ thập đỏ đã tích cực đóng góp sức mình trong việc bảo vệ môi trường như tham gia trồng cây xanh đường phố, phát triển vườn rừng thời gian vệ sinh thu gom hơn 200 m³ chất thải đưa vào nơi quy định. Hưởng ứng “Ngày môi trường thế giới”, 115 chi Hội Chữ thập đỏ trường học đã duy trì 5.750 m “đoạn đường em nuôi” luôn luôn được tổng vệ sinh sạch đẹp và trồng được trên 9.000 cây xanh các loại.

Nhiều cơ sở đã thực hiện xây dựng gia đình văn hóa mới, xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, thực hiện nếp sống vệ sinh sạch nhà, sạch bản, thể dục buổi sáng, thực hiện nội quy trật tự xóm phố, góp phần xây dựng tình đoàn kết làm lành mạnh cộng đồng.

Năm 1993 được sự quan tâm của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam, Hội Chữ thập đỏ Đan Mạch đã cùng với Hội Chữ thập đỏ Lào Cai tiến hành khảo sát tình hình đời sống sức khỏe của đồng bào dân tộc thiểu số huyện Bát Xát, Than Uyên, Bắc Hà, Sa Pa. Sau khi phân tích đánh giá kết quả khảo sát và khả năng thực thi đã đi đến thống nhất đầu tư dự án phát triển về chương trình chăm sóc sức khỏe ban đầu tại 2 huyện Bát Xát và huyện Than Uyên với quy mô 3 xã điểm. Vốn đầu tư cho giai đoạn 1994-1996 là 3,4 tỷ đồng Việt Nam. Dự án đã chuyển sang giai đoạn phát triển mở rộng 1997-2000 giai đoạn này được triển khai thêm ở huyện Mường Khương.

Kết quả các hoạt động dự án từ 1994-1997:

- Đào tạo và đào tạo lại cán bộ y tế xã 2 khóa cho 14 nữ hộ sinh, y sĩ, y tá.
- Đào tạo các ông thầy tuyến tỉnh, huyện 2 khóa 50 người.
- Đào tạo NTN y tế thôn, bản 33 khóa cho 461 học viên.
- Đào tạo lớp được tá 3 tháng 17 học viên cho huyện Than Uyên.
- Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyên khoa X quang và xét nghiệm cho Bệnh viện tỉnh và Bệnh viện huyện Bát Xát.

Tổng số người được đào tạo theo chương trình của dự án là 547 người.

Về cơ sở hạ tầng:

- Xây dựng 2 trạm y tế mới, nâng cấp 2 trạm xá và một phòng khám đa khoa khu vực kèm theo trang thiết bị y dụng cụ và đồ dùng trong trạm.

- Đầu tư phát triển chương trình vườn ao chuồng như cấp vốn nuôi bò, nuôi gà, nuôi cá trồng rau xanh để góp phần cải thiện đời sống cho đồng bào vùng cao ở các xã dự án.

- Xây dựng đường nước sạch cho 10 bản vùng cao thuộc xã Pìn Ngan, Hồ Mít, Mường Than, Nấm Lư (thuộc các huyện Bát Xát, Than Uyên, Mường Khương).

Dự án đã tạo được sự chuyển biến và nhận thức trong nhân dân. Nhân dân trong vùng dự án đã có ý thức sử dụng hố xí hợp vệ sinh, hưởng ứng các dịch vụ y tế vận động và tự giác đưa con em đi tiêm chủng, khám chữa bệnh, biết giữ vệ sinh chung, vệ sinh phụ nữ, dự án đã hỗ trợ chương trình phòng, chống bướu cổ của tỉnh đạt kết quả, nhân dân biết sử dụng muối iốt để phòng, chống bệnh bướu cổ.

Phong trào thanh thiếu niên chữ thập đỏ trường học trong tỉnh:

Hội Chữ thập đỏ tỉnh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Sở Giáo dục - Đào tạo đã ký kết chương trình phối hợp để đẩy mạnh hoạt động phong trào thanh thiếu niên chữ thập đỏ trong tỉnh. Chương trình này được quán triệt triển khai tới trường học một cách thường xuyên, nhờ vậy, tốc độ phát triển tổ chức Hội Chữ thập đỏ trong trường học trong mấy năm qua được chú trọng, cùng với chi Hội nhà trường đội thanh thiếu niên chữ thập đỏ trong trường học được tổ chức và hoạt động với nội dung phù hợp hỗ trợ cho phong trào dạy tốt, học tốt của ngành giáo dục. Với hình thức các lớp học tình thương, quỹ nhân đạo trường học, phong trào giúp bạn nghèo vượt khó của các hội viên chữ thập đỏ trường học. Hằng năm có hàng trăm em học sinh nghèo hoàn cảnh khó khăn, học sinh nghèo học giỏi được quỹ nhân đạo trường học giúp đỡ tạo điều kiện cho các em vượt lên trong học tập.

Đến nay, số trường học có chi Hội Chữ thập đỏ và đội thanh thiếu niên chữ thập đỏ hoạt động đạt 125/251 trường đạt xấp xỉ 50%, tăng gần 20% so với chỉ tiêu phấn đấu do Hội Chữ thập đỏ tỉnh Lào Cai lần thứ I đề ra.

Nhìn chung, trong những năm qua, căn cứ vào những nội dung Chỉ thị 14-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về củng cố tổ chức, phát huy tác dụng tích cực của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. Với sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, sự hỗ trợ của các cấp chính quyền, các ngành đoàn thể, trong đó có Hội Chữ thập đỏ giữ vai trò nòng cốt, phong trào chữ thập đỏ Lào Cai đã có bước phát triển rõ nét đạt được những thành tích đáng kể trong công tác cứu trợ xã hội, chăm sóc sức khỏe nhân dân, vai trò giữ gìn hòa bình khối đại đoàn kết dân tộc, xây dựng củng cố phát triển tổ chức Hội.

3. Những tồn tại yếu kém của phong trào

Trong những năm qua phong trào chữ thập đỏ Lào Cai có bước phát triển từ thị xã, thị trấn tới vùng cao. Song chất lượng hoạt động còn hạn chế, hình thức hoạt động nhìn chung chưa đa dạng, phong phú, công tác tuyên truyền giáo dục truyền thống nhân ái dân tộc còn ở phạm vi hẹp, chưa làm được thường xuyên, sâu rộng. Bởi vậy kết quả hoạt động chưa ngang tầm với nhiệm vụ vị trí của hội.

- Mạng lưới tổ chức cơ sở của Hội tuy hầu hết đã được thành lập ở các xã, phường, thị trấn song cán bộ hoạt động không ổn định do cơ chế chính sách chưa được đầu tư thích đáng, cán bộ kiêm nhiệm ít có điều kiện hoạt động, cán bộ chuyên trách không có chế độ phụ cấp khuyến khích, việc động viên cán bộ đang hoạt động ở cơ sở gặp khó khăn.

Nhận thức của cấp ủy Đảng, chính quyền ở một số nơi về Hội Chữ thập đỏ chưa đầy đủ. Quan niệm tổ chức Hội Chữ thập đỏ có cũng được, không có cũng được. Bởi vậy thiếu sự quan tâm chỉ đạo, thể hiện việc bố trí cán bộ là công tác chữ thập đỏ chưa đến nơi, đến chốn được sao hay vậy, không có sự đôn đốc kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của cán bộ chuyên trách.

- Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ các cấp với tính chất kiêm nhiệm, sự phối hợp ở một số nơi chưa thường xuyên chặt chẽ còn mang tính hình thức.

IV. NHỮNG GIẢI PHÁP TIẾP TỤC PHÁT HUY TÁC DỤNG TÍCH CỰC CỦA HỘI CHỮ THẬP ĐỎ TRONG THỜI GIAN TỚI

a) Đối với cấp tỉnh:

Tăng cường công tác giáo dục, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc về công tác của Hội Chữ thập đỏ trên cơ sở đó động viên nhiều người tự nguyện tham gia vào tổ chức Hội Chữ thập đỏ.

Tiếp tục kiện toàn bộ máy tổ chức, cán bộ. Từng bước bổ sung, đầu tư thêm phương tiện, điều kiện phục vụ tốt cho hoạt động của Hội.

b) Đối với cấp huyện, thị:

Do yêu cầu về dân số, địa dư hoạt động và tình hình cụ thể của từng địa phương, thì có thể bố trí tăng thêm biên chế cán bộ chuyên trách để đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới của Hội Chữ thập đỏ.

Thường xuyên chỉ đạo, lãnh đạo Hội Chữ thập đỏ qua hoạt động Khối Dân vận các huyện, thị trong tỉnh.

c) Đối với cấp xã, phường, thị trấn:

Hiện nay Lào Cai có 157/180 xã, phường, thị trấn có tổ chức Hội Chữ thập đỏ hoạt động theo Điều lệ Hội Chữ thập đỏ Việt Nam. Các cơ quan chức năng của tỉnh cần nghiên cứu cơ chế, chính sách của Nhà nước với cán bộ cơ sở nói chung (theo Nghị định 09-CP), đề xuất vận dụng chính sách phụ cấp hoạt động cho cán bộ chữ thập đỏ ở cơ sở phù hợp tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ chữ thập đỏ ở cơ sở hoạt động có hiệu quả.

Hoạt động của các cấp Hội Chữ thập đỏ trong tỉnh những năm qua đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, tính nhân đạo xã hội chủ nghĩa được xã hội hóa trong mọi tầng lớp nhân dân. Phát huy kết quả đã giành được, cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường lãnh đạo,

chỉ đạo, tạo điều kiện cho các cấp Hội Chữ thập đỏ về cơ sở vật chất, lựa chọn, bố trí hoàn thành tốt hơn sự nghiệp nhân đạo xã hội trên địa bàn toàn tỉnh trong những năm tới.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 08-CT/TU, ngày 27-3-1998

Về việc quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng

Ngày 14-2-1998, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 29-CT/TW về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng. Đây là Chỉ thị rất quan trọng nhằm tăng cường công tác xây dựng Đảng phục vụ cho nhiệm vụ chính trị trong công cuộc đổi mới và thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời chỉ thị cũng nhấn mạnh: Kiểm tra là một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng. Các cấp ủy Đảng và người đứng đầu cấp ủy có trách nhiệm lãnh đạo và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra.

Đối với Đảng bộ tỉnh Lào Cai sau khi quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VIII và Điều lệ Đảng sửa đổi, các tổ chức đảng và cấp ủy các cấp đã nâng cao được nhận thức về công tác kiểm tra của Đảng, quan tâm nhiều hơn đến nhiệm vụ lãnh đạo công tác kiểm tra. Một số cấp ủy Đảng đã xây dựng được chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy và bước đầu thực hiện có kết quả thiết thực góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh.

Tuy nhiên, còn không ít cấp ủy Đảng, nhất là cấp cơ sở nhận thức chưa đúng, chưa đầy đủ về công tác kiểm tra của tổ chức đảng. Chưa

phân biệt được nội dung công tác kiểm tra của cấp ủy với chức năng nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra các cấp, chưa hiểu rõ chức năng lãnh đạo công tác kiểm tra và thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy Đảng theo Điều 30 Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định. Từ đó mà nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy không được thực hiện đầy đủ, kiểm tra chưa trở thành một hoạt động lãnh đạo của cấp ủy Đảng.

Do vậy để bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, tăng cường công tác kiểm tra nhằm thực hiện tốt những mục tiêu mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II đề ra thì việc quán triệt, triển khai thực hiện Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị và các quy định về công tác kiểm tra của Đảng là hết sức cần thiết và cấp bách. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai yêu cầu các tổ chức đảng trong toàn tỉnh thực hiện nghiêm túc một số yêu cầu sau đây:

1. Tổ chức học tập quán triệt Chỉ thị 29-CT/TW

Các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai đợt học tập quán triệt sâu rộng trong các cấp ủy Đảng và toàn bộ đảng viên về công tác kiểm tra của Đảng nói chung và Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị nói riêng.

- Nội dung học tập cần đi sâu vào phân tích, làm rõ các quan điểm đổi mới của Đảng về công tác kiểm tra trong báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII. Học tập nghiên cứu kỹ Chương VII, Chương VIII của Điều lệ Đảng và Thông tri số 19-TT/KT, ngày 26-11-1996 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng. Quán triệt tinh thần của Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị và hướng dẫn thực hiện của Ủy ban Kiểm tra Trung ương (số 07-HD/KT, ngày 19-3-1998) nhằm:

+ Làm cho các cấp ủy Đảng và mỗi đảng viên nhận thức đầy đủ, đúng đắn về vai trò công tác kiểm tra của Đảng, nhận thức đúng về chức năng lãnh đạo và nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy Đảng; nắm

được các nội dung cơ bản về công tác kiểm tra kỷ luật tại Chương VII, Chương VIII Điều lệ Đảng (khóa VIII).

+ Từ đó, liên hệ vào thực tế ở Đảng bộ, đơn vị mình. Đánh giá những ưu khuyết điểm trong việc nhận thức và thực hiện công tác kiểm tra của cấp ủy những năm qua để từ đó rút kinh nghiệm xây dựng chương trình hoạt động công tác kiểm tra cho thời gian tới của cấp ủy.

2. Xây dựng chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy

- Các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh phải tiến hành xây dựng chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy toàn khóa và theo từng năm. Sau đợt học tập quán triệt tại tỉnh, các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc phải tiến hành xây dựng ngay chương trình kiểm tra của cấp ủy cấp mình cho năm 1998, và chỉ đạo các cấp ủy cơ sở xây dựng chương trình phù hợp với từng đơn vị. Những nơi đã xây dựng chương trình kiểm tra của cấp ủy năm 1998 cần rà soát lại và bổ sung cho sát hợp hơn sau đợt học tập này.

- Việc xây dựng chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy các cấp phải bám sát các nội dung nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy quy định tại Điểm 2 của Điều 30 Điều lệ Đảng một cách toàn diện, nhưng lưu ý nội dung kiểm tra trọng tâm mà Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị đã nêu. Xuất phát từ thực tiễn của địa phương mình, mỗi cấp ủy cần chọn ra một số vấn đề cấp thiết, nổi cộm trên các lĩnh vực để tiến hành kiểm tra. Cần phải tính toán kỹ về lực lượng kiểm tra và quỹ thời gian kiểm tra để xác định quy mô, số lượng các cuộc kiểm tra cho phù hợp, khi kết thúc kiểm tra có kết luận các vấn đề làm được, chưa làm được kịp thời. Không tổ chức kiểm tra tràn lan, qua loa đại khái sẽ không có hiệu quả thậm chí phản tác dụng

- Ngoài các cuộc kiểm tra do cấp ủy trực tiếp chỉ đạo, cấp ủy có thể giao cho các ban Đảng của cấp ủy hoặc các Ban cán sự, Đảng đoàn chủ trì kiểm tra một số mặt theo chức trách, nhiệm vụ của từng ban.

3. Tổ chức thực hiện

- Các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh khẩn trương tổ chức triển khai việc học tập, quán triệt và xây dựng chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy theo nội dung nêu ở mục 1, 2 của chỉ thị này xong trước ngày 31-7-1998.

Năm 1998 và các năm tiếp theo các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc phải thực hiện nghiêm túc việc xây dựng và thực hiện chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy. Hằng năm cấp ủy phải tiến hành sơ, tổng kết kiểm điểm việc xây dựng và thực hiện chương trình kiểm tra của cấp ủy để từng bước nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, đưa hoạt động kiểm tra trở thành nền nếp thường xuyên trong hoạt động lãnh đạo của cấp ủy.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Văn phòng Tỉnh ủy và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo dõi đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện chỉ thị này. Các chương trình về công tác kiểm tra cũng như các báo cáo sơ tổng kết về việc thực hiện hằng năm của các cấp ủy phải gửi về văn phòng và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy để theo dõi, tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Chỉ thị này được quán triệt đến các chi bộ Đảng trong toàn tỉnh để thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
TRÁNG A PAO**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
LẦN THỨ CHÍN (KHÓA II)

Số 08-NQ/TU, ngày 27-3-1998

**Xây dựng cơ sở chính trị xã, phường,
thị trấn vững mạnh (1998 - 2000)**

Xã, phường, thị trấn là cấp cơ sở gần với dân có tầm quan trọng đặc biệt trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; là nơi tạo nguồn và bổ sung cán bộ cho Đảng. Trong những năm qua thực hiện công cuộc đổi mới, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về đổi mới chính đốn Đảng, Tỉnh ủy đã có nhiều chủ trương biện pháp để củng cố và xây dựng cơ sở chính trị, đồng thời đầu tư nguồn lực đáng kể phát triển kinh tế - xã hội ở xã, phường, thị trấn. Hệ thống chính trị đã có những chuyển biến tích cực: tổ chức cơ sở đảng được củng cố kiện toàn, hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân từng bước đi vào nền nếp, các tổ chức toàn thể quần chúng đã có bước cải tiến về nội dung và hình thức, song so với yêu cầu thực tế nhất là trong điều kiện bước vào giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì vẫn còn một khoảng cách khá xa... Do điều kiện về địa lý, những khó khăn đặc thù của miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; những khác biệt về phong tục tập quán và ngôn ngữ, cơ sở hạ tầng yếu kém và trình độ dân trí thấp, cho nên cơ sở chính trị ở những nơi này thường mỏng

và yếu. Có những tổ chức cơ sở đảng tình trạng yếu kém vẫn kéo dài, hoạt động của chính quyền và các đoàn thể quần chúng hiệu quả thấp. Tình hình đó đặt ra một nhiệm vụ cấp thiết là phải xây dựng và củng cố cơ sở chính trị xã, phường, thị trấn; đặc biệt là các vùng sâu vùng xa nhằm đáp ứng yêu cầu trước mắt và lâu dài theo tinh thần Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Lào Cai lần thứ II đã đề ra.

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ SỞ CHÍNH TRỊ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Những năm qua, các cấp ủy từ tỉnh, huyện đến cơ sở đã có nhiều chủ trương biện pháp để xây dựng và củng cố cơ sở chính trị xã, phường, thị trấn. Qua đó đã đạt được những kết quả quan trọng, và tồn tại khuyết điểm thể hiện trên các mặt sau đây:

Tổ chức cơ sở đảng được củng cố kiện toàn, năng lực và sức chiến đấu của Đảng được tăng cường. Tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh tăng lên (từ 51 cơ sở năm 1993 lên 87 cơ sở năm 1996)/180 tổ chức cơ sở đảng xã, phường; tổ chức cơ sở đảng yếu kém giảm đáng kể (17 cơ sở năm 1993 xuống 6 cơ sở năm 1996). Đồng thời chất lượng đội ngũ đảng viên được nâng lên một bước, kết quả phân xếp loại hàng năm cho thấy: đảng viên đủ tư cách phấn đấu tốt, thường chiếm tỷ lệ 79,39%; đảng viên đủ tư cách có hạn chế từng mặt 19,36%; đảng viên vi phạm tư cách 1,18%; không đủ tư cách 0,06%. Tuy nhiên, do nhận thức và cách làm còn có phần phiến diện, việc phân xếp loại chưa sát với tiêu chuẩn và thực tế cơ sở nên tuy số lượng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh và đảng viên phấn đấu tốt (loại I) chiếm tỷ lệ cao; song thực chất phong trào chuyển biến chưa mạnh, nhiệm vụ chính trị hoàn thành ở mức độ thấp; vẫn còn khoảng 30% cấp ủy cơ sở vùng cao chưa chủ động được công tác.

Hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đã được kiện toàn song việc thể chế hóa tổ chức thực hiện các chủ trương, chính

sách của Đảng và nghị quyết của cấp ủy làm còn yếu. Năng lực quản lý và điều hành của Ủy ban nhân dân ở cơ sở theo pháp luật còn hạn chế; chưa phân định được rõ chức năng nhiệm vụ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý dẫn đến một số nơi hoạt động còn chồng chéo hoặc buông lỏng lãnh đạo, cấp ủy bao biện làm thay công việc của chính quyền.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và toàn thể quần chúng đã bám sát vào chỉ thị, nghị quyết của Đảng, tham gia chương trình phát triển kinh tế - xã hội xây dựng Đảng và chính quyền nhân dân vững mạnh. Song nội dung và phương thức hoạt động còn mang nặng tính hình thức, chậm đổi mới, chưa có sức thuyết phục và thu hút quần chúng hoạt động đoàn thể; dẫn đến một số đoàn thể có số hội viên, đoàn viên rất thấp, hoạt động rời rạc và yếu kém kéo dài, chưa có biện pháp khắc phục.

Đội ngũ cán bộ cơ sở nhìn chung có bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt và lối sống lành mạnh, giản dị, luôn gần gũi với nhân dân và hòa mình trong cộng đồng; nhiệt tình công tác, có tinh thần khắc phục khó khăn. Song còn những hạn chế, đó là: độ tuổi bình quân cao, văn hóa thấp, trình độ lý luận chính trị, kiến thức quản lý nhà nước và hiểu biết về pháp luật còn yếu. Nên khả năng lãnh đạo, chỉ đạo điều hành và giải quyết công việc hằng ngày ở cơ sở còn lúng túng. Ở các xã vùng sâu, vùng xa đội ngũ cán bộ vừa thiếu lại vừa yếu, đời sống gia đình cán bộ còn nhiều khó khăn, đông con, thu nhập thấp đã hạn chế không nhỏ đến năng lực và sức vươn lên của cán bộ. Thậm chí một số cán bộ thiếu tiên phong gương mẫu, sa vào tệ nạn xã hội như nghiện hút, mê tín dị đoan, tham nhũng, gia trưởng, mất dân chủ không thể hiện được là công bộc của dân, v.v.. Ở phường, thị trấn, đội ngũ cán bộ chủ chốt phần lớn là cán bộ nghỉ hưu. Đội ngũ này có ưu điểm là có bản lĩnh chính trị vững vàng và kinh nghiệm trong công tác, song tuổi cao sức khỏe giảm sút nên đã hạn chế đến năng lực quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở cơ sở.

Từ những kết quả của việc chỉnh đốn đổi mới hệ thống chính trị đã thúc đẩy tình hình kinh tế - xã hội có bước phát triển và tăng trưởng khá, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững.

Song vẫn còn nhiều khó khăn lúng túng trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm xóa đói giảm nghèo và nâng cao trình độ dân trí; đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa. Đời sống của đồng bào chưa ổn định, cơ sở hạ tầng thấp kém, giao thông đi lại khó khăn. Vẫn còn 7,7 vạn người du canh du cư, hàng vạn người thiếu nước sinh hoạt, 15 vạn người mù chữ, 12 xã chưa có trạm y tế. Nhu cầu về hưởng thụ văn hóa tinh thần còn thấp, các tệ nạn xã hội, phong tục tập quán lạc hậu còn nặng nề; 28% dân cố thuộc diện đói nghèo. Công tác tài chính, xây dựng ngân sách xã gặp nhiều khó khăn, ở phường, thị trấn hàng ngàn người vẫn chưa có việc làm.

Nguyên nhân của các yếu kém, khuyết điểm:

- Cơ sở chính trị của một số xã vùng sâu, vùng xa, biên giới chưa đủ mạnh, chưa chủ động giải quyết được những vấn đề phức tạp diễn ra trong đời sống hằng ngày của nhân dân, còn có tư tưởng ỷ lại chờ đợi cấp trên. Đội ngũ cán bộ nói chung trình độ, năng lực còn nhiều hạn chế.

- Mặt bằng dân trí còn thấp, cơ sở hạ tầng nói chung còn yếu kém, tình hình kinh tế, xã hội phát triển không đồng đều giữa các vùng, một số chủ trương, chính sách của Đảng đến với vùng sâu, vùng xa chậm được triển khai và đem lại hiệu quả.

- Công tác cán bộ cơ sở chưa có sự quan tâm đúng mức, dẫn đến hẫng hụt, chấp vá thiếu đồng bộ, chậm được đổi mới; chưa xây dựng được quy hoạch về chiến lược công tác cán bộ cho cơ sở. Chưa có chính sách thỏa đáng để động viên khuyến khích đội ngũ cán bộ cơ sở yên tâm công tác, học tập phấn đấu vươn lên.

Phần thứ hai

NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG CƠ SỞ CHÍNH TRỊ XÃ, PHƯỜNG, THỊ TRẤN

Nhiệm vụ:

1- Xây dựng chi, đảng bộ theo tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, đáp ứng

yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở cơ sở. Tập trung sức để củng cố và xóa các tổ chức cơ sở đảng còn yếu trước năm 2000.

2- Nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, kết nạp đảng viên mới trẻ hóa đội ngũ, tập trung sức giảm trên 60% thôn, bản chưa có đảng viên. Tăng cường công tác quản lý đảng viên.

3- Xây dựng chính quyền cơ sở theo hướng tinh gọn, thực sự Nhà nước của dân, do dân vì dân. Hoạt động theo thiết chế dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

4- Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng, có những giải pháp thích hợp để tuyên truyền vận động quần chúng vào hội và hoạt động hiệu quả trong nền kinh tế thị trường.

5- Xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở có trình độ và kiến thức nhất định, chủ động được công tác và giải quyết được những nhiệm vụ ở cơ sở. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đi đôi với tạo nguồn và quy hoạch cán bộ theo hướng chiến lược (Nghị quyết Trung ương 3 khóa VIII). Chuẩn bị đội ngũ cán bộ cho việc kiện toàn Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân vào năm 1999.

6- Củng cố hệ thống chính trị phải đi đôi với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa có nhiều khó khăn.

Những giải pháp cơ bản:

I. NÂNG CAO NĂNG LỰC VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

1. Tổ chức cơ sở đảng

- Các cấp ủy huyện, thị cần khảo sát lại tình hình, đánh giá đúng thực trạng từng cơ sở xã, phường, thị trấn, lập kế hoạch củng cố. Phải tạo ra sự chuyển biến mạnh mẽ ở các cơ sở trọng điểm như thị trấn,

thị tứ, phường. Đặc biệt là phải tập trung sức để củng cố cơ sở đảng ở các xã vùng sâu, vùng xa, trong đó có số ít cơ sở yếu mà nhiều năm chưa vươn lên được. Một số cơ sở xếp lại khá, song vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở đó chưa rõ nhiệm vụ chính trị của chi, đảng bộ hoàn thành ở mức độ thấp (qua khảo sát thực tế có khoảng 30%). Nhiệm vụ từ nay đến năm 2000 là chúng ta phải căn bản giải quyết tình trạng trên.

- Việc củng cố các cơ sở trước hết là trách nhiệm của cá chi, đảng bộ cơ sở, nhưng phải có sự hướng dẫn, chỉ đạo, giúp đỡ của cấp ủy huyện, thị. Ở những nơi có nhiều khó khăn, đội ngũ cán bộ cơ sở còn yếu thì các cấp ủy huyện, thị trước hết phải coi trọng kiện toàn cấp ủy và cán bộ lãnh đạo chủ chốt như bí thư Đảng ủy, chủ tịch Ủy ban dân dân... đồng thời cấp ủy viên và cán bộ có kinh nghiệm xuống giúp đỡ củng cố trong một thời gian nhất định. Tùy theo điều kiện có thể thành lập tổ công tác để củng cố toàn diện hoặc là cử phái viên phụ trách xã...

- Xây dựng, bổ sung và thực hiện quy chế làm việc của Đảng ủy, chi bộ, bảo đảm cho tổ chức cơ sở đảng thực hiện đúng vai trò lãnh đạo của toàn bộ hệ thống chính trị ở cơ sở. Hướng dẫn chỉ đạo chính quyền, đoàn thể quần chúng xây dựng quy chế hoạt động, đưa sinh hoạt vào nền nếp.

- Phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ kiến thức và năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ cơ sở, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới. ở các trường chính trị của tỉnh, trung tâm chính trị huyện, thị, cần phải có kế hoạch luân phiên bồi dưỡng cán bộ cơ sở.

- Các huyện, thị hàng năm trình tỉnh duyệt kế hoạch đào tạo và bảo đảm cơ sở vật chất phục vụ cho công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ cơ sở.

Sinh hoạt đảng phải đưa vào nền nếp, nội dung sinh hoạt cần ngắn gọn, có trọng tâm, trọng điểm và sát thực với từng cơ sở. Tổ chức cơ sở đảng ở các xã vùng sâu, vùng xa do điều kiện địa dư rộng, đảng viên ở phân tán, cần phải có hình thức sinh hoạt linh hoạt hơn, nhưng phải bảo đảm nội dung, chất lượng.

- Tăng cường chế độ thông tin cho cơ sở, giúp cho cơ sở nắm bắt được đường lối, chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết và pháp luật của Đảng và Nhà nước để chuyển tải đến nhân dân. Hạn chế tình trạng thiếu thông tin ở cơ sở, nhất là vùng sâu, vùng xa.

2. Công tác đảng viên

- Phải làm tốt hơn nữa việc phân tích chất lượng đảng viên. Các cấp ủy cơ sở cần phải nắm vững mục đích, ý nghĩa của việc phân tích chất lượng đảng viên; phải căn cứ vào tiêu chuẩn và thực tiễn của đảng viên có thể nhận xét đánh giá chính xác, khách quan. Từ đó để thấy rõ được thực trạng của đội ngũ đảng viên và từng đảng viên nhằm bồi dưỡng phát huy mặt mạnh là chủ yếu, khắc phục tồn tại để đảng viên tự phấn đấu vươn lên.

- Các cấp ủy Đảng xã, phường, thị trấn nghiên cứu kỹ khả năng và điều kiện của từng đồng chí để phân công giao nhiệm vụ cho phù hợp; đồng thời phải thường xuyên kiểm tra giúp đỡ, tạo điều kiện cho họ hoàn thành nhiệm vụ.

- Đối với các đồng chí gặp hoàn cảnh gia đình có nhiều khó khăn về kinh tế và đời sống; cấp ủy và chính quyền bàn kế hoạch giúp đỡ, tạo điều kiện cho các đồng chí đó bảo đảm cuộc sống gia đình và an tâm công tác.

- Tiếp tục giải quyết tốt chính sách miễn hoãn cho các đảng viên già yếu, chính sách khen thưởng đối với đảng viên như tặng Huy hiệu Đảng, tặng Huân chương, chế độ bình xét khen thưởng hằng năm cho đảng viên.

- Tích cực bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ đảng viên, đồng thời phải làm tốt công tác phát triển Đảng. Công tác phát triển Đảng trong những năm tới cần phải chú trọng phát triển ở những xã vùng sâu, vùng xa, trong đồng bào dân tộc thiểu số nơi có nhiều khó khăn, các thôn, bản chưa có đảng viên; vùng đồng bào có đạo; phải xây dựng được cốt cán kiên trung để lãnh đạo.

Ở phường, thị trấn cần chú ý bồi dưỡng những quần chúng ưu tú là người lao động sản xuất, kinh doanh giỏi ở các tổ dân phố.

- Đảng viên là cán bộ, công nhân, viên chức nhà nước sinh sống trên địa bàn phường, thị trấn, phải tham gia sinh hoạt theo đúng quy định của Điều lệ Đảng và Thông tri 13 của Tỉnh ủy. Tổ chức đảng ở phường, khu phố cần phải tạo điều kiện cho đảng viên tham gia sinh hoạt thuận tiện bảo đảm hiệu quả thiết thực.

3. Công tác cán bộ

- Hai nhiệm vụ có tính cấp bách trong công tác cán bộ hiện nay đó là đào tạo bồi dưỡng số cán bộ hiện có, đồng thời phải tiếp tục tạo nguồn, tuyển chọn và đào tạo cho lớp cán bộ kế cận. Trước mắt phải khẩn trương củng cố và mở lại hệ thống trường bồi túc văn hóa từ tỉnh đến huyện, nâng cao trình độ văn hóa cho cán bộ xã. Phấn đấu đến năm 2000 đối với cán bộ vùng cao phải hết trình độ cấp I trở lên, vùng thấp hết cấp II, phường, thị trấn hết cấp III và tiến tới sẽ có trình độ đại học sau năm 2000; 80% có trình độ trung học chính trị và kiến thức quản lý nhà nước. Chú ý đào tạo bồi dưỡng phải căn cứ vào độ tuổi, năng lực và hướng phát triển để từng bước tiêu chuẩn hóa cán bộ, phải coi học tập là chế độ bắt buộc.

- Công tác tuyển chọn cần chú ý các đối tượng là con em đồng bào các dân tộc đã học ở các trường phổ thông dân tộc nội trú, quân nhân đã hoàn thành tốt nhiệm vụ trong quân ngũ trở về.

- Hình thức đào tạo phải đa dạng, linh hoạt; học tập trung ở tỉnh, ở huyện kết hợp với các lớp bồi dưỡng tại chức các cụm xã.

- Khôi phục lại các trường bồi túc văn hóa huyện, thị với chức năng là bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa cho đội ngũ cán bộ xã. Ở những xã vùng cao có nhiều khó khăn, đội ngũ cán bộ còn yếu các cấp ủy huyện, thị cần phải cử cán bộ xuống tăng cường để cho các đồng chí cán bộ cơ sở đi học.

- Nghiên cứu mở trường kinh tế của tỉnh nhằm đào tạo cho cán bộ xã về kiến thức quản lý kinh tế; đào tạo chuyên môn hóa 4 chức danh (tài chính, tư pháp, địa chính, văn phòng) cho cơ sở theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII).

- Trường Chính trị tỉnh, các trung tâm chính trị huyện, thị tiếp tục có kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ xã, phường.

- Thực hiện chế độ tiết kiệm thật nghiêm ngặt để giành một phần kinh phí cho công tác đào tạo; tỉnh sẽ trích một phần ngân sách hỗ trợ cho cán bộ cơ sở đi học.

- Các huyện, thị cần nghiên cứu trích một phần ngân sách hỗ trợ cho các đồng chí cán bộ được cử đi công tác, củng cố các xã vùng cao, biên giới, vùng có nhiều khó khăn. Áp dụng chế độ bình xét khen thưởng hàng năm đối với cán bộ cơ sở.

II. Củng cố và nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền cơ sở

1- Tổ chức cơ sở đảng lãnh đạo chính quyền cơ sở kịp thời cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, nghị quyết của chi, đảng bộ cơ sở; nhất là trong lĩnh vực chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, phát triển y tế, giáo dục.

2- Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với chính quyền cơ sở bằng cách tăng cường công tác quản lý cán bộ trong bộ máy nhà nước ở địa phương; xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ số lượng và từng bước nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cơ sở.

3- Xây dựng đội ngũ cán bộ thôn, bản gắn với xây dựng chính quyền cấp xã, gắn trách nhiệm của trưởng thôn, bản với công tác đào tạo, bồi dưỡng tạo nguồn cán bộ và công tác phát triển Đảng. Xây dựng mô hình lồng ghép trưởng thôn, bản kiêm bí thư chi bộ, tổ trưởng Đảng.

III. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng

1- Các cấp ủy Đảng phải thực sự chăm lo củng cố và nâng cao năng lực hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng. Bố trí cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực và có tín nhiệm để lãnh đạo các đoàn thể.

2- Các cấp ủy cơ sở phải định hướng và tạo điều kiện thuận lợi giúp đỡ các đoàn thể hoạt động theo đúng chức năng của mình. Ưu tiên một số nguồn vốn của các chương trình dự án giao trách nhiệm cho các đoàn thể tổ chức thực hiện nhằm tạo công ăn việc làm tăng thu nhập - qua đó thu hút quần chúng tham gia hoạt động trong các tổ chức đoàn thể quần chúng.

IV. LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, AN NINH QUỐC PHÒNG Ở CƠ SỞ

1. Phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn

Tăng cường chỉ đạo phát triển sản xuất chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; ổn định tình hình dân cư từng xã, xây dựng các cụm dân cư theo quy mô thôn, bản, củng cố lòng tin đối với nhân dân.

- Tập trung cho thâm canh cây lúa nước, cây ngô trong đó đặc biệt chú ý cải tạo cơ cấu giống có năng suất cao, các yếu tố phân bón, thủy lợi và phòng trừ dịch bệnh thực hiện các hình thức nông, lâm kết hợp.

- Phát triển cây khoai tây vụ đông dưới chân ruộng 1 vụ để góp phần giải quyết lương thực cho đồng bào vùng cao lúc giáp hạt.

Tập trung đầu tư hình thành các vùng cây ăn quả, khuyến khích đầu tư thâm canh tạo thành các vùng sản xuất tập trung các vùng cây công nghiệp, cây có giá trị kinh tế cao.

Đẩy mạnh phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng công nghiệp, phát triển trang trại, kinh tế vườn rừng nhằm cải thiện đời sống và có sản phẩm đáp ứng ngày càng tăng của thị trường.

- Thực hiện xã hội hóa giáo dục nhằm mục tiêu: đến năm 2000 hoàn thành cơ bản phổ cập giáo dục tiểu học trong phạm vi toàn tỉnh; một số xã vùng thấp và các huyện, thị có điều kiện có thể hoàn thành sớm hơn.

- Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân ở tuyến cơ sở; đẩy mạnh việc xã hội hóa chăm sóc và bảo vệ sức khỏe ban đầu cho

nhân dân nhất là đối với người nghèo, nông dân ở vùng sâu, vùng xa. Thực hiện tốt công tác tiêm chủng mở rộng, công tác tuyên truyền dân số. củng cố và tăng cường hệ thống y tế từ xã đến các cụm thôn, bản.

- Phấn đấu đến năm 2000 có 80% số xã có đường ô tô đến trung tâm; 30% có điện lưới quốc gia; 30% số xã liên lạc bằng điện thoại; 90% trụ sở có nhà xây cấp III, cấp IV; 06% dân số có mức sinh hoạt, bảo đảm vệ sinh; 60% được xem truyền hình và 70% nghe Đài Tiếng nói Việt Nam trực tiếp; cơ bản hoàn thành hệ thống trường học và trạm xá.

2. Công tác an ninh quốc phòng

- Các cấp ủy Đảng và chính quyền cơ sở cần phải tiếp tục giáo dục cho nhân dân thấy rõ được âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch trong chiến lược “diễn biến hòa bình” của chúng. Nêu cao tinh thần cảnh giác, chống lại các luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc của bọn phản động, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn.

- Chăm lo, củng cố và xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ và sẵn sàng chiến đấu.

- Làm tốt công tác tuyển quân và giao quân hằng năm.

- Xây dựng Ban công an xã, phường, thị trấn và các tổ an ninh nhân dân hoạt động có hiệu quả, đẩy mạnh phong trào “Quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc”.

- Giải quyết tốt những tồn tại, đồng thời phải có những biện pháp hữu hiệu để chấm dứt tình trạng di dịch cư tự do và tuyên truyền đạo trái phép, gây bất ổn trong một số đồng bào dân tộc; tình trạng nghiện hút và trồng cây thuốc phiện ở một số bản làng vùng sâu, vùng xa; tình hình vi phạm lâm luật xảy ra ở một số nơi.

- Ở các xã, phường biên giới, Đảng và chính quyền cần phải phối hợp chặt chẽ với lực lượng vũ trang và biên phòng nắm chắc tình hình diễn biến vùng biên giới có biện pháp phòng ngừa và phát hiện kịp thời; đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi các vụ xâm canh, xâm cư, khai

thác lâm sản, tài nguyên của ta. Kiên quyết truy quét và xử lý buôn lậu qua biên giới, ăn cắp trâu, ngựa, tàng trữ, buôn bán các chất ma túy, vũ khí, buôn bán phụ nữ và trẻ em.... Bảo vệ tình hữu nghị giữa hai dân tộc Việt - Trung, giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia.

Tổ chức chỉ đạo, thực hiện

1- Căn cứ vào nội dung của nghị quyết, các cấp ủy huyện, thị cần có kế hoạch chỉ đạo cơ sở xã, phường, thị trấn kiểm điểm rút kinh nghiệm, việc củng cố cơ sở chính trị trong thời gian qua và xây dựng chương trình hành động xây dựng cơ sở chính trị từ nay đến năm 2000 một cách thiết thực, cụ thể.

2- Các huyện, thị cần xây dựng đề án, đi sâu chỉ đạo chuyên đề như củng cố các cơ sở chính trị còn yếu, xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở, công tác phát triển Đảng gắn với việc xóa các thôn, bản chưa có đảng viên ở một số xã vùng sâu, vùng xa.

3- Tiếp tục chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm chỉ đạo diện.

Tỉnh sẽ chọn một số điểm chỉ đạo:

- 1 phường của thị xã Lào Cai, 1 thị trấn huyện lỵ, 1 xã vùng thấp và 2 xã vùng cao để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung trong toàn tỉnh.

Mỗi huyện, thị còn 2 đến 3 cơ sở theo đặc thù riêng làm điểm chỉ đạo để rút kinh nghiệm chỉ đạo chung trong toàn huyện.

4- Kết hợp chặt chẽ việc triển khai nghị quyết này với các nghị quyết khác của Trung ương, đặc biệt là các nghị quyết về “Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh”, và nghị quyết về “Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”... tạo thành một thể thống nhất trong việc củng cố, xây dựng cơ sở chính trị, thúc đẩy việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị ở xã, phường, thị trấn.

5- Các sở, ban, ngành của tỉnh căn cứ vào các chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn nêu trong nghị quyết cụ thể hóa, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện, khai thác

tốt các nguồn vốn hỗ trợ, các chương trình dự án và đầu tư có trọng tâm, trọng điểm để sớm mang lại hiệu quả thiết thực.

6- Ban Tổ chức cùng các ban xây dựng Đảng cần phối hợp nghiên cứu làm tham mưu giúp cấp ủy triển khai, chỉ đạo và có hướng dẫn cụ thể thực hiện tốt Nghị quyết này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 30-BC/TU, ngày 1-4-1998

**Bốn năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII)
về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội
nông thôn (1994-1997)**

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 (KHOÁ VII) GIAI ĐOẠN 1994-1997

I. THỰC TRẠNG KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH LÀO CAI KHI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5

Tỉnh Lào Cai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII). Trong điều kiện nền kinh tế - xã hội còn nhiều yếu kém và khó khăn. Trình độ sản xuất lạc hậu mang nặng tính tự nhiên, tự túc tự cấp; cơ sở hạ tầng thấp kém, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, đặc biệt là đồng bào ở vùng sâu vùng xa (có 45% hộ nghèo, 25% hộ đói, trên 50% số dân không biết chữ, 54 xã chưa có đường ô tô đến. Hằng năm tình hình dân di cư tự do khá gay gắt (năm 1993 có 695 hộ gồm 4.312 khẩu tự do di cư).

Sau bốn năm triển khai thực hiện nghị quyết, mặc dù còn những yếu kém, hạn chế song bộ mặt nông thôn miền núi của tỉnh Lào Cai đã từng bước khởi sắc nền kinh tế phát triển tương đối toàn diện đúng

hướng, mức sống của nhân dân các dân tộc trong tỉnh từng bước được cải thiện.

II. KẾT QUẢ 4 NĂM THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 (KHÓA VII)

A. Tập trung chỉ đạo phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp

Xuất phát từ điều kiện cụ thể của tỉnh, ngay từ khi xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII), Tỉnh ủy đã xác định là “đẩy mạnh sản xuất nông - lâm nghiệp trong đó sản xuất lương thực chiếm vị trí quan trọng. Đổi mới cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất đa canh, sản xuất hàng hóa gắn với thị trường...”. Vì vậy trong 4 năm qua, Tỉnh ủy đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành bám sát các mục tiêu quan điểm, phương hướng và giải pháp cụ thể từng bước chuyển hướng phát triển nông - lâm nghiệp tiếp cận với kinh tế hàng hóa, hình thành các vùng sản xuất chuyên canh áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật và công nghệ... nên đã lựa chọn, xác định được các loại cây trồng vật nuôi tương đối phù hợp điều kiện sinh thái từng vùng, sản xuất nông - lâm nghiệp đã có bước tiến bộ rõ nét.

1. Góp phần quan trọng giữ vững nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội, tổng sản phẩm GDP năm 1994 tăng 11,65%, năm 1995 tăng 9,65%, năm 1996 tăng 10,29%; năm 1997 tăng 5% so với năm trước, riêng sản xuất nông - lâm nghiệp năm 1997 so với năm 1994 tăng 15,8% về giá trị.

2. Tổng sản lượng lương thực quy thóc tăng từ 135.480 tấn năm 1993 lên 147.000 tấn năm 1997. Trong sản xuất lương thực, tỉnh đã có chính sách hợp lý đầu tư thâm canh như: Phân bón, bảo vệ thực vật, khuyến nông, đưa các lợi giống lúa, ngô năng cao vào sản xuất (về lúa, năm 1997 đưa vào vụ đông - xuân đạt 85%, diện tích vụ mùa 57%). Do đó đã đưa năng suất lúa đông - xuân từ 35 tạ/ha/vụ năm 1993 lên 42,5 tạ/ha/vụ năm 1997 tăng bình quân mỗi năm 1,87 tạ/ha.

Vụ mùa năng suất không ổn định (năm 1993 đạt 31,2 tạ/ha, năm 1997 đạt 30,94 tạ/ha). Năng suất ngô tăng từ 14,9 tạ/vụ ha năm 1993 lên 16,3 tạ/ha/vụ năm 1997, tăng bình quân mỗi năm 0,35 tạ/ha. Hình thành sản xuất vụ đông với các cây trồng chính được xác định như khoai tây, ngô, mỳ... Vụ đông năm 1997 đã trồng hơn 315 ha khoai tây đạt năng suất 14,3 tấn/ha/vụ với sản lượng 4.525 tấn, tạo thêm lương thực cho đồng bào lúc giáp hạt, đã góp phần thay thế dần cây thuốc phiện.

3. Hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh bao gồm vùng cây ăn quả với tổng diện tích 3.951 ha tăng 185%, trong đó tập trung vào vùng mạn Bắc Hà 2.237 ha tăng 171%; vùng mía 1.998 ha tăng 255% trong đó tập trung ở Bảo Thắng 1.152 ha; vùng cây đậu tương 3.425 ha tăng 17%, vùng chè 1.635 ha, vùng cây đặc sản với 2.621 ha thảo quả (quy đông đặc), trong đó tập trung 2 huyện Bát Xát và Sa Pa, vùng quế với hơn 3.861 ha... Đã tạo điều kiện thâm canh và cho khối lượng hàng hóa lớn. Sản lượng cây ăn quả hằng năm đạt từ 12.000-15.000 tấn quả tươi, (riêng mạn tam hoa năm 1997 đạt 3.120 tấn, chủ yếu ở Bắc Hà) tăng 26,4% so với năm 1993, chè búp tươi đạt 6.120 tấn tăng 19%, mía cây 45.689 tấn tăng 87,4% và 1.973 tấn đậu tương tăng 53,4% so với năm 1993,...

4. Đã đầu tư tạo đàn, cải tạo giống trong chăn nuôi như đầu tư tạo thêm đàn bò, mua bò lai sind, bò sữa, tạo đàn dê, gà công nghiệp, lợn đực ngoại, nên đàn gia cầm phát triển khá. Tính đến hết năm 1997 đàn trâu có 94.524 con tăng 10,7%, đàn bò có 10.559 con tăng 38%, đàn lợn có 194.262 con tăng 9,7%, đàn dê tăng 78% và gia cầm tăng 305 so với 1-1-1993. Do chăn nuôi phát triển nên thị trường thực phẩm được ổn định.

5. Thực hiện ngày càng có hiệu quả hơn các dự án đầu tư của Nhà nước vào lĩnh vực lâm nghiệp, vốn rừng không ngừng phát triển, cơ cấu cây trồng ngày càng phong phú hơn chuyển từ trồng thuần loài sang trồng hỗn giao, rừng đa mục đích, chuyển từ quốc doanh là chính sang khoán cho kinh tế hộ gia đình, hình thành dần các vùng nguyên

liệu tập trung phục vụ cho chuyển biến và công nghiệp, đưa diện tích đất có rừng từ 21% năm 1993 lên 29% năm 1997 (đạt 228.171 ha trong đó rừng tự nhiên 193.027 ha và rừng trồng 35.690 ha có trữ lượng gỗ khoảng 14,6 triệu m³ và 155 triệu cây tre, nứa, vầu).

6. Nền kinh tế nhiều thành phần đã và đang hình thành trong đó có kinh tế hộ gia đình và phát huy hiệu quả và ngày càng được củng cố nhân rộng, trong thời gian qua (1993-1997) chúng ta đã coi trọng việc tổ chức chỉ đạo phát triển sản xuất cũng như tổng kết đánh giá phong trào sản xuất nông - lâm nghiệp giỏi. Mô hình hộ nông dân sản xuất nông - lâm nghiệp giỏi phát triển ngày càng nhiều hơn.

B. Đổi mới cơ cấu kinh tế nông thôn

Cùng với việc thực hiện các giải pháp đẩy mạnh phát triển sản xuất - nông - lâm nghiệp, trong thời gian qua Tỉnh ủy đã vận dụng các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng, thực hiện các chính sách về ruộng đất, về phát triển và nâng cao dân trí, từng bước đổi mới cơ cấu kinh tế - xã hội nông thôn.

1. Phát triển công nghiệp chế biến - dịch vụ gắn với phát triển kinh tế - xã hội nông thôn

Bốn năm qua giá trị sản lượng công nghiệp địa phương có mức tăng trưởng hàng năm khá cao đạt 36,75%, trong đó tiểu thủ công nghiệp gắn với nông nghiệp tăng trưởng bình quân 19,35 năm do đó đã có những tác động đối với phát triển nông nghiệp và từng bước cải biến cơ cấu nông thôn. Đã hình thành nhiều ngành nghề tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, qua khảo sát thống kê toàn tỉnh khu vực nông thôn có: 67 xưởng cơ khí và rèn đúc, 74 lò gạch, 9 lò ngói, 17.673 hộ dệt vải, 14.174 hộ làm đệm bông lau; 166 xe ô tô, xe công nông và 70 thuyền vận tải; 3.716 máy tuốt lúa, 860 máy nổ; 16 máy cày bừa đất; 7.974 máy thủy điện mi ni... 92 tổ hợp chế biến đường, 10 xưởng chế biến chè; 161 tổ hợp chế biến gỗ; 1.001 cụm xay xát... góp phần từng bước phân công lại lao động xã hội, ổn định dân cư, thúc đẩy phát triển sản xuất nông nghiệp - nông thôn.

2. Đầu tư phát triển nông thôn

Trước thực trạng kinh tế - xã hội của một tỉnh vùng cao biên giới rất khó khăn lại mới được tái lập, Tỉnh ủy đã phát huy các nguồn lực tập trung đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội nông thôn cụ thể là:

Ưu tiên đầu tư vốn ngân sách, năm 1994 so với năm 1993 chung toàn tỉnh tăng 120%, riêng khối huyện, thị tăng 150%, khối xã tăng 163%. Về chi ngân sách năm 1996 so với năm 1993 toàn tỉnh tăng 189%, thì khối huyện là 247%, khối xã là 303%.

Ngoài các nguồn vốn đầu tư của các chương trình dự án quốc gia (đã có báo cáo chuyên đề riêng) trên 4 năm qua tỉnh đã đầu tư trên 86 tỷ đồng xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn bao gồm các hạng mục:

- Về giao thông: Hỗ trợ nâng cấp đường Lào Cai - Bắc Hà, đường Lào Cai - Sa Pa. Mở mới 463 km đường giao thông nông thôn, khôi phục nâng cấp 784 km đường tỉnh, huyện, làm mới 30 cầu treo, 103 cây cầu nhỏ, 42 ngầm tràn, 632 cống các loại...

- Về kiến thiết thị chính: Đã đầu tư xây dựng hệ thống điện sáng cho thị trấn các huyện, thị, các tiểu công viên Sa Pa, Than Uyên, Bát Xát, Mường Khương... cải tạo hệ thống nước ăn ở thị trấn Sa Pa, Văn Bàn, Bắc Hà.

- Về văn xã: Đầu tư sửa chữa nâng cấp trang thiết bị các trung tâm y tế Cam Đường, Bảo Yên, Than Uyên, Văn Bàn, Bắc Hà, Mường Khương. Các huyện đều được trang bị máy X quang hiện đại và phương tiện phục vụ cho khám chữa bệnh, Nâng cấp sửa chữa các công trình văn hóa truyền thanh của các huyện, thị. Đặc biệt đã tăng cường các máy điện thoại phục vụ thông tin các xã biên giới và đồn biên phòng, các xã xa trung tâm tỉnh lỵ, đến nay đã có 56 xã, phường có máy điện thoại.

Trong thời gian qua chúng ta đã đầu tư vào địa bàn nông thôn khoảng 424 tỷ đồng (chưa kể vốn tín dụng ngân hàng) để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, thúc đẩy hình thành các vùng sản xuất tập trung và các cụm dân cư. Đến nay có nhiều cụm đã trở thành trung tâm kinh tế - xã hội của vùng, như Pha Long, Cao Sơn, Lùng

Khẩu Nhin... (huyện Mường Khương); Si Ma Cai, Lùng Phình (huyện Bắc Hà); Y Tý, Trịnh Tường, Mường Hum... (huyện Bát Xát). Xây dựng 131 trụ sở cấp 3 và cấp 4, xây mới 56 trạm xá xã, nâng tổng số 158/180 xã, phường có nhà trạm xá, 32 chợ nông thôn và đầu tư tạo nguồn thu cho xã khai thác các tiềm năng để phát triển kinh tế- xã hội. Đồng thời cùng với huy động nguồn lực trong dân đưa thêm 30 xã có đường ô tô đến trung tâm, nâng số xã có đường ô tô 156/180 xã, phường. Tất cả các thị trấn huyện, thị xã đều có điện sáng. Nếu tính riêng điện lưới quốc gia thì 9/10 huyện, thị và khu vực Thân Thuộc, huyện Than Uyên (gồm 56/180 xã, phường và 23.345 hộ) được dùng điện, đạt 27,88% số hộ toàn tỉnh.

C. Vận dụng thực hiện các chính sách của Nhà nước

1. Phát triển kinh tế nhiều thành phần

Là quan điểm chỉ đạo có tính xuyên suốt, nhất quán của Tỉnh ủy trong lĩnh vực phát triển kinh tế nông - lâm nghiệp và nông thôn theo định hướng xã hội chủ nghĩa được thể hiện một số biện pháp cụ thể là:

a) Đối với kinh tế quốc doanh sản xuất kinh doanh và phục vụ sản xuất - kinh doanh nông - lâm nghiệp:

- Các doanh nghiệp - nông - lâm nghiệp được thành lập theo Quyết định 388-HTBT gồm 8 lâm trường, 3 nông trường, 2 công ty chế biến - dịch vụ, trung tâm khuyến nông, Chi cục Bảo vệ thực vật, Chi cục Thú y. Với chức năng, nhiệm vụ của mình trong thời gian qua các doanh nghiệp đã năng động trong sản xuất kinh doanh như các lâm trường: Văn Bàn, Bảo Yên, Mường Khương, Xí nghiệp chè I Than Uyên... đã thực hiện tốt kế hoạch nhà nước giao có lãi, là đầu mối chuyển giao kỹ thuật, cầu nối giữa các mối quan hệ trong sản xuất - kinh doanh nông - lâm nghiệp. Các doanh nghiệp dịch vụ đã cung ứng kịp thời phân bón giống cây trồng như: lúa, ngô, khoai tây... có năng suất cao, giống gia súc như trâu, bò, dê, gà.. phục vụ cho sản xuất.

Song nhìn chung các doanh nghiệp chưa thực sự phát huy được vai trò chủ đạo trong sản xuất - kinh doanh, trong áp dụng khoa học - kỹ thuật. Một số doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, đời sống công nhân gặp nhiều khó khăn, cần được tiếp tục có biện pháp khắc phục, nhất là các xí nghiệp nông - lâm nghiệp. Cũng do yếu kém nên đã có 2 doanh nghiệp (Nông trường chè Than Uyên 2, Lâm trường Than Uyên) giải thể.

- Các doanh nghiệp thương nghiệp trong cơ chế thị trường đã tự đổi mới khẳng định mình và tổ chức lại sản xuất - kinh doanh, nâng dần mức luân chuyển hàng hóa phục vụ cho nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Đã phục vụ đầy đủ mặt hàng chính sách (dầu hỏa, muối iốt, giấy học sinh) cho đồng bào các dân tộc trong tỉnh.

Tuy nhiên thị trường nhiều nơi ở vùng sâu, vùng xa còn bỏ trống, các khâu mua, bán, du lịch, cung ứng vật tư - xuất nhập khẩu phát triển chậm chưa khai thác tốt thế mạnh của địa phương, cơ chế chính sách còn gò bó, lúng túng trong sản xuất - kinh doanh.

- Các doanh nghiệp tín dụng của Nhà nước có nhiều biện pháp thích ứng với cơ chế mới, nên trong mấy năm qua đã tập trung phục vụ tốt hơn cho phát triển nông - lâm nghiệp. Trong năm 1997 đã đầu tư đúng hướng có tác dụng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu, tăng trưởng kinh tế. Trong đó ngành nông - lâm nghiệp, dư nợ 75 tỷ đồng, chiếm 36,7% so với tổng số dư nợ, riêng cho vay ưu đãi hộ nghèo 35,8 tỷ chiếm 17,5% tổng số dư nợ. Kết quả cho vay ưu đãi hộ nghèo đã giúp cho 4.100 hộ có vốn phát triển sản xuất ưu tiên thoát khỏi nghèo đói. Hiện nay toàn tỉnh có 80% số hộ nghèo được vay vốn ưu đãi, giải ngân tới 170/180 xã, phường.

Tuy nhiên các doanh nghiệp cần phát huy hơn nữa trong việc đáp ứng nhu cầu vốn, tránh phiền hà cho dân, thực hiện đúng chính sách lãi suất... nhằm xóa bỏ hiện tượng cho vay nặng lãi trong nhân dân. Cần nâng cao chất lượng đầu tư, tăng cường kiểm tra kiểm soát hạ thấp dư nợ quá hạn.

b) Đổi mới hợp tác xã, phát triển các hình thức kinh tế hợp tác:
(phần này có báo cáo chuyên đề riêng).

c) Đối với kinh tế hộ - kinh tế tư nhân:

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) chúng ta đã thực sự xác lập và tôn trọng tính tự chủ của kinh tế hộ gia đình và đã có nhiều chính sách, biện pháp tạo hành lang pháp lý cho kinh tế hộ phát triển. Qua tổng kết sản xuất giỏi năm 1996, toàn tỉnh có 10.932 hộ sản xuất nông - lâm nghiệp giỏi chiếm 12,09% số hộ nông dân toàn tỉnh và tăng 5.472 hộ so với năm 1994; số hộ nông dân có kinh tế khá và giàu (mức thu nhập từ 150.000 đồng trở lên/tháng /người) có 19.928 hộ chiếm 23,32%, tăng 7,65 so với năm 1994. Số hộ nghèo (thu nhập dưới 60.000đ/người/ tháng) có 24.193 hộ bằng 28,32% tổng số hộ nông dân và giảm 11,8% so với năm 1993; số hộ đói còn 9,36% so với tổng số hộ nông dân trong toàn tỉnh.

Năm 1997 nhiều mô hình kinh tế trong nông thôn như: Trồng giống lúa lai, ngô lai có năng suất cao, cây chè, cà phê, cây quế, cây ăn quả mô hình trang trại hỗn hợp nông - lâm nghiệp hình thành và phát triển mạnh ở hầu hết các huyện, thị, nhất là ở vùng thấp.

Kết quả thực tế trên khẳng định kinh tế hộ gia đình đã phát huy được các nguồn lực trong nhân dân và sức mạnh tổng hợp của nền kinh tế. Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) đã đi vào cuộc sống và đem lại sức mạnh vật chất quan trọng cho việc ổn định và nâng cao đời sống của đội ngũ, từng bước tạo ra sức sản xuất mới trong nông nghiệp - nông thôn.

2. Thực hiện chính sách giao đất ổn định lâu dài cho nông dân.

Cùng với việc xác định vai trò tự chủ của kinh tế hộ, chúng ta đã coi trọng việc giao đất, khoán rừng cho hộ gia đình theo các Nghị định 02 và 64-CP nhằm giải phóng sức sản xuất trong nông - lâm nghiệp. Vì vậy thời gian qua tỉnh ta đã chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện nghiêm chỉnh Luật đất đai và các văn bản dưới luật của Trung ương, ra các văn bản cụ thể hóa tại địa phương, xây dựng hệ thống tổ chức địa chính từ tỉnh xuống xã... đến nay công tác giao đất khoán rừng đã đạt được một số kết quả đáng kể.

- Về đất nông nghiệp.

Tổng số đất đã giao là 34.086 ha/122.340 ha chiếm 28%, trong đó giao cho 6 tổ chức với 3.519 ha và giao 31.577 ha cho 62.788 hộ/82.571 hộ, đạt tỷ lệ 76% số hộ nông dân toàn tỉnh được giao đất. Đã cấp quyền sử dụng đất cho 4 doanh nghiệp với 1.601 ha và 40.604 hộ với 16.715,8 ha.

- Đối với đất lâm nghiệp: Tổng số đã giao 297.094 ha/568.560 ha chiếm 52% diện tích, trong đó giao cho 17 tổ chức với 174.783,4 ha và 58.520 hộ gia đình với diện tích 122.310,9 ha. Trong diện tích trên đã cấp quyền sử dụng đất cho 10 tổ chức với 64.625,9 ha và 23.326 hộ gia đình với 40.294 ha.

3. Thực hiện đúng đắn chính sách thuế sử dụng đất nông nghiệp.

Thực hiện Điều 22 của Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp, tỉnh đã thành lập Hội đồng xét duyệt miễn thuế nông nghiệp đúng đối tượng chính sách, kết quả giá trị nông nghiệp khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) chỉ còn 47,09% so với trước, đã góp phần động viên nhân dân phấn khởi yên tâm sản xuất, giải quyết một bước khó khăn về đời sống, đồng thời kích thích việc thực hiện nghiêm chỉnh nghĩa vụ, thuế hằng năm (1994 đạt 110%; 1995 đạt 138%; năm 1996 đạt 129%; năm 1997 đạt 94,37% kế hoạch hằng năm).

Đặc biệt tỉnh đã vận dụng một cách đúng đắn việc miễn thuế cho mặt hàng thảo quả, bởi vậy cây thảo quả được nhân dân hằng hái trồng thêm, đến nay diện tích lên tới 5.710 ha, và diện tích rừng có cây thảo quả cũng được chăm sóc bảo vệ tốt.

D. Đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị

Quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) ở tỉnh ta đã quán triệt quan điểm chỉ đạo của Đảng là: lấy xây dựng kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt do đó vừa đẩy mạnh phát triển kinh tế vừa không ngừng củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

- Đã thường xuyên chăm lo củng cố và kiện toàn các tổ chức cơ

sở đảng trong sạch, vững mạnh, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội cơ chế quản lý theo thôn, bản, nhiều đồng chí Bí thư hoặc tổ trưởng Đảng trực tiếp làm Trưởng thôn, bản từ đó tổ chức cơ sở đảng chủ động được công tác, hiệu quả cao hơn.

- Không ngừng bồi dưỡng lý luận, giáo dục và rèn luyện cho đội ngũ cán bộ, đảng viên thông qua sinh hoạt, hoạt động thực tế, học tập bồi dưỡng tại các trường, lớp tại chức, tập trung. Bốn năm qua đã có 2.000 cán bộ, đảng viên học xong trung cấp chính trị tại huyện, thị, gần 600 người cử đi học trường tỉnh và Trung ương gần 1.000 người học các lớp đại học tại chức tài chính, luật, xây dựng, quản trị kinh doanh và hơn 1.000 em là con em dân tộc trong tỉnh đang học các trường đại học cao đẳng học nghề... ở Trung ương và địa phương.

- Công tác phát triển đảng viên được quan tâm đúng mức cả về số lượng và chất lượng. Bốn năm qua đã kết nạp được 3.196 đảng viên mới thuộc địa bàn nông thôn, trong đó đảng viên là dân tộc ít người có 1.299 chiếm 41%. Riêng năm 1997 kết nạp bằng 190,69% so với năm 1993 chất lượng đảng viên được nâng lên rõ rệt, năm 1993 loại 1 có 3.153 đồng chí chiếm 60,99%; loại 2 cho 1.807 đồng chí chiếm 34,95%, loại 3 có 152 đồng chí chiếm 2,94%, loại 4 có 57 đồng chí chiếm 1,1%. Năm 1997 số đảng viên loại 1 có 4.445 đồng chí chiếm 74,93%; loại 2 có 1.418 đồng chí chiếm 23,90%; loại 3 có 65 đồng chí chiếm 1,09%, loại 4 có 4 đồng chí chiếm 0,06% số đảng viên được xếp loại.

Về tổ chức cơ sở đảng năm 1993 có 46 cơ sở trong sạch, vững mạnh chiếm 28,57%; loại khá có 98 cơ sở chiếm 60,86%; loại yếu có 15 cơ sở chiếm 9,31%; loại kém có 2 cơ sở chiếm 1,24%. Năm 1997 có 59 cơ sở trong sạch, vững mạnh chiếm 36,64%; loại khá 83 cơ sở chiếm 51,55%; loại yếu 19 cơ sở chiếm 11,80%; không còn loại kém. Chất lượng hoạt động của các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh được nâng lên, năm 1993 có 2 đảng bộ trong sạch, vững mạnh và 3 đảng bộ yếu thì năm 1996 có 6 đảng bộ trong sạch, vững mạnh và không còn Đảng bộ yếu kém.

Tuy nhiên đến nay còn 285 thôn, bản chưa có đảng viên, nhiều chi, đảng bộ chưa thực sự chủ động được công tác, một số bộ phận cán bộ kém năng lực, giảm tín nhiệm chưa thay đổi kịp thời.

Cùng với đổi mới và nâng cao chất lượng đảng viên và tổ chức cơ sở đảng, vai trò chính quyền và các đoàn thể quần chúng được phát huy. Tỉnh đã thực hiện tốt chính sách đối với cán bộ xã, bước đầu phát huy vai trò già làng, trưởng bản, trưởng dòng họ. Chất lượng hoạt động của hệ thống chính quyền và các đoàn thể được nâng lên thể hiện trong việc chỉ đạo, điều hành thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, trong việc vận động và tổ chức quần chúng thực hiện có hiệu quả các nghị quyết của Đảng.

Tóm lại, qua hơn bốn năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) đã có tác động mạnh mẽ lên toàn bộ mọi mặt hoạt động kinh tế - xã hội nông thôn tỉnh ta, từng bước đổi mới nền kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, nhiều thành phần, gắn với thị trường dưới sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Kinh tế nông nghiệp đã góp phần quan trọng ổn định và giữ vững nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân 9,5%/năm. Biên giới được giữ vững, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Đời sống nhân dân các dân tộc được cải thiện, số hộ đói nghèo giảm dần, số hộ khá và giàu tăng lên đáng kể, nhiều mô hình kinh tế hộ sản xuất - kinh doanh giỏi, kinh tế trang trại hình thành và phát triển. Cơ sở hạ tầng được xây dựng, đã tạo ra lượng vật chất ở nông thôn lớn hơn. Cùng với những kết quả về kinh tế, hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế đã có nhiều chuyển biến tích cực, góp phần thúc đẩy nhanh hơn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn toàn tỉnh.

Bên cạnh những thành tích đã đạt được cũng còn bộc lộ một số tồn tại yếu kém đó là:

1- Đã có sự chuyển biến cơ cấu kinh tế đúng hướng nhưng tiến độ còn chậm, chưa rõ nét nhất là đối với vùng cao, chưa tập trung đầu tư để tạo ra vùng cây con có tỷ suất hàng hóa lớn. Thị trường nông thôn nhìn chung còn bỏ ngỏ, thị trường tiêu thụ sản phẩm chưa ổn định, do đó chưa tạo được động lực mạnh mẽ cho việc phát triển kinh tế trong nông nghiệp nông thôn.

2- Tiến độ giao đất, giao rừng theo Nghị định 02-CP và 64-CP của Chính phủ làm còn chậm, chưa có chính sách đồng bộ khi khoán rừng cho dân.

3- Các nguồn vốn đầu tư chưa tập trung, chưa tạo ra các mô hình tốt về định canh định cư, vùng kinh tế mới. Hiệu quả vốn đầu tư chưa tương xứng với yêu cầu.

Phần thứ hai

MỘT SỐ MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP LỚN NHẪM THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 5 (KHÓA VII) GIAI ĐOẠN 1998 - 2000

Phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại khuyết điểm trong thời gian qua, căn cứ vào nội dung báo cáo của Tỉnh ủy, các ngành, các địa phương cần tiến hành đánh giá ở đơn vị mình, qua đó mà nâng cao hơn nữa nhận thức về Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) nhằm thực hiện tốt những mục tiêu chiến lược của Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 960-TTg, ngày 24-12-1996 về định hướng dài hạn và kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh miền núi phía Bắc. Một số mục tiêu và giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) từ nay đến năm 2000 như sau:

1. Tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh phát triển sản xuất - chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp - nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

a) Về trồng trọt:

Để thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu tổng sản lượng lương thực đến năm 2000 là 160 ngàn tấn, cần tiến hành một số biện pháp.

- Tập trung đầu tư cho thâm canh cây lúa nước, đặc biệt là khâu sử dụng giống lúa mới có năng suất cao cho vụ mùa kể cả vùng cao

đạt từ 54% năm 1997 lên 65-75% năm 2000 và đạt diện tích 15.000 ha/năm. Đưa giống ngô lai, ngô có năng suất cao từ 10% lên 50% tổng diện tích ngô.

Có chính sách khuyến khích đầu tư cây trồng vụ đông, nhất là khoai tây, ngô, phấn đấu đến năm 2000 có diện tích từ 2.000 ha trở lên hướng tập trung vào diện tích ruộng 1 vụ lúa ở vùng cao để tăng vụ và giải quyết đói giáp hạt.

- Tập trung đầu tư hình thành vùng cây ăn quả ôn đới ở các huyện Bắc Hà, Sa Pa, Mường Khương... với các loại mận, đào, lê, táo... vùng cây ăn quả nhiệt đới ở các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Văn Bàn, vùng thấp Mường Khương, Bát Xát, với các loại vải, nhãn, hồng, chuối, dưa... Tìm thị trường và công nghệ sau thu hoạch để tăng giá trị sản phẩm.

- Khuyến khích đầu tư thâm canh tạo thành các vùng sản xuất tập trung như vùng mía Bảo Thắng, Bảo Yên, Than Uyên 5.000 ha, vùng chè Mường Khương, Bảo Thắng, Sa Pa, Bắc Hà, Than Uyên khoảng 3.000 ha, vùng quế Bảo Thắng,, Bảo Yên, Văn Bàn, Bắc Hà, khoảng 5.000 ha. Vùng thảo quả Bát Xát, Sa Pa, Văn Bàn...

- Phát triển vành đai thực phẩm: Rau tươi, hoa, gia súc gia cầm ở thị xã Lào Cai, thị xã Cam Đường, Sa Pa và các xã phụ cận.

b) Về chăn nuôi:

Làm tốt công tác giống, thức ăn, phòng trừ dịch bệnh, bảo đảm tốc độ phát triển bình thường các đàn gia súc. Mặt khác khuyến khích phát triển đàn bò, dê, lợn, và gia cầm... từng bước phát triển chăn nuôi theo phương pháp công nghiệp như: lai tạo giống gia súc, nạc hóa đàn lợn, chế biến thức ăn...

c) Lâm nghiệp:

Phấn đấu đến năm 2000 độ tán che rừng đạt 35%, cần tiến hành:

- Bảo vệ diện tích rừng hiện có, đẩy mạnh công tác giao đất, giao rừng. Tổ chức nghề rừng phải gắn với định canh định cư, có chính sách cho dân đặc biệt là vùng sâu vùng xa giữ rừng nhưng bảo đảm cuộc sống. củng cố hệ thống quản lý khuyến lâm từ tỉnh xuống cơ sở.

- Từ nay đến năm 2000 trồng mới 25.000 ha (13.000 ha rừng trồng tập trung, 12.000 ha rừng trồng phân tán). Tăng cường công tác quản lý vốn, áp dụng công nghệ sinh học trong trồng rừng, ưu tiên cây bản địa, cây có giá trị sinh thái tự nhiên, phân đấu khoanh nuôi đến năm 2000 được 60.000 ha.

Trong quá trình phát triển sản xuất nông- lâm nghiệp, khuyến khích khôi phục và phát triển ngành nghề trong nông thôn với quy mô vừa và nhỏ; trước mắt sử dụng nguồn nguyên liệu tại chỗ và phục vụ yêu cầu của vùng, những công tác tiên tiến và tạo ra giá trị sản phẩm hàng hóa cao, có sức cạnh tranh trên thị trường kể cả trong và ngoài nước, như: chế biến sản phẩm nông - lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề truyền thống, Mặt khác vận động và hướng dẫn nhân dân sử dụng các loại máy móc, cơ khí nhỏ phù hợp nhằm giải phóng sức sản xuất, tăng năng suất lao động.

2. Phát huy sức mạnh tổng hợp của các thành phần kinh tế

a) Đối với doanh nghiệp nhà nước:

Tiếp tục củng cố các doanh nghiệp nhà nước đang làm việc sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực nông - lâm nghiệp theo hướng lấy hiệu quả kinh tế - xã hội làm mục tiêu hàng đầu, các doanh nghiệp phải tự đổi mới, chủ động vươn lên trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và chuyển giao khoa học - công nghệ

+ Các doanh nghiệp đã được thành lập theo Quyết định 388 đến nay cần đánh giá để có hướng đi cho phù hợp và hiệu quả.

+ Thành lập thí điểm cụm dịch vụ cung ứng các mặt hàng thiết yếu cho đời sống của nhân dân và cung ứng vật tư cho sản xuất, chú trọng vùng sâu, vùng xa như Y Tý (Bát Xát) Pha Long - Cao Sơn (Mường Khương); Si Ma Cai (Bắc Hà)... theo hướng Nhà nước đầu tư cơ sở vật chất và một số biện chế cần thiết để bảo đảm hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương thức hạch toán.

b) Đối với kinh tế hợp tác xã:

Theo Luật Hợp tác xã và Chỉ thị 68-CT/TW, ngày 24-5-1996 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế hợp tác trong lĩnh vực kinh tế và

các Nghị định 15-CP và 16 CP, ngày 21-2-1997 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển - chuyển đổi- đăng ký hợp tác xã và tổ chức hoạt động của Liên hiệp hợp tác xã, với tình hình thực tế của tỉnh, trước mắt tiến hành một số nội dung chính là:

- Xây dựng chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị 68-CT/TW của Bộ Chính trị và Luật hợp tác xã của Quốc hội.

- Các ngành chức năng, các huyện chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Nghị định 15-CP và 16-CP, ngày 21-2-1997 của Chính phủ.

- Khuyến khích các loại hình hợp tác xã nông thôn phát triển theo nguyên tắc tự nguyện cùng có lợi và quản lý dân chủ, tránh dập khuôn máy móc.

c) Đối với kinh tế hộ - kinh tế tư nhân:

Từ thực tiễn chứng minh tính ưu việt của kinh tế hộ, kinh tế tư nhân trong mấy năm qua, chúng ta cần tạo môi trường và hành lang pháp lý cũng như các yếu tố về đất, rừng, đầu tư vốn qua các chương trình dự án, các chính sách khuyến nông, lâm... nhằm phát triển sản xuất mạnh hơn, tạo ra lực lượng sản xuất mới trong nông thôn.

3. Thực hiện tốt các chính sách nhằm phát triển kinh tế - xã hội nông thôn

a) Về chính sách ruộng đất:

Đẩy mạnh tốc độ giao đất, giao rừng theo Nghị định 02-CP và 64-CP của Chính phủ, mục tiêu từ nay đến năm 2000 là:

- Giao xong đất nông nghiệp theo Nghị định 64-CP vào năm 2000.

- Giao xong đất lâm nghiệp theo Nghị định 02-CP và tinh thần Quyết định 960-TTg, ngày 24-1-1996 vào năm 1999.

Để thực hiện được mục tiêu, trước mắt cần tập trung thực hiện tốt một số việc như sau:

- + Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân các dân tộc về Luật đất đai 1993, Nghị định 02-CP, Nghị định 64-CP. Mặc khác tiến hành xây dựng chính sách sau khi giao đất trống và khoán chăm sóc bảo vệ rừng cho nhân dân, tạo điều kiện bảo đảm

cuộc sống để nhân dân yên tâm nhận đất, nhận rừng nhất là đối với vùng sâu vùng xa. Thực hiện nông dân đều có ruộng nương sản xuất nông nghiệp và mỗi hộ có khoảng từ 3 - 5 ha đồi rừng làm trang trại. Sử dụng có hiệu quả quỹ đất 5%.

+ Cân đối nguồn ngân sách địa phương, để hỗ trợ, bổ sung cho công tác giao đất, giao rừng theo kế hoạch.

b) Huy động tối đa các nguồn lực: Đầu tư có hiệu quả nhằm phát triển kinh tế - xã hội nông thôn

Giai đoạn 1998 - 2000 được xác định là giai đoạn bản lề, chuẩn bị hành trang cho thế kỷ XXI. Phát huy lợi thế so sánh của mình và tận dụng vận hội của đất nước, của thời đại, tập trung huy động tối đa mọi nguồn lực về lao động, vật tư tiền vốn trong nước, nước ngoài nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn với mục tiêu đến năm 2000 như sau:

- Đường giao thông: Phấn đấu hầu hết các xã có đường ô tô đến trung tâm.

- Điện lưới quốc gia: Phấn đấu 50% trở lên số xã, phường có điện lưới quốc gia.

- Thông tin liên lạc: Bảo đảm các cụm xã và các xã biên phòng trọng điểm có điện thoại, phát triển mạng lưới điện thoại phấn đấu đến năm 2000 đạt 1,85 máy điện thoại trên 100 dân.

- Phát triển giáo dục: Thực sự coi giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu. Nhận thức sâu sắc giáo dục - đào tạo cùng với khoa học - công nghệ là nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội. Đầu tư cho giáo dục đào tạo là đầu tư cho phát triển... (Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII) vì vậy phát động phong trào xã hội hóa giáo dục, nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII, đến năm 2000 Lào Cai căn bản hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục cấp tiểu học, và xóa mù chữ.

- Về y tế: Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, thực hiện tốt các chương trình y tế, chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Đẩy mạnh việc xã hội hóa công tác chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân nhất là đối với người

nghèo, nhân dân vùng sâu vùng xa. Tăng cường củng cố hệ thống y tế cơ sở và giáo dục y đức cho đội ngũ thầy thuốc.

- Phấn đấu đến năm 2000 giải quyết cơ bản nạn di dịch cư tự do, đói giáp hạt, đói đứt bữa. Đây là mục tiêu quan trọng, đòi hỏi mỗi cấp, mỗi ngành phải quan tâm phấn đấu, trước mắt cần khảo sát đánh giá ngay thực trạng dân di dịch cư và tình hình đời sống nhân dân, từ đó tiến hành một số việc.

- Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội gắn với an ninh quốc phòng ở các xã biên giới, xây dựng vùng biên vững chắc.

- Quy hoạch cụ thể phát triển kinh tế - xã hội 61 cụm dân cư, từ nay đến năm 2000, xây dựng định hình ở 10 cụm trong toàn tỉnh.

- Xây dựng các dự án tiền khả thi nhằm gọi vốn đầu tư ODA, FDI, NGO kể cả kêu gọi đầu tư của tỉnh ngoài.

- Phát huy những thành quả, khắc phục những tồn tại trong việc sử dụng vốn đầu tư của Nhà nước trong mấy năm qua, với những mục tiêu trên các cấp, các ngành chức năng xây dựng các quy hoạch và kế hoạch tiến hành đầu tư phát triển trình Ủy ban nhân dân tỉnh duyệt với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm”. Tranh thủ và sử dụng có hiệu quả các vốn của Nhà nước, mặt khác huy động hợp lý sức dân trong việc xã hội kết cấu hạ tầng, phát triển ngành nghề, giải quyết việc làm nhằm đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn.

4. Củng cố hệ thống chính trị ở nông thôn ngang tầm với nhiệm vụ

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VII, việc củng cố hệ thống chính trị ở nông thôn ngang tầm với nhiệm vụ có vị trí cực kỳ quan trọng. Trước hết là việc không ngừng củng cố và nâng cao vai trò lãnh đạo, của tổ chức đảng, sức chiến đấu của đảng viên. Phấn đấu đến năm 2000: 70% tổng số tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh; 50% đảng bộ trực thuộc đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh.

Phát huy hơn nữa chức năng quản lý nhà nước của chính quyền các cấp nhất là chính quyền xã, phường, thực sự đổi mới trong lãnh đạo và quản lý kinh tế - xã hội, thể hiện đúng đắn vai trò chính quyền của dân, do dân và vì dân; thực hiện dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

Không ngừng chăm lo củng cố và đổi mới hoạt động của các đoàn thể quần chúng, tổ chức hướng dẫn để các tổ chức đoàn thể hoạt động có nhiều nội dung phong phú, thiết thực, phát huy dân chủ, tinh thần sáng tạo trong lao động sản xuất, cổ vũ kịp thời những cá nhân, đơn vị tiêu biểu trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội cũng như trong tổ chức và xây dựng đời sống xã hội.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 148-QĐ/TU, ngày 14-4-1998

Về việc thi đua khen thưởng năm 1997

Căn cứ vào Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Luật thi đua khen thưởng của Chính phủ;

- Căn cứ vào tiêu chuẩn thi đua khen thưởng năm 1997;
- Xét đề nghị của Hội đồng Thi đua khen thưởng Khối các ban Đảng, cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Tặng Cờ thi đua xuất sắc năm 1997 và hiện vật kèm theo giá trị 4.000.000 đồng (bốn triệu đồng) cho tập thể cán bộ, công nhân viên Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký

Điều 3: Hội đồng Thi đua khen thưởng, Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy và các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
TRÁNG A PAO**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
TẠI PHIÊN HỌP NGÀY 11-4-1998
Số 150-TB/TU, ngày 15-4-1998

Ngày 11-4-1998, Thường trực Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy đã xem xét ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh về tờ trình của Công ty Khoáng sản Lào Cai và Công ty Khoáng sản 304 về xin ý phép xuất khẩu quặng sắt. Thường trực Tỉnh ủy có ý kiến như sau:

- Đồng ý cho Công ty Khoáng sản Lào Cai xuất khẩu ủy thác quặng lẫn của Công ty 304 tận thu tại xã A Mú Sung và xã Trịnh Tường, huyện Bát Xát sang Trung Quốc qua lối trên suối của Tùng Sáng 300 m theo hướng Tây Bắc, qua sông Hồng và lối tại Nậm Phìn xã Trịnh Tường qua sông Hồng theo từng chuyến.

- Cục Hải quan, Bộ Chỉ huy Biên phòng thực hiện quản lý xuất nhập khẩu và xuất nhập cảnh đối với người và quặng xuất khẩu, tạo điều kiện thuận lợi cho hai công ty khoáng sản thực hiện nhiệm vụ.

- Ban Ngoại vụ biên giới có trách nhiệm làm việc với cơ quan ngoại giao phía bạn để công việc trên được thực hiện và có hiệu quả, tăng cường quan hệ hữu nghị và cùng phát triển.

Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành có liên quan và hai công ty khoáng sản thực hiện Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 09-CT/TU, ngày 16-4-1998

Về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với hoạt động của Hội Cựu chiến binh các cấp tỉnh Lào Cai trong tình hình mới

Qua 7 năm hoạt động, Hội Cựu chiến binh các cấp trong tỉnh đã phát huy truyền thống cách mạng của lực lượng vũ trang nhân dân, của phẩm chất “Bộ đội Cụ Hồ” đã tích cực tham gia công tác quản lý xã hội, chăm lo góp phần giáo dục thanh niên, thiếu niên nhi đồng hăng hái gương mẫu trong chống tiêu cực và các tai, tệ nạn xã hội. Đóng góp tích cực trong thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh. Hội đã có 11.088 hội viên, chiếm tỷ lệ 55,44% cựu chiến binh trong toàn tỉnh. Trong đó có 27% hội viên là đảng viên, có 80% trong tổng số cán bộ cấp xã, phường là cựu chiến binh giữ các cương vị bí thư, chủ tịch, xã đội trưởng, trưởng công an xã, trong đó 60% là bí thư, phó bí thư chi bộ và trưởng thôn, bản, có 179 tổ chức Hội cấp xã, phường và tương đương nằm trong 10 huyện, thị và có Hội Cựu chiến binh Công ty Apatít Việt Nam thuộc tỉnh Lào Cai.

Để phát huy vai trò tổ chức cựu chiến binh trong tình hình mới và xác định trách nhiệm của các cấp chính quyền, các ngành, đoàn thể đối với tổ chức Hội Cựu chiến binh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu cấp ủy Đảng các cấp thực hiện tốt những việc sau đây:

1. Tăng cường lãnh đạo nhằm phát huy vai trò của cựu chiến binh và Hội Cựu chiến binh các cấp, nhất là ở cấp cơ sở để Hội Cựu chiến binh tiếp tục phát huy truyền thống và bản chất tốt đẹp “Bộ đội Cụ Hồ” trong cương vị mới trên các lĩnh vực và nhiệm vụ được Đảng và nhân dân tín nhiệm giao phó, các cấp ủy Đảng có quy chế định kỳ làm việc với Ban chấp hành Hội. Trên cơ sở đó để kiểm tra định hướng công tác của Hội theo tinh thần nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy và yêu cầu nhiệm vụ của địa phương.

Để xây dựng, củng cố tổ chức Hội vững mạnh nhất là cấp Hội cơ sở, chú ý lựa chọn bố trí cán bộ làm công tác Hội Cựu chiến binh là những đồng chí có phẩm chất chính trị tốt, có uy tín trong cựu chiến binh.

2. Chỉ đạo các cấp chính quyền tạo điều kiện cần thiết để Hội Cựu chiến binh hoạt động tốt (nơi làm việc, kinh phí thường xuyên, phụ cấp cho cán bộ theo các văn bản hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh, các phương tiện phục vụ công việc phù hợp cho tổ chức Hội). Xây dựng quy chế làm việc để Hội Cựu chiến binh tham gia xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng ở địa phương, nhất là những vấn đề có liên quan đến chính sách hậu phương quân đội.

3. Chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân và các ngành có chương trình phối hợp với Hội Cựu chiến binh trong việc vận động phong trào quần chúng phát triển kinh tế - xã hội, chống tiêu cực và các tệ nạn xã hội, chăm sóc, giáo dục thanh thiếu niên nhi đồng.

4. Hội Cựu chiến binh các cấp xây dựng chương trình hoạt động thiết thực, bám sát nhiệm vụ chính trị, kinh tế - xã hội của địa phương cần tập trung một số nhiệm vụ chính như sau:

a) Công tác giáo dục chính trị tư tưởng: Tiếp tục quán triệt định hướng lớn trong công tác tư tưởng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ Lào Cai lần thứ II. Coi trọng giáo dục truyền thống, tin tưởng tuyệt đối ở sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trên con đường đổi mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đồng thời nêu cao tinh thần cảnh giác cách mạng, chống chiến tranh tâm lý, diễn

biến hòa bình, thường xuyên tu dưỡng đạo đức, phẩm chất cách mạng, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”. Xây dựng Hội Cựu chiến binh Lào Cai đoàn kết thống nhất về tư tưởng và hành động, là chỗ dựa vững chắc cho Đảng và chính quyền địa phương để đáp ứng yêu cầu của các hội viên cựu chiến binh.

b) Xây dựng tổ chức Hội trong sạch, vững mạnh: Coi trọng công tác củng cố, xây dựng tổ chức Hội, đưa mọi hoạt động của Hội đi vào nề nếp, chất lượng hiệu quả thiết thực lấy xây dựng tổ chức cơ sở làm trọng tâm. Hội cần chú ý và thường xuyên phát triển hội viên mới, xây dựng tổ chức Hội Cựu chiến binh thuộc Đảng ủy các cơ quan tỉnh và trong các cơ quan, xí nghiệp, trường học... phù hợp với tính chất hoạt động của Hội.

c) Vận động cựu chiến binh tích cực tham gia các phong trào lao động, sản xuất, phát triển kinh tế gia đình, xóa đói, giảm nghèo, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa mới, bảo vệ an ninh trật tự, an toàn xã hội, tích cực tham gia chống tham nhũng, chống buôn lậu, chống các tệ nạn xã hội từ cơ sở.

d) Hội cùng với các cơ quan, đoàn thể, xã hội chăm lo giúp đỡ các gia đình cựu chiến binh gặp nhiều khó khăn trong cuộc sống, nghiên cứu đề xuất các giải pháp để chăm lo lợi ích chính đáng cho cựu chiến binh nhất là các đồng chí cựu chiến binh sức khỏe giảm sút, còn mang những thương tích, bệnh tật.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Ban Dân vận, Ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cùng Đảng đoàn Hội Cựu chiến binh tỉnh có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy thường xuyên theo dõi kiểm tra việc thực hiện Chỉ thị này và định kỳ hằng quý, năm có báo cáo với Thường vụ Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy).

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
TRÁNG A PAO**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 154-QĐ/TU, ngày 16-5-1998

Chuẩn y chức vụ Bí thư Huyện ủy Huyện Bát Xát

- Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam đã quy định;

- Căn cứ vào kết quả Biên bản kiểm phiếu bầu cử của Hội nghị Ban Chấp hành Huyện ủy Bát Xát ngày 29-4-1998 về việc bầu cử chức vụ Bí thư Huyện ủy;

- Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chuẩn y đồng chí Hoàng Đức Tiêu giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Bát Xát từ ngày 29-4-1998, nhiệm vụ cụ thể do tập thể Ban Thường vụ Huyện ủy phân công.

2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Bát Xát và đồng chí Hoàng Đức Tiêu chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
TẠI PHIÊN HỌP NGÀY 23-5 -1998
Số 161-TB/TU, ngày 25-5-1998

Ngày 23-5-1998, Thường trực Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy đã thống nhất kết luận một số vấn đề như sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, các huyện, thị tăng cường kiểm tra sản xuất trên tất cả các lĩnh vực: công nghiệp, nông nghiệp, thương mại, xây dựng cơ bản, các dự án trong đó chú trọng việc chuẩn bị thu hoạch vụ đông - xuân và làm vụ mùa. Kiểm tra kết quả thực hiện cứu đói đợt 1, rút kinh nghiệm và tổ chức cứu đói đợt 2 cho phù hợp, đúng đối tượng và không thất thoát. Kiểm tra chấn chỉnh lại hoạt động của các ngành chức năng ở các lối mở trên tuyến biên giới, yêu cầu thực hiện đúng các chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy để quản lý chặt chẽ, không xảy ra lộn xộn và thu triệt để thuế.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên giải quyết dứt điểm vụ khiếu kiện ở Bảo Hà trong tháng 6-1998, yêu cầu thực hiện nghiêm túc những kết luận của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa, các ngành Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Địa chính, Tổ chức chính quyền tập trung giải quyết vụ tranh chấp đất đai ở xã Tả Phìn,

huyện Sa Pa theo đúng pháp luật hiện hành. Kiên quyết không để xảy ra tình hình lộn xộn và không tuân theo pháp luật.

4. Đồng ý cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh tổng kết chuyên đề tiểu phi trên địa bàn Lào Cai giai đoạn 1950 - 1971.

Yêu cầu làm đề cương trình Ban Thường vụ duyệt, kinh phí lấy từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh.

5. Đồng ý chủ trương mở Trường bán công Phổ thông trung học ở thị xã Lào Cai. Yêu cầu xây dựng phương án và quy chế trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

6. Đồng ý cấp kinh phí cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đưa người có công, thương binh đi điều dưỡng tại Quảng Ninh. Ủy ban nhân dân tỉnh cấp kinh phí đi lại để Sở thực hiện.

7. Do tình hình ngân sách khó khăn cho nên trước mắt chưa tổ chức cho các chiến sĩ đi thăm chiến trường xưa được.

8. Tạm thời chưa cấp xe cho Hội Chữ thập đỏ.

Các huyện xin bổ sung kinh phí trang thiết bị nội thất yêu cầu đưa vào dự toán kế hoạch năm 1999.

Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị kế hoạch năm 1999 báo cáo Ban Thường vụ cho ý kiến vào đầu tháng 8-1998.

9. Thường trực Tỉnh ủy xem xét lại khu dân cư Tỉnh ủy, nhất trí sơ đồ hiện trạng mà Ủy ban nhân dân tỉnh đã cấp cho từng hộ. Yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh ra thông báo để các cơ quan chức năng biết và thực hiện.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 159-QĐ/TU, ngày 26-5-1998

**Về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy,
quan hệ công tác của Văn phòng Tỉnh ủy**

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 8-4-1993 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) về tăng cường chỉ đạo công tác Văn phòng Tỉnh ủy, Thành ủy;
- Căn cứ hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng và Ban Tổ chức Trung ương;

Xét đề nghị của đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

I. Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Tỉnh ủy

Điều 1: Văn phòng Tỉnh ủy là cơ quan thuộc hệ thống các ban Đảng có chức năng tham mưu giúp Tỉnh ủy, trực tiếp là Ban Thường vụ và Thường trực Tỉnh ủy tổ chức điều hành công việc lãnh đạo của Đảng; đồng thời là một trung tâm thông tin tổng hợp phục vụ sự lãnh đạo của Tỉnh ủy.

Điều 2: Văn phòng Tỉnh ủy có những nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

- Giúp Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Tỉnh ủy.
- + Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình công tác.

- + Xây dựng quy chế làm việc và tổ chức làm việc theo quy chế.
- + Tổ chức quá trình chuẩn bị quyết định, ra quyết định. Tổ chức thực hiện và theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và các quyết định của Tỉnh ủy.
- Làm công tác thông tin tổng hợp phục vụ lãnh đạo Tỉnh ủy.
- Giúp Tỉnh ủy tiếp dân, tiếp nhận đơn thư của nhân dân gửi đến.
- Tổ chức công tác văn thư, lưu trữ trong hệ thống các cơ quan Đảng và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.
- Bảo đảm các điều kiện vật chất phục vụ sự lãnh đạo của cấp ủy Trực tiếp quản lý tài sản, cơ sở vật chất kỹ thuật của Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy.
- Chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ cho văn phòng cấp ủy các cấp trong tỉnh.

II. Tổ chức, bộ máy của Văn phòng Tỉnh ủy

Điều 3: Bộ máy của Văn phòng Tỉnh ủy gồm có:

- 1 chánh văn phòng và 2 đến 3 phó văn phòng.
- Các đơn vị trực thuộc Văn phòng
- + Phòng Tổng hợp
- + Phòng Hành chính - quản trị
- + Phòng Lưu trữ, thư viện
- + Phòng Cơ yếu.

Điều 4: Văn phòng Tỉnh ủy làm việc theo chế độ thủ trưởng, phân công trách nhiệm cá nhân trên các lĩnh vực công tác.

III. Mối quan hệ công tác

Điều 5: Văn phòng Tỉnh ủy chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Chánh Văn phòng chịu trách nhiệm trước Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy về toàn bộ công tác và toàn diện của Văn phòng.

Điều 6: Văn phòng Tỉnh ủy chịu sự chỉ đạo và hướng dẫn của Văn phòng Trung ương Đảng về nghiệp vụ văn phòng cấp ủy; phối hợp với Văn phòng Trung ương trong công tác thông tin và thực hiện chế độ

báo cáo của Tỉnh ủy và Ban Thường vụ Tỉnh ủy với Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị.

Điều 7: Quan hệ giữa Văn phòng Tỉnh ủy với các ban, cơ quan của Tỉnh ủy, các Ban cán sự đảng, Đảng đoàn, các huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy là quan hệ phối hợp phục vụ sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Văn phòng Tỉnh ủy có trách nhiệm cung cấp cho các cơ quan nói trên các văn bản của Trung ương và của Tỉnh ủy theo sự chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy; truyền đạt các chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về những vấn đề có liên quan; báo cáo phản ánh kịp thời những kiến nghị của các cơ quan đó với Thường trực hoặc Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Theo dõi, đôn đốc việc chuẩn bị, tham gia ý kiến và thẩm định các đề án trình Tỉnh ủy. Cùng các cơ quan chủ đề án chỉnh lý văn bản trước khi ban hành; trực tiếp biên tập các văn bản và chuẩn bị những đề án được Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao. Phối hợp với các ban Đảng, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng tổ chức thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định và quy chế làm việc của Trung ương và của Tỉnh ủy.

Chánh Văn phòng, Phó Văn phòng và chuyên viên nghiên cứu tổng hợp dự các hội nghị của Tỉnh ủy theo quy chế làm việc của Tỉnh ủy.

Chuyên viên nghiên cứu tổng hợp được dự các hội nghị cấp ủy, lãnh đạo ban, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng nơi được phân công theo dõi và các hội nghị do các cơ quan đó triệu tập; được yêu cầu các cơ quan đó cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết phục vụ sự lãnh đạo của Tỉnh ủy.

IV. Điều khoản thi hành

Điều 8: Căn cứ Quyết định này, Văn phòng Tỉnh ủy ban hành quy chế làm việc, xác định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các vụ trực thuộc và các chức danh trong văn phòng; cụ thể hóa các chế độ công tác và mối quan hệ của Văn phòng Tỉnh ủy.

Điều 9: Văn phòng Tỉnh ủy, các ban, cơ quan của Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, các huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc

Tỉnh ủy có trách nhiệm thực hiện Quyết định này và những vấn đề có liên quan đến việc thực hiện quy chế làm việc của Văn phòng Tỉnh ủy.

Điều 10: Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo dõi kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 160-QĐ/TU, ngày 11-6-1998

**Về việc chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ
huyện Bát Xát khóa XVIII (nhiệm kỳ 1996 -2000)**

- Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định;

- Căn cứ vào ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 3-6-1998;

Xét đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Chỉ định bổ sung hai đồng chí sau đây tham gia Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bát Xát.

1- Đồng chí Lý Dịu Hìn, khu trưởng khu vực Muồng Hum, huyện Bát Xát.

2- Đồng chí Hoàng Đăng Khoa, Trưởng ban Định canh định cư, huyện Bát Xát

Thời gian kể từ ngày 3-6-1998, nhiệm vụ cụ thể do Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bát Xát phân công.

2. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Bát Xát và hai đồng chí có tên trên chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 24 NGÀY 2-7-1998
Số 170-TB/TU, ngày 3-7-1998

Ngày 2-7-1998, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp Hội nghị lần thứ 24 dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy. Sau khi nghe Ủy ban nhân dân tỉnh trình kế hoạch thực hiện Quyết định số 100/1998-QĐ/TTg, ngày 26-5-1998 của Thủ tướng Chính phủ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy thảo luận và thống nhất kết luận như sau:

- Đồng ý thành lập Ban chỉ đạo xây dựng và phát triển khu kinh tế cửa khẩu (gọi tắt là Ban 100).

1- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh kiêm chức Trưởng ban

2- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (phụ trách kinh tế);
Trưởng ban Kinh tế Tỉnh ủy; Giám đốc Sở Kế hoạch - Đầu tư kiêm chức Phó Ban

3- Các thành viên của Ban gồm thủ trưởng các ngành: Thương mại - du lịch; Tài chính - vật giá; Công an, Biên phòng; Hải quan; Xây dựng; Cục Thuế và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai; huyện Bảo Thắng, huyện Mường Khương.

- Ban chỉ đạo hoạt động kiêm nhiệm làm chức năng tư vấn cho Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành và Ban chỉ đạo xây dựng và phát triển kinh tế cửa khẩu xây dựng các phương án và chính sách liên quan đến việc xây dựng phát triển kinh tế

của khẩu trình Ban Thường vụ xem xét cho ý kiến và làm việc với các cơ quan chức năng cấp trên để tổ chức thực hiện Quyết định số 100/1998-QĐ/TTg đạt kết quả.

Các cơ quan và cá nhân liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 175-QĐ/TU, ngày 16-7-1998

Về bộ máy thuộc cơ quan Tỉnh Đoàn Lào Cai

- Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ;
- Căn cứ vào Hướng dẫn số 58-HD/TW, ngày 5-4-1997 của Ban Thường vụ Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- Căn cứ vào ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 11-7-1998;
- Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

1. Cho thành lập 5 ban và 1 văn phòng thuộc cơ quan Tỉnh Đoàn Lào Cai:

- 1- Ban Tổ chức, kiểm tra
- 2- Ban Tư tưởng, văn hóa
- 3- Ban Phong trào thanh niên
- 4- Ban Mặt trận thanh niên
- 5- Ban Thiếu niên trường học

2. Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng ban và văn phòng để bố trí sắp xếp số lượng cán bộ, công chức và viên chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ.

3. Văn phòng Tỉnh ủy, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Lào Cai có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 10-CT/TU, ngày 24-7-1998

Về tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện Bát Xát, huyện Than Uyên

Để tiếp tục quán triệt thực hiện Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị và các nghị quyết, chỉ thị, nghị định của Đảng, Nhà nước, Chính phủ về nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp, các ngành đối với nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng thế trận quốc phòng và an ninh ngày càng vững chắc; nâng cao thêm một bước về năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, quản lý điều hành của chính quyền, năng lực làm dân tham mưu của các cơ quan, ban, ngành đoàn thể và trình độ sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang trong khu vực phòng thủ.

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ huyện Bát Xát và huyện Than Uyên với đề tài: “Tổ chức khu vực phòng thủ huyện chống “diễn biến hòa bình - bạo loạn lật đổ” giữ vững an ninh chính trị sẵn sàng đối phó với chiến tranh xâm lược”. Để cuộc diễn tập khu vực phòng thủ của hai huyện (huyện Bát Xát và huyện Than Uyên) đạt kết quả.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cơ quan, sở, ban, ngành đoàn thể của tỉnh, Ban Thường vụ Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát và huyện Than Uyên thực hiện tốt những việc sau đây:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh và các sở, ban, ngành đoàn thể có liên quan phối kết hợp chặt chẽ xây dựng nội dung văn kiện đồng thời hướng dẫn giúp đỡ huyện Bát Xát và huyện Than Uyên tổ chức diễn tập theo đúng ý định chỉ đạo của tỉnh.

2- Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát và huyện Than Uyên làm tốt công tác chuẩn bị và thực hành diễn tập sát với khả năng và tình hình thực tế của địa phương. Vận dụng sáng tạo các quan điểm tư tưởng của Đảng, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng và an ninh để giải quyết những vấn đề đặt ra trong diễn tập. Chuẩn bị tốt nội dung địa điểm cơ sở vật chất đồng thời phải tổ chức luyện tập kỹ trước khi diễn tập.

3- Quá trình chuẩn bị và thực hành diễn tập phải tuyệt đối giữ bí mật, bảo đảm an toàn, tiết kiệm và sẵn sàng chiến đấu cao và không gây ảnh hưởng lớn đến các nhiệm vụ khác của địa phương.

4- Duy trì phát huy kết quả sau diễn tập tiếp tục đẩy mạnh xây dựng xây dựng khu vực phòng thủ, không ngừng củng cố thế trận quốc phòng - an ninh ngày càng vững chắc, xây dựng làng xã an toàn làm chủ giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế - xã hội của địa phương phát triển.

5- Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban chỉ đạo diễn tập do 1 đồng chí Phó Chủ tịch làm Trưởng ban, có sự tham gia của đồng chí Bí thư Huyện ủy, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát, huyện Than Uyên và một số đồng chí lãnh đạo của các cơ quan, ban, ngành đoàn thể của tỉnh để theo dõi chỉ đạo chặt chẽ cuộc diễn tập.

Thời gian diễn tập: - Huyện Bát Xát vào cuối tháng 8 - 1998.

- Huyện Than Uyên vào đầu tháng 10 - 1998.

(Thời gian cụ thể do Ban chỉ đạo và huyện xem xét quyết định).

Nhận được chỉ thị này, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành đoàn thể của tỉnh, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát, huyện Than Uyên nghiên cứu quán triệt, tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả với Thường trực Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA ĐỒNG CHÍ BÍ THƯ TỈNH ỦY
TẠI PHIÊN HỌP BAN THƯỜNG VỤ LẦN THỨ 25
Số 177-TB/TU, ngày 31-7-1998

Ngày 30-7-1998, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tiến hành họp phiên thường kỳ. Sau khi nghe các cơ quan chức năng báo cáo đề án dự thảo và các đồng chí trong Ban Thường vụ phát biểu ý kiến, đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, đã kết luận một số vấn đề sau:

1. Về dự án ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường an ninh quốc phòng 26 xã, phường biên giới Việt - Trung tỉnh Lào Cai giai đoạn 1998 - 2010.

- Trước hết cần thống nhất quan điểm xây dựng dự án là để ổn định dân cư, bảo vệ biên giới và khai thác tiềm năng thế mạnh của khu vực.

- Về cách bố trí dân cư phải trên cơ sở phối hợp kinh tế với quốc phòng. Tính toán quy mô cho phù hợp với từng vùng, từng điểm nhằm đảm bảo quản lý tốt dân cư, chống móc nối cài cắm với nước ngoài. Bố trí dân cư phải gắn với mặt bằng sản xuất, đảm bảo nước sinh hoạt và sản xuất. Có điều kiện để tạo ra sự liên hoàn giữa các thôn, bản, các vùng với nhau về giao thông. Xem lại địa giới hành chính một số xã như Bản Lầu, Bản Vược, Tả Ngảo... để có sự điều chỉnh cho phù hợp.

- Về quy hoạch phát triển nông, lâm nghiệp, phải nêu rõ được từng nơi cụ thể nên trồng cây gì, nuôi con gì. Chỗ nào tiếp tục trồng

cây nông nghiệp, chỗ nào phát triển cây công nghiệp, chỗ nào cần phát triển rừng.

- Về lựa chọn phương án, lấy phương án 1 làm chính cho 26 xã, song cũng phải kết hợp cả phương án 2 đối với những nơi có điều kiện, thực hiện Quyết định 100-QĐ/TTg cho phường Duyên Hải, Lào Cai... trong khu kinh tế mở.

2. Về dự án đầu tư xây dựng Nhà bia tưởng niệm Bác Hồ lên thăm Lào Cai:

Thống nhất lấy tên là: Bia tưởng niệm Bác Hồ thăm Lào Cai ngày 23-9-1998. Cấu trúc, tạo hình của nhà và bia đơn giản phù hợp đức tính giản dị của Bác, thể hiện bản sắc dân tộc; xung quanh không rào chắn. Địa điểm đặt tại đồi K30, hướng đông. Thời gian từ nay đến 23-9 chuẩn bị các điều kiện khởi công công trình.

Văn bia khắc lời dạy của Bác: "...Các dân tộc bất kỳ to hay nhỏ đều bình đẳng, đều là người chủ nước nhà Việt Nam. Tất cả các dân tộc đều phải đoàn kết chặt chẽ, thương yêu giúp đỡ lẫn nhau như anh em ruột thịt..."

3. Về dự thảo các quy chế thực hiện Quyết định 100-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ:

- Đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành ba loại quy chế đã trình Ban Thường vụ (sau khi đã chỉnh sửa), và đều gọi là quy chế tạm thời, vì còn phải điều chỉnh trong quá trình thực hiện.

- Việc kiểm tra liên ngành tại cửa khẩu giao cho lực lượng Hải quan chủ trì.

- Về quản lý phương tiện: Các phương tiện vận tải và xe công vụ có đủ điều kiện xuất cảnh đều được ra vào biên giới.

- Bãi kiểm hóa: Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét lựa chọn đặt ở khu vực Ga Lào Cai (cũ) hoặc Ga Phố Mới.

- Thống nhất mở cửa khẩu phụ Na Mo và Lục Cầu.

- Thống nhất với dự thảo quy chế xuất nhập cảnh.

- Về quản lý du lịch, giao cho Ủy ban nhân dân khẩn trương nghiên cứu để ban hành quy chế về quản lý du lịch, tạo điều kiện cho các tổ chức kinh doanh du lịch được thuận lợi.

- Ủy ban nhân dân tỉnh vừa tổ chức triển khai thực hiện các quy chế đã ban hành, vừa tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện dần. Ban Thường vụ Tỉnh ủy định kỳ 6 tháng một lần sẽ nghe lại quyết định việc điều chỉnh, bổ sung các quy chế.

- Nhất trí với đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư, sử dụng 50% tổng thu ngân sách trong năm trên địa bàn khu vực kinh tế cửa khẩu Lào Cai được để lại đầu tư thi công xây dựng 24 công trình như dự kiến.

Trên đây là một số kết luận của Bí thư Tỉnh ủy. Các cấp, các ngành có liên quan căn cứ kết luận để thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM ĐÌNH CHUÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 179-TB/TU, ngày 2-8-1998

Về kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban Thường trực Tỉnh ủy, ngày 1-8-1998

Ngày 1-8-1998 tại Hội nghị giao ban Thường trực Tỉnh ủy, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy kết luận một số nội dung công tác cụ thể như sau:

1. Nhất trí danh sách cán bộ do Ban Tổ chức Tỉnh ủy trình về việc cử cán bộ theo học các lớp chính trị thuộc Phân viện Hà Nội, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

- Lớp đại học hệ chính trị 2 năm: 14 đồng chí
- Lớp đại học hệ chính trị 3 năm: 12 đồng chí
- Lớp bồi dưỡng cao cấp chính trị 8 tháng: 12 đồng chí
- Lớp hoàn chỉnh đại học chính trị: 5 đồng chí
- Lớp cán bộ dân tộc vùng cao: 4 đồng chí (có danh sách cử cán bộ đi học các lớp, kèm theo)

2. Đồng ý cho Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh hợp đồng tạm tuyển 10 em học sinh Trường Phổ thông dân tộc nội trú tỉnh, đã tốt nghiệp phổ thông trung học vào công tác Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh; yêu cầu Tỉnh Đoàn làm việc với các Huyện ủy, Huyện đoàn có học sinh đi học để đưa vào con số tuyển dụng; sau đó bố trí cho các em đi học tại các Trường Thanh thiếu niên Trung ương Đoàn năm 1998.

3. Về củng cố Ban Bảo vệ sức khỏe tỉnh Lào Cai

- Nhất trí cho Ban được tách tài khoản ra khỏi tài khoản Văn phòng Sở Y tế và mở tài khoản giao dịch tại Kho bạc Nhà nước.

- Ban bảo vệ sức khỏe được khắc con dấu riêng.

- Phòng khám cán bộ là đơn vị sự nghiệp của Sở Y tế chịu trách nhiệm thực hiện kế hoạch của Ban Bảo vệ sức khỏe. Địa điểm làm việc tại Bệnh viện đa khoa tỉnh.

- Được trang bị dần về cơ sở vật chất phục vụ nhiệm vụ chuyên môn.

- Nhất trí mời bác sĩ Hà Nội lên khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ. Việc chi tiêu, phục vụ thực hiện đúng chế độ chính sách, không đặt ra những thủ tục đón tiếp tốn kém, nếu thuê thì phải có hợp đồng.

Các cơ quan và cá nhân liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 186-QĐ/TU, ngày 11-8-1998

**Về việc bổ sung Ủy viên Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ
tỉnh Lào Cai**

- Căn cứ vào yêu cầu công tác của Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ;
- Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh Lào Cai gồm các đồng chí có tên sau:

- 1- Đồng chí: Lù Thị Hiệp, Phó Trưởng ban Tỉnh ủy
- 2- Đồng chí: Bùi Thị Dung, Phó Giám đốc Sở Y tế

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của các đồng chí có tên trên do Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ trực tiếp phân công.

Điều 3: Cơ quan quản lý cán bộ, các ngành hữu quan và các đồng chí có tên trên căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 185-TB/TU, ngày 19-8-1998

Về kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại phiên họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 18-8-1998

Ngày 18-8-1998, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã họp phiên thường kỳ. Sau khi nghe đồng chí Cao Trí Thức, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư trình bày báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 1999; đồng chí Nguyễn Hữu Vạn, Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá báo cáo kế hoạch thu chi ngân sách năm 1999; nghe ý kiến phát biểu của các đồng chí trong Ban Thường vụ, đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy đã kết luận một số vấn đề sau:

1. Phần đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 1998: Cơ bản thống nhất đánh giá như báo cáo đã nêu. Năm 1998, mặc dù có nhiều khó khăn, song sản lượng lương thực có thể đạt mục tiêu 150 ngàn tấn, thu ngân sách trên địa bàn có thể đạt 116 tỷ đồng (đạt kế hoạch so với chỉ tiêu Trung ương giao). Tốc độ tăng trưởng GDP đạt khoảng 5 - 5,5%, đời sống nhân dân ổn định, an ninh quốc phòng được giữ vững.

2. Một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch năm 1999

- Tổng sản lượng GDP tăng so với năm 1998: 7,5% - 8%.
- Tổng sản lượng lương thực quy thóc: 155 ngàn tấn.
- Độ tán che phủ rừng: 33,5%.
- Thu ngân sách trên địa bàn kể cả xin, vay ngân sách Trung ương 25 tỷ đồng: 104,5 tỷ.

- Tỷ lệ huy động GDP vào ngân sách: 7% - 8%.
- Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường: 85%.

3. Quan điểm và hướng ưu tiên đầu tư trong năm 1999

Quán triệt tình hình khó khăn do khủng hoảng tài chính khu vực và thiên tai ảnh hưởng trực tiếp đến tỉnh ta. Quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII), Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh khóa II. Do vậy trong năm 1999 cần tập trung đầu tư cho phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn để đảm bảo ổn định đời sống nhân dân, ổn định dân cư, xóa đói, giảm nghèo theo mục tiêu Đại hội đề ra. Theo đó cần ưu tiên đầu tư cho các lĩnh vực sau:

- Phát triển kinh tế - xã hội nông thôn, thủy lợi, chế biến nhỏ nông sản (như chè), chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi (như khoai tây, xoài, nhãn). Tiếp tục hỗ trợ giá cho đồng bào vùng 3, vùng 2.

- Phát triển khu du lịch Sa Pa và thị xã Lào Cai (riêng thị xã Lào Cai sử dụng nguồn vốn theo Quyết định 100-TTg), hạn chế xây dựng khách sạn, tăng khu vui chơi, điểm du lịch.

- Tăng cường công tác phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ, đào tạo bồi dưỡng cán bộ xã, thôn, bản.

- Những khoản nợ từ năm 1997 trở về trước cho thanh toán hết, nợ năm 1998 thanh toán 80%. Hạn chế tối đa việc ứng vốn để xây dựng cơ bản. Hoàn xây dựng những công trình chưa cần thiết và chưa cấp bách, chưa phát huy hiệu quả ngay.

Kêu gọi các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư một số công trình phúc lợi (như chợ Kim Tân, chợ Duyên Hải...) và thu phí trong 10 năm.

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo chặt chẽ việc vay ngân sách Trung ương 25 tỷ đồng để trả nợ công trình.

- Nhất trí lấy phương án 1 về thu, chi ngân sách để báo cáo với Trung ương.

- Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu kế hoạch sáp nhập, cổ phần hóa của các doanh nghiệp nhà nước trình Ban Thường vụ duyệt, nghiên cứu chuyển Công ty Môi trường đô thị sang Doanh nghiệp công ích. Chỉ giữ lại Lâm trường Văn Bàn, Lâm trường Bảo Yên, còn

các lâm trường khác chuyển thành trạm ươm cây giống và làm công tác khuyến nông, khuyến lâm cho nhân dân. Các nông trường có thể thu hút nhân dân địa phương để phát triển sản xuất.

- Hạn chế mua sắm đồ đắt tiền như máy điều hòa, ô tô, hạn chế khởi công công trình mới.

- Quản lý tốt bộ máy hành chính sự nghiệp, không nên để thêm bộ máy.

- Chỉ đạo xây dựng các dự án cụ thể có tính khả thi để tiêu thụ vốn.

- Chuyển một số vốn nhàn rỗi sang hệ thống ngân hàng để cho nhân dân vay vốn đối với tất cả các tổ chức và cá nhân.

- Lấy ý kiến nhân dân để ra mức đóng góp một số quỹ cho phù hợp, khắc phục tình trạng nhân dân phải đóng góp một số quỹ quá cao, trong khi đời sống của nhân dân còn nhiều khó khăn.

4. Ban Thường vụ đã nghe đồng chí Lương Xuân Mậu, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy trình bày Đề cương cuốn Lịch sử Đảng bộ tập III. Các ý kiến xây dựng góp ý của Ban Thường vụ đã được tác giả thu thập và chỉnh sửa.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM ĐÌNH CHƯỜNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 39-BC/TU, ngày 27-8-1998

Kiểm điểm một năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về “Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh”

I. VỀ VIỆC TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG (KHÓA VIII)

1. Phổ biến quán triệt nghị quyết

- Thực hiện Chỉ thị 18-CT/TW của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã có Kế hoạch số 02-KH/TU, ngày 20-8-1997 về việc tổ chức triển khai Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) trong toàn Đảng bộ.

- Thời gian phổ biến quán triệt Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) ở tỉnh tiến hành từ ngày 20-8-1997 đến 15-9-1997, ở huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, các xã, phường từ ngày 20-9-1997 đến 20-12-1997, toàn tỉnh xong trong quý IV năm 1997.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã triệu tập Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh mở rộng đến giám đốc, phó giám đốc sở, ban, ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị để triển khai quán triệt nội dung Nghị quyết Trung ương 3 gắn với triển khai chương trình hành động thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy. Giao cho Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy tổ chức

tập huấn báo cáo viên, nhân tài liệu phục vụ cho việc tổ chức quán triệt nghị quyết đến các đơn vị thuộc tỉnh và chọn thị xã Lào Cai làm đơn vị chỉ đạo điểm.

- Hình thức quán triệt nghị quyết ở các cấp chia làm ba đối tượng đó là:

- + Đối với cán bộ, công chức ở tỉnh, huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc.
- + Đối với cán bộ, đảng viên ở cơ sở.
- + Đối với nhân dân.

- Đã có 935 đảng viên trong toàn tỉnh (13.992 đảng viên); 96% cán bộ, công chức (10.010 cán bộ, công chức), tham gia học tập quán triệt Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII). Riêng đối với nhân dân có 63% tổng dân số được tuyên truyền Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) (chưa tính các doanh nghiệp trên địa bàn).

2. Kết quả thu được qua việc học tập, triển khai Nghị quyết Trung ương 3

- Làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh, trước hết là trong nội bộ Đảng, trong các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang, các tổ chức chính trị - xã hội, nhận thức được vị trí, tầm quan trọng của nghị quyết này bước đầu nâng cao ý thức trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

- Nhận thức rõ quan điểm của Đảng ta về xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trên cơ sở đó làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nắm vững, hiểu rõ những chính sách của Đảng, pháp luật của nhân dân, qua đó xác định được quyền và nghĩa vụ của mình.

- Tạo sự đoàn kết thống nhất cao hơn trong Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Tăng cường hơn nữa mối quan hệ gắn bó giữa quần chúng nhân dân với Đảng và chính quyền các cấp; củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

II. NHỮNG NỘI DUNG CỤ THỂ ĐẠT ĐƯỢC

Do có nhận thức đúng đắn về vị trí tầm quan trọng của nghị quyết đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nói chung, đối với việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh nói riêng, vì vậy ngay sau khi triển khai học tập Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII), Tỉnh ủy đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân tỉnh, các cấp, các ngành xây dựng chương trình hoạt động và có những biện pháp tổ chức thực hiện. Kết quả đạt được như sau:

1. Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa

- Các cơ quan, ban ngành và chính quyền các cấp đã thực hiện công khai hóa trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch công tác năm. Kết quả công tác đều được thông qua tập trung lãnh đạo và tập thể cơ quan.

- Đối với chính quyền các cấp: Các mục tiêu kinh tế - xã hội và các giải pháp lớn đều thông qua Hội đồng nhân dân quyết nghị. Nhiều nội dung quan trọng đã được thông báo công khai, phù hợp với chương trình của Đảng và Nhà nước như:

- + Các chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.
- + Thủ tục hành chính giải quyết một số vụ việc.
- + Quy hoạch sử dụng đất đai.
- + Chủ trương kế hoạch vay vốn, phát triển sản xuất, “xóa đói, giảm nghèo”.
- + Giải quyết các vấn đề liên quan đến địa giới hành chính.
- + Công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, giữ gìn an ninh, trật tự, an toàn xã hội...

- Các nội dung trên được phổ biến cho nhân dân biết dưới các hình thức sau:

- + Tiếp xúc với cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân xã.
- + Qua trưởng thôn, già làng, trưởng bản.
- + Qua việc giải quyết công việc với nhân dân.

- Một số chính quyền cơ sở đã tổ chức cho nhân dân bàn bạc và thống nhất quyết định một số công việc cụ thể là:

- + Các khoản đóng góp (ngoài các khoản thuộc nghĩa vụ).
- + Lập, thu, chi các loại quỹ phù hợp với pháp luật.
- + Xây dựng hương ước, quy ước làng xã...
- + Bầu, lập Ban Thanh tra nhân dân.
- + Tổ chức đội bảo vệ tự quản.

(về hình thức tổ chức: Họp hộ gia đình bàn và quyết định trực tiếp theo đa số).

Tuy các việc làm trên chưa phải là phổ biến, chưa được thể hiện bằng các quy chế, nhưng một số cơ sở đã thực hiện, vì vậy tình hình nội bộ nhân dân tốt, không có biểu hiện phức tạp, đối lập giữa chính quyền và nhân dân qua đó làm cơ sở cho việc thực hiện Quy chế dân chủ.

- Các biện pháp và kết quả tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân.

+ Ủy ban nhân dân tỉnh đã thực hiện triển khai Nghị định 89-CP về quy chế tiếp dân bằng việc ban hành Chỉ thị 13-CT/UBND qua đó chấn chỉnh công tác tiếp dân trong phạm vi toàn tỉnh. Kết quả đến nay tất cả các huyện, thị xã đã có Phòng Tiếp dân và bố trí cán bộ tiếp, có lịch tiếp dân theo quy định. Nhiều sở, ngành trước kia không có phòng tiếp dân nay đã bố trí được. Các xã, phường tuy còn khó khăn về trụ sở, cơ sở vật chất song đã duy trì tiếp dân vào các buổi làm việc của Ủy ban. Kết quả giải quyết khiếu nại tố cáo đã đem lại sự ổn định cho nhân dân, không có diễn biến phức tạp. Tuy nhiên vẫn còn một số hạn chế là:

+ Do điều kiện còn rất khó khăn của vùng cao, nên các xã, phường chưa bố trí được phòng tiếp dân riêng đảm bảo theo yêu cầu.

+ Việc tiếp dân còn chưa gắn ngay với việc giải quyết các yêu cầu của nhân dân, do vậy còn hiện tượng để nhân dân phải đi lại nhiều lần.

+ Thủ trưởng các cấp, các ngành chưa làm tốt việc trực tiếp tiếp dân theo quy định mà phần lớn vẫn là ủy thác cho cán bộ dưới quyền tiếp dân.

+ Về giải quyết khiếu nại, tố cáo ở cấp cơ sở và các phòng, ban cấp huyện còn hạn chế.

+ Một số nơi trình tự giải quyết các đơn từ khiếu nại, tố cáo vẫn chưa đảm bảo theo quy định.

Kết quả nâng cao chất lượng của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân:

+ Ủy ban nhân dân đã chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh, Trường Chính trị xây dựng kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, chú trọng đến cán bộ xã, phường, cán bộ dân tộc ít người. Tuy nhiên với thời gian ngắn vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu cần đào tạo và nâng cao chất lượng của cán bộ xã, phường hiện nay. Vấn đề này cần tiếp tục thực hiện thường xuyên và lâu dài.

+ Ngoài việc đào tạo các lớp tại chức và tập trung, nhiều cán bộ xã, phường ở những nơi có điều kiện đang tự học tập và nghiên cứu; đây là biện pháp cần được phát huy.

+ Việc tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân được tiến hành theo định kỳ trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân. Tuy nhiên để tiếp thu ý kiến nguyện vọng của nhân dân, nhiều đại biểu đã tiếp xúc cử tri tại nhà hoặc thông qua các hội nghị chuyên đề khác để tiếp xúc cử tri, vì vậy quyền dân chủ của nhân dân đã được đảm bảo.

Với các việc làm thiết thực trên, trong năm qua trên địa bàn tỉnh Lào Cai không xảy ra việc khiếu kiện tập thể của nhân dân, tình hình an ninh nông thôn được giữ vững, nhân dân tin vào chính quyền và chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

2. Về cải cách hành chính

Căn cứ vào yêu cầu đặt ra theo chương trình hoạt động Kế hoạch 02-KH/TU của Tỉnh ủy Lào Cai, Ủy ban nhân dân tỉnh đã:

- Tiếp tục chỉ đạo các sở, ngành như: Xây dựng, Địa chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính vật giá, và Ủy ban nhân dân các huyện,

thị xã rà soát lại quy trình giải quyết các công việc trong công tác quản lý nhà nước ở các lĩnh vực và các địa phương. Qua rà soát tất cả các quy trình đặt ra trong quá trình giải quyết công việc đều đảm bảo đúng các quy định của Nhà nước, không có các “điều kiện” quy trình nào tự đặt ra trái với quy định của Nhà nước, gây phiền hà cho các tổ chức cá nhân.

- Thực hiện Nghị định 51-CP của Chính phủ, căn cứ hướng dẫn của Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo ngành công an xây dựng quy trình, công khai hóa chủ trương giải quyết nhập khẩu vào thị xã Lào Cai, tránh những phiền hà tồn tại những năm qua, qua đó nâng cao được hiệu quả quản lý nhà nước trong lĩnh vực này.

- Các thủ tục như cấp phát, cho vay vốn, thanh toán đều được thực hiện đúng quy trình, đúng nguyên tắc quản lý tài chính và kinh doanh.

- Ngoài ra một số thủ tục như: Xuất nhập cảnh cho khách Trung Quốc du lịch vào thị xã Lào Cai, xuất nhập cảnh cho khách Việt Nam đi theo đoàn sang du lịch Trung Quốc đã được cải tiến, góp phần tạo ra sự thông thoáng của khẩu. Đây cũng là tiền đề cho việc thực hiện “cơ chế mở” tại cửa khẩu Lào Cai theo Quyết định số 100-QĐ/TTg của Chính phủ về việc áp dụng thí điểm một số chính sách tại một số khu vực cửa khẩu biên giới Lào Cai.

Trong lĩnh vực tổ chức bộ máy cán bộ, đã thực hiện đúng theo sự hướng dẫn của Trung ương, có sự vận dụng điều kiện cụ thể địa phương. Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với Ban Tổ chức chính quyền, tham mưu cho tỉnh xây dựng quy định phân cấp quản lý tổ chức cán bộ mới cho phù hợp với pháp luật và điều kiện hiện nay. Việc thi tuyển công chức, nâng ngạch, bậc... được tiến hành đúng quy trình và công khai hóa. Công tác cán bộ vừa đảm bảo tính dân chủ vừa đảm bảo nguyên tắc tổ chức.

- Về phân cấp quản lý giữa cấp tỉnh với cấp huyện và xã đều đảm bảo theo nguyên tắc và quy chế đã ban hành. Không có sự chồng chéo giữa việc quản lý ngành và quản lý lãnh thổ.

3. Cải cách tư pháp

Trong những năm qua trên cơ sở hướng dẫn của Bộ Tư pháp, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên chỉ đạo để củng cố kiện toàn hệ thống cơ quan tư pháp từ tỉnh đến huyện, thị xã, phường, xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ trong ngành, củng cố kiện toàn nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp. Kịp thời đôn đốc các huyện, thị xã củng cố và tăng cường lãnh đạo và chỉ đạo đối với các cơ quan tư pháp ở địa phương. Đến nay 10-10 huyện, thị xã đều có Phòng Tư pháp tách riêng với Văn phòng Ủy ban nhân dân.

Đối với cơ quan kiểm sát, toà án, chính quyền các cấp duy trì tốt mối quan hệ, theo quy định của pháp luật, góp phần thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị tại địa phương, không có biểu hiện tách biệt giữa cơ quan hành chính nhà nước với cơ quan kiểm sát, xét xử, trong hệ thống chính trị ở địa phương.

4. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cơ quan nhà nước

- Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã thông qua chương trình hành động thực hiện nghị quyết về chiến lược cán bộ, ra Nghị quyết 08-NQ/TU, ngày 27-5-1997 về xây dựng cơ sở chính trị xã, phường, thị trấn trong sạch, vững mạnh; trong đó tập trung xây dựng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở ở phạm vi toàn tỉnh.

Tập trung vào việc rèn luyện nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng, chấn chỉnh nguyên tắc tổ chức, tập trung dân chủ và sinh hoạt đảng.

Tiến hành khảo sát, phân tích đánh giá nhận xét cán bộ, dự kiến đưa vào quy hoạch và có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng. Mở rộng các loại hình đào tạo, đào tạo tập trung, tại chức, bồi dưỡng, tập trung vào các đối tượng cần phải đào tạo lại nhằm từng bước đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ hiện nay. Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra quyết định trợ cấp cho cán bộ, đảng viên đi học các trường ở tỉnh và Trung ương, trợ cấp cho cán bộ xã, phường đi học tiên ăn, đi lại; khuyến khích các

đồng chí lãnh đạo làm giảng viên kiêm chức khi tham gia giảng dạy. Hằng năm Ban Thường vụ Tỉnh ủy đều có ý kiến về giao chỉ tiêu kinh phí đào tạo ưu tiên cho cán bộ cơ sở, đặc biệt là ưu tiên cho cán bộ là người dân tộc vùng cao.

Tỉnh ủy đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, huyện, thị lập kế hoạch về nhu cầu cán bộ thời kỳ 1998 - 2000. Yêu cầu từng đơn vị phải xây dựng được tiêu chuẩn cán bộ cho từng loại chức danh khác nhau. Từ đó xác định kế hoạch nhu cầu đào tạo cho từng thời kỳ đảm bảo đạt được tiêu chuẩn theo quy hoạch.

- Tỉnh ủy đã chỉ đạo việc chuẩn bị một bước nhân sự Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp nhiệm kỳ 1999-2004; nhân sự Đại hội các đoàn thể cấp tỉnh nhiệm kỳ 1998-2003 và nhân sự Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2000-2005; tập trung chỉ đạo xây dựng quy hoạch cán bộ ở các ngành và huyện, thị, đảm bảo mỗi chức danh lãnh đạo có từ 2 cán bộ dự nguồn trở lên. Riêng đối với cán bộ xã, phường Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã có nghị quyết chuyên đề về củng cố xây dựng đội ngũ cán bộ này đến năm 2000.

- Tỉnh ủy đã thành lập các đoàn kiểm tra liên ngành do Thường trực Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo, tập trung kiểm tra việc thực hiện quy chế làm việc, xây dựng quy chế làm việc các cấp, thực hiện quy định về phân cấp quản lý cán bộ và các nguyên tắc trong quản lý, sử dụng cán bộ.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH CHỈ ĐẠO VÀ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 3 (KHÓA VIII)

- Đã có sự chỉ đạo thống nhất từ tỉnh đến cơ sở và các đơn vị, nên việc quán triệt và thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) diễn ra đồng loạt và rộng khắp trên địa bàn tỉnh, giúp cho các cấp ủy và đơn vị xây dựng được chương trình hành động gắn với nhiệm vụ chính trị của cơ quan, đơn vị.

- Việc học tập Nghị quyết Trung ương 3 đã gắn liền với việc phê bình và tự phê bình, các cấp huyện, thị đã bồi dưỡng khá kỹ đội ngũ

báo cáo viên cùng với sự phân công các đồng chí cấp ủy xuống trực tiếp triển khai ở cơ sở theo từng cụm xã... với nhiều hình thức và nội dung phù hợp với nguyện vọng của nhân dân. Từng bước thực hiện quyền làm chủ của nhân dân trên tất cả các lĩnh vực.

- Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) đã có tác dụng tích cực làm cho cấp ủy, thủ trưởng ở các đơn vị nâng cao ý thức trách nhiệm của mình trong việc thực hiện chương trình hành động đã đề ra. Nâng cao trách nhiệm đối với công tác quy hoạch đội ngũ cán bộ... tạo sự chủ động trong công tác cán bộ, từng bước hình thành đội ngũ cán bộ đủ sức gánh vác trách nhiệm trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Bên cạnh những mặt tích cực cũng còn có mặt yếu kém, khuyết điểm như sau:

1- Một số huyện, thị xã, ban, ngành triển khai còn chậm, việc kiểm điểm về bộ máy, cán bộ chưa sâu sắc chương trình hành động còn chung chung, truyền đạt nghị quyết xuống cơ sở còn hạn chế về nội dung phương pháp nhất là ở một số vùng đồng bào chưa thông thạo tiếng phổ thông. Công tác chỉ đạo kiểm tra của cấp ủy, người chủ trì chưa sâu sát cụ thể, chưa kịp thời.

2- Một số đồng chí đứng đầu cơ quan, cấp ủy chưa quan tâm, còn coi nhẹ công tác quy hoạch cán bộ cho rằng công tác quy hoạch cán bộ là hình thức nên chỉ đạo công tác xây dựng quy hoạch qua loa không đảm bảo mục đích yêu cầu của công tác này.

3- Việc tiếp dân còn chưa gắn ngay với việc giải quyết các yêu cầu của nhân dân, một số cấp ủy, chính quyền ở cơ sở và các sở, ban, ngành còn có hiện tượng đùn đẩy trách nhiệm do vậy còn để cho dân phải đi lại nhiều lần.

4- Về hoạt động tư pháp như việc điều tra, xét xử, thi hành án ở một số huyện, thị còn thiếu sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo chặt chẽ, để cho các cơ quan tư pháp hoạt động chủ yếu dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo của ngành dọc cấp trên.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRONG THỜI GIAN TỚI, Ý KIẾN ĐỀ XUẤT KIẾN NGHỊ VỚI TRUNG ƯƠNG

1. Một số nhiệm vụ cụ thể trong thời gian tới

- Tiếp tục đôn đốc, kiểm tra quá trình triển khai Nghị quyết Trung ương 3 tới cơ sở.
- Quan tâm chỉ đạo tốt công tác sơ kết, rút kinh nghiệm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 từ cơ sở.
- Khẩn trương nghiên cứu sắp xếp, xây dựng bộ máy gắn với việc thực hiện Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, các đơn vị kinh doanh và các cơ quan hành chính sự nghiệp.

2. Một số kiến nghị, đề xuất với Trung ương

- Trong phần dự báo cán bộ, Trung ương hướng dẫn chưa rõ như ở tỉnh Lào Cai rất nhiều loại cán bộ có trình độ đào tạo khác nhau làm việc ở nhiều ngành nghề, công việc. Vậy thì những cán bộ như thế nào được tính là cán bộ khoa học - kỹ thuật.
- Cần có hướng dẫn cụ thể chi tiết về luân chuyển cán bộ, thực hiện chính sách cán bộ như: Đối tượng luân chuyển như thế nào? phạm vi luân chuyển? thời gian luân chuyển?
- Việc phân cấp quản lý bộ máy và cán bộ nên có quy định rõ ràng cụ thể hơn. Đặc biệt là việc quản lý các toà án địa phương. Tòa án tỉnh quản lý về chuyên môn đối với các toà án huyện, thị nhưng về tổ chức bộ máy, kinh phí lại do ngành Tư pháp quản lý, như vậy có sự chồng chéo, do vậy nên giao dứt điểm cho một cơ quan quản lý cả về tổ chức và chuyên môn nghiệp vụ cũng như kinh phí.
- Việc bổ nhiệm, luân chuyển cán bộ hiện nay là chưa phù hợp, đề nghị nên phân cấp như sau:
 - + Chủ tịch nước bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.
 - + Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh trở xuống (có thể giao cho Giám đốc Sở Tư pháp bổ nhiệm Thẩm phán huyện, thị).

+ Việc điều động, phiên chuyển thẩm phán trong phạm vi tỉnh (huyện này sang huyện khác) nên phân cấp cho Giám đốc Sở Tư pháp, có như vậy mới đáp ứng kịp thời với yêu cầu nhiệm vụ ở địa phương.

+ Việc bổ nhiệm chấp hành viên nên giao cho Giám đốc Sở Tư pháp vì Giám đốc Sở là người nắm cán bộ trực tiếp, có điều kiện để lựa chọn những cán bộ tốt để bổ nhiệm làm Chấp hành viên (hiện nay do Bộ Tư pháp bổ nhiệm).

- Đề nghị Nhà nước, Chính phủ và các ngành Trung ương trên cơ sở hệ thống Pháp lệnh hiện hành, tiếp tục ban hành những văn bản hướng dẫn, giải thích thi hành luật để các địa phương các ngành thống nhất áp dụng thi hành trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 199-TB/TU, ngày 8-9-1998

**Về kết luận của đồng chí Tráng A Pao
tại phiên họp Thường trực ngày 3-9-1998**

Ngày 3-9-1998, Thường trực Tỉnh ủy đã họp phiên thường kỳ. Sau khi nghe đồng chí Phạm Ngọc Sửu, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo về công tác cán bộ, các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy thảo luận, đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy kết luận như sau:

1. Nhất trí bổ sung ủy viên Ban Chấp hành huyện, thị ủy như sau:

a) Huyện ủy Văn Bàn:

- Đồng chí Đỗ Tiến Dũng, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy Văn Bàn tham gia Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy khóa XVI.

- Đồng chí Cù Xuân Đương, Trưởng ban Dân vận Huyện ủy Văn Bàn tham gia Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy khóa XVI.

Đồng chí Hà Ngọc Toàn, nguyên Huyện ủy viên khóa XV, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Văn Bàn tham gia Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy khóa XVI và bầu giữ chức vụ Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Văn Bàn khóa XVI.

b) Huyện ủy Sa Pa:

- Đồng chí Nguyễn Kim Sơn, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự huyện Sa Pa tham gia Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy khóa XVIII.

c) Thị ủy Cam Đường:

- Đồng chí Nguyễn Xuân Sách, Trưởng phòng Văn hóa thông tin, thể thao thị xã Cam Đường tham gia Ủy viên Ban Chấp hành để phân công làm Trưởng ban Tuyên giáo Thị ủy.

2. Nhất trí giới thiệu đồng chí Hà Đức Miêu, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh tham gia Ủy viên Ban Chấp hành Hội Nông dân Việt Nam khóa III (1998 - 2003).

3. Nhất trí xếp lương mới cho đồng chí Hoàng Văn Vịnh, Ủy viên Thường vụ Liên đoàn Lao động tỉnh, Chủ tịch Công đoàn Công ty Apatit Việt Nam có hệ số tiền lương đang hưởng là 3,82, nay được hưởng thêm khoản chênh lệch hệ số 1,16. Như vậy tổng hệ lương mới là 4,98 (bằng phó giám đốc doanh nghiệp hạng 1, bậc 1).

Trên đây là một số kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại phiên họp giao ban, các đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ kết luận để thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 194-TB/TU, ngày 11-9-1998

Về kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 10-9-1998

Ngày 10- 9-1998, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp phiên thường kỳ. Sau khi nghe đồng chí Phạm Ngọc Sửu, Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo một số vấn đề tổ chức cán bộ, đồng chí Nguyễn Ngọc Dương, Phó Ban Dân vận Tỉnh ủy báo cáo dự thảo nghị quyết về công tác dân vận, đồng chí Lương Xuân Mậu, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy báo cáo dự thảo chương trình hành động và kế hoạch triển khai Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII, các đồng chí trong Ban Thường vụ thảo luận, đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy đã kết luận một số vấn đề sau:

1. Nhất trí thành lập Đảng đoàn và Ban cán sự Đảng trong các cơ quan đơn vị

a) Đảng đoàn Hội Chữ thập đỏ tỉnh, chỉ định đồng chí Đỗ Văn Tích, Chủ tịch Hội làm Bí thư Đảng đoàn, đồng chí Khúc Văn Chính, Phó Chủ tịch Hội, Ủy viên Đảng đoàn.

b) Ban cán sự Đảng Sở Địa chính, chỉ định đồng chí Phạm Văn Thuận, Giám đốc Sở làm Bí thư Ban cán sự; đồng chí Nguyễn Văn Cung, Phó Giám đốc Sở, Ủy viên Ban cán sự và đồng chí Lưu Đình Chiến, phụ trách Trung tâm Lưu trữ, Ủy viên.

2. Chỉ định bổ sung Bí thư và các ủy viên Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng

- Đồng chí Hà Đức Miêu, Chủ tịch Hội Nông dân, giữ chức Bí thư Đảng đoàn Hội Nông dân tỉnh.

- Đồng chí Hoàng Chúng, Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc tỉnh, giữ chức Bí thư Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc tỉnh. Đồng chí Lâm Thị Giáo, Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, giữ chức Ủy viên Đảng đoàn.

- Đồng chí Trang Thị Xinh, Phó Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh, giữ chức Ủy viên Đảng đoàn Liên đoàn lao động tỉnh.

- Đồng chí Trần Đình Sự, Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường giữ chức Bí thư Ban cán sự Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường.

- Đồng chí Cao Công Ích, Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, giữ chức Ủy viên Ban cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.

- Đồng chí Bùi Thị Kim Dung, Phó Giám đốc Sở Y tế, giữ chức Ủy viên Ban cán sự Đảng Sở Y tế.

3. Nhất trí xếp lương sau bầu cử cho các đồng chí trong các đơn vị sau

a) Hội Nông dân tỉnh:

- Đồng chí Hà Đức Miêu được hưởng lương Chủ tịch Hội hệ số 5,5.

- Đồng chí Hoàng Mỹ Viện được hưởng lương 5% tái cử Phó Chủ tịch Hội hệ số (4,9+5%).

b) Liên đoàn Lao động tỉnh:

- Đồng chí Trần Tiến Hòa được hưởng lương 5% tái cử (5,5 +5%), Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh.

c) Mặt trận Tổ quốc tỉnh:

- Đồng chí Hoàng Chúng được hưởng lương Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc tỉnh hệ số 6,2.

- Đồng chí Đặng Tiến Thanh được hưởng lương 5% tái cử (5,2 + 5%) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh.

d) Hội Chữ thập đỏ tỉnh:

- Đồng chí Đỗ Văn Tích được hưởng lương Chủ tịch Hội chữ thập đỏ tỉnh, hệ số 5,03 (chuyên viên chính bậc 7/9) và phụ cấp trách nhiệm 0,7.

Đồng chí Khúc Văn Chính được hưởng lương với hệ số là 4,19 và phụ cấp trách nhiệm Phó Chủ tịch Hội là 0,5.

4. Nhất trí đề bạt một số cán bộ

- Đồng chí Nguyễn Bá Viết, Trưởng phòng Quản lý bảo vệ rừng Chi cục Kiểm lâm tỉnh, giữ chức Phó Chi cục Kiểm lâm tỉnh.

- Đồng chí Nguyễn Văn Vịnh, Trưởng phòng Tổng hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư, giữ chức Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh.

- Đồng chí Đinh Tiến Quân, Trưởng phòng Cảnh sát giao thông Sở Công an tỉnh, giữ chức Phó Giám đốc Công an tỉnh.

- Đồng chí Phùng Thị Bé, Trưởng phòng Đăng ký thống kê Sở Địa chính, giữ chức Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh.

- Đồng chí Trần Văn Việt, Trưởng ban Tổ chức Thị ủy Cam Đường, giữ chức Phó Bí thư Thị ủy Cam Đường. Ban Chấp hành Thị ủy Cam Đường họp tiến hành bầu cử.

- Đồng chí Phạm Thị Chất, Trưởng phòng Quản lý ngân sách huyện, xã Sở Tài chính - Vật giá tỉnh, nay giữ chức Phó Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

Một số nội dung khác về công tác tổ chức và cán bộ sẽ thông báo sau.

5. Thông qua quyết định của Ban Tổ chức Trung ương về việc bổ sung đồng chí Hà Đức Miêu, Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II

6. Về dự thảo nghị quyết về công tác dân vận - dân tộc

- Phần đánh giá cần nêu rõ những thành tựu đã đạt được trong công tác dân vận - dân tộc của tỉnh từ 1991 đến nay. Nêu rõ một số yếu điểm chính để khắc phục.

- Phần nhiệm vụ cần tập trung các vấn đề như: Chỉ đạo thực hiện phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng khối đoàn kết toàn

dân, xóa đói, giảm nghèo; giải quyết những vấn đề nổi cộm, đặc biệt vấn đề tôn giáo. Giải quyết đơn khiếu kiện của nhân dân, ổn định dân cư, xây dựng chính quyền do dân, vì dân vững mạnh; có kế hoạch điều chuyển cán bộ cấp trên tăng cường xuống giúp cơ sở, đồng thời có kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ ở cơ sở để từng bước tự chủ được trong công việc; thực hiện tốt Quyết định 135 của Chính phủ, thực hiện có hiệu quả các chương trình dự án; đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức đoàn thể tại cơ sở.

7. Về chương trình hành động và kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII

Cơ bản nhất trí như dự thảo của Ban Tuyên giáo, song cần chỉnh sửa một vài câu từ, số liệu, mục tiêu cho phù hợp như: bỏ một số mục tiêu cụ thể (như mở Trường Đại học Văn hóa tại chức, Trường sơ cấp văn hóa), 50% trở lên gia đình nông thôn vùng thấp, 35% trở lên gia đình nông thôn vùng cao đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa. Những nơi có điều kiện một năm biểu diễn văn nghệ 2 lần, v.v...

8. Về sự cố chập điện ở Tỉnh ủy

Qua báo cáo của Sở Công an sơ bộ kết luận: Nguyên nhân do mắc thêm 2 dây dẫn điện phục vụ cho 12 máy điều hòa và 8 ổ cắm ở Ban Kinh tế và Ban Tuyên giáo dẫn đến quá tải và gây chập điện từ 3 máy điều hòa ở tầng 3. Giao cho hai Ban nói trên báo cáo rõ việc tự ý kéo điện. Ban Thường vụ sẽ có hình thức xử lý những sai trái trong việc này.

Trên đây là một số kết luận của Bí thư Tỉnh ủy tại phiên họp Ban Thường vụ. Các ngành, các cấp, các đơn vị tổ chức cá nhân có liên quan căn cứ kết luận để thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 198-TB/TU, ngày 11-9-1998

Về kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 10-9-1998

Ngày 10-9-1998, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp phiên thường kỳ. Sau khi nghe đồng chí Phạm Ngọc Sửu, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo về việc trợ cấp cho cán bộ đi học các lớp lý luận chính trị, các đồng chí trong Ban Thường vụ thảo luận, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đã kết luận vấn đề này như sau:

Theo Quyết định 166-QĐ/TU, ngày 17-9-1993 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc tạm thời trợ cấp cho cán bộ đi học. Học các trường lý luận chính trị và hành chính ở Trung ương được trợ cấp 180.000đồng/tháng cho một học viên, học các trường nói trên ở tỉnh thì được trợ cấp 100.000đồng/tháng cho một học viên. Quyết định này là một chủ trương đúng đắn của tỉnh, đã tạo điều kiện hỗ trợ cho cán bộ đi học hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và đã được các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc, góp phần đào tạo đội ngũ cán bộ quản lý của tỉnh.

Căn cứ vào Luật ngân sách và tình hình thực tế của tỉnh hiện nay thì quyết định đó không còn phù hợp, do đó Ban Thường vụ thống nhất như sau:

- Kể từ ngày 1-10-1998, đình chỉ các khoản trợ cấp theo Quyết định 166-QĐ/TU.

- Việc xét trợ cấp cho cán bộ đi học gặp khó khăn phải tiến hành ở cơ quan, đơn vị công tác như việc giải quyết trợ cấp khó khăn đột xuất. Mức trợ cấp cho đối tượng đi học lý luận và trường hành chính ở Trung ương không quá 1 triệu đồng một người trong năm.

- Trường hợp cán bộ đang đi học lý luận chính trị, mà đăng ký học thêm chuyên môn khác thì không được thanh toán chi phí cho phần chuyên môn học thêm đó.

- Cán bộ đi học lý luận chính trị được thanh toán tiền tài liệu, tiền đi phép (tối đa 2 lần/năm). Nguồn thanh toán lấy trong hạn mức chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị

- Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy nghiên cứu có phương án trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy về bổ sung chế độ trợ cấp cho cán bộ, học viên, học sinh đang học ở các trường đào tạo cán bộ của tỉnh.

Trên đây là một số kết luận của Bí thư Tỉnh ủy tại phiên họp Ban Thường vụ; các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị căn cứ kết luận để thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 12-CT/TU, ngày 4-10-1998

**Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành
Trung ương Đảng khóa VIII về: Xây dựng và phát triển
nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**

Thực hiện Chỉ thị 38-CT/TW, ngày 12-8-1998 của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 570-HD/TTVH của Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương về việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, Ban Thường vụ Tỉnh ủy triển khai chương trình hành động với những nội dung sau:

Phần thứ nhất

THỰC TRẠNG ĐỜI SỐNG VĂN HÓA CÁC DÂN TỘC LÀO CAI TỪ 1991 ĐẾN NAY

Nghị quyết Trung ương 5 đề cập đến sáu lĩnh vực của đời sống văn hóa, lối sống; văn học nghệ thuật, giáo dục và khoa học; thông tin đại chúng; thể chế văn hóa; giáo lưu văn hóa. Một số lĩnh vực đã có nghị quyết chuyên đề và chỉ thị riêng của Bộ Chính trị, do đó trong chương trình hành động của tỉnh chỉ đề cập đến hai lĩnh vực quan trọng và cấp bách là: Tư tưởng, đạo đức, lối sống; đời sống văn hóa và quản lý văn hóa

1. Tư tưởng, đạo đức, lối sống

a) Ưu điểm:

- Thông qua việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng và những thành tựu đã đạt được trên mọi lĩnh vực của đời sống đã làm chuyển biến nhận thức và củng cố lòng tin của đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Những năm trước đây, một số cán bộ, đảng viên và nhân dân còn có tâm trạng băn khoăn lo lắng, hoài nghi về chủ nghĩa xã hội, về con đường đi lên của cách mạng Việt Nam, về sự lãnh đạo của Đảng, về thắng lợi của công cuộc đổi mới. Gần đây những tư tưởng trên cơ bản được giải tỏa, đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai đều xác định chỉ có lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động thì cách mạng Việt Nam với thành công. Chỉ có theo con đường xã hội chủ nghĩa thì mới đưa nhân dân ta thoát khỏi cảnh đói nghèo lạc hậu, mới thực hiện được mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”.

- ... tình hình quốc tế, trong nước tuy có nhiều diễn biến phức tạp, kẻ địch luôn luôn tìm cách chống phá ta bằng nhiều thủ đoạn, thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” phao tin bịa đặt, bôi xấu chế độ ta, phá hoại nền tảng tư tưởng của Đảng, gây hoang mang, dao động trong nhân dân. Trước tình hình đó công tác an ninh tư tưởng được các cấp ủy Đảng quan tâm chỉ đạo, giải quyết những phức tạp nảy sinh kịp thời, vì vậy an ninh tư tưởng được giữ vững lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng vào công cuộc đổi mới của đất nước. Các cuộc vận động lớn do Đảng và Nhà nước phát động được đông đảo nhân dân trong tỉnh hào hứng tham gia mạnh mẽ, sâu rộng như cuộc vận động “Đền ơn đáp nghĩa”, “xóa đói, giảm nghèo”, “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống mới ở khu dân cư”, “Phòng, chống các tệ nạn xã hội”... Tích cực phê phán đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực, nhất là tệ tham nhũng, quan liêu, mất dân chủ. Tinh thần độc lập suy nghĩ của mỗi người được phát huy mọi người đều ủng hộ mạnh mẽ công

cuộc đổi mới toàn diện của đất nước, kiên định thực hiện mục tiêu mà Đảng đã lựa chọn.

- Từ khi nền kinh tế nước ta chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì mặt trái của nó đã tác động tiêu cực tới đạo đức và lối sống của một số cán bộ, đảng viên và nhân dân. Tuy nhiên đối với Lào Cai, do sự chuyển đổi đó còn chậm, nhất là ở những nơi vùng sâu, vùng xa nên sự tác động đó chưa nhiều lắm. Đồng bào các dân tộc tỉnh Lào Cai vẫn giữ được bản sắc văn hóa vốn có của dân tộc mình. Cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc hầu hết vẫn giữ được lối sống trong sạch, lành mạnh, tình làng nghĩa xóm vẫn được phát huy. Lối sống chân thật, giản dị, trong sáng đầy tình người vẫn được thể hiện thông qua sinh hoạt, giao tiếp hằng ngày của nhân dân.

Mặc dù đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân còn nhiều khó khăn thiếu thốn tình đoàn kết giữa các dân tộc trong tỉnh luôn được giữ vững và phát huy tạo thành sức mạnh đấu tranh chống lại các thế lực thù địch, phản động, các tệ nạn xã hội để xây dựng nếp sống trong sạch lành mạnh.

Những kết quả to lớn đạt được sau ngày tái lập tỉnh đến nay, đã tạo ra những nguồn lực nội sinh và sức sáng tạo mới, đó là ý thức tự chủ, tự cường, vượt qua khó khăn xây dựng cuộc sống mới. Là tinh thần ham học, ham tiến bộ, là phong trào rộng lớn của các tổ chức quần chúng trong lao động, sản xuất, bảo vệ Tổ quốc, trong việc xây dựng đời sống văn hóa tinh thần.

b) Khuyết điểm, yếu kém:

- Về tư tưởng, đạo đức, lối sống còn một số biểu hiện yếu kém, có mặt đang gia tăng. Một số cán bộ, đảng viên thoái hóa biến chất, làm giảm lòng tin của nhân dân với Đảng và chế độ. Mặt trái của cơ chế thị trường đã phần nào tác động tới lối sống ở một bộ phận nhân dân, bảng giá trị đạo đức trong xã hội có xu hướng chuyển đổi sang hướng phức tạp, có mặt xuống cấp, tư tưởng sùng ngoại, chạy theo lối sống thực dụng, cá nhân vị kỷ làm suy giảm tình nghĩa trong mối quan hệ

gia đình, đồng chí, đồng nghiệp, coi trọng lợi ích vật chất, lợi ích cá nhân, coi nhẹ các giá trị tinh thần. Sự phát triển của các tệ nạn xã hội, các hủ tục lạc hậu cả cũ và mới đang gây nhức nhối, phiền hà, lãng phí chưa ngăn chặn được. Tình trạng tham nhũng, buôn lậu, lãng phí của công chưa được ngăn chặn triệt để, tệ quan liêu, hối lộ, cửa quyền, xa rời quần chúng đang ảnh hưởng đến lòng tin của nhân dân và sự ổn định về tư tưởng chính trị và nền tảng văn hóa xã hội.

2. Đời sống văn hóa và công tác quản lý văn hóa

a) Ưu điểm:

- Đời sống văn hóa: Trong những năm qua, nhất là từ sau Hội nghị Trung ương lần thứ tư (khóa VII) của Đảng đến nay, vai trò vị trí của văn hóa ngày càng được khẳng định trong đời sống văn hóa. Các hoạt động văn hóa thông tin ở các cấp, các ngành, các địa phương ngày càng được quan tâm phát triển. Hệ thống phát thanh, truyền hình đã đến một số xã, một số cụm dân cư ở vùng sâu, vùng xa. Đội thông tin lưu động, đội chiếu bóng lưu động được củng cố và tăng cường đầu tư trang thiết bị đến phục vụ được nhiều xã, nhiều cụm dân cư. Các chợ phiên ở vùng cao duy trì được các hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền. Nghệ thuật chuyên nghiệp của tỉnh, của các tỉnh bạn và Trung ương đã đến được một số nơi vùng sâu, vùng xa của Mường Khương, Bắc Hà, Văn Bàn, Than Uyên, Sa Pa, Bát Xát phục vụ nhân dân. Kinh tế từng bước phát triển, nhiều hộ gia đình đã mua sắm được phương tiện nghe, nhìn, tờ báo của tỉnh đã tăng kỳ, tăng số, nhất là tờ báo ảnh của tỉnh đã phát hành rộng rãi đến vùng nông thôn góp phần làm phong phú thêm đời sống tinh thần của nhân dân.

- Công tác quản lý văn hóa: Sau khi tỉnh Lào Cai tái lập, bộ máy tổ chức của ngành Văn hóa - thông tin và thể thao Lào Cai đã được thành lập. Đến nay tuy chưa hoàn thiện song về cơ bản bộ máy quản lý nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp huyện đã được củng cố và đi vào hoạt động có hiệu quả. Các đơn vị sự nghiệp văn hóa - thông tin và thể thao

ở các huyện, thị được thành lập và củng cố, vì vậy công tác quản lý văn hóa từng bước đi vào nền nếp.

b) Khuyết điểm yếu kém:

- Bên cạnh những ưu điểm, những việc làm được, cũng cần nghiêm túc nhìn nhận những yếu kém, khuyết điểm tồn tại tại đó là: Nhiều vùng ở nông thôn, kể cả vùng thấp, nhất là vùng sâu, vùng sa đời sống văn hóa còn nghèo nghèo nàn, lạc hậu, hủ tục còn nặng nề, tệ nạn xã hội phát triển. Mức hưởng thụ văn hóa còn thấp, có những vùng, những xã chưa bao giờ được xem biểu diễn nghệ thuật hay phim ảnh ngay tại địa phương mình. Vốn văn hóa văn nghệ truyền thống của nhân dân chưa được chú trọng khai thác như: Dân ca, dân vũ, truyện cổ tích, phong tục tập quán đẹp. Ý thức tự hào dân tộc, tự hào vốn văn hóa truyền thống chưa phát huy. Một bộ phận nhân dân còn bỏ phong tục tập quán tốt đẹp đi theo tà đạo, làm xáo trộn đời sống tinh thần mất đi truyền thống tốt đẹp vốn có lâu đời của dân tộc.

- Trong giao lưu văn hóa còn hạn chế về nội dung và hình thức thể hiện, chưa có những nét đặc trưng tiêu biểu về văn hóa Lào Cai. Việc khai thác văn hóa trong du lịch chưa tích cực, đôi lúc còn lệch lạc. Các hoạt động văn hóa nhà nước có bước phát triển, song đời sống văn hóa cơ sở chưa được nâng cao, phong trào văn hóa văn nghệ chưa được khơi dậy, việc gìn giữ và phát huy bản sắc các dân tộc còn hạn chế, các hủ tục mê tín dị đoan, đặc biệt là trong việc cưới, việc tang còn khá nặng nề.

Phong trào xây dựng nếp sống văn hóa chưa có chiều sâu đôi lúc còn hình thức, các chuẩn mực văn hóa chưa thấm sâu vào đời sống tinh thần của nhân dân.

- Trong quản lý văn hóa: Một số đơn vị sự nghiệp cấp tỉnh chậm được thành lập (Phát hành sách, Trường Văn hóa nghệ thuật). Cán bộ làm công tác văn hóa thông tin ở xã không ổn định. Chính sách, chế độ cho cán bộ hoạt động văn hóa ở miền núi chưa có (phụ cấp cán bộ văn hóa xã, phụ cấp các buổi chiếu phim và biểu diễn). Các địa phương chưa chủ động trong công tác quản lý và tổ chức hoạt động văn hóa,

còn tình trạng trông chờ cấp trên. Các thiết chế văn hóa từ tỉnh đến xã, phường còn thiếu, chậm được xây dựng. Công tác quản lý và tổ chức hoạt động chưa được sâu rộng, hiệu quả các hoạt động chưa cao...

3. Nguyên nhân

a) Về kết quả đạt được:

- Có quan điểm, đường lối, chủ trương về văn hóa văn nghệ đúng đắn của Đảng, có sự lãnh đạo sâu sát của các cấp ủy Đảng, sự quản lý của các cơ quan nhà nước, sự cố gắng của các cơ quan chức năng và các đoàn thể Mặt trận trong việc xây dựng và phát triển văn hóa. Đặc biệt là vai trò to lớn của nhân dân các dân tộc Lào Cai trong việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa các dân tộc, phong trào xây dựng đời sống văn hóa, nếp sống văn hóa, xây dựng, giữ gìn tư tưởng, đạo đức và lối sống... đã làm tăng mức đề kháng chống “diễn biến hòa bình”, chống “Văn hóa đồi trụy phản động”, lên án mọi biểu hiện tiêu cực, mê tín dị đoan, tệ nạn xã hội và các hủ tục lạc hậu kể cả cũ và mới.

- Tình hình chính trị xã hội ổn định, kinh tế từng bước được phát triển, sự đầu tư cho văn hóa ngày càng tăng đã tạo điều kiện văn hóa phát triển đáp ứng nhu cầu ngày một cao về đời sống tinh thần của nhân dân.

b) Về yếu kém khuyết điểm:

- Do sự sụp đổ của Liên Xô và Đông Âu đã ảnh hưởng đến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Các thế lực thù địch ra sức thực hiện âm mưu “diễn biến hòa bình” tiến công trên lĩnh vực văn hóa tư tưởng, trong đó Lào Cai là một địa chỉ mà kẻ địch quan tâm nhằm chia rẽ đoàn kết dân tộc, chia rẽ nội bộ, nói xấu chế độ, chống đối chính sách của Đảng, Nhà nước.

- Cơ chế thị trường ngoài những thành tựu to lớn, mặt trái của nó cũng đang ảnh hưởng đến đời sống tinh thần của nhân dân. Tính chiến đấu phê và tự phê bình trong một số cơ sở đảng còn hạn chế, việc chống và xử lý các vụ việc tiêu cực tham nhũng chưa dứt điểm, làm mất lòng tin ở một bộ phận nhân dân.

- Là một tỉnh vùng cao, kinh tế chậm phát triển, trình độ dân trí thấp, địa hình phức tạp, sự đầu tư của tỉnh cho văn hóa còn hạn chế chưa phù hợp, ảnh hưởng không nhỏ tới phát triển văn hóa.

- Một số cấp ủy, chính quyền và đoàn thể các cấp chưa nhận thức đúng vai trò của văn hóa - văn nghệ coi văn hóa chỉ là thứ giải trí sau kinh tế, bị kinh tế lấn át nên ít quan tâm đầu tư cho phát triển văn hóa, chưa chăm lo đời sống tinh thần của nhân dân.

- Một số ngành chức năng chưa phát huy tốt vai trò tham mưu, nòng cốt, còn lúng túng trong việc chuyển đổi cơ chế và phương thức hoạt động, có lúc còn buông lỏng quản lý. Một bộ phận nhân dân chưa có ý thức giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, phong trào quần chúng chưa mạnh còn hời hợt hình thức, chưa có chiều sâu.

Phần thứ hai

MỘT SỐ NHIỆM VỤ CẤP BÁCH TỪ NAY ĐẾN NĂM 2000

1. Tư tưởng, đạo đức, lối sống

- Phát huy chủ nghĩa yêu nước vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nam cho mọi hành động, giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nêu cao truyền thống đoàn kết, đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, giữ vững ổn định chính trị tư tưởng trong nhân dân. Xây dựng đời sống văn hóa lành mạnh về tư tưởng, đạo đức lối sống.

- Xây dựng con người có tinh thần yêu nước, sống có lý tưởng, có ý chí vươn lên, xây dựng cuộc sống ấm no hạnh phúc, thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, có tinh thần đoàn kết dân tộc và sự tiến bộ xã hội. Nêu cao tinh thần tập thể, hết lòng vì lợi ích chung, có lối sống lành mạnh, nếp sống văn minh, cần kiệm trung thực, nhân nghĩa tôn trọng kỷ cương phép nước, quy ước cộng đồng. Tích cực trong lao

động, học tập, có óc sáng tạo vì lợi ích của bản thân, gia đình và tập thể. Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, óc thẩm mỹ và thể lực.

- Trước mắt phải làm cho văn hóa thấm sâu vào đời sống và hoạt động xã hội, trong mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người, trong mỗi con người, trong mỗi gia đình và cộng đồng. Thực hiện có hiệu quả việc chống tham nhũng, thoái hóa biến chất, ngăn chặn các tệ nạn xã hội. Thực hiện tốt phê bình và tự phê bình trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước, trong quần chúng nhân dân tạo ra đời sống tinh thần cao đẹp, thúc đẩy kinh tế phát triển, giữ vững an ninh, quốc phòng,

2. Xây dựng và phát triển môi trường văn hóa trong sạch, lành mạnh, củng cố vững chắc thể chế văn hóa

a) Phát động phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa.

- Phát động phong trào thi đua yêu nước, hưởng ứng phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh”. Đẩy mạnh các phong trào của các tổ chức quần chúng, các tổ chức xã hội. Làm chuyển biến nhận thức về tư tưởng, đạo đức, lối sống, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Tiến tới Đại hội thi đua toàn quốc vào năm 2000.

- Tổ chức học tập và triển khai phong trào rộng khắp mọi nơi, mọi tầng lớp xã hội kiên quyết khắc phục những mặt xấu của đạo đức, lối sống, các tệ nạn xã hội.

- Thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Chỉ thị 27-CT của Bộ Chính trị theo hướng đơn giản hóa các nghi thức, chống lãng phí tiền của, thời, bỏ các hủ tục lạc hậu. Đẩy mạnh thực hiện Nghị định 87-CP của Chính phủ bằng việc vận động nhân dân xây dựng quy ước, hương ước thôn xóm, làng bản, xã, phường và phấn đấu thực hiện tiêu chuẩn gia đình văn hóa, thôn, bản, khu phố, cơ quan văn hóa. Từ nay đến năm 2000 phải đạt 75% gia đình ở thị trấn, thị xã, 50% trở lên gia đình ở nông thôn vùng thấp và 30% trở lên gia đình ở nông thôn vùng cao là

gia đình văn hóa, 80% đơn vị cơ quan, 70% khu phố, 30% thôn, bản, 50% xã đạt danh hiệu văn hóa.

b) Nâng cao mức hưởng thụ đời sống tinh thần của nhân dân các dân tộc.

- Phát động phong trào bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc, tạo điều kiện cho đồng bào phát huy khai thác và sáng tạo văn hóa giữ gìn truyền thống và bản sắc, tiếng nói, chữ viết và những phong tục tập quán tiến bộ. Khuyến khích bà con truyền dạy cho con cháu phong tục tập quán hay, tập quán đẹp và dân ca, dân vũ, truyện cổ tích, v.v..

- Thường xuyên tổ chức cho nhân dân hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao nhất là những ngày lễ, ngày tết, trước khi vào mùa, sau khi xong mùa... Những xã, phường có điều kiện và các cụm dân cư ít nhất mỗi năm tổ chức được từ một đến hai lần biểu diễn văn nghệ, một lần hội truyền thống (nếu có), từ một đến hai lần thi đấu thể thao.

- Đội thông tin lưu động, đội chiếu bóng lưu động các huyện, thị hằng năm phấn đấu mỗi xã được xem biểu diễn văn nghệ từ một đến hai lần, xem phim từ một đến hai lần, xem triển lãm nhỏ từ một đến hai lần và xóa xã trắng không được xem văn nghệ, xem phim.

- Duy trì và đẩy mạnh hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin tuyên truyền ở các chợ phiên mỗi tháng một lần.

- Các cơ quan, trường học, xí nghiệp, các đơn vị lực lượng vũ trang... mỗi năm tổ chức được một đến hai lần biểu diễn văn nghệ.

- Phấn đấu từ nay đến năm 2000 bình quân mỗi người có 2 bản báo, 0,5 bản sách trong thư viện công cộng.

c) Xây dựng các thiết chế văn hóa:

- Tất cả các huyện, thị, xã, phường phải dành quỹ đất cho xây dựng các công trình hoạt động văn hóa: Sân bãi hoạt động thể thao, sân bãi tổ chức lễ hội, biểu diễn văn nghệ, chiếu phim, xây dựng nhà văn hóa...

- Phấn đấu từ nay đến năm 2000, 50% số phường và 30% số xã có được tủ sách, 15% số xã có nhà văn hóa, 40% trở lên số xã có bãi hoạt

động thể thao, chiếu phim, tổ chức lễ hội và biểu diễn văn nghệ. 100% số huyện, thị có thư viện đủ điều kiện để đón đọc giả. 40% số huyện, thị xây dựng được khu trung tâm hoạt động văn hóa thể thao. Ở tỉnh lỵ xây dựng bảo tàng tổng hợp gắn với nhà triển lãm và xây dựng nhà văn hóa của tỉnh.

Phần thứ ba

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Tổ chức học tập tuyên truyền Nghị quyết Trung ương 5

- Tổ chức tốt việc học tập nghiên cứu Nghị quyết Trung ương 5 đến cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, chiến sĩ các lực lượng vũ trang, nhân dân các dân tộc quán triệt sâu sắc 5 quan điểm chỉ đạo cơ bản, 10 nhiệm vụ cụ thể và 4 nhóm giải pháp lớn về xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Nhằm tạo ra sự chuyển biến nhận thức về vai trò, vị trí của văn hóa đối với sự nghiệp phát triển đất nước. Đồng thời gắn với kiểm điểm trách nhiệm của các cấp, các ngành về tổ chức hoạt động văn hóa xây dựng đời sống tinh thần lành mạnh từ năm 1991 trở lại đây.

Các thiết chế văn hóa, các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền thường xuyên, liên tục với các hình thức đa dạng, phong phú nhằm làm cho nhân dân các dân tộc hiểu rõ quan điểm, phương hướng, nhiệm vụ của Đảng về công tác văn hóa trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

2. Xây dựng được chương trình hành động

- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ra quy chế tổ chức quản lý, hoạt động văn hóa và quy chế xây dựng thôn, bản, xã, phường văn hóa trên cơ sở Chỉ thị 27-CT của Bộ Chính trị và Chỉ thị 14-CT của Thủ tướng Chính phủ về việc cưới, việc tang, lễ hội.

- Các cấp, các ngành xây dựng chương trình hành động cụ thể để thực hiện có hiệu quả chương trình hành động của Tỉnh ủy trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của ngành và thực tế của địa phương.

3. Xây dựng tổ chức bộ máy và đào tạo cán bộ văn hóa

Nâng cao năng lực lãnh đạo, kiện toàn bộ máy quản lý và chỉ đạo văn hóa các cấp, đặc biệt là cấp xã, phường. Các cấp ủy Đảng có cán bộ phụ trách công tác tư tưởng - văn hóa, xây dựng mỗi xã, phường có một Ban Văn hóa hoặc Ban Tư tưởng - Văn hóa có từ 1 đến 3 người.

Từ nay đến năm 2000 chú ý công tác bồi dưỡng, tuyển lựa những hạt nhân năng khiếu văn hóa. Chú trọng mở các lớp tập huấn nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ văn hóa, xã, phường.

4. Xây dựng một số chế độ chính sách đầu tư của địa phương

Triển khai, thực hiện tốt các chủ trương, chính sách, pháp luật về phát triển văn hóa và cụ thể hóa các chủ trương, đường lối, chính sách đó vận dụng vào cuộc sống, phát triển, trong mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa, các chính sách xã hội về văn hóa, khuyến khích sáng tạo, vấn đề hưởng thụ văn hóa của đồng bào các dân tộc vùng cao, vùng xa. Xây dựng chính sách, chế độ khen thưởng của địa phương với bản, khu phố, cơ quan văn hóa, gia đình văn hóa, cán bộ tích cực hoạt động văn hóa.

- Tăng mức đầu tư của tỉnh, khuyến khích các cơ sở, các thành phần kinh tế và nguồn vốn ngoài ngân sách đầu tư vào văn hóa, chú trọng đầu tư xây dựng các thiết chế văn hóa theo quy hoạch.

- Có chính sách đầu tư cho các hoạt động văn hóa văn nghệ ở các xã vùng sâu, vùng xa nhằm nâng cao mức hưởng thụ tinh thần của nhân dân ngày một cao. Đầu tư cho các hoạt động và các công trình văn hóa ở các điểm du lịch của tỉnh nhằm nâng cao chất lượng du lịch và thu hút khách du lịch.

5. Nâng cao nhận thức và sự tăng cường lãnh đạo của Đảng, chính quyền các cấp

Quán triệt sâu sắc 5 quan điểm của Đảng tại Nghị quyết Trung ương 5, các cấp ủy Đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp, các ngành, thường xuyên chăm lo các hoạt động văn hóa, nâng cao nhận thức về tư tưởng, đạo đức, lối sống.

Phần thứ tư

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành tổng kết đánh giá sự nghiệp phát triển văn hóa các dân tộc Lào Cai từ năm 1991 - 1998 đề ra nhiệm vụ cụ thể của tỉnh về thực hiện các mục tiêu xây dựng và phát triển văn hóa thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, phát động phong trào thi đua yêu nước “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, hướng dẫn các ngành, các địa phương xây dựng chương trình và biện pháp thực hiện. Làm tốt công tác thi đua khen thưởng, động viên kịp thời các tập thể cá nhân có thành tích trong phong trào thi đua yêu nước, chuẩn bị tốt cho Đại hội thi đua của tỉnh về phát triển văn hóa năm 1999.

2. Sở Văn hóa Thông tin thể thao, Sở Giáo dục và Đào tạo, Hội Văn học nghệ thuật, Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường, báo Lào Cai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng, căn cứ vào chức năng xây dựng nhiệm vụ cụ thể, kế hoạch thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển văn hóa đặc biệt là nhiệm vụ trong thời gian trước mắt.

3. Các cấp ủy Đảng, Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng cần xây dựng chương trình hành động của cấp mình, tổ chức cho cán bộ, đảng viên và quần chúng học tập nghị quyết, thực hiện chương trình hành động của cấp ủy và phát động phong trào thi đua yêu nước “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”.

4- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy phối hợp với Văn phòng Tỉnh ủy, các Ban của Tỉnh ủy thường xuyên theo dõi kết quả thực hiện nghị quyết của Trung ương và chương trình hành động của Tỉnh ủy, kịp thời báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 11-CT/TU, ngày 28-10-1998

Về việc tăng cường lãnh đạo công tác văn thư - lưu trữ trong các cơ quan Đảng

Công tác văn thư - lưu trữ là một khâu công tác quan trọng trong hoạt động của Đảng. Sau hơn 10 năm thực hiện Quyết định số 20- QĐ/TW, ngày 23-9-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI), về phong lưu trữ Đảng Cộng sản Việt Nam, công tác văn thư - lưu trữ tại các Đảng bộ trong tỉnh đã có những tiến bộ đáng kể: Tài liệu của các cơ quan Đảng và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh đang được tập trung quản lý, thống nhất; đội ngũ cán bộ văn thư - lưu trữ từ tỉnh đến huyện, thị ủy đã cơ bản ổn định và đang từng bước đi vào hoạt động có hiệu quả.

Tuy nhiên trong công tác văn thư - lưu trữ của Đảng bộ vẫn còn một số tồn tại cần được khắc phục kịp thời đó là:

Sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy các cấp đối với công tác văn thư - lưu trữ chưa thật đúng mức, việc chấp hành chủ trương thu hồi, nộp lưu tài liệu theo quy định của Đảng và Công văn số 95-CV/TU, ngày 10-11-1997 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ở một số cơ quan, đơn vị chưa nghiêm túc, đến nay còn một số ban Đảng chưa nộp tài liệu Đảng bộ tỉnh khóa I vào kho lưu trữ của Tỉnh ủy. Công tác đăng ký, quản lý công văn đi và đến chưa chặt chẽ, chưa khoa học, chưa theo một quy định thống nhất ở các huyện, thị ủy, các ban của Tỉnh ủy.

Tình trạng bó gói tài liệu vẫn là phổ biến, việc thất lạc tài liệu còn xảy ra ở một số đơn vị nhất là cấp cơ sở xã, phường và các cơ quan Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp; việc hủy tài liệu, chưa theo đúng quy định của Đảng và các quy định bảo vệ tài liệu của Nhà nước.

Hiện nay, các thế lực thù địch đang dùng mọi thủ đoạn để thu thập các tài liệu của ta, nhất là các văn kiện của Đảng thì công tác văn thư - lưu trữ càng trở nên đặc biệt quan trọng.

Để đưa công tác văn thư - lưu trữ của Đảng bộ đi vào nền nếp, tiếp tục thực hiện tốt Quyết định số 20- QĐ/TW, ngày 23-9-1987 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) và Thông báo số 128-TB/TW, ngày 22-4-1998 của Thường vụ Bộ Chính trị về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện Quyết định 20-QĐ/TW; Mục tiêu công tác văn thư - lưu trữ của Đảng bộ tỉnh từ nay đến năm 2000 là “Hoàn chỉnh hệ thống tổ chức văn thư - lưu trữ từ tỉnh đến huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc; tập trung quản lý toàn bộ tài liệu của Đảng bộ tỉnh; khai thác có hiệu quả tài liệu lưu trữ trong kho, phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ”. Để thực hiện được mục tiêu trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc, các ban Đảng của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh và Văn phòng Tỉnh ủy thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau:

1. Tiếp tục tổ chức thực hiện Quyết định số 20- QĐ/TW, ngày 23-9-1987, của Ban Bí thư Trung ương (khóa VI) và Thông báo số 128-TB/TW, ngày 22-4-1998 của Thường vụ Bộ Chính trị đến các tổ chức cơ sở đảng, nhất là các tổ chức cơ sở đảng ở phường, xã. Làm cho mọi cán bộ, đảng viên nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc giữ gìn và bảo vệ tài liệu của Đảng.

2. Trang bị các loại sổ sách thống nhất theo quy định của Đảng, thực hiện nghiêm ngặt các quy định về nhận, gửi công văn và giao tài liệu, đóng dấu văn bản...

3. Từ nay đến hết năm 1998, tất cả các huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc phải kiện toàn kho lưu trữ của cấp ủy để bảo quản, khai

thác, tài liệu đúng chế độ. Phải bố trí người có nghiệp vụ làm công tác văn thư - lưu trữ.

4. Tập trung chỉ đạo việc thu hồi tài liệu của Đảng và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh về kho lưu trữ của cấp ủy theo đúng quy định của Đảng và Pháp lệnh bảo vệ tài liệu lưu trữ quốc gia. Đặc biệt chú ý hướng dẫn các tổ chức đảng cơ sở thực hiện nghiêm túc chế độ lập, quản lý và giao nộp hồ sơ tài liệu. Yêu cầu các ban Đảng của Tỉnh ủy chưa nộp tài liệu theo Công văn số 95-CV/TU, ngày 10-11-1997 của Ban Thường vụ cần tiến hành phân loại ngay tài liệu và nộp vào kho lưu trữ trong năm 1998.

5. Các cấp ủy Đảng phải thường xuyên kiểm tra, định kỳ sơ kết, tổng kết công tác văn thư - lưu trữ trong cơ quan của mình để kịp thời uốn nắn những khuyết điểm và đưa công tác văn thư - lưu trữ vào nền nếp. 6 tháng và hằng năm phải có báo cáo về công tác văn thư - lưu trữ với Tỉnh ủy.

6. Từng bước hiện đại hóa các phương tiện bảo quản, bảo vệ tài liệu lưu trữ, triển khai ứng dụng công nghệ tin học vào công tác văn thư - lưu trữ ở cấp tỉnh và huyện.

7. Văn phòng Tỉnh ủy theo dõi đôn đốc, hướng dẫn nghiệp vụ, kiểm tra và tổng hợp tình hình thực hiện chỉ thị này và báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy trong các kỳ giao ban với Thường trực các huyện, thị ủy và Đảng ủy trực thuộc

Chỉ thị này phổ biến đến các chi, đảng bộ cơ sở.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 42-BC/TU, ngày 6-11-1998

**Về kết quả đợt kiểm tra toàn diện 3 huyện Bảo Thắng,
Bảo Yên, Than Uyên theo chương trình kiểm tra năm
1998 của Tỉnh ủy Lào Cai**

Qua 4 tháng triển khai thực hiện chương trình kiểm tra toàn diện 3 huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Than Uyên theo chương trình kiểm tra năm 1998, Tỉnh ủy Lào Cai báo cáo một số kết quả thu được với những nội dung cụ thể sau đây:

Phần thứ nhất

QUÁN TRIỆT VÀ CHỈ ĐẠO TỔ CHỨC THỰC HIỆN CỦA TỈNH ỦY VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA

Sau khi có Chỉ thị 29-CT/TW, ngày 14-2-1998 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp và xác định rõ mục đích ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác kiểm tra của cấp ủy, coi công tác kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo ... đã có nhiều cố gắng, một bộ phận quan trọng trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng trên địa bàn toàn tỉnh.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Trung ương, ngày 27-3-1998 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Chỉ thị 08-CT/TU yêu cầu các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai đợt học

tập quán triệt sâu rộng tới các cấp ủy Đảng và toàn thể đảng viên về công tác kiểm tra của Đảng nói chung và Chỉ thị 29-CT/TW nói riêng, đồng thời phải xây dựng ngay chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy mình trong năm 1998.

Căn cứ Hướng dẫn số 07-HD/KT, ngày 19-3-1998 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Tỉnh ủy Lào Cai đã xây dựng Chương trình số 09-CT/KT, ngày 12-5-1998 về chương trình công tác kiểm tra năm 1998 và đề cương Hướng dẫn số 26-HD/KT, ngày 14-5-1998 thực hiện chương trình kiểm tra của Tỉnh ủy. Trong đó nêu rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, địa điểm, lực lượng và thời gian tiến hành kiểm tra từ ngày 1-7 đến 30-10-1998.

Xuất phát từ tình hình thực tế ở cơ sở, tại cuộc họp ngày 11-4-1998, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định năm 1998 kiểm tra toàn diện việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị, đồng thời đi sâu kiểm tra việc triển khai thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy về chuyển dịch cơ cấu kinh tế việc quản lý sử dụng nguồn vốn Chương trình 327, chương trình định canh định cư trong thời gian 2 năm 1996 - 1997 và 6 tháng đầu năm 1998 đối với 3 đảng bộ đó là Đảng bộ huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Than Uyên. Các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc còn lại tự kiểm tra theo chương trình đã xây dựng và báo cáo kết quả về Tỉnh ủy.

Để thực hiện chương trình này, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Quyết định số 155-QĐ/TU, ngày 12-5-1998 thành lập 3 đoàn kiểm tra, với số cán bộ được trưng tập 39 người có đủ phẩm chất và năng lực thuộc các ban xây dựng Đảng và các ban, ngành của tỉnh. Trong đó, đoàn kiểm tra tại huyện Bảo Thắng do đồng chí Nguyễn Đức Thắng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng đoàn, đồng chí Phạm Kỳ, Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Tổ chức chính quyền tỉnh làm Phó đoàn và 11 thành viên. Đoàn kiểm tra tại Huyện Bảo Yên do đồng chí Lương Xuân Mậu, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy làm Trưởng đoàn, đồng chí Đào Vĩnh, Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Kinh tế Tỉnh ủy làm Phó

đoàn và 11 thành viên. Đoàn kiểm tra huyện Than Uyên do đồng chí Thào A Tráng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy làm Trưởng đoàn, đồng chí Nguyễn Công Tiến, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ nhiệm Ủy Ban kiểm tra Tỉnh ủy làm Phó đoàn và 11 thành viên khác. Ban Thường vụ phân công đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy trực tiếp chỉ đạo chung, đồng chí Bùi Quang Vinh Chủ nhiệm Ủy Ban kiểm tra Tỉnh ủy là Thường trực Ban chỉ đạo kiểm tra và 1 chuyên viên tổng hợp Văn phòng Tỉnh ủy làm thư ký.

Trước khi chuẩn bị triển khai chương trình kiểm tra 3 huyện ngày 22-6-1998, Thường trực Tỉnh ủy đã tổ chức họp các trưởng phó đoàn, lãnh đạo các huyện được kiểm tra và toàn thể cán bộ trưng tập. Tại đây đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy trực tiếp quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Tỉnh ủy và nhắc nhở các đoàn thực hiện tốt nhiệm vụ mà Tỉnh ủy giao cho.

Trong quá trình triển khai kiểm tra ở các huyện, Ban chỉ đạo kiểm tra của Tỉnh ủy thường xuyên theo dõi tiến độ thực hiện và kết quả của từng giai đoạn thông qua các báo cáo nhanh của các đoàn hoặc trực tiếp đi kiểm tra. Do đó Ban chỉ đạo đã giúp cho các đoàn kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình thực hiện, tạo mọi điều kiện để các đoàn thực hiện tốt nhiệm vụ của đợt kiểm tra.

Căn cứ vào kế hoạch của từng đoàn mà đã được Tỉnh ủy phê duyệt tại Quyết định số 162-QĐ/TU, ngày 20-6-1998. Sau gần 2 tháng triển khai thực hiện, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy cùng Ban chỉ đạo đã trực tiếp xuống địa bàn 3 huyện để nghe các đoàn báo cáo tiến độ và trực tiếp kiểm tra kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đoàn tại một số xã và thôn, bản như: Xã Yên Sơn, Điện Quan, huyện Bảo Yên; xã Phú Nhuận huyện Bảo Thắng, xã Pắc Ta, Hố Mít, Mường Kim, huyện Than Uyên... trên cơ sở kết quả thực hiện của các đoàn và nắm bắt tình hình của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy và Ban chỉ đạo kiểm tra, ngày 26-8-1998 Tỉnh ủy đã ra Thông báo 187- TB/BCĐKTTU; trong đó đã đánh giá rõ

những kết quả đã đạt được ở giai đoạn 1, những vướng mắc cần tháo gỡ và những nhiệm vụ cần thực hiện cho giai đoạn còn lại.

Cuối đợt Tỉnh ủy chỉ đạo các đoàn tổ chức tổng kết nghiêm túc công tác kiểm tra tại huyện, có sự tham gia của các thành viên Ban Chấp hành các Huyện ủy, để cùng nhau đánh giá những cái được, cái chưa được và bàn phương hướng giải quyết khắc phục sửa chữa, Tỉnh ủy quy định cho các ban, ngành phải trực tiếp xuống tận huyện, xã, thôn, bản, để phối hợp với cơ sở giải quyết những tồn đọng mà các đoàn kiểm tra đã chỉ ra và yêu cầu tháo gỡ.

Phần thứ hai

TỔ CHỨC THỰC HIỆN CỦA CÁC ĐOÀN VÀ KẾT QUẢ CỦA ĐỢT KIỂM TRA

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CỦA CÁC ĐOÀN

1. Về tiến độ thời gian

Sau khi có Quyết định số 155-QĐ/TU, ngày 12-5-1998 của Tỉnh ủy Lào Cai về việc thành lập các đoàn kiểm tra của Tỉnh ủy năm 1998, lãnh đạo các đoàn đã họp bàn, phân công, phân nhiệm và xây dựng kế hoạch cụ thể cho đoàn mình, trong đó nêu rõ mục đích, yêu cầu, nội dung kiểm tra, thời gian, phương pháp và các bước tiến hành kiểm tra theo chương trình và đề cương hướng dẫn kiểm tra của Tỉnh ủy. Kế hoạch kiểm tra của các đoàn điều đã được Tỉnh ủy xem xét và chuẩn y cho phép thực hiện, nói chung kế hoạch triển khai của các đoàn đã được chuẩn bị chu đáo, cụ thể, đầy đủ, nghiêm túc và sát với thực tế địa bàn kiểm tra.

Theo quy định của đề cương kiểm tra Tỉnh ủy, từ ngày 20-5 đến 20-6-1998 lãnh đạo các đoàn xuống làm việc cụ thể với các huyện về danh mục kiểm tra, yêu cầu các loại số liệu, dữ liệu phục vụ cho đợt kiểm tra. Song trên thực tế chỉ có đoàn Bảo Thắng thực hiện đúng kế hoạch. Lãnh đạo đoàn đã họp với Ban Thường vụ Huyện ủy 1 ngày để

quán triệt chủ trương kiểm tra của Trung ương và Tỉnh ủy, triển khai kế hoạch và thống nhất với huyện trong việc chỉ đạo các ban, ngành, cơ quan đoàn thể xây dựng báo cáo, và 1 ngày (29-6) toàn đoàn họp với Ban Chấp hành Huyện ủy và lãnh đạo chủ chốt các xã, đồng chí trong diện kiểm tra để quán triệt nhiệm vụ và kế hoạch kiểm tra. Do vậy, khi triển khai kế hoạch, cả huyện, xã đều chủ động phối hợp với đoàn thực hiện yêu cầu của kiểm tra; đoàn Bảo Yên, Than Uyên không tổ chức họp nhưng cũng đã có những liên hệ cần thiết để chuẩn bị cho đợt kiểm tra; về thời gian ra quân, đoàn Bảo Thắng và Bảo Yên triển khai xuống huyện làm công tác kiểm tra từ ngày 1-7-1998; đoàn Than Uyên, do mưa lũ sạt đường cho nên từ ngày 1 đến 12-7-1998 các thành viên lấy số liệu ở tỉnh, đến ngày 13-7 mới triển khai xuống huyện. Tuy vậy, từ ngày 2-7 lãnh đạo đoàn cũng đã liên hệ với huyện để chuẩn bị triển khai kiểm tra.

Trong quá trình thực hiện, các đoàn đã bám sát tiến độ về thời gian, đảm bảo sơ, tổng kết kiểm tra ở huyện đúng thời hạn quy định (kết thúc trước ngày 31-10-1998) và có báo cáo tổng kết gửi về Ban chỉ đạo tỉnh. Để có căn cứ thực hiện, các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Than Uyên đều có phương án khắc phục những tồn đọng do đoàn kiểm tra nêu ra.

2. Về phương pháp tổ chức kiểm tra

Bám vào hướng dẫn của Tỉnh ủy các đoàn đều xây dựng kế hoạch thực hiện gồm 3 - 4 bước, song tựu trung có 2 giai đoạn chính:

- Giai đoạn 1:

Đoàn kiểm tra làm việc với Huyện ủy để nghe báo cáo có liên quan đến công tác kiểm tra; nghiên cứu các tài liệu, tiếp xúc với các ban, đoàn thể để thu thập số liệu.

- Giai đoạn 2:

Đoàn phân công thành từng tổ để xuống các xã, thôn, bản nắm tình hình, đối chiếu số liệu, thăm hỏi dân, kiểm tra thực địa. Sau đó về tổng hợp đánh giá và tổng kết kiểm tra tại huyện.

Trong quá trình tổng hợp, có vấn đề nào chưa rõ, các đoàn tiếp tục xuống cơ sở để phúc tra lại kết quả, làm cơ sở cho tổng kết đánh giá chính xác. Đồng thời, đề nghị với huyện trực tiếp hoặc mời các ban, ngành có liên quan ở tỉnh xuống cơ sở để cùng giải quyết những tồn đọng mà đoàn kiểm tra đã nêu ra. Đảm bảo khi đoàn rút quân thì những vấn đề thuộc thẩm quyền giải quyết của huyện xã và các ban, ngành ở tỉnh là cơ bản xong. Những vấn đề lớn thì tỉnh sẽ chỉ đạo giải quyết trong một thời gian ngắn nhất.

Tuy vậy, trong thực hiện, mỗi đoàn có sự vận dụng linh hoạt giữa 2 giai đoạn cụ thể:

- Đối với đoàn Bảo Thắng: Tiến hành kiểm tra từ huyện xuống cơ sở. Trước khi xuống xã, đoàn đã nắm chắc tình hình số liệu của 43 đầu mối ở huyện có đóng dấu ký tên của người có thẩm quyền; có đề cương câu hỏi gửi trước cho xã, thôn định xuống làm việc và đoàn đã chọn làm điểm ở 4 xã.

- Đối với đoàn Bảo Yên: Sơ bộ nắm tình hình ở huyện bằng cách thu thập báo cáo của các đơn vị về để nghiên cứu, nghe Huyện ủy báo cáo rồi mới đi xã. Đoàn đã tiến hành kiểm tra gần hết số xã trong huyện (13/18 xã thị trấn) và 41/45 phòng, ban đoàn thể huyện.

- Đối với đoàn Than Uyên: Tiến hành nắm tình hình ở huyện trước (từ 14 đến 24-7) bằng cách nghe hoặc nhận báo cáo, rồi mới đi xã (từ 25-7 đến 15-8) và chọn điểm 7 xã và cơ quan quân sự huyện.

Như vậy, mỗi đoàn có một phương pháp tiến hành riêng và mỗi phương pháp đều có những ưu điểm và nhược điểm riêng (tham khảo thêm ở Thông báo số 187-TB/BCĐKTTU, ngày 26-8-1998 của Tỉnh ủy).

Đối với các huyện và cơ sở: Nói chung, các huyện, xã, thôn, được kiểm tra đã chủ động phối hợp với đoàn kiểm tra thực hiện tốt nhiệm vụ được Tỉnh ủy giao cho. Song vẫn còn một số đơn vị trực thuộc huyện do chưa nhận thức hết tầm quan trọng của đợt kiểm tra nên đã không cung cấp số liệu hoặc cung cấp qua loa, chiếu lệ, gây khó khăn cho việc tổng hợp, đánh giá (ví dụ: như Phòng Thống kê, Phòng Nông nghiệp huyện Than Uyên).

II. KẾT QUẢ CỦA ĐỢT KIỂM TRA

A. Kết quả kiểm tra theo nội dung đề cương

Qua nghiên cứu, đối chiếu sổ sách, tài liệu, trực tiếp làm việc với các phòng, ban, đoàn thể và tiếp kiến hàng ngàn lượt nông dân (chỉ tính riêng đoàn Bảo Thắng đã làm việc trực tiếp với 42 phòng, ban huyện, 15 xã, thị trấn, 17 thôn, bản, khu phố. Tiếp nhận hơn 100 bản báo cáo, nhận 11 đơn thư, 234 ý kiến, kiến nghị của cán bộ, nhân dân. Đã mời 17 sở, ban, ngành ở tỉnh xuống giải quyết tồn đọng; trên cơ sở số liệu có đối chứng thực địa và phúc tra ở cơ sở; căn cứ nội dung đề cương kiểm tra của Tỉnh ủy, các đoàn đã cơ bản hoàn thành mục tiêu của đợt kiểm tra, thể hiện qua các mặt sau đây:

1. Kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu cơ bản về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị.

a) Những kết quả cơ bản đã đạt được:

Bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ II và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 1996-2000, phát huy thành quả của những năm đổi mới, trong hơn 2 năm qua tình hình kinh tế - xã hội của các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Than Uyên vẫn trực tiếp tăng trưởng. Hầu hết các xã trong 3 huyện được kiểm tra đều đạt chỉ tiêu lương thực hằng năm. Tổng sản lượng lương thực năm sau cao hơn năm trước. Diện tích lúa nương giảm dần, tỷ lệ sử dụng giống mới năng suất cao tăng dần và đều đạt 70-80% diện tích; phong trào thâm canh tăng vụ được nhân dân hưởng ứng, Một số xã trong 3 huyện đã mạnh dạn phát triển cây khoai tây vụ đông, góp phần giải quyết đời sống cho nhân dân (như xã Nghĩa Đô, Bảo Hà... huyện Bảo Yên; xã Phong Niên, Phong Hải... huyện Bảo Thắng). Cây công nghiệp, cây ăn quả đã được nhân rộng và phát triển, đã hình thành những vùng chè chuyên canh, có giá trị hàng hóa lớn (như vùng chè Thân Thuộc huyện Than Uyên, chè ở Xuân Quang, Bảo Thắng). Diện tích cây ăn quả như cam, dưa, chuối, nhãn, vải... phát triển ở Bảo Thắng, Bảo Yên. Vùng mía mới sản lượng 31-40 ngàn tấn mía cây tập trung phát

triển ở Bảo Thắng và một số xã Bảo Yên đã bước đầu trở thành hàng hóa, góp phần cải thiện đời sống nhân dân.

Công tác phát triển chăn nuôi, cải tạo đàn gia súc, gia cầm theo hướng nạc hóa, đang được các địa phương quan tâm. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đã có sự chuyển biến ở từng mặt (như điện, chế biến nông sản, sản xuất vật liệu xây dựng, đồ mộc...) giá trị sản lượng có bước tăng trưởng.

Các hoạt động tài chính, ngân hàng, thương mại đang dần dần đi vào nền nếp, tích cực khai thác mọi nguồn thu, chi tiêu theo đúng Luật ngân sách nhà nước, hệ thống thương nghiệp đã vươn rộng đến các vùng sâu vùng xa, đảm bảo hàng tiêu dùng thiết yếu cho nông dân. Hệ thống cơ sở hạ tầng được đầu tư khá mạnh, bộ mặt thị trấn, thị tứ thực sự có nhiều khởi sắc.

Sự nghiệp y tế, giáo dục, văn hóa thông tin - thể thao, phát thanh - truyền hình đều được mở rộng và phát triển, chất lượng ngày một cao, góp phần nâng cao dân trí và cải thiện đời sống tinh thần cho nhân dân.

An ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội luôn được giữ vững. hệ thống cơ sở chính trị luôn được xây dựng, củng cố và phát triển. Đời sống nhân dân nói chung ngày càng được cải thiện số hộ nghèo đói ngày càng giảm, số hộ khá giàu tăng lên. Lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng ngày càng được củng cố và phát triển.

b) Một số mặt tồn tại:

- Về kinh tế:

Trong hơn 2 năm qua, mặc dầu sản xuất lương thực, thực phẩm ở Bảo Thắng, Bảo Yên, Than Uyên có phát triển, tăng trưởng, song tốc độ tăng chậm, có mặt dừng lại và tụt xuống (như năng suất lúa giảm ở Bảo Thắng, Than Uyên), việc khai thác tiềm năng đất đai, khí hậu, lao động để phát triển sản xuất còn hạn chế (như Bảo Yên mới đưa sản xuất 405 diện tích dành cho nông nghiệp), hệ số sử dụng ruộng đất còn thấp như Bảo Thắng chỉ có 1,23 lần. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, đưa giống mới và tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất còn

chậm, sản xuất còn độc canh và chưa làm tốt công tác khuyến nông. Qua kiểm tra ở Than Uyên, tỷ lệ giống mới đưa vào sản xuất mới đạt 55-60% diện tích, việc phát triển cây khoai tây đông các huyện làm chưa mạnh, đặc biệt là những nơi cần phát triển cây vụ đông, góp phần tăng khẩu phần lương thực cho nhân dân. Các vùng cây công nghiệp, cây ăn quả đã hình thành, song quy mô vẫn còn nhỏ và phân tán, khó khăn cho việc thu mua, chế biến và tiêu thụ, làm cho nhiều sản xuất kém phần khởi (như mơ lai Trung Quốc ở Bảo Yên nhân dân đã chặt phá rất nhiều vì không tiêu thụ được, giá rẻ). Công tác trồng khoanh nuôi và bảo vệ rừng đã đạt được những kết quả nhất định, nhưng mới tập trung ở một số khu vực và hiệu quả chưa cao. Đặc biệt trong khâu giao khoán còn chưa hợp lý, những hộ ở gần rừng chưa được trực tiếp nhận khoán, còn hiện tượng tư lợi trong giao khoán rừng (như ở Than Uyên). Công tác tổ chức hợp đồng thu công trồng rừng làm nương và khai thác, vận chuyển, buôn bán lâm sản trái phép vẫn còn diễn ra (chỉ tính riêng huyện Than Uyên hơn 2 năm qua đã có 1.132,2 ha rừng các loại bị cháy; riêng ở một số xã của huyện Bảo Thắng trong hơn 2 năm qua đã có 121 vụ vi phạm lâm luật, bắt giữ hơn 400 m³ gỗ các loại, phạt và thu hồi ngân sách gần 117 triệu đồng). Việc giao đất, giao rừng theo 02-CP và 64-CP làm quá chậm (đến nay huyện Bảo Yên mới quy chủ được 21% diện tích đất lâm nghiệp).

Trong quản lý còn lỏng lẻo dẫn đến tranh chấp, khiếu kiện nhiều (như ở Bảo Thắng, Than Uyên); việc sử dụng vốn phát triển rừng và cây ăn quả hiệu quả còn thấp.

Công tác phát triển chăn nuôi tuy có tăng trưởng, nhưng tốc độ chậm, còn dễ dịch gia súc xảy ra, tuy không lớn và đã dập tắt kịp thời (như ở Bảo Thắng, Than Uyên).

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ trình độ còn thấp đơn điệu, chưa phát triển được nhiều ngành nghề, sản phẩm còn ít, chưa khai thác mở rộng thị trường. Phân công và sử dụng lao động hiệu quả còn thấp quản lý đất đai, nhất là đất đô thị chưa tốt, còn gây dư luận không tốt trong nhân dân (như ở Bảo Thắng), kinh

tế nông nghiệp, nông thôn chậm phát triển, kinh tế hợp tác xã chậm đổi mới theo luật. Cơ sở vật chất phát triển khá, song trong công tác quản lý còn dễ lãng phí, thất thoát vật tư, tiền vốn và chất lượng một số công trình không đảm bảo (như Trạm xá Thượng Hà, Trạm dân số kế hoạch hóa gia đình Than Uyên). Hoạt động tài chính, ngân hàng, kho bạc chưa giám sát chặt chẽ thu, chi tiền vốn, còn dễ xảy ra tiêu cực, vi phạm chế độ chính sách nhà nước (như thu để ngoài sổ sách, thu không ghi biên lai mà chỉ ghi sổ... có ở hầu hết các xã kiểm tra, chưa khai thác hết mọi nguồn vốn cho nên tốc độ tăng mức tự cân đối nhu cầu chi còn chậm.

- Về văn hóa - xã hội:

Sự nghiệp giáo dục, y tế, văn hóa - thông tin, phát thanh - truyền hình ở vùng sâu vùng xa vẫn còn khó khăn, chất lượng hoạt động và hiệu quả phục vụ còn thấp, mặt bằng dân trí còn nhiều chênh lệch, tốc độ phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ còn chậm và thiếu tính bền vững. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào vùng sâu vùng xa vẫn còn thiếu thốn, tỷ lệ nghèo đói ở đây vẫn còn cao, tập quán canh tác và sinh hoạt còn lạc hậu. Một bộ phận đồng bào Mông vẫn tiếp tục đi theo đạo Tin Lành, chiều hướng ngày càng phức tạp hơn.

- Về an ninh quốc phòng và nội chính:

Do công tác giáo dục quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân làm chưa triệt để, chưa sâu, nên hiện tượng chống lệnh khám tuyển, đảo ngũ bỏ về còn rải rác ở các huyện vẫn chưa được xử lý nghiêm, trong quản lý vũ khí còn sơ hở (như ở Than Uyên). Hiện tượng lợi dụng tôn giáo, tuyên truyền đạo trái phép vẫn diễn ra ở Bảo Thắng, Bảo Yên và 1 vài xã giáp Lai Châu, Sơn La của Than Uyên. Trong khi đó chính quyền sở tại chưa có phương án và giải pháp hữu hiệu để làm dịu tình hình. Đơn thư khiếu kiện của nhân dân có chiều hướng gia tăng, nhưng việc giải quyết của một số cơ quan không kịp thời, thiếu khách quan, công bằng để đơn thư vượt cấp nhiều lần. Tình hình tội phạm vẫn chưa giảm, số vụ vi phạm pháp luật, đặc biệt là buôn lậu, tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa và một số vụ trọng án vẫn còn xảy ra.

- Về củng cố xây dựng hệ thống chính trị:

Vai trò lãnh đạo của Ban Chấp hành Huyện ủy, có lúc có nơi, còn những việc chưa thật sâu sát trong việc nắm bắt tình hình, phát hiện sự việc nhưng không tập trung giải quyết, tháo gỡ cho cơ sở (như Bảo Thắng, Than Uyên... các cơ sở đảng chưa coi trọng công tác chính trị tư tưởng, chưa làm thường xuyên việc bồi dưỡng lý tưởng cách mạng nâng cao nhận thức về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên. Việc chấp hành chế độ sinh hoạt ở một số tổ chức cơ sở đảng không nghiêm (như cán bộ xã Tân Tiến, Tân Dương... huyện Bảo Yên). Phương pháp và cách điều hành của Ủy ban nhân dân và Hội đồng nhân dân huyện còn yếu (như ở Than Uyên, Bảo Thắng). Chức năng kiểm tra giám sát và vai trò đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, xã còn nhiều bất cập với nhiệm vụ, hoạt động của một số phòng, ban chuyên môn ở huyện, xã còn rất lúng túng và không nắm vững chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực mình phụ trách, do đó công tác tham mưu giúp việc cho chính quyền và cấp ủy còn hạn chế (như Phòng Thống kê, Nông nghiệp huyện Than Uyên, Phòng Địa chính huyện Bảo Thắng..).

- Đại hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở một số cơ sở chưa đáp ứng được yêu cầu của nhiệm vụ mới là tập hợp, thu hút ngày càng đông đảo quần chúng thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước ở một số nơi còn yếu, còn tình trạng đảng viên theo đuôi quần chúng làm trái pháp luật (như ở thôn Tát Xôm, xã Thân Thuộc hoặc tham gia nghiện hút ở xã Hố Mít, Than Uyên). Cấp ủy xã, nhiều nơi không xây dựng quy chế làm việc, dẫn đến hoạt động tùy tiện, hiệu quả lãnh đạo giảm sút (như ở xã Bảo Hà, Bảo Yên; xã Mường Khoa, Thân Thuộc, Than Uyên..), một số tổ chức cơ sở đảng thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ chưa tốt, buông lỏng công tác kiểm tra, ra nghị quyết sai trái, mất đoàn kết trong nội bộ... (như Gia Phú, Bản Cầm, Sơn Hà, Bảo Thắng). Công tác đào tạo bồi dưỡng, tuyển dụng cán bộ một số nơi còn yếu. Điều đáng chú ý là một số tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, số đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ ở một

số nơi có chiều hướng giảm đi. Công tác phát triển hội viên còn chậm, nội dung sinh hoạt của một số đoàn thể còn nghèo nàn, công tác nắm chất lượng hội viên chưa được tiến hành thường xuyên chưa phối hợp chặt chẽ với nhau trong việc tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân các chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, còn để một bộ phận dân cư theo đạo và chậm thực hiện nếp sống văn minh trong thôn, xóm, bản làng.

2. Kiểm tra việc quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết 01-NQ/TU, ngày 15-1-1997 của Tỉnh ủy Lào Cai về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 1996-2000.

a) Về ưu điểm:

Nói chung các huyện được kiểm tra đều xác định đúng tầm quan trọng của Nghị quyết 01 của Tỉnh ủy, coi đây là một trong những nội dung cốt lõi, định hướng cho các được đi lên xây dựng một nền kinh tế vững mạnh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Do vậy Nghị quyết 01 đã được các huyện, thị triển khai trong toàn Ban Chấp hành và bước đầu đã thu được những kết quả đáng mừng trong tổ chức thực hiện. Đã thúc đẩy sản xuất lương thực phát triển, do sử dụng ngày càng hợp lý cơ cấu giống, phân bón, và thực hiện tốt công tác khuyến nông. Đã hình thành những vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, tạo đà cho sản xuất hàng hóa và chế biến phát triển (như vùng mía Xuân Quang, Bảo Thắng; vùng chè Thân Thuộc, Than Uyên, vùng quế ở Bảo Yên, Bảo Thắng...); chăn nuôi gia súc, gia cầm đang chuyển dần sang hướng nạc, đảm bảo về sản lượng và chất lượng. Sản xuất lâm nghiệp đã có bước phát triển cao, phát triển kinh tế rừng trở thành một nhu cầu quan trọng của người nông dân. Cơ cấu kinh tế đang từng bước chuyển dịch theo hướng tăng tỷ trọng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, góp phần thúc đẩy nhanh thu nhập cho ngân sách địa phương và tăng GDP trên địa bàn toàn tỉnh.

b) Một số tồn tại:

Do chưa làm tốt công tác theo dõi, đôn đốc kiểm tra và do cấp ủy, chính quyền cấp xã chưa phát huy hết tinh thần trách nhiệm trong

việc quán triệt, thực hiện nghị quyết của Đảng; cho nên, qua các xã được kiểm tra, có thể kết luận rằng Nghị quyết 01 của Tỉnh ủy chỉ dừng lại ở huyện. Các ủy viên Ban Chấp hành ở xã đi tiếp thu nghị quyết ở huyện về không triển khai cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã. Hầu như các xã không có chương trình hành động triển khai nghị quyết của Tỉnh ủy, có chăng thì chỉ nêu tên nghị quyết trong cuộc họp lãnh đạo xã và không tổ chức thực hiện. Tình trạng này còn khá phổ biến đối với các nghị quyết khác của Trung ương và của tỉnh, huyện.

Trong tổ chức thực hiện nói chung các huyện chưa xây dựng rõ và cụ thể quy hoạch từng vùng cây con, còn có tính chất chung chung (ví dụ: Tỉnh ủy xác định Bảo Yên phát triển vùng cây ăn quả, cây công nghiệp... trong khi đó huyện chưa hình thành rõ nét các vùng cây con của mình, chưa chỉ đạo nghiên cứu loại cây gì thay thế cho gần 2.500 ha lúa nương đang canh tác. Hoặc tỉnh xác định phát triển 3.000 ha mía ở Than Uyên, trong khi đó huyện không xây dựng mục tiêu phát triển cấy mía...); có thể nói kết quả thực hiện Nghị quyết 01 ở cơ sở chưa rõ nét. Các huyện còn lúng túng trong việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi và phát triển các ngành nghề, dịch vụ. Trong khi đó các ngành ở tỉnh chưa giúp huyện chỉ rõ từng bước đi của ngành mình trên địa bàn của huyện. Cá biệt có một số ngành sau khi tách, nhập đến nay vẫn chưa có quy chế hoạt động ở cơ sở.

3. Kiểm tra việc quản lý và sử dụng nguồn vốn Chương trình 327 và định canh định cư:

a) Kết quả đạt được:

Với sự hỗ trợ, đầu tư của nhân dân trong mấy năm qua theo các Chương trình 327, định canh định cư đã giúp cho các huyện có điều kiện phát triển vốn rừng sắp xếp lại dân cư, phát triển kinh tế - xã hội, đầu tư xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng điện, đường, trường trạm và các công trình phúc lợi. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên, số hộ sản xuất giỏi ngày càng phát triển, số hộ nghèo đói ngày càng thu hẹp dần, tỷ lệ dân được nghe đài và xem

truyền hình ngày càng tăng. Công tác huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường và xóa mù chữ được phát triển cả về bề sâu và diện rộng. Bộ mặt nông nghiệp nông thôn ngày một khởi sắc, nhân dân tin tưởng và đoàn kết xung quanh Đảng Cộng sản Việt Nam để xây dựng cuộc sống mới tiến bộ, phát triển.

b) Một số tồn tại:

Ngoài những kết quả, đó là cái bao trùm nói lên hiệu quả, tác dụng của các Chương trình 327, định canh định cư, tuy vậy trong tổ chức thực hiện, đây đó một vài nơi còn có những tồn tại vi phạm, làm hạn chế đáng kể hiệu quả của chương trình dự án đó là:

- Khi xây dựng các dự án nhân dân không được tham gia. Dự án được thuê các chuyên gia xây dựng dự án làm giúp, do đó nhiều chỉ tiêu, mục tiêu, kế hoạch của dự án không sát với thực tế địa phương. Trong quản lý, chỉ đạo thì đa số làm thẳng từ trên xuống, không qua huyện. Lãnh đạo và các phòng, ban chức năng ở huyện không được biết, do đó không phối hợp được với nhau trong kiểm tra, giám sát thi công. Tuy vậy, cũng có trường hợp do quan liêu, thiếu trách nhiệm, do đó đã không làm tốt trách nhiệm của mình với cơ sở buông lỏng quản lý, để cho một số người lợi dụng ăn chặn bớt xén vật tư tiền vốn, làm hạn chế hiệu quả của dự án. Ví dụ như: Việc thanh quyết toán khổng tiền chăm sóc rừng vốn 327 năm 1996 của Xí nghiệp chè II Than Uyên (5,5 triệu đồng), quyết toán khổng khối lượng 29,587 triệu đồng vốn định canh định cư ở huyện Than Uyên; bằng cách thu không có chứng từ, không đủ, đúng cơ sở pháp lý, thanh toán khổng khối lượng... 7 dự án ở Bảo Thắng quyết toán chênh lệch so với thực tế chi 362,126 triệu đồng; lợi dụng chức quyền để tư lợi trong việc xét vay vốn ở xã Bảo Hà, Tân Dương, huyện Bảo Yên.

- Trong việc cung cấp cây giống, do áp đặt, dân không được tập huấn kỹ thuật, cây chở đi quá xa và không phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương nên tỷ lệ cây trồng sống còn thấp (ở Bảo Yên tỷ lệ cây chết 50%, cây ăn quả ở Than Uyên chỉ sống 15-20%, ở Bảo Thắng trên 50%).

- Các công trình xây dựng cơ bản như trạm xá, trường học, giao thông, thủy lợi... ở vùng dự án đầu tư, nhất là bằng nguồn vốn định canh định cư thường là chất lượng kém, xuống cấp nhanh, không có công trình nào được quyết toán toàn bộ giá trị công trình mà chỉ quyết toán nguồn vốn đầu tư. Do vậy gây lãng phí thất thoát vốn và rất khó trong việc xác định giá trị nguyên thủy của công trình.

B. Kết quả phát hiện và xử lý các vấn đề thông qua kiểm tra

1. Một số vấn đề được phát hiện qua kiểm tra

Ngoài những vấn đề chung nói trên, các đoàn kiểm tra đều đã phát hiện và lựa chọn ra được 40 vấn đề nổi cộm, bức thiết cần giải quyết, xem xét (trong đó đoàn Bảo Thắng có 16 vấn đề, đoàn Bảo Yên có 10 vấn đề; đoàn Than Uyên có 14 vấn đề). Các vấn đề thuộc hầu hết các lĩnh vực, song có thể quy thành mấy nhóm vấn đề sau:

1. Nhóm vấn đề về đất đai gồm:

- Tranh chấp đất đai về địa giới hành chính theo 364 (như Hố Mít, Pắc Ta, huyện Than Uyên; diện Quang của huyện Bảo Yên, Cốc Lầu của huyện Bắc Hà...) và đề nghị chia tách xã (như Mường Kim, Than Uyên), chia tách thôn (như Phú Nhuận, Bảo Thắng...).

- Vi phạm chế độ quản lý đất đai tại cơ sở xã, phường, thị trấn (như Xuân Quang, thị trấn Phố Lu, Phú Nhuận, Sơn Hà, huyện Bảo Thắng; xã Bảo Hà, thị trấn Phố Ràng, huyện Bảo Yên...).

- Vi phạm quản lý đất đai tại huyện (như Phòng Địa chính và Hội đồng cấp đất huyện Bảo Thắng, cấp bán đất ở Xuân Quang, Bảo Thắng...).

- Vấn đề giao đất, giao rừng theo 02-CP và giao đất nông nghiệp theo 64-CP (như rà soát lại quy hoạch đất đai thị trấn Phố Lu, thị tứ Bắc Ngầm, Trung tâm cai nghiện, Trường Quân sự tỉnh, khu vực đất Xí nghiệp 22 thuộc Tổng công ty Xây dựng Sông Hồng quản lý...).

2- Nhóm các vấn đề quản lý, điều hành kinh tế - xã hội bao gồm:

- Quản lý điều hành các Chương trình 327, định canh định cư (như vấn đề nợ vốn 327, nợ quá hạn ở Ngân hàng Nông nghiệp Bảo

Thắng, cho vay của ngân hàng đối với nhân dân Nghĩa Đô, Bảo Yên, vấn đề trừ 20-30% vốn cho vay 327 ở Lâm trường Bảo Yên và gần 50% ở chương trình phòng hộ Sông Đà tại Than Uyên...).

- Các công trình xây dựng cơ bản còn tồn đọng nợ (như công trình điện Xuân Quang, Phú Nhuận huyện Bảo Thắng, Trạm dân số kế hoạch hóa gia đình ở Nghĩa Đô huyện Bảo Yên, nợ quỹ tín dụng ở Thân Thuộc, Than Uyên...).

- Vấn đề thu phí, lệ phí và thu thuế ở xã, phường của khẩu phụ (Na Mo như: thu thuế không bằng biên lai của Bộ Tài chính, ghi sổ, lập quỹ hoa lợi ruộng đất ở Bảo Yên, Than Uyên...).

- Các việc vi phạm lâm luật (2 vụ ở Bản Cầm, vụ 21 m³ gỗ thu giữ lâu ngày ở Bảo Thắng, khai thác măng bừa bãi ở Bảo Yên...). Vi phạm Nghị định số 36-CP (như lấn chiếm lòng lề đường ở Than Uyên...).

- Vấn đề bảo vệ thực vật, bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội (như: Cần chuyển địa điểm bán thuốc sâu ở thị trấn Phố Lu, sửa chữa kho thuốc tại Sơn Hải, thu nộp bảo hiểm xã hội của y tế Bảo Thắng).

- Vấn đề nâng cấp công trình thủy lợi ở xã Yên Sơn, Long Phúc, huyện Bảo Yên.

3. Nhóm các vấn đề về công tác tổ chức cán bộ và hoạt động của các tổ chức chính trị ở cơ sở.

- Vấn đề công tác tổ chức cán bộ (như Huyện ủy Bảo Thắng, Than Uyên).

- Công tác cán bộ cơ sở xã cần giải quyết, các phòng, ban cấp huyện có sai phạm cần xem xét, kết luận (như Bảo Hà, Xuân Quang, Bản Cầm, Sơn Hà, chè Than Uyên II...).

- Vấn đề đào tạo bố trí, chính sách, chế độ đối với cán bộ xã (như: lương cho cán bộ xã Phú Nhuận, Xuân Quang và một số xã khác ở Bảo Yên; vấn đề mở lớp ở xã Ta Gia, Mường Mít, huyện Than Uyên.)

- Vấn đề xem xét lại một số cán bộ cấp huyện (như Huyện ủy Than Uyên).

4. Những kiến nghị của nhân dân và cán bộ, đảng viên:

- Giảm mức đóng góp quỹ phát triển giao thông nông thôn, quỹ phát triển giáo dục. Thay đổi thời hạn cho vay, chú ý để người nghèo

thực sự được vay vốn Nhà nước. Quy hoạch cây con cho từng địa phương, từng vùng, tăng cường công tác khuyến nông...(ở Bảo Thắng, Bảo Yên, Than Uyên).

- Đề nghị đầu tư xây dựng cơ bản, đầu tư hỗ trợ sản xuất (như xây dựng đập đầu mối Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng, cán bộ tư lợi trong việc xét vay vốn khoanh nuôi bảo vệ rừng ở Pắc Ta, Mường Kim, huyện Than Uyên).

- Một số chính sách đối với cán bộ xã, phường (như: Phụ cấp cho Bí thư chi bộ thuộc Đảng bộ xã, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ xã). Tăng cường giáo viên cho vùng sâu vùng xa, đào tạo người dân tộc để đảm bảo cho các thôn, bản có giáo viên, y tá người dân tộc tại chỗ, đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ xã... (ở Bảo Thắng, Bảo Yên, Than Uyên).

- Các đơn thư khiếu nại cần giải quyết ngay.

II. KẾT QUẢ XỬ LÝ CÁC VẤN ĐỀ

Trên cơ sở các vấn đề phát hiện qua kiểm tra và chỉ đạo của Tỉnh ủy tại Thông báo số 187-TB/BCĐKTTU, ngày 26-8-1998 của Tỉnh ủy các đoàn và các huyện ủy đã mời lãnh đạo và chuyên viên giúp việc trực tiếp của 25 sở, ban, ngành ở tỉnh (trong đó đoàn Bảo Thắng 17, đoàn Than Uyên 8) như: Sở Nông - lâm nghiệp, Sở Địa chính, Sở Tài chính, Ngân hàng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Điện lực... hoặc yêu cầu các phòng, ban cơ quan đơn vị của huyện (đoàn Bảo Yên) trực tiếp xuống cơ sở để giải quyết các vấn đề nổi cộm thuộc thẩm quyền của mình. Qua thời gian kiểm tra ở huyện các đoàn và huyện đã thống nhất được với các cơ quan có liên quan về phương án và thời gian giải quyết 32/40 vấn đề đạt 805 tổng số vấn đề nêu ra, trong đó, có 9 vấn đề liên quan đến kinh tế, số tiền cần thu hồi, thanh toán cho Nhà nước và cho nhân dân, cần giải trình làm rõ gần 2 tỷ đồng; giúp cơ sở hoàn thiện, sửa chữa sai sót, điều chỉnh trong chỉ đạo 22 vấn đề, cưỡng bức thực hiện 1 vụ, phạt hành chính và kỷ luật 7 đảng viên, bắt giữ và phạt hành chính 3 đối tượng là quần chúng nhân dân. Nói

chung những vấn đề đã và đang giải quyết đều được nhân dân đồng tình ủng hộ. Cá biệt có một số vụ tồn đọng kéo dài, nay đã giải quyết xong, quần chúng nhân dân phấn khởi, lấy lại được lòng tin của dân đối với Đảng trong việc giải quyết yêu cầu của nhân dân, từng bước làm trong sạch nội bộ Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở, như: Vụ tranh chấp đất đai theo địa giới hành chính 364 ở Pắc Ta, Hồ Mít, vụ nợ tiền quỹ tín dụng nhân dân của Ủy ban nhân dân xã Thân Thuộc từ năm 1991, giải quyết ổn thỏa trường hợp lấn chiếm hành lang giao thông vi phạm Nghị định 36-CP tại đầu cầu thị trấn, huyện lỵ và các cơ quan chức năng của huyện đã ra thông báo giải phóng hành lang 4 lần nhưng không thực hiện được; vụ trộm cắp trâu dẫn đến cướp tài sản công dân ở thôn Tát Xôm, xã Thân Thuộc..., huyện Than Uyên; thống nhất lại giá bán điện theo đúng quy định của Nhà nước cho nông dân khu vực ga Thái Niên, giải quyết dứt điểm 2 vụ vi phạm lâm luật ở Bản Cầm, giải quyết những tồn tại về tài chính - kinh tế kéo dài ở Bản Phiệt, Gia Phú, Sơn Hà. Một số vấn đề bố trí cán bộ... (huyện Bảo Thắng); giải quyết cho nhân dân xã Nghĩa Đô tiếp tục được vay vốn xóa đói, giảm nghèo; giải quyết việc thanh toán của Lâm trường Bảo Yên cho Hội Cựu chiến binh xã Long Khánh trong việc tổ chức sửa chữa đường do lâm trường quản lý, giải quyết xong những vướng mắc trong quản lý, thanh toán công trình xây dựng cơ bản, Trường Dân tộc nội trú thị trấn Phố Ràng, Trường Phổ thông cơ sở xã Điện Quan..., huyện Bảo Yên.

C. Một số vấn đề các đoàn tiếp tục kiến nghị, đề nghị các cấp và các ngành có liên quan trong tỉnh quan tâm giải quyết

Để tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo từ tỉnh đến cơ sở, tạo thành hành lang pháp lý cho cơ sở khắc phục, sửa chữa những khuyết điểm, tồn tại, cùng với 8 vấn đề nổi cộm còn lại nói trên, khi kết thúc đợt kiểm tra, các đoàn còn nêu ra 71 vấn đề mới xuất hiện trong quá trình kiểm tra, đề nghị, kiến nghị, tỉnh, huyện, xã, thị trấn và các ban, ngành liên quan tiếp tục nghiên cứu, tháo gỡ, trong đó có đoàn Bảo

Thắng có 16 vấn đề, đoàn Bảo Yên có 28 vấn đề, đoàn Than Uyên có 27 vấn đề. Các vấn đề tập trung vào các lĩnh vực chính sau đây:

1. Về kinh tế

Có 30 vấn đề bao gồm:

- Xin chủ trương của Tỉnh ủy về việc giải quyết tồn đọng công trình điện Xuân Quang, Phú Nhuận (Bảo Thắng), theo hướng dùng nguồn vốn đã ghi trong Quyết định số 27/1998/QĐUB, ngày 17-2-1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh đã hỗ trợ thanh toán phần đã thi công, giãn thời gian trả nợ và treo lại của một số vốn đã vay ngân hàng nông nghiệp, hướng xử lý nguồn kinh phí mà Kho bạc huyện Bảo Thắng tạm giữ lại một số dự án quyết toán không đúng; quyết toán công trình điện Sơn Hải, Phong Niên (Bảo Thắng); Sở Tài chính rà soát lại tất cả các khoản thu thuế, các khoản huy động nhân dân và thống nhất phương án sử dụng; giải quyết xong xâm canh, xâm cư ở Điện Quang, Cốc Lầu, huyện Bảo Yên giải quyết vấn đề nợ khó trả về thuế nông nghiệp từ năm 1993, nợ vay vốn Chương trình dự án 327, định canh định cư... Huyện Than Uyên giải quyết thu hồi 27 triệu đồng tiền trồng rừng đã thanh toán cho 4 hộ ở Pắc Ta. Giải quyết kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện trong việc thi công tuyến đường Mường Kim, Tà Gia, Tà Hừa, Pha Mu; Sở Tài chính vật giá giải quyết 21m³ gỗ thu giữ ở Than Uyên.

2. Về xã hội

Có 10 vấn đề, bao gồm:

Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng xét xử gây ra án dân sự của anh Kha (con bà Hương vợ liệt sĩ); Sở Lao động - Thương binh và Xã hội cùng Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng phúc tra lại hồ sơ đề nghị xét công nhận Bà mẹ Việt Nam anh hùng của bà Nguyễn Thị Hoa để xin chỉ đạo giải quyết của Tỉnh ủy, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải quyết chế độ cho 30 công nhân Xí nghiệp chè II Than Uyên đã giải thể, Sở Giáo dục và Đào tạo tăng

cường giáo viên lý và ngoại ngữ cho Trường cấp III Than Uyên. Báo cáo tình bố trí kinh phí để nâng cấp hàng trăm phòng học tạm ở Than Uyên, có kế hoạch mở trường cấp III cho cụm xã Nghĩa Đô - Bảo Yên...

3. Về công tác tổ chức cán bộ

Có 11 vấn đề, gồm: Đề nghị của huyện Bảo Yên về việc tăng cường đào tạo cán bộ nhiều địa phương, dân tộc ít người, Ban Thường vụ huyện Bảo Yên cần sớm khắc phục tình trạng chi bộ ghép ở tổ chức cơ sở Đảng khối cơ quan, sắp xếp, điều chỉnh, bố trí cán bộ ở một số phòng, ban huyện cho hợp lý, Cục Thống kê tỉnh cần phối hợp với huyện Than Uyên tăng cường cán bộ cơ sở năng lực về hướng dẫn nghiệp vụ cho cán bộ huyện. Thường trực Huyện ủy Than Uyên giải quyết một số vấn đề về cán bộ mà đoàn đã đề xuất, chỉ đạo Trường Dân tộc nội trú cần ưu tiên đào tạo con em người địa phương, dân tộc ít người để chuẩn bị nguồn cán bộ cho huyện, huyện Bảo Thắng làm rõ sai phạm và xử lý cán bộ vi phạm ở Hạt Kiểm lâm, Phòng Địa chính. Tòa án và Đảng ủy, Ủy ban nhân dân một số xã có các vụ việc vi phạm đã được làm rõ. Chỉ đạo, rà soát đánh giá lại đội ngũ cán bộ để bố trí, đào tạo cho hợp lý. Tỉnh ủy cho chủ trương về việc công nhận các thôn, bản mà các xã đã tự ý tách ra ở Bảo Thắng, chỉ đạo xem xét việc bố trí thành lập Ban quản lý dự án và điều hành dự án cho có hiệu quả...

4. Về nội chính

Có 7 vấn đề, bao gồm:

Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng xét xử ngay một số vụ án dân sự đã quá thời hạn quy định của pháp luật; Sở Tư pháp và Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh xem xét, tăng cường thẩm phán giúp Tòa nhân dân huyện Bảo Thắng tổ chức xét xử kịp thời các vụ án dân sự còn tồn đọng, các cơ quan pháp luật huyện Than Uyên có những biện pháp hữu hiệu trong việc giáo dục, thuyết phục những đối tượng phạm pháp (như vụ thôn Tát Xôm, xã Thân Thuộc) đảm bảo sự hoàn lương bền vững cho họ...

5. Các vấn đề khác

Có 13 vấn đề, gồm: Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân huyện Than Uyên cần có quy chế hoạt động, đồng thời hướng dẫn Ủy ban nhân dân, Hội đồng nhân dân các xã xây dựng quy chế làm việc, tăng cường kiểm tra giám sát của Đảng, chính quyền và các đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc; Ban Tổ chức chính quyền tỉnh chủ trì phối hợp với các ban, ngành ở tỉnh xây dựng chức năng, nhiệm vụ cho các phòng ban, đoàn thể ở cấp huyện; các huyện, xã cần tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục nhân dân trong việc thực hiện các chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; huyện Than Uyên cần có những giải pháp cụ thể trong việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế, các huyện Than Uyên, Bảo Thắng, Bảo Yên tăng cường công tác nắm dân, thực hiện tốt Quy chế dân chủ, chống lợi dụng tôn giáo, mê tín và các hủ tục trong cưới xin ma chay..

D. Kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả kiểm tra của 3 đoàn tại 3 huyện

Trên cơ sở các đoàn đã tổng kết công tác kiểm tra ở các huyện, ngày 10-12-1998 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã triệu tập phiên họp thường kỳ do đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì, để nghe từng đoàn báo cáo kết quả kiểm tra xử lý ở các huyện (các báo cáo này đều đã có sự thống nhất đánh giá giữa đoàn kiểm tra và huyện). Sau khi nghe báo cáo và các đồng chí trong Ban Thường vụ thảo luận, góp ý, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy thay mặt tập thể Ban Thường vụ kết luận cụ thể cho từng đoàn, từng huyện. Trong đó Ban Thường vụ ghi nhận những cố gắng, những kết quả và những điểm cần rút kinh nghiệm từng đoàn, từng huyện, đồng thời cũng chỉ ra hướng chỉ đạo giải quyết những vấn đề nổi cộm mà các đoàn và các huyện đã nêu lên. Về cơ bản Ban Thường vụ nhất trí với hướng đề xuất, giải quyết của các đoàn trong báo cáo kết luận của các đoàn kiểm tra. Đồng thời Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng nhấn mạnh một số ưu khuyết điểm chung cho cả 3 huyện và riêng đối với từng huyện, đặc

biệt là một số tồn tại mà các huyện Đảng bộ cần phải nghiêm túc xem xét và khắc phục.

Những tồn tại chung cho cả 3 huyện:

- Mặc dù có nhiều cố gắng trong sản xuất nông nghiệp và chuyển dịch cơ cấu cây trồng nhưng nền kinh tế nói chung vẫn còn chưa thoát khỏi tình trạng kinh tế thuần nông, độc canh cây lương thực và kỹ thuật canh tác lạc hậu, năng suất thấp.

Các vùng cây công nghiệp, cây ăn quả đã được hình thành (mía, chè, mơ) nhưng chậm được mở rộng và phát triển, do chưa giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển và vùng nguyên liệu và công nghiệp chế biến, thiếu thị trường tiêu thụ ổn định cho nên đang còn có chiều hướng thu hẹp và bế tắc về phương hướng.

- Việc trồng mới, khoanh nuôi, bảo vệ rừng đã có hiệu quả nhưng mới chỉ tập trung ở một số khu vực, nạn cháy rừng, phá rừng làm nương rẫy và buôn bán lâm sản trái phép vẫn chưa được ngăn chặn một cách có hiệu quả. Việc quản lý, sử dụng đất nông - lâm nghiệp và đất đô thị còn nhiều yếu kém, đặc biệt là việc giao đất, giao rừng còn chậm so với yêu cầu làm ảnh hưởng đến chủ trương đổi mới cơ chế quản lý kinh tế và chuyển dịch cơ cấu cây trồng trong nông nghiệp nông thôn.

- Do nhiều tồn tại trong quá trình từ khâu xây dựng dự án đến khâu tổ chức, chỉ đạo, điều hành nên hiệu quả thực hiện Chương trình 327, định canh định cư tại các huyện chưa cao, tỷ lệ cây sống rất thấp: nhãn, vải (Than Uyên): 20%; cây quế 40-50%; cây cà phê chết 100%; việc quản lý, sử dụng các nguồn vốn này chưa tốt (số tiền sử dụng sai quy định tại Bảo Thắng là 362,1 triệu đồng; tại Than Uyên 111,9 triệu đồng); các công trình xây dựng cơ bản khảo sát thiết kế chưa phù hợp, chất lượng thi công kém nên nhiều công trình không phát huy được hiệu quả (Trạm xá Tà Mung, tuyến đường Tà Mung - Mường Kim; bản Khiêng- Mường Mít (huyện Than Uyên). Các dự án Chương trình 327, định canh, định cư đề ra mục tiêu quá lớn nhưng khả năng thực hiện thấp (mức đầu tư hàng năm mới đạt 2-5% so với mục tiêu dự án) dẫn đến hiệu quả thấp.

- Việc triển khai quán triệt thực hiện Nghị quyết 01-NQ/TU, ngày 15-1-1997 của Tỉnh ủy Lào Cai về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 1996 - 2000. Chưa được các huyện quan tâm đầy đủ, chủ yếu mới phổ biến ở cuộc họp Ban Chấp hành cấp huyện, ở các xã, thị trấn đảng viên và nhân dân chưa được học tập, xây dựng được chương trình, kế hoạch hành động cụ thể từ huyện trở xuống cơ sở, thiếu những đảm bảo vật chất cần thiết nên kết quả rất hạn chế. Hầu hết các vùng cây công nghiệp, cây ăn quả tập trung được trồng từ những năm trước, những diện tích trồng 2 năm trở lại đây chưa hình thành những vùng mới phân tán và còn mang tính tự phát của nhân dân.

- Ở các thôn, bản, các xã vùng sâu vùng xa đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc còn hết sức khó khăn, nhiều tập quán lạc hậu trong sản xuất và đời sống sinh hoạt chưa được thay đổi. Hoạt động tuyên truyền, lợi dụng tôn giáo trong đồng bào Mông chưa được ngăn chặn có hiệu quả, vai trò của tổ chức đảng chính quyền và các đoàn thể ở những nơi đó hoạt động rất yếu.

- Do thiếu sâu sát đối với cơ sở dẫn đến tình trạng nhiều vi phạm ở cơ sở không được nhắc nhở, tháo gỡ, giải quyết kịp thời từ đó tích tụ lại tạo ra sai phạm ngày càng lớn, càng phức tạp: Bảo Hà (Bảo Yên); Bản Cầm, Xuân Quang (Bảo Thắng).

- Công tác quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ theo quy hoạch còn yếu. Đội ngũ cán bộ ở cơ sở phần lớn chưa được đào tạo cả về văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ và lý luận chính trị, quy hoạch sử dụng còn chắp vá, nên hiệu lực và hiệu quả của tổ chức cơ sở đảng, chính quyền đoàn thể ở cơ sở không cao. Nhiều nơi chính quyền xã chưa tự chủ được trong công việc.

Ngoài những tồn tại chung cho cả 3 huyện nêu trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy còn nhấn mạnh một số yếu điểm có tính đặc thù của mỗi huyện yêu cầu phải nhanh chóng khắc phục, đó là:

- Đối với Đảng bộ Bảo Thắng:

+ Sự đoàn kết, thống nhất trong cán bộ lãnh đạo cấp ủy, chính quyền cơ sở ở nhiều xã, thị trấn của Bảo Thắng gần đây có biểu hiện

giảm sút làm hạn chế đến sức chiến đấu của tổ chức đảng, hạn chế hiệu lực quản lý điều hành của chính quyền, làm mất niềm tin đối với nhân dân: (Bản Cẩm, Xuân Quang, Phú Nhuận, Sơn Hà, Sơn Hải...).

+ Đội ngũ cán bộ tham mưu, giúp việc (phòng, ban cấp huyện) thiếu sâu sát cơ sở, nghiệp vụ yếu nên việc nắm bắt và xử lý tình hình ở nhiều cơ sở không kịp thời.

+ Ủy ban nhân dân huyện cần phải thực hiện nghiêm túc chế độ họp, bàn bạc tập trung của Hội đồng nhân dân theo luật định, đồng thời phải thực hiện tốt quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện về những vấn đề cần đưa ra xin ý kiến tập thể Ban Thường vụ hoặc Thường trực Huyện ủy.

+ Ban Thường vụ Huyện ủy cần phải quan tâm xây dựng mối đoàn kết, thống nhất thông qua việc đẩy mạnh tự phê bình và phê bình của mỗi thành viên Ban Thường vụ giải quyết dứt điểm, kịp thời những sai phạm phát sinh ở một số cán bộ trong cấp ủy một cách có lý có tình để nâng cao vị trí, vai trò đầu tàu gương mẫu của Huyện ủy.

- Đối với Đảng bộ huyện Bảo Yên:

+ Tuy Bảo Yên vẫn giữ được tốc độ phát triển kinh tế ổn định hàng năm nhưng chưa tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng một cách rõ nét, nền kinh tế thuần nông, độc canh vẫn là chủ yếu, không có cây trồng, vật nuôi mũi nhọn để tạo ra sản phẩm hàng hóa, cần nghiên cứu phát triển mạnh các cây, con mà huyện có điều kiện phát triển và có thị trường tiêu thụ như: cam sành, hồng không hạt, khoai sọ, tạo ra khối sản phẩm hàng hóa lớn phục vụ tiêu dùng nội địa vươn ra xuất khẩu.

+ Vai trò lãnh đạo của nhiều tổ chức cơ sở đảng còn yếu, sự quản lý, điều hành của chính quyền cơ sở rất lúng túng nhất là trong lĩnh vực phát triển kinh tế, “xóa đói, giảm nghèo”. Nhiều vướng mắc của nhân dân không được tháo gỡ, giải quyết kịp thời dẫn tới tình trạng đơn thư vượt cấp nhiều, những hoạt động lợi dụng tôn giáo chậm được giải quyết.

+ Huyện cần chỉ đạo Phòng Tài chính chấn chỉnh ngay việc các xã tùy tiện đặt ra các khoản thu ngoài quy định của Nhà nước và việc thu,

chi không có biên lai, hóa đơn do Bộ Tài chính phát hành. Tổ chức bồi dưỡng đào tạo đội ngũ cán bộ tài chính xã, phường từng bước có trình độ nghiệp vụ và phẩm chất đạo đức để thực hiện tốt nhiệm vụ này.

- Đối với Đảng bộ huyện Than Uyên:

+ Cấp ủy, chính quyền đoàn thể từ huyện đến cơ sở của Than Uyên cần tập trung sự lãnh đạo, giải quyết khắc phục cho được các phong tục tập quán lạc hậu, đặc biệt là tệ nạn thả rông gia súc và tư tưởng bao cấp ỷ lại trong nhân dân để đẩy mạnh phong trào thâm canh tăng vụ, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển mạnh các vùng cây công nghiệp, cây ăn quả, phá chế độ canh cây lương thực, tạo ra sản phẩm hàng hóa góp phần “xóa đói, giảm nghèo”, nâng cao đời sống cho nhân dân các dân tộc.

- Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cần nghiêm túc thực hiện quy chế làm việc, chấn chỉnh lại phương thức và nội dung các kỳ họp, các buổi giao ban sao cho khoa học hơn và có hiệu quả hơn.

+ Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cần quan tâm nhiều hơn công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực về mọi mặt cho đội ngũ cán bộ dân tộc Mông của cấp ủy và đội ngũ chủ chốt ở cơ sở. Đây chính là động lực quan trọng thúc đẩy Than Uyên vượt qua khó khăn, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

+ Cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể nhân dân cần chú ý đến vấn đề đoàn kết dân tộc, đấu tranh chống các biểu hiện dân tộc hẹp hòi xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong đội ngũ cán bộ và trong nhân dân các dân tộc địa phương.

* Để khắc phục những tồn tại nêu trên Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu:

- Ban Thường vụ, Ban Chấp hành các Huyện ủy Bảo Thắng, Bảo Yên, Than Uyên cần kiểm điểm nghiêm túc và đề ra các biện pháp, kế hoạch sửa chữa những khuyết điểm, tồn tại trên trong thời gian ngắn nhất.

- Yêu cầu các ban cán sự Đảng, Đảng đoàn trực thuộc Tỉnh ủy phối hợp chặt chẽ với Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân

các huyện giải quyết các tồn tại có liên quan đến ngành mình với tinh thần khẩn trương, ý thức trách nhiệm cao nhất.

- Giao cho các Ban cán sự Đảng, Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu xem xét từng bước giải quyết các yêu cầu, đề nghị của các huyện nêu trong báo cáo của các đoàn kiểm tra và chỉ đạo các ngành thường xuyên bám sát cơ sở kịp thời tháo gỡ giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tế ở các địa phương.

- 6 tháng một lần Huyện ủy báo cáo Tỉnh ủy và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy bằng văn bản về kết quả khắc phục các tồn tại mà các đoàn kiểm tra và Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã kết luận.

* Đánh giá hoạt động của các đoàn và công tác thi đua khen thưởng:

Đây là lần đầu tiên Tỉnh ủy Lào Cai tổ chức trưng tập cán bộ, đảng viên của các ban, ngành trong tỉnh thực hiện chương trình kiểm tra của cấp ủy. Tuy còn nhiều bất ngờ, nhiều cán bộ chưa có kinh nghiệm trong hoạt động kiểm tra nhưng nhìn chung các cán bộ được trưng tập đều chấp hành nghiêm túc các quy định về thời gian, sự phân công của đoàn và làm việc với trách nhiệm cao. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đánh giá cao kết quả và sự cố gắng của các đoàn kiểm tra, sự phối hợp tích cực của các huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Than Uyên trong việc thực hiện chương trình kiểm tra của Tỉnh ủy năm 1998.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy biểu dương và ghi nhận sự cố gắng của tất cả cán bộ lãnh đạo và thành viên 3 đoàn kiểm tra lại huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Than Uyên. Căn cứ vào kết quả bình chọn của các đoàn, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định tặng Bằng khen cho 20 cán bộ có thành tích trong đợt kiểm tra này.

Phần thứ hai

MỘT SỐ KINH NGHIỆM ĐƯỢC RÚT RA THÔNG QUẢ ĐỢT KIỂM TRA

1- Các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở cần phải có nhận thức sâu sắc hơn nữa về công tác kiểm tra của Đảng trong giai đoạn hiện nay nhất là

nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy các cấp theo Điều 30 Điều lệ Đảng và Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng.

Qua công tác kiểm tra cho thấy: Một trong những nguyên nhân xảy ra các điểm nóng, các vấn đề nổi cộm ở cơ sở là do trình trạng thiếu sâu sát cơ sở, giải quyết các vướng mắc trong nhân dân không kịp thời dẫn đến sự tích tụ thành mâu thuẫn lớn. Do vậy cần phải tăng cường công tác kiểm tra của cấp ủy Đảng, chính quyền một cách thường xuyên hơn. Kiểm tra phải thực sự trở thành một trong những phương thức hoạt động lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng, kiểm tra để khẳng định những cái đúng, bảo vệ cái đúng và đồng thời xác định cái sai, cái yếu kém để tìm giải pháp khắc phục. Đối với Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh việc kiểm tra cơ sở ngoài mục đích nhằm đánh giá kết quả thực hiện của cấp ủy, chính quyền cấp dưới còn một ý nghĩa hết sức quan trọng đó là kiểm tra, đánh giá lại hiệu quả sự lãnh đạo và chỉ đạo của mình đối với cơ sở từ đó xem xét lại các chủ trương, chính sách, nghị quyết cho phù hợp với thực tế để nghị quyết, chính sách của Đảng, Nhà nước đi vào cuộc sống, hiệu lực lãnh đạo được nâng cao. Do vậy phương thức lãnh đạo thông qua hoạt động kiểm tra là một phương thức lãnh đạo khoa học, đối lập với phong cách lãnh đạo quan liêu, giấy tờ đang phổ biến hiện nay.

2- Về nội dung và phương pháp kiểm tra của cấp ủy

Hàng năm mỗi cấp ủy nên chọn ra một số vấn đề trọng yếu cần phải xem xét, đánh giá hoặc tháo gỡ giải quyết để tiến hành kiểm tra trên các lĩnh vực như: Phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình dự án đầu tư lớn, các mục tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu, việc triển khai thực hiện các nghị quyết của cấp ủy cấp trên và cấp ủy cấp mình ở cơ sở các vấn đề về công tác tổ chức cán bộ, củng cố xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở.

- Về phương pháp: Nên tiến hành kiểm tra theo từng chuyên đề với nội dung và thời gian kiểm tra tối đa không quá 3 tháng. Để đảm bảo cho công tác kiểm tra đạt chất lượng tốt thời gian ngắn cần phải

chuẩn bị thật đầy đủ chu đáo các điều kiện trước khi bước vào kiểm tra như: Xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra cụ thể theo từng chuyên đề, từng cuộc kiểm tra. Trên cơ sở nội dung và kế hoạch kiểm tra tiến hành quán triệt và tập huấn kỹ lưỡng nghiệp vụ cho cán bộ một cách khoa học rõ ràng. Cần thông báo đầy đủ các nội dung làm việc, các vấn đề mà đơn vị được kiểm tra cần chuẩn bị, thời gian, đối tượng làm việc cụ thể để cuộc kiểm tra được nhanh gọn, đạt kết quả.

Một số vấn đề cần lưu ý là khi thành lập các đoàn kiểm tra cần phải cân nhắc kỹ về số lượng, chất lượng và thành phần các thành viên trong đoàn, đảm bảo cán bộ kiểm tra phải có trình độ, năng lực phân tích đánh giá, am hiểu lĩnh vực mà mình kiểm tra, trung thực và mạnh dạn phê phán, đấu tranh với các biểu hiện vi phạm, sai trái.

3- Qua kết quả kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết 01-NQ/TU, ngày 15-1-1997 của Tỉnh ủy Lào Cai về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 1996-2000. Mặc dù nghị quyết này rất phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, nó ra đời vào lúc phong trào xây dựng kinh tế trang trại, kinh tế vườn rừng đang phát triển mạnh nhưng do các mục tiêu của nghị quyết nêu ra không được cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch của các cấp, các ngành; không được đảm bảo các điều kiện để thực hiện nên kết quả rất hạn chế.

(.....).

Do vậy sau khi có kết luận chính thức của cấp ủy thì cần phải có bộ phận giám sát, theo dõi và đôn đốc việc thực hiện các kết luận kiểm tra, định kỳ báo cáo với cấp ủy về tiến hành, kết quả thực hiện. Đó cũng là một khâu hết sức quan trọng của chương trình kiểm tra của cấp ủy các cấp.

Trên đây là kết quả triển khai thực hiện chương trình công tác kiểm tra năm 1998 của Tỉnh ủy Lào Cai, nhằm thực hiện Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng. Đây cũng là lần đầu tiên Tỉnh ủy tiến hành một chương trình kiểm tra mang tính chất toàn diện, với quy mô và phát triển kinh tế - xã

hội, an ninh quốc phòng, xây dựng và củng cố hệ thống chính trị và một số nghị quyết, chương trình kinh tế lớn tại 3 Đảng bộ kể từ sau Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II tới nay. Thông qua kết quả và những bài học kinh nghiệm của đợt kiểm tra này, Ban Chấp hành Tỉnh ủy và các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc cần rút kinh nghiệm để xây dựng chương trình kiểm tra cho năm 1999 và các năm tiếp theo đạt kết quả cao hơn, góp phần xây dựng Đảng bộ ngày càng trong sạch, vững mạnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 12-CT/TU, ngày 28-12-1998

Về lãnh đạo nhiệm vụ quân sự quốc phòng năm 1999

Năm 1998, dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Tỉnh ủy, các mục tiêu kinh tế - xã hội đã được triển khai toàn diện và thu được nhiều kết quả đáng phấn khởi, giữ vững được ổn định chính trị - xã hội, kinh tế có bước phát triển. Nhiệm vụ quốc phòng - an ninh được các cấp ủy đảng quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc. Giữ vững được chủ quyền biên giới quốc gia, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế - xã hội, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo.

Nhưng trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo còn một số cấp ủy, chính quyền nhận thức về thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng chưa sâu, chưa toàn diện. Nắm tình hình, giải quyết các vụ việc còn lúng túng, đơn giản. Chất lượng giáo dục quốc phòng chưa được quan tâm đúng mức. Sức mạnh tổng hợp của lực lượng vũ trang được nâng lên nhưng so với yêu cầu chưa đáp ứng, trong đó chất lượng dân quân tự vệ còn hạn chế.

Năm 1999, tình hình quốc tế, khu vực còn nhiều diễn biến phức tạp, âm mưu chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của đế quốc Mỹ và các thế lực thù địch ngày càng tinh vi, phức tạp, quyết liệt hơn. Cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ của các nước trong khu vực đã ảnh hưởng không nhỏ đến sự phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Đời sống sẽ có nhiều khó khăn hơn. Trên địa bàn tỉnh Lào

Cai bên cạnh những thuận lợi, thành tích đã đạt được, chúng ta còn những khó khăn thách thức mới, lợi dụng những khó khăn về kinh tế, đời sống, phong tục tập quán lạc hậu, địch đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ bằng việc tuyên truyền đạo trái phép, xuyên tạc đường lối, chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước gây mất đoàn kết nội bộ, chia rẽ các dân tộc, kích động các phần tử tiêu cực bất mãn để chống phá, nếu chỉ đạo không chặt chẽ, xử lý không tốt kẻ địch dễ lợi dụng gây mất ổn định. Trên tuyến biên giới cần đề phòng những diễn biến phức tạp mới xảy ra.

Căn cứ vào nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng, nghị quyết của Đảng ủy Quân khu để lãnh đạo tổ chức thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quốc phòng - an ninh năm 1999. Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy Đảng, các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, tập trung lãnh đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Nghiên cứu, quán triệt, vận dụng tổ chức thực hiện thắng lợi các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh trong tình hình mới. Triển khai Chỉ thị 71-CP của Chính phủ về giáo dục quốc phòng cho các đối tượng bằng nhiều hình thức và phương pháp truyền tải dễ hiểu, dễ nhớ, nhằm quán triệt sâu sắc hai nhiệm vụ chiến lược của Đảng, xây dựng phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ Tổ quốc. Xác định trách nhiệm các cấp, các ngành và của mỗi người dân đối với nhiệm vụ quốc phòng, coi đây là một yêu cầu cấp bách, từ đó không ngừng nâng cao tinh thần cảnh giác cách mạng, sẵn sàng đối phó với mọi diễn biến phức tạp có thể xảy ra.

2. Trên cơ sở phương án đã được luyện tập, diễn tập, đẩy mạnh việc xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, huyện ngày càng vững chắc, có chiều sâu, đảm bảo tính khả thi của kế hoạch, tiếp tục chỉ đạo xây dựng điểm căn cứ chiến đấu căn cứ hậu phương, khu phòng thủ đặc biệt, khu phòng thủ then chốt theo yêu cầu của trên và huyện sẽ xác định nhiệm vụ xây dựng của huyện mình. Tổ chức tổng kết Chỉ thị 58-TTg của Thủ tướng Chính phủ để có những bước chỉ đạo tiếp về xây dựng xã, phường vững mạnh toàn diện đáp ứng với nhiệm vụ quốc

phòng - an ninh trong tình hình mới. Quá trình xây dựng phải phát huy được sức mạnh tổng hợp gắn chặt với các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội trong xây dựng khu vực phòng thủ và xã, phường vững mạnh toàn diện. Xóa dần các xã yếu, kém, nâng dần tỷ lệ các xã khá và vững mạnh toàn diện.

3. Tiếp tục điều chỉnh bổ sung phương án, kế hoạch của các cấp, theo quy định như phương án A, A2, kế hoạch B của các ngành (cả tỉnh và huyện). Tổ chức luyện tập nâng cao trình độ lãnh đạo, tổ chức, chỉ huy xử trí các tình huống có thể xảy ra. Năm 1999, tỉnh chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ cho huyện Bắc Hà, cơ quan tỉnh và huyện thị còn lại tổ chức luyện tập 2 lần (1 lần có một phần cơ chế, 1 lần tác chiến phòng thủ thời kỳ đầu chiến tranh). Trước khi diễn tập phải luyện tập thành thực mới diễn tập, tránh đơn giản, tốn kém, hiệu quả không cao. Duy trì tốt nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu bảo vệ thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và các sự kiện chính trị quan trọng của tỉnh cũng như của đất nước.

4. Lãnh đạo xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh có bản lĩnh chính trị vững vàng có số lượng phù hợp. Khả năng cơ động, sức chiến đấu cao. Quá trình huấn luyện phải nắm vững phương châm “cơ bản, thiết thực vững chắc” sát với tình hình nhiệm vụ tổ chức biên chế, trang bị hiện có. Xây dựng bộ đội thường trực theo hướng cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Đẩy mạnh xây dựng cơ quan quân sự và đơn vị bộ đội địa phương vững mạnh toàn diện theo Chỉ thị 1020/BQP của Bộ Quốc phòng. Tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ theo phương châm “Vững mạnh, rộng khắp” có số lượng phù hợp, chất lượng cao, lấy nâng cao chất lượng chính trị là chính. Chú trọng huấn luyện nâng cao sức chiến đấu của dân quân tự vệ đến 30-9-1999 hoàn thành nhiệm vụ huấn luyện rộng rãi.

Xây dựng các đơn vị dự bị động viên, theo yêu cầu nhiệm vụ của trên, chú trọng các khâu đăng ký, quản lý, biên chế, tổ chức huấn luyện, đảm bảo khi động viên kịp thời, đủ chỉ tiêu, bí mật an toàn.

Trong năm 1999, nhiệm vụ huấn luyện cho các đối tượng phải hoàn thành 1 00% kế hoạch đạt chất lượng cao.

Hoàn thành tốt nhiệm vụ tuyển quân, bảo đảm chỉ tiêu, chất lượng, công bằng và đúng luật.

5. Triển khai nhiệm vụ tăng cường cán bộ quân đội cho cơ quan quân sự tỉnh huyện tham gia xây dựng cơ sở xã, phường vững mạnh. Đây là chủ trương mới, cần nghiên cứu kỹ và có bước đi thích hợp, vừa làm vừa rút kinh nghiệm để đem lại hiệu quả thiết thực. Tổ chức các đợt hành quân huấn luyện dã ngoại kết hợp làm công tác dân vận. Tập trung vào những xã vùng sâu vùng xa, vùng trọng điểm. Yêu cầu các ngành có liên quan phối hợp hoạt động góp phần vào công cuộc “xóa đói, giảm nghèo” của tỉnh. Nắm chắc tình hình diễn biến ở cơ sở, có biện pháp xử lý kịp thời, phù hợp tránh nóng vội gây hậu quả xấu.

6. Xây dựng các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, tập trung nâng cao sức chiến đấu của chi bộ Đảng, cụ thể hóa chỉ thị, nghị quyết của cấp trên và năng lực tổ chức thực hiện nghị quyết cấp mình. Xây dựng đội ngũ đảng viên, cán bộ có đủ phẩm chất năng lực theo yêu cầu nhiệm vụ được giao, làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ, không để địch mua chuộc, lôi kéo cài cắm móc nối.

7. Đẩy mạnh phong trào thi đua quyết thắng gắn với phong trào thi đua yêu nước của các cấp, các ngành và nhân dân các dân tộc trong tỉnh hướng vào kỷ niệm 55 ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, ngày hội Quốc phòng toàn dân ở các cấp nhằm phát huy truyền thống anh hùng của cả dân tộc, của quân đội tiến tới kỷ niệm các ngày lễ lớn vào năm 2000. Tạo phong trào rộng lớn, động lực mạnh mẽ góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng an ninh, đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa với đạo lý “Uống nước, nhớ nguồn”.

8. Lãnh đạo tốt nhiệm vụ bảo đảm an toàn về kho vũ khí trang bị không để mất, cháy nổ xảy ra

Căn cứ vào nội dung chỉ thị này, yêu cầu các huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc, các Ban cán sự, Đảng đoàn tăng cường sự lãnh đạo của

các cấp ủy Đảng thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước về quốc phòng ở các địa phương góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quốc phòng an ninh năm 1999 và những năm tiếp theo.

Đảng ủy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh có trách nhiệm làm tham mưu và phối kết hợp với các ban, ngành đoàn thể của tỉnh hướng dẫn chỉ đạo thực hiện. Hàng tháng tổng hợp báo cáo với Thường trực Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 228-TB/TU, ngày 28-12-1998

Về nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Ngày 25-12-1998 Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai họp bàn một số nội dung chuẩn bị cho Hội nghị Ban Chấp hành lần thứ 13 (khóa II) và quyết định một số vấn đề về công tác tổ chức và cán bộ.

Sau khi nghe Văn phòng Tỉnh ủy trình bày dự thảo báo cáo tình hình công tác năm 1998 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 1999, đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo tờ trình xin ý kiến một số nội dung về công tác tổ chức cán bộ, các đồng chí trong Ban Thường vụ thảo luận. Hội nghị đã thống nhất nghị quyết như sau:

1. Tiếp thu ý kiến của các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy đã góp ý dự thảo báo cáo tình hình công tác năm 1998 và phương hướng nhiệm vụ công tác năm 1999. Giao cho Văn phòng Tỉnh ủy chỉnh sửa, bổ sung những ý kiến của các đồng chí thường cụ để hoàn chỉnh thêm một bước trước khi trình hội nghị Ban Chấp hành vào đầu tháng 1-1999 tới.

2. Về công tác tổ chức và cán bộ:

1. Nhất trí điều động đồng chí Nguyễn Ngọc Lợi, chuyên viên chính Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đến nhận công tác tại Ủy ban Dân số - kế hoạch hóa gia đình tỉnh và đề bạt giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban Dân số - kế hoạch hóa gia đình tỉnh Lào Cai.

2. Đề bạt đồng chí Đặng Thị Yến, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Bảo vệ - chăm sóc trẻ em tỉnh Lào Cai, giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ - chăm sóc trẻ em tỉnh Lào Cai.

3. Nhất trí dự kiến của Đảng ủy Biên phòng tại Công văn số 215 - CV/ĐU, ngày 3-11-1998 về dự kiến điều đồng chí Phạm Đình Phương, Thượng tá, Hiệu trưởng Trường trung cấp Biên phòng I lên nhận công tác tại Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai, bổ nhiệm giữ chức Phó Chỉ huy trưởng Bộ đội Biên phòng tỉnh Lào Cai.

4. Điều động và đề bạt đồng chí La Đức Đan, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên về nhận công tác tại Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm dạy nghề tỉnh Lào Cai.

- Nhất trí bầu bổ sung đồng chí Lê Văn Lương, Hiệu trưởng Trường Phổ thông trung học I Than Uyên giữ chức Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên.

5. Nhất trí cho Hội Nhà báo Việt Nam tỉnh Lào Cai tổ chức Đại hội Nhà báo Việt Nam tỉnh Lào Cai lần thứ II vào tháng 1-1999.

Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy chuẩn bị nhân sự Ban Chấp hành Hội Nhà báo Việt Nam tỉnh Lào Cai lần thứ II trình Ban Thường vụ vào kỳ sau.

6. Thành lập Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh Lào Cai gồm các đồng chí có tên sau đây:

1- Đồng chí Nguyễn Quý Đăng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Hội đồng

2- Đồng chí Hà Ngọc Đông, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng

3- Đồng chí Hoàng Chúng, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng

4- Đồng chí Trần Tiến Hòa, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng

5- Đồng chí Phạm Ngọc Sửu, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng

6- Đồng chí Nguyễn Văn Tông, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy viên Thường trực

7- Đồng chí Lương Xuân Mậu, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy viên

8- Đồng chí Thào A Tráng, Trưởng ban Dân vận Tỉnh ủy: Ủy viên

9- Đồng chí Hà Đức Miều, Chủ tịch Hội Nông dân, Ủy viên

10- Đồng chí Nguyễn Tiến Doanh, Bí thư Tỉnh Đoàn, Ủy viên

11- Đồng chí Giàng Thị Mỹ, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Ủy viên

12- Đồng chí Vũ Đình Đỗi, Phó chỉ huy chính trị Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Ủy viên

13- Đồng chí Hoàng Minh Ngọc, Giám đốc Công an tỉnh, Ủy viên

14- Đồng chí Trần Nguyên, Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy viên

7. Khen thưởng: Nhất trí cấp bằng khen của Tỉnh ủy cho 17 đồng chí có thành tích xuất sắc trong đợt kiểm tra toàn diện 3 huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Than Uyên theo chương trình kiểm tra của Tỉnh ủy năm 1998.

8. Việc tách, thành lập một số thôn, bản mới: Ban Thường vụ nhất trí Tờ trình số 399-TT/TC, ngày 30-11-1998 của Ban Tổ chức chính quyền tỉnh về việc đề nghị công nhận thôn, bản mới thuộc các huyện Mường Khương, Văn Bàn, Bảo Yên, Than Uyên, Bảo Thắng, Bát Xát (đảm bảo nguyên tắc dưới 20 hộ không được tách).

Giao cho Ban Tổ chức chính quyền tỉnh làm việc thống nhất với Ban Tổ chức Chính phủ trước khi tỉnh ra quyết định chia tách và công nhận.

9. Nhất trí trình Chủ tịch nước khen thưởng:

- Huân chương Lao động hạng Nhì cho cán bộ, công nhân, viên chức Xí nghiệp chè Than Uyên.

- Huân chương Lao động hạng Ba cho ông Phạm Đức Trung, Giám đốc Xí nghiệp chè Than Uyên.

+ Nhất trí đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc cho cán bộ, chiến sĩ Công an tỉnh Lào Cai.

Yêu cầu các cơ quan, ban, ngành có liên quan căn cứ vào nội dung thông báo, tổ chức thực hiện đúng quy định.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 49-BC/TU, ngày 30-12-1998

**Tổng kết công tác Tuyên giáo năm 1998,
phương hướng nhiệm vụ năm 1999**

Phần một

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TƯ TƯỞNG

I. NHỮNG TÁC ĐỘNG VÀ DIỄN BIẾN VỀ TƯ TƯỞNG

1. Những tác động về tư tưởng

Năm 1998 là năm bản lề thực hiện kế hoạch 5 năm (1996-2000), năm tiếp tục phát huy mạnh mẽ thắng lợi của năm 1997 trong bối cảnh đất nước có thế và lực mới tạo điều kiện cho tiếp tục phát triển. Năm 1998 đối với tỉnh ta đã diễn ra nhiều sự kiện quan trọng: Kỷ niệm các ngày lễ lớn của địa phương: kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Lực lượng vũ trang Lào Cai (2-4-1948 đến 2-4-1998) và kỷ niệm 40 năm ngày Bác Hồ lên thăm Lào Cai (23-9-1958 đến 23-9-1998). Đặc biệt là hoạt động cho Đại hội của Công đoàn tỉnh nhiệm kỳ 1998- 2003. Đại hội Nông dân Việt Nam Lào Cai lần thứ II; Đại Hội Chũ thập đỏ Lào Cai. Đại hội Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai. Đặc biệt là việc Nhà nước vừa phong tặng 2 đơn vị thuộc ngành Công an và 4 huyện là đơn vị Anh hùng Lực lượng vũ trang. Những hoạt động đó đã tạo nên không khí phấn khởi trong các tầng lớp nhân dân.

Tuy nhiên năm 1998 tình hình đất nước cũng đang đứng trước những thử thách mới, ảnh hưởng tới công tác tư tưởng. Tình hình thế giới, khu vực và trong nước tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp, nhất là cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực châu Á, gây khó khăn cho ta về thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch. Các lực lượng thù địch trong và ngoài nước đang ráo riết thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình” tấn công ta trên tất cả các lĩnh vực đời sống kinh tế - chính trị - xã hội, gây tâm trạng lo lắng và nhận thức lệch lạc tình hình thời cuộc, trong một bộ phận nhân dân.

Trước bối cảnh phong trào cộng sản và công nhân Quốc tế đang gặp khó khăn và khó khăn của đất nước, các lực lượng cơ hội chính trị thù địch lại ra sức tấn công vào chủ nghĩa Mác - Lênin, vào Cương lĩnh, Điều lệ, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, đòi xóa bỏ nền tảng tư tưởng của Đảng là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Tấn công trực diện phê phán, bác bỏ đường lối, chính sách của Đảng, tấn công vào vai trò lãnh đạo của Đảng, hạ thấp uy tín của Đảng, chia rẽ giữa Đảng với dân.

Năm 1998 cũng là năm nhân dân các dân tộc trong tỉnh ta đã và đang tích cực phấn đấu vươn lên để vượt qua mọi khó khăn thử thách, khắc phục những yếu kém của nền kinh tế do thiên tai đã gây ra hậu quả nặng nề ở nhiều nơi, nhất là các huyện vùng sâu, vùng xa. Thời tiết khắc nghiệt đầu năm rét đậm ở một số nơi (nhất là vùng cao) hạn hán kéo dài, thiếu nước, sâu bệnh, chuột phá hoại mùa màng gây ảnh hưởng lớn đến năng suất cây trồng vật nuôi. Đợt gió lốc vừa qua làm thiệt hại lớn về tính mạng, tài sản của nhân dân một số nơi, đời sống nhân dân nhất là vùng nông thôn càng khó khăn hơn, gây tâm lý lo ngại về đời sống nhân dân. Tình trạng lấn chiếm đất đai, đòi lại đất của ông cha để lại còn diễn ra ở một số nơi trong tỉnh và trình trạng di dịch cư đi các tỉnh để làm ăn sinh sống vẫn chưa được ngăn chặn.

Hoạt động truyền đạo trái phép không giảm, nhất là đạo Tin Lành với mọi phương thức hoạt động tinh vi công khai truyền đạo trái phép, đòi chính quyền cấp đất làm nhà thờ, nhà nguyện, các tệ

nạn xã hội vẫn chưa giảm. Giá cả một số mặt hàng tăng đòi sống của những người ăn lương gấp nhiều khó khăn, gây tâm lý không ổn định. Tình hình biên giới vẫn tiếp tục duy trì ổn định, hòa bình hữu nghị, tạo điều kiện tốt cho nhân dân hai nước yên tâm thúc đẩy sản xuất phát triển, tiếp tục cải thiện quy hoạch thân thiện láng giềng, các hoạt động giao lưu kinh tế - văn hóa ngày càng được tăng cường. Song có lúc, có nơi Trung Quốc vẫn còn có những hoạt động vi phạm về Hiệp định tạm thời biên giới. Tình hình đó đã tác động đến tâm lý của một bộ phận cán bộ, đảng viên gây nên sự xáo động trong xã hội.

2. Đánh giá những nét nổi bật về tình hình tư tưởng

Năm 1998 bên cạnh những thuận lợi có tác động tích cực đến tư tưởng, song cũng còn có những tác động tiêu cực đã làm ảnh hưởng đến tư tưởng của cán bộ nhân dân trong tỉnh. Trước tình hình đó Tỉnh ủy đã chỉ đạo hệ thống Tuyên giáo trong toàn tỉnh, và cấp ủy các cấp đã có nhiều biện pháp ngăn ngừa kịp thời những luồng tư tưởng tiêu cực mới này sinh, nên an ninh tư tưởng được giữ vững, lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và công cuộc đổi mới của đất nước được nâng lên, các cuộc vận động lớn do Đảng, Nhà nước phát động được nhân dân đông đảo khắp nơi trong tỉnh hưởng ứng mạnh mẽ sâu rộng, như các cuộc vận động, “Đền ơn đáp nghĩa”, “Xóa đói, giảm nghèo” vận động giúp các đồng bào ở những nơi cơ thiên tai, cuộc vận động phòng chống các tệ nạn xã hội, cuộc vận động xây dựng nếp sống văn hóa mới khu dân cư, xây dựng thiết chế dân chủ ở cơ sở... được đông đảo các tầng lớp nhân dân hưởng ứng, tích cực phê phán đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực, nhất là tệ tham nhũng, quan liêu mất dân chủ, tinh thần độc lập suy nghĩ của mỗi người được đề cao, ủng hộ mạnh mẽ công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước. Kiên định thực hiện mục tiêu dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đoàn kết nhất trí nỗ lực phấn đấu vượt qua mọi khó khăn tạo ra tiền đề vững chắc giành được thành tích rất đáng phấn khởi trong năm qua.

Tuy nhiên, trong các tầng lớp dân cư còn những băn khoăn trăn trở:

Trong cán bộ, công nhân, viên chức lo lắng về cuộc sống, do giá cả một số mặt hàng tăng, tiền lương thu nhập thực tế ngày càng giảm, các khoản đóng góp ngày càng nhiều, nhất là những người thiếu công ăn việc làm hoặc việc làm không ổn định cuộc sống lại càng khó khăn hơn.

Trong cán bộ hưu trí, nhất là cán bộ trung cao cấp, cán bộ lão thành cách mạng rất lo lắng về cuộc sống, lo ngại về các vụ việc tích cực xã hội trong cơ chế thị trường hiện nay, lo lắng về phẩm chất một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu trong sạch, mong muốn thực hiện được công bằng xã hội.

Trong nông dân tuy có phấn khởi về giá một số mặt hàng nông phẩm tăng, đặc biệt đã được Nhà nước đầu tư nhiều dự án đã mang lại hiệu quả đời sống có được nâng lên, nhưng nhìn chung còn thấp, thị trường tiêu thụ không ổn định, sản phẩm làm ra khó tiêu thụ, Đại bộ phận lo lắng băn khoăn về sản xuất do thời tiết không thuận nên gây ảnh hưởng đến năng suất cây trồng, vật nuôi, chưa hài lòng đối với việc thực hiện một số dự án còn lúng túng và hiệu quả thấp, sử dụng vốn xóa đói, giảm nghèo còn chưa phát huy được hiệu quả cao...

Trong lực lượng vũ trang: Cán bộ, chiến sĩ yên tâm vững vàng tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Nâng cao nhận thức sâu sắc về tình hình, nhiệm vụ cách mạng hiện nay, xác định rõ trách nhiệm và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao. Tích cực xây dựng lực lượng vũ trang vững mạnh toàn diện. Song vẫn còn bất bình với một số đối tượng tích cực trong lực lượng chưa được xử lý nghiêm minh, kịp thời.

Phần hai

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO

Là một tỉnh vùng cao, biên giới vốn có nhiều khó khăn, song với sự quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân và ngành Tuyên giáo từ tỉnh

đến huyện, đã đổi mới cách nghĩ và làm, năng động sáng tạo và luôn bám sát định hướng công tác tư tưởng, chương trình công tác của cấp ủy, nhiệm vụ chính trị của địa phương nên đã đạt được kết quả đáng phấn khởi.

A. CÔNG TÁC THAM MƯU VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC NGÀNH TRONG KHỐI TUYÊN TRUYỀN

- Ban Tuyên giáo các cấp đã soạn thảo các kế hoạch, tổ chức học tập và xây dựng chương trình hoạt động thực hiện các Nghị quyết Trung ương 4, 5 và Trung ương 6 (lần 1), Nghị quyết của Quốc hội. Các chỉ thị, nghị quyết của Bộ Chính trị đã giúp Tỉnh ủy chuẩn bị về nội dung cũng như tài liệu để tổ chức các hội nghị triển khai các nghị quyết của Đảng đạt kết quả, theo dõi kiểm tra đôn đốc cơ sở thực hiện chương trình hoạt động để đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Soạn thảo nội dung chương trình tổ chức các đợt sinh hoạt chính trị và kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm nhất là các ngày kỷ niệm của địa phương (50 năm ngày thành lập lực lượng vũ trang, 40 năm ngày Bác Hồ lên thăm Lào Cai); đặc biệt tổ chức 2 cuộc hội thảo khoa học (Bản chất giai cấp công nhân của Đảng, Tư tưởng Hồ Chí Minh). Cuộc thi tìm hiểu về Bác Hồ với Lào Cai. Các khối tư tưởng đã có sự tham mưu tích cực từ chủ trương đến tổ chức và kiểm tra thực hiện nên đạt kết quả cao.

- Điều tra nắm tình hình tư tưởng và dư luận xã hội, kết hợp củng cố kiện toàn hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, duy trì chế độ giao ban an ninh tư tưởng hàng tháng để nắm tin tình hình phản ánh với cấp ủy để ra chủ trương, biện pháp chỉ đạo kịp thời.

- Tổ chức đào tạo bồi dưỡng theo các chương trình cho các đối tượng để nâng cao trình độ mọi mặt cho đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở. Tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập về truyền thống lịch sử Đảng bộ địa phương giáo dục nâng cao truyền thống cách mạng, truyền thống yêu nước, kiên định chủ nghĩa xã hội

củng cố niềm tin của nhân dân, và giữ vững sự ổn định về chính trị tư tưởng.

Tổng kết Chỉ thị 08 của Bộ Chính trị (khóa VII) về công tác báo chí; triển khai Chỉ thị 52 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về công tác báo chí, xuất bản. Phối hợp với Ban Khoa giáo Trung ương mở hội nghị tập huấn về xã hội hóa công tác chăm sóc cho nhân dân. Sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về giáo dục và đào tạo và khoa học - công nghệ.

* Hoạt động của các phương tiện thông tin đại chúng:

Các cơ quan thông tin đại chúng đã luôn bám sát chủ đề tuyên truyền, nâng cao chất lượng hoạt động, phục vụ đáp ứng kịp thời các đợt sinh hoạt chính trị quán triệt học tập các nghị quyết của Đảng, tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn, giáo dục ý thức pháp luật, đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống văn hóa văn minh lành mạnh, nêu gương “người tốt việc tốt” thúc đẩy các phong trào thi đua lao động sản xuất, thực hiện mục tiêu “xóa đói, giảm nghèo” đạt hiệu quả.

- Báo Lào Cai đã nâng cao chất lượng và số lượng của tờ báo địa phương. Đã tăng khổ báo rộng hơn và phát hành tăng từ 1kỳ/tuần trước đây lên 2 kỳ/tuần, và tăng số lượng phát hành đưa tiếng nói của Đảng đến với nhân dân được kịp thời và đáp ứng yêu cầu của bạn đọc, với nhiều nội dung phong phú, phục vụ các đợt sinh hoạt chính trị của địa phương. Khu vực thị xã tỉnh lỵ và hầu hết các huyện đã được đọc báo trong ngày.

- Đài Truyền thanh - Truyền hình tỉnh và các huyện đã nâng cao chất lượng hoạt động; diện phủ sóng truyền hình trên địa bàn đạt 40,5%; tổng số hộ được xem truyền hình chiếm 24,4%; diện phủ sóng phát thanh đạt 70% với 40% tổng số hộ được nghe đài; chất lượng nội dung chương trình được nâng cao. Toàn tỉnh có 33 trạm thu phát lại truyền hình, thực hiện tốt chương trình phủ sóng và hạn chế được nhiều sai sót trong kỹ thuật, duy trì thực hiện tốt các chuyên mục, khối lượng nội dung chương trình đều đạt và vượt chỉ tiêu. Công tác phát triển sự nghiệp truyền thanh - truyền hình trên địa bàn toàn

tỉnh đã được quan tâm chú ý, phục vụ đáp ứng yêu cầu đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

- Ngành Văn hóa thông tin thể thao: Đã tổ chức nhiều phong trào hoạt động sôi nổi, phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương và đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Nâng cao chất lượng công tác thông tin lưu động, hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao đến các bản làng, chuyển tải các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đến với nhân dân. Xây dựng nếp sống văn hóa văn minh lành mạnh trong các xã, phường các làng bản cụm dân cư và đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, cải tạo phong tục tập quán lạc hậu đạt hiệu quả thiết thực. Tổ chức nhiều các hoạt động thể dục thể thao, giao lưu văn hóa với các tỉnh bạn, với Hà Khẩu, Vân Nam Trung Quốc, góp phần nâng cao tình hữu nghị đoàn kết thân thiện gắn bó giữa nhân dân Lào Cai với các tỉnh và nước bạn, và phong trào hoạt động khá sôi nổi ở khắp các cơ sở trong tỉnh. Công tác quản lý báo chí, xuất bản, văn hóa phẩm băng hình, từng bước đã đi vào nền nếp, công tác kiểm tra kiểm soát và định hướng các hoạt động đạt hiệu quả, công tác văn hóa văn nghệ đã phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ chính trị của địa phương, bảo tồn và khai thác phát huy truyền thống văn hóa dân tộc.

B. KẾT QUẢ

I. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN

1. Bám sát các chủ đề tuyên truyền

Đã soạn thảo chương trình kế hoạch, đề cương hướng dẫn theo dõi chỉ đạo các cấp, các ngành, các phương tiện thông tin đại chúng. Tuyên truyền thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Trung ương, của Bộ Chính trị, các kỳ họp của Quốc hội, các chính sách, pháp luật của Nhà nước, các ngày kỷ niệm lớn trong năm đạt kết quả tốt. Trong tuyên truyền đã coi trọng công tác giáo dục truyền thống dân tộc, giáo dục tinh thần tự lực, tự cường và nâng cao lòng tự hào dân tộc, kiên

định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục nâng cao phẩm chất và lối sống trong sạch lành mạnh cho cán bộ và nhân dân.

Thông qua các cuộc hội thảo khoa học và các ngày lễ lớn của địa phương; đặc biệt là cuộc tìm hiểu mang tên Bác Hồ với Lào Cai cho hàng vạn người tham gia dự thi mang lại hiệu quả thiết thực, góp phần nâng cao nhận thức và giáo dục đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, tạo nên khí thế sôi động và phong trào thi đua mạnh mẽ trong các cấp, các ngành.

Giáo dục nâng cao cảnh giác đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch và những phần tử cơ hội chính trị, nhằm bảo vệ Đảng, bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng, giữ vững ổn định về chính trị tư tưởng trong nhân dân.

2. Duy trì chế độ bồi dưỡng báo cáo viên và giao ban an ninh tư tưởng

Hằng tháng duy trì bồi dưỡng báo cáo viên và giao ban an ninh tư tưởng đều đảm bảo và thông tin tình hình một cách kịp thời. Công tác tuyên truyền miệng đã được chú trọng và hoạt động có hiệu quả. Công tác giao ban an ninh tư tưởng, ngoài việc thông tin tình hình đã nắm bắt kịp thời tình hình trên địa bàn, đề xuất kịp thời xin chủ trương chỉ đạo của cấp ủy và thông báo những ý kiến kết luận của hội nghị, chương trình công tác của cấp ủy cho các cấp, các ngành thực hiện.

Đồng thời đã biên soạn và xuất bản phát hành cuốn Thông tin công tác tư tưởng làm tài liệu sinh hoạt chi bộ với nhiều nội dung phong phú, tình hình quốc tế, tình hình kinh tế - xã hội trong nước và trong tỉnh góp phần nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và tháo gỡ kịp thời những băn khoăn vướng mắc ở cơ sở.

II. KẾT QUẢ HỌC TẬP CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẢNG VÀO ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG CÁN BỘ

Thực hiện chủ trương của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, kế hoạch hướng dẫn của Ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy

và các Ban Tuyên giáo huyện, thị đã tham mưu cho cấp ủy, xây dựng kế hoạch tổ chức học tập và xây dựng chương trình hành động. Hướng dẫn và chỉ đạo các cấp, các ngành tổ chức học tập Nghị quyết Trung ương 4,5 và Trung ương 6 (lần 1), các các chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy cho đảng viên và quần chúng trong toàn tỉnh đạt kết quả.

Từ khâu chuẩn bị đề cương tài liệu, bồi dưỡng báo cáo viên, truyền đạt nghị quyết được chu đáo, số người tham gia học tập đạt chất lượng cao, 100% các cơ sở đảng tổ chức học tập. Số đảng viên tham dự đạt trên 92%, quần chúng đạt trên 63%; trong khi triển khai đều thực hiện theo kế hoạch của Tỉnh ủy.

Công tác đào tạo bồi dưỡng cán bộ: Ban Tổ chức Tỉnh ủy lập kế hoạch gửi đi đào tạo ở các trường Trung ương diện cán bộ quy hoạch của ngành và các ngành đạt kết quả. Trường Chính trị tỉnh đẩy nhanh tốc độ đào tạo đội ngũ cán bộ chủ chốt cơ sở, theo các chương trình để đáp ứng yêu cầu công tác cán bộ của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Số cán bộ được qua đào tạo bồi dưỡng đã thực sự phát huy được tác dụng trong công tác lãnh đạo điều hành ở cơ sở. Kết quả các chương trình đã mở được 220 lớp với 11.484 lượt người học (có báo cáo chuyên đề riêng). Nhiều đơn vị đã có cố gắng trong công tác huấn học như: thị xã Cam Đường, huyện Bảo Thắng, Than Uyên, Bát Xát, Mường Khương, Bảo Yên... các đơn vị tổ chức học tập quán triệt thực hiện các nghị quyết của Đảng đạt tỷ lệ cao như: Đảng ủy Quân sự, Đảng ủy Biên phòng, Đảng ủy các cơ quan tỉnh.

Công tác bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên làm công tác giảng dạy ở các Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị đã thường xuyên được duy trì tập huấn ở Trung ương và ở tỉnh, để bồi dưỡng nâng cao kiến thức và bổ sung những nội dung mới trong giáo trình. Đồng thời thường xuyên tổ chức kiểm tra nội dung giảng dạy môn lý luận chính trị trong các trường phổ thông trung học và trung học chuyên nghiệp, uốn nắn kịp thời những lệch lạc trong công tác giảng dạy đạt kết quả.

III. HOẠT ĐỘNG CÔNG TÁC KHOA GIÁO

Chỉ đạo các ngành chức năng trong Khối Khoa giáo, tổ chức đánh giá 5 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII) về “tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân” và “về chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình”. Sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về giáo dục - đào tạo, tập trung vào việc kiểm điểm thực hiện chương trình phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ đến năm 2000. Và triển khai thực hiện Thông tri 03, 04, Chỉ thị 34, Chỉ thị 36 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh công tác thể dục, thể thao, công tác bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, củng cố các tổ chức đoàn thể và công tác phát triển Đảng trong các trường học, tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Tổ chức các đợt kiểm tra liên ngành về công tác giáo dục trẻ em, công tác phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ ở các huyện, thị và trên 30 xã, phường, qua kiểm tra đã đề xuất với tỉnh phương hướng và các giải pháp tiếp tục đẩy mạnh công tác bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em, công tác phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, trong những năm tới, hoàn thành các mục tiêu đã đề ra vào năm 2000, về giáo dục, số lượng tăng nhanh, chất lượng được nâng lên một bước. Năm 1998 có thêm một huyện và hàng chục xã đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ. Các chương trình chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là chương trình phòng, chống dịch bệnh, củng cố tuyến y tế cơ sở đạt nhiều kết quả mới, đóng góp tích cực vào mục tiêu giảm bệnh tật, từng bước tạo ra điều kiện chăm sóc sức khỏe nhân dân tốt hơn các chỉ tiêu về dân số - kế hoạch hóa gia đình và bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em đều đạt và vượt kế hoạch đề ra, các chương trình ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống, bảo vệ và cải tạo môi trường đạt nhiều kết quả mới, công tác thể dục, thể thao nhất là phong trào thể dục, thể thao quần chúng ở cơ sở được chú trọng hơn.

- Một số Ban Tuyên giáo các huyện, thị đã phân công cán bộ Khoa giáo chuyên trách, đi sâu nghiên cứu tham mưu giúp cấp ủy chỉ đạo các hoạt động Khoa giáo ở tuyến xã, phường. Nhiều cấp ủy chính quyền đã có sự quan tâm đúng mức đến việc chỉ đạo các hoạt động Khoa giáo.

IV. CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU BIÊN SOẠN LỊCH SỬ ĐẢNG

Tiếp nhận những ý kiến tham gia góp ý cho cuốn *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai* tập I giai đoạn (1930-1954), tổ chức nghiên cứu sưu tầm, xác minh làm rõ những sự kiện trong nội dung cuốn lịch sử tập I phản ánh chưa đủ độ tin cậy. Trong quá trình xác minh đã phát hiện thêm nhiều tư liệu mới có căn cứ. Nhiều sự kiện, địa danh, tên người, thời gian viết trong cuốn lịch sử tập I chưa chính xác đã chỉnh lý sửa chữa, bổ sung hoàn thành việc tái bản cuốn *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai* tập I với số lượng 500 cuốn, kịp thời phát hành phục vụ cho công tác nghiên cứu học tập ở các cơ sở, và đã hoàn thành xuất bản hai cuốn *Lịch sử Đảng bộ huyện Than Uyên và Bảo Thắng*.

Tổ chức nghiên cứu biên soạn cuốn *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai* tập III giai đoạn (1975-1995). Đã tiến hành làm thuyết minh đề tài khoa học được Hội đồng khoa học tỉnh công nhận là đề tài khoa học. Đến nay cơ bản đã hoàn thành được 3 bước trong tổng số 6 bước thực hiện của đề tài, đảm bảo đúng tiến độ quy trình đặt ra. Đồng thời đang xúc tiến các công việc để chuẩn bị thực hiện các bước còn lại của năm 1999.

Nghiên cứu sưu tầm thư, bút tích, ảnh... về Bác Hồ với Lào Cai phục vụ kịp thời công tác tuyên truyền nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày Bác lên thăm Lào Cai. Hoàn thành bản thảo cuốn sách mang tên *Bác Hồ với Lào Cai - những sự kiện* chuẩn bị xuất bản. Cung cấp nhiều tư liệu quan trọng để hoàn chỉnh hồ sơ đề nghị của các đơn vị tỉnh ta vừa được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang.

Tích cực tham mưu cho Tỉnh ủy về công tác nghiên cứu lịch sử Đảng bộ địa phương, giúp đỡ và đôn đốc các huyện, thị, ban, ngành

trong tỉnh về công tác nghiên cứu lịch sử Đảng bộ địa phương cho cán bộ, đảng viên, học sinh. Tham gia trực tiếp giảng dạy về chuyên đề lịch sử Đảng ở các lớp đối tượng Đảng của các huyện, thị và các ban, ngành tổ chức đạt kết quả.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

Năm qua nhờ bám sát chương trình công tác chính trị tư tưởng năm 1998 của Tỉnh ủy, được sự lãnh đạo sâu sát kịp thời của Thường vụ Bộ Chính trị, sự chỉ đạo của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, sự nỗ lực phấn đấu của toàn binh chủng và tích cực chủ động trong công tác tham mưu. Mặc dù đứng trước mọi khó khăn thử thách rất gay gắt tác động đến đời sống kinh tế - xã hội của nhân dân trong tỉnh. Nhưng công tác Tuyên giáo đã đóng góp tích cực tuyên truyền giáo dục đưa mọi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, và cung cấp các lượng thông tin xuống cơ sở, giải quyết kịp thời những băn khoăn vướng mắc, giữ vững sự ổn định về chính trị tư tưởng trong nhân dân, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Tích cực tham gia đấu tranh chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch và phòng, chống tệ nạn xã hội đạt hiệu quả, tạo được khí thế sôi động trong toàn Đảng toàn dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền, đoàn thể trong sạch, vững mạnh.

Có được kết quả trên là do có nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Được sự quan tâm lãnh đạo chỉ đạo của các cấp ủy chính quyền, sự chỉ đạo của cơ quan cấp trên. Cơ sở vật chất, điều kiện hoạt động của hệ thống Tuyên giáo và một số chính sách đã được quan tâm đúng mức.

- Hệ thống tổ chức bộ máy cán bộ toàn binh chủng từng bước đã được củng cố kiện toàn và hoạt động đi vào chiều sâu.

- Tinh thần trách nhiệm và vai trò công tác tham mưu giúp cấp ủy chính quyền được phát huy tác dụng trong mọi lĩnh vực hoạt động.

- Hoạt động đồng bộ của các kênh thông tin tuyên truyền với mọi hình thức phong phú đa dạng và có sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các ban Xây dựng Đảng và các ngành đoàn thể từ tỉnh đến các huyện, thị tạo thành sức mạnh tổng hợp cho công tác Tuyên giáo đạt được kết quả trên.

- Công tác thi đua khen thưởng đã được chú trọng nên đã xuất hiện nhiều nhân tố tích cực trong các phong trào thi đua lao động sản xuất và nâng cao chất lượng hiệu quả, tình hình an ninh chính trị ổn định.

2. Khuyết điểm tồn tại

- Công tác tuyên truyền giáo dục ở một số cấp ủy cơ sở đôi lúc còn coi nhẹ, sự hiểu biết về chính sách, pháp luật ở một bộ phận nhân dân còn hạn chế, nhất là cá cơ sở vùng sâu, vùng xa.

- Tổ chức học tập quán triệt thực hiện các nghị quyết của Đảng ở cơ sở tiến độ còn chậm so với kế hoạch có lúc có nơi chất lượng chưa cao. Xây dựng chương trình hành động còn chung chung chưa cụ thể vào địa phương, đơn vị, nên chất lượng hiệu quả chưa cao chưa đi vào cuộc sống.

- Hoạt động của đội ngũ báo cáo viên chưa đồng đều, vai trò công tác tham mưu cho cấp ủy một số nơi còn yếu và chưa chủ động, thực hiện chế độ báo cáo từ dưới lên chưa thường xuyên và chậm. Ngoài một số đơn vị duy trì chế độ báo cáo đều đặn như: Bát Xát, Văn Bàn, Mường Khương, Bắc Hà... còn lại một số đơn vị gửi báo cáo muộn hoặc không gửi nên gây khó khăn cho việc tổng hợp tình hình.

- Công tác kiểm tra nắm tình hình diễn biến tư tưởng trong nhân dân có lúc chưa kịp thời, do đó xử lý các vụ việc kết quả còn hạn chế.

- Chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ rộng khắp các cơ sở, chưa phát huy được nội lực của toàn dân, tư tưởng một vài nơi còn biểu hiện bản khoán trông chờ, chưa thực sự tin tưởng vào bộ máy chính quyền cơ sở, một số tệ nạn xã hội chưa được ngăn chặn triệt để.

Nguyên nhân của khuyết điểm, tồn tại:

- Trình độ dân trí không đồng đều, điều kiện đi lại khó khăn tư tưởng trông chờ ỷ lại khá nặng nề và bảo thủ trì trệ. Đội ngũ cán bộ Tuyên giáo từ tỉnh đến huyện - đây là lực lượng chính còn thiếu về số lượng và một số đồng chí trưởng ban cấp huyện lại mới được điều động sang nhận nhiệm vụ nên kinh nghiệm còn ít. Trình độ cán bộ Tuyên giáo các cấp và trung tâm bồi dưỡng chính trị còn bất cập nên xử lý các công việc cụ thể còn chậm và hiệu quả thấp.

- Công tác đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và đầu tư cho hoạt động của hệ thống Tuyên giáo chưa đồng bộ.

- Chưa có quy chế khen thưởng đối với hoạt động công tác Tuyên giáo.

Phần ba

CHƯƠNG TRÌNH CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO NĂM 1999

Năm 1999 là năm có tính chất quyết định việc hoàn thành kế hoạch 5 năm, năm có những thử thách và khó khăn của đất nước ta còn rất lớn, gay gắt và phức tạp. Những yếu kém bên trong của nền kinh tế như: Tốc độ tăng trưởng đang có xu thế giảm; đầu tư đang bị thu hẹp, đặc biệt đầu tư từ nguồn vốn bên ngoài, cân đối vĩ mô có những khó khăn, việc làm và thất nghiệp còn là sức ép gay gắt, điều quan trọng là hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp... Cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ dẫn đến suy thoái kinh tế ở một số nước trong khu vực còn diễn biến phức tạp, khí hậu và thời tiết bất thường chưa thể lường trước được.

Tuy nhiên năm 1999, có những thuận lợi to lớn, cơ bản là: Đất nước tiếp tục ổn định về chính trị, kinh tế - xã hội. Tiềm lực kinh tế tiếp tục được nâng lên, kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội được cải thiện, quan hệ hợp tác quốc tế tiếp tục phát triển, uy tín và vị thế quốc tế được nâng cao, quan hệ hợp tác còn nhiều khả năng mở rộng. Những nguồn lực trong nước trong tỉnh còn nhiều tiềm năng lớn, sức lao động tài nguyên đất đai... nguồn vốn trong nhân dân và truyền thống lao

động cần cù sáng tạo của con người phong phú. Những chính sách thể chế đã ban hành cùng với những kinh nghiệm trong lãnh đạo và chỉ đạo điều hành của Đảng và Nhà nước nhất định sẽ vượt qua mọi khó khăn thử thách lớn.

A. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Công tác tuyên truyền

Tiếp tục thực hiện tốt các Nghị quyết Trung ương, đặc biệt là Nghị quyết Trung ương 5, 6 (lần 1) và Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về những vấn đề cấp bách cơ bản trong công tác xây dựng Đảng và Nghị quyết Trung ương 7 về giai cấp công nhân, nông dân, trí thức và khối liên minh công nông, cùng với Nghị quyết kỳ 11, 12 của Quốc hội và các chính sách, pháp luật khác của Đảng và Nhà nước. Do đó công tác tư tưởng phải tiếp tục nâng cao tinh thần tiến công thực hiện đúng đắn đường lối đổi mới của Đảng theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong hoàn cảnh khó khăn phức tạp.

Công tác Tuyên giáo góp phần tích cực vào chặn đứng đà suy thoái về đạo đức, lối sống trong xã hội theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 5. Triển khai mạnh mẽ các nghị quyết đổi mới công tác truyền đạt cho phù hợp với từng loại đối tượng tăng cường thông tin và tăng cường đối thoại đi sát cơ sở.

Tuyên truyền giáo dục thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 của Tỉnh ủy: Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Xây dựng con người phát triển toàn diện, có tư tưởng đạo đức lối sống, trong sạch, lành mạnh. Xây dựng và phát triển môi trường văn hóa trong sạch lành mạnh, củng cố vững chắc thể chế văn hóa, bảo tồn phát huy di sản và truyền thống văn hóa của các dân tộc trong tỉnh.

Tuyên truyền kỷ niệm những ngày lễ lớn trong năm. Đặc biệt là kỷ niệm năm chẵn: Chiến thắng Điện Biên Phủ và ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, 30 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch

Hồ Chí Minh, 30 năm ngày mất của Bác, phát động truyền thống xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nêu gương điển hình tiên tiến và phong trào thi đua yêu nước.

Đấu tranh chống các quan điểm sai trái, bảo vệ đường lối Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, giáo dục đề cao cảnh giác đối với khuynh hướng chính trị sai lầm với việc đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận và đấu tranh lý luận làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân có những nhận thức đúng và phân biệt rõ phải trái đúng sai. Chủ động tiến công phê phán kịp thời các luận điệu cơ hội và thù địch, khắc phục khuyết điểm yếu kém, bảo đảm sự đoàn kết nhất trí trong Đảng trong nhân dân.

- Thực hiện các giải pháp đồng bộ, toàn diện, huy động sức mạnh tổng hợp trong xã hội tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng chính trị, ra sức phát triển kinh tế, văn hóa cải thiện đời sống nhân dân, đấu tranh có hiệu quả với các luận điệu thù địch.

Đổi mới nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, của các phương tiện thông tin đại chúng và tăng cường củng cố mạng lưới tuyên truyền viên ở cơ sở hoạt động có hiệu quả.

Duy trì và thực hiện tốt chế độ giao ban an ninh tư tưởng theo định kỳ và hội nghị báo cáo viên hằng tháng để thông tin tình hình và nắm bắt kịp thời mọi diễn biến trong tỉnh, phản ánh đề cấp ủy ra những chủ trương và biện pháp chỉ đạo đúng.

2. Tổ chức học tập bồi dưỡng các chương trình và quán triệt thực hiện các nghị quyết của Đảng

- Kiểm tra đôn đốc thực hiện chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 5, 6, 7 đạt hiệu quả, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống.

- Chuẩn bị tài liệu, soạn thảo kế hoạch hướng dẫn và tổ chức học tập Nghị quyết Trung ương 6, 7 trong Đảng, trong nhân dân đạt kết quả cao.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất: Đội ngũ cán bộ giảng dạy trong các trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị; đẩy mạnh công

tác bồi dưỡng nghiệp vụ về những kiến thức giáo dục mới; tổ chức hội thi giảng viên giỏi và rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác giảng dạy đạt hiệu quả.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo chương trình cho các đối tượng, nâng cao năng lực trí tuệ cho đội ngũ cán bộ chủ chốt cơ sở về nhận thức và lãnh đạo quản lý điều hành đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đặc biệt cần quan tâm đội ngũ cán bộ vùng sâu, vùng xa.

3. Hoạt động công tác Khoa giáo

- Kiểm tra đôn đốc các cấp, các ngành cần tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện các nghị quyết của Trung ương, các thông tri, chỉ thị của Bộ Chính trị và chương trình hành động của Tỉnh ủy về công tác Khoa giáo.

- Về giáo dục - đào tạo: Tập trung vào chương trình phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ và tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các trường lớp, đặc biệt cần quan tâm đến các cơ sở vùng sâu vùng xa, kể cả về đội ngũ giáo viên trong biên chế.

- Về y tế: Đầu tư tốt hơn cho các chương trình phòng, chống dịch bệnh tăng cường năng lực chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân ở tuyến cơ sở.

- Về dân số kế hoạch hóa gia đình: Chuyển mạnh hoạt động dân số kế hoạch hóa gia đình lên các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa.

- Về bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em, cần có sự quan tâm đúng mức đến các chương trình học tập và bảo vệ sức khỏe trẻ em, nhất là cho trẻ em vùng sâu vùng xa.

- Hoạt động khoa học - công nghệ - môi trường, tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện các quan điểm mục tiêu Nghị quyết Trung ương 2 và Chỉ thị 36 đã chỉ ra, tăng cường các chương trình áp dụng vào tiến bộ công nghệ, vào sản xuất và đời sống, đặc biệt cho nông nghiệp và nông thôn.

- Hoạt động thể dục, thể thao cần chú ý cả hai lĩnh vực nâng cao chất lượng các hoạt động thể thao với thành tích cao, đồng thời chăm lo mở rộng phong trào thể dục, thể thao tuyến cơ sở.

4. Công tác nghiên cứu biên soạn lịch sử Đảng

- Hoàn thành biên soạn cuốn *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Lào Cai* tập III (1976-1996), kịp thời phục vụ cho Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ III.

- Đẩy mạnh công tác chỉ đạo biên soạn và hoàn thành xuất bản lịch sử Đảng bộ huyện, thị, ban, ngành trong tỉnh. Tái bản có sửa chữa: *Lịch sử Đảng bộ huyện Văn Bàn* (tập I), *Lịch sử huyện Sa Pa* (tập II) và *Truyền thống lịch sử Phụ nữ Lào Cai*, hoàn thành bản thảo tổng kết công tác tiểu phỉ Lào Cai.

- Tăng cường công tác nghiên cứu học tập lịch sử Đảng bộ địa phương cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh.

5. Công tác văn hóa văn nghệ

- Về văn hóa:

Tập trung vào việc đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa. Trọng tâm là xây dựng gia đình văn hóa, cơ quan, làng bản, xã, phường văn hóa. Tạo ra nhiều hoạt động văn hóa văn nghệ, đi sâu khai thác phát huy truyền thống văn hóa các dân tộc trong tỉnh. Quan tâm đầu tư tốt hơn cho việc quy hoạch và xây dựng các thiết chế văn hóa, củng cố các Ban văn hóa tư tưởng xã, phường.

- Nâng cao chất lượng các hoạt động thông tin báo chí, thực hiện tốt Chỉ thị 22 của Bộ Chính trị, bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương, đáp ứng nhu cầu thông tin văn hóa của nhân dân.

- Nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa văn nghệ, tạo ra phong trào sôi nổi trong quần chúng nhân dân, có nhiều sáng tác hay phản ánh kịp thời, sinh động cuộc sống đổi mới của nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý văn hóa, giữ vững môi trường văn hóa trong sạch lành mạnh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 43-BC/TU, ngày 4-1-1999

Sơ kết một năm thực hiện Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng tại Đảng bộ tỉnh Lào Cai

Ngày 14-2-1998, Bộ Chính trị đã có Chỉ thị 29-CT/TW về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai tổ chức quán triệt, chỉ đạo thực hiện trong toàn Đảng bộ kết quả như sau:

I. TỔ CHỨC QUÁN TRIỆT, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ 29 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

1. Đối với Tỉnh ủy

- Sau khi có Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng và Hướng dẫn số 07-HD/KT, ngày 19-3-1998 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp quán triệt và xác định rõ mục đích, ý nghĩa tầm quan trọng công tác kiểm tra của Đảng nói chung, nhiệm vụ công tác kiểm tra của cấp ủy nói riêng trước yêu cầu lãnh đạo của Đảng hiện nay. Đồng thời đã ra Chỉ thị số 08-CT/TU, ngày 27-3-1998 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh và cấp ủy cơ sở có trách nhiệm tổ chức thực hiện nghiêm túc chỉ thị của Bộ Chính trị.

Xây dựng bổ sung chương trình công tác kiểm tra năm 1998 của các cấp ủy để thực hiện cho phù hợp với Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng.

- Tỉnh ủy Lào Cai đã xây dựng chương trình công tác kiểm tra năm 1998 của Ban Chấp hành Tỉnh ủy và Hướng dẫn 26-HD/KT của Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy về thực hiện chương trình công tác kiểm tra năm 1998 của Tỉnh ủy. Nội dung hướng dẫn đã nêu cụ thể về mục đích, yêu cầu, nội dung, thời gian, quy mô tổ chức lực lượng kiểm tra của Tỉnh ủy và các tổ chức đảng trên phạm vi toàn tỉnh tổ chức thực hiện.

Nhận thức ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác kiểm tra thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị, ngoài chỉ đạo chung toàn Đảng bộ. Căn cứ vào tình hình thực tế cả các Đảng bộ trực thuộc và tình hình của tổ chức đảng cơ sở, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quyết định năm 1998 thành lập 3 đoàn kiểm tra của Tỉnh ủy tiến hành kiểm tra toàn diện đối với 3 đảng bộ huyện, đó là: Đảng bộ huyện Than Uyên, huyện Bảo Thắng, huyện Bảo Yên. Nội dung kiểm tra tập trung vào kiểm tra 4 nội dung lớn: Kiểm tra việc thực hiện các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh, về củng cố và xây dựng hệ thống chính trị của Đảng bộ, thực hiện Nghị quyết 01-NQ/TU, ngày 15-1-1997 của Tỉnh ủy Lào Cai về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 1996-2000 và Chương trình 327, định canh định cư. Tỉnh ủy đã trưng tập 40 cán bộ của các ban Đảng thuộc Tỉnh ủy và một số ngành chức năng tham gia 3 đoàn kiểm tra tại 3 huyện. Phân công 3 đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy làm trưởng 3 đoàn và 3 đồng chí Tỉnh ủy viên làm phó đoàn trực tiếp chỉ đạo thực hiện. Chỉ đạo chung cuộc kiểm tra của Tỉnh ủy Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy và đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Thường trực Ban chỉ đạo.

- Tiếp đó, ngày 13-4-1998 Tỉnh ủy Lào Cai đã tổ chức hội nghị Ban Chấp hành Tỉnh ủy mở rộng đến các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư

Thường trực, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, Trưởng ban Tuyên giáo, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc. Bí thư các Đảng đoàn, các Ban cán sự Đảng, giám đốc các ban, ngành của tỉnh, các ban Đảng thuộc Tỉnh ủy và giám đốc các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh để quán triệt Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, Chỉ thị 08-CT/TU, ngày 27-3-1998 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, hướng dẫn thực hiện chỉ thị của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy. Dự hội nghị có 160 đồng chí đại biểu. Sau khi quán triệt đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đã giao trách nhiệm cho các đồng chí đại biểu, các cấp ủy Đảng trực tiếp chỉ đạo thực hiện tốt Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng năm 1998 của Đảng bộ đạt kết quả.

2. Đối với các Đảng bộ huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc

- Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, sau khi tiếp thu ở hội nghị của tỉnh 15/15 Đảng trực thuộc tỉnh đã tổ chức được hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ mở rộng đến các đồng chí Bí thư, Chủ tịch, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, thủ trưởng cơ quan và một số các đơn vị kinh tế đóng trên địa bàn để quán triệt Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, Chỉ thị 08-CT/TU, ngày 27-3-1998 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Hướng dẫn thực hiện số 07-HD/KT của Ủy ban Kiểm tra Trung ương ngày 19-3-1998, Hướng dẫn 26-HD/KT của Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy về thực hiện chương trình công tác kiểm tra năm 1998 của Tỉnh ủy để thực hiện (riêng 3 huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Than Uyên do đoàn kiểm tra của Tỉnh ủy cùng với Huyện ủy tổ chức thực hiện). Đồng thời các Đảng bộ cũng đã xây dựng mới hoặc bổ sung những nội dung mới theo tinh thần Chỉ thị 29 vào chương trình kiểm tra của Ban Chấp hành Đảng bộ năm 1998 (trong đó có 8 Đảng bộ xây dựng bổ sung chương trình kiểm tra, 7 Đảng bộ xây dựng mới chương trình kiểm tra của cấp ủy năm 1998). Quá trình tổ chức quán triệt và kiểm tra thực hiện chỉ thị, chương

trình kiểm tra của cấp ủy có 8 Đảng bộ thực hiện sớm, đó là huyện Bát Xát, thị xã Lào Cai, huyện Bắc Hà, Sa Pa, Bảo Yên, Bảo Thắng, Văn Bàn và Đảng ủy các cơ quan tỉnh (như vậy là có 100% Đảng bộ trực thuộc tỉnh đã triển khai thực hiện, đơn vị chậm nhất là đầu tháng 7-1998 triển khai xong).

- Đối với các các chi, đảng bộ cơ sở trong toàn tỉnh tính đến tháng 8-1998 đã có 379/534 tổ chức cơ sở đảng đạt 70,97% được học tập, quán triệt chỉ thị của Bộ Chính trị, của Tỉnh ủy và xây dựng được chương trình kiểm tra của cấp ủy năm 1998 theo tinh thần Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng để tổ chức thực hiện.

- Tổng số cấp ủy viên các cấp được quán triệt là 1.908/2.373 đồng chí đạt 80,4% (trong đó cấp ủy tỉnh được quán triệt 47/47 đồng chí đạt 100%, số cấp ủy của 15 Đảng bộ trực thuộc được quán triệt 327/367 đồng chí đạt 89,1%, số cấp ủy cơ sở được quán triệt là 1.534/1.959 đồng chí đạt 78,13%).

Những Đảng bộ trực thuộc tỉnh có tỷ lệ cao và số tổ chức đảng và đảng viên được quán triệt chỉ thị là: Đảng bộ Quân sự tỉnh, Đảng bộ Biên phòng tỉnh, Đảng bộ các cơ quan, Đảng bộ huyện Mường Khương, Văn Bàn, Sa Pa, Bảo Thắng, Đảng bộ Công ty Apatit Việt Nam.

3. Tổ chức kiểm tra chỉ đạo thực hiện

Để đảm bảo hiệu quả việc thực hiện các chương trình kiểm tra của các Đảng bộ và của Tỉnh ủy theo tinh thần Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo.

- Đối với 3 đoàn kiểm tra của Tỉnh ủy Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao cho Ban chỉ đạo kiểm tra của Tỉnh ủy trực tiếp và thường xuyên chỉ đạo, thời gian thực hiện kiểm tra là 4 tháng (từ 1-7 đến 31-10-1998) mốc thời hiệu kiểm tra là năm 1996, năm 1997 và 6 tháng đầu năm 1998 (từ Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II tới nay).

- Đối với các Đảng bộ trực thuộc khác căn cứ vào tình hình thực tế của Đảng bộ, của cơ sở và nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ để tổ

chức lực lượng kiểm tra, xây dựng nội dung kiểm tra sát hợp với tình hình và tổ chức kiểm tra có hiệu quả, tránh hình thức.

- Về phương thức kiểm tra: Để đảm bảo tính khách quan, sâu sát, kịp thời của công tác kiểm tra, Tỉnh ủy yêu cầu 3 huyện được kiểm tra cần có sự phối hợp thống nhất với đoàn. Các cấp ủy và tổ chức cơ sở đảng trong diện kiểm tra cần thực hiện tốt phương châm là tự kiểm tra, kiểm tra phối hợp và tiến hành đồng thời. Kiểm tra đến đâu bỏ khuyết, uốn nắn, chỉnh sửa, tháo gỡ và xử lý ngay đó để nâng cao hiệu quả kiểm tra, tạo được niềm tin cho cán bộ, đảng viên và nhân dân...

II. KẾT QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH KIỂM TRA NĂM 1998 CỦA CẤP ỦY, THỰC HIỆN CHỈ THỊ 29-CT/TW CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ CHỈ THỊ 08-CT/TU CỦA TỈNH ỦY

1. Kết quả thực hiện chương trình kiểm tra của Tỉnh ủy

(Phần này có báo cáo riêng của Tỉnh ủy đánh giá về kết quả kiểm tra của 3 đoàn).

2. Thực hiện chương trình kiểm tra của các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc

- Sau khi quán triệt chỉ thị của Bộ Chính trị, của Tỉnh ủy và triển khai thực hiện. Các Đảng bộ đã thông qua chương trình kiểm tra năm 1998 của cấp ủy và chọn điểm kiểm tra, xây dựng kế hoạch thực hiện. Đã thành lập 38 đoàn kiểm tra, kiểm tra 165 tổ chức cơ sở đảng chiếm 30,1% số tổ chức đảng trong toàn tỉnh. Các đoàn đều do các đồng chí là ủy viên Ban Thường vụ hoặc ủy viên Ban Chấp hành lãnh đạo cùng một số cán bộ các ban của Đảng, đoàn thể, ngành của huyện, thị tham gia. Đặc biệt Tỉnh ủy Lào Cai đã chỉ đạo và xây dựng chương trình kiểm tra thực hiện theo tinh thần Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, huy động 40 cán bộ các ban, ngành của tỉnh kiểm tra toàn diện đối với 3 Đảng bộ: Bảo Thắng,

Bảo Yên, Than Uyên về: phát triển kinh tế - xã hội, công tác củng cố xây dựng quốc phòng và an ninh, củng cố xây dựng hệ thống chính trị, thực hiện Nghị quyết 01-NQ/TU, ngày 15-1-1997 của Tỉnh ủy Lào Cai về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 1996-2000, thực hiện Chương trình 327, định canh định cư trên địa bàn huyện. Đã giúp các huyện đánh giá thực trạng tình hình của Đảng bộ và giải quyết, tháo gỡ những khó khăn ở cơ sở. Xây dựng định hướng phấn đấu vươn lên trong những năm tới.

- Nội dung kiểm tra tuy các Đảng bộ có khác nhau do xuất phát từ tình hình thực tế của mỗi Đảng bộ, nhưng đều thể hiện nội dung chung là: kiểm tra theo tinh thần Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Có 5 Đảng bộ thực hiện kiểm tra toàn diện (như nội dung kiểm tra của Tỉnh ủy) đó là huyện Bắc Hà, Bát Xát, Sa Pa, Mường Khương, Văn Bàn. Ngoài kiểm tra chung tổ chức cơ sở đảng có 3 Đảng bộ còn kiểm tra cá nhân cấp ủy viên về phẩm chất và phong cách lãnh đạo (Văn Bàn kiểm tra 3 đồng chí huyện ủy viên, 41 đồng chí cấp ủy viên cơ sở, Đảng ủy Quân sự kiểm tra 13 đồng chí cấp ủy, Sa Pa kiểm tra 23 đồng chí bí thư; 17 đồng chí chủ tịch xã).

- Với quá trình kiểm tra ở mỗi Đảng bộ. Tuy thời gian tiến hành, tổ chức lực lượng, quy mô kiểm tra, phương pháp kiểm tra và kết quả kiểm tra có khác nhau, nhưng đều đã đem lại hiệu quả thiết thực, thể hiện chung là:

Thứ nhất: Các Đảng bộ đã tập trung vào trọng tâm là kiểm tra đánh giá tình hình phát triển kinh tế - xã hội của huyện, thị và một số tổ chức cơ sở đảng. Qua kiểm tra đã khẳng định: nhìn chung với quá trình thực hiện các các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, tình hình kinh tế - xã hội đã có bước phát triển và khởi sắc nhưng còn chậm so với yêu cầu. Đời sống nhân dân nhiều nơi còn khó khăn chưa được cải thiện đáng kể. Trong quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế ở nông thôn trong điều kiện không còn tổ chức hợp tác xã thì vai trò lãnh đạo kinh tế

của chính quyền cấp xã, thôn, bản hiện nay rất lúng túng, thụ động. Hoạt động dịch vụ cho sản xuất nông nghiệp và công tác khuyến nông tuy có nhiều cố gắng nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu của sự chuyển đổi kinh tế trong nông thôn hiện nay. Việc phát huy nội lực đẩy mạnh phát triển kinh tế còn hạn chế, tư tưởng bao cấp ỷ lại trông chờ Nhà nước còn nặng... Từ đó cấp ủy các cấp đã đánh giá, làm rõ nguyên nhân để có biện pháp phấn đấu. (Đảng bộ huyện Mường Khương kiểm tra 3 Đảng bộ, Sa Pa kiểm tra 23 chi bộ, Văn Bàn kiểm tra 4 Đảng bộ về thực hiện kinh tế - xã hội).

Thứ hai: Đã chỉ đạo kiểm tra công tác quốc phòng và an ninh của Đảng bộ và một số xã trọng điểm. Qua kiểm tra đánh giá được những ưu điểm cơ bản về thực hiện nhiệm vụ công tác này của mỗi Đảng bộ. Nhưng một số tồn tại nổi lên cần được quan tâm chỉ đạo, đó là: Công tác tổ chức cán bộ, xây dựng lực lượng và tổ chức huấn luyện theo phương án chiến đấu một số nơi còn yếu. Cần tăng cường giáo dục nâng cao cảnh giác, chống bạo loạn, tiêu cực xã hội và lĩnh vực kinh tế, chống tội phạm và giải quyết kịp thời đơn thư khiếu kiện của nhân dân. Đã ngăn chặn xử lý có hiệu quả việc lợi dụng tôn giáo tuyên truyền đạo trái phép ở một số nơi thuộc Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát... việc thu hồi và quản lý quỹ quốc phòng và an ninh, qua kiểm tra đã có một số nơi vi phạm. Phần lớn các xã chưa thu được quỹ quốc phòng và an ninh, quỹ giáo dục theo nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định (Có 8 Đảng bộ thực hiện nội dung kiểm tra này là Bảo Thắng, Mường Khương, Bắc Hà, Bát Xát, Sa Pa, Văn Bàn, Bảo Yên, Than Uyên...).

Thứ ba: Kiểm tra đối với việc củng cố và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở. Nhìn chung đa số cấp ủy, chính quyền cơ sở đã phát huy được vai trò lãnh đạo, quản lý điều hành. Vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân được phát huy. Song thực tế qua kiểm tra cũng cho thấy: năng lực tổ chức thực hiện các thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước của nhiều tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể ở cơ sở (nhất là vùng sâu vùng

xa) còn rất hạn chế; nhiều nơi chính quyền cấp xã không chủ động được công việc của mình; nhiều nghị quyết, chính sách của Đảng chưa đến dân. Quy chế dân chủ chưa được tôn trọng thực hiện ở cơ sở. Tư tưởng quan liêu, mất dân chủ đang xuất hiện không chỉ ở cán bộ cấp huyện, thị mà cả ở cấp cơ sở (ví dụ như: có phường bán cả Trạm xá thu 12 triệu đồng, thu quỹ an ninh được 7 triệu đồng và thu một số lệ phí khác đã tùy tiện đem chi hết, không vào sổ sách theo dõi mà các ngành quản lý của thị xã ngay cả Đảng ủy phường cũng không được biết, mãi cho đến đợt kiểm tra này mới được phát hiện). Nhiều sai phạm có tính chất phổ biến như: Vấn đề quản lý đất đai, quản lý xây dựng cơ bản thực hiện các dự án kinh tế - xã hội; việc thu phí, lệ phí giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân chưa được cấp ủy, chính quyền cơ sở giải quyết kịp thời dẫn đến sự mất niềm tin của nhân dân và việc đơn thư vượt cấp ngày càng tăng, phương thức lãnh đạo của Đảng bộ cơ sở và hoạt động của các đoàn thể quần chúng còn nhiều lúng túng chưa đáp ứng được yêu cầu hiện nay. Trình độ của cán bộ cơ sở còn hạn chế (nhất là vùng sâu vùng xa) cả về văn hóa, nhiệm vụ chuyên môn. Công tác sinh hoạt của chi bộ chưa đều, đấu tranh tự phê bình và phê bình còn yếu làm hạn chế vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng. Nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng trong lãnh đạo, trong sinh hoạt có một số nơi còn vi phạm. Quy chế làm việc của cấp ủy chưa được chấp hành nghiêm túc theo quy định. Nhận thức và thực hiện công tác kiểm tra của cấp ủy cơ sở còn hạn chế. Nhiều nơi hoạt động yếu và thụ động về phương hướng, cách làm. Công tác giáo dục tư tưởng và truyền tải các chỉ thị, nghị quyết của Đảng chưa thực sự được đổi mới ở một số huyện và cấp cơ sở. Nội dung giảng dạy, truyền đạt còn dập khuôn, chưa sát hợp với từng đối tượng để nhận thức và tiếp thu có kết quả (qua kiểm tra cơ sở, huyện Bắc Hà đã quyết định thay thế 3 bí thư cơ sở, bố trí lại 2 chủ tịch, 2 phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã do vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ). Huyện Bảo Thắng xử lý kỷ luật 3 chi, đảng bộ cơ sở và một số cấp ủy, đảng viên.

III. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Thực hiện chương trình công tác kiểm tra năm 1998 của Đảng bộ tỉnh và của các Đảng bộ trực thuộc tỉnh theo tinh thần Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng, Hướng dẫn số 07-HD/KT của Ủy ban Kiểm tra Trung ương ngày 19-3-1998. Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo các Đảng bộ quán triệt chỉ thị, nâng cao nhận thức về công tác kiểm tra của cấp ủy. Xây dựng được chương trình kiểm tra của mỗi cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở và tổ chức thực hiện có kết quả. Trong quá trình thực hiện, các đoàn kiểm tra đều cố gắng bám sát các nội dung, các vấn đề trọng tâm theo kế hoạch, từng giai đoạn đều tiến hành sơ kết rút kinh nghiệm, cuối các đợt đều tổng kết, đánh giá và xây dựng chương trình khắc phục các tồn tại mà các đoàn kiểm tra kết luận.

- Ủy ban Kiểm tra các cấp đã làm tốt công tác tham mưu giúp cấp ủy trong việc tổ chức quán triệt chỉ thị, xây dựng và bổ sung chương trình kiểm tra của cấp ủy năm 1998 đồng thời theo dõi giúp cấp ủy đôn đốc thực hiện, sơ kết. Do đó nâng cao được hiệu quả trong quá trình thực hiện chương trình kiểm tra của mỗi cấp ủy.

- Quá trình kiểm tra đã giúp cho Tỉnh ủy nói riêng, các cấp ủy Đảng nói chung đánh giá, hiểu đúng được thực trạng tình hình chấp hành các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và các hoạt động khác hiện nay ở cơ sở. Để từ đó có những định hướng, biện pháp, chủ trương chỉ đạo có hiệu quả và kịp thời, nhất là những vấn đề mắc về cơ chế, những việc nổi cộm bức xúc ở cơ sở cần phải được tháo gỡ ngay. Nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, năng lực lãnh đạo của cấp ủy, đổi mới được phương thức lãnh đạo của Đảng. Tạo được lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, góp phần tích cực vào việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ và công tác xây dựng Đảng. Chuẩn bị cho việc thực hiện kế hoạch nhà nước năm 1999 và năm 2000 đạt kết quả.

2. Khuyết điểm tồn tại

- Bên cạnh nhiều cấp ủy tổ chức đảng, tổ chức thực hiện tốt Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị và chương trình kiểm tra của cấp ủy. Còn một số Đảng bộ chỉ đạo chưa tập trung, thực hiện còn hình thức, qua loa, chiếu lệ. Chưa có chuyển biến về nhận thức và hành động sau kiểm tra. Một số cuộc kiểm tra thời gian thì ngắn, nội dung kiểm tra lại nhiều, năng lực trình độ cán bộ hạn chế, không tập trung vào trọng tâm trọng điểm do đó mà hiệu quả tác dụng còn hạn chế, một số cuộc kiểm tra chưa đảm bảo quy trình thực hiện, còn mang tính kiểm tra đôn đốc là chủ yếu.

- Nhiều nơi cấp ủy kiểm tra kết luận xong nhưng không có biện pháp chỉ đạo để giải quyết các tồn tại đã kiểm tra một cách kiên quyết nên hiệu quả công tác kiểm tra chưa cao. Việc đôn đốc và phối hợp của các huyện với một số ngành chức năng của tỉnh trong việc giải quyết tồn tại ở cơ sở đã được kết luận qua kiểm tra chưa nghiêm túc.

III. NHỮNG BÀI HỌC KINH NGHIỆM VÀ PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC KIỂM TRA CỦA CẤP ỦY CÁC CẤP NĂM 1999

1. Một số bài học kinh nghiệm rút ra qua 1 năm thực hiện Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị

- Cần phải đẩy mạnh hơn nữa việc phổ biến quán triệt các quan điểm của Đảng về tăng cường công tác kiểm tra theo tinh thần Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị và Điều 30 Điều lệ Đảng. Từng bước đưa hoạt động kiểm tra trở thành một bộ phận không thể thiếu được trong phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp từ Trung ương tới cơ sở. Kiểm tra để đánh giá cấp dưới đồng thời kiểm tra cũng là để đánh giá lại chính sự lãnh đạo và chỉ đạo của cấp mình.

- Về nội dung: Hoạt động lãnh đạo của cấp ủy các cấp rất rộng và toàn diện, do vậy có thể kiểm tra toàn diện đối với cơ sở cấp dưới hoặc kiểm tra theo từng chuyên đề tùy theo yêu cầu cụ thể và tình hình ở

mỗi địa phương, mỗi cấp ủy. Nhưng nguyên tắc chung là: hằng năm mỗi cấp ủy nên chọn ra một số vấn đề trọng yếu mà xét thấy cần thiết phải tiến hành kiểm tra, đánh giá hoặc kiểm tra giải quyết được các vấn đề đó sẽ tháo gỡ được những khó khăn cho cơ sở, tạo động lực thúc đẩy việc thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Có thể tiến hành kiểm tra trên các lĩnh vực như phát triển kinh tế - xã hội, việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng ở cơ sở, công tác quản lý an ninh, kinh tế trên biên giới, công tác chống tham nhũng và buôn lậu, công tổ chức cán bộ và xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở...

- Về phương pháp: Theo kinh nghiệm cho thấy cần xác định nội dung kiểm tra sao cho thời gian thực hiện mỗi cuộc kiểm tra của cấp ủy dao động từ 30-45 ngày tối đa không quá 3 tháng. Trước khi tiến hành kiểm tra cần chuẩn bị thật tốt các điều kiện như: xây dựng nội dung, chương trình kế hoạch kiểm tra cụ thể; quán triệt tập huấn cho cán bộ kiểm tra, các yêu cầu cụ thể đối với đơn vị được kiểm tra... Những vấn đề đó càng được chuẩn bị kỹ lưỡng bao nhiêu cuộc kiểm tra sẽ tiến hành thuận lợi, nhanh gọn có hiệu quả bấy nhiêu.

- Sau khi kết thúc các đợt kiểm tra việc giải quyết các tồn tại theo kết luận của đoàn kiểm tra và cấp ủy là một khâu quan trọng quyết định hiệu quả chung của công tác kiểm tra. Đặc biệt việc khắc phục, tháo gỡ, giải quyết các tồn tại trong lĩnh vực kinh tế, công tác củng cố tổ chức bộ máy hay cán bộ đều không đơn giản. Do vậy, phải đề ra các giải pháp thật cụ thể có phân công bộ phận theo dõi đôn đốc để các kết luận được thực hiện nghiêm túc.

2. Phương hướng công tác kiểm tra năm 1999 của cấp ủy các cấp

- Tỉnh ủy không đặt ra chương trình kiểm tra chung cho tất cả các tổ chức Đảng trực thuộc mà yêu cầu mỗi huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc căn cứ vào nội dung Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị, Hướng dẫn số 07-HD/KT của Ủy ban Kiểm tra Trung ương ngày 19-3-1998, Chỉ thị 08-CT/TU, ngày 27-3-1998 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào

Cai và căn cứ vào điều kiện cụ thể của đơn vị mình mà xác định các nội dung, các vấn đề cần kiểm tra cho sát hợp.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy lưu ý các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc trong khi xây dựng chương trình kiểm tra năm 1999 cần quan tâm đến một số lĩnh vực sau đây:

+ Về lĩnh vực kinh tế - xã hội:

Quan tâm tập trung kiểm tra đánh giá việc thực hiện một số mục tiêu cơ bản của Đại hội Đảng bộ cấp mình đã đề ra đến năm 2000 như: Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp gắn với phát triển kinh tế hàng hóa, phong trào kinh tế trang trại, kinh tế vườn ao chuồng rừng và chương trình “xóa đói, giảm nghèo” trong nông thôn, nhất là nông thôn vùng cao; các mục tiêu về giáo dục: chương trình phổ cập tiểu học xóa mù chữ, các chương trình quốc gia về y tế địa bàn.

+ Về lĩnh vực an ninh quốc phòng:

Quan tâm kiểm tra xem xét vấn đề quản lý an ninh biên giới, xây dựng các xã biên giới vững mạnh, các chương trình đấu tranh với các hoạt động lợi dụng tôn giáo trong đồng bào các dân tộc vùng cao.

+ Về công tác cán bộ và xây dựng hệ thống chính trị:

Kiểm tra đánh giá đội ngũ cán bộ để có quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ cho trước mắt và cho sau năm 2000; kiểm tra việc hoạt động của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở và các giải quyết củng cố.

- Giao cho Văn phòng Tỉnh ủy và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy theo dõi đôn đốc việc thực hiện các chương trình kiểm tra của Tỉnh ủy và các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc và thường xuyên báo cáo với Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Tỉnh ủy để có biện pháp chỉ đạo kịp thời, có hiệu quả.

Trên đây là kết quả 1 năm thực hiện Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng tại Đảng bộ tỉnh Lào Cai. Tuy còn có những mặt hạn chế nhưng bước đầu đã tạo ra những kết quả rất phấn khởi; nhận thức về công tác kiểm tra của Đảng được nâng cao rõ rệt và rộng khắp từ cấp ủy tỉnh đến cơ sở,

nhiều vấn đề vướng mắc trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và công tác xây dựng hệ thống chính trị được quan tâm tháo gỡ, chế độ dân chủ ở cơ sở được cải thiện đáng kể... Tất cả những kết quả đó đã góp phần làm cho vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp được nâng lên, quần chúng nhân dân các dân tộc ngày càng tin tưởng hơn vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Để tiếp tục phát huy những thành tích đạt được trong năm 1998. Tỉnh ủy Lào Cai yêu cầu các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, các Ban cán sự, đảng đoàn và toàn thể đảng viên trong toàn Đảng bộ tiếp tục thực hiện tốt hơn nữa Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị ở đơn vị mình trong năm 1999.

Làm cho tổ chức đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II đề ra.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 47-BC/TU, ngày 12-1-1999

Sơ kết đánh giá 1 năm thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội

Qua 1 năm quán triệt triển khai thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, Tỉnh ủy Lào Cai tổ chức sơ kết đánh giá kết quả thực hiện theo một số nội dung sau:

I. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ VIỆC QUÁN TRIỆT, TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHỈ THỊ 15-CT/TW

1. Thuận lợi

- Hệ thống tổ chức bảo hiểm xã hội trong toàn tỉnh đã được kiện toàn và đang phát huy hiệu quả, đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức trong ngành sau gần 2 năm thực hiện nhiệm vụ đã phần nào quen với công việc và cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

- Việc thực hiện các chế độ chính sách bảo hiểm xã hội theo cơ chế quản lý mới như: chế độ kế toán, chế độ quản lý thu, chi và xét duyệt hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội đã được vận hành và đi vào nền nếp.

- Bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai luôn luôn được sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo của Bộ Chính trị, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các

ngành liên quan ở Trung ương; sự ủng hộ nhiệt tình của các cơ quan đơn vị và chủ sử dụng lao động trên toàn địa bàn. Đó là điều kiện cốt yếu để tạo điều kiện cho bảo hiểm xã hội hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch hàng năm.

2. Khó khăn

- Trình độ của cán bộ không đồng đều, có nhiều người chưa được đào tạo cơ bản về chính sách bảo hiểm xã hội cũng như công tác tài chính kế toán bảo hiểm xã hội nên còn lúng túng trong thực hiện, lực lượng cán bộ, viên chức của ngành đang được cử đi đào tạo và đào tạo lại nên đã làm gián đoạn công tác, ảnh hưởng tới chất lượng công việc được giao.

- Các công ty, xí nghiệp, doanh nghiệp của Lào Cai phần lớn chưa mạnh, còn nhiều cơ sở làm ăn chưa có lãi, sản phẩm làm ra tiêu thụ chậm, lương cho công nhân còn thấp và chưa ổn định. Một số đơn vị sản xuất kinh doanh còn làm ăn kém hiệu quả, bị thua lỗ giải thể không có khả năng nộp bảo hiểm xã hội, việc chuyển đổi chế độ tiền lương mới theo Nghị định 28-CP và Thông tư 13-LĐ/TBXH ở nhiều đơn vị chưa được thực hiện do điều kiện kinh doanh khó khăn... cho nên làm ảnh hưởng lớn tới công tác thu nộp và giải quyết chế độ chính sách cho người lao động.

3. Việc quán triệt và tổ chức thực hiện

Sau khi có Chỉ thị 15-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã họp và xác định vai trò, vị trí và tầm quan trọng của chính sách bảo hiểm xã hội trong tình hình mới, đó là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước, góp phần đảm bảo ổn định cuộc sống cho người lao động, đảm bảo ổn định về chính trị và trật tự, an toàn lao động, thúc đẩy việc phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đất nước và bảo vệ tổ quốc. Thực hiện tốt chính sách bảo hiểm xã hội có nghĩa là quan tâm chăm lo đến cuộc sống con người từ lúc mang thai, sinh đẻ, khi ốm đau, bệnh

tận, tai nạn rủi ro cho đến khi về hưu, già cả và qua đời. Quỹ bảo hiểm xã hội được trích ra từ nguồn quỹ tiền lương của những người lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội trong đơn vị, trong đó cả người sử dụng lao động và người lao động phải có nghĩa vụ đóng góp xây dựng quỹ, Nhà nước hỗ trợ một phần và được hình thành một quỹ độc lập, nằm trong hệ thống quỹ tiền tệ thuộc ngân sách nhà nước.

Quán triệt chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh ủy đã phổ biến, triển khai nội dung chỉ thị đến các ủy viên ban chấp hành. Trên cơ sở nghiên cứu, nắm vững từng nội dung, nhiệm vụ của chỉ thị đã đề ra, đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế địa phương. Tỉnh ủy Lào Cai đã ra Công văn số 64-CV/TU, ngày 3-7-1997 chỉ đạo các cấp, các ngành, các địa phương tổ chức tốt việc quán triệt và triển khai thực hiện nhiệm vụ về công tác bảo hiểm xã hội trên địa bàn, cơ quan phụ trách. Trong đó Tỉnh ủy nhấn mạnh: Phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng ở cơ quan đơn vị, doanh nghiệp trong việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động, trọng tâm là thu nộp bảo hiểm xã hội, hàng tháng đảm bảo thu đúng, thu đủ và kịp thời. Thực hiện nguyên tắc có tham gia thì mới được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội. Các cấp ủy Đảng định kỳ nghe lãnh đạo cơ quan bảo hiểm xã hội báo cáo việc thực hiện công tác bảo hiểm xã hội để uốn nắn, chấn chỉnh kịp thời các sai sót trong quá trình thực hiện. Các ngành thông tin tuyên truyền tăng cường công tác tuyên truyền giáo dục cán bộ, đảng viên nhân dân nhận thức đúng về ý nghĩa của bảo hiểm xã hội, động viên mọi người tích cực chủ động tham gia công tác bảo hiểm xã hội.

Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, các cấp ủy Đảng trong toàn tỉnh đã có biện pháp triển khai thực hiện trong các hội nghị ban chấp hành huyện, thị ủy và các hội nghị của các chi, đảng bộ cơ sở về nội dung Chỉ thị 15-CT/TW và Công văn 64-CV/TU. Theo kết quả báo cáo, đã có 100% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành việc triển khai, học tập và thực hiện chỉ thị của Đảng, đồng thời các phương tiện thông tin đại chúng đã có nhiều tin bài nhằm tuyên truyền cho chính sách quan trọng nói

trên của Bộ Chính trị. Do vậy các cấp ủy Đảng và toàn thể cán bộ, đảng viên đã nhận thức một cách đầy đủ, toàn diện về các chính sách bảo hiểm xã hội, quan tâm chỉ đạo và tạo mọi điều kiện để hệ thống bảo hiểm xã hội từ tỉnh đến cơ sở thực hiện có hiệu quả chức năng, nhiệm vụ và tính chất hoạt động của bảo hiểm xã hội trong thời kỳ mới phù hợp với tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC SAU MỘT NĂM THỰC HIỆN CHỈ THỊ 15-CT/TW. MỘT SỐ TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Kết quả

Dưới sự lãnh đạo và chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ trong công tác thu, chi bảo hiểm xã hội của các cấp, các ngành hữu quan, có thể khẳng định rằng: Việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội trên toàn địa bàn qua một năm thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW cơ bản đạt được những kết quả nhất định. Bước đầu góp phần cho người lãnh đạo giải quyết khó khăn lúc ốm đau, già cả, rủi ro.... người lao động đã thấy rõ được mục đích, ý nghĩa, lợi ích của chính sách bảo hiểm xã hội mà Đảng và Nhà nước đã đề ra.

Những kết quả nổi bật về thực hiện các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội đó là:

a) Về công tác thu bảo hiểm xã hội:

Thu bảo hiểm xã hội được xác định là nhiệm vụ trọng tâm nhất trong hệ thống bảo hiểm xã hội, là chỉ tiêu chính để đánh giá kết quả hoạt động bảo hiểm xã hội, đồng thời là cơ sở để giải quyết tốt các chế độ chính sách cho các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội. Trong một năm qua, thực hiện chỉ thị của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy Lào Cai đã chỉ đạo ngành Bảo hiểm xã hội căn cứ vào quy định của Điều lệ bảo hiểm xã hội và sự chỉ đạo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam để đôn đốc các huyện, thị, các đơn vị sử dụng lao động làm tốt công tác tuyên truyền, hướng dẫn các đơn vị lập danh sách lao động, quỹ tiền lương đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, đồng thời kết hợp bằng nhiều biện

pháp, nhiều hình thức khác nhau như tuyên truyền, giải thích, vận động, đôn đốc, kiểm tra nhằm phấn đấu để đạt được kế hoạch Trung ương giao.

Năm 1997 toàn tỉnh có 408 đơn vị sử dụng lao động với 22.701 lao động, thu bảo hiểm xã hội được 18.271 triệu đồng đạt 115,24% kế hoạch năm, số nợ đọng so với năm 1996 giảm 7,57%.

Năm 1998 có 430 đơn vị sử dụng lao động với 23.226 lao động tham gia bảo hiểm xã hội tăng hơn so với năm 1997 là 22 đơn vị sử dụng lao động với 525 lao động, thu bảo hiểm xã hội của toàn tỉnh được 20.894,7 triệu đồng đạt 104,97% kế hoạch năm, số nợ đọng của các đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội trong năm giảm hơn so với cùng kỳ năm 1997. Đặc biệt trong năm 1998, thực hiện chương trình của bảo hiểm xã hội về mở rộng các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội đến các lao động thuộc các thành phần kinh tế, tỉnh đã chỉ đạo hệ thống bảo hiểm xã hội trong tỉnh tiến hành khảo sát, nắm tình hình số lao động, tiền lương của người lao động làm việc trong các đơn vị, tổ chức ngoài quốc doanh trên địa bàn toàn tỉnh, đồng thời tiến hành mở hội nghị triển khai thực hiện công tác thu bảo hiểm xã hội. Mặt khác mở hội nghị liên ngành giữa bảo hiểm xã hội và các ngành có liên quan để phối hợp thực hiện. Kết quả năm 1998 đã có 6 doanh nghiệp ngoài quốc doanh và 1 đơn vị liên doanh với nước ngoài với 92 lao động đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội, bước đầu đã có 80 lao động của 3 đơn vị thực hiện nộp từ quý III năm 1998 bằng 62,9 triệu đồng, mặt khác việc thực hiện thu bảo hiểm xã hội đối với cán bộ xã, phường cũng được triển khai từ quý IV năm 1998. Đây là một cố gắng lớn của bảo hiểm xã hội các cấp trong tỉnh.

b) Công tác chi trả bảo hiểm xã hội:

Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác thu, tỉnh đã chỉ đạo ngành bảo hiểm xã hội tổ chức giải quyết tốt các chế độ chính sách cho đối tượng hưởng bảo hiểm xã hội và người lao động được kịp thời, đảm bảo chính xác, thực hiện điều chỉnh tiền lương mới theo Nghị định 06-CP cho các đối tượng hưởng chính sách theo yêu cầu chỉ đạo của Trung

ương. Tổ chức tốt việc kiểm tra rà soát, sắp xếp lại hồ sơ đối tượng hưởng chính sách một cách khoa học, thuận tiện, từng bước đưa dần việc lưu trữ hồ sơ và quản lý trên máy tính. Tập trung giải quyết dứt điểm các chế độ chính sách tồn đọng của các đối tượng còn vướng mắc về bảo hiểm xã hội mà trước đây chưa được hưởng bảo hiểm xã hội hoặc được hưởng nhưng chưa đúng, nay được tính lại theo tinh thần Công văn 565-CV của Bảo hiểm xã hội Việt Nam. Đây là thể hiện sự quan tâm chỉ đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác bảo hiểm xã hội góp phần làm ổn định tình hình đời sống chính trị trên địa bàn.

- Chỉ đạo hệ thống bảo hiểm xã hội từ tỉnh đến cơ sở thực hiện tốt công tác chi trả, với số tiền hàng tháng gần 4 tỷ đồng cho các đối tượng đang nghỉ hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội và các chế độ chính sách cho số lao động thuộc các đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội trên địa bàn tỉnh. Tổ chức chi trả đến tận thôn, bản, xã, phường với phương châm tăng dần việc chi trả trực tiếp, giảm dần các hình thức chi trả qua đại lý. Đến nay đã có 70% số đối tượng chính sách được nhận tiền trực tiếp do cơ quan bảo hiểm xã hội chi trả. Việc chi trả cho các đối tượng chính sách được đảm bảo an toàn, kịp thời, đủ số lượng và trao tận tay. Các đối tượng chính sách được nhận tiền sớm hơn từ 7-10 ngày so với trước, do đó đã động viên kịp thời và kích thích mọi người trong việc tham gia bảo hiểm xã hội, chế độ quản lý thu, chi tài chính ngày càng được thực hiện an toàn và chặt chẽ hơn.

c) Các nội dung công việc khác:

- Để đảm bảo cho công tác thu, chi bảo hiểm xã hội đúng nguyên tắc, tỉnh đã chỉ đạo ngành bảo hiểm xã hội tổ chức tốt việc cấp phát sổ bảo hiểm xã hội đợt 1 và đợt 2 và đợt 3 nhanh chóng, kịp thời đúng quy định, chính xác từ khâu thẩm định duyệt tờ khai đến việc ghi và cấp sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động. Qua 3 năm đã cấp được 24.031 sổ cho người lao động đạt 100% kế hoạch đề ra, trong đó số lao động ngoài quốc doanh đã được cấp sổ bảo hiểm xã hội là 52 lao động. Thực hiện nghiêm việc đối chiếu, ghi xác nhận sổ bảo hiểm xã hội hàng năm cho lao động tham gia bảo hiểm xã hội theo từng mức lương.

- Chỉ đạo tổ chức tốt việc kiểm tra thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội trên địa bàn toàn tỉnh theo kế hoạch kiểm tra định kỳ và thường xuyên đã xây dựng đầu năm để kịp thời phát hiện, uốn nắn những sai sót, bổ sung và từng bước hoàn thiện phương pháp chỉ đạo thực hiện, nhằm thực hiện tốt những quy định về quản lý quỹ bảo hiểm xã hội và các chính sách bảo hiểm xã hội trên địa bàn toàn tỉnh.

- Tổ chức tốt công tác tiếp dân và giải quyết kịp thời các đơn thư khiếu nại, tố cáo của các đối tượng, không để tình trạng đơn thư tồn đọng hoặc đơn thư khiếu kiện vượt cấp, qua đợt kiểm tra thực hiện Nghị định 89-CP của Chính phủ, do Thanh tra tỉnh Lào Cai chủ trì, Bảo hiểm xã hội Lào Cai được đánh giá là đơn vị thực hiện tốt.

- Bảo hiểm xã hội từ tỉnh đến cơ sở đã thực hiện tốt công tác thông tin, báo cáo định kỳ và thường xuyên với cấp ủy, tham mưu kiến nghị, đề xuất những giải pháp, biện pháp tổ chức thực hiện. Do đó đã đảm bảo cho các cấp ủy Đảng nắm chắc hoạt động của hệ thống bảo hiểm xã hội trên địa bàn, để từ đó có sự lãnh đạo, chỉ đạo cho phù hợp và kịp thời. Trong năm qua, cấp ủy các cấp đã thường xuyên quan tâm, theo dõi hoạt động của bảo hiểm xã hội trên địa bàn phụ trách. Do đó đã kịp thời động viên khích lệ những cố gắng mà bảo hiểm xã hội đã đạt được, đồng thời chấn chỉnh, uốn nắn những sai sót mà một số cơ sở bảo hiểm xã hội mắc phải, chỉ đạo các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý nhà nước thực hiện tốt việc trích nộp bảo hiểm xã hội cho người lao động và chi trả trợ cấp cho các đối tượng chính sách, quản lý quỹ bảo hiểm xã hội, tạo điều kiện cho bảo hiểm xã hội hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Công tác thông tin tuyên truyền đã được tăng cường đẩy mạnh, các cấp, các ngành, đặc biệt là cơ quan thông tin đại chúng, Đài Phát thanh - Truyền hình của tỉnh và Đài truyền thanh ở các huyện, thị đã quan tâm đến việc thông tin tuyên truyền về chế độ chính sách bảo hiểm xã hội nhằm nâng cao trình độ của toàn dân nói chung, của cán bộ, đảng viên nói riêng nhận thức đúng hơn về bảo hiểm xã hội. Từ đó nâng cao được ý thức trách nhiệm, nhận thức được sự chuyển biến

đổi mới trong công tác bảo hiểm xã hội, đồng thời động viên mọi người tích cực chủ động tham gia công tác bảo hiểm xã hội.

2. Một số tồn tại

- Công tác bảo hiểm xã hội tuy đã được Đảng và Nhà nước quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo, được các cấp, các ngành phối hợp, tạo điều kiện, nhưng nhìn chung nhận thức của người lao động và của một số cấp, ngành về công tác bảo hiểm xã hội chưa đầy đủ, chưa hiểu hết được các chế độ chính sách bảo hiểm xã hội, nên bước đầu thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội kết quả chưa cao.

- Còn một số đơn vị, cơ quan, doanh nghiệp thực hiện việc trích nộp bảo hiểm xã hội chưa kịp thời, cá biệt còn có đơn vị sản xuất kinh doanh chưa thực hiện việc tham gia đóng bảo hiểm xã hội theo đúng luật định, tình trạng nợ đọng kéo dài, không nộp hoặc nộp thiếu bảo hiểm xã hội, đã làm ảnh hưởng đến việc giải quyết chế độ chính sách bảo hiểm xã hội cho người lao động trên địa bàn, ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện kế hoạch thu, chi bảo hiểm xã hội. Tồn tại này trước hết thuộc về trách nhiệm chỉ đạo của các cấp ủy đảng đặc biệt là cấp ủy cơ sở.

- Việc mở rộng các đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội đối với số lao động làm việc tại các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trên địa bàn toàn tỉnh, chưa được quan tâm chỉ đạo thực hiện một cách có hiệu quả, nên đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội còn ít, chưa thu hút và chưa mở rộng được phạm vi đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.

Nguyên nhân của những tồn tại này là:

- Do quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý quỹ bảo hiểm xã hội cho phù hợp với nền kinh tế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, đồng thời có những thay đổi về chất so với cơ chế bao cấp trước đây, do đó khó tránh khỏi những tồn tại, khó khăn cả về nhận thức, cũng như quá trình tổ chức thực hiện.

- Việc tổ chức quán triệt, nhằm làm cho mọi cán bộ, đảng viên và công nhân, viên chức hiểu rõ tầm quan trọng của việc thực hiện các

chế độ bảo hiểm xã hội, ở một số cơ quan, đơn vị, xí nghiệp, doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp ngoài quốc doanh thiếu triệt để, còn nông cạn, sơ sài. Sự lãnh đạo của cấp ủy ở những cơ sở này còn yếu, chưa thực hiện tốt sự phối hợp về cơ chế giữa Đảng lãnh đạo và Nhà nước quản lý. Cho nên, hoặc là buông lơi sự lãnh đạo, hoặc là phó mặc cho chính quyền, thiếu kiểm tra, đôn đốc uốn nắn trong quá trình thực hiện.

- Việc đẩy mạnh phát triển sản xuất, tăng nguồn hàng và chất lượng hàng hóa, tăng nhanh tiêu thụ sản phẩm, giải quyết tốt vấn đề đầu ra, đầu vào của hàng hóa, giải quyết tốt vấn đề lương cho công nhân, viên chức... ở một số doanh nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh còn khó khăn, vướng mắc do vậy cũng làm ảnh hưởng không nhỏ đến việc thực hiện chế độ tham gia bảo hiểm xã hội cho người lao động.

III. PHƯƠNG HƯỚNG CHỈ ĐẠO VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHỈ THỊ 15-CT/TW TRONG THỜI GIAN TỚI

Để tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội theo tinh thần của Chỉ thị 15-CT/TW của Bộ Chính trị và Công văn 64-CV/TU của Tỉnh ủy Lào Cai về tăng cường lãnh đạo của Đảng và chính quyền các cấp về việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội. Tỉnh ủy Lào Cai yêu cầu các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp thực hiện tốt một số công tác sau:

1- Cấp ủy Đảng và chính quyền các cấp phải coi đây là một công tác quan trọng cần được quan tâm chỉ đạo chặt chẽ sát sao xây dựng chương trình nội dung cụ thể, hướng dẫn thực hiện và kiểm tra đôn đốc kịp thời, cần tăng cường chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức đầy đủ, ý nghĩa trách nhiệm và quyền lợi của người lao động trước hết mỗi đảng viên trong chi bộ phải gương mẫu thực hiện chính sách, chế độ bảo hiểm xã hội.

2- Thông qua các kỳ họp cấp ủy, chi bộ cần kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các nội dung Chỉ thị 15-CT/TW, kịp thời uốn nắn những

thiếu sót, đồng thời có chương trình kiểm tra việc thực hiện ở các chi, đảng bộ.

3- Các cấp ủy đảng, chính quyền từ tỉnh đến các cơ sở phải quy định việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội là một trong những tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá xếp loại chi, đảng bộ trong sạch, vững mạnh và phân tích chất lượng đảng viên đồng thời là tiêu chuẩn để xét thi đua cơ quan đơn vị và tổ chức quần chúng hằng năm.

4- Tiếp tục tổ chức chỉ đạo kiểm tra thực hiện có hiệu quả về thu bảo hiểm xã hội và thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động đối với số đơn vị và số lãnh đạo tại các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đã đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội thực hiện nộp bảo hiểm xã hội, đồng thời tuyên truyền mở rộng thêm đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội. Làm tốt công tác thu nộp bảo hiểm xã hội đối với cán bộ xã, phường theo Nghị định số 09/1998/NĐ-CP, ngày 23-1-1998 của Chính phủ.

5- Bảo hiểm xã hội tỉnh và Bảo hiểm xã hội các huyện, thị có kế hoạch, biện pháp đề xuất với cấp ủy Đảng chính quyền địa phương để xin ý kiến chỉ đạo, mặt khác chủ động phối hợp chặt chẽ thường xuyên với các ngành, các địa phương tổ chức tuyên truyền, phổ biến rộng rãi chính sách chế độ bảo hiểm xã hội của Nhà nước để mọi người lao động trong mọi thành phần kinh tế nhận rõ quyền lợi, trách nhiệm của mình để tự giác tham gia đóng bảo hiểm xã hội, đồng thời tích cực tham gia kiểm tra quản lý bảo hiểm xã hội đảm bảo đúng chế độ chính sách Nhà nước quy định.

- Tiếp tục củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy để thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả, đảm bảo thu đủ, quản lý tốt quỹ bảo hiểm xã hội và chi trả kịp thời đúng chính sách, đúng đối tượng, tăng cường công tác đào tạo cán bộ, viên chức, xây dựng kế hoạch, quy hoạch đào tạo cán bộ trước mắt và lâu dài cho ngành để đáp ứng kịp thời yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Trên đây là báo cáo đánh giá sơ kết 1 năm thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của Bộ Chính trị và Công văn 64-CV/TU của Tỉnh ủy Lào Cai

về việc tăng cường lao động thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội và phương hướng chỉ đạo trong thời gian tới của các cấp ủy Đảng trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Tỉnh ủy yêu cầu cấp ủy, chính quyền các cấp trong tỉnh phát huy những thành tích đã đạt được, tiếp tục chỉ đạo các các chi, đảng bộ cơ quan, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ kinh tế - xã hội của Đảng góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa làm cho dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh mà Đảng, Bác Hồ, nhân dân ta hằng mong muốn.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 46-BC/TU, ngày 18-1-1999

**Về tình hình công tác năm 1998, phương hướng
nhiệm vụ công tác năm 1999**

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÔNG TÁC NĂM 1998

A. NHỮNG THUẬN LỢI VÀ KHÓ KHĂN KHI BƯỚC VÀO THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, MỤC TIÊU CỦA NĂM 1998

Thuận lợi:

Sau một số năm thực hiện đổi mới toàn diện trên các lĩnh vực, cùng với cả nước, chúng ta đã xác định rõ hướng đi. Ban Chấp hành Đảng bộ đã bám sát tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII và đặc biệt là Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4 để xây dựng các chương trình hành động, đề ra các nhiệm vụ, mục tiêu trong năm 1998 sát hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Vị trí địa lý - kinh tế có tính thế mạnh của tỉnh đã được Chính phủ khẳng định và quan tâm đầu tư, cả về cơ chế, chính sách và các nguồn vốn.

Cơ chế thị trường có sự quản lý và điều hành của Nhà nước đã và đang hình thành rõ nét hơn trên địa bàn tỉnh ở hầu hết các ngành kinh tế. Một số công trình công nghiệp, công trình thuộc về kết cấu

hạ tầng kinh tế - xã hội, được đầu tư từ những năm trước đây, nay được đưa vào sử dụng, đã tạo nên sự tăng trưởng rõ nét về lực lượng sản xuất.

Quan hệ sản xuất mới đã được khẳng định, góp phần tạo lập niềm tin trong nhân dân các dân tộc, đối với sự nghiệp đổi mới đất nước, do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

Khó khăn:

Nền kinh tế của cả nước bị sụt giảm, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế khu vực, đã hạn chế các nguồn vốn đầu tư trên địa bàn, trong đó có nguồn vốn đầu tư tập trung của ngân sách nhà nước.

Sản xuất nông - lâm nghiệp vẫn bị chi phối và phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên. Hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn miền núi vốn đã khó khăn nay lại càng trở lên gay gắt hơn trong cơ chế thị trường; sản phẩm phải cộng thêm nhiều chi phí đầu vào nên giá trị cao, khó tiêu thụ hoặc thua lỗ.

Cơ chế chính sách của Trung ương đã thể hiện rõ sự quan tâm, đầu tư có hiệu quả đối với các địa phương miền núi, biên giới như tỉnh ta song vẫn còn những vấn đề chưa phù hợp.

Về chủ quan, chúng ta còn thiếu đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ khoa học - kỹ thuật và công nhân lành nghề thực sự có năng lực, để góp phần thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương.

B. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 1998

I. VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

Quán triệt những nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 4(khoá VIII) và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II, chúng ta tập trung chỉ đạo thực hiện điều chỉnh một bước về cơ cấu đầu tư, chú trọng phát triển nông - lâm nghiệp, từng bước tháo gỡ về cơ chế cho sản xuất công nghiệp, củng cố hệ thống thương nghiệp, phát triển giao thông, nâng cấp mạng lưới thông tin liên lạc và mở thêm nhiều loại hình dịch vụ khác trên địa bàn. Nền kinh tế của tỉnh

vẫn giữ vững nhịp độ tăng trưởng. Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) theo giá so sánh năm 1994 đạt 841,5 tỷ đồng, tăng 6% so với cùng kỳ năm 1997. Trong đó nông - lâm nghiệp tăng 5,2%, công nghiệp - xây dựng cơ bản tăng 2,4%, dịch vụ tăng 9,45 (GDP năm 1997 so với năm 1996 tăng 3,87%). Về tỷ trọng các ngành kinh tế trong GDP: nông - lâm nghiệp 50,64%, công nghiệp xây dựng 18,48%, dịch vụ 30,88%.

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

Ngay từ đầu năm, tranh thủ thời tiết thuận lợi, tỉnh đã chỉ đạo nhân dân tập trung gieo cấy lúa và hoa màu vượt kế hoạch về diện tích. Tăng cường giống lúa, ngô mới có năng suất cao và giống lúa lai lên vùng cao, cây khoai tây đưa vào vụ đông ở nhiều địa phương đạt kết quả tốt, đảm bảo đủ nhu cầu về giống và vật tư cho sản xuất, đồng thời đẩy mạnh chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh... nên năng suất các loại cây trồng chính đều tăng hơn so với năm 1997. Tổng sản lượng lương thực quy thóc cả năm đạt 152.500 tấn, tăng 5.500 tấn so với cùng kỳ năm 1997.

- Cây công nghiệp và cây ăn quả:

Đã trồng mới trên 1.300 ha, đưa tổng diện tích cây công nghiệp các loại lên 7.313 ha tăng 3,06% so với cùng kỳ năm 1997, trong đó: cây chè 1.065 ha, cà phê 168 ha; các loại cây ngắn ngày: lạc 779 ha, đậu tương 3.424 ha, mía 2.424 ha. Tổng diện tích cây ăn quả đến năm 1998 đạt 5.329 ha, tăng 305 ha so với cùng kỳ năm 1997.

- Về chăn nuôi: Đàn gia súc phát triển tương đối ổn định; so với cùng kỳ năm 1997, đàn trâu tăng 3,9%, đàn bò tăng 6,72%, đàn lợn tăng 5,6%. Tuy nhiên, một số bệnh gia súc như: dịch tả, tụ huyết trùng, leptô và bệnh nhiệt thán trâu, bò... vẫn rải rác xảy ra ở một số địa phương làm chết hơn 2.000 con lợn, 130 con trâu, bò.

- Về lâm nghiệp: Đã tích cực triển khai đồng bộ công tác bảo vệ, trồng và chăm sóc rừng. Kết quả trồng rừng tập trung đạt 2.849 ha, trồng cây phân tán 9,2 triệu cây, xấp xỉ đạt mức kế hoạch năm 1998. Giao khoán bảo vệ rừng 104.000 ha. Tỷ lệ tán che phủ đạt 29,8%.

- Công tác triển khai Chỉ thị 287-TTg của Thủ tướng Chính phủ về công tác bảo vệ rừng đã được các cấp, các ngành chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Đã tăng cường các biện pháp ngăn chặn các hiện tượng phá rừng và khai thác lâm sản trái phép, xây dựng dự án phát triển lâm nghiệp theo chương trình 5 triệu ha rừng của Chính phủ, dự án phát triển lâm nghiệp khu vực hành lang biên giới.

Tuy nhiên, điều đáng chú ý là đã xảy ra 34 vụ cháy rừng, gây thiệt hại 587 ha, trong đó có 251 ha rừng tự nhiên, tập trung ở các huyện: Than Uyên, Sa Pa, Bát Xát, Bảo Thắng...

- Về giao đất nông - lâm nghiệp: Toàn tỉnh đã đẩy mạnh công tác giao đất cho các tổ chức cá nhân sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Năm 1998 đã giao được 57.660 ha, vượt 15,55 kế hoạch, trong đó đất nông nghiệp 27.660 ha, đất lâm nghiệp 30.000 ha, tính đến nay toàn tỉnh đã giao được 120.583 ha, đạt tỷ lệ 72,7%. Trong đó đất nông nghiệp 46.316 ha, đạt tỷ lệ 17%.

Tình hình chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp: Đã có 15 hợp tác xã chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh, giải thể 31 hợp tác xã. Các Hợp tác xã chuyển đổi sang hợp tác xã mới đã kiểm kê, xử lý tài sản, công nợ, xây dựng Điều lệ, phương án sản xuất kinh doanh và Đại hội xã viên. Tuy nhiên, một số hợp tác xã chuyển đổi đăng ký kinh doanh chưa đúng luật và các nghị định của Chính phủ dẫn đến tình trạng chuyển đổi còn đơn giản, hình thức, công nợ xử lý chưa dứt điểm, nội dung hoạt động sản xuất kinh doanh - dịch vụ chưa rõ nét.

Về chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp: Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ đã rõ nét. Đã hình thành các vùng lúa ở các huyện và khu vực vùng thấp (Bảo Thắng, Văn Bàn, Bảo Yên, Than Uyên); cây ăn quả ôn đới (Bắc Hà, Sa Pa); cây ăn quả nhiệt đới (Bát Xát, thị xã Lào Cai, Cam Đường, Bảo Thắng, Bảo Yên).

Đẩy mạnh sản xuất khoai tây vụ đông và sản xuất khoai tây xuân lấy giống cho vụ đông; khẳng định được việc đưa khoai tây vào chân ruộng một vụ ở vùng cao có hiệu quả.

2. Sản xuất công nghiệp

Năm 1998, tỉnh đã tăng cường chỉ đạo để tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp nhà nước, tập trung giải quyết những tồn tại về vốn, công nợ, tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm, triển khai các chính sách khuyến khích đầu tư phát triển sản xuất... Do đó sản xuất công nghiệp trên địa bàn có bước tăng trưởng. Dự ước giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn năm 1998 đạt 201 tỷ 196 triệu đồng (theo giá cố định năm 1994) bằng 98,29% kế hoạch, tăng 6,05 so với cùng kỳ năm 1997, trong đó công nghiệp địa phương đạt 96,8 tỷ đồng, tăng 13,58%, công nghiệp của Trung ương đạt 104,1 tỷ đồng, bằng 99,9% kế hoạch năm 1998.

Các sản phẩm chủ yếu có mức tăng trưởng khá như: Khai thác khoáng sản (quặng sắt) tăng 59,95, xi măng tăng 56,8%, bia các loại tăng 59,39%, nước máy tăng 28,5%, đường mật tăng 16,67%.

Đã triển khai thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ về sắp xếp và đổi mới doanh nghiệp nhà nước, tiến hành rà soát, xây dựng phương án sắp xếp và phương hướng hoạt động của các doanh nghiệp nhà nước trong tỉnh. Đã giải quyết thể 2 đơn vị (Xí nghiệp chè Than Uyên và Công ty Vật liệu xây dựng), tách Công ty Thương mại - Du lịch thành 2 công ty: Công ty Thương mại và Công ty Du lịch, chuyển Công ty Môi trường đô thị Lào Cai thành Doanh nghiệp công ích, nghiên cứu để chuyển đổi hình thức sở hữu của Công ty Vận tải ô tô thành Công ty cổ phần.

Về điện: Đã có nhiều cố gắng triển khai xây dựng, phát triển hệ thống điện lưới về các xã, thị trấn nông thôn. Đưa vào khai thác sử dụng đường điện 35 kV Bình Lư - Thân Thuộc - Than Uyên và Lào Cai - Mường Khương; nâng số xã, phường được sử dụng điện lưới quốc gia nên 51 xã. Trực tiếp xây dựng tuyến đường 35kV Mường Khương - Pha Long, Lũng Phình - Si Ma Cai. Tổng sản lượng tiêu thụ điện năm 1998 ước đạt 75 triệu kWh.

3. Về xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, bưu điện

Đã tập trung chỉ đạo rà soát lại việc bố trí vốn cho các công trình, các dự án tăng cường công tác quản lý vốn và chất lượng các công

trình xây dựng cơ bản đẩy nhanh tiến độ thi công đối với những công trình trọng điểm, những công trình cần sớm đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả. Dự ước thực hiện vốn đầu tư trên địa bàn đạt 266 tỷ, bằng 96,45 so với cùng kỳ năm 1997, trong đó nguồn vốn tập trung của Nhà nước 150 tỷ, bằng 91% so với cùng kỳ năm trước.

Về thanh toán vốn trong nước đạt 855 kế hoạch. Huy động vốn trong dân đầu tư xây dựng đường giao thông nông thôn và trường học ước đạt 855 kế hoạch.

Một số tồn tại trong lĩnh vực này là: Công tác giải phóng mặt bằng để phục vụ thi công các công trình ở một số nơi làm chưa kiên quyết, việc phối hợp giữa các chủ đầu tư với chính quyền địa phương chưa chặt chẽ, thiếu đồng bộ, cộng với khó khăn về tình hình thiếu và chậm vốn thanh toán nên hạn chế tiến độ thi công các công trình xây dựng cơ bản. Nguồn vốn nước ngoài giải ngân chậm.

Thực hiện Quyết định 100-QĐ/TTg của Chính phủ về việc áp dụng thí điểm một số chính sách tại một số khu vực cửa khẩu biên giới Lào Cai. Tỉnh đã chỉ đạo xây dựng quy hoạch tổng thể khu vực cửa khẩu biên giới Lào Cai đến năm 2000. Lập kế hoạch bổ sung và triển khai đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, lựa chọn công trình đầu tư, ban hành quy chế xuất nhập khẩu, quy chế liên quan và phát triển du lịch... nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho kinh tế và xã hội khu vực phát triển. Việc thực hiện quyết định của Chính phủ đã và đang từng bước triển khai. Tuy nhiên, công tác triển khai xây dựng các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong khu vực cửa khẩu còn chậm.

Về giao thông vận tải: Các tuyến đường thường xuyên được duy tu bảo dưỡng, một số tuyến được sửa chữa, nâng cấp đáp ứng kịp thời cho nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Đã thường xuyên thực hiện an toàn giao thông theo tinh thần Nghị định 36-CP; 39-CP; 40-CP của Chính phủ, góp phần đảm bảo trật tự xã hội và văn minh đô thị được nâng lên một bước. Năm 1998 đã tăng thêm 3 xã có đường ô tô, đưa tổng số xã có đường ô tô đến trung tâm lên 154 xã.

Mạng lưới thông tin liên lạc ổn định, thông suốt và ngày càng mở rộng, đầu tư thêm thiết bị hiện đại công nghệ cao. Đặc biệt, đã tăng cường các máy điện thoại phục vụ thông tin các xã biên giới, đồn biên phòng và một số xã xa trung tâm tỉnh lỵ, một số mô hình nhà bưu điện - văn hóa được triển khai. Đã lắp thêm 1.261 máy điện thoại, nâng tổng số máy điện thoại trên mạng của toàn tỉnh lên 7.284 máy (bình quân 100 người dân có 1,27 máy điện thoại). Công tác bưu chính, phát hành báo chí có nhiều tiến bộ.

4. Tài chính, ngân hàng, thương mại

+ Tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 116, 5 tỷ đồng bằng 89,3% kế hoạch.

Trong đó:

- Thu nội địa và các loại phí đạt 69 tỷ đồng, bằng 115% kế hoạch.
- Thu thuế xuất nhập khẩu: 21.5 tỷ đồng, bằng 56% kế hoạch.
- Thu khác: 8 tỷ đồng.
- Thu vay vốn đầu tư cơ sở hạ tầng đạt trên 18 tỷ đồng.

+ Tổng thu ngân sách địa phương ước thực hiện 366,9 tỷ đồng, bằng 111,3% kế hoạch.

+ Tổng chi ngân sách địa phương ước thực hiện 365 tỷ đồng, bằng 109,8% kế hoạch.

Đã thực hiện kế hoạch thu, chi ngân sách theo luật định, đi đôi với việc chỉ đạo, đôn đốc các cấp, các ngành tích cực tạo lập nguồn thu, đảm bảo thu đúng, thu đủ và thực hiện nghiêm túc các quy định quản lý về tài chính. Công tác chi ngân sách cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu chi tiêu trong định mức kế hoạch của Nhà nước, giữ vững nhịp độ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Hệ thống ngân hàng, tín dụng đã có nhiều cố gắng đảm bảo đáp ứng nhu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh. Ngân hàng phục vụ người nghèo và quỹ tín dụng nhân dân đã giúp cho một số bộ phận dân cư có vốn để phát triển sản xuất, góp phần thực hiện mục tiêu

“xóa đói, giảm nghèo”. Đã triển khai cho vay vốn đến 22.500 hộ nghèo với tổng dư nợ đạt 42 tỷ đồng.

Đã tiến hành tổng kết 5 năm thực hiện công tác quản lý ngoại hối trên địa bàn, ký và thực hiện thỏa thuận hợp tác thanh toán giữa Ngân hàng Nông nghiệp Lào Cai và Ngân hàng người nước ngoài Văn Nam - Trung Quốc, góp phần tích cực tháo gỡ khó khăn trong thanh toán và thúc đẩy giao lưu hàng hóa, dịch vụ qua cửa khẩu Lào Cai.

Về thương mại - du lịch:

Đã có cố gắng cung ứng các mặt hàng đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và sản xuất của nhân dân. Thương nghiệp quốc doanh đã đáp ứng kịp thời các mặt hàng chính sách phục vụ đồng bào vùng sâu vùng xa. Hàng hóa trên thị trường đa dạng, phong phú; giá cả ít biến động. Đã tổ chức 4 đợt dán tem các mặt hàng nhập khẩu, đảm bảo yêu cầu và tiến độ theo quy định.

Kinh doanh xuất nhập khẩu có nhiều cố gắng, giá trị tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 9,4 triệu USD, bằng 85,7% kế hoạch, trong đó giá trị xuất khẩu đạt 5,255 triệu USD, bằng 81,9% kế hoạch và tăng 47% so với cùng kỳ năm 1997.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được, chúng ta cần nhận thức rõ những tồn tại, yếu kém trong lĩnh vực phát triển kinh tế, đó là:

- Tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế có xu hướng bị chững lại; tỷ trọng công nghiệp xây dựng cơ bản trong cơ cấu GDP năm 1998 giảm 0,26%, nông- lâm nghiệp tăng 0,08%. Một số mục tiêu quan trọng về kinh tế còn có khoảng cách khá xa so với mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II đã đề ra (thu ngân sách, xuất nhập khẩu...).

- Công tác chỉ đạo thực hiện mục tiêu “xóa đói, giảm nghèo” gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo tinh thần Nghị quyết 01-NQ/TU, ngày 15-1-1997 của Tỉnh ủy Lào Cai về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 1996-2000 còn chậm, một số địa phương chưa cụ thể hóa nghị quyết của tỉnh, chưa có chương trình, kế hoạch thực hiện, việc chỉ đạo chuyển đổi mô hình hợp tác xã nông nghiệp còn chậm, vẫn trong tình trạng lúng túng.

- Các doanh nghiệp của tỉnh nhìn chung còn rất khó khăn trong sản xuất - kinh doanh, đặc biệt về vốn, thị trường và công nghệ, do đó hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp. Một số doanh nghiệp vẫn trong tình trạng thua lỗ kéo dài (như Xí nghiệp gạch tuynel, Công ty xi măng...) tình trạng lãng phí năng lực, thiết bị, công nhân gặp khó khăn. Trong tổng số 43 doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý, thì chỉ có 23 doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả. Vấn đề đáng lưu ý là từ năm 1992 đến năm 1997 tài sản cố định của các doanh nghiệp nhà nước được đầu tư tăng 8,8 lần, song doanh số hoạt động chỉ tăng 3,9 lần, nộp ngân sách tăng 4,3 lần. Tỷ suất lợi nhuận so với tài sản cố định, doanh thu và vốn đầu tư đều trong tình trạng năm sau giảm hơn năm trước.

- Kinh tế ngoài quốc doanh phát triển chậm, quy mô nhỏ bé và nhìn chung chưa được chỉ đạo, định hướng phát triển theo đúng chương trình, mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh. Toàn tỉnh có 108 doanh nghiệp nhà nước và gần 5.000 hộ kinh doanh công thương nghiệp, mức vốn bình quân của 1 doanh nghiệp tư nhân là 264 triệu đồng, chỉ bằng 50% so với mức vốn bình quân của 1 doanh nghiệp tư nhân thuộc khu vực miền núi, trung du.

- Việc xây dựng và liên quan ngân sách xã, phường còn nhiều yếu kém, một số nơi vi phạm nguyên tắc tài chính kế toán. Kết quả thu ngân sách trên địa bàn đạt thấp, thu thuế xuất nhập khẩu chưa tương xứng với khả năng của cửa khẩu Lào Cai.

- Kinh tế du lịch phát triển chậm, một số khâu trong công tác quản lý du lịch chưa chặt chẽ. Dịch vụ phục vụ du lịch còn nhiều hạn chế.

II. PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - GIÁO DỤC - Y TẾ VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Về giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, các cấp, các ngành đã từng bước triển khai

có hiệu quả chương trình hoạt động thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) của Tỉnh ủy. Các mục tiêu lớn về giáo dục - đào tạo trong năm 1998 đã cơ bản hoàn thành và có những mặt vượt kế hoạch

- Tiến độ phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ đã được đẩy nhanh hơn một bước. Kết thúc năm 1998 có thêm 29 xã có khả năng đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ, đưa tổng số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ lên 80-180 xã, phường. Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường năm 1998-1999 đạt 86,3% tăng gần 6% so với năm học 1997-1998.

- Quy mô giáo dục tiếp tục phát triển, chất lượng và hiệu quả giáo dục có nhiều chuyển biến tích cực, số lượng học sinh thi đỗ các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và học sinh giỏi quốc gia tăng hơn so với năm học trước (289 em thi đỗ đại học, cao đẳng, 47 học sinh giỏi quốc gia). Trật tự, kỷ cương dạy và học trong các nhà trường đã được nâng lên một bước. Các điều kiện về cơ sở vật chất cho sự nghiệp giáo dục - đào tạo được tăng cường, đội ngũ giáo viên được củng cố và phát triển cả về số lượng và chất lượng.

Hoạt động khoa học - công nghệ đã từng bước vươn lên tiếp cận với trình độ quản lý, khoa học - kỹ thuật và công nghệ tiên tiến, phục vụ cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Công tác tham mưu, tư vấn, ứng dụng và quản lý khoa học công nghệ đã có tiến bộ trên các lĩnh vực, bảo vệ môi trường sinh thái, điều tra tài nguyên, phát triển nông - lâm nghiệp, công nghiệp và một số vấn đề về khoa học xã hội - nhân văn, khoa học xây dựng Đảng... Công tác thông tin tư liệu và sở hữu công nghiệp, quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng đã bước đầu đi vào nền nếp và phát huy hiệu quả.

Một số khó khăn và tồn tại trong công tác này là: Công tác phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ ở những xã còn lại rất khó khăn, việc phát triển các loại hình trường, lớp tư thục đối với giáo dục mầm non và mẫu giáo chưa được chú ý, chất lượng và hiệu quả giáo dục ở vùng 3 còn rất hạn chế. Cơ sở vật chất trường, lớp vốn đã thiếu, nay do phát triển nhanh về số lượng nên lại càng khó khăn hơn. Tình trạng

dạy thêm, học thêm tùy tiện, thu các khoản lệ phí trái quy định ở một số trường cần phải nhanh chóng được chấn chỉnh.

2. Về y tế

Công tác tiêm phòng dịch bệnh, công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe nhân dân được tiến hành thường xuyên; mạng lưới y tế cơ sở được củng cố thêm một bước. Tuy nhiên ở cơ sở, thuốc chữa bệnh còn thiếu, điều kiện khám chữa bệnh còn nhiều khó khăn. Một số địa phương có dấu hiệu phát sinh dịch thương hàn, lỵ, và sốt rét đã được các cấp ủy, chính quyền và ngành y tế tích cực chỉ đạo phòng, chống bao vây không để lan rộng trên địa bàn.

- Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình đã được triển khai đến cơ sở và từng bước đi vào cuộc sống của nhân dân. Tỷ lệ sinh dự ước đạt 2,87%, giảm 1,1 so với cùng kỳ năm 1997.

3. Công tác văn hóa - thông tin - tuyên truyền

Quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, Tỉnh ủy đã có chương trình hành động và triển khai đến cơ sở, đề ra những nhiệm vụ thiết thực cụ thể nhằm khơi dậy truyền thống văn hóa các dân tộc, đấu tranh chống các tập tục lạc hậu, tệ nạn xã hội, xây dựng làng xã văn minh, gia đình văn hóa.

Hoạt động thông tin tuyên truyền và thể thao đã có những khởi sắc bước đầu phục vụ tích cực các nhiệm vụ của địa phương, từng bước góp phần nâng cao nhận thức, thẩm mỹ, thể lực cho nhân dân các dân tộc. Sự nghiệp phát thanh, truyền hình có bước phát triển rõ nét, năm 1998 đã đưa vào sử dụng thêm 5 trạm tiếp sóng truyền hình trên địa bàn toàn tỉnh, tăng số trạm tiếp sóng truyền hình trên địa bàn toàn tỉnh lên 33 trạm; cùng với 31 trạm truyền thanh, 10 trạm thu tín hiệu TVRO và 12 trạm phát thanh FM... đã góp phần quan trọng chuyển tải thông tin, nâng cao dân trí và đưa các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước vào cuộc sống. So với năm 1997, diện

phủ sóng truyền hình tăng 5% số hộ dân được xem truyền hình tăng 4%. Diện phủ sóng truyền hình trên địa bàn đạt 40,5%. Tổng số hộ được xem truyền hình chiếm tỷ lệ 24,4%, diện phủ sóng phát thanh đạt 70% với 40% tổng số hộ được nghe đài.

Vấn đề đáng quan tâm, lưu ý trong lĩnh vực này là công tác triển khai Chỉ thị 27-CT/TW về thực hiện nếp sống văn minh trong lễ cưới, lễ tang, lễ hội chưa được các cấp, các ngành quan tâm đúng mức, chưa có quy định, hướng dẫn cụ thể để cho cơ sở triển khai.

4. Về đời sống, việc làm của người lao động

- Tình hình đời sống việc làm của người lao động tuy còn nhiều khó khăn, song nhìn chung vẫn giữ mức ổn định. Một số nơi ở vùng thấp, thị xã, thị trấn đã có bước cải thiện rõ nét. Công tác “xóa đói, giảm nghèo” đã được các cấp, các ngành quan tâm, chú trọng hơn. năm 1998 số hộ đói đã giảm 3,35% so với cùng kỳ năm 1997 (tổng số hộ nghèo, đói hiện tại chiếm tỷ lệ 26,8%, trong đó số hộ đói là 6,20%). Việc thực hiện Bộ luật lao động đã được các cấp, các ngành quan tâm hơn. Công tác giải quyết việc có nhiều cố gắng và đạt kết quả khá (đến hết năm 1998 đã triển khai 148 dự án với số vốn dân 6 tỷ đồng, thu hút gần 5.400 lao động, tăng hơn 2 lần so với cùng kỳ năm 1997 và vượt kế hoạch đề ra năm 1998).

+ Các chính sách về xã hội trên địa bàn được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Hoạt động cứu trợ, cứu đói, phòng, chống tệ nạn xã hội... được các cấp, các ngành thường xuyên quan tâm, giải quyết có hiệu quả.

+ Trong năm 1998 do hạn hán, mưa lũ, gió lốc, hỏa hoạn, lở núi đã gây thiệt hại đáng kể về người và tài sản ở nhiều vùng trong tỉnh, làm chết 9 người, mất tích 2 người, thiệt hại về tài sản gần 15 tỷ đồng. Tỉnh đã tổ chức thăm hỏi, cứu trợ kịp thời cho các gia đình bị nạn, tập trung khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra.

5. Tình hình di dịch cư tự do

Đã giảm nhiều so với năm trước, trong năm có gần 300 khẩu di cư đi Đắk Lắk, Sơn La, Hà Giang, Lai Châu, Thanh Hóa, so với năm

1997 tỷ lệ dân di dịch cư tự do chỉ bằng 15%. Có nhiều hộ di cư từ những năm trước, nay trở về nơi ở cũ để làm ăn, sinh sống. Các địa phương có người trở về đã tạo điều kiện từng bước ổn định đời sống cho nhân dân. Công tác điều chuyển, sắp xếp lại dân cư trên địa bàn, đã triển khai được 804 hộ, tăng hơn 3 lần so với năm 1997.

6. Về vấn đề tôn giáo

Một số phần tử xấu vẫn tiếp tục lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền đạo trái phép. Hình thức hoạt động của chúng đã chuyển hướng sang hoạt động ngầm ngấm, nhỏ lẻ, không công khai ồ ạt như trước, song vẫn có nguy cơ lan rộng ra nhiều địa phương trong tỉnh, tập trung ở các huyện Bắc Hà, Bảo Yên, Than Uyên, Bảo Thắng, Bát Xát. Tỉnh ủy đã thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc, các cấp, các ngành và cử nhiều đoàn công tác về những nơi có truyền đạo để giáo dục, giúp đỡ nhân dân ổn định đời sống, phát triển sản xuất. Qua công tác tổng kết thực việc thực hiện Nghị quyết 24 của Bộ Chính trị về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới, nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về tôn giáo và vấn đề lợi dụng tôn giáo đã được nâng lên một bước. Từ đó đã tạo sự nhất trí cao trong việc đánh giá, phân loại đối tượng và có biện pháp quản lý, giáo dục, xử lý phù hợp. Đồng thời đề xuất, kiến nghị với Trung ương một số việc cần thiết, cấp bách để giải quyết vấn đề tôn giáo trên địa bàn.

III. CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

- Tình hình an ninh biên giới, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh được giữ vững, quan hệ đối ngoại tiếp tục được mở rộng, tình trạng buôn lậu và các tai, tệ nạn xã hội có xu hướng giảm hơn so với năm 1997. Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp, các ngành tình hình rà soát, bổ sung hoàn chỉnh các phương án phòng thủ khu vực đi đôi với công tác huấn luyện, và xây dựng lực lượng, nâng cao sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang, củng cố thế trận

quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn, bảo vệ chủ quyền về lãnh thổ, bảo đảm về số lượng và chất lượng, đã trên tổ chức tốt đợt diễn tập khu vực phòng thủ ở 2 huyện Bát Xát và Than Uyên. Từng bước khảo sát xây dựng các khu căn cứ trên địa bàn phòng thủ, thường xuyên kiểm tra, quản lý, bảo vệ tốt các công trình quốc phòng, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu.

Năm 1998 nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã đón nhận danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang cho 6 đơn vị được Nhà nước phong tặng (Muồng Khương, Bắc Hà, Bát Xát, Sa Pa và 2 đơn vị công an) nhiều đơn vị, cá nhân được tặng Huân chương, Huy chương, Bằng khen của Chính phủ làm giàu thêm truyền thống đấu tranh cách mạng của địa phương.

- Công tác bảo vệ nội bộ đã kịp thời phát hiện và xử lý các hoạt động cài cắm móc nối, lôi kéo phá hoại từ bên trong của một số phần tử xấu, tiến hành khảo sát, quản lý cơ sở chính trị 26 xã, phường biên giới.

- Về công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, các cấp ủy chính quyền và các ngành chức năng, đã tiếp 1.518 lượt công dân và nhận được 756 đơn thư (giảm 14% so với cùng kỳ năm 1997). Nội dung chính của đơn thư phản ánh thuộc lĩnh vực đất đai, chế độ chính sách lãnh đạo xã hội, an ninh trật tự xã hội, các vấn đề về công bằng, dân chủ đối với nhân dân, việc vi phạm pháp luật của một số cán bộ ở cơ sở và cán bộ bảo vệ pháp luật. Qua nghiên cứu xem xét đơn thư, đã chuyển 520 đơn đến các cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo luật định, trong đó đã giải quyết xong 217 đơn chiếm tỷ lệ hơn 40%.

- Các lực lượng trong Khối Nội chính đã phối hợp chặt chẽ trong công tác và kịp thời làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp, xử lý có hiệu quả các vấn đề nảy sinh trên địa bàn. Công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án tiến hành khẩn trương hơn. Nhiều vụ trọng án được đưa ra xét xử công khai, kịp thời đã có ý nghĩa giáo dục tích cực và được nhân dân đồng tình ủng hộ.

- Tình hình buôn lậu, buôn bán hàng cấm qua biên giới và trong nội địa đã giảm nhiều. Các lực lượng chống buôn lậu đã tăng cường bán sạt địa bàn, điều tra nắm vững tình hình và đấu tranh có hiệu quả với các đối tượng buôn lậu, vận chuyển hàng hóa trái phép. Năm 1998 đã phát hiện và xử lý 1.305 vụ, trong đó xử lý hành chính 1.270 vụ, hình sự 35 vụ, trị giá hàng hóa vi phạm khoảng 6 tỷ đồng.

- Về công tác đối ngoại: Đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo chặt chẽ. Quan hệ đối ngoại của các cấp ủy Đảng, chính quyền và ngoại giao nhân dân được mở rộng, đã tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho các tổ chức quốc tế, các đoàn khách của tỉnh bạn đến nghiên cứu và khảo sát tình hình ở địa phương, nhằm tăng cường mối quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực, phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Một số vấn đề tồn tại, yếu kém nổi lên trong lĩnh vực này là:

- Chất lượng công tác giáo dục quốc phòng toàn dân và kết quả huấn luyện dân quân tự vệ còn nhiều mặt yếu kém.

- Công tác thi hành án dân sự ở cấp huyện, thị nhìn chung tiến hành chậm (chỉ đạt 45% tổng số vụ việc có điều kiện thi hành). Tình trạng khiếu kiện tập thể có xu hướng gia tăng ở một số nơi. Công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu tố của công dân vẫn còn nhiều tầng nấc trung gian và nhìn chung chậm đổi mới theo yêu cầu thực hiện quyền dân chủ của công dân, như luật pháp đã quy định.

- Tình hình tranh chấp đất đai, tài sản trong nhân dân có chiều hướng gia tăng, có vụ xảy ra khá phức tạp (xã Tả Phìn, huyện Sa Pa).

- Về trật tự, an toàn xã hội: Nhiều vụ phạm pháp hình sự còn nghiêm trọng, tội phạm về tàng trữ, sử dụng vũ khí, chất nổ trái phép và mua bán, vận chuyển các chất ma túy có xu hướng phát triển, tập trung nhiều ở trên tuyến biên giới và các cửa khẩu.

Trong lĩnh vực kinh tế, năm 1998 đã xảy ra 1.161 vụ vi phạm, tăng nhiều lần so với cùng kỳ năm 1997; trong đó đáng lưu ý các vụ vi phạm Pháp lệnh kế toán - thống kê, vi phạm trong công tác quản lý

sử dụng các nguồn vốn đầu tư cho các dự án, đầu tư cho xây dựng cơ bản, xây dựng giao thông nông thôn.

IV. XÂY DỰNG VÀ Củng cố hệ thống chính trị

1. Về chính trị - tư tưởng

Trong bối cảnh tình hình quốc tế và khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, các cấp ủy đã thường xuyên quan tâm đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng, nắm bắt và giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh về tư tưởng, góp phần quan trọng ổn định chính trị - xã hội, ổn định tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Các nghị quyết hội nghị Trung ương 4 và 5, nghị quyết của Tỉnh ủy đã được triển khai đến cơ sở và từng bước vận dụng, cụ thể hóa vào điều kiện thực tế của địa phương đã và đang trở thành động lực quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Thông qua các đợt sinh hoạt chính trị và tổ chức kỷ niệm những ngày lễ lớn, kỷ niệm 40 năm ngày Bác Hồ lên thăm Lào Cai, các cấp, các ngành và các đoàn thể nhân dân đã có nhiều hoạt động sôi nổi, thiết thực và có ý nghĩa giáo dục tích cực đến đông đảo các tầng lớp dân cư.

Hệ thống Trung tâm bồi dưỡng chính trị từ tỉnh đến huyện, thị đã mở được 220 lớp cho 11.484 lượt học viên, nghiên cứu học tập, nâng cao kiến thức về công tác xây dựng Đảng, quản lý nhà nước và công tác vận động quần chúng, trong đó có 257 lượt học viên là cán bộ chủ chốt ở xã, phường, và trưởng thôn, bản. Thông qua đào tạo, trình độ lý luận, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ cơ sở được nâng lên một bước.

Đài Phát thanh - Truyền hình, báo chí, hoạt động văn học - nghệ thuật đã bám sát thực tiễn cuộc sống và các nhiệm vụ chính trị của địa phương, phản ánh, động viên kịp thời những điển hình tốt, chuyển tải kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà

nước đến với nhân dân. Định hướng tư tưởng và đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực trong xã hội.

Công tác tổ chức và cán bộ: Thực hiện Điều lệ Đảng, các cấp ủy đã lãnh đạo và chỉ đạo tiến hành Đại hội đối với các chi, Đảng bộ cơ sở Khối cơ quan hành chính sự nghiệp, lực lượng vũ trang và doanh nghiệp nhà nước. Thông qua Đại hội đã kiện toàn đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở chất lượng của các tổ chức cơ sở đảng được nâng lên một bước cả về trình độ học vấn và bản lĩnh chính trị. Đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TU, ngày 27-5-1997 về xây dựng cơ sở chính trị xã, phường, thị trấn trong sạch, vững mạnh trong toàn tỉnh, đến nay các huyện, thị đang tiến hành sơ kết bước 1 và xây dựng chương trình, kế hoạch để triển khai bước 2. Công tác quan hệ đội ngũ cán bộ ở các cấp, các ngành, các doanh nghiệp đã được các cấp ủy thường xuyên quan tâm, chú trọng. Các ban cán sự Đảng, Đảng đoàn đã được củng cố, kiện toàn thêm một bước. Về công tác cán bộ đã bổ sung thêm Ban Thường vụ và Ban Chấp hành ở một số huyện, thị, đề bạt điều động 29 đồng chí cán bộ diện tỉnh quản, thông báo nghỉ chờ hưu cho 10 đồng chí, cử đi học ở Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh 47 đồng chí.

Công tác kết nạp đảng viên đã được các cấp ủy quan tâm, chỉ đạo chặt chẽ cả về sản lượng và chất lượng thành phần dân tộc và cơ cấu đội ngũ. Năm 1998 đã kết nạp được 1.039 đồng chí, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm 1997, trong đó đảng viên nữ 310 đồng chí, đảng viên là người dân tộc ít người 398 đồng chí. Kết quả phát triển Đảng đã tăng thêm 43 thôn, bản trước đây vào diện “thôn bản trắng” nay đã có đảng viên (toàn tỉnh hiện nay còn 265 thôn, bản trắng giảm 2,3% so với năm 1997. Nâng tổng số đảng viên trong toàn tỉnh lên 14.898 đồng chí. Về chế độ chính sách đối với đảng viên lão thành, đã làm thủ tục tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng cho 39 đồng chí, 50 tuổi Đảng cho 35 đồng chí.

Công tác kiểm tra của Đảng: Đã có sự chuyển biến quan trọng tích cực từ nhận thức đến việc làm thực tiễn. Nhận thức về chức năng

kiểm tra của các cấp ủy Đảng được nâng lên một bước rõ rệt. Hầu hết các cấp ủy Đảng đã xây dựng được chương trình công tác kiểm tra của mình và triển khai, thực hiện kiểm tra theo chuyên đề hoặc toàn diện đối với một số cấp ủy cấp dưới.

Quán triệt nội dung Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng. Tỉnh ủy đã xây dựng chương trình kế hoạch kiểm tra năm 1998 và tiến hành kiểm tra toàn diện đối với 3 Đảng bộ: Bảo Thắng, Bảo Yên, Than Uyên từ ngày 1-7 đến 30-10-1998. Qua công tác kiểm tra đã giúp cho các Đảng bộ trực thuộc nhận thức rõ ưu, khuyết điểm, những vấn đề nổi cộm của Đảng bộ mình trên các lĩnh vực, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và công tác củng cố xây dựng hệ thống chính trị, đồng thời định rõ hướng công tác, phát huy ưu điểm, sửa chữa những tồn tại yếu kém của Đảng bộ trong thời gian tới.

Ủy ban Kiểm tra các cấp đã có nhiều cố gắng, tích cực tham mưu giúp cấp ủy làm tốt chức năng kiểm tra của Đảng. Công tác kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên theo Điều lệ Đảng được tiến hành thường xuyên. Đã tiến hành kiểm tra 218 đảng viên có dấu hiệu vi phạm, tăng 14,6% so với cùng kỳ năm 1997, qua kiểm tra đã xử lý 167 đảng viên, bằng các hình thức; khiển trách 65 đồng chí (38,9%); cảnh cáo 69 đồng chí (41,3%), cách chức 13 đồng chí (7,78%), khai trừ 20 đồng chí (11,9%). Trong số đảng viên bị xử lý kỷ luật có 12 đồng chí diện tỉnh quản, 65 đồng chí diện huyện, thị quản.

Ủy ban Kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra 143 tổ chức đảng cấp dưới về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy, tăng 32,9% so với cùng kỳ năm 1997, trong đó kiểm tra 2 đảng bộ trực thuộc tỉnh, 28 Ban Thường vụ và Đảng ủy cơ sở trực thuộc huyện, thị; 113 chi ủy, chi bộ cơ sở.

Từ những cố gắng, tích cực trong công tác kiểm tra của các cấp ủy, nhận thức về công tác kiểm tra của Đảng được nâng lên một bước.

Về công tác giải quyết đơn thư khiếu tố, đã tiếp nhận và giải quyết xong 101/108 đơn thư khiếu tố đối với cán bộ, đảng viên, chiếm tỷ lệ 93,5%.

Ủy ban Kiểm tra các cấp đã làm tốt công tác kiểm tra tài chính của văn phòng cấp ủy về việc thu nộp, sử dụng đảng phí ở một số đơn vị. Thông qua công tác kiểm tra đã chỉ ra những thiếu sót và uốn nắn kịp thời, giúp cho công tác quản lý tài chính đảng ngày càng tốt hơn.

Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp: Thường xuyên được củng cố kiện toàn, chức năng giám sát của Hội đồng nhân dân ngày càng thể hiện rõ nét, thông qua hoạt động của các kỳ họp và các chương trình giám sát trên các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, y tế - giáo dục và đầu tư phát triển cho vùng đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn... vai trò quản lý điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp được phát huy, năng động nhiều hơn trong việc thể chế hóa các chương trình, nghị quyết của Đảng, giải quyết có hiệu quả những vấn đề cụ thể, bức xúc trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, góp phần củng cố thêm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân: Đã tích cực bám sát cơ sở, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực sự là cầu nối giữa Đảng và Nhà nước với nhân dân. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân như: Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Liên đoàn Lao động, Đoàn Thanh niên tỉnh đã có nhiều việc làm, nhiều chương trình công tác có hiệu quả thiết thực, gắn bó với lợi ích của quần chúng nhân dân ở cơ sở, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, “xóa đói, giảm nghèo” và bảo vệ Tổ quốc.

Tỉnh ủy đã chỉ đạo thắng lợi Đại hội Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân nhiệm kỳ II. Thông qua Đại hội, tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ chủ chốt đã được củng cố kiện toàn thêm một bước, nội dung và phương thức hoạt động ngày càng phong phú, đa dạng, đáp ứng nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân.

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác củng cố xây dựng Đảng chính quyền và các đoàn thể còn bộc lộ một số tồn tại, đó là:

- Việc tổ chức quán triệt, triển khai các nghị quyết của Trung ương Đảng của Tỉnh ủy ở một số nơi còn có biểu hiện làm lướt, tiến độ

triển khai chậm, nhất là đối với công tác sơ, tổng kết việc thực hiện nghị quyết của cấp trên, nội dung sinh hoạt còn nghèo nàn, xơ cứng, không phát huy được vai trò, chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng. Tiến độ “xóa thôn, bản trắng” còn chậm.

- Đội ngũ cán bộ ở cơ sở nhìn chung vừa thiếu lại vừa yếu, do đó quá trình tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị ở cơ sở gặp nhiều khó khăn, lúng túng, hiệu quả thấp.

- Vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp cơ sở còn nhiều hạn chế, chưa thực sự đảm đương được chức năng, nhiệm vụ do pháp luật quy định.

- Sự phối, kết hợp giữa Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở một số nơi chưa tốt, còn có biểu hiện hành chính hóa trong nội dung phương thức hoạt động, quan liêu xa rời thực tế ở cơ sở. Vai trò của các đoàn thể cấp cơ sở còn yếu, cá biệt có nơi chỉ là hình thức, chưa biết tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

Năm 1998, mặc dù còn nhiều khó khăn do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, song Ban Chấp hành Đảng bộ đã đoàn kết nhất trí, tập trung lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh phấn đấu hoàn thành về cơ bản các nhiệm vụ, mục tiêu đã đề ra.

- Nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng (GDP tăng xấp xỉ 6%). Các vùng kinh tế được hình thành ngày càng rõ nét hơn. Sản lượng lương thực tăng 5.500 tấn, giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng 6,0%; giá trị xuất khẩu tăng 47%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế tuy có bị chững lại và một số chỉ tiêu chưa đạt kế hoạch, song những kết quả của năm 1998 đã góp phần quan trọng, khẳng định rõ hướng đi lên và tạo tiền đề thuận lợi cho những năm tiếp theo.

- Hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế, phát thanh - truyền hình tiếp tục phát triển, nhiều vấn đề xã hội đã được tập trung giải quyết có hiệu quả. Tình hình di dịch cư tự do giảm nhiều so với mọi năm, công

tác “xóa đói, giảm nghèo”, tạo thêm việc làm cho nhân dân có nhiều tiến bộ. Đời sống của nhân dân ổn định, một số vùng đã có bước cải thiện rõ nét, nhân dân yên tâm sản xuất và tin tưởng vào đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- Tình hình an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, công tác đối ngoại được mở rộng, đảm bảo đúng nguyên tắc, quy định của Đảng và Nhà nước, đã góp phần quan trọng thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển và bảo vệ chủ quyền biên giới quốc gia.

- Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân đã có những chuyển biến tích cực từ nhận thức đến quá trình chỉ đạo thực hiện. Các nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy từng bước đi vào cuộc sống, tạo nên động lực, phát huy truyền thống và sức mạnh đoàn kết của các dân tộc, trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Nguyên nhân thắng lợi:

- Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã nắm vững tình hình thực tế, quán triệt và vận dụng, cụ thể hóa nội dung các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương và điều kiện thực tế ở địa phương. Vai trò quản lý điều hành của Ủy ban nhân dân, chức năng giám sát, kiểm tra của Hội đồng nhân dân đã có sự năng động và ngày càng phát huy hiệu quả rõ nét.

- Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã phát huy được truyền thống đoàn kết, khắc phục khó khăn, chấp hành tốt thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chương trình kế hoạch và sự chỉ đạo của Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh.

- Một số cơ sở sản xuất và kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng từ những năm trước, nay bước đầu đã phát huy được hiệu quả kinh tế.

Nguyên nhân tồn tại:

- Hệ thống chính trị, năng lực, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên ở một số nơi còn yếu kém. Chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng giáo dục tuyên truyền pháp luật còn nhiều hạn chế.

- Việc tổ chức, quán triệt triển khai thực hiện nghị quyết của Trung ương và của Tỉnh ủy ở một số nơi chưa sâu sắc, chưa thực sự đi vào cuộc sống.

- Một số cấp ngành còn có biểu hiện quan liêu, chưa nắm bắt tình hình cơ sở kịp thời, giải quyết những vấn đề phát sinh từ cơ sở chưa dứt điểm.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 1999

Năm 1999 sẽ có ý nghĩa là thời gian “nước rút” trong kế hoạch 5 năm (1996-2000) mặt khác tình hình kinh tế ở trong nước và tình hình khu vực sẽ có những diễn biến phức tạp, khó lường, do đó ta cần quán triệt phương châm “khẩn trương - phát huy nội lực - tạo môi trường thuận lợi để thu hút mọi nguồn lực từ bên ngoài”, tập trung lãnh đạo và chỉ đạo thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu trọng yếu sau:

I. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ

Tập trung khai thác sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiếp tục duy trì và đẩy mạnh nhịp độ tăng trưởng kinh tế, phấn đấu tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) từ 6-7% so với năm 1998. Tỷ trọng của ngành nông - lâm nghiệp trong cơ cấu GDP là 48%, công nghiệp- xây dựng cơ bản 20%, thương mại - du lịch 32%. Bình quân GDP/người/năm 185 USD.

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

+ Mục tiêu:

- Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp tăng 5-6%
- Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt trên 155.000 tấn.
- Trồng rừng tập trung 1.500 ha, bảo vệ rừng 107.000 ha.
- Khoanh nuôi tái sinh rừng: 6.000 ha.

- Trồng cây phân tán: 10 triệu cây.
- Tỷ lệ tán che phủ của rừng đạt 31%.

+ Nhiệm vụ và biện pháp chủ yếu: Đẩy mạnh chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với mục tiêu “xóa đói, giảm nghèo” theo tinh thần Nghị quyết 01-NQ/TU, ngày 15-1-1997 của Tỉnh ủy Lào Cai về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 1996-2000. Tăng cường đầu tư thâm canh, đưa các loại giống lúa, ngô năng suất cao vào sản xuất ở cả vùng thấp và vùng cao, gắn với việc sắp xếp lại cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, đảm bảo cung ứng đầy đủ vật tư phân bón, thuốc trừ sâu cho sản xuất nông nghiệp.

Tiếp tục mở rộng các vùng cây công nghiệp, cây ăn quả tập trung, chuyên canh, hướng vào các loại cây chè, đậu tương, cây dược liệu, chuối, nhãn, vải, dưa, tích cực nghiên cứu để khẳng định hướng phát triển đối với cây cà phê.

Tăng cường đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất để nâng cao năng suất, sản lượng các loại cây trồng, tăng diện tích trồng các loại rau màu, nhất là các loại cây có củ ở vùng cao.

- Về chăn nuôi: Cần tập trung chỉ đạo phát triển theo hướng sản xuất hàng hóa, ổn định nhịp độ phát triển đàn trâu, bò hàng hóa, phát triển đàn lợn hướng nạc, gắn với việc tìm thị trường tiêu thụ cho các sản phẩm chăn nuôi, sản phẩm từ kinh tế trang trại. Phát triển đàn gia cầm truyền thống theo hướng đổi mới phương thức chăn nuôi. Nghiên cứu cải tạo giống và phòng, chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm. Phấn đấu năm 1999 tăng đàn gia súc từ 2-5%.

- Về lâm nghiệp: Đẩy mạnh công tác trồng rừng tập trung, gắn với chương trình 5 triệu ha rừng của cả nước, chú trọng công tác khoanh nuôi và bảo vệ rừng tăng cường chỉ đạo tốt công tác giao đất, giao rừng gắn với phát triển kinh tế trang trại theo mô hình nông - lâm kết hợp, gắn sản xuất - chế biến với tiêu thụ sản phẩm.

2. Về sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp

Tiếp tục có những tháo gỡ khó khăn cho các cơ sở sản xuất, đặc biệt là đối với những cơ sở làm ăn thua lỗ kéo dài. Chú trọng đầu tư sâu để nâng cao chất lượng sản phẩm, tích cực năng động hơn trong khâu khai thác và mở rộng thị trường tiêu thụ. Tập trung chỉ đạo thực hiện phương án sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, kiểm tra và định hướng hoạt động cho các doanh nghiệp tư nhân và soát lại mạng lưới sản xuất kinh doanh tiểu thủ công nghiệp trên địa bàn. thực hiện cổ phần hóa thí điểm ở một số doanh nghiệp nhà nước để rút kinh nghiệm chỉ đạo cho các năm sau. Phấn đấu tăng giá trị tổng sản lượng công nghiệp trên địa bàn từ 10 đến 12%, trong đó công nghiệp địa phương tăng từ 18-20%.

Về điện: Quan tâm triển khai thực hiện các dự án phục vụ nông thôn, kéo điện thêm đến 10 xã, nâng tổng số xã được sử dụng điện lưới quốc gia lên 61 xã.

3. Về xây dựng cơ bản, giao thông vận tải

Tập trung chỉ đạo thực hiện đổi mới một bước công tác lập kế hoạch và quản lý các nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản. Ưu tiên đầu tư các chương trình phát triển nông thôn, các công trình phúc lợi, khu vực cửa khẩu, cụm kinh tế, các xã biên giới và một số công trình phúc lợi công cộng ở khu vực thị xã Lào Cai. Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị xã Lào Cai và thị trấn một số huyện lỵ. Tiếp tục nâng cấp tuyến đường liên xã và mở mới thêm đường giao thông nông thôn đến 10 xã. Tích cực chuẩn bị các điều kiện để sớm khởi công cầu Hồ Kiều II, cầu Phố Mới. Khẩn trương xây dựng kế hoạch để triển khai có hiệu quả nguồn vốn đầu tư cho 115 xã vùng cao (dự ước 40 tỷ đồng).

4. Tài chính, ngân hàng và thương mại

- Tiếp tục rà soát lại các nguồn thu, tăng cường quản lý thu, chi ngân sách, thực hiện thu đúng, thu đủ, nuôi dưỡng và tạo thêm nguồn thu. Thực hiện tiết kiệm, dành vốn cho đầu tư phát triển, thực hiện

phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” trên các lĩnh vực phát triển giao thông nông thôn, văn hóa - xã hội: Tập trung vốn cho phát triển nông nghiệp, nông thôn và những công trình trọng điểm, ưu tiên đầu tư cho các xã đặc biệt khó khăn, khu kinh tế cửa khẩu và khu du lịch Sa Pa.

Triển khai kịp thời các luật thuế và cơ chế thu, chi ngân sách ở địa phương. Phấn đấu thu ngân sách trên địa bàn đạt 125 tỷ đồng. Trong đó, thu nội địa 60 tỷ đồng, thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế VAT hàng nhập khẩu qua biên giới 35 tỷ đồng.

- Tổng thu ngân sách địa phương 388,9 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương 388, 9 tỷ đồng.

- + Hệ thống ngân hàng, tín dụng cần có cơ chế linh hoạt để thu hút mọi nguồn vốn trên địa bàn, các nguồn vốn của các tổ chức quốc tế, nguồn vốn vay dài hạn và trung hạn của Trung ương... để đầu tư cho phát triển sản xuất và xây dựng kết cấu hạ tầng. Tích cực mở rộng các loại hình tín dụng để động viên mọi thành phần kinh tế có thể vay vốn phát triển sản xuất, kinh doanh dịch vụ.

Tăng cường công tác quản lý tiền mặt, kho quỹ và các phương tiện thanh toán khác, đáp ứng nhu cầu về tiền tệ cho sản xuất và đời sống. Thực hiện đổi mới một bước trong công tác quản lý ngoại hối và thanh toán quốc tế (với Trung Quốc).

Tiếp tục củng cố và mở rộng mạng lưới ngân hàng phục vụ người nghèo, đi đôi với tăng cường công tác quản lý và bảo toàn vốn.

- + Về thương mại - du lịch: Tiến hành rà soát, điều chỉnh lại mạng lưới kinh doanh thương nghiệp trên địa bàn; mở rộng mạng lưới thương nghiệp quốc doanh đến vùng sâu vùng xa, đảm bảo cung ứng đầy đủ các mặt hàng chính sách cho nhân dân. Tích cực khai thác và mở rộng thị trường nội địa, thị trường ngoài tỉnh để kích thích sản xuất phát triển, góp phần thúc đẩy nhanh hơn quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại địa phương.

Về xuất nhập khẩu: Phấn đấu năm 1999 giá trị xuất khẩu đạt 7 triệu USD và giá trị nhập khẩu đạt 6 triệu USD.

- Tiếp tục triển khai nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế du lịch, khẩn trương tổ chức lại mạng lưới kinh doanh du lịch trên địa bàn, gắn với việc nghiên cứu, đổi mới cơ chế trong quản lý du lịch. Phấn đấu tăng giá trị ngành dịch vụ 7-8%.

II. PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - GIÁO DỤC - Y TẾ VÀ GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Về giáo dục - đào tạo

- Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ. Từng bước thực hiện xã hội hóa, mở rộng quy mô, đa dạng hóa các loại hình giáo dục - đào tạo.

Rà soát lại chương trình, tiến độ và chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ để có kế hoạch bổ sung, điều chỉnh kịp thời. Phấn đấu trong năm 1999 tăng thêm 31 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ; 87% số trẻ em trong độ tuổi đến trường, để đến năm 2000 cơ bản phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ trên địa bàn toàn tỉnh.

Tiếp tục đầu tư về cơ sở vật chất cho công tác giáo dục - đào tạo, xây dựng và củng cố đội ngũ giáo viên ở các cấp học, nhất là đối với đội ngũ giáo viên ở vùng sâu vùng xa.

Chú trọng công tác giáo dục hướng nghiệp, từng bước đưa nội dung giáo dục pháp luật vào trong nhà trường phổ thông.

- Về khoa học - công nghệ: Ưu tiên đầu tư cho việc áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất nông - lâm nghiệp và phát triển nông thôn. Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình quốc gia về công nghệ thông tin, tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Công tác văn hóa thông tin và thể thao

Quán triệt nội dung Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc, Chỉ thị 27-CT/TW về thực hiện nếp sống văn minh trong lễ cưới,

lễ tang, lễ hội, các cấp, các ngành khẩn trương xây dựng chương trình và kế hoạch thực hiện nghị quyết đưa nội dung của nghị quyết thực sự đi vào cuộc sống.

Các hoạt động văn hóa- thông tin - thể thao, phát thanh - truyền hình cần hướng mạnh về cơ sở, để khơi dậy những truyền thống văn hóa quý báu, tiềm ẩn trong các dân tộc, động viên cổ vũ cho các điển hình tiên tiến, đấu tranh, với các tập tục lạc hậu trong nhân dân và những hoạt động lợi dụng tôn giáo. Phấn đấu tăng diện phủ sóng truyền hình lên 6% và số hộ được xem truyền hình tăng 5% so với cùng kỳ năm 1997, 42% số hộ dân được nghe Đài phát thanh, tăng 2% so với cùng kỳ năm 1997.

Các cấp ủy thường xuyên quan tâm chỉ đạo tốt cuộc vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, theo đúng tinh thần nội dung Thông tri 02-TT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và xây dựng đời sống văn hóa theo nội dung Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc.

3. Về y tế

Tiếp tục củng cố, kiện toàn mạng lưới y tế cơ sở trên địa bàn, tăng cường đầu tư cho y tế cơ sở (cả về vật chất và cán bộ). Phát triển và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân. Củng cố lại hệ thống bệnh viện và các trung tâm y tế huyện, thị. Đẩy mạnh cuộc vận động dân số - kế hoạch hóa gia đình, thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, không để các bệnh dịch lớn xảy ra trên địa bàn.

Phấn đấu trong năm 1999, bình quân mỗi người dân được khám bệnh 1,5 lần; giảm tỷ lệ sinh 1%; tiêm chủng cho trẻ em dưới 1 tuổi đạt tỷ lệ 95%, 100% số xã trong toàn tỉnh có bệnh xá và cán bộ y tế.

4. Giải quyết các vấn đề xã hội

Tích cực giải quyết việc làm và đời sống cho người lao động, thông qua việc triển khai các dự án. Đẩy mạnh công tác giải ngân các nguồn

vốn. Mở rộng các hình thức dạy nghề và giới thiệu việc làm trong nhân dân.

Năm 1999, đào tạo dạy nghề cho 500 lao động, tạo việc làm cho 5.000 đến 6.000 lao động; đẩy mạnh phong trào “xóa đói, giảm nghèo” theo hướng dân tự làm là chính, Nhà nước chỉ hỗ trợ một phần, phấn đấu giảm tỷ lệ đói, nghèo từ 5 đến 5,5% (so với năm 1998).

Thực hiện đầy đủ chính sách đối với thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với nước; thường xuyên quan tâm chăm sóc các Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Tích cực phòng, chống tệ nạn xã hội theo 2 chương trình 05, 06 của Nhà nước trên địa bàn.

III. CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

Một số nhiệm vụ trọng tâm trong lĩnh vực này là:

+ Giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội. Các lực lượng trong Khối Nội chính chủ động nắm vững diễn biến tình hình trên tuyến biên giới; tham mưu kịp thời cho cấp ủy, chính quyền trong việc thực hiện Quyết định 100-QĐ/TTg của Chính phủ về việc áp dụng thí điểm một số chính sách tại một số khu vực cửa khẩu biên giới Lào Cai.

- Tăng cường sức mạnh phòng thủ, ngăn chặn và đối phó kịp thời với mọi tình huống xảy ra trên địa bàn, phòng, chống có hiệu quả chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. củng cố thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân, tăng cường quản lý nhà nước về công tác quốc phòng, nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh các phương án, kế hoạch phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới, quản lý chặt chẽ vũ khí và trang thiết bị.

- Tăng cường giáo dục pháp luật, xây dựng ý thức quốc gia, quốc giới trong nhân dân. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục quốc phòng, thực hiện từng bước đưa nội dung giáo dục quốc phòng vào chương trình chính khóa của Trường Chính trị tỉnh.

Tiếp tục triển khai đồng bộ Chỉ thị 287-TTg của Thủ tướng Chính phủ về công tác bảo vệ rừng. Thực hiện hiệu quả chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm, phòng, chống ma túy ở địa phương.

Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát và chống buôn lậu qua biên giới. Có kế hoạch sắp xếp ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội ở 26 xã, phường biên giới.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt công tác tuyển quân năm 1999 và công tác huấn luyện dân quân tự vệ, quân dự bị động viên.

+ Thường xuyên nắm vững tình hình cơ sở, phát hiện kịp thời hoạt động của các đối tượng liên quan đến an ninh chính trị, ngăn ngừa và đấu tranh có hiệu quả với các hoạt động cài cắm, móc nối vào nội bộ; bảo vệ Đảng, chính quyền và các cơ quan kinh tế, văn hóa trên địa bàn. Phát hiện và tham mưu cho cấp ủy, chính quyền giải quyết kịp thời những mâu thuẫn phát sinh trong nhân dân. Tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân, nhưng có thái độ đấu tranh kiên quyết với các đối tượng lợi dụng tôn giáo.

+ Tổ chức tốt công tác tiếp dân, giải quyết kịp thời đơn thư tố cáo, khiếu kiện của nhân dân; triển khai có hiệu quả luật khiếu nại tố cáo của nhân dân đã ban hành.

+ Các cơ quan nội chính tăng cường phối hợp chặt chẽ hơn nữa trong công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, giải quyết dứt điểm và xử lý nghiêm minh đối với các vụ án xảy ra trên địa bàn, đặc biệt là các vụ trọng án.

+ Về công tác đối ngoại:

Mở rộng quan hệ đối ngoại theo đúng nguyên tắc, quy định của Đảng và Nhà nước, đồng thời tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức quốc tế và tỉnh bạn đến Lào Cai khảo sát nghiên cứu thị trường, đầu tư, liên doanh liên kết trên các lĩnh vực: kinh tế - xã hội, văn hóa, khoa học - kỹ thuật và công nghệ.

IV. XÂY DỰNG VÀ Củng cố hệ thống chính trị

- Nắm vững diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, kịp thời uốn nắn những tư tưởng lệch lạc, hoài nghi, dao động. Ngăn chặn và đấu tranh có hiệu quả với các luồng tư tưởng phản động, lợi dụng dân chủ, nhân quyền, lợi dụng tôn giáo để bôi đen chế độ, mê hoặc nhân dân, chia rẽ sự đoàn kết trong nội bộ Đảng và trong các dân tộc.

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết mới của Ban Chấp hành Trung ương và của Tỉnh ủy. Xây dựng chương trình, kế hoạch hành động cụ thể để đưa nội dung nghị quyết vào thực tế.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 08-NQ/TU, ngày 27-5-1997 về xây dựng cơ sở chính trị xã, phường, thị trấn trong sạch, vững mạnh, gắn với công tác củng cố tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Tổ chức công tác tự phê bình và phê bình, giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên. Triển khai, thực hiện tốt Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6 (khóa VIII) về tổ chức bộ máy của Đảng.

- Chú trọng công tác đào tạo và đào tạo đội ngũ cán bộ ở các cấp, các ngành, đoàn thể và trong các doanh nghiệp. Tiếp tục từng bước đưa tin học vào trong các hoạt động của cơ quan Đảng. tiêu chuẩn hóa cán bộ ở các cấp, các ngành. Rà soát đội ngũ cán bộ chủ chốt các địa phương, chuẩn bị tốt về nhân sự và chỉ đạo thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp vào cuối năm 1999.

- Tăng cường công tác đào tạo cán bộ cho cấp xã, phường gắn với công tác phát triển Đảng ở vùng sâu vùng xa, đẩy nhanh tiến độ xóa tình trạng các thôn, bản trắng không có đảng viên.

- Về công tác kiểm tra của Đảng: Tiếp tục củng cố về nhận thức đối với công tác kiểm tra, đi đôi với việc xây dựng chương trình kiểm tra toàn diện của các cấp ủy theo quy định của Điều lệ Đảng và Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của

Đảng. Tăng cường công tác giải quyết đơn thư khiếu tố, giải quyết dứt điểm những vụ việc tồn đọng, xử lý nghiêm minh đối với các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng và nguyên tắc tổ chức kỷ luật của Đảng.

Hướng kiểm tra của Đảng trong năm 2000 cần tập trung vào các vấn đề dưới đây:

- Về kinh tế - xã hội:

Kiểm tra đánh giá việc thực hiện một số mục tiêu do Đại hội đề ra như chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp gắn với phong trào làm kinh tế trang trại “xóa đói, giảm nghèo” ở nông thôn, đặc biệt là vùng sâu vùng xa, các mục tiêu về phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ, các chương trình quốc gia về y tế.

- An ninh quốc phòng:

Kiểm tra công tác quản lý an ninh biên giới, xây dựng các xã biên giới, vững mạnh, đấu tranh chống lợi dụng tôn giáo.

- Công tác xây dựng hệ thống chính trị:

Kiểm tra các tổ chức trong hệ thống chính trị gắn với công tác củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức trong điều kiện đổi mới về cơ sở quản lý.

- Ủy ban Kiểm tra các cấp tiếp tục làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình kiểm tra của cấp ủy, thực hiện có hiệu quả việc kiểm tra đảng viên và tổ chức cơ sở đảng có dấu hiệu vi phạm theo Điều lệ Đảng quy định. Tổ chức công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác kiểm tra nhằm không ngừng nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra của Đảng.

- Phát huy hơn nữa vai trò của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp, tiếp tục thực hiện có hiệu quả thiết chế dân chủ ở cơ sở. Củng cố kiện toàn một bước Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp thông qua cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân vào cuối năm 1999.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phối hợp chặt chẽ, hướng hoạt động về cơ sở, bám sát cơ sở để nắm vững tâm tư nguyện vọng và những vấn đề bức xúc, nổi cộm trong nhân dân. Kịp thời

đề xuất, tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền giải quyết những nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Vận động nhân dân thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội ở địa phương góp phần “xóa đói, giảm nghèo”, ổn định sản xuất và đời sống. Tích cực đấu tranh chống các tệ nạn xã hội, thực hiện tốt chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách tôn giáo của Đảng.

Thời gian để kết thúc kế hoạch 5 năm 1996-2000 không còn dài, các nhiệm vụ, mục tiêu trong năm 1999 sẽ có tác động trực tiếp đến kết quả công tác của năm 2000 và cả nhiệm kỳ phân đấu 5 năm của toàn Đảng bộ. Vì vậy sự lãnh đạo và chỉ đạo thắng lợi của Ban Chấp hành đối với các nhiệm vụ, mục tiêu trong năm 1999 sẽ góp phần quyết định tạo nên thắng lợi trong việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu của năm 2000, tạo đà cho nhân dân các dân tộc trong tỉnh bước vào thế kỷ XXI.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
LẦN THỨ 13 (KHÓA II)

Số 13-NQ/TU, ngày 18-1-1999

Về một số nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu trong năm 1999

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH NĂM 1998

Năm qua, với tinh thần khắc phục khó khăn, quyết tâm hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, Ban Chấp hành Đảng bộ đã đoàn kết nhất trí, tập trung lãnh đạo nhân dân các dân tộc trong tỉnh đẩy mạnh các hoạt động trên các lĩnh vực công tác, đạt được những kết quả như sau:

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng 6%; tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 152,5 ngàn tấn, tăng 5.500 tấn; giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn tăng 6% (so với năm 1997); tổng thu ngân sách trên địa bàn đạt 116,5 tỷ đồng; giá trị xuất khẩu đạt 5,25 triệu USD. Số hộ đói giảm hơn 3% so với 1997; đời sống vật chất tinh thần của nhân dân có bước cải thiện, nhiều vấn đề xã hội đã được quan tâm giải quyết có hiệu quả. Công tác giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ - môi trường, y tế, văn hóa, thông tin thể thao, phát thanh - truyền hình có nhiều chuyển biến tích cực.

- Tình hình an ninh biên giới, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, quan hệ đối ngoại mở rộng. Thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân thường xuyên được củng cố.

- Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân được tăng cường. Vai trò của các tổ chức cơ sở đảng được củng cố thêm một bước. Chức năng quản lý, điều hành của chính quyền các cấp tiếp tục được hoàn thiện. Các đoàn thể nhân dân đã tập trung hướng về cơ sở, tham mưu kịp thời với cấp ủy giải quyết những vấn đề nảy sinh trong nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tích đã đạt được, còn những tồn tại yếu kém cần được khắc phục đó là:

- Công tác chỉ đạo thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo tinh thần Nghị quyết 01-NQ/TU của Tỉnh ủy còn chậm, chất lượng triển khai các nghị quyết ở một số cấp, ngành và cơ sở chưa đạt yêu cầu; việc cụ thể hóa, kiểm tra, đôn đốc xây dựng chương trình hành động và tổ chức thực hiện nghị quyết ở cơ sở yếu.

- Các doanh nghiệp của tỉnh còn khó khăn trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm. Một số đơn vị kinh tế quốc doanh vẫn trong tình trạng thua lỗ kéo dài; kinh tế ngoài quốc doanh phát triển chậm, quy mô nhỏ bé, chưa có định hướng phát triển rõ nét.

- Đời sống của nhân dân ở vùng sâu, vùng cao vẫn còn nhiều khó khăn; chất lượng và hiệu quả giáo dục ở vùng 3 còn rất hạn chế; các phong tục tập quán lạc hậu, tệ nạn xã hội, vấn đề lợi dụng tôn giáo ở một số địa phương, cơ sở còn diễn biến phức tạp và có xu hướng gia tăng.

- Đội ngũ cán bộ còn bất cập, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng cao. Vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân, sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân ở một số nơi còn hạn chế. Sự phối hợp hoạt động giữa các đoàn thể và Mặt trận Tổ quốc ở một số nơi chưa tốt, nặng về hình thức, nội dung nghèo nàn.

Nguyên nhân thắng lợi:

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nắm vững tình hình thực tế, vận dụng đúng đắn các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương vào điều kiện cụ thể của địa phương. Vai trò quản lý điều hành của Ủy ban nhân

dân, chức năng giám sát, kiểm tra của Hội đồng nhân dân đã có sự năng động và ngày càng phát huy hiệu quả.

- Cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh đã phát huy tính sáng tạo, truyền thống đoàn kết, khắc phục khó khăn, chấp hành tốt đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước.

- Một số cơ sở sản xuất và kết cấu hạ tầng được đầu tư xây dựng từ những năm trước, nay đã bước đầu phát huy hiệu quả về kinh tế - xã hội

Nguyên nhân của tồn tại yếu kém:

- Việc tổ chức triển khai và chỉ đạo thực hiện nghị quyết ở một số nơi còn yếu; chưa cụ thể hóa được nghị quyết, chưa có chương trình hành động cụ thể để thực hiện nghị quyết, chưa phát huy được nội lực để phát triển.

- Một số ngành, cấp chưa đi sâu đi sát nắm tình hình cơ sở; chưa kịp thời phát hiện những sai sót và chủ động uốn nắn những sai sót từ cơ sở; chưa cụ thể hóa nghị quyết của Tỉnh ủy thành hành động cụ thể để cho địa phương đơn vị mình thực hiện.

- Việc chấp hành nguyên tắc tập trung dân chủ ở một số đơn vị, tổ chức cơ sở chưa nghiêm túc, chưa phát huy được tính chủ động, chưa khắc phục được tư tưởng ỷ lại, trông chờ cấp trên.

II. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 1999

1. Tư tưởng chỉ đạo: Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ và mục tiêu quan trọng trong năm 1999, toàn Đảng bộ quán triệt các quan điểm chỉ đạo sau:

- Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương 6 (khóa VIII, lần 1) và nghị quyết của Bộ Chính trị về một số vấn đề phát triển nông nghiệp và nông thôn. Năm 1999, tỉnh tập trung đầu tư có trọng điểm, bám sát nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 1996 - 2000, ưu tiên cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là vùng cao, vùng sâu; tập trung đầu tư cho khu vực cửa khẩu và khu du lịch Sa Pa.

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, thu hút và khai thác có hiệu quả các nguồn vốn, thị trường trong và ngoài nước, các nguồn lực nhằm thúc đẩy kinh tế của tỉnh phát triển. Thực hiện tốt việc sắp xếp lại doanh nghiệp, tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Giữ vững an ninh quốc phòng, an ninh biên giới, trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh có hiệu quả với âm mưu “diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch.

- Phát huy trí tuệ tập thể, tập trung chỉ đạo cơ sở, xây dựng củng cố hệ thống chính trị vững mạnh, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

- Khắc phục quan liêu, nâng cao ý thức chấp hành các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tổ chức chỉ đạo và thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị trong năm 1999.

2. Một số nhiệm vụ, mục tiêu cụ thể

Phát triển kinh tế:

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng 6-7% so với 1998. Trong đó tỷ trọng của ngành nông - lâm nghiệp trong cơ cấu GDP là 48%, công nghiệp - xây dựng cơ bản 20%, thương mại dịch vụ 32%, bình quân GDP/người/năm 185 USD.

- Giá trị sản xuất nông - lâm nghiệp tăng 5 - 6%.

- Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt trên 155 ngàn tấn (tăng 1,6% so với năm 1998).

- Đàn gia súc tăng từ 2-5%.

- Trồng rừng tập trung 1500 ha, bảo vệ rừng 107.000 ha, khoanh nuôi tái sinh rừng 6.000 ha.

- Tỷ lệ tán che phủ rừng đạt 31%.

- Tăng giá trị tổng sản lượng công nghiệp trên địa bàn 10 - 12%. (trong đó công nghiệp địa phương tăng 18-20%).

- Tăng giá trị ngành dịch vụ 7-8%.

- Mở mới đường giao thông tới 10 xã.
- Thêm 10 xã được dùng điện lưới quốc gia.
- Tổng giá trị xuất nhập khẩu đạt 13 triệu USD, trong đó xuất khẩu 7 triệu USD.

- Tổng thu ngân sách trên địa bàn 125 tỷ đồng, trong đó thu nội địa 60 tỷ đồng; thu thuế xuất nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế VAT hàng nhập: 35 tỷ đồng.

- Tổng thu ngân sách địa phương 388,9 tỷ đồng.

- Tổng chi ngân sách địa phương 388,9 tỷ đồng.

Về xã hội:

- Tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt 87% trở lên, thêm 31 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ.

- Giảm tỷ lệ sinh 1‰. Tiêm chủng cho trẻ em dưới 1 tuổi đạt 95%.

- Giảm số hộ đói, nghèo (so với năm 1998) từ 5 đến 5,5%.

- Tăng 5% số dân được xem truyền hình, tăng 2% số dân được nghe Đài phát thanh.

- Tạo việc làm cho 5.000 đến 6.000 lao động.

Công tác quốc phòng, an ninh, đối ngoại:

- Giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung hoàn chỉnh phương án phòng thủ khu vực đi đôi với công tác huấn luyện, xây dựng lực lượng, nâng cao sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân.

- Mở rộng quan hệ đối ngoại theo nguyên tắc, quy định của Đảng và Nhà nước; từng bước thực hiện quy hoạch và các quy chế khu kinh tế cửa khẩu, theo Quyết định 100/1998-QĐ/TTg của Chính phủ về áp dụng thí điểm một số chính sách tại một số khu vực cửa khẩu biên giới Lào Cai.

Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát và chống buôn lậu qua biên giới. Có kế hoạch sắp xếp ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội ở 26 xã, phường biên giới.

- Thường xuyên nắm vững tình hình cơ sở, phát hiện và xử lý kịp thời các vụ việc liên quan đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Tăng cường công tác bảo vệ Đảng, chính quyền. Tích cực phòng, chống và kiềm chế tội phạm, phòng, chống ma túy; đẩy lùi một bước các loại tệ nạn xã hội. Chống mọi hoạt động lợi dụng tự do tín ngưỡng để truyền đạo trái phép.

- Tổ chức tốt công tác tiếp dân, giải quyết kịp thời và triển khai có hiệu quả luật khiếu nại, tố cáo của Nhà nước đã ban hành.

- Các cơ quan nội chính thực hiện tốt công tác điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án theo quy định của pháp luật.

Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể nhân dân:

- Nắm vững diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, kịp thời uốn nắn những tư tưởng lệch lạc, hoài nghi; đấu tranh chống tư tưởng phản động, lợi dụng dân chủ, lợi dụng tôn giáo, mê hoặc nhân dân.

- Tiếp tục quán triệt, triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước trên địa bàn.

- Chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ cơ sở trong đó có cán bộ dân tộc ít người, nhằm từng bước tiêu chuẩn hóa cán bộ ở các cấp, các ngành, đoàn thể.

- Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng theo quy định của Điều lệ và nội dung Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị. Phát hiện, xử lý nghiêm minh những trường hợp có vi phạm, đảm bảo sự trong sạch nội bộ Đảng.

- Phát huy vai trò của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp. củng cố kiện toàn bộ máy thông qua công tác bầu cử trong năm 1999.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tiếp tục hướng hoạt động về cơ sở; vận động nhân dân thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội ở địa phương; đẩy mạnh phong trào xóa đói, giảm nghèo, phát triển

sản xuất. Xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa; thực hiện có hiệu quả Chỉ thị 27-CT/TW của Bộ Chính trị về việc cưới, việc tang, lễ hội và cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”.

III. NHỮNG BIỆN PHÁP CƠ BẢN

Về kinh tế - xã hội:

- Tích cực đẩy mạnh công tác thu ngân sách trên địa bàn, thực hiện tốt Luật thuế giá trị gia tăng và các luật thuế khác của Nhà nước; thực hành triệt để tiết kiệm, chống lãng phí. Tập trung vốn cho phát triển nông nghiệp, nông thôn và những công trình trọng điểm. Ưu tiên đầu tư cho 3 chương trình kinh tế - xã hội, trọng tâm là: các xã đặc biệt khó khăn, khu kinh tế cửa khẩu và khu du lịch Sa Pa. Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn thuộc các chương trình, dự án được đầu tư trên địa bàn; dành một phần vốn ngân sách của địa phương để hỗ trợ cho vùng nghèo và vùng nguyên liệu.

Đẩy mạnh việc giao đất, giao rừng, làm tốt công tác khuyến nông, khuyến lâm, tạo điều kiện thuận lợi cho khu vực nông thôn phát triển sản xuất.

- Tiếp tục mở rộng quan hệ đối ngoại để tạo thị trường, tăng cường xuất khẩu và nhập khẩu.

- Đẩy mạnh công tác thu thuế trên địa bàn và chống buôn lậu, gian lận thương mại, nhằm tăng thu cho ngân sách, đi đôi với việc khai thác, nuôi dưỡng, tạo thêm nguồn thu.

- Tập trung đẩy mạnh phong trào xóa đói, giảm nghèo trong nhân dân, nhất là đối với vùng cao, vùng sâu.

- Tích cực ứng dụng khoa học, kỹ thuật và công nghệ tiên tiến vào sản xuất, trước hết là ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ chế biến nông - lâm sản và công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản.

- Quan tâm giải quyết một số yêu cầu bức xúc hiện nay như: Tạo việc làm cho người lao động, việc khám chữa bệnh, học hành, thực

hiện chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình và chống tai, tệ nạn xã hội. Giải quyết kịp thời chế độ chính sách cho các đối tượng, theo quy định của Nhà nước.

Về an ninh quốc phòng:

- Các ngành trong Khối Nội chính chủ động, phối kết hợp với các cấp, các ngành, phát hiện xử lý kịp thời những mâu thuẫn phát sinh trong nhân dân. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát, giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội.

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt Chỉ thị 12-CT/TU của Tỉnh ủy về lãnh đạo nhiệm vụ quân sự - quốc phòng năm 1999. Tiếp tục củng cố lực lượng vũ trang; tăng cường công tác tập luyện, sẵn sàng đáp ứng kịp thời với mọi tình huống có thể xảy ra.

Về xây dựng hệ thống chính trị:

- Tập trung chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết 08-NQ/TU của Tỉnh ủy về xây dựng cơ sở chính trị xã, phường trong sạch, vững mạnh. Đẩy nhanh tiến độ xóa tình trạng các thôn bản “trắng”.

- Tiếp tục củng cố kiện toàn bộ máy tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan đoàn thể các cấp; thực hiện tốt Quy chế dân chủ, Pháp lệnh công chức, viên chức, chống tham nhũng và thực hành tiết kiệm.

- Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng văn hóa, lý luận chính trị, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ trong hệ thống chính trị, đặc biệt là đối với cán bộ xã, phường là nhiệm vụ trọng tâm năm 1999.

- Tổ chức triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (khóa VIII, lần 2), gắn với tự phê bình và phê bình trong các tổ chức đảng và sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy.

- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tăng cường hơn nữa sự phối hợp trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động; tạo ra nhiều phong trào thi đua sôi nổi, thiết thực góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân.

Thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu của năm 1999 sẽ tạo đà thuận lợi cho năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000; góp phần quan trọng đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thực hiện thắng lợi những mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đã đề ra.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 50-BC/TU, ngày 26-1-1999

**Về kiểm điểm ba năm (1996-1998) thực hiện
Quyết định 100-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương
(khóa VII) về thành lập Trung tâm bồi dưỡng chính trị
cấp huyện, thị, quận**

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH 100-QĐ/TW CỦA BAN BÍ THƯ (KHOÁ VII)

Ngày 3-6-1995 Ban Bí thư Trung ương (khóa VII) đã ra Quyết định 100-QĐ/TW về thành lập Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, thị, quận, thay cho Trường Đảng hay Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, quận trước đây; nhằm tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, thường xuyên bồi dưỡng đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cho cán bộ, đảng viên và nhân dân bảo đảm tổ chức thực hiện các chương trình giáo dục lý luận chính trị, nâng cao trình độ giác ngộ chính trị, kiến thức và nghiệp vụ cho cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng, đảng viên và nhân dân trên địa bàn huyện, thị... Ngày 26-8-1995 Liên ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương đã có Công văn 08-TC-TTVH/TW hướng dẫn thực hiện Quyết định 100 của Ban Bí thư Trung ương.

Để cụ thể hơn các văn bản trên về công tác bồi dưỡng đào tạo cán bộ cơ sở, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai đã sớm ra Thông báo

số 194-TB/TU, ngày 21-6-1995 chủ trương cho các huyện, thị thành lập Trung tâm bồi dưỡng chính trị và Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã có Công văn 51-CT/TG, ngày 27-7-1995 hướng dẫn các huyện, thị trong tỉnh thực hiện. Sau khi có Quyết định 100-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương (khóa VII) về thành lập Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, thị, quận và các văn bản hướng dẫn đã được cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các huyện, thị trong tỉnh đã lần lượt ra quyết định thành lập Trung tâm bồi dưỡng chính trị; huyện thành lập sớm nhất là Bảo Thắng, Bắc Hà, thị xã Cam Đường... vào tháng 9-1995, trên cơ sở chuyển từ Trường Đảng sang và nơi thành lập cuối cùng là thị xã Lào Cai một mô hình hoàn toàn mới. Đến đầu quý II năm 1996 toàn tỉnh đã thành lập xong 10 Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TRUNG TÂM BỒI DƯỠNG CHÍNH TRỊ HUYỆN, THỊ

Sau khi được thành lập, Trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thị vừa từng bước ổn định tổ chức, địa điểm hoạt động, sắp xếp bộ máy, thành lập đội ngũ giảng viên kiêm chức, vừa thực hiện ngay nhiệm vụ bồi dưỡng đào tạo đội ngũ cán bộ, đảng viên cơ sở theo các loại chương trình giáo dục lý luận do Trung ương quy định. Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị thực sự là công cụ sắc bén, quan trọng của cấp ủy để bồi dưỡng lý luận chính trị thường xuyên, phong phú cho nhiều đối tượng cán bộ, đảng viên, nhân dân ở cơ sở xã, phường, thôn, bản, đáp ứng yêu cầu công cuộc đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh ta.

Trong ba năm (1996-1998), Ban Tuyên giáo và Trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thị đã có nhiều cố gắng ra sức khắc phục mọi khó khăn, nỗ lực phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, đảng viên cơ sở từng bước đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cán bộ của địa phương.

Dưới sự lãnh đạo của cấp ủy mà trực tiếp là sự chỉ đạo của Ban Tuyên giáo về nội dung và sự chăm lo quản lý của Ủy ban nhân dân về cơ sở vật chất, chế độ chính sách, ngân sách hoạt động, chi phí tiền lương cho đội ngũ cán bộ, nhân viên... tạo thuận lợi cơ bản cho sự hoạt động của các Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị. Mặc dù tỉnh ta có nhiều khó khăn về ngân sách nhưng hằng năm tỉnh đã đầu tư trên dưới 2 tỷ đồng cho công tác bồi dưỡng đào tạo của 10 Trung tâm huyện, thị, trong tỉnh chưa kể hàng chục triệu đồng kinh phí của Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy đầu tư cho công tác bảo đảm đào tạo cán bộ, đảng viên của các Đảng ủy trực thuộc không thành lập trung tâm chính trị. Thường trực Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh đã 2 lần sửa đổi bổ sung chế độ bồi dưỡng cho giảng viên từ 6.000 đồng/1 tiết lên 10.000 đến 15.000 đồng/1 tiết. Tiền ăn cho học viên (không ăn lương nhà nước) từ 5.000 đồng/1 ngày lên 7.000 đồng/1 ngày cho học viên nam và 10.000 đồng/1 ngày cho học viên nữ; cao hơn tiêu chuẩn của Bộ Tài chính quy định, điều này thể hiện sự quan tâm của tỉnh đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, đảng viên và công tác phát triển Đảng ở cơ sở.

Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị đã hoạt động tích cực được cấp ủy và Ủy ban nhân dân huyện, thị, ban, ngành đoàn thể rất quan tâm và đánh giá cao, có hiệu quả trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên cơ sở và công tác phát triển đảng viên mới. Các huyện, thị tuy còn rất khó khăn nhưng vẫn tạo điều kiện để trung tâm có địa điểm làm việc, có nơi đã có trụ sở riêng như Bảo Thắng, Than Uyên. Hoạt động của 10 Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị rất sôi động, hằng năm đều có kế hoạch, chỉ tiêu mở lớp và đã thực hiện vượt mức kế hoạch đề ra. Năm sau cao hơn năm trước cả về sản lượng và chất lượng đào tạo, bồi dưỡng. Các trung tâm đã quan tâm đến cải tiến phương pháp giảng dạy, nâng cao chất lượng học tập của học viên đã gắn lý luận với thực tiễn cuộc sống. Đội ngũ giáo viên kiêm chức phần đông là các đồng chí lãnh đạo đã có nhiều cố gắng, dành nhiều thời gian chuẩn bị cho bài giảng đạt kết quả cao. Học viên tham

gia học tập ngày càng đông mặc dầu trình độ học vấn còn thấp, kinh tế còn nhiều khó khăn. Nhiều đồng chí học viên sau lớp học, về địa phương đã có chuyển biến tích cực trong công tác lãnh đạo thôn, bản, chi bộ, chính quyền, đoàn thể. Và biết đổi mới cách làm ăn để có hiệu quả kinh tế cao hơn, như ở huyện Mường Khương, Bắc Hà, Bảo Thắng, Than Uyên, Bát Xát, thị xã Cam Đường, Lào Cai, Sa Pa, Bảo Yên.

Các Trung tâm đã bám sát chương trình, nội dung giảng dạy do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương biên soạn. Đặc biệt quan tâm đến cán bộ, đảng viên dân tộc ít người, trình độ học vấn còn thấp ở vùng sâu vùng xa có nhiều khó khăn, những thôn, bản chưa có đảng viên, dân trí thấp, nhằm nghiên cứu trình độ giác ngộ chính trị để giữ vững an ninh tư tưởng trong nhân dân.

Năm đảng ủy trực thuộc không thành lập Trung tâm chính trị song được quan tâm của cấp ủy Ban Tuyên giáo các đảng ủy đã tích cực mở các lớp giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên và cho quần chúng tích cực học tập chương trình đối tượng kết nạp Đảng với số lượng rất đông, học tập nghiêm túc và đạt hiệu quả cao như Đảng ủy các cơ quan tỉnh, Đảng ủy Tổng Công ty Apatit Việt Nam và các Đảng ủy lực lượng vũ trang theo chương trình quy định của Tổng cục Chính trị, của Bộ Công an, Bộ Tư lệnh Biên phòng.

III. KẾT QUẢ CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

- Hệ thống chương trình đã chú ý bồi dưỡng các đối tượng kết nạp Đảng chương trình giáo dục lý luận chính trị phổ thông cho đảng viên mới và cho đảng viên nông thôn chưa được học lý luận chính trị, chương trình bồi dưỡng cấp ủy đảng cơ sở, bí thư chi bộ, chương trình cho trưởng thôn, trưởng bản, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân. Ngoài chương trình giáo dục lý luận chính trị còn có các chương trình nghiệp vụ về quản lý nhà nước, chương trình nghiệp vụ hoạt động của các đoàn thể quần chúng như Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Thanh niên, Phụ nữ, Hội liên hiệp nông dân, Công đoàn, cựu chiến binh...

- Các loại chương trình này nhằm giáo dục một số nội dung lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục hệ thống quan điểm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ta, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ hoạt động các đoàn thể quần chúng ở cơ sở xã, phường, thôn, bản, tạo nguồn để phát triển đội ngũ cán bộ, đảng viên mới cho các tổ chức đảng cơ sở. Mỗi năm toàn tỉnh kết nạp gần 1.000 đảng viên mới.

- Các chương trình chuyên đề về kinh tế thị trường, công tác kiểm tra Đảng, Nhà nước và pháp luật, văn hóa, dân số - kế hoạch hóa gia đình, khuyến nông, khuyến lâm đã được Ban Tuyên giáo và Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị kết hợp với các ngành, ban chuyên môn mở các lớp bồi dưỡng, lồng ghép với chương trình giáo dục lý luận nhằm nâng cao sự hiểu biết các lĩnh vực do thực tiễn cuộc sống đòi hỏi cho cán bộ, đảng viên và một bộ phận nhân dân các dân tộc.

- Đặc biệt công tác giáo dục lý luận chính trị đã rất coi trọng chương trình học tập nghị quyết Đảng. Đây là chương trình thường xuyên hàng năm cho hàng vạn cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc. Ban tư tưởng - Văn hóa Trung ương đã biên soạn tài liệu học tập nghị quyết cho từng loại đối tượng. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã có kế hoạch hướng dẫn việc tổ chức học tập quán triệt và thực hiện nghị quyết bằng các chương trình hoạt động cụ thể phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương, đơn vị, đưa nghị quyết vào cuộc sống, biến nghị quyết thành hành động cách mạng của quần chúng dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Ngoài đối tượng do Trung tâm bồi dưỡng đào tạo, Ban Tuyên giáo và Trung tâm bồi dưỡng chính trị đã kết hợp với Trường Chính trị tỉnh đăng cai mở các lớp trung học chính trị tại chức để tranh thủ bồi dưỡng được nhiều cán bộ chủ chốt của cơ sở.

Trong 3 năm qua, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cũng đã chú ý đến công tác bồi dưỡng nghiệp vụ cho công tác tuyên truyền, công tác huấn học. Có biên soạn đề cương hướng dẫn nghiệp vụ công tác giảng dạy lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ làm công tác Huấn học của Ban

Tuyên giáo huyện, thị, đảng ủy trực thuộc và cán bộ quản lý, giảng dạy ở Trung tâm bồi dưỡng chính trị, Phòng Huấn học đã tham gia hội thảo, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy với đội ngũ giáo viên kiêm chức của một số huyện, thị như Mường Khương, Bát Xát, thị xã Cam Đường, Bảo Thắng và tổ chức bồi dưỡng các nội dung mới, bổ sung thêm trong các loại chương trình lý luận do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương hướng dẫn cho cán bộ Huấn học và Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị, đảng ủy trực thuộc.

Công tác giáo dục lý luận chính trị đã góp phần thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Việc thực hiện các loại chương trình giáo dục lý luận trong 3 năm qua đã bồi dưỡng cho hàng vạn lượt người học, góp phần quan trọng vào việc thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chính trị của huyện, thị, củng cố niềm tin, giữ vững ổn định chính trị tư tưởng, khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, đánh giá đúng mức các thành quả trong cuộc đổi mới của cả nước, của địa phương. Uốn nắn kịp thời những nhận thức lệch lạc, mơ hồ, sai trái về đường lối, chính sách, Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Đảng ta, tăng cường khối đại đoàn kết nhất trí trong nhân dân các dân tộc, chống lại các luận điệu phản động, chia rẽ của các thế lực thù địch, củng cố được niềm tin của cán bộ và nhân dân, tạo cơ sở cho sự thống nhất về tư tưởng trong toàn Đảng bộ.

- Thông qua các loại chương trình giáo dục lý luận đã giúp cho cán bộ, đảng viên ở cơ sở nâng cao được nhận thức, xây dựng cho mình một tư duy mới, có tầm nhìn rộng hơn, có năng lực đánh giá, giải thích được những vấn đề đang đặt ra trong cuộc sống hằng ngày ở cơ sở. Cung cấp cho cán bộ, đảng viên, nhân dân những kiến thức bước đầu về sản xuất hàng hóa, cơ chế thị trường, về văn hóa nếp sống mới, Hiến pháp và pháp luật, góp phần làm đổi thay cung cách làm ăn trong cơ chế mới. Với tinh thần dám nghĩ, dám làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế của từng địa phương, đơn vị, thay đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tạo thành ngành nghề mới, có hiệu quả kinh tế cao. Cụ thể hóa

mục tiêu chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nông - lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ từng bước đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, phát huy nhiều thành phần kinh tế có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Coi trọng công nghệ, kỹ thuật canh tác mới, chấp hành pháp luật trong sản xuất, kinh doanh, vận dụng sáng tạo các chủ trương, chính sách phù hợp với điều kiện một tỉnh miền núi, trình độ dân trí còn thấp, đi lên chủ nghĩa xã hội từ nền kinh tế tự nhiên, tự cung tự cấp. Qua học tập nhiều cán bộ, đảng viên, nhân dân đã trở thành điển hình làm ăn kinh tế giỏi trong sản xuất, kinh doanh, xây dựng trang trại, trồng rừng phát triển chăn nuôi, ngành nghề, truyền thống làm giàu chính đáng cho bản thân, gia đình và xã hội và tích cực tham gia công tác thôn, bản, xã, phường.

- Các chương trình giáo dục lý luận làm cho cán bộ, đảng viên, nhân dân quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, lãnh đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của địa phương, đơn vị, phát triển kinh tế “xóa đói, giảm nghèo” cải thiện đời sống của nhân dân các dân tộc, chống tham nhũng, ức hiếp quần chúng, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, tuân thủ kỷ cương, pháp luật Nhà nước, tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ, công bằng xã hội, phát triển kinh tế gắn liền với công tác xã hội, xây dựng quốc phòng vững mạnh, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, đảm bảo an ninh biên giới, thường xuyên quan tâm đến vùng xung yếu, trọng điểm của tỉnh, huyện, thị chống các tệ nạn xã hội, xây dựng cuộc sống có văn hóa, lối sống lành mạnh trong các xã, phường, thôn, bản. Nâng cao trình độ, năng lực và ý thức lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể quần chúng ở cơ sở, chấn chỉnh và thường xuyên cải tiến sinh hoạt nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, đảng bộ cơ sở, chăm lo việc nâng cao trình độ trí tuệ, năng lực, bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức của người cán bộ, đảng viên.

Những nguyên nhân kết quả đạt được:

Qua 3 năm hoạt động của Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị đã đạt được một số kết quả trên. Trước hết do có đường lối đổi mới

đúng đắn của Đảng ta đã thể hiện trong các nghị quyết của Đảng, các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, trong công cuộc đổi mới đất nước, của địa phương, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Được sự quan tâm của Bộ Chính trị, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân và các ban, ngành đoàn thể, thường xuyên đổi mới bổ sung và hoàn thiện các loại chương trình lý luận phục vụ cho cơ sở, có một số quy định cụ thể hơn đối với hoạt động của Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị.

Được sự quan tâm của Thường trực Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân, các huyện, thị và của các ban, ngành, đoàn thể trong tỉnh đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự hoạt động của các Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị. Đặc biệt là sự chỉ đạo trực tiếp của cấp ủy, Ủy ban nhân dân xã, phường, thôn, bản đã cử cán bộ, đảng viên về học tập, và góp phần giúp vật chất cho các Trung tâm bồi dưỡng chính trị mở các lớp học ở địa phương đạt kết quả.

... Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đã tổ chức được nhiều lớp bồi dưỡng nghiệp vụ về công tác Huấn học do Trung ương mở và của tỉnh, nhờ vậy năng lực chuyên môn của đội ngũ cán bộ làm công tác Huấn học ngày càng nâng cao, sự nhiệt tình giảng viên kiêm chức đã hết lòng vì sự nghiệp bồi dưỡng đào tạo cán bộ, đảng viên cơ sở.

IV. NHỮNG TỒN TẠI TRONG CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

1- Việc triển khai các loại chương trình giáo dục lý luận cho các loại đối tượng cán bộ, đảng viên nhất là đảng viên người dân tộc trình độ học vấn còn thấp, cá biệt có người nghe và hiểu tiếng phổ thông rất ít, so với yêu cầu đòi hỏi của thực tiễn nhất là trong công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn nhiều hạn chế.

Nội dung tài liệu học tập còn nặng nề về lý thuyết, còn nhiều danh từ chính trị rất khó giải thích cho đối tượng người học trình độ thấp, phần liên hệ thực tiễn các địa phương, cơ sở chưa phù hợp có sức thuyết phục cao. Việc giới thiệu các mô hình tiên tiến, điển hình, người tốt, việc tốt còn thiếu, phần lớn giảng dạy theo lối độc thoại thầy nói trò ghi. Đội ngũ giảng viên đa số là kiêm chức nên thiếu phương pháp sư phạm, và những thông tin mới về lý luận chính trị nên kết quả giảng dạy có phần hạn chế.

2- Hiệu quả và chất lượng học tập lý luận chính trị chưa cao vì số đông người đến học là do phong trào, thiếu tính độc lập suy nghĩ, tự giác học tập. Đa số cán bộ, đảng viên nông thôn, người dân tộc ít người, trình độ văn hóa còn thấp, tình hình kinh tế có nhiều khó khăn, đến lớp học nhưng vẫn lo nghĩ đến công việc của gia đình. Việc học tập chính trị còn khó khăn, kém hấp dẫn nên hiệu quả học tập chưa cao.

3- Công tác chỉ đạo của Ban Tuyên giáo còn chưa kịp thời, nhạy bén, công tác bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên chưa được thường xuyên.

4- Chế độ chính sách đối với người dạy và người học còn bất cập, cơ sở vật chất quá thiếu thốn, nghèo nàn do đó ảnh hưởng đến chất lượng giảng dạy và học tập của cán bộ, đảng viên, nhân dân các dân tộc. Kinh phí cấp không phân bổ đồng đều, thường dồn vào cuối năm, do đó mà gây khó khăn cho việc mở lớp phải chạy theo kinh phí chứ không chủ động kế hoạch đã xây dựng hằng năm, quý, hằng tháng cho các lớp.

5- Có nơi, có lúc sự quan tâm của cấp ủy, các cấp đối với công tác giáo dục lý luận chưa được đầy đủ, giải quyết chế độ chính sách cho người dạy và người học còn hạn chế, có nơi mở được ít lớp, số lượng cán bộ, đảng viên theo học chưa đáp ứng với yêu cầu đòi hỏi của cơ sở.

V. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC GIÁO DỤC LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ 1999-2000

Xuất phát từ tình hình thực tế của Đảng bộ Lào Cai trong thời kỳ phát triển mới, công tác giáo dục lý luận chính trị là một bộ phận quan trọng trong công tác tư tưởng văn hóa, vì vậy, công tác giáo dục lý luận chính trị phải phát huy mạnh mẽ, đáp ứng với yêu cầu đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới của tỉnh.

1- Công tác giáo dục lý luận chính trị phải thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên, nhân dân đường lối, chủ trương của Đảng, các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, đạo đức cách mạng, những kiến thức mới của thời đại nhằm tạo ra sự thống nhất về chính trị tư tưởng trong Đảng và trong nhân dân. Quán triệt mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm tư tưởng chỉ đạo và các giải pháp, chính sách, phấn đấu từng bước thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong nông nghiệp, nông thôn, vùng sâu vùng xa, thực hiện “xóa đói, giảm nghèo”, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

2- Thông qua học tập lý luận và thực tiễn, góp phần cụ thể hóa và phát triển đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phù hợp với tình hình đặc điểm của tỉnh miền núi, vùng cao biên giới có nhiều dân tộc anh em. Khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

3- Phát huy truyền thống văn hóa dân tộc, xây dựng nếp sống mới, có văn hóa trong từng gia đình, thôn, bản, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất là năng lực của cán bộ, đảng viên để hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ do Đại hội Đảng VIII và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đề ra. Nâng cao tinh thần cảnh giác, tăng

cường hơn nữa trận địa tư tưởng xã hội chủ nghĩa, làm thất bại mọi âm mưu hành động thực hiện chiến lược “diễn biến hòa bình”, tuyên truyền đạo trái phép, chia rẽ khối đoàn kết dân tộc, chống lại Đảng và Nhà nước ta, đặc biệt là đối với đồng bào các dân tộc ít người, đời sống vật chất và tinh thần còn nhiều khó khăn, ở xa nơi trung tâm tỉnh, huyện.

4- Nâng cao chất lượng giảng dạy và học tập lý luận chính trị theo tinh thần Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị (khóa VII) “lý luận gắn liền với hoạt động thực tiễn; giải quyết đúng đắn vấn đề bức xúc của cuộc sống, tạo nền tảng tư tưởng vững chắc trong Đảng và trong toàn xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển không ngừng của đất nước”.

- Quán triệt sâu sắc Nghị quyết Đại hội VIII và các nghị quyết của Trung ương vào toàn bộ nội dung chương trình học tập, góp phần giúp cho người học vận dụng đúng đắn sáng tạo và sớm đưa nghị quyết vào cuộc sống đem lại hiệu quả thiết thực. Trên tinh thần đó cần bổ sung hoàn thiện các nội dung chương trình phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương đơn vị, từng loại đối tượng người học, thường xuyên đổi mới, cải tiến hình thức, phương pháp giảng dạy, và học tập phù hợp với các loại đối tượng, đặc biệt là đối với cán bộ, đảng viên người dân tộc nhận thức còn thấp, nói và hiểu tiếng phổ thông còn ít. Vì vậy việc giảng dạy phải bằng phương pháp cụ thể, trực quan, nêu gương điển hình tiên tiến, gần gũi với họ và hướng dẫn cho họ biết cách làm việc, sản xuất áp dụng các biện pháp khoa học - kỹ thuật, đổi mới cách làm ăn lạc hậu, hiệu quả kinh tế thấp. Xây dựng gia đình văn hóa, có nếp sống mới lành mạnh, chống các hủ tục mê tín, dị đoan, ma chay cưới xin theo tập tục lạc hậu.

5- Tăng cường hoạt động của Trung tâm chính trị huyện, thị và hoạt động của Ban Tuyên giáo đối với công tác giáo dục lý luận chính trị, nghiêm chỉnh chấp hành theo Quyết định 100-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương (khóa VII) về thành lập Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, thị, quận và Hướng dẫn 08-TC/TTVHTW, ngày 26-8-1995 của Liên ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Ban Tổ

chức Trung ương quy định chức năng, nhiệm vụ Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị.

Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện, thị hoạt động theo sự chỉ đạo hướng dẫn của cơ quan cấp trên với nội dung các loại chương trình do Trung ương quy định cho các đối tượng cán bộ, đảng viên, cán bộ cấp ủy cơ sở, chi ủy, đảng ủy, bí thư chi bộ cán bộ đoàn thể nhân dân, cán bộ chính quyền cơ sở, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, các trưởng thôn, bản, đối tượng kết nạp Đảng.

- Bảo đảm hoạt động của trung tâm chủ yếu là bồi dưỡng lý luận chính trị, việc đa dạng hóa các hình thức mở lớp khác chỉ là kết hợp không làm lấn át nhiệm vụ giáo dục lý luận chính trị.

Xây dựng kế hoạch, nhiệm vụ công tác hằng năm của trung tâm về hoạt động mở lớp, các loại chương trình, các loại đối tượng, về chỉ tiêu ngân sách, về xây dựng cơ sở vật chất thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập.

Kết hợp chặt chẽ với các ban, ngành xây dựng Đảng, chính quyền, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội để đẩy mạnh hoạt động của trung tâm ngày càng có nền nếp và đạt quả cao trong công tác bồi dưỡng và đào tạo cán bộ cơ sở và xây dựng Đảng bộ, chính quyền và các đoàn thể trong sạch, vững mạnh, phát triển đảng viên mới, xóa các thôn, bản chưa có đảng viên, thực hiện tốt chỉ tiêu, kế hoạch hằng năm do cấp ủy, Ủy ban nhân dân huyện, thị giao.

Hằng năm có tiến hành tổng kết hoạt động của trung tâm, phát động phong trào thi đua dạy tốt học tốt, lựa chọn các mô hình tốt công tác, sản xuất để đề nghị lên cấp trên biểu dương khen thưởng.

6- Nhiệm vụ công tác giáo dục lý luận chính trị năm 1999 theo Công văn số 93-HD/TG của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy ngày 30-9-1998 đã gửi đến các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc.

7- Tăng cường đầu tư kinh phí để xây dựng cơ sở vật chất phục vụ cho giảng dạy và học tập của các Trung tâm bồi dưỡng chính trị như: Trụ sở, phòng học, kinh phí đào tạo... để Trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thị thực sự là trung tâm chính trị của địa phương. Phấn

đầu từng bước các Trung tâm bồi dưỡng chính trị có đủ số cán bộ và đảm bảo chuẩn hóa cán bộ, tiến tới xóa bỏ tình trạng Trưởng ban Tuyên giáo kiêm Giám đốc Trung tâm bồi dưỡng chính trị như hiện nay ở một số địa phương.

Trong tình hình mới, công tác giáo dục lý luận chính trị và hoạt động của Trung tâm chính trị huyện, thị đã bước đầu đi vào nền nếp, có sự quan tâm chỉ đạo từ Trung ương đến cơ sở, đây là thuận lợi rất cơ bản, nhưng đồng thời cũng còn những khó khăn do đòi hỏi rất cao của công tác bồi dưỡng đào tạo cán bộ cơ sở. Vì vậy, để thực hiện những phương hướng nhiệm vụ đã đề ra, chúng ta cần phải có sự phấn đấu vượt bậc, ra sức khắc phục mọi khó khăn để hoàn thành tốt nhất công tác giáo dục chính trị phục vụ đắc lực cho nhiệm vụ chính trị của địa phương, đáp ứng với yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa tỉnh Lào Cai phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 215-QĐ/TU, ngày 12-2-1999

**Ban hành quy định tạm thời về tiêu chuẩn, chức danh
cán bộ lãnh đạo, quản lý (diện Tỉnh ủy quản lý)**

Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII) và Quy chế
làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này, quy định tạm thời về
tiêu chuẩn, chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý (diện Tỉnh ủy quản lý).

Điều 2: Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn, theo dõi việc
thực hiện thống nhất quy định này trên địa bàn toàn tỉnh.

Điều 3: Các ban của Đảng, huyện ủy, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc,
các Ban cán sự và Đảng đoàn trực thuộc có nhiệm vụ thực hiện Quyết
định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

QUY ĐỊNH TẠM THỜI

Tiêu chuẩn, chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý (diện Tỉnh ủy quản lý).

*(Ban hành kèm theo QĐ số 215-QĐ/TU, ngày 12-2-1999
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

Căn cứ nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương lần thứ ba (khóa VIII) về chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Căn cứ vào thực trạng và phương hướng xây dựng đội ngũ cán bộ trong chương trình hành động của Ban Chấp hành Tỉnh ủy (khóa II, nhiệm kỳ 1996-2000.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định tiêu chuẩn cụ thể các chức danh cán bộ thuộc diện Tỉnh ủy quản lý làm cơ sở để đánh giá, lựa chọn, đưa vào quy hoạch đào tạo bồi dưỡng xây dựng đội ngũ cán bộ. Đồng thời làm định hướng cho cán bộ phấn đấu vươn lên đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển mọi mặt của tỉnh trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Các tiêu chuẩn được áp dụng cho các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Đảng, chính quyền, đoàn thể, doanh nghiệp... thuộc diện Tỉnh ủy quản lý đến năm 2010 và những năm tiếp theo.

Đối với các chức danh cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý trong khi Trung ương chưa ban hành tiêu chuẩn cụ thể, thì tiêu chuẩn này được coi là cơ sở để lựa chọn cán bộ quy hoạch dự nguồn cho các chức danh đó như: Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

A. CÁC CHỨC DANH ĐƯỢC CỤ THỂ HÓA THEO CÁC TIÊU CHUẨN SAU

1. Cán bộ làm công tác Đảng

Bí thư Tỉnh ủy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng ban, Phó ban Đảng tỉnh, Bí thư và Phó Bí thư huyện, thị ủy, Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban, Phó ban Đảng huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh.

2. Cán bộ làm công tác chính quyền

Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc, Phó Giám đốc sở, Trưởng, Phó ban, ngành tỉnh và tương đương, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân và các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị.

3. Cán bộ làm công tác lãnh đạo Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể:

- Trưởng, Phó, Ủy viên Thường vụ các đoàn thể chính trị, các tổ chức xã hội.

4. Cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc và kế toán trưởng các doanh nghiệp nhà nước (thuộc diện Tỉnh ủy quản lý).

5. Cán bộ trong các lực lượng vũ trang, cơ quan quản lý pháp luật; cơ quan quản lý theo hệ thống ngành dọc:

Công an, Quân sự, Biên phòng, Kiểm sát, Tòa án, Tư pháp, Thanh tra, Hải quan, Bưu điện, Ngân hàng, Điện lực... thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn cán bộ của ngành dọc cấp trên.

B. TIÊU CHUẨN CHUNG

1. Về phẩm chất chính trị

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với lý tưởng chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ chí Minh.

- Luôn luôn phấn đấu vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Quyết tâm thực hiện thắng lợi đường lối đổi mới của Đảng và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương.

- Kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm đa nguyên chính trị, diễn biến hòa bình của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản cách mạng. Bảo vệ quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

2. Về phẩm chất đạo đức, lối sống

- Có ý thức tổ chức kỷ luật, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm trong chức năng, nhiệm vụ được phân công.

- Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư. Gương mẫu trong thực hiện chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Không lợi dụng chức quyền, cơ chế chính sách để vun vén cho bản thân. Kiên quyết đấu tranh chống tiêu cực tham nhũng, các việc làm sai trái và các tệ nạn xã hội khác.

- Không quan liêu hách dịch, độc đoán, gia trưởng. Có ý thức tự phê bình và đấu tranh phê bình thẳng thắn, trung thực, có tinh thần xây dựng khối đoàn kết thống nhất trong nội bộ và trong quần chúng nhân dân, không cục bộ, bè phái, địa phương chủ nghĩa. Quan tâm chăm lo đến đời sống vật chất, tinh thần của quần chúng, được sự tin tưởng và tín nhiệm của đa số quần chúng nhân dân.

- Chân tình, nhân ái với đồng nghiệp với cấp dưới. Lối sống giản dị khiêm tốn, trung thực, lành mạnh (kể cả các thành viên trong gia đình).

3. Về trình độ kiến thức

- Có sự hiểu biết tương đối toàn diện về các mặt chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng (với mỗi chức danh cụ thể sự hiểu biết có thể ở mức độ nhất định); có trình độ đại học ở một lĩnh vực khoa học phù hợp với công tác và có trình độ trung - cao cấp lý luận chính trị trở lên.

Từ năm 2005 trở đi cán bộ chủ chốt các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, huyện, thị và tương đương phải có trình độ đại học chính quy chuyên ngành, cử nhân chính trị, được bồi dưỡng quản lý hành chính

nhà nước, quản lý kinh tế, biết ít nhất một ngoại ngữ thông dụng và sử dụng được máy vi tính.

4. Về năng lực và phong cách lãnh đạo

Có năng lực nhận thức nắm bắt và vận dụng đúng đắn, sáng tạo đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước, đề xuất cùng tập thể xây dựng được các nghị quyết cụ thể phù hợp với đơn vị. Biết lắng nghe, tiếp thu ý kiến của tham mưu, của cấp dưới. Có khả năng lựa chọn và hoạch định các chương trình đề án tối ưu và ra quyết định đúng đắn.

- Có năng lực tổ chức thể hiện ở khả năng quy tụ tập hợp được cán bộ, công chức, viên chức, sử dụng chuyên gia để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ tốt và có khả năng sắp xếp, chỉ đạo bộ máy hoạt động theo chương trình kế hoạch đề ra, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện đúng quy trình đạt hiệu quả.

- Có tư duy suy nghĩ, xem xét phát hiện, dự đoán, dự báo, nhìn thấy trước xu hướng diễn biến của tình hình, nắm bắt kịp thời các vấn đề mới nảy sinh và có phương án, giải pháp xử lý đúng, kịp thời thúc đẩy phong trào phát triển tốt.

- Tôn trọng nguyên tắc tập trung dân chủ, sâu sát cơ sở, sát thực tiễn, gần gũi cán bộ, nhân viên dưới quyền, chú ý lắng nghe ý kiến nhân dân. Có mối quan hệ tốt với cấp trên, cấp dưới và cộng sự; phương pháp làm việc khoa học, có kế hoạch, cụ thể và khách quan, có quan điểm đúng đắn không cá nhân, có bản lĩnh tự tin, tận tụy, trách nhiệm cao trong công việc.

5. Về độ tuổi và sức khỏe

a) Về độ tuổi:

- Từ năm 2000 trở đi, bố trí lần đầu cấp trưởng (trưởng ban, ngành, đoàn thể, giám đốc sở, bí thư, chủ tịch huyện, thị và tương đương...) ở độ tuổi không quá 50; cấp phó ban, ngành, đoàn thể... và tương đương; ủy viên Ban Thường vụ huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc (tỉnh) ở độ tuổi không quá 45. Đối với cán bộ nữ độ tuổi tương ứng ở mỗi chức danh thấp hơn từ 3 - 5 tuổi.

Trong trường hợp đặc biệt, bố trí vào chức vụ mới cao hơn phải đảm bảo ít nhất còn 2-3 nhiệm kỳ công tác mới đến tuổi nghỉ hưu trí.

Mỗi bộ máy lãnh đạo phải đảm bảo hợp lý giữa ba độ tuổi kế tiếp nhau để thực hiện sự đổi mới, kế thừa, phát triển trẻ hóa.

Riêng cán bộ lãnh đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh độ tuổi cần dưới 40 đối với cả cấp trưởng và cấp phó ở tỉnh và dưới tuổi 35 đối với trưởng, phó ở huyện, thị.

- Cán bộ cần phải được trải qua rèn luyện, thử thách ở các cương vị, chức vụ ở cấp dưới tỏ ra có khả năng đảm đương và hoàn thành trọng trách được giao trước khi đề bạt vào chức vụ cao hơn. Song cần khuyến khích, mạnh dạn đề bạt cán bộ trẻ đã được đào tạo cơ bản, thực sự có trình độ, tài năng, đạo đức phong cách làm việc tích cực có tín nhiệm, hiệu quả công tác được đánh giá xuất sắc. Trường hợp đặc biệt xuất sắc được đề bạt vượt cấp.

b) Về sức khỏe:

Tất cả các chức danh cán bộ khi được đề bạt, bổ nhiệm hay bầu cử đều phải có sức khỏe tốt, đảm bảo công tác được ổn định lâu dài, không mắc bệnh truyền nhiễm hoặc các bệnh nghiêm trọng khác.

Mọi chức danh cán bộ phải đảm bảo các tiêu chuẩn chung, với từng chức danh còn phải có các tiêu chuẩn cụ thể như sau:

C. TIÊU CHUẨN CỤ THỂ TỪNG CHỨC DANH

I. CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC ĐẢNG

1. Bí thư Tỉnh ủy

- Nắm vững quan điểm đường lối, chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hiểu sâu, toàn diện các mặt chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh. Có kiến thức, kinh nghiệm và khả năng lãnh đạo toàn diện đã được kiểm nghiệm qua quá trình công tác, đáp ứng đòi hỏi của sự nghiệp đổi mới và công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở địa phương.

- Có năng lực phân tích tổng hợp cao, tư duy sâu sắc và nhạy bén. Biết phát huy trí tuệ của tập thể cấp ủy, các cơ quan tham mưu trong lãnh đạo xây dựng, thực hiện chiến lược kinh tế - xã hội của tỉnh. Là trung tâm đoàn kết, quy tụ cán bộ của tỉnh, có mối quan hệ tốt với Trung ương, các tỉnh, thành phố bạn và quan hệ quốc tế. Có tín nhiệm cao trong Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong toàn tỉnh

- Đã được đào tạo, bồi dưỡng sâu về kiến thức xây dựng Đảng, quản lý hành chính nhà nước, vận động quần chúng. Đã qua rèn luyện thử thách trong thực tiễn sản xuất, chiến đấu và công tác ở các cương vị chủ chốt công tác Đảng hoặc chính quyền cấp dưới đạt kết quả tốt (cần có thời gian làm Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Bí thư huyện, Thị ủy từ 3-5 năm trở lên).

2. Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy

- Nắm vững quan điểm đường lối, chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước hiểu biết sâu về công tác xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng. Nắm vững tình hình thực tiễn chính trị và các vấn đề kinh tế - xã hội ở tỉnh.

- Có năng lực tổ chức điều hành, phối hợp hoạt động các ban Đảng, sở, ban, ngành, nhà nước và các đoàn thể quần chúng. Có khả năng chủ trì, xây dựng các chương trình, đề án của cấp ủy về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, công tác xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng nhân dân... chỉ đạo, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện có kết quả và sơ tổng kết rút kinh nghiệm.

- Có khả năng giúp Bí thư xử lý kịp thời các thông tin và điều hành các công việc thường xuyên hằng ngày của cấp ủy và thay mặt Bí thư khi vắng, giải quyết các công việc đột xuất quan trọng.

- Hiểu biết nhiều lĩnh vực, đồng thời hiểu biết sâu và có kinh nghiệm về những lĩnh vực được phân công phụ trách. Đã có quá trình rèn luyện thử thách trong thực tiễn, trưởng thành từ cơ sở lên, đã trải qua giữ vị trí lãnh đạo chủ chốt ở các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và cấp huyện, thị, đảng ủy trực thuộc tỉnh từ 3-5 năm.

3. Các Trưởng ban Đảng thuộc Tỉnh ủy

- Hiểu biết sâu công tác xây dựng Đảng. Hiểu biết toàn diện và thường xuyên nắm chắc tình hình chính trị, kinh tế - xã hội của tỉnh, trước hết là trong lĩnh vực mình phụ trách. Có năng lực nắm bắt tiếp thu đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, của Tỉnh ủy vận dụng cụ thể hóa trong công tác phù hợp với tình hình của tỉnh một cách có cơ sở lý luận, cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn.

- Có khả năng suy nghĩ đề xuất xây dựng và tổ chức thực hiện tốt các chương trình, đề án thuộc phạm vi phụ trách. Làm tốt chức năng tham mưu cho cấp ủy tỉnh trong lĩnh vực chuyên môn của ban và lĩnh vực công việc được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công. Quán xuyến toàn diện và điều hành, quản lý chặt chẽ mọi mặt hoạt động của cơ quan vận hành đồng bộ, phát huy hiệu quả của các phòng, ban, bộ phận trong cơ quan.

Được đào tạo cơ bản và bồi dưỡng sâu kiến thức chuyên ngành xây dựng Đảng và lĩnh vực được phân công phụ trách, đồng thời phải có kiến thức quản lý hành chính nhà nước. Đã qua thực tiễn lãnh đạo, quản lý ở cấp dưới, trước hết lĩnh vực xây dựng Đảng ở cương vị chủ chốt huyện, thị hoặc sở, ban, ngành... cấp tỉnh từ 3 năm trở lên.

4. Phó ban Đảng tỉnh

- Nắm vững nội dung công tác xây dựng Đảng và mối quan hệ công tác thuộc lĩnh vực chuyên môn với đơn vị cấp tỉnh và huyện, thị. Có hiểu biết tình hình thực tiễn về kinh tế - xã hội và đời sống tại địa phương.

- Biết vận dụng cụ thể hóa đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, phù hợp với lĩnh vực công tác được phân công phụ trách. Có khả năng đề xuất tổ chức xây dựng và thực hiện tốt các đề án công tác thuộc lĩnh vực phạm vi mình phụ trách.

- Có trình độ tổ chức điều hành các phòng, ban, bộ phận được phân công phụ trách, biết phối hợp triển khai công việc với các cơ quan, đơn vị có liên quan.

- Đã được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về xây dựng Đảng thuộc lĩnh vực công tác được bồi dưỡng kiến thức quản lý hành chính nhà nước. Đã qua thực tiễn lãnh đạo, quản lý ở sở, ban, ngành tỉnh, huyện, thị hoặc có kinh nghiệm công tác chuyên môn nghiệp vụ ở các Ban xây dựng Đảng từ 3 -4 năm trở lên.

5. Bí thư huyện, thị ủy và tương đương

- Nắm vững các quan điểm, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Có hiểu biết sâu về công tác xây dựng Đảng, công tác vận động quần chúng. Nắm chắc thực trạng tình hình và định hướng phát triển về mọi mặt: chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh, quân sự... của huyện, thị mình phụ trách.

- Có khả năng tiếp thu vận dụng và lãnh đạo tập thể cấp ủy huyện, thị cụ thể hóa các nghị quyết của Trung ương, của Tỉnh ủy và nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện, thị thành chương trình hành động, kế hoạch công tác và biết tổ chức, lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra đôn đốc việc thực hiện có hiệu quả.

- Được đào tạo cơ bản về lý luận chính trị, chuyên môn. Có tín tiệm cao trong tập thể cán bộ, đảng viên và nhân dân. Thường xuyên chỉ đạo thực hiện xây dựng đội ngũ cán bộ, là trung tâm đoàn kết quy tụ đội ngũ cán bộ huyện, thị. Vừa biết phát huy khai thác tiềm năng, trí tuệ của tập thể, vừa có khả năng thuyết phục tập hợp quần chúng nhân dân bằng chính năng lực, uy tín và sự gương mẫu của bản thân.

Hiểu biết sâu và thường xuyên được bồi dưỡng, nâng cao về kiến thức xây dựng Đảng, quản lý hành chính nhà nước. Đã qua thực tiễn công tác Đảng, chính quyền, đoàn thể ở huyện, thị hoặc tỉnh và đã giữ các chức danh chủ chốt cấp dưới từ 3 đến năm trở lên.

6. Phó Bí thư Thường trực huyện, thị ủy và tương đương

Nắm vững quan điểm, đường lối, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hiểu biết công tác xây dựng Đảng và công tác vận động quần chúng nhân dân. Nắm vững toàn diện tình hình mọi mặt ở địa phương.

- Có năng lực cụ thể hóa và triển khai tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra tổ chức các chỉ thị, nghị quyết, chương trình, kế hoạch công tác của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ huyện, thị ủy... có khả năng xây dựng, chuẩn bị các đề án, chuyên đề công tác cấp ủy, giúp Bí thư và Cấp ủy chỉ đạo thực hiện và tổng kết rút kinh nghiệm và điều hành công việc hằng ngày của cấp ủy và thay mặt Bí thư khi vắng.

- Có khả năng làm tốt việc điều hành công việc thường xuyên của cấp ủy, điều hành hoạt động của các ban Đảng và giúp bí thư quán xuyến toàn bộ hoạt động các bộ máy trong hệ thống chính trị ở cấp huyện, thị...

- Được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức xây dựng Đảng và công tác vận động quần chúng. Đã qua thực tiễn công tác Đảng, chính quyền, đoàn thể ở huyện, thị hoặc tỉnh ở các chức danh chủ chốt cấp dưới ít nhất là 3 năm.

7. Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Đảng huyện, thị và tương đương

- Nắm vững đường lối, chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, chủ trương, nhiệm vụ chính trị của cấp trên, đặc điểm tình hình mọi mặt của địa phương. Hiểu biết công tác xây dựng Đảng, hiểu biết chuyên sâu lĩnh vực được phân công phụ trách.

- Biết vận dụng cụ thể hóa nghị quyết của cấp trên thành chuyên đề, chương trình, kế hoạch công tác ở huyện, thị ủy, của ban và biết tổ chức chỉ đạo thực hiện có hiệu quả trong lĩnh vực công việc được phân công phụ trách. Có khả năng tham mưu đề xuất, đóng góp ý kiến vào sự lãnh đạo chung của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ huyện ủy, thị ủy.

II. CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC CHÍNH QUYỀN

1. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân

- Nắm vững quan điểm, đường lối, nghị quyết, pháp luật của Nhà nước. Có khả năng cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương,

Quốc hội, Chính phủ, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh thành cơ chế chính sách, quyết định, quy định, chỉ thị... của Ủy ban nhân dân tỉnh để tổ chức chỉ đạo thực hiện, đưa nghị quyết của Đảng và cuộc sống hiện thực.

- Có năng lực điều hành, quản lý nhà nước cấp tỉnh, có tính Đảng cao trong công tác xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Nắm vững nghiệp vụ quản lý nhà nước và cải cách nền hành chính quốc gia. Nắm vững nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại địa phương, đồng thời hiểu biết nhiều lĩnh vực khác

- Có tư duy năng động nhạy bén, quyết đoán, có trách nhiệm cao trong điều hành công việc chung, đặc biệt là những vấn đề cấp bách về kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh. Xây dựng mối quan hệ công tác chặt chẽ với các cấp, ngành, đoàn thể nhân dân và các tổ chức xã hội.

- Đã được đào tạo cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước (cần biết một ngoại ngữ và sử dụng thông thạo vi tính phục vụ cho công tác). Được bồi dưỡng kiến thức mới về quản lý kinh tế, kinh tế đối ngoại, quốc phòng, an ninh - ngoại giao. Có uy tín trong Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Có kinh nghiệm quản lý, lãnh đạo ở cấp dưới, đã qua lãnh đạo chủ chốt ở các sở, ban, ngành tỉnh, huyện, thị và tương đương từ 5 năm trở lên.

2. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh

- Có khả năng cụ thể hóa các chỉ thị, nghị quyết, chủ trương, chính sách của Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh ở lĩnh vực mình phụ trách và tổ chức chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện có hiệu quả. Có khả năng nghiên cứu tổng hợp và đề xuất xây dựng những chương trình dự án lớn về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Có tính đảng cao trong công tác xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam. Nắm vững nghiệp vụ quản lý nhà nước và nội dung cải cách nền hành chính quốc gia. Hiểu biết về pháp luật, nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa tại địa phương, chỉ đạo thực

hiện có hiệu quả. Hiểu biết chuyên môn của các ngành thuộc lĩnh vực phụ trách. Năng động, nhạy bén, quyết đoán và có trách nhiệm cao trong điều hành công việc, trước hết thuộc lĩnh vực mình phụ trách.

- Đã được đào tạo cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý hành chính nhà nước (cần biết một ngoại ngữ và sử dụng thông thạo vi tính phục vụ cho công tác). Được bồi dưỡng những kiến thức mới về các lĩnh vực kinh tế - xã hội... đã qua thực tiễn lãnh đạo, quản lý ở cấp dưới có hiệu quả là chủ chốt sở, ban, ngành tỉnh huyện, thị và tương đương. Có uy tín được quần chúng nhân dân tín nhiệm. Thời gian giữ cương vị chủ chốt cấp dưới ít nhất từ 3 năm.

3. Giám đốc, Phó Giám đốc sở, Trưởng, Phó ban, ngành tỉnh và tương đương

- Nắm vững, chủ trương đường lối, chỉ thị, nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực do mình phụ trách. Có năng lực tiếp thu nắm bắt được đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và của Bộ, ngành chủ quản, biết vận dụng cụ thể hóa bằng những quy định, thể lệ quản lý nhà nước để hướng dẫn cơ sở thực hiện và kiểm tra đôn đốc việc thực hiện ở cấp dưới để đạt hiệu quả tốt.

- Hiểu biết tình hình thực tiễn về kinh tế - xã hội và đời sống của tỉnh, trước hết lĩnh vực ngành quản lý. Nắm vững cơ chế, chính sách và tình hình hoạt động của hệ thống tổ chức bộ máy thuộc quyền quản lý. Có năng lực tổ chức, chỉ đạo phối hợp triển khai công việc theo kế hoạch giữa các bộ phận, đơn vị trực thuộc sở, ban, ngành, phòng, ban chuyên môn cấp huyện, thị và với cơ quan có liên quan.

- Nghiêm túc trong việc thực hiện cơ chế quản lý nhà nước. Đóng góp ý kiến đề xuất với Ban cán sự Đảng, cấp ủy đảng trong công tác xây dựng Đảng.

- Có tính Đảng cao, có trách nhiệm cao trong xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của ngành đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới.

- Có trình độ đại học chuyên ngành và có trình độ lý luận chính trị cao cấp trở lên được bồi dưỡng quản lý hành chính nhà nước. Tiến tới phải có trình độ trên đại học phù hợp với lĩnh vực quản lý. Đã có thời gian nhất định giữ chức vụ trưởng phòng sở hoặc tương đương từ 3 năm trở lên. Có uy tín về chuyên môn và phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh được cán bộ, đảng viên trong ngành tín nhiệm.

4. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị

- Nắm vững các quan điểm, đường lối, chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Có tính Đảng cao trong điều hành công việc nhà nước và trong công tác vận động quần chúng. Nắm vững tình hình mọi mặt kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh... của địa phương và các lĩnh vực công tác ở cấp huyện, thị.

Có năng lực tiếp thu, vận dụng cụ thể hóa, thể chế hóa các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, thị thể hiện thành các văn bản hướng dẫn của cấp mình phù hợp với luật định với điều kiện thực tiễn của từng huyện, thị. Có khả năng chủ trì hoạch định các chương trình, dự án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm theo nhiệm kỳ trên địa bàn huyện, thị đề xuất chủ trương, biện pháp thực hiện và chỉ đạo tổ chức triển khai đạt kết quả tốt.

- Được đào tạo cơ bản về chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị, quản lý nhà nước (tiến tới cần biết một ngoại ngữ và sử dụng thông thạo vi tính phục vụ công tác). Đã được rèn luyện thử thách qua thực tiễn công tác đảng, chính quyền, đoàn thể ở huyện hoặc tỉnh; trưởng ban Đảng, trưởng phòng các cơ quan nhà nước cấp huyện, thị và tương đương được đánh giá kết quả tốt. Đoàn kết quy tụ được đội ngũ cán bộ sâu sát cơ sở và được quần chúng nhân dân tín nhiệm. Thời gian giữ cương vị chủ chốt ít nhất là 4 năm trở lên.

5. Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thị

- Nắm vững quan điểm, đường lối, chỉ thị, nghị quyết, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước; đặc điểm tình hình và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hiểu biết chuyên sâu về lĩnh vực mình phụ trách và nắm vững nghiệp vụ quản lý hành chính nhà nước.

- Có năng lực vận dụng đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để tổng kết và đề xuất được những biện pháp phù hợp thực hiện nghị quyết của cấp ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các đề án thuộc chức trách, nhiệm vụ của mình. Có năng lực điều hành, tổ chức, chỉ đạo, thực hiện có hiệu quả các phòng, ban, bộ phận... và lĩnh vực công tác được phân công phụ trách.

- Được đào tạo cơ bản về chuyên môn, nghiệp vụ và lý luận chính trị, quản lý nhà nước có trình độ từ trung - cao cấp trở lên. Sâu sát cơ sở và lĩnh vực công tác được phân công phụ trách. Đã trải qua thực tiễn công tác Đảng, chính quyền, đoàn thể ở huyện, thị hoặc tỉnh, hoặc trưởng ban Đảng, trưởng phòng các cơ quan, ngành cấp huyện và tương đương được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ. Được sự tín nhiệm của Đảng bộ và nhân dân có triển vọng phát triển tốt, thời gian giữ cương vị chủ chốt ít nhất từ 3 năm trở lên.

III. CÁN BỘ LÀM CÔNG TÁC ĐOÀN THỂ

Trưởng, phó các đoàn thể chính trị - xã hội:

- Trung thành tuyệt đối với Cương lĩnh chính trị của Đảng. Biết vận dụng đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, chỉ thị, nghị quyết của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh và đoàn thể cấp trên vào nội dung hoạt động của đoàn thể mình và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Đề xuất và chỉ đạo xây dựng các nội dung chương trình hoạt động của đoàn thể, góp phần cùng Đảng, chính quyền tập hợp sức mạnh

tổng hợp của quần chúng nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương.

- Hiểu biết và phối hợp làm tốt công tác xây dựng Đảng. Nắm vững pháp luật, chính sách của Nhà nước để tuyên truyền giáo dục cho nhân dân có kiến thức hiểu biết rộng và trình độ chuyên môn nghiệp vụ sâu ở lĩnh vực công tác đoàn thể của mình. Có năng lực vận động thuyết phục quần chúng và có khả năng định hướng phong trào quần chúng, được quần chúng nhân dân tín nhiệm. Gần gũi sâu sát hiểu biết nắm chắc tình hình cơ sở và là trung tâm đoàn kết quy tụ cán bộ, quần chúng nhân dân.

- Đã được đào tạo bồi dưỡng cơ bản chuyên môn, nghiệp vụ tại các trường đoàn thể của Trung ương. Có trình độ trung, cao cấp lý luận chính trị và quản lý nhà nước. Có quá trình rèn luyện trưởng thành từ hoạt động phong trào đoàn thể quần chúng.

IV. CÁN BỘ SẢN XUẤT - KINH DOANH

Giám đốc, phó giám đốc và kế toán trưởng doanh nghiệp nhà nước (diện tỉnh quản lý):

- Nắm vững và vận dụng đúng đắn đường lối, quan điểm kinh tế của Đảng, cơ chế, chính sách của Nhà nước, nghị quyết, chủ trương của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh vào phát triển sản xuất, kinh doanh. Có khả năng nắm bắt những thành tựu kinh tế - kỹ thuật - công nghệ tiên tiến để đề ra phương hướng, mục tiêu sản xuất - kinh doanh phù hợp có hiệu quả.

- Có năng lực tổ chức quản lý, điều hành sản xuất - kinh doanh, biết khai thác tốt các tiềm năng của doanh nghiệp và thế mạnh của địa phương thực hiện có hiệu quả các mục tiêu, chỉ tiêu sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, làm tròn các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước.

- Làm tốt công tác xây dựng Đảng và công tác vận động quần chúng tại doanh nghiệp. Giữ gìn đạo đức, lối sống, không tham nhũng,

tiêu cực, vững vàng trưởng thành trong cơ chế thị trường, đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng; được quần chúng tín nhiệm.

- Có kiến thức về quản trị kinh doanh, có trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên, biết sử dụng vi tính thành thạo, nắm bắt nhanh thông tin kinh tế (cần biết ngoại ngữ phù hợp với nghề nghiệp sản xuất - kinh doanh) đã qua bồi dưỡng kiến thức về kinh tế thị trường, hiểu biết về kinh tế đối ngoại.

D. TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN

Tiêu chuẩn cụ thể các chức danh cán bộ là cơ sở để đánh giá cán bộ, là định hướng để mọi cán bộ phấn đấu rèn luyện và làm căn cứ để tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bố trí, sử dụng cất nhắc cán bộ.

- Việc đề bạt, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm cho từ chức, việc bố trí điều động luân chuyển công tác phải căn cứ vào quy định về tiêu chuẩn, chức danh để xem xét quyết định. Những cán bộ không bảo đảm tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể thì dứt khoát không đề bạt, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại.

- Để cán bộ đáp ứng được các tiêu chuẩn đã quy định, yêu cầu các cấp ủy Đảng các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, lãnh đạo sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, huyện, thị và tương đương phải chỉ đạo làm tốt công tác quy hoạch cán bộ, đặc biệt là việc lựa chọn tạo nguồn các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt đảm bảo mỗi chức danh đều có từ 1 đến 2 cán bộ dự nguồn. Định kỳ hằng năm phải chủ động rà soát, đánh giá điều chỉnh bổ sung danh sách cán bộ quy hoạch của đơn vị mình (báo cáo với Ban Tổ chức Tỉnh ủy để theo dõi).

- Hằng năm các đơn vị phải căn cứ vào quy hoạch cán bộ để lập kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cụ thể từng người, từng loại trường, lớp ở huyện, tỉnh, Trung ương. Đồng thời các đơn vị căn cứ chính sách hiện hành của tỉnh và cấp trên tạo điều kiện về thời gian và vật chất giúp đỡ cán bộ yên tâm học tập tốt.

- Người đứng đầu đơn vị phải quan tâm giáo dục rèn luyện đội ngũ cán bộ đương chức và cán bộ kế cận, có hình thức giúp đỡ và giao việc thích hợp để cán bộ phấn đấu trưởng thành dần trong công tác, đồng thời coi trọng và tăng cường giáo dục, bồi dưỡng về lý tưởng, phẩm chất đạo đức cách mạng, lối sống lành mạnh cho cán bộ, xây dựng nền nếp làm việc khoa học tại cơ quan.

- Cùng với quy hoạch đội ngũ cán bộ, các đơn vị cần kiện toàn tổ chức bộ máy và cán bộ theo hướng tinh gọn, hiệu lực. Đổi mới phương thức quản lý, xác định rõ vị trí, chức năng, nhiệm vụ quyền hạn của từng loại cán bộ, từng bước đổi mới đầu tư trang thiết bị làm việc (máy vi tính, tài liệu tham khảo, báo chí, thông tin...) giúp cán bộ có điều kiện hiểu biết, nắm bắt và nghiên cứu để đáp ứng tiêu chuẩn đề ra.

Căn cứ bản Quy định này, các đơn vị sở, ban, ngành, huyện, thị và tương đương cần chỉ đạo xây dựng hệ thống tiêu chuẩn của cấp mình cho phù hợp, nhằm làm cho việc thực hiện tiêu chuẩn cán bộ đồng bộ, thống nhất trong toàn tỉnh.

Trong quá trình thực hiện Quy định này có những vấn đề chưa phù hợp hoặc phát sinh sẽ sửa đổi bổ sung.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 216-QĐ/TU, ngày 12-2-1999

**Ban hành quy định tạm thời về quy trình đề bạt,
bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cho nghỉ hưu
đối với cán bộ (diện Tỉnh ủy quản lý)**

Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII) và Quy chế
làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này, quy định tạm thời về
quy trình đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cho nghỉ hưu đối
với cán bộ (diện Tỉnh ủy quản lý).

Điều 2: Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy hướng dẫn, theo dõi việc
thực hiện thống nhất quy định này trên địa bàn toàn tỉnh.

Điều 3: Các ban của Đảng, huyện ủy, thị ủy, đảng ủy trực thuộc,
các Ban cán sự và Đảng đoàn trực thuộc có nhiệm vụ thực hiện Quyết
định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
TRÁNG A PAO**

QUY ĐỊNH TẠM THỜI

Quy trình đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cho nghỉ hưu đối với cán bộ (diện Tỉnh ủy quản lý)

*(Ban hành kèm theo quyết định số 216-QĐ/TU, ngày 12-2-1999
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

Căn cứ vào Quyết định số 144-QĐ/TU, ngày 27-3-1998 về phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ, Ban Thường vụ Tỉnh ủy quy định quy trình đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho nghỉ hưu đối với cán bộ thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý (gọi tắt là cán bộ diện Tỉnh ủy quản).

Điều 1: Cơ quan chuẩn bị trình ra Thường trực, Ban Thường vụ về nhân sự là Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy nghiên cứu, đề xuất hoặc thẩm định và tổng hợp đề nghị của cấp ủy huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; của các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng (của sở, ban, ngành nơi không có Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng) về những vấn đề công tác cán bộ diện Tỉnh ủy quản lý để trình ra Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét quyết định.

Điều 2: Tổ chức lấy phiếu thăm dò ý kiến đề bạt, bổ nhiệm cán bộ:

a) Trách nhiệm đề xuất việc đề bạt bổ nhiệm cán bộ diện Tỉnh ủy quản lý:

Ban Tổ chức Tỉnh ủy hoặc Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh; Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh; Ban cán sự Đảng các sở, ban, ngành; Đảng đoàn các đoàn thể nhân dân tỉnh. Ban Thường vụ huyện, thị ủy và các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy.

b) Trách nhiệm tổ chức lấy phiếu thăm dò trước khi đề bạt, bổ nhiệm cán bộ:

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì cùng với Đảng đoàn, hoặc Ban cán sự Đảng sở, ban, ngành; Ban Thường vụ huyện, thị ủy; Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy có cán bộ được đề bạt, bổ nhiệm tổ chức lấy phiếu thăm dò tín nhiệm. Nếu các đơn vị thuộc cơ quan nhà nước, Ban Tổ chức Tỉnh ủy mời Ban Tổ chức chính quyền tỉnh cùng tham gia. Ban Tổ chức Tỉnh ủy trực tiếp thu phiếu thăm dò tín nhiệm.

- Trước khi tổ chức lấy phiếu thăm dò tín nhiệm phải làm theo đúng trình tự:

+ Nêu rõ mục đích, yêu cầu, tiêu chuẩn chức danh cán bộ cần đề bạt hoặc bổ nhiệm.

+ Thông báo danh sách cán bộ đã được rà soát lựa chọn vào quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng (phần thuộc cơ quan hoặc ngành từ tỉnh xuống huyện...).

+ Thông báo danh sách cán bộ ngoài cơ quan (theo sự giới thiệu của cơ quan tổ chức cán bộ) được đưa vào danh sách lấy phiếu tín nhiệm.

+ Tiến hành bỏ phiếu kín để giới thiệu (theo mẫu của Ban Tổ chức Tỉnh ủy in sẵn).

Đối với cán bộ thuộc ngành dọc Trung ương quản lý đơn vị nằm trên địa bàn tỉnh Lào Cai thì: khi bộ, ngành Trung ương thấy cần phải thay đổi cán bộ chủ chốt đơn vị đó thì chủ động làm việc với cấp ủy tỉnh để thống nhất và tổ chức lấy phiếu thăm dò tín nhiệm. Trên cơ sở đó, Bộ, ngành xem xét quyết định (theo quyết định phân cấp công tác tổ chức cán bộ của Bộ Chính trị Trung ương Đảng).

+ Những trường hợp cần thay đổi vị trí công tác cán bộ chủ chốt ở đơn vị do ngành dọc bộ, ngành Trung ương quản lý hoặc cán bộ vi phạm nguyên tắc sinh hoạt đảng, vi phạm kỷ luật đảng hoặc sức khỏe, năng lực yếu, tín nhiệm thấp... thì cấp ủy tỉnh chủ động trao đổi với Ban cán sự Đảng bộ, ngành Trung ương tổ chức lấy phiếu thăm dò tín nhiệm. Trên cơ sở đó, Ban cán sự Đảng bộ, ngành xem xét quyết định về nhân sự (theo quyết định phân cấp của Bộ Chính trị Trung ương Đảng).

Phiếu thăm dò tín nhiệm không có giá trị như phiếu bầu cử, song có giá trị tham khảo quan trọng để nghiên cứu nhân sự đề bạt, bổ nhiệm cán bộ.

c) Thành phần tham gia bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm:

Ở sở, ban, ngành tỉnh, người tham gia bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm gồm: Trưởng, phó phòng, trưởng các đơn vị trực thuộc, toàn Ban Chấp hành Đảng ủy hoặc chi ủy cơ quan, Thường vụ Công đoàn ngành, Thường vụ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh (nếu có); (trường hợp phòng, ban và số lượng cán bộ, công chức của một cơ quan ít nhất đối tượng bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm có thể được mở rộng).

- Ở huyện, thị ủy thì lấy ý kiến thăm dò tín nhiệm trong Ban Chấp hành Đảng bộ cấp mình.

- Ở các Đảng bộ trực thuộc khác thì lấy ý kiến thăm dò trong Ban Chấp hành Đảng ủy và có thể mở rộng đến trưởng, phó các đơn vị trực thuộc hoặc bí thư Đảng ủy, chi ủy trực thuộc Đảng bộ mình.

- Ở các đoàn thể nhân dân thì lấy ý kiến thăm dò trong Ban Chấp hành đoàn thể cấp mình. Trường hợp thật cần thiết có thể mở rộng đến trưởng, phó các ban của đoàn thể không phải là ủy viên Ban Chấp hành cấp mình.

Điều 3: Trình tự chuẩn bị hồ sơ trình:

- Sau khi có kết quả phiếu thăm dò tín nhiệm, Ban Tổ chức Tỉnh ủy thông báo kết quả (bằng văn bản) cho Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh (hoặc thủ trưởng cơ quan nơi chưa thành lập Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng), Bí thư cấp ủy, huyện, thị, Đảng bộ trực thuộc tỉnh biết.

- Theo chức năng, quyền hạn của mình, các đơn vị, cơ quan nơi có cán bộ được chọn đề bạt hoặc bổ nhiệm có trách nhiệm nhận xét ưu khuyết điểm và có văn bản chính thức đề nghị Tỉnh ủy, gửi qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy lập hồ sơ trình.

- Lãnh đạo Ban Tổ chức Tỉnh ủy trao đổi với đồng chí trưởng các ban Đảng, cấp ủy có liên quan xem có những vấn đề gì liên quan đến

lịch sử chính trị, phẩm chất đạo đức của cán bộ đó, sau đó tổng hợp ý kiến lập hồ sơ trình.

Điều 4: Điều động luân chuyển, cho nghỉ hưu trí, thôi giữ chức vụ nghỉ chờ làm thủ tục hưu trí.

- Không phải lấy phiếu thăm dò tín nhiệm.

- Những công việc làm khác như Điều 3.

Điều 5: Gặp gỡ cán bộ trước khi trình.

Cán bộ được đề nghị đề bạt bổ nhiệm, thôi giữ chức vụ, điều động, cho nghỉ hưu cần được gặp gỡ trước khi trình ra Thường trực, Ban Thường vụ xem xét quyết định.

a) Đối với các đồng chí là Ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy thì đồng chí Bí thư Tỉnh ủy gặp.

b) Đối với các đồng chí trưởng ngành tỉnh và tương đương, bí thư huyện ủy và tương đương, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị và tương đương (không phải là ủy viên Ban Chấp hành Tỉnh ủy) các đồng chí Phó Bí thư Tỉnh ủy gặp (hoặc ủy nhiệm cho đồng chí Thường vụ Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy gặp).

c) Các đồng chí phó giám đốc sở, ban, ngành và tương đương, phó bí thư huyện, thị ủy, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc và tương đương Tỉnh ủy, ủy nhiệm cho đồng chí ủy viên Thường vụ Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy gặp.

d) Các đồng chí ủy viên Thường vụ của các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, Tỉnh ủy ủy nhiệm cho các Bí thư Đảng bộ gặp.

e) Các đồng chí ủy viên Thường vụ các đoàn thể, ủy nhiệm cho cấp Trưởng đơn vị đó gặp.

g) Các đồng chí giám đốc, phó giám đốc công ty, xí nghiệp, đơn vị thuộc diện tỉnh quản lý, ủy nhiệm cho đồng chí Bí thư Ban cán sự Đảng của ngành đó gặp.

Trước khi gặp gỡ cán bộ để chuẩn bị nhân sự cần trao đổi thống nhất với đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy để đồng chí đó nắm được ý định lãnh đạo, làm tham mưu giúp chuẩn bị về nhân sự theo

chức năng, nhiệm vụ, lập tờ trình báo cáo Thường trực và Ban Thường vụ xem xét quyết định.

Điều 6: Hồ sơ trình đề bạt, bổ nhiệm cán bộ:

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy phải hoàn chỉnh hồ sơ cán bộ để trình gồm:

+ Tóm tắt sơ yếu lý lịch.

+ Sao các văn bằng học vấn.

+ Nhận xét của cấp ủy cơ sở nơi cán bộ sinh hoạt, công tác.

+ Văn bản đề nghị, nhận xét của Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, huyện,

+ Kết quả phiếu thăm dò tín nhiệm.

+ Nhận xét và đề nghị của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo tập thể Thường trực tỉnh quyết định đối với các cán bộ được phân cấp và thống nhất phương án trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy đối với diện cán bộ Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

- Thường trực Tỉnh ủy có trách nhiệm trình bày các nội dung đã thống nhất trong hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét quyết định. Đối với những trường hợp còn có những ý kiến khác nhau, Ban Tổ chức Tỉnh ủy phải báo cáo rõ những vấn đề liên quan đến những ý kiến khác nhau đó. Nếu chưa thống nhất cần nghiên cứu tiếp và trình vào cuộc họp khác.

Khi cần thiết, ở hội nghị Ban Thường vụ xét đề bạt hoặc bổ nhiệm cán bộ có thể mời đồng chí Bí thư Ban cán sự Đảng, hoặc Bí thư Đảng đoàn, Bí thư huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc (nơi có thay đổi cán bộ) hoặc lãnh đạo Ủy ban Kiểm tra, Tổ chức chính quyền tỉnh cùng tham dự.

Điều 8: Ra quyết định và thông báo quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy (Ban Tổ chức Tỉnh ủy chuẩn bị văn bản).

- Cán bộ Khối Đảng: Ban Thường vụ Tỉnh ủy trực tiếp ra quyết định hoặc thông báo để bầu cử.

- Cán bộ Khối Đoàn thể: Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra thông báo để Đảng đoàn các đoàn thể lãnh đạo việc bầu cử.

- Cán bộ Khối Chính quyền: Ban Thường vụ thông báo để đồng chí Bí thư Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo ra quyết định về phương diện nhà nước đối với các chức danh bổ nhiệm hoặc Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo bầu cử theo luật định đối với các chức danh bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp.

- Đối với các ngành quản lý theo hệ thống dọc từ Trung ương xuống tỉnh, sau khi Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét nhất trí, Tỉnh ủy có văn bản trao đổi với ngành cấp trên đơn vị đó ra quyết định theo thẩm quyền phân cấp (quyết định của Bộ Chính trị Trung ương Đảng).

Điều 9: Công bố và trao quyết định: Tỉnh ủy, ủy quyền cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, Thường trực cấp ủy huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy tổ chức công bố và trao quyết định cho cán bộ.

Điều 10: Tổ chức thực hiện:

Quy định này được phổ biến đến các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng, sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc.

Căn cứ vào quy trình này và quyết định phân cấp quản lý tổ chức và cán bộ ở từng cấp xây dựng quy trình đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cho nghỉ hưu đối với cán bộ thuộc diện cấp mình quản lý cho phù hợp:

Trong quá trình thực hiện Quy định này có những vấn đề chưa phù hợp hoặc phát sinh sẽ sửa đổi bổ sung.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 233-TB/TU, ngày 27-2-1999

Về kết luận của đồng Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 27-2-1999

Ngày 27-2-1999, Thường trực Tỉnh ủy dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy đã thống nhất kết luận một số vấn đề sau:

1. Nhất trí về chủ trương cho Công ty Hằng Sinh - Hồng Kông xây dựng dự án đầu tư khu vực Đền Thượng - Lào Cai theo nguyên tắc sau:

- Làm đầy đủ các thủ tục và được thẩm định, phê duyệt chặt chẽ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

- Không ảnh hưởng đến cảnh quan và xâm phạm di tích văn hóa Đền Thượng.

- Không xây dựng các công trình kiến trúc ở khu đất bờ sông Nậm Thi.

- Không có công trình đầu tư và các hoạt động ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng.

2. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tích cực chỉ đạo sản xuất, nắm lại tình hình dân di cư tự do và có biện pháp giải quyết; xét lập dự án kịp thời thêm 2 xã khó khăn trình Chính phủ phê duyệt. Chỉ đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Ngoại vụ biên giới làm việc với Bí thư thứ hai - Đại sứ quán Mỹ.

3. Đồng ý cho huyện Bảo Yên tổ chức kỷ niệm nội bộ 50 năm ngày giải phóng Phố Ràng và 34 năm thành lập huyện hình thức trang trọng, tiết kiệm, không phô trương hình thức, chủ yếu tuyên truyền và vận động viên quần chúng phát huy truyền thống lịch sử xây dựng quê hương giàu đẹp. Kinh phí do huyện tự túc.

4. Yêu cầu Mặt trận Tổ quốc tỉnh đánh giá lại hoạt động của Thanh tra nhân dân toàn tỉnh và chuẩn bị lại dự thảo chỉ thị về Thanh tra nhân dân cho Tỉnh ủy phù hợp với Quy chế dân chủ và Luật khiếu nại, tố cáo.

5. Đồng ý cho Ban Tuyên giáo, Ban Tổ chức, Văn phòng Tỉnh ủy mở hội nghị theo đề nghị, thời gian cụ thể các ban thống nhất với Văn phòng Tỉnh ủy theo tinh thần thực hiện các nội dung trong cùng một hội nghị.

6. Nhất trí cử đồng chí La Văn Tuất, phóng viên báo Lào Cai tham gia phóng viên thường trú của Đài Tiếng nói Việt Nam khu vực Tây Bắc.

7. Nhất trí đề bạt đồng chí Lê Ngọc Hưng, nguyên Giám đốc Công ty Môi trường đô thị thị xã Lào Cai giữ chức vụ Giám đốc Công ty Môi trường đô thị tỉnh Lào Cai, hưởng lương bậc 1 công ty hạng 4 hệ số 3,66.

Các cơ quan và cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 13-CT/TU, ngày 12-3-1999

Về công tác lãnh đạo và tổ chức thực hiện đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt ở nơi cư trú

Ngày 5-9-1995, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ban hành Thông tri số 13-TT/TU về việc tổ chức cho đảng viên cơ quan tham dự sinh hoạt Đảng tại nơi cư trú. Sau hơn ba năm tổ chức thực hiện trên phạm vi địa bàn thị xã Lào Cai, Cam Đường và năm Đảng ủy trực thuộc tỉnh đã đạt được kết quả tích cực, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của chi bộ và tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên cư trú; tạo điều kiện để rèn luyện, quản lý và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên cơ quan; tuyên truyền, vận động người thân trong gia đình và quần chúng nhân dân thực hiện tốt mọi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chấp hành tốt các nội quy, quy định của phố, phường. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức thực hiện, bên cạnh những thành tích ưu điểm đạt được, cũng còn bộc lộ những thiếu sót, khuyết điểm như: Việc học tập, quán triệt Thông tri 13-TT/TU còn hạn chế, một số cấp ủy và đảng viên nhận thức chưa đầy đủ mục đích, yêu cầu, ý nghĩa, của Tỉnh ủy về tổ chức cho đảng viên cơ quan tham gia sinh hoạt tại tổ dân phố nơi cư trú; một số chi bộ tổ chức sinh hoạt không đều, nội dung sinh hoạt đơn giản; tỷ lệ đảng viên đến tham gia sinh hoạt đạt thấp, ý kiến tham gia đóng góp cho cơ sở ít, chất lượng sinh hoạt chưa cao; sự phối hợp giữa cấp ủy

nơi đảng viên công tác và cấp ủy nơi đảng viên cư trú chưa chặt chẽ, phương pháp tổ chức chưa khoa học.

Căn cứ vào Điều 2, Điểm 3, Chương I của Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII) và Hướng dẫn số 05 HD-TC/TW, ngày 10-6-1997 của Ban Tổ chức Trung ương về nhiệm vụ của người đảng viên.

Để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, thực hiện tốt nhiệm vụ của người đảng viên ở nơi cư trú, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng tập trung lãnh đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1- Quán triệt đầy đủ, sâu sắc trong các cấp ủy đảng và mỗi đảng viên về việc tham gia sinh hoạt đảng và thực hiện nhiệm vụ của người đảng viên ở nơi cư trú. Tích cực tham gia công tác quần chúng, công tác xã hội nơi làm việc và nơi ở. Tuyên truyền vận động gia đình và nhân dân thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân.

2- Cấp ủy cơ sở nơi đảng viên công tác lập danh sách đảng viên của cơ sở mình giới thiệu với cấp ủy phường, xã nơi đảng viên ở biết để tham gia sinh hoạt đảng và cùng nhau quản lý, tạo điều kiện cho đảng viên thực hiện tốt nhiệm vụ của mình ở nơi cư trú.

3- Cấp ủy cơ sở nơi đảng viên cư trú phân công cấp ủy viên định kỳ ba tháng một lần thông báo tình hình nhiệm vụ của địa phương cho đảng viên và hướng dẫn đảng viên thực hiện các mặt công tác quần chúng, công tác xã hội ở khu dân cư

4- Sáu tháng và một năm, cấp ủy nơi đảng viên công tác liên hệ với cấp ủy nơi đảng viên cư trú để trao đổi, nắm bắt tình hình hoạt động của đảng viên và có biện pháp phối hợp quản lý tốt đảng viên, lấy ý kiến nhận xét của cấp ủy Đảng chính quyền cơ sở về các hoạt động của đảng viên ở nơi cư trú, gắn với tiêu chuẩn để xem xét, phân tích chất lượng đảng viên hằng năm.

5- Đảng viên của các cơ quan có trách nhiệm thực hiện đầy đủ nhiệm vụ đảng viên ở nơi cư trú theo quy định của Đảng, quan hệ mật thiết gắn bó với cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể nơi cư trú. Tham

dự các cuộc họp do chi bộ khu phố tổ chức để nắm bắt và thực hiện tốt các yêu cầu nhiệm vụ chính trị của cơ sở. Tích cực chủ động tham gia đóng góp ý kiến với cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể nơi cư trú về chủ trương biện pháp thực hiện nhiệm vụ chính trị.

Căn cứ vào Chỉ thị này, các cấp ủy đảng tổ chức quán triệt và đề ra kế hoạch, biện pháp triển khai cụ thể sát với tình hình thực tế của cơ sở.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 57-BC/TU, ngày 26-3-1999

Sơ kết bước 1 triển khai thực hiện Nghị quyết 08 của Tỉnh ủy

Căn cứ vào chương trình công tác toàn khóa, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa II đã ra Nghị quyết 08-NQ/TU, ngày 27-3-1998 về xây dựng cơ sở chính trị xã, phường, thị trấn trong sạch, vững mạnh 1998-2000. Sau một năm tổ chức thực hiện, Tỉnh ủy Lào Cai đánh giá sơ kết bước 1 về tình hình triển khai, thực hiện nghị quyết như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

Nhằm cụ thể hóa một bước Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II; đồng thời phát huy những kết quả đạt được trong việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 về đổi mới chính đốn Đảng. Nghị quyết 08 của Tỉnh ủy đã đi sâu đánh giá thực trạng hoạt động của hệ thống chính trị cấp xã, phường, thị trấn; những khó khăn đặc thù của một tỉnh miền núi, vùng cao nhiều dân tộc và những yếu kém của hệ thống chính trị cấp cơ sở, đặc biệt là các xã vùng cao, vùng sâu, biên giới của tỉnh Lào Cai từ năm 1992 đến 1997. Từ đó đề ra nhiệm vụ và giải pháp cho việc củng cố và xây dựng hệ thống chính trị cấp cơ sở 1998 - 2000. Nhận thức rõ tầm quan trọng và tính cấp bách của nghị

quyết; các cấp ủy Đảng từ huyện, thị đến cơ sở đã tổ chức triển khai, học tập, quán triệt nghị quyết từ trong Đảng đến quần chúng, xây dựng chương trình hành động, chọn các điểm chỉ đạo; thành lập Ban chỉ đạo của huyện và trưng tập cán bộ giúp cơ sở để triển khai thực hiện nghị quyết.

Tỉnh ủy đã chọn 5 cơ sở có những đặc điểm khác nhau, đại diện cho các vùng làm điểm chỉ đạo của tỉnh và phân công một số ban của tỉnh cùng phối hợp với các huyện, thị chỉ đạo.

Cụ thể:

1- Xã Tả Gia Khâu, huyện Mường Khương là một xã miền núi biên giới; Ban Tổ chức Tỉnh ủy cùng Huyện ủy Mường Khương chịu trách nhiệm chỉ đạo và rút ra những vấn đề cần thiết cho việc củng cố cơ sở chính trị của 26 xã, phường biên giới của tỉnh.

2- Xã Sa Pa, huyện Sa Pa là một xã vùng cao, dân cư phần lớn là dân tộc Mông, kinh tế - xã hội chưa phát triển, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh cùng Huyện ủy Sa Pa phối hợp chỉ đạo để rút kinh nghiệm củng cố và xây dựng cơ sở chính trị các xã vùng sâu, vùng xa.

3- Xã Xuân Giao, huyện Bảo Thắng là một xã thuộc vùng thấp, có thuận lợi nhất định, điều kiện kinh tế - xã hội và trình độ dân trí của nhân dân có bước phát triển. Song còn nhiều khó khăn trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy cùng Huyện ủy Bảo Thắng phối hợp chỉ đạo để rút ra những vấn đề cần thiết cho việc xây dựng cơ sở chính trị các xã vùng thấp của tỉnh.

4- Đối với phường, thị trấn có những đặc trưng đô thị, tình hình kinh tế - xã hội phát triển hơn, Đảng bộ thường có số lượng đảng viên đông, nhưng phần lớn là đảng viên nghỉ hưu nên có nhiều khó khăn trong việc tổ chức sinh hoạt và phân công công tác cho đảng viên. Để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở Đảng ở phường, thị trấn; phát huy vai trò của tổ chức cơ sở đảng về lãnh đạo phát triển kinh tế trong cơ chế thị trường theo định hướng

xã hội chủ nghĩa, Tỉnh ủy đã chọn hai cơ sở làm điểm là phường Cốc Lếu (thị xã Lào Cai), thị trấn Phố Ràng (Bảo Yên) do Ủy ban Kiểm tra, Ban Dân vận - dân tộc Tỉnh ủy cùng phối hợp với Thị ủy Lào Cai, Huyện ủy Bảo Yên chỉ đạo.

Thực hiện kế hoạch xây dựng điểm chỉ đạo của tỉnh, các ban được phân công nhiệm vụ đã chủ động phối hợp với các cấp huyện, thị triển khai nội dung, kế hoạch. Đến nay 5 điểm chỉ đạo của tỉnh đã hoàn thành bước khảo sát đánh giá thực trạng, rút ra được những vấn đề cần thiết cho việc củng cố xây dựng cơ sở chính trị bước 2. Hai điểm Sa Pả và thị trấn Phố Ràng đã mở hội nghị sơ kết bước 1, đóng góp được một số kinh nghiệm cho công tác chỉ đạo thực hiện bước 2. Các điểm còn lại đã hoàn thành cơ bản các nội dung bước 1.

Sau khi tiếp thu tinh thần Nghị quyết 08 và kế hoạch của tỉnh, các huyện, thị ủy đã mở hội nghị triển khai nghị quyết ở cấp mình; theo kết quả báo cáo, đến tháng 12-1998 đã có 10/10 huyện, thị tổ chức học tập xong. Thành lập Ban chỉ đạo, trưng tập cán bộ, cử tổ công tác xuống giúp đỡ cơ sở xây dựng củng cố hệ thống chính trị ở xã, phường.

- Đối với cấp cơ sở: Theo kết quả tổng hợp 10 huyện, thị đến nay 100% tổ chức sơ sở đảng đã tổ chức học tập và quán triệt nghị quyết; tỷ lệ đảng viên được quán triệt trên 92%. Một số nơi phổ biến nghị quyết đến tận thôn, bản và quần chúng như Mường Khương, Bắc Hà, Văn Bàn.

- Các huyện, thị biên giới đã gắn với việc triển khai thực hiện Nghị quyết 08 với Công văn 142 của Tỉnh ủy về công tác bảo vệ chính trị nội bộ, các xã, phường biên giới.

Về nhận thức:

Sau khi được học tập và quán triệt nghị quyết, nhận thức của các cấp ủy, chính quyền từ huyện, thị và cơ sở được nâng lên một bước, đã có sự chú ý quan tâm hơn đến việc củng cố và xây dựng cơ sở chính trị. Nghị quyết bước đầu đã phát huy tác dụng và đang từng bước được thực hiện ở cơ sở có kết quả.

Về điểm chỉ đạo:

Ngoài 5 cơ sở tỉnh chọn làm điểm chỉ đạo, căn cứ vào kế hoạch của Tỉnh ủy, các huyện, thị đã chọn 46 cơ sở với những đặc điểm và điều kiện khác nhau để làm điểm chỉ đạo của huyện, thị (tổng số điểm chỉ đạo của toàn Đảng bộ là 51).

Cụ thể:

Bảo Yên: 3 (1 trong sạch, vững mạnh, 2 cơ sở yếu).

Bắc Hà: 3

Bát Xát: 10 xã biên giới

Văn Bàn: 9 (1 cơ sở yếu, 2 trong sạch, vững mạnh và 6 cơ sở khá).

Bảo Thắng: 6.

Sa Pa: 2 khá.

Thị xã Lào Cai: 5

Mường Khương: 2.

Thị xã Cam Đường: 3

Than Uyên: 3

II. MỘT SỐ KẾT QUẢ CỤ THỂ

1- củng cố kiện toàn cấp ủy, thay thế bổ sung và điều chuyển một số đồng chí lãnh đạo chủ chốt của phường Kim Tân, Cốc Lếu, Duyên Hải, Lào Cai của thị xã Lào Cai. Kiểm điểm, xử lý kỷ luật và kiện toàn cấp ủy với các xã Bản Cầm, Bản Phiệt (Bảo Thắng).

2- Xây dựng điểm chỉ đạo kết hợp với củng cố cơ sở yếu kém như Nậm Chầy (Văn Bàn), Bảo Hà, Thượng Hà (Bảo Yên).

3- Tập trung giải quyết dứt điểm những tồn tại ở một số xã: Bản Khoang (Sa Pa); Xuân Quang, Sơn Hà, Phú Nhuận, Gia Phú (Bảo Thắng).

4- Tiếp tục củng cố một số xã, thị trấn đã từng đạt khá và trong sạch, vững mạnh song gần đây có mặt giảm sút ở huyện Văn Bàn, Bảo Thắng.

5- Đối với các xã, phường biên giới, nhiệm vụ giữ gìn an ninh chính trị trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn là hết sức quan trọng.

Vì vậy các cấp ủy huyện, thị có các xã, phường biên giới đã cùng Ban Bảo vệ chính trị nội bộ và ngành hữu quan tập trung chỉ đạo khảo sát nắm tình hình các đối tượng trên từng địa bàn, xử lý và làm rõ nhiều nguồn tin quan trọng để bảo vệ chính trị nội bộ đấu tranh ngăn chặn và xử lý có hiệu quả một số vụ việc.

6- Đánh giá phân loại trình độ năng lực của từng loại cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở xây dựng quy hoạch cán bộ phục vụ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng. Dự kiến xong nhân sự cho bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, phường 1999 - 2004.

7- Xây dựng xong kế hoạch bồi dưỡng cấp ủy viên và cán bộ cơ sở năm 1999; lập kế hoạch để đào tạo 4 chức danh chuyên môn hóa cán bộ xã, phường (tư pháp, tài chính, văn phòng, địa chính (năm 1999 - 2000); cụ thể:

- Trung cấp pháp lý: 60 học viên.
- Trung cấp địa chính: 50 học viên.
- Trung cấp tài chính kế toán ngân sách xã; 65 học viên.
- Sơ trung cấp hành chính: 60 học viên.
- Bồi dưỡng cán bộ chủ chốt cơ sở và thành viên Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ở các Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện, thị: 305 học viên.
- Trung học chính trị tại chức ở các huyện, thị: 226 học viên.
- Bồi dưỡng cán bộ các đoàn thể cơ sở: 300 học viên.
- Bồi dưỡng đại biểu Hội đồng nhân dân: 60 học viên.
- Bồi dưỡng chuyên đề Nhà nước pháp luật: 60 học viên.

8- Hoàn thành nhiệm vụ khảo sát, đánh giá thực trạng tình hình hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, chính quyền, đoàn thể, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng trên các điểm chỉ đạo của tỉnh và huyện đồng thời tìm ra những điểm mạnh yếu cơ bản để lập kế hoạch củng cố (các điểm chỉ đạo có báo cáo riêng).

III. NHỮNG TỒN TẠI TRONG VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1- Một số cấp ủy huyện, thị nhận thức chưa đầy đủ về vai trò và tầm quan trọng của nghị quyết, chưa thấy được nhiệm vụ xây dựng và củng cố chính trị xã, phường, thị trấn là một việc làm vừa có tính cấp bách và lâu dài; vừa là khoa học trong công tác tổ chức nên việc triển khai thực hiện có phần thiếu nghiêm túc. Một số huyện, thị chỉ phổ biến nghị quyết, chưa có chương trình hoạt động, hoặc chưa sâu, chưa có tác dụng và hiệu quả chưa rõ, không tổ chức sơ kết rút kinh nghiệm chỉ đạo.

2- Tiến độ triển khai thực hiện nghị quyết so với kế hoạch của tỉnh nhìn chung là chậm, trong khi Nghị quyết này chỉ thực hiện từ 1998 - 2000.

3- Một số ban, ngành của tỉnh được giao nhiệm vụ phối hợp với các huyện, thị để chỉ đạo cơ sở nhằm rút kinh nghiệm chung cho tỉnh, song quan điểm chỉ đạo phối hợp ban đầu chưa thống nhất nên hiệu quả chưa cao. Một số ban có phân công nhiệm vụ nhưng chưa sâu sát giúp đỡ cơ sở; kiểm tra, đôn đốc chưa thường xuyên, hoặc là mới làm được giai đoạn đầu.

4- Một số điểm chỉ đạo của tỉnh cũng như của huyện nội dung còn chung chung, mới đánh giá được thực trạng, chưa rút ra được những mạnh yếu cơ bản, những nguyên nhân tồn tại để tìm ra giải pháp cụ thể củng cố xây dựng cơ sở chính trị vững mạnh. Do đó những chuyển biến về phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, đấu tranh bài trừ các tệ nạn xã hội, xây dựng nếp sống mới ở khu dân cư còn chậm.

Về phía tỉnh:

- Sau khi có nghị quyết, việc kiểm tra các văn bản hướng dẫn và công tác kiểm tra đôn đốc của tỉnh chưa thường xuyên.

- Chưa có sự phối hợp nhịp nhàng của các sở, ban, ngành chức năng từ tỉnh đến huyện để giúp đỡ củng cố cơ sở.

- Kinh phí để phục vụ cho công tác chỉ đạo điểm thì lớn song cần phân phối phù hợp nguồn kinh phí để hỗ trợ cho các ban và cán bộ được tỉnh cử xuống chỉ đạo điểm ở cơ sở.

IV. NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI BƯỚC 2 (TỪ THÁNG 1-1999 ĐẾN THÁNG 6-2000)

Nhiệm vụ cụ thể như sau:

1- Tiếp tục tổ chức quán triệt nghị quyết đến các các chi, đảng bộ cơ sở còn lại và xây dựng chương trình hành động từ nay đến năm 2000 đảm bảo 100% các chi, đảng bộ đều được học tập quán triệt nghị quyết.

2- Trên cơ sở những kết quả đã đạt được ở bước 1, đặc biệt là những kinh nghiệm rút ra từ các điểm chỉ đạo, triển khai thực hiện ra diện rộng trong toàn tỉnh.

3- Việc thực hiện các mục tiêu về phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị trong nghị quyết là những định hướng chung thực hiện từ 1998 - 2000. Do đặc điểm về địa lý và sự phát triển của từng vùng trong tỉnh khác nhau. Do vậy các cấp ủy huyện, thị cần phải có kế hoạch chỉ đạo các tổ chức cơ sở đảng cụ thể hóa nghị quyết để xây dựng chương trình hành động cho phù hợp, sát với điều kiện cụ thể của các xã, phường, thị trấn; trong đó cần đặc biệt chú ý đến việc củng cố cơ sở chính trị ở các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc đặc biệt khó khăn.

4- Cần phải thống nhất quan điểm về xây dựng và củng cố cơ sở chính trị xã, phường, thị trấn là trách nhiệm chung của các cấp ủy từ tỉnh, huyện đến cơ sở, trong đó huyện là cấp lãnh đạo và chỉ đạo trực tiếp cơ sở. Do vậy các cấp ủy huyện, thị, cần phải tăng cường hướng về cơ sở, đồng thời chỉ đạo các ban, ngành chức năng của huyện, thị lập kế hoạch củng cố ngành dọc ở cơ sở. Phải gắn trách nhiệm về sự yếu kém của các ban, ngành đoàn thể ở cơ sở với các ban, ngành chức năng của huyện, thị.

Nội dung bước 2:

1- Phải quán triệt nội dung cơ bản của nghị quyết xây dựng cơ sở chính trị xã, phường, thị trấn vững mạnh, lấy nhiệm vụ phát triển

kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, đi đôi với việc phát triển sự nghiệp văn hóa xã hội, củng cố an ninh quốc phòng ở cơ sở. Phát triển kinh tế cần đặc biệt coi trọng việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo nhằm ổn định và nâng cao đời sống cho nhân dân. Lào Cai là một tỉnh còn nghèo, đại bộ phận đời sống nhân dân còn khó khăn, tỷ lệ hộ đói nghèo còn cao, nhất là các xã thuộc vùng sâu, vùng xa. Do vậy đặt lên nhiệm vụ hàng đầu khi xây dựng cơ sở chính trị là giải quyết vấn đề lương thực, nâng cao trình độ dân trí, đấu tranh bài trừ các tệ nạn xã hội và ổn định đời sống cho đồng bào các dân tộc. Đó là một nhiệm vụ nặng nề, cấp bách nhất.

Đối với phường, thị trấn có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng, củng cố hệ thống chính trị, song hầu hết còn lúng túng trong việc lãnh đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Do vậy, các cấp ủy đảng cơ sở cần khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển của từng phường, thị trấn để xác định việc chuyển dịch cơ cấu, phát triển kinh tế cho phù hợp.

2- Củng cố kiện toàn cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân ở cơ sở, hoạt động có hiệu quả, chủ động, giải quyết những công việc hằng ngày diễn ra ở cơ sở. Cần đặc biệt chú trọng đến các chức danh chủ chốt. Tích cực bồi dưỡng, đào tạo để nâng cao trình độ, kiến thức cho đội ngũ cán bộ cơ sở đồng thời phải thay thế những đồng chí có nhiều hạn chế về sức khỏe, năng lực hoặc có những sai phạm về tư cách phẩm chất, lối sống (theo tiêu chí cán bộ Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã hướng dẫn).

3- Tập trung xóa bỏ chi, đảng bộ yếu kém, tăng cường xây dựng chi, đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Các cấp ủy huyện, thị chỉ đạo các phòng, ban, ngành của huyện, thị phải lựa chọn cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực giao trách nhiệm cụ thể cho mỗi cơ quan, đơn vị và từng đồng chí ủy viên Ban Chấp hành huyện, thị ủy, ngành, cơ sở giúp đỡ một xã, gắn với xây dựng

chi bộ Đảng mình phụ trách đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh. Nếu chi, đảng bộ xã được phân công giúp đỡ không đạt trong sạch, vững mạnh thì chi, đảng bộ cơ quan cũng không thể đạt trong sạch, vững mạnh và đồng chí cấp ủy viên phụ trách xã đó cũng không thể hoàn thành tốt nhiệm vụ được. Có như vậy mới tập trung sức của toàn huyện để củng cố cơ sở chính trị thiết thực nhằm giúp cho tổ chức sơ sở đảng nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy và sức chiến đấu của đội ngũ đảng viên thực thụ. Đối với những chi, đảng bộ yếu kém, cấp ủy huyện phải có tổ công tác biệt phái xuống một thời gian củng cố, tìm rõ nguyên nhân giải quyết những mặt yếu, kém đưa phong trào vươn lên.

4- Rà soát, sàng lọc đưa những đảng viên thoái hóa biến chất, nghiện hút, cờ bạc... ra khỏi Đảng. Tích cực bồi dưỡng giúp đỡ những đảng viên yếu kém từng mặt vươn lên. Phân công cụ thể từng cấp ủy viên, đảng viên trong chi bộ theo dõi, xem xét lựa chọn giới thiệu với chi bộ Đảng những quần chúng ưu tú để giáo dục bồi dưỡng kết nạp vào Đảng, xóa bỏ thôn, bản trắng chưa có đảng viên. Đây là mục tiêu cấp bách phải quyết tâm cao mới thực hiện được vào năm 2000. Những quần chúng ưu tú, không biết chữ, thì giới thiệu về huyện để học chữ; khi nào đọc thông viết thạo, tự viết được đơn xin ra nhập Đảng mới kết nạp và sau đó tiếp tục đào tạo bồi dưỡng nâng cao. Coi đi học văn hóa biết chữ cũng là thời gian thử thách xem xét ý chí phấn đấu vươn lên của quần chúng. Xóa bỏ những chi, đảng bộ xã nhiều năm không kết nạp được đảng viên. Tích cực phát triển đảng viên mới, tăng thêm số lượng, tạo ra sự biến đổi về chất. Phấn đấu đến năm 2000 có ít nhất 1/3 số chi bộ vùng sâu, vùng xa nâng cấp thành Đảng bộ xã.

5- Cấp huyện, thị, chỉ đạo các cấp ủy xã thông qua đợt tự phê bình và phê bình tổng kết công tác năm, chuẩn bị nhân sự Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân (1999) gắn với chuẩn bị nhân sự cấp ủy Đảng năm 2000 nhằm xây dựng cơ quan cấp xã, phường, thị trấn theo định

hướng tinh gọn, hiệu lực, thực sự là cơ quan của dân, do dân, vì dân; hoạt động theo thiết chế dân chủ, dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh theo tiêu chí của Chính phủ quy định.

Cấp ủy huyện phối hợp với ngành chức năng của tỉnh soát xét, chấn chỉnh, bố trí lại cán bộ chủ chốt của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị của huyện, của xã. Nếu hoạt động yếu thì có biện pháp củng cố, kiện toàn tạo ra chất lượng mới, hoạt động có hiệu quả. Cấp ủy và ngành cấp trên, hằng quý định hướng hoạt động giúp cho xã nắm bắt được nội dung để chủ động đề ra chương trình công tác của đoàn thể mình.

Cấp ủy huyện có chương trình giáo dục bồi dưỡng lý luận chính trị, chính sách, nghị quyết cho đội ngũ đảng viên và ban chấp hành các đoàn thể để nâng cao quan điểm lập trường giai cấp công nhân. Rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, cách mạng, tính tiên phong gương mẫu của người cán bộ.

6- Về kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở, đào tạo văn hóa cấp 2, mỗi xã mỗi năm phải có ít nhất từ 30 người trở lên về Trường Bổ túc văn hóa huyện học văn hóa (trước hết là các chức danh: Bí thư, chủ tịch, xã đội trưởng, trưởng công an xã theo quy hoạch đã duyệt). Số đã tốt nghiệp cấp II thì được cử đi học các lớp trung cấp quản lý nhà nước, chuyên môn kỹ thuật, trung học lý luận chính trị.... mỗi huyện mỗi năm phấn đấu cử được từ 30-40 người đi học, kể cả học tập trung ở tỉnh và hệ tại chức tại huyện do tỉnh mở. Cán bộ nào cố tình vịn lý do không chịu đi học thì đưa ra khỏi quy hoạch không bố trí là cán bộ nữa.

Ban Tổ chức các cấp ủy huyện, thị làm tham mưu giúp cấp ủy xây dựng kế hoạch và theo dõi đôn đốc tổng hợp kết quả triển khai thực hiện nghị quyết ở cơ sở; 3 tháng 1 lần có báo cáo qua giao ban hằng quý của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về kết quả thực hiện nghị quyết. Bước 2 là bước trọng tâm để thực hiện nội dung xây dựng cơ sở chính trị xã,

phường, thị trấn vững mạnh trong toàn tỉnh. Vì vậy, yêu cầu các cấp ủy huyện, thị cần phải có kế hoạch lãnh đạo và chỉ đạo một cách cụ thể, toàn diện thiết thực hơn nữa để việc thực hiện nghị quyết đạt kết quả tốt. Tỉnh ủy sẽ tổng kết quả thực hiện nghị quyết này vào cuối năm 2000.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 58-BC/TU, ngày 26-3-1999

**Về kết quả thực hiện Thông tri số 13-TT/TU của Tỉnh ủy
về tổ chức đưa đảng viên cơ quan tham dự sinh hoạt
tại đơn vị cơ sở nơi cư trú**

Thực hiện Điều 2 Chương I Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam về nhiệm vụ của đảng viên và căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ Đảng bộ phường, Đảng bộ cơ quan đã quy định tại Quyết định 52, 54, ngày 19-11-1992 của Ban Bí thư Trung ương Đảng;

Ngày 5-9-1995, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã ra Thông tri số 13-TT/TU của Tỉnh ủy về tổ chức đưa đảng viên cơ quan tham dự sinh hoạt tại đơn vị cơ sở nơi cư trú, giao cho Thị ủy Lào Cai và Đảng ủy các cơ quan tỉnh chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương trên. Sau hơn ba năm tổ chức thực hiện đã đạt kết quả như sau:

I. QUÁ TRÌNH TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Sau khi được Thường trực Tỉnh ủy tổ chức quán triệt Thông tri 13-TT/TU, của Tỉnh ủy, ngày 10-9-1995, Ban Thường vụ Thị ủy Lào Cai và Đảng ủy các cơ quan đã họp và ra Nghị quyết liên tịch 01-NQ-LT, nghị quyết đã xác định được mục đích, yêu cầu, nội dung, phương thức và mối quan hệ giữa Thị ủy Lào Cai và Đảng ủy các cơ quan tỉnh trong việc thực hiện Thông tri 13-TT/TU của Tỉnh ủy.

Ngay sau khi có nghị quyết liên tịch, Thị ủy Lào Cai và Đảng ủy các cơ quan tỉnh tổ chức quán triệt Thông tri 13-TT/TU của Tỉnh ủy và Nghị quyết liên tịch 01-NQ/LT đến các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên trong Đảng bộ, đồng thời lập danh sách đảng viên cơ quan giới thiệu về các chi bộ khu phố.

Nhận thức được ý nghĩa, tác dụng của việc đưa đảng viên cơ quan về tham dự sinh hoạt tại đơn vị cơ sở nơi cư trú, căn cứ vào tình hình thực tế của Đảng bộ và tình hình của các phường, Ban Thường vụ Thị ủy đã chọn phường Cốc Lếu làm điểm, chỉ đạo Đảng ủy phường Cốc Lếu chuẩn bị xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung triển khai lấy Chi bộ Hồng Hà thuộc Đảng bộ phường Cốc Lếu làm điểm thực hiện trước một bước.

Tháng 10-1995 Chi ủy chi bộ Hồng Hà đã triệu tập hội nghị đầu tiên với gần 100 đảng viên ở các cơ quan cư trú trên địa bàn tham dự. Hội nghị đã quán triệt Thông tri 13-TT/TU của Tỉnh ủy, Nghị quyết liên tịch 01-NQ/LT của Ban Thường vụ Thị ủy Lào Cai và Đảng ủy các cơ quan tỉnh và nghe báo cáo tình hình nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ phường Cốc Lếu nhìn chung và Chi bộ Hồng Hà nói riêng. Qua học tập quán triệt, các đảng viên đã nâng cao được nhận thức, thấy được trách nhiệm và nghĩa vụ của mình, điều khẳng định Thông tri 13-TT/TU của Tỉnh ủy là một chủ trương đúng đắn và cần thiết, có ý nghĩa quan trọng để đảng viên thực hiện nhiệm vụ của mình ở nơi cư trú, phát huy vai trò lãnh đạo, tính chiến đấu của đảng viên thực hiện nhiệm vụ chính trị của Đảng ở địa phương, đồng thời cũng giúp cho cấp ủy Đảng làm tốt công tác quản lý đảng viên.

Sau thời gian chỉ đạo thực hiện Thông tri 13-TT/TU của Tỉnh ủy ở Chi bộ Hồng Hà đi vào nền nếp, bước đầu có tác dụng, Thị ủy Lào Cai đã rút kinh nghiệm và chỉ đạo Đảng ủy phường Cốc Lếu triển khai thực hiện đến tất cả các chi bộ thuộc Đảng bộ phường (6/6 chi bộ).

Qua hơn một năm chỉ đạo điểm tại Đảng bộ phường Cốc Lếu (thị xã Lào Cai), ngày 26-3-1997, Thị ủy Lào Cai mở Hội nghị sơ kết thực

hiện Thông tri 13-TT/TU của Tỉnh ủy với các chi bộ thuộc Đảng bộ phường Cốc Lếu. Sau khi nghe báo cáo kết quả triển khai thực hiện Thông tri 13-TT/TU của Tỉnh ủy, ý kiến tham gia đóng góp của các đồng chí bí thư chi bộ và các đại biểu, đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy kết luận, đánh giá những kết quả đã đạt được, những tồn tại vướng mắc cần tháo gỡ và nhiệm vụ cần thực hiện trong thời gian tới.

Được sự ủy nhiệm của Thường trực Tỉnh ủy, ngày 16-5-1997 Ban Tổ chức Tỉnh ủy ra Hướng dẫn 52-HD/TC về việc triển khai mở rộng thực hiện Thông tri 13, ngày 5-9-1995 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ra toàn Đảng bộ thị xã Lào Cai, thị xã Cam Đường, để các Đảng bộ các cơ quan tỉnh, Quân sự tỉnh, Công an tỉnh, Biên phòng tỉnh, Công ty Apatit Việt Nam giới thiệu đảng viên về tham gia sinh hoạt tại nơi cư trú.

Đến nay các tổ chức cơ sở đảng đã quán triệt và tổ chức thực hiện Thông tri 13-TT/TU của Tỉnh ủy về tổ chức cho đảng viên cơ quan về tham dự sinh hoạt tại đơn vị cơ sở nơi cư trú. Các Đảng ủy trực thuộc tỉnh đã lập danh sách đảng viên của Đảng bộ mình, bàn giao cho Ban Tổ chức của hai thị ủy để giới thiệu về chi bộ khu phố tham gia sinh hoạt. Đồng thời thị ủy và Đảng ủy phường có văn bản hướng dẫn cụ thể để chi bộ khu phố tổ chức thực hiện.

II. KẾT QUẢ TỔ CHỨC THỰC HIỆN THÔNG TRI 13-TT/TU

Thông tri 13-TT/TU của Tỉnh ủy về tổ chức đưa đảng viên cơ quan tham dự sinh hoạt tại đơn vị cơ sở nơi cư trú là việc làm mới, vừa làm vừa rút kinh nghiệm. Từ làm điểm tại một chi bộ thuộc, phường, rồi triển khai trên toàn Đảng bộ phường, sau đó triển khai mở rộng trên phục vụ toàn bộ thị xã, trong quá trình tổ chức thực hiện đã đạt được một số kết quả sau:

- Tổng số đảng viên cơ quan được giới thiệu về tham dự sinh hoạt ở nơi cư trú là 2.161 đồng chí. Trong đó:

- Đảng viên của Đảng bộ các cơ quan tỉnh 930 đồng chí.
- Đảng viên của Đảng bộ Công an tỉnh: 228 đồng chí.
- Đảng viên của Đảng bộ Bộ đội Biên phòng tỉnh: 49 đồng chí.
- Đảng viên của Đảng bộ Quân sự tỉnh: 64 đồng chí.
- Đảng viên của Đảng bộ Công ty Apatít Việt Nam: 320 đồng chí.
- Đảng viên của Đảng bộ thị xã Lào Cai: 352 đồng chí.
- Đảng viên của Đảng bộ thị xã Cam Đường 218 đồng chí.
- Số đảng viên được giới thiệu về sinh hoạt ở các Đảng bộ phường,

xã là:

- Đảng bộ phường Cốc Lếu: 614 đồng chí.
- Đảng bộ phường Kim Tân: 661 đồng chí.
- Đảng bộ phường Duyên Hải: 178 đồng chí.
- Đảng bộ phường Phố Mới 89: đồng chí.
- Đảng bộ phường Lào Cai 88 đồng chí.
- Đảng bộ phường Pom Hán: 321 đồng chí.
- Đảng bộ phường Xuân Tăng: 16 đồng chí.
- Đảng bộ phường Bắc Lệnh: 95 đồng chí.
- Đảng bộ phường Thống Nhất: 58 đồng chí.
- Đảng bộ phường Nam Cường: 19 đồng chí.
- Đảng bộ phường Cam Đường: 22 đồng chí.
- Số kỳ sinh hoạt và tỷ lệ đảng viên đến dự sinh hoạt tại các chi

bộ khu phố ở các Đảng bộ phường như sau:

*** Đối với thị xã Lào Cai:**

+ Đảng bộ phường Cốc Lếu: Có 6 chi bộ khu phố, đã tổ chức sinh hoạt được từ 4- 13 kỳ với tổng số 15.660 lượt đảng viên tham gia sinh hoạt, bình quân đạt 46% tổng số đảng viên/kỳ sinh hoạt.

+ Đảng bộ phường Kim Tân: Có 5 chi bộ khu phố, đã tổ chức sinh hoạt được từ 1 đến 7 kỳ với tổng số 6.138 lượt đảng viên tham gia sinh hoạt đạt tỷ lệ 55,6%.

+ Đảng bộ phường Lào Cai 2/3 chi bộ khu phố có đảng viên cơ quan đã tổ chức sinh hoạt được 6 kỳ, với 390 lượt đảng viên tham gia, đạt tỷ lệ 73,8%/kỳ.

+ Đảng bộ phường Phố Mới: Có 5 chi bộ khu phố, đã tổ chức sinh hoạt được 1 kỳ, với tổng số 81 đồng chí tham dự sinh hoạt đạt tỷ lệ 90%/kỳ

+ Đảng bộ phường Duyên Hải có 3/4 chi bộ khu phố có đảng viên cơ quan, đã sinh hoạt được 2 kỳ với tổng số 214 lượt đảng viên tham gia sinh hoạt, đạt tỷ lệ 60%/kỳ.

*** Đối với thị xã Cam Đường:**

Đảng bộ phường Pom Hán: Có 10/14 chi bộ có đảng viên cơ quan, 9 chi bộ đã tổ chức sinh hoạt: Chi bộ 2B đã tổ chức sinh hoạt được 4 kỳ, số chi bộ còn lại sinh hoạt được từ 1-2 kỳ, tỷ lệ đảng viên đến dự sinh hoạt phổ biến là 30-40% có chi bộ chỉ đạt từ 15-20% đảng viên đến tham gia sinh hoạt.

+ Số Đảng bộ còn lại (Xuân Tăng, Bắc Lệnh, Thống Nhất, Nam Cường, Cam Đường), các chi bộ đều đã tổ chức sinh hoạt được từ 2 đến 4 kỳ, số đảng viên cơ quan tham dự sinh hoạt đạt tỷ lệ phổ biến là 40 - 50%.

- Về hình thức tổ chức sinh hoạt: Đa số các chi bộ khu phố áp dụng hình thức sinh hoạt theo quy mô toàn chi bộ (đảng viên các cơ quan cư trú trên địa bàn và cả đảng viên của chi bộ khu phố), một số chi bộ áp dụng hình thức sinh hoạt theo tổ Đảng hoặc sinh hoạt riêng những đảng viên cơ quan.

- Về nội dung sinh hoạt: Nói chung các chi bộ thực hiện theo Nghị quyết liên tịch 01-NQ/LT của Ban Thường vụ Thị ủy Lào Cai. Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan tỉnh, Hướng dẫn 52-HD/TC của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, với các nội dung: Thông báo tình hình nhiệm vụ chính trị, an ninh quốc phòng và đời sống xã hội ở địa phương, các quy định và nội quy của khu phố để các đồng chí đảng viên ở cơ quan biết và vận động gia đình quần chúng xung quanh thực hiện, đồng thời lấy ý kiến tham gia đóng góp cho sự lãnh đạo của Đảng bộ, chi bộ ở địa phương.

III. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ CHUNG

Trong quá trình tổ chức thực hiện, rút ra được những kết quả và nhược điểm tồn tại cụ thể như sau:

1. Ưu điểm

- Ban Thường vụ Thị ủy Lào Cai - Thị ủy Cam Đường và 5 Đảng ủy trực thuộc tỉnh đã lãnh đạo và chỉ đạo các chi, đảng bộ cơ sở học tập kịp thời, nghiêm túc, đồng thời đã ra nghị quyết liên tịch về việc chỉ đạo tổ chức cho đảng viên cơ quan tham dự sinh hoạt tại nơi cư trú.

- Qua học tập, quán triệt Thông tri 13-TT/TU của Tỉnh ủy đa số các cấp ủy và đảng viên đã có chuyển biến về nhận thức, thấy rõ việc đưa đảng viên về tham dự sinh hoạt ở cơ sở nơi cư trú là cần thiết có tác dụng nâng cao vai trò, trách nhiệm của mỗi đảng viên cơ quan trong việc thực hiện nhiệm vụ ở địa bàn nơi cư trú, tạo thêm sức mạnh cho vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng ở địa bàn dân cư.

- Thực hiện Thông tri 13-TT/TU đã tạo được sự phối hợp chặt chẽ và nâng cao tinh thần trách nhiệm của cấp ủy, chi, đảng bộ cơ quan, xã, phường trong việc quản lý phân tích chất lượng đảng viên đảm bảo chính xác, toàn diện hơn.

- Thông qua sinh hoạt, đã tạo được mối quan hệ và hiểu biết lẫn nhau hơn giữa đảng viên cơ quan và đảng viên nhân dân nơi cư trú, tăng cường đoàn kết gắn bó, phân tích chất lượng đảng viên đảm bảo chính xác, toàn diện hơn.

- Thông qua sinh hoạt, gắn công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị tư tưởng cho đảng viên và nhân dân, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Giáo dục, vận động gia đình chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và những quy định ở khu dân cư.

- Một số đảng viên cơ sở tham gia sinh hoạt với tinh thần trách nhiệm cao, tham gia đầy đủ các kỳ sinh hoạt, đóng góp nhiều ý kiến với cơ sở về nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng củng cố hệ

thống chính trị, quốc phòng và an ninh và những mục tiêu xây dựng đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân khu dân cư.

2. Khuyết điểm tồn tại

Việc tổ chức cho đảng viên cơ quan về tham dự sinh hoạt tại đơn vị cơ sở nơi cư trú là một hình thức tổ chức hoạt động mới, nên khi tổ chức thực hiện có nhiều khó khăn, lúng túng, mặc khác việc hướng dẫn theo dõi cơ sở còn nhiều thiếu sót, chưa sâu. Các cấp ủy chưa kịp thời uốn nắn, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc cho cơ sở.

- Bên cạnh nhiều cấp ủy, tổ chức đảng thực hiện tốt Thông tri 13-TT/TU của Tỉnh ủy, còn một số chi, đảng bộ cấp ủy, đảng viên nhận thức chưa đúng mục tiêu, yêu cầu của công tác này nên còn coi nhẹ, thực hiện chậm, hiệu quả chưa cao, biểu hiện như: Cấp ủy nơi giới thiệu gửi xong danh sách là xong, cấp ủy nơi tiếp nhận thiếu chủ động triển khai chậm, duy trì sinh hoạt không đều, đảng viên được giới thiệu về thấy chưa thiết thực, một số đảng viên thiếu ý thức, trách nhiệm chấp hành không nghiêm túc.

- Việc lập danh sách đảng viên để giới thiệu về chi bộ nơi cư trú sinh hoạt còn sai sót và nhầm lẫn, gây khó khăn cho cơ sở trong việc triệu tập sinh hoạt và quản lý.

- Nội dung sinh hoạt còn nghèo nàn, chất lượng sinh hoạt chưa cao, phần lớn đảng viên cơ quan đến sinh hoạt chưa có nhiều ý kiến tham gia đóng góp cho cơ sở. Có chi bộ nội dung sinh hoạt lại nặng nề chưa phù hợp, có chi bộ còn phân công nhiệm vụ cho đảng viên cơ quan như đảng viên ở cơ sở mình là không đúng quy định.

- Đảng viên cơ quan được giới thiệu về sinh hoạt chi bộ nơi cư trú khá đông, lại tập trung ở các phường trung tâm (có chi bộ tới 179 đảng viên) nên địa điểm sinh hoạt gặp nhiều khó khăn, không có hội trường lớn để sinh hoạt, phải nhờ hội trường của cơ quan, nên không chủ động.

- Tỷ lệ đảng viên tham gia sinh hoạt chưa cao, phổ biến là 40-50%, có chi bộ tỷ lệ đảng viên đến tham gia sinh hoạt chỉ đạt 15-20%.

Đảng viên cơ quan ở nhiều đơn vị khác nhau, tính chất công việc khác nhau, nên việc tổ chức sinh hoạt gặp rất nhiều khó khăn. Hầu hết các chi bộ mới tổ chức sinh hoạt được 6 tháng 1 kỳ, một vài chi bộ thuộc Đảng bộ phường Lào Cai, Cốc Lếu đã duy trì sinh hoạt được 3 tháng 1 kỳ.

- Việc phối hợp giữa Thị ủy Lào Cai, Thị ủy Cam Đường với các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và giữa các chi, đảng bộ cơ quan với các chi, đảng bộ nơi cư trú chưa chặt chẽ, thường xuyên nên chưa kịp thời giải quyết được những vướng mắc, sai sót. Việc thực hiện Nghị quyết liên tịch 01-NQ/LT giữa Thị ủy Lào Cai và Đảng ủy các cơ quan tỉnh chưa đầy đủ và nghiêm túc, chưa gặp gỡ, họp bàn để phối kết hợp thực hiện tốt Thông tri 13-TT/TU.

IV. MỘT SỐ GIẢI PHÁP

1- Các chi, đảng bộ cần quán triệt mục đích, yêu cầu, ý nghĩa chủ trương của Tỉnh ủy về tổ chức cho đảng viên cơ quan tham gia sinh hoạt nơi cư trú, để các cấp ủy Đảng mỗi đảng viên hiểu sâu sắc và thực hiện nghiêm túc (như Điều lệ Đảng đã quy định). Đồng thời soát xét lại tất cả các chi, đảng bộ còn đảng viên nào chưa được giới thiệu về dự sinh hoạt nơi cư trú thì tiếp tục giới thiệu.

2- Cải tiến phương thức sinh hoạt gọn nhẹ, thiết thực phù hợp với thực tế ở từng cơ sở. Chuẩn bị nội dung ngắn gọn để thông báo, nội dung tham gia ý kiến phải thiết thực cụ thể, giúp cho chi bộ thực hiện tốt. Hình thức tổ chức sinh hoạt, căn cứ vào tình hình thực tế ở mỗi chi bộ khu phố và số lượng đảng viên cơ quan giới thiệu về tổ chức sinh hoạt theo chi bộ hoặc tổ Đảng, định kỳ sinh hoạt 3 tháng 1 lần.

3- Phối hợp chặt chẽ giữa cấp ủy cơ sở nơi đảng viên công tác với cấp ủy cơ sở nơi đảng viên cư trú để làm tốt công tác quản lý đảng viên và tạo điều kiện cho đảng viên tham gia làm tốt công tác quần chúng, công tác xã hội nơi làm việc và nơi ở. Sáu tháng và cuối năm cấp ủy trực tiếp quản lý đảng viên liên hệ với cấp ủy nơi đảng viên

cư trú để trao đổi xem xét ý thức trách nhiệm của đảng viên. Những đảng viên cơ quan không tham gia sinh hoạt (không có lý do chính đáng) và không thực hiện những quy định ở khu phố, nơi cư trú, cần có hình thức biện pháp xử lý gắn với tiêu chuẩn để xem xét phân tích chất lượng đảng viên hằng năm.

4- Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với các Đảng bộ thường xuyên theo dõi và hướng dẫn bổ khuyết những sai sót, vướng mắc trong quá trình thực hiện để bổ sung kịp thời.

Trên đây là kết quả 3 năm thực hiện Thông tri 13-TT/TU của Tỉnh ủy về tổ chức đưa đảng viên cơ quan tham dự sinh hoạt tại đơn vị cơ sở nơi cư trú. Tuy còn những mặt tồn tại, hạn chế nhưng bước đầu đã có những kết quả và tác dụng nhất định trong việc tăng cường sự lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng ở phường, phố và tạo điều kiện cho việc rèn luyện, quản lý đảng viên của các chi, đảng bộ cơ quan được tốt hơn.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 54-BC/TU, ngày 2-4-1999

Kiểm điểm 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII)

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã xây dựng chương trình hành động, cụ thể hóa việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII). Qua 2 năm triển khai, thực hiện đã đạt được kết quả cụ thể sau:

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Nhận thức rõ phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ “là quốc sách hàng đầu” và “vừa là mục tiêu, vừa là động lực” thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, Tỉnh ủy đã tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục, chủ trương, chính sách Đảng và Nhà nước về phát triển giáo dục đào tạo, khoa học - công nghệ đến đông đảo cán bộ và nhân dân. Đến nay tuy còn ở mức độ khác nhau song nhìn chung đông đảo cán bộ và nhân dân các dân tộc đã thấy rõ vai trò, ý nghĩa to lớn của sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng

thời thấy rõ trách nhiệm của toàn dân, của mỗi gia đình là phải cùng với Đảng và Nhà nước chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ. Do có được nhận thức mới nên các phong trào hành động đưa Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) vào cuộc sống được đông đảo nhân dân tham gia sôi nổi, tạo nên bước phát triển mới trong giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ trên địa bàn toàn tỉnh.

Có thể nói: Nghị quyết Trung ương 2 về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ đã được tuyên truyền phổ biến sâu rộng và thường xuyên, được đông đảo cán bộ và nhân dân quan tâm tiếp thu, và hưởng ứng bằng các chương trình hành động thiết thực cụ thể và có hiệu quả cao.

2. Để tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 2, Tỉnh ủy Lào Cai đã xây dựng chương trình hành động rất cụ thể và thiết thực, các huyện, thị ủy, và nhiều đảng bộ xã, phường đã xây dựng chương trình hành động và ra các nghị quyết chuyên đề chỉ đạo công tác giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ. Căn cứ vào điều kiện cụ thể của một tỉnh miền núi, vùng cao, chương trình hành động và các nghị quyết chuyên đề của cấp ủy các cấp đã tập trung vào các mục tiêu quan trọng và cấp bách là; cơ bản hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ vào năm 2000, đẩy mạnh việc ứng dụng các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, kinh doanh và đời sống nhằm tạo ra động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh phát triển.

Đồng thời với việc xây dựng chương trình hành động các nghị quyết chuyên đề về giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ, các cấp ủy nhìn chung đã có sự đổi mới phong cách lãnh đạo và chỉ đạo, nhiều nơi đã coi trọng công tác giáo dục và đưa các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất, chỉ tiêu về giáo dục được đưa vào tiêu chuẩn phấn đấu của Đảng bộ trong sạch, vững mạnh, hoạt động kiểm tra đôn đốc được tăng cường và cụ thể hơn, chú ý đến giải pháp xã hội hóa, khắc phục một bước tình trạng ỷ lại trông chờ vào Nhà nước vào cấp trên. Nhờ đó một số huyện, thị như Bảo Thắng, Văn Bàn, Sa Pa, Mường

Khương, thị xã Lào Cai đã có bước phát triển nhanh về giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2.

Trong điều hành tổ chức thực hiện Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp nhìn chung đã có sự quan tâm tốt hơn cho công tác giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, hằng năm các chỉ tiêu phấn đấu về phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ được coi trọng và được cân đối các nguồn lực bảo đảm các điều kiện cơ bản cho việc tổ chức thực hiện. Hội đồng nhân dân tỉnh và các huyện, thị và một số xã, phường đã có nghị quyết phấn đấu hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ vào năm 2000, có nghị quyết về việc huy động nguồn lực trong nhân dân, cho sự nghiệp giáo dục, ngoài chính sách của Trung ương tỉnh đã có thêm một số chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển giáo dục và khoa học - công nghệ như chính sách trợ cấp cho giáo viên vùng cao, giáo viên dạy bán trú, giáo viên mẫu giáo nông thôn, chính sách trợ giá giống, phân... cho nông dân đưa tiến bộ công nghệ vào sản xuất.

Việc đầu tư ngân sách cho giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ đã chú ý huy động tổng hợp các nguồn lực theo hướng xã hội hóa, trong đó nguồn ngân sách nhà nước đầu tư ngày một tăng lên đáng kể: Năm 1997 tỷ trọng chi ngân sách cho giáo dục so với tổng chi ngân sách địa phương đạt 23%, năm 1998 đạt trên 24%. Ngoài việc chi đủ theo định mức Trung ương quy định, tỉnh đã chi thêm 7,2 tỷ đồng trong 2 năm (1997-1998) cho chương trình đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ.

- Trong chỉ đạo, điều hành thực hiện đang hình thành cơ chế phối hợp thường xuyên, cụ thể ngày càng chặt chẽ hơn giữa các ngành, các đoàn thể với ngành giáo dục và ngành nông - lâm nghiệp, ngành khoa học - công nghệ trong các chương trình mang tính liên ngành cùng thực hiện nhiệm vụ mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ và đưa tiến bộ công nghệ vào sản xuất nông - lâm nghiệp chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn.

Các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội và lực lượng bộ đội biên phòng đã có sự đóng góp đáng kể vào sự nghiệp giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, thể hiện trong việc tổ chức các phong trào quần chúng thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) như: Phong trào toàn dân đưa trẻ đến trường, ông bà, cha mẹ mẫu mực, trẻ em chăm ngoan, phong trào chống mù chữ trong thanh niên và phụ nữ, phong trào phổ biến giúp nhau đưa tiến bộ công nghệ vào sản xuất, “xóa đói, giảm nghèo”... các phong trào đã đi vào hoạt động cụ thể, thiết thực, đạt hiệu quả.

Hệ thống các cơ quan quản lý giáo dục và khoa học - công nghệ các cấp có nhiều hoạt động đổi mới và có hiệu quả trong việc thực hiện các chức năng tham mưu quản lý nhà nước và chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) và chương trình hành động của cấp ủy các cấp đã đề ra.

3. Hai năm qua Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lào Cai đã có sự nỗ lực quán triệt và thực hiện thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 nên công tác giáo dục - đào tạo và hoạt động khoa học - công nghệ trên địa bàn toàn tỉnh đã đạt nhiều tiến bộ mới.

a) Về công tác giáo dục - đào tạo:

+ Quy mô trường, lớp, học sinh đặc biệt là học sinh vùng cao, học sinh dân tộc, học sinh nữ tăng nhanh. Năm học 1998-1999 với năm học 1996-1997

- Học sinh mẫu giáo tăng 58,8%
- Học sinh tiểu học tăng 25,1%
- Học sinh trung học cơ sở tăng 31,4%
- Học sinh phổ thông trung học tăng 50,2%
- Học sinh dân tộc: Tiểu học tăng 21%; trung học cơ sở tăng 102,0%; phổ thông trung học tăng 43,4%
- Trẻ em trong độ tuổi 6-14 ra lớp học tăng 13,64%
- Hầu hết các xã đã có học sinh lớp 5
- Đến hết năm 1998 chỉ còn 27 thôn, bản nhỏ chưa có trẻ em đi học, 80 xã, phường, thị trấn và 4 huyện, thị đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ.

+ Nền nếp dạy và học được củng cố và tăng cường theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2, các biểu hiện tiêu cực trong các trường học được ngăn ngừa và giáo dục kịp thời. Môi trường giáo dục ngày càng tốt đẹp lên. Chất lượng giáo dục toàn diện, nhất là đạo đức và học lực được nâng lên một bước, số học sinh đạt đạo đức khá, học lực khá giỏi hằng năm tăng lên:

- Học sinh tiểu học năm học (1996-1997) khá giỏi đạt 24,5%; năm học (1997-1998) đạt 25,39%.

- Học sinh Trung học cơ sở năm học (1996-1997) khá giỏi 78,8%; năm học (1997-1998) đạt 23,0%.

- Học sinh Phổ thông trung học năm học (1996-1997) khá giỏi 10,65%; Năm học (1997-1998) đạt 19,9%.

- Học sinh giỏi cấp tỉnh năm học (1996-1997) đạt 72 em; năm học (1997-1998) đạt 108 em.

- Học sinh giỏi Quốc gia năm học (1996-1997) đạt 21em; năm học (1997-1998) đạt 47 em.

- Số học sinh trúng tuyển vào đại học và cao đẳng tăng đáng kể, năm 1997 có 515 em, năm 1998 có 635 em.

+ Cơ sở vật chất trường học hằng năm được quan tâm đầu tư tăng lên, nên đến nay đã có 40% số phòng học xây cấp 4 trở lên, tình trạng học ba ca đã được khắc phục. Phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm đã thực hiện tốt ở nhiều nơi, nên các trường học hằng năm đã đáp ứng cơ bản số chỗ ngồi cho học sinh các cấp.

+ Đội ngũ giáo viên tăng nhanh về số lượng đáp ứng cơ bản nhu cầu phát triển quy mô giáo dục, đã có nhiều giáo viên đến tận các thôn, bản vùng cao. Chất lượng đội ngũ giáo viên số đông đã được đào tạo chính quy, đại đa số giáo viên có tinh thần trách nhiệm, vượt khó khăn, yên tâm công tác. Nhiệm vụ phát triển Đảng trong đội ngũ giáo viên đã được quan tâm nên 2 năm qua số đảng viên trong ngành giáo dục từ 10% (năm 1996) tăng lên 12,95% (năm 1998).

+ Hoạt động xã hội hóa giáo dục ngày càng mang tính sâu rộng, đã huy động nhân dân phối hợp với nhà trường tự giải quyết được

nhiều việc cho ngành giáo dục, như huy động và duy trì trẻ em đi học, xây dựng tu sửa trường học, cấp đất cho nhà trường và cho các giáo viên, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh... Hai năm 1997 - 1998 nhân dân đã đóng góp trị giá 7,624 tỷ đồng cho việc xây dựng cơ sở vật chất cho ngành giáo dục.

b) Về phát triển khoa học - công nghệ:

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 2 và chương trình hành động của Tỉnh ủy, hoạt động khoa học - công nghệ của toàn tỉnh đã tập trung đẩy mạnh việc ứng dụng các thành tựu công nghệ vào sản xuất, trước hết là tập trung nông - lâm nghiệp, hàng chục giống cây trồng vật nuôi có năng suất cao đã được đưa vào sản xuất, diện tích lúa 2 vụ ở vùng thấp nhiều nơi tỷ lệ cây giống mới có năng suất cao đạt 75-80%. Đưa giống mới vào sản xuất đã trở thành thói quen trong đông đảo nông dân vùng thấp và đang phát triển đến nông dân vùng cao. Nhờ đó năng suất lúa nhiều nơi đạt trên 100 tạ/ha, góp phần đưa tổng sản lượng lương thực từ 146,258 nghìn tấn năm 1996 lên 152,493 nghìn tấn năm 1998.

- Trong công nghiệp một số công nghệ đã được đưa vào sản xuất như sản xuất giấy đế, đũa tre xuất khẩu, sản xuất bia chai, chế biến hoa quả, sản xuất gạch lát vỉa hè và gần 100 sáng kiến cải tiến kỹ thuật hợp lý hóa sản xuất làm lợi cho nhân dân hơn 3 tỷ đồng, qua đó đã góp phần thúc đẩy công nghiệp tiếp tục phát triển với nhịp độ khá, nhất là công nghiệp địa phương, năm 1997 tăng 36% so kế hoạch. Năm 1998 tăng 37% so với cùng kỳ năm 1997.

- Chương trình điện khí hóa có bước phát triển mới, điện lưới quốc gia đã đến 10/10 huyện, thị và 51 xã, phường, 11.382 hộ có máy phát điện nhỏ, 154/180 xã có đường ô tô đến trung tâm.

- Công nghệ thông tin đã có bước phát triển đáng kể, tính đến năm 1998 toàn tỉnh có trên 500 máy vi tính hoạt động phục vụ cho công tác quản lý và học tập. Dự án công nghệ thông tin đã được thực hiện tại Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, đang triển khai ở Văn phòng Tỉnh ủy.

- Về viễn thông 10/10 huyện, thị đã được đổi mới công nghệ hiện đại, đã có 150 kênh truyền dẫn vi ba số liên tỉnh, xây dựng 100% các huyện, thị có truyền dẫn vi ba số từ 30 đến 60 kênh với tổng dung lượng gần 10.000 số, có 69/180 xã đã lắp đặt điện thoại. Năm 1998 đạt 1,33 máy/100 dân. Bưu chính viễn thông đảm bảo liên lạc thông suốt các huyện, thị với tỉnh, với cả nước và quốc tế.

- Về phát triển truyền hình toàn tỉnh đã có 33 trạm tiếp sóng truyền hình, 13 trạm phát sóng FM, 31 trạm truyền thanh. Phủ sóng truyền hình 40,5% và truyền thanh 70% dân số. Các bệnh viện đã đang được hiện đại hóa, nâng cao năng lực chuẩn đoán và điều trị.

- Về khoa học và xã hội và nhân văn, 2 năm 1997-1998 đã triển khai nghiên cứu 15 đề tài khoa học xã hội và nhân văn tập trung vào những vấn đề cần thiết do yêu cầu ở địa phương đặt ra như vấn đề bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng tổ chức cơ sở đảng, củng cố chính quyền, nghiên cứu truyền thống lịch sử Đảng bộ... Kết quả của các đề tài đã góp phần tạo cơ sở lý luận và thực tiễn để giải quyết những vấn đề quan trọng và cấp thiết ở địa phương có căn cứ khoa học.

- Về công tác nghiên cứu về quản lý và bảo vệ môi trường, đã tiến hành nghiên cứu đánh giá thực trạng môi trường ở Lào Cai và đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa khả năng tiếp tục suy thoái và sự cố môi trường. Xây dựng dự án khả thi về xử lý rác thải đô thị ở thị xã Lào Cai. Công tác bảo vệ rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc được quan tâm hơn. Nâng tỷ lệ che phủ từ 26,69% (năm 1996) lên 29,8% (năm 1998).

II. NHỮNG TỒN TẠI, YẾU KÉM

1. Về giáo dục - đào tạo

- Nhận thức của toàn xã hội về giáo dục - đào tạo đã được nâng lên, nhưng chưa đồng đều, còn ở mức thấp, việc chuyển hóa chủ trương của Đảng về công tác giáo dục đến dân ở một số cơ sở còn nhiều hạn chế.

- Giáo dục vùng cao vẫn còn trong tình trạng chậm phát triển, tỷ lệ huy động trẻ em đi học ở nhiều xã còn thấp mới đạt dưới 50%, đáng lưu ý là tỷ lệ trẻ em đi học liên tục hết lớp 5 đạt rất thấp, nên tốc độ thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ ở một số huyện, thị rất chậm, mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ vào năm 2000 đang đứng trước nhiều khó khăn, nếu không nỗ lực vượt bậc rất khó hoàn thành. Một số xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ còn thiếu tính bền vững.

- Chất lượng giáo dục toàn diện tuy có nâng lên, song nhìn chung mới coi trọng nâng cao được đức dục, trí dục, các mặt khác còn coi nhẹ, hoặc thiếu các điều kiện để nâng lên. Chất lượng trí dục ở cấp tiểu học, nhất là học sinh vùng cao còn thấp, số trẻ em được phổ cập giáo dục tiểu học và số người chống mù chữ sẽ có khả năng giảm xuống, nếu phong trào giáo dục không tiếp tục được đẩy mạnh.

- Hệ thống trường chuyên nghiệp, trường dạy nghề chậm phát triển.

- Cơ sở vật chất trường học còn nhiều khó khăn ảnh hưởng đến chất lượng dạy và học, số phòng học tạm, bàn ghế tạm còn chiếm tỷ lệ đáng kể, đất đai cho nhà trường nhiều nơi còn chật hẹp, thiết bị dạy học còn lạc hậu, cảnh quan trường học còn đơn giản sơ sài, chưa có trường phổ thông cơ sở nào đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất.

- Về đội ngũ giáo viên, còn một bộ phận không nhỏ, nhất là ở bậc tiểu học còn non yếu về nghiệp vụ, đội ngũ quản lý giáo dục nhất là cấp huyện, thị và nhiều trường học còn yếu về trình độ quản lý.

2. Về khoa học - công nghệ còn những tồn tại, yếu kém

- Việc triển khai đưa các tiến bộ khoa học - công nghệ vào sản xuất còn chậm, nhiều ngành sản xuất trong nông - lâm nghiệp, công nghiệp và các ngành kinh tế, xã hội khác vẫn còn trong tình trạng lạc hậu về công nghệ, tỷ trọng lao động thủ công còn cao, hiệu quả sản xuất kinh doanh, và các hoạt động xã hội còn rất thấp. Đại bộ phận

nông dân vùng cao đang trong tình trạng sản xuất lạc hậu, đó là nguyên nhân cơ bản dẫn đến kinh tế chậm phát triển.

- Triển khai các đề tài nghiên cứu còn ít, chưa toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhất là những vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân, một số đề tài nghiên cứu chất lượng và hiệu quả thấp.

- Việc ngăn chặn sự suy thoái về môi trường nhất là về môi trường thiên nhiên, môi trường công nghiệp thiếu các biện pháp đồng bộ, hữu hiệu. Chưa gắn kết các chương trình sản xuất, kinh doanh và đời sống với việc bảo vệ môi trường, tạo ra sự phát triển bền vững.

- Đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ chậm điều chỉnh bố trí lại cho hợp lý, tình trạng mỏng ở cơ sở, ít ở các cơ sở sản xuất kinh doanh vẫn đang tồn tại. Chưa có nhiều cán bộ hăng say đến với nghiên cứu thực hành khoa học.

3. Nguyên nhân của những tồn tại yếu kém

- Về khách quan:

Là một tỉnh vùng cao, điều kiện kinh tế - xã hội chậm phát triển, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, dân trí thấp, một bộ phận còn trong hoàn cảnh chưa có điều kiện quan tâm nhiều đến việc học tập đưa tiến bộ công nghệ và sản xuất và đời sống, đang phải chấp nhận hoàn cảnh mù chữ và sản xuất lạc hậu.

- Về chủ quan:

Nguyên nhân chủ yếu thuộc về sự lãnh đạo và chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành, nhất là cấp xã chưa nhận thức đầy đủ và sâu sắc quan điểm của Đảng: “Giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu”, nên chưa thực sự quan tâm đúng mức, chưa dành thời gian và chương trình công tác lãnh đạo và chỉ đạo cụ thể thường xuyên sát sao công tác giáo dục - đào tạo và hoạt động khoa học - công nghệ.

- Đầu tư nguồn lực cho giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ còn thấp so với yêu cầu của sự phát triển công nghiệp hóa, hiện đại

hóa, năm 1998 đầu tư cho sự nghiệp khoa học - công nghệ mới đạt 0,54% ngân sách địa phương, do đó cơ sở vật chất của hai lĩnh vực giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ còn yếu kém, lạc hậu.

- Chưa có chính sách tạo động lực thúc đẩy đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ phát huy khả năng sáng tạo và tích cực hướng về cơ sở.

- Một bộ phận nhân dân chưa tự giác tích cực tham gia vào các hoạt động giáo dục chưa có thói quen mạnh dạn ứng dụng các tiến bộ công nghệ vào sản xuất đời sống.

- Hệ thống quản lý, nhất là hệ thống quản lý khoa học - công nghệ còn thiếu và yếu, các cơ quan giám định công nghệ và phản biện khoa học chưa hình thành đầy đủ và thiếu các chuyên gia giỏi, nên hoạt động tham mưu cho Đảng và chính quyền trên lĩnh vực khoa học - công nghệ còn nhiều hạn chế.

III. PHƯƠNG HƯỚNG MỤC TIÊU VÀ CÁC GIẢI PHÁP CƠ BẢN ĐẨY MẠNH SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO, KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ TỪ NAY ĐẾN NĂM 2000

1. Phương hướng, mục tiêu

- Phấn đấu từ nay đến năm 2000 là tiếp tục quán triệt và thực hiện có hiệu quả các quan điểm chỉ đạo và phương hướng mục tiêu về phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ mà Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) đã chỉ ra được thể hiện cụ thể trong chương trình hành động của Tỉnh ủy. Song cần tập trung sự lãnh đạo và chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp vào nhiệm vụ trong tầm cấp bách sau đây:

- Về giáo dục - đào tạo: Tiếp tục mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và hiệu quả, nhất là giáo dục vùng cao, quyết tâm phấn đấu đến tháng 6-2000 cơ bản hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ và phổ cập trung học cơ sở ở các thị xã, thị trấn, một số xã vùng thấp phát triển. Để thực hiện được mục tiêu trên cần

tập trung các điều kiện để đẩy nhanh tốc độ ở những huyện chưa hoàn thành.

- Về khoa học - công nghệ, thúc đẩy, vận dụng các thành tựu khoa học - công nghệ vào sản xuất và đời sống tập trung mạnh mẽ về lĩnh vực nông - lâm nghiệp và nông thôn vùng sâu vùng xa của tỉnh, làm cho khoa học - công nghệ thực sự là động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

2. Các giải pháp

Để tiếp tục thực hiện thắng lợi mục tiêu phương hướng chương trình hành động của Tỉnh ủy đã đề ra trọng tâm là các nhiệm vụ mục tiêu nêu trên: Các cấp, các ngành cần triển khai tốt các giải pháp cơ bản sau:

a) Giải pháp hàng đầu có tính quyết định là tăng cường sự lãnh đạo cụ thể sâu sát thường xuyên của cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là cấp xã, sự lãnh đạo của cấp ủy, chính quyền xã tập trung vào các nhiệm vụ cụ thể là: huy động và duy trì số lượng người học, chăm lo cơ sở vật chất cho nhà trường, quản lý, động viên giáo viên, hướng dẫn và hỗ trợ các hộ nông dân áp dụng các tiến bộ công nghệ vào sản xuất... tăng cường công tác kiểm tra đôn đốc, có sự phân công trách nhiệm cá nhân cho các thành viên cấp ủy chính quyền phụ trách từng thôn, bản, từng lớp học, từng hộ dân.

b) Đầu tư nguồn lực cho các chương trình phát triển giáo dục và khoa học - công nghệ, tập trung mạnh mẽ vào các chương trình mục tiêu trọng tâm cấp bách. Tăng cường thêm chính sách hỗ trợ phát triển giáo dục và đưa tiến bộ công nghệ vào sản xuất, nhất là cho đồng bào vùng cao.

c) Tăng về số lượng và có biện pháp nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên các cấp, đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ, bố trí và sử dụng hợp lý quan tâm đúng mức các chính sách tạo động lực thúc đẩy đội ngũ giáo viên và khoa học - công nghệ phát huy sáng tạo khoa học.

d) Phát huy sâu rộng phong trào toàn dân tham gia các hoạt động giáo dục và tiến quân vào khoa học - công nghệ, các phong trào cần có nội dung thiết thực. Các tổ chức đoàn thể quần chúng cần có kế hoạch cụ thể tổ chức cho đông đảo hội viên, đoàn viên tham gia bằng hành động cụ thể vào các phong trào trên.

đ) Tăng cường đổi mới hệ thống quản lý giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, đảm bảo cho bộ máy quản lý nâng cao năng lực tham mưu và triển khai có hiệu quả các chương trình mục tiêu đã đề ra, nghiên cứu để sớm hình thành mô hình cơ quan lịch sử khoa học - công nghệ cấp huyện và xây dựng thiết chế liên quan phổ biến khoa học - công nghệ cấp xã, phường.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 56-BC/TU, ngày 7-4-1999

Tổng kết 4 năm công tác kết nạp Đảng ở những xã vùng cao, vùng sâu, biên giới (1995-1998)

Lào Cai là một tỉnh miền núi, vùng cao, biên giới. Toàn tỉnh có 10 huyện, thị với 180 xã, phường, thị trấn (trong đó có 120 xã thuộc vùng sâu vùng cao, 17 xã biên giới), 1971 thôn, bản (trong đó thôn, bản vùng sâu vùng cao là 1.187, bằng 60,2% số thôn, bản trong toàn tỉnh). Dân số (khu vực vùng cao, vùng sâu) khoảng 292.893 người, bằng khoảng 50% dân số toàn tỉnh. Tỉnh có 27 dân tộc anh em chung sống, trình độ dân trí còn thấp kém, phong tục tập quán lạc hậu, kinh tế chậm phát triển, điều kiện canh tác gặp nhiều khó khăn.

Để thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới phương châm phát triển kinh tế trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt. Trong những năm qua song song với phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng, công tác xây dựng Đảng đã được tập trung củng cố về tổ chức và phương pháp lãnh đạo của Đảng, trong đó công tác kết nạp đảng viên mới, đặc biệt là công tác kết nạp Đảng ở những xã vùng sâu, vùng xa, biên giới đã được Tỉnh ủy hết sức coi trọng. Các cấp ủy đã quán triệt tinh thần chỉ đạo của Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch và biện pháp đẩy mạnh công tác kết nạp đảng viên mới ở các xã vùng cao, vùng sâu, biên giới đạt được kết quả cụ thể:

I. TÌNH HÌNH KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN MỚI Ở VÙNG CAO, VÙNG SÂU, BIÊN GIỚI TỪ 1995-1998

Tổng số tổ chức chi, đảng bộ cơ sở: 534, trong đó số cơ sở đảng vùng cao, vùng sâu, biên giới có 129, gồm 94 chi bộ, 35 Đảng bộ với 4.082 đảng viên. Trong 4 năm qua đã kết nạp, các tổ chức cơ sở đảng ở vùng cao, vùng sâu đã kết nạp được 1.144/2.810 đảng viên chiếm 40,7% so với đảng viên mới kết nạp của 10 huyện, thị bằng 31,5% so với tổng số đảng viên mới kết nạp trong 4 năm của toàn tỉnh (3.635 đảng viên).

Trong đó đảng viên là nữ: 141, bằng 12,3%.

Đảng viên là người dân tộc: 896, bằng 78,3%.

Đảng viên là nông dân: 1.029, bằng 89,5%, so với số đảng viên mới kết nạp trong khu vực.

Đảng viên là công nhân viên cơ quan hành chính sự nghiệp công tác ở vùng cao, vùng sâu, biên giới 115 đồng chí, chủ yếu là các ngành giáo dục, y tế chiếm 10% tỷ lệ đảng viên kết nạp ở vùng này.

Đảng viên theo đạo Công giáo: 1 đồng chí.

+ Về độ tuổi:

Độ tuổi 30 trở xuống: 422 đồng chí đạt 36,9% so với đảng viên kết nạp.

Từ 31 đến 40: 567 đồng chí đạt 49,6% so đảng viên kết nạp.

Từ 41 đến 50: 148 đồng chí đạt 12,9% so đảng viên kết nạp

Từ 51 tuổi trở lên: 7 đồng chí đạt 0,6% so đảng viên kết nạp

+ Về trình độ:

- Văn hóa:

+ Cấp I: 615 đảng viên chiếm 53,8% so với tổng số đảng viên kết nạp ở vùng cao, vùng sâu, biên giới.

+ Cấp II: 401 đảng viên chiếm 35,1%.

+ Cấp III: 128 đảng viên chiếm 11,1% so với tổng số đảng viên kết nạp ở vùng cao, vùng sâu, biên giới.

- Chuyên môn:

+ Sơ cấp: 28 đồng chí

- + Trung cấp: 91 đồng chí
- + Cao đẳng, đại học: 9 đồng chí.
- Số lượng đảng viên mới kết nạp từng năm:
- Năm 1995: 240 đảng viên
- Năm 1996: 276 đảng viên
- Năm 1997: 299 đảng viên
- Năm 1998: 329 đảng viên.

II. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN MỚI TRONG 4 NĂM (1995-1998) Ở VÙNG CAO, VÙNG SÂU, BIÊN GIỚI

1. Về ưu điểm

Công tác kết nạp đảng viên mới ở vùng cao, vùng sâu, biên giới đã có bước tiến bộ, số lượng đảng viên năm sau cao hơn năm trước. So sánh 1996 với 1995 tăng 15%; năm 1997 với 1996 tăng 8,3%; năm 1998 với 1997 tăng 10% và năm 1998 tăng hơn 1995 là 37%.

Các Đảng bộ làm tốt công tác này là:

+ Đảng bộ huyện Bắc Hà kết nạp được trong 4 năm: 271/378 đảng viên đạt 71,7% so với tổng số đảng viên mới được kết nạp của huyện.

+ Đảng bộ huyện Bát Xát kết nạp được 138/248 đảng viên đạt 55,6%.

+ Đảng bộ huyện Mường Khương kết nạp 103/213 đạt 48,4%.

+ Đảng bộ huyện Văn Bàn kết nạp 206/470 đạt 43,8%.

+ Đảng bộ huyện Sa Pa kết nạp 98/169 đạt 58%.

- Một số chi, đảng bộ cơ sở vùng cao, vùng sâu, biên giới có nhiều thành tích tiêu biểu trong việc kết nạp đảng viên, xóa thôn, bản trắng như: Xã Lám Lư, huyện Mường Khương; Chi bộ xã Thảm Dương, huyện Văn Bàn; Đảng bộ xã Cốc Lầu, Chi bộ xã Nàn Sán, huyện Bắc Hà là những chi bộ, đảng bộ nhiều năm liên tục làm tốt công tác kết nạp đảng viên mới.

Kết quả công tác kết nạp đảng viên mới ở vùng cao, vùng sâu, biên giới đã có tác dụng tích cực trong việc tạo nguồn, bổ sung cho đội

ngũ cán bộ các cấp nhất là cán bộ cơ sở. Đội ngũ cán bộ cơ sở trẻ hóa dần, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng được nâng lên một bước. Những đảng viên mới kết nạp ở vùng cao, vùng sâu, biên giới 4 năm qua đã phát huy tác dụng tốt, được rèn luyện thử thách trong hoạt động thực tiễn, được giao các nhiệm vụ từ cán bộ an ninh, dân quân, đảm nhiệm các chức vụ ở địa phương như trưởng thôn, trưởng bản, trưởng, phó ngành, đoàn thể, chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, ủy viên Ban Chấp hành chi, đảng bộ xã, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm hợp tác xã... Nhiều đồng chí trưởng thành đi thoát ly công tác trong các đơn vị cơ quan huyện, thị... Cụ thể: đi thoát ly 44 đồng chí; giữ chức vụ bí thư, phó bí thư chi, đảng bộ cơ sở 23 đồng chí; chủ tịch, phó chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã 16 đồng chí; trưởng, phó các ngành đoàn thể trong xã 102 đồng chí; trưởng bản, trưởng thôn 200 đồng chí; cán bộ an ninh quân sự xã 174 đồng chí.

Trong những năm qua, công tác kết nạp đảng viên mới ở vùng cao, vùng sâu, biên giới đã tăng nhanh về số lượng, coi trọng chất lượng, đảm bảo đúng tiêu chuẩn quy định trong Điều lệ Đảng, đảm bảo các nguyên tắc thủ tục trong các khâu tuyển lựa, xác minh thẩm định, công tác hồ sơ kết nạp. Bốn năm, đã xác minh 2 đảng viên mới kết nạp có chị gái lấy chồng ở Trung Quốc (xã Tả Gia Khâu, huyện Mường Khương), hiện nay một đồng chí làm hiệu trưởng trường tiểu học xã, một đồng chí làm thôn trưởng đều thể hiện là những cán bộ đảng viên có quan điểm lập trường vững vàng công tác tốt, mối quan hệ, rõ ràng. Phát hiện 5 trường hợp đảng viên vi phạm điều cấm: 4 đồng chí ở huyện Than Uyên, 1 đồng chí ở huyện Bắc Hà đã xử lý đưa ra 2, cho thôi giữ các chức vụ 2, những đồng chí này đều nhận thức hình thức xử lý là thỏa đáng, hiện nay vẫn chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, không có biểu hiện gì tiêu cực.

- Về trình độ văn hóa, chuyên môn: Văn hóa cấp II, cấp III chiếm 46,2% so với số đảng viên kết nạp ở khu vực này. Trình độ chuyên môn sơ cấp, trung cấp, cao đẳng đại học: 128 đồng chí chiếm 11,2% (riêng

trung cấp, cao đẳng, đại học chiếm 8,7%; so với các khu vực khác tỷ lệ này thấp nhưng với địa bàn vùng cao, vùng sâu, biên giới thì đó là một cố gắng đáng ghi nhận của các cấp ủy cơ sở, huyện, thị.

Những đảng viên mới kết nạp đã tích cực tham gia công tác, đại đa số các đồng chí đã hoàn thành tốt nhiệm vụ, được quần chúng tin yêu. Công tác kết nạp Đảng đã thực hiện theo đúng Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) và củng cố chủ trương của Tỉnh ủy, đã quan tâm phát triển đảng viên là nữ, là người dân tộc thiểu số, đảng viên là người sản xuất kinh doanh giỏi.

4 năm qua đã được 143 thôn, bản chưa có đảng viên (trong đó vùng cao, vùng sâu, biên giới: 125, bằng 87%). Kết quả kết nạp đảng viên đã có nhiều cố gắng, thu hẹp dần diện thôn, bản chưa có đảng viên, trong 4 năm, bình quân mỗi năm xóa được trên 30 thôn, bản chưa có đảng viên, năm 1998 là năm xóa được thôn, bản chưa có đảng viên cao nhất (43 thôn bản), những đơn vị làm tốt công tác này là Bắc Hà, Mường Khương, Bát Xát, Than Uyên.

Nguyên nhân đạt được những kết quả trên:

- Công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo trong những năm qua đã thu được những thành tựu to lớn. Sản xuất lao động liên tục tăng, có đủ lương thực tiêu dùng và xuất khẩu. Tình hình nông nghiệp, nông thôn ổn định là tiền đề quan trọng cho ổn định xã hội phát triển kinh tế. Các chính sách của Nhà nước về đầu tư giúp đỡ miền núi, vùng cao, biên giới đã phát huy hiệu quả, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, văn hóa, xã hội ngày càng phát triển, quốc phòng an ninh được giữ vững; nhân dân các dân tộc tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) về đổi mới và chỉnh đốn Đảng, các cấp ủy Đảng đã thường xuyên củng cố cơ sở yếu kém bằng việc triển khai thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, nhất là Nghị quyết 08-NQ/TU, ngày 27-5-1997 về xây dựng cơ sở chính trị xã, phường, thị trấn trong sạch, vững mạnh. Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về công tác cán bộ; Nghị định 29

Chính phủ thực hiện Quy chế dân chủ ở xã đã có tác dụng nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên. Đã thực hiện nghiêm công tác kỷ luật Đảng, 4 năm đã khai trừ và xóa tên 21 đồng chí (là đảng viên ở những cơ sở này). Số đảng viên gương mẫu phấn đấu tốt tăng hằng năm, nhiều điển hình đảng viên làm kinh tế giỏi vươn lên làm giàu chính đáng như chăn nuôi, phát triển kinh tế trang trại, “xóa đói, giảm nghèo” làm tấm gương cho quần chúng noi theo. Qua số liệu chưa đầy đủ đã có 317 hộ gia đình đảng viên làm kinh tế trang trại, trong đó có nhiều đồng chí đảng viên ở vùng cao, vùng sâu, biên giới, đó là những tấm gương cho nhân dân noi theo.

- Các cấp ủy Đảng đã nhận thức đúng tầm quan trọng của việc kết nạp đảng viên mới ở vùng cao, vùng sâu, biên giới, coi đó là một nội dung quan trọng trong nhiệm vụ xây dựng Đảng, củng cố hệ thống chính trị.

Từ nhận thức đúng dẫn trong công tác kết nạp đảng viên mới ở vùng cao, vùng sâu, biên giới, trong chương trình công tác hằng quý, 6 tháng và cả năm của các cấp ủy Đảng đã có nhiều chủ trương biện pháp cụ thể gắn kết nạp đảng viên, xóa thôn, bản chưa có đảng viên với việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh. Thường xuyên chú trọng công tác kết nạp đảng viên, quan tâm công tác tạo nguồn, chú ý lớp trẻ có triển vọng, lớp cán bộ kế cận, cán bộ quy hoạch có phẩm chất đạo đức, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Hằng năm Ban Tổ chức Tỉnh ủy mở các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ quản lý và kết nạp đảng viên theo hướng dẫn của Trung ương, mời giảng viên Trung ương lên truyền đạt nội dung phương pháp và những kỷ niệm cho đội ngũ cán bộ làm công tác tổ chức xây dựng Đảng của các huyện, thị từ đó nâng cao kiến thức cho đội ngũ cán bộ có điều kiện vận dụng vào địa phương mình giúp đỡ các cơ sở đảng là vùng cao, vùng sâu, biên giới trong công tác quản lý và kết nạp đảng viên mới.

Các huyện, thị, đã mở những lớp bồi dưỡng cho cấp ủy cơ sở về nghiệp vụ công tác đảng viên, kết nạp đảng viên, hướng dẫn trình tự

từ công tác tạo nguồn đến giao nhiệm vụ thử thách, làm hồ sơ theo các mẫu thống nhất của Trung ương, hạn chế đến mức thấp nhất những sai sót trong các thủ tục kết nạp. Những cơ sở có hạn chế về trình độ, cấp ủy cấp trên cử cán bộ về tận nơi theo dõi giúp đỡ, hướng dẫn nghiệp vụ công tác kết nạp đảng viên mới.

Vấn đề khó khăn nhất ở vùng cao, vùng sâu, biên giới là trình độ văn hóa, các cấp ủy đã căn cứ tình hình điều kiện cụ thể của từng cơ sở nhất là những thôn, bản xa chưa có trường học, đề ra các biện pháp cụ thể, thích hợp với từng địa bàn, tạo điều kiện cho đối tượng được học các lớp đảm bảo về văn hóa: như mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn, xóa mù, khi có điều kiện sẽ được học tiếp lên lớp trên để vừa đáp ứng yêu cầu trước mắt, vừa đáp ứng yêu cầu lâu dài. Phải thường xuyên quan tâm để đảng viên mới được bồi dưỡng và nâng cao trình độ. Về lâu dài, các cấp ủy cần có những giải pháp tạo nguồn cho công tác kết nạp đảng viên như có kế hoạch tuyển chọn con em đồng bào dân tộc thiểu số có khả năng phát triển ưu tiên cho đi học ở các trường dân tộc nội trú, bán trú, các huyện, các trường có chỉ tiêu cử tuyển...

Chú trọng đến các phong trào như định canh định cư, “xóa đói, giảm nghèo”, phong trào xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư từ đó phát hiện những nhân tố mới, những điển hình tiêu biểu, lựa chọn giao nhiệm vụ thử thách khi có điều kiện thì kết nạp Đảng.

Để quần chúng ưu tú có điều kiện tìm hiểu về Đảng, các cấp ủy đã giao cho các ban xây dựng Đảng mở các lớp tìm hiểu về Đảng tại các khu vực, các xã cho quần chúng ưu tú được học tập làm cho quần chúng phấn khởi, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, phấn đấu để được kết nạp vào Đảng.

2. Những nhược điểm tồn tại

- Số lượng đảng viên được kết nạp 4 năm qua ở những xã vùng cao, vùng sâu, biên giới tuy có tăng nhưng chưa nhiều, chưa đáp ứng kịp yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương nhất là trong công

cuộc “xóa đói, giảm nghèo” thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Số đảng viên ở những cơ sở này mới chiếm 33,5% so với tổng số đảng viên toàn tỉnh, bằng 1,33% so với số dân của cơ sở vùng cao, vùng sâu, biên giới; số đảng viên phân bố không đồng đều, tuổi bình quân cao, thường tập trung ở khu vực trung tâm xã, đông dân cư, còn những thôn, bản vùng cao, vùng sâu có nơi chỉ có 1 đến 2 đảng viên. Toàn tỉnh còn 265 thôn, bản chưa có đảng viên chủ yếu là khu vực vùng cao, vùng sâu (chiếm 231 thôn, bản bằng 87%) so với số thôn, bản chưa có đảng viên trong toàn tỉnh. Một số tổ chức cơ sở đảng 3-4 năm liền không phát triển được đảng viên như: Chi bộ xã Mường Hum, Pa Cheo huyện Bát Xát, Hầu Thào huyện Sa Pa. Nhiều cơ sở có kết nạp đảng viên nhưng số lượng kết nạp được hàng năm rất ít (1 đến 2 đảng viên).

Đảng viên là nữ, người dân tộc địa phương chiếm tỷ lệ rất thấp. Số mới được kết nạp trong 4 năm qua chỉ bằng 12,3% so với tổng số đảng viên kết nạp ở vùng này.

Chất lượng đảng viên mới kết nạp được nâng lên nhưng chưa thực sự đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ. Trình độ văn hóa cấp I chiếm 53,8%, cá biệt có một số đảng viên mới kết nạp có trình độ văn hóa từ lớp 2 đến lớp 3.

Một số đảng viên mới kết nạp uy tín với dân bản còn thấp, chưa thực sự thể hiện vai trò tiên phong gương mẫu trước quần chúng trong các phong trào lãnh đạo sản xuất, “xóa đói, giảm nghèo”, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa.

+ Nguyên nhân những nhược điểm tồn tại:

- Khách quan: Là địa bàn vùng cao, vùng sâu, biên giới, địa hình chia cắt, cơ sở hạ tầng thiếu thốn. Nền kinh tế chủ yếu tự cung tự cấp, kinh tế hàng hóa chưa phát triển. Địa bàn rộng, dân cư rải rác, là những xã đặc biệt khó khăn, 30 xã chưa có đường ô tô tới trung tâm, phần lớn chưa có điện lưới quốc gia đến các cơ sở, tỷ lệ đói nghèo còn cao, thông tin truyền hình, đài báo thiếu thốn, tỷ lệ số người mù chữ cao, ở nhiều cơ sở vùng sâu tỷ lệ biết tiếng phổ thông ít, hạn chế nhiều

trong việc học tập tiếp thu các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Phong tục tập quán còn nặng nề, nhiều hủ tục lạc hậu như rượu chè, ma chay, cưới xin, mê tín dị đoan...

Các thế lực thù địch ngấm ngầm tuyên truyền, kích động, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, chia rẽ cán bộ và nhân dân, thực hiện “diễn biến hòa bình” lợi dụng chính sách tự do tín ngưỡng truyền đạo trái pháp luật quy định.

Các tệ nạn như tranh chấp đất đai di dịch cư tự do, buôn lậu qua biên giới, nạn cờ bạc, nghiện hút, buôn bán phụ nữ, trẻ em còn xảy ra, làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

Một số quần chúng ngại phấn đấu, nặng nề về lợi ích cá nhân, chưa nhận thức đúng về Đảng, chưa đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích cá nhân.

Chủ quan:

- Một số cấp ủy cơ sở chưa thực sự coi trọng công tác kết nạp đảng viên nên thiếu sự quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo, chưa có kế hoạch kết nạp đảng viên mới trong chương trình công tác hằng quý, năm.

Một số cấp ủy cơ sở chưa làm tốt công tác quản lý đảng viên, xử lý đảng viên vi phạm khuyết điểm làm ảnh hưởng đến vai trò, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng, làm giảm niềm tin của dân đối với Đảng.

- Một số cấp ủy chưa thực sự đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), chỉ đạo còn thiếu sâu sát, có nơi có lúc còn biểu hiện độc đoán, mất dân chủ. Có đơn vị mất đoàn kết nội bộ, chưa thẳng thắn trong đấu tranh tự phê bình và phê bình, chưa thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ. Một số cán bộ ngại làm công tác Đảng, thích làm công tác chính quyền.

Chất lượng công tác giáo dục vận động quần chúng còn nhiều hạn chế, chưa tạo được phong trào quần chúng sâu rộng nên không có những nhân tố ưu tú tích cực nổi lên từ các phong trào quần chúng, để bồi dưỡng kết nạp Đảng.

Một số đoàn thể quần chúng như Đoàn thanh niên, Hội Nông dân, Mặt trận Tổ quốc ở một số địa bàn hoạt động yếu, không tập hợp lôi cuốn được quần chúng, không phát hiện được những đối tượng ưu tú giới thiệu cho Đảng.

Một số cấp ủy trình độ văn hóa thấp, ngại làm thủ tục, ngại phải đi xác minh lý lịch phát triển Đảng ở địa bàn xa do khó khăn về kinh phí... làm ảnh hưởng đến tư tưởng quần chúng phấn đấu vào Đảng.

III. NHỮNG KINH NGHIỆM VÀ GIẢI PHÁP TRONG CÔNG TÁC KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN MỚI

Xây dựng kế hoạch, chương trình cụ thể các bước từ khâu phát hiện, tạo nguồn, giao nhiệm vụ thử thách phù hợp với đặc điểm cụ thể của đơn vị, địa phương mình.

- Xây dựng, củng cố tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên; xây dựng chính quyền vững mạnh thật sự là của dân, do dân, vì dân, thực hiện tốt thiết chế dân chủ ở cơ sở; củng cố, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của các tổ chức quần chúng, đẩy mạnh các hoạt động đoàn thể quần chúng, tạo nguồn, làm tốt công tác bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới.

- Vận dụng các hình thức bồi dưỡng học tập văn hóa, nâng cao trình độ cho quần chúng ưu tú như đưa đi học tập trung, học tại các bản, phối hợp với ngành giáo dục, biên phòng trong công tác phổ cập giáo dục tiểu học, xóa mù chữ ở các thôn, bản vùng cao, vùng sâu, biên giới.

- Mở các lớp tìm hiểu về Đảng cho quần chúng, các lớp bồi dưỡng về nghiệp vụ công tác Đảng cho cán bộ, đảng viên làm công tác kết nạp Đảng.

- Phân công cán bộ cấp trên xuống giúp đỡ cơ sở yếu trong công tác kết nạp Đảng. Tăng cường đầu tư đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội nâng cao dân trí, xóa đói, giảm nghèo.

- Tăng cường kiểm tra, xử lý kỷ luật nghiêm minh những đảng viên vi phạm khuyết điểm.

- Tổng kết công tác kết nạp đảng viên ở những xã vùng cao, vùng sâu, biên giới theo kế hoạch, rút ra những ưu, khuyết điểm, những kinh nghiệm và giải pháp trong công tác kết nạp đảng viên mới, kịp thời khen thưởng các cơ sở, huyện, thị làm tốt công tác kết nạp Đảng.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG KẾT NẠP ĐẢNG VIÊN Ở VÙNG CAO, VÙNG SÂU, BIÊN GIỚI TRONG NHỮNG NĂM TỚI

- Tạo một bước chuyển biến mạnh mẽ, tích cực bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới đảm bảo chất lượng, tăng nhanh số lượng, chú trọng đối với các cơ sở yếu kém, cơ sở nhiều đảng viên cao tuổi, cơ sở ít đảng viên, thôn, bản chưa có đảng viên, thôn, bản mới tách do dân dân cư.

- Đối tượng kết nạp Đảng tập trung vào các đối tượng là thanh niên, phụ nữ dân tộc ít người, những người có thành tích xóa đói, giảm nghèo, làm kinh tế giỏi, những người có uy tín cao trong thôn, bản, những người lãnh đạo trong tổ chức thanh niên, phụ nữ, đoàn thể quần chúng, trưởng thôn, bản, thanh niên tham gia lực lượng dân quân, an ninh, cán bộ, chiến sĩ công an, công tác lâu dài tại địa bàn, giáo viên, y tế cắm điểm.

- Các cấp ủy Đảng cần quán triệt đúng đắn nghiêm túc nguyên tắc, thủ tục kết nạp Đảng. Coi trọng chất lượng nhưng chú ý đến đặc điểm từng vùng để vận dụng phù hợp. Chú ý nghiên cứu thẩm tra cụ thể, đề phòng các phần tử chống đối cách mạng, phần tử cơ hội tìm cách chui vào Đảng.

Tập trung củng cố các tổ chức cơ sở đảng yếu, kém, đẩy mạnh công tác kết nạp Đảng, phấn đấu đến năm 2000 cơ bản không còn thôn, bản chưa có đảng viên.

V. KIẾN NGHỊ

- Đề nghị Trung ương quy định cụ thể về 6 điều cấm trong hướng dẫn thi hành Điều lệ Đảng.
- Đề nghị Trung ương cho tỉnh in thủ tục hồ sơ kết nạp Đảng.
- Do địa bàn vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, đề nghị Trung ương có văn bản quy định cụ thể việc gửi thủ tục xác minh qua đường bưu điện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 15-CT/TU, ngày 7-4-1999

Về việc đẩy nhanh tốc độ hoàn thành cơ bản mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ

Trong những năm qua, việc thực hiện chương trình, mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ được cấp ủy, chính quyền, đoàn thể các cấp và toàn ngành giáo dục tập trung sức đẩy mạnh nên đã đạt được những kết quả bước đầu rất đáng khích lệ. Tính đến hết năm 1998 tỉnh ta đã có 80/180 xã, phường, thị trấn và 4/10 huyện, thị đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ.

Tuy nhiên, việc thực hiện chương trình, mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ ở tỉnh ta đang tồn tại nhiều khó khăn yếu kém: số huyện, xã chưa đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ còn nhiều, tập trung ở các xã, huyện vùng cao, nhiều xã tỷ lệ huy động trẻ em đi học còn thấp, một số xã mới đạt 40-50%. Số học sinh bỏ học giữa chừng ở các trường tiểu học vùng cao chiếm tỷ lệ không nhỏ, tỷ lệ học sinh học hết lớp 5 rất thấp, số người trong độ tuổi chưa ra lớp học chương trình xóa mù chữ còn nhiều nên tốc độ thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ ở nhiều huyện, thị còn rất chậm. Mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ vào năm 2000 đang đứng trước nhiều khó khăn, nếu không có sự nỗ lực phấn đấu vượt bậc sẽ khó hoàn thành.

Để khắc phục yếu kém, nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ vào năm 2000 theo tinh thần

Nghị quyết Trung ương 2 và chương trình hành động của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các ngành cần tập trung chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau đây:

1. Cấp ủy, chính quyền các cấp, nhất là các huyện, xã chưa hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ cần kiểm điểm đánh giá đúng thực trạng tiến độ phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ ở đơn vị mình, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng xã, phường, thôn, bản, tiến hành ký cam kết trách nhiệm, khắc phục tình trạng khoán trắng cho ngành giáo dục, huy động sức mạnh tổng hợp đẩy nhanh tiến độ phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ, quyết tâm hoàn thành cơ bản vào tháng 6-2000. Các huyện, thị phân công các đồng chí cấp ủy và lãnh đạo các ban, ngành, đoàn thể phụ trách từng xã; các xã phân công cán bộ chủ chốt phụ trách các thôn, bản cùng các trưởng thôn, trưởng bản trực tiếp tham gia vào nhiệm vụ vận động và duy trì người học, chăm lo cơ sở vật chất cho các lớp học và quản lý, động viên đội ngũ giáo viên. Chi bộ cần phân công đảng viên phụ trách từng gia đình, có trách nhiệm vận động nhân dân cho con em đi học các lớp phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ.

2. Ngành giáo dục cần tăng cường lực lượng và linh hoạt áp dụng các hình thức dạy và học cho phù hợp với từng đối tượng, khắc phục những yếu kém trong điều tra cơ bản và lập kế hoạch, làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, chính quyền, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện của các phòng giáo dục, các nhà trường, chú ý cả số lượng và chất lượng. Sở Giáo dục - Đào tạo và các phòng giáo dục cần tăng cường lực lượng thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn các xã xây dựng kế hoạch phối hợp với Tỉnh Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huy động lực lượng thanh niên và giáo sinh Trường Trung học Sư phạm tham gia chiến dịch chống mù chữ.

3. Các tổ chức đoàn thể có kế hoạch chỉ đạo cơ sở trực tiếp phối hợp với nhà trường tổ chức các lớp chống mù chữ cho đoàn viên, hội viên đồng thời tham gia vận động và duy trì các lớp phổ cập giáo dục tiểu học.

- Các ban, ngành, các lực lượng vũ trang từ tỉnh đến các huyện, thị có trách nhiệm chỉ đạo, phân công giúp đỡ các xã vùng cao khó khăn thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ

4. Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương nghiên cứu để ban hành một số chính sách, phục vụ kịp thời cho việc đẩy nhanh tốc độ phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ như: miễn đóng góp lao động công ích cho người đi học chống mù chữ, bồi dưỡng khuyến khích trưởng thôn, trưởng bản làm tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ...

5. Đẩy mạnh phong trào thi đua phấn đấu đạt mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ trong cán bộ và nhân dân các dân tộc, gắn chương trình phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ với các chương trình kinh tế - xã hội, nhằm tạo ra nội lực tổng hợp thực hiện thắng lợi mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ vào tháng 6-2000.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, các ngành, các cấp cần tăng cường sự lãnh đạo, xây dựng kế hoạch hành động thiết thực để năm 2000 tỉnh ta cùng cả nước hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ.

Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ của tỉnh, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và Ban cán sự Đảng Sở Giáo dục - Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện chỉ thị này.

Chỉ thị này được phổ biến đến cán bộ, đảng viên trong toàn Đảng bộ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 16-CT/TU, ngày 7-4-1999

Về việc lãnh đạo tổ chức và hoạt động các ban Thanh tra nhân dân ở cơ sở

Pháp lệnh Thanh tra nhân dân do Hội đồng Nhà nước ban hành và có hiệu lực từ ngày 1-6-1990, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành Nghị định số 241-HĐBT, ngày 5-8-1991 quy định về tổ chức và hoạt động của các ban Thanh tra nhân dân.

Thực hiện Pháp lệnh của Nhà nước, trong những năm qua, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc đã chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở các xã, phường, thị trấn, từng bước đi vào ổn định nền nếp và có nội dung thiết thực. Nhiều cơ sở hoạt động tốt, tác động tích cực vào việc động viên quần chúng nhân dân thực hiện quyền giám sát, kiểm tra, đôn đốc các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện chính sách, pháp luật ở cơ sở và địa bàn khu dân cư, hạn chế những tiêu cực xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, ổn định chính trị - xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện Pháp lệnh Thanh tra nhân dân, các huyện, thị còn bộc lộ một số tồn tại, thể hiện nhận thức, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc các cấp, các ban Thanh tra nhân dân ở cơ sở còn lúng túng về phương thức hoạt động.

Để tiếp tục phát huy hơn nữa vai trò của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ sở, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các huyện, thị ủy, các Ban cán

sự và Đảng đoàn trực thuộc, tăng cường chỉ đạo, thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau đây:

1. Các huyện, thị ủy chỉ đạo chính quyền và Mặt trận Tổ quốc các cấp tổ chức kiểm điểm sơ kết rút kinh nghiệm về việc tổ chức hoạt động của các ban Thanh tra nhân dân ở cơ sở những năm qua. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân về mục đích, ý nghĩa và nội dung thanh tra nhân dân, phát huy quyền làm chủ trực tiếp của nhân dân ở cơ sở. Trên cơ sở đó có chủ trương, biện pháp cụ thể về việc củng cố kiện toàn tổ chức và hướng dẫn hoạt động đúng với tính chất, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thanh tra nhân dân theo quy định của pháp luật.

2. Việc tổ chức, hoạt động và các ủy viên của các ban Thanh tra nhân dân cơ sở phải đảm bảo sự lãnh đạo trực tiếp của các cấp ủy Đảng, sự quản lý của chính quyền do quần chúng nhân dân bầu ra, dưới sự tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp, mà trực tiếp là cấp cơ sở. Các ủy viên phải đảm bảo về tiêu chuẩn là: Người có phẩm chất đạo đức, trung thực, công tác tốt, am hiểu về chính sách, pháp luật và công tâm, được quần chúng tín nhiệm.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh sớm có văn bản chỉ đạo Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh và các ban, ngành có liên quan chủ động phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc các cấp trong quá trình tổ chức, hướng dẫn hoạt động; tạo điều kiện về kinh phí, cơ sở vật chất cần thiết cho Ban Thanh tra nhân dân hoạt động theo tinh thần Công văn số 355-TC/NSNN, ngày 28-4-1997 của Bộ Tài chính “về kinh phí hoạt động thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn”.

4. Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh có kế hoạch phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp, các ngành để chỉ đạo việc tổ chức và hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân ở cơ sở. Có trách nhiệm giúp Tỉnh ủy kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành trong quá trình tổ chức và hướng dẫn các ban Thanh tra nhân dân hoạt động có hiệu quả, thiết thực, đảm bảo mỗi cơ sở xã, phường, thị trấn đều có tổ chức

Ban Thanh tra nhân dân, hằng năm cần có sơ kết kiểm điểm rút kinh nghiệm, kịp thời bổ sung cho sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy và cơ sở.

5. Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy, các ban của Đảng giúp Tỉnh ủy thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức, hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân và báo cáo kết quả về Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Chỉ thị này cần được phổ biến, quán triệt đến các chi, đảng bộ.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 17-CT/TU, ngày 20-4-1999

Về một số vấn đề công tác cán bộ nữ năm 1999-2001

Sau hơn 4 năm thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW, ngày 16-5-1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới; công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đề bạt, sử dụng cán bộ nữ của Đảng bộ có nhiều cố gắng, tích cực. Nhận thức của các cấp ủy Đảng từ tỉnh đến cơ sở có bước chuyển biến rõ rệt. Từ nhận thức, các cấp ủy Đảng đã có sự quan tâm đúng mức công tác cán bộ nữ, chú trọng giáo dục, bồi dưỡng, kết nạp đảng viên nữ. Số lượng cán bộ nữ được đề bạt trong thời gian qua ở các cấp, các ngành đã góp phần quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh của tỉnh. Nhiều gương điển hình là nữ, nổi lên từ trong lao động sản xuất, công tác và học tập; từng bước góp phần xóa bỏ những tư tưởng, mặc cảm với giới nữ, khẳng định vai trò, vị trí của người phụ nữ trong xã hội.

Song, đến nay tỷ lệ cán bộ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội trong toàn tỉnh còn thấp. Một số cấp ủy chưa thật sự quan tâm công tác cán bộ nữ; thiếu giải pháp cụ thể trong quy hoạch, đào tạo sử dụng; chưa tin vào khả năng của phụ nữ. Về phần mình, một bộ phận cán bộ nữ chưa thật cố gắng, thiếu ý chí và nghị lực vươn lên, còn an phận.

Để làm tốt hơn nữa công tác cán bộ nữ trong thời gian 1999 - 2001, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp, các ngành làm tốt một số việc sau:

1- Tiếp tục quán triệt sâu sắc Chỉ thị 37-CT/TW, ngày 16-5-1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới, nâng cao nhận thức, quan điểm của Đảng về công tác cán bộ nữ, chống những biểu hiện hẹp hòi trong đánh giá, đề bạt cán bộ nữ. Tăng cường, nâng cao tỷ lệ cán bộ nữ tham gia lãnh đạo, quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội là điều kiện và nhiệm vụ quan trọng để thực hiện quyền bình đẳng và giải phóng phụ nữ.

2- Các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể và các sở, ban, ngành từ tỉnh đến cơ sở làm tốt công tác quy hoạch cán bộ, rà soát quy hoạch cán bộ nữ, chuẩn bị tốt nhân sự cho cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ba cấp và Đại hội Đảng các cấp trong thời gian tới. Tăng cường mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, từng bước nâng cao kiến thức, năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ nữ. Các cấp ủy Đảng cần thường xuyên bồi dưỡng, giáo dục kết nạp đảng viên nữ, đặc biệt là đảng viên nữ người dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa.

3- Trên cơ sở quy hoạch, các cấp, các ngành cần có biện pháp điều chỉnh, bổ sung cán bộ nữ vào những cương vị phù hợp với khả năng của cán bộ nữ. Thường xuyên chăm lo sức khỏe, tạo điều kiện học tập, nâng cao trình độ mọi mặt cho phụ nữ, động viên phụ nữ làm tốt công việc được giao, khuyến khích tài năng nữ trong mọi lĩnh vực.

4- Trong cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ba cấp và Đại hội Đảng các cấp sắp tới cần tăng cường, bổ sung tỷ lệ cán bộ nữ cho phù hợp:

- + Cấp ủy các cấp từ 10% trở lên.
- + Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp từ 25% trở lên.
- + Ủy viên Ủy ban nhân dân các cấp từ 10% trở lên.

+ Các ngành có tỷ lệ nữ trên 70% phải có tỷ lệ nữ tham gia lãnh đạo từ 30% đến 50% trong lãnh đạo của cơ quan, đơn vị.

Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy xây dựng chương trình, kế hoạch và hướng dẫn các cấp ủy Đảng tổ chức thực hiện chỉ thị này đạt kết quả.

Chỉ thị này triển khai tới các chi, đảng bộ cơ sở.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 223-QĐ/TU, ngày 6-5-1999

Về việc thành lập Ban cán sự Đảng Thanh tra tỉnh

Căn cứ vào Quyết định số 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc thành lập Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng ở các cơ quan cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 27-4-1999;

Xét đề nghị của Ban cán sự Đảng Thanh tra tỉnh Lào Cai,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chỉ định đồng chí Lục Văn Liêm, Chánh Thanh tra tỉnh Lào Cai làm Bí thư Ban cán sự Đảng Thanh tra tỉnh Lào Cai.

Điều 2: Nhiệm vụ của đồng chí Bí thư Ban cán sự Đảng thực hiện theo quy định của Ban Bí thư Trung ương Đảng (nay là Bộ Chính trị).

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Thanh tra tỉnh và đồng chí Lục Văn Liêm căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 363-TB/TU, ngày 5-6-1999

**Về kết luận của đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy
tại Hội nghị giao ban nội chính ngày 3-6-1999**

Ngày 3-6-1999, đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy chủ trì hội nghị giao ban Khối Nội chính. Sau khi nghe lãnh đạo các ban, ngành trong Khối Nội chính báo cáo và thảo luận tình hình công tác tháng 5, chương trình công tác tháng 6-1999, đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy kết luận một số nội dung sau:

I. TÌNH HÌNH CÔNG TÁC NỘI CHÍNH THÁNG 5-1999

Trong tháng 5, tình hình an ninh biên giới, an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội ổn định. Nhân dân phấn khởi hăng hái thi đua lao động sản xuất, hưởng ứng cuộc vận động mua công trái xây dựng Tổ quốc, cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, tin tưởng vào chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tuy nhiên thời gian qua còn nổi lên một số vấn đề đáng quan tâm như sau:

- Tình hình xâm canh tại các điểm C trên tuyến biên giới vẫn diễn ra phức tạp.

- Tình hình khai thác, vận chuyển trái phép gỗ quý, hàng hóa buôn lậu qua biên giới, xuất nhập cảnh trái phép có xu hướng tăng.

Một số vụ việc có dấu hiệu phức tạp như tệ nạn xã hội, hoạt động của đạo Tin Lành, tệ hiếp dâm, tệ nạn giao thông...

- Tình trạng di dịch cư tự do, chủ yếu là tình hình dân di cư nay quay trở lại khá đông cần được kịp thời ổn định cuộc sống.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU TRONG THÁNG 6-1999

1- Tăng cường công tác tuần tra, nắm chắc tình hình ngoại biên, có thái độ dứt khoát và kịp thời giải quyết những vụ việc phát sinh đối với các hoạt động xâm canh xâm cư của phía Trung Quốc đặc biệt ở khu vực các điểm C trên tuyến biên giới.

2- Tăng cường quản lý, chống buôn lậu, đặc biệt đối với các mặt hàng thuốc gây nghiện, gỗ pơ mu, đường kính...

3- Nắm chắc các đối tượng di dịch cư nay trở lại, tìm rõ nguyên nhân, tuyên truyền giáo dục, sắp xếp, tạo điều kiện cho số đối tượng đó sớm ổn định cuộc sống. Theo dõi, xử lý các đối tượng tuyên truyền đạo trái phép, đáng chú ý là người nước ngoài đến hoạt động mở rộng đạo Tin Lành trên địa bàn.

4- Tiếp tục mở rộng kinh tế đối ngoại, theo dõi nắm bắt những diễn biến về chính sách kinh tế của nước bạn có liên quan đến ta, để có đối sách phù hợp.

5- Tăng cường công tác phổ biến tuyên truyền giáo dục pháp luật, quan tâm triển khai thành lập tủ sách pháp luật ở các xã, phường.

6- Các cơ quan có liên quan giải quyết dứt điểm các vụ việc như: Không cho phép lưu hành xe máy Trung Quốc nhập lậu trên địa bàn, vụ cưỡng dâm tập thể ở Cam Đường, vụ phá công trình quốc phòng ở Bảo Thắng, làm rõ việc thực hiện dự án của Viện Kinh tế nông nghiệp ở xã Lùng Vai, Mường Khương để kiến nghị xử lý những vi phạm tài chính, bồi thường cho nhân dân nguồn kinh phí đã được đầu tư theo dự án.

7- Giao cho Ban Ngoại vụ biên giới phối hợp với Hội hữu nghị tỉnh tổ chức, giao lưu với đoàn học sinh Mỹ theo chương trình của Hội hữu nghị Việt - Mỹ.

8- Ủy ban nhân dân tỉnh có ý kiến chỉ đạo về việc hợp tác xây dựng khu du lịch Đền Thượng, thực hiện công khai, dân chủ để nhân dân trong khu vực này biết được tình hình, ý nghĩa của việc đầu tư, xây dựng trước khi tiến hành công tác giải phóng mặt bằng. Việc quy hoạch tổng thể phải có đường tuần tra biên giới dọc bờ sông Nậm Thi, không xâm phạm đến công trình văn hóa lịch sử của Đền Thượng.

9- Giao cho Ban 100 và các ngành liên quan kiểm tra một số tồn tại xung quanh việc thu phí ở cửa khẩu, nghiên cứu đề xuất đề nghị của người nước ngoài xin thuê mặt bằng chợ Phố Mới để kinh doanh buôn bán.

Tạo điều kiện cho thị xã Lào Cai xuất khẩu dưa theo hợp đồng đã ký với Trung Quốc.

Căn cứ nội dung thông báo, yêu cầu các huyện, thị, các ngành có liên quan triển khai thực hiện, báo cáo kết quả tại Hội nghị giao ban Khối Nội chính tháng 7-1999.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 365-TB/TU, ngày 10-6-1999

Về kết luận của đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban Thường trực ngày 5-6-1999

Ngày 5-6-1999, Thường trực Tỉnh ủy đã họp giao ban thường kỳ. Sau khi nghe Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình trong tuần, các đồng chí Thường trực Tỉnh ủy có ý kiến, đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy đã kết luận một số nội dung sau:

1. Nhất trí đề nghị của Sở Giáo dục - Đào tạo về giải quyết chính sách cho giáo viên và học sinh tham gia dạy học xóa mù chữ cho nhân dân trong dịp hè. Yêu cầu Sở Giáo dục - Đào tạo có danh sách phân loại đối tượng tham gia quản lý, giảng dạy, kế hoạch tổ chức mở lớp học từng cơ sở báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh, trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân tỉnh xác định kế hoạch cấp kinh phí hợp lý.

2. Nhất trí trình Chính phủ hủy Quyết định danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng đã cấp cho bà Nguyễn Thị Hoa. Các cấp, ngành, cá nhân liên quan ở huyện Bảo Thắng cần kiểm điểm nghiêm túc việc xác lập hồ sơ ban đầu của bà Hoa và báo cáo Thường trực Tỉnh ủy (qua văn phòng).

3. Đồng ý hỗ trợ về kinh phí cho 2 huyện Văn Bàn và Bảo Yên để biên tập và xuất bản lịch sử Đảng bộ huyện theo đúng tinh thần

chung đã quy định. Yêu cầu Ban Tài chính - Quản trị cân đối bổ sung ngân sách cho 2 huyện trên.

4. Về việc thị xã Lào Cai đề nghị cho 27 cựu chiến binh đã chiến đấu ở chiến trường Điện Biên đi thăm lại chiến trường xưa, yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã làm việc với Hội Cựu chiến binh tỉnh.

5. Đồng ý bổ sung một số danh mục các công trình xây dựng cơ bản năm 1999 theo như Công văn số 334-TT/UB, ngày 15-5-1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Yêu cầu các đơn vị nghiên cứu, tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM ĐÌNH CHUÔNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 338-TB/TU, ngày 21-6-1999

Về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 19-6-1999

Ngày 19-6-1999, Thường trực Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy. Sau khi nghe Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo, các đồng chí trong Thường trực Tỉnh ủy thảo luận và thống nhất kết luận như sau:

1. Về tình hình kinh tế - xã hội - an ninh quốc phòng

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, huyện, thị đẩy nhân việc thu hoạch đông - xuân, có phương án phòng, chống bão lũ và chuẩn bị cho sản xuất vụ mùa.

- Sản xuất công nghiệp đang gặp khó khăn, vì vậy Ủy ban nhân dân tập trung tháo gỡ, tập trung giải quyết dứt điểm các lò gạch thủ công đang hoạt động trái với quy định của tỉnh. Đồng ý sử dụng xi măng Lào Cai vào làm đường theo hình thức tỉnh ứng vốn trước, kiểm tra hoạt động của Công ty Khoáng sản để có sự chỉ đạo kịp thời, chưa cho phép Công ty Apatít khai thác quặng sắt.

- Kết quả mua công trái trong thời gian qua là tốt, cần tiếp tục vận động nhân dân mua tiếp, các chỉ tiêu giao về các cơ quan đơn vị

là chỉ tiêu vận động, tuyệt đối không được ép buộc mua quá khả năng của nhân dân và cán bộ.

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng bàn với phía Trung Quốc để quy định xe ô tô và lái xe Trung Quốc đi vào đất Việt Nam một cách tương ứng, phù hợp với việc Trung Quốc quy định về ô tô và lái xe Việt Nam vào đất Trung Quốc.

- Nhất trí cho Công ty Lâm Giang - Trung Quốc xây dựng phương án lắp ráp ô tô và kinh doanh xuất nhập khẩu trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Trình tự và thủ tục phê duyệt theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thống kê lại chính xác số ô tô thuộc nguồn ngân sách cấp trên địa bàn tỉnh, Ban Tài chính - Quản trị thống kê xe ô tô thuộc khối Đảng quản lý, xây dựng phương án trình Ban Thường vụ duyệt và báo cáo các Chính phủ về số xe vượt tiêu chuẩn để xin ý kiến.

- Nhất trí hóa giá bán cho tư nhân toàn bộ số xe máy công và xe đạp công và thu vào ngân sách.

- Nhất trí xây dựng trụ sở Huyện ủy Bảo Thắng, kinh phí nhất trí bố trí trong 2 năm 1999 - 2000. Trụ sở được xây dựng theo quy định về phòng làm việc cho cán bộ, công chức.

- Đồng ý tặng trưởng của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh cho huyện Bảo Yên nhân kỷ niệm 50 năm giải phóng Phố Ràng.

- Giao cho Công an tỉnh cấm lưu hành xe máy nhập lậu từ Trung Quốc, tịch thu xe khi phát hiện.

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân các huyện yêu cầu số dân di cư tự do nay trở về huyện làm tường trình nêu rõ nguyên nhân tại sao đi và trở về, có những kiến nghị gì với chính quyền địa phương, từ đó có phương án để ổn định dân cư.

Nhất trí giải thể Trung tâm khảo sát thiết kế công nghiệp Lào Cai để thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn Công nghiệp Lào Cai theo nội dung Tờ trình số 153-CV/TC, ngày 1-6-1999 của Ban Tổ chức chính quyền tỉnh.

2. Công tác tổ chức và cán bộ

- Đồng ý điều chỉnh lại lương cho đồng chí Lục Văn Liêm và nâng lương định kỳ cho 11 đồng chí thuộc diện tỉnh quản lý.

- Đồng ý cho đồng chí Lê Văn Ái, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy nghỉ hưu, nâng lương lên 4,19 trước khi nghỉ.

- Đồng ý cho đồng chí Vũ Thị Ngán, Công ty Apatit nghỉ hưu, nâng lương lên 4,38 trước khi nghỉ.

Chuyển công tác cho 3 đồng chí Hoàng Thanh Bình, Nguyễn Khắc Trạch, Lê Thanh Thủy về Sở Thương mại - Du lịch để làm thủ tục nghỉ hưu và lương chuyển ngạch sang chuyên viên để điều chỉnh cho phù hợp trước khi nghỉ.

Đồng ý cho đồng chí Lê Thị Thuý Hào và đồng chí Nguyễn Kim Đề nghỉ chữa bệnh đến hết năm 1999.

Nhất trí tờ trình của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về bổ nhiệm Thẩm phán cấp huyện. Không bổ nhiệm đồng chí Triệu, huyện Bảo Thắng, đồng chí Khanh, huyện Mường Khương.

- Nhất trí cho 5 đồng chí đi học cử nhân chính trị 2 năm và 1 đồng chí đi học lớp bồi dưỡng 9 tháng.

- Nhất trí cho đồng chí Đặng Kim Trọng, Sở Lao động Thương binh và Xã hội thôi làm giảng viên kiêm chức tại Trường Chính trị.

Yêu cầu các tổ chức và cá nhân căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện thông báo này. Ban Tổ chức Tỉnh ủy căn cứ vào thông báo và chuẩn bị các văn bản vụ thể trình Thường trực Tỉnh ủy ký. Từ nay các tờ trình về tổ chức phải chuẩn bị bằng văn bản có số và Trưởng ban ký, đóng dấu để lưu trữ.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 356-TB/TU, ngày 21-7-1999

Kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 19-7-1999

Ngày 19-7-1999, Thường trực Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, đã thảo luận và thống nhất kết luận như sau:

1. Đồng ý thành lập quỹ bảo trợ người bị chất độc màu da cam. Yêu cầu xây dựng quy chế vận động và sử dụng quỹ theo nguyên tắc, vận động, tự nguyện đóng góp, không ép buộc, sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng.

2. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi Quyết định số 699/1998-QĐ/UB, ngày 28-8-1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí đi công tác trong tỉnh như sau: Cán bộ, công chức đi công tác trong tỉnh có khoảng cách từ trụ sở cơ quan đến nơi công tác từ 15 km trở lên được hưởng phụ cấp lưu trú, thanh toán tiền ngủ hoặc thanh toán công tác phí khoán lưu động thường xuyên ở mức cao nhất trong quy định tại Thông tư số 94/1998-TT/BTC, ngày 30-6-1998 của Bộ Tài chính, kể từ ngày 1-9-1999.

3. Yêu cầu các cơ quan không thực hiện Công văn số 53-CV/TC, ngày 16-6-1999 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc trợ cấp kho khăn cho cán bộ đi học.

- Thực hiện trợ cấp cho cán bộ đi học theo đúng quy định hiện hành của Ban Thường vụ.

- Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy chủ trì cùng các ngành có liên quan xây dựng một quy định tổng thể về việc cử cán bộ đi học chính trị, có chuyên môn nghiệp vụ và các chế độ kèm theo để Ban Thường vụ quyết định theo tinh thần thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

4. Đồng ý cho Huyện ủy Bất Xát mua 1 xe ô tô 2 cầu lắp ráp trong nước theo đúng quy định của Chính phủ.

5. Nhất trí với Tờ trình số 07-TT/TC của Ban Tổ chức Tỉnh ủy:

- Thành lập Ban kiểm tra của Hội Nông dân tỉnh gồm 5 đồng chí
- Bổ sung Ban Chấp hành Huyện ủy Than Uyên 2 đồng chí
- Bổ sung Ban Chấp hành Huyện ủy Bảo Yên 1 đồng chí
- Nâng lương thường xuyên cho đồng chí Nguyễn Văn Vịnh, Phó

Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Cho đi học lớp đại học chính trị 2 năm: 7 đồng chí
- Cho đi dự thi lớp đại học chính trị 3 năm: 10 đồng chí
- Cho đi học lớp cao cấp lý luận 10 tháng: 6 đồng chí
- Cho đi học lớp cao cấp tại chức 2 năm: 2 đồng chí
- Cho đi học lớp cao cấp dành cho cán bộ dân tộc: 8 đồng chí
- Cho đi học lớp cao cấp tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí

Minh: 3 đồng chí

6. Không đồng ý cho 8 đồng chí theo học lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước tại Công văn số 180-TT/TC, ngày 26-6-1999 của Ban Tổ chức chính quyền tỉnh.

Yêu cầu Ban Tổ chức chính quyền và Trường Chính trị thông báo cho các học viên trở về cơ quan làm việc và rút kinh nghiệm về việc này.

Các cơ quan và cá nhân căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 360-TB/TU, ngày 25-7-1999

**Về kết luận của đồng chí Bí Tỉnh ủy
tại phiên họp Ban Thường vụ ngày 24-7-1999**

Ngày 24-7-1999, đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, chủ trì họp Ban Thường vụ, tiến hành bàn một số việc sau:

1. Nghe báo cáo kiểm điểm tập thể Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII:

Sau một buổi sáng làm việc tích cực, khẩn trương các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ đã đóng góp nhiều ý kiến bổ sung vào bản báo cáo (dự thảo) do đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy trình bày. Sau khi nghe toàn bộ các ý kiến của các đồng chí phát biểu, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy kết luận: Tiếp thu những ý kiến của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, giao cho đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy chỉnh sửa, bổ sung gửi xuống lấy ý kiến theo hướng dẫn và gửi trả lại cho Tỉnh ủy trước ngày 25-8-1999.

2. Nghe đồng chí Trưởng ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy báo cáo tình hình hoạt động, tuyên truyền đạo trái phép và đề nghị thành lập Ban chỉ đạo công tác tôn giáo:

Sau khi nghe đồng chí Trưởng ban báo cáo tình hình hoạt động, tuyên truyền đạo trái phép và ý kiến phát biểu của đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy kết luận:

- Nhất trí cho thành lập Ban chỉ đạo công tác tôn giáo do đồng chí Phó Bí thư Thường trực làm Trưởng ban.

- Tên gọi thống nhất là: Ban chỉ đạo công tác tôn giáo trong tình hình mới.

- Nhiệm vụ: Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy xây dựng nhiệm vụ Ban chỉ đạo công tác tôn giáo.

- Kinh phí hoạt động: Do ngân sách địa phương cấp, giao cho Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy chịu trách nhiệm dự toán theo yêu cầu nhiệm vụ của Ban, trình Thường trực Tỉnh ủy duyệt.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ nội dung thông báo có trách nhiệm tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 361-TB/TU, ngày 2-8-1999

**Về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy
tại phiên họp ngày 2-8-1999**

Ngày 2-8-1999, Thường trực Tỉnh ủy giao ban với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, đã thống nhất kết luận như sau:

- Yêu cầu các cấp ủy Đảng tập trung triển khai và tổ chức thực hiện tốt nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) theo kế hoạch đã đề ra.

- Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch năm 2000 và trình Ban Thường vụ cho ý kiến vào ngày 15-8 đến 20-8.

- Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc Hội đồng nhân dân các huyện, thị xã tiến hành tổng kết nhiệm kỳ, rút ra những bài học thiết thực để phục vụ tốt cho việc bầu cử Hội đồng nhân dân khóa mới.

- Nhất trí dự thảo quy chế quản lý chợ biên giới và quy chế quản lý khu phong tỏa, Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu các ý kiến đóng góp và hoàn chỉnh dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh sớm ban hành để tổ chức thực hiện.

- Đồng ý cho Ngân hàng thế giới mở hội thảo tại Lào Cai, kinh phí do Ngân hàng thế giới tự túc.

- Đồng ý cho Ủy ban Dân tộc miền núi mở hội nghị sơ kết tình hình thực hiện Quyết định 135 tại tỉnh, kinh phí do Ủy ban Dân tộc miền núi chi.

- Nhất trí cho Cục Hải quan tổ chức kỷ niệm 10 năm thành lập ngành theo hình thức nội bộ ngành. Tỉnh không tặng bức trưởng, chỉ tặng Bằng khen cho tổ chức và cá nhân có thành tích.

- Nhất trí mở lớp Đại học hành chính, yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo bộ phận tuyển sinh làm việc cụ thể với các cơ quan, đơn vị cử người đi học để tuyển sinh theo yêu cầu sau: cán bộ phải trong độ tuổi quy định, là đảng viên nằm trong quy hoạch, có đầy đủ điều kiện về văn bằng và một cơ quan không được cử quá nhiều người đi học làm ảnh hưởng tới công tác.

- Về xe máy công yêu cầu thanh lý bán cho cá nhân theo nguyên tắc sau: Ưu tiên bán cho người đang được phân sử dụng, nếu người đang được phân sử dụng không mua thì bán trong nội bộ cơ quan, ngành, nếu không ai mua thì giao về Sở Tài chính để bán đấu giá.

- Đồng ý mở hội nghị tổng kết Nghị quyết 11 của Bộ Chính trị, thời gian 1 ngày vào cuối tháng 8, thành phần chỉ mời các ngành, huyện, thị xã có liên quan. Bộ chỉ huy Biên phòng xin ý kiến các đồng chí trong Ban Thường vụ sửa lại báo cáo cho đúng với mục đích, yêu cầu của Bộ Quốc phòng.

- Giao cho Cục Hải quan xem xét việc nộp thuế nhập khẩu của Công ty Thương mại Hồng Hà từ ngày 1-1-1998 đến 30-9-1998 theo Báo cáo số 51-BC, ngày 13-7-1999 của Công an tỉnh và báo cáo Thường trực Tỉnh ủy xem xét trong tháng 8-1999.

- Ban Kinh tế Tỉnh ủy sử dụng kinh phí chi thường xuyên để tổng kết kinh tế trang trại ở Lào Cai và được bổ sung một phần kinh phí cho việc in ấn tài liệu, biểu mẫu và khảo sát ở các huyện, thị xã. Không tổ chức đi nghiên cứu, sưu tầm tài liệu ngoài tỉnh, không chụp nhiều ảnh.

- Đồng ý cho Huyện ủy Bảo Thắng, Bắc Hà, Văn Bàn khởi công xây dựng thêm trụ sở trong năm nay theo hình thức các B ứng vốn trước như trong đề nghị của các Huyện ủy trên. Ủy ban nhân dân tỉnh đưa vào kế hoạch thanh toán trong năm 2000 và chỉ đạo các ngành chức năng làm đầy đủ, kịp thời các thủ tục của Nhà nước về công sở.

- Về đơn đề nghị của đồng chí Bùi Trại: Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy thăm hỏi đồng chí Trại theo quy định hiện hành và nghiên cứu chính sách để trình Thường trực.

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành và các huyện, thị kiểm soát chặt chẽ biên giới, không nhập lậu từ phía nước ngoài để ngăn chặn dịch lở mồn long móng.

- Không đồng ý cho Liên hiệp tài nguyên khoáng khai thác quặng sắt ở Na Lốc - Bản Lầu - Mường Khương.

- Vụ án Lùng Vai: Tiếp tục giải quyết theo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy.

Các cơ quan và cá nhân căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ GIAO BAN NỘI CHÍNH
NGÀY 5-8-1999

Số 364-TB/TU, ngày 6-8-1999

Ngày 5-8-1999, Thường trực Tỉnh ủy giao ban với Khối Nội chính dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy đã thống nhất kết luận như sau:

1. Trên tuyến biên giới

- Yêu cầu Bộ chỉ huy Biên phòng tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, kiên quyết không để xảy ra tình trạng xâm canh, xâm cư, xâm nhập trái phép, xâm lấn biên giới.

- Giao cho Ban Ngoại vụ biên giới và Bộ chỉ huy Biên phòng, Ủy ban nhân dân huyện Mường Khương tiến hành khảo sát lại khu vực điểm 52 C, nắm chắc hơn về tình hình dân cư trú tại khu vực này và các chứng cứ khác để phục vụ tốt cho vòng đàm phán biên giới trên bộ lần thứ 16.

- Đồng ý về chủ trương mở chính thức các cửa khẩu quốc gia và lối mở, giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng báo cáo Chính phủ và Bộ Ngoại giao để làm các thủ tục hiện hành theo quy định.

- Giao cho Bộ chỉ huy Biên phòng và Cục Hải quan làm việc với Điện lực tỉnh để đưa điện lên cửa khẩu Mường Khương và Lô Cốt

Chín Pha Long - Mường Khương và thanh lý hợp đồng mua điện với phía bạn.

2. Công tác chống buôn lậu

- Tình trạng buôn lậu ma túy qua địa bàn tỉnh ta gia tăng đáng kể, do vậy những vụ đã bắt được đối tượng, yêu cầu khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ và sớm đưa ra xét xử nghiêm minh; đồng thời tăng cường theo dõi, kiểm tra và bắt giữ triệt để những đối tượng khác vận chuyển, buôn bán, tàng trữ và tổ chức sử dụng ma túy.

- Tập trung triệt phá hết bè mảng, thuyền trên sông biên giới, tăng cường kiểm tra chống buôn lậu qua biên giới, tuyệt đối không để nhập gia súc nước ngoài vào Việt Nam để đề phòng dịch lở mồm long móng.

3. Về trật tự, an toàn xã hội

- Ủy ban nhân dân tỉnh khẩn trương triển khai Nghị định 26/1999-NĐ/CP về công tác tôn giáo trong tình hình mới, từ đó tiếp tục vận động giáo dục nhân dân không theo đạo trái phép và có biện pháp ngăn chặn và xử lý bọn cầm đầu tuyên truyền đạo trái phép.

- Những vụ án Thường trực đã cho ý kiến yêu cầu các ngành làm án khẩn trương hoàn chỉnh hồ sơ để đưa ra xét xử kịp thời.

- Trong thời gian tới tình hình đơn thư khiếu nại tố cáo sẽ gia tăng, yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp tăng cường công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại tố cáo của công dân.

- Cán bộ trong Khối Nội chính phải gương mẫu, không được vi phạm pháp luật, đồng thời phải tăng cường giáo dục vợ con, gia đình chấp hành pháp luật. Những trường hợp vi phạm đã phát hiện cần có hình thức kỷ luật nghiêm, giữ cho ngành nội chính trong sạch, vững mạnh.

- Công an tỉnh xem xét và chỉ đạo việc nhập khẩu cho 741 hộ trên địa bàn thị xã Lào Cai đúng với quy định của pháp luật.

4. Những việc cần tập trung khác

- Đồng ý cho OXFAM England mở hội thảo tại tỉnh ta vào ngày 16-17-8. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, huyện, thị chuẩn bị tốt nội dung và phối hợp tổ chức hội thảo đạt kết quả.

- Yêu cầu các ngành trong khối tập trung triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2)

- Yêu cầu các ngành các cấp tập trung xây dựng kế hoạch năm 2000.

- Yêu cầu các cấp, các ngành chuẩn bị tốt phục vụ cho công tác bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp vào ngày 14-11-1999.

Các cơ quan và cá nhân liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 18-CT/TU, ngày 9-8-1999

Về tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện Bảo Yên

Để tiếp tục quán triệt thực hiện Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị và các nghị quyết, chỉ thị, nghị định của Đảng, Nhà nước, Chính phủ về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành đối với nhiệm vụ xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng thế trận quốc phòng an ninh ngày càng vững chắc; nâng cao thêm một bước về năng lực lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, quản lý điều hành của chính quyền, năng lực làm tham mưu của các cơ quan, ban, ngành đoàn thể và trình độ sẵn sàng chiến đấu của Lực lượng vũ trang trong khu vực phòng thủ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ huyện Bảo Yên với đề tài: “Chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu toàn bộ với lực lượng vũ trang, chuyển địa phương vào thời chiến, chống chiến tranh xâm lược kết hợp với bạo loạn lật đổ của địch”. Để cuộc diễn tập khu vực phòng thủ của huyện Bảo Yên đạt kết quả. Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Ban Thường vụ Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên thực hiện tốt những việc sau đây:

1 - Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh và các sở, ban, ngành đoàn thể có liên quan phối kết hợp chặt chẽ, xây dựng nội dung văn kiện đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ huyện Bảo Yên tổ chức diễn tập theo đúng ý định chỉ đạo của tỉnh.

2- Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên làm tốt công tác chuẩn bị và thực hành diễn tập sát với khả năng và tình hình thực tế của địa phương. Vận dụng sáng tạo các quan điểm tư tưởng của Đảng, chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng - an ninh để giải quyết những vấn đề đặt ra trong diễn tập. Chuẩn bị tốt nội dung địa điểm, cơ sở vật chất đồng thời phải tổ chức luyện tập kỹ trước khi diễn tập.

3- Quá trình chuẩn bị và thực hành diễn tập phải tuyệt đối giữ bí mật, bảo đảm an toàn, tiết kiệm, sẵn sàng chiến đấu cao và không gây ảnh hưởng lớn đến các nhiệm vụ khác của địa phương.

4- Duy trì và phát huy kết quả sau diễn tập tiếp tục đẩy mạnh xây dựng khu vực phòng thủ, không ngừng củng cố thế trận quốc phòng - an ninh ngày càng vững chắc, xây dựng làng xã an toàn làm chủ, giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi cho kinh tế - xã hội phát triển.

5- Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban chỉ đạo diễn tập do 1 đồng chí Phó Chủ tịch làm Trưởng ban, có sự tham gia của đồng chí Bí thư Huyện ủy, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên và một số đồng chí lãnh đạo của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh để theo dõi, chỉ đạo chặt chẽ cuộc diễn tập.

Thời gian diễn tập: Vào cuối tháng 9-1999.

(Thời gian cụ thể do Ban chỉ đạo quyết định)

Nhận được chỉ thị này Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên nghiên cứu quán triệt, tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả với Thường trực Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 370-TB/TU, ngày 18-8-1999

Về kết luận của đồng Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 17-8-1999

Ngày 17-8-1999, đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, chủ trì cuộc họp giao ban với các đồng chí Bí thư, Phó Bí thư của 15 huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc, để nghe báo cáo tiến độ triển khai Nghị quyết Trung ương 6, lần 2 (khóa VIII) đảm bảo đúng tiến độ, kế hoạch, hướng dẫn nội dung, phương pháp góp ý kiến với dự thảo báo cáo kiểm điểm của Ban Thường vụ Tỉnh ủy. Sau khi nghe ý kiến phát biểu về việc tổ chức triển khai, học tập nghị quyết của các Đảng bộ trực thuộc và lãnh đạo các ban Xây dựng Đảng, đồng chí Phó Bí thư Thường trực đã kết luận một số vấn đề như sau:

1. Các huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc đã triển khai, học tập Nghị quyết Trung ương 6, lần 2 (khóa VIII) đảm bảo đúng tiến độ, kế hoạch, hướng dẫn chỉ đạo của Trung ương và của Tỉnh. Đến nay, cơ bản các Đảng bộ đã xây dựng xong chương trình hành động, kế hoạch và bản kiểm điểm tập thể Ban Thường vụ cấp ủy, triển khai nghị quyết đến cơ sở.

2. Việc kiểm điểm các đồng chí cấp ủy, đảng ủy viên, phải gắn với công tác bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp vào tháng 11 sắp tới.

3. Về một số vấn đề mà cán bộ, đảng viên còn suy nghĩ, thắc mắc trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 ở các cấp ủy:

- Đối với 19 điều cấm đảng viên không được làm, yêu cầu đảng viên phải gương mẫu chấp hành, thực hiện các quy định, nguyên tắc của tổ chức, phục tùng sự lãnh đạo của Trung ương Đảng.

- Trong quá trình triển khai Nghị quyết Trung ương 6, lần 2 (khóa VIII); các cấp ủy Đảng căn cứ vào các văn bản hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy; tuân theo đúng trình tự các bước, thận trọng và đảm bảo đúng thời gian đã quy định.

4. Các ban Đảng Tỉnh ủy tiếp tục phối hợp với Đảng ủy các cơ quan tỉnh, duyệt chương trình hành động cho các tổ chức đảng trực thuộc theo đúng kế hoạch và tiến độ đã dự kiến.

Yêu cầu các cấp ủy trực thuộc, các ban Đảng Tỉnh ủy tổ chức thực hiện theo đúng tinh thần nội dung Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM ĐÌNH CHƯƠNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 372-TB/TU, ngày 19-8-1999

Về việc chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU của Tỉnh ủy Lào Cai

- Thực hiện Chỉ thị số 13 CT/TU, ngày 12-3-1999 của Tỉnh ủy về công tác lãnh đạo và tổ chức thực hiện đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt ở nơi cư trú,

- Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lào Cai có Hướng dẫn số 01-HD/TC, ngày 5-4-1999 triển khai đến Ban Tổ chức Tỉnh ủy các huyện, thị ủy và Đảng ủy trực thuộc Đảng bộ tỉnh tại hội nghị giao ban quý I năm 1999. Qua thời gian triển khai tổ chức thực hiện đã đạt được một số kết quả như sau:

I. VỀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Sau khi được triển khai Chỉ thị 13-CT/TU và Hướng dẫn 01-HD/TC các huyện, thị ủy, Đảng ủy trực thuộc tỉnh đã tiến hành tổ chức quán triệt và triển khai đến các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, đồng thời xây dựng kế hoạch và hướng dẫn cụ thể để các tổ chức cơ sở đảng, chi bộ khu phố thực hiện.

Tính đến hết tháng 5-1999 đã có 15/15 huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc tỉnh xây dựng được kế hoạch thực hiện và hướng dẫn chi tiết đến các tổ chức cơ sở đảng. Đến nay toàn bộ 347 tổ chức cơ sở đảng Khối Cơ quan đã lập danh sách và giới thiệu được 4.562 đảng viên về tham gia sinh hoạt ở nơi cư trú tại 167 chi bộ thuộc các xã, phường, thị

trấn trong toàn tỉnh. Hiện nay đã có 138 chi bộ tổ chức sinh hoạt được 1 kỳ, bằng 82,6% số chi bộ tiếp nhận đảng viên ở cơ quan, số lượng đảng viên dự sinh hoạt là 3.094 đồng chí, bằng 67,82% so với số đảng viên đã giới thiệu về sinh hoạt.

- Về hình thức và nội dung sinh hoạt: Do được học tập quán triệt sâu sắc, nên việc tổ chức, hình thức thực hiện phù hợp với điều kiện cụ thể của từng chi bộ, có chi bộ chia nhỏ thành các tổ chức sinh hoạt, có chi bộ do số đảng viên tiếp nhận không nhiều nên tổ chức sinh hoạt theo chi bộ.

Nội dung sinh hoạt được cải tiến gọn nhẹ, thiết thực và cụ thể theo đúng tinh thần của chỉ thị và hướng dẫn của Ban Tổ chức Tỉnh ủy, nội dung sinh hoạt tập trung vào việc thông báo tình hình kinh tế - xã hội, trật tự trị an ở phường, xã nơi cư trú, những quy định của địa phương và nhiệm vụ của khu phố, v.v..

Ngày 29-5-1999, Đảng ủy các cơ quan tỉnh tổ chức hội nghị tọa đàm rút kinh nghiệm việc chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU của Tỉnh ủy, thành phần gồm Thị ủy Lào Cai, Đảng bộ phường Kim Tân và đại biểu của Tỉnh ủy. Đây là hình thức tổ chức sinh hoạt phối hợp kết hợp giữa các cấp ủy nơi đảng viên công tác với cấp ủy nơi đảng viên tham gia sinh hoạt nhằm trao đổi kinh nghiệm chỉ đạo và khắc phục những tồn tại trong quá trình thực hiện. Ngày 10-8-1999 Thị ủy Lào Cai mở hội nghị tọa đàm rút kinh nghiệm về thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU, thành phần gồm đại biểu Tỉnh ủy, Đảng ủy các cơ quan tỉnh, Đảng bộ Công an, Đảng bộ Biên phòng và các đồng chí Bí thư chi bộ thuộc 5 đảng bộ phường của thị xã Lào Cai. Hội nghị đã nghe phản ánh tình hình thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU trên địa bàn thị xã. Những ưu khuyết điểm và biện pháp khắc phục qua hai hội nghị trên thể hiện sự quan tâm sâu sát của cấp ủy Đảng về việc tổ chức thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU.

II. NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

Qua thời gian lãnh đạo và tổ chức thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU của Tỉnh ủy, rút ra những ưu khuyết điểm như sau:

1. Ưu điểm

- Nhận thức của các cấp ủy Đảng và đảng viên về chủ trương đưa đảng viên cơ quan tham gia sinh hoạt ở nơi cư trú của Tỉnh ủy Lào Cai là đúng đắn và cần thiết, là cụ thể hóa nhiệm vụ của các cấp ủy đảng và đảng viên được quy định tại Điều lệ Đảng. Đặc biệt trong cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa III thì việc giới thiệu đảng viên cơ quan tham gia sinh hoạt nơi cư trú có tác dụng thiết thực.

- Các cấp ủy Đảng đã có sự quan tâm sâu sắc lãnh đạo, chỉ thị thực hiện chỉ thị. Một số nơi đã có bài học, kinh nghiệm trong việc thực hiện Thông tri 13 trước đây; do đó, có những thuận lợi cơ bản cho việc tổ chức triển khai thực hiện chỉ thị này, đặc biệt là Thị ủy Lào Cai và Cam Đường.

- Thông qua sinh hoạt đã tạo mối quan hệ gắn bó và hiểu biết lẫn nhau giữa đảng viên ở các cơ quan và đảng viên, nhân dân nơi cư trú, gắn chặt chẽ mối quan hệ và phối hợp giữa các cấp ủy Đảng với nhau trong việc quản lý đánh giá, nhận xét, phân tích chất lượng đảng viên hàng năm.

- Thông qua sinh hoạt, đã giúp đảng viên và nhân dân ở nơi cư trú (xã, phường, thị trấn) nắm chắc hơn các chủ trương của Đảng và Nhà nước, những thắc mắc của đảng viên, nhân dân khu phố được giải tỏa nhanh hơn.

2. Khuyết điểm

Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc tổ chức thực hiện song vẫn còn một số tồn tại khuyết điểm đó là:

- Một số cấp ủy và đảng viên chưa nhận thức đúng đầy đủ mục đích, yêu cầu của việc tham gia sinh hoạt nơi cư trú nên việc thực hiện còn chậm, hiệu quả thấp, hiện nay có huyện chưa tổ chức sinh hoạt được kỳ nào (tính đến ngày 18-8-1999).

- Tỷ lệ đảng viên tham gia sinh hoạt chưa cao, bình quân đạt 67,82%; có chi bộ tỷ lệ đảng viên tham gia sinh hoạt chỉ đạt 50 - 60%.

- Nội dung sinh hoạt tuy đã được cải tiến, song có chi bộ đặt vấn đề sinh hoạt quá quy định cần thiết, biến buổi sinh hoạt thành nơi chất vấn giải quyết những nội dung mang tính khiếu nại.

- Nhìn chung các cấp ủy trước đây chưa triển khai Thông tri 13, khi triển khai thực hiện chỉ thị này còn lúng túng.

- Việc chia nhỏ thành các tổ đảng để sinh hoạt là thuận lợi, song lại gây bất lợi cho cấp ủy cơ sở vì phải tổ chức nhiều cuộc họp, có chi bộ do số lượng đảng viên lớn nên số tổ nhiều.

III. NHỮNG BIỆN PHÁP GIẢI QUYẾT VƯỚNG MẮC

- Để thực hiện tốt Chỉ thị 13-CT/TU, các cấp ủy Đảng viên cần tiếp tục quán triệt sâu sắc chủ trương đưa đảng viên cơ quan tham gia sinh hoạt nơi cư trú là cụ thể hóa Điều lệ Đảng và tăng cường công tác quản lý, nâng cao chất lượng đảng viên.

- Cải tiến hình thức và nội dung sinh hoạt để đảm bảo vừa góp phần quản lý đảng viên, đồng thời, qua sinh hoạt làm tăng năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của cơ sở đảng.

- Cần tiếp tục tăng cường mối quan hệ giữa cấp ủy nơi đảng viên công tác và đảng viên cư trú nhằm làm tốt công tác quản lý, nhận xét, đánh giá phân tích chất lượng đảng viên theo định kỳ, hoặc theo yêu cầu.

Trên đây là một số kết quả và những tồn tại bước đầu thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TU, ngày 12-3-1999 của Tỉnh ủy, yêu cầu các cấp ủy Đảng quan tâm chỉ đạo, tổ chức thực hiện tốt chủ trương này, hằng quý có sơ kết, rút kinh nghiệm gửi báo cáo về Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức) để kịp thời tổng hợp báo cáo, biểu dương điển hình tốt, khắc phục khuyết điểm, nâng cao sức chiến đấu của tổ chức đảng hiện nay.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

Đảng bộ phường, xã, thị trấn:
Tổ chức cơ sở đảng nơi đảng viên công tác

PHIẾU NHẬN XÉT
ÁP DỤNG ĐỐI VỚI ĐẢNG VIÊN CƠ QUAN
VỀ THAM GIA SINH HOẠT NƠI CƯ TRÚ

Số TT	Họ và tên	Số kỳ tham gia sinh hoạt trong năm				Bản thân gia đình chấp hành chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước và các quy định của địa phương		Đạt tiêu chuẩn gia đình văn hóa		Ghi chú
		Kỳ 1	Kỳ 2	Kỳ 3	Kỳ 4	Chấp hành tốt	Chấp hành chưa tốt	Đạt	Chưa đạt	

Ngày tháng năm 1999
T/M BAN THƯỜNG VỤ (HOẶC CHI ỦY)
(ký tên, đóng dấu)

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 29 NGÀY 27-8-1999

Số 373-TB/TU, ngày 28-8-1999

Ngày 27-8-1999, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai họp Hội nghị lần thứ 29 dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy. Sau khi nghe Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy và Trưởng ban Tổ chức chính quyền báo cáo một số vấn đề về bầu cử Hội đồng nhân dân tỉnh, đồng chí Tráng A Pao phổ biến một số định hướng lớn của Bộ Chính trị và Chính phủ, các đồng chí trong Ban Thường vụ đã thảo luận và thống nhất kết luận như sau:

1. Nhất trí về việc thành lập Hội đồng bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa III nhiệm kỳ 1999 - 2004.

2. Căn cứ vào Luật bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và dân số tỉnh Lào Cai, xác định tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh là: 50 đại biểu.

3. Phân bổ cơ cấu theo cấp, ngành như sau:

- Thường trực Tỉnh ủy: 2 đại biểu
- Thường trực Hội đồng nhân dân: 1 đại biểu
- Thường trực Ủy ban nhân dân: 2 đại biểu
- Các ban Đảng và ban chuyên trách Hội đồng nhân dân: 3 đại biểu
- Các đoàn thể: 5 đại biểu (Liên đoàn Lao động, Mặt trận Tổ quốc, Hội Nông dân, Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh).

- Khối Kinh tế: 3 đại biểu (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Nông nghiệp, Sở Công nghiệp).

- Khối Văn hóa - xã hội: 4 đại biểu (Sở Giáo dục, Y tế, Văn hóa - Thông tin thể thao, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội).

- Các huyện, thị xã: 10 đại biểu

- Cơ sở: 18 đại biểu (doanh nghiệp Trung ương: 1, doanh nghiệp địa phương thuộc lĩnh vực công nghiệp xây dựng: 1, nông - lâm trường: 1, doanh nghiệp ngoài quốc doanh: 1, xã, phường: 14).

4. Nhất trí thông qua bản kế hoạch tiến hành bầu cử do Hội đồng bầu cử trình.

5. Nhất trí thông qua dự kiến số lượng ban bầu cử, tổ bầu cử, phân bổ đại biểu tại các ban bầu cử và tổ bầu cử do Hội đồng bầu cử trình.

Yêu cầu các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 39 NGÀY 27-8-1999

Số 374-TB/TU, ngày 31-8-1999

Ngày 27-8-1999, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai họp Hội nghị lần thứ 39 dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, đã và thống nhất kết luận một số vấn đề như sau:

1. Nhất trí thông qua dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2000 tỉnh Lào Cai do Ủy ban nhân dân tỉnh trình. Yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của các đồng chí trong Ban Thường vụ và hoàn chỉnh văn bản trình Chính phủ, trong đó chú trọng đến một số vấn đề cơ bản sau:

Năm 2000 là năm cuối cùng thực hiện kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, hoàn thành các mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đã đề ra, đồng thời chuẩn bị cho triển khai kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III. Do vậy trong kế hoạch phải thể hiện rõ việc bám sát các nghị quyết của Trung ương Đảng, của Tỉnh ủy và các chính sách của Nhà nước để thực hiện mục tiêu giữ vững ổn định chính trị xã hội để phát triển kinh tế, đẩy mạnh phát triển kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội và củng cố an ninh quốc phòng.

1. Tập trung sức phát triển nông nghiệp và nông thôn, phấn đấu đạt tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 167 ngàn tấn.

- Trước hết phải ưu tiên đầu tư cho các công trình thủy lợi, phòng, chống thiên tai, căn cứ vào ý kiến của Phó Thủ tướng Ngô Xuân Lộc

tại Thông báo số 118-TB/VPCP để đẩy mạnh việc xây dựng dự án thủy lợi mới để xin kinh phí đầu tư, đồng thời có biện pháp củng cố và khai thác các công trình đã hoàn thành một cách hiệu quả.

- Từ nay đến cuối năm 1999 phải đẩy mạnh thực hiện hết kinh phí các công trình trong Chương trình 135, từ đó rút kinh nghiệm cho việc xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình này trong năm 2000, coi đây là chương trình trọng điểm của tỉnh để tập trung thực hiện.

- Kiểm tra ngay lại việc cung ứng giống mới, phân bón, trợ cước giá và có kế hoạch năm 2000 cho phù hợp.

- Phấn đấu năm 2000 thực hiện xong giao đất nông nghiệp và đẩy mạnh giao đất lâm nghiệp. Đẩy mạnh các biện pháp tiêu thụ gỗ rừng cho nông dân.

- Đẩy mạnh thực hiện Công văn 3549-VPCP/ĐP1, ngày 7-8-1999 của Văn phòng Chính phủ về dự án ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường an ninh quốc phòng 26 xã biên giới.

2. Công nghiệp xây dựng: Tập trung tháo gỡ khó khăn, ách tắc trong sản xuất công nghiệp, có kế hoạch làm việc với các bộ liên quan để phát triển khu công nghiệp Tầng Loỏng, phát triển bưu điện, điện lực, công nghiệp khai khoáng. Nghiên cứu và đẩy mạnh chuyển hình thức sở hữu của các doanh nghiệp quốc doanh nhỏ hoạt động kém hiệu quả. Phấn đấu năm 2000 giá trị sản lượng công nghiệp đạt 269.700 triệu đồng (theo giá cố định năm 1994).

- Nhất trí phương án xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn tập trung đạt 111.567 triệu, do vậy phải có kế hoạch để huy động đủ vốn.

- Xác định công trình trọng điểm là: Các công trình trong Chương trình 135, khu du lịch Sa Pa và khu du lịch thị xã Lào Cai, kinh tế cửa khẩu.

- Đầu tư theo hình thức B ứng vốn để di chuyển toàn bộ khu làm việc của Huyện ủy và Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa ra khu mới, không nâng cấp trụ sở Mặt trận Tổ quốc tỉnh và không mở rộng trụ sở Ban Ngoại vụ và Biên giới.

3. Đẩy mạnh phát triển dịch vụ và du lịch, phấn đấu kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 13 triệu USD, củng cố thương mại quốc doanh để phục vụ mặt hàng chính sách và tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

4. Nhất trí phương án 2 kế hoạch thu, chi ngân sách nhà nước 2000 tỉnh Lào Cai. Đẩy mạnh thực hiện các biện pháp tăng thu, chống buôn lậu và gian lận thương mại, tiết kiệm chi, giảm biên chế, thực hiện thí điểm khoán chi phí, khoán quỹ lương, chú ý các khoản chi cho kỷ niệm các ngày lễ lớn, đại hội Đảng các cấp.

5. Phấn đấu đến hết năm 2000 thực hiện xong phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ, căn cứ vào Thông báo số 54-TB/VPCP, ngày 23-3-1999 của Văn phòng Chính phủ để có kế hoạch phù hợp nhằm thực hiện bằng được mục tiêu này. Đẩy mạnh đào tạo nghề cho người lao động, đào tạo cán bộ cho cơ sở theo kế hoạch thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), đẩy mạnh xã hội hóa trong y tế, giáo dục, thể thao.

6. Củng cố an ninh, quốc phòng, đặc biệt chú ý bảo vệ chủ quyền quốc gia, an ninh nông thôn, chống truyền đạo trái phép, chống diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ.

2. Dự án xây dựng nhà máy sản xuất nước dừa cô đặc

- Gộp dự án vùng nguyên liệu dừa và xây dựng nhà máy chế biến thành một dự án.

- Ủy ban nhân dân tỉnh lựa chọn một số cán bộ có năng lực, phẩm chất, tâm huyết thuộc ngành công nghiệp và ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn để thành lập một ban dự án do cán bộ Sở Công nghiệp làm chủ dự án để xây dựng lại dự án từ khâu trồng, cơ chế, chính sách đối với người trồng, giá cả, biện pháp đảm bảo và phát triển ngay trong năm 1999 vùng nguyên liệu, đến khâu chế biến, trong đó phải nghiên cứu chọn lại địa điểm, thiết bị, thị trường tiêu thụ cho đảm bảo.

- Dự kiến thời gian xây dựng nhà máy vào quý IV năm 2000.

3. Về ý kiến của Công ty Hằng Sinh

- Không đồng ý với các ý kiến đề nghị của Công ty Hằng Sinh do Sở Kế hoạch và Đầu tư trình. Yêu cầu thực hiện đúng ý kiến của Ban Thường vụ.

- Việc đầu tư và quản lý khu Đền Thượng do Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo thực hiện công trình trọng điểm khu du lịch thị xã Lào Cai.

- Giao cho Công an tỉnh nghiên cứu và nắm sâu về Công ty Hằng Sinh để đảm bảo quá trình đầu tư đạt hiệu quả.

- Thị ủy Lào Cai chỉ đạo làm tốt tư tưởng cho dân trong vùng dự án để khi phía nước ngoài đền bù thì di chuyển được ngay. Cần chuẩn bị tốt mặt bằng B cả về đường, điện, nước cho dân.

4. Về phương án cổ phần hóa Công ty Vận tải Lào Cai

Nhất trí với Tờ trình số 24-TT/BCS, ngày 21-8-1999 của Ban cán sự Đảng Sở Giao thông vận tải về việc xin duyệt nhân sự Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty cổ phần vận tải Lào Cai và Tờ trình số 89-TT/BCPH, ngày 20-8-1999 của Ban cổ phần hóa Công ty Vận tải Lào Cai về phương án cổ phần hóa Công ty Vận tải Lào Cai.

Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện đúng phương án đề ra.

5. Về công tác thi đua khen thưởng

Nhất trí cho Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chính phủ xét đề nghị Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng nhất và hạng Ba cho tập thể và cá nhân theo Công văn số 576-CV/UB, ngày 10-8-1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai.

Các cơ quan và cá nhân căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 40 NGÀY 7-9-1999
 Số 376-TB/TU, ngày 9-9-1999

Ngày 7-9-1999, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, đã xem xét và thống nhất kết luận một số vấn đề như sau:

I. CÔNG TÁC TỔ CHỨC

1. Nhất trí cho Huyện ủy Than Uyên bầu bổ sung đồng chí Vũ Ngọc Rinh, Huyện ủy viên, Trưởng Công an huyện giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy.

2. Nhất trí thỏa thuận với Bảo hiểm xã hội Việt Nam đề bạt đồng chí Hoàng Ứng, Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện Bảo Yên giữ chức vụ Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai.

3. Nhất trí đề bạt đồng chí Lục Thượng Bình, Trưởng phòng du lịch Sở Thương mại - Du lịch giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Thương mại - Du lịch từ ngày 1-10-1999.

4. Nhất trí đề bạt đồng chí Nguyễn Quang Đức, chuyên viên Tài Mậu - Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Thương mại - Du lịch từ ngày 1-10-1999.

5. Nhất trí đề nghị Tổng cục Hải quan đề bạt đồng chí Đinh Văn An, Trưởng Hải quan cửa khẩu quốc tế Lào Cai giữ chức vụ Phó Cục trưởng Cục Hải quan Lào Cai.

6. Yêu cầu Ban Tổ chức Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch để trình Thường trực Tỉnh ủy làm việc với các huyện, thị ủy về nhân sự Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các huyện, thị ủy, để có thông báo kịp thời cho các huyện, thị ủy chỉ đạo bầu cử.

II. TIẾP THU Ý KIẾN PHÊ BÌNH CỦA ĐẢNG BỘ TRỰC THUỘC VÀ CÁC BAN CÁN SỰ VỚI BẢN KIỂM ĐIỂM CỦA BAN THƯỜNG VỤ

Giao cho Văn phòng Tỉnh ủy tiếp thu ý kiến của các Đảng bộ trực thuộc và các Đảng đoàn, Ban cán sự, các ý kiến của các đồng chí trong Ban Thường vụ hoàn chỉnh lại bản kiểm điểm của Ban Thường vụ gửi xin ý kiến các đồng chí trong Thường trực để đồng chí Bí thư báo cáo Bộ Chính trị vào ngày 13-9-1999.

Các cơ quan và cá nhân căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 400-TB/TU, ngày 20-9-1999

Xét Công văn số 601-CV/UB, ngày 3-9-1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc xin ý kiến thành lập Hội đồng xét duyệt nghệ sĩ ưu tú và nghệ sĩ nhân dân. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai có ý kiến như sau:

- Đồng ý thành lập Hội đồng xét duyệt danh hiệu nghệ sĩ của tỉnh như sau:

1. Ông Giàng Seo Phủ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Hội đồng.

2. Ông Sần Cháng, Giám đốc Sở Văn hóa -Thông tin thể thao, Ủy viên Thường trực.

3. Ông Lương Xuân Mậu, Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Ủy viên.

4. Ông Phạm Văn Liên, chuyên viên Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên.

5. Ông Đỗ Viết Lợi, chuyên viên Sở Văn hóa -Thông tin thể thao, Ủy viên.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI PHIÊN HỌP NGÀY 2-9-1999

Số 404-TB/TU, ngày 27-9-1999

Ngày 25-9-1999 Thường trực Tỉnh ủy họp giao ban với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, đã thống nhất kết luận một số vấn đề như sau:

- Tiến độ sản xuất bình thường, yêu cầu các ngành, các cấp quan tâm tới việc chăm sóc và thu hoạch lúa, đẩy mạnh sản xuất công nghiệp và tăng thu ngân sách.

- Giao cho Văn phòng Tỉnh ủy phối hợp với Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành chức năng thống nhất số liệu và xây dựng báo cáo sơ kết 9 tháng trình Ban Thường vụ vào ngày 4-10-1999.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng báo cáo giải trình rõ với Ban Thường vụ vào ngày 4-10-1999 về sự thay đổi hạng mục trong Chương trình 135 và sự điều chỉnh kế hoạch xây dựng cơ bản, kiểm điểm nghiêm túc trước Ủy ban nhân dân tỉnh và Ban Thường vụ về việc vừa duyệt xong đã xin điều chỉnh này.

- Nhất trí về chủ trương cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hợp tác với phía Trung Quốc và phát triển giống, yêu cầu xây dựng dự án chi tiết trình Ban Thường vụ xem xét trước khi thực hiện.

- Đồng ý cấp kinh phí cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh: 30 triệu đồng để in sách tổng kết tiểu phi ở Lào Cai và các chi phí có liên quan từ nguồn kinh phí an ninh quốc phòng của tỉnh.

- Đồng ý hỗ trợ kinh phí cho cán bộ biên phòng xuống công tác tại các xã đặc biệt khó khăn theo Chương trình 135 là 200.000 đồng/người/tháng từ nguồn ngân sách an ninh quốc phòng của tỉnh.

- Đồng ý cho Hội Cựu chiến binh tỉnh mở hội nghị thi đua theo phương châm thiết thực động viên phong trào và thực hành tiết kiệm.

- Đồng ý với kế hoạch kỷ niệm 50 năm ngày Bác Hồ viết bài báo Dân vận đầu tiên.

- Nhất trí với kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh kỷ niệm năm quốc tế người cao tuổi.

- Không nhất trí cho Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy mua xe ô tô, tỉnh sẽ có cân đối; sắp xếp lại toàn tỉnh vào đầu năm 2000.

- Giao cho đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ chủ trì giải quyết các khiếu kiện ở Ban Kinh tế và Ban Dân vận dân tộc.

- Các cấp ủy Đảng, các ngành, các cấp tập trung chỉ đạo làm tốt công tác bầu cử, đặc biệt chú ý giải quyết đơn thư và các địa phương có vấn đề phức tạp. Hội đồng bầu cử báo cáo danh sách ứng cử Hội đồng nhân dân tỉnh cho Ban Thường vụ vào ngày 4-10-1999.

- Yêu cầu Ban chỉ đạo 184 triển khai các vấn đề về công tác tôn giáo trong tình hình mới xuống huyện, thị trước ngày 10-10-1999. Tập trung giải quyết các đơn thư liên quan tới vấn đề tôn giáo và vận động quần chúng nhân dân để ổn định tình hình ở cơ sở.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh mở các cuộc họp để giải quyết triệt để, dứt điểm các khiếu kiện đông người, các khiếu kiện kéo dài.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG

PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 68-BC/TU, ngày 25-10-1999

**Về tình hình tố cáo, khiếu kiện của một số người Mông
ở 2 xã Sảng Ma Sáo và Trung Lèng Hồ, huyện Bát Xát,
tỉnh Lào Cai**

Thực hiện Công văn số 791-TT/TD, ngày 22-9-1999 của Văn phòng Trung ương Đảng gửi Tỉnh ủy Lào Cai, kèm theo thư của nhân dân gửi đến Trung ương có số 8382,

Nay Tỉnh ủy Lào Cai xin báo cáo cụ thể như sau:

I. DIỄN BIẾN TÌNH HÌNH Ở 2 XÃ SẢNG MA SÁO VÀ TRUNG LÈNG HỒ HUYỆN BÁT XÁT TRONG NHỮNG NĂM GẦN ĐÂY

Trong những năm qua, hoạt động tuyên truyền phát triển đạo Tin Lành trái phép vào vùng dân tộc thiểu số tỉnh Lào Cai nói chung và huyện Bát Xát nói riêng có xu hướng tăng. Từ 1995, tại 2 xã Sảng Ma Sáo và Trung Lèng Hồ đã có một số đối tượng từ Lai Châu sang tuyên truyền đạo trái phép vào vùng đồng bào dân tộc Mông, nhiều hộ gia đình đã bỏ bàn thờ để theo đạo; hoạt động tuyên truyền đạo trái phép đã gây tác hại không nhỏ đến tình hình an ninh chính trị và đời sống của nhân dân. Trước tình hình đó, tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp ủy Đảng, chính quyền có biện pháp ngăn chặn hoạt động tuyên

truyền đạo trái phép, ổn định đời sống nhân dân, phát triển sản xuất. Tại huyện Bát Xát, Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo chỉ bộ, chính quyền 2 xã Sảng Ma Sáo và Trung Lèng Hồ cùng với các tổ chức đoàn thể nhân dân đến tận cơ sở giải thích, vận động nhân dân cảnh giác, không mắc mưu kẻ xấu, yên tâm sản xuất, nhiều hộ gia đình đã bỏ đạo, lập lại bàn thờ tổ tiên. Chính quyền xã Sảng Ma Sáo đã họp và xin ý kiến nhân dân, thống nhất xây dựng quy ước riêng của xã: Nếu hộ gia đình nào theo đạo trái phép sẽ bị phạt tiền.

Từ cuối năm 1998 đến nay, tình hình phát triển đạo Tin Lành trái phép ở huyện Bát Xát tăng (hiện nay, xã Sảng Ma Sáo 6/7 thôn có người theo đạo, với số hộ 164, số khẩu 1.156; xã Trung Lèng Hồ: 4/5 thôn có người theo đạo, với số hộ 84, số khẩu 216). Do công tác kiểm tra nắm tình hình ở cơ sở của cấp ủy, chính quyền huyện không thường xuyên, nên không kịp thời phát hiện đình chỉ việc áp dụng quy ước riêng của xã về việc phạt tiền những hộ gia đình theo đạo. Ban Công an xã Sảng Ma Sáo đã xử phạt tiền một số hộ theo đạo Tin Lành. Ví dụ tháng 8-1998 có phạt ông Vũ A Hòa 100.000 đồng và Lý A Sủ 120.000 đồng. Quá trình xử lý công việc, do trình độ năng lực của một số cán bộ thôn, bản, xã yếu kém, không đủ trình độ lý luận thuyết phục đối tượng nên có đồng chí do tính tình nóng nảy, không kìm chế được đã va chạm với một số đối tượng (tuy không gây thương tích). Từ cách xử lý phạt tiền và va chạm của một số cán bộ cơ sở đã tạo ra mâu thuẫn giữa những người theo đạo Tin Lành với cấp ủy, chính quyền. Lợi dụng những mâu thuẫn trên, các đối tượng cầm đầu tuyên truyền đạo trái phép đã viết đơn khiếu kiện vượt cấp gửi nhiều ngành, gây dư luận xấu, làm ảnh hưởng đến tình hình chính trị ở địa phương.

II. TÌNH HÌNH ĐƠN TỔ CÁO, KHIẾU KIỆN Ở 2 XÃ SẢNG MA SÁO VÀ TRUNG LÈNG HỒ HUYỆN BÁT XÁT TỈNH LÀO CAI

1. Tại xã Trung Lèng Hồ: ngày 3-6-1999 có đơn khiếu kiện lấy danh nghĩa 24 hộ, gồm 135 khẩu nội dung đơn tố cáo chính quyền xã

đàn áp số người theo đạo Tin Lành. Sau khi xác minh thấy cụ thể sự việc như sau:

- 24 hộ có tên trong đơn không được họp bàn và không được thống nhất việc viết đơn:

- Người viết đơn và gửi đơn khiếu kiện là Sùng A Thào, sinh năm 1979 cư trú tại thôn Pờ Hồ, xã Trung Lèng Hồ, huyện Bát Xát, tháng 3-1999 Thào đang học lớp 7 tại Trường nội trú Bát Xát thì phải bỏ học vì bố mẹ bỏ nhau, gia đình gặp khó khăn. Tháng 6-1999 Thào lấy vợ tên là Chảo Thị My, người ở Bình Lư, Lai Châu. Trong thời gian chơi ở nhà bố vợ, Thào có quen 2 người là Chu và Xìa. Khi biết Thào ở Trung Lèng Hồ, Bát Xát thì Chu và Xìa hỏi chuyện và nói: Chính quyền xã ở đây đã đánh, phạt tiền dân theo đạo; tại Bình Lư, Lai Châu, Xìa đã bảo Thào viết đơn tố cáo chính quyền.

Người tác động, xúi giục và đọc cho Sùng A Thào viết đơn là Xìa, người ở Bình Lư tỉnh Lai Châu. Khi đọc cho Sùng A Thào viết xong đơn, Xìa đã cho Thào 400.000 đồng để về Bát Xát và đi Hà Nội photocopy nhiều bản, gửi đi các nơi. Hiện nay, một số hộ có tên trong đơn đã di dịch cư tự do đi Lai Châu, số ở lại địa phương không thắc mắc gì, đang ổn định đời sống, họ chỉ đề nghị chính quyền cho phép họ được theo đạo.

2. Tại xã Sảng Ma Sáo

Ngày 23-8-1999 tại xã Sảng Ma Sáo có đơn đề nghị của 11 người dân, nội dung tố cáo cán bộ xã đánh người và phạt tiền một số người theo đạo Tin Lành. Cụ thể sự việc như sau:

Đầu tháng 8-1999, đồng chí Nhè, Phó Chủ tịch, Trưởng Công an xã và đồng chí Hạng A Sinh, Phó ban Công an xã cùng 8 dân quân đã gọi ông Vũ A Hòa đến Ủy ban nhân dân xã với lý do ông Hòa theo đạo. Ban Công an xã đã phạt ông Hòa 100.000 đồng. Trong khi giải quyết, do trình độ của đồng chí Phó ban Công an xã yếu kém đã không thuyết phục được ông Hòa, đồng chí Sinh có đánh ông Hòa 1 cái (tuy không gây thương tích). Sự việc trên đã làm ông Hòa bất bình, ngày

16-8-1999, ông Hòa đến nhà Lý A Sinh ở thôn Mà Mù Sủ, xã Sảng Ma Sáo. Hòa và Sinh đã bàn bạc và viết đơn tố cáo Ban Công an xã, người trực tiếp viết đơn là Lý A Sinh. Lý A Sinh là đối tượng cầm đầu tuyên truyền đạo Tin Lành trái phép, tại nhà Sinh thường có một số người lết lút đến để học đạo, cũng tại đây Sinh và Hòa đã nói với số người có tên trong đơn ký tên vào đơn để tố cáo chính quyền, một số trường hợp Sinh và Hòa đã tự mang đơn đến nhà bảo họ ký (hoặc điểm chỉ).

- Số tiền được kê trong đơn là không đúng thực tế, tất cả do Hòa và Sinh đã tự bịa đặt ra.

Ngày 20-8-1999 Vũ A Hòa và Sùng A Khoa (cháu Hòa) đi Nhà thờ Hà Nội để gửi đơn tố cáo. Đến nhà thờ, Hòa và Khoa không gặp ngay được người của nhà thờ mà gặp những người Mông từ nơi khác đến. Hòa để đơn (đơn chưa dán phong bì) trên bàn của phòng đợi và đi chơi, sau khoảng hơn 1 giờ quay lại thì không thấy đơn đâu, Hòa hỏi và được trả lời là đã có người của nhà thờ phô to ra nhiều bản và gửi đi các nơi, 22 giờ cùng ngày, Hòa quay về Lào Cai.

Hiện nay tại 2 xã Trung Lèng Hồ và xã Sảng Ma Sáo, hoạt động tuyên truyền đạo trái phép của một số đối tượng cầm đầu vẫn diễn ra lén lút. Một số dân theo đạo tụ tập thành nhóm nhỏ học, đọc kinh và nghe đài Manila, không có dấu hiệu đấu tranh trực tiếp với chính quyền và nhân dân 2 xã yên tâm lao động sản xuất, tình hình an ninh chính trị và đời sống nhân dân ổn định.

Trên đây là tình hình cụ thể việc dân ở 2 xã Trung Lèng Hồ và xã Sảng Ma Sáo về việc gửi đơn tố cáo, khiếu kiện chính quyền cơ sở. Nguyên nhân có đơn thư tố cáo, khiếu kiện ở 2 xã xuất phát từ sự yếu kém của một số cán bộ thôn, bản, xã trong quá trình xử lý, giải quyết tình hình phát triển đạo trái phép ở cơ sở, từ sự quan liêu của các cấp, các ngành, huyện không kịp thời phát hiện và đình chỉ việc thực hiện những quy ước sai, việc làm sai ở cơ sở, từ trình độ dân trí thấp kém. Để cho các đối tượng xấu, cầm đầu tuyên truyền đạo trái phép lợi dụng, kích động, xúi giục một số phần tử viết đơn tố cáo, khiếu nại làm ảnh hưởng đến tình hình chính trị ở địa phương. Khi phát hiện

được những việc làm sai trái, vi phạm Quy chế dân chủ của một số cán bộ ở 2 xã, tỉnh đã cử các đoàn công tác kiểm tra, giải quyết những vướng mắc phát sinh từ cơ sở, yêu cầu xã chấm dứt ngay việc phạt tiền các hộ theo đạo và không được tự đặt ra những quy ước riêng trái với quy định của Đảng và Nhà nước. Gắn với việc triển khai Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), tiến hành xây dựng, chỉnh đốn Đảng và công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân trong thời gian tới; tỉnh đã tập trung chỉ đạo cấp ủy chính quyền huyện rà soát lại chất lượng đội ngũ cán bộ xã, trưởng thôn, bản ở 2 xã nói riêng và các xã trong toàn huyện nói chung, kịp thời uốn nắn những sai sót trong quản lý điều hành, nghiêm cấm không được đe dọa, cưỡng chế hành chính đơn thuần mà phải tăng cường công tác tư tưởng, nắm dân và thực hiện tốt thiết chế dân chủ ở cơ sở, ổn định tình hình an ninh chính trị và đời sống nhân dân.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ GIAO BAN THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY,
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN
Số 414-TB/TU, ngày 29-10-1999

Ngày 25-10-1999, Thường trực Tỉnh ủy giao ban thường kỳ hằng tuần giữa Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, đã thống nhất kết luận như sau:

1. Về tình hình tổ cáo, khiếu kiện của công nhân Nông trường Thanh Bình, Mường Khương: Thường trực Tỉnh ủy giao cho đồng chí Nguyễn Đình Vững, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Mường Khương chủ trì, chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện và phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm rõ và giải quyết một số vấn đề sau đây, xong trước ngày 5-11-1999.

a) Thu hồi, trả lại khoản kinh phí đầu tư của Dự án 327 mà Ban Giám đốc Nông trường đã sử dụng chi sai mục đích.

- Việc quản lý điện tại nông trường: Phải xử lý các sai phạm đã mắc, chấn chỉnh công tác quản lý điện, thực hiện đúng quy định quản lý điện theo chế độ hiện hành.

- Việc mua, bán nhà giữa nông trường và đồng chí Công, giữa nông trường và em đồng chí Lập, Giám đốc Nông trường.

b) Việc thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội đối với công nhân Nông trường trong thời gian qua.

c) Kiểm điểm, quy trách nhiệm những sai phạm trong quản lý, chỉ đạo sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc Nông trường, đề xuất hình thức xử lý các vi phạm khuyết điểm.

- Thống nhất với Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có phương án sắp xếp lại tổ chức bộ máy Ban Giám đốc Nông trường Thanh Bình.

d) Ổn định tình hình, duy trì phát triển sản xuất kinh doanh.

2. Về tình hình tố cáo, khiếu nại ở Bảo Yên, Cam Đường, Ủy ban nhân dân tỉnh, thị xã Lào Cai:

Sau khi nghe đồng chí Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy báo cáo tình hình tố cáo, khiếu kiện ở Bảo Yên, Cam Đường, Ủy ban nhân dân tỉnh, thị xã Lào Cai đối với một số cán bộ diện tỉnh quản lý và kết quả kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đối với từng trường hợp cụ thể: Thường trực Tỉnh ủy nhất trí đánh giá, kết luận của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy.

3. Nhất trí với cách giải quyết các vướng mắc trong thanh toán hàng hóa xuất nhập khẩu tại Công ty Thương mại Hồng Hà trong năm 1998.

4. Không đồng ý giải quyết đề nghị của Sở Thương mại - Du lịch và Ban Ngoại vụ - Biên giới về việc cử đồng chí Nguyễn Văn Cường, Phó Giám đốc Sở Thương mại - Du lịch đi công tác nước ngoài, theo đề nghị tại Công văn số 125-TC/HC, ngày 12-10-1999 của Ban Ngoại vụ - Biên giới, vì tỉnh chưa có chủ trương dùng ngân sách của tỉnh đi thăm quan, du lịch, công tác nước ngoài.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 415-TB/TU, ngày 2-11-1999

Về kết luận tại cuộc họp giao ban ngày 1-11-1999

Ngày 1-11-1999, Thường trực Tỉnh ủy giao ban với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, đã thống nhất kết luận như sau:

- Công tác chuẩn bị bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện cơ bản tốt. Yêu cầu Hội đồng bầu cử tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp tiếp tục thực hiện tốt kế hoạch đã đề ra và đúng pháp luật, tăng cường kiểm tra để uốn nắn kịp thời những trường hợp làm chưa đúng kế hoạch và pháp luật; giải quyết những khó khăn cho cơ sở.

- Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh khi xem xét hồ sơ của Kho bạc tỉnh và đồng chí Tuý để đề nghị Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động, cần tranh thủ ý kiến của Đảng ủy các cơ quan tỉnh và xem xét việc quản lý ngân sách và thực hiện chế độ đối với cán bộ trong ngành.

- Đồng ý tổ chức kỷ niệm 55 năm ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam và 10 năm ngày quốc phòng toàn dân như sau:

+ Nhất trí thành lập Ban chỉ đạo như trong tờ trình.

+ Tổ chức mítting trong hội trường, không tổ chức diễu binh. Tổ chức tỉnh gặp mặt các đồng chí từ Thượng tá trở lên đương chức và về hưu cư trú trên địa bàn thị xã Lào Cai, còn lại giao cho huyện gặp mặt.

+ Các hoạt động phải tập trung vào việc ôn lại truyền thống, có những việc làm thiết thực phục vụ cho thực hiện nhiệm vụ.

+ Kinh phí phải tính toán chặt chẽ, tiết kiệm.

- Đối với Đoàn đồng hương Lào Cai tại Hà Nội lên thăm tỉnh, giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh gặp mặt và chiêu đãi một bữa, còn lại các chi phí khác đoàn phải tự túc.

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung tiếp dân và giải quyết đơn thư của công dân, không để xảy ra tình hình đông người khiếu kiện đến cơ quan tỉnh và Trung ương.

- Nhất trí với kế hoạch triển khai của Ban chỉ đạo 184 của tỉnh, yêu cầu đẩy mạnh việc thực hiện kế hoạch, cố gắng trưng tập cán bộ về cơ sở trước ngày bầu cử.

- Giao cho Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra tỉnh chủ trì phối hợp với Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy và Chánh Văn phòng Tỉnh ủy chuẩn bị dự thảo, gợi ý kiểm điểm của từng đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ và từng đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành thông qua Ban Thường vụ vào ngày 15-11-1999.

- Nhất trí mở Hội nghị triển khai thực hiện bước 2 Nghị quyết Trung ương 6 lần 2 và Hội nghị tổng kết Chỉ thị 100 về Trường Chính trị ở các huyện, thị ủy.

Các cơ quan và cá nhân căn cứ chức năng nhiệm vụ thi hành Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 44 NGÀY 15-11-1999

Số 451-TB/TU, ngày 16-11-1999

Ngày 15-11-1999 Hội nghị lần thứ 44 Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghe đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy triển khai nhanh kết quả Hội nghị Trung ương 8 (khóa VIII), thông báo một số tình hình về việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), thông qua dự thảo chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia trong tình hình mới, tham gia ý kiến vào bản gợi ý kiểm điểm cá nhân các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ, nghe báo cáo kết quả cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp tỉnh Lào Cai và một số nội dung lớn sau đây:

1. Thông qua bản dự thảo gợi ý kiểm điểm cá nhân các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ do đồng chí Bùi Quang Vinh, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy trình bày. Để hoàn chỉnh văn bản gợi ý, yêu cầu từng đồng chí trong Ban Thường vụ chuẩn bị kỹ nội dung tự phê bình gửi về Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy trước ngày 20-11-1999 để tổng hợp báo cáo Trung ương.

2. Nhất trí thông qua dự thảo chương trình hành động của Ban Chấp hành Tỉnh ủy thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia trong tình hình mới. Báo cáo cần chỉnh sửa một số câu, từ cho phù hợp. Về nội dung, cần nhấn mạnh những vấn đề lớn, đó là bảo vệ nội bộ, chống tội phạm, chống lợi dụng tôn giáo, thống nhất về tư

tưởng chỉ đạo xuyên suốt... Nhất trí mở hội nghị Ban Chấp hành mở rộng vào đầu tháng 12-1999 để triển khai nội dung này.

3. Về kết quả thực hiện công tác bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp ngày 14-11-1999: Tính đến 20 h ngày 14-11-1999 toàn tỉnh đã có 324.864 cử tri đi bầu tại 1.416 tổ bầu cử, đạt 99,31% so với tổng số cử tri. Công tác bầu cử diễn ra an toàn và thành công tốt đẹp.

4. Về công tác tổ chức cán bộ

- Nhất trí bổ nhiệm đồng chí Nguyễn Văn Sợi, Phó Giám đốc Bưu điện tỉnh giữ chức vụ Giám đốc Bưu điện tỉnh.

- Nhất trí đề nghị Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Ba cho Kho bạc Nhà nước tỉnh và cá nhân đồng chí Phạm Văn Túy, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Lào Cai.

Trên đây là một số kết luận của Ban Thường vụ tại Hội nghị lần thứ 44 ngày 15-11-1999. Các cơ quan đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ kết luận thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 45
Số 455-TB/TU, ngày 1-12-1999

Ngày 30-11-1999, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp Hội nghị lần thứ 45 dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, đã thống nhất kết luận một số vấn đề như sau:

I. NHÂN SỰ HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KHÓA III

1. Thống nhất giới thiệu để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu các đồng chí sau là thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Đồng chí Hoàng Minh Ngọc, Giám đốc Công an tỉnh
- Đồng chí Ngô Văn Hùng, Tham mưu trưởng Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh
- Đồng chí Hoàng Văn Chinh, Phó Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá
- Đồng chí Phạm Kỳ, Trưởng ban Tổ chức chính quyền
- Đồng chí Nguyễn Văn Tông, Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Nhất trí giới thiệu đồng chí Vũ Ngọc Cừ, Trưởng ban Bảo vệ chính trị nội bộ Tỉnh ủy, để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu giữ chức vụ Trưởng ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh chuyên trách.

3. Nhất trí giới thiệu đồng chí Hoàng Mịch, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, để trình Hội đồng nhân dân tỉnh bầu giữ chức vụ Trưởng ban Kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh chuyên trách.

4. Nhất trí giới thiệu đồng chí Lý Văn Đại - Phó Giám đốc Sở Giáo dục - Đào tạo bầu Trưởng ban Văn hóa - xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh kiêm chức.

5. Nhất trí giới thiệu đồng chí Hà Thị Nga, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh Đoàn, để Hội đồng nhân dân tỉnh bầu giữ chức vụ Phó ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh chuyên trách.

6. Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy làm việc với Quân khu II về việc đồng chí Phạm Quốc Oanh không tham gia thành viên Ủy ban nhân dân tỉnh, làm việc với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chuyển đồng chí Hoàng Mịch và dự kiến đề bạt đồng chí Ma Quang Trung, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giữ chức vụ Giám đốc Sở, làm việc với Bộ Tài chính về việc điều chuyển đồng chí Nguyễn Hữu Vạn và dự kiến đề bạt đồng chí Hoàng Văn Chinh, Phó Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá giữ chức vụ Giám đốc Sở.

II. CÔNG TÁC CÁN BỘ VÀ CHO NGHỈ CHẾ ĐỘ

1. Nhất trí đề bạt đồng chí Nguyễn Thị Vinh, Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp thị xã Cam Đường giữ chức vụ Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh Lào Cai.

2. Nhất trí đề bạt đồng chí Nguyễn Tuấn, chuyên viên Sở Y tế Lào Cai giữ chức vụ Phó Giám đốc Bệnh viện điều dưỡng và phục hồi chức năng tỉnh Lào Cai.

3. Nhất trí đề bạt đồng chí Lương Công Sỹ, Giám đốc Trung tâm đào tạo y tế giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường Trung học y tế Lào Cai.

4. Nhất trí bổ nhiệm đồng chí Hoàng Văn Liễu, Tỉnh ủy viên, Tổng Giám đốc Công ty Apatit Việt Nam kiêm chức Bí thư Đảng ủy Công ty Apatit Việt Nam.

5. Nhất trí cho đồng chí Lương Minh, thầy thuốc ưu tú, Giám đốc Trung tâm y tế huyện Văn Bàn nghỉ hưu. Nâng lương từ 4,47 lên 4,75.

III. VỀ KIỂM TRA ĐẢNG BỘ CÔNG TY APATÍT VIỆT NAM

- Giao cho Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tiếp thu ý kiến của các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ dự thảo kết luận trình Ban Thường vụ ký và thông báo cho Đảng bộ Công ty Apatít Việt Nam thực hiện.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRẮNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 465-TB/TU, ngày 22-12-1999

Về Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy

Ngày 22-12-1999, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy.

Sau khi quán triệt thông báo của Bộ Chính trị, Ban Tổ chức Trung ương về giới thiệu các đồng chí ứng cử chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Hội nghị đã nghe Ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo việc chuẩn bị nhân sự cho các ban Hội đồng nhân dân tỉnh khóa III. Hội nghị đã thảo luận và nghị quyết như sau:

1. Phân công đồng chí Nguyễn Quý Đăng, Phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách Khối Nội chính của tỉnh.

2. Thành viên các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa III) như sau:

1. Ban Kinh tế ngân sách:

- Đồng chí Hoàng Mịch, Trưởng ban chuyên trách.

- Đồng chí Lộc Hoàng Lương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Cam Đường làm Phó ban kiêm chức.

- Đồng chí Hà Kim Tam, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Văn Bàn, Ủy viên.

- Đồng chí Sùng Chúng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Mường Khương, Ủy viên.

- Đồng chí Hoàng Văn Bồng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Than Uyên, Ủy viên.

2. Ban Pháp chế:

- Đồng chí Vũ Ngọc Cừ, làm Trưởng ban chuyên trách.

- Đồng chí Nguyễn Quang Ân, Chủ nhiệm Chính trị, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh làm Phó ban kiêm chức.

- Đồng chí Vi Lam Sơn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên, Ủy viên.

- Đồng chí Mai Quốc Tờ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng, Ủy viên.

- Đồng chí Hoàng Kim Thái, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa, Ủy viên.

3. Ban Văn hóa - xã hội:

- Đồng chí Hà Đức Miêu Chủ tịch Hội Nông dân tỉnh làm Trưởng ban kiêm chức.

- Đồng chí Hà Thị Nga, cán bộ Tỉnh Đoàn làm Phó ban chuyên trách.

- Đồng chí Giàng Thị Mỹ, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Ủy viên.

- Đồng chí Nguyễn Văn Cự, Bí thư Huyện ủy Bảo Yên, Ủy viên.

- Đồng chí Lý Láo Tả, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bát Xát, Ủy viên.

- Đồng chí Mai Thị Mơi, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Bắc Hà, Ủy viên.

- Đồng chí Nguyễn Thị Hải Châu, cán bộ Sở Y tế, Ủy viên.

Yêu cầu Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh chuẩn bị tốt các thủ tục để giới thiệu Chủ tịch Ủy ban nhân dân cho kỳ họp lần thứ I Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa III).

3. Một số nội dung khác:

1. Công tác cán bộ:

- Đồng ý cho đồng chí Phạm Văn Bồn, Cục trưởng Cục Đầu tư phát triển chuyển công tác về cơ quan Quỹ Trung ương thuộc Bộ Tài chính.

- Đồng ý với Bộ Tài chính bố trí đồng chí Vũ Đức Thành, Phó Cục trưởng, Phó Giám đốc chi nhánh Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia phụ trách Cục, kiêm phụ trách Chi nhánh Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia và bổ nhiệm chức vụ Phó Giám đốc phụ trách chi nhánh Quỹ hỗ trợ phát triển Lào Cai.

2. Đồng ý bố trí cán bộ theo danh sách Ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo đi học tập lớp tập huấn quốc phòng do Quân khu 2 tổ chức từ ngày 4-1-2000 đến 25-1-2000.

Yêu cầu các cơ quan và đồng chí có liên quan đến nội dung Thông báo tổ chức thực hiện.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY

Số 468-TB/TU, ngày 29-12-1999

Ngày 29-12-1999, Thường trực Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, đã thống nhất kết luận như sau:

1. Nhất trí với Công văn số 890-CV/UB, ngày 27-12-1999 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch xây dựng cơ bản bằng các nguồn ngân sách tập trung năm 1999 đợt 5.

- Giao Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các huyện, thị xã, các ngành chức năng đẩy nhanh việc thực hiện các Chương trình 135, đầu tư cho các xã biên giới, trung tâm cụm xã. Yêu cầu quản lý chặt chẽ về vốn và chất lượng công trình.

- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo huyện Bảo Thắng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành có liên quan xem xét lại dự án hồ Rao ngay trình Thường trực Tỉnh ủy giải quyết.

2. Huyện ủy Bắc Hà làm việc với Ban Tổ chức Tỉnh ủy về việc mở lớp Trung cấp chính trị tại huyện trình Thường trực phê duyệt.

3. Nhất trí cho huyện Mường Khương viết lịch sử Đảng bộ tập III.

4. Đồng ý cho Hội Chữ thập đỏ lập quỹ hỗ trợ nạn nhân bị chất độc màu da cam trên cơ sở đóng góp tự nguyện và sử dụng quỹ đúng mục đích, đối tượng.

5. Đồng ý về chủ trương cho Công ty Xi măng Lào Cai hợp tác với Công ty Xây lắp Thạch Lâm - Trung Quốc thành lập phân xưởng sản

xuất tấmlợp phib rôxi mắngtho nguyên tắctự hặchtốán, lựachọn hình thức hợp tácp hù hợp, đắmbắotrình tự hợp tácvà yêucầukỹ thuật, mốitrườg đứng quy đình củaNhà nước.

6. Gíao cho Ủybàn nhândân tình phốihợpvớibàn Tuyền gíao Tình ủy, Bàn Tổchứctình ủychủnbịthành lậpbàn chỉ đạovà kế hoặchkỷ niệmcác ngàylễ lỏnnăm 2000 trình Bàn Thườgvự vàovào ngàyl0-1-2000.

Cáccơ quan và cá nhâncó liêiquan cắncứchứcnắgnghìem vự thựchiệnthông báonày.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
NGHỊ QUYẾT CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 472-TB/TU, ngày 6-1-2000

Ngày 22-12-1999, Hội nghị lần thứ 47 Ban Thường vụ Tỉnh ủy dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy. Hội nghị đã bàn và quyết nghị một số nội dung về công tác nhân sự chuẩn bị cho kỳ họp lần thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh (khóa III).

Sau khi trao đổi thống nhất với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính, Ban Thường vụ quyết nghị về đề bạt Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

1. Đề bạt đồng chí Hoàng Văn Chinh, Phó Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá làm Giám đốc Sở.

2. Đề bạt đồng chí Ma Quang Chung, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm Giám đốc Sở.

Căn cứ vào thông báo yêu cầu các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 20-CT/TU, ngày 10-1-2000

Về việc tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2000

Năm 2000 là năm có những ngày lễ lớn đối với dân tộc ta: 70 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, 110 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 25 năm ngày thắng lợi hoàn toàn của công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, 55 năm ngày Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Giỗ tổ Hùng Vương (10 tháng 3, Canh Thìn); Lễ hội giao thừa thế kỷ. Ngoài các ngày lễ chính còn có một số ngày lễ lớn của các đoàn thể, các ngành, lễ kỷ niệm 990 năm Thăng Long - Hà Nội. Về quốc tế có các ngày kỷ niệm quan trọng như 130 năm ngày sinh V.I. Lênin, 180 năm ngày sinh Ph.Ăngghen. Đối với tỉnh ta có 50 năm ngày giải phóng Lào Cai (1-11-1950 - 1-11-2000).

Để tổ chức thực hiện tốt các ngày lễ lớn trong năm 2000 theo tinh thần Nghị quyết 11-NQ/TW, ngày 26-7-1999 của Bộ Chính trị, Tỉnh ủy yêu cầu các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc; các Đảng đoàn, Ban cán sự cần thực hiện tốt một số nội dung sau:

1. Cần đạt các yêu cầu

- Lần đầu tiên dân tộc ta tổ chức kỷ niệm nhiều ngày lễ trọng đại với quy mô lớn, qua đó thể hiện sự tiếp nối truyền thống và ý chí tự lực, tự cường của dân tộc, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam và tiếp tục

con đường đi lên của chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng; Làm cho sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, tinh thần chấn hưng dân tộc được nhân lên trong xu thế thời đại.

- Thông qua việc tổ chức kỷ niệm những ngày lễ lớn của dân tộc ta, làm cho nhân dân thế giới hiểu rõ hơn đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta, hiểu rõ hơn về công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, chủ động hội nhập để thực hiện quyết tâm của nhân dân ta muốn làm bạn với tất cả các dân tộc trên thế giới, tạo ra môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao vị thế quốc tế của nước ta.

- Gắn kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm, với việc đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phát huy mọi nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội thực hiện tốt các cuộc vận động lớn của Đảng; nâng cao đời sống của nhân dân, xóa đói, giảm nghèo, thực hành tiết kiệm; củng cố quốc phòng an ninh; kiên quyết phòng, chống các tệ nạn xã hội...; phấn đấu hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2000 và các năm tiếp theo.

- Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn đảm bảo tính nghiêm túc trang trọng, không phô trương hình thức; tạo được phong trào tham gia của toàn dân hướng về cơ sở, mang tính quần chúng sâu rộng, an toàn và tiết kiệm tạo được niềm tin tưởng phấn khởi trong nhân dân.

2. Tổ chức các hình thức hoạt động

Để thiết thực kỷ niệm những ngày lễ lớn trong năm 2000. Các hoạt động kỷ niệm tập trung vào một số nội dung chính sau đây: Tùy tình hình cụ thể của địa phương, tổ chức một số hình thức hoạt động có ý nghĩa giáo dục truyền thống: Tổ chức mítting tại tỉnh lỵ ngày kỷ niệm 70 năm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam; 110 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, 55 năm ngày Quốc khánh và 50 năm giải phóng Lào Cai, gặp gỡ, sinh hoạt chính trị, hội thảo khoa học, tổ chức các buổi nói chuyện chuyên đề về các ngày kỷ niệm trên từ tỉnh đến các cơ sở.

- Kết hợp tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng tổ chức các hoạt động thể dục, thể thao, văn hóa, văn nghệ và các hoạt động “Chào thế kỷ XXI”. Xây dựng các cụm pa nô, áp phích về các ngày lễ trên với việc triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, nhất là cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Tổ chức phong trào chăm sóc giúp đỡ những người có công với cách mạng.

- Tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về đất và con người Lào Cai; sưu tầm các tác phẩm, thơ, ảnh (đã được giải), truyện, ký về Lào Cai từ trước đến nay; và sáng tác các tác phẩm mới về ảnh, thơ, văn, nhạc họa về Lào Cai nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày giải phóng Lào Cai (1-11-1950 - 1-11-2000). Xuất bản sách và các ấn phẩm ảnh thơ văn về Lào Cai.

- Các ngành, các cấp, các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở xây dựng chương trình hành động thiết thực. Tổ chức tốt các phong trào thi đua yêu nước với những mục tiêu, hình thức và kết quả cụ thể về sản xuất kinh doanh, xóa đói, giảm nghèo... lập thành tích chào mừng những ngày lễ lớn tiến tới Đại hội thi đua toàn quốc lần thứ VI và chuẩn bị tiến tới Đại hội Đảng lần thứ IX vào cuối quý I năm 2001.

3. Tổ chức thực hiện

- Để tổ chức các ngày lễ trên đạt kết quả, Ban Thường vụ Tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập Ban Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2000 của tỉnh, do đồng chí Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban và một số ban, ngành chức năng của tỉnh.

- Ban tổ chức ngày lễ của tỉnh có trách nhiệm giúp Ban Thường vụ Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai tổ chức kỷ niệm từng ngày lễ cho phù hợp với tình hình cụ thể của địa phương.

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy có trách nhiệm giúp cấp ủy theo dõi chỉ đạo các hoạt động kỷ niệm trên, trong phạm vi toàn tỉnh, và tổ chức biên soạn các tài liệu hướng dẫn tuyên truyền. Cùng với Sở Văn hóa - Thông tin và thể thao, Hội Văn học nghệ thuật tỉnh tổ chức các

cuộc sưu tầm, sáng tác các loại hình nghệ thuật về đất và con người, lịch sử Lào Cai.

- Các ban Tỉnh ủy, huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc, các Đảng đoàn, Ban cán sự, căn cứ chức năng của mình có trách nhiệm giúp Tỉnh ủy theo dõi chỉ đạo ngày kỷ niệm trên đạt kết quả.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 475-TB/TU, ngày 12-1-2000

Ngày 10 và 11-1-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tiến hành Hội nghị lần thứ 48 do đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì. Sau khi nghe đồng chí Phạm Ngọc Sửu, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo tờ trình về công tác tổ chức, cán bộ và một số nội dung về công tác khen thưởng; các đồng chí trong Ban Thường vụ thảo luận, hội nghị đã nghị quyết những nội dung sau:

1. Nhất trí phương án cho 12 đồng chí diện nghỉ chờ về hưu do sắp xếp nhân sự Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 1999-2004 có tên trong tờ trình.

2. Nhất trí cho 2 đồng chí có đơn được nghỉ hưu theo Nghị định 93/1998/NĐ-CP, gồm:

- Đồng chí Lý Thị Sé, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa.

- Đồng chí Đỗ Kim Ngọc, nguyên Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên.

3. Đồng ý bố trí cho 4 đồng chí đã đủ tuổi được nghỉ hưu theo chế độ chính sách, gồm:

- Đồng chí Nguyễn Duy Hưng, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Đồng chí Tạ Kinh, Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

- Đồng chí Lương Kim Vĩnh, Nghệ sĩ ưu tú, Đoàn nghệ thuật tỉnh.
- Đồng chí Đỗ Xuân Mai, Nghệ sĩ ưu tú, Sở Văn hóa Thông tin và thể thao

4. Ban Thường vụ nhất trí hỗ trợ đồng chí Nguyễn Kim Đê, nguyên Phó Bí thư Thị ủy Lào Cai, do ốm đau lâu dài 5 triệu đồng.

5. Thành lập Ban chỉ đạo tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2000 gồm 15 đồng chí (có danh sách kèm theo).

6. Thành lập Ban Tổ chức Đại hội thi đua tỉnh Lào Cai năm 2000 gồm 18 đồng chí như Công văn số 15-CV/UB, ngày 5-1-2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

7. Nhất trí đề nghị Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng Cờ cho Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Lào Cai.

8. Quán triệt Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII), Ban Thường vụ nhất trí phương án sáp nhập Ban Bảo vệ chính trị nội bộ vào Ban Tổ chức Tỉnh ủy và thành lập thêm Phòng bảo vệ chính trị nội bộ thuộc Ban Tổ chức Tỉnh ủy;

Sáp nhập Ban Tài chính - Quản trị vào Văn phòng Tỉnh ủy và thành lập thêm Phòng Ngân sách đảng thuộc Văn phòng Tỉnh ủy;

Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy xây dựng phương án cụ thể việc bố trí cán bộ Ban Kinh tế vào các ban Đảng và Văn phòng Tỉnh ủy để trình Ban Thường vụ vào thời gian tới; cố gắng hết quý I năm 2000 phải hoàn thành việc sắp xếp các ban.

Trên đây là một số nghị quyết của Hội nghị Ban Thường vụ lần thứ 48, các đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ để thi hành.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH BAN CHỈ ĐẠO TỔ CHỨC CÁC NGÀY LỄ LỚN NĂM 2000

1. Đồng chí Nguyễn Hữu Vạn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Trưởng ban.
2. Đồng chí Sần Tráng, Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin và thể thao, Phó ban Thường trực.
3. Đồng chí Nguyễn Văn Văn, Phó Trưởng ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Phó ban.
4. Đồng chí Trần Nguyên, Chánh văn phòng Tỉnh ủy, Ủy viên.
5. Đồng chí Phạm Kỳ, Trưởng ban Tổ chức chính quyền tỉnh, Ủy viên.
6. Đồng chí Hồ Xuân Đoan, Tổng Biên tập báo Lào Cai, Ủy viên.
7. Đồng chí Vũ Đình Doãn, Giám đốc Đài Phát thanh - Truyền hình, Ủy viên.
8. Đồng chí Hoàng Phú Khèn, Giám Đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy viên.
9. Đồng chí Hoàng Chúng, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh - Ủy viên.
10. Đồng chí Nguyễn Văn Tông, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy viên.
11. Đồng chí Ngô Văn Hùng, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Ủy viên,
12. Đồng chí Cao Đức Hải, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai, Ủy viên.
13. Đồng chí Lù Thị Hiệp, Phó trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ủy viên.
14. Đồng chí Hoàng Thành, Phó Giám đốc Công an tỉnh, Ủy viên.
15. Đồng chí Nguyễn Thị Bẩy, Phó Giám đốc Sở Tài chính - Vật giá, Ủy viên.

THÔNG BÁO
NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ
BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY LẦN THỨ 48
Số 476-TB/TU, ngày 12-1-2000

Ngày 10 và 11-1-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã tiến hành Hội nghị lần thứ 48 do đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì. Sau khi nghe đồng chí Phạm Ngọc Sửu, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo tờ trình về công tác tổ chức, cán bộ; các đồng chí trong Ban Thường vụ thảo luận, hội nghị đã nghị quyết những nội dung sau:

1. Về sắp xếp và đề bạt cán bộ

1- Chỉ định bổ sung đồng chí Giàng Seo Phủ, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, tham gia làm Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Quân sự tỉnh (nhiệm kỳ 1996 - 2000).

2- Đối với Huyện ủy Bắc Hà: Ban Tổ chức Tỉnh ủy tiếp tục nghiên cứu và làm việc với Ban Thường vụ Huyện ủy để có phương án bố trí Phó Bí thư Thường trực và Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy cho hợp lý, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy quyết định.

3- Đối với Thị ủy Cam Đường:

- Nhất trí bầu đồng chí Lộc Hoàng Lương, Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã, giữ chức Phó Bí thư Thị ủy Cam Đường.

- Đồng chí Nguyễn Xuân Sách, Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy tiếp tục làm Trưởng ban Tuyên giáo Thị ủy.

4- Đối với Huyện ủy Sa Pa, Bảo Thắng và Thị ủy Lào Cai:

- Nhất trí như tờ trình, cụ thể:

- Bầu đồng chí Hoàng Văn Thái, Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy Sa Pa.

- Chỉ định đồng chí Phạm Đình Chương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng làm Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ và Phó Bí thư Huyện ủy Bảo Thắng.

- Bầu đồng chí Cao Đức Hải, Ủy viên Ban Thường vụ Thị ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã giữ chức Phó Bí thư Thị ủy Lào Cai.

5- Nhất trí đề bạt đồng chí Đỗ Văn Dũng, Phó Giám đốc Lâm trường Bảo Yên, giữ chức Giám đốc Lâm trường Bảo Yên.

6- Đề bạt đồng chí Nguyễn Hữu Hưởng, Phó Giám đốc Công ty Xây dựng số 2 giữ chức Giám đốc Công ty Xây dựng số 2.

2. Về sắp xếp lương chức vụ và nâng lương thường xuyên

1- Nhất trí xếp lương chức vụ cho 10 đồng chí chức danh Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân nhiệm kỳ 1999 - 2004 như tờ trình. Riêng trường hợp đồng chí Hà Thị Nga, Phó ban Văn hóa - xã hội (chuyên trách) được hưởng lương Phó ban chuyên trách hệ số 4,6.

2- Nhất trí xếp lương cho các chức danh Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân huyện, thị nhiệm kỳ 1999 - 2004 như tờ trình (gồm 44 đồng chí).

3- Đồng ý nâng bậc lương thường xuyên đợt 1-1999 cho 16 cán bộ, công chức đã nêu trong tờ trình.

Trên đây là một nội dung Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ, các cơ quan đơn vị, cá nhân có liên quan căn cứ để thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

Số 75-BC/TU, ngày 25-1-2000

**Về tình hình công tác năm 1999,
phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2000**

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 4, Nghị quyết Trung ương 6 (khóa VIII) các nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển nông nghiệp nông thôn, bám sát các mục tiêu kinh tế - xã hội, năm qua, tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ trên từng lĩnh vực công tác, đạt được những kết quả cụ thể sau đây:

Phần thứ nhất

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH CÔNG TÁC NĂM 1999

I. VỀ KINH TẾ

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

Diện tích gieo trồng lúa cả năm 35,43 nghìn hécta, tăng 6,65% so cùng kỳ 98, năng suất bình quân 37,6 tạ/ha, tăng 0,71 tạ/ha so với năm 1998, tăng 1,87% so với kế hoạch, ngô cả năm 21,98 nghìn hécta, tăng 4,9% so cùng kỳ năm trước, năng suất 17,03 tạ/ha, sản lượng 37.054 tấn, tăng 7,9% so với năm 1998, các loại cây lương thực và rau màu khác đều đạt diện tích, năng suất so với năm 1998. Tổng sản

lượng lương thực quy thóc đạt 163,9 nghìn tấn, tăng 1900 tấn (1,17%) so kế hoạch.

- Cây công nghiệp, cây ăn quả, cây đặc sản: Diện tích trồng chè 265 ha, đạt 53% kế hoạch, mía 2.620 ha, tăng 7,7% so năm 1998, đậu tương 3.763 ha, tăng 9,23% so cùng kỳ năm 1998, dứa 500 ha, quế 3.164 ha, cây ăn quả 500 ha.

- Việc cung ứng vật tư nông nghiệp đã cung ứng đủ, kịp thời nhu cầu sản xuất, năm qua đã bán cho nhân dân 1.492 tấn đạm urê, 3.542 tấn lân, 2.514 tấn NPK, 361 tấn khoai tây giống, 406 tấn thóc giống, (trong đó thóc giống lúa lai Trung Quốc 270 tấn).

- Công tác giao đất, giao rừng có nhiều cố gắng, đã giao 20.622 ha đất nông nghiệp, tăng 34,8% so kế hoạch; 32.567 ha đất lâm nghiệp, tăng 8,6% so kế hoạch, đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 44.942 trường hợp, tăng 9,6% so kế hoạch.

- Công tác phòng, chống thiên tai được thường xuyên quan tâm. Tuy nhiên năm qua do tác hại của gió lốc, mưa lũ lớn đã làm chết 2 người, mất tích 1 người, bị thương 1 người, thiệt hại về tài sản hoa màu 12,5 tỷ đồng. Tỉnh đã tập trung chỉ đạo các cấp, các ngành tích cực khắc phục hậu quả thiên tai, kịp thời ổn định cuộc sống cho nhân dân, tiếp tục đẩy mạnh sản xuất.

- Về chăn nuôi: Giữ vững tiến độ phát triển của đàn gia súc, gia cầm, so cùng kỳ năm trước, trâu tăng 2,16%, bò tăng 41,53%, lợn tăng 3,78%; đã có biện pháp kịp thời ngăn chặn dịch lở mồm, long móng. Tuy nhiên, chăn nuôi còn bộc lộ những hạn chế như giống chưa được đổi mới nhiều, công tác thú y ở một số nơi còn yếu, dịch bệnh đã làm chết hơn 1.000 con lợn, 113 con trâu, bò (thiệt hại nhiều ở huyện Bảo Yên). Ở một vài nơi, công tác tuyên truyền phòng, chống dịch còn hạn chế, gia súc bị dịch còn mổ bán, làm lây lan dịch bệnh, gây lo lắng cho người tiêu dùng và thiệt hại cho sản xuất.

Về lâm nghiệp: Đã trồng 1.500 ha rừng tập trung, đạt 100% kế hoạch, 10 triệu cây phân tán, bằng 100% kế hoạch, giao khoán bảo vệ rừng được trên 107 ngàn ha, bằng 100% kế hoạch, khoanh nuôi 5.000

ha rừng tái sinh. Đến hết năm 1999, tỷ lệ tán che phủ rừng đạt 31,5%. Việc thực hiện Chỉ thị 287/TTg của Thủ tướng Chính phủ có nhiều tiến bộ, hiện tượng phá rừng, khai thác lâm sản trái phép giảm so năm 1998. Tuy nhiên, năm qua đã xảy ra 12 vụ cháy rừng, làm thiệt hại 51,9 ha, trong đó có 40 ha rừng trồng, tổng giá trị thiệt hại do cháy rừng hơn 80 triệu đồng. Hiện tượng trồng và chăm sóc rừng qua “cai đầu dài” vẫn còn, nên chất lượng trồng, chăm sóc rừng hạn chế.

- Về kinh tế hợp tác: Thực hiện Luật hợp tác xã đến nay toàn tỉnh có 37 hợp tác xã trong đó có 17 hợp tác xã nông nghiệp (14 hợp tác xã được chuyển đổi từ hợp tác xã nông nghiệp kiểu cũ, 3 hợp tác xã thành lập mới), 8 hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, 4 hợp tác xã giao thông vận tải, 1 hợp tác xã thương mại du lịch, 1 hợp tác xã tín dụng, 6 hợp tác xã xây dựng. Các hợp tác xã kinh doanh dịch vụ có lãi thực hiện phân phối lợi nhuận dân chủ, công khai, thông qua Đại hội xã viên. Tuy nhiên, nhìn chung các hợp tác xã chuyển đổi chưa phát huy được vai trò kinh tế tập thể, cán bộ hợp tác xã còn yếu trong việc tiếp thị, tìm ra hướng kinh doanh dịch vụ mang lại lợi nhuận cho hợp tác xã, có hợp tác xã chỉ là hình thức, chưa thực hiện đúng Luật hợp tác xã, chưa thể hiện được vai trò tác dụng thúc đẩy phát triển sản xuất, mang lại lợi nhuận cho xã viên.

2. Công nghiệp

Năm 1999 công nghiệp trên địa bàn có nhiều thăng trầm trong sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh công nghiệp Trung ương có mức tăng trưởng mạnh và ổn định thì công nghiệp địa phương gặp nhiều khó khăn trong sản xuất, thị trường tiêu thụ... tuy vậy, sản xuất công nghiệp trên địa bàn nói chung vẫn giữ được mức tăng trưởng đáng kể so với mặt bằng phát triển công nghiệp trong cả nước.

- Giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn năm 1999 đạt 234 tỷ đồng (giá cố định năm 1994) tăng 9,09% so với năm 1998, tăng 2,6% so kế hoạch; trong đó công nghiệp Trung ương đạt 126,5 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ năm 1998, tăng 12,94% so với kế hoạch; công

nghiệp địa phương đạt 107,5 tỷ đồng, tăng 0,54% so với năm 1998, bằng 92,7% so kế hoạch.

Trong năm đã giải thể một doanh nghiệp chế biến gỗ, chuyển đổi hình thức sở hữu một doanh nghiệp từ Trung tâm khảo sát thiết kế công nghiệp thành Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn và Thiết kế công nghiệp.

- Tình hình quản lý, sử dụng điện nông thôn:

Sản lượng điện tiêu thụ trên địa bàn năm 1999 đạt 95,524 triệu kWh, tăng 12,7% so với năm 1998. Đến nay 64/180 xã, phường có điện, hơn 31.000 hộ sử dụng điện, các xã có điện đã hình thành các trạm điện, nước hoặc Ban Quản lý điện, công tác tổ chức, quản lý điện nông thôn bước đầu có tiến bộ.

* Một số tồn tại trong lĩnh vực này là: Hiệu quả sản xuất kinh doanh ở một số doanh nghiệp quốc doanh địa phương còn thấp, sản phẩm công nghiệp xuất khẩu còn đơn điệu, đa số ở dạng thô, giá trị thấp, một số sản phẩm giá thành cao, kém sức cạnh tranh. Công tác tiếp thị, tìm kiếm, chiếm lĩnh thị trường còn hạn chế, công nghiệp ngoài quốc doanh phát triển chậm, sản phẩm nghèo nàn. Một số doanh nghiệp làm ăn thua lỗ kéo dài. Chưa có định hướng và biện pháp tích cực, tạo điều kiện cho công nghiệp cấp huyện cũng như tiểu thủ công nghiệp phát triển.

Công tác quản lý điện nông thôn còn nhiều bất cập, thiếu đồng bộ, tồn tại nhiều đầu mối quản lý, giá điện nông thôn nhiều nơi còn cao hơn giá quy định, một số nơi công tác quản lý xây dựng các công trình điện nông thôn từ nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước chưa chặt chẽ, công tác an toàn cho lưới điện chưa đảm bảo.

3. Xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, bưu điện

Về xây dựng cơ bản:

- Công tác xây dựng cơ bản tập trung cho các công trình trọng điểm trong giao thông, xây dựng cơ sở hạ tầng khu du lịch Sa Pa, công viên Nhạc Sơn, khu kinh tế cửa khẩu theo Quyết định 100, các công trình thuộc Chương trình 135.

Thực hiện vốn đầu tư xây dựng cơ bản do nhà nước quản lý đạt 292,67 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch. Trong đó nguồn vốn tập trung địa phương quản lý đạt 107,7 tỷ đồng, vốn đầu tư khu kinh tế cửa khẩu đạt 20,6 tỷ đồng, vốn các chương trình mục tiêu quốc gia đạt 100,2 tỷ đồng. Công tác quản lý đầu tư xây dựng cơ bản ngày càng chặt chẽ, chất lượng hiệu quả các dự án đã được nâng lên một bước.

Tình hình thực hiện Chương trình 135:

Thực hiện Quyết định số 135/1998/TTg, ngày 31-7-1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa, ngay từ đầu năm toàn tỉnh đã khẩn trương triển khai thực hiện đồng bộ và đúng trình tự các nội dung, bước đầu đã đạt được kết quả. Các nội dung như: Thành lập Ban Chỉ đạo, Ban Quản lý dự án, đào tạo bồi dưỡng và cử cán bộ tăng cường cho 115 xã có Chương trình 135, giao chỉ tiêu kế hoạch cho từng huyện, xã... đã triển khai và thực hiện đúng theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương. Tỉnh đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện chi tiết, phân công các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn giúp đỡ xã đặc biệt khó khăn.

Tổng số xã đã được giao kế hoạch đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng theo Chương trình 135 và xã biên giới là 122 xã, trong đó 115 xã đặc biệt khó khăn, 7 xã biên giới. Tổng số vốn đầu tư là 49.145 triệu đồng, trong đó đầu tư cho Chương trình 135 là 46.345 triệu đồng (250 công trình), đầu tư cho các xã biên giới 2.800 triệu đồng (13 công trình). Các công trình được đầu tư là giao thông, thủy lợi, cấp nước, điện nông thôn, trường học.

Đến nay, đã có 228/250 công trình được khởi công thực hiện, bằng 91% kế hoạch, 105 công trình hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng; Nguồn vốn đã được giải ngân là 15,85 tỷ đồng bằng 34% kế hoạch.

Tuy nhiên, trong lĩnh vực này còn bộc lộ một số tồn tại đó là: Công tác khảo sát, lập dự án một số công trình chưa đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật, nhiệm vụ tư vấn, thẩm định, trình duyệt thực hiện chậm, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn lúng túng, thiếu kiên quyết,

làm ảnh hưởng tiến độ thi công, một số công trình chất lượng kém, lực lượng tư vấn xây dựng cơ bản trong tỉnh còn thiếu, khả năng chưa đáp ứng kịp yêu cầu.

Về giao thông vận tải:

Công tác xây dựng cơ bản trong giao thông năm 1999 đạt kết quả khá. Đã thực hiện một số công trình lớn như quốc lộ 4D km 168 - km 198, khởi công xây dựng cầu Hồ Kiều II, cầu Phố Mới, cầu Bảo Nhai, làm đường Phố Mới - Phong Hải, đường Đèn Sáng - Ý Tý... đã mở mới đường giao thông nông thôn: 118,5 km, cải tạo nâng cấp 37,2 km, sửa chữa mở rộng 46,5 km, làm mới 21 cầu treo, 14 cầu cứng, 197 cống các loại. Tổng số vốn thực hiện 32,953 tỷ đồng, đến nay, toàn tỉnh có 168 xã có đường ô tô đến trung tâm và địa danh.

Công tác duy tu bảo dưỡng đường giao thông có nhiều tiến bộ, chủ động phòng, chống và khắc phục hậu quả thiên tai, bảo đảm giao thông thông suốt đáp ứng yêu cầu vận chuyển hàng hóa, hành khách.

Trong năm đã cổ phần hóa Công ty Vận tải Lào Cai thành Công ty cổ phần vận tải Lào Cai, bước đầu ổn định tổ chức, hoạt động có hiệu quả.

Bưu điện:

Hoạt động bưu điện trong năm có tiến bộ, doanh thu dịch vụ bưu chính viễn thông đạt 22,05 tỷ đồng, bằng 102,4% kế hoạch, tăng 9,86% so cùng kỳ năm 1998. Số máy trên mạng có 8.950, mật độ 1,51 máy/100 dân, xây dựng mới 30 điểm bưu điện văn hóa xã, đưa tổng số lên 52 điểm. Công tác phát hành báo chí, công văn thư tín kịp thời, đáp ứng được yêu cầu thông tin. Tuy nhiên, số máy điện thoại lắp đặt cho các xã biên giới, vùng sâu, vùng xa, các đồn biên phòng chất lượng truyền tải thông tin còn kém.

4. Về tài chính, ngân hàng thương mại

Tài chính:

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 165,5 tỷ đồng, bằng 137,4% so với năm 1998, bằng 105,5% kế hoạch.

- Tổng thu ngân sách địa phương thực hiện 446.720 triệu đồng, bằng 115,6% so với năm 1998, bằng 104% kế hoạch.

- Tổng chi ngân sách địa phương: 446.078 triệu đồng, bằng 121,3% so với năm 1998, bằng 103,8% kế hoạch.

Nhìn chung, năm qua công tác thu, chi ngân sách có nhiều cố gắng, đạt tiến độ khá, các khoản thu thuế và phí nội địa đạt gần 68 tỷ đồng, tăng gần 38% so chỉ tiêu Trung ương giao và bằng 109% kế hoạch tỉnh giao. Các khoản thu qua cửa khẩu đạt trên 70 tỷ đồng, bằng 320,3% so cùng kỳ 1998, bằng 112% so kế hoạch. Chi ngân sách địa phương đã đáp ứng kịp thời, phục vụ các hoạt động thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Ngân hàng tín dụng:

Đảm bảo tốt công tác cho vay, đáp ứng yêu cầu về vốn cho sản xuất kinh doanh phát triển, triển khai kịp thời các cơ chế và chính sách ưu đãi về tín dụng, nhất là đối với các dự án đầu tư sản xuất và các tổ chức kinh tế hộ sản xuất. Năm 1999, tổng nguồn vốn huy động đạt 290 tỷ đồng, bằng 111,54% kế hoạch; tổng dư nợ 253 tỷ đồng, tăng 4 tỷ đồng so cùng kỳ 1998, trong đó dư nợ quốc doanh 78 tỷ đồng, dư nợ ngoài quốc doanh 175 tỷ đồng (trong đó dư nợ của Ngân hàng phục vụ người nghèo đạt trên 75 tỷ đồng). Việc tăng cường nguồn vốn mở rộng đầu tư tín dụng đã có tác dụng kích thích sản xuất phát triển.

Về thương mại - du lịch: Tỉnh tiếp tục triển khai quyết định 100/TTg, ngày 26-5-1998 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng thí điểm một số chính sách tại khu vực kinh tế cửa khẩu Lào Cai, nhìn chung đã mang lại hiệu quả về kinh tế - du lịch - đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, chống buôn lậu và giữ gìn an ninh trật tự trên tuyến biên giới.

Đã có nhiều chuyển biến tích cực, hàng hóa đa dạng, phong phú, giá cả tương đối ổn định đáp ứng nhu cầu sản xuất, tiêu dùng của nhân dân. Tổng giá trị bán ra của thương nghiệp quốc doanh đạt 170 tỷ đồng, bằng 85,4% so với năm 1998 (nhiều hàng hóa có số lượng bán ra giảm so với năm 1998 như lương thực, xăng các loại...), các mặt

hàng chính sách đảm bảo cung ứng đến các trung tâm cụm xã phục vụ kịp thời như muối ăn, giấy vở học sinh... Tổ chức Hội chợ thương mại - du lịch năm 1999 với 46 doanh nghiệp tham gia.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ xã hội đạt 483,7 tỷ đồng, tăng 16,6% so với năm 1998, trong đó khu vực kinh tế nhà nước chiếm 33,6%.

Hoạt động xuất nhập khẩu khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai có nhiều khó khăn. Tổng kim ngạch xuất khẩu của các thành phần kinh tế trong tỉnh năm 1999 đạt thấp so kế hoạch, trong đó giảm chủ yếu là xuất nhập khẩu quặng các loại. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 5,55 triệu USD, bằng 42,3% kế hoạch, trong đó xuất khẩu 3,2 triệu USD, bằng 37,6% kế hoạch, nhập khẩu 2,35 triệu USD, bằng 52,2% kế hoạch.

Hoạt động kinh doanh du lịch có chuyển biến khá rõ, cả năm tổng số khách đến du lịch trên địa bàn đạt hơn 160 nghìn lượt người, tăng 33% so với năm 1998.

II. VỀ SỰ NGHIỆP PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, XÃ HỘI

1. Về giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ và môi trường

Để hướng tới mục tiêu hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ vào tháng 6-2000 của tỉnh, ngành giáo dục - đào tạo đã phối hợp chặt chẽ với các cấp, các ngành triển khai nhiều hoạt động có hiệu quả trong việc giúp đỡ, động viên nhân dân đưa con em đến trường, tham gia học các lớp xóa mù chữ và xây dựng, phát triển cơ sở vật chất cho trường học. Quy mô giáo dục tiếp tục phát triển, học sinh các cấp học, ngành học, học sinh các dân tộc thiểu số, học sinh nữ tăng nhanh so với năm học trước. Chất lượng và hiệu quả giáo dục tiếp tục có chuyển biến tích cực, kỷ cương, nề nếp trường học được tăng cường, nhân dân quan tâm hơn đến sự nghiệp phát triển giáo dục. Đã chỉ đạo thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra trong năm học 1998-1999; triển khai kịp thời nhiệm vụ năm học 1999-2000, tỷ lệ huy động trẻ

em 6-14 tuổi đến trường đạt 88,91%, tăng 2,54% so với năm học trước, thu hẹp dần số thôn, bản trắng về lớp học (xuống còn 23 thôn, bản nhỏ), xóa bỏ tình trạng học ba ca.

Công tác phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ đã được đẩy nhanh về tiến độ và hiệu quả; đã chỉ đạo tốt việc mở chiến dịch phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ, huy động được nhiều lực lượng tham gia, thu hút được nhiều người đi học xóa mù và học các lớp phổ cập linh hoạt; tổng kết 10 năm chống mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học và 40 năm phát triển giáo dục miền núi, vùng cao. Kết thúc năm 1999 có 121/180 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ tăng 41 xã so với năm 1998.

- Công tác khoa học, công nghệ và môi trường đã bước đầu đi vào hoạt động chiều sâu. Tuyên truyền rộng rãi và hưởng ứng tích cực chiến dịch “làm sạch thế giới” bằng nhiều hoạt động thiết thực, cụ thể, nhằm góp phần cải thiện môi trường sống, từng bước đi sâu nghiên cứu và triển khai thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, giúp nông dân xóa đói, giảm nghèo, cải thiện đời sống.

Ban chỉ đạo khắc phục sự cố Y2K đã triển khai kịp thời việc đánh giá mức độ ảnh hưởng của hệ thống máy tính và xây dựng kế hoạch ứng phó dự phòng trên phạm vi toàn tỉnh. Tính đến thời điểm chuyển giao (1-1-2000), các hệ thống máy tính trong tỉnh vẫn hoạt động bình thường.

Công tác thông tin tư liệu và sở hữu công nghiệp, quản lý tiêu chuẩn đo lường chất lượng đã từng bước đi vào nền nếp, bước đầu phát huy hiệu quả.

2. Các hoạt động văn hóa, thể thao, phát thanh - truyền hình, báo chí

Đã tập trung tuyên truyền kịp thời và sâu rộng trong nhân dân về việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị của địa phương, các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đặc biệt đã tập trung cho

việc triển khai, thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và cuộc vận động xây dựng chính quyền Đảng; tuyên truyền về cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp và các ngày lễ lớn trong năm; đưa các hoạt động tuyên truyền đến cơ sở, khơi dậy và phát huy truyền thống văn hóa quý báu của các dân tộc, đấu tranh chống các tập tục lạc hậu, mê tín dị đoan, bói toán, nghiện hút..., động viên nhân dân tích cực tham gia phong trào xây dựng làng xã văn minh, gia đình văn hóa.

Đã tổ chức tốt các hoạt động giao lưu văn hóa với Hà Khẩu, Vân Nam, Trung Quốc; dự hội thi văn hóa thể thao các tỉnh miền núi; tổ chức tốt các hoạt động kỷ niệm năm quốc tế người cao tuổi...

Phong trào thể dục thể thao được đẩy mạnh và phát triển cả về chất lượng và diện rộng, tổ chức tốt giải cầu lông, bóng đá... nhân các ngày kỷ niệm trong năm; tham gia các giải thể thao khu vực và toàn quốc, đạt kết quả tốt.

Sự nghiệp phát thanh truyền hình đã có bước chuyển biến đáng kể. Năm 1999, toàn tỉnh đã có 34 trạm tiếp sóng truyền hình, 31 trạm truyền thanh, các trạm thu tín hiệu TVRO, phát thanh FM; triển khai kịp thời bán trợ giá và cấp máy thu thanh cho dân 9.858 cái, trên 300 máy thu hình; đảm bảo diện phủ sóng truyền hình 45%, truyền thanh 70%; góp phần quan trọng đưa các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống.

3. Về y tế

Công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân và tiêm phòng dịch bệnh được tiến hành thường xuyên. Mạng lưới y tế cơ sở được đầu tư, củng cố thêm một bước, đặc biệt bệnh viện các huyện vùng cao Mường Khương, Văn Bàn, Sa Pa đã trang bị máy siêu âm, các xã trong diện 135 được trang bị thêm nhiều thiết bị vật tư y tế. Các chương trình y tế quốc gia như phòng, chống sốt rét, bướu cổ, da liễu, phòng, chống dịch bệnh và tiêm chủng mở rộng đạt kết quả tốt (95% trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đạt 100% kế hoạch).

Công tác dân số kế hoạch hóa gia đình triển khai đến cơ sở, được nhân dân đồng tình hưởng ứng. Tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên giảm xuống đáng kể (còn 2,2%). Chỉ đạo làm tốt đợt tổng điều tra dân số và nhà ở đúng quy định (theo kết quả điều tra, toàn tỉnh có 590.046 người).

4. Công tác lao động việc làm và các vấn đề xã hội

Tỉnh đã chỉ đạo làm tốt việc điều tra lao động, việc làm và xây dựng chương trình việc làm trên phạm vi toàn tỉnh, xây dựng đề án quy hoạch mạng lưới cơ sở dạy nghề và kế hoạch đào tạo nghề đến năm 2000 và những năm tiếp theo. Đã tiến hành đào tạo nghề cho 724 người. Tiếp tục đẩy mạnh công tác cho vay vốn giải quyết việc làm để thu hút lao động, tạo điều kiện cho nhân dân có thêm vốn đầu tư phát triển sản xuất. Đã tiến hành xét duyệt cho vay được 235 dự án với số vốn 8,3 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho 6.513 lao động (kể cả nguồn vốn Trung ương và địa phương), tăng gần 20% so với năm 1998. Công tác thăm hỏi, cứu trợ được quan tâm thường xuyên, đã tiến hành thăm hỏi tặng quà nhân dịp Tết Nguyên đán Kỷ Mão, ngày thương binh, liệt sĩ 27-7, tặng quà của Chủ tịch Nước cho 94 cụ từ 100 tuổi trở lên nhân năm Quốc tế người cao tuổi; trợ cấp và cho vay cứu đói cho 9.281 hộ, 48.727 khẩu trị giá gần 2 tỷ đồng.

Chỉ đạo sát sao việc chống trộm và hút thuốc phiện, đã tiến hành cai nghiện cho 171 lượt đối tượng, tái hòa nhập cộng đồng cho 68 người, thực hiện tốt phương án cai ba giai đoạn do Hội đồng nhân dân tỉnh đề ra; hiện nay toàn tỉnh còn hơn 2.400 người nghiện hút ma túy).

Đời sống của nhân dân từng bước được cải thiện, tỷ lệ hộ đói, nghèo giảm (24%).

* Một số tồn tại trong các lĩnh vực này là:

- Việc huy động và duy trì học sinh, học viên đi học phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ ở những xã vùng cao, vùng dân tộc ít người còn rất khó khăn, do đó ảnh hưởng lớn đến tiến độ và chất lượng

phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII); các loại hình trường, lớp tư thục đối với giáo dục mầm non và mẫu giáo phát triển chưa mạnh. Chất lượng và hiệu quả giáo dục nói chung ở vùng ba còn thấp. Một số cấp ủy và chính quyền địa phương chưa nhận thức đầy đủ yêu cầu về công tác giáo dục, do đó việc quản lý, chỉ đạo, đôn đốc công tác phổ cập giáo dục tiểu học và xóa mù chữ chưa sát sao, hiệu quả huy động các nguồn lực để phát triển giáo dục còn hạn chế.

- Chất lượng và hiệu quả nghiên cứu khoa học chưa cao, chưa bám sát vào mục tiêu nghiên cứu, ứng dụng khoa học, kỹ thuật phục vụ nông nghiệp, nông thôn, góp phần thiết thực thực hiện mục tiêu xóa đói, giảm nghèo. Công tác phòng, chống vi phạm môi sinh, môi trường chưa tiến hành thường xuyên, kém hiệu quả.

- Công tác triển khai Chỉ thị 27-CT/TW của Bộ Chính trị về việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội chưa được các ngành, các cấp quan tâm đúng mức, các quy định, hướng dẫn cụ thể chậm được ban hành, do vậy vẫn còn tệ thách cưới nặng, tảo hôn và mê tín, đồng bóng, bói toán... ở một số bộ phận dân cư. Tình trạng cưới xin vẫn còn nhiều phiền hà, hình thức cưới theo nếp sống mới đã được Đoàn thanh niên phát động nhưng kết quả thực hiện chưa đáng kể. Chất lượng hoạt động văn hóa thông tin - thể thao nhìn chung còn hạn chế. Một số xã vùng cao, vùng sâu có những khó khăn về giao thông, kinh phí do đó việc triển khai phục vụ của đội thông tin, chiếu bóng lưu động gặp nhiều khó khăn.

- Chất lượng công tác khám, chữa bệnh ở một số cơ sở y tế còn yếu, trình độ chuyên môn và thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ y tế ở một số nơi còn chưa cao. Cơ sở vật chất và trang thiết bị y tế ở cơ sở thiếu, điều kiện khám chữa bệnh gặp nhiều khó khăn. Công tác quản lý dược chưa thường xuyên, thuốc kém chất lượng vẫn còn lưu hành trên thị trường.

5. Về vấn đề di dịch cư tự do

Vấn đề diễn ra phức tạp ở những tháng đầu năm (có 658 hộ, 3.263 khẩu di cư đi nơi khác, trong đó có 20 hộ, 102 khẩu di cư nội tỉnh, số còn lại chủ yếu đi Lai Châu, Đắk Lắk, đã trở về 129 hộ, 543 khẩu). Nguyên nhân chủ yếu do tình hình đời sống khó khăn và ảnh hưởng của hoạt động lợi dụng tôn giáo kích động. Những hộ trở về đều được tỉnh tạo điều kiện ổn định đời sống, tiếp tục phát triển sản xuất. Công tác điều chuyển, sắp xếp dân cư đã có nhiều cố gắng, đặc biệt là việc sắp xếp ổn định dân cư ở 26 xã biên giới đã và đang từng bước triển khai có hiệu quả.

6. Về vấn đề tôn giáo

Tình hình hoạt động tuyên truyền đạo trái phép diễn biến phức tạp hơn so với năm 1998. Đối tượng tuyên truyền được mở rộng tới trẻ em, học sinh là con em các dân tộc, một số đối tượng cầm đầu tích cực hoạt động theo chiều sâu, tập trung ở các địa bàn huyện: Sa Pa, Bát Xát, Bắc Hà, Bảo Thắng, Bảo Yên. Đến nay, số người bị tuyên truyền lôi kéo theo đạo Tin Lành là: 2.234 hộ với 13.229 khẩu thuộc 45 xã, 123 thôn, bản. Tỉnh đã chỉ đạo thành lập Ban 184 ở cấp tỉnh và huyện, thực hiện nghiêm chương trình, kế hoạch của Ban chỉ đạo 184 từ Trung ương đến cơ sở đã tích cực tuyên truyền, thực hiện Nghị định 26-CP của Chính phủ về các hoạt động tôn giáo.

III. CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

Tình hình an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững, tình trạng buôn lậu và các tai, tệ nạn xã hội có xu hướng giảm so với năm 1998. Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp, các ngành tiến hành rà soát, bổ sung hoàn chỉnh các phương án phòng thủ khu vực đi đôi với công tác huấn luyện xây dựng lực lượng; củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, gắn với thể trận an ninh nhân dân trên địa bàn; bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ.

Năm qua tỉnh đã chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ ở 2 huyện Bắc Hà và Bảo Yên đạt kết quả khá, hoàn thành tốt đợt phúc tra quân dự bị động viên trong toàn tỉnh. Đã tiến hành khảo sát từng bước xây dựng các khu căn cứ trên địa bàn phòng thủ, thường xuyên kiểm tra, quản lý, bảo vệ tốt các công trình quốc phòng, an ninh, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu. Tổ chức thành công hội thao thể thao quốc phòng của tỉnh và Đại hội thi đua quyết thắng lực lượng vũ trang tỉnh lần thứ nhất đạt kết quả tốt; tổ chức tổng kết 5 năm thực hiện Nghị định 19-CP và Chỉ thị 58-TTg của Chính phủ về công tác quốc phòng toàn dân, tổng kết 4 năm thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về xây dựng bộ đội biên phòng trong tình hình mới. Tỉnh đã đề nghị với Trung ương nghiên cứu một số vấn đề về tổ chức lực lượng và hệ thống tổ chức Đảng ủy trong Bộ đội Biên phòng; đã triển khai quán triệt, học tập và xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia trong tình hình mới.

- Công tác bảo vệ nội bộ được cấp ủy quan tâm, đã tiến hành xây dựng kế hoạch rà soát chính trị nội bộ theo Chỉ thị 39-CT/TW của Bộ Chính trị và Hướng dẫn 31-HD/BVTW của Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương; kịp thời phát hiện và xử lý các hoạt động cài cắm, móc nối, lôi kéo phá hoại từ bên trong của một số phần tử xấu, phục vụ tốt cho đợt bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp của tỉnh.

- Về công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo: Các cấp ủy chính quyền và các ngành chức năng đã tiếp 1.151 lượt công dân, nhận 1.147 đơn thư (giảm 9% so với năm 1998). Nội dung đơn thư chủ yếu tập trung phản ánh về vấn đề giải quyết đền bù đất đai (chiếm 45%), chính sách lao động xã hội, an ninh trật tự xã hội, các vấn đề về công bằng, dân chủ, việc vi phạm pháp luật của một số cán bộ ở cơ sở và cán bộ, công chức bảo vệ pháp luật. Các cấp, các ngành chức năng đã tập trung giải quyết được 96% tổng số đơn thư, cơ bản đã được quần chúng nhân dân đồng tình hưởng ứng, tạo niềm tin trong nhân dân đối với Đảng, chính quyền.

- Công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và vận chuyển trái phép hàng hóa theo Chỉ thị 853-TTg của Thủ tướng Chính phủ

đã được các cấp, các ngành thực hiện nghiêm túc. Tình hình buôn lậu giảm so với năm 1998, các lực lượng nòng cốt thực hiện chức năng chống buôn lậu, vận chuyển hàng hóa, gian lận thương mại, đã phối hợp chặt chẽ, hoạt động có hiệu quả. Các trạm kiểm soát liên ngành, quản lý các cửa khẩu thường xuyên được duy trì, củng cố, tổ chức hoạt động theo quy định của tỉnh.

- Đã tiến hành sơ kết 2 năm thực hiện Chỉ thị 287-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc “truy quét các tổ chức và cá nhân phá hoại rừng”. Lực lượng kiểm tra đã xác định đúng các trọng điểm; triển khai đồng loạt, liên tục và xử lý dứt điểm các vụ vi phạm. Tình hình buôn lậu gỗ và lâm sản (đặc biệt là gỗ pơ mu giảm rõ rệt).

Đã kiểm tra xử lý 630 vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp (hành chính 628 vụ, hình sự 2 vụ); tịch thu và thu hồi 176 m³ gỗ các loại (gỗ pơmu 40 m³). Số tiền thu sau xử lý gần 340 triệu đồng.

- Các lực lượng trong khối nội chính đã phối hợp chặt chẽ trong công tác, chủ động nắm tình hình, kịp thời làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp xử lý các vấn đề nảy sinh trên địa bàn. Công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án tiến hành khẩn trương, các vụ trọng án được đưa ra xét xử công khai, kịp thời, có ý nghĩa giáo dục tích cực. Các cơ quan liên ngành nội chính của tỉnh đã thống nhất ban hành nghị quyết quy định chế độ giao ban về quản lý thông tin tội phạm, thu được kết quả tốt.

- Công tác đối ngoại: Đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo kịp thời, tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức quốc tế đến nghiên cứu, khảo sát và hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đã cung cấp các thông tin cần thiết cho các cơ quan chức năng ở Trung ương giúp cho việc ký Hiệp định biên giới trên bộ Việt Nam - Trung Quốc ngày 30-12-1999.

* Một số tồn tại trong lĩnh vực này là:

- Công tác nắm tình hình trên địa bàn ở một số huyện, thị và một số ngành chưa sâu, báo cáo chưa kịp thời, có vụ việc thiếu chính xác.

- Công tác giáo dục quốc phòng, kết quả huấn luyện dân quân tự vệ và tuyên truyền pháp luật trong nhân dân còn hạn chế, chỉ đạo bổ sung xây dựng phương án A2 và công tác triển khai xây dựng tủ sách pháp luật ở xã, phường còn chậm.

- Hệ thống thẩm phán ở cấp huyện ít, thiếu ảnh hưởng đến công tác xét xử, công tác thi hành án dân sự ở cấp huyện, thị tiến hành chậm, sự phối hợp giữa cơ quan thi hành án với chính quyền địa phương và các ngành chưa đồng bộ.

- Công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân có việc còn chông chéo, chậm đổi mới theo yêu cầu thực hiện quyền làm chủ của công dân như luật pháp đã quy định.

- Một số vụ án kinh tế lớn ở ngành Bưu điện, Nhà máy xi măng, xã Vạn Hòa, thị xã Lào Cai, làm thất thoát gần 2 tỷ đồng.

- Các vụ phạm pháp hình sự về tội ma túy và hiếp dâm, đặc biệt là hiếp dâm trẻ em có chiều hướng tăng, tập trung ở các huyện Bảo Yên, Bảo Thắng, Bát Xát, thị xã Cam Đường, thị xã Lào Cai, như vụ Lê Văn Lộc sinh năm 1963 trú tại Sơn Hà, Bảo Thắng cùng đồng bọn buôn bán 1.000 ống thuốc gây nghiện đã bị phạt tù chung thân; vụ hiếp dâm và gây rối trật tự công cộng ở thị xã Cam Đường (có 8 bị can cùng tham gia gây án, trong đó số bị can chủ yếu là học sinh trung học); vụ Trần Minh Tân sinh năm 1978 ở phường Kim Tân, thị xã Lào Cai hiếp dâm cháu Nguyễn Thị Bích Huệ 6 tuổi, đã bị phạt tù 20 năm.

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

1. Xây dựng Đảng

- Về chính trị tư tưởng:

Công tác giáo dục chính trị - tư tưởng cho cán bộ đảng viên và nhân dân được các cấp ủy Đảng, chính quyền quan tâm chỉ đạo; thường xuyên theo dõi, nắm bắt diễn biến tình hình, kịp thời uốn nắn những tư tưởng lệch lạc. Tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên và

nhân dân các dân tộc ổn định, tin tưởng sự lãnh đạo của Đảng, tích cực tham gia thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Từ đầu năm đến nay, toàn Đảng bộ đã triển khai, thực hiện các Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1,2), Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII). Trong quá trình triển khai nghị quyết, Tỉnh ủy đã bám sát yêu cầu, nội dung cơ bản theo chỉ đạo của Trung ương, chỉ đạo các cấp ủy trong Đảng bộ tổ chức học tập, thực hiện nghị quyết đạt hiệu quả.

Về thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), đến nay toàn tỉnh đã thực hiện xong bước 1, đang triển khai thực hiện bước 2, tiến hành kiểm điểm tập thể Ban Thường vụ, Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn và kiểm điểm tự phê bình và phê bình cá nhân theo hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương.

Đối với Nghị quyết Trung ương 7, tỉnh đã tổ chức triển khai học tập cho gần 150 đồng chí cán bộ chủ chốt của tỉnh và chỉ đạo các cấp ủy triển khai học tập đến tổ chức đảng và đảng viên.

Đã tiến hành tổng kết 4 năm thực hiện Quyết định 100-BBT của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) về thành lập Trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thị; các trung tâm này đã phát huy tốt chức năng, nhiệm vụ được giao, đã mở được 743 lớp bồi dưỡng kiến thức về xây dựng Đảng, quản lý nhà nước, công tác vận động quần chúng, chuyển giao kỹ thuật sản xuất nông, lâm nghiệp cho 37.681 lượt người, góp phần quan trọng nâng cao kiến thức, năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ ở cấp xã, phường, thị trấn và thôn, bản.

- Công tác tổ chức và cán bộ:

Công tác tổ chức và cán bộ thường xuyên được củng cố, kiện toàn gắn với việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Đảng. Thực hiện chủ trương của Trung ương về luân chuyển cán bộ, đã điều động và đề bạt 58 đồng chí thuộc diện tỉnh quản, thông báo và làm thủ tục nghỉ hưu cho 43 đồng chí, làm tốt công tác nhân sự và chỉ đạo thắng lợi cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp, chuẩn bị một bước nhân sự Đại hội Đảng các cấp sắp tới.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đã cử 77 đồng chí đi học các lớp lý luận chính trị cao cấp và cử nhân tại Phân viện và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; mở các lớp trung cấp chính trị, đại học chính trị tại chức cho hàng trăm cán bộ đương chức ở các ngành, các cấp. Số đảng viên được kết nạp trong năm là 1.026 nâng tổng số đảng viên toàn đảng bộ lên 15.759; trong số đảng viên mới kết nạp, 342 đảng viên nữ, 350 đảng viên dân tộc ít người, đã xóa được 33 thôn, bản trắng không có đảng viên (số thôn, bản trắng còn 232). Các chế độ chính sách đối với cán bộ thường xuyên được quan tâm, giải quyết như: nâng lương định kỳ, đề bạt, trợ cấp khó khăn, thăm hỏi ốm đau, khen thưởng. Đã làm thủ tục đề nghị Chủ tịch nước tặng Huân chương Lao động cho nhiều đồng chí lãnh đạo các ngành, các cấp trong tỉnh; làm thủ tục đề nghị tặng Huy hiệu 40 năm tuổi Đảng cho 48 đồng chí, 50 năm tuổi Đảng cho 86 đồng chí.

Một số chủ trương của tỉnh như Chỉ thị 13-CT/TU về việc đưa đảng viên về sinh hoạt ở cơ sở đảng xã, phường, Chỉ thị 17 về công tác cán bộ nữ và Nghị quyết 08 về xây dựng cơ sở chính trị xã, phường trong sạch, vững mạnh được tổ chức triển khai, thực hiện từ tỉnh đến cơ sở, đã đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần giải quyết một phần những khó khăn trong công tác cán bộ, từng bước nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ cơ sở xã, thị trấn; tạo điều kiện để nhân dân tham gia quản lý, giám sát cán bộ, đảng viên nơi cư trú nhằm tăng cường mối quan hệ giữa Đảng với dân.

- Về công tác kiểm tra của Đảng:

Công tác kiểm tra của Đảng có bước chuyển biến rõ rệt, các cấp ủy đã xây dựng được chương trình kế hoạch kiểm tra, tiến hành kiểm tra toàn diện được từ 1-3 tổ cơ sở. Tỉnh ủy tiến hành kiểm tra toàn diện đối với Đảng ủy Công ty Apatít Việt Nam và kiểm tra việc sửa chữa tồn tại của 3 đảng bộ đã được kiểm tra năm 1998.

Ủy ban Kiểm tra các cấp có nhiều cố gắng, tích cực, đã tham mưu cho cấp ủy thực hiện tốt chức năng kiểm tra, góp phần nâng cao uy tín và vai trò lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội. Đã tiến hành kiểm

tra 147 đảng viên, 145 tổ chức cơ sở đảng có dấu hiệu vi phạm. Qua kiểm tra, số đảng viên có vi phạm là 124 đồng chí, chiếm 84,5%, 9 tổ chức có vi phạm chiếm 64%. Đã thi hành kỷ luật 171 trường hợp, tăng 4 trường hợp so với năm 1998, trong đó khiển trách 81, cảnh cáo 57, cách chức và khai trừ 33.

Ủy ban Kiểm tra các cấp đã phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan, tích cực xem xét giải quyết đơn thư khiếu tố, hạn chế tình trạng tồn đọng, gây phiền hà, mất lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân.

2. Xây dựng chính quyền, các đoàn thể

Sự hoạt động quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân và vai trò giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp có nhiều cố gắng, tích cực. Bộ máy Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân được củng cố, kiện toàn, nâng cao năng lực và sức lãnh đạo, quản lý, điều hành từ tỉnh đến cơ sở xã, phường, thị trấn thông qua cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp vừa qua.

Đã chỉ đạo thành công cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp đúng pháp luật, đây là đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn, quan trọng của toàn Đảng, toàn dân, số cử tri đi bầu cử đạt tỷ lệ 99,56%, lựa chọn được 4.056 đại biểu tham gia Hội đồng nhân dân ba cấp, trong đó cấp tỉnh 50, huyện 298, xã 3.708. Tỷ lệ đại biểu Hội đồng nhân dân nữ các cấp tăng so nhiệm kỳ trước.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có nhiều cố gắng, tích cực trong công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân; trong năm qua, nhiều tổ chức đoàn thể đã cố gắng cải tiến nội dung, phương thức hoạt động tập hợp và vận động hội viên từ cơ sở. Nhiều hoạt động mang ý nghĩa tốt, có tác dụng lôi cuốn, thúc đẩy phong trào như: phụ nữ tham gia xóa đói, giảm nghèo; tập huấn kỹ năng lãnh đạo và kiến thức cho các ứng cử viên nữ đại biểu Hội đồng nhân dân khóa III, nhiệm kỳ 1999-2004; xây dựng điểm sáng biên giới, tổng kết kinh nghiệm nông

dân sản xuất giỏi (Hội Nông dân); khảo sát thực trạng đời sống và thực hiện chế độ chính sách trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp nhà nước; toàn dân tham gia xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư; phong trào “Nghĩa tình biên giới, hải đảo”, “bình chọn 21 gương mặt, 21 công trình tiêu biểu”. Tất cả việc làm đó đều hướng tới mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, xây dựng quê hương ngày càng phát triển.

Một số tồn tại trong lĩnh vực công tác này là:

- Công tác triển khai thực hiện nghị quyết ở các cấp còn chậm, có nơi chưa sâu. Tư tưởng một bộ phận cán bộ, đảng viên băn khoăn về chất lượng và kết quả triển khai, thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

- Công tác tổ chức cán bộ ở các cấp, nói chung còn nhiều khó khăn trong việc bố trí, thay thế nhân sự, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa.

- Công tác kiểm tra Đảng ở một số nơi chưa được quan tâm đúng mức, đặc biệt là cơ sở xã, phường; có tổ chức cơ sở đảng chưa xây dựng được chương trình, kế hoạch kiểm tra hàng năm.

- Hoạt động của chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân ở cấp xã, phường, đặc biệt là các xã vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế, thiếu chủ động trong công việc.

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Năm 1999, mặc dù gặp nhiều khó khăn về thời tiết, thị trường tiêu thụ sản phẩm không ổn định... song, với sự quan tâm đầu tư của Nhà nước, sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn toàn tỉnh tiếp tục ổn định và giữ vững được nhịp độ phát triển: Tốc độ tăng trưởng GDP so với năm 1998 khoảng 6,03%. Tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt mức cao nhất từ trước đến nay và đã hoàn thành vượt mức kế hoạch 2,44% trước một năm so với mục tiêu Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II đã đề ra. Giá trị sản xuất công nghiệp, thương mại du lịch, thu ngân sách trên địa

bàn tăng so với năm 1998 và so với kế hoạch. Các hoạt động văn hóa, giáo dục, y tế... tiếp tục được củng cố, phát triển cả về cơ sở vật chất, số lượng và chất lượng công tác; tỷ lệ tăng dân số tự nhiên, tình hình thiếu đói và nạn cháy rừng giảm. An ninh chính trị, an ninh biên giới được giữ vững, trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được còn một số tồn tại cần khắc phục đó là: Tình hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, thị trường tiêu thụ sản phẩm nông, lâm nghiệp hạn hẹp, hoạt động xuất, nhập khẩu chưa khai thác đầy đủ được thế mạnh của khu vực kinh tế của khẩu. Tỷ lệ đói nghèo còn cao; chất lượng giáo dục, y tế ở vùng sâu vùng xa còn thấp; tình hình lợi dụng tôn giáo còn diễn biến phức tạp.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CÔNG TÁC NĂM 2000

I. VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Tập trung khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tiếp tục duy trì và đẩy mạnh nhịp độ tăng trưởng kinh tế; phấn đấu tăng tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) từ 6% trở lên. Tỷ trọng ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản trong cơ cấu GDP là 49,6%, công nghiệp, xây dựng cơ bản 18,6%, dịch vụ 32%

1. Sản xuất nông - lâm nghiệp

- Mục tiêu:

- + Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp tăng 5-6%.
- + Phấn đấu đạt tổng sản lượng lương thực quy thóc: 167 ngàn tấn.
- + Trồng rừng tập trung 1.500 ha, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng bổ sung 10.000 ha, khoán bảo vệ rừng 116.000 ha.
- + Độ tán che phủ rừng: 33%.
- + Giao xong đất nông, lâm nghiệp.

+ Nhiệm vụ và các biện pháp chủ yếu: Tập trung chỉ đạo phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh chương trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với mục tiêu xóa đói, giảm nghèo theo tinh thần Nghị quyết 01 của Tỉnh ủy về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tăng cường đầu tư thâm canh, áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, tổ chức tốt mạng lưới khuyến nông, giúp nông dân chủ động trong khâu giống và kỹ thuật canh tác.

Tiếp tục mở rộng các vùng cây công nghiệp, cây ăn quả theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung, phát triển các loại cây chè, đậu tương, cây dược liệu, nhãn, vải, dứa...

Ưu tiên vốn đầu tư tu sửa, cải tạo nâng cấp và làm mới các công trình thủy lợi (nhất là các công trình đang phát huy hiệu quả).

Tiếp tục thực hiện các chương trình ổn định dân cư và điều chuyển nội bộ dân cư trong tỉnh đến các vùng đã duyệt dự án di dân.

Về chăn nuôi: Tập trung chỉ đạo phát triển đàn trâu, bò, lợn, mở rộng diện tích mặt nước phát triển chăn nuôi thủy sản; gắn với việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm chăn nuôi, sản phẩm từ kinh tế trang trại. Nghiên cứu cải tạo giống và phòng trừ dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. Phấn đấu tăng đàn gia súc từ 2-3,5% so với năm 1999.

Lâm nghiệp: Đẩy mạnh công tác trồng rừng tập trung, gắn với chương trình 5 triệu ha rừng của cả nước, chú trọng công tác khoanh nuôi bảo vệ rừng. Tăng cường chỉ đạo làm tốt công tác giao đất, giao rừng gắn với phát triển kinh tế trang trại, chương trình ổn định dân cư, gắn sản xuất, chế biến với tiêu thụ sản phẩm.

2. Về công nghiệp

Chú trọng đầu tư cho phát triển ngành công nghiệp một cách toàn diện đồng đều, đáp ứng yêu cầu thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chỉ đạo tốt công tác sắp xếp lại doanh nghiệp, triển khai thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp, chủ trương bán, khoán, cho thuê doanh nghiệp. Tập trung tháo gỡ khó khăn, nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tích cực tìm kiếm thị trường. Xây dựng

mới và thực thi các dự án đã được duyệt về phát triển công nghiệp giai đoạn năm 2000-2010. Tập trung đầu tư cho các dự án chế biến nông lâm sản (đặc biệt là sản phẩm xuất khẩu), ưu tiên khuyến khích đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ để nâng cao sức cạnh tranh cho sản phẩm làm ra. Phấn đấu giá trị sản xuất công nghiệp tăng trên 10%.

Tăng cường công tác quản lý, tạo động lực phát triển công nghiệp ngoài quốc doanh, khuyến khích sản xuất các mặt hàng tiểu thủ công nghiệp, các loại nông cụ thay thế sức lao động...

Đẩy nhanh công tác lập quy hoạch phát triển điện năng, khắc phục một số khâu còn tồn tại trong quản lý, sử dụng điện nông thôn, quản lý xây dựng công trình điện. Phấn đấu có thêm 10/15 xã có điện lưới quốc gia.

3. Về xây dựng cơ bản, giao thông vận tải, bưu điện

- Chỉ đạo thực hiện đúng tiến độ, đảm bảo kỹ thuật và chất lượng các công trình xây dựng cơ bản. Khả năng vốn đầu tư ngân sách nhà nước năm 2000 rất hạn hẹp so với các mục tiêu đã đề ra do vậy chỉ đầu tư các dự án thực sự cần thiết, có hiệu quả. Ưu tiên các dự án sản xuất kinh doanh, xây dựng hạ tầng kỹ thuật phát triển nông nghiệp, nông thôn, quy hoạch phát triển ngành, lãnh thổ và vùng biên giới. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Chương trình 135 và phối kết hợp với các chương trình khác đẩy nhanh tốc độ phát triển cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo cho nhân dân các xã đặc biệt khó khăn và xã biên giới. Đẩy nhanh tiến độ thi công khu vực Cửa khẩu quốc tế (cầu Hồ Kiều II; Nhà kiểm soát liên ngành, khu thương mại, du lịch).

- Công tác giao thông, tập trung đầu tư nâng cấp một số tuyến đường thiết yếu đến các huyện, lỵ, thị trấn, các trung tâm cụm xã. Phát triển giao thông nông thôn với phương châm “Nhà nước hỗ trợ, nhân dân làm là chính”. Phấn đấu có thêm 8 đến 10 xã có đường ô tô đến trung tâm xã.

Bưu điện: Tập trung chỉ đạo đảm bảo thông tin thông suốt trong mọi tình huống. Tiếp tục mở rộng, nâng cao công suất, chất lượng

mạng lưới thông tin trên cơ sở tiếp tục hiện đại hóa ngành Bưu chính viễn thông. Phấn đấu có thêm 30 xã có máy điện thoại trong năm 2000.

4. Về tài chính, ngân hàng, thương mại - du lịch

Về tài chính: Tăng cường quản lý thu, chi ngân sách, thực hiện thu đúng, thu đủ. Khuyến khích tiết kiệm chi để vừa đảm bảo cho các hoạt động xã hội vừa tăng cường đầu tư cho xây dựng cơ sở hạ tầng, tập trung vốn cho phát triển nông nghiệp, nông thôn, những công trình trọng điểm, ưu tiên đầu tư cho các xã đặc biệt khó khăn, khu kinh tế cửa khẩu. Chấp hành nghiêm Luật ngân sách, các luật thuế, nhằm thúc đẩy sản xuất.

Phấn đấu tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 180,2 tỷ đồng.

Tổng thu ngân sách địa phương: 419,1 tỷ đồng.

Tổng chi Hội đồng nhân dân: 419,1 tỷ đồng.

Tiền tệ, tín dụng: Tập trung huy động mọi nguồn tiền gửi, các nguồn vốn cho vay tín dụng, vay giải quyết việc làm theo hướng khuyến khích phát triển sản xuất. Ưu tiên cho đồng bào các dân tộc vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn vay vốn, kịp thời vụ để sản xuất, chăn nuôi. Tiếp tục hỗ trợ lãi suất vay cho người nghèo, triển khai thực hiện hỗ trợ lãi suất cho vùng nguyên liệu chè, dứa, cây ăn quả, ban hành chính sách hỗ trợ cho lực lượng khuyến nông, lâm hoạt động tại các xã.

Phấn đấu huy động vốn năm 2000 đạt 330 tỷ đồng, dư nợ cho vay đạt 300 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay hộ nông dân 90 tỷ đồng, dư nợ cho vay ưu đãi hộ nghèo 86 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho vay trung, dài hạn đạt 60% tổng dư nợ.

Thương mại - du lịch: Tiếp tục điều chỉnh, củng cố lại mạng lưới kinh doanh thương nghiệp trên địa bàn; mở rộng mạng lưới thương nghiệp quốc doanh đến vùng sâu, vùng xa đảm bảo cung ứng đầy đủ các mặt hàng chính sách cho nhân dân. Tích cực khai thác và mở rộng thị trường nội địa, thị trường ngoài tỉnh để kích thích sản xuất phát

triển. Tập trung triển khai thực hiện Quyết định 100-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng thí điểm một số chính sách tại khu vực cửa khẩu Lào Cai, trong đó chú ý đẩy mạnh xuất nhập khẩu, xúc tiến thương mại, phát triển du lịch, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực kinh tế cửa khẩu.

Phấn đấu năm 2000, giá trị kim ngạch xuất nhập khẩu đạt từ 11 đến 13 triệu USD. Trong đó giá trị xuất khẩu 8,5 triệu USD, giá trị nhập khẩu 4,5 triệu USD.

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả nghị quyết của Tỉnh ủy về phát triển kinh tế du lịch và 6 nội dung của chương trình du lịch năm 2000 đã được phê chuẩn. Phấn đấu đạt doanh thu quốc doanh 4,5 tỷ đồng, tăng 4,5% so với năm 1999

II. VỀ VĂN HÓA - XÃ HỘI

1. Về giáo dục - đào tạo, khoa học công nghệ và môi trường

Phát huy những thành quả đạt được qua 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), năm 2000 tiếp tục đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục, tích cực huy động mọi nguồn lực để phát triển giáo dục của 5 huyện khó khăn, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ vào dịp 19-5-2000. Tăng cường quản lý chất lượng và hiệu quả dạy và học, mở rộng quy mô, đa dạng hóa các loại hình giáo dục và đào tạo. Phấn đấu tỷ lệ huy động trẻ em trong độ tuổi đến trường đạt trên 90%. Chú trọng công tác giáo dục hướng nghiệp, đưa nội dung giáo dục pháp luật và giáo dục về dân số kế hoạch hóa gia đình vào trường học.

Hướng công tác nghiên cứu khoa học vào việc nghiên cứu và triển khai các đề tài ứng dụng khoa học, kỹ thuật phục vụ cho phát triển nông, lâm nghiệp và phát triển nông thôn. Tiếp tục triển khai ứng dụng có hiệu quả công nghệ tin học, phục vụ đắc lực cho công tác nắm bắt và xử lý thông tin, tư liệu. Tăng cường công tác quản lý và bảo vệ môi trường sinh thái.

2. Công tác văn hóa, thông tin, thể thao

Tiếp tục quán triệt thực hiện tốt chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII), nhằm khơi dậy và phát huy truyền thống văn hóa của các dân tộc trong tỉnh, lành mạnh hóa các hoạt động về tôn giáo, tín ngưỡng; thực hiện tốt Chỉ thị 27 của Bộ Chính trị về việc thực hiện nếp sống văn hóa trong việc cưới, việc tang, lễ hội.

Các hoạt động văn hóa thông tin thể thao, phát thanh - truyền hình, báo chí tập trung tuyên truyền cho các ngày lễ lớn trong năm 2000. Tuyên truyền sâu rộng việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng. Tăng cường đầu tư trang thiết bị, cơ sở vật chất cho hoạt động văn hóa thể thao, đặc biệt chú ý cho các cụm dân cư vùng cao. Phấn đấu tăng diện phủ sóng truyền hình lên 5% và phủ sóng phát thanh 2% so với năm 1999.

Đẩy mạnh phong trào vận động toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư, phong trào xây dựng gia đình văn hóa.

3. Về y tế

Tăng cường đầu tư thiết bị vật tư y tế và đội ngũ cán bộ chuyên môn cho cơ sở, từng bước kiện toàn mạng lưới y tế trên toàn địa bàn. Nâng cao chất lượng khám chữa bệnh cho nhân dân. Tăng cường đào tạo các cán bộ có trình độ chuyên môn giỏi phục vụ tốt cho công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe. Tăng cường công tác quản lý tân dược, kiên quyết không để có lưu hành thuốc kém chất lượng, thuốc giả trên thị trường. Đẩy mạnh công tác kiểm tra đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Tăng cường các biện pháp phòng, chống HIV...

Đẩy mạnh công tác dân số kế hoạch hóa gia đình, tiếp tục thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, chủ động phòng, chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra.

Phấn đấu giảm tỷ lệ sinh 1%, tiêm chủng đầy đủ cho trẻ em dưới 1 tuổi đạt tỷ lệ 95% trở lên, 100% số xã trong toàn tỉnh có trạm xá và có cán bộ y tế trình độ trung học trở lên.

4. Về lao động việc làm và các vấn đề xã hội

Đẩy mạnh công tác cho vay vốn giải quyết việc làm, vốn xóa đói, giảm nghèo, giúp nhân dân có thêm vốn để phát triển sản xuất. Phấn đấu tạo việc làm cho 6.580 người với số vốn 7 tỷ đồng.

Đào tạo nghề (có kinh phí) cho 500 người, đẩy mạnh công tác dạy nghề tại Trung tâm nghề và dịch vụ việc làm của tỉnh.

Tiếp tục đôn đốc thực hiện Bộ luật lao động; tập hợp và xét duyệt hồ sơ người có công theo Nghị định 28 của Chính phủ cho 2.500-3.000 người. Chỉ đạo tốt công tác giải ngân và sử dụng vốn xóa đói, giảm nghèo. Tiếp tục thực hiện phương án cai nghiện giai đoạn có hiệu quả tại Trung tâm cai nghiện của tỉnh. Thực hiện chi trả chế độ cho các đối tượng hưởng trợ cấp xã hội kịp thời, đầy đủ. Chăm sóc các đối tượng tại trung tâm bảo trợ xã hội, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình thương binh, liệt sĩ.

Chăm sóc sức khỏe và tạo mọi điều kiện để những hộ đã di cư nay trở về ổn định đời sống, phát triển sản xuất. Thực hiện tốt sắp xếp dân cư ở một số xã biên giới và các khu vực dân có nhu cầu, thực hiện tốt chính sách đối với người cao tuổi.

III. CÔNG TÁC QUỐC PHÒNG - AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI

- Giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội. Các lực lượng trong Khối Nội chính chủ động nắm chắc diễn biến tình hình trong nhân dân, trên tuyến biên giới; tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm và ma túy; xây dựng phương án bảo vệ các ngày hội, ngày lễ lớn trong năm; thực hiện có hiệu quả chương trình hành động của tỉnh, thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia trong tình hình mới.

- Tăng cường sức mạnh phòng thủ, ngăn chặn và đối phó kịp thời với mọi tình huống xảy ra trên địa bàn, phòng, chống có hiệu quả chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân; tăng

cường công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, quản lý chặt chẽ vũ khí trang thiết bị kỹ thuật. Thực hiện tốt công tác tuyển quân năm 2000 và công tác huấn luyện dân quân tự vệ, quân dự bị động viên đảm bảo chất lượng đáp ứng với yêu cầu nhiệm vụ.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác giáo dục pháp luật, thực hiện 100% các xã, phường có tủ sách pháp luật, xây dựng ý thức quốc gia, quốc giới trong nhân dân. Triển khai đồng bộ, thực hiện tốt Nghị định 26-CP của Chính phủ về công tác tôn giáo trong tình hình mới.

- Tiếp tục triển khai và thực hiện đồng bộ Chỉ thị 853-CT/TTg và Chỉ thị 287-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát, chống buôn lậu qua biên giới; sắp xếp ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội ở 26 xã, phường biên giới.

- Thường xuyên nắm vững tình hình cơ sở, phát hiện kịp thời hoạt động của các đối tượng liên quan đến an ninh chính trị, đấu tranh có hiệu quả với các hoạt động cài cắm, móc nối, mua chuộc vào nội bộ; bảo vệ Đảng, chính quyền và các cơ quan ninh tế - văn hóa trên địa bàn. Tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân, nhưng có thái độ đấu tranh kiên quyết với các đối tượng lợi dụng tôn giáo. Thực hiện nghiêm chỉnh các chương trình, kế hoạch của Ban 184 các cấp.

- Tổ chức tốt công tác tiếp dân, giải quyết kịp thời đơn thư tố cáo, khiếu kiện và những mâu thuẫn trong nhân dân, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện tập thể, vượt cấp. Triển khai có hiệu quả Luật khiếu nại tố cáo của Nhà nước đã ban hành.

- Các cơ quan nội chính tăng cường phối hợp chặt chẽ trong công tác phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, giải quyết dứt điểm, xử lý nghiêm minh đối với các vụ án xảy ra trên địa bàn, đặc biệt là các vụ trọng án. Cơ quan thi hành án cần phối hợp với các cơ quan nội chính và chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác thi hành án dân sự.

- Về công tác đối ngoại: Mở rộng quan hệ đối ngoại theo đúng nguyên tắc, quy định của Đảng và Nhà nước, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức quốc tế và tỉnh bạn đến Lào Cai khảo sát, đầu tư

liên doanh liên kết trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, văn hóa, khoa học - kỹ thuật và công nghệ. Đặc biệt là việc thực hiện Quyết định 100/1998-QĐ/TTg của Chính phủ về việc áp dụng một số chính sách ở một số khu vực của khẩu biên giới Lào Cai. Đồng thời triển khai những quy định trong Hiệp ước biên giới trên bộ do Chính phủ Việt Nam và Trung Quốc vừa ký kết tháng 12-1999 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

IV. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG, CHÍNH QUYỀN VÀ ĐOÀN THỂ

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ đảng viên và nhân dân, chống âm mưu “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch.

- Tập trung chỉ đạo, tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng.

- Tổ chức kỷ niệm những ngày lễ lớn trong năm theo chỉ thị của Trung ương và kỷ niệm 50 năm giải phóng Lào Cai (1-11-1950 - 1-11-2000), triển khai Đại hội thi đua năm 2000 của tỉnh.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 về sắp xếp, củng cố bộ máy Đảng, Nhà nước, đoàn thể và các nghị quyết của Trung ương, của Đảng bộ tỉnh đã triển khai; nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy hệ thống chính quyền các cấp.

- Làm tốt công tác nhân sự và nội dung, chỉ đạo thắng lợi Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2000 - 2005 theo kế hoạch của Trung ương; triển khai thực hiện kịp thời nghị quyết Đại hội Đảng các cấp.

- Làm tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ theo kế hoạch; tiến hành tổng kết Nghị quyết 08 Tỉnh ủy về xây dựng và củng cố cơ sở chính trị xã, phường vững mạnh và các nghị quyết chuyên đề theo chương trình công tác của Ban Chấp hành.

- Làm tốt công tác kiểm tra của Đảng theo chương trình kế hoạch đã xây dựng, tiến hành kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên theo đúng

quy định của Điều lệ Đảng. Tăng cường công tác kiểm tra, giải quyết dứt đơn thư tố cáo, khiếu nại có liên quan nhân sự Đại hội Đảng các cấp, đảm bảo Đại hội Đảng các cấp được tiến hành đúng kế hoạch, thành công.

- Tăng cường và nâng cao năng lực hoạt động và giám sát của Hội đồng nhân dân, sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân từ tỉnh đến cơ sở, phát huy tính chủ động, sáng tạo trong quản lý nhà nước các cấp.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, chỉ đạo Đại hội các tổ chức đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở đã hết nhiệm kỳ.

Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân tiếp tục hướng các hoạt động về cơ sở, tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đến với nhân dân, thực hiện là cầu nối Đảng với dân, củng cố niềm tin cho nhân dân đối với Đảng, chính quyền, động viên nhân dân yên tâm sản xuất xây dựng gia đình, quê hương giàu đẹp.

Năm 2000 là năm cuối của kế hoạch 5 năm (1996-2000) có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II đề ra. Nhiệm vụ công tác năm 2000 phải được quán triệt đầy đủ; giữ vững ổn định kinh tế, chính trị, xã hội, khai thác nội lực, nâng cao hiệu quả đầu tư phát triển sản xuất, giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh quyết tâm thực hiện tốt các mục tiêu kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và nhiệm vụ củng cố, xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

**BÍ THƯ
TRÁNG A PAO**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
CỦA HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH
ĐẢNG BỘ TỈNH LẦN THỨ 20 (KHÓA II)

Số 14-NQ/TU ngày 1-2-2000

Về một số nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu trong năm 2000

Để phấn đấu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ, mục tiêu nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa II đã đề ra. Năm 2000, toàn Đảng bộ phát huy những thuận lợi, khắc phục khó khăn, khai thác tối đa mọi nguồn lực, động viên toàn Đảng bộ, toàn dân tập trung thực hiện đạt và vượt một số chỉ tiêu kế hoạch sau đây:

I. MỘT SỐ MỤC TIÊU - NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2000

1. Về kinh tế - xã hội

- Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP) tăng 6% so với năm 1999 (trong đó giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 5 - 6%, giá trị sản xuất công nghiệp tăng trên 10%, dịch vụ tăng từ 5 - 5.5%).

- Cơ cấu trong GDP:

+ Nông lâm nghiệp: 49,6%.

+ Công nghiệp xây dựng: 18,6%.

+ Dịch vụ thương mại: 31,8%.

- Sản xuất nông - lâm nghiệp:

+ Tổng sản lượng lương thực quy thóc: 167 ngàn tấn.

- + Trồng rừng tập trung: 1.500 ha.
- + Khoanh nuôi tái sinh rừng: 11.300 ha.
- + Giao khoán bảo vệ: 116.000 ha.
- + Trồng cây lâm nghiệp xã hội: 6 triệu cây.
- + Chè trồng mới: 800 ha, dứa trồng mới: 600 ha.
- + Hoàn thành giao đất nông - lâm nghiệp.
- + Độ tán che phủ rừng: 33%.
- + Đảm bảo đàn gia súc tăng từ 2 - 3,5%.
- Giá trị sản xuất công nghiệp: 256 tỷ.
- Tổng thu ngân sách địa phương: 419,1 tỷ, trong đó:
 - + Thu ngân sách trên địa bàn: 180,2 tỷ.
- Tổng chi ngân sách địa phương: 419,1 tỷ.
- Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu: 11 - 13 triệu USD.
- Tỷ lệ huy động trẻ em đến trường đạt: 89%.
- Toàn tỉnh đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ vào dịp 19-5-2000.
- Tạo việc làm cho người lao động: 11.000 người.
- Định canh định cư cho 2.500 hộ trong đó đưa ra định cư ở biên giới 400 hộ.
- Số người dân được hưởng nước sạch: 37.000 người
- Tỷ lệ giảm sinh trong năm: 1%.
- Giảm hộ đói nghèo so với năm 1999: 5.000 hộ

2. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại

- Giữ vững an ninh chính trị, bảo vệ vững chắc chủ quyền quốc gia và trật tự, an toàn xã hội.
- Tiếp tục rà soát, bổ sung hoàn chỉnh phương án A, A2 đi đôi với công tác huấn luyện, xây dựng lực lượng, nâng cao sức chiến đấu của các lực lượng vũ trang, củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân, bảo vệ an toàn các ngày lễ lớn trong năm.
- Thực hiện nghiêm chỉnh nghị quyết về chiến lược an ninh quốc gia trong tình hình mới.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền và giáo dục pháp luật, làm tốt công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm và chống lãng phí.

- Thường xuyên nắm vững tình hình ở cơ sở, phát hiện kịp thời các vụ việc xảy ra trên địa bàn, giải quyết nhanh và đúng pháp luật

- Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc hiệp ước biên giới trên bộ giữa Việt Nam và Trung Quốc.

- Mở rộng quan hệ đối ngoại theo đúng nguyên tắc của Đảng và Nhà nước. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nước, các tổ chức quốc tế và tỉnh bạn đến Lào Cai đầu tư, liên doanh liên kết. Thực hiện có hiệu quả Quyết định 100-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng một số chính sách ở khu vực cửa khẩu biên giới Lào Cai.

3. Về xây dựng Đảng, chính quyền và đoàn thể

- Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và nhân dân, chống âm mưu “diễn biến hòa bình” và “bạo loạn lật đổ” của các thế lực thù địch.

- Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) và cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng; Nghị quyết Trung ương 7 về sắp xếp, củng cố bộ máy Đảng, đoàn thể, nhà nước.

- Tổ chức tốt kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm, trong đó đặc biệt chú ý việc giáo dục truyền thống cho cán bộ và nhân dân, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước lập thành tích chào mừng các ngày lễ lớn và phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện tổng kết các nghị quyết chuyên đề, công tác kiểm tra của các cấp ủy Đảng và Ủy ban Kiểm tra các cấp. Tổ chức tốt Đại hội Đảng các cấp nhiệm kỳ 2000 - 2005.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; tổng kết Nghị quyết 08 của Tỉnh ủy về xây dựng và củng cố đội ngũ cán bộ cơ sở chính trị xã phường vững mạnh; làm tốt công tác kiểm tra và giải quyết đơn thư của nhân dân.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân, tăng cường hiệu lực quản lý điều hành của Ủy ban nhân dân các cấp, phấn

đấu xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh, của dân, do dân và vì dân.

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể. Đổi mới hình thức hoạt động, hướng mạnh về cơ sở, vận động nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

II. MỘT SỐ BIỆN PHÁP CƠ BẢN ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ NĂM 2000

1. Tư tưởng chỉ đạo

- Quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương 6 (lần 1), Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VIII), năm 2000 tập trung chỉ đạo đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, đặc biệt chú ý 127 xã thuộc Chương trình 135 của Chính phủ và các xã biên giới, chương trình kinh tế cửa khẩu, chương trình du lịch.

- Tập trung giải quyết các vấn đề văn hóa - xã hội nhất là phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ, khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, thực hiện có hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở, đẩy mạnh xây dựng nếp sống văn hóa mới.

- Thường xuyên nâng cao cảnh giác cách mạng, giữ vững độc lập chủ quyền quốc gia, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, sẵn sàng đối phó khi có tình huống xảy ra.

- Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm sát nhằm sớm phát hiện các vi phạm để kịp thời uốn nắn những lệch lạc, xử lý nghiêm minh những vi phạm theo pháp luật và các quy định của Đảng.

2. Một số biện pháp cơ bản

a) Về kinh tế - xã hội:

- Tạo mọi điều kiện thuận lợi để khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia vào hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy sản xuất phát triển.

- Tích cực đẩy mạnh công tác thu ngân sách trên địa bàn, thực hiện triệt để tiết kiệm, đầu tư có trọng tâm, trong đó tập trung vốn cho phát triển nông nghiệp và nông thôn, những công trình trọng điểm trong xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông, khu kinh tế cửa khẩu, khu du lịch. Tiếp tục trợ cước, trợ giá một số mặt hàng theo quy định của Nhà nước, trợ lãi suất cho hộ nghèo, đẩy mạnh sử dụng giống mới và chuyển giao kỹ thuật canh tác, tích cực tiêu thụ và chế biến sản phẩm nông nghiệp cho nông dân, ban hành chính sách khuyến nông nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình; đổi mới và đẩy mạnh hoạt động của các hợp tác xã.

- Sử dụng có hiệu quả và quản lý chặt chẽ nguồn vốn các chương trình dự án, đặc biệt là Chương trình 135 đầu tư cho các xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới, quyết tâm phấn đấu hoàn thành kế hoạch năm 1999 và năm 2000 của chương trình này và chương trình kinh tế cửa khẩu.

- Tăng cường mở rộng quan hệ đối ngoại, tìm kiếm thị trường, đẩy mạnh sản xuất và chế biến hàng hóa, xuất nhập khẩu nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, triển khai có hiệu quả chương trình du lịch.

- Sắp xếp và đổi mới hoạt động của doanh nghiệp quốc doanh, thực hiện việc bán, khoán, cho thuê các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh phát triển tiểu thủ công nghiệp nhất là những nghề truyền thống, những nghề sử dụng nguyên liệu và lao động tại địa phương.

- Đẩy mạnh công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại, tận thu cho ngân sách địa phương, tạo điều kiện cho sản xuất trong tỉnh phát triển.

- Tăng cường công tác giải quyết việc làm, từng bước nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân. Tiếp tục triển khai và thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII). Tích cực xóa đói, giảm nghèo và giải quyết tốt các vấn đề xã hội.

b) Về an ninh quốc phòng:

- Các ngành trong Khối Nội chính chủ động phối kết hợp với các cấp, các ngành phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề nảy sinh, không để xảy ra “điểm nóng”, khiếu kiện tập thể. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

- Thực hiện tốt kế hoạch tuyển quân, gắn thực hiện nghĩa vụ quân sự với công tác đào tạo cán bộ vùng sâu vùng xa, thường xuyên huấn luyện dân quân tự vệ và lực lượng dự bị động viên sẵn sàng đối phó trong mọi tình huống.

c) Về xây dựng hệ thống chính trị:

- Tiếp tục làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo và sử dụng cán bộ, nhất là cán bộ dân tộc, cán bộ nữ, thực hiện nghiêm chỉnh Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) về sắp xếp bộ máy và giảm biên chế theo hướng dẫn cụ thể của Trung ương.

- Tăng cường xây dựng củng cố hệ thống chính trị, thực hiện tốt hơn Nghị quyết 08 của Tỉnh ủy về xây dựng củng cố hệ thống chính trị cơ sở xã phường vững mạnh, đủ sức đảm đương trách nhiệm trong thời kỳ mới. Phấn đấu phát triển Đảng ở tất cả các thôn, bản chưa có đảng viên.

- Nâng cao hiệu lực quản lý điều hành của chính quyền các cấp. Nâng cao vai trò trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể, chống hành chính hóa trong hoạt động.

Ban Chấp hành Tỉnh ủy giao cho Ban Thường vụ trực tiếp lãnh đạo, triển khai thực hiện nghị quyết này, giao cho Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban cán sự Ủy ban nhân dân tỉnh, các huyện, thị ủy, các Đảng đoàn, Ban cán sự theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể hóa Nghị quyết này và tổ chức thực hiện nghiêm túc.

Thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2000 là góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh khóa II, tạo đà đi lên cho tỉnh ta trong thiên niên kỷ mới thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 481-TB/TU, ngày 11-2-2000

**Qua kiểm tra 3 huyện: Bảo Thắng, Bảo Yên, Than Uyên
và một số ngành chức năng của tỉnh trong việc
khắc phục những tồn tại theo Báo cáo số 42-BC/TU,
ngày 6-11-1998 của Tỉnh ủy Lào Cai**

Để đánh giá đúng hiệu quả chương trình công tác kiểm tra của cấp ủy năm 1998, Ban Thường vụ Tỉnh ủy giao Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy tiến hành kiểm tra việc khắc phục những tồn tại đối với 3 huyện: Bảo Thắng, Bảo Yên, Than Uyên và một số ngành chức năng của Tỉnh. Sau khi nghe Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy báo cáo kết quả kiểm tra, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận:

1. Về ý thức trách nhiệm của các huyện, các ngành trong việc khắc phục những tồn tại

Nhìn chung các huyện, các ngành đã có nhận thức đúng về ý nghĩa, tác dụng của đợt kiểm tra nên có sự phối hợp chặt chẽ với nhau trong chỉ đạo khắc phục những tồn tại, cả 3 huyện đều thành lập ban chỉ đạo do 1 đồng chí thường trực Huyện ủy làm trưởng ban, xây dựng được chương trình với từng nội dung cụ thể để khắc phục những tồn tại của địa phương mình.

Ủy ban nhân dân tỉnh và một số ngành chức năng của Tỉnh như: Sở Tài chính - Vật giá, Điện lực tỉnh, Ban Tổ chức chính quyền tỉnh,

Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn, Sở Địa chính, Tòa án nhân dân tỉnh... đã thực sự phát huy được vai trò, trách nhiệm của mình trong việc tích cực giúp các huyện khắc phục những tồn tại.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy cũng lưu ý một số ngành cần nghiêm túc rút kinh nghiệm trong việc chậm triển khai giúp đỡ các huyện, hoặc có làm nhưng không báo cáo kết quả về Ban chỉ đạo Tỉnh ủy.

2. Kết quả khắc phục những tồn tại

a) Ưu điểm:

Với một thời gian tương đối ngắn (gần 10 tháng) nhưng phần lớn những tồn tại đã được các cấp, các ngành tích cực chỉ đạo giải quyết dứt điểm - đặc biệt là việc chú trọng giải quyết kịp thời những tồn tại liên quan đến công tác tổ chức cán bộ, sửa đổi lề lối làm việc, triển khai thực hiện chỉ thị, nghị quyết, công tác xây dựng Đảng và củng cố chính quyền cơ sở... Các huyện đã thay đổi và bố trí lại 17 chức danh cán bộ chủ chốt các xã, thị trấn và các phòng, ban cấp huyện, xử lý kỷ luật 34 đảng viên, 4 tổ chức đảng có vi phạm (có 2 cán bộ bị phạt tù). Việc làm này thể hiện rõ sự kiên quyết trong kiểm sửa của 3 huyện được kiểm tra.

Một số tồn tại trong lĩnh vực thực hiện chế độ, chính sách, pháp luật, quản lý và sử dụng đất đai cũng đã được các huyện giải quyết xong (như việc giải quyết một số vụ án dân sự kéo dài ở Bảo Thắng, thẩm tra kết luận việc công nhận danh hiệu Bà mẹ Việt Nam anh hùng của bà Nguyễn Thị Hoa; giải quyết chế độ hợp lý cho 32 công nhân Xí nghiệp chế biến chè II Than Uyên, quy tập mộ tập thể của 7 liệt sĩ vào nghĩa trang huyện Than Uyên...). Cả 3 huyện đã phối hợp chặt chẽ với Ban Tổ chức chính quyền tỉnh, Sở Địa chính giải quyết những vướng mắc trong quá trình thực hiện Chỉ thị 364 của Thủ tướng Chính phủ. Về cơ bản tình hình ở các điểm xảy ra tranh chấp đã ổn định, tuy nhiên các huyện, các ngành chức năng cần tiếp tục chú ý theo dõi giải quyết không để tái diễn.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp và thường xuyên của Ủy ban nhân dân tỉnh, các ngành chức năng đã giải quyết xong nhiều tồn tại trong lĩnh vực tài chính - kinh tế Ủy ban nhân dân tỉnh đã phê duyệt và cấp 1.932.582.000 đồng cho huyện Bảo Thắng thanh quyết toán dứt điểm các công trình xây dựng đường điện tại các xã: Xuân Quang, Phú Nhuận, Sơn Hải, Phong Niên. Các ngành chức năng của Tỉnh và huyện đã thu hồi trả dân và nộp Kho bạc Nhà nước tổng số tiền 117.088.000 đồng, quy rõ trách nhiệm và xử lý nghiêm minh những cán bộ, đảng viên có vi phạm.

Từ những kết quả nêu trên nhân dân thấy rõ tác dụng thiết thực của công tác kiểm tra, đồng tình với những kết luận và biện pháp giải quyết của Tỉnh ủy.

b) Khuyết điểm:

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết 01 của Tỉnh ủy về chuyển dịch cơ cấu kinh tế mới dừng lại ở cấp huyện. Công tác tuyên truyền, phổ biến nghị quyết xuống cơ sở chưa được các huyện quan tâm đúng mức do vậy dẫn đến việc nhân dân nhận thức không đầy đủ về ý nghĩa, tác dụng của nghị quyết, tổ chức đảng cơ sở không kiên quyết lãnh đạo chính quyền và nhân dân thực hiện nghị quyết còn có biểu hiện trông chờ và ỷ lại vào cấp trên.

Phần lớn các xã, thị trấn chưa thực hiện tốt việc triển khai Quy chế dân chủ ở cơ sở và việc sử dụng biên lai, chứng từ theo quy định của Bộ Tài chính trong việc thu - chi ngân sách hoặc đóng góp của dân từ đó dẫn đến nhiều sai phạm trong lĩnh vực tài chính - kinh tế, sai phạm trong các dự án đầu tư cho cơ sở gây nghi ngờ mất niềm tin của nhân dân đối với chính quyền địa phương. Các huyện cần tăng cường công tác chỉ đạo, kiểm tra đối với cơ sở trong thực hiện nhiệm vụ này.

Mặc dù các huyện, các ngành đã có sự phối hợp chặt chẽ với nhau trong xây dựng chương trình khắc phục những tồn tại song cũng còn một số ít tồn tại chưa được xử lý kiên quyết như: Việc 2 hộ cán bộ - công nhân, Trạm vật tư nông nghiệp huyện Bảo Thắng xây dựng nhà trái phép trên đất công, việc Ban Quản lý rừng phòng hộ Sông Đà

tiếp tục vi phạm những quy định trong giao trồng và chăm sóc bảo vệ rừng, việc bố trí lại dân cư trong đất đã quy hoạch của Trung tâm cai nghiện, Trường Quân sự trên địa bàn huyện Bảo Thắng, việc làm thủ tục giao đất cho 25 hộ dân ở khu vực Bắc Ngâm đến nay vẫn chưa tiến hành theo sự chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu 3 huyện và các ngành chức năng có liên quan nghiêm túc rút kinh nghiệm, thống nhất biện pháp giải quyết dứt điểm những tồn tại nêu trên chậm nhất vào quý II năm 2000.

3. Đối với một số đề xuất - kiến nghị của Đoàn kiểm tra; Ban Thường vụ Tỉnh ủy có ý kiến như sau

3.1. Giao cho Ủy ban nhân dân các huyện lập tờ trình báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt trả lại số tiền do Thanh tra tỉnh tạm giữ trong quá trình thanh tra những vi phạm xảy ra thuộc các nguồn vốn 327; định canh định cư... để thanh toán và đầu tư trở lại cho nhân dân vùng dự án.

3.2. Ủy ban nhân dân các huyện chỉ đạo xác minh cụ thể những khoản vay từ nguồn vốn 327, định canh định cư của những hộ gia đình thực sự gặp khó khăn không có khả năng hoàn trả vốn do thiên tai bão lũ hoặc những lý do khách quan bất khả kháng để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định khoan hoặc xóa nợ...

3.3. Giao Sở Nông nghiệp - Phát triển nông thôn và Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường nghiên cứu đề tài khoa học xác định cơ cấu giống lúa, thời vụ, chế độ phân bón thích hợp đối với vùng lúa Phú Nhuận, huyện Bảo Thắng.

3.4. Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu và ban hành một số chính sách tăng cường công tác khuyến nông tỉnh Lào Cai giai đoạn 2000 - 2005 nhằm giúp đỡ các xã và nâng cao kỹ năng, kiến thức cho nông dân để thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

3.5. Căn cứ vào những quy định của Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh rà soát lại Quyết định 120 (về việc thu thủy lợi phí) để phù hợp với điều kiện chung của toàn tỉnh.

3.6. Đối với các xã, huyện có địa bàn rộng, đi lại khó khăn cần phải chia tách để thuận lợi trong quản lý, điều hành, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng báo cáo chi tiết để Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua trước khi làm thủ tục trình Chính phủ phê duyệt.

Căn cứ vào những nội dung đã nêu trong Thông báo này, các huyện, các ngành cần tổ chức thực hiện nghiêm túc.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 50
Số 484-TB/TU, ngày 16-2-2001

Ngày 10-2-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp Hội nghị lần thứ 50 dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy. Sau khi nghe Ủy ban nhân dân tỉnh trình dự kiến phân bổ vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2000, các đồng chí trong Ban Thường vụ đã thảo luận và thống nhất kết luận như sau:

I. VỀ QUAN ĐIỂM CHUNG

Bố trí vốn chuẩn bị đầu tư và đầu tư xây dựng phải phù hợp với chiến lược điều chỉnh cơ cấu kinh tế của tỉnh. Lấy hiệu quả kinh tế - xã hội gắn với an ninh quốc phòng làm mục tiêu đầu tư.

- Đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, theo kế hoạch, không dàn trải, trong đó chú trọng đầu tư vào các vùng đặc biệt khó khăn, biên giới, khu cửa khẩu, khu du lịch Sa Pa, xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông và thủy lợi, các trường đào tạo cán bộ; nhất trí chủ trương bù lãi suất vay để làm đường 4D, 279.

- Thanh toán hết cho các công trình đã hoàn thành năm 1999 trở về trước.

- Các công trình nhóm C phải tính toán bố trí vốn và đảm bảo tiến độ xây dựng hoàn thiện trong 2 năm, không kéo dài.

- Tăng cường công tác kiểm tra của các cơ quan chuyên ngành, giám sát của Hội đồng nhân dân, kiểm tra của các cấp ủy Đảng, kiểm tra của các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ phụ trách địa bàn, ngành lĩnh vực được đầu tư.

Chấp hành nghiêm các quy định về đấu thầu, các công trình chỉ định thầu phải xin ý kiến Ban Thường vụ Tỉnh ủy trước khi chỉ định thầu.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm về phân bổ kế hoạch kịp thời, Sở Tài chính - Vật giá chịu trách nhiệm về quản lý vốn, thanh quyết toán, Sở Xây dựng và các sở chuyên ngành chịu trách nhiệm về chất lượng công trình, hàng quý phải có báo cáo tiến độ thực hiện với Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản do Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ duyệt vào cuối tháng 6 và đầu tháng 1 2 dương lịch.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CỤ THỂ

- Cơ bản nhất trí với dự kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh về kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2000 từ nguồn vốn ngân sách tập trung, nguồn vốn đầu tư khu kinh tế cửa khẩu và danh mục chuẩn bị đầu tư. Có thay đổi một số vấn đề cụ thể sau:

1. Nguồn vốn ngân sách tập trung

a) Thực hiện dự án:

- Dự án cải tạo nâng cấp động Thủy Tiên - Muồng Vi - Bát Xát chỉ đầu tư làm đường vào. Phần cải tạo hang động giao cho Công ty Du lịch lập dự án và vay vốn đầu tư.

- Trung tâm điều trị và phục hồi cho đối tượng 05, 06 đầu tư có mức độ mà nên chuyển sang cải tạo tại cộng đồng là chính.

- Dự án đường tuần tra biên giới, giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo với Chính phủ và các ngành Trung ương để xin thêm vốn đầu tư và xây dựng dự án tổng thể toàn tuyến biên giới.

b) Danh mục công trình ứng vốn thi công:

- Chưa thực hiện dự án thoát nước thị trấn Bát Xát và hội trường huyện Bát Xát.

- Cho phép ứng vốn xây dựng Trung tâm chính trị thị xã Lào Cai và Trung tâm chính trị huyện Mường Khương.

- Dự án trùng tu di tích đền Bảo Hà chỉ thực hiện hạng mục làm đường vào đền.

2. Nguồn vốn đầu tư khu kinh tế cửa khẩu

- Nhất trí các mục đầu tư và chuẩn bị đầu tư.

- Xem xét và thực hiện việc giải phóng các hộ dân trước Đền Thượng theo quy hoạch, xây dựng dự án mới đầu tư vào khu du lịch này.

3. Chuẩn bị đầu tư

- Chuẩn bị đầu tư phải ưu tiên thực hiện các dự án trồng và chế biến dứa, chè, xây dựng thủy lợi, nước ăn, bố trí dân cư và sản xuất giống lúa, ngô.

- Chưa thực hiện xây dựng dự án nâng cấp đường nội thị thị xã Cam Đường

- Đưa vào danh mục chuẩn bị đầu tư dự án tin học của Tỉnh ủy và dự án kiên cố hóa kênh mương.

III. NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

- Sở Tài chính - Vật giá trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp vốn thực hiện kế hoạch năm 2000 về dự án tin học Khối Tỉnh ủy.

- Đồng ý hỗ trợ 8 doanh nghiệp xây dựng trụ sở, mỗi doanh nghiệp 150 triệu đồng từ ngân sách.

- Đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện dự án đưa một số thông tin về Lào Cai lên internet. Yêu cầu xây dựng dự án trình Ban Thường vụ duyệt trước khi thực hiện.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI PHIÊN HỌP GIAO BAN NGÀY 21-2-2000
Số 486-TB/TU, ngày 22-2-2000

Ngày 21-2-2000, Thường trực Tỉnh ủy giao ban với Thường trực Hội đồng nhân dân và Thường trực Ủy ban nhân dân dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy đã thống nhất kết luận như sau:

1. Tình hình sản xuất nông lâm nghiệp có nhiều thuận lợi, yêu cầu các ngành, các cấp tập trung chỉ đạo, đảm bảo cung ứng đủ vật tư nông nghiệp kịp thời phục vụ sản xuất đúng thời vụ; tập trung xử lý dứt điểm dịch lở mồm long móng đang xảy ra ở một số cơ sở.

2. Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ, các đồng chí trong Thường trực Hội đồng nhân dân, Thường trực Ủy ban nhân dân và các ban của Hội đồng nhân dân dành thời gian đi kiểm tra, giám sát cơ sở, chỉ đạo kịp thời, trong đó chú trọng việc chống lợi dụng tôn giáo, truyền đạo trái phép, xóa đói giảm nghèo, thực hiện Chương trình 135, Chương trình phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ và giải quyết các vụ khiếu kiện ở cơ sở.

3. Về vụ việc ở Nông trường Thanh Bình:

Các cơ quan có thẩm quyền đình chỉ ngay công tác đồng chí Lập - Giám đốc Nông trường, đồng chí Ân - Phó Giám đốc Nông trường, yêu cầu 2 ông giải trình rõ các vụ việc xảy ra tại Nông trường. Các cơ

quan Thanh tra, Kiểm tra trong quá trình xem xét giải quyết vụ việc ở Nông trường chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra xem xét, nếu thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật thì tiến hành khởi tố điều tra.

Huyện ủy Mường Khương phối hợp với Sở Nông nghiệp xem xét tư cách đảng viên của đồng chí Lập, đồng chí Ân, đồng chí Hạnh và một số đảng viên có liên quan đến vụ việc này, có hình thức xử lý kỷ luật nghiêm túc.

4. Nhất trí giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các huyện, thị xã và Ban ngoại vụ Biên giới thực hiện các lối mở và cửa khẩu với phía Trung Quốc sau khi có ý kiến của Bộ Ngoại giao.

5. Đồng ý cho Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập đoàn thăm hữu nghị chính thức tỉnh Vân Nam- Trung Quốc. Yêu cầu chuẩn bị nội dung dự kiến đàm phán, trình Ban Thường vụ phê duyệt trước khi thực hiện.

6. Đồng ý cho tổ chức OXFAM - Anh tổ chức hội thảo tại Sa Pa về tài trợ xóa đói giảm nghèo. Yêu cầu thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

7. Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Công ty Môi trường đô thị quản lý khu Nhà bia tưởng niệm Bác Hồ lên thăm Lào Cai.

8. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giao khu tập kết của Ban ngoại vụ Biên giới cho Trung tâm điều dưỡng và phục hồi chức năng làm trụ sở.

9. Đồng ý cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh viết Lịch sử. Yêu cầu lập đề cương trình Ban Thường vụ duyệt.

10. Đồng ý cho Liên đoàn Lao động tỉnh thành lập Câu lạc bộ bảo hộ lao động, yêu cầu lập kế hoạch, quy chế, trình Ban Thường vụ duyệt.

11. Kể từ ngày 1-3-2000, đồng chí Nguyễn Quý Đăng, Phó Bí thư Tỉnh ủy phụ trách công tác nội chính và chính quyền các cấp làm việc tại trụ sở Văn phòng Tỉnh ủy. Điện thoại: 020.845.145 Fax: 020.840.053.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI PHIÊN LÀM VIỆC NGÀY 22-2-2000

Số 487-TB/TU, ngày 22-2-2000

Ngày 22-2-2000, đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy cùng đồng chí Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo Thị ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thị xã, lãnh đạo Sở Xây dựng tiến hành kiểm tra thực địa khu dân cư đường Phan Bội Châu, phường Lào Cai và đường 38, 39 B đã thống nhất kết luận như sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân thị xã tiến hành di chuyển dân cư từ số nhà 069 đến số nhà 135 đường Phan Bội Châu về đường 38 và 39 B.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh giao cho Ủy ban nhân dân thị xã làm chủ đầu tư khẩn trương xây dựng cơ sở hạ tầng: đường, điện, nước ở đường 38 và 39 B để chuyển dân cư từ đường Phan Bội Châu về. Kinh phí được lấy từ nguồn kinh phí theo Quyết định 100-TTg và được bố trí điều chỉnh vào 6 tháng cuối năm 2000.

3. Không bố trí dân cư phía bờ sông đường Nguyễn Huệ từ cầu Cốc Lếu đến khu tưởng niệm Bác Hồ lên thăm Lào Cai.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 77-BC/TU, ngày 8-3-2000
Tổng kết công tác nội chính năm 1999

Phần I
ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC NỘI CHÍNH NĂM 1999

**I. TÌNH HÌNH AN NINH CHÍNH TRỊ - TRẬT TỰ,
AN TOÀN XÃ HỘI**

Năm 1999 tình hình quốc tế và khu vực vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, Mỹ và các thế lực thù địch đẩy mạnh chiến lược “diễn biến hòa bình” dưới nhiều hình thức tinh vi và quyết liệt chống phá ta, nhằm xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trên tuyến biên giới Việt - Trung, phía Trung Quốc vẫn tiếp tục thực hiện chiến lược biên giới mềm, mở rộng phục vụ lấn chiếm ở khu vực điểm C như ở Bản Lầu, Nậm Chảy, Pha Long (huyện Mường Khương). Các cơ quan đặc biệt của Trung Quốc vẫn tìm cách đi sâu vào nội bộ của ta thông qua hoạt động kinh tế, du lịch... trong nội địa hoạt động tuyên truyền đạo trái phép phức tạp hơn nhiều các năm trước. Đối tượng tuyên truyền đẩy mạnh mở rộng trong các dân tộc như: Mông, Dao, Nùng trong đó có cả trẻ em là học sinh phổ thông. Một số đối tượng tích cực tuyên truyền đạo trái phép trên địa bàn tỉnh đã quan hệ, móc nối với số đối tượng ở các tỉnh lân cận để tuyên truyền vận động đồng bào theo đạo gây

mất đoàn kết giữa người theo đạo và không theo đạo, giữa người theo đạo với chính quyền cơ sở như: xã Trung Lèng Hồ (huyện Bát Xát) có 24 người viết đơn gửi các nơi khiếu kiện chính quyền cơ sở đàn áp người theo đạo Tin Lành và 11 người dân xã Sảng Ma Sáo (huyện Bát Xát) tố cáo cán bộ xã đánh và phạt tiền số người theo đạo. Tính đến nay số người tự nhận theo đạo Tin Lành ở tỉnh Lào Cai là 2.234 hộ gồm 13.229 khẩu, thuộc 45 xã, 123 thôn, bản. Tỉnh đã chỉ đạo thành lập Ban 184 ở cấp tỉnh và huyện, thực hiện nghiêm chương trình, kế hoạch của Ban chỉ đạo 184 từ Trung ương đến cơ sở, đã tích cực tuyên truyền, thực hiện Nghị định 26-CP của Chính phủ về các hoạt động tôn giáo.

Tình hình di dịch cư tự do vẫn diễn ra phức tạp, nhất là ở những tháng đầu năm 1999. Trong năm có 658 hộ, 3.263 khẩu di cư đi nơi khác (trong đó có 20 hộ, 102 khẩu di cư nội tỉnh, số còn lại chủ yếu đi Lai Châu, Đắk Lắk) di cư quay trở lại 129 hộ, 543 khẩu. Nguyên nhân chủ yếu do tình hình đời sống khó khăn và ảnh hưởng của hoạt động lợi dụng tôn giáo kích động, Những hộ trở về đều được tỉnh tạo điều kiện ổn định đời sống, tiếp tục phát triển sản xuất. Công tác điều chuyển, sắp xếp ổn định dân cư ở 26 xã biên giới đã và đang từng bước triển khai có hiệu quả.

Tình hình an ninh nông thôn có những diễn biến phức tạp hơn, nổi lên là mâu thuẫn, tranh chấp và đền bù đất đai, quyền lợi chính sách đối với nông dân, công nhân (như ở huyện Bảo Thắng, Bắc Hà, Bát Xát, Văn Bàn, Mường Khương và thị xã Lào Cai), gây khó khăn cho việc lãnh đạo và chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền một số địa phương nhất là trong thời gian tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp của tỉnh.

Năm 1999 số vụ việc liên quan đến trật tự, an toàn xã hội xảy ra 908 vụ giảm 84 vụ so với cùng kỳ năm 1998 (giảm 8,5%), đã gây thiệt hại làm chết 112 người, bị thương 350 người, thiệt hại về tài sản, hàng hóa ước tính trị giá khoảng hơn 10 tỷ đồng Việt Nam. Đáng chú ý là số vụ trọng án giảm 61 vụ (51/112 vụ chiếm 54%), nhưng có một số vụ

việc mang tính chất phức tạp và nghiêm trọng như vụ: Tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa ở Công ty Bưu chính và Phát hành báo chí gây thiệt hại hơn 800 triệu đồng; vụ có ý làm trái nguyên tắc về quản lý kinh tế ở xã Lùng Vai - huyện Mường Khương gây thiệt hại hơn 100 triệu đồng, gây dư luận xấu trong nhân dân, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng cao (do Viện Kinh tế nông nghiệp Trung ương và Ủy ban dân tộc và miền núi của Chính phủ làm chủ đầu tư và thực hiện).

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC NỘI CHÍNH NĂM 1999

1. Công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm

Thực hiện nghiêm chỉnh các chỉ thị, nghị quyết, nghị định, kế hoạch của Trung ương Đảng, Chính phủ và Bộ Công an, Tỉnh ủy thường xuyên quan tâm chỉ đạo Đảng bộ Công an Lào Cai xây dựng, truy quét các loại tội phạm theo từng tuyến và địa bàn trọng điểm. Đã xác minh, điều tra, kết luận và giải quyết 703/908 vụ việc liên quan đến trật tự, an toàn xã hội đạt 77%. Trong đó các vụ trọng án điều tra khám phá đạt 100%. Đã bắt được 51 đối tượng truy nã, trong đó có 4 đối tượng đặc biệt nguy hiểm, bắt giúp tỉnh ngoài 16 đối tượng, 1 đối tượng truy nã của Công an Trung Quốc. Đồng thời làm tốt công tác quản lý tạm trú, tạm vắng, quản lý đặc doanh, quản lý trật tự công cộng. Toàn tỉnh hiện nay có 111.932 hộ với 598.777 khẩu, trong đó có 300.568 nữ; tuổi từ 15 trở lên có 335.318 khẩu trong đó nữ là 168.328. Trong năm 1999 đã đăng ký tạm trú cho 26.919 lượt người, trong đó có 12.414 lượt người nước ngoài; cấp 13.300 chứng minh nhân dân. Lực lượng công an đã phối hợp với các cấp, các ngành thường xuyên xây dựng củng cố mạng lưới an ninh nhân dân ở cơ sở; kết hợp các biện pháp nghiệp vụ, đã tạo ra những bước chuyển biến tích cực trong công tác phòng ngừa và đấu tranh phòng chống tội phạm từ cơ sở, làm giảm đáng kể hoạt động của bọn tội phạm.

2. Công tác đấu tranh chống tham nhũng và buôn lậu

Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân lãnh đạo và chỉ đạo thường xuyên đối với các cấp, các ngành trên tất cả các lĩnh vực. Các ngành trong khối Nội chính đã tiến hành nhiều biện pháp đấu tranh ngăn chặn tệ tham nhũng buôn lậu, từng bước đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực trên địa bàn tỉnh. Năm 1999 thông qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác thanh tra kinh tế - xã hội, thanh tra các cấp, các ngành phát hiện được một số vụ việc tham nhũng. Biểu hiện tham nhũng dưới dạng như: quản lý lỏng lẻo, lãng phí, chiếm dụng, thanh toán khống... Tổng số tiền và tài sản phát hiện là 1.048 triệu đồng, trong đó chiếm dụng 130 triệu đồng; làm sai trái 918 triệu đồng. Số phải thu hồi là 968 triệu đồng và 1.259 m² đất. Các cấp, các ngành đã xử lý kỷ luật hành chính 52 cán bộ, công chức viên chức và 9 cán bộ xã.

Thực hiện Chỉ thị 853-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đấu tranh chống buôn lậu trong tình hình mới, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo công tác chống buôn lậu trên các địa bàn của tỉnh. Ban chỉ đạo 853 của tỉnh đã cụ thể hóa để triển khai xây dựng kế hoạch đấu tranh chống buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới, chống buôn bán kinh doanh trái phép trong thị trường nội địa, kiểm tra kiểm soát hàng ngoại nhập không có hóa đơn chứng từ hợp lệ, tăng cường đấu tranh chống ma túy, kết hợp với củng cố tăng cường lực lượng chống buôn lậu với việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động nhân dân tham gia chống buôn lậu; góp phần ổn định giá cả thị trường, quản lý trật tự kỷ cương xã hội bảo vệ chủ quyền biên giới tỉnh Lào Cai. Trong năm 1999, các cơ quan chức năng chống buôn lậu của toàn tỉnh đã phát hiện và xử lý 1.991 vụ việc vi phạm. Hàng hóa vi phạm ước tính 3 tỷ đồng Việt Nam giảm 44% so với cùng kỳ năm 1998, trong đó xử lý vi phạm trong khu vực biên giới là 1.029 vụ.

- Số vụ truy cứu trách nhiệm hình sự là 12 vụ (trong đó 9 vụ ma túy).

- Số vụ xử lý vi phạm hành chính: 1.979 vụ.

Công tác xử lý được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo kịp thời và thực hiện đúng các quy định của pháp luật, các vụ việc phức tạp có tính chất nghiêm trọng các ngành thuộc Ban chỉ đạo chống buôn lậu và huyện, thị xã đã kịp thời báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của tỉnh để thống nhất nội dung và đường lối. Vì vậy, công tác xử lý đảm bảo chính xác nghiêm minh, kịp thời ngăn chặn các hành vi vi phạm mang tính giáo dục cao. Do vậy, tình hình buôn lậu giảm so với cùng kỳ năm 1998, các lực lượng nòng cốt thực hiện chức năng chống buôn lậu, vận chuyển hàng hóa, gian lận thương mại đã phối hợp chặt chẽ, hoạt động có hiệu quả. Các trạm kiểm soát liên ngành, quản lý các cửa khẩu thường xuyên được duy trì, củng cố, tổ chức hoạt động theo quy định của tỉnh.

3. Hoạt động của các ngành nội chính

Tỉnh ủy đã chỉ đạo các cấp, các ngành tiến hành rà soát bổ sung hoàn chỉnh các phương án phòng thủ khu vực đi đôi với công tác huấn luyện xây dựng lực lượng; củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, gắn với thể trận an ninh nhân dân trên địa bàn, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ. Trong năm, tỉnh đã chỉ đạo diễn tập khu vực phòng thủ ở 2 huyện Bắc Hà và Bảo Yên đạt kết quả khá, hoàn thành tốt đợt phúc tra quân sự bị động viên trong toàn tỉnh; thường xuyên kiểm tra, quản lý bảo vệ tốt các công trình quốc phòng, an ninh, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu.

- Lực lượng công an đã triển khai kế hoạch về xây dựng củng cố phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc xuống cơ sở xã, phường; thực hiện tốt chương trình quốc gia phòng chống tội phạm, chương trình hành động phòng chống ma túy. Thông qua các phong trào, nhân dân đã cung cấp được 2.546 nguồn tin. Phát động toàn dân tham gia quản lý, giáo dục, cảm hóa những người lầm lỗi tại cộng đồng dân cư đã có 180/180 xã, phường thực hiện.

- Viện kiểm sát nhân dân các cấp đã tiến hành nghiên cứu 230 văn bản quy phạm pháp luật và phát hiện 79 văn bản vi phạm; tiến

hành 57 cuộc kiểm sát tại 67 điểm trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Công tác kiểm sát xét xử hình sự có nhiều cố gắng tiến bộ; năm 1999 đã thụ lý kiểm sát xét xử sơ thẩm 418 vụ với 683 bị can, trong đó duy trì công tố tại 369 phiên tòa, xét xử 605 bị cáo, kiểm sát xét xử phúc thẩm 23/23 vụ kiểm sát xét xử giám đốc thẩm 4/4 vụ.

- Tòa án nhân dân từ tỉnh đến các huyện, thị đã thụ lý và xét xử các vụ án đúng với thẩm quyền quy định; xét xử đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Trong năm đã giải quyết: án hình sự 502 vụ (án phúc thẩm 28 vụ); án tranh chấp dân sự 246 vụ (án phúc thẩm 47 vụ); án hôn nhân gia đình 400 vụ (án phúc thẩm 23 vụ). Do tác động của cơ chế thị trường tình hình tranh chấp dân sự, hôn nhân gia đình có diễn biến phức tạp và có chiều hướng tăng.

- Nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật ở địa phương, việc biên soạn, in ấn tài liệu được Sở Tư pháp thực hiện khá tốt. Năm 1999 đã cung cấp hàng nghìn văn bản luật, đề cương tuyên truyền pháp luật về bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, cấp phát cho 180 xã, phường, cán bộ lãnh đạo các ngành, đội ngũ báo cáo viên pháp luật trong toàn tỉnh làm tài liệu tuyên truyền pháp luật.

- Lực lượng hải quan đã thường xuyên công tác kiểm tra, thanh tra, phát hiện kịp thời, xử lý đấu tranh chống những hành vi, vi phạm hoạt động xuất nhập khẩu tại các cửa khẩu biên giới. Đã làm tốt nhiệm vụ là cơ quan thường trực cho tỉnh trong công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại, duy trì, củng cố, tổ chức hoạt động các trạm kiểm soát liên ngành của tỉnh đi vào nề nếp theo quy định của tỉnh. Từng bước thực hiện cải cách thủ tục hành chính trong việc xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh. Trong năm qua đã có trên 100 doanh nghiệp trực tiếp có hoạt động kinh tế với Trung Quốc qua cửa khẩu Lào Cai; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 1999 tăng 8,25% so với cùng kỳ năm 1998.

- Lực lượng kiểm lâm đã tập trung chỉ đạo các đơn vị thường xuyên phối hợp với các lực lượng thực hiện tốt Chỉ thị 287-TTg của

Thủ tướng Chính phủ về việc “truy quét các tổ chức và cá nhân phá hoại rừng”. Năm 1999 đã phát hiện và xử lý 630 vụ vi phạm lâm luật (xử lý hành chính 628 vụ, hình sự 2 vụ). Tịch thu và thu hồi 176 m³ gỗ các loại (gỗ pơmu 40m³). Số tiền thu phát xử lý gần 340 triệu đồng.

- Công tác bảo vệ nội bộ đã được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm, đã tiến hành xây dựng kế hoạch rà soát chính trị nội bộ theo Chỉ thị 39-CT/TW của Bộ Chính trị và hướng dẫn 31-HD/BVTW của Ban bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương; kịp thời phát hiện và xử lý các hoạt động cài cắm, móc nối, lôi kéo phá hoại từ bên trong của một số phần tử xấu, phục vụ tốt cho đợt bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp của tỉnh.

- Về công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo: Các cấp ủy chính quyền và các ngành chức năng đã tiếp 1.151 lượt công dân, nhận 1.147 đơn thư (giảm 9% so với cùng kỳ năm 1998). Nội dung đơn thư chủ yếu tập trung phản ánh về vấn đề giải quyết đất đai (chiếm 45%), chính sách lao động, xã hội, an ninh trật tự xã hội, các vấn đề công bằng, dân chủ, việc vi phạm pháp luật của một số cán bộ ở cơ sở và cán bộ công chức bảo vệ pháp luật. Các cấp, các ngành chức năng đã tập trung giải quyết được 96% tổng số đơn thư, cơ bản đã được quần chúng nhân dân đồng tình hưởng ứng, tạo niềm tin trong nhân dân đối với Đảng, chính quyền.

- Công tác đối ngoại: đã được các cấp, các ngành quan tâm chỉ đạo kịp thời, tạo môi trường thuận lợi cho các tổ chức quốc tế nghiên cứu, khảo sát, và hợp tác trên các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đã cung cấp các thông tin cần thiết cho cơ quan chức năng ở Trung ương giúp cho việc ký Hiệp định biên giới trên bộ Việt Nam - Trung Quốc ngày 30-12-1999.

Tóm lại: Năm 1999 tình hình an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn được giữ vững, tình trạng buôn lậu và các tai tệ nạn xã hội có xu hướng giảm so với cùng kỳ năm 1998. Tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành tiến hành rà soát bổ sung hoàn

chỉnh các phương án phòng thủ khu vực đi đối với công tác huấn luyện xây dựng lực lượng củng cố thể trận quốc phòng toàn dân gắn với thể trận an ninh nhân dân trên địa bàn phòng thủ, thường xuyên kiểm tra, quản lý, bảo vệ tốt các công trình quốc phòng, an ninh, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu. Tổ chức thành công hội thao thể thao quốc phòng của tỉnh và Đại hội thi đua quyết thắng lực lượng vũ trang tỉnh lần thứ nhất đạt kết quả tốt. Qua tổng kết công tác thi đua khen thưởng năm 1999 nhiều đơn vị, cá nhân thuộc các ngành nội chính đã được tặng cờ, bằng khen, huân huy chương các loại của Chính phủ và tỉnh làm giàu thêm truyền thống cách mạng của địa phương.

Các lực lượng trong khối nội chính đã phối hợp chặt chẽ trong công tác chủ động nắm tình hình, kịp thời làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp xử lý các vấn đề nảy sinh trên địa bàn. Công tác điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án tiến hành khẩn trương, các vụ trọng án được đưa ra xét xử công khai, kịp thời, có ý nghĩa giáo dục tích cực. Các cơ quan liên ngành nội chính của tỉnh đã thống nhất ban hành nghị quyết quy định chế độ giao ban về quản lý thông tin tội phạm, bước đầu đã thu được kết quả.

*** Một số tồn tại trong lĩnh vực này:**

- Công tác nắm tình hình trên địa bàn ở một số huyện, thị và một số ngành chưa sâu, báo cáo chưa kịp thời, có vụ việc thiếu chính xác.

- Công tác giáo dục quốc phòng, chất lượng huấn luyện dân quân tự vệ và tuyên truyền pháp luật trong nhân dân còn nhiều mặt yếu kém.

- Hệ thống thẩm phán ở cấp huyện, thị ít, thiếu ảnh hưởng đến công tác xét xử (hiện nay còn huyện Mường Khương chưa lựa chọn được nhân sự đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán), công tác thi hành án dân sự tiến hành chậm, sự phối hợp giữa cơ quan thi hành án với chính quyền địa phương còn yếu.

- Công tác tiếp dân và giải quyết đơn thư khiếu tố của công dân còn chậm đổi mới theo yêu cầu thực hiện quyền dân chủ của công dân, còn có biểu hiện đùn đẩy trách nhiệm cho nhau.

- Công tác tổ chức phối kết hợp giữa các lực lượng chống buôn lậu với chính quyền các huyện, thị có lúc có nơi chưa chặt chẽ, chưa đồng bộ, còn sơ hở, chồng chéo lên nhau, hiệu quả phối hợp còn thấp.

III. SỰ LÃNH ĐẠO CỦA TỈNH ỦY VỀ CÔNG TÁC NỘI CHÍNH

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về “phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh”, Tỉnh ủy đã chỉ đạo củng cố, kiện toàn hệ thống cơ quan tư pháp từ tỉnh đến huyện, thị: xây dựng quy hoạch đội ngũ cán bộ trong ngành, từng bước nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan tư pháp. Thường xuyên quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo đôn đốc kiểm tra nội dung hoạt động, củng cố các tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ cán bộ trong các cơ quan nội chính từ tỉnh xuống cơ sở. Định hướng nhiệm vụ cho các cơ quan nội chính hoạt động theo đúng chức năng đã được luật pháp quy định. Năm 1999 đã đề nghị Chủ tịch nước bổ nhiệm 24 Thẩm phán (cấp huyện, thị nhiệm kỳ 1999-2004). Trong đó tái bổ nhiệm 16 đồng chí, bổ nhiệm mới 8 đồng chí. Các ngành duy trì luân chuyển cán bộ theo quy chế đã thống nhất ban hành, từng bước nâng cao trách nhiệm của đội ngũ cán bộ chủ chốt ở từng cơ sở, ở từng vị trí công tác.

Thường trực Tỉnh ủy duy trì thường xuyên giao ban nội chính hằng tháng. Tại các kỳ họp đó Thường trực Tỉnh ủy đã nghe báo cáo và thống nhất chủ trương giải quyết, xử lý nhiều vấn đề liên quan đến công tác quốc phòng, an ninh; công tác điều tra, truy tố, xét xử thi hành án; công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại. Đối với các vụ án phức tạp tại địa phương, Thường trực Tỉnh ủy sau khi nghe báo cáo của ngành làm án, đã thống nhất quan điểm, chỉ đạo các ngành thực hiện đúng pháp luật, phù hợp với điều kiện thực tế và phục vụ kịp thời yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của địa phương. Văn phòng Tỉnh ủy đã tiến hành theo dõi nắm bắt tình hình, đôn đốc các cấp, các ngành thực hiện nghiêm chỉnh thông báo, kết luận của Thường trực

Tỉnh ủy; góp phần tạo nên sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ, giải quyết dứt điểm các vụ việc phức tạp.

Trong năm, Tỉnh ủy đã ra Chỉ thị tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quân sự, quốc phòng, chỉ đạo tổng kết 5 năm thực hiện Nghị định 19-CP và Chỉ thị 58-TTg của Thủ tướng Chính phủ về công tác quốc phòng toàn dân, đồng thời tổng kết 4 năm thực hiện Nghị quyết 11-NQ/TW của Bộ Chính trị với Trung ương nghiên cứu một số vấn đề về tổ chức lực lượng và hệ thống tổ chức Đảng trong Bộ đội Biên phòng; đã triển khai quán triệt, học tập và xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia trong tình hình mới.

Năm 1999 dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, các cơ quan ban, ngành khối nội chính đã không ngừng được củng cố, kiện toàn. Tỉnh ủy thường xuyên quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo củng cố cơ quan trong khối nội chính thực hiện đúng chủ trương đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, giữ vững an ninh chính trị, góp phần tạo nên thắng lợi trong việc thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG CÔNG TÁC NỘI CHÍNH NĂM 2000

I. SỰ LÃNH ĐẠO VÀ CHỈ ĐẠO CỦA TỈNH ỦY ĐỐI VỚI CÔNG TÁC NỘI CHÍNH

Thực hiện các các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Chính phủ, Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo và chỉ đạo các cơ quan ban, ngành trong khối nội chính triển khai thực hiện một số nhiệm vụ công tác trọng yếu sau đây:

- Tiếp tục tổ chức huấn luyện bồi dưỡng cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành ở tỉnh và huyện về quan điểm, đường lối chiến tranh nhân dân của Đảng; xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với

thế trận an ninh nhân dân trên địa bàn tỉnh. Thực hiện có hiệu quả chương trình hành động của tỉnh thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia trong tình hình mới.

- Tăng cường sức mạnh phòng thủ, ngăn chặn và đối phó kịp thời với mọi tình huống xảy ra trên địa bàn, phòng chống có hiệu quả chiến lược “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về quốc phòng.

Tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 29-CT/TW về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan bảo vệ pháp luật” và Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về “phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh”.

- Tiếp tục triển khai và thực hiện đồng bộ Chỉ thị 853-CT/TTg về việc tăng cường đấu tranh chống buôn lậu và Chỉ thị 287-CT/TTg của Thủ tướng Chính phủ về công tác bảo vệ rừng. Tăng cường công tác kiểm tra kiểm soát, chống buôn lậu qua biên giới; sắp xếp ổn định dân cư, phát triển kinh tế - xã hội ở 26 xã, phường biên giới.

II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CỦA CÁC NGÀNH NỘI CHÍNH

- Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, các ban cán sự Đảng, đảng đoàn đối với các cơ quan nội chính, đặc biệt thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của Đảng. Củng cố và phát huy hơn nữa mối quan hệ giữa chính quyền với các cơ quan tư pháp và các đoàn thể các cấp.

- Giữ vững an ninh chính trị, an ninh biên giới và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn. Các cơ quan trong khối nội chính chủ động nắm tình hình, tham mưu kịp thời cho cấp ủy và chính quyền trong việc thực hiện Quyết định số 100/1998/QĐ/TTg của Chính phủ về việc áp dụng thí điểm một số chính sách tại một số khu vực cửa khẩu biên giới Lào Cai.

- Tăng cường và nâng cao chất lượng công tác giáo dục pháp luật, thực hiện 100% các xã, phường có tủ sách pháp luật, xây dựng ý thức quốc gia, quốc giới trong nhân dân. Thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp ước biên giới trên bộ do Chính phủ Việt Nam và Trung Quốc đã ký tháng 12 năm 1999; triển khai đồng bộ, thực hiện tốt Nghị định 26-CP của Thủ tướng Chính phủ về công tác tôn giáo trong tình hình mới.

- Thường xuyên nắm vững tình hình cơ sở, phát hiện kịp thời hoạt động của các đối tượng liên quan đến an ninh chính trị, đấu tranh có hiệu quả với các hoạt động cài cắm, móc nối, mua chuộc vào nội bộ ta; tôn trọng tự do tín ngưỡng của nhân dân, nhưng có thái độ đấu tranh kiên quyết với các đối tượng lợi dụng tôn giáo. Thực hiện nghiêm chỉnh các chương trình, kế hoạch của Ban chỉ đạo 184 các cấp.

- Tổ chức tốt công tác tiếp dân, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo và những mâu thuẫn trong nhân dân, không để xảy ra tình trạng khiếu kiện tập thể, vượt cấp. Triển khai có hiệu quả Luật khiếu nại tố cáo của Nhà nước đã ban hành.

Các cơ quan nội chính tăng cường phối hợp chặt chẽ trong công tác phát hiện điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án, tập trung giải quyết dứt điểm xử lý nghiêm minh đối với các vụ xảy ra trên địa bàn, đặc biệt là các vụ trọng án. Phối hợp thực hiện tốt Thông tư 03/LN về việc tiếp nhận, quản lý và xử lý tin báo tội phạm. Cơ quan thi hành án cần phối hợp với các cơ quan nội chính và chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác thi hành án dân sự.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGHĨA VỤ**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 52
Số 497-TB/TU, ngày 14-3-2000

Ngày 13-3-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai họp hội nghị lần thứ 52, dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy đã thống nhất kết luận một số vấn đề như sau:

I. Đảng ủy Bộ đội biên phòng tỉnh

Nhất trí chỉ định bổ sung các đồng chí sau vào Ban Chấp hành Đảng bộ Biên phòng tỉnh:

1. Đồng chí Phạm Đình Phương, Phó chỉ huy tác chiến Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh.
2. Đồng chí Nguyễn Thành Đông, Phó Bí thư chi bộ, Đồn trưởng Đồn Biên phòng 235.

II. Đảng ủy Quân sự tỉnh

Nhất trí chỉ định:

1. Đồng chí Nguyễn Quang Ân, Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Phó chỉ huy trưởng Chính trị giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy Quân sự.
2. Đồng chí Trần Bá Ban, Ủy viên Ban Chấp hành, Chủ nhiệm chính trị giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Quân sự tỉnh.

III. Huyện ủy Than Uyên

- Nhất trí cho Huyện ủy bầu đồng chí Phan Bá Quyết, Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Ban Tổ chức Huyện ủy giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ phân công làm Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy.

- Nhất trí cho Huyện ủy bầu đồng chí Nguyễn Văn Biển, Ủy viên Ban Chấp hành, Phó ban Tổ chức Huyện ủy giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ phân công làm Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy.

IV. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh

Nhất trí chỉ định bổ sung các đồng chí sau vào Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai nhiệm kỳ 1999 - 2004:

1. Đồng chí Bùi Quang Vinh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy giữ chức vụ Bí thư Đảng đoàn.

2. Đồng chí Vũ Ngọc Cừ, Trưởng ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh giữ chức vụ Ủy viên.

3. Đồng chí Hoàng Mịch, Trưởng ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh giữ chức vụ Ủy viên.

4. Đồng chí Hà Thị Nga, Phó ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh giữ chức vụ Ủy viên.

V. Ban cán sự Đảng Ủy ban nhân dân tỉnh

Nhất trí chỉ định các đồng chí sau vào Ban cán sự Ủy ban nhân dân tỉnh:

1. Đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giữ chức vụ Bí thư Ban cán sự.

2. Đồng chí Nguyễn Hữu Vạn, Ủy viên Ban Chấp hành, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giữ chức vụ Ủy viên.

VI. Ban cán sự Đảng Sở Tài chính - Vật giá

- Nhất trí chỉ định đồng chí Hoàng Văn Chinh, Giám đốc Sở giữ chức vụ Bí thư Ban cán sự.

VII. Ban cán sự Đảng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Nhất trí chỉ định các đồng chí sau vào Ban cán sự Sở:

1. Đồng chí Ma Quang Trung, Giám đốc Sở giữ chức vụ Bí thư Ban cán sự.
2. Đồng chí Hoàng Văn Long, Phó Giám đốc Sở giữ chức vụ Ủy viên.
3. Đồng chí Đinh Văn Toàn, Phó Giám đốc Sở giữ chức vụ Ủy viên.

VIII. Ban cán sự Đảng Bưu điện tỉnh

Nhất trí chỉ định đồng chí sau vào Ban cán sự:

1. Đồng chí Nguyễn Văn Sỏi, Ủy viên Ban cán sự, Giám đốc giữ chức vụ Bí thư Ban cán sự.
2. Đồng chí Đoàn Đình Thắng, Trưởng phòng Tổ chức cán bộ - giữ chức vụ Ủy viên.

IX. Ban cán sự Đảng Sở Lao động - Thương binh - Xã hội

Nhất trí chỉ định các đồng chí sau vào Ban cán sự:

1. Đồng chí Phạm Văn Ty, Phó Giám đốc Sở giữ chức vụ Ủy viên.
2. Đồng chí Phùng Thị Bé, Phó Giám đốc Sở giữ chức vụ Ủy viên.

Nhất trí miễn nhiệm chức vụ Ủy viên Ban cán sự Đảng của đồng chí Đặng Kim Trọng, Chủ tịch công đoàn.

X. Ban cán sự Đảng Sở Thương mại - Du lịch

Nhất trí chỉ định các đồng chí sau vào Ban cán sự:

1. Đồng chí Lục Thượng Bình, Phó Giám đốc Sở giữ chức vụ Ủy viên.
2. Đồng chí Nguyễn Quang Đức, Phó Giám đốc Sở giữ chức vụ Ủy viên.

XI. Ban cán sự Đảng Chi cục Kiểm lâm

Nhất trí chỉ định đồng chí Nguyễn Bá Viết, Chi cục phó giữ chức vụ Ủy viên Ban cán sự.

XII. Ban cán sự Đảng Sở Y tế

Nhất trí chỉ định đồng chí Bùi Thị Kim Dung, Phó Giám đốc Sở giữ chức vụ ủy viên Ban cán sự.

XIII. Nâng lương thường xuyên và xếp lại lương

1. Đồng chí Nguyễn Văn Dũng, Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh nâng lương từ bậc 5 ngạch 15110 hệ số 4,47 lên hệ số 4,75 từ ngày 1-9-1999.

2. Đồng chí Nguyễn Đức Độ, Giám đốc Công ty tư vấn xây dựng thủy lợi - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn từ hệ số 4,32 doanh nghiệp hạng III lên 4,6 từ 1-8-1999.

XIV. Cử cán bộ đi học

1. Nhất trí cho đồng chí Đào Duy Thắng, Chuyên viên Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy đi học thạc sĩ ngành Sử học tại Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Nhất trí cử học viên đi học lớp bồi dưỡng Quản lý nhà nước trung cao cấp tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh (có danh sách kèm theo).

XV. Cho cán bộ chuyển công tác

Nhất trí cho đồng chí Hoàng Thị Khoa, Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chuyển công tác về Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam từ ngày 1-4-2000.

XVI. Cho cán bộ nghỉ chế độ

Nhất trí cho đồng chí Phạm Văn Hình, Giám đốc Công ty Xây lắp Thủy lợi - Thủy điện thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nghỉ hưu từ ngày 1-4-2000.

XVII. Hội đồng nghệ thuật tỉnh Lào Cai

- Nhất trí cho đồng chí Giàng Seo Phử, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thôi giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng nghệ thuật tỉnh.

- Bổ sung các đồng chí sau vào Hội đồng nghệ thuật tỉnh:

1. Đồng chí Nguyễn Hữu Vạn, Tỉnh ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nghệ thuật.

2. Đồng chí Nguyễn Ngọc Dương, Chủ tịch Hội văn học - Nghệ thuật giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nghệ thuật.

3. Đồng chí Trần Hữu Sơn, Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin - Thể thao giữ chức vụ Ủy viên.

XVIII. Sắp xếp lại các Ban và cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy (Theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa VIII)

- Kể từ ngày 1- 4- 2000:

1. Giải thể Ban Kinh tế Tỉnh ủy.

2. Sáp nhập Ban Tài chính quản trị vào Văn phòng Tỉnh ủy.

3. Sáp nhập Ban Bảo vệ chính trị nội bộ vào Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

4. Thành lập Phòng Tài chính - Ngân sách Đảng thuộc Văn phòng Tỉnh ủy

5. Thành lập Phòng Bảo vệ chính trị nội bộ thuộc Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

6. Chuyển Trường Chính trị tỉnh về trực thuộc Tỉnh ủy từ 1-5-2000.

- Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy thành lập Hội đồng kiểm kê tài sản gồm: Đại diện Ủy ban Kiểm tra, Ban Tổ chức và Văn phòng kiểm kê tài sản của Ban Tài chính quản trị, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ, Ban Kinh tế, làm thủ tục bàn giao cho Ban Tổ chức và Văn phòng Tỉnh ủy, đồng thời sắp xếp đội ngũ cán bộ xong trước 1-5-2000.

- Giao Ban Tổ chức xây dựng chức năng nhiệm vụ của Ban (bổ sung phần bảo vệ nội bộ) trình Ban Thường vụ phê duyệt.

- Giao cho Văn phòng Tỉnh ủy xây dựng chức năng nhiệm vụ của Văn phòng (bổ sung phần quản lý tài chính - ngân sách) trình Ban Thường vụ duyệt.

- Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng và Trường Chính trị chuẩn bị hồ sơ, tài liệu và tiến hành bàn giao Trường Chính trị về thuộc Tỉnh ủy.

- Các đồng chí Đào Vĩnh, Trưởng ban Kinh tế Tỉnh ủy, đồng chí Nguyễn Văn Thập, Trưởng ban Tài chính quản trị Tỉnh ủy, đồng chí Hoàng Tuấn Khanh, Phó trưởng Ban bảo vệ nội bộ Tỉnh ủy, đồng chí Bùi Hồng Quảng, chuyên viên chính - Ban tài chính - Quản trị Tỉnh ủy được nghỉ từ 2-5-2000 chờ giải quyết chính sách hưu trí.

- Đồng chí Nguyễn Văn Thực, Phó Ban Bảo vệ nội bộ giữ chức vụ Phó Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

XIX. Điều chỉnh địa giới hành chính

Đồng ý về chủ trương tách huyện Bắc Hà thành huyện Si Ma Cai và huyện Bắc Hà; tách các xã: Xuân Hòa thuộc huyện Bảo Yên, xã Gia Phú, thị trấn Phong Hải thuộc huyện Bảo Thắng, xã Nậm Xây, huyện Văn Bàn, xã Tà Mông, xã Mường Kim huyện Than Uyên, xã Mường Khương thuộc huyện Mường Khương, phường Kim Tân thị xã Lào Cai.

- Giao cho Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành có liên quan, các cấp chuẩn bị thủ tục theo quy định hiện hành để trình Chính phủ trước tháng 7-2000.

XX. Chủ trương chỉ định thầu

Nhất trí về chủ trương chỉ định thầu thi công công trình xây dựng đợt I năm 2000 theo Công văn trình số 129-CV/UB, ngày 1-3-2000 và Công văn trình số 149-CV/UB, ngày 10-3-2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh nhắc các ngành có liên quan chấm dứt ngay tình trạng tự chỉ thầu trước xin ý kiến Ban Thường vụ và Ủy ban nhân dân tỉnh sau.

XXI. Công tác thi đua khen thưởng

Nhất trí Tờ trình số 151-CV/UB, ngày 10-3-2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh về đề nghị Nhà nước khen thưởng và tặng Cờ toàn diện cho các đơn vị có trong danh sách. Riêng 2 trường hợp sau:

1. Không đề nghị Nhà nước tặng Huân chương lao động hạng III cho đồng chí Hoàng Văn Điền, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh.

2. Không đề nghị Chính phủ tặng Cờ luân lưu cho huyện Bát Xát, Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng Cờ cho huyện này.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
TẠI PHIÊN HỌP GIAO BAN NGÀY 20-3-2000
Số 507-TB/TU, ngày 24-3-2000

Ngày 20-3-2000, Thường trực Tỉnh ủy giao ban với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao - Bí thư Tỉnh ủy đã thống nhất kết luận như sau:

- Tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp có nhiều thuận lợi, Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp tục chỉ đạo các ngành, các cấp tập trung sản xuất kịp thời vụ, đặc biệt chú ý việc cung ứng vật tư, phân bón, giống cho nông dân:

- Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét lại dự án xây dựng nhà máy nước dứa cô đặc trình Ban Thường vụ quyết định.

- Theo ý kiến của Ban Tổ chức cán bộ Chính phủ, giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tiến hành làm các thủ tục trình Chính phủ về việc chia huyện Bắc Hà thành huyện Si Ma Cai và huyện Bắc Hà, đồng thời chỉ đạo các ngành và huyện Bắc Hà phối hợp với Bộ Xây dựng tiến hành xây dựng quy hoạch khu vực huyện lỵ Si Ma Cai, chỉ đạo Công ty cấp thoát nước khảo sát các nguồn nước để thiết kế cấp nước cho huyện lỵ Si Ma Cai trước một bước. Tạm đình chỉ việc xây dựng Bệnh viện Si Ma Cai để lựa chọn địa điểm mới theo quy hoạch. Các huyện khác tạm dừng việc chuẩn bị chia xã theo Thông báo số 497-TB/TU, ngày 14-3-2000 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

- Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét việc Đãi Phát thanh - Truyền hình tỉnh xin tăng thời lượng và chương trình truyền hình, trình Ban Thường vụ quyết định.

- Đồng ý cho Trung tâm nghiên cứu, hỗ trợ và phát triển năng lực phụ nữ cộng đồng các dân tộc thiểu số Việt Nam mở phòng đại diện tại huyện Bắc Hà. Yêu cầu chấp hành nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Đồng ý trồng cây ở Đền Hùng theo sự chỉ đạo của Trung ương.

- Đồng ý cho Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy mở hội nghị phổ biến về Hiệp ước biên giới trên bộ Việt Nam - Trung Quốc theo Tờ trình số 18-CV/TC, ngày 13-3-2000 của Ban Tuyên giáo. Thành phần mời thêm các Bí thư, Chủ tịch các xã thuộc huyện Mường Khương;

- Ủy ban nhân dân tỉnh tập trung giải quyết các đơn thư liên quan đến việc giải thể Công ty vật liệu xây dựng, ổn định sản xuất ở Nông trường Thanh Bình và những khiếu kiện ở thị xã Lào Cai, huyện Bảo Thắng, thị xã Cam Đường.

- Giao cho Văn phòng Tỉnh ủy tiếp nhận tài sản từ Ban Kinh tế Tỉnh ủy, Ban Tài chính quản trị, lập phương án sử dụng trình Ban Thường vụ quyết định.

- Các huyện, các cơ quan xin kinh phí mua sắm, viết sách phải đưa vào kế hoạch hàng năm theo quy định của luật ngân sách.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 509-TB/TU, ngày 28-3-2000

Về kết luận tại cuộc họp giao ban ngày 27-3-2000

Ngày 27-3-2000, Thường trực Tỉnh ủy họp giao ban với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, đã thống nhất kết luận như sau:

1. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh nghe Sở Công nghiệp báo cáo lại tính khả thi của Dự án nước dừa cô đặc và báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét quyết định; tiến hành sắp xếp lại sản xuất đối với Xí nghiệp gạch tuynen theo đúng sự chỉ đạo của Ban Thường vụ tại cuộc họp quý III năm 1999.

2. Hội Liên hiệp khoa học Công nghệ tài nguyên khoáng Hà Nội không đủ các điều kiện để khai thác quặng sắt Na Lốc, giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh kiểm tra và thu hồi lại giấy phép khai thác của Hội.

3. Những công trình 135 trong kế hoạch năm 1999 đã hoàn thành hoặc sắp hoàn thành, cần tiến hành kiểm tra kỹ về nội dung yêu cầu kỹ thuật và cho thanh quyết toán. Công trình nào chưa khởi công hoặc chưa được phê duyệt thì có thể chuyển sang năm 2000, kiên quyết không quyết toán các công trình chưa thực hiện đầy đủ các yêu cầu theo quy định.

4. Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh kiểm tra lại vụ chiến sĩ biên phòng bị cướp súng tại km1 ngày 21-3-2000, phối hợp với các cơ quan

chức năng làm rõ vụ việc và rút kinh nghiệm nghiêm túc trong lãnh đạo về việc báo cáo không kịp thời vụ việc trên.

5. Đồng ý cho thành lập Hội Khoa học kỹ thuật tỉnh trên cơ sở không tăng biên chế, không xây dựng trụ sở. Giao cho đồng chí Nguyễn Hữu Vạn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch và trình Ban Thường vụ phê duyệt.

Trên đây là kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban, yêu cầu các cơ quan có liên quan căn cứ để thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ GIAO BAN THƯỜNG TRỰC
BA BÊN NGÀY 27-3-2000

Số 511-TB/TU, ngày 28-3-2000

Ngày 27-3-2000, Thường trực Tỉnh ủy đã tiến hành Hội nghị giao ban với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh. Sau khi nghe đồng chí Triệu Viết Hanh, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh báo cáo kết quả kiểm sát về hoạt động thu phí, lệ phí tại cửa khẩu Lào Cai và đề xuất một số biện pháp giải quyết, nghe các đồng chí Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phát biểu ý kiến thảo luận, đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì Hội nghị đã kết luận như sau:

1. Nhất trí với những đề xuất của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh về việc ban hành văn bản kháng nghị, kiến nghị các cơ quan chức năng để hướng dẫn giải quyết những tồn tại, vướng mắc, chống thất thu ngân sách, tạo điều kiện thuận lợi cho người và hàng hóa xuất nhập khẩu qua biên giới được thuận tiện, nhanh chóng.

2. Giao cho Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh phối hợp cùng với các cơ quan chức năng để tổ chức thực hiện có hiệu quả theo các phương án đã nêu trong Báo cáo số 333, ngày 17-3-2000 của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh.

Trên đây là kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban, yêu cầu các cơ quan có liên quan căn cứ để thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG VỤ NGÀY 30-3-2000

Số 513-TB/TU, ngày 31-3-2000

Ngày 30-3-2000, Ban Thường vụ tiến hành Hội nghị lần thứ 53 dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao - Bí thư Tỉnh ủy, đã thống nhất kết luận một số nội dung như sau:

1. Về thực hiện nội dung còn lại trong chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Đảng bộ khóa II

Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành có liên quan tổng kết đánh giá thật sâu sắc một số chuyên đề quan trọng để phục vụ cho Đại hội Đảng bộ khóa III sắp tới, trong đó làm rõ những kết quả đạt được, những tồn tại yếu kém, nguyên nhân và tìm các giải pháp khắc phục. Những chuyên đề này sẽ được trình ra Ban Chấp hành tại kỳ họp cuối tháng 4 và đầu tháng 7 năm 2000. Cụ thể nội dung của 2 kỳ họp này là:

- Kỳ họp Ban Chấp hành lần thứ 21 (tháng 4-2000):
 - + Đánh giá tình hình Phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ ở Lào Cai (Sở Giáo dục và Đào tạo chuẩn bị).
 - + Quán triệt chỉ thị của Trung ương về Đại hội khóa III nhiệm kỳ 2001 - 2005, định hướng cho Đại hội và thành lập các tiểu ban phục vụ Đại hội.
 - + Sơ kết quý I.

- Kỳ họp Ban Chấp hành lần thứ 22 (tháng 7-2000).

+ Đánh giá thực hiện Nghị quyết chuyển dịch cơ cấu kinh tế của Tỉnh ủy (Ủy ban nhân dân tỉnh chuẩn bị). Phương hướng kế hoạch phát triển kinh tế 2001 - 2005 (Ủy ban nhân dân tỉnh).

Đánh giá thực hiện Nghị quyết phát triển kinh tế du lịch (Sở Thương mại - Du lịch), kinh tế đối ngoại (Văn phòng Tỉnh ủy), xây dựng cơ sở chính trị xã, phường vững mạnh (Ban Tổ chức Tỉnh ủy).

2. Về dự án nước dừa cô đặc

Tạm hoãn việc xây dựng nhà máy. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành có liên quan tiếp tục tìm kiếm thị trường, đối tác, khi nào có điều kiện sẽ xem xét để xây dựng nhà máy. Trước mắt tạm dừng trồng 600 ha dừa kế hoạch 2000 để chuyển sang trồng rừng. Giao cho Ủy ban nhân dân thị xã làm đầu mối bàn với phía Trung Quốc để giúp tiêu thụ sản phẩm dừa cho tỉnh.

3. Về chỉ định và đấu thầu 11 công trình xây dựng cơ bản

a) Nhất trí chỉ định thầu đối với các công trình sau:

- Tư vấn lập dự án đầu tư công trình đường vào 2 đầu cầu Phố Mới thị xã Lào Cai giao cho Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn xây dựng Hồng Hà.

- Tư vấn khảo sát thiết kế kỹ thuật đường Si Ma Cai - Sín Chéng-Bắc Hà giao cho Công ty tư vấn giao thông Lào Cai. Xây dựng mới đường dây 10 kV + 4 kV, trạm biến áp M1 Phố Mới giao cho Công ty Cơ khí và xây lắp công nghiệp Lào Cai.

Trạm biến áp M3 đường dây 20 kV, đường dây 0,4 kV Phố Mới giao cho Công ty Cấp thoát nước Lào Cai.

- Đường Si Ma Cai - Nàn Sín giao cho Xí nghiệp Sông Thao - Công ty Tây Bắc.

- Tư vấn thiết kế kỹ thuật công trình cấp nước sinh hoạt xã Thanh Phú (Sa Pa), San Sả Hồ (Sa Pa) và Bản Vược (Bát Xát) giao cho Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi và phát triển nông thôn Lào Cai.

b) 5 công trình còn lại thực hiện đấu thầu theo đúng quy định gồm:

- Bổ sung chợ Phố Mới, thị xã Lào Cai
- Ngoại thất, ga ra xe đạp Trung tâm dạy nghề và giới thiệu việc làm tỉnh.
- Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc Đội quản lý thị trường huyện Sa Pa.
- Dịch chuyển trạm biến áp T8, xây dựng mới trạm biến áp M2 phường Phố Mới.
- Đường La Pán Tẩn - Mường Lum.

4. Đồng ý dự thảo quy định về việc cho Giám đốc (hoặc Phó Giám đốc) doanh nghiệp nhà nước của tỉnh Lào Cai khi có nhu cầu sang Trung Quốc đi về trong ngày như Tờ trình số 201-TT/UB, ngày 29-3-2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Giao cho Ủy ban nhân dân chỉ đạo theo dõi, nắm lịch trình cũng như nội dung làm việc của các doanh nghiệp và định kỳ báo cáo về Tỉnh ủy.

5. Đồng ý cho đồng chí Đỗ Văn Tích, Bí thư Đảng đoàn, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ tỉnh Lào Cai tham gia Ủy viên Ban Chấp hành Hội Chữ thập đỏ Việt Nam khóa VII.

6. Đồng ý nâng lương cho đồng chí Bùi Hồng Quảng (Ban Tài chính - Quản trị Tỉnh ủy) từ 4,19 lên 4,47 từ ngày 1-4-2000.

7. Giao Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chỉ đạo phát động phong trào “Toàn dân rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại”, theo đúng tinh thần chỉ đạo của Ban Khoa giáo Trung ương tại Công văn số 1154-CV/BKGTW, ngày 22-3-2000.

8. Ban Thường vụ ủy nhiệm cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức trồng cây ở Đền Hùng theo đúng quy định của cấp trên.

Trên đây là một số kết luận của Ban Thường vụ, các cơ quan đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
TẠI PHIÊN HỌP NGÀY 7-4-2000

Số 516-TB/TU, ngày 7-4-2000

Ngày 7-4-2000, Thường trực Tỉnh ủy họp với lãnh đạo Thị ủy, Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai. Sau khi nghe báo cáo, Thường trực Tỉnh ủy đã thảo luận và thống nhất kết luận như sau:

1. Về việc chấn chỉnh kinh doanh nhà hàng karaoke:

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai tiếp tục kiểm tra hết các nhà hàng karaoke trên địa bàn thị xã, lập báo cáo chi tiết gửi Thường trực Tỉnh ủy, trong đó chú ý nêu rõ số cán bộ, đảng viên có vợ con kinh doanh karaoke để tỉnh có biện pháp xử lý.

- Thị ủy Ủy ban nhân dân thị xã phối hợp với Sở Văn hóa - Thông tin - Thể thao và Sở Lao động - Thương binh - Xã hội kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của những cán bộ trực tiếp tham gia vào việc chuẩn bị hồ sơ, cấp phép kinh doanh và xác nhận hợp đồng lao động cho các nhà hàng karaoke không đúng quy định của pháp luật, kỷ luật thật nghiêm minh những người vi phạm.

- Kinh doanh nhà hàng karaoke không phù hợp với truyền thống văn hóa và phong tục tập quán của nhân dân các dân tộc tỉnh Lào Cai, đồng thời dễ nảy sinh tệ nạn xã hội nên tỉnh không khuyến khích phát triển, do vậy những nhà hàng không đủ điều kiện kinh doanh đã tạm đình chỉ nay không cấp giấy phép nữa; những nhà hàng còn

đủ điều kiện kinh doanh thì phải quản lý thật chặt chẽ theo quy định của pháp luật.

- Xử lý nghiêm những vụ vi phạm đã phát hiện và vụ án chứa mại dâm ở nhà nghỉ Thủy Sơn.

2. Đồng ý cho thương nhân Trung Quốc tổ chức khai trương cửa hàng tại chợ Phố Mới. Ủy ban nhân dân thị xã phối hợp với Sở Thương mại - Du lịch hướng dẫn và quản lý chặt chẽ.

3. Đồng ý điều chuyển xe ô tô TOYOTA 12 chỗ mang biển số 24C-0129 của Thị ủy Lào Cai cho Công ty Môi trường đô thị Lào Cai theo hình thức chuyển tài sản ghi tăng giảm vốn.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
TẠI CUỘC HỌP NGÀY 24-4-2000
Số 521-TB/TU, ngày 24-4-2000

Ngày 24-4-2000, Thường trực Tỉnh ủy Lào Cai họp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, đã thống nhất kết luận như sau:

- Đồng ý về chủ trương cho Công ty Việt - Mỹ lập dự án thuê 100 ha đất ở Sa Pa để trồng cây ôn đới, cây dược liệu. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa và các ngành chức năng giúp Công ty Việt - Mỹ lập dự án, xác minh nắm chắc năng lực của Công ty và xem xét dự án trình Ban Thường vụ cho ý kiến trước khi phê duyệt. Chưa đồng ý cho Công ty Việt - Mỹ thuê đất và mua bất động sản khu vực Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện và Phòng tài chính huyện Sa Pa. Việc cử cán bộ đi học quản lý kinh tế do Công ty Việt - Mỹ tài trợ, cần xem xét kỹ về chương trình học, và cử đối tượng đi học cho phù hợp.

- Đồng ý cho các hộ kinh doanh Trung Quốc tổ chức khai trương bán hàng vào ngày 29-4-2000 tại chợ Phố Mới và cho ưu đãi về thuế nhập khẩu trong thời hạn 5 ngày với giá trị lô hàng tương đương 15 triệu đồng/1 thương nhân trong 1 ngày.

Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể về tổ chức khai trương và mức miễn giảm thuế.

- Đồng ý hỗ trợ cho Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh 15 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh để viết Lịch sử quân và dân tỉnh Lào Cai trong cuộc kháng chiến chống Mỹ 1954-1975.

- Yêu cầu các ngành trong khối nội chính tập trung giải quyết sớm các vụ án: nhà nghỉ Thủy Sơn, vụ gây tử vong ở Bệnh viện tỉnh, các vụ án giết người ở Bắc Hà, Mường Khương, khiếu kiện ở Nông trường Thanh Bình.

- Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh làm văn bản báo cáo Chính phủ về việc Bộ Thương mại cấm lưu thông thảo quả.

- Nhất trí nâng lương cho đồng chí Vũ Xuân Ngải, nguyên Phó Giám đốc Sở Thương mại - Du lịch và đồng chí Tạ Văn Kinh, Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

- Nhất trí cho các cán bộ y tế làm nhiệm vụ bảo vệ sức khỏe cho cán bộ được hưởng phụ cấp trách nhiệm nghề nghiệp hệ số 0,3.

Thừa lệnh Ban Thường vụ xin thông báo để các cơ quan và cá nhân liên quan thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 54
Số 522-TB/TU, ngày 27-4-2000

Ngày 25, 26-4-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp Hội nghị lần thứ 54. Đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì Hội nghị. Sau khi nghe đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy báo cáo một số nội dung về công tác tổ chức cán bộ, các đồng chí trong Ban Thường vụ đã thảo luận và thống nhất kết luận như sau:

1- Đề bạt cán bộ:

- Nhất trí đề nghị của Tổng Công ty Bưu chính viễn thông, đề bạt đồng chí Mai Lương Thuấn, Trưởng Phòng kế hoạch - quản lý - đầu tư - xây dựng cơ bản Bưu điện tỉnh Lào Cai, giữ chức vụ Phó Giám đốc Bưu điện tỉnh Lào Cai.

- Nhất trí đề nghị của Tổng Công ty hóa chất Việt Nam, bổ nhiệm đồng chí Vũ Quang Tụng giữ chức Giám đốc Công ty Apatit Việt Nam, thay đồng chí Hoàng Văn Liễu chuyển vùng công tác.

- Chỉ định bổ sung đồng chí Vũ Quang Tụng vào Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Đảng ủy.

2- Nhất trí giải quyết cho đồng chí Nguyễn Tiến Dũng, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bảo Yên đi học hệ tại chức (đào tạo Thạc sĩ) tại Trường Đại học Nông lâm Thái Nguyên.

3- Nhất trí bảo lưu hệ số tiền lương 5,2 và 0,35 cho đồng chí Đặng Văn Luy, nguyên Trưởng ban Kinh tế ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai, khóa II, để giải quyết chế độ nghỉ hưu.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ, quyền hạn thực hiện Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 21-CT/TU, ngày 8-5-2000

Về việc diễn tập khu vực phòng thủ huyện Bảo Thắng

Thực hiện Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị và các nghị quyết, chỉ thị, nghị định của Đảng, Nhà nước, Chính phủ về nhiệm vụ quốc phòng an ninh;

Để tiếp tục nâng cao trình độ, năng lực công tác lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, quản lý điều hành của chính quyền và năng lực tham mưu của các ban ngành, đoàn thể và trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang trong khu vực phòng thủ;

Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức chuẩn bị và thực hành diễn tập khu vực phòng thủ huyện Bảo Thắng năm 2000. Đề mục diễn tập: “Chuyển địa phương từ hoạt động thời bình sang hoạt động thời chiến. Tổ chức đánh địch tiến công bằng đường bộ và địch đổ bộ đường không giữ vững khu vực phòng thủ của huyện”.

Để cuộc diễn tập đạt được kết quả cao, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cơ quan, ban ngành, đoàn thể của tỉnh, Ban Thường vụ Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Công an, Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh và các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan phối kết hợp chặt chẽ, xây dựng các văn kiện bảo đảm cho cuộc diễn tập đạt kết quả tốt. Đồng thời giúp đỡ, hướng dẫn huyện Bảo Thắng thực hành diễn tập theo đúng ý định chỉ đạo của tỉnh.

2. Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng làm tốt công tác chuẩn bị, tổ chức thực hành diễn tập sát với tình hình thực tế của địa phương. Quá trình diễn tập vận dụng sáng tạo các quan điểm, tư tưởng của Đảng, đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào nhiệm vụ quốc phòng - an ninh để giải quyết hiệu quả các vấn đề đặt ra trong diễn tập.

3. Quá trình chuẩn bị và thực hành diễn tập phải tuyệt đối giữ bí mật, bảo đảm an toàn, tiết kiệm, chuẩn bị tốt nội dung, địa điểm, cơ sở vật chất và phải tổ chức luyện tập kỹ trước khi bước vào diễn tập. Sẵn sàng chiến đấu cao, không gây ảnh hưởng lớn đến thực hiện các nhiệm vụ khác của địa phương.

4. Kết quả sau diễn tập tiếp tục đẩy mạnh xây dựng khu vực phòng thủ củng cố thế trận quốc phòng - an ninh ngày càng vững chắc, giải quyết kịp thời có hiệu quả các tình huống xảy ra, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế

5. Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập ban chỉ đạo diễn tập do đồng chí Phó Chủ tịch làm trưởng ban có sự tham gia của đồng chí Bí thư Huyện ủy, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bảo Thắng, một số đồng chí lãnh đạo của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể của tỉnh để theo dõi, chỉ đạo chặt chẽ cuộc diễn tập.

Thời gian diễn tập: Vào cuối tháng 6-2000.

(Thời gian cụ thể do Ban chỉ đạo quyết định).

Nhận được Chỉ thị này Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh Huyện ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện bảo Thắng nghiên cứu quán triệt, tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả với Thường trực Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 80-BC/TU, ngày 9-5-2000

Kết quả bước đầu thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của Đảng bộ tỉnh Lào Cai

Thực hiện các kế hoạch của Bộ Chính trị, hướng dẫn của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương về triển khai, quán triệt, học tập Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Đảng bộ tỉnh Lào Cai đã tiến hành triển khai thực hiện nghị quyết như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT Ở CÁC CẤP

Tỉnh ủy đã chỉ đạo triển khai, thực hiện Nghị quyết tuần tự, từng bước theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị và kế hoạch đã xây dựng của tỉnh.

1. Bước một, được tổ chức thực hiện từ 19-5 đến 2-9-1999

Ở cấp tỉnh: Sau khi tiếp thu nghị quyết, Ban Thường vụ chỉ đạo các ban xây dựng Đảng chuẩn bị tài liệu, xây dựng kế hoạch và chương trình hành động thực hiện nghị quyết. Từ ngày 25 đến 28-6-1999. Tỉnh ủy tổ chức Hội nghị triển khai, học tập nghị quyết cho gần 300 cán bộ, đảng viên với thành phần: Các đồng chí Tỉnh ủy viên, Bí thư Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, Trưởng, phó ban ngành, đoàn thể, các

tổ chức chính trị xã hội trực thuộc, Trưởng phó phòng và các chuyên viên chính các ban xây dựng Đảng. Tại Hội nghị này, đồng chí Bí thư đã trực tiếp truyền đạt, giới thiệu những nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), tập trung vào 6 nguyên tắc, 10 nhiệm vụ, đồng thời cũng là 10 giải pháp cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng hiện nay. Quán triệt một số quy định của Bộ Chính trị và của Chính phủ về công tác cán bộ, công tác kiểm tra, những điều đảng viên không được làm, những quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng... dành 1,5 ngày để thảo luận, trao đổi ý kiến nhằm thống nhất về nhận thức, kế hoạch hình thức, bước đi tổ chức thực hiện nghị quyết. Trong quá trình thực hiện nghị quyết, các đồng chí trong Ban Thường vụ đã mở nhiều hội nghị để xây dựng bản kiểm điểm tập thể và cá nhân, đã mở 3 hội nghị thảo luận đóng góp ý kiến vào bản kiểm điểm của tập thể. Sau hội nghị cán bộ tỉnh, Ban Thường vụ đã mở hội nghị lấy ý kiến đóng góp của cán bộ trung cao cấp nghỉ hưu trên địa bàn tỉnh vào báo cáo kiểm điểm của tập thể Ban Thường vụ và cá nhân các ủy viên Ban Thường vụ; đồng thời gửi văn bản xuống cấp dưới và lấy ý kiến và đã được tất cả 15 huyện, thị, đảng ủy trực thuộc, 66 đảng đoàn, các ban cán sự Đảng và các ngành đóng góp ý kiến một cách thẳng thắn với tinh thần xây dựng và trách nhiệm cao. Trên cơ sở đó Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã viết lại kiểm điểm 5 lần trình Bộ Chính trị cho ý kiến để kiểm điểm.

Cấp huyện, thị, đảng ủy trực thuộc: Sau Hội nghị cán bộ tỉnh, đến hết tháng 8, các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc đã lần lượt mở hội nghị triển khai, học tập nghị quyết, với thành phần được xác định: Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân huyện, thị, Trưởng ban Tổ chức, Ban Tuyên giáo, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, Trưởng Ban Tổ chức chính quyền, Giám đốc Trung tâm chính trị. Các hội nghị đã được giới thiệu, quán triệt nội dung cơ bản trong nghị quyết và dành thời gian thỏa đáng để thảo luận những vấn đề quan trọng, cấp bách. Các đơn vị đều xây dựng kế hoạch, chương trình hoạt động triển khai, thực hiện nghị quyết và

được Ban Thường vụ Tỉnh ủy dành nhiều thời gian xét duyệt, cho ý kiến chỉ đạo trước khi mở hội nghị.

Đối với cấp xã, phường thị trấn: từ tháng 8 đến tháng 12-1999, các tổ chức cơ sở đảng cấp xã, phường đã lần lượt tổ chức triển khai, học tập nghị quyết với thời gian 2 ngày cho cán bộ, đảng viên, 100% các tổ chức cơ sở đảng đều xây dựng kế hoạch và chương trình hành động thực hiện nghị quyết.

2. Bước hai: Được thực hiện từ ngày 2-9-1999 đến 3-2-2000

Cấp tỉnh: Từ ngày 15 đến 21-1-2000, Ban Thường vụ họp kiểm điểm tập thể và cá nhân các Ủy viên Ban Thường vụ theo đúng chỉ đạo của Trung ương, có thành phần các Ban xây dựng Đảng ở Trung ương về dự. Trong bước 2, tỉnh đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương lần thứ 7 (khóa VIII), tổ chức kỷ niệm 30 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, kiểm điểm, liên hệ việc thực hiện 5 lời thề khi tiễn biệt Người, đồng thời đẩy mạnh các phong trào thi đua lập thành tích chào mừng kỷ niệm các ngày lễ trong năm 2000.

Gắn với việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), Ban Thường vụ đã chỉ đạo cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân ba cấp: tỉnh, huyện, xã; lựa chọn những đại biểu thật sự được dân tin tưởng, quý mến, có uy tín trong đời sống chính trị và xã hội, có năng lực lãnh đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở địa phương. Đối với trường hợp có đơn thư tố cáo, tỉnh xem xét cụ thể, xử lý kịp thời, bảo đảm tính khách quan, trung thực; kiên quyết không đưa trường hợp có vấn đề chưa được làm rõ tham gia đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Do vậy, tỷ lệ nhân dân đi bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân ở các cấp vừa qua đạt cao (80% trở lên).

Đảng bộ đã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII) về tổ chức bộ máy Đảng và Nhà nước, tổ chức học tập *Di chúc* của Bác Hồ và kiểm điểm việc thực hiện 5 lời thề của Đảng ta khi tiễn biệt Người ở tất cả các cấp, các địa phương.

Công tác bồi dưỡng kết nạp đảng viên mới nhân dịp Đảng ta tròn 70 tuổi được các Đảng bộ, các tổ chức cơ sở đảng quan tâm, xem xét. Trong bước 2, toàn Đảng bộ đã kết nạp được 383 đảng viên, trong đó giảm 20 thôn, bản trước đây không có đảng viên.

Việc học tập *Di chúc* của Bác và lời thề của Đảng ta đối với Bác đã làm cho cán bộ, đảng viên có nhận thức sâu sắc một bước về phẩm chất đạo đức cách mạng, lối sống, phong cách, tính mẫu mực của Bác trong sự nghiệp cách mạng; bác là tấm gương soi sáng cho các thế hệ người Việt Nam noi theo, đặc biệt là cán bộ, đảng viên. Thông qua đó, thấy rõ trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên là không ngừng tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống, phong cách của người đảng viên cộng sản; đồng thời tiếp tục kiên định và khẳng định con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta lựa chọn là duy nhất đúng đắn, thực hiện thắng lợi trọn vẹn lời thề khi tiến biệt Người, không ngừng xây dựng, củng cố Đảng ta ngày càng lớn mạnh, vững vàng trước mọi thử thách của thời đại, của thực tiễn đặt ra.

Đối với cấp huyện, thị, đảng ủy trực thuộc: Tỉnh chỉ đạo các tập thể Ban Thường vụ, các ban cán sự Đảng, Đảng đoàn và cá nhân cán bộ, đảng viên thuộc diện tỉnh quản lý xây dựng báo cáo, kiểm điểm thực hiện tự phê bình và phê bình. Trước khi mở hội nghị, tỉnh đã duyệt các báo cáo kiểm điểm tập thể và gợi ý kiểm điểm cho tập thể các đảng bộ huyện, thị và cá nhân cán bộ, đảng viên diện tỉnh quản lý. Đến nay đã có 12 huyện, thị, đảng ủy trực thuộc kiểm điểm xong là các Đảng bộ: Bắc Hà, Mường Khương, Văn Bàn, Bảo Yên, Bảo Thắng, Than Uyên, Đảng ủy các cơ quan tỉnh, Đảng ủy Biên phòng tỉnh, Thị ủy Lào Cai, Thị ủy Cam Đường, Sa Pa, Bát Xát; và 10 ban cán sự Đảng, Đảng đoàn, Đảng ủy và Chi bộ các ngành cấp tỉnh. Có 7 đơn vị đang gợi ý kiểm điểm cho cơ sở, đó là: Thị ủy Lào Cai, Huyện ủy Mường Khương, huyện ủy Bắc Hà, Than Uyên, Văn Bàn, Bảo Yên, Bảo Thắng và có 148/547 tổ chức cơ sở đảng đã thực hiện kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

Đối với cấp xã, phường, thị trấn: Hiện nay đang xúc tiến xây dựng báo cáo kiểm điểm để hoàn thành bước 2 vào 19-5-2000.

3. Bước ba, thực hiện từ 3-2-2000 đến 19-5-2001

Đây là bước hoàn thành cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Từ nay đến 19-5-2000, tập trung chỉ đạo, tổ chức kiểm điểm ở các cấp để hoàn thành bước 2. Từ sau 19-5-2000, Đảng bộ cần tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ như: Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động, xây dựng chỉnh đốn Đảng tiến tới đại hội Đảng các cấp, kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2000, tổ chức tốt Đại hội thi đua năm 2000, tăng cường công tác bồi dưỡng, kết nạp đảng viên mới, đặc biệt chú ý những thôn, bản chưa có đảng viên.

II. ĐÁNH GIÁ VIỆC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) được tổ chức triển khai, học tập rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và quần chúng ở tất cả các cấp từ Trung ương đến cơ sở. Qua tổ chức học tập, kiểm điểm tự phê bình và phê bình ở tỉnh và một số Đảng bộ huyện, thị, đảng ủy trực thuộc nổi lên một số ưu, khuyết điểm chính như sau:

1. Ưu điểm

- Chính trị tư tưởng: Qua kiểm điểm ở tỉnh và một số đơn vị trực thuộc và cá nhân đảng viên cho thấy, chính trị tư tưởng của đội ngũ cán bộ đảng viên cơ bản tốt, ổn định, tin tưởng sự lãnh đạo, đường lối đổi mới của Đảng, giữ vững bản lĩnh chính trị của giai cấp công nhân, đại bộ phận cán bộ, đảng viên không bi quan, dao động, hoài nghi, không có hành động trái quan điểm, trái nguyên tắc của Đảng.

- Đạo đức, lối sống: Đại bộ phận cán bộ, đảng viên đã được kiểm điểm đều có đạo đức lối sống tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định và trung thành với Đảng, với Tổ quốc; giữ vững được phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh, khiêm tốn, giản dị, không sa ngã trước

sự cảm dỗ của vật chất. Có ý thức trách nhiệm, đối với công việc và tinh thần chịu đựng gian khổ, quan tâm chăm lo sự nghiệp chung, đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực, phát huy truyền thống đoàn kết thống nhất nội bộ.

- Về tổ chức và sự chỉ đạo điều hành: Cơ bản là phát huy được truyền thống đoàn kết nội bộ, tổ chức lãnh đạo và chỉ đạo và điều hành thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Các nghị quyết, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước được tổ chức, triển khai thực hiện đem lại hiệu quả thiết thực. Các mục tiêu kinh tế - xã hội, văn hóa - giáo dục phát triển, quốc phòng và an ninh được giữ vững, ổn định. Vai trò lãnh đạo của Đảng, sự điều hành, quản lý của chính quyền các cấp được tăng cường.

2. Khuyết điểm

- Chính trị tư tưởng: Trong đội ngũ cán bộ đảng viên còn có nơi, có lúc có cán bộ kém tu dưỡng, rèn luyện nên còn biểu hiện thiếu tin tưởng đường lối, hoài nghi, tính lãnh đạo, tính chiến đấu của người đảng viên không rõ. Một số ít đảng viên có biểu hiện lối sống thực dụng, nhận thức chính trị thấp, chủ quan, mất cảnh giác. Một số cấp ủy, ban cán sự Đảng, Đảng đoàn trực thuộc nhận thức chưa đúng đắn, đầy đủ về tầm quan trọng của nghị quyết, nên còn có tư tưởng trông chờ cấp trên, làm luớt. Trong kiểm điểm có nơi còn nể nang, hữu khuynh, tính trung thực, xây dựng, góp ý với đồng chí chưa cao.

- Đạo đức, lối sống: Còn có tư tưởng hữu khuynh nể nang, né tránh trong đấu tranh phê bình, quan liêu, chủ quan, đấu tranh tự phê bình và phê bình xuôi chiều. Một số cán bộ, đảng viên vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ, độc đoán, gia trưởng. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và gia đình chưa gương mẫu, bộ phận khác lợi dụng chức quyền, vụ lợi cá nhân, có lối sống thực dụng, buông thả, vi phạm luật hôn nhân gia đình.

- Trong tổ chức và sự chỉ đạo điều hành: đã đạt được những thành tích quan trọng, song còn bộc lộ một số yếu kém trong lãnh đạo và chỉ đạo của các cấp, các ngành, các địa phương. Đó là:

+ Còn lúng túng trong chỉ đạo phát triển kinh tế - xã hội như: chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển du lịch - dịch vụ, chuyển đổi cơ cấu hợp tác xã nông nghiệp theo Luật hợp tác xã.

+ Việc nắm và xử lý một số công việc còn kéo dài, lúng túng như vấn đề lợi dụng tín ngưỡng tôn giáo, tuyên truyền đạo trái phép, di dịch cư tự do diễn ra phức tạp ở nhiều huyện.

+ Việc chỉ đạo, lãnh đạo tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất, kinh doanh để các doanh nghiệp quốc doanh vươn lên giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế của tỉnh còn chậm, chưa tạo ra được cơ chế chính sách bao tiêu sản phẩm cho người sản xuất.

+ Việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện một số nghị quyết của Trung ương, chủ trương, chính sách của Nhà nước và nghị quyết của Đảng bộ còn lúng túng thiếu biện pháp cụ thể, thiết thực. Tính năng động sáng tạo trong chỉ đạo, điều hành của một số cấp ủy còn có tư tưởng ỷ lại, trông chờ.

III. KẾT QUẢ BƯỚC ĐẦU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 6 (LẦN 2)

* Cấp tỉnh:

Ban Thường vụ đã tập trung kiểm điểm trên 3 lĩnh vực: chính trị - tư tưởng; đạo đức - lối sống; tổ chức và sự chỉ đạo điều hành. Quá trình tổ chức triển khai học tập, thực hiện Nghị quyết đã làm chuyển biến một bước quan trọng trong nhận thức tư tưởng của cán bộ, đảng viên, nhân dân về tầm quan trọng, sự cần thiết của Nghị quyết. Qua học tập, cán bộ, đảng viên, nhân dân đều nhận thức được rằng: Thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng này có vai trò quan trọng, tác động sâu sắc đến sự vững mạnh của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự phát triển và ổn định chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Thực hiện thắng lợi Nghị quyết này là góp phần tích cực, quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, xây dựng con người mới, đấu tranh chống tiêu cực và chống tham nhũng, loại bỏ những phần tử thoái hóa

biến chất trong đội ngũ đảng viên, làm cho Đảng ta trở thành một Đảng cầm quyền vững về chính trị tư tưởng, trong sạch về đạo đức, lối sống, mạnh về tổ chức chỉ đạo điều hành. Trong thời gian đầu còn có ý kiến lo rằng, chắc là lại làm lướt, làm qua loa hoặc sợ ở những nơi mất đoàn kết sẽ có sự “đấu đá lật đổ” lẫn nhau, nhưng qua quá trình thực hiện nghiêm túc tự phê bình và phê bình đã mang lại hiệu quả tốt, cán bộ, đảng viên và nhân dân tin tưởng, đồng tình ủng hộ. Công tác tổ chức bước đầu được củng cố, nhận thức về nguyên tắc tập trung dân chủ được tôn trọng và đề cao, đoàn kết nội bộ được củng cố thêm, mối quan hệ giữa Đảng, chính quyền, đoàn thể được cải thiện, quy chế, phương thức hoạt động lễ lối làm việc dần đi vào nền nếp hơn.

Khi Bộ Chính trị gợi ý kiểm điểm và được phép tổ chức hội nghị, Ban Thường vụ đã chỉ đạo kiểm điểm nghiêm túc, tự phê bình và phê bình với tinh thần dân chủ, cởi mở, thẳng thắn và xây dựng. Quá trình kiểm điểm đã liên hệ chặt chẽ những khuyết điểm, yếu kém với từng cá nhân và tập thể, phân định rõ trách nhiệm tập thể và cá nhân. Một số vấn đề quan trọng đã được các đồng chí tiến hành bỏ phiếu kín.

Sau khi kiểm điểm, làm rõ ưu khuyết điểm và trách nhiệm, Ban Thường vụ đã đề ra biện pháp khắc phục sửa chữa.

1- Tư tưởng chính trị:

- Kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc của Đảng, của cách mạng đã được ghi trong Cương lĩnh, Điều lệ và Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, đặc biệt 6 vấn đề có tính nguyên tắc được nêu trong Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), nghiêm túc sửa chữa khuyết điểm đã được kiểm điểm.

- Tập trung sức sản xuất, khai thác nội lực, phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục quan tâm giải quyết các vấn đề kinh tế - văn hóa - xã hội, đặc biệt chú ý vùng khó khăn, làm cho nhân dân nhận rõ đường lối của Đảng và tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Thực hiện tốt quy hoạch và đẩy mạnh đào tạo cán bộ về lý luận chính trị và chuyên môn, nhất là cán bộ cơ sở.

- Tiến hành sinh hoạt chính trị tư tưởng sâu rộng trong toàn Đảng bộ, kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm 2000 làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng thấy rõ truyền thống của dân tộc, của Đảng. Từ đó tạo lòng tin cho cán bộ, đảng viên, nhân dân vào Đảng - Nhà nước.

- Tăng cường và đổi mới các phương tiện thông tin đại chúng, hệ thống phát thanh truyền hình, báo chí, nâng cao chất lượng đưa thông tin về cơ sở thường xuyên nắm bắt tình hình tư tưởng của cán bộ, đảng viên, nhân dân, xử lý nghiêm những người không đủ tư cách chính trị, tăng cường bảo vệ chính trị nội bộ, chống cài cắm, móc nối làm tha hóa đội ngũ cán bộ

- Tăng cường công tác vận động quần chúng, quản lý chặt chẽ các đoàn ra, đoàn vào, xử lý kịp thời những người lợi dụng để tuyên truyền tư tưởng phản động.

2- Đạo đức, lối sống:

- Cán bộ, đảng viên, đặc biệt Ban Thường vụ phải nêu cao tinh thần tự rèn luyện, tu dưỡng về đạo đức lối sống cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, chấp hành nghiêm Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước, gương mẫu, giữ gìn phẩm chất người đảng viên cộng sản. Tổ chức công tác quản lý, giáo dục đảng viên trên bốn mặt: về lý lịch, tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống, quan hệ xã hội và tài sản.

- Triển khai các chủ trương, đường lối, cơ chế, chính sách, pháp luật tới mọi cán bộ, đảng viên, nhất là pháp lệnh cán bộ, công chức, pháp luật chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, luật khiếu nại tố cáo, những điều cấm đối với đảng viên, cán bộ công chức không được làm để mọi người thực hiện nghiêm túc.

- Cán bộ đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo phải gương mẫu trong việc giáo dục vợ con, người thân trong gia đình chấp hành tốt đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước, gương mẫu và đoàn kết trong hàng xóm láng giềng, sống giản dị, trung thực.

- Tích cực đầu tư mọi nguồn vật lực cho phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo, từng bước làm giảm khoảng cách về chênh lệch thu nhập giữa giàu nghèo.

3- Tổ chức và chỉ đạo điều hành:

- Tiếp tục quán triệt và thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ ở các cấp, các ngành trong toàn Đảng bộ đảm bảo thống nhất ý chí và hành động, giữ vững bản chất giai cấp và tính tiên phong của Đảng.

- Thực hiện tốt các quy định về đánh giá, luân chuyển, đề bạt, miễn nhiệm, cho nghỉ hưu đối với cán bộ, sắp xếp lại tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ theo Nghị quyết Trung ương 7. Bảo đảm sử dụng cán bộ đúng năng lực, sở trường, tiêu chuẩn, tính liên tục, tính kế thừa và đổi mới.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp, tiếp tục thực hiện cải cách hành chính, xây dựng chính quyền thực sự vững mạnh và trong sạch, chống sách nhiễu, quan liêu, tham nhũng, hối lộ trong bộ máy chính quyền. Giao cho Thanh tra Nhà nước, các ngành có dự án đầu tư trong những năm qua tiếp tục kiểm tra, kiểm soát, báo cáo kết quả việc xử lý những công trình xây dựng cơ bản bị thất thoát vật tư, tiền vốn.

- Tổ chức sắp xếp và đổi mới hoạt động của các tổ chức đoàn thể, xác định lại rõ chức năng, nhiệm vụ, biên chế, chống hành chính hóa trong hoạt động của các đoàn thể quần chúng, phối hợp đồng bộ giữa các tổ chức trên một địa bàn.

- Triển khai và thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, tiến hành sơ, tổng kết để rút kinh nghiệm, nhân điển hình. Tăng cường công tác kiểm tra thực hiện nghị quyết, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra và giải quyết tại chỗ những vấn đề liên quan đến đầu tư của Nhà nước và đóng góp của nhân dân.

Ở cấp huyện, thị, đảng ủy, ban cán sự Đảng, Đảng đoàn trực thuộc: Sau khi được sự đồng ý của tỉnh, các đơn vị đã tiến hành kiểm điểm theo 3 nội dung mà nghị quyết quy định. Đến nay, có 12 huyện, thị, đảng ủy trực thuộc đã kiểm điểm xong. Các đơn vị tiến hành kiểm điểm nghiêm túc đúng quy định và chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh; khi kiểm điểm đều có các đồng chí trong Ban Thường

vụ, các ban xây dựng Đảng của tỉnh đến dự và tham gia ý kiến với đơn vị. Khi có gọi ý kiểm điểm của tỉnh, các đơn vị, cá nhân đều chuẩn bị bằng văn bản rồi mới mở hội nghị kiểm điểm. Quá trình kiểm điểm đã phân định rõ trách nhiệm giữa tập thể và cá nhân đối với các vấn đề này yếu kém, tồn tại. Sau khi kiểm điểm, các đơn vị đã đề ra chương trình, biện pháp khắc phục, sửa chữa bằng văn bản, phân loại việc để định thời gian sửa chữa, khắc phục; những nơi khuyết điểm đã rõ thì phải xử lý nghiêm túc, thể hiện tính nghiêm túc của Đảng.

Nguyên nhân đạt được những kết quả bước đầu là do Ban Thường vụ đã có đổi mới phương thức chỉ đạo triển khai thực hiện nghị quyết, đặt đúng công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng gắn với chế độ trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên. Bí thư cấp ủy và tổ chức Đảng các cấp trực tiếp chỉ đạo và chịu trách nhiệm triển khai nghị quyết, không chấp nhận làm lướt, làm đối. Cấp trên nghiêm túc làm trước, làm đảm bảo chất lượng theo đúng chỉ đạo của Bộ Chính trị, đồng thời phê duyệt và gọi ý cho cấp dưới thực hiện. Trong quá trình cấp dưới kiểm điểm, cấp trên dự và có kết luận. Thực hiện nghiêm việc xin ý kiến góp ý của các đồng chí lão thành cách mạng, của cấp dưới và của nhân dân. Trong quá trình thực hiện ngoài sự chỉ đạo kiên quyết của Ban Thường vụ còn có sự đóng góp của các ban xây dựng Đảng, sự hưởng ứng của toàn Đảng bộ, toàn dân, sự phối hợp của các cơ quan nhà nước, nhất là các cơ quan trong khối nội chính.

Tuy nhiên, trong số các đơn vị đã kiểm điểm còn có vài nơi kiểm điểm chưa sâu, chưa nêu rõ cụ thể khuyết điểm và chưa đạt yêu cầu. Do vậy, những nơi này phải làm lại, bảo đảm đúng quy định, đạt yêu cầu của tỉnh.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ CƠ BẢN TỪ NAY ĐẾN 19-5-2001

Từ nay đến 19-5-2001, là bước cuối cùng của cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở các cấp từ Trung ương đến cơ sở. Đối với Đảng

bộ Lào Cai, bước này có thể chia làm hai giai đoạn tập trung chỉ đạo như sau:

1. Từ nay đến 19-5-2000

- Tỉnh tiếp tục chỉ đạo cho các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc, các Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn và cán bộ, đảng viên diện tỉnh quản lý tổ chức kiểm điểm tự phê bình và phê bình theo đúng tinh thần nghị quyết.

- Các cấp ủy huyện, thị, đảng ủy trực thuộc tiếp tục duyệt các văn bản báo cáo kiểm điểm tự phê bình và phê bình, cơ sở cấp cơ sở xã, phường thực hiện dứt điểm bước 2. Từ đó tiếp tục triển khai thực hiện bước 3 ở cơ sở.

- Cấp cơ sở: Tích cực, chủ động triển khai và hoàn chỉnh bước 2 là kiểm điểm, tập thể, cán bộ lãnh đạo và cá nhân đảng viên.

2. Giai đoạn từ 19-5-2000 đến 19-5-2001

- Tập trung chỉ đạo cấp ủy các cấp, các ngành khắc phục tồn tại yếu kém sửa chữa khuyết điểm sau khi kiểm điểm theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Tăng cường kiểm tra sâu sát cơ sở theo dõi việc sửa khuyết điểm.

- Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chính đồn Đảng thực hiện tốt việc tổ chức kiểm điểm tự phê bình và phê bình tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ IX và đại hội đảng bộ các cấp, Đại hội thi đua toàn tỉnh, toàn quốc.

- Chỉ đạo làm tốt công tác nội dung, nhân sự tiến hành đại hội Đảng các cấp từ cơ sở lên gắn với việc tổ chức thảo luận dự thảo Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội IX và các dự thảo báo cáo của cấp ủy trình đại hội Đảng các cấp.

- Tổ chức tốt kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2000.

- Lãnh đạo thực hiện tốt việc sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 (khóa VIII), từng bước làm gọn nhẹ tổ chức bộ máy Đảng và Nhà nước, hoạt động có hiệu quả.

- Các cấp ủy tập trung sức lãnh đạo và chỉ đạo làm tốt công tác kết nạp đảng viên mới nhân dịp Đảng ta tròn 70 tuổi.

- Hoàn thiện việc kiểm điểm tự phê bình và phê bình đối với các tập thể và từng đảng viên từ tỉnh đến cơ sở.

- Tiến hành tổng kết cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng ở cấp tỉnh vào dịp 19-5-2001.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 81-BC/TU, ngày 18-5-2000

Về kết quả thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ theo chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) của Tỉnh ủy Lào Cai

Qua gần 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa II và gần 4 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), công tác phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ đã thu được nhiều kết quả quan trọng trên phạm vi toàn tỉnh, thể hiện trên một số nội dung chính sau đây:

I. SỰ CHỈ ĐẠO SÁT SAO CỦA CẤP ỦY

1. Chỉ đạo quán triệt học tập nghị quyết, nâng cao nhận thức trong toàn Đảng bộ:

Sau khi Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) ra đời, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã chỉ đạo tổ chức quán triệt, học tập nghị quyết tới 100% tổ chức cơ sở đảng trong toàn tỉnh một cách nghiêm túc, đầy đủ. Căn cứ vào thực trạng của giáo dục - đào tạo nói chung và công tác phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ nói riêng của địa phương, Ban Chấp hành Đảng bộ đã thống nhất xây dựng và ban hành Chương trình hành động số 05-CT/TU, ngày 25-4-1997, nhằm tổ chức, thực hiện

thắng lợi nghị quyết của Đảng trên toàn địa bàn trong tỉnh. Chương trình hành động đã đề ra mục tiêu “phấn đấu đến năm 2000 cơ bản hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ, phổ cập trung học cơ sở ở các phường và một số thị trấn...”. Tư tưởng chỉ đạo này của Tỉnh ủy cũng đã được thể hiện trong mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ khóa II, đó là: “... Xóa mù chữ cho cán bộ xã và trưởng thôn, bản trong toàn tỉnh... Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học ở các xã vùng thấp và các xã vùng cao có điều kiện”.

Quán triệt tư tưởng đó, ngay từ đầu Tỉnh ủy đã chỉ đạo các huyện, thị ủy, các tổ chức, ban, ngành đoàn thể triển khai nghị quyết của Trung ương, của Ban Chấp hành Đảng bộ và chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) của Tỉnh ủy đến 100% cán bộ, đảng viên, đồng thời xây dựng chương trình hành động cụ thể của cấp ủy nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu nghị quyết trên địa bàn và cơ quan được phân công phụ trách, quản lý. Qua kiểm tra của các cơ quan tham mưu của Tỉnh ủy, cho thấy 10/10 huyện, thị đã xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình hành động cụ thể, nghiêm túc. Đặc biệt đã nêu rõ mục tiêu, giải pháp cụ thể, sát thực đối với công tác phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ.

Tỉnh ủy cũng đã chỉ đạo Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân họp bàn và ra nghị quyết về công tác phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ, phấn đấu đạt chuẩn vào năm 2000 và đến nay rút ngắn sẽ hoàn thành vào dịp 19-5. Trong các hội nghị Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân hằng năm, đều đánh giá những kết quả đạt được về phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ, đề ra phương pháp tích cực cho bước đi tới.

Quán triệt sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, ngày 7-4-1999 Tỉnh ủy tiếp tục ra Chỉ thị số 15-CT/TU nhằm động viên và chỉ đạo các huyện, thị ủy đẩy nhanh tiến độ hoàn thành cơ bản mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ theo đúng kế hoạch đã định.

Qua học tập nghị quyết và chương trình hành động của Tỉnh ủy, nhận thức của cán bộ, đảng viên, các cấp, các ngành và nhận thức

của nhân dân về tầm quan trọng của sự nghiệp giáo dục - đào tạo, sự cần thiết phải hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ đã được nâng lên một bước, hiểu rõ: giáo dục là quốc sách hàng đầu, đào tạo con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc đổi mới, nâng cao trình độ cho nhân dân vùng cao, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Thấy rõ việc phát triển giáo dục - đào tạo nói chung, hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ nói riêng là trách nhiệm của toàn xã hội, là của các cấp, các ngành và các tổ chức, đoàn thể, trong đó có ngành Giáo dục - Đào tạo là nòng cốt. Đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục là một trong những biện pháp thúc đẩy sự nghiệp giáo dục phát triển.

2. Về biện pháp chỉ đạo

- Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức nhiều đoàn trực tiếp kiểm tra các cơ sở, kiểm tra sâu sát đến từng xã, nhiều thôn, bản. Sau mỗi lần kiểm tra đều có thông báo về kết quả tồn tại, yêu cầu cơ sở chấn chỉnh kịp thời.

- Chỉ đạo ra nghị quyết huy động nguồn lực trong nhân dân để xây dựng trường lớp: Mỗi người dân trong độ tuổi lao động đóng góp 3 ngày công/năm. Thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, tăng cường xã hội hóa giáo dục để huy động sức dân phát triển trường lớp, phối hợp các chương trình dự án trên địa bàn, đặc biệt là chương trình 135 để tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho giáo dục.

- Tỉnh phát động 2 phong trào thi đua, đó là phong trào thi đua về phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ và phong trào thi đua phát triển giáo dục - đào tạo, có quy định các mức thưởng đơn vị và cá nhân, hằng năm đều đưa vào chỉ tiêu xem xét về phân xếp loại tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh.

- Chỉ đạo tổ chức hỗ trợ kinh phí cho công tác phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ (trong 3 năm 1997 - 1999 tỉnh đã hỗ trợ gần 6,8 tỷ đồng).

- Tỉnh đã chỉ đạo ngành Giáo dục - Đào tạo xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục bám sát mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học -

chống mù chữ. Mở cuộc điều tra phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ với quy mô lớn trên phạm vi toàn tỉnh để hoàn chỉnh số liệu, đánh giá đúng tình hình. Trên cơ sở đó lập sổ phổ cập, chống mù chữ cho từng xã, xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ cho cả giai đoạn 1996 - 2000, trong đó ghi rõ mục tiêu bước đi, tiến độ thực hiện từng năm.

- Chỉ đạo mở chiến dịch chống mù chữ, huy động 95 cán bộ quản lý, 34 giáo viên và 190 giáo sinh trường Trung học sư phạm tỉnh dạy liên tục trong hè. Phối hợp với Đoàn thanh niên, Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Biên phòng... để vận động học sinh, học viên ra lớp, tham gia dạy lớp xóa mù chữ. Có chế độ phụ cấp thêm lương cho giáo viên vùng sâu, vùng xa, giáo viên dạy bán trú. Cấp sách giáo khoa, giấy bút, đèn dầu cho học sinh, học viên vùng cao khó khăn.

Chỉ đạo ráo riết, giải quyết trực tiếp, hướng dẫn cụ thể và nghiêm túc trong kiểm tra công nhận đạt chuẩn. Đó là phương châm chỉ đạo nhất quán của tỉnh đối với công tác phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ.

II. KẾT QUẢ CỤ THỂ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

1. Kết quả

- Năm 1997: 19 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ, thị xã Cam Đường, huyện Bảo Thắng đạt chuẩn.

- Năm 1998: 28 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ và một xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, 9 xã đạt chuẩn chống mù chữ, huyện Văn Bàn đạt chuẩn (vượt kế hoạch 1 năm).

- Năm 1999: 42 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và 58 xã đạt chuẩn chống mù chữ. Huyện Bảo Yên, Sa Pa đạt chuẩn (huyện Sa Pa vượt kế hoạch 1 năm); có 7 phường và thị trấn đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi.

Tính đến 31-12-1999, toàn tỉnh có:

- 120 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ và 25 xã đạt chuẩn chống mù chữ.

- 6 đơn vị huyện, thị đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ, trong đó 4 huyện, thị có 100% số xã, phường, thị trấn đạt chuẩn.

- Đến 19-5-2000, Lào Cai có 152/180 xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ, đạt tỷ lệ 84,4% (còn 2 xã Dìn Chín - Mường Khương, Sa Pả - Sa Pa sẽ đạt chuẩn trong tháng 5-2000).

Kết quả xóa mù chữ (từ 1996 đến 1999).

- Năm 1997, 1998: Công nhận 22.047 người, nâng tỷ lệ nhiều biết chữ lên 61.117-115.542 đạt 88,2%.

- Cơ sở vật chất các trường học được đầu tư khang trang hơn (hiện toàn tỉnh có 3.554 phòng học bậc tiểu học, trong đó có 1.163 phòng xây), cảnh quan sư phạm ở các đơn vị, kể cả vùng cao có sự thay đổi rõ rệt.

2. Những tồn tại yếu kém và nguyên nhân

- Việc kiểm tra đôn đốc của một số Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ huyện xã chưa thường xuyên, thiếu sâu sát cơ sở. Một số trường thôn, bản, đoàn thể ở xã chưa phối hợp đồng bộ, chặt chẽ trong công tác tuyên truyền, vận động người đi học.

- Chất lượng và hiệu quả xóa mù chữ còn hạn chế. Chất lượng và hiệu quả giáo dục tiểu học vùng cao có khá hơn nhưng chưa thực sự đạt đến yêu cầu kiến thức toàn diện. Tính bền vững của phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ ở vùng cao còn thấp.

- Một số nơi còn ỷ lại, nhận thức về trách nhiệm và nhu cầu học tập còn hạn chế, do đó thụ động trong việc tham gia công tác giáo dục và trong việc học hành quản lý, chỉ đạo một số nơi chưa sâu sát, chưa cụ thể. Vai trò của đoàn thể quần chúng ở nhiều cơ sở vùng cao còn hạn chế.

- Đội ngũ giáo viên tiểu học do phải tăng cường nhanh nên tỷ lệ đạt chuẩn thấp (tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn mới đạt 56,29%). Trình độ năng lực sư phạm yếu. Tỷ lệ nữ cao tạo nên tình trạng không ổn định và khó khăn về đời sống xã hội sau này.

- Cơ sở vật chất các trường tiểu học đã được quan tâm đầu tư, nhưng mới giải quyết được nhu cầu tối thiểu, tỷ lệ phòng học tạm, tranh, tre vẫn là chủ yếu. Tỷ lệ phòng xây cấp 4 trở lên mới chiếm 32,72%.

3. Đánh giá chung

- Dưới sự lãnh đạo sát sao và có hiệu quả của Ban Chấp hành Đảng bộ, sự quyết tâm phấn đấu của các cấp, các ngành, sự cố gắng vượt bậc và bền bỉ, dẻo dai, với tinh thần trách nhiệm cao của đội ngũ giáo viên, sự nghiệp giáo dục - đào tạo đã có bước chuyển biến lớn, hoàn thành mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ đúng kế hoạch đã định, góp phần thực hiện thắng lợi nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II.

- Đã tạo chuyển biến mạnh mẽ nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân về giáo dục - đào tạo, Đảng bộ, chính quyền các cấp cơ được phương thức quản lý, lãnh đạo sự nghiệp giáo dục - đào tạo một cách có kế hoạch, cụ thể, sát sao. Huy động các lực lượng xã hội tham gia công tác phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ có hiệu quả. Thực hiện được mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ của tỉnh đó là Lào Cai đạt chuẩn Quốc gia phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ vào năm 2000.

- Do đẩy mạnh thực hiện mục tiêu đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ cho nên trình độ dân trí đã thay đổi hẳn, đó là:

+ Đã ngăn chặn được nguồn bổ sung nhiều mù chữ từ tuổi nhi đồng, thiếu niên.

+ 90% người lao động từ 15 đến 25 tuổi biết chữ và một bộ phận người trên 25 tuổi biết chữ.

- Đội ngũ giáo viên được tăng cường cả về số lượng và chất lượng. Trình độ nghiệp vụ của giáo viên được nâng cao, trình độ quản lý giáo dục với kế hoạch, mục tiêu và hiệu quả cụ thể.

- Cơ sở vật chất các trường học được đầu tư khang trang hơn, cảnh quan sư phạm ở các đơn vị, kể cả vùng cao có sự thay đổi rõ rệt.

III. NHỮNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG THỜI GIAN TỐI

1. Nhiệm vụ

a) Tiếp tục đẩy mạnh tiến độ thực hiện nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), bảo đảm cơ bản hoàn thành tất cả các mục tiêu mà chương trình hành động của Tỉnh ủy đã nêu. Xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả mục tiêu phát triển kinh tế giáo dục - đào tạo giai đoạn 2000-2005.

b) Hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ cho các xã còn lại vào năm 2001. Đây là những xã rất khó khăn về mọi mặt. Số trẻ em chưa đi học, số người lớn mù chữ còn rất cao

c) củng cố để duy trì các xã đạt chuẩn. Nhiều xã phải phấn đấu quyết liệt mới tiếp tục đạt chuẩn vào các năm sau. Phải xây dựng kế hoạch thực hiện ngay việc dạy và học sau xóa mù chữ cho học viên để chống tái mù.

d) Bắt tay ngay vào việc phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở.

e) Tổ chức thực hiện nghiêm túc luật giáo dục, tiến hành tổng kết 10 năm thực hiện chương trình phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ.

2. Các giải pháp chủ yếu

Tiếp tục thực hiện các giải pháp đã triển khai, tập trung vào các giải pháp chủ yếu sau đây:

a) Tiếp tục quán triệt tinh thần Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) cả chương trình hành động của Tỉnh ủy, quán triệt nhiệm vụ phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên, nhân dân, phổ cập đúng độ tuổi và phổ cập trung học cơ sở đối với các đơn vị có điều kiện, xác định tiêu chuẩn cụ thể đến các cấp ủy Đảng và chính quyền các ban, ngành, đoàn thể nâng cao nhận thức

và xác định trách nhiệm đối với công tác phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ phải phấn đấu bền bỉ, quyết tâm, chống các biểu hiện thoả mãn, ỷ lại.

b) Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất cho các trường tiểu học, tập trung các xã vùng cao.

c) Tích cực bồi dưỡng để đạt trình độ chuẩn cho đội ngũ giáo viên hệ 9+1, 12+1, tăng cường đào tạo giáo viên trung học cơ sở.

d) Mở chiến dịch chống mù chữ đợt II, huy động 130 giáo viên sư phạm, giáo viên ở các xã đặc biệt khó khăn dạy liên tục trong hè, tăng cường có thời hạn cán bộ quản lý từ các xã vùng phát triển lên các xã vùng cao khó khăn này.

đ) Duy trì hoạt động của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ, xây dựng kế hoạch cụ thể trong giai đoạn mới, rút kinh nghiệm, đổi mới nội dung phương pháp chỉ đạo.

e) Thực hiện xã hội hóa giáo dục với các nội dung cụ thể hơn, sâu rộng hơn.

Tăng cường sự lãnh đạo và chỉ đạo của cấp ủy chính quyền các cấp, sự phối hợp chặt chẽ giữa ngành Giáo dục - Đào tạo với các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, sự ủng hộ nhiệt tình của nhân dân để làm tốt công tác phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ và phổ cập trung học cơ sở trên toàn địa bàn đúng tiến độ đã định.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ GIAO BAN NGÀY 1-6-2000

Số 534-TB/TU, ngày 2-6-2000

Ngày 1-6-2000, Thường trực Tỉnh ủy họp giao ban, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

Sau khi nghe Văn phòng Tỉnh ủy báo cáo tình hình công tác trong tuần, một số đề nghị của các ngành, hội nghị thảo luận, đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy kết luận:

- Nhất trí với đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 366-TT/UB, ngày 1-6-2000 về việc xin chỉ định thầu một số hạng mục trong Dự án cấp nước giai đoạn 2 cho thị xã Lào Cai.

- Nhất trí với đề nghị của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tại Công văn số 421-TW/ĐTN, ngày 15-5-2000, về việc tổ chức hội nghị giao ban công tác Đoàn và phong trào Thanh thiếu niên cụm các tỉnh miền núi phía Bắc tại Lào Cai.

Yêu cầu Tỉnh đoàn có kế hoạch phối kết hợp với Trung ương Đoàn, tổ chức tốt hội nghị.

- Về việc nghiên cứu, biên soạn xuất bản cuốn “Lịch sử Đoàn thanh niên tỉnh Lào Cai” giai đoạn 1931 - 2001 (tinh thần Công văn số 49-CV/ĐTN, ngày 5-4-2000 của Ban Thường vụ Tỉnh đoàn): Yêu cầu Tỉnh đoàn làm báo cáo chi tiết hơn, trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy vào hội nghị sắp tới.

- Nhất trí với đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 359-CV/CT, ngày 23-5-2000 về việc miễn thuế nhập khẩu 120 tấn amiang chrysotile làm nguyên liệu chạy thử sản xuất tấm lợp, theo đề nghị của Công ty xi măng Lào Cai. Việc miễn thuế nhập khẩu, thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước.

- Về việc xin kinh phí hỗ trợ cán bộ tăng cường các xã đặc biệt khó khăn của bộ đội biên phòng: Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh nghiên cứu, trình Thường trực 3 bên vào hội nghị giao ban lần sau.

- Yêu cầu cơ quan chức năng khởi tố vụ án nhà hàng Thủy Sơn - Lào Cai, xử lý vụ án Lũng Vai - Mường Khương.

Căn cứ nội dung Thông báo trên, các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 22-CT/TU, ngày 10-7-2000

Về việc diễn tập khu vực phòng thủ thị xã Cam Đường

Thực hiện Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị và các nghị quyết, chỉ thị, nghị định của Đảng, Nhà nước, Chính phủ về nhiệm vụ quốc phòng an ninh;

Để tiếp tục nâng cao trình độ, năng lực công tác lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, quản lý điều hành của chính quyền và năng lực tham mưu của các ban ngành, đoàn thể và trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang trong khu vực phòng thủ, Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức chuẩn bị và thực hành diễn tập khu vực phòng thủ thị xã Cam Đường năm 2000. Đề mục diễn tập: “Chuyển địa phương từ hoạt động thời bình sang hoạt động thời chiến. Tổ chức đánh địch tiến công bằng đường bộ và địch đổ bộ đường không, vu hồi đường sông, giữ vững khu vực phòng thủ thị xã (có thực binh bắn chiến đấu)”.

Để cuộc diễn tập đạt được kết quả cao, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cơ quan, ban ngành, đoàn thể của tỉnh, Ban Thường vụ thị ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị xã Cam Đường thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Công an và các sở, ban, ngành, đoàn thể có liên quan phối kết hợp chặt chẽ, xây dựng các văn kiện bảo đảm cho cuộc diễn tập đạt kết quả tốt. Đồng thời giúp đỡ, hướng dẫn thị xã Cam Đường thực hành diễn tập theo đúng ý định chỉ đạo của tỉnh.

2. Thị ủy, Ủy ban nhân dân thị xã Cam Đường làm tốt công tác chuẩn bị, tổ chức thực hành diễn tập sát với tình hình thực tế của địa phương. Quá trình diễn tập vận dụng sáng tạo các quan điểm, tư tưởng của Đảng, đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào nhiệm vụ quốc phòng - an ninh để giải quyết hiệu quả các vấn đề đặt ra trong diễn tập.

3. Quá trình chuẩn bị và thực hành diễn tập phải tuyệt đối giữ bí mật, bảo đảm an toàn, tiết kiệm, chuẩn bị tốt nội dung, địa điểm, cơ sở vật chất và phải tổ chức luyện tập kỹ trước khi bước vào diễn tập. Sẵn sàng chiến đấu cao, không gây ảnh hưởng lớn đến thực hiện các nhiệm vụ khác của địa phương.

4. Kết quả sau diễn tập tiếp tục đẩy mạnh xây dựng khu vực phòng thủ, củng cố thể trận quốc phòng - an ninh ngày càng vững chắc, giải quyết kịp thời có hiệu quả các tình huống xảy ra, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, giữ vững ổn định chính trị, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh thành lập ban chỉ đạo diễn tập do đồng chí Phó Chủ tịch làm Trưởng ban có sự tham gia của đồng chí Bí thư Thị ủy, đồng chí Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã Cam Đường, một số đồng chí lãnh đạo của các cơ quan, ban ngành, đoàn thể của tỉnh để theo dõi, chỉ đạo chặt chẽ cuộc diễn tập.

Thời gian diễn tập: Từ 15 đến 25 - 8 - 2000.

(Thời gian cụ thể do Ban chỉ đạo quyết định).

Nhận được Chỉ thị này Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ban ngành, đoàn thể của tỉnh, Thị ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thị xã Cam Đường nghiên cứu quán triệt, tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả với Thường trực Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 424-QĐ/ĐU, ngày 10-7-2000
Về việc thành lập Ban cán sự Đảng
Bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai

- Căn cứ vào Quyết định số 62-QĐ/TW, ngày 15-3-1993 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc thành lập Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng ở các cơ quan cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 19-6-2000 về công tác cán bộ;
- Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều I: Thành lập Ban cán sự Đảng của Bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai gồm các đồng chí sau:

- 1- Đồng chí Đỗ Thị Thìn, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Bí thư Ban sự Đảng.
- 2- Đồng chí Hoàng Ưng, Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh, Ủy viên Ban cán sự Đảng.
- 3- Đồng chí Nguyễn Văn Thái, Trưởng phòng Tổ chức hành chính, Chủ tịch Công đoàn Bảo hiểm xã hội tỉnh, Ủy viên Ban cán sự Đảng.

Điều II: Ban cán sự Đảng Bảo hiểm xã hội tỉnh xây dựng quy chế hoạt động để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và phương thức hoạt

động của Ban cán sự Đảng được quy định trong hướng dẫn (tạm thời) ngày 5-4-1993 của Ban Tổ chức Trung ương Đảng.

Điều III: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban cán sự Đảng Bảo hiểm xã hội tỉnh và các đồng chí có tên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 57 NGÀY 10-7-2000

Số 538-TB/TU, ngày 11-7-2000

Ngày 10-7-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, đã thống nhất kết luận như sau:

* Nhất trí Tờ trình số 468-CV/UB, ngày 6-7-2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh về các phần sau:

- 1- Điều chỉnh một số kế hoạch nhà nước đợt 1 năm 2000.
- 2- Điều chỉnh kế hoạch thu chi ngân sách nhà nước năm 2000.
- 3- Bãi bỏ quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc huy động nguồn lực dân cư để phát triển giao thông nông thôn và xây dựng trường học, thực hiện Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích.

Thời gian thực hiện: 1-1-2001.

4- Cho phép lập quỹ phòng, chống cháy rừng, chế độ phụ cấp cho người trực tiếp tham gia cháy rừng. Tổng quỹ là: 200 triệu. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh quy định cụ thể về quản lý, sử dụng, thanh quyết toán.

5- Nhất trí phụ cấp cho công an viên thôn bản, trưởng thôn, bản, tổ trưởng dân phố, bí thư chi bộ dưới đảng bộ cơ sở không thuộc diện hưởng lương và phụ cấp từ ngân sách như sau:

- Công an viên: 80.000 đồng/tháng
- Trưởng thôn bản: 90.000 đồng/tháng

- Trưởng thôn bản kiêm công an viên: 130.000 đồng/tháng
- Bí thư chi bộ cơ sở dưới Đảng ủy: 90.000 đồng/tháng
- Tổ trưởng dân phố: 40.000 đồng/tháng

* Nhất trí Tờ trình số 474-CV/UB, ngày 10-7-2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành quy chế thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội trên địa bàn tỉnh Lào Cai. Trong đó: bỏ Điều 4 và Khoản 1 Điều 5 vì đã có quy định cụ thể trong Luật hôn nhân - gia đình sửa đổi. Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp thu ý kiến của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ hoàn chỉnh các văn bản trên trình Hội đồng nhân dân tỉnh cho ý kiến trước khi tổ chức thực hiện.

Thừa lệnh Ban Thường vụ, Văn phòng Tỉnh ủy xin thông báo kết luận của Ban Thường vụ để các cơ quan và cá nhân có liên quan biết và thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 87-BC/TU, ngày 17-7-2000

Kết quả thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TU về phát triển kinh tế du lịch Lào Cai giai đoạn 1996-2000

Để cụ thể hóa mục tiêu nhiệm vụ do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ II đề ra, trên cơ sở phát huy tiềm năng thế mạnh của tỉnh, ngày 9-5-1997 Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết 03-NQ/TU về phát triển kinh tế du lịch Lào Cai giai đoạn 1996-2000. Sau khi Tỉnh ủy ban hành nghị quyết, các cấp ủy đảng đã nhanh chóng triển khai học tập quán triệt và tổ chức thực hiện một cách nghiêm túc. Qua gần 4 năm triển khai và thực hiện đã khẳng định tính đúng đắn và phù hợp của nghị quyết, thể hiện ở một số kết quả sau đây:

Phần I

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

I. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Khách du lịch tăng cả về sản lượng và cơ cấu thành phần. Doanh thu du lịch tăng khá

Bám vào những quan điểm, phương hướng mục tiêu tổng quát mà Nghị quyết 03-NQ/TU đã đề ra, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương trong tỉnh đã tập trung chỉ đạo các ngành hữu quan, trong đó

chủ đạo là ngành Thương mại - Du lịch, tăng cường mở rộng và phát triển các phương thức kinh doanh, cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ, coi trọng phát triển cả hoạt động lữ hành và khách sạn du lịch. Do đó số lượng khách du lịch đến Lào Cai tăng nhanh từ 40.000 lượt người năm 1996 lên khoảng 200.000 lượt người năm 2000, trong đó có khoảng 130.000 lượt khách quốc tế, đạt mục tiêu nghị quyết đề ra. Doanh thu du lịch tăng từ 12,5 tỷ đồng năm 1996 lên khoảng 28 tỷ đồng năm 2000, tốc độ tăng doanh thu bình quân 23% năm, nộp ngân sách tăng 18%/năm, góp phần đáng kể trong tổng thu nhập của địa phương và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng đã chọn (tỷ trọng của thương mại - du lịch trong GDP tăng từ 27% năm 1996 lên khoảng 32% năm 2000).

Cơ cấu thành phần du khách đã được mở rộng, từ chỗ khách đến Lào Cai những năm trước 1995 chủ yếu là người Trung Quốc, thì nay đã có cả khách từ Mỹ, Hà Lan, Pháp... Khách nội địa cũng được thu hút ngày càng nhiều, tăng từ 25.000 lượt người năm 1996 lên khoảng 70.000 lượt người năm 2000.

Trong hoạt động kinh doanh lữ hành đã hoàn thành được các tour du lịch phục vụ du khách, như: Lào Cai - Sa Pa, Lào Cai - Hà Nội, Hải Phòng... Khách trong nước đi các vùng thuộc tỉnh Vân Nam - Trung Quốc.

Từ năm 1996 đến nay, các đơn vị lữ hành trên cửa khẩu đã tổ chức đưa đón được trên 275.000 lượt khách, tổng doanh thu lữ hành ước đạt 22,3 tỷ đồng, bằng 27,8% cơ cấu doanh thu du lịch toàn tỉnh (từ 1996 đến nay đạt khoảng 80 tỷ đồng).

2. Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch đã được đầu tư đáng kể, hệ thống dịch vụ du lịch tăng nhanh và đang dần được hoàn thiện

- Xác định du lịch là một ngành kinh tế quan trọng, tỉnh đã có chính sách thích hợp nhằm khuyến khích các thành phần kinh tế, huy động các nguồn vốn đầu tư phát triển du lịch.

Thời gian qua, tỉnh đã quan tâm đầu tư nâng cấp đường giao thông từ thị xã Lào Cai đến khu du lịch Sa Pa, Bắc Hà, tạo điều kiện thuận lợi cho du lịch phát triển. Đặc biệt ở Sa Pa, các tuyến đường xuống các điểm tham quan du lịch đã được nâng cấp, xe chở khách du lịch có thể đến tận nơi tham quan; đầu tư xây dựng khu du lịch Hàm Rồng, đường tham quan Thác Bạc, quy hoạch lại thị trấn Sa Pa, từng bước tách biệt khu hành chính để có điều kiện đầu tư nhiều hơn cho khu du lịch... Tính đến nay đã có trên 48 dự án đầu tư phục vụ du lịch với tổng số vốn khoảng 211 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn đầu tư phần lớn từ ngân sách (chiếm 56,4%), vốn từ các thành phần kinh tế khác (kể cả vốn đầu tư nước ngoài) chiếm 43,6%.

Ngoài việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và các cơ sở khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng thì ở mỗi trọng điểm du lịch của tỉnh đều xây dựng dự án du lịch cụ thể, như: Dự án đầu tư quần thể khu du lịch Đền Thượng, Trung tâm lễ hành Quốc tế, công viên cây xanh Thủy Hoa, Lâm viên Nhạc sơn ở thị xã Lào Cai; trùng tu, tôn tạo di tích Đền Bảo Hà (Bảo Yên); cải tạo nâng cấp hang động Mường Vi (Bát Xát).

Về cơ sở lưu trú: Trên địa bàn tỉnh hiện có 74 cơ sở khách sạn, nhà nghỉ thuộc các thành phần kinh tế, trong đó có một doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài đầu tư xây dựng là khách sạn Victoria đạt tiêu chuẩn 3 sao.

Năng lực phục vụ của các cơ sở lưu trú có 800 phòng với trên 2000 giường, trong đó có 60% số phòng đủ tiêu chuẩn đón khách quốc tế, có 7 cơ sở kinh doanh khách sạn được trang bị ăng ten thu chương trình truyền hình trực tiếp.

Về vận chuyển khách du lịch: Hiện nay các đội ngũ kinh doanh khách sạn du lịch có 12 xe ô tô chuyên dùng sang trọng, hàng trăm xe khách của ngành giao thông vận tải và các thành phần kinh tế khác tham gia vận chuyển khách công cộng và khách du lịch. Trên địa bàn thị xã Lào Cai có 30 xe ngựa được cấp giấy phép chở khách nội thị, đáp ứng nhu cầu tham quan của khách Trung Quốc sang Lào Cai trong ngày.

3. Từng bước kiện toàn tổ chức hệ thống quản lý và kinh doanh du lịch

- Đối với bộ máy quản lý nhà nước: Đã thành lập Phòng Quản lý Du lịch, giúp ngành Thương mại và Du lịch thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước về du lịch. Trên các địa bàn huyện, thị nơi có khu điểm du lịch phát triển, thì giao nhiệm vụ cho phòng Tài chính - Thương nghiệp kiêm nhiệm, riêng huyện Sa Pa giao nhiệm vụ này cho Phòng Văn hóa - Thông tin - Du lịch.

- Trên cửa khẩu quốc tế và các cửa khẩu quốc gia các ngành chức năng đã có sự phối kết hợp chặt chẽ, nhịp nhàng trong việc cấp các thủ tục xuất nhập cảnh cho khách du lịch. Công tác kiểm tra, kiểm soát xuất nhập cảnh được cải tiến một bước theo hướng đơn giản, nhanh gọn và chặt chẽ.

- Đối với hệ thống kinh doanh dịch vụ: Tỉnh giao cho công ty du lịch Lào Cai thực hiện nhiệm vụ chuyên doanh về du lịch. Từ ngày thành lập (tháng 5-1998 đến nay), công ty du lịch đã kinh doanh trên các lĩnh vực: Lữ hành, khách sạn - dịch vụ, nhà hàng ăn uống..., phát huy vai trò chủ đạo của doanh nghiệp nhà nước trong kinh doanh du lịch. Chuyển giao hầu hết các nhà khách, nhà nghỉ của các sở, ban, ngành, đoàn thể sang kinh doanh (hiện còn 4 nhà khách chưa chuyển sang kinh doanh, vì chưa đủ điều kiện để thành lập doanh nghiệp hoặc đang trong quá trình hoàn thiện).

Thực hiện chủ trương về phát triển cơ cấu kinh tế nhiều thành phần, đến nay trên địa bàn tỉnh đã có 11 doanh nghiệp tham gia kinh doanh khách sạn - du lịch, trong đó có 6 doanh nghiệp nhà nước, 4 doanh nghiệp tư nhân, 1 doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài. Ngoài ra còn có 50 nhà nghỉ của các hộ cá thể cũng tham gia kinh doanh lưu trú, đáp ứng nhu cầu khách du lịch. Các đơn vị này đều làm đầy đủ các thủ tục theo quy định của Nhà nước. Thường xuyên báo cáo tình hình và chấp hành nghiêm túc những quy định, khi có sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý nhà nước.

- Để tăng cường công tác quản lý và phát triển du lịch trên địa bàn, tỉnh đã thành lập Ban chỉ đạo du lịch do đồng chí Phó Chủ tịch

Ủy ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban, có sự tham gia của các ngành chức năng và đơn vị trực tiếp kinh doanh làm thành viên. Ban chỉ đạo đã xây dựng quy chế hoạt động và kế hoạch về chương trình hành động du lịch Lào Cai năm 2000 và những năm tiếp theo, trong đó tập trung vào các nội dung: Quảng bá xúc tiến du lịch, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất cho ngành du lịch, tăng cường đào tạo nguồn nhân lực, du lịch văn hóa gắn với các lễ hội dân tộc Lào Cai, nâng cao chất lượng các sản phẩm du lịch và tổ chức quản lý về du lịch trên địa bàn.

- Để du lịch Lào Cai hòa mạng với du lịch toàn quốc, tỉnh đã giao cho ngành Thương mại - Du lịch phối hợp với Viện Nghiên cứu phát triển du lịch và Tổng cục Du lịch xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Lào Cai thời kỳ 2000-2010 và định hướng phát triển đến năm 2020 phối hợp với chương trình phát triển du lịch Quốc gia, phấn đấu đưa du lịch Lào Cai thành một trong những điểm du lịch cả nước. Ngoài việc ban hành quy chế tạm thời về quản lý du lịch trong khu vực kinh tế cửa khẩu, tỉnh đã giao cho ngành Thương mại - Du lịch phù hợp với các cấp, các ngành xây dựng Quy chế quản lý du lịch áp dụng chung cho toàn tỉnh. Đồng thời giao cho Ủy ban nhân dân huyện Sa Pa phối hợp với Sở Thương mại - Du lịch và Tổ chức IUCN (Tổ chức Bảo tồn thiên nhiên thế giới) mở cuộc hội thảo du lịch cộng đồng xây dựng hướng phát triển du lịch bền vững tại Sa Pa, tiến tới tạo mô hình phát triển du lịch cộng đồng có sự tham gia của người dân địa phương vào các hoạt động đón tiếp khách du lịch.

- Công tác đào tạo cán bộ, nhân viên đã được chú ý cả về đào tạo cán bộ kinh doanh du lịch, kinh doanh khách sạn, cán bộ quản lý nhà nước, hướng dẫn viên du lịch.

4. Công tác xúc tiến, quảng bá du lịch được quan tâm, an ninh trật tự và môi trường du lịch được giữ vững

Trong những năm qua, đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo, làm việc với các bộ, ngành Trung ương, các tỉnh bạn, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh nhằm tuyên truyền các tiềm năng, chính sách của tỉnh

nhằm thu hút, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đến đầu tư, kinh doanh du lịch tại Lào Cai. Đồng thời tổ chức nhiều đợt tọa đàm với tỉnh Vân Nam - Trung Quốc để tăng cường sự hợp tác phát triển kinh tế - khoa học - kỹ thuật, văn hóa - xã hội và du lịch giữa hai bên. Tỉnh đã tổ chức hai hội chợ “Thương mại - du lịch quốc tế Lào Cai”. Thông qua hội chợ các du khách có sự hiểu biết thêm về tiềm năng, thế mạnh về kinh tế cũng như cơ chế chính sách đầu tư của tỉnh. Đã xây dựng cuốn phim truyền hình và đang xây dựng trang Web nối mạng Internet và tập sách, ảnh hưởng dẫn nhằm giới thiệu về du lịch Lào Cai. Qua công tác tuyên truyền quảng bá, đã nâng cao trách nhiệm, giáo dục về lịch sử truyền thống của các dân tộc trong tỉnh và thu hút khách du lịch trong và ngoài nước đến Lào Cai.

Công tác giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, góp phần thúc đẩy kinh tế du lịch phát triển. Các cơ sở kinh doanh thường xuyên duy trì thực hiện tốt các quy định của nhân dân về an ninh trật tự, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, v.v.. Đến nay, chưa xảy ra vụ việc vi phạm pháp luật nghiêm trọng trong lĩnh vực du lịch.

II. MỘT SỐ TỒN TẠI VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Một số tồn tại

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết bộc lộ một số tồn tại, yếu kém đó là:

- Các dịch vụ phục vụ cho du lịch vừa yếu lại vừa thiếu, kiến trúc nhà nghỉ đơn điệu không thể hiện được nét đặc sắc của văn hóa dân tộc, chưa tổ chức sản xuất hàng lưu niệm cho du khách, các điểm vui chơi, giải trí chưa được xây dựng, các hoạt động văn hóa mang bản sắc từng dân tộc chưa được phát huy, các món ăn truyền thống, dân tộc chưa được quan tâm phục vụ; vì vậy hạn chế thời gian lưu lại và mức tiêu dùng của khách, không kích thích được sản xuất phát triển (bình quân thời gian khách lưu lại mới chỉ tăng từ 1,45 ngày

năm 1996 lên 1,65 ngày năm 2000. Mức chi tiêu của khách lại giảm từ 184.000đ/khách năm 1996 xuống còn 143.000đ/ khách năm 2000), cũng do vậy mà tỷ trọng GDP của du lịch trong thương mại - dịch vụ tăng ít, không ổn định (năm 2000 mới đạt khoảng 7,2%) và không đạt mục tiêu nghị quyết đề ra.

- Chưa khai thác hết những tiềm năng thế mạnh về du lịch của địa phương, như: Du lịch leo núi Phanxipăng, du lịch sinh thái xuống các bản làng, du lịch trên sông... Chưa kết hợp tốt du lịch với văn hóa, nhằm thông qua du lịch mà giới thiệu những nét văn hóa truyền thống của địa phương.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác du lịch còn nhiều bất cập với yêu cầu nhiệm vụ. Toàn ngành mới chỉ có 8% cán bộ trình độ đại học, 52% trình độ trung học, sơ cấp, còn lại chưa qua đào tạo. Số lượng hướng dẫn viên được Tổng cục cấp thẻ còn quá ít (6 người) nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc đưa, đón khách.

- Công tác tuyên truyền quảng bá chưa được sâu rộng, do vậy thông tin đến du khách chưa đầy đủ, chính xác và thiếu kịp thời, từ đó không thu hút được nhiều nhà đầu tư và du khách đến với Lào Cai. Mặt khác, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành chưa nhịp nhàng, vẫn còn tư tưởng trông chờ, ỷ lại, thiếu chủ động hoặc quan niệm phát triển du lịch chỉ là trách nhiệm của riêng ngành du lịch. Việc giải quyết các thủ tục cho khách và đơn vị làm du lịch trên khu vực cửa khẩu còn nhiều phiền hà, chưa tạo thuận lợi cho khách khi xuất nhập cảnh.

2. Nguyên nhân

- Lào Cai là một tỉnh miền núi, xa xôi, đường đi lại khó khăn, đầu tư cho phục vụ du khách chưa lớn, do đó chưa thu hút được nhiều hành khách đến du lịch.

Việc quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết ở một số nơi chưa đồng bộ, chưa sâu sắc, cấp ủy ở nơi đó chưa quyết tâm hoặc quyết tâm không cao, một số nơi nghị quyết chưa đi vào cuộc sống.

- Trình độ tiếp thị, năng lực quản lý, điều hành của cán bộ làm du lịch còn yếu, sản lượng cán bộ được đào tạo bài bản về du lịch còn ít, nên chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

- Kinh phí đầu tư của tỉnh còn thấp, khả năng huy động, thu hút vốn đầu tư từ bên ngoài còn hạn chế.

Đánh giá chung:

Trên cơ sở phân tích đúng tiềm năng thế mạnh của tỉnh và đánh giá đúng tình hình, xu thế phát triển của du lịch trong nước nhìn chung. Lào Cai nói riêng, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa II đã đề ra Nghị quyết về phát triển du lịch là đúng với yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội và phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của Lào Cai. Thực hiện tư tưởng chỉ đạo của Nghị quyết, với ý chí quyết tâm cao trong toàn Đảng bộ, các cấp ủy chính quyền địa phương đã chủ động triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết trên phạm vi toàn tỉnh. Đến nay, những mục tiêu của Nghị quyết cơ bản được thực hiện và có chiều hướng phát triển tốt. Số lượng khách du lịch đến Lào Cai ngày càng đông, doanh thu từ du lịch ngày càng tăng, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói, giảm nghèo, từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng dần tỷ trọng thương mại và dịch vụ du lịch.

Phần II

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH LÀO CAI GIAI ĐOẠN 2001-2005

I. MỤC TIÊU

Tiếp tục khai thác có hiệu quả tiềm năng du lịch của địa phương, kết hợp việc hoàn thiện các sản phẩm du lịch với đầu tư xây dựng cơ sở vật chất theo quy hoạch; đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ công nhân viên, nâng cao, chất lượng phục vụ hành khách, đặc biệt là khách du lịch đường dài, khách du lịch quốc tế... Nâng cao hiệu quả kinh doanh, nhằm tạo điều kiện phát triển du lịch trong những năm

đầu của thế kỷ XXI, đưa du lịch thành ngành kinh tế quan trọng, góp phần thúc đẩy ngành kinh tế khác phát triển, tạo điều kiện thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phần đầu GDP du lịch chiếm 20% trong tổng số GDP thương mại - dịch vụ và 5 - 6% trong tổng GDP của tỉnh vào năm 2005. Phần đầu tăng số lượng khách quốc tế vào năm 2005 là 260.000 lượt người, khách nội địa đạt khoảng 140.000 lượt người. Doanh thu du lịch đạt khoảng 80-100 tỷ đồng vào năm 2005.

Dự báo trong những năm tới, tốc độ tăng khách quốc tế đến Việt Nam khá cao (khoảng từ 18-22%). Riêng du lịch Lào Cai, sau năm 2000 dự kiến tốc độ tăng về doanh thu đạt 15-20% bao gồm các khâu lưu trú, ăn uống lễ hành, bán hàng lưu niệm và một số dịch vụ khác. Từ năm 2001 trở đi, khi các sản phẩm du lịch phong phú, chất lượng tăng sẽ có sức thu hút khách lớn và mức chi tiêu của khách sẽ tăng lên.

II. CÁC CHỦ TRƯỞNG VÀ BIỆN PHÁP CHỦ YẾU

1. Về cơ chế chính sách

Tiếp tục khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước kể cả cán bộ, viên chức của tỉnh đầu tư vào kinh doanh du lịch, được hưởng chính sách ưu đãi về thuê đất, nộp thuế ở mức thấp nhất trong khung thuế. Đặc biệt ưu đãi đối với việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho du lịch như: làm đường giao thông, tôn tạo di tích, hang động, bể bơi, khu vui chơi... được miễn giảm thuế theo quy định của Nhà nước, được thu phí để hoàn vốn. Tạo điều kiện thuận lợi và giải quyết nhanh chóng thủ tục xuất nhập cảnh cho du khách, nhưng vẫn bảo đảm tốt việc theo dõi, quản lý hành khách.

2. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật

Với tinh thần vừa đầu tư vừa khai thác, ưu tiên đầu tư những nơi đã xác định trọng điểm như Sa Pa, thị xã Lào Cai... và đầu tư đồng bộ

kết cấu hạ tầng, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư các công trình phục vụ du lịch nhằm tăng tính hấp dẫn, kéo dài thời gian lưu trú của khách. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về kinh doanh du lịch nhất là với tỉnh Vân Nam- Trung Quốc.

3. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về du lịch

Phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, nhằm đẩy mạnh hoạt động du lịch. Tạo điều kiện cho các doanh nghiệp mở rộng kinh doanh du lịch, làm nền tảng cho các thành phần kinh tế khác phát triển. Tăng cường công tác đào tạo cán bộ, xây dựng đội ngũ hướng dẫn viên, cán bộ quản lý du lịch ngang tầm với yêu cầu nhiệm vụ.

4. Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh lữ hành, đặc biệt là lữ hành quốc tế

Tổ chức tốt việc đưa đón khách trong nước đi du lịch sang Trung Quốc và mở rộng cho khách Trung Quốc đi sâu vào tỉnh Lào Cai và các tỉnh phía sau. Đồng thời chú trọng phát triển lữ hành nội địa, mở thêm các tuyến du lịch trong và ngoài tỉnh.

5. Tăng cường công tác tuyên truyền quảng bá trên các phương tiện thông tin đại chúng về tiềm năng du lịch Lào Cai

Nhằm cung cấp thông tin đến du khách một cách nhanh chóng, chính xác. Đồng thời nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và nhân dân về vai trò, tầm quan trọng của du lịch - một ngành kinh tế quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

6. Đa dạng hóa các loại hình du lịch nhằm nâng cao chất lượng du lịch và dịch vụ

Khai thác một cách hợp lý các tiềm năng tài nguyên và điều kiện thiên nhiên ưu đãi. Coi trọng việc đáp ứng nhu cầu, ăn, ở, đi lại, vui chơi và mua sắm hàng lưu niệm cho du khách. Nhanh chóng hoàn thành quy hoạch phát triển tổng thể du lịch Lào Cai đến năm 2010

và định hướng phát triển đến năm 2020. Đề nghị Nhà nước xếp Lào Cai vào hệ thống điểm du lịch quốc gia; nghiên cứu xây dựng sân bay Lào Cai tạo điều kiện thuận lợi cho khách đến Lào Cai. Đề nghị Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương có chương trình tổ chức một số hoạt động có tính đối ngoại khu vực (như lễ hội văn hóa, du lịch, thể thao, hội thảo...) tại Lào Cai để tỉnh có cơ hội thu hút khách du lịch, mặt khác tăng cường đầu tư vốn, khai thác các tiềm năng thế mạnh ở địa phương, thúc đẩy kinh tế du lịch Lào Cai phát triển.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

Số 85-BC/TU, ngày 19-7-2000

Tình hình thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TU về phát triển kinh tế đối ngoại giai đoạn 1996-2000

Để phấn đấu thực hiện những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ II đã đề ra, trên cơ sở phát huy nội lực, nắm bắt thời cơ, tận dụng những tiềm năng thế mạnh của tỉnh nhằm phát triển nền kinh tế hàng hóa theo hướng xuất khẩu. Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết số 02-NQ/TU, ngày 20-1-1997 về phát triển kinh tế đối ngoại giai đoạn 1996-2000. Qua hơn 3 năm thực hiện, đã đạt được những kết quả như sau:

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA TỈNH ỦY

Sau hội nghị triển khai nghị quyết về phát triển kinh tế đối ngoại giai đoạn 1996-2000 của tỉnh, các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc, các ban cán sự Đảng, Đảng đoàn đã mở hội nghị học tập quán triệt Nghị quyết. Huyện Mường Khương, huyện Bảo Thắng đã xây dựng nghị quyết chuyên đề, đa số các đơn vị còn lại xây dựng chương trình hành động, kế hoạch thực hiện nghị quyết về phát triển kinh tế đối ngoại của tỉnh. Các huyện, thị, đảng ủy, các ban cán sự, đảng đoàn đã triển khai, cụ thể hóa kế hoạch thực hiện nghị quyết của Tỉnh ủy, có chất

lượng, hiệu quả, đại bộ phận cán bộ, đảng viên, nhân dân đã có nhận thức đúng đắn về vai trò, tầm quan trọng của việc đẩy mạnh phát triển kinh tế đối ngoại.

Tuy nhiên, một số đơn vị tiến hành triển khai nghị quyết còn chậm, có nơi nghị quyết chỉ dừng lại ở bước triển khai đến Ban Chấp hành mở rộng không đến với cơ sở. Cá biệt huyện Bảo Yên, đến khi Tỉnh ủy tiến hành sơ kết nghị quyết, huyện mới triển khai. Nhận thức về việc sơ kết nghị quyết của một số huyện, thị còn chưa đúng đắn, một số đơn vị thực hiện không nghiêm Công văn số 200-CV/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc sơ kết 2 năm thực hiện Nghị quyết về phát triển kinh tế đối ngoại như Than Uyên, Bảo Yên, Bát Xát.

II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

1. Về tổ chức sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu

Sau hơn 3 năm thực hiện nghị quyết về phát triển kinh tế đối ngoại, trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển nền kinh tế - xã hội của tỉnh và quy hoạch chi tiết từng vùng, các cấp ủy chính quyền địa phương đã tập trung chỉ đạo nhân dân đẩy mạnh sản xuất các vùng tập trung chuyên canh và chế biến hàng xuất khẩu; bước đầu đã đạt được những mục tiêu về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo tinh thần Nghị quyết 01 của Tỉnh ủy về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đã định hướng hình thành vùng và tạo ra một số hàng hóa hướng về xuất khẩu như:

- Vùng mía Bảo Thắng 1.663 ha.
- Vùng chè Bảo Thắng 259 ha, Than Uyên 553 ha, Mường Khương 150 ha.
- Vùng thảo quả ở Bát Xát, Sa Pa, Văn Bàn: 2.194 ha.
- Vùng quế ở Văn Bàn 790 ha, Bảo Thắng 566 ha.
- Vùng cây ăn quả ở Văn Bàn 320 ha, Bảo Thắng 807 ha, thị xã Lào Cai 450 ha, Bắc Hà 2.384 ha...
- Vùng dưa thị xã Lào Cai, Mường Khương, Cam Đường 500 ha.

Từ đó đã tạo ra các loại sản phẩm xuất khẩu như: Thảo quả, đường mật, chuối, dưa, chè, nhãn, quế, dược liệu... song với ở dạng thô hoặc mới qua sơ chế nên làm lượng kỹ thuật trong hàng hóa ít, hiệu quả kinh tế thấp.

Trong công nghiệp đã đẩy mạnh khai thác khoáng sản xuất khẩu như tinh quặng đồng, quặng sắt, penstits và chế biến lâm sản xuất khẩu như giấy dế, dừa, đồ gỗ thủ công mỹ nghệ, thổ cẩm... và sản xuất được một số mặt hàng thay thế nhập khẩu như bia, xi măng, phân bón...

Việc đầu tư các cơ sở chế biến hàng xuất khẩu trên địa bàn có nhiều cố gắng. Tuy nhiên, so với tiềm năng thế mạnh và yêu cầu phát triển kinh tế đối ngoại của tỉnh còn chưa tương xứng. Tuy đã có một số cơ sở chế biến hàng xuất khẩu, song còn nhỏ bé, công nghệ, thiết bị thô sơ, sản phẩm qua chế biến chưa đa dạng, còn ít về chủng loại và sản lượng, mẫu mã chất lượng chưa bảo đảm tính cạnh tranh, khả năng chiếm lĩnh mà mở rộng thị trường hạn chế. Đa số các sản phẩm xuất khẩu ở dạng sơ chế như: Các loại quặng Fe, Cu, apatít, các sản phẩm nông - lâm nghiệp: đường, chè, sắn khô...; một lượng không đáng kể được chế biến thành phẩm là sản phẩm thủ công nghiệp: thổ cẩm, tranh sơn mài, đồ mỹ nghệ... song mới sản xuất ở mức phục vụ khách du lịch nước ngoài hoặc cơ sở sản xuất đang ở giai đoạn thử nghiệm.

Lực lượng lao động thu hút vào hoạt động chế biến hàng xuất khẩu còn tốt, hiệu quả của sản xuất chế biến hàng xuất khẩu chưa cao.

2. Hoạt động xuất nhập khẩu

a) Xuất khẩu

Với lợi thế của tỉnh có cửa khẩu quốc gia và quốc tế, thông thương với thị trường rộng lớn phía Tây Nam Trung Quốc, với những đòi hỏi không khắt khe so với các thị trường khác. Đây là một thuận lợi để tỉnh tăng cường hoạt động giao lưu kinh tế với nước bạn.

Từ năm 1996 đến năm 1998 giá trị xuất khẩu của tỉnh tăng mạnh; Riêng năm 1999 do ảnh hưởng của tình trạng thiếu phát ở thị trường Vân Nam - Trung Quốc các mặt hàng xuất khẩu (trừ quặng đồng và thảo quả) đều giảm mạnh cả về số lượng và giá cả như quặng sắt, đường phen... những tháng đầu năm 2000 khối lượng các mặt hàng xuất khẩu tăng, một số mặt hàng như tinh quặng đồng, thảo quả giá cả tăng hơn năm trước.

Từ năm 1996 đến nay, tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh tăng 155,43%, trong đó xuất khẩu trực tiếp tăng 124,1% và đạt 8 triệu USD năm 2000. Mặt hàng xuất khẩu ngày càng đa dạng về chủng loại, số lượng ngày càng lớn. Những mặt hàng xuất khẩu chính bao gồm:

- + Các loại quặng công nghiệp: Quặng sắt, tinh quặng đồng, apatít, pensfat.

- + Các sản phẩm nông - lâm nghiệp: gỗ, đồ thủ công mỹ nghệ, đường, chuối xanh, chít khô, sắn khô, bột hoàng liên, thảo quả, thực phẩm...

Một số tồn tại trong xuất khẩu: Các sản phẩm xuất khẩu có số lượng lớn như các loại quặng, các sản phẩm của nông - lâm nghiệp đều là sản phẩm thô hoặc mới qua sơ chế, là nguyên liệu hoặc bán thành phẩm vì vậy giá trị hàng hóa không cao. Những sản phẩm hoàn chỉnh, có hàm lượng kỹ thuật cao chiếm tỷ trọng rất thấp trong tổng giá trị hàng xuất khẩu.

Khâu liên doanh liên kết với các bạn hàng ở tuyến sau để khai thác nguồn hàng xuất khẩu đã được các doanh nghiệp địa phương chú trọng, song hiệu quả còn hạn chế, do năng lực kinh doanh còn yếu, vốn ít, nguồn hàng nghèo nàn. Lượng hàng xuất khẩu mà các doanh nghiệp của tỉnh khai thác được từ tuyến sau còn ít, tập trung một số mặt hàng như: bột hoàng liên, cà phê, cao su, quặng crôm, xà phòng, dép xộp... chủ yếu là làm dịch vụ xuất khẩu ủy thác cho các bạn hàng phía sau. Sự liên kết để tăng khả năng cạnh tranh kém, còn nặng về lợi ích cục bộ.

b) Nhập khẩu

Đã thực hiện chính sách về nhập khẩu của Nhà nước, đủ khả năng cung ứng cho thị trường, nhập khẩu trực tiếp năm 2000 ước đạt 4 triệu USD tăng 77,48% so với năm 1996, các mặt hàng nhập đều là thiết bị máy móc và các loại nguyên liệu phục vụ cho sản xuất như thiết bị công nghiệp, thạch cao, fên đơn, bột đao, khoai tây giống, thóc giống, lá thuốc lá, muối sun fát... là những mặt hàng trong nước có nhu cầu. Quá trình phát triển sản xuất trong tỉnh những năm qua đã đạt được những kết quả đáng kể, sản phẩm dần dần đã chiếm lĩnh được thị trường nội địa cạnh tranh với hàng hóa ngoại nhập cùng chủng loại.

Trong thời gian 1996-2000 công tác xuất nhập khẩu đã có sự điều chỉnh khá lớn, nguồn hàng xuất khẩu của địa phương ngày càng đa dạng, phong phú hơn.

Trong lĩnh vực quản lý xuất nhập khẩu, đặc biệt từ khi thực hiện Quyết định số 100-QĐ/TTg của Chính phủ về việc áp dụng thí điểm một số chính sách tại một số khu vực cửa khẩu biên giới Lào Cai, đã có nhiều sự chuyển biến tích cực, hoạt động xuất nhập khẩu tăng cao. Tuy vậy một số quy định của Bộ - Ngành ở Trung ương vẫn còn chồng chéo, chưa được thống nhất dẫn đến việc thực hiện ở cấp cơ sở gặp khó khăn, điển hình như vướng mắc về giám định, thẩm định chất lượng hàng hóa, kiểm dịch động vật, thực vật, y tế và việc thu lệ phí nhất là lệ phí kiểm dịch y tế quá cao, và một số sắc thuế đối với các hoạt động này còn chồng chéo bất hợp lý gây phản ứng từ phía các doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu và nhân dân. Hiện tại các doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu vẫn mang tính đơn lẻ, nặng về lợi ích cục bộ trước mắt của từng doanh nghiệp, không tạo được sức mạnh tổng hợp. Hiện tượng gian lận thương mại, buôn lậu vẫn còn diễn ra tuy ở mức độ không lớn.

3. Về thị trường

Vân Nam - Trung Quốc là thị trường xuất nhập khẩu chính của tỉnh, các doanh nghiệp đã tích cực tìm kiếm và mở rộng thị trường

sang Thái Lan, Nhật Bản, Philippin, đã xuất sang các thị trường này mặt hàng: apatít, feldspat nghiền, song mới ở giai đoạn chào hàng và giới thiệu sản phẩm, chưa có hợp đồng lớn.

Việc tìm kiếm và mở rộng thị trường đối với hàng xuất khẩu còn gặp nhiều khó khăn, do trình độ năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác marketing kém, chất lượng, chủng loại, mẫu mã hàng hóa và khả năng tài chính của các doanh nghiệp trong tỉnh còn hạn chế.

Cùng với việc đẩy mạnh tìm kiếm mở rộng thị trường bên ngoài, hệ thống chợ nông thôn vùng biên giới được quan tâm đầu tư xây dựng, góp phần kích thích đẩy mạnh sản xuất hàng hóa, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân giao lưu trao đổi hàng hóa giữa cư dân hai vùng biên giới.

4. Về vốn đầu tư

Kinh tế đối ngoại là một trong những lĩnh vực được tỉnh quan tâm đầu tư. Trong 3 năm qua, dù tiềm lực kinh tế của tỉnh còn hạn chế, song khoản đầu tư phục vụ cho sản xuất chế biến hàng xuất khẩu đạt 53,99 tỷ đồng, vốn đầu tư nhìn chung phát huy hiệu quả tốt.

Nguồn vốn đầu tư nước ngoài, đặc biệt là nguồn vốn đầu tư hỗ trợ phát triển (ODA) đối với Lào Cai rất quan trọng để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Trong thời gian qua, tỉnh đã chú trọng xây dựng các chương trình dự án, thu hút vốn từ bên ngoài. Tổng vốn đầu tư nước ngoài vào tỉnh từ năm 1996 đến năm 2000 là 445,685 tỷ đồng Việt Nam, vào 155 dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, điện, đường, nước, bệnh viện, trường học và đầu tư cho chương trình phát triển vùng đặc biệt khó khăn, xóa đói giảm nghèo. Đầu tư trực tiếp 100% vốn nước ngoài kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ khách sạn Victoria- Sa Pa.

Một số dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả tốt, góp phần cải thiện đời sống, nâng cao dân trí của một bộ phận dân cư. Đặc biệt các dự án đầu tư về giao thông, điện, nước đã góp phần đắc lực cho quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

5. Về việc tổ chức thực hiện

Nhìn chung các chính sách, giải pháp mà nghị quyết đề ra bước đầu đã thực hiện và thu được hiệu quả nhất định. Các nguồn vốn đầu tư hỗ trợ, vốn vay với lãi suất ưu đãi dưới nhiều hình thức, nhiều nguồn đã tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản xuất. Việc đầu tư các chương trình dự án như định canh định cư, VO6, 327, được lồng ghép hợp lý đã góp phần tích cực đối với quá trình chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi đúng hướng, hình thành được các vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh tập trung.

Chính sách chợ giá, trợ cước với mặt hàng nông lâm sản xuất khẩu được thực hiện, đã khuyến khích người sản xuất, thúc đẩy phát triển nhanh vùng sản xuất hàng hóa chuyên canh, tập trung phục vụ xuất khẩu.

Sự phát triển kinh tế hộ, kinh tế trang trại và dịch vụ với nguồn vốn đầu tư chủ yếu tự huy động ngoài vốn tín dụng ngân hàng, vốn tự có tập trung trong dân và nguồn đầu tư hỗ trợ, đầu tư trực tiếp của nước ngoài đã phát huy hiệu quả, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

6. Những tồn tại và nguyên nhân

a) Những tồn tại:

- Việc triển khai quán triệt nghị quyết đặc biệt ở các huyện, thị tiến hành còn chậm. Khâu tổ chức phổ biến nghị quyết tới người dân ở một số nơi còn mang tính hình thức. Nhiều cơ sở chỉ dừng ở mức quán triệt nghị quyết ở Ban Chấp hành Đảng bộ mở rộng. Vì vậy, sự chuyển biến nhận thức về kinh tế đối ngoại của không ít cán bộ cơ sở và nhân dân còn hạn chế. Mặt khác, quá trình tổ chức thực hiện nghị quyết chưa kịp thời, việc cụ thể hóa nghị quyết còn chậm, ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả trong việc đưa nghị quyết vào cuộc sống.

- Đã hình thành được một số vùng sản xuất chuyên canh song còn ở mức độ tản mạn. Năng suất, sản lượng một số loại cây trồng

tăng không đáng kể. Tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế chậm, một số huyện, thị cơ cấu kinh tế chuyển dịch về xuất khẩu chưa rõ nét.

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa của sản xuất nông - lâm nghiệp chưa được mở rộng. Tình trạng nhiều sản xuất tự tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm vẫn là phổ biến nên thường xuyên bị ép cấp, ép giá, chưa có chính sách bảo hiểm cho người sản xuất, chính sách hỗ trợ xuất khẩu.

- Đầu tư xây dựng phát triển cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu còn lúng túng về giải pháp, hướng đi, thiết bị, công nghệ lạc hậu, sản phẩm xuất khẩu chủ yếu ở dạng thô hoặc mới qua sơ chế, chưa phát huy cao được hiệu quả đầu tư.

Một số cá nhân, tập thể đã chạy theo lợi ích thiển cận, vi phạm các mặt hàng quy định cấm xuất khẩu như gỗ quý, song mây nguyên liệu, động vật quý hiếm.

- Kết quả việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài đạt thấp.

- Công tác quản lý hoạt động xuất nhập khẩu ở cửa khẩu đạt hiệu quả chưa cao, chưa có một đầu mối thống nhất chỉ đạo hay điều tiết hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp, chưa tạo được động lực cho hoạt động xuất nhập khẩu. Bộ máy quản lý hoạt động cửa khẩu còn chồng chéo, sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng thiếu đồng bộ, thiếu sự thống nhất trong quản lý giá cả xuất khẩu.

- Hiệu quả hoạt động dịch vụ đạt thấp, chưa tương xứng với tiềm năng, chưa thu hút được nhiều khách đến và lưu lại du lịch, đầu tư ở địa phương.

- Thanh toán xuất nhập khẩu với đối tác nước ngoài còn nhiều vướng mắc, quản lý chưa được chặt chẽ.

b) Nguyên nhân tồn tại:

- + Về chủ quan:

- Do trình độ năng lực đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ làm công tác kinh tế đối ngoại còn nhiều hạn chế, bất cập so với yêu cầu nhiệm vụ. Đội ngũ cán bộ cơ sở còn yếu, trình độ dân trí thấp, đã ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả việc thực hiện nghị quyết.

- Chưa khai thác được thị trường Vân Nam - Trung Quốc, khả năng tiếp thị, tìm kiếm và mở rộng thị trường hạn chế, đã ảnh hưởng trực tiếp tới tốc độ tăng trưởng của các ngành sản xuất. Chất lượng mẫu mã, giá cả sản phẩm hàng hóa sức cạnh tranh chưa cao.

+ Về khách quan:

- Cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội yếu kém chưa đáp ứng yêu cầu của sự phát triển, vị trí ở xa trung tâm kinh tế chính trị, văn hóa của cả nước, sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư và lượng vốn thu hút hạn chế.

- Thiếu vốn đầu tư, xây dựng cơ sở và phát triển sản xuất, chế biến, mua sắm trang thiết bị công nghệ. Thời hạn đầu tư tín dụng của các nguồn vốn chưa phù hợp chu kỳ sản xuất, đặc biệt là sản xuất nông, lâm nghiệp.

- Cơ chế quản lý hàng hóa xuất nhập khẩu, quản lý biên giới, v.v. chưa thật sự khoa học, chặt chẽ, còn nhiều sơ hở, chưa được thống nhất, chậm bổ sung sửa đổi cho phù hợp. Từ đó dẫn đến việc thực hiện ở cấp cơ sở gặp khó khăn, như vướng mắc về giám định, kiểm định chất lượng hàng hóa, kiểm dịch động, thực vật, y tế và việc thu lệ phí. Các quy định về thủ tục hành chính còn rườm rà, chưa thông thoáng. Phương tiện kiểm tra, kiểm soát còn thô sơ gây nên chậm trễ.

Đánh giá chung: Trên cơ sở phân tích đúng tiềm năng thế mạnh ở địa phương, Ban Chấp hành Đảng bộ khóa II đã đề ra Nghị quyết về phát triển kinh tế đối ngoại là đúng với yêu cầu của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, phù hợp với đặc điểm tình hình Lào Cai. Thực hiện tư tưởng chỉ đạo của nghị quyết với tinh thần cố gắng, quyết tâm, tỉnh đã đạt được những kết quả cụ thể: Kinh tế đối ngoại có sự tăng trưởng khá rõ nét, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tăng, thu ngân sách qua cửa khẩu tăng, thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước tăng, bước đầu đã khai thác được lợi thế của kinh tế cửa khẩu, lợi thế của một tỉnh có vị trí “đầu cầu”, nền kinh tế của tỉnh tiếp tục tăng trưởng, chuyển dịch đúng hướng, góp phần vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo.

III. NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG LỚN TRONG NHỮNG NĂM TIẾP THEO

- Về đầu tư: Tiến hành quy hoạch khu vực kinh tế cửa khẩu, xây dựng dự án khu chế xuất trình Chính phủ, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vào các khu mỏ, đầu tư công nghệ tiên tiến vào sản xuất hàng xuất khẩu, đầu tư phát triển vùng nguyên liệu.

- Về công tác đào tạo cán bộ: Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cả về lý luận và trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở. Chú trọng công tác đào tạo và đào tạo lại, bồi dưỡng, tập huấn... để nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ hoạt động trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại (về quản trị kinh doanh, luật kinh tế, luật thương mại quốc tế, tiếp thị, chuẩn bị đầu tư, quản lý đầu tư...). Quan tâm đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề.

- Về vốn đầu tư: Tăng cường làm tốt công tác chuẩn bị đầu tư để thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt coi trọng việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài, xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, tạo lập được các điều kiện thuận lợi và hấp dẫn các nhà đầu tư vào địa bàn. Ưu tiên vốn đầu tư và hỗ trợ cho sản xuất chế biến hàng xuất khẩu, đầu tư chiều sâu áp dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất, kinh doanh. Các nguồn vốn tín dụng, hỗ trợ sản xuất cần có thời hạn cho vay phù hợp chu kỳ sản xuất và lãi suất ưu đãi, đặc biệt phải xây dựng các dự án đầu tư có hiệu quả.

- Về thị trường: Đầu tư phát triển sản xuất đi đôi với việc tìm kiếm và mở rộng thị trường. Tăng cường tìm hiểu thị trường Vân Nam - Trung Quốc, định hướng hàng hóa xuất bán ở thị trường này, đẩy mạnh việc nắm thông tin các đối tác, phục vụ có hiệu quả cho hoạt động xuất nhập khẩu.

- Về chính sách bảo hộ sản xuất: Dùng hàng rào thuế quan để bảo hộ các sản phẩm nội địa đã sản xuất, bảo đảm chất lượng và số lượng. Tiếp tục nghiên cứu xây dựng quỹ trợ giá, trợ cước một số sản phẩm

nông sản xuất khẩu, đẩy mạnh việc nhân diện, phát triển vùng sản xuất hàng hóa xuất khẩu.

- Tiếp tục củng cố vị trí “đầu cầu” của tỉnh, có biện pháp thích hợp kịp thời khắc phục tồn tại, yếu kém, đầu tư xây dựng khu kinh tế cửa khẩu một cách hoàn thiện. Tập trung đầu tư vào những cây có khả năng xuất khẩu như chè, cây ăn quả, xoài, nhãn, vải, thảo quả và khai khoáng (sắt, đồng...). Huy động nhiều thành phần kinh tế tham gia sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu.

- Tăng cường quản lý nhà nước về kinh tế đối ngoại. Tiến hành sắp xếp lại bộ máy quản lý hoạt động của khẩu theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Cải cách thủ tục hành chính đảm bảo cơ chế “một cửa” thông thoáng. Tiếp tục nghiên cứu rà soát các cơ chế chính sách, chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp, tạo môi trường pháp lý, an toàn, thuận lợi cho hoạt động giao lưu kinh tế ở cửa khẩu.

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các nhà đầu tư vào Lào Cai. Nâng cao chất lượng các dịch vụ phục vụ cho các nhà đầu tư, quá trình đầu tư và các hoạt động xuất nhập khẩu, xuất nhập cảnh.

- Kiến nghị các bộ, ban ngành có liên quan, sớm giải quyết các vướng mắc trong việc định mức thu các loại lệ phí và tạo sự phối hợp đồng bộ, thống nhất cho cả hai bên trong các hoạt động giao lưu kinh tế qua cửa khẩu về phát triển kinh tế đối ngoại. Đề nghị Chính phủ cho phép thực hiện Quyết định số 100-QĐ/TTg của Chính phủ về việc áp dụng thí điểm một số chính sách tại một số khu vực cửa khẩu biên giới Lào Cai, tạo điều kiện thuận lợi cho việc gọi vốn đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội ở Lào Cai.

T/M BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN NGHĨA VŨ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ GIAO BAN NGÀY 17-7-2000

Số 541-TB/TU, ngày 19-7-2000

Ngày 17-7-2000, Thường trực Tỉnh ủy giao ban với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy đã thống nhất kết luận như sau:

- Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh:

+ Tập trung chỉ đạo giải quyết dịch bệnh trong gia súc nhất là dịch lở mồm long móng, tiếp tục có biện pháp cấm nhập gia súc từ Trung Quốc và địa bàn có dịch bệnh vào tỉnh ta.

+ Chỉ đạo các ngành kiểm tra kịp thời và có biện pháp khắc phục hậu quả mưa lũ ở Sa Pa, ổn định đời sống nhân dân.

+ Xây dựng kế hoạch năm 2001 và kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 trình Ban Thường vụ vào tháng 8-2000.

+ Xây dựng phương án sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, tổ chức gặp mặt 42 chủ nhiệm hợp tác xã và xây dựng phương án phát triển hợp tác xã trình Ban Thường vụ vào tháng 8-2000.

+ Lập kế hoạch thăm hỏi các gia đình thương binh, liệt sĩ nhân ngày 27-7.

- Nhất trí tiến hành Đại hội thi đua toàn tỉnh vào cuối tháng 7-2000, yêu cầu gửi báo cáo đại hội xin ý kiến các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ.

- Trong tháng 7 và đầu tháng 8 tập trung thực hiện xong việc kiểm điểm theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2).

- Giao Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy kiểm tra việc có liên quan đến cán bộ diện tỉnh quản lý ở Ban ngoại vụ - Biên giới và Huyện ủy Bát Xát và bài phát thanh trên Đài truyền thanh thị xã Cam Đường của ông Kiểm.

- Nhất trí cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tổ chức đoàn tham quan học tập kinh nghiệm ở miền Nam, kinh phí do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tự túc.

- Nhất trí cho Hội Nông dân tỉnh viết Tập san nhân kỷ niệm 70 năm ngày hành lập Hội, kinh phí do ngân sách tỉnh cấp.

- Việc Hội Nông dân tỉnh xin viết Lịch sử Hội thời kỳ 1945 - 2000 yêu cầu đăng ký đề tài khoa học năm 2001.

- Yêu cầu Ban Tổ chức Tỉnh ủy kiểm điểm nghiêm khắc về vụ tai nạn bỏng ở cơ quan, báo cáo Ban Thường vụ vào đầu tháng 8-2000.

- Nhất trí cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành thi công các đường nhánh từ đường Nguyễn Huệ xuống đường lên cầu Hồ Kiều II theo phương thức vừa thiết kế vừa thi công để kịp khánh thành cầu vào 15-8-2000. Yêu cầu kiểm tra và quản lý chặt chẽ.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Văn phòng xin thông báo để các cơ quan và cá nhân có liên quan biết và thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN HỘI NGHỊ BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
LẦN THỨ 58

Số 546-TB/TU, ngày 25-7-2000

Ngày 21-7-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp, đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì Hội nghị. Sau khi nghe các đồng chí Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Công nghiệp, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo các dự án, Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận như sau:

1- Nhất trí về chủ trương việc triển khai ô tô chở khách của 2 tỉnh Lào Cai - Việt Nam và Vân Nam - Trung Quốc vào địa giới của hai bên.

Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành chức năng bàn với đối tác, xin ý kiến Bộ và Chính phủ, xây dựng đề án cụ thể trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy về những vấn đề liên quan đến nội dung trên

2- Đồng ý cho các công ty sau đây, làm dự án đăng ký xin cấp giấy phép đầu tư 100% vốn nước ngoài tại Lào Cai:

- Công ty Vinh Thái, Hà Khẩu, Trung Quốc.
- Công ty Xuất nhập khẩu máy khâu nhãn hiệu Con bướm, Thượng Hải - Trung Quốc.
- Công ty đầu tư phát triển Hoa - Việt, Trung Quốc.

Ủy ban nhân dân tỉnh làm các thủ tục theo đúng quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và chỉ đạo các ngành chức năng nghiên cứu các khu vực đất dưới ga Lào Cai, Bắc Cường, khu từ Đài Phát thanh vào cầu Sập, chuẩn bị địa điểm cho các công ty.

3- Nhất trí cho phép Công ty trách nhiệm hữu hạn công nghệ Việt - Mỹ thuê đất trồng cây ăn quả tại Sa Pa. Giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các ngành liên quan làm các thủ tục theo đúng các quy định hiện hành.

4- Về báo cáo dự án, đề nghị của Sở Công nghiệp

Nhất trí cho khôi phục lại thủy điện Cốc San, huyện Bát Xát, Lào Cai (báo cáo số 36-CN/BC, ngày 20-7-2000 của Sở Công nghiệp).

Giao cho Công ty cơ khí và xây lắp công nghiệp Lào Cai làm chủ đầu tư. Nguồn vốn được vay từ quỹ hỗ trợ phát triển và tự huy động từ các nguồn khác

5- Cho phép Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức làm thí điểm tận thu 1.000 tấn gốc, rễ pơmu tại huyện Văn Bàn trong năm 2000. Yêu cầu Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo chặt chẽ việc tổ chức tận thu gốc, rễ pơmu, làm tốt công tác quản lý bảo vệ rừng, cuối năm tiến hành sơ kết báo cáo Chính phủ và Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

6- Về công tác thi đua:

Nhất trí đề nghị Nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba cho các tập thể và cá nhân có tên sau đây:

- Cán bộ công nhân viên Sở Địa chính.
- Cán bộ công nhân viên Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước.
- Cán bộ công nhân viên Công ty Khoáng sản Lào Cai.
- Đồng chí Phạm Đức Thuận, Giám đốc Sở Địa Chính.
- Đồng chí Trần Quốc Hoạt, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh.

7- Về công tác tổ chức cán bộ:

- Nhất trí đề bạt đồng chí Vũ Thăng Long, Giám đốc Công ty tư vấn công trình giao thông giữ chức vụ Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải tỉnh Lào Cai.

8- Giao cho Thường trực Ban chỉ đạo Kế hoạch 184 tiếp thu ý kiến của các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, hoàn chỉnh báo cáo

tình hình thực hiện Kế hoạch 184, đầu tháng 8-2000 báo cáo lại với Thường trực Tỉnh ủy chuẩn bị mở hội nghị sơ kết tình hình thực hiện Kế hoạch 184.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG
TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 425-QĐ/ĐU, ngày 25-7-2000

**Về việc thành lập Hội Cựu chiến binh thuộc Đảng ủy
các cơ quan tỉnh**

Căn cứ vào Chương IV Điều 7 Điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam quy định về nguyên tắc hệ thống tổ chức của Hội nghị Cựu chiến binh các cấp;

Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Tỉnh ủy họp ngày 19-6-2000 về công tác tổ chức cán bộ;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy sau khi trao đổi, thống nhất với Đảng ủy các cơ quan tỉnh,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều I: Thành lập Hội Cựu chiến binh thuộc Đảng ủy các cơ quan tỉnh Lào Cai từ ngày 1-8-2000.

Hội Cựu chiến binh có con dấu, tài khoản riêng, kinh phí hoạt động do ngân ngân sách địa phương cấp.

Điều II: Chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động của Hội Cựu chiến binh thuộc Đảng ủy các cơ quan tỉnh thực hiện theo quy định ban hành kèm theo quyết định này.

Đảng ủy các cơ quan tỉnh cử 1 cán bộ chuyên trách Hội Cựu chiến binh trong biên chế của Đảng ủy, bố trí nơi làm việc tại trụ sở Đảng ủy các cơ quan tỉnh.

Điều III: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Đảng ủy các cơ quan tỉnh và các cơ quan có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

QUY ĐỊNH
CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ CỦA
HỘI CỰU CHIẾN BINH THUỘC ĐẢNG ỦY
CÁC CƠ QUAN TỈNH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 425-QĐ/TU,
ngày 25-7-2000 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

1. Chức năng, nhiệm vụ

Hội Cựu chiến binh thuộc Đảng ủy các cơ quan tỉnh là một đoàn thể chính trị hoạt động theo điều lệ Hội Cựu chiến binh Việt Nam, dưới sự lãnh đạo trực tiếp về mọi mặt của Ban Chấp hành đảng bộ các cơ quan tỉnh và sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh Lào Cai. Hội Cựu chiến binh thuộc Đảng ủy các cơ quan tỉnh là cấp trên trực tiếp của các Hội Cựu chiến binh cơ sở của các ban, ngành, đơn vị trực thuộc Đảng ủy các cơ quan tỉnh, có nhiệm vụ sau:

- Tập hợp đoàn kết các cựu chiến binh ở các cơ quan, tạo điều kiện để cựu chiến binh tham gia xây dựng phát triển kinh tế, giúp đỡ nhau về tinh thần, vật chất, khi gặp khó khăn trong cuộc sống, giữ gìn, phát huy bản chất truyền thống các mạng của quân đội, thực hiện tốt nghĩa vụ công dân. Góp phần xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, giữ vững an ninh chính trị, chống “diễn biến hòa bình” ngăn ngừa, chống tham nhũng, tiêu cực, bảo vệ mục tiêu lý tưởng của Đảng, bảo vệ thành quả cách mạng xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Góp phần vào việc tổ chức và giáo dục thế hệ trẻ, kế thừa phát huy truyền thống cách mạng, tinh thần yêu nước, chủ nghĩa xã hội, tiếp bước cha anh làm tròn nghĩa vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Đóng góp ý kiến với Đảng, nhà nước xây dựng và thực hiện những chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ở cơ quan đơn vị và nơi cư trú.

- Thực hiện đường lối chính sách của Đảng và nhà nước, phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với tổ chức và cá nhân cựu chiến binh ở địa phương, phấn đấu vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

2. Phương hướng hoạt động tập trung vào những nội dung chủ yếu sau

- Tập hợp đoàn kết, giáo dục cựu chiến binh trong các cơ quan, đơn vị giữ gìn phát huy bản chất truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ” nâng cao ý thức trách nhiệm góp phần xây dựng và thực hiện có hiệu quả, các chương trình công tác của cơ quan, đơn vị.

- Tổ chức hướng dẫn hội viên chấp hành kỷ luật lao động, tích cực cải tiến phương hướng công tác, phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ được hội, cơ quan đơn vị giao cho.

- Tham gia xây dựng cơ quan, đơn vị trong sách vững mạnh, giáo dục bồi dưỡng truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ, góp phần xây dựng tổ chức đoàn và Hội Liên hiệp Thanh niên trong cơ quan hoạt động có hiệu quả.

- Chăm lo đời sống tinh thần và vật chất cho hội viên, tổ chức giúp đỡ nhau khi gặp khó khăn, hoạn nạn, bảo vệ những quyền lợi chính đáng và hợp pháp của hội viên khi bị xâm phạm.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 93-BC/TU, ngày 30-8-2000

Về tình hình Đại hội điểm các chi, đảng bộ cấp cơ sở

Thực hiện Công văn số 460-CV/VPTW, ngày 8-8-2000 của Văn phòng Trung ương về việc báo cáo tình hình Đại hội điểm các chi, đảng bộ cấp cơ sở, Tỉnh ủy Lào Cai báo cáo tình hình thực hiện làm điểm Đại hội các chi đảng bộ cấp cơ sở, tập trung một số nội dung chủ yếu sau:

1. Về tiến độ duyệt nội dung, nhân sự và tiến hành Đại hội

Đến nay 15/15 huyện, thị, đảng ủy trực thuộc đã triển khai Chỉ thị 54-CT/TW của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng và các văn bản hướng dẫn có liên quan đến tất cả các tổ chức cơ sở đảng, duyệt xong nội dung, nhân sự đại hội cơ sở Đảng.

Để phục vụ cho việc nghiên cứu đóng góp ý kiến và tổng hợp ý kiến đóng góp vào các văn kiện Đại hội Đảng cấp trên, Tỉnh ủy và các huyện, thị đảng ủy trực thuộc đã mở hội nghị bồi dưỡng báo cáo viên (ít nhất mỗi chi, đảng bộ cơ sở có 1 người) dự học tập và nghiên cứu các nội dung văn kiện dự thảo của cấp trên, nghe hướng dẫn tổng hợp ý kiến góp ý vào các báo cáo chính trị Đại hội Đảng cấp trên và văn kiện Đại hội Đảng IX, các nhiệm vụ công tác phục vụ Đại hội đảng các cấp.

Đến 30-8-2000 có 18/25 tổ chức cơ sở đảng được chọn làm điểm chỉ đạo. Ở các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc đã tiến hành Đại hội (kế hoạch 7/25 điểm chỉ đạo còn lại sẽ đại hội xong trước ngày 8-9-2000.

2. Đánh giá việc chuẩn bị và kết quả đại hội

Việc chuẩn bị tiến hành đại hội ở cơ sở đã được chỉ đạo gắn, kết hợp với cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn đảng, tự phê bình và phê bình nghiêm túc theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2). Các vấn đề bức xúc nổi lên ở cơ sở được tập trung giải quyết, trường hợp cán bộ đảng viên có vấn đề (đặc biệt đối với các đồng chí trong cấp ủy, lãnh đạo chính quyền, đoàn thể ở cơ sở) được xác minh làm rõ, có kết luận cụ thể trước khi chuẩn bị nhân sự và tổ chức Đại hội.

Tuy số lượng các tổ chức cơ sở đảng chỉ đạo điểm chưa tiến hành xong, nhưng thông qua việc duyệt nội dung và nhân sự chuẩn bị cho Đại hội và kết quả đại hội ở 18 tổ chức cơ sở đảng cho thấy: Các báo cáo kiểm điểm đã cơ bản có sự chuẩn bị khá chu đáo, đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng đắn kết quả thực hiện Nghị quyết của chi, đảng bộ nhiệm kỳ qua, làm rõ ưu điểm, khuyết điểm và nguyên nhân yếu kém. Đã đi sâu kiểm điểm tình hình thực hiện nhiệm vụ chính trị, tập trung vào những vấn đề cơ bản, bức xúc như: Phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo và cải thiện đời sống nhân dân, chuyển đổi cơ cấu kinh tế, xây dựng quan hệ sản xuất, công tác an ninh quốc phòng, công tác đảng, chính quyền, đoàn thể, củng cố đoàn kết nội bộ, việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, và bàn các giải pháp thực hiện nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục những tồn tại yếu kém, xây dựng chi, đảng bộ trong sạch, vững mạnh.

Nội dung góp ý vào các văn kiện của Trung ương, báo cáo chính trị của cấp ủy cấp trên được Đại hội cơ sở tổ chức thực hiện nghiêm túc, kỹ lưỡng; đảng viên đã tập trung tư tưởng đóng góp nhiều ý kiến thể hiện được trí tuệ và nguyện vọng của đảng viên ở cơ sở. Các ý kiến thảo luận ở các chi bộ đã được tổng hợp tương đối đầy đủ để báo cáo và thông qua trước đại hội.

Nhiệm vụ chính trị của chi, đảng bộ nhiệm kỳ tới được xác định trên cơ sở nhiệm vụ chính trị của chi, đảng bộ cơ sở được các huyện, thị, đảng ủy trực tiếp giao và tình hình thực tế ở địa phương. Đã tập trung nêu rõ mục tiêu, phấn đấu thực hiện trên từng lĩnh vực công tác phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng, xây dựng hệ thống chính trị...

Về công tác nhân sự: 15/15 huyện, thị, đảng ủy trực thuộc đã quán triệt đến cấp ủy cơ sở những quy định của điều lệ đảng, về tổ chức cấp ủy cơ sở đảng, tiêu chuẩn cấp ủy viên, các quy định về bầu cử, các quy chế và quy trình về công tác cán bộ, tham khảo ý kiến của các tổ chức quần chúng nhân dân giới thiệu người đủ tiêu chuẩn tham gia cấp ủy khóa mới. Các cấp ủy, đặc biệt là các tổ chức cơ sở đảng ở xã vùng cao, nhiều dân tộc đã chú ý đến cơ cấu hợp lý trên cơ sở đảm bảo tiêu chuẩn để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ lãnh đạo.

Đã bầu cấp ủy khóa mới đúng quy trình, quy định mới của Trung ương, đều giới thiệu nhân sự cấp ủy khóa mới dư 10% trở lên. Đảng viên đã thảo luận kỹ về cơ cấu, tiêu chuẩn. Các cơ sở đã đại hội điểm đều bầu ra các ban chỉ ủy (từ 3 đến 5 người), bầu bí thư, phó bí thư trong số các ủy viên ban chỉ ủy, gồm những đồng chí có đủ tiêu chuẩn, phẩm chất và năng lực, có tín nhiệm ở địa phương, cơ sở, có thành phần cơ cấu hợp lý, hơn 80% số cấp ủy viên có trình độ văn hóa trung học cơ sở trở lên, số còn lại có trình độ văn hóa tiểu học (ở các tổ chức cơ sở đảng xã vùng cao), khoảng 55% có trình độ trung cấp chính trị trở lên, tuổi đời bình quân giảm từ 1- 2 tuổi. Số cấp ủy mới đều trúng cử với tỷ lệ số phiếu cao, đúng dự kiến nhân sự được chuẩn bị. Không phát sinh những vấn đề gì mới nổi lên xung quanh kết quả đại hội.

Nhìn chung kết quả các Đại hội điểm ở tổ chức cơ sở đảng đã cơ bản đáp ứng yêu cầu theo tinh thần Chỉ thị số 54-CT/TW và so với nhiệm kỳ trước. Đại hội đã phát huy được dân chủ, tập trung trí tuệ của cán bộ đảng viên, nâng cao trách nhiệm, giữ vững kỷ cương, tăng cường đoàn kết. Đã thảo luận nghiêm túc các dự thảo báo cáo chính

trị, văn kiện Đại hội Đảng cấp trên, văn kiện Đại hội Đảng IX và dự thảo sửa đổi Điều lệ Đảng, kiểm điểm nghiêm túc việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cấp mình nhiệm kỳ qua, làm rõ những ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân, rút ra được những bài học nhằm phát huy ưu điểm, khắc phục tồn tại thiết thực để lãnh đạo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của chi, đảng bộ nhiệm kỳ tới.

Tuy nhiên, qua kết quả Đại hội ở các điểm chỉ đạo còn một số hạn chế là:

- Số ý kiến tham gia góp ý bổ sung vào các văn kiện Đại hội Đảng cấp trên, văn kiện Đại hội Đảng IX, dự thảo sửa đổi Điều lệ Đảng còn ít, một số đảng viên chưa nghiên cứu sâu các báo cáo chính trị Đại hội Đảng cấp trên, chất lượng các ý kiến tham gia hạn chế (do trình độ có hạn và chưa đầu tư thời gian nghiên cứu), nhiều ý kiến chung chung, kể nhiều về tình hình địa phương cơ sở, chưa đề xuất được những giải pháp thực hiện. Một số nơi chưa có định hướng những vấn đề trọng tâm, bức xúc cần tập trung thảo luận như vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xây dựng Đảng, thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở (đối với báo cáo và phương hướng nhiệm vụ của tổ chức cơ sở đảng).

- Một số đơn vị chưa rút ra được những bài học, đề ra được những giải pháp cụ thể, thiết thực để lãnh đạo nhanh chóng khắc phục những tồn tại yếu kém, thúc đẩy thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị.

- Việc ghi biên bản và tổng hợp ý kiến vào văn kiện Đại hội Đảng cấp trên ở một số cơ sở chưa khoa học, chưa phân loại làm rõ nội dung từng lĩnh vực các đảng viên tham gia góp ý, có nơi ghi chưa thực sự đầy đủ.

- Một số đơn vị thực hiện chương trình nghị sự Đại hội còn lúng túng, một số bước tiến hành chưa đúng quy trình, khoa học. Một số vấn đề phát sinh trong Đại hội chưa có biện pháp giải quyết phù hợp, kết quả bầu đại biểu đi dự Đại hội cấp trên ở một tổ chức cơ sở đảng chỉ đạo điểm (Sa Pa) chưa trúng nhân sự đã chuẩn bị.

- Một số nơi tiến hành đại hội chưa thực sự tạo được không khí phấn khởi chung của toàn dân, do chưa tạo được điều kiện cho dân tham gia vào dự thảo định hướng phát triển kinh tế - xã hội và công tác nhân sự cấp ủy địa phương, công tác tuyên truyền chào mừng đại hội Đảng các cấp làm chưa tốt.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 23-CT/TU, ngày 5-9-2000

Về việc luyện tập khu vực phòng thủ tỉnh Lào Cai

Thực hiện Nghị quyết 02 của Bộ Chính trị và các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước, Chính phủ về nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, để tiếp tục nâng cao trình độ năng lực lãnh đạo của cấp ủy Đảng, quản lý điều hành của chính quyền, năng lực tổ chức chỉ huy của cơ quan quân sự tỉnh và trình độ sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang trong khu vực phòng thủ.

Tỉnh ủy chỉ đạo tổ chức chuẩn bị và thực hành luyện tập khu vực phòng thủ tỉnh năm 2000; đề mục luyện tập “luyện tập lãnh đạo, chỉ huy có một phần cơ chế, thực hành di chuyển cơ quan ra khu vực bảo toàn lực lượng”.

Thành phần tham gia: Các đồng chí trong Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và một số sở, ban, ngành có liên quan.

Để luyện tập đạt kết quả cao, Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu:

1- Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và các sở, ban, ngành có liên quan phối hợp chặt chẽ, xây dựng các văn kiện đảm bảo luyện tập đạt kết quả tốt.

2- Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh làm tốt công tác chuẩn bị, tổ chức thực hành luyện tập sát với yêu cầu nhiệm vụ đơn vị và tình hình thực tế của địa phương. Quá trình luyện tập vận dụng sáng tạo các

quan điểm, tư tưởng của Đảng, đường lối chính sách của Nhà nước vào nhiệm vụ quốc phòng - an ninh để giải quyết hiệu quả các vấn đề đặt ra trong luyện tập. Quá trình chuẩn bị và thực hành diễn tập phải tuyệt đối giữ bí mật, bảo đảm an toàn, tiết kiệm, đạt hiệu quả cao, đồng thời không gây ảnh hưởng tới các nhiệm vụ khác của đơn vị.

3- Sau luyện tập trên cơ sở kết quả đã đạt được, tiếp tục đẩy mạnh xây dựng khu vực phòng thủ, củng cố thế trận quốc phòng - an ninh ngày càng vững chắc, giải quyết kịp thời có hiệu quả các tình huống xảy ra, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.

4- Thành lập Ban chỉ đạo luyện tập do đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Bí thư Đảng ủy Quân sự tỉnh làm trưởng ban, có sự tham gia của một số đồng chí trong Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, các đồng chí lãnh đạo Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh và một số các ban, ngành, đoàn thể của tỉnh để theo dõi chỉ đạo chặt chẽ luyện tập.

Thời gian luyện tập: từ ngày 10 đến ngày 20-9-2000.

Nhận được Chỉ thị này, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các cơ quan có liên quan nghiên cứu, quán triệt tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả với Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Văn phòng Tỉnh ủy).

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**BÍ THƯ
TRÁNG A PAO**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 59

Số 561-TB/TU, ngày 8-9-2000

Từ ngày 6-9 đến 7-9-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai họp Hội nghị lần thứ 59 dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao - Bí thư Tỉnh ủy, đã thống nhất kết luận như sau:

1. Nhất trí đặt tên cầu đường bộ qua sông Nậm Thi sang Trung Quốc tại khu vực cửa khẩu Lào Cai là “Hồ Kiều II”.

2. Nhất trí Tờ trình số 624-CV/UB, ngày 6-9-2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc quản lý khách và phương tiện chở khách du lịch của Trung Quốc đến các điểm du lịch của tỉnh Lào Cai.

3. Đồng ý về chủ trương cho Công ty hữu nghị Trường Giang xây dựng dự án thuê đất tại bãi nổi Soi Tiên để xây dựng khu du lịch, vui chơi, giải trí.

4. Đồng ý cho Sở Thương mại và Du lịch mời Cục Du lịch tỉnh Vân Nam - Trung Quốc và Châu Hồng Hà - Vân Nam - Trung Quốc sang khảo sát và hội đàm về hợp tác phát triển du lịch.

5. Đồng ý cho Sở Văn hóa - Thông tin - Thể thao mời đoàn nghệ thuật và thể thao tỉnh Vân Nam - Trung Quốc sang thăm, biểu diễn và thi đấu hữu nghị tại Lào Cai nhân kỷ niệm 50 năm giải phóng Lào Cai.

6. Nhất trí Tờ trình số 561-2000-TT/UB, ngày 7-8-2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua quy hoạch sử dụng đất đai tỉnh

Lào Cai đến năm 2010 và mục 8 Tờ trình số 619-CV/UB, ngày 5-9-2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về sử dụng đất theo Quyết định số 661-QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ.

7. Nhất trí thông qua dự thảo báo cáo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2001 tỉnh Lào Cai, với các nhiệm vụ, mục tiêu chủ yếu sau:

- Tập trung phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, vùng cao, vùng khó khăn.

- Đầu tư tập trung, dứt điểm, sớm đưa công trình vào sử dụng.

- Thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ cho các xã chưa phổ cập, giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập trong toàn tỉnh.

- Ổn định đời sống nhân dân, giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

- Xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc.

- Đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

- Tăng cường năng lực và hiệu quả điều hành của chính quyền các cấp.

- Tăng cường công tác kiểm tra và nâng cao trách nhiệm của từng cá nhân, từng ngành, từng cấp.

- Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, quản lý thu chi chặt chẽ.

- Tốc độ tăng trưởng GDP: 6,5%.

- Cơ cấu ngành kinh tế: Nông nghiệp: 48%; Công nghiệp - xây dựng: 19%; Dịch vụ: 33%.

- Tổng sản lượng lương thực quy thóc: 173.000 tấn.

- Kim ngạch xuất nhập khẩu địa phương: 15 triệu USD, trong đó xuất khẩu: 10 triệu USD.

- Thu ngân sách trên địa bàn: 235 - 237 tỷ đồng, trong đó thu nội địa 70 tỷ đồng trở lên.

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 2%.

- Tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi đến trường: 91%.

- Tỷ lệ nghèo đói giảm: 2%/năm.

- Tỷ lệ số hộ được cấp nước sạch sinh hoạt: 50%.
- Độ tán che phủ rừng: 34%.

8. Nhất trí Báo cáo số 58-BC/UB, ngày 6-9-2000 về sơ kết công tác đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước và kế hoạch sắp xếp đổi mới doanh nghiệp nhà nước của tỉnh Lào Cai năm 2000 và các năm tiếp theo, trong đó tập trung:

- Từ nay đến hết năm 2000 giải quyết dứt điểm những tồn tại về tài chính, lao động tại các đơn vị đã giải thể: Xí nghiệp chè Than Uyên II, Công ty vật liệu xây dựng, Công ty chế biến lâm sản; thành lập quỹ hỗ trợ sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp; xây dựng phương án quản lý hiệu quả Xí nghiệp gạch tuynel và có hướng chuyển ra khỏi thị xã; thành lập hệ thống bán lẻ trên địa bàn huyện Si Ma Cai.

- Từ 2001-2005 chỉ giữ lại 5 doanh nghiệp do nhà nước quản lý và đầu tư 100% vốn:

- + Xí nghiệp in.
- + Công ty vật tư nông nghiệp.
- + Công ty cấp thoát nước.
- + Công ty sách và thiết bị trường học.
- + Trạm đăng kiểm.

Các doanh nghiệp khác thực hiện cổ phần hóa, bán, khoán, cho thuê và giải thể.

Thừa lệnh Ban Thường vụ Văn phòng thông báo để các cơ quan và cá nhân có liên quan biết và thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

**PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG**

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 498-QĐ/ĐU, ngày 11-9-2000

**Về việc thành lập Đảng bộ,
chỉ định Ban Chấp hành lâm thời huyện Bắc Hà**

Căn cứ Nghị định số 36/2000-NĐ/CP, ngày 18-8-2000 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bắc Hà để tái lập huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai;

Căn cứ vào Điều 10 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Điều 6 Chương II Quyết định số 49-QĐ/TW, ngày 3-5-1999 của Bộ Chính trị về việc phân cấp quản lý cán bộ;

Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 7-9-2000 về việc thành lập Đảng bộ, chỉ định Ban Chấp hành lâm thời huyện Bắc Hà,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều I: Thành lập Đảng bộ huyện Bắc Hà trực thuộc Đảng bộ tỉnh Lào Cai kể từ ngày 15-9-2000. Chỉ định Ban Chấp hành lâm thời gồm 25 đồng chí; trong đó Ban Thường vụ Huyện ủy 9 đồng chí (có danh sách kèm theo)

Điều II: Nhiệm vụ

- Đảng bộ, Ban Chấp hành lâm thời huyện Bắc Hà thực hiện theo đúng Điều 9 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định.

- Nhiệm vụ của từng đồng chí ủy viên Ban Chấp hành, ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy do tập thể Ban Chấp hành lâm thời huyện Bắc Hà phân công.

Điều III: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Bắc Hà và các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành, ủy viên Ban Thường vụ (có tên trong danh sách kèm theo) có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ

TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH
CÁC ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ,
ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH LÂM THỜI
ĐẢNG BỘ HUYỆN BẮC HÀ

*(Kèm theo Quyết định số 498-QĐ/TU, ngày 11-9-2000
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

1- Đồng chí Giàng A Pao, Tỉnh ủy viên, Bí thư kiêm Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Bắc Hà giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Bắc Hà.

2- Đồng chí Đặng Văn Cảnh, Ủy viên Ban cán sự Đảng, Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy Bắc Hà.

3- Đồng chí Bùi Quốc Cân, Thường vụ, Thường trực, Trưởng ban Tuyên giáo Huyện ủy Bắc Hà, giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Bắc Hà.

4- Đồng chí Thào Seo Cấu, Chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Bắc Hà.

5- Đồng chí Vũ Lương, Chánh Văn phòng Huyện ủy Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Bắc Hà.

6- Đồng chí Giàng Seo Thào, Phó Chủ nhiệm, Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Bắc Hà.

7- Đồng chí Nguyễn Tiến Khôi, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Quân sự huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Bắc Hà.

8- Đồng chí Đỗ Thế Hồng, Phó Công an huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Bắc Hà.

9- Đồng chí Đặng Văn Chạy, Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Bắc Hà.

10- Đồng chí Tráng A Phù, Ủy viên Ban Chấp hành Thị ủy, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thị xã Lào Cai giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Bắc Hà.

11- Đồng chí Mai Thị Mơi, Huyện ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Bắc Hà.

12- Đồng chí Lương Ngọc Phương, cán bộ Ban Tuyên giáo Huyện ủy Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Bắc Hà.

13- Đồng chí Lý Văn Man, Huyện ủy viên, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Bắc Hà.

14- Đồng chí Lê Văn Phong, Huyện ủy viên, Trưởng phòng Giáo dục huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Bắc Hà.

15- Đồng chí Lê Trung Hòa, Huyện ủy viên, Trưởng phòng Công nghiệp - Xây dựng huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Bắc Hà.

16- Đồng chí Giàng Lao Vu, Bí thư Đảng ủy xã Bản Phố, huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Bắc Hà.

17- Đồng chí Giàng Thị Doa, Phó Chủ tịch Hội Phụ nữ huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Bắc Hà.

18- Đồng chí Bùi Xuân Hưởng, Huyện ủy viên, Bí thư huyện đoàn Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Bắc Hà.

19- Đồng chí Trần Thị Mùi, Huyện ủy viên, Giám đốc Ngân hàng huyện Bắc Hà, giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Bắc Hà.

20- Đồng chí Hoàng Tuấn Anh, Trưởng phòng Văn hóa - Thông tin huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành huyện Bắc Hà.

21- Đồng chí Lý Văn Thắng, Bí thư Đảng ủy xã Cốc Lầu, huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Bắc Hà.

22- Đồng chí Nguyễn Văn Bổng, Bí thư Đảng ủy thị trấn huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Bắc Hà.

23- Đồng chí Nguyễn Tiến Lực, Bí thư Đảng ủy xã Bảo Nhai, Huyện ủy Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Bắc Hà.

24- Đồng chí Phạm Ngọc Thu, Bí thư Đảng ủy xã Tà Chải, Huyện ủy Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Bắc Hà.

25- Đồng chí Sùng Seo Thống, Bí thư chi bộ Hoàng Thu Phố, Huyện ủy Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Bắc Hà.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 499-QĐ/ĐU, ngày 11-9-2000

Về việc thành lập Đảng bộ, chỉ định Ban Chấp hành lâm thời huyện Si Ma Cai

Căn cứ Nghị định số 36/2000/NĐ-CP, ngày 18-8-2000 của Chính phủ về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bắc Hà để tái lập huyện Si Ma Cai, tỉnh Lào Cai;

Căn cứ vào Điều 10 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Điều 6 Chương II Quyết định số 49-QĐ/TW, ngày 3-5-1999 của Bộ Chính trị về việc phân cấp quản lý cán bộ;

Căn cứ vào Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp ngày 7-9-2000 về việc thành lập Đảng bộ, chỉ định Ban Chấp hành lâm thời huyện Si Ma Cai,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều I: Thành lập Đảng bộ huyện Si Ma Cai trực thuộc Đảng bộ tỉnh Lào Cai kể từ ngày 15-9-2000. Chỉ định Ban Chấp hành lâm thời gồm 27 đồng chí; trong đó Ban Thường vụ Huyện ủy 9 đồng chí (có danh sách kèm theo).

Điều II: Nhiệm vụ

- Đảng bộ, Ban Chấp hành lâm thời huyện Si Ma Cai thực hiện theo đúng Điều 9 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam quy định.

- Nhiệm vụ của từng đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành, Ủy viên Ban Thường vụ do tập thể Ban Chấp hành lâm thời huyện Si Ma Cai phân công.

Điều III: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng bộ huyện Si Ma Cai và các đồng chí ủy viên Ban Chấp hành, ủy viên Ban Thường vụ (có tên trong danh sách kèm theo) có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH
CÁC ỦY VIÊN THƯỜNG VỤ,
ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH LÂM THỜI
ĐẢNG BỘ HUYỆN SI MA CAI
(khóa XIV nhiệm kỳ 2000-2005)

*(Kèm theo Quyết định số 499-QĐ/TU, ngày 11-9-2000
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

1- Đồng chí Phạm Khắc Xương, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy Si Ma Cai.

2- Đồng chí Lý Seo Lùng, Huyện ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà giữ chức Phó Bí thư Huyện ủy Si Ma Cai.

3- Đồng chí Giàng Seo Hòa, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy Bắc Hà giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Si Ma Cai.

4- Đồng chí Đoàn Ngọc Sáng, Huyện ủy viên, Chánh Căn phòng Huyện ủy Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Si Ma Cai.

5- Đồng chí Lưu Đức Trường, Phó Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Si Ma Cai

6- Đồng chí Phan Kế Toại, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Si Ma Cai.

7- Đồng chí Đỗ Công Toàn, Phó ban Chỉ huy Quân sự huyện Bảo Thắng giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Si Ma Cai.

8- Đồng chí Giàng Ly Pao, Phó phòng Tổ chức cán bộ Công an tỉnh giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Si Ma Cai.

9- Đồng chí Đỗ Minh Lương, Ủy viên, Trưởng ban Phong trào Mặt trận Tổ quốc tỉnh giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ Huyện ủy Si Ma Cai.

10- Đồng chí Thèn Dung Phù, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Si Ma Cai.

11- Đồng chí Giàng A Hòa, Viện trưởng Viện Kiểm sát huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Si Ma Cai.

12- Đồng chí Đỗ Đình Giao, Phó Văn phòng Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Si Ma Cai.

13- Đồng chí Nguyễn Hồng Sơn, Cán bộ tổng hợp Văn phòng Huyện ủy Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Si Ma Cai.

14- Đồng chí Nguyễn Xuân Điền, Phó Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Si Ma Cai.

15- Đồng chí Phạm Đình Thái, Phó phòng Giáo dục huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Si Ma Cai.

16- Đồng chí Nguyễn Văn Phúc, Phó phòng Công nghiệp - Xây dựng huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Si Ma Cai.

17- Đồng chí Trương Mạnh Hùng, Trưởng phòng Kế hoạch huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Si Ma Cai.

18- Đồng chí Đỗ Thị Thuận, Phó trưởng phòng Tài chính huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Si Ma Cai.

19- Đồng chí Vũ A Phên, Phó ban Dân vận - Dân tộc huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Si Ma Cai.

20- Đồng chí Hà Thị Thiệp, Quyền Chủ tịch Hội Phụ nữ huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Si Ma Cai.

21- Đồng chí Nguyễn Văn Hùng, Phó Bí thư Huyện đoàn giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Si Ma Cai.

22- Đồng chí Cư Seo Sùng, Bí thư xã Si Ma Cai, giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Si Ma Cai.

23- Đồng chí Vàng Seo Vàng, Bí thư xã Sín Chéng, giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Si Ma Cai.

24- Đồng chí Thèn Chuẩn Sín, Bí thư xã Bản Mế, giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Si Ma Cai.

25- Đồng chí Giàng Seo Vàng, Bí thư xã Sán Chải, giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Si Ma Cai.

26- Đồng chí Hảng Seo Sỳ, Huyện ủy viên, Bí thư xã Lùng Sui, giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Si Ma Cai.

27- Đồng chí Sùng Seo Nhà, Bí thư xã Cán Cấu, giữ chức vụ Ủy viên Ban Chấp hành Huyện ủy Si Ma Cai.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 59
Số 562-TB/TU, ngày 11-9-2000

Ngày 7-9-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp Hội nghị lần thứ 59 dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao - Bí thư Tỉnh ủy đã thống nhất kết luận như sau:

1. Thành lập Đảng bộ huyện Bắc Hà. Thành lập Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời huyện Bắc Hà gồm 25 đồng chí. Trong đó có 9 đồng chí là Ủy viên Thường vụ và phân công giữ các chức vụ sau:

1. Đồng chí Giàng A Pao - Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Bắc Hà giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy.

2. Đồng chí Đặng Văn Cảnh - Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải giữ chức vụ Phó Bí thư.

3. Đồng chí Bùi Quốc Cấn - Ủy viên Thường vụ, Thường trực, Trưởng ban Tuyên giáo giữ chức vụ Phó Bí thư thường trực.

4. Đồng chí Thào Seo Cấu - Chuyên viên Văn phòng Tỉnh ủy phân công chức vụ Trưởng ban Tổ chức.

5. Đồng chí Vũ Lương - Huyện ủy viên, Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân huyện phân công giữ chức vụ Trưởng ban Tuyên giáo.

6. Đồng chí Giàng Seo Thào - Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy.

7. Đồng chí Nguyễn Tiến Khôi - Chỉ huy trưởng Quân sự huyện giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ.

8. Đồng chí Đỗ Thế Hồng - Phó Công an huyện Bắc Hà giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ.

9. Đồng chí Đặng Văn Chạy - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ.

2. Thành lập Hội đồng nhân dân huyện trên cơ sở đại biểu Hội đồng nhân dân huyện còn lại trên địa bàn huyện Bắc Hà sau khi điều chỉnh địa giới hành chính, trong đó:

1. Đồng chí Giàng A Pao - Bí thư Huyện ủy giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện.

2. Đồng chí Mai Thị Mơi - Huyện ủy viên, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện.

3. Thành lập Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà lâm thời trong đó:

1. Đồng chí Đặng Văn Cảnh - Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

2. Đồng chí Đặng Văn Chạy - Ủy viên Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

3. Đồng chí Tráng A Phù - Thị ủy viên, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Lào Cai giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

4. Thành lập Đảng bộ huyện Si Ma Cai. Thành lập Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời gồm 27 đồng chí, trong đó có 9 đồng chí là Ủy viên Thường vụ và phân công giữ các chức vụ sau:

1. Đồng chí Phạm Khắc Xương - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy.

2. Đồng chí Lý Seo Lùng - Huyện ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy.

3. Đồng chí Giàng Seo Hòa - Ủy viên Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy Bắc Hà giữ chức vụ Phó Bí thư thường trực.

4. Đồng chí Đoàn Ngọc Sáng - Huyện ủy viên, Chánh Văn phòng Huyện ủy Bắc Hà phân công giữ chức vụ Trưởng ban Tổ chức.

5. Đồng chí Lưu Đức Trưởng - Phó ban Tổ chức Huyện ủy Bắc Hà phân công giữ chức vụ Trưởng ban Tuyên giáo.

6. Đồng chí Phan Kế Toại - Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bắc Hà giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra.

7. Đồng chí Đỗ Công Toàn - Phó Chỉ huy Quân sự huyện Bảo Thắng giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ.

8. Đồng chí Giàng Ly Pao - Phó phòng Tổ chức cán bộ Công an tỉnh giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ.

9. Đồng chí Đỗ Minh Lương - Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Trưởng phòng Phong trào giữ chức vụ Ủy viên Thường vụ.

5. Thành lập Hội đồng nhân dân huyện Si Ma Cai trên cơ sở các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện Bắc Hà cũ nay cư trú trên địa bàn huyện Si Ma Cai, trong đó:

1. Đồng chí Phạm Khắc Xương - Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà, giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện Si Ma Cai.

2. Đồng chí Giàng A Hòa, Viện trưởng Viện Kiểm sát huyện Bắc Hà giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện.

6. Thành lập Ủy ban nhân dân huyện Si Ma Cai lâm thời, trong đó:

1. Đồng chí Lý Seo Lùng - Huyện ủy viên, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bắc Hà giữ chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Si Ma Cai.

2. Đồng chí Đỗ Minh Lương - Ủy viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Trưởng phòng Phong trào giữ chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

3. Đồng chí Thèn Dung Phù - Phó Chủ tịch Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình huyện Bắc Hà giữ chức vụ Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện.

Giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và các cơ quan có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ

vụ thực hiện các nội dung thông báo trên kể từ ngày 15-9-2000 và tổ chức thực hiện việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện Bắc Hà, tái lập huyện Si Ma Cai sớm ổn định và đi vào hoạt động có hiệu quả.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 59
Số 563-TB/TU, ngày 11-9-2000

Ngày 6-9-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp hội nghị lần thứ 59 dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy, đã thống nhất kết luận như sau:

- Nhất trí thông qua Tờ trình số 620-TT/CT, ngày 6-9-2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc trình đề án kiện toàn tổ chức và tinh giản biên chế tỉnh Lào Cai như sau:

+ Về bộ máy: Cơ bản giữ vững ổn định và có thay đổi nhỏ: Chuyển bộ phận Tôn giáo ở Ban Tôn giáo - Dân tộc về Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh làm chức năng tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh trong quản lý nhà nước về tôn giáo; nhập Ủy ban dân số - kế hoạch hóa gia đình và Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em thành Ủy ban Dân số và Quyền trẻ em; trình Chính phủ giữ Ban ngoại vụ và Biên giới để phục vụ nhiệm vụ địa phương; bộ máy ở cấp huyện giữ nguyên như hiện nay; tăng cường quản lý các hội.

+ Về biên chế: Không giảm về số lượng, nhưng phải có đổi mới, đưa những người chưa có trình độ, không đủ năng lực ra khỏi bộ máy và tuyển người đủ tiêu chuẩn vào thông qua tổ chức thi tuyển nghiêm minh.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ GIAO BAN NGÀY 11-9-2000

Số 565-TB/TU, ngày 11-9-2000

Ngày 11-9-2000, Thường trực Tỉnh ủy giao ban với Thường trực Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy. Sau khi nghe Văn phòng Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình công tác trong tuần và những đề nghị của các ngành, đã thống nhất kết luận như sau:

1. Về sản xuất nông lâm nghiệp: Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh sản xuất nông lâm nghiệp; chú ý đầu tư đẩy nhanh tiến độ trồng rừng, trồng chè; chủ động chuẩn bị giống, phân bón... cho sản xuất vụ đông xuân 2000 - 2001 sắp tới.

2. Về công tác tổ chức và cán bộ: Đến 15-9-2000 công bố quyết định thành lập tổ chức bộ máy Đảng, chính quyền lâm thời huyện Si Ma Cai. Làm tốt công tác tư tưởng đối với đội ngũ cán bộ, nhân viên huyện Bắc Hà sẵn sàng nhận nhiệm vụ khi được phân công điều động đến nhận công tác tại huyện Si Ma Cai. Chỉ đạo thực hiện tốt việc chia ngân sách, tài sản và tổ chức thực hiện việc di chuyển, tập kết huyện Si Ma Cai kịp thời, sớm đi vào hoạt động.

3. Công tác Đảng: Tập trung chỉ đạo hoàn thành đại hội đảng cấp cơ sở, tổng kết đánh giá tình hình và kết quả đại hội các tổ chức cơ sở

đảng, hoàn thành việc chuẩn bị nội dung và nhân sự tiến tới Đại hội Đảng các huyện, thị, Đảng ủy trực thuộc.

4. Giải quyết những đề nghị của các ngành:

- Nhất trí đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 625-TT/UB, ngày 6-9-2000 về việc vận dụng 1 số chính sách cho học sinh đã tốt nghiệp trường Dân tộc nội trú huyện đang học tại các trường phổ thông trung học và bồi dưỡng giáo dục các huyện, trong năm học 2000 - 2001.

- Đồng ý đề nghị của Liên đoàn lao động tỉnh tại Tờ trình số 366-TT/LĐLĐ, ngày 31-8-2000 về việc triển khai hội thi sáng tạo kỹ thuật toàn quốc lần thứ VI.

Yêu cầu chọn một số đối tượng tham gia và những nội dung có ý nghĩa thiết thực, phù hợp tình hình thực tế địa phương.

Thừa lệnh Ban Thường vụ, Văn phòng xin thông báo để các đơn vị, cá nhân có liên quan biết và thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG TRI CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 10-TT/TU, ngày 12-9-2000

Về việc tổ chức Ngày Dân vận 15-10-2000

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Công văn số 4626-CV/VPTW, ngày 11-8-2000 về Ngày Dân vận cả nước;

Kế hoạch hướng dẫn của Ban Dân vận Trung ương số 03-KH/BDV, ngày 22-8-2000;

Với ý nghĩa thiết thực nhân 70 năm ngày truyền thống Dân vận cả nước. Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai yêu cầu các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở làm tốt một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

1. Tập trung tuyên truyền

Làm cho các cấp, các ngành, mỗi cán bộ, đảng viên, nhân dân nhận thức về Ngày Dân vận 15-10-2000 và kỷ niệm 70 năm truyền thống công tác dân vận đến trong lúc toàn Đảng, toàn dân ta đang tiến hành những công việc lớn: Phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ năm cuối của kế hoạch 5 năm (1996-2000) cán bộ bước sang thiên niên kỷ mới; Ngày Dân vận năm nay gắn với việc tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Đặc biệt, Ngày Dân vận được tiến hành vào dịp thực hiện bước 3 cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), mở đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Học tập lời dạy của Bác Hồ thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Chính trị và đồng chí Lê Khả Phiêu về công tác Dân vận trong lúc này có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

2. Những công việc cụ thể

a) Ở tỉnh

- Ban Dân vận - Dân tộc Tỉnh ủy phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các ngành liên quan tuyên truyền rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng về bài báo *Dân vận* của Bác Hồ; bài báo *Nhớ ngày 15-10* của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, để cán bộ đảng viên, công nhân, viên chức có điều kiện học tập thấm nhuần những chỉ dẫn, nhìn lại mình trong quan hệ với dân và làm tốt hơn công tác dân vận.

- Tổ chức các cuộc toạ đàm để gắn tư tưởng dân vận của Bác Hồ với kết quả triển khai quy chế dân chủ ở cơ sở, giới thiệu truyền thống công tác Dân vận, gương tốt trong công tác Dân vận của Đảng, chính quyền, các lực lượng vũ trang, Mặt trận và các đoàn thể, ý kiến nhân dân đóng góp về công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các tổ chức đoàn thể.

- Các ban cán sự Đảng đoàn, sở, ban, ngành, đoàn thể gắn với việc chỉ đạo công tác của mình hướng dẫn công nhân, viên chức, đoàn viên, hội viên cùng thực hiện tốt 4 việc mà đồng chí Tổng Bí thư nêu ra trong bài báo "*Nhớ ngày 15-10*".

b) Ở các huyện, thị và cơ sở

- Phát huy kết quả một năm thực hiện ngày dân vận, tiếp tục tuyên truyền nội dung bài báo *Dân vận* của Bác Hồ; bài báo *Nhớ ngày 15-10* của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu. Tuyên truyền về những gương tốt và kinh nghiệm công tác Dân vận của Đảng bộ, chính quyền, Mặt trận và các đoàn thể; kết quả các chương trình kinh tế - xã hội chăm lo đời sống nhân dân nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

- Trong sinh hoạt chi bộ tháng 10: Ôn bài báo *Dân vận* của Bác Hồ và bài *Nhớ ngày 15-10* của đồng chí Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu,

kiểm điểm lại những ưu, khuyết điểm, bàn biện pháp cụ thể để khắc phục những tồn tại yếu kém, làm tốt hơn nữa công tác dân vận của Đảng.

- Mỗi cán bộ, đảng viên, công chức gặp gỡ tiếp xúc 2 - 3 người ngoài Đảng ở đơn vị công tác hoặc nơi cư trú để lắng nghe ý kiến và nguyện vọng của nhân dân, tuyên truyền giải thích cho nhân dân về Đại hội Đảng các cấp; hướng dẫn nhân dân tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; tập hợp báo cáo với Đảng ý kiến của nhân dân đóng góp cho chi bộ và cán bộ đảng viên. Yêu cầu chi bộ báo cáo kết quả Ngày Dân vận cho Đảng bộ cấp trên và rút kinh nghiệm chỉ đạo.

- Ban Dân vận tham mưu cho cấp ủy tổ chức một số cuộc gặp mặt, thảo luận, tọa đàm và kỷ niệm một cách thích hợp theo tinh thần thiết thực, tiết kiệm nhằm động viên nhân tố tích cực, ôn lại truyền thống và trao đổi về kinh nghiệm công tác dân vận ở địa phương, cơ sở, củng cố tổ chức và nâng cao chất lượng công tác của Ban tham mưu về công tác Dân vận cho cấp ủy Đảng.

Để các hoạt động Ngày Dân vận 15-10-2000 (ngày Dân vận toàn quốc) đạt kết quả, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai yêu cầu các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chỉ đạo các ngành, các địa phương trong việc cụ thể hóa, sáng tạo Ngày Dân vận của cả nước vào hoàn cảnh cụ thể của mình đem lại hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 60
Số 569-TB/TU, ngày 19-9-2000

Ngày 18-9-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao - Bí thư Tỉnh ủy, đã thống nhất kết luận như sau:

1. Thành lập Trường công nhân kỹ thuật tỉnh Lào Cai trên cơ sở nâng cấp Trung tâm Hướng nghiệp dạy nghề thuộc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

- Đề bạt đồng chí La Đức Đan, Giám đốc Trung tâm hướng nghiệp dạy nghề giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường công nhân kỹ thuật tỉnh Lào Cai.

2. Thành lập Hội Châm cứu tỉnh Lào Cai. Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với Sở Y tế lựa chọn nhân sự báo cáo Ban Thường vụ và tiến hành chỉ đạo đại hội.

3. Đồng ý hỗ trợ kinh phí làm nhà cho:

* Các đồng chí hoạt động cách mạng trước năm 1945:

1. Đồng chí Phạm Minh Sinh: 80.000.000 đồng.

2. Đồng chí Nông Khai Tính: 80.000.000 đồng.

3. Đồng chí Lê Quát: 80.000.000đ.

* Các đồng chí hoạt động từ 1-1-1945 đến Cách mạng Tháng Tám 1945:

1. Đồng chí Nông Văn Hàm: 48.000.000 đồng.

2. Đồng chí Nguyễn Tân Tiến: 48.000.000 đồng.

3. Đồng chí Nguyễn Khả: 48.000.000 đồng.

Giao cho Ban Tổ chức Tỉnh ủy rà soát, lập danh sách các đồng chí cán bộ lão thành cách mạng và tiền khởi nghĩa để tiếp tục hỗ trợ tiền làm nhà và đất ở.

4. Nâng lương thường xuyên đợt I-2000 cho các đồng chí sau:

1. Trần Thị Mai Phương, Chánh thanh tra Sở Khoa học - Công nghệ - Môi trường từ bậc 1 mã ngạch 01002 hệ số 3,35 lên bậc 2 hệ số 3,63 từ 1-4-2000.

2. Đặng Văn Cảnh, Phó Giám đốc Sở Giao thông vận tải từ bậc 6 mã ngạch 01002 hệ số 4,75 lên bậc 7 hệ số 5,03 từ 1-5-2000.

3. Mạc Quốc Thái, chuyên viên chính - Ban Tổ chức chính quyền từ bậc 1 mã ngạch 01002 hệ số 3,35 lên bậc 2 hệ số 3,63 từ 1-4-2000.

4. Trần Hữu Sơn, Phó Giám đốc Sở Văn hóa - Thông tin - Thể thao từ bậc 2 mã ngạch 01002 hệ số 3,63 lên bậc 3 hệ số 3,91 từ 1-1-2000.

5. Nguyễn Đức Đôn, Phó Chánh Thanh tra tỉnh từ bậc 2 mã ngạch 04024 hệ số 3,73 lên bậc 3 hệ số 4,01 từ 1-7-2000.

6. Nguyễn Danh Chính, Phó Giám đốc Sở Y tế từ bậc 5 mã ngạch 01002 hệ số 4,47 lên bậc 6 hệ số 4,75 từ 1-1-2000.

7. Nguyễn Trọng Liên, Đoàn trưởng đoàn Bảo dưỡng Đường bộ I Lào Cai từ bậc 1 đơn vị hạng III hệ số 4,32 lên bậc 2 hệ số 4,6 từ 1-1-2000.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ VĂN PHÒNG
PHẠM NGỌC THẮNG

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 63

Số 590-TB/TU, ngày 25-10-2000

Ngày 23-10-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp hội nghị lần thứ 63 dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao - Bí thư Tỉnh ủy. Sau khi xem xét kết quả thăm dò giới thiệu các chức danh Bí thư và Phó Bí thư tại Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Văn Bàn, Ban Thường vụ thống nhất kết luận như sau:

1. Nhất trí cho Ban Chấp hành Huyện ủy Văn Bàn khóa XVII bầu Ban Thường vụ, chức danh Bí thư, các Phó Bí thư, Chủ nhiệm, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra và phân công các đồng chí trong Ban Thường vụ theo Thông báo số 576-TB/TU, ngày 28-9-2000 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai.

2. Từ nay đối với Đại hội huyện, thị xã và các Đảng bộ trực thuộc, sau khi lấy phiếu thăm dò xong, tổ chuyên viên tiến hành kiểm phiếu ngay và thông báo kết quả cho đồng chí được Ban Thường vụ Tỉnh ủy phân công dự và chỉ đạo Đại hội quyết định ngay:

- Nếu số phiếu thăm dò các chức danh Bí thư và các Phó Bí thư đạt kết quả từ 60% trở lên thì cho Ban Chấp hành tiến hành bầu ngay Ban Thường vụ, Bí thư và các phó Bí thư, Ủy ban Kiểm tra và phân công nhiệm vụ cho các đồng chí ủy viên Ban Thường vụ.

- Nếu kết quả thăm dò thấp hơn 60% thì phải báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét lại.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 63

Số 595-TB/TU, ngày 26-11-2000

Ngày 28-9-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Lào Cai họp duyệt dự thảo báo cáo và nhân sự Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bảo Yên lần thứ XII nhiệm kỳ 2000 - 2005, đồng chí Tráng A Pao - Bí thư Tỉnh ủy chủ trì cuộc họp, đã thống nhất kết luận như sau:

1. Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Yên tiếp thu ý kiến các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉnh sửa các dự thảo báo cáo chính trị, báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, báo cáo thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của Huyện ủy Bảo Yên trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XII.

2. Ban Chấp hành Huyện ủy khóa XII nhiệm kỳ 2000 - 2005 gồm 33 đồng chí. Ban Thường vụ Huyện ủy khóa XII gồm 11 đồng chí trong đó bầu và phân công như sau:

1- Đồng chí Vi Lam Sơn, giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy - Chủ tịch Hội đồng nhân dân

2- Đồng chí Nguyễn Gia Lợi, giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực

3- Đồng chí Hoàng Ngọc Chuyên, giữ chức vụ Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân

4- Đồng chí Vi Văn Khoa, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ-Trưởng Công an huyện

5- Đồng chí Nguyễn Tiến Dũng, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ- Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân

6- Đồng chí Đặng Xuân Thiều, giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra

7- Đồng chí Hà Trọng Luân, giữ chức vụ Trưởng ban Tuyên giáo

8- Đồng chí Đỗ Lê Tín, giữ chức vụ Trưởng ban Tổ chức

9- Đồng chí Hoàng Đức Ngọt, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ- Chỉ huy trưởng Quân sự huyện

10- Đồng chí Hoàng Văn Thoại, giữ chức vụ Trưởng ban Dân vận

11- Đồng chí Hà Thị Phú, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ- Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 64
Số 596-TB/TU, ngày 6-11-2000

Ngày 4-11-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp hội nghị lần thứ 64 dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

Sau khi nghe đồng chí Nguyễn Văn Lăng, Bí thư Thị ủy Lào Cai trình bày các dự thảo báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ Thị xã trình Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ XII và dự kiến nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Thị ủy khóa XII, các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và thống nhất kết luận như sau:

1. Ban Thường vụ Thị ủy Lào Cai tiếp thu ý kiến của các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉnh sửa các báo cáo trình Đại hội Đảng bộ Thị xã lần thứ XII.

2. Tổng số Ban Chấp hành Đảng bộ Thị xã: 31 đồng chí. Ban Thường vụ Thị ủy: 9 đồng chí trong đó bầu và phân công như sau:

- 1- Đồng chí Nguyễn Ngọc Kim, giữ chức vụ Bí thư Thị ủy
- 2- Đồng chí Trịnh Văn Thanh, giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực
- 3- Đồng chí Cao Đức Hải, giữ chức vụ Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân

- 4- Đồng chí Vũ Năng Đại, giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
- 5- Đồng chí Nguyễn Văn Thuyết, giữ chức vụ Trưởng ban Tổ chức
- 6- Đồng chí Nguyễn Danh Pho, giữ chức vụ Trưởng ban Tuyên giáo

7- Đồng chí Nguyễn Thanh Dương, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ

8- Đồng chí Đào Xuân Hanh, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ

9- Đồng chí Phan Minh Chanh, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 64
Số 597-TB/TU, ngày 6-11-2000

Ngày 4-11-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp hội nghị lần thứ 64 dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy. Sau khi nghe đồng chí Nguyễn Đình Vững, Bí thư Huyện ủy Mường Khương trình bày các dự thảo báo cáo của Ban Chấp hành Huyện ủy trình Đại hội Đảng bộ khóa XX và dự kiến nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy khóa XX, các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và thống nhất kết luận như sau:

1. Ban Thường vụ Huyện ủy Mường Khương tiếp thu ý kiến của các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉnh sửa các báo cáo trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XX.

2. Đồng chí Nguyễn Đình Vững, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư Huyện ủy Mường Khương không tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ huyện khóa XX. Đồng chí Vững có trách nhiệm cùng Ban Chấp hành Đảng bộ huyện chuẩn bị và tiến hành đại hội Đảng bộ huyện khóa XX thành công tốt đẹp. Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ điều động đồng chí Vững ra công tác tại Tỉnh ủy ngay sau khi Đại hội Đảng bộ huyện tiến hành xong.

3. Tổng số Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương: 31 đồng chí; Ban Thường vụ: 9 đồng chí trong đó bầu và phân công như sau:

- 1- Đồng chí Sùng Chúng, giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy
 - 2- Đồng chí Nùng Chấn Phìn, giữ chức vụ Phó Bí thư Thường trực - Chủ tịch Hội đồng nhân dân
 - 3- Đồng chí Tạ Đình Bảng, giữ chức vụ Phó Bí thư - Chủ tịch Ủy ban nhân dân
 - 4- Đồng chí Sin Văn Dền, giữ chức vụ Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra
 - 5- Đồng chí Nguyễn Văn Lọc, giữ chức vụ Trưởng ban Tổ chức
 - 6- Đồng chí Ngô Đức Vũ, giữ chức vụ Trưởng ban Tuyên giáo
 - 7- Đồng chí Lê Kim Quát, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ
 - 8- Đồng chí Tráng A Chơ, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ
 - 9- Đồng chí Chu Thanh Lý, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ.
- Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 64
Số 604-TB/TU, ngày 10-11-2000

Ngày 6-11-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp Hội nghị lần thứ 64 dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

Sau khi nghe đồng chí Doãn Văn Hưởng, Bí thư Huyện ủy Bảo Thắng trình bày các dự thảo báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV (nhiệm kỳ 2001-2005) và dự kiến nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy khóa XXIV, các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và thống nhất kết luận như sau:

1. Ban Thường vụ Huyện ủy Bảo Thắng tiếp thu ý kiến của các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chỉnh sửa các báo cáo trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XXIV (nhiệm kỳ 2001-2005).

2. Tổng số Ban Chấp hành Đảng bộ huyện: 33 đồng chí. Ban Thường vụ Huyện ủy: 11 đồng chí trong đó bầu và phân công như sau:

1- Đồng chí Doãn Văn Hưởng, Bí thư Huyện ủy.

2- Đồng chí Mai Quốc Tồ, Phó Bí thư thường trực, Chủ tịch Hội đồng nhân dân huyện.

3- Đồng chí Phạm Đình Chương, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

4- Đồng chí Lưu Đức Cường, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Dân vận Huyện ủy.

5- Đồng chí Ngô Thị Cúc, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức Huyện ủy.

6- Đồng chí Hoàng Văn Huyền, Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy.

7- Đồng chí Lê Văn Viêm, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban tuyên giáo Huyện ủy

8- Đồng chí Phạm Đình Quê, Ủy viên Ban Thường vụ, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

9- Đồng chí Nguyễn Hữu Xuyên, Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng công an huyện.

10- Đồng chí Trần Tiến Hưng, Ủy viên Ban Thường vụ, Chỉ huy trưởng Quân sự huyện.

11- Đồng chí Vũ Hồng Giang, Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư Đảng ủy thị trấn Phố Lu.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 64
Số 606-TB/TU, ngày 13-11-2000

Ngày 6-11-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp hội nghị lần thứ 64 dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy.

Sau khi nghe đồng chí Nguyễn An Toàn, Bí Huyện ủy Sa Pa trình bày các dự thảo báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa trình Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Sa Pa lần thứ XIX và dự kiến nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy khóa XIX nhiệm kỳ 2000 - 2005, các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và thống nhất kết luận như sau:

1. Ban Thường vụ Huyện ủy Sa Pa tiếp thu ý kiến của các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chỉnh sửa các báo cáo trình Đại hội Đảng bộ huyện Sa Pa lần thứ XIX.

2. Tổng số Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa: 29 đồng chí. Ban Thường vụ Huyện ủy: 9 đồng chí trong đó bầu và phân công như sau:

- 1- Đồng chí Nguyễn An Toàn, giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy.
- 2- Đồng chí Nguyễn Tân, Phó Bí thư thường trực Huyện ủy.
- 3- Đồng chí Hoàng Kim Thái, Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.
- 4- Đồng chí Phan Anh Đăng, Ủy viên Ban Thường vụ
- 5- Đồng chí Đỗ Đình Bình, Ủy viên Ban Thường vụ

6- Đồng chí Phan Đình Thống, Ủy viên Ban Thường vụ

7- Đồng chí Lương Tiến Dũng, Ủy viên Ban Thường vụ

8- Đồng chí Vũ A Cổ, Ủy viên Ban Thường vụ

9- Đồng chí Bùi Trung Đông, Ủy viên Ban Thường vụ.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 64 VÀ LẦN THỨ 65

Số 607-TB/TU, ngày 14-11-2000

Ngày 8 và ngày 13-11-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp hội nghị lần thứ 64 và lần thứ 65. Sau khi nghe đồng chí Lâm Văn Đính, Bí thư Đảng ủy các cơ quan tỉnh trình bày các dự thảo báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ trình Đại hội đại biểu Đảng bộ các cơ quan tỉnh lần thứ III và dự kiến nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan tỉnh khóa III nhiệm kỳ 2000 - 2005, các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và thống nhất kết luận như sau:

1. Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan tỉnh tiếp thu ý kiến của các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, chỉnh sửa các báo cáo trình đại hội đại biểu Đảng bộ các cơ quan tỉnh lần thứ III.

2. Các đồng chí Lâm Văn Đính, Bí thư Đảng ủy các cơ quan Tỉnh, đồng chí Đào Sinh Quân - Ủy viên Ban Thường vụ, Trưởng ban Tổ chức, đồng chí Dương Thị Xuân - Ủy viên Ban Thường vụ, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra, không tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ khóa III (nhiệm kỳ 2000 - 2005). Ba đồng chí có tên trên có trách nhiệm cùng Ban Chấp hành Đảng bộ chuẩn bị và tiến hành Đại hội Đảng bộ các cơ quan tỉnh khóa III (nhiệm kỳ 2000 - 2005). Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ thông báo để các đồng chí nghỉ làm thủ tục hưu trí sau khi Đại hội Đảng bộ tiến hành xong.

3. Tổng số Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan tỉnh nhiệm kỳ 2000 - 2005 có 21 đồng chí. Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan tỉnh: 7 đồng chí, trong đó bầu và phân công như sau:

1- Đồng chí Lù Thị Hiệp, giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy các cơ quan tỉnh

2- Đồng chí Phạm Thành, Phó Bí thư Đảng ủy các cơ quan tỉnh

3- Đồng chí Nguyễn Văn Thực, Ủy viên Ban Thường vụ

4- Đồng chí Nguyễn Hữu Thể, Ủy viên Ban Thường vụ

5- Đồng chí Bùi Sỹ Thìn, Ủy viên Ban Thường vụ

6- Đồng chí Lương Ngọc Cấp, Ủy viên Ban Thường vụ

7- Đồng chí Nguyễn Trí Tuệ, Ủy viên Ban Thường vụ.

Các cơ quan và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC

NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 65

Số 616-TB/TU, ngày 16-11-2000

Ngày 15-11-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp Hội nghị lần thứ 65 dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy để duyệt nội dung Đại hội Đảng bộ thị xã Cam Đường.

Sau khi nghe các đồng chí Nguyễn Văn Hòa, Bí thư Thị ủy, đồng chí Lộc Hoàng Lường - Phó Bí thư và đồng chí Trần Văn Việt - Phó Bí thư thường trực lần lượt trình bày các dự thảo báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Cam Đường khóa II trình Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ III nhiệm kỳ 2000 - 2005 và dự kiến nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Thị ủy Cam Đường khóa III, các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và thống nhất ý kiến như sau:

1. Ban Thường vụ Thị ủy Cam Đường tiếp thu ý kiến của các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc chỉnh sửa, bổ sung các báo cáo trình Đại hội Đảng bộ thị xã lần thứ III.

2. Về phương án nhân sự:

Số lượng ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ: 29 đồng chí

Ban Thường vụ Thị ủy: 9 đồng chí

Trong đó: Bầu và phân công như sau:

1. Đồng chí Nguyễn Văn Hòa, giữ chức vụ Bí thư Thị ủy
2. Đồng chí Trần Văn Việt, giữ chức vụ Phó Bí thư thường trực
3. Đồng chí Lộc Hoàng Lường, giữ chức vụ Phó Bí thư

4. Đồng chí Nguyễn Xuân Sách, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ
5. Đồng chí Đặng Văn Quỳnh, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đồng chí Hoàng Văn Thái, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ
7. Đồng chí Đào Thị Xuân, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ
8. Đồng chí Lương Quang Mạnh, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ
9. Đồng chí Trần Ngọc Xuyên, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ.

Các cơ quan đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 65
Số 617-TB/TU, ngày 16-11-2000

Ngày 15-11-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp Hội nghị lần thứ 65 dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy để duyệt nội dung Đại hội Đảng bộ huyện Bát Xát.

Sau khi nghe đồng chí Hoàng Đức Tiêu, Bí thư Huyện ủy Bát Xát trình bày các dự thảo báo cáo của Ban Chấp hành Huyện ủy trình Đại hội Đảng bộ huyện khóa XIX và dự kiến nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy Bát Xát khóa XIX, các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và thống nhất ý kiến như sau:

1. Ban Thường vụ Huyện ủy Bát Xát tiếp thu ý kiến của các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc chỉnh sửa, bổ sung các báo cáo trình Đại hội Đảng bộ huyện Bát Xát lần thứ XIX.

2. Tổng số Ban Chấp hành Đảng bộ: 33 đồng chí

Ban Thường vụ Huyện ủy: 11 đồng chí

Và phân công như sau:

1. Đồng chí Hoàng Đức Tiêu, giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy
2. Đồng chí Lê Thanh Hải, giữ chức vụ Phó Bí thư thường trực
3. Đồng chí Lý Láo Tả, giữ chức vụ Phó Bí thư
4. Đồng chí Lý Thị Phụng, giữ chức Ủy viên Ban Thường vụ
5. Đồng chí Nông Văn Sam, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đồng chí Đặng Minh Giám, giữ chức Ủy viên Ban Thường vụ

7. Đồng chí Bùi Hữu Lợi, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ
8. Đồng chí Vũ Xuân Dung, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ
9. Đồng chí Nguyễn Hữu Định, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ
10. Đồng chí Phạm Văn Thắng, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ
11. Đồng chí Lê Như Sâm, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ.

Các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ LẦN THỨ 65
Số 618-TB/TU, ngày 16-11-2000

Ngày 14-11-2000, Ban Thường vụ Tỉnh ủy họp Hội nghị lần thứ 65 dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Bí thư thường trực Tỉnh ủy để duyệt nội dung Đại hội Đảng bộ huyện Than Uyên.

Sau khi nghe đồng chí Nguyễn Xuân Đạc, Bí thư Huyện ủy Than Uyên trình bày các dự thảo báo cáo của Ban Chấp hành Huyện ủy khóa XIII trình Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIV và dự kiến nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Huyện ủy Than Uyên khóa XIV, các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã thảo luận và thống nhất ý kiến như sau:

1. Ban Thường vụ Huyện ủy Than Uyên tiếp thu ý kiến của các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc chỉnh sửa, bổ sung các báo cáo trình Đại hội Đảng bộ huyện Than Uyên lần thứ XIV.

2. Về phương án nhân sự:

Số lượng ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ: 33 đồng chí

Ban Thường vụ Huyện ủy: 11 đồng chí

Trong đó: Bầu và phân công như sau:

1. Đồng chí Nguyễn Tiến Doanh, giữ chức vụ Bí thư Huyện ủy
2. Đồng chí Hoàng Văn Hồi, giữ chức vụ Phó Bí thư thường trực
3. Đồng chí Hoàng Văn Bông, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ
4. Đồng chí Phạm Văn Tơ, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ

5. Đồng chí Hà Văn Um, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ
6. Đồng chí Nguyễn Văn Biển, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ
7. Đồng chí Trần Đức Vương, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ
8. Đồng chí Phan Bá Quyết, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ
9. Đồng chí Tòng Văn Chúc, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ
10. Đồng chí Vũ Ngọc Rinh, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ
11. Đồng chí Nguyễn Văn Bộ, giữ chức vụ Ủy viên Ban Thường vụ.

3. Đồng chí Nguyễn Xuân Đạc, Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy, không tham gia Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên nhiệm kỳ 2000 - 2005. Sau Đại hội Đảng bộ huyện, đồng chí được nghỉ công tác làm thủ tục nghỉ hưu theo quy định hiện hành.

Các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan căn cứ chức năng nhiệm vụ thực hiện Thông báo này.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
TẠI HỘI NGHỊ GIAO BAN NGÀY 20-11-2000

Số 623-TB/TU, ngày 24-11-2000

Ngày 20-11-2000, Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh đã họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy.

Sau khi nghe Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo tình hình công tác, hội nghị đã thảo luận và đồng chí Bí thư Tỉnh ủy đã kết luận như sau:

1. Về kinh tế

- Tập trung đẩy mạnh việc trồng chè, tăng cường công tác kiểm tra, đôn đốc phấn đấu trồng mới 500 ha chè năm 2000.

- Kịp thời giải ngân khối lượng xây dựng cơ bản năm 2000. Hội đồng nhân dân tỉnh tập trung kiểm tra, giám sát, nếu có vướng mắc phải kịp thời giải quyết để thực hiện đạt kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2000.

Về dự án xây dựng quốc lộ 279 Nghĩa Đô - Văn Bàn, Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ vào hiện trạng khu vực và quy hoạch phát triển của tỉnh trong giai đoạn 2000 - 2005 và 2010 để phân đoạn ưu tiên thi công, khẩn trương chuẩn bị các điều kiện để khởi công trong năm 2000. Các nhà trúng thầu phải đóng góp 5,5% giá trị gói thầu để giúp tỉnh trả lãi vay vốn đầu tư.

- Về sử dụng vốn Việt - Đức: Có thể mở rộng địa bàn, mở rộng đối tượng cho vay phát triển sản xuất, các ngành chức năng cần nghiên

cứu cụ thể để trình Ủy ban nhân dân tỉnh quy định đối tượng cho vay mở rộng.

- Đồng ý để Công ty Chính Thông (Trung Quốc) đầu tư sản xuất, kinh doanh ở Lào Cai với hình thức đầu 100% vốn nước ngoài, Ủy ban nhân dân cho các ngành chức năng thẩm định dự án đầu tư và xem xét cấp phép đầu tư.

- Về nguồn vốn của Pháp cho vay ưu đãi đầu tư cơ sở hạ tầng, cần xây dựng các dự án đầu tư, và cho tổ chức thực hiện.

2. Một số vấn đề khác

- Thống nhất phương án tặng huy hiệu kỷ niệm 50 năm giải phóng Lào Cai của Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị tại Công văn số 807-CV/UB, ngày 9-11-2000.

- Về việc thực hiện một số nội dung làm việc với Đoàn đại biểu Chính phủ Châu Hồng Hà- Vân Nam- Trung Quốc, dự án đầu tư tỉnh giao cho các ngành chuẩn bị và thực hiện.

- Dự án đầu tư tỉnh chỉ đạo, đôn đốc giải quyết dứt điểm đơn thư khiếu nại, tố cáo đối với Bệnh viện Đa khoa số 2, Bệnh viện Sa Pa và Nông trường Thanh Bình.

- Số lượng in Lịch sử Đảng bộ Lào Cai tập III: 1500 cuốn, bìa in bình thường như các tập trước.

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai chuyển tiếp tiền ủng hộ đồng bào sông Cửu Long 200.000.000 đồng, số tiền còn lại gửi về TK.945-02.00.01.

Trên đây là ý kiến kết luận của Thường trực Tỉnh ủy, thông báo để các cơ quan, đơn vị biết và thực hiện.

T/L BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

CHÁNH VĂN PHÒNG

TRẦN NGUYỄN

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH
Số 15-NQ/TU, ngày 28-11-2000
Về việc xác định kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh
nhiệm kỳ 2001-2005

Ngày 24-11-2000, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh đã họp Hội nghị lần thứ 25. Hội nghị đã thảo luận xác định kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2001-2005 như sau:

Đảng bộ tỉnh Lào Cai thành lập năm 1947 đến giai đoạn hợp nhất thành tỉnh Hoàng Liên Sơn đã tiến hành Đại hội 5 kỳ. Đảng bộ tỉnh Hoàng Liên Sơn (1976-1991) đã tiến hành Đại hội 4 kỳ. Tháng 10 năm 1991, tỉnh Lào Cai được tái lập, từ đó đến nay Đảng bộ tỉnh Đại hội 2 kỳ. Như vậy từ ngày thành lập Đảng bộ tỉnh Lào Cai đến nay đã tổ chức 11 kỳ Đại hội.

Trên cơ sở đó, Hội nghị Ban Chấp hành đã nghị quyết: Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2001-2005 là Đại hội lần thứ XII.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 547-QĐ/TU, ngày 7-12-2000

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ
huyện Than Uyên (khóa XIV, nhiệm kỳ 2000-2005)**

Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp;

Căn cứ vào biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên tại phiên họp ngày 2-12-2000 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Than Uyên khóa XIV, nhiệm kỳ 2000-2005;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y kết quả bầu cử 33 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên khóa XIV, nhiệm kỳ 2000-2005 từ ngày 2-12-2000 *(có danh sách kèm theo)*.

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của các Ủy viên Ban Chấp hành do ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên khóa XIV, nhiệm kỳ 2000-2005 thống nhất phân công.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên và những đồng chí có tên trong danh sách căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN THAN UYÊN
khóa XIV nhiệm kỳ 2000-2005

*(Kèm theo Quyết định số 547-QĐ/TU, ngày 7-11-2000
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

Số TT	Họ và tên	Cơ quan công tác
1	Nguyễn Tiến Doanh	Huyện ủy Than Uyên
2	Hoàng Văn Hồi	Huyện ủy Than Uyên
3	Hoàng Văn Bông	Ủy ban nhân dân huyện
4	Phạm Văn Tơ	Huyện ủy Than Uyên
5	Nguyễn Văn Biển	Huyện ủy Than Uyên
6	Trần Đức Vương	Huyện ủy Than Uyên
7	Phan Bá Quyết	Huyện ủy Than Uyên
8	Hà Văn Um	Huyện ủy Than Uyên
9	Tòng Văn Chúc	Huyện ủy Than Uyên
10	Vũ Ngọc Rinh	Công an huyện
11	Nguyễn Văn Bộ	Hội Nông dân huyện
12	Lê Văn Lương	Ủy ban nhân dân huyện
13	Hoàng Văn Òng	Huyện ủy Than Uyên
14	Cầm Văn Xanh	Huyện ủy Than Uyên
15	Trần Thị Vân	Hội Phụ nữ huyện

16	Lò Văn Sơn	Hội Nông dân huyện
17	Nguyễn Thị Màng	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện
18	Hoàng Đình Phúc	Chi cục Thuế huyện
19	Nguyễn Thị Quế	Phòng Nông nghiệp huyện
20	Nguyễn Phúc Thuận	Huyện đoàn
21	Phòng Văn Uy	Đảng ủy Mường Than
22	Hà Hồng Sinh	Đảng ủy Nà Cang
23	Phan Văn Nguyên	Thanh tra nhà nước huyện
24	Mạ Văn Tiến	Chi bộ xã Nậm Sỏ
25	Lò Văn Xanh	Đảng ủy Mường Khoa
26	Lý Phũ Nhân	Đảng ủy Pắc Ta
27	Phạm Đức Trung	Đảng ủy Xí nghiệp chè
28	Trần Xuân Chiến	Phòng Tài chính huyện
29	Đỗ Khắc Bình	Huyện ủy Mường Khương
30	Lường Văn Đức	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện
31	Giàng A Chú	Chi bộ xã Hố Mít
32	Đinh Trung Tuấn	Phòng Giáo dục huyện
33	Phạm Đức Minh	Phòng Giao thông Công nghiệp huyện

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 553-QĐ/TU, ngày 7-12-2000

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ
huyện Mường Khương (khóa XX, nhiệm kỳ 2000-2005)**

Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp;

Căn cứ vào biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương tại phiên họp ngày 28-11-2000 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XX, nhiệm kỳ 2000-2005;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y kết quả bầu cử 31 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XX, nhiệm kỳ 2000-2005 từ ngày 28-11-2000 (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của các Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XX, nhiệm kỳ 2000-2005 thống nhất phân công.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương và những đồng chí có tên trong danh sách căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN MƯỜNG KHƯƠNG
khóa XX, nhiệm kỳ 2000-2005

*(Kèm theo Quyết định số 553-QĐ/TU, ngày 7-11-2000
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

Số TT	Họ và tên	Cơ quan công tác
1	Sùng Chúng	Ủy ban nhân dân huyện
2	Tạ Đình Bảng	Huyện ủy Mường Khương
3	Sin Văn Dền	Huyện ủy Mường Khương
4	Nguyễn Văn Lộc	Huyện ủy Mường Khương
5	Nùng Chấn Phìn	Ủy ban nhân huyện
6	Lê Kim Quát	Hội đồng nhân dân huyện
7	Tráng A Chơ	Công an huyện
8	Vàng Thị Dín	Hội Phụ nữ huyện
9	Tăng Ngọc Phòng	Phòng Tổ chức Lao động huyện
10	Hoàng Huy Dũng	Hội đồng nhân dân huyện
11	Nguyễn Văn Đủ	Hội Nông dân huyện
12	Nguyễn Chí Sử	Huyện ủy Mường Khương
13	Phùng Khánh Toàn	Phòng Giáo dục huyện
14	Nguyễn Thị Huân	Kho bạc nhà nước huyện
15	Vương Văn Lâm	Đảng bộ xã Bản Lầu

16	Lê Văn Định	Ủy ban nhân dân huyện
17	Vàng Lênh	Huyện ủy Mường Khương
18	Ngô Đức Vũ	Huyện ủy Mường Khương
19	Đào Văn Lâm	Phòng Tài chính huyện
20	Lục Thượng Vinh	Ủy ban nhân huyện
21	Nguyễn Trí Thức	Huyện đoàn Mường Khương
22	Hồ Hữu Cơ	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện
23	Hoàng Thị Khương	Ngân hàng nhà nước huyện
24	Vũ Nguyên Chính	Phòng Nông nghiệp huyện
25	Trần Thị Mùi	Trường Nội trú số 1
26	Chu Thị Lý	Ban chỉ huy Quân sự huyện
27	Lô Thào	Ủy ban nhân dân xã Tả Thàng
28	Giàng Chấn Diu	Đoàn xã Dìn Chín
29	Lê Văn Đảm	Phòng Văn hóa huyện
30	La Ngọc Giang	Huyện ủy Mường Khương
31	Đỗ Quý Vân	Đảng bộ xã Bản Sen

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 555-QĐ/TU, ngày 7-12-2000

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ
huyện Bảo Thắng (khóa XXIV, nhiệm kỳ 2000-2005)

Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp;

Căn cứ vào biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng tại phiên họp ngày 18-11-2000 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Bảo Thắng khóa XXIV, nhiệm kỳ 2000-2005;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y kết quả bầu cử 33 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng khóa XXIV, nhiệm kỳ 2000-2005 từ ngày 18-11-2000 (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của các Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng khóa XXIV, nhiệm kỳ 2000-2005 thống nhất phân công.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng và những đồng chí có tên trong danh sách căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN BẢO THẮNG
(khóa XXIV, nhiệm kỳ 2000-2005)

*(Kèm theo Quyết định số 555-QĐ/TU, ngày 7-11-2000
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

Số TT	Họ và tên	Cơ quan công tác
1	Doãn Văn Hưởng	Huyện ủy Bảo Thắng
2	Mai Quốc Tờ	Huyện ủy Bảo Thắng
3	Phạm Đình Chương	Ủy ban nhân dân huyện
4	Lưu Đức Cường	Huyện ủy Bảo Thắng
5	Ngô Thị Cúc	Thanh tra Nhà nước huyện
6	Hoàng Văn Huyền	Huyện ủy Bảo Thắng
7	Lê Văn Viêm	Huyện ủy Bảo Thắng
8	Phạm Đình Quê	Ủy ban nhân dân huyện
9	Nguyễn Hữu Xuyên	Công an huyện
10	Trần Tiến Hưng	Ban chỉ huy Quân sự huyện
11	Vũ Hồng Giang	Đảng ủy thị trấn Phố Lu
12	Trương Kim Minh	Ủy ban nhân dân huyện
13	Dương Văn Tín	Hội đồng nhân dân huyện
14	Nguyễn Đại Ngọc	Huyện ủy Bảo Thắng
15	Hoàng Hữu Quán	Huyện ủy Bảo Thắng

16	La Văn Mạnh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện
17	Nguyễn Quang Ủy	Huyện đoàn
18	Nguyễn Thị Kim Loan	Hội Phụ nữ huyện
19	Nguyễn Thị Tám	Hội Nông dân huyện
20	Bùi Xuân Xanh	Viện Kiểm sát nhân dân huyện
21	Trần Minh Tuyến	Phòng Tổ chức Lao động - Thương binh - Xã hội huyện
22	Lê Quang Minh	Phòng Tài chính - Thương nghiệp
23	Nguyễn Đắc Thủy	Phòng Nông nghiệp huyện
24	Lê Thanh Triễn	Phòng Văn hóa - Thông tin huyện
25	Đỗ Duy Vinh	Trung tâm y tế huyện
26	Nguyễn Quốc Dự	Phòng Giáo dục huyện
27	Đoàn Quốc Bảo	Huyện ủy Bảo Thắng
28	Vũ Quốc Thanh	Nông trường Phong Hải
29	Hà Quang Chu	Đảng ủy xã Xuân Giao
30	Trần Xuân Long	Đảng ủy xã Phú Nhuận
31	Nguyễn Huy Thiện	Đảng ủy xã Thái Niên
32	Nguyễn Xuân Kết	Đảng ủy xã Gia Phú
33	Phan Văn Hoàng	Đảng ủy xã Bản Phiệt

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 563-QĐ/ĐU, ngày 7-12-2000

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai
(khóa VII, nhiệm kỳ 2000-2005)**

Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp;

Căn cứ vào biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai tại phiên họp ngày 23-11-2000 của Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa VII, nhiệm kỳ 2000-2005;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y kết quả bầu cử 31 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa VII, nhiệm kỳ 2000-2005 từ ngày 23-11-2000 (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của các Ủy viên Ban chấp hành do Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa VII, nhiệm kỳ 2000-2005 thống nhất phân công.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai và những đồng chí có tên trong danh sách căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH
BAN CHẤP ĐẢNG BỘ THỊ XÃ LÀO CAI
khóa VII, nhiệm kỳ 2000-2005

*(Kèm theo Quyết định số 563-QĐ/TU, ngày 7-12-2000
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

Số TT	Họ và tên	Cơ quan công tác
1	Nguyễn Ngọc Kim	Thị ủy Lào Cai
2	Trịnh Văn Thanh	Thị ủy Lào Cai
3	Cao Đức Hải	Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai
4	Vũ Năng Đại	Thị ủy Lào Cai
5	Nguyễn Văn Thuyết	Thị ủy Lào Cai
6	Nguyễn Danh Pho	Thị ủy Lào Cai
7	Đào Xuân Hanh	Công an thị xã Lào Cai
8	Phan Minh Chanh	Ban chỉ huy Quân sự thị xã Lào Cai
9	Nguyễn Thanh Dương	Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai
10	Trần Văn Năm	Ủy ban nhân dân thị xã Lào Cai
11	Nguyễn Hữu Đức	Hội đồng nhân dân thị xã Lào Cai
12	Đặng Song Nam	Thị ủy Lào Cai
13	Nông Đức Ngọc	Thị ủy Lào Cai
14	Lưu Văn Chuối	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thị xã Lào Cai
15	Lê Thị Thu Hà	Hội Phụ nữ thị xã Lào Cai

16	Đỗ Thành Công	Đoàn thanh niên thị xã Lào Cai
17	Nguyễn Thanh Bình	Thanh tra thị xã Lào Cai
18	Đỗ Thị Bích Nga	Phòng Kinh tế thị xã Lào Cai
19	Vũ Kim Quy	Phòng Tài chính thị xã Lào Cai
20	Đoàn Đình Khôi	Phòng Tổ chức Lao động thị xã Lào Cai
21	Lê Thị Ánh Hằng	Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình thị xã Lào Cai
22	Nguyễn Quang Đỉnh	Phòng Giáo dục thị xã Lào Cai
23	Lê Ngọc Hưng	Công ty Môi trường thị xã Lào Cai
24	Nguyễn Văn Chính	Đảng ủy phường Lào Cai
25	Nguyễn Tiến Thanh	Đảng ủy phường Duyên Hải
26	Đỗ Tiến Đức	Đảng ủy phường Cốc Lếu
27	Nguyễn Đức Sang	Đảng ủy phường Kim Tân
28	Trần Văn Quỳnh	Đảng ủy phường Phố Mới
29	Đỗ Đình Thận	Đảng ủy xã Vạn Hòa
30	Phạm Quang Trung	Đảng ủy xã Bắc Cường
31	Lưu Văn Phẩm	Đảng ủy xã Đồng Tuyển

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 565-QĐ/TU, ngày 7-12-2000

**Về việc chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Công an tỉnh
Lào Cai (khóa III, nhiệm kỳ 2000-2005)**

Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và
Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị về đại hội
đảng bộ các cấp;

Căn cứ vào biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ Công an
tỉnh Lào Cai tại phiên họp ngày 17-11-2000 của Đại hội đại biểu
Đảng bộ Công an tỉnh Lào Cai khóa III, nhiệm kỳ 2000-2005;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y kết quả bầu cử 18 đồng chí vào Ban Chấp hành
Đảng bộ Công an tỉnh Lào Cai khóa III, nhiệm kỳ 2000-2005 từ ngày
17-11-2000 (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của các Ủy viên Ban chấp hành do Ban
Chấp hành Đảng bộ Công an tỉnh Lào Cai khóa III, nhiệm kỳ 2000-
2005 thống nhất phân công.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ Công an tỉnh Lào Cai và những đồng chí có tên trong danh sách căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ CÔNG AN TỈNH LÀO CAI
(khóa III, nhiệm kỳ 2000-2005)

*(Kèm theo Quyết định số 565-QĐ/TU, ngày 7-12-2000
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

1. Đồng chí Hoàng Minh Ngọc - Giám đốc Công an tỉnh
2. Đồng chí Hoàng Ngọc Thành - Phó Giám đốc Công an tỉnh
3. Đồng chí Đinh Tiến Quân - Phó Giám đốc Công an tỉnh
4. Đồng chí Hoàng Công Tế - Phó Giám đốc Công an tỉnh
5. Đồng chí Nguyễn Thị Hương- Phó trưởng phòng PH12
6. Đồng chí Hoàng Ninh - Trưởng phòng PA35
7. Đồng chí Nguyễn Chí Ninh - Trưởng phòng PX16
8. Đồng chí Phạm Thiện - Trưởng phòng PV24
9. Đồng chí Đinh Đức Lâm- Trưởng phòng PX13
10. Đồng chí Bùi Phú Xuất - Trưởng phòng PC15
11. Đồng chí Nguyễn Văn Huyền - Trưởng phòng PC16
12. Đồng chí Bùi Hồng Tuấn - Phó phòng PC23
13. Đồng chí Lý Sành On - Trưởng phòng PA38
14. Đồng chí Nguyễn Mạnh Hùng - Trưởng phòng PX15
15. Đồng chí Vũ Thìn - Trưởng phòng PA25
16. Đồng chí Trần Trí Thúc - Trưởng phòng PC17
18. Đồng chí Nguyễn Quốc Bang- Trưởng phòng PV11.

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

CHỈ THỊ

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 25-CT/TU, ngày 15-12-2000

**Về việc lãnh đạo nhiệm vụ
quân sự - quốc phòng năm 2001**

Năm 2000 dưới sự lãnh đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, các mục tiêu nhiệm vụ quốc phòng - an ninh đã được các cấp ủy đảng quán triệt sâu sắc, và triển khai thực hiện nghiêm túc. Công tác Quân sự - quốc phòng của tỉnh năm 2000 được hoàn thành đúng kế hoạch nhiều nội dung hoàn thành khá, khu vực phòng thủ tỉnh ngày càng được củng cố vững chắc, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững. Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, gắn chặt chẽ với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân, phát huy hiệu quả tích cực, giữ vững an ninh chính trị trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu của các lực lượng vũ trang được nâng lên, đáp ứng các yêu cầu nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong mọi tình huống. Lực lượng vũ trang tỉnh phối hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể trong hệ thống chính trị, làm tốt công tác dân vận, xây dựng cơ sở vững mạnh toàn diện trước hết về chính trị, đã góp phần tăng cường đoàn kết quân dân, xây dựng và giữ vững lòng tin của nhân dân với Đảng, chính quyền. Đời sống cán bộ chiến sĩ được cải thiện. Công tác đảm bảo hậu cần, tài chính và kỹ thuật tiến hành có nền nếp, chính quy.

Lực lượng vũ trang tỉnh được Bộ Tư lệnh Quân khu 2 tặng cờ Đơn vị xuất sắc trong phong trào thi đua quyết thắng năm 2000, xứng đáng là lực lượng tin cậy của Đảng, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh.

Tuy nhiên trong quá trình lãnh đạo, chỉ đạo, một số cấp ủy chính quyền nhận thức về nhiệm vụ quân sự - quốc phòng chưa sâu sắc. Việc nắm và quản lý diễn biến tình hình an ninh chính trị trên địa bàn chưa thật kịp thời. Công tác giáo dục quốc phòng tiến hành thiếu toàn diện, chất lượng huấn luyện lực lượng dân quân tự vệ nhiều địa phương, đơn vị còn thấp, chỉ đạo củng cố, xây dựng hoạt động thường xuyên của dân quân tự vệ chưa thật tích cực, có nơi xem nhẹ, buông lỏng. Kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ huyện, thị và tỉnh có nội dung triển khai chưa toàn diện, kết hợp kinh tế với quốc phòng còn hạn chế, quản lý sử dụng đất quốc phòng, công trình quốc phòng ở một số địa phương chưa thật tốt.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác tổ chức lãnh đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ công tác quân sự - quốc phòng năm 2001 của các địa phương cơ quan xí nghiệp, lực lượng vũ trang trong toàn tỉnh. Ban Thường vụ Tỉnh ủy yêu cầu các cấp ủy đảng, ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng các cơ quan, ban ngành của tỉnh và các cơ quan xí nghiệp Trung ương đứng trên địa bàn của tỉnh lãnh đạo tốt các nhiệm vụ:

1- Tiếp tục quán triệt tổ chức thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong toàn Đảng bộ và toàn thể nhân dân. Kiện toàn, củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động các Hội đồng giáo dục quốc phòng tỉnh, huyện, thị xã. Tiếp tục đổi mới công tác giáo dục quốc phòng, nâng cao nhận thức trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, của các lực lượng vũ trang về nhiệm vụ xây dựng lực lượng và nền quốc phòng toàn dân, gắn với nhiệm vụ xây dựng lực lượng và thế trận an ninh nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi để thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã

hội của tỉnh. Không ngừng đề cao cảnh giác cách mạng, ngăn chặn và đối phó có hiệu quả với các âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù.

2- Đầu tư cơ sở vật chất và lực lượng đẩy mạnh thực hiện kế hoạch xây dựng tỉnh thành khu vực phòng thủ vững chắc. Kết hợp chặt chẽ kinh tế - quốc phòng - an ninh - đối ngoại. Bổ sung hoàn chỉnh hệ thống các kế hoạch chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu. Nâng cao chất lượng các cuộc diễn tập, luyện tập trong kế hoạch công tác quân sự- quốc phòng năm. Nhằm tăng cường sức mạnh khu vực phòng thủ, đối phó kịp thời với các tình huống chiến lược có thể xảy ra, bảo vệ Đảng, chính quyền, tính mạng tài sản của nhân dân, giữ vững độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ biên giới quốc gia; thực hiện tốt việc cắm mốc biên giới, xây dựng quan hệ Việt - Trung: “Láng giềng hữu nghị, hợp tác toàn diện, ổn định lâu dài, hướng tới tương lai”.

3- Lãnh đạo không ngừng nâng cao chất lượng tổng hợp và sức mạnh chiến đấu các lực lượng vũ trang địa phương. Trước hết là chất lượng về chính trị, bảo đảm lực lượng vũ trang (có bản lĩnh chính trị vững vàng) luôn trung thành với Đảng, Tổ quốc và nhân dân. Nắm vững phương châm huấn luyện “thiết thực - chất lượng - hiệu quả”, nâng cao chất lượng huấn luyện các lực lượng bộ đội địa phương, bộ đội biên phòng, dự bị động viên và dân quân tự vệ, hoàn thành huấn luyện dân quân tự vệ trước 30-9-2000. Tổ chức huấn luyện lực lượng dự bị động viên đúng đối tượng, đúng biên chế, đảm bảo 100% kế hoạch. Tổ chức các cuộc hội thi hội thao, giành thành tích cao nhất. Chỉ đạo tổ chức thực hiện có hiệu quả thiết thực, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, kỷ niệm 55 năm ngày truyền thống lực lượng vũ trang Quân khu 2 (19-10-1946 - 19-10-2001).

4- Tổ chức tốt Hội nghị rút kinh nghiệm 5 năm thực hiện pháp lệnh dự bị động viên ở cấp huyện (thị xã), tỉnh, đẩy mạnh tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và dự bị động viên đúng pháp lệnh, quan tâm lãnh đạo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách với lực lượng dân quân tự vệ. Đảm bảo 100% xã phường có xã, phường đội phó chuyên trách, phấn đấu tỷ lệ đảng viên trong dân quân tự vệ: 10%,

nâng tỷ lệ nữ tham gia dân quân tự vệ lên 15%. Các xã vùng cao phải có phụ nữ tham gia lực lượng dân quân. Duy trì kết quả gọi thanh niên nhập ngũ năm 2001 đạt chỉ tiêu trên giao 100% các xã có thanh niên nhập ngũ. Xây dựng cơ quan quân sự địa phương và đơn vị bộ đội địa phương vững mạnh toàn diện theo 5 tiêu chuẩn quy định tại Chỉ thị 917-CT/QP của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, đưa các hoạt động chính quy thành nền nếp vững chắc, quản lý quân số quản lý vũ khí trang bị chặt chẽ, không có cán bộ chiến sĩ vi phạm kỷ luật nghiêm trọng, tỷ lệ cán bộ chiến sĩ vi phạm kỷ luật thông thường dưới 1% quân số.

5- Duy trì nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, đẩy mạnh đấu tranh tự phê bình và phê bình, nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, tăng cường công tác quản lý, giáo dục Đảng viên, xây dựng các tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh gắn với xây dựng cơ quan, đơn vị vững mạnh toàn diện, làm tốt công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Tăng cường xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động mạng lưới quân báo nhân dân, xây dựng địa bàn an toàn, khu vực đóng quân an toàn tuyệt đối. Quản lý nắm chắc tình hình diễn biến ở cơ sở, có biện pháp xử lý kịp thời, tránh nóng vội gây hậu quả xấu.

6- Lãnh đạo các cơ quan ban ngành trong hệ thống chính trị, phối hợp cùng các cơ quan quân sự địa phương và các đơn vị quân đội làm tốt công tác xây dựng cơ sở xã phường vững mạnh toàn diện, góp phần củng cố quốc phòng - an ninh. Chỉ đạo các tổ công tác quân đội tham gia xây dựng cơ sở và các đơn vị quân đội hành quân dã ngoại huấn luyện kết hợp làm công tác dân vận nâng cao hiệu quả hoạt động nhằm huy động sức mạnh tổng hợp của quần chúng nhân dân, thực hiện thắng lợi sự nghiệp xóa đói giảm nghèo và cuộc vận động toàn dân đoàn kết, xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư.

7- Thường xuyên bảo đảm các nhu cầu xây dựng, hoạt động của các lực lượng vũ trang, xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh. Đẩy mạnh tăng gia sản xuất, không ngừng nâng cao đời sống của lực lượng vũ trang, giữ vững nguyên tắc chỉ tiêu tài chính, chống tham ô lãng phí,

bảo vệ an toàn hệ thống kho tàng, chống hư hao, mất, xuống cấp vũ khí trang bị.

8- Lãnh đạo các cơ quan chức năng hoàn chỉnh các thủ tục cấp đất quốc phòng cho các đơn vị, trong đó ưu tiên cấp đất ở, đất sử dụng vào các mục đích làm thao trường - bãi tập, xây dựng khu động viên quân đội... Xử lý nghiêm khắc các trường hợp cố tình tranh chấp đất quốc phòng vi phạm luật đất đai.

9- Lãnh đạo tổ chức tốt phong trào thi đua xây dựng nền Quốc phòng toàn dân trong toàn Đảng bộ. Đẩy mạnh hoạt động thi đua quyết thắng trong các lực lượng vũ trang. Tạo ra động lực cách mạng to lớn quyết tâm thực hiện thắng lợi các mục tiêu nhiệm vụ quân sự - quốc phòng, phát triển kinh tế - xã hội đề ra trong năm 2001.

Năm 2001 là năm đầu tiên thực hiện kế hoạch 5 năm (2001 - 2005) đặt nền móng cho việc thực hiện chiến lược 2001 - 2010. Quán triệt Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, xác định củng cố quốc phòng giữ vững an ninh quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và nhân dân; từ đó tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng - an ninh, đẩy mạnh hoạt động quản lý nhà nước về quốc phòng - an ninh lãnh đạo quán triệt, tổ chức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ tại địa phương, đơn vị mình.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 604-QĐ/TU, ngày 18-12-2000

**Chuẩn y Ban Thường vụ, Bí thư,
Phó Bí thư Đảng ủy các cơ quan tỉnh Lào Cai
(khóa III, nhiệm kỳ 2000-2005)**

Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp;

Căn cứ vào biên bản bầu cử Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy các cơ quan tỉnh Lào Cai tại phiên họp lần thứ nhất ngày 7-12-2000 của Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan tỉnh Lào Cai khóa III, nhiệm kỳ 2000-2005;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y kết quả bầu cử Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan tỉnh khóa III, nhiệm kỳ 2000-2005 từ ngày 7-12-2000 gồm các đồng chí sau:

- 1- Đồng chí Lù Thị Hiệp
- 2- Đồng chí Phạm Thành
- 3- Đồng chí Lương Ngọc Cấp
- 4- Đồng chí Bùi Sĩ Thìn

5- Đồng chí Nguyễn Trí Tuệ

6- Đồng chí Nguyễn Văn Thực

7- Đồng chí Nguyễn Hữu Thế

- Chuẩn y kết quả bầu cử đồng chí Lù Thị Hiệp giữ chức Bí thư Đảng ủy các cơ quan tỉnh khóa III, nhiệm kỳ 2000-2005 từ ngày 7-12-2000.

- Chuẩn y kết quả bầu cử đồng chí Phạm Thành giữ chức vụ Phó Bí thư Đảng ủy các cơ quan tỉnh khóa III, nhiệm kỳ 2000-2005 từ ngày 7-12-2000.

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy các cơ quan tỉnh do Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan tỉnh Lào Cai thống nhất phân công.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy các cơ quan tỉnh Lào Cai và những đồng chí có tên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
CÁC CƠ QUAN TỈNH LÀO CAI
(khóa III, nhiệm kỳ 2000-2005)

*(Kèm theo Quyết định số 604-QĐ/TU, ngày 18-12-2000
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

Số TT	Họ và tên	Cơ quan công tác
1	Lù Thị Hiệp	Đảng ủy các cơ quan tỉnh
2	Phạm Thành	Đảng ủy các cơ quan tỉnh
3	Lương Ngọc Cấp	Đảng ủy các cơ quan tỉnh
4	Bùi Sĩ Thìn	Đảng ủy các cơ quan tỉnh
5	Nguyễn Trí Tuệ	Đảng ủy các cơ quan tỉnh
6	Nguyễn Hữu Thế	Ban Tổ chức Chính quyền tỉnh
7	Nguyễn Văn Thực	Ban Tổ chức Tỉnh ủy
8	Đỗ Thành Am	Sở Xây dựng
9	Đào Minh Châu	Hội Phụ nữ
10	Trần Xuân Cộng	Sở Công nghiệp
11	Lý Văn Đại	Sở Giáo dục - Đào tạo
12	Nguyễn Hồng Đức	Đảng ủy các cơ quan tỉnh
13	Nông Văn Hưng	Sở Tài chính - Vật giá
14	Nguyễn Thị Lan	Sở Tư pháp

15	Đào Văn Minh	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy
16	Trần Hữu Sơn	Sở Văn hóa - Thông tin - Thể thao
17	Trần Thị Phương Thúy	Đoàn thanh niên các cơ quan tỉnh
18	Đình Văn Toàn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
19	Nguyễn Văn Tông	Văn phòng Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân tỉnh
20	Trần Quốc Việt	Văn phòng Tỉnh ủy
21	Trang Thị Xinh	Liên đoàn Lao động tỉnh

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 605-QĐ/ĐU, ngày 18-12-2000

**Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Cam Đường
(khóa XVII, nhiệm kỳ 2000-2005)**

Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp;

Căn cứ vào biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ Thị ủy Cam Đường tại phiên họp ngày 6-12-2000 của Đại hội đại biểu Đảng bộ thị xã Cam Đường khóa XVII, nhiệm kỳ 2000-2005;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y kết quả bầu cử 29 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Si Ma Cai khóa XIV, nhiệm kỳ 2000-2005 từ ngày 2-12-2000 (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của các Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Cam Đường khóa XVII, nhiệm kỳ 2000-2005 thống nhất phân công.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Cam Đường và những đồng chí có tên trong danh sách căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ THỊ XÃ CAM ĐƯỜNG
(khóa XVII, nhiệm kỳ 2000-2005)

*(Kèm theo Quyết định số 605-QĐ/TU, ngày 18-12-2000
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

Số TT	Họ và tên	Cơ quan công tác
1	Nguyễn Văn Hòa	Thị ủy Cam Đường
2	Trần Văn Việt	Thị ủy Cam Đường
3	Lộc Hoàng Lương	Ủy ban nhân dân thị xã Cam Đường
4	Lương Quang Mạnh	Công an thị xã Cam Đường
5	Nguyễn Xuân Sách	Thị ủy Cam Đường
6	Trần Ngọc Xuyên	Ban chỉ huy Quân sự thị xã Cam Đường
7	Đào Thị Xuân	Ủy ban nhân dân Thị ủy Cam Đường
8	Trần Hoàng Thái	Thị ủy Cam Đường
9	Đặng Văn Quỳnh	Thị ủy Cam Đường
10	Phạm Chế	Hội đồng nhân dân thị xã Cam Đường
11	Trần Kim Sơn	Ủy ban nhân dân thị xã Cam Đường
12	Lê Phi Bằng	Phòng Quản lý đô thị
13	Trần Thị Hiền	Trung tâm Y tế thị xã
14	Lê Văn Kiểm	Thị ủy Cam Đường
15	Hoàng Quốc Khánh	Phòng Tài chính - Kế hoạch

16	Trần Quốc Dũng	Phòng Công thương
17	Trần Thị Khuê	Hội Nông dân thị xã
18	Nguyễn Thị Hồng Mến	Hội Phụ nữ thị xã
19	Bùi Thị Nhật	Thị ủy Cam Đường
20	Bùi Thị Nhung	Viện Kiểm sát nhân dân thị xã
21	Hoàng Đình Ngọc	Phòng Giáo dục - Đào tạo
22	Hà Cao Phần	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện
23	Nguyễn Thanh Sở	Thị ủy Cam Đường
24	Nguyễn Thị Thơm	Phòng Nông nghiệp thị xã
25	Chu Xuân Sơn	Đảng ủy phường Pom Hán
26	Hoàng Văn Sài	Đảng ủy Nam Cường
27	Nguyễn Trung Kiên	Đảng ủy phường Thống Nhất
28	Hoàng Ngọc Bình	Xã Tả Phời
29	Trần Văn Hợp	Đảng ủy Thị ủy Cam Đường

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 607-QĐ/TU, ngày 18-12-2000

Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Si Ma Cai
(khóa XIV, nhiệm kỳ 2000-2005)

Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp;

Căn cứ vào biên bản bầu cử Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Si Ma Cai tại phiên họp ngày 2-12-2000 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Si Ma Cai khóa XIV, nhiệm kỳ 2000-2005;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y kết quả bầu cử 27 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Si Ma Cai khóa XIV, nhiệm kỳ 2000-2005 từ ngày 2-12-2000 (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của các Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Si Ma Cai khóa XIV, nhiệm kỳ 2000-2005 thống nhất phân công.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Si Ma Cai và những đồng chí có tên trong danh sách căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN SI MA CAI
(khóa XIV, nhiệm kỳ 2000-2005)

*(Kèm theo Quyết định số 607-QĐ/TU ngày 18-12-2000
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

Số TT	Họ và tên	Cơ quan công tác
1	Phạm Khắc Xương	Huyện ủy Si Ma Cai
2	Giàng Seo Hòa	Huyện ủy Si Ma Cai
3	Lý Seo Lùng	Ủy ban nhân dân huyện
4	Đoàn Ngọc Sáng	Huyện ủy Si Ma Cai
5	Lưu Đức Trưởng	Huyện ủy Si Ma Cai
6	Phan Kế Toại	Huyện ủy Si Ma Cai
7	Đỗ Công Toàn	Ban chỉ huy Quận sự huyện
8	Giàng Ly Pao	Công an huyện
9	Đỗ Minh Lương	Ủy ban nhân dân huyện
10	Thần Dung Phù	Ủy ban nhân dân huyện
11	Giàng A Hòa	Hội đồng nhân dân huyện
12	Bùi Khắc Hiền	Huyện ủy Si Ma Cai
13	Nguyễn Hồng Sơn	Phòng Nông nghiệp huyện
14	Nguyễn Xuân Điền	Trung tâm Y tế huyện
15	Phạm Đình Thái	Phòng Giáo dục - Đào tạo

16	Nguyễn Văn Phúc	Phòng Công thương
17	Đỗ Thị Thuận	Phòng Tài chính - Kế hoạch
18	Vù Seo Phênh	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện
19	Hà Thị Thiệp	Hội Phụ nữ huyện
20	Nguyễn Văn Hùng	Huyện đoàn
21	Giàng Sín Chớ	Ủy ban Kiểm tra huyện
22	Cư Seo Sùng	Xã Si Ma Cai
23	Vàng A Vảng	Xã Sín Chéng
24	Thên Chấn Sín	Xã Bản Mế
25	Giàng Seo Vảng	Xã Sán Chải
26	Hảng Seo Sỳ	Xã Lùng Sui
27	Sùng Seo Nhà	Xã Cán Cấu

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 609B-QĐ/TU, ngày 18-12-2000

**Chuẩn y Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy
Bắc Hà (khóa XVII, nhiệm kỳ 2000-2005)**

Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp;

Căn cứ vào biên bản bầu cử Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy Bắc Hà tại phiên họp lần thứ nhất ngày 6-12-2000 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà khóa XVII, nhiệm kỳ 2000-2005;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y kết quả bầu cử Ban Thường vụ Huyện ủy Bắc Hà khóa XVII, nhiệm kỳ 2000-2005 từ ngày 6-12-2000 gồm các đồng chí sau:

- 1- Đồng chí Giàng A Pao
- 2- Đồng chí Bùi Quốc Căn
- 3- Đồng chí Đặng Văn Cảnh
- 4- Đồng chí Thào Seo Cấu
- 5- Đồng chí Vũ Lương
- 6- Đồng chí Giàng Seo Thào
- 7- Đồng chí Nguyễn Tiến Khôi

8 - Đồng chí Đỗ Thế Hồng

9- Đồng chí Đặng Văn Chạy

- Chuẩn y kết quả bầu cử đồng chí Giàng A Pao giữ chức Bí thư Huyện ủy Bắc Hà khóa XVII, nhiệm kỳ 2000-2005 từ ngày 6-12-2000.

- Chuẩn y kết quả bầu cử 2 đồng chí:

1- Đồng chí Bùi Quốc Cân.

2- Đồng chí Đặng Văn Cảnh

Giữ chức vụ Phó Bí thư Huyện ủy Bắc Hà khóa XVII, nhiệm kỳ 2000-2005 từ ngày 6-12-2000.

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của Ủy viên Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy khóa XVII, nhiệm kỳ 2000-2005 thống nhất phân công.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng ban Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Huyện ủy Bắc Hà và những đồng chí có tên căn cứ Quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH
BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN BẮC HÀ
(khóa XVII, nhiệm kỳ 2000-2005)

*(Kèm theo Quyết định số 609B-QĐ/TU, ngày 18-12-2000
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

Số TT	Họ và tên	Cơ quan công tác
1	Giàng A Pao	Huyện ủy Bắc Hà
2	Đặng Văn Cảnh	Ủy ban nhân dân huyện
3	Bùi Quốc Căn	Huyện ủy Bắc Hà
4	Thào Seo Cấu	Huyện ủy Bắc Hà
5	Vũ Lương	Huyện ủy Bắc Hà
6	Giàng Seo Thào	Huyện ủy Bắc Hà
7	Nguyễn Tiến Khôi	Ban chỉ huy Quân sự huyện
8	Đỗ Thế Hồng	Công an huyện
9	Đặng Văn Chạy	Ủy ban nhân dân huyện
10	Tráng A Phù	Ủy ban nhân dân huyện
11	Mai Thị Mơi	Hội đồng nhân dân huyện
12	Lương Ngọc Phương	Huyện ủy Bắc Hà
13	Lý Văn Man	Trung tâm Y tế huyện
14	Lê Văn Phong	Phòng Giáo dục - Đào tạo
15	Lê Trung Hòa	Phòng Công thương

16	Giàng Lao Vu	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện
17	Giàng Thị Doa	Hội Phụ nữ huyện
18	Bùi Xuân Hưởng	Huyện đoàn
19	Trần Thị Mùi	Ngân hàng nhà nước huyện
20	Hoàng Tuấn Anh	Phòng Văn hóa - Thông tin - Thể thao
21	Lý Văn Thắng	Đảng bộ Cốc Lầu
22	Nguyễn Tiến Lực	Đảng bộ Bảo Nhai
23	Nguyễn Văn Bổng	Đảng bộ thị trấn Bắc Hà
24	Phạm Ngọc Thư	Đảng bộ Tà Chải
25	Sùng Seo Thống	Đảng bộ Hoàng Thu Phố
26	Nguyễn Xuân Quý	Huyện ủy Bắc Hà
27	Trần Thị Hằng	Chi cục Thuế huyện

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

BÁO CÁO

CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

Số 99-BC/TU, ngày 19-12-2000

**Tổng kết công tác kiểm tra nhiệm kỳ 1996-2000,
phương hướng nhiệm vụ kiểm tra nhiệm kỳ 2000-2005**

Thực hiện Chỉ thị số 29 của Bộ Chính trị về “tăng cường công tác kiểm tra của Đảng” và Thông tri số 19 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thi hành Điều lệ, Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy do Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai (khóa II) ban hành, công tác kiểm tra của Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 1996 - 2000 đã góp phần quan trọng trong công tác xây dựng Đảng để hoàn thành tốt các nhiệm vụ chính trị của địa phương.

Để đánh giá ưu điểm, thành tích và những tồn tại, hạn chế, Ban Chấp hành Đảng bộ, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy báo cáo kết quả thực hiện công tác kiểm tra nhiệm kỳ 1996 - 2000 như sau:

I. TÌNH HÌNH, ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN

Lào Cai là một tỉnh vùng cao, biên giới, nhiều thành phần dân tộc với đơn vị hành chính có 180 xã, phường, thị trấn, trong đó 2/3 số xã là vùng cao và vùng sâu. Trình độ dân trí thấp, đội ngũ cán bộ đảng viên còn nhiều hạn chế, bất cập so với yêu cầu của công cuộc đổi mới, cơ sở hạ tầng còn nhiều mặt yếu kém; kinh tế vẫn trong tình trạng kém phát triển.

Tính đến 30-6-2000, toàn tỉnh có 544 tổ chức cơ sở đảng với 16.466 đảng viên; so với nhiệm kỳ 1991 - 1995 tăng 43 tổ chức cơ sở đảng và 4654 đảng viên. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 1996 - 2000. Có 47 đồng chí trong đó Ban Thường vụ có 13 đồng chí, đến cuối nhiệm kỳ còn 40 đồng chí trong Ban Chấp hành và 11 đồng chí trong Ban Thường vụ. Hệ thống ngành kiểm tra của Đảng trong toàn tỉnh có 157 Ủy ban kiểm tra các cấp với 526 thành viên; trong đó số thành viên chuyên trách làm công tác kiểm tra chiếm 5,9%.

Bước vào nhiệm kỳ 1996 - 2000, Điều lệ Đảng có bổ sung sửa đổi mới: quy định rõ nhiệm vụ kiểm tra của tổ chức Đảng mà trực tiếp là cấp ủy các cấp (Điều 30); về nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra các cấp phải kiểm tra tổ chức Đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra (điểm 2 Điều 32) và quy định lại nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra chủ yếu tập trung vào kiểm tra khi có dấu hiệu vi phạm, giải quyết đơn thư tố cáo... Đó là những thay đổi quan trọng có nội dung tác động trực tiếp đến hoạt động kiểm tra của cấp ủy của Ủy ban Kiểm tra và cán bộ kiểm tra các cấp; tác động đến tâm lý, tình cảm, tư tưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên, cần được mọi cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra nhận thức rõ ràng. Tuy nhiệm vụ kiểm tra theo dấu hiệu vi phạm không phải là mới, nhưng khó khăn phức tạp và Ủy ban Kiểm tra các cấp chưa có nhiều kinh nghiệm trong thực hiện nhiệm vụ này nên không tránh khỏi sự lúng túng, dè dặt, Do đó nhiệm vụ đặt ra cho công tác kiểm tra của Đảng bộ nhiệm kỳ 1996 - 2000 là: phải tập trung quán triệt học tập để mọi cấp ủy, Ủy ban Kiểm tra các cấp hiểu và thực hiện tốt nhiệm vụ của cấp mình, tổ chức mình; qua đó làm chuyển biến công tác kiểm tra một cách toàn diện, tạo bước đưa công tác kiểm tra không chỉ là nhiệm vụ của Ủy ban Kiểm tra mà là của toàn Đảng bộ, của cấp ủy các cấp.

II. QUÁN TRIỆT NHẬN THỨC VỀ CÔNG TÁC KIỂM TRA

Từ nhiệm vụ đặt ra cho công tác kiểm tra của Đảng bộ nêu trên đây, Ủy ban kiểm tra các cấp đã chủ động tham mưu và được cấp ủy

quan tâm chỉ đạo tổ chức hội nghị các cấp nghiên cứu quán triệt Điều lệ Đảng, các nghị quyết, chỉ thị, quy định... của Trung ương về công tác xây dựng Đảng nói chung và công tác kiểm tra nói riêng cho 933 đồng chí là cấp ủy viên và Ủy ban kiểm tra các cấp; trong đó có 60 đồng chí là cấp ủy và cán bộ kiểm tra Tỉnh ủy, 440 đồng chí là cấp ủy và ủy ban kiểm tra huyện thị, đảng ủy trực thuộc, 433 đồng chí cấp ủy và ủy ban kiểm tra cơ sở. Trọng tâm của việc nghiên cứu về công tác kiểm tra là nội dung Thông tri số 19, ngày 26-11-1996 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện Chương VII, Chương VIII của Điều lệ Đảng khóa VIII, trong đó đi sâu nghiên cứu quán triệt làm rõ nét nhiệm vụ kiểm tra của các cấp ủy; Ủy ban Kiểm tra các cấp có nhiệm vụ kiểm tra tổ chức Đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và nhiệm vụ trọng tâm của Ủy ban kiểm tra được chuyển từ kiểm tra “chấp hành” (khóa VII) sang kiểm tra đảng viên, tổ chức Đảng cấp dưới “khi có dấu hiệu vi phạm”.

Khi có Chỉ thị số 29 của Bộ Chính trị về “Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng”, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã nghiên cứu chỉ thị và Hướng dẫn số 07 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, đã ra Chỉ thị số 08 chỉ đạo các huyện, thị và đảng ủy trực thuộc vận dụng cụ thể trong Đảng bộ thực hiện Chỉ thị 29 của Bộ Chính trị, đồng thời Tỉnh ủy mở hội nghị với thành phần: các đồng chí Tỉnh ủy viên, bí thư, phó bí thư, chủ nhiệm, phó chủ nhiệm, trưởng ban tuyên giáo các huyện thị và đảng ủy trực thuộc; chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện thị; bí thư các Ban cán sự Đảng, Đảng đoàn; trưởng các ban, ngành của tỉnh; giám đốc các doanh nghiệp nhà nước, v.v. gồm tổng số 160 đại biểu nghiên cứu quán triệt các nội dung nói trên. Qua quán triệt học tập ở tỉnh, tổ chức đảng các cấp từ huyện, thị, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đến các tổ chức cơ sở đảng đều đã triển khai quán triệt nội dung chỉ thị và hướng dẫn của tổ chức Đảng cấp trên về “Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng”. Riêng Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã trực tiếp truyền đạt giúp cho 7/15 đảng bộ trực thuộc về nội dung chỉ thị của Trung ương và yêu cầu của Tỉnh ủy.

Sau khi được nghiên cứu, học tập, nhìn chung các cấp ủy và Ủy ban kiểm tra, các cán bộ làm công tác kiểm tra các cấp hiểu rõ hơn, sâu hơn về ý nghĩa quan trọng của công tác kiểm tra; cơ bản phân biệt được nhiệm vụ của cấp ủy và nhiệm vụ của Ủy ban kiểm tra trong công tác kiểm tra của Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng khóa VIII và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Tỉnh ủy đã xây dựng chương trình kiểm tra toàn diện đối với 3 Đảng bộ huyện (Bảo Yên, Bảo Thắng, Than Uyên) trong năm 1998. Các đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy và nhiều đảng bộ cơ sở đã xây dựng mới hoặc bổ sung chương trình kiểm tra của cấp mình phù hợp tình hình thực tế của mình. Ủy ban Kiểm tra các cấp vừa chú trọng xây dựng chương trình kiểm tra của mình, vừa chủ động, tích cực tham mưu giúp cấp ủy xây dựng chương trình, nội dung, kế hoạch kiểm tra và tham gia chỉ đạo các cuộc kiểm tra của cấp ủy. Riêng Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và ủy ban kiểm tra các huyện, thị ủy còn phối hợp với Trường Chính trị tỉnh, các trung tâm chính trị huyện, thị mở được 44 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho 1.623 cấp ủy viên và cán bộ làm công tác kiểm tra các cấp.

Vấn đề tổ chức nghiên cứu sâu, rộng trong Đảng bộ toàn tỉnh về công tác kiểm tra và việc mở được nhiều lớp cho nhiều đồng chí được bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm tra đã thật sự làm chuyển biến sâu sắc nhận thức và hoạt động thực tiễn trong công tác kiểm tra của toàn Đảng bộ; khắc phục căn bản nhận thức trước đây của một số cán bộ và đảng viên cho rằng công tác kiểm tra của Đảng là nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra hoặc cán bộ kiểm tra các cấp, còn cấp ủy chỉ làm nhiệm vụ lãnh đạo đối với công tác kiểm tra. Tuy nhiên vẫn còn có một số cán bộ và đảng viên hiểu chưa sâu, phân biệt chưa thật rõ nét về nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy với nhiệm vụ kiểm tra của Ủy ban kiểm tra trong công tác kiểm tra của Đảng; cần tiếp tục quán triệt và khắc phục.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC KIỂM TRA

A. Công tác kiểm tra của cấp ủy

1. Lãnh đạo kiểm tra

Về tổ chức, cán bộ ủy ban kiểm tra các cấp được kiện toàn cơ bản đáp ứng nhiệm vụ được giao. Từ đảng ủy cơ sở đến Tỉnh ủy đều được bầu ra ủy ban kiểm tra của từng cấp với tổng số toàn tỉnh có 157 ủy ban kiểm tra và 526 thành viên. Phần lớn các ủy ban kiểm tra có 1 đồng chí thường vụ cấp ủy được phân công trực tiếp lãnh đạo và chỉ đạo công tác kiểm tra. Các chi bộ cơ sở được phân công 1 cấp ủy viên mà chủ yếu là bí thư hoặc phó bí thư trực tiếp lãnh chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của tổ chức Đảng. Tuy về cán bộ kiểm tra còn thiếu so với biên chế được duyệt, nhưng về tổ chức bộ máy đã được kiện toàn để thực hiện cơ bản các nhiệm vụ kiểm tra.

Từ chuyển biến mới về nhận thức lãnh đạo phải có kiểm tra nên các cấp ủy có sự quan tâm hơn các hoạt động của ủy ban kiểm tra, nhất là những vấn đề về giải quyết đơn thư tố cáo và việc thi hành kỷ luật trong Đảng được các cấp ủy thường xuyên theo dõi, cho ý kiến chỉ đạo. Nhiều cấp ủy đã đặt công tác kiểm tra của tổ chức mình đúng với yêu cầu của Đảng, như: ngay sau khi quán triệt Thông tri của Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn thực hiện Chương VII, Chương VIII của Điều lệ Đảng (khóa VIII), Đảng ủy Quân sự tỉnh đã ban hành nghị quyết chuyên đề lãnh đạo về công tác kiểm tra của Đảng bộ nhiệm kỳ 1996 - 2000; Huyện ủy Bắc Hà đặt nhiệm vụ lãnh đạo các ngành phối hợp thanh kiểm tra việc thực hiện các dự án kinh tế tại địa phương để đánh giá thực trạng tình hình thực hiện các dự án và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư; đảng ủy các cơ quan tỉnh đặt công tác kiểm tra là nhiệm vụ trọng tâm của đảng ủy nhằm đánh giá đúng vai trò, hiệu quả của các tổ chức đảng trực thuộc trong lãnh đạo thực hiện các nhiệm vụ chính trị của từng đơn vị cơ sở...

Nói chung cấp ủy các cấp hiểu đúng vị trí vai trò và tầm quan trọng của công tác kiểm tra nên đã tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực

hiện nhiệm vụ kiểm tra của mình và quan tâm cho ý kiến chỉ đạo các hoạt động của ủy ban kiểm tra phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của mỗi ngành, mỗi cấp và từng địa phương. Đó là nhân tố quan trọng thúc đẩy công tác kiểm tra nhiệm kỳ 1996 - 2000 đạt được nhiều kết quả và là những thuận lợi cơ bản để ủy ban kiểm tra các cấp trong toàn Đảng bộ thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ.

2. Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra

Nhận thức rõ nhiệm vụ quan trọng trong công tác, kiểm tra là một trong những chức năng lãnh đạo của Đảng và chỉ thị số 29 của Bộ Chính trị về “Tăng cường công tác kiểm tra của Đảng”, Tỉnh ủy và tất cả 15 huyện, thị, đảng bộ trực thuộc, nhiều đảng ủy cơ sở đều xây dựng chương trình kiểm tra của cấp ủy cho cả nhiệm kỳ hoặc từng năm sát với tình hình thực tế của mình. Căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ và chương trình kiểm tra đã được xây dựng, hằng năm cấp ủy các cấp lập các kế hoạch cụ thể và thành lập các đoàn tiến hành kiểm tra. Do đó, trong nhiệm kỳ 1996 - 2000 các cấp ủy trong toàn tỉnh đã thành lập nhiều đoàn kiểm tra của cấp ủy tiến hành kiểm tra được 740 lượt tổ chức đảng và 5.402 đảng viên; trong đó các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc và đảng ủy cơ sở kiểm tra được 694 tổ chức, Tỉnh ủy kiểm tra được 42 tổ chức (5 huyện và đảng ủy trực thuộc 37 tổ chức cơ sở). Phạm vi, lĩnh vực kiểm tra tùy thuộc tình hình cụ thể của từng cuộc kiểm tra và từng nơi, từng cấp tiến hành, nhưng được tập trung ở một số vấn đề chủ yếu sau đây:

- Đối với các huyện, thị ủy kiểm tra tập trung vào các nội dung: chấp hành nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng, vấn đề thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ; kiểm tra việc lãnh đạo sản xuất phát triển kinh tế theo tinh thần Nghị quyết số 01 của Tỉnh ủy về chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở địa phương, việc tổ chức thực hiện các chương trình dự án có nguồn vốn do Nhà nước đầu tư (vốn V06, 327, 135, vốn định canh định cư, v.v.), việc thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở... Một số huyện ủy như Bát Xát, Sa Pa, Bắc Hà... kiểm tra thêm các nội

dung: việc tổ chức thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ và công tác vận động nhân dân chống lợi dụng tôn giáo tuyên truyền đạo trái phép...

- Các đảng ủy trực thuộc xây dựng chương trình, kế hoạch kiểm tra chủ yếu đối với các nội dung: thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong lãnh đạo, chỉ huy; việc chấp hành nguyên tắc tổ chức, sinh hoạt đảng và việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị được giao; vấn đề tham mưu cho tỉnh về các chủ trương, biện pháp lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh...

Nhìn chung trong nhiệm kỳ qua các huyện thị, đảng ủy trực thuộc đều đã quan tâm thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy, trong đó một số nơi tiến hành được nhiều cuộc kiểm tra với nhiều nội dung và đạt kết quả tương đối tốt là: Thị ủy Lào Cai tổ chức 15 đợt kiểm tra đối với 43 tổ chức đảng cơ sở và kiểm tra cán bộ và công tác cán bộ 10 đảng viên thuộc diện Thị ủy quản lý về nội dung chấp hành nguyên tắc sinh hoạt đảng, lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng và thực hiện chức trách nhiệm vụ được phân công... Huyện ủy Sa Pa tiến hành 25 cuộc kiểm tra được 46 lượt tổ chức đảng cơ sở; trong đó có 16 cuộc kiểm tra chuyên đề đối với 37 cơ sở về các nội dung: lãnh đạo phát triển sản xuất nông nghiệp; làm đường giao thông nông thôn; thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học, chống mù chữ, thực hiện chương trình 327, 135... Huyện ủy Bát Xát tổ chức nhiều cuộc kiểm tra chuyên đề đối với nhiều tổ chức Đảng về các nội dung: chuyển dịch cơ cấu kinh tế, huy động sức dân, thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện Chương trình 135, dự án định canh định cư. Đảng ủy các cơ quan tỉnh coi trọng kiểm tra lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị, chấp hành nguyên tắc sinh hoạt đảng, thực hiện quy chế dân chủ trong cơ quan đơn vị chấp hành các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước; vấn đề đảng viên giữ gìn phẩm chất đạo đức, lối sống và tham gia sinh hoạt với tổ chức Đảng ở nơi cư trú... Huyện ủy Bắc Hà xây dựng chương trình, kế hoạch và tổ chức tốt việc kiểm tra về vấn đề chống lợi dụng tôn giáo, di dịch cư tự

do; công tác xóa mù chữ, thực hiện chương trình phổ cập giáo dục tiểu học và vấn đề củng cố tổ chức đảng cơ sở...

- Riêng Tỉnh ủy trong nhiệm kỳ 1996 - 2000 đã xây dựng chương trình, kế hoạch và thành lập các đoàn tiến hành 5 cuộc kiểm tra đối với 5 đảng bộ trực thuộc và 37 tổ chức cơ sở đảng và một số ban cán sự ngành có liên quan. Nội dung chủ yếu của 5 cuộc kiểm tra là:

+ Kiểm tra chuyên ngành vai trò của các tổ chức đảng trong lực lượng công an nhân dân lãnh đạo thực hiện Chỉ thị 15, Nghị quyết 14 của Trung ương về đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu (theo tinh thần chỉ đạo thống nhất của liên ngành Ban Nội chính Trung ương, Ủy ban Kiểm tra trung ương và Bộ Công an); kiểm tra đối với Đảng bộ công ty và Công ty Apatit về vai trò lãnh đạo của các cấp ủy Đảng trong doanh nghiệp nhà nước và việc thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động; việc quán triệt, tổ chức thực hiện quy chế dân chủ trong doanh nghiệp.

+ Kiểm tra toàn diện 3 Đảng bộ huyện (Bảo Yên, Bảo Thắng, Than Uyên) với các nội dung: việc thực hiện các chỉ tiêu cơ bản về kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị.

+ Kiểm tra lại 3 Đảng bộ huyện: Bảo Thắng, Than Uyên, Bảo Yên và một số ngành chức năng của tỉnh (18 ngành) trong việc khắc phục những tồn tại theo kết luận của Tỉnh ủy qua kết quả kiểm tra năm 1998.

Những kết quả sau đây có ý nghĩa quan trọng khẳng định sự chuyển biến mới từ nhận thức đến thực tiễn thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của các cấp ủy; giúp cho cấp ủy tiến hành kiểm tra đánh giá đúng vai trò, trách nhiệm và hiệu quả lãnh đạo của mỗi tổ chức đảng trên các lĩnh vực, các nội dung được kiểm tra. Kết luận rõ những ưu điểm, thành tích cần phát huy và chỉ ra được những tồn tại, khuyết điểm cần nghiêm túc khắc phục, sửa chữa; đồng thời đề ra những giải pháp giúp cơ sở tháo gỡ các vướng mắc, tồn tại mà bản thân cơ sở không tự giải quyết được như: đề nghị tỉnh cho phép miễn thu 134 tấn thóc nợ thuế nông nghiệp từ năm 1995 thuộc huyện Bảo Yên; chỉ đạo Sở Tài

chính - Vật giá, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Điện lực tỉnh phê duyệt và cấp kinh phí quyết toán các công trình điện thấp sáng tại các xã thuộc Bảo Thắng hàng tỷ đồng; giải quyết tranh chấp địa giới, chấn chỉnh việc quản lý dự án rừng phòng hộ sông Đà và quản lý vũ khí ở Than Uyên; kết luận xử lý các vi phạm trong xây dựng cơ bản các dự án 327, di dân dân, quản lý đất đai, thực hiện sai các chế độ chính sách, xây dựng bổ sung quy chế làm việc, củng cố tổ chức, cán bộ và các đoàn thể chính trị... đã cơ bản được khắc phục.

Về chỉ đạo kiểm tra: Các cuộc kiểm tra đều được chuẩn bị chu đáo và chỉ đạo chặt chẽ, như: xây dựng kế hoạch, nội dung kiểm tra; thành lập ban chỉ đạo, thường trực ban chỉ đạo; thành lập đoàn kiểm tra do 1 đồng chí thường vụ cấp ủy làm trưởng đoàn; xây dựng đề cương tập huấn quán triệt cho các thành viên đoàn kiểm tra về mục đích yêu cầu, nội dung và phương pháp kiểm tra; thống nhất với đơn vị được kiểm tra về kế hoạch thực hiện. Quá trình thực hiện bám sát nội dung các bước kiểm tra và tiến độ, kết quả các bước kiểm tra hoặc có những vướng mắc được báo cáo kịp thời về ban chỉ đạo cho phương hướng giải quyết. Kết thúc mỗi cuộc kiểm tra đều được tổng hợp đánh giá khách quan các vấn đề mạnh, yếu của từng tổ chức Đảng được kiểm tra và được tập thể thường vụ cấp ủy tiến hành kiểm tra thảo luận, kết luận nhấn mạnh các ưu khuyết điểm, đặc biệt là những tồn tại cần nghiêm túc xem xét và khắc phục, thực sự đã tăng cường hiệu quả sau kiểm tra.

B. Hoạt động của Ủy ban kiểm tra các cấp

1. Thực hiện các nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định

1.1. Kiểm tra đảng viên (kể cả cấp ủy viên cùng cấp và tổ chức Đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm:

- Tại nhiệm kỳ 1996 - 2000, Ủy ban Kiểm tra các cấp trong toàn tỉnh đã tiến hành kiểm tra 673 đảng viên có dấu hiệu vi phạm, bao gồm: Ủy ban Kiểm tra cấp đảng ủy cơ sở kiểm tra 222 đảng viên; Ủy

ban Kiểm tra cấp huyện, thị, đảng ủy trực thuộc kiểm tra 441 và Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy kiểm tra được 10 đảng viên. Trong 673 đảng viên được kiểm tra, có: 351 đồng chí thuộc cấp ủy cơ sở quản lý, 233 đồng chí thuộc diện cấp huyện, thị, đảng ủy trực thuộc quản lý và 29 đồng chí thuộc Tỉnh ủy quản lý; có 338 đảng viên là cấp ủy viên các cấp chiếm 50,2% tổng số đảng viên có dấu hiệu vi phạm được kiểm tra (cấp ủy viên huyện thị, đảng ủy trực thuộc chiếm 11,5% và cấp ủy viên cơ sở trở xuống chiếm 88,5%).

Qua kiểm tra, kết luận 525 đảng viên có vi phạm (78%), trong đó phải thi hành kỷ luật 415 đảng viên chiếm 79% và đã thi hành kỷ luật 374 đảng viên chiếm 90,1% so với số phải thi hành kỷ luật. Với kết quả kiểm tra thấy nổi lên việc vi phạm của đảng viên tập trung nhiều ở lĩnh vực quản lý nhà nước về kinh tế - tài chính chiếm tỷ lệ cao (53,4%). Vi phạm này có nguyên nhân do trình độ non kém về kiến thức quản lý kinh tế - tài chính và một phần là sự giảm sút về đạo đức, lối sống của một bộ phận đảng viên trong điều kiện thực hiện kinh tế thị trường...

- Về kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm: Ủy ban Kiểm tra các cấp đã phát hiện và tiến hành kiểm tra 96 tổ chức đảng; trong đó có 16 đảng bộ, 11 ban thường vụ đảng ủy và 69 ban chi ủy chi bộ cơ sở. Kết quả kiểm tra kết luận 42/96 tổ chức đảng có vi phạm, chiếm 43,75%; trong đó số phải thi hành kỷ luật 14/42 tổ chức (33,3%) và đã được xử lý kỷ luật đối với 14 tổ chức đảng có vi phạm đến mức phải kỷ luật.

Kiểm tra đảng viên và tổ chức đảng cấp dưới có dấu hiệu vi phạm là hai nhiệm vụ trọng tâm của Ủy ban kiểm tra nên đã được ủy ban kiểm tra các cấp tập trung chỉ đạo và thực hiện; trong đó những nơi thực hiện có nhiều cố gắng là: Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bảo Yên, Sa Pa, Văn Bàn, Đảng ủy các cơ quan tỉnh, thị xã Lào Cai... đã phát hiện và tiến hành kiểm tra nhiều đảng viên có dấu hiệu vi phạm; Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bắc Hà phối hợp Thanh tra nhà nước tiến hành kiểm tra nhiều tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm trong lãnh đạo thực

hiện các chương trình, dự án kinh tế 327, 135, định canh định cư. Sở dĩ đạt được những kết quả trên đây, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã có rất nhiều cố gắng khắc phục khó khăn về sự lúng túng, dè dặt trong vấn đề xác định, phát hiện các dấu hiệu vi phạm có mối quan hệ đến uy tín chính trị của tổ chức đảng và đảng viên, nhất là đối với đảng viên giữ cương vị lãnh đạo chủ chốt các cấp. Tuy nhiên vẫn còn hạn chế là thiếu chủ động phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc thiếu mạnh dạn thực hiện nên kết quả làm chưa được nhiều, nhất là ủy ban kiểm tra cấp đảng ủy cơ sở.

1.2. Giải quyết tố cáo đối với đảng viên và tổ chức đảng

+ Đối với đảng viên

Số đảng viên bị tố cáo thuộc ủy ban kiểm tra các cấp trong nhiệm kỳ xét và giải quyết là 518 trường hợp, tăng 40,7% so với nhiệm kỳ trước. Trong tổng số trường hợp bị tố cáo thì số tố cáo có ký tên chiếm 72,2% và không ký tên, mạo tên 27,8%; thuộc diện Tỉnh ủy quản lý 5,6%, huyện thị, đảng ủy trực thuộc quản lý 40,7%, cấp ủy cơ sở trở xuống quản lý chiếm 53,7% và là cấp ủy viên các cấp chiếm 45,75%.

Nguyên nhân chủ yếu của việc tố cáo tăng là: một số cán bộ đảng viên nắm không sâu các quy định của Nhà nước, nhất là trong lĩnh vực quản lý kinh tế - tài chính hoặc thiếu tu dưỡng rèn luyện, năng lực lãnh đạo và tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình yếu, buông lỏng tổ chức kỷ luật, vụ lợi cá nhân, giảm sút đạo đức lối sống ở một số cán bộ và đảng viên, hoặc lợi dụng trong dịp bầu cử hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân và đại hội Đảng các cấp hoặc thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2)... để tố cáo vì động cơ cá nhân nhằm bôi nhọ làm giảm uy tín cán bộ đảng viên.

Ủy ban Kiểm tra các cấp đã giải quyết xong 456 trường hợp (88%), thấp hơn nhiệm kỳ trước 9,3%. Việc giảm tỷ lệ giải quyết đối với đảng viên bị tố cáo do tính chất tố cáo ngày càng phức tạp, nội dung tố cáo chung chung thiếu cơ sở xem xét kết luận, nhiều trường hợp tố cáo nặc danh hoặc tố lại nhiều lần... Kết quả kết luận có 58,3% số trường hợp tố đúng hoặc đúng một phần, 29,8% trường hợp tố sai, tố với dụng

ý xấu 3,5% và chưa đủ cơ sở kết luận 8,3%. Trong số bị tố đúng hoặc đúng một phần thì số có vi phạm chiếm 70%; số phải xử lý kỷ luật 71% và đã thi hành kỷ luật 81,8%. Qua kết quả giải quyết các đơn thư tố cáo đối với đảng viên cho thấy: tố cáo vi phạm về nguyên tắc quản lý kinh tế - tài chính và phẩm chất đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên chiếm nội dung chủ yếu (62,3% số bị tố cáo).

+ Đối với tổ chức đảng

Nhiệm kỳ 1996 - 2000, Ủy ban kiểm tra các cấp tiếp nhận 14 đơn thư tố cáo đối với tổ chức đảng, tăng 9 đơn (180%) so với nhiệm kỳ 1991- 1995. Đã tập trung xem xét giải quyết xong 13 đơn bằng 92,9%; trong đó: kết luận 8 tổ chức đảng có vi phạm; phải thi hành kỷ luật 4 tổ chức (50%) và đã thi hành kỷ luật 4 tổ chức đảng. Cấp giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng chủ yếu là ủy ban kiểm tra các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc và nội dung tố cáo vi phạm trong chấp hành nguyên tắc Đảng, vi phạm chính sách, pháp luật nhà nước là chủ yếu (62,5%).

Qua giải quyết đơn thư tố cáo từ năm 1996 đến nay có một số đặc điểm sau:

- Tỷ lệ đơn thư tố cáo giấu tên, mạo tên còn chiếm tỷ lệ gần 1/3 trong tổng số đơn thư Ủy ban kiểm tra các cấp tiếp nhận; có những đơn thư tố lại nhiều lần trong nhiều năm hoặc gửi đi nhiều cấp nhiều nơi, có đơn thư tố cáo chuyển dạng tán phát tài liệu,

- Đối tượng bị tố cáo tập trung nhiều ở lĩnh vực quản lý nhà nước, nhất là về quản lý kinh tế - tài chính.

- Khi xem xét, kết luận sai phạm thường gặp khó khăn về chứng cứ và đối tượng là cán bộ lãnh đạo, là cấp ủy viên.

Đánh giá chung: Ủy ban Kiểm tra các cấp có nhiều cố gắng giải quyết đơn thư tố cáo phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị, nhất là trong các đợt kiện toàn củng cố tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể các cấp. Một số nơi như Bảo Thắng, Sa Pa, Bắc Hà, Cam Đường, đảng ủy các cơ quan tỉnh... có nhiều đơn thư tố cáo, nhưng đã tích cực xem xét giải quyết hoặc đã giải quyết hết các đơn tố cáo thuộc trách nhiệm

của mình, như các ủy ban kiểm tra: Đảng ủy Biên phòng tỉnh, huyện Văn Bàn, Bát Xát, Đảng ủy các cơ quan tỉnh và thị xã Lào Cai. Bên cạnh đó còn có trường hợp tố cáo chậm được giải quyết hoặc giải quyết không dứt điểm, quy trình xem xét thiếu chặt chẽ dẫn đến khiếu nại kéo dài, vượt cấp.

1.3. Về thi hành kỷ luật trong Đảng:

Từ năm 1996 đến nay có 613 đảng viên bị thi hành kỷ luật, chiếm tỷ lệ 3,7% tổng số đảng viên trong toàn tỉnh. So với nhiệm kỳ 1991 - 1995 thì tỷ lệ đảng viên vi phạm bị kỷ luật giảm 1,15% và tăng 4,3% số đảng viên bị thi hành kỷ luật. Tỷ lệ về hình thức kỷ luật đảng viên, gồm: khiển trách 40,1%, cảnh cáo 38,5%, cách chức 6,2%, khai trừ ra khỏi đảng 15,2% (trong đó có 21 đảng viên bị truy tố trước pháp luật).

Về thi hành kỷ luật đối với tổ chức đảng: Ủy ban Kiểm tra các cấp đã giúp cấp ủy xem xét xử lý kỷ luật 14 tổ chức đảng, tăng 27,3% số tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật ở nhiệm kỳ trước. Số tổ chức đảng bị kỷ luật thuộc cấp chi ủy, chi bộ chiếm 64,3% và cấp đảng ủy cơ sở chiếm 28,6%. Các vi phạm kỷ luật xảy ra thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước, nhất là vấn đề quản lý kinh tế - tài chính và vấn đề thực hiện nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách chiếm tỷ lệ chủ yếu (63,6%).

Phân tích tình hình vi phạm phải xử lý kỷ luật cho thấy: So với nhiệm kỳ trước thì số đảng viên và tổ chức đảng bị kỷ luật tại nhiệm kỳ 1996 - 2000 đều tăng về số lượng, nhưng giảm về tỷ lệ đảng viên bị kỷ luật so tổng số đảng viên toàn tỉnh và đều giảm tỷ lệ về hình thức kỷ luật cách chức, khai trừ đối với đảng viên; số tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật đều thuộc cấp cơ sở và không có trường hợp nào phải thi hành kỷ luật giải tán tổ chức đảng. Đó là những dấu hiệu tiến bộ của đảng viên và tổ chức đảng; đồng thời là sự nỗ lực vươn lên của ủy ban kiểm tra các cấp về mặt nghiệp vụ, chuyên môn trong việc xem xét kết luận khách quan các vi phạm, thực hiện đúng quy trình, nguyên tắc xét thi hành kỷ luật; vận dụng chính xác về hình thức xử lý, kỷ luật nên hạn chế các trường hợp khiếu nại, như: Trong tổng số đảng viên bị thi hành kỷ luật từ năm 1996 đến nay chỉ có 22 trường hợp có

khiếu nại (bằng 3,6%); cả 14 tổ chức đảng bị kỷ luật nhưng đều không có khiếu nại. Hồ sơ các vụ kỷ luật được tiến hành đảm bảo đúng quy định, quản lý tốt. Thời gian xem xét xử lý kỷ luật nhìn chung kịp thời góp phần giải quyết những vấn đề tồn tại.

Về tồn tại: Còn có trường hợp xử lý kỷ luật chưa thật khách quan, vô tội hoặc thực hiện chưa tốt quy trình của một vụ kỷ luật (thị xã Cam Đường) để có khiếu kiện; có vụ xem xét kỷ luật chưa kịp thời dẫn đến dị nghị, bất bình (nông trường Thanh Bình).

1.4. Kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thi hành kỷ luật trong Đảng và giải quyết thư khiếu nại kỷ luật về Đảng:

Điều lệ của Đảng qua các kỳ đại hội đều có xác định “lãnh đạo phải có kiểm tra, không kiểm tra coi như không lãnh đạo”; nhưng thực tế hiểu và thực hiện vấn đề này chưa rõ ràng, thiếu thống nhất. Nhận thức cũ cho rằng công tác kiểm tra của Đảng là nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra, còn cấp ủy chỉ làm nhiệm vụ lãnh đạo công tác kiểm tra - là một tồn tại, khuyết điểm về vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng (trước hết là cấp ủy các cấp) thông qua công tác kiểm tra. Cho nên Điều lệ Đảng khóa VIII quy định rõ “tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra” (Điểm 1 Điều 30) và quy định cho Ủy ban kiểm tra có nhiệm vụ kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra là một nội dung mới được quy định trong nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp.

Theo quy định trong nội dung này, nhiệm kỳ qua Ủy ban kiểm tra các cấp trong toàn tỉnh đã tiến hành kiểm tra 506 tổ chức đảng cấp dưới về việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra; trong đó Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy kiểm tra 26 tổ chức, Ủy ban kiểm tra các huyện, thị, đảng ủy trực thuộc kiểm tra được 414 tổ chức và Ủy ban kiểm tra các đảng ủy cơ sở kiểm tra 66 tổ chức. Đây là hoạt động có tính nền tảng đã làm thay đổi nhận thức cần thiết của cấp ủy và Ủy ban kiểm tra các cấp về công tác kiểm tra của Đảng; khắc phục căn bản nhận thức không đúng trước đây. Từ đó hoạt động kiểm tra của các tổ chức đảng cơ sở

và huyện, thị, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy được nâng lên rõ rệt. Đây cũng là sự hoạt động mới được thực hiện từ nhiệm kỳ này mà các nhiệm kỳ trước đây chưa làm.

Hơn 4 năm qua, Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và các huyện thị, đảng ủy trực thuộc (chủ yếu là Ủy ban kiểm tra huyện, thị, đảng ủy trực thuộc) kiểm tra được 89 tổ chức đảng cấp dưới về việc thi hành kỷ luật trong Đảng đối với 71 đảng viên. Tỷ lệ số tổ chức đảng được kiểm tra về nội dung này tại nhiệm kỳ 1996 - 2000 tăng hơn nhiệm kỳ trước 111,9%. Kết quả kiểm tra kết luận có 57,7% số đảng viên bị thi hành kỷ luật đúng; 14,1% bị thi hành kỷ luật sai thẩm quyền hoặc chưa đúng nguyên tắc, thủ tục; phải thay đổi, xóa bỏ hình thức kỷ luật đối với 28,2% tỷ lệ số đảng viên bị kỷ luật được kiểm tra. Với kết quả này thấy không ít các tổ chức đảng và một số ủy ban kiểm tra cấp dưới, nhất là cấp cơ sở còn những hạn chế về việc thi hành kỷ luật trong Đảng, cần được rút kinh nghiệm và sớm khắc phục.

- Từ năm 1996 đến nay Ủy ban kiểm tra các cấp trong toàn tỉnh tiếp nhận khiếu nại của 22 đảng viên bị thi hành kỷ luật, giảm 29,1% số trường hợp đảng viên khiếu nại kỷ luật so với nhiệm kỳ 1991 - 1995. Qua xem xét có 18 trường hợp cần phải giải quyết, còn 4 trường hợp quá thời hiệu theo quy định của Điều lệ. Đã xét, giải quyết xong 15/18 trường hợp (83,3%), bao gồm các hình thức: giữ nguyên kỷ luật 66,7%, tăng án kỷ luật 6,7% và giảm kỷ luật 26,5%. Đa số đảng viên khiếu nại về kỷ luật đảng thuộc diện cấp ủy cơ sở quản lý và do Ủy ban Kiểm tra cấp huyện, thị, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy giải quyết là chủ yếu (chiếm 86,7%).

Vấn đề giảm nhiều tỷ lệ đảng viên khiếu nại kỷ luật về Đảng và không có tổ chức đảng nào bị thi hành kỷ luật có khiếu nại là thể hiện sự cố gắng làm tốt công tác thẩm tra, xác minh và công tác tư tưởng đối với đối tượng có sai phạm, khuyết điểm trước khi quyết định thi hành kỷ luật và cách làm theo đúng quy trình. Tuy nhiên vẫn có trường hợp giải quyết khiếu nại ở cơ sở thiếu dứt điểm dẫn đến khiếu nại nhiều cấp, kéo dài.

1.5. Kiểm tra tài chính đảng:

Thực hiện nhiệm vụ này, ủy ban kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra đối với 11 tổ chức đảng cấp dưới và bộ phận tài chính văn phòng cấp ủy cùng cấp về việc quản lý, sử dụng ngân sách đảng, trong đó: Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy kiểm tra 5 tổ chức và ủy ban kiểm tra các huyện thị, đảng ủy trực thuộc kiểm tra 6 tổ chức. Kết quả 11 cấp ủy được kiểm tra về nội dung này đều chấp hành tốt nguyên tắc thu chi ngân sách, thực hiện nghiêm túc về pháp lệnh kế toán, thống kê. Đơn vị định kỳ thường xuyên hằng năm tiến hành kiểm tra tài chính đảng là Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Bắc Hà. Ngoài kiểm tra về ngân sách đảng, ủy ban kiểm tra các huyện, thị ủy và đảng ủy trực thuộc, Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở còn tiến hành kiểm tra 651 lượt tổ chức đảng, 5.844 đảng viên về việc thu nộp, quản lý và sử dụng đảng phí. So với nhiệm kỳ trước thì ở nhiệm kỳ này kiểm tra số lượt tổ chức đảng về nội dung đảng phí giảm 22,8% và số đảng viên được kiểm tra về việc nộp đảng phí giảm 65,4%. Qua kiểm tra kết luận có 85,7% tổ chức đảng được kiểm tra thực hiện tốt và 14,3% tổ chức đảng có thiếu sót khuyết điểm trong việc thu nộp đảng phí. Nội dung khuyết điểm chủ yếu về tỷ lệ trích nộp và đóng đảng phí chưa đúng với quy định, hướng dẫn nên đã rút kinh nghiệm và truy thu 12.232.900 đồng nộp vào ngân sách đảng.

Nhìn chung việc sử dụng kinh phí của các cấp ủy từ Tỉnh ủy đến các huyện, thị ủy và các cơ sở là tốt, không có những vi phạm lớn; các cấp ủy thường xuyên đã tiến hành kiểm tra và tự kiểm tra; vấn đề thu nộp đảng phí có một số thiếu sót, khuyết điểm không lớn đã được rút kinh nghiệm và sửa chữa nghiêm túc.

2. Tham mưu giúp cấp ủy thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và thực hiện nhiệm vụ cấp ủy giao

- Cùng với việc thực hiện có chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đảng, trong nhiệm kỳ 1996 - 2000, Ủy ban kiểm tra các cấp đã nêu cao ý thức trách nhiệm, chủ động tham mưu

cho cấp ủy mình về nhiều vấn đề, nhiều lĩnh vực trong công tác kiểm tra của Đảng. Từ việc báo cáo đề xuất tổ chức nghiên cứu quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, thông tri hướng dẫn về công tác kiểm tra đến việc giúp cấp ủy soạn thảo chương trình, kế hoạch, xây dựng đề cương hướng dẫn nội dung kiểm tra, cử cán bộ tham gia các đoàn kiểm tra với trách nhiệm là cơ quan tham mưu chủ yếu trong các cuộc kiểm tra của cấp ủy... là sự thể hiện rõ nét vai trò tham mưu của Ủy ban kiểm tra các cấp đối với công tác kiểm tra của cấp ủy các cấp.

- Bên cạnh đó, Ủy ban kiểm tra các cấp còn được cấp ủy giao nhiều nhiệm vụ cụ thể khác, như giúp cấp ủy xem xét các đơn thư tố cáo đảng viên, tố chức đảng, thư khiếu nại kỷ luật của đảng viên, nhất là những dịp phục vụ cho công tác nhân sự Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp và nhân sự đại hội Đảng các cơ sở; phục vụ cho cấp ủy trong việc thi hành kỷ luật đảng viên, tổ chức đảng đều được Ủy ban kiểm tra các cấp khẩn trương thẩm tra, xác minh báo cáo cấp ủy kết luận. Trong thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) về cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng, Ủy ban kiểm tra các cấp đã rất cố gắng thực hiện nhiệm vụ Ban Thường vụ cấp ủy giao chủ trì phối hợp cùng các ban xây dựng Đảng và văn phòng cấp ủy (chủ yếu với văn phòng và ban tổ chức) giúp cấp ủy gợi ý kiểm điểm đối với các tổ chức đảng trực thuộc và các cấp ủy viên thuộc diện cấp ủy quản lý; trong đó Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy đã chủ động giúp Tỉnh ủy gợi ý kiểm điểm đối với 15 Ban Thường vụ đảng bộ trực thuộc, 54 ban cán sự đảng, đảng đoàn, ngành và 247 đồng chí cán bộ do Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý.

Nhìn chung trong nhiệm kỳ 1996 - 2000, Ủy ban kiểm tra các cấp có rất nhiều cố gắng, chủ động tích cực làm tốt công tác tham mưu cho cấp ủy, phục vụ kịp thời những nhiệm vụ cấp ủy giao góp phần tích cực trong củng cố và xây dựng Đảng ở các cấp ổn định tình hình chính trị, an ninh quốc phòng. Song còn có mặt hạn chế là: tham mưu cho cấp ủy về thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy đối với lĩnh vực quản lý kinh tế, tài chính làm chưa được nhiều;

đề xuất các chủ trương, biện pháp để thực hiện những kết luận sau kiểm tra còn hạn chế.

3. Về tổ chức bộ máy Ủy ban kiểm tra và xây dựng đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm tra các cấp

Đại hội Đảng các cấp đã kiện toàn một bước về tổ chức bộ máy ủy ban kiểm tra và cán bộ làm công tác kiểm tra của tổ chức đảng các cấp. Đến nay toàn tỉnh có 157 Ủy ban kiểm tra từ Tỉnh ủy đến các đảng ủy cơ sở với tổng số 526 ủy viên Ủy ban kiểm tra; trong đó: số tổ chức ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở chiếm 89,8% với số ủy viên Ủy ban kiểm tra đảng ủy cơ sở chiếm 84,4%; Ủy ban kiểm tra các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy chiếm 9,5% với số ủy viên chiếm 14,3% và số ủy viên chuyên trách làm công tác kiểm tra ở tổ chức đảng các cấp chiếm 5,9%.

Biên chế cán bộ, viên chức được duyệt cho hai cấp Ủy ban kiểm tra (tỉnh và huyện, thị) là 75 đồng chí, hiện có 59 đồng chí đạt 78,6%.

Về bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn: Trong nhiệm kỳ 1996 - 2000 Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy và Ủy ban kiểm tra các huyện, thị ủy đã phối hợp với các trường chính trị mở được 44 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ cho 1.623 cấp ủy viên và cán bộ kiểm tra các cấp. Ngoài ra còn quan tâm cử cán bộ đi học các lớp đào tạo ở Trung ương, ở tỉnh để vừa hoàn thành nhiệm vụ được giao, vừa nâng cao trình độ nhận thức cho cán bộ. Nội bộ Ủy ban kiểm tra các cấp giữ vững truyền thống đoàn kết, thực hiện tốt quy chế làm việc của Ủy ban kiểm tra, chấp hành nghiêm túc sự lãnh đạo của cấp ủy và sự chỉ đạo nghiệp vụ của Ủy ban kiểm tra cấp trên. Bên cạnh đó cũng còn có tồn tại là: Công tác cán bộ trong ngành kiểm tra tuy đã được củng cố nhưng vẫn chưa đáp ứng tốt hơn đối với yêu cầu nhiệm vụ chính trị, nhất là cán bộ kiểm tra của một số huyện thị vừa thiếu, vừa yếu về năng lực; cán bộ kiểm tra của tổ chức đảng cơ sở non yếu về trình độ lý luận, lúng túng về nghiệp vụ chuyên môn, ngại va chạm,... là những vấn đề cần sớm được khắc phục đưa hoạt động của Ủy ban kiểm tra các cấp ngày càng đáp ứng tốt hơn đối với yêu cầu nhiệm vụ.

IV. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ MỘT SỐ KINH NGHIỆM, ĐỀ XUẤT

1. Ưu điểm

Với nhiều cố gắng của cả cấp ủy và Ủy ban kiểm tra, nhìn chung công tác kiểm tra của toàn Đảng bộ trong nhiệm kỳ 1996 - 2000 thực sự có những chuyển biến rất tích cực, đó là:

1.1. Cấp ủy và Ủy ban kiểm tra các cấp đã làm rất tốt việc tuyên truyền, quán triệt các nghị quyết, chỉ thị, Điều lệ Đảng, hướng dẫn của Trung ương, bằng những phương pháp rất có hiệu quả, như: vừa giáo dục học tập, vừa tiến hành kiểm tra theo Điều lệ và tiến hành các lớp tập huấn nghiệp vụ cho các cấp ủy viên đã tạo sự chuyển biến rõ nét về nhận thức trong cấp ủy các cấp đối với công tác kiểm tra của Đảng và nhiệm vụ kiểm tra của các cấp ủy. Qua đó, nhìn chung cấp ủy các cấp đã xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể về công tác kiểm tra của cấp mình.

1.2. Được tập huấn học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ và được kiểm tra sát sao đánh giá đúng kết quả hoạt động kiểm tra của cấp ủy (chủ yếu đối với huyện, thị, đảng ủy trực thuộc) và Ủy ban kiểm tra cấp huyện nên nghiệp vụ trong công tác kiểm tra được nâng lên, như kiểm tra có chương trình, có kế hoạch, tiến hành bài bản, quy trình kiểm tra có nhiều tiến bộ; kết thúc kiểm tra có kết luận rõ ưu, khuyết điểm do đó hiệu quả kiểm tra được nâng lên.

1.3. Sự chuyển động về công tác kiểm tra trong những năm qua là rất cơ bản, chủ yếu công tác kiểm tra của các Đảng bộ trực thuộc tỉnh tốt lên rất nhiều, như: Huyện ủy Sa Pa tiến hành 25 cuộc kiểm tra đối với 46 lượt tổ chức đảng, trong đó có 16 cuộc kiểm tra chuyên sâu từng lĩnh vực và 9 cuộc kiểm tra toàn diện; Đảng bộ các cơ quan tỉnh trong gần 5 năm tiến hành 201 cuộc kiểm tra, trong đó có 98 cuộc do tổ chức đảng cơ sở tự kiểm tra; Thị ủy Lào Cai tổ chức 15 đợt kiểm tra đối với 43 tổ chức đảng và 10 đảng viên thuộc diện thị ủy quản lý... Các nội dung được cấp ủy các huyện, thị tiến hành kiểm tra tùy theo

từng nơi, từng vấn đề, nhưng chủ yếu là kiểm tra chuyên sâu trong từng lĩnh vực.

Tóm lại: Từ sự chuyển biến nâng lên về nhận thức đối với công tác kiểm tra mà trong những năm qua Đảng bộ tỉnh Lào Cai và các huyện, thị, đảng bộ trực thuộc đã thực hiện khá tốt, có hiệu quả nhiệm vụ kiểm tra của tổ chức đảng theo quy định tại Điều 30 Điều lệ Đảng (khóa VIII) và Chỉ thị số 29-CT/TW, ngày 14-2-1998 của Bộ Chính trị.

1.4. Đối với ủy ban kiểm tra các cấp:

- Ủy ban kiểm tra các cấp đã thực hiện tốt nhiệm vụ một cách sáng tạo giúp cho nhận thức của tổ chức đảng, mà trước hết là cấp ủy về công tác kiểm tra và nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy được chuyển biến tăng lên thông qua việc tăng cường kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra.

- Từng bước nâng lên thực hiện ngày càng tốt đối với việc thực hiện nhiệm vụ kiểm tra đảng viên (kể cả cấp ủy viên cùng cấp) và tổ chức đảng cấp dưới khi có dấu hiệu vi phạm, do đó đã giải quyết tốt các vi phạm xảy ra trong Đảng.

- Giải quyết đơn thư tố cáo, khiếu nại kịp thời, đúng quy trình và đảm bảo sự nghiêm minh.

- Xem xét quyết định hoặc phục vụ cấp ủy quyết định thi hành kỷ luật đảng viên, tổ chức đảng khách quan, công minh và nghiêm túc.

- Tích cực, chủ động tham mưu cho cấp ủy về công tác kiểm tra và thực hiện tốt các nhiệm vụ do cấp ủy giao.

- Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ để nâng cao trình độ lý luận chính trị và kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Những tồn tại, hạn chế

- Hệ thống tổ chức cán bộ Ủy ban kiểm tra tuy đã được củng cố một bước, nhưng còn thiếu và trình độ năng lực còn nhiều mặt hạn chế, nhất là cấp huyện, thị và cơ sở, do đó chưa ngang tầm với nhiệm vụ yêu cầu.

- Công tác kiểm tra ở tổ chức đảng cơ sở còn yếu cả về nhận thức và trình độ nghiệp vụ, còn dè dặt nể nang, ngại va chạm nên kết quả và hiệu quả kiểm tra chưa cao.

- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra của cấp ủy các cấp có chuyển biến tích cực nhưng chưa mạnh, chưa thường xuyên nên cần phải tăng cường hơn nữa.

3. Một số kinh nghiệm và đề xuất

- Sự lãnh đạo của cấp ủy và vai trò tham mưu của ủy ban kiểm tra là yếu tố quyết định nội dung, chất lượng và hiệu quả của công tác kiểm tra.

- Chương trình kiểm tra của cấp ủy cần được xác định có trọng tâm trọng điểm, kiểm tra ít nhưng đảm bảo quy trình; kết quả kiểm tra phải được kết luận rõ ưu điểm để phát huy, chỉ ra được khuyết điểm và đề ra được biện pháp khắc phục tồn tại. Thời gian chung cho mỗi cuộc kiểm tra không nên kéo dài trên 2 tháng; nội dung kiểm tra nên chủ yếu theo chuyên đề, khi cần thiết mới kiểm tra toàn diện; thời hiệu kiểm tra nói chung không nên quá 2 năm. Kết luận kiểm tra cần định rõ thời gian khắc phục và cần tiến hành kiểm tra lại việc tiếp thu sửa chữa để đánh giá hiệu quả sau kiểm tra.

- Hằng năm Ủy ban kiểm tra cấp trên phải có chương trình và trên cơ sở đó tiến hành kiểm tra tổ chức đảng và Ủy ban kiểm tra cấp dưới thực hiện nhiệm vụ kiểm tra. Làm tốt việc này có tác dụng thúc đẩy nhau trong việc kiểm tra, uốn nắn, hướng dẫn kinh nghiệm, nâng cao kiến thức nghiệp vụ và trách nhiệm kiểm tra của các cấp ủy và Ủy ban kiểm tra cấp dưới.

- Kiến nghị với Trung ương nghiên cứu có chế độ chính sách phù hợp cho Ủy ban kiểm tra cấp đảng ủy cơ sở hoặc công tác kiểm tra ở đảng ủy cơ sở do cấp ủy phân công một số đồng chí trong cấp ủy đảm nhiệm.

V. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CỦA CÔNG TÁC KIỂM TRA NHIỆM KỲ 2000-2005

Căn cứ Điều lệ Nghị quyết 9 Đại hội toàn quốc và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XII của tỉnh sẽ cụ thể hóa nhiệm vụ kiểm tra mà ủy ban kiểm tra các cấp đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của tỉnh.

Được sự chỉ đạo, hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy các cấp, sự nỗ lực của đội ngũ cán bộ kiểm tra toàn tỉnh; hoạt động công tác kiểm tra trong nhiệm kỳ 1996-2000 đã chủ động khắc phục các khó khăn, lúng túng để giành được những kết quả góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ổn định chính trị, giữ vững chủ quyền an ninh biên giới và xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh.

Nhiệm vụ công tác kiểm tra có ý nghĩa rất quan trọng trong công tác xây dựng Đảng, đòi hỏi các cấp ủy và Ủy ban kiểm tra các cấp cần tăng cường công tác kiểm tra của Đảng với tinh thần “chủ động, chiến đấu, giáo dục và hiệu quả” để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới trong nhiệm kỳ 2000 - 2005 thực hiện có hiệu quả mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

BÍ THƯ
TRÁNG A PAO

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

QUYẾT ĐỊNH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
Số 612-QĐ/TU, ngày 21-12-2000
Chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ
Công ty Apatít Việt Nam
(khóa XVIII, nhiệm kỳ 2000-2005)

Căn cứ Điều 13 Chương II Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam và Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 22-5-2000 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp;

Căn cứ vào biên bản bầu cử Ban Chấp hành Công ty Apatít Việt Nam tại phiên họp ngày 29-11-2000 của Đại hội đại biểu Đảng bộ Công ty Apatít Việt Nam khóa XVIII, nhiệm kỳ 2000-2005;

Xét đề nghị của đồng chí Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy,

BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Chuẩn y kết quả bầu cử 17 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty Apatít Việt Nam khóa XVIII, nhiệm kỳ 2000-2005 từ ngày 29-11-2000 (có danh sách kèm theo).

Điều 2: Nhiệm vụ cụ thể của Ủy viên Ban Chấp hành do Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty Apatít Việt Nam thống nhất phân công.

Điều 3: Các đồng chí Chánh Văn phòng Tỉnh ủy, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Đảng ủy Công ty Apatít Việt Nam và những đồng chí có tên trong danh sách căn cứ quyết định thi hành.

T/M BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC
NGUYỄN NGHĨA VỤ

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

DANH SÁCH
CHUẨN Y ỦY VIÊN BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ
CÔNG TY APATÍT VIỆT NAM
(khóa XVIII, nhiệm kỳ 2000-2005)

*(Kèm theo Quyết định số 612-QĐ/TU, ngày 21-12-2000
của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)*

Số TT	Họ và tên	Cơ quan công tác
1	Vũ Quang Tụng	Công ty Apatít Việt Nam
2	Vũ Đức Nghề	Đảng ủy Công ty
3	Bùi Văn Toán	Đảng ủy Công ty
4	Nguyễn Ngọc Dũng	Công ty Apatít Việt Nam
5	Hoàng Văn Vịnh	Công đoàn Công ty
6	Nguyễn Minh Hiền	Đoàn thanh niên công ty
7	Trần Đình Chiến	Xí nghiệp khai thác
8	Nguyễn Quang Huy	Công ty Apatít
9	Nguyễn Ngọc Bích	Bốc xúc tiêu thụ
10	Lương Văn Na	Xí nghiệp xây dựng
11	Phạm Cao Khiêm	Phòng kỹ thuật sản xuất
12	Trần Văn Thu	Xí nghiệp vận tải ô tô
13	Vũ Mạnh Thái	Sản xuất sản phẩm mới và dịch vụ
14	Lê Văn Thắng	Đảng ủy Công ty

15	Đinh Trường Sơn	Phòng tổ chức - lao động
16	Lê Bá Teo	Nhà máy tuyển
17	Nguyễn Xuân Chinh	Xí nghiệp cơ khí - sửa chữa

Lưu tại Kho Lưu trữ Tỉnh ủy.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
- <i>Chú dẫn của Nhà xuất bản</i>	7
- <i>Lời giới thiệu</i>	9
- Diễn văn khai mạc Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II, do đồng chí Tráng A Pao, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy trình bày	11
- Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa I, tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ II, ngày 2-5-1996	15
- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lào Cai lần thứ II, ngày 4-5-1996	50
- Thông tri của Ban Thường vụ tỉnh ủy, số 01-TT/TU, ngày 8-5-1996, về việc đánh giá 3 năm tổ chức thực hiện Chỉ thị 23-CT/TW, ngày 12-6-1993 của Bộ Chính trị về “Tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong tình hình mới”	51
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 03-QN/TU, ngày 9-5-1996, chuẩn y Ban Chấp hành đảng bộ huyện, thị, đảng ủy trực thuộc	53
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 04-QN/TU, ngày 9-5-1996, về việc chuẩn y Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư các đảng bộ huyện, thị, đảng ủy trực thuộc	55
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 05-QN/TU,	

ngày 9-5-1996, chuẩn y Ban Chấp hành đảng bộ huyện, thị, đảng ủy trực thuộc	57
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 06-QN/TU, ngày 9-5-1996, chuẩn y Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư các đảng bộ huyện, thị, đảng ủy trực thuộc	59
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 09-QĐ/TU, ngày 17-5-1996, chuẩn y Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Sa Pa	61
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 10-QĐ/TU, ngày 17-5-1996, chuẩn y Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy các cơ quan tỉnh	62
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 01-CT/TU, ngày 19-5-1996, về việc tổ chức Đại hội Hội Nông dân các cấp	63
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại phiên họp lần thứ nhất, số 27-TB/TU, ngày 17-6-1996	66
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 38-TB/TU, ngày 5-8-1996, về kết luận của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai tại phiên họp giao ban Khối Nội chính ngày 1-8-1996	70
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 42-TB/TU, ngày 8-8-1996, về vấn đề cán bộ và tổ chức tại phiên họp ngày 7-8-1996	73
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 29-QĐ/TU, ngày 16-8-1996, về việc thành lập Ban cán sự Đảng Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường tỉnh Lào Cai	78
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 30-QĐ/TU, ngày 16-8-1996, về việc thành lập Đảng đoàn Hội Văn học - Nghệ thuật tỉnh Lào Cai	80
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 31-QĐ/TU, ngày 16-8-1996, về việc thành lập Đảng đoàn Liên đoàn Lao động tỉnh Lào Cai	82

- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 32-QĐ/TU, ngày 16-8-1996, về việc thành lập Ban cán sự Đảng Chi cục Kiểm lâm nhân dân tỉnh Lào Cai 84
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 33-QĐ/TU, ngày 16-8-1996, về việc đổi tên và bổ sung Ủy viên Ban cán sự Đảng Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Lào Cai 86
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 34-QĐ/TU, ngày 16-8-1996, về việc bổ sung Ủy viên Ban cán sự Đảng Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh Lào Cai 88
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 35-QĐ/TU, ngày 16-8-1996, về việc đổi tên và kiện toàn Ban cán sự Đảng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lào Cai 89
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 36-QĐ/TU, ngày 16-8-1996, về việc thành lập Ban cán sự Đảng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Lào Cai 91
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 37-QN/TU, ngày 23-8-1996, chuẩn y Ban Chấp hành đảng bộ huyện, thị, đảng ủy trực thuộc 93
- Quyết nghị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 38-QN/TU, ngày 23-8-1996, chuẩn y Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư các đảng bộ huyện, thị, đảng ủy trực thuộc 96
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 02-CT/TU, ngày 23-8-1996, về việc tổ chức Đại hội cựu chiến binh các cấp 98
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 44-QĐ/TU, ngày 24-8-1996, chuẩn y Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai 101
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 45-QĐ/TU, ngày 24-8-1996, chuẩn y Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy Mường Khương 102
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 47-QĐ/TU, ngày 28-8-1996, chuẩn y Ủy ban Kiểm tra Thị ủy Lào Cai 103

- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 48-TB/TU, ngày 30-8-1996, về Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa II)	104
- Kế hoạch của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 02-KH/TU, ngày 4-9-1996, về tổ chức thực hiện Nghị quyết số 14-NQ/TW, ngày 15-5-1996 của Bộ Chính trị về lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng	107
- Chương trình công tác của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Lào Cai khóa II (nhiệm kỳ 1996-2000), số 03-KH/TU, ngày 4-9-1996	120
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 70-TB/TU, ngày 18-9-1996, về việc thành lập lại tổ chức bộ máy công đoàn cấp huyện, thị xã	125
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại phiên họp giao ban ngày 21-9-1996, số 73-TB/TU, ngày 24-9-1996	126
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 02-BC/TU, ngày 25-9-1996, đánh giá công tác giáo dục Lào Cai 5 năm đổi mới	130
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 03-BC/TU, ngày 25-9-1996, đánh giá hoạt động khoa học - công nghệ 5 năm (1991-1995)	136
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 8-10 đến 9-10-1996, số 77-TB/TU, ngày 11-10-1996	145
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 02-TT/TU, ngày 26-10-1996, về việc tổ chức thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”	147
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 69-QĐ/TU, ngày 25-11-1996, về việc nghiên cứu đề tài khoa học củng cố và nâng cao vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng cấp xã vùng cao tỉnh Lào Cai	151

- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị ngày 2 và 3-1-1997 về công tác tổ chức và kiểm tra, số 03-TB/TU, ngày 6-1-1997	153
- Quyết định của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, số 13-QĐ/TU, ngày 11-1-1997, về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Lào Cai khóa II (1996-2000)	159
- Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Lào Cai khóa II (1996-2000), (ban hành kèm theo Quyết định số 13-QĐ/TU, ngày 11- 1-1997)	160
- Báo cáo của Ban Chấp hành đảng bộ, số 01-BC/TU, ngày 15-1-1997, về tình hình công tác năm 1996, phương hướng nhiệm vụ công tác năm 1997	167
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 01-NQ/TU, ngày 15-1-1997, về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa giai đoạn 1996 - 2000	187
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 01-CT/TU, ngày 17-1-1997, về tăng cường ổn định dân cư	201
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 10-TB/TU, ngày 17-1-1997, về kết luận của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai tại cuộc họp giao ban Khối Nội chính ngày 9-1-1997	205
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 02-NQ/TU, ngày 20-1-1997, về phát triển kinh tế đối ngoại giai đoạn 1996 - 2000	208
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 02-BC/TU, ngày 1-2-1997, đánh giá 3 năm của các Đảng đoàn, Ban cán sự Đảng (cấp tỉnh và huyện, thị)	219
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ bảy ngày 19-2-1997, số 23-TB/TU, ngày 20-2-1997	234
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban Khối Nội chính ngày 1-3-1997, số 25-TB/TU, ngày 1-3-1997	237

- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 02-CT/TU, ngày 17-3-1997, về việc mở cuộc vận động toàn dân chăm sóc các thương binh, gia đình liệt sĩ, những người có công với nước và tổ chức kỷ niệm 50 năm ngày thương binh liệt sĩ (27-7-1947 - 27-7-1997) 240
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 31-TB/TU, ngày 27-3-1997, về xếp loại đảng bộ 2 năm 1995 - 1996 243
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 35-QĐ/TU, ngày 2-4-1997, công nhận đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh (1995 - 1996) 245
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 36-QĐ/TU, ngày 2-4-1997, công nhận đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh (1995 - 1996) 246
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 37-QĐ/TU, ngày 2-4-1997, công nhận đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh (1995 - 1996) 247
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 38-QĐ/TU, ngày 2-4-1997, công nhận đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh (1995 - 1996) 248
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 39-QĐ/TU, ngày 2-4-1997, công nhận đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh (1995 - 1996) 249
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 40-QĐ/TU, ngày 2-4-1997, công nhận đảng bộ đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh (1995 - 1996) 250
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 04-BC/TU, ngày 23-4-1997, về tình hình hoạt động giao lưu kinh tế với bên ngoài qua các cửa khẩu ở tỉnh Lào Cai (giai đoạn 1991-1997) 251
- Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, số 04-CT/TU, ngày 25-4-1997, thực hiện Nghị quyết

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000	274
- Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, số 05-CT/TU, ngày 25-4-1997, thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về định hướng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000	288
- Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 03-NQ/TU, ngày 9-5-1997, về phát triển kinh tế du lịch giai đoạn 1996 - 2000	300
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 10 ngày 17-5-1997, số 45-TB/TU, ngày 20-5-1997	309
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 65-QĐ/TU, ngày 20-5-1997, về chức năng, nhiệm vụ của Đảng ủy các cơ quan tỉnh	313
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 66-QĐ/TU, ngày 28-5-1997, về việc bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh	316
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 67-QĐ/TU, ngày 5-6-1997, về việc thành lập Ban cán sự Đảng Cục Thống kê tỉnh Lào Cai	317
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 70-QĐ/TU, ngày 14-6-1997, về việc thành lập văn phòng và các ban chuyên môn thuộc cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Lào Cai	319
- Quyết định của Thường trực Tỉnh ủy, số 72-QĐ/TU, ngày 14-6-1997, về việc tổ chức huấn luyện tự vệ khối Tỉnh ủy năm 1997	321

- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 09-BC/TU, ngày 10-7-1997, về một số tình hình quan hệ giữa tỉnh Lào Cai và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc) 322
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ, số 10-BC/TU, ngày 10-7-1997, sơ kết 5 năm thực hiện các chương trình dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Lào Cai 327
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 03-CT/TU, ngày 21-7-1997, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động công tác kiểm sát tuân theo pháp luật của ngành Kiểm sát nhân dân 353
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 13 ngày 28-7-1997, số 65-TB/TU, ngày 28-7-1997, 356
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 80-QĐ/TU, ngày 30-7-1997, chuẩn y Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh 360
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 12-BC/TU, ngày 2-8-1997, 3 năm thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII về công tác thể dục thể thao 361
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 13-BC/TU, ngày 2-8-1997, 3 năm thực hiện Chỉ thị 38-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII về công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em 369
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 13 ngày 29-7-1997, số 74-TB/TU, ngày 4-8-1997 378
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 82-QĐ/TU, ngày 4-8-1997, chuẩn y bổ sung các thành viên Ủy ban Kiểm tra Đảng bộ Quân sự tỉnh Lào Cai 382
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 83-QĐ/TU,

ngày 4-8-1997, chuẩn y Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Đảng bộ Quân sự tỉnh Lào Cai	383
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 77-TB/TU, ngày 6-8-1997, về nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Thường trực Hội Cựu chiến binh tỉnh Lào Cai khóa II (nhiệm kỳ 1997 - 2002)	384
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 85-QĐ/TU, ngày 8-8-1997, về việc chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sa Pa	386
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 87-QĐ/TU, ngày 9-8-1997, chuẩn y Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy Sa Pa	387
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 88-QĐ/TU, ngày 9-8-1997, chuẩn y Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Sa Pa	388
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 81-TB/TU, ngày 18-8-1997, về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 16-8-1997	389
- Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp giao ban ngày 16-8-1997, số 82-TB/TU, ngày 18-8-1997	391
- Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp giao ban ngày 23-8-1997, số 88-TB/TU, ngày 25-8-1997	393
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 89-TB/TU, ngày 27-8-1997, về kết luận của đồng chí Tráng A Pao, Bí thư Tỉnh ủy Lào Cai tại cuộc họp ngày 26-8-1997 về việc thực hiện quy hoạch khu vực biên giới ven sông Nậm Thi thuộc phường Lào Cai, thị xã Lào Cai	395
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 92-TB/TU, ngày 5-9-1997, về kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại Hội nghị tổng kết việc thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW	

của Bộ Chính trị “Về tăng cường công tác tôn giáo trong tình hình mới”	398
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, số 15-BC/TU, ngày 13-9-1997, kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) và chương trình thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII)	404
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, số 16-BC/TU, ngày 13-9-1997, kiểm điểm đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VIII) về chiến lược cán bộ	429
- Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 13-9-1997, số 97-TB/TU, ngày 20-9-1997	446
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 97-QĐ/TU, ngày 8-10-1997, chuẩn y Ban Thường vụ Huyện ủy Bắc Hà	449
- Công văn của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 87-CV/TU, ngày 13-10-1997	450
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 04-CT/TU, ngày 21-10-1997, về việc tổ chức Đại hội Mặt trận các cấp	452
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 101-QĐ/TU, ngày 29-10-1997, chuẩn y bổ sung Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Đảng bộ Công ty Apatít Việt Nam	454
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 06-CT/TU, ngày 12-11-1997, một số nhiệm vụ của công tác bảo vệ chính trị nội bộ đến năm 2000	455
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 05-CT/TU, ngày 18-11-1997, về việc tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện Văn Bàn	466
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội	

nghị lần thứ XVII ngày 18-11-1997, số 119-TB/TU, ngày 18-11-1997	468
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 126-TB/TU, ngày 26-11-1997, kết luận của đồng chí Nguyễn Nghĩa Vụ, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, tại cuộc họp với các đồng chí lãnh đạo các ban Đảng trực thuộc Tỉnh ủy về một số nhiệm vụ công tác cuối năm 1997	471
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 128-TB/TU, ngày 1-12-1997, về kết luận của Hội nghị giao ban Khối Nội chính	474
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 24-BC/TU, ngày 10-12-1997, về thực hiện Nghị quyết 09 của Bộ Chính trị (khóa VII)	476
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 23-BC/TU, ngày 15-12-1997, kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) về nhiệm vụ chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân và chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình	491
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 20-BC/TU, ngày 22-12-1997, công tác nội chính năm 1997	507
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 18 ngày 20-12-1997, số 134-TB/TU, ngày 22-12-1997	523
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 22-BC/TU, ngày 30-12-1997, tổng kết thực hiện Chỉ thị 08-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) về “Tăng cường sự lãnh đạo và quản lý nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác báo chí, xuất bản”	525
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 123-QĐ/TU, ngày 30-12-1997, về việc chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Thị ủy Lào Cai	538
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 25-BC/TU, ngày	

5-1-1998, kiểm điểm sự lãnh đạo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 1997, phương hướng và nhiệm vụ năm 1998	539
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 26-BC/TU, ngày 5-1-1998, tình hình công tác năm 1997, phương hướng nhiệm vụ công tác năm 1998	547
- Nghị quyết hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa II), số 06-NQ/TU, ngày 8-1-1998, về một số nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu trong năm 1998	573
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 139-TB/TU, ngày 9-1-1998, về thi đua khen thưởng tại Hội nghị lần thứ 19 ngày 3-1-1998	581
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 07-CT/TU, ngày 24-1-1998, về việc tổ chức kỷ niệm 40 năm ngày Bác Hồ lên thăm Lào Cai (23-9-1958 - 23-9-1998)	583
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 20 ngày 16-2-1998, số 117-TB/TU, ngày 16-2-1998	586
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 131-QĐ/TU, ngày 20-2-1998, về việc thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng Khối các ban Đảng, cơ quan trực thuộc Tỉnh ủy	589
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 05-TT/TU, ngày 27-2-1998, hướng dẫn Đại hội tổ chức cơ sở đảng	591
- Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 20 ngày 10-3-1998, số 122-TB/TU, ngày 11-3-1998	593
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 21 ngày 10-3-1998, số 123-TB/TU, ngày 11-3-1998	597
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 132-QĐ/TU, ngày 13-3-1998, về quản lý tổ chức và cán bộ	599
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 133-QĐ/TU ngày 17-3-1998, về việc thành lập Phòng Văn hóa - văn nghệ thuộc Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	615

- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 134-QĐ/TU, ngày 18-3-1998, về việc bổ sung ủy viên Ban cán sự Đảng 617
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 135-QĐ/TU, ngày 18-3-1998, bổ sung Ủy viên Đảng đoàn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Lào Cai 618
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 136-QĐ/TU, ngày 18-3-1998, về việc chỉ định bổ sung ủy viên Đảng đoàn 620
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 137-QĐ/TU, ngày 18-3-1998, về việc kiện toàn, bổ sung ủy viên Ban cán sự Đảng các ngân hàng tỉnh Lào Cai 621
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 138-QĐ/TU, ngày 18-3-1998, về việc kiện toàn, chỉ định bổ sung thành viên Đảng đoàn Hội Văn học - Nghệ thuật 623
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 139-QĐ/TU, ngày 18-3-1998, về việc bổ sung ủy viên Ban cán sự Đảng 625
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 142-QĐ/TU, ngày 18-3-1998, bổ sung Ủy viên Đảng đoàn Hội Nông dân tỉnh Lào Cai 626
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 28-BC/TU, ngày 19-3-1998, tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị 14-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng “Về củng cố tổ chức phát huy tác dụng tích cực của Hội Chữ thập đỏ Việt Nam” 628
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 08-CT/TU, ngày 27-3-1998, về việc quán triệt và triển khai thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng 641
- Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ chín (khóa II), số 08-NQ/TU, ngày 27-3-1998, xây dựng cơ sở chính trị xã, phường, thị trấn vững mạnh (1998 - 2000) 645
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 30-BC/TU, ngày

1-4-1998, bốn năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) về tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn (1994-1997)	658
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 148-QĐ/TU, ngày 14-4-1998, về việc thi đua khen thưởng năm 1997	676
- Thông báo ý kiến của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 11-4-1998, số 150-TB/TU, ngày 15-4-1998,	677
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 09-CT/TU, ngày 16-4-1998, về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với hoạt động của Hội Cựu chiến binh các cấp tỉnh Lào Cai trong tình hình mới	678
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 154-QĐ/TU, ngày 16-5-1998, chuẩn y chức vụ Bí thư Huyện ủy Huyện Bát Xát	681
- Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 23-5 -1998, số 161-TB/TU, ngày 25-5-1998	682
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 159-QĐ/TU, ngày 26-5-1998, về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, quan hệ công tác của Văn phòng Tỉnh ủy	684
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 160-QĐ/TU, ngày 11-6-1998, về việc chỉ định bổ sung Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bát Xát khóa XVIII (nhiệm kỳ 1996 -2000)	688
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 24 ngày 2-7-1998, số 170-TB/TU, ngày 3-7-1998	689
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 175-QĐ/TU, ngày 16-7-1998, về bộ máy thuộc cơ quan Tỉnh Đoàn Lào Cai	691
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 10-CT/TU, ngày 24-7-1998, về tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện Bát Xát, huyện Than Uyên	693

- Thông báo kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại phiên họp Ban Thường vụ lần thứ 25, số 177-TB/TU, ngày 31-7-1998 696
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 179-TB/TU, ngày 2-8-1998, về kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban Thường trực Tỉnh ủy, ngày 1-8-1998 699
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 186-QĐ/TU, ngày 11-8-1998, về việc bổ sung Ủy viên Ban Bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh Lào Cai 701
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 185-TB/TU, ngày 19-8-1998, về kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại phiên họp Ban Thường vụ Tỉnh ủy ngày 18-8-1998 702
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 39-BC/TU, ngày 27-8-1998, kiểm điểm một năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) về “Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh” 705
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 199-TB/TU, ngày 8-9-1998, về kết luận của đồng chí Tráng A Pao tại phiên họp Thường trực ngày 3-9-1998 716
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 194-TB/TU, ngày 11-9-1998, về kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 10-9-1998 718
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 198-TB/TU, ngày 11-9-1998, về kết luận của đồng chí Bí thư Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 10-9-1998 722
- Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 12-CT/TU, ngày 4-10-1998, thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII về: Xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam

tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc	724
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 11-CT/TU, ngày 28-10-1998, về việc tăng cường lãnh đạo công tác văn thư - lưu trữ trong các cơ quan Đảng	737
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 42-BC/TU, ngày 6-11-1998, về kết quả đợt kiểm tra toàn diện 3 huyện Bảo Thắng, Bảo Yên, Than Uyên theo chương trình kiểm tra năm 1998 của Tỉnh ủy Lào Cai	740
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 12-CT/TU, ngày 28-12-1998, về lãnh đạo nhiệm vụ quân sự quốc phòng năm 1999	769
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 228-TB/TU, ngày 28-12-1998, về nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy	774
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 49-BC/TU, ngày 30-12-1998, tổng kết công tác Tuyên giáo năm 1998, phương hướng nhiệm vụ năm 1999	778
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 43-BC/TU, ngày 4-1-1999, sơ kết một năm thực hiện Chỉ thị 29-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác kiểm tra của Đảng tại Đảng bộ tỉnh Lào Cai	797
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 47-BC/TU, ngày 12-1-1999, sơ kết đánh giá 1 năm thực hiện Chỉ thị 15-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường lãnh đạo thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội	810
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 46-BC/TU, ngày 18-1-1999, về tình hình công tác năm 1998, phương hướng nhiệm vụ công tác năm 1999	821
- Nghị quyết hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 13 (khóa II), số 13-NQ/TU, ngày 18-1-1999, về một số nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu trong năm 1999	853

- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 50-BC/TU, ngày 26-1-1999, về kiểm điểm ba năm (1996-1998) thực hiện Quyết định 100-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương (khóa VII) về thành lập Trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện, thị, quận 862
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 215-QĐ/TU, ngày 12-2-1999, ban hành quy định tạm thời về tiêu chuẩn, chức danh cán bộ lãnh đạo, quản lý (diện Tỉnh ủy quản lý) 875
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 216-QĐ/TU, ngày 12-2-1999, ban hành quy định tạm thời về quy trình đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cho nghỉ hưu đối với cán bộ (diện Tỉnh ủy quản lý) 892
- Quy định tạm thời quy trình đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, cho nghỉ hưu đối với cán bộ (diện Tỉnh ủy quản lý) 893
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 233-TB/TU, ngày 27-2-1999, về kết luận của đồng Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 27-2-1999 899
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 13-CT/TU, ngày 12-3-1999, về công tác lãnh đạo và tổ chức thực hiện đưa đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt ở nơi cư trú 901
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 57-BC/TU, ngày 26-3-1999, sơ kết bước 1 triển khai thực hiện Nghị quyết 08 của Tỉnh ủy 904
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 58-BC/TU, ngày 26-3-1999, về kết quả thực hiện Thông tri số 13-TT/TU của Tỉnh ủy về tổ chức đưa đảng viên cơ quan tham dự sinh hoạt tại đơn vị cơ sở nơi cư trú 915
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 54-BC/TU, ngày 2-4-1999, kiểm điểm 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung

ương 2 (khóa VIII)	924
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 56-BC/TU, ngày 7-4-1999, tổng kết 4 năm công tác kết nạp Đảng ở những xã vùng cao, vùng sâu, biên giới (1995-1998)	936
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 15-CT/TU, ngày 7-4-1999, về việc đẩy nhanh tốc độ hoàn thành cơ bản mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ	948
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 16-CT/TU, ngày 7-4-1999, về việc lãnh đạo tổ chức và hoạt động các ban Thanh tra nhân dân ở cơ sở	951
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 17-CT/TU, ngày 20-4-1999, về một số vấn đề công tác cán bộ nữ năm 1999-2001	954
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 223-QĐ/TU, ngày 6-5-1999, về việc thành lập Ban cán sự Đảng Thanh tra tỉnh	957
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 363-TB/TU, ngày 5-6-1999, về kết luận của đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban nội chính ngày 3-6-1999	958
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 365-TB/TU, ngày 10-6-1999, về kết luận của đồng chí Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban Thường trực ngày 5-6-1999	961
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 338-TB/TU, ngày 21-6-1999, về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 19-6-1999	963
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 356-TB/TU, ngày 21-7-1999, kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 19-7-1999	966
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 360-TB/TU,	

ngày 25-7-1999, về kết luận của đồng chí Bí Tỉnh ủy tại phiên họp Ban Thường vụ ngày 24-7-1999	968
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 361-TB/TU, ngày 2-8-1999, về kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 2-8-1999	970
- Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban nội chính ngày 5-8-1999, số 364-TB/TU, ngày 6-8-1999	973
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 18-CT/TU, ngày 9-8-1999, về tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ huyện Bảo Yên	976
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 370-TB/TU, ngày 18-8-1999, về kết luận của đồng Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 17-8-1999	978
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 372-TB/TU, ngày 19-8-1999, về việc chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 13-CT/TU của Tỉnh ủy Lào Cai	980
- Phiếu nhận xét áp dụng đối với đảng viên cơ quan về tham gia sinh hoạt nơi cư trú	984
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 29 ngày 27-8-1999, số 373-TB/TU, ngày 28- 8-1999	985
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 39 ngày 27-8-1999, số 374-TB/TU, ngày 31- 8-1999	987
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 40 ngày 7-9-1999, số 376-TB/TU, ngày 9-9-1999	991
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 400- TB/TU, ngày 20-9-1999	993
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại phiên họp	

ngày 2-9-1999, số 404-TB/TU, ngày 27-9-1999	994
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 68-BC/TU, ngày 25-10-1999, về tình hình tố cáo, khiếu kiện của một số người Mông ở 2 xã Sảng Ma Sáo và Trung Lèng Hồ, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai	996
- Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Số 414-TB/TU, ngày 29-10-1999	1001
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 415-TB/TU, ngày 2-11-1999, về kết luận tại cuộc họp giao ban ngày 1-11-1999	1003
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 44 ngày 15-11-1999, số 451-TB/TU, ngày 16-11-1999	1005
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 45, số 455-TB/TU, ngày 1-12-1999	1007
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 465-TB/TU, ngày 22-12-1999, về Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy	1010
- Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy, số 468-TB/TU, ngày 29-12-1999	1013
- Thông báo Nghị quyết của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 472-TB/TU, ngày 6-1-2000	1015
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 20-CT/TU, ngày 10-1-2000, về việc tổ chức kỷ niệm các ngày lễ lớn năm 2000	1016
- Thông báo Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 475-TB/TU, ngày 12-1-2000	1020
- Danh sách Ban chỉ đạo tổ chức các ngày lễ lớn năm 2000	1022
- Thông báo Nghị quyết Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 48, số 476-TB/TU, ngày 12-1-2000	1023

- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, số 75-BC/TU, ngày 25-1-2000, về tình hình công tác năm 1999, phương hướng nhiệm vụ công tác năm 2000 1025
- Nghị quyết của Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh lần thứ 20 (khóa II), số 14-NQ/TU, ngày 1-2-2000, về một số nhiệm vụ và mục tiêu chủ yếu trong năm 2000 1055
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 481-TB/TU, ngày 11-2-2000, qua kiểm tra 3 huyện: Bảo Thắng, Bảo Yên, Than Uyên và một số ngành chức năng của tỉnh trong việc khắc phục những tồn tại theo Báo cáo số 42 - BC/TU, ngày 6-11-1998 của Tỉnh ủy Lào Cai 1062
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 50, số 484-TB/TU, ngày 16-2-2001 1067
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại phiên họp giao ban ngày 21-2-2000, số 486-TB/TU, ngày 22-2-2000 1071
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại phiên làm việc ngày 22-2-2000, số 487-TB/TU, ngày 22-2-2000 1074
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 77-BC/TU, ngày 8-3-2000, tổng kết công tác nội chính năm 1999 1075
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 52, số 497-TB/TU, ngày 14-3-2000 1087
- Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp giao ban ngày 20-3-2000, số 507-TB/TU, ngày 24-3-2000 1094
- Thông báo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 509-TB/TU, ngày 28-3-2000, về kết luận tại cuộc họp giao ban ngày 27-3-2000 1096
- Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban thường trực ba bên ngày 27-3-2000, số 511-TB/TU, ngày 28-3-2000 1098
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội

nghị Ban Thường vụ ngày 30-3-2000, số 513-TB/TU, ngày 31-3-2000	1100
- Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại phiên họp ngày 7-4-2000, số 516-TB/TU, ngày 7-4-2000	1103
- Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại cuộc họp ngày 24-4-2000, số 521-TB/TU, ngày 24-4-2000	1105
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 54, số 522-TB/TU, ngày 27-4-2000	1107
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 21-CT/TU, ngày 8-5-2000, về việc diễn tập khu vực phòng thủ huyện Bảo Thắng	1109
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 80-BC/TU, ngày 9-5-2000, kết quả bước đầu thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) của Đảng bộ tỉnh Lào Cai	1111
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ, số 81-BC/TU, ngày 18-5-2000, về kết quả thực hiện mục tiêu phổ cập giáo dục tiểu học - chống mù chữ theo chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) của Tỉnh ủy Lào Cai	1124
- Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban ngày 1-6-2000, số 534-TB/TU, ngày 2-6-2000	1132
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 22-CT/TU, ngày 10-7-2000, về việc diễn tập khu vực phòng thủ thị xã Cam Đường	1134
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 424-QĐ/ĐU, ngày 10-7-2000, về việc thành lập Ban cán sự Đảng Bảo hiểm xã hội tỉnh Lào Cai	1136
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 57 ngày 10-7-2000, số 538-TB/TU, ngày 11- 7-2000	1138
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 87-BC/TU, ngày	

17-7-2000, kết quả thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TU, về phát triển kinh tế du lịch Lào Cai giai đoạn 1996-2000	1140
- Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ, số 85-BC/TU, ngày 19-7-2000, tình hình thực hiện Nghị quyết 02-NQ/TU, về phát triển kinh tế đối ngoại giai đoạn 1996-2000	1151
- Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban ngày 17-7-2000, số 541-TB/TU, ngày 19-7-2000	1162
- Thông báo kết luận Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh ủy lần thứ 58, số 546-TB/TU, ngày 25-7-2000	1164
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 425-QĐ/ĐU, ngày 25-7-2000, về việc thành lập Hội Cựu chiến binh thuộc Đảng ủy các cơ quan tỉnh	1167
- Quy định chức năng, nhiệm vụ của Hội Cựu chiến binh thuộc Đảng ủy các cơ quan tỉnh (Ban hành kèm theo Quyết định số 425-QĐ/TU, ngày 25-7-2000 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)	1169
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 93-BC/TU, ngày 30-8-2000, về tình hình Đại hội điểm các chi, đảng bộ cấp cơ sở	1171
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 23-CT/TU, ngày 5-9-2000, về việc luyện tập khu vực phòng thủ tỉnh Lào Cai	1176
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 59, số 561-TB/TU, ngày 8-9-2000	1178
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 498-QĐ/ĐU, ngày 11-9-2000, về việc thành lập Đảng bộ, chỉ định Ban Chấp hành lâm thời huyện Bắc Hà	1181
- Danh sách các Ủy viên Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện Bắc Hà	1183
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 499-QĐ/ĐU, ngày 11-9-2000, về việc thành lập Đảng bộ, chỉ định Ban	

Chấp hành lâm thời huyện Si Ma Cai	1186
- Danh sách các Ủy viên Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ huyện Si Ma Cai	1188
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 59, số 562-TB/TU, ngày 11-9-2000	1191
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 59, số 563-TB/TU, ngày 11-9-2000	1195
- Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban ngày 11-9-2000, số 565-TB/TU, ngày 11-9-2000	1196
- Thông tri của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 10-TT/TU, ngày 12-9-2000, về việc tổ chức Ngày Dân vận 15-10-2000	1198
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 60, số 569-TB/TU, ngày 19-9-2000	1201
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 63, số 590-TB/TU, ngày 25-10-2000	1203
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 63, số 595-TB/TU, ngày 26-11-2000	1205
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 64, số 596-TB/TU, ngày 6-11-2000	1207
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 64, số 597-TB/TU, ngày 6-11-2000	1209
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 64, số 604-TB/TU, ngày 10-11-2000	1211
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 64, số 606-TB/TU, ngày 13-11-2000	1213
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 64 và lần thứ 65, số 607-TB/TU, ngày 14-11-2000	1215
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 65, số 616-TB/TU, ngày 16-11-2000	1217

- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 65, số 617-TB/TU, ngày 16-11-2000 1219
- Thông báo kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy tại Hội nghị lần thứ 65, số 618-TB/TU, ngày 16-11-2000 1221
- Thông báo kết luận của Thường trực Tỉnh ủy tại Hội nghị giao ban ngày 20-11-2000, số 623-TB/TU, ngày 24-11-2000 1223
- Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, số 15-NQ/TU, ngày 28-11-2000, về việc xác định kỳ Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2001-2005 1225
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 547-QĐ/TU, ngày 7-12-2000, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên (khóa XIV, nhiệm kỳ 2000-2005) 1226
- Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Than Uyên khóa XIV nhiệm kỳ 2000-2005 1228
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 553-QĐ/TU, ngày 7-12-2000, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương (khóa XX, nhiệm kỳ 2000-2005) 1230
- Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Mường Khương khóa XX, nhiệm kỳ 2000-2005 1232
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 555-QĐ/TU, ngày 7-12-2000, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng (khóa XXIV, nhiệm kỳ 2000-2005) 1234
- Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bảo Thắng (khóa XXIV, nhiệm kỳ 2000-2005) 1236
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 563-QĐ/ĐU, ngày 7-12-2000, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai (khóa VII, nhiệm kỳ 2000-2005) 1238
- Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Lào Cai khóa VII, nhiệm kỳ 2000-2005 1240
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 565-QĐ/TU, ngày 7-12-2000, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Công

an tỉnh Lào Cai (khóa III, nhiệm kỳ 2000-2005)	1242
- Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ Công an tỉnh Lào Cai (khóa III, nhiệm kỳ 2000-2005)	1244
- Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 25-CT/TU, ngày 15-12-2000, về việc lãnh đạo nhiệm vụ quân sự - quốc phòng năm 2001	1245
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 604-QĐ/TU, ngày 18-12-2000, chuẩn y Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy các cơ quan tỉnh Lào Cai (khóa III, nhiệm kỳ 2000-2005)	1250
- Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ các cơ quan tỉnh Lào Cai (khóa III, nhiệm kỳ 2000-2005)	1252
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 605-QĐ/ĐU, ngày 18-12-2000, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Cam Đường (khóa XVII, nhiệm kỳ 2000-2005)	1254
- Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ thị xã Cam Đường (khóa XVII, nhiệm kỳ 2000-2005)	1256
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 607-QĐ/TU, ngày 18-12-2000, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Si Ma Cai (khóa XIV, nhiệm kỳ 2000-2005)	1258
- Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Si Ma Cai (khóa XIV, nhiệm kỳ 2000-2005)	1260
- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 609B-QĐ/TU, ngày 18-12-2000, chuẩn y Ban Thường vụ, Bí thư, Phó Bí thư Huyện ủy Bắc Hà (khóa XVII, nhiệm kỳ 2000-2005)	1262
- Danh sách Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Bắc Hà (khóa XVII, nhiệm kỳ 2000-2005)	1264
- Báo cáo của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 99-BC/TU, ngày 19-12-2000, tổng kết công tác kiểm tra nhiệm kỳ 1996-2000, phương hướng nhiệm vụ kiểm tra nhiệm kỳ 2000-2005	1266

- Quyết định của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, số 612-QĐ/TU, ngày 21-12-2000, chuẩn y Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty Apatít Việt Nam (khóa XVIII, nhiệm kỳ 2000-2005) 1288
- Danh sách chuẩn y Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ Công ty Apatít Việt Nam (khóa XVIII, nhiệm kỳ 2000-2005) 1290

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP - XUẤT BẢN
ThS. NGUYỄN MINH

Biên tập nội dung:	PHẠM THỊ HUỆ LÊ HỒNG SƠN
Trình bày bìa:	PHÙNG MINH TRANG
Chế bản vi tính:	SONG HIẾU
Sửa bản in:	LÊ HỒNG SƠN - LAN ANH
Đọc sách mẫu:	PHẠM THỊ HUỆ

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

6/86 Duy Tân - Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: 080.49221 Fax: 080.49222

Email: suthat@nxbctqg.vn Website: www.nxbctqg.vn

VĂN KIẾN ĐẢNG BỘ
TOÀN TẬP
16
(1996 - 2000)



8935211184183



9 786045 724842

Sách không bán